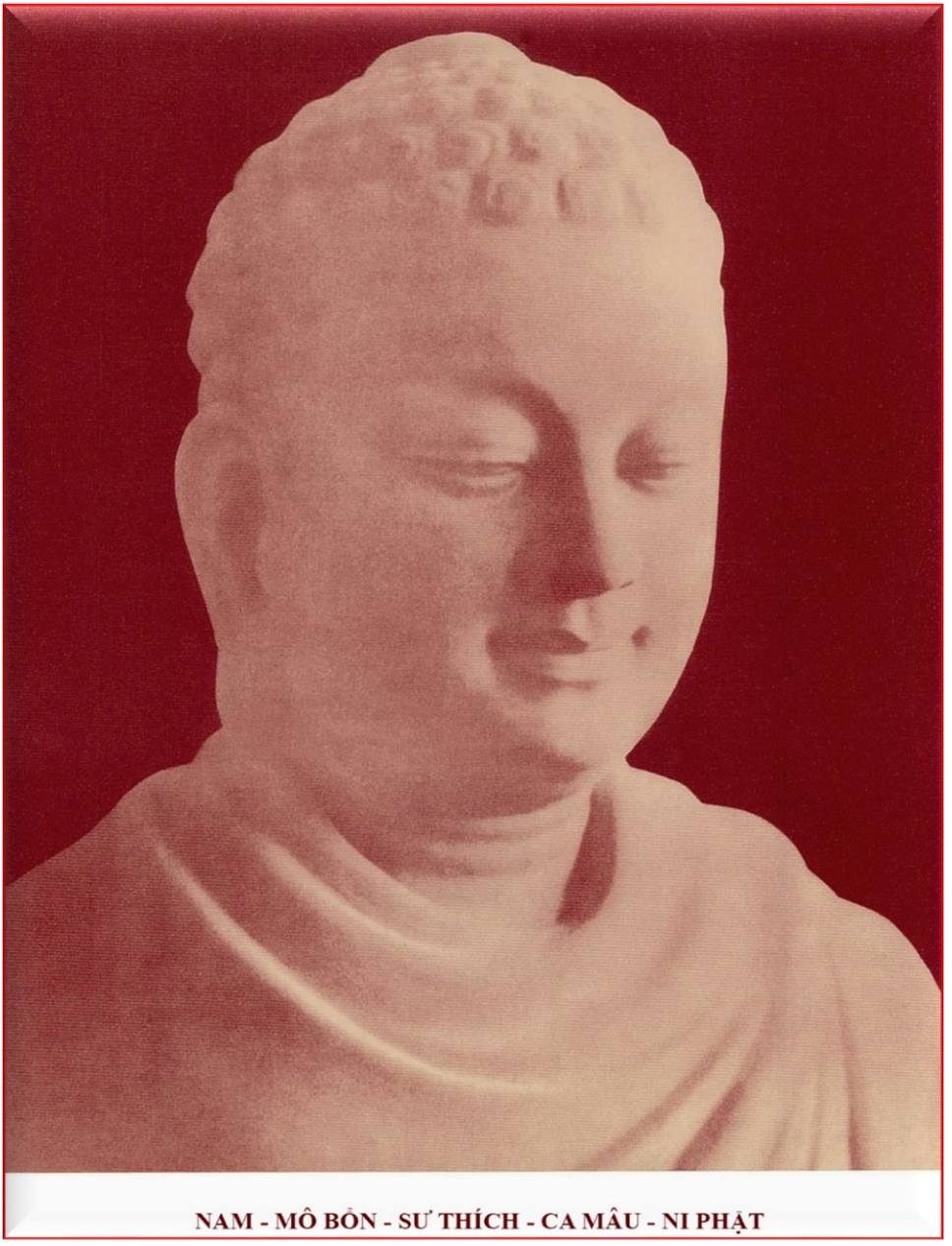

BỘ LUẬT 12 – T082

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 82

BỘ LUẬT

XII

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 82

BỘ LUẬT
XII

SỐ 1465 → 1504

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm. . .

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan. . .

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác. . .

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm. . .

II- Viết hoa chữ đầu:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi. . .

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế. . .

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả. . .

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá. . .

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất. . .

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề. . .

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa. . .

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán. . .

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà. . .

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần. . .

V- <u>Số:</u>

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1. 570. 600. 000). . .

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 . . .

VI- <u>Đặc biệt:</u>

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ. . .

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 12 - T082

SỐ 1465 ..... **3**
KINH XÁ-LỢI-PHẤT VẤN **3**
SỐ 1466 ..... **29**
KINH ƯU BA LY VẤN PHẬT **29**
* BỐN TỘI KHÍ (vứt bỏ = Ba-la-di): 33
* MƯỜI BA TĂNG TÀN 35
* BA MƯƠI XẢ ĐỌA 39
* CHÍN MƯƠI HAI BA DẬT ĐỀ 48
* BỐN PHÁP HỐI HẬN VỀ LỖI LẦM. (Hối quá): 79
* BẢY MƯƠI BỐN PHÁP CHÚNG HỌC 81
SỐ 1467 ..... **93**
KINH PHẠM GIỚI TỘI BÁO KHINH TRỌNG **93**
SỐ 1467 ..... **97**
KINH PHẠM GIỚI TỘI BÁO KHINH TRỌNG (DỊ BẢN) **97**
SỐ 1468 ..... **101**
KINH MỤC LIÊN SỞ VẤN **101**
SỐ 1469 ..... **105**
KINH CA DIẾP GIỚI CẤM **105**
SỐ 1470 ..... **112**
ĐẠI TỲ KHEO TAM THIÊN OAI NGHI **112**
QUYỂN THƯỢNG **112**
QUYỂN HẠ **149**
SỐ 1471 ..... **187**
MƯỜI GIỚI PHÁP VÀ OAI NGHI CỦA SA-DI **187**
SỐ 1472 ..... **231**
OAI NGHI CỦA SA-DI **231**
SỐ 1473 ..... **251**
KINH SA-DI THẬP GIỚI NGHI TẮC **251**
SỐ 1474 ..... **263**
GIỚI KINH SA DI NI **263**
SỐ 1475 ..... **273**
SA-DI-NI LY GIỚI VĂN **273**
SỐ 1476 ..... **281**
KINH ƯU BÀ TẮC NGŨ GIỚI TƯỚNG **281**
SỐ 1477 ..... **311**

KINH PHẬT THUYẾT GIỚI TIÊU TAI 311
SỐ 1478 321
KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỲ KHEO NI 321
QUYỂN THƯỢNG 321
QUYỂN HẠ 349
SỐ 1479 379
KINH BÍ SÔ NGŨ PHÁP 379
SỐ 1480 389
KINH BÍ SÔ CA THI CA THẬP PHÁP 389
SỐ 1481 394
KINH NGŨ KHỦNG BỐ THẾ 394
SỐ 1482 398
KINH PHẬT A-TỲ-ĐÀM XUẤT GIA TƯỚNG 398
QUYỂN THƯỢNG 398
QUYỂN HẠ 445
SỐ 1483 484
KINH MỤC LIÊN VẤN GIỚI LUẬT TRUNG NGŨ BÁCH KHINH TRỌNG SỰ 484
Phẩm 1: NĂM THIÊN SỰ 484
Phẩm 2: THƯA HỎI VỀ PHẬT 485
Phẩm 3: THƯA HỎI VỀ PHÁP 493
Phẩm 4: HỎI VỀ PHÁP KẾT CƯƠNG GIỚI 496
Phẩm 5: HỎI VỀ AN CƯ HẠ LẠP 500
Phẩm 6: HỎI VIỆC ĐỘ NGƯỜI 507
Phẩm 7: HỎI VIỆC THỌ GIỚI 510
Phẩm 8: HỎI VIỆC NHẬN VẬT CÚNG DƯỜNG 513
Phẩm 9: HỎI VIỆC BỆNH TẬT 519
Phẩm 10: HỎI VỀ TỲ KHEO QUA ĐỜI 520
Phẩm 11: HỎI VỀ BA Y 524
Phẩm 12: HỎI VỀ BÁT 525
Phẩm 13: HỎI VỀ CÁC VIỆC KHÁC 527
Phẩm 14: HỎI VỀ TAM TỰ QUY 546
Phẩm 15: HỎI VỀ NĂM GIỚI 548
Phẩm 16: HỎI VỀ MƯỜI GIỚI 550
Phẩm 17: HỎI VỀ SA DI 550
Phẩm 18: TUỔI HẠ AN CƯ VÀ SÁM HỐI 553
QUYỂN THƯỢNG 560
Phẩm 1: NĂM THIÊN 560

Phẩm 2: THƯA HỎI VỀ PHẬT 561
Phẩm 3: THƯA HỎI VỀ PHÁP 569
Phẩm 4: THƯA HỎI VỀ KIẾT CƯƠNG GIỚI 571
Phẩm 5: HỎI VỀ TUỔI HẠ AN CƯ 576
Phẩm 6: HỎI VỀ VIỆC ĐỘ NGƯỜI 583
Phẩm 7: HỎI VỀ VIỆC THỌ GIỚI 585
Phẩm 8: HỎI VIỆC NHẬN VẬT CÚNG DƯỜNG 589
Phẩm 9: HỎI VIỆC BỆNH TẬT 594
Phẩm 10: HỎI VỀ VIỆC TỲ KHEO QUA ĐỜI 595
QUYỂN HẠ 600
Phẩm 11: HỎI VỀ BA Y 600
Phẩm 12: CÁC VIỆC VỀ BÌNH BÁT 601
Phẩm 13: HỎI VỀ CÁC VIỆC KHÁC 603
Phẩm 14: HỎI VỀ TAM TỰ QUY 622
Phẩm 15: HỎI VỀ NĂM GIỚI 624
Phẩm 16: HỎI VỀ MƯỜI GIỚI 626
Phẩm 17: HỎI VỀ SA DI 626
SỐ 1484 636
KINH PHẠM VÕNG 636
QUYỂN THƯỢNG 636
Phẩm 10: GIỚI TÂM ĐỊA CỦA BỒ TÁT 636
QUYỂN HẠ 669
Phẩm 10: GIỚI TÂM ĐỊA BỒ TÁT 669
SỐ 1485 708
KINH BỒ-TÁT ANH LẠC BỔN NGHIỆP 708
QUYỂN THƯỢNG 708
Phẩm 1: ĐẠI CHÚNG VÂN TẬP 708
Phẩm 2: TÊN GỌI CỦA CÁC BẬC HIỀN THÁNH 713
Phẩm 3: HỌC QUÁN CỦA HIỀN THÁNH 723
QUYỂN HẠ 755
Phẩm 4: GIẢI THÍCH Ý NGHĨA 755
Phẩm 5: PHẬT MẪU 763
Phẩm 6: NHÂN QUẢ 769
Phẩm 7: ĐẠI CHÚNG THỌ HỌC 775
Phẩm 8: PHÁP HỘI NHẬP TẬP TÁN 789
SỐ 1486 795
KINH THẬP THIỆN GIỚI 795
Phẩm 1: MƯỜI NGHIỆP ÁC 795

Phẩm 2: THẬP THÍ BÁO 802
SỐ 1487 830
KINH BỒ TÁT NỘI GIỚI 830
SỐ 1488 866
KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI 866
QUYỂN 1 866
Phẩm 1: TẬP HỘI 866
Phẩm 2: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ 874
Phẩm 3: TÂM BI 876
Phẩm 4: GIẢI THOÁT 882
Phẩm 5: BA THỨ BỒ ĐỀ 890
Phẩm 6: TU HẠNH NGHIỆP BA MƯƠI HAI TƯỚNG 895
QUYỂN 2 903
Phẩm 7: PHÁT NGUYỆN 903
Phẩm 8: BỒ TÁT GIẢ DANH VÀ BỒ TÁT THẬT NGHĨA 908
Phẩm 9: TÂM KIÊN CỐ CỦA BỒ TÁT THẬT NGHĨA 911
Phẩm 10: LỢI MÌNH VÀ LỢI NGƯỜI 917
Phẩm 11: TRANG NGHIÊM CHO MÌNH VÀ NGƯỜI 928
Phẩm 12: PHƯỚC TRÍ TRANG NGHIÊM 934
QUYỂN 3 940
Phẩm 13: THÂU GIỮ 940
Phẩm 14: THỌ GIỚI 946
Phẩm 15: TỊNH GIỚI 965
Phẩm 16: TRỪ CÁC ĐIỀU ÁC 968
Phẩm 17: CÚNG DƯỜNG TAM BẢO 972
QUYỂN 4 978
Phẩm 18: SÁU BA LA MẬT 978
Phẩm 19: BỐ THÍ 987
QUYỂN 5 1012
Phẩm 19: BỐ THÍ (Phần tiếp theo) 1012
Phẩm 20: TAM QUY THANH TỊNH 1031
Phẩm 21: BÁT QUAN TRAI GIỚI 1041
QUYỂN 6 1046
Phẩm 22: NĂM GIỚI 1046
Phẩm 23: GIỚI BA LA MẬT 1055
Phẩm 24: NGHIỆP QUẢ (phần 1) Thiện Sanh bạch Phật: 1063
QUYỂN 7 1081
Phẩm 24: NGHIỆP QUẢ (Phần 2) 1081

Phẩm 25: NHẪN NHỤC BA LA MẬT 1099
Phẩm 26: TINH TẤN BA LA MẬT 1104
Phẩm 27: THIỀN ĐỊNH BA LA MẬT 1107
Phẩm 28: BÁT NHÃ BA LA MẬT 1112
SỐ 1489 1117
KINH THANH TỊNH TỲ NI PHƯƠNG QUẢNG 1117
SỐ 1490 1157
KINH TỊCH ĐIỀU ÂM SỞ VẤN 1157
SỐ 1491 1197
KINH BỒ TÁT TẠNG 1197
SỐ 1492 1215
KINH XÁ LỢI PHẤT HỐI QUÁ 1215
SỐ 1493 1225
KINH ĐẠI THỪA TAM TỤ SÁM HỐI 1225
SỐ 1494 1249
KINH TỊNH NGHIỆP CHƯỚNG 1249
SỐ 1495 1281
KINH THIỆN CUNG KÍNH 1281
SỐ 1496 1293
KINH PHẬT THUYẾT CHÁNH CUNG KÍNH 1293
SỐ 1497 1303
KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA GIỚI 1303
SỐ 1498 1306
KINH BÁT CHỦNG TRƯỞNG DƯỠNG CÔNG ĐỨC 1306
SỐ 1499 1309
VĂN YẾT-MA GIỚI BỒ TÁT 1309
I. YẾT MA THỌ GIỚI 1309
II. YẾT MA SÁM HỐI 1316
III. BỎ ĐƯỢC SAI BIỆT 1318
SỐ 1500 1319
KINH GIỚI BỔN BỒ TÁT 1319
SỐ 1501 1339
BỒ-TÁT GIỚI BỔN (2) 1339
SỐ 1502 1373
KINH BỒ-TÁT THỌ TRAI 1373
SỐ 1503 1379
KINH ƯU BÀ TẮC NGŨ GIỚI OAI NGHI 1379
SỐ 1504 1409

KINH BỒ-TÁT NGŨ PHÁP SÁM HỐI 1409

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

KINH XÁ LỢI PHẤT VẤN

SỐ 1465

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1465
KINH XÁ-LỢI-PHẤT VẤN

Hán dịch: Mất tên người dịch
(xếp vào mục lục đời Đông Tấn).

Tôi nghe như vầy:

Một lúc nọ, đức Phật cùng với chúng Tăng gồm 1250 vị ở dưới tàng cây Âm Nhạc tại thành La-duyệt-kỳ, các vị ấy đều đã giải thoát hoàn toàn các kiết sử, danh tiếng vang khắp mười phương, tám bộ quỷ thần đều muốn nghe pháp.

Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy bạch đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Phật là Đấng Pháp Vương, thuyết pháp tùy theo sở thích của chúng sanh, làm cho trời người cung kính phụng trì, hoặc có người nghe rồi truyền đạt lại cho người khác nghe, có người thực hành, có người không thực hành; vậy thế nào gọi là người thực hành pháp. Thế nào gọi là người không thực hành pháp?

Đức Phật nói:

- Lành thay! Ông có thể vì chúng sanh mà hỏi như vậy. Hãy chú ý lắng nghe, Ta sẽ giảng nói cho ông.

Phàm người thực hành pháp, có người được nghe mà hành trì, có người được nghe nói lại mà hành trì, đều được gọi là Tăng. Như Tỳ-kheo Bảo Sự nghe Như Lai dạy các hành vô thường liền quán sát sự sanh diệt, đoạn trừ các hữu lậu, đúng là đệ tử của Ta. Đó là người thực hành pháp.

Người nghe người khác nói lại, như Tỳ-kheo Quán Thân nghe ông nói hoặc Ca-lưu-đà-di nói uống rượu là mở cửa buông lung, gây trở ngại lớn cho việc hành đạo, liền nhập vào Tam muội Vô tránh, được kiến đạo, dứt sạch tập khí phiền não.

Người thực hành pháp của Ta thì không thực hành phi pháp. Người thực hành phi pháp gọi là không thực hành. Đó là người phi pháp, chẳng phải đệ tử của Ta. Người ấy bị lạc vào rừng rậm tà kiến.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Giới Luật mà Ngài dạy cho các Tỳ-kheo, hoặc mở, hoặc ngăn, như khi trưởng giả Hốt Khởi sắm sửa phẩm vật dâng cúng, Ngài ngăn các Tỳ-kheo không cho ăn sáng, khi được người làng thỉnh, lại cho ăn cơm cá thịt, khi người làng Tần Phú thỉnh lại không cho ăn cơm, chỉ cho ăn cháo loãng, khi được vua Tần-bà-sa-la thỉnh lại cho phép ăn cơm no nê, khi được Xiển-đà-sư-lợi thỉnh lại cho phép được ăn nhiều lần ở nhiều nhà và đều không được ăn no. Sau này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phải làm sao để

thực hành những lời ấy?

Đức Phật nói:

- Như lời Ta dạy là tùy thời. Vào lúc này thì nên thực hành lời này, vào lúc kia thì nên thực hành lời kia. Do muốn được lợi ích nên đều phải phụng hành. Khi Ta đã nhập Niết-bàn, Đại Ca Diếp. . . phải cùng nhau phân biệt, làm chỗ y chỉ cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni giống như Ta. Ca Diếp sẽ truyền trao cho A Nan, A-nan sẽ truyền trao cho Mạt-điền-địa, Mạt-điền-địa lại truyền cho Xá-na-bà-tư, Xá-na-bà-tư lại truyền cho Ưu-ba-cấp-đa.

Sau đó, có vua Khổng-tước-thâu-kha truyền bá Kinh Luật rộng khắp. Cháu của vị ấy tên Phất-sa-mật-đa-la lên nối ngôi, hỏi các bề tôi:

- Làm sao để tên tuổi và sự nghiệp của Ta không bị mai một? Có bề tôi tâu:

- Chỉ có hai việc: Một là làm như Tiên vương tạo tám vạn bốn ngàn ngôi tháp, đem hết của cải của đất nước cúng dường Tam Bảo. Hai là nếu không làm như trên thì làm ngược lại, phá huỷ tháp, tiêu diệt Phật pháp, tàn hại bốn chúng, như vậy thì tuy mang tai tiếng cực ác nhưng không bị người đời lãng quên.

Vua nói:

- Ta không có oai đức để sánh với Tiên vương, Ta phải làm theo cách thứ hai để lưu danh muôn thuở.

Vua liền điều khiển bốn bộ binh tấn công chùa Kê-tước. Hai con sư tử chùa ấy gầm rống rung động mặt đất khiến vua hết sức kinh sợ, bỏ chạy vào thành. Trông thấy cảnh ấy, dân chúng than khóc đầy đường. Vua càng thêm tức giận, tự mình không dám bước vào mà xua binh khiển tướng thình lình xông vào giết hại, ra lệnh tập họp bảy chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na, Ưu-bà-tắc, Ưu- bà-di lại một chỗ và hỏi:

- Phá bỏ tháp có tốt không? Phá bỏ phòng ốc có tốt không? Mọi người đều nói:

- Xin đừng phá bỏ vật gì cả, nếu không được vậy thì xin chỉ phá bỏ phòng ốc.

Vua càng thêm giận dữ nói:

- Vì sao không được?

Nhân đó vua liền giết hại tất cả không kể già trẻ, làm máu chảy thành sông. Vua hủy hoại cả thảy hơn tám trăm chùa tháp.

Các Ưu-bà-tắc rầu rĩ kêu gào than khóc. Vua liền bắt nhốt họ và ra sức đánh đập, trừng phạt. Năm trăm La Hán lên Nam Sơn lánh nạn. Hang núi nơi ấy sâu rộng, hiểm trở nên quân đội không thể đến. Vua sợ không thể trừ sạch nên thông báo với các nước:

- Nếu nhận được một thủ cấp của các vị ấy thì sẽ thưởng ba ngàn tiền vàng.

Vị A-la-hán Quân-đồ-bát-thán là người được Phật phó chúc hoá thành vô số người cầm vô số đầu của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, đi nhận vàng ở khắp nơi làm cho hết thảy các kho tàng của Vua đều trống rỗng.

Vua càng thêm giận dữ. Quân-đồ-bát-thán hiện thân nhập vào định Diệt-tận. Vua đích thân làm hại vị ấy nhưng nhờ định lực hộ trì nên vị ấy không hề bị thương tổn.

Kế đó, Vua lại cho thiêu đốt đài chứa Kinh. Lửa mới bắt đầu cháy thì gió lớn đã thổi lửa lan đến Kinh. Bồ tát Di lặc liền dùng diệu lực thần thông mang Kinh Luật lên cung trời Đâu suất.

Kế đến, vua cho phá tháp thờ răng. Thần tháp nói với thần Trùng- Hành: "Trước đây ông xin con gái của ta, ta khinh thường nên không cho. Nay nếu thề nguyện hộ pháp, điều phục tâm vua thì ta sẽ gả con gái cho".

Thần Trùng Hành vui mừng liền dùng tay nâng hòn núi lớn đè vua và bốn bộ binh chết cùng một lúc. Con cháu của vua cũng đều chết hết.

Về sau có vị vua tâm tánh rất lương thiện lên ngôi. Bồ tát Di lặc hóa làm ba trăm thiếu niên hạ xuống nhân gian để cầu Phật đạo, theo năm trăm La hán học hỏi giáo pháp. Các nam nữ trong nước lại cùng nhau xuất gia, số lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni ngày càng thêm đông. Các vị La-hán bay lên trời

tiếp nhận Kinh Luật mang về lại nhân gian.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo tên Tổng văn nhờ các vị La-hán và Quốc vương phân chia Kinh Luật thành nhiều phần, lập ra thư quán để ai thích học hỏi thì nghiên cứu.

Khi đó, có một vị Tỳ-kheo cao tuổi rất thích danh tiếng nên đưa ra tranh luận, sao chép, sửa đổi Luật của Ta làm cho rộng thêm. Luật mà Ca diếp kiết tập gọi là Luật đại chúng, còn Luật mà Tỳ-kheo nọ đưa ra thì lừa dối người mới học, lập thành phe nhóm khác, nói chuyện phải trái.

Lúc này, có một vị Tỳ-kheo xin vua phán quyết. Vua tập hợp hai nhóm lại cho phát thẻ trắng, đen và thông báo: "Nếu ai thích Luật cũ thì hãy bốc thẻ đen. Ai thích Luật mới thì hãy bốc thẻ trắng".

Lúc ấy, người bốc thẻ đen lên đến hàng vạn, người bốc thẻ trắng chỉ có vài trăm. Vua cho cả hai loại đều do Đức Phật nói và những người có sự ưa thích không giống nhau thì không được ở chung chỗ. Những người theo Luật cũ nhiều nên Luật ấy được gọi là Ma-ha-tăng-kỳ. Số người học Luật mới ít và là những vị thượng toạ nên có tên là Thượng tọa, là Tha-tỳ-la, bộ Tha-tỳ-la.

Trong ba trăm năm, do tranh cãi nên pháp của Ta lại phát sanh ra bộ Tát-bà-đa và bộ Độc tử. Từ bộ Độc tử lại sanh ra các bộ như Đàm- ma-úy-đa-biệt-ca, bộ Bạt-đà-la-da-ni, bộ Sa-ma-đế, bộ Sa-

na-lợi-ca.

Từ bộ Tát-bà-đa lại sanh ra bộ Di-sa-tắc, bộ Mục-kiền-la-ưu-bà- đề-xá, bộ Đàm-vô-khuất-đa-ca, bộ Tô-bà-lợi-sư.

Bộ Tha-tỳ-la lại sanh ra bộ Ca-diếp-duy và bộ Tu-đa-lan-bà-đề-na.

Trong bốn trăm năm, lại sanh ra bộ Tăng-già-lan-đề-ca, bộ Ma-ha-tăng-kỳ.

Trong khoảng hai trăm năm sau khi Ta diệt độ, do sự tranh luận lại phát sanh bộ Tỳ-bà-ha-la, bộ Lô-ca-úy-đa-la, bộ Câu-câu-la, bộ Bà- thâu-lâu-đa-ha, bộ Bát-lạp-nhã-đế-bà-da-na.

Trong khoảng ba trăm năm, do sự học khác nhau, từ năm bộ này lại sanh ra bộ Ma-ha-đề-bà, bộ Chất-đa-la, bộ Mạt-đa-lợi.

Phần lớn các bộ như vậy lưu truyền mãi về sau, có bộ đúng, có bộ sai.

Chỉ có năm bộ đưa ra sở trường và tạo nên màu sắc y phục khác nhau.

Bộ Ma-ha-tăng-kỳ siêng học các Kinh, giảng giải ý nghĩa chân chánh và vẫn ở chỗ cũ của mình, do vậy nên mặc y vàng.

Bộ Đàm-vô-khuất-đa-ca thông đạt nghĩa lý, giảng đạo làm lợi ích mọi người, để tỏ rõ sự thù thắng nên mặc y đỏ.

Bộ Tát-bà-đa thông đạt giáo pháp dùng đạo để giáo hóa nên mặc y màu đen.

Bộ Ca-diếp-duy siêng năng, dũng mãnh, thu phục chúng sanh nên mặc y màu mộc lan.

Bộ Di-sa-tắc tọa thiền, tư duy nhập vào Định vi diệu, an lạc nên mặc y màu xanh.

Tỳ-kheo La-tuần-dụ khất thực không được thức ăn. Sau đó, vị ấy lần lượt mặc năm loại y trên liền được rất nhiều thức ăn. Vì sao? Do đời trước vị ấy có tánh keo kiệt, thấy Sa môn liền vội vàng đóng cửa và nói: "Chủ nhà đi vắng". Khi thấy người khác bố thí, cúng dường thì vui mừng phát nguyện làm Sa-môn. Vì thế đời này, tuy được xuất gia nhưng phải chịu cùng cực như vậy. Tuy xuất gia trong pháp của Ta nhưng mặc toàn vải rách và y nhặt ở bãi tha ma. Vì Tỳ-kheo La-tuần-dụ nên Ta cho mặc các loại y.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

- Vì sao chỉ trong thời gian ngắn mà Chánh pháp của Như lai lại bị phân tán như vậy , đã mất vị gốc thì làm sao phụng trì?

Đức Phật nói :

- Ma-ha-tăng-kỳ có vị hoàn toàn chơn chánh. Các bộ khác như cam lồ có lẫn nước. Chư thiên uống chất đó chỉ uống cam lồ và loại bỏ nước đi. Người thế gian uống chất đó thì uống cả nước lẫn cam lồ nên có lúc hết bệnh, có khi lại thêm bệnh. Người đọc tụng cũng giống như vậy. Người có nhiều trí tuệ thì có thể lấy, có thể bỏ; người ngu si

thì không thể phân biệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

- Như lai đã dạy: Nếu ở xứ lạnh thì cho phép các Tỳ-kheo mặc y phục của thế tục và trùm đầu. Tỳ-kheo Ca-na đi trong làng Đại-lâm, gặp lúc trời rất lạnh, chim thú chết hết, người trong làng đưa vị ấy áo thế tục, Thế tôn bắt vị ấy sám hối, đó là vì sao?

Đức Phật nói:

- Được mặc ở bên trong nhưng phải nhuộm hoại sắc. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

- Vì sao Thế tôn thường nói: "Các Tỳ-kheo không được đặt bát trên mặt đất mà phải đặt trên vật sạch; nếu không có vật sạch thì phải đặt trên lá cỏ, lá cây". Tỳ-kheo Quân-thâu-kha cùng quyến thuộc của vị ấy nhận lời thỉnh của Vua Nhựt-nan, để bát trên tấm ván sạch, vì sao Thế tôn lại rầy vị ấy: "Đó là việc làm của ma ác, chẳng phải là người hành pháp"?

Thế tôn đáp:

- Ta nói dùng vật sạch không dơ bẩn để đặt bát. Nếu không có vật sạch thì dùng lá cây cỏ, dùng một lần rồi bỏ, không được dùng vỏ cây và gỗ vì bên trong các thứ ấy có chứa chất nhựa, hoặc keo hoặc sơn nên chúng dính bụi. Nếu chúng đã khô ráo thì do vốn sẵn có nên khi trời nóng ẩm chúng liền rịn ra.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Thế tôn đã cho phép các Tỳ-kheo nhận thức ăn mà thí chủ cúng tại nhà hoặc đem đến tinh xá. Vậy vì sao Tỳ-kheo Lan- nhã-đề nhận lời thỉnh của trưởng giả Vô-uý lại bị Như lai rầy là người gỗ, người đất không đáng ăn thức ăn của người?

Đức Phật nói:

- Do phạm oai nghi, khi nhận thức ăn, chỉ dùng mắt ngó mà không dùng tay nhận. Phạm chí ngoại đạo còn biết thọ nhận huống là đệ tử của Ta mà sao không nhận thức ăn. Chẳng phải chỉ có thức ăn, đối với tất cả các vật khác đều phải thọ nhận trừ vật báu và người nữ.

Lúc tác pháp cần phải dùng y trên thân trao nhận. Nếu là đồ vật bằng vàng thì phải đem cho người khác.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Thế tôn đã nói pháp ngăn, không cho uống rượu, dù chỉ uống chút ít như hạt rau đay cũng là phá Giới, mở cửa buông lung. Vì sao trong tinh xá ở vườn Trúc-ca-lan-đà có một Tỳ-kheo bị bệnh, trải qua một năm, bệnh trở nên nguy khốn làm vị ấy gần chết?

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

- Thầy cần thuốc gì tôi sẽ kiếm cho. Dù cho thuốc ấy ở trên trời hay dưới đất hoặc ở khắp mười

phương, nếu thầy cần dùng tôi đều có thể kiếm được.

Đáp: Do thuốc tôi cần dùng trái với Tỳ ni nên tôi không tìm, thà mất mạng chứ quyết không phạm Luật.

Ưu-ba-ly nói: Đó là thuốc gì vậy?

Đáp: Thầy thuốc bảo cần năm thăng rượu. Ưu-ba-ly nói:

- Nếu bệnh thì Như lai cho phép.

Sau khi xin được rượu và uống xong thì bệnh tật tiêu trừ. Vị ấy liền hổ thẹn nghĩ mình phạm Luật nên đến chỗ đức Phật thành tâm sám hối.

Đức Phật liền thuyết pháp cho vị ấy nghe. Nghe pháp xong, vị ấy hoan hỉ, đắc đạo A-la-hán.

Đức Phật nói:

- Rượu có nhiều lỗi lầm, mở cửa phóng dật. Dù chỉ uống chút ít như hạt rau đay cũng đã phạm tội, nếu để chữa bệnh thì không ngăn cấm.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Như Lai thường nói: "Không được giết hại chúng sanh dù là vật nhỏ như con kiến". Vậy mà ngày tám tháng chạp, ở bờ sông Trường Thuỷ thuộc nước Xá-vệ, khi đấu phép thuật với ngoại đạo Thâu-lệ, Như Lai dùng sức thần thông chiến thắng ông ta. Ông ấy hổ thẹn gieo mình xuống sông tự vẫn. Chính mắt Như Lai thấy ông ta bị chìm nhưng không cứu giúp, như thế không phải là sát

sanh sao? Đã vậy, Thế Tôn lại còn nói với mọi người: "Thâu-lệ mang pháp ác này làm mê hoặc chúng sanh. Nghiệp lành đời trước đã chín, ông ấy huỷ bỏ thân xấu ác này để được sanh làm thân người hiền lành không vui sao. Vào ngày hôm nay, các đệ tử của Ta phải tắm rửa sạch sẽ để tẩy sạch sự dơ bẩn trên thân, trừ bỏ thân kiến. Nếu thân sạch sẽ thì tâm cũng thanh tịnh", cũng như người có kiết sử thì không có từ bi.

Đức Phật nói:

- Này Đại Trí, ông có thể vì những người chưa thông đạt mà hỏi điều quan trọng này. Trong vô số đời, ngoại đạo Thâu-lệ đã chứa nhóm tà kiến, thề làm chướng ngại Chánh pháp.

Ngày xưa, vào thời Đức Phật Đăng Minh, Ta thực hành hạnh Bồ tát, khi đi qua một làng nọ có nhiều người bệnh hủi, người chết nằm la liệt, Ta hái các loại thuốc tùy nghi cứu giúp làm cho họ đều được khỏi bệnh.

Trong số đó có một người tên Bất-đới là người Phạm chí tự phụ cho mình có nhiều tài năng, không chịu dùng thuốc ấy. Đến khi sắp chết, ông ấy lại cầu cứu Ta. Ta bảo: "Trước đây có thể chữa trị thì đưa thuốc không chịu nhận, nay sắp chết thì lại đến xin, bệnh tình của ông hiện nay chẳng thuốc nào có thể chữa trị được".

Bất-đới nói:

- Hôm nay ta không thể hơn thua với ông được. Nguyện trong đời vị lai ta sẽ cùng ông quyết đấu. Nếu thua, ta sẽ tự sát để sanh làm đệ tử ông. Nếu ông thua ta thì ông phải làm người hầu của ta.

Lúc ấy, Ta nói: Lành thay! Lành thay.

Vì thế đời này, ông ấy gặp Ta ở nơi này, khi sắp chết, nghiệp lành chín mùi hợp với lời thề xưa, ông ấy nói năng không có chứng cứ, hổ thẹn với quyến thuộc nên gieo mình xuống sông tự tử. Thân tuy chết nhưng do tâm đã phát nguyện lành, ông ấy sẽ sanh trong pháp của Ta. Do có sự thăng tiến như vậy nên Ta không cứu.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Trong lúc nói Giới thì Phật bảo các đệ tử sửa áo bày vai phải. Khi nói Kinh Thành-dụ cho những người ở thôn Ca-diếp, Phật lại bảo các đệ tử hãy sửa áo cà sa cho ngay ngắn, che hết hai vai đừng để lộ cơ bắp làm cho trên dưới tề chỉnh hiện tướng ruộng phước, bước đi thong thả, đừng để lộ hông ngực. Vậy làm sao chúng con hành trì hai lời này được?

Đức Phật nói:

- Khi làm việc tu tập, cúng dường, cần phải bày vai phải để dễ làm việc. Khi làm ruộng phước, cần che kín hai vai để hiện tướng ruộng phước.

Thế nào là làm việc tu tập, cúng dường? Như lúc gặp Phật, lúc thăm hỏi thầy và Chúng Tăng,

hoặc lau giường, hoặc quét đất, hoặc xếp y áo, hoặc sắp đặt giường chiếu, hoặc trồng hoa trên đất bùn, hoặc cưa bớt chân giường cao, hoặc rưới nước, hoặc làm các công việc cúng dường khác. . .

Thế nào là lúc làm ruộng phước. Đó là lúc được Quốc vương thỉnh thọ thực, vào làng khất thực, toạ thiền, tụng Kinh, kinh hành, ngồi bên gốc cây để cho mọi người được chiêm ngưỡng sự trang nghiêm.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Tám bộ quỷ thần vì sao sanh trong đường ác mà thường được nghe Chánh Pháp?

Đức Phật bảo:

- Do hai loại nghiệp. Một là do nghiệp ác nên sanh vào đường ác.

Hai là do nghiệp lành nên được nhiều an lạc.

Lại hỏi:

- Hai đường thiện ác khác nhau mà có thể hoà chung được sao? Đức Phật nói:

- Cũng có thể được. Vì thế tám bộ quỷ thần đều là phi nhơn. Lí do họ làm thiên thần là vì đời trước đem xe, kiệu, nhà cửa, thức ăn uống cúng dường Tam Bảo, cha mẹ và những người hiền đức nhưng vẫn còn keo kiệt, nhỏ mọn, dua nịnh, ganh ghét nên được thân thiên thần như thiên thần Phổ-quang-tịnh-thắng. . .

Long thần ở hư không thì do tu đức, thực hành bố thí Ba-la-mật một cách rộng rãi, mà không dựa vào Chánh niệm, tánh dễ nổi sân nên thọ thân phi nhơn như Long vương Ma-ny-quang…

Thần Dạ xoa do thích bố thí rộng rãi, hoặc trước gây tổn hại sau đó lại làm lợi ích, tùy theo công đức nhiều ít mà ở trên trời, trên hư không hay ở dưới đất.

Càn-thát-bà thì do đời trước ít sân hận, thích bố thí dùng hoa sen xanh trang điểm, tấu các loại âm nhạc nên nay làm thần, thường tấu các loại âm nhạc cho chư thiên nghe.

Thần A-tu-la do trước đây có ý chí mạnh mẽ, không tùy hỷ với các loại phước thanh tịnh mà người bạn lành đã làm, thích theo những người tà kiến làm các loại phước không chơn chánh, thân cận với thầy tà, rất thích bố thí, lại thích xem người khác tranh cãi nên thọ thân hiện nay.

Thần Ca-lâu-la do trước kia tu hạnh buông xả, thường có tâm kiêu ngạo, do coi thường đồ vật nên mang thân hiện nay.

Thần Khẩn-na-la xưa kia thích khuyên người phát tâm Bồ đề, nhưng ý chí chưa chơn chánh, theo các hạnh tà nên mang thân hiện nay.

Thần Ma-hầu-la-già do bố thí, ủng hộ chánh pháp nhưng tánh ưa sân hận nên mang thân hiện nay.

Nhơn, phi nhơn… đều do nương tựa vào thầy tà, đi theo con đường xấu ác, nịnh hót, dùng tà đạo làm rối chánh đạo và cho rằng đều là đạo do mình kiến lập.

Phàm là đạo xuất thế thì không xen lẫn những lời dua nịnh của tà ma. Những lời dua nịnh ấy không thể đưa ta ra khỏi sanh tử mà dẫn ta vào đường ác. Lời nói của người tà vạy, dua nịnh mới nghe qua thì giống như chánh đạo nhưng xét kỷ thì không phải.

Người nào nương vào Chánh pháp và thực hành Chánh pháp sẽ được năng lực Phật, Pháp, Tăng giúp cho được giải thoát vô vi. Ai nương vào pháp tương tự hoặc nương vào thầy tà thì sẽ trói buộc trong sanh tử, vĩnh viễn trôi lăn trong đường ác. Kẻ vô tri này chẳng cầu xuất thế, bị rơi vào lưới tà kiến.

Thầy tà là người đọc các Kinh nhưng dùng nghiệp tà để khoa trương trình độ sai lạc của mình, đưa ra pháp dua nịnh tà vạy làm mê hoặc người phàm để cầu được kính ngưỡng; điều phi nhơn biết thì nói là ta biết, phi nhơn chứng đắc thì nói là ta chứng đắc. Khi có người hỏi: "Ông biết gì, chứng đắc gì?" Thì người ấy đáp: "Thiên thần ở trên hư không, bạn bè khuất mặt bí mật nói cho tôi nghe".

Có khi người ấy lại nói rằng:

- Năm ấy, tháng ấy có lợi có hại, những việc

chẳng lành xuất hiện, cần phải đề phòng và cầu cứu, pháp này sẽ diệt mất, pháp khác phát triển, tôi được, ông mất.

Người ấy lừa dối như vậy, những người thế tục có kiến thức nông cạn không thể tư duy sâu xa về gốc đạo đức, theo đuổi ngọn tà kiến làm mất chánh kiến, làm các việc tà, sống trên tiền bạc, lụa là. Chết bị đọa vào đường ác, bị kéo lưỡi, nuốt đồng suốt trăm ngàn vạn năm. Sau đó làm súc sanh cũng trong vô số năm, kế tiếp lại sanh làm quỷ ở núi rừng, nơi hoang vắng, sông, biển, nhà cửa, vẫn thích lừa gạt không biết mệt mỏi, hoặc làm mê hoặc người đi đường khiến họ lạc đường, hoặc mượn xác các ông đồng bà cốt để nói những lời tà ngụy, dùng hình dạng trước khi mất để dọa nhiều người. Thật là đáng khinh ghét! Thường cầu xin thức ăn uống của người, không hề biết Chánh Pháp. Nếu gặp đệ tử nào của Ta có tâm chánh trực, không mất chánh niệm, nghe liền quở trách thì mới cảm phục.

Nếu gặp đệ tử nào sợ hãi, dễ mất hồn thì chúng sẽ theo người ấy để tìm cách làm hại. Chúng tìm cầu ở ngàn vạn nơi không hề biết chán.

Người như vậy không có tướng trượng phu, bị tà kiến quấy nhiễu, chết đọa vào đường ác, thật là đáng thương.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Có phải tám bộ quỷ thần nương hư không thì làm thần hư không, nương mặt đất thì làm thần mặt đất không?

Đức Phật nói:

- Chỉ có thần đất như Tịnh-hoa-quang. . . trong thời quá khứ thích tu bố thí, nhưng hay sân hận, thích uống rượu, ưa ca múa cho nên làm thần này, mặc y áo toàn màu trắng, sạch sẽ không dơ bẩn.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Vì sao Như lai bảo trời Đế thích và bốn Đại thiên vương: "Không bao lâu nữa, sau khi Ta diệt độ, các ngươi phải ở nơi này hộ trì Chánh Pháp của Ta. Sau khi Ta diệt đô, bốn Đại Tỳ-kheo Ma-ha-ca-diếp, Tân-đầu-lô, Quân-đồ-bát-thán, La-hầu-la sẽ ở lại không nhập Niết-bàn để truyền bá chánh pháp của Ta"?

Đức Phật nói:

- Chỉ vì thời tượng pháp tín căn mỏng manh, tuy phát lòng tin nhưng không chắc chắn, không thể cảm hoá. Đệ tử chư Phật tuy chuyên cần nhiều năm nhưng không bằng khởi một niệm lành khi Phật còn tại thế. Phát tâm rồi, họ lại ân hận đến nỗi không có hai hướng. Ông hãy làm chứng cứ để làm tăng lòng tin của họ, tùy theo nghiệp của họ dày hay mỏng mà hiển bày hình tượng Phật và Tăng, hoặc nói trên hư không, hoặc tạo ánh sáng cho đến báo mộng để làm cho tâm họ trở nên kiên cố. Khi

Di lặc hạ sanh thì ông được phép nhập Niết-bàn.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Như Lai xuất hiện ở đời, trong hai mươi năm đầu, độ các đệ tử, không thường xuyên ban phát, chỉ tùy theo nhu cầu mà ban phát. Từ hai mươi năm trở về sau, Như Lai mới cho nhiều vật như thế nghĩa là sao?

Đức Phật nói:

- Có người con của một trưởng giả tên Phân-nhã-đa-la, vốn có thiện căn sanh vào nhà Bà-la-môn, ưa thích xuất gia tu đạo Vô thượng. Cậu ấy đến tinh xá Thiên vương ở làng Ba-liên-phất xin thọ giới Cụ túc với Mục-kiền-liên. Mục-kiền-liên nói:

- Ông hãy sám hối bảy ngày bảy đêm về những tội trước đây cho thật thanh tịnh, không còn chướng ngại rồi ta sẽ xin chúng Tăng cho ông thọ Tỳ-kheo.

Phân-nhã-đa-la nói:

- Làm sao biết được chướng ngại đã hết? Làm sao biết được con thọ Giới đắc Giới? Cầu xin chư Phật gia hộ cho con sạch hết tội và được thấy tướng đắc Giới.

Đức Phật bảo: Chỉ cần ông thành tâm thì sẽ tự thấy. Phân-nhã bạch Phật:

- Xin vâng theo lời dạy của Thế Tôn.

Cả ngày lẫn đêm, cậu ấy thành khẩn sám hối,

đến đêm thứ năm, ở trong thất ấy bỗng tuôn mưa các loại đồ vật như khăn hoặc lụa hoặc phất trần, chổi quét, dao, búa, chày, cái nạo, lần lượt rơi xuống trước mặt cậu ấy. Phân-nhã-đa-la vui mừng khởi tâm mong cầu đắc quả.

Khi đã đủ bảy ngày, vị ấy bạch đầy đủ với Mục-kiền-liên. Mục- kiền-liên hỏi Ta, Ta bảo:

- Đó là các vật dùng phủi bụi và cắt gọt, biểu hiện tướng xa lìa trần cấu. Hãy cho cậu ấy thọ Tỳ-kheo vì đã đủ duyên lành. Phàm người thọ giới, tùy theo năng lực của người ấy mà truyền giới, không cần hạn chế việc này, không cần đầy đủ việc nọ.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có các đàn việt xây dựng tinh xá và cung cấp đầy đủ các vật dụng. Đời sau có người giả dạng xuất gia, chẳng phải thời mà đến gặp vị Tăng trông coi kho thức ăn để xin thức ăn và ăn. Người cho thức ăn và người nhận thức ăn ấy mắc những tội gì? Đàn việt ấy được những phước gì?

Đức Phật nói: - Người ăn phi thời là người phá giới, là người phạm tội ăn trộm. Người cho chẳng đúng thời cũng là người phá giới và phạm tội ăn trộm. Ăn trộm vật của đàn việt là lấy của không cho, chẳng phải ý của thí chủ, thí chủ không có phước vì bị mất vật, tuy vậy vẫn phát sanh tâm thiện.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: - Nhận đúng thời ăn đúng thời, ăn không hết vào lúc phi thời lại ăn tiếp hoặc nhận đúng thời mà ăn vào lúc phi thời thì thí chủ có được phước không?

Đức Phật nói: - Ăn đúng thời là người thanh tịnh, tức là ruộng phước, tức là xuất gia, tức là Tăng-già, tức là bạn lành của trời người, tức là Đạo sư của trời người.

Người không thanh tịnh là kẻ phá giới, là tên trộm cướp lớn, là ngạ quỷ, là hang ổ tội lỗi.

Người xin phi thời và người trông coi kho thức ăn mà đem cho phi thời thì gọi là thối lui đối với đạo, là ma ác, là ba đường ác, là bình vỡ, là người bịnh hủi vì phá hoại quả lành, ăn trộm để sống. Vì thế các Bà-la-môn còn không ăn phi thời, ngoại đạo Phạm chí cũng không tà thực huống là đệ tử của Ta biết pháp, hành pháp mà làm như vậy sao! Ai làm như vậy thì chẳng phải đệ tử của Ta, là người ăn trộm tài lợi trong pháp Ta, là người không có đạo pháp, ăn trộm danh tiếng, ăn trộm thức ăn. Người phi pháp, lén cho, lén nhận một nắm, một vắt, một chút muối, một chút dấm, thì chết bị đọa vào địa ngục Tiêu-tràng, nuốt hòn sắt nóng. Từ địa ngục ra lại sanh làm heo, chó ăn các vật dơ bẩn. Lại sanh làm chim dữ có tiếng kêu kinh quái, sau đó sanh làm ngạ quỷ vào lại trong chùa, ăn phẩn uế trong nhà xí suốt trăm ngàn vạn năm, lại sanh làm người nghèo hèn bị mọi người ghét bỏ, nói điều gì

cũng không ai tin. Như trộm của cải của một người còn nhẹ, cướp đoạt của nhiều người, xâm phạm ruộng phước thì dứt hẳn con đường xuất thế.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

- Dòng họ của Như Lai có nhiều người xuất gia, đó là do họ tự phát tâm hay do thần lực của Phật?

Đức Phật bảo:

- Những người dòng họ Thích kiêu mạn, say đắm dục lạc làm sao có thể tự phát nguyện được. Đó là do vua cha ra lệnh cho trong dòng họ, nhà nào sanh hai người con thì một người phải theo Ta. A-na-luật đã chứa nhóm căn lành từ lâu nên rất thích chánh pháp.

Thích tử Huề-xuất, Bạt-đề Nan-đề, Kim-tì-la, Nan-đà, Bạt-nan- đà, A-nan-đà, Đề-bà-đạt-đa, Ưu-ba-ly. . . tắm rửa sạch sẽ rồi đến chỗ Ta xin xuất gia. Lúc ấy, có Thượng tọa tên Tì-la-trà chỉ độ A-nan, A-nan- đà. Kế đó có một Thượng tọa tên Bà-tu-la chỉ độ Đề-bà-đạt-đa, Bạt- nan-đà. Chỉ có A-nan tu thiền Bất vong, xưa kia đã tu tập tổng trì trong thời gian ngắn, đắc được Tam muội giác ngộ của Phật. Giả sử dồn nước của trăm vạn sông suối hoà lẫn nhau rồi phun thành mưa. Nước mưa ấy chảy rất nhanh vào biển cả, vốc lên một bụm nước trong bàn tay, A-nan có thể phân biệt màu, vị của các loại nước trong biển ấy mà không hề nhầm lẫn và đem đặt trở lại nguồn không chút sai lầm.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói: "Tôn giả Xá-lợi-phất là vị có trí tuệ bậc nhất trong chúng Thanh văn, chẳng phải là tâm nhỏ nên có thể hỏi những ý nghĩa cốt yếu".

Đức Phật nói: - Vị ấy đã giác ngộ từ lâu và xiển dương chánh pháp của Ta, dùng trí tuệ làm lợi ích chúng sanh.

Hỏi: - Vì sao Như Lai nói: "Ơn cha mẹ lớn, không thể báo đáp", lại nói: "Ơn Sư Tăng không thể đo lường". Vậy ơn nào lớn nhất?

Đức Phật nói: - Phàm là người tại gia hầu hạ cha mẹ, khom mình dưới đầu gối cha mẹ cũng chưa đủ để báo ơn sanh trưởng. Vì ơn sanh ra và nuôi dưỡng rất sâu xa nên nói là lớn. Nếu theo thầy học đạo, khai mở kiến thức thì ơn này là ơn lớn tiếp theo. Phàm là người xuất gia xả bỏ cha mẹ và nhà sanh tử, vào cửa pháp, thọ nhận pháp vi diệu, năng lực của thầy nuôi lớn pháp thân, phát sanh của cải công đức, nuôi dưỡng thân mạng trí tuệ, công ấy không gì lớn hơn, ngay cả công sanh dưỡng cũng không bằng.

Lại hỏi: Nên đặt tên Kinh này là gì?

Đức Phật nói: - Nên đặt tên cho Kinh này là "Bồ Tát Vấn Dụ", vì Kinh này rất rộng lớn, hoặc đặt tên là "Kinh Tôn giả Xá-lợi-phất vấn".

Sau khi bốn Chúng nghe nói như vậy, năm

mươi Tỳ-kheo mới học được thành tựu tín căn, đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Tám bộ trời người có sẵn đức độ đều rất vui mừng đảnh lễ rồi lui ra.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

KINH
ƯU BA LY VẤN PHẬT
SỐ 1466

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1466

KINH ƯU BA LY VẤN PHẬT

Hán dịch: Đời Lưu Tống, đại sư Cầu-na-bạt-ma.

Bấy giờ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-Cấp-cô-độc thuộc nước Xá Vệ. Tôn giả Ưu-ba-ly đến chỗ Phật, đảnh lễ, ngồi qua một phía, rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo có đủ mấy việc suốt đời cần phải y chỉ?

Đức Phật đáp: - Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo không có đủ năm việc, suốt đời cần phải y chỉ. Năm việc đó là:

- Không biết Bố tát.
- Không biết kiểm tra số lượng Tỳ-kheo Bố tát.
- Không biết giới.
- Không biết thuyết giới.
- Chưa đủ năm tuổi hạ.

Này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không có đủ năm việc ấy suốt đời cần phải y chỉ.

Này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc, trọn đời không cần y chỉ. Năm việc ấy là:

- Biết Bố tát.

- Biết cách kiểm tra số lượng Tỳ-kheo Bố tát.
- Biết giới.
- Biết thuyết giới.
- Đủ năm tuổi hạ trở lên.

Này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào đầy đủ năm việc ấy suốt đời không cần y chỉ.

- Lại nữa, này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đủ năm việc, suốt đời cần phải y chỉ. Năm việc ấy là:

- Không biết Tự tứ.
- Không biết cách tính số Tỳ-kheo Tự tứ.
- Không biết giới.
- Không biết thuyết giới.
- Chưa đủ năm tuổi hạ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đầy đủ năm việc ấy trọn đời cần phải y chỉ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc, trọn đời không cần y chỉ. Năm việc đó là:

- Biết Tự tứ.
- Biết đếm số lượng Tỳ-kheo Tự tứ.
- Biết giới.
- Biết thuyết giới.
- Đủ năm tuổi hạ trở lên.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc trên suốt đời không cần y chỉ.

- Lại nữa, này Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không

đầy đủ năm việc, suốt đời cần phải y chỉ. Năm việc đó là:

- Không biết phạm hay không phạm.
- Không biết phạm nặng hay phạm nhẹ.
- Không biết phạm còn cứu được hay không cứu được.
- Không biết phạm điều ác hay không ác.
- Dưới năm tuổi hạ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đầy đủ năm việc trên suốt đời cần phải y chỉ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc, suốt đời không cần y chỉ. Năm việc ấy là:

- Biết phạm hay không phạm.
- Biết phạm nặng hay phạm nhẹ.
- Biết phạm còn cứu được hay không cứu được.
- Biết phạm điều ác hay không ác.
- Đủ năm tuổi hạ trở lên.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc trên suốt đời không cần y chỉ.

- Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đầy đủ năm việc, suốt đời phải y chỉ. Năm việc ấy là:

- Không biết giới chế lần thứ nhất.
- Không biết giới chế lần thứ nhì.
- Không biết giới dành cho trường hợp riêng.
- Không biết giới dành cho mọi trường hợp.
- Chưa đủ năm tuổi hạ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đầy đủ năm việc ấy suốt đời phải y chỉ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc, suốt đời không cần y chỉ. Năm việc ấy là:

- Biết giới chế lần thứ nhất.
- Biết giới chế lần thứ nhì.
- Biết giới dành cho trường hợp riêng.
- Biết giới dành cho mọi trường hợp.
- Đủ năm tuổi hạ trở lên.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu năm việc trên suốt đời không cần phải y chỉ.

- Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đầy đủ sáu việc, suốt đời phải y chỉ. Sáu việc ấy là:

- Không biết phạm hay không phạm.
- Không biết phạm nhẹ hay phạm nặng.
- Không biết phạm giới còn cứu được hay không còn cứu được.
- Không biết phạm điều ác hay không ác.
- Không làm lợi ích cho hai bộ Tăng như đã nói trong Kinh Phân Biệt Phần Bộ Quyết Định Thuận.
- Dưới năm tuổi hạ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào không đầy đủ sáu việc ấy suốt đời phải y chỉ.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu sáu việc, suốt đời không cần y chỉ. Sáu việc ấy là:

- Biết phạm hay không phạm.

- Biết phạm nặng hay phạm nhẹ.

- Biết phạm giới còn cứu được hay không còn cứu được.

- Biết phạm điều ác hay không ác.

- Làm lợi ích cho hai bộ Tăng như đã nói trong Kinh Phân Biệt Phần Bộ Quyết Định Thuận.

- Đủ năm tuổi hạ trở lên.

Này, Ưu-ba-ly! Tỳ-kheo nào thành tựu sáu việc này trọn đời không cần y chỉ.

**** BỐN TỘI KHÍ (vứt bỏ = Ba-la-di):***

Do Tu-đề-na con của Ca-lan-đà ở Duy-da-ly mà chế lần thứ nhất. (Kế đó lại chế lần thứ hai.)

Việc phạm giới dâm gồm có ba mức độ:

- Hành dâm với thân còn nguyên vẹn, phạm Ba-la-di.

- Hành dâm với thân đã thối rữa gần hết, phạm Thâu-lan-giá.

- Tự đưa nam căn vào miệng nhưng đưa không tới, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không biết, không nghe, điên cuồng, loạn trí, bịnh, người phạm đầu tiên.

Lại nữa, chế giới (chế giới thêm một lần nữa) là do Đạt-nị-ca con của người thợ gốm ở La-duyệt-kỳ mà chế lần thứ nhất.

Việc phạm giới không cho mà lấy gồm có ba

mức độ:

- Không được cho mà lấy trộm vật có giá năm tiền hoặc hơn năm tiền, phạm Ba-la-di.

- Lấy trộm vật có giá trị từ một tiền đến dưới năm tiền, phạm Thâu-lan-giá (Thâu-lan-giá là tội nặng).

- Lấy trộm vật dưới một tiền, phạm Đột-kiết-la (Đột-kiết-la là ác tác).

Trường hợp không phạm là: Tưởng của mình, được đồng ý, có ý dùng tạm, vật của quỷ thần, vật của súc sanh, tưởng là đồ bị vứt bỏ, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Phạm tội cố ý giết người, gồm có ba mức độ:

- Muốn người khác rơi xuống hố mà chết nên đào đất, phạm Đột- kiết-la.

- Người khác rơi xuống hố ấy và bị đau đớn, phạm Thâu-lan-giá.

- Người ấy chết, phạm Ba-la-di.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không muốn giết, điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm tội dối trá tự xưng pháp thượng nhơn gồm có ba mức độ:

- Do tham đắm dục lạc nên giả dối tự xưng có pháp hơn người, phạm Ba-la-di.

- Nói Tỳ-kheo ở tinh xá ấy là A-la-hán. Nếu người kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá, nếu không

hiểu, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là : Tăng thượng mạn, không vì ham muốn được khen mà nói, điên cuồng, người phạm đầu tiên.

(Bốn giới đã xong)

**** MƯỜI BA TĂNG TÀN***

Việc phạm giới cố ý thủ dâm làm xuất tinh gồm có ba mức độ:

- Cố ý thủ dâm làm xuất tinh, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Cố ý thủ dâm nhưng không xuất tinh, phạm Thâu-lan-giá.

- Tạo phương tiện, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Trong mộng, hoặc không muốn, điên cuồng, phạm trước khi chế giới.

Việc phạm giới xúc chạm thân người nữ gồm có ba mức độ:

- Thân xúc chạm với thân, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Thân xúc chạm với áo trên thân, phạm Thâu-lan-giá.

- Áo trên thân xúc chạm với áo trên thân, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết,

không nghe, điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới nói chuyện thô tục với người

nữ gồm có ba mức độ:

- Hết sức khen chê đường đại, tiểu tiện, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Khen chê các phần bên trên hai đầu gối trừ hai đường, phạm Thâu-lan-giá.

- Khen chê áo trên thân, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Vì giải nghĩa, vì giảng pháp, vì giải thích, người điên cuồng, phạm trước khi chế giới.

Việc phạm giới khen ngợi sự cúng dường thân gồm có ba mức độ:

- Hướng về người nữ, khen ngợi sự cúng dường thân, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Hướng về người bán nam bán nữ khen ngợi sự cúng dường thân, phạm Thâu-lan-giá.

- Hướng về súc sanh khen ngợi sự cúng dường thân phạm Đột- kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Nói về việc cúng dường y áo, thức ăn, giường nằm, thuốc chữa bệnh và các vật dụng khác, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới làm mai mối gồm có ba mức độ:

- Nhận lời xong, suy nghĩ và nói lại, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Nhận lời xong, suy nghĩ nhưng không nói lại, phạm Thâu-lan-giá.

- Nhận lời xong không suy nghĩ, không nói lại, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Vì chúng Tăng, vì làm phước, vì bệnh, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Phạm giới tự làm phòng ốc cũng gồm ba mức độ:

-Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.

-Khi chuyển bùn chưa đến chỗ, phạm Thâu-lan-giá.

- Khi bùn được chuyển đến chỗ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Trường hợp không phạm là: Hang, nhà tranh, nhà người khác bỏ, điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Phạm giới làm nhà lớn gồm có ba mức độ:

- Tạo phương tiện, phạm Đột-kiết-la.

- Khi chuyển bùn chưa đến chỗ, phạm Thâu-lan-giá.

- Khi bùn được chuyển đến chỗ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Trường hợp không phạm là: hang, nhà tranh, nhà người khác bỏ,

người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới huỷ báng bằng pháp Ba-la-di không căn cứ gồm ba mức độ:

- Không hỏi mà tự nói vì muốn xua đuổi, phạm Tăng-già-bà-thi-sa và Đột-kiết-la.

- Được hỏi mới nói vì muốn làm nhục, phạm

Thâu-lan-giá.

Trường hợp không phạm là: Thanh tịnh, thấy là thanh tịnh, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới dựa vào một chi tiết nhỏ của việc khác mà vu khống Tỳ-kheo bằng pháp Ba-la-di không căn cứ cũng gồm ba mức độ:

- Không hỏi mà nói vì muốn xua đuổi, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, Đột-kiết-la.

-Được hỏi mới nói vì muốn làm nhục, phạm Thâu-lan-giá.

Trường hợp không phạm là: Tưởng là phạm nên nói, bảo người khác nói, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới phá Tăng được can ngăn đến ba lần không bỏ cũng gồm ba mức độ:

- Sau khi bạch phạm Đột-kiết-la.
- Yết ma lần thứ hai, phạm Thâu-lan-giá.
- Yết ma xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp không phạm là: Không cần can gián mà tự xả bỏ, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới hỗ trợ Tỳ-kheo khác phá Tăng được can gián đến ba lần mà không xả bỏ cũng gồm ba mức độ:

- Sau khi bạch, phạm Đột-kiết-la.
- Yết ma lần thứ hai, phạm Thâu-lan-giá.

- Yết ma xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp không phạm là: Không can gián mà tự xả bỏ, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới làm nhục dòng họ được can gián ba lần vẫn không xả bỏ gồm có ba mức độ:

- Sau khi bạch, phạm Đột-kiết-la.
- Yết ma lần thứ nhì, phạm Thâu-lan-giá.
- Yết ma xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp không phạm là: Không can gián mà tự bỏ, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới nói lời ngang ngược được can gián ba lần vẫn không xả bỏ gồm có ba mức độ:

- Sau khi bạch phạm Đột-kiết-la.
- Yết ma lần thứ nhì phạm Thâu-lan-giá.
- Yết ma xong phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Trường hợp không phạm là: Không được can gián mà tự xả bỏ, người điên cuồng, người phạm đầu tiên.

(Xong mười ba Tăng tàn.)

**** BA MƯƠI XẢ ĐỌA***

- Việc phạm giới chứa y dư quá mười ngày chỉ có một mức độ là phạm giới Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Chứa đủ mười ngày liền thọ trì đúng pháp hoặc đem cho người khác hoặc bị mất hoặc bị hư rách, bị cháy, bị cướp,

được cho phép giữ, người điên, người phạm đầu tiên.

- Việc phạm giới ngủ lìa y, chỉ có một mức độ là phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Khi trời sắp sáng liền đem cho người khác, bị mất, bị hư rách, bị cháy, bị cướp, được cho phép giữ, được yêu cầu, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới giữ vải phi thời quá một tháng chỉ có một mức độ là phạm Xả đọa. Trường hợp không phạm là : Sau khi nhận đúng một tháng liền thọ trì hoặc đem cho người khác, người bị điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới nhận y của Tỳ-kheo ni không phải bà con gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nhận, phạm Đột-kiết-la.

- Sau khi nhận, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Nhận của người thân, trao đổi, ít đổi nhiều, nhiều đổi ít, Tỳ-kheo cho phép nhận, nhận tạm, nhận y dư vật dư, Thức-xoa-ma ni, Sa-di-ni, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới nhờ Tỳ-kheo ni không phải bà con giặt y dơ gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nhờ giặt, phạm Đột-kiết-la.

- Giặt xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là bà con giặt đồ cho bà con, đê tử không phải bà con không nhờ mà tự giặt, chưa mặc mà giặt, giặt những thứ khác ngoài y, giặt y dư, toạ cụ dư, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới xin y của vợ cư sĩ không phải bà con gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để xin, phạm Đột-kiết-la.
- Xin được, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Đúng thời, là bà con, được thỉnh, xin cho người khác, vật của mình, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới xin y quá lượng cần dùng gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để xin, phạm Đột-kiết-la.
- Xin được phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Đồ dư, không phải vì bị cướp mà cho, không vì bị mất mà cho, là bà con, được thỉnh, xin cho người khác, vật của mình, người điên, người phạm đầu tiên.

Tỳ-kheo nào vì y mà đến làm quen với cư sĩ hoặc vợ cư sĩ không phải bà con thì vi phạm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm quen, phạm Đột-kiết-la.
- Sau khi làm quen, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Bà con, được mời

thỉnh, vì người khác, vật của mình, thí chủ định may y tốt mình đến bảo đừng may y tốt, người điên, người phạm đầu tiên.

Hai cư sĩ không phải bà con cùng làm y cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo vì y trước vốn không được thỉnh mà tự đến làm quen, phạm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm quen, phạm Đột-kiết-la.

- Sau khi làm quen, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Bà con, được thỉnh, vì người khác, vật của mình, thí chủ muốn may y tốt mình đến bảo đừng may y tốt, người điên, người phạm đầu tiên.

Tỳ-kheo nào nói đi nói lại quá ba lần và đến đứng yên lặng quá sáu lần để xin nhận y mà có người đã gửi cho mình, phạm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nhận, phạm Đột-kiết-la.

- Sau khi nhận, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Nhắc ba lần, đứng im sáu lần, nhắc dưới ba lần, đứng im dưới sáu lần, không nhắc mà người kia tự đưa, chủ bảo đưa, người điên, người đầu tiên phạm.

Việc phạm giới trộn tơ tằm làm ngọa cụ gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.

- Làm xong phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Làm thảm lót đất,

làm nệm, làm gối, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới làm ngọa cụ bằng toàn lông dê đen gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Làm thảm trải trên đất, làm nệm, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc không dùng lông trắng và toàn lông xám với số lượng bằng nhau để làm ngọa cụ, gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Dùng lông trắng và lông xám với số lượng bằng nhau, dùng nhiều lông trắng và nhiều lông xám, làm thảm lót đất, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới chưa đủ sáu năm mà làm ngọa cụ mới gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Đã đủ sáu năm mới làm, quá sáu năm, làm cho người khác, dạy người khác làm, người khác làm cho mình, làm thảm trải đất, làm nệm, gối, được Tăng cho phép, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới không lấy một miếng toạ cụ,

ngọa cụ cũ có kích thước một gang tay Phật đắp lên toạ cụ, ngọa cụ mới, gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Lấy một miếng của cái cũ có kích thước một gang tay Phật chồng lên cái mới, không có miếng lớn nên chỉ lấy một miếng nhỏ của cái cũ, hoàn toàn không có nên không lấy làm, người khác may cho, làm thảm lót đất, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới mang lông dê đi quá ba do tuần gồm hai mức độ:

- Một chân bước quá ba do tuần, phạm Đột-kiết-la.
- Hai chân bước quá ba do tuần, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Đi đúng ba do tuần, dưới ba do tuần, đi được ba do tuần liền quay trở lại, bị cướp rồi có lại, vứt bỏ rồi lấy lại, bảo người khác mang, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới sai Tỳ-kheo ni không phải bà con giặt lông dê cũng gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để giặt, phạm Đột-kiết-la.
- Giặt xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Bà con giặt, đệ tử không phải bà con không bảo mà tự giặt, chưa dùng mà giặt, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người

điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới giữ vàng bạc gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để giữ, phạm Đột-kiết-la.
- Đã nắm giữ, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Hoặc ở trong vườn hay cạnh vườn tự lấy hoặc bảo người khác lấy, giữ giùm, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới mua bán vàng bạc gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Chẳng phải vàng bạc, chẳng phải các thứ tương tự như vàng bạc, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới mua bán đổi chác gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Hỏi giá trị để nói lời tác tịnh: "Đây là vật của tôi, tôi cần cái như vậy, tôi cần như vậy", người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới chứa bát dư quá mười ngày chỉ có một mức độ là phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Nhận đủ mười ngày liền thọ trì hoặc đem cho người khác hoặc bị mất, bị bể, bị cướp, hoặc được cho phép, người

điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới bát vá dưới năm chỗ đã sắm bát mới có hai mức độ:

- Tạo phương tiện, phạm Đột-kiết-la.

- Làm xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Mất bát, bát bị bể, được người thân cho, được thỉnh, xin cho người khác, của mình, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới tự xin chỉ sợi nhờ thợ dệt dệt y gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dệt, phạm Đột-kiết-la.

- Dệt xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: May vá y, làm dây ngồi thiền, may túi đựng bát, làm dây thắt lưng, dây buộc trên vai, đãy lọc nước, người thân cho, được thỉnh, xin cho người khác, vật của mình, người điên, người phạm đầu tiên.

Tỳ-kheo không được cư sĩ không phải bà con thỉnh mà vì y nên đến nhà thợ dệt làm quen, phạm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để tự làm quen, phạm Đột-kiết-la.

- Làm quen xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Bà con, được mời đến, vì người khác, dùng vật của mình, thí chủ muốn dệt y đẹp mình đến bảo dừng dệt y đẹp, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới cho y cho Tỳ-kheo khác sau đó nổi giận, không vừa ý nên lấy lại, gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để lấy lại, phạm Đột-kiết-la.
- Đã lấy lại, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Người kia tự trả, được sự đồng ý của người kia, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới giữ y cũ quá thời hạn chỉ có một mức độ là phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Nhận y đúng thời, hoặc cho người khác, bị mất, bị rách, bị cháy, bị cướp, được Tăng đồng ý, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới gởi y trong nhà đàn việt rồi lìa y quá sáu đêm chỉ có một mức độ là phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Lìa y sáu đêm, lìa dưới sáu đêm, đến đêm thứ sáu lại vào trong làng nghỉ đêm rồi mới đi, vào đêm thứ sáu lúc trời sắp sáng liền đem cho, bị mất, bị rách, bị cháy, bị cướp, đồng ý cho, được Tăng cho phép, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới tìm xin y tắm mưa khi còn hơn một tháng mới hết mùa Xuân, gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để xin, phạm Đột-kiết-la.
- Xin xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Xin khi còn một tháng nữa là hết mùa Xuân và còn nửa tháng nữa

là hết mùa Xuân thì đem dùng, ít hơn một tháng là hết mùa Xuân thì xin, ít hơn nửa tháng là hết mùa Xuân thì dùng, đến mùa Hạ thì xả, giặt cất, y bị cướp, bị mất, mặc để làm việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới biết là vật của Tăng mà tự xoay về cho mình, gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để lấy, phạm Đột-kiết-la.
- Lấy xong, phạm Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Hỏi cho ai, thuyết pháp cho vua, dùng có thể được lợi ích, nhận theo ý của vua, người điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới giữ thuốc quá bảy ngày chỉ phạm một mức độ là Xả đọa.

Trường hợp không phạm là: Khi giữ đủ bảy ngày liền đem cho, bị mất, bị hư, bị cháy, bị cướp, được Tăng cho phép giữ, vất bỏ, chưa thọ giới Tỳ-kheo thì được dùng, người điên, người phạm đầu tiên.

(Xong ba mươi Xả đọa)

* *CHÍN MƯƠI HAI BA DẬT ĐỀ*

1. Việc phạm giới cố ý nói dối gồm có năm mức độ:

- Do bị tham đắm dục lạc nên nói pháp hơn người một cách giả dối, phạm Ba-la-di.

Phỉ báng người khác bằng pháp Ba-la-di không

căn cứ, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

- Nói Tỳ-kheo ở tinh xá ấy là A-la-hán, người nghe hiểu được, phạm Thâu-lan-giá, không hiểu, phạm Đột-kiết-la.

- Biết mà nói dối, phạm Ba dật đề.

Trường hợp không phạm là: Nói chuyện cũ, nói nhầm, người điên, người phạm đầu tiên.

2. Việc phạm giới chê hình tướng người khác gồm có hai mức độ:

- Hình tướng chưa đủ, phạm Đột-kiết-la.

- Hình tướng đã đủ, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Vì giảng nghĩa, vì pháp, vì tìm hiểu, người điên, người phạm đầu tiên.

3. Việc phạm giới nói lời ly gián gồm có hai mức độ:

- Nói đầy đủ, phạm Ba-dật-đề.

- Nói không đầy đủ, phạm Đột-kiết-la.

4. Việc phạm giới biết việc tranh chấp đã được giải quyết như pháp lại khơi dậy gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để khơi dậy, phạm Đột-kiết-la.

- Đã khơi dậy, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bè đảng phi pháp, biết chưa có kiểm tra số chúng, vì muốn kiểm tra số chúng nên khơi dậy, người điên, người phạm

đầu tiên.

5. Việc phạm giới nói pháp cho người nữ quá năm sáu lời gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói, phạm Đột-kiết-la.
- Cứ mỗi câu phạm một Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Có người nam hiểu biết, nói năm sáu câu hoặc dưới năm sáu câu, đứng lên rồi ngồi xuống trở lại nói tiếp, do người nữ khác hỏi mà trả lời, nói với người khác nhưng người nữ lắng nghe, người điên, người phạm đầu tiên.

6. Việc phạm giới nói Giới Luật cho người chưa thọ giới Cụ túc gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói, phạm Đột-kiết-la.
- Nói mỗi câu, phạm một Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Dạy tụng, người điên, người phạm đầu tiên.

7. Việc phạm giới nói với người chưa thọ giới Cụ túc về việc mình đã thật sự chứng pháp thượng nhân gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói, phạm Đột-kiết-la.
- Nói xong phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nói với người đã thọ giới Tỳ-kheo, người điên, người phạm đầu tiên.

8. Việc phạm giới nói với người chưa thọ

giới Tỳ-kheo về tội mà Tỳ-kheo khác vi phạm gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói, phạm Đột-kiết-la.
- Nói xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Hướng về người khác nói về sự việc khác hoặc nói không đúng tình huống đó, do Tăng sai, người điên, người phạm đầu tiên.

9. Việc phạm giới đã đồng ý với tăng cho y cho người ấy sau đó nói ngược lại, bao gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói ngược lại, phạm Đột-kiết-la.
- Đã nói ngược lại phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Cho với tâm ưa thích, sân hận, si mê, sợ hãi, y đã bị rách nên không thành cho, người điên, người phạm đầu tiên.

10. Việc phạm giới xoay vật của Tăng cho người khác gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để xoay, phạm Đột-kiết-la.
- Xoay xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không biết, hỏi cho ai, theo quy định của vua, dùng được lợi ích, cho theo ý của vua, người điên, người phạm đầu tiên.

11. Việc phạm giới khinh chê Luật gồm có

hai mức độ:

- Tạo phương tiện để khinh chê Luật, phạm Đột-kiết-la.

- Đã khinh chê, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý nói lời khinh chê, tụng Kinh kệ A tỳ đàm xong sau đó mới tụng Luật, người điên, người phạm đầu tiên.

12. Việc phạm giới chặt cây có thần ở gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để chặt phạm Đột-kiết-la.

- Hạ cây ngã xuống, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nói lời tác tịnh biết vậy, cho vậy, lấy vậy, cần vậy, không nghĩ, không biết, người điên, người phạm đầu tiên.

13. Việc phạm giới mắng Tỳ-kheo gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để trách mắng phạm Đột-kiết-la.

- Mắng xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Do sợ hãi nên mắng người kia có tánh tham ái, sân hận, si mê, người điên, người phạm đầu tiên.

14. Việc phạm giới nói quanh co gồm có hai mức độ:

- Tăng chưa tác bạch xong mà nói quanh, phạm Đột-kiết-la.

- Tăng đã tác bạch xong mà nói quanh, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm giới là: Không nghe hỏi, bệnh nên không đáp, vì muốn diệt trừ sự tranh cãi trong của Tăng, vì muốn phá sự tranh chấp của Tăng, vì muốn đối trị với bè đảng phi pháp, Tăng chưa kiểm tra số chúng muốn làm việc kiểm tra số chúng nên không đáp lời, người điên, người phạm đầu tiên.

15. Việc phạm giới bày giường, nệm, võng của Tăng ra đất trống, khi đi không dẹp cất gồm có hai mức độ:

- Đi bước đầu tiên, phạm Đột-kiết-la.
- Đi bước thứ hai, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đem cất, bảo người khác cất, phơi, có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

16. Việc phạm giới bày vật của Tăng ở trong phòng khi đi không chịu dọn cất gồm có hai mức độ:

- Đi bước đầu tiên, phạm Đột-kiết-la.
- Đi bước thứ hai, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Khi đi thì dọn cất, bảo người khác dọn cất có việc tạm đi ra ngoài, có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

17. Việc phạm giới nổi giận, không vừa ý,

đuổi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiên để đuổi, phạm Đột-kiết-la.
- Đã đuổi ra, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không biết xấu hổ nên đuổi hoặc nhờ người khác đuổi, đồ vật của người ấy đã được mang ra ngoài nên bảo họ ra, do điên nên gây lộn, đánh lộn, đệ tử không đúng pháp nên đuổi ra hoặc bảo người khác đuổi ra, người điên, người phạm đầu tiên.

18. Việc phạm giới biết Tỳ-kheo khác đã vào trước mà đến giành chỗ có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nằm, phạm Đột-kiết-la.
- Đã nằm, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Do bệnh, do lạnh, do nóng, do có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

19. Việc phạm giới ngồi mạnh xuống giường có chân nhọn đặt trên gác của nhà Tăng gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dùng sức ngồi xuống, phạm Đột-kiết-la.
- Đã dùng sức ngồi xuống, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không phải ở trên gác, giường có chân tròn, chắc chắn, không có đồ

để đứng nên đứng lên để lấy đồ vật, người điên, người phạm đầu tiên.

20. Việc phạm giới biết nước có trùng mà đem nước tưới lên đất bùn và cỏ gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để tưới, phạm Đột-kiết-la.
- Tưới xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không nghĩ, người điên, người phạm đầu tiên.

21. Việc phạm giới lợp nhà quá hai ba lớp gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để lợp, phạm Đột-kiết-la.
- Lợp xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Hai ba lớp hoặc ít hơn hai ba lớp, hang, nhà tranh, làm cho người khác, tài vật của mình, dời chỗ, hết thảy các việc ấy đều không phạm, người điên, người phạm đầu tiên.

22. Việc phạm giới tự ý đi dạy cho Tỳ-kheo ni gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dạy phạm Đột-kiết-la.
- Dạy xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Ni hỏi về việc tụng Kinh thì trả lời về việc tụng Kinh, hỏi về sự việc thì trả lời về sự việc, giảng cho người khác nhưng Ni lắng nghe, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người

điên, người phạm đầu tiên.

23. Việc phạm giới dạy cho Tỳ-kheo ni đến chiều tối gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dạy, phạm Đột-kiết-la.
- Dạy xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Hỏi về việc đọc tụng thì trả lời về việc đọc tụng, hỏi về sự việc thì trả lời về sự việc, giảng cho người khác nhưng Ni lắng nghe, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người điên, người phạm đầu tiên.

24. Việc phạm giới đến phòng Ni để dạy gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dạy, phạm Đột-kiết-la.
- Dạy xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Hỏi đọc tụng thì dạy việc đọc tụng, hỏi sự việc thì dạy sự việc, giảng cho người khác nhưng Ni lắng nghe, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người điên, người phạm đầu tiên.

25. Việc phạm giới nói Tỳ-kheo khác vì tham thức ăn nên đến dạy cho Ni gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói, phạm Đột-kiết-la.
- Nói xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nói về y áo, giường ghế, thuốc chữa bệnh… vì được kính trọng, cúng dường nên dạy, người điên, người phạm đầu

tiên.

26. Việc phạm giới đi chung đường với Ni gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để đi, phạm Đột-kiết-la.
- Đi xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đúng lúc, không dẫn nhau đi, Ni tự đi theo, Tỳ-kheo không rủ, không hẹn, có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

27. Việc phạm giới đi chung thuyền với Ni gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện đi chung thuyền, phạm Đột-kiết-la.
- Đã lên thuyền, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đi ngang qua sông, không theo nhau xuống thuyền, Ni tự xuống theo, Tỳ-kheo không rủ, không hẹn, có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

28. Việc phạm giới cho y cho Tỳ-kheo ni không phải bà con gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để cho, phạm Đột-kiết-la.
- Cho xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bà con, trao đổi, ít đổi nhiều, nhiều đổi ít, Ni đồng ý nhận, nhận tạm, y vật đã xả, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người điên, người phạm đầu tiên.

29. Việc phạm giới may y cho Tỳ-kheo ni không phải bà con gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để may phạm Đột-kiết-la.
- Đã may một mũi kim phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bà con, may y đã xả bỏ, vải dư nên bảo may, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, người điên, người phạm đầu tiên.

30. Việc phạm giới cùng ngồi với một Tỳ-kheo ni ở một chỗ gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ngồi, phạm Đột-kiết-la.
- Đã ngồi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Có người nam có trí ngồi bên cạnh, đứng không ngồi, không có chỗ nào khác, người điên, người phạm đầu tiên.

31. Việc phạm giới cùng một người nữ ngồi một chỗ, gồm có hai mức độ:

- Tìm cách ngồi, phạm Đột-kiết-la.
- Đã ngồi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Có người nam hiểu biết làm bạn, đứng không ngồi, không có chỗ nào khác, người điên, người phạm đầu tiên.

32. Việc phạm giới biết thức ăn do Tỳ-kheo ni khen ngợi mà vẫn ăn gồm có hai mức độ:

- Nhận, chuẩn bị, ăn phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng ăn phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Thí chủ thân quen, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, trừ năm loại thức ăn chính, nhận tất cả các thứ khác đều không phạm, người điên, người phạm đầu tiên.

(Đàm-ma-mặc nói: Năm loại thức ăn chính là mì sợi, cơm, cá, thịt, bánh lúa mạch).

33. Việc phạm giới ăn nhiều lần gồm có hai mức độ:

- Đang nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Họ thỉnh ăn ở hai chỗ, mỗi chỗ ăn một lần, toàn làng thỉnh nên phải ăn nhiều lần, nhiều người thỉnh, khi được thỉnh Tỳ-kheo nói sẽ đi, bữa ăn thường lệ, bữa ăn theo thẻ, vào ngày thuyết giới, vào sáng sớm, trừ năm loại thức ăn chính còn tất cả các loại khác đều không phạm, người điên, người phạm đầu tiên.

34. Việc phạm giới nhận nhiều bữa ăn ở chỗ chỉ cúng dường một bữa gồm có hai mức độ:

- Đang nhận để ăn, phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Do bệnh, ăn xong, đi rồi trở lại ăn, chủ mời ở lại để đãi, ăn không đủ, trừ năm loại thức ăn chính còn lại đều không phạm, người điên, người phạm đầu tiên.

35. Việc phạm giới nhận quá hai ba bát thức ăn gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nhận, phạm Đột-kiết-la.
- Nhận xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Chỉ nhận hai ba bát hoặc ít hơn hai ba bát, bà con, được thỉnh, nhận cho người khác, vật của mình, người điên, người phạm đầu tiên.

36. Việc phạm giới ăn đã xong, không làm phép thức ăn dư mà ăn nữa gồm hai mức độ:

- Đang nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm phép thức ăn dư rồi mới ăn, đang thọ thực được nhận thêm thức ăn, nhận cho người khác, được thỉnh bảy ngày (theo tiếng Phạn bảy ngày tức là bảy thời, vì tiếng Phạn không có chữ "ngày"), do có việc, được thỉnh trọn đời, người điên, người phạm đầu tiên.

(Dịch giả giải thích: khi được thỉnh trọn đời thì lúc thọ thực không phải làm phép thức ăn dư. Sau đó đói bụng, cần phải xin một bát thức ăn trao cho Tỳ-kheo làm phép thức ăn dư, Tỳ-kheo ấy ăn một miếng hoặc năm ba miếng rồi trao lại thì mới được ăn).

37. Việc phạm giới Tỳ-kheo khác đã ăn rồi, lại ép cho vị ấy ăn nữa gồm hai mức

độ:

- Nếu người kia nói sẽ nhận thức ăn ấy, phạm Đột-kiết-la.

- Ăn xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Cho người đã làm phép thức ăn dư, cho người khác, được thỉnh bảy ngày, được thỉnh trọn đời, có việc, người điên, người phạm đầu tiên.

38. Việc phạm giới ăn chúng riêng gồm có hai mức độ:

- Đang nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.

- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đúng thời, ăn hai nhóm một chỗ, bữa ăn thường lệ, ăn theo phát thẻ, ngày thuyết giới hàng tháng, trừ năm loại thức ăn chính tất cả đều không phạm, người điên, người phạm đầu tiên.

39. Việc phạm giới ăn phi thời gồm hai mức độ:

- Đang nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.

- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là được thỉnh bảy ngày hoặc trọn đời, người điên, người phạm đầu tiên.

40. Việc phạm giới ăn thức ăn được cất chứa qua đêm gồm hai mức độ:

- Đang lấy để ăn phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Ăn theo thời, khi cần thiết, được thỉnh bảy ngày hoặc trọn đời, người điên, người phạm đầu tiên.

41. Việc phạm giới ăn thức ăn mà mình không nhận gồm hai mức độ:

- Đang lấy thức ăn để ăn phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nước và tăm xỉa răng, người điên, người phạm đầu tiên.

42. Việc phạm giới tự xin thức ăn ngon gồm hai mức độ:

- Đang nhận để ăn phạm Đột-kiết-la.
- Bỏ vào miệng ăn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bệnh, xin cho người bệnh, không bệnh nhưng ăn thức ăn dư của người bệnh, bà con, được mời, xin cho người khác, vật của mình, người điên, người phạm đầu tiên.

43. Việc phạm giới biết nước có trùng mà vẫn uống gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để uống, phạm Đột-kiết-la.
- Uống xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Biết uống vào trùng không chết, người điên, người phạm đầu tiên.

44. Việc phạm giới cố ý ngồi ở nhà có

"thức ăn" gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ngồi, phạm Đột-kiết-la.
- Đã ngồi phạm, Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Chủ nhà đi đến giường ngồi ôm chân bó gối, người vợ ngồi ở cách xa, Tỳ-kheo có bạn, họ đều đi ra, đều không làm việc dâm dục, không phải phòng ngủ, người điên, người phạm đầu tiên.

46. Việc phạm giới ngồi chung giường với người nữ ở chỗ khuất gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ngồi, phạm Đột-kiết-la.
- Đã ngồi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Có bạn là người nam hiểu biết, đứng không ngồi, ngồi không có ý gì khác, người điên, người phạm đầu tiên.

47. Việc phạm giới tự tay cho vợ chồng ngoại đạo thức ăn gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để cho, phạm Đột-kiết-la.
- Cho xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bảo người khác cho, không phải tự mình cho, để xuống đất mà cho, người điên, người phạm đầu tiên.

48. Việc phạm giới đi xem quân đội xuất hành gồm hai mức độ:

- Đang đi, phạm Đột-kiết-la.

- Đứng nhìn, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đứng xem tại tinh xá, Tỳ-kheo đứng, nằm, ngồi thấy quân đội đi ngang qua, do có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

49. Việc phạm giới ngủ trong quân đội quá hai đêm gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ngủ, phạm Đột-kiết-la.
- Đã ngủ, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Ngủ hai đêm hoặc dưới hai đêm, vào đêm thứ ba khi trời sắp sáng mới ngủ lại, vì bệnh, bị quan quân ép ở lại, có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

50. Việc phạm giới đi xem chiến trận gồm hai mức độ:

- Đang đi, phạm Đột-kiết-la.
- Đứng ở nơi ấy xem, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đứng tại tinh xá xem, khi Tỳ-kheo đứng, nằm, ngồi, quân đội đi ngang qua, có việc phải đi, việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

51. Việc phạm giới nổi sân, không bằng lòng nên giơ nắm đấm dọa Tỳ-kheo khác gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dọa, phạm Đột-kiết-la.
- Đã làm phạm, Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bị quấy nhiễu, muốn thoát nên dọa, người điên, người phạm đầu tiên.

52. Việc phạm giới nổi giận, không vừa ý đưa tay dọa nhau gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện, phạm Đột-kiết-la.
- Đã đưa tay, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bị quấy nhiễu muốn thoát nên đưa tay đe dọa, người điên, người phạm đầu tiên.

53. Việc phạm giới biết Tỳ-kheo khác phạm tội mà che giấu chỉ một mức độ là Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là vì sợ nói ra người kia sẽ đánh đập, mắng nhục chúng Tăng, do có sự tranh chấp chia phe nhóm nên không nói, vì muốn diệt trừ sự tranh chấp của Tăng nên không nói, người kia cứng cỏi có thể làm hại những người Phạm hạnh, không gặp Tỳ-kheo thanh tịnh khác, không có ý muốn che giấu, biết người kia đã tự phát lồ, người điên, người phạm đầu tiên.

54. Việc phạm giới rủ Tỳ-kheo khác vào làng thọ thực rồi đuổi Tỳ-kheo ấy đi gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện, phạm Đột-kiết-la.
- Đã đuổi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nếu cùng thọ thực ở cùng một chỗ sẽ không đủ nên đuổi đi, vì người kia thấy vật quý khởi lòng tham, đánh nhau nên đuổi đi, thấy người nữ, không ưa nên đuổi đi, bệnh, giữ tinh xá nên đưa thức ăn rồi bảo đi, do người kia định làm việc trái oai nghi nên đuổi đi, người điên, người phạm đầu tiên.

55. Việc phạm giới đốt lửa gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để đốt, phạm Đột-kiết-la.
- Đã đốt, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Bệnh, bảo người khác đốt, đốt lửa đuổi rắn ra khỏi hang, do có việc gấp, người điên, người phạm đầu tiên.

56. Việc phạm giới cùng Yết ma nhưng sau đó làm ngược lại gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm ngược, phạm Đột-kiết-la.
- Đã làm ngược, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Phe nhóm phi pháp, biết không có kiểm tra số chúng mà nói là đã kiểm tra số chúng, người điên, người phạm đầu tiên.

57. Việc phạm giới ngủ chung với người chưa thọ Đại Giới quá hai đêm gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ngủ chung, phạm Đột-kiết-la.

- Đã ngủ, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Ở hai đêm hoặc ít hơn hai đêm, vào đêm thứ ba khi trời gần sáng vào ngủ mới lại nhà có mái nhưng không có vách che bốn phía, nhà có vách che bốn phía nhưng lại không lợp mái, chỗ trống không có vách và mái, người chưa thọ Cụ túc nằm, Tỳ-kheo ngồi hoặc ngược lại, cả hai đều ngồi, người điên, người phạm đầu tiên.

58. Việc phá giới chấp chặt ác kiến được can gián ba lần nhưng không bỏ gồm có hai mức độ:

- Bạch lần đầu, phạm Đột-kiết-la.

- Yết ma xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là : Không cần can gián mà tự xả bỏ, người điên, người phạm đầu tiên.

59. Việc phạm giới ở chung với Tỳ-kheo nói lời phi pháp và không chịu xả bỏ ác kiến ấy gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện ở chung, phạm Đột-kiết-la.

- Đã ở, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Biết là chưa bị cử tội, đã xả bỏ ác kiến, người điên, người phạm đầu tiên.

60. Việc phạm giới biết Sa-di đã bị đuổi mà ở chung gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ở chung, phạm Đột-kiết-la.

- Đã ở chung, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Biết là không bị đuổi, đã xả bỏ ác kiến, người điên, người phạm đầu tiên.

61. Việc phạm giới cầm nắm vật quí gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để cầm nắm, phạm Đột-kiết-la.

- Đã cầm nắm, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Châu báu hoặc những vật tương tự châu báu ở trong vườn, cạnh vườn, tự lấy hoặc bảo người khác lấy cất để khi chủ nhân đến sẽ trả lại, vật giống của báu, được sự đồng ý, lấy tạm, tưởng là vật bị vứt bỏ, người điên, người phạm đầu tiên.

62. Việc phạm giới mặc y mới không dùng ba màu xấu làm hoại sắc gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để mặc, phạm Đột-kiết-la.

- Đã mặc, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đã tác tịnh xong mới lấy mặc, bị mất, dùng vải sạch vá lên vải dơ,

do may vá, người điên, người phạm đầu tiên.

63. Việc phạm giới chưa đủ nửa tháng đã tắm gồm hai mức độ: Tạo phương tiện để tắm, phạm Đột-kiết-la.

Tắm xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Do thời tiết, đủ nửa tháng, hơn nửa tháng, có việc gấp phải tắm, ở biên giới, người điên, người phạm đầu tiên.

64. Việc phạm giới cố ý giết chúng sanh gồm có bốn mức độ:

- Vì muốn chúng sanh rơi xuống chết nên đào hố, phạm Đột-kiết-la.

- Người rơi xuống chết, phạm Ba-la-di.

- Dược xoa, ngạ quỷ, súc sanh có hình người rơi xuống chết phạm Thâu-lan-giá.

- Súc sanh rơi xuống chết, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không muốn giết, người điên, người phạm đầu tiên.

65. Việc phạm giới đùa cợt bắt Tỳ-kheo khác sám hối gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để đùa cợt, phạm Đột-kiết-la.

- Đã đùa cợt, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý quậy phá để vị ấy buồn, biết không đủ hai mươi tuổi mà

cho thọ Cụ túc, biết là ăn quá ngọ, biết người kia uống rượu, biết người kia cùng người nữ ngồi ở chỗ kín, biết những việc ấy nên dạy sám hối, người điên, người phạm đầu tiên.

66. Việc phạm giới lấy ngón tay thọc lét gây cười gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để gây cười, phạm Đột-kiết-la.

- Đã cười, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không muốn cười, do có việc, người điên, người phạm đầu tiên.

67. Việc phạm giới đùa giỡn trong nước gồm hai mức độ:

- Lặn xuống nước để giỡn, phạm Đột-kiết-la.

- Giỡn trên mặt nước, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không muốn giỡn, có việc phải xuống nước hoặc lặn xuống hoặc nổi lên, có việc cần đi gấp nên lội qua, người điên, người phạm đầu tiên.

68. Việc phạm giới ngủ chung nhà với người nữ gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để ngủ, phạm Đột-kiết-la.

- Đã ngủ, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nhà lợp kín nhưng không có vách ngăn, che vách kín nhưng không lợp, chỗ không che, không lợp, người nữ nằm, Tỳ-

kheo ngồi, và ngược lại cả hai đều ngồi, người điên, người phạm đầu tiên.

69. Việc phạm giới dọa cho Tỳ-kheo khác sợ gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để dọa, phạm Đột-kiết-la.
- Đã dọa, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không muốn dọa, có giặc cướp, trùng độc, do quỷ Tỳ-xá-già biến ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, trơn láng, do điên, người phạm đầu tiên.

70. Việc phạm giới giấu y, bát, toạ cụ, ống đựng kim, thắt lưng gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để giấu, phạm Đột-kiết-la.
- Đã giấu, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không muốn đùa, ở nơi không tốt nên cất giùm, hoặc cất để khi thuyết pháp xong sẽ trả lại, người điên, người phạm đầu tiên.

71. Việc phạm giới lấy y của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni để mặc mà không trả tiền y gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để mặc, phạm Đột-kiết-la.
- Đã mặc, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Người kia cho, được đồng ý, người điên, người phạm đầu tiên.

72. Việc phạm giới vu khống xua đuổi Tỳ-kheo khác bằng pháp Tăng tàn không có căn cứ gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để xua đuổi, phạm Đột-kiết-la.

- Đã xua đuổi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Do tưởng như vậy nên nói và bảo người khác nói, do người điên, người phạm đầu tiên.

72. Việc phạm giới biết là kẻ cướp mà đi chung đường gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để đi, phạm Đột-kiết-la.

- Đã đi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không đi theo nhau, người kia đi theo, Tỳ-kheo không đi theo, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

73. Việc phạm giới đi chung đường với người nữ gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để đi, phạm Đột-kiết-la.

- Đã đi, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không đi theo nhau, người nữ tự đi theo, Tỳ-kheo không đi theo, không hẹn trước, do điên, người phạm đầu tiên.

74. Việc phạm giới truyền giới Cụ túc cho người chưa đủ hai mươi tuổi gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để truyền giới Cụ túc, phạm Đột-kiết-la.

- Đã truyền giới Cụ túc, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Dưới hai mươi tuổi nhưng tưởng là đã đủ, truyền giới Cụ túc cho người đã đủ hai mươi tuổi, do điên, người phạm đầu tiên.

75. Việc phạm giới đào, đất gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để đào, phạm Đột-kiết-la.

- Vừa đào xuống đất, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nói lời tác tịnh: "Biết việc này, cho cái này, cần vật này, lấy vật này", không cố ý, không nhớ nghĩ, không biết, do điên, người phạm đầu tiên.

76. Việc phạm giới xin thuốc quá thời gian hạn định gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để xin, phạm Đột-kiết-la.

- Xin được, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Thỉnh cúng thuốc ấy, xin thuốc ấy, thỉnh cúng giữa đêm, xin giữa đêm, biểu thị mình cần thuốc bằng cách nói: "Xin cho tôi thuốc này, tôi thiếu thuốc này", bà con, được thỉnh, xin cho người khác, vật của mình, do điên, người phạm đầu tiên.

77. Lúc thuyết giới Tỳ-kheo nào nói: "Tôi

không học giới này, để tôi hỏi Tỳ-kheo trì Luật chân chánh khác", phạm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để nói, phạm Đột-kiết-la.
- Nói xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nói sẽ biết, sẽ học, do điên, người phạm đầu tiên.

78. Việc phạm giới biết Tỳ-kheo đánh, mắng, tranh cãi nhau mà đứng nghe gồm hai mức độ:

- Đang đi, phạm Đột-kiết-la.
- Đứng lại, để nghe, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Nghe họ đã ngưng chửi mắng, cãi nhau, tự tránh đi, do điên, người phạm đầu tiên.

79. Việc phạm giới khi Tăng phân xử chưa xong, không nhắn người bênh cạnh mà đứng dậy bỏ đi gồm có hai mức độ:

- Do khinh thường mà đứng dậy, chuẩn bị bỏ đi, phạm Đột-kiết-la.
- Đã rời khỏi chỗ ấy, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Do Tăng đánh mắng nhau, do tranh cãi gây rối, do sự cạnh tranh phá Tăng, do bè đảng phi pháp, chưa kiểm tra số chúng mà nói là đã kiểm tra, bị bệnh, mắc đại tiểu tiện, không muốn phá hỏng việc kiểm tra số chúng,

đúng lúc phải trở về, do điên, người phạm đầu tiên.

80. Việc phạm giới gây rối loạn gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện gây rối phạm Đột-kiết-la.
- Đã gây rối phạm Ba dật, đề.

Trường hợp không phạm là: Hỏi hoặc nói như lời thầy mình chỉ dạy, người điên, người phạm đầu tiên.

81. Việc phạm giới uống rượu gồm có hai mức độ:

- Đang lấy để uống, phạm Đột-kiết-la.
- Uống vào miệng, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Chẳng phải rượu nhưng có vị giống rượu, ở trong canh, do điên, người phạm đầu tiên.

82. Việc phạm giới vào thôn phi thời mà không nhắn lại với Tỳ-kheo ở bên cạnh gồm có hai mức độ:

- Bước chân đầu tiên ra ngoài cương giới, phạm Đột-kiết-la.
- Cả hai chân bước ra ngoài cương giới, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Có việc làm gấp, có Tỳ-kheo thưa rồi mới đi, không có Tỳ-kheo nên không nhắn được mà đi, cả tinh xá đều đi, đi khỏi tinh xá Ni, đi khỏi chỗ của ngoại đạo, con đường

đi qua làng, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

83. Việc phạm giới lúc đi thọ thỉnh, có Tỳ-kheo mà không nhắn lại hoặc đi đến nhà ấy trước và sau giờ ăn gồm hai mức độ:

- Đi bước chân đầu tiên ra ngoài cương giới, phạm Đột-kiết-la.

- Bước cả hai chân ra ngoài cương giới, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đúng thời, có Tỳ-kheo, nhắn lại rồi mới đi, không có Tỳ-kheo nên không nhắn được mà đi, đến nhà ở bên kia đường, đi khỏi vườn, đi khỏi tinh xá Ni, đi khỏi nhà ngoại đạo, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

84. Việc phạm giới vào cung vua mà không báo trước gồm hai mức độ:

- Đi bước chân đầu tiên ra ngoài cương giới, phạm Đột-kiết-la.

- Bước cả hai chân ra ngoài cương giới, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Đã thông báo trước, chẳng phải dòng dõi vua chúa, không được tôn làm vua, vua và phu nhân đều đi ra khỏi phòng ngủ, do điên, người phạm đầu tiên.

85. Việc phạm giới cống cao ngã mạn gồm hai mức độ:

- Việc chưa thành mà cống cao, phạm Đột-kiết-la.

- Việc đã thành mà cống cao, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Không muốn cống cao, không nghe nhiều, nghe dưới hai ba lần, do điên, người phạm đầu tiên.

86. Việc phạm giới dùng xương, răng, sừng làm ống đựng kim gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.

- Đã làm, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm thiền bản, ống đựng thuốc, muỗng uống thuốc (ở An độ dùng vật ấy để múc thuốc nhỏ vào mắt nên gọi là muỗng), dùng làm cán phất trần, do điên, người phạm đầu tiên.

87. Việc phạm giới làm giường cao quá lượng gồm hai mức độ (tiếng Phạn vốn không gọi là giường, vì có âm tương tự nên gọi là giường nhỏ):

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.

- Làm xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm đúng lượng hoặc thấp hơn qui định, người khác làm cho, nếu quá lượng thì cắt bớt mà dùng, do điên, người phạm đầu tiên.

88. Việc phạm giới đan kết lông làm nệm

giường gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Làm xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm dây đai ngồi thiền, thắt lưng, túi đựng bát, túi lọc nước, làm gối, người khác làm được tháo ra dùng, do điên, người phạm đầu tiên.

89. Việc phạm giới may áo lót quá lượng gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để may, phạm Đột-kiết-la.
- Đã may xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: May đúng lượng hoặc nhỏ hơn, người khác làm quá lượng được cắt bớt để dùng, do điên, người phạm đầu tiên.

90. Việc phạm giới may y hạ quá lượng gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Đã làm xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm đúng lượng hoặc nhỏ hơn, nếu người khác làm quá lượng thì được cắt bớt để dùng, do điên, người phạm đầu tiên.

91. Việc phạm giới may toạ cụ quá lượng gồm hai mức độ:

- Tạo phương tiện để làm, phạm Đột-kiết-la.
- Đã làm xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm đúng lượng hoặc nhỏ hơn, người khác làm quá lượng được tháo ra mà dùng, do điên, người phạm đầu tiên.

92. Việc phạm giới may y bằng y của Như lai gồm có hai mức độ:

- Tạo phương tiện để may, phạm Đột-kiết-la.
- Đã may xong, phạm Ba-dật-đề.

Trường hợp không phạm là: Làm nhỏ hơn, người khác làm quá lượng được cắt bớt mà dùng, do điên, người phạm đầu tiên.

(Xong chín mươi hai Ba-dật-đề)

**** BỐN PHÁP HỐI HẬN VỀ LỖI LẦM. (Hối quá):***

(Dịch giả giải thích: Bốn pháp hối hận là: Hoặc nói nên nói pháp, hoặc nói nên phát lồ)

Việc phạm giới tự tay nhận thức ăn từ Tỳ-kheo ni không phải bà con ở trong nhà cư sĩ gồm có hai mức độ:

- Đang nhận để ăn, phạm Đột-kiết-la.
- Ăn vào miệng, phạm pháp Hối quá.

Trường hợp không phạm là: Bà con, dạy cho người khác, không tự cho, bỏ xuống đất mà cho, cho ở trong tinh xá, được thỉnh bảy ngày hoặc trọn đời, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, do điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới thấy Tỳ-kheo ni lớn tiếng xin

cơm canh ở trong nhà cư sĩ, không chịu quở trách, im lặng mà ăn gồm hai mức độ:

- Đang nhận để ăn phạm, Đột-kiết-la.
- Ăn vào miệng, phạm pháp Hối quá.

Trường hợp không phạm là: Tự có thức ăn, bảo người khác cho chứ không tự cho, người khác có thức ăn tự đem cho chứ không đợi bảo cho, bảo đem cho nhưng chưa được thức ăn, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, trừ năm loại thức ăn chính còn tất cả đều không phạm, do điên, người phạm đầu tiên.

Việc phạm giới tự tay nhận thức ăn nơi đã được tác pháp Yết ma làm "Học gia) gồm hai mức độ:

- Đang nhận thức ăn để ăn, phạm Đột-kiết-la.
- Ăn vào miệng, phạm pháp Hối quá.

Trường hợp không phạm là: Được mời, bị bệnh, thức ăn dư, thức ăn cần theo thời, được thỉnh bảy ngày hoặc trọn đời, do điên, người phạm đầu tiên.

Tỳ-kheo ở nơi thanh vắng, không nói trước mà tự tay nhận thức ăn ở ngoài vườn, phạm hai mức độ:

- Đang nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.
- Ăn vào miệng, phạm pháp Hối quá.

Trường hợp không phạm là: Hoặc sai khiến, hoặc bệnh, hoặc thức ăn dư, củ, vỏ, lá, hoa, quả được mọc trong núi, khi cần, được thỉnh bảy ngày hoặc trọn đời, do điên, người phạm đầu tiên.

(Xong bốn pháp Hối quá)

**** BẢY MƯƠI BỐN PHÁP CHÚNG HỌC***

- Mặc y hạ so le trước sau, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Mặc y so le trước sau, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Để hở thân khi đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Để lộ thân khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, ngủ, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên,

- Vừa quát mắng vừa đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Quát mắng khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không

nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người, phạm đầu tiên.

- Quay nhìn hai bên khi vào trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Quay nhìn hai bên khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, do điên, người phạm đầu tiên.

- Kêu la lớn tiếng khi vào trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Kêu la lớn tiếng khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đi cà nhắc vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Trùm đầu đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh ngủ có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Trùm đầu khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Ngủ, do điên, người phạm đầu tiên.

- Bày ngực khi đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Bày ngực khi ngồi ở trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, ngủ, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Khạc nhổ khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, ngủ, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lật y ngược y khi vào trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lật ngược y khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, ngủ, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lắc lư cánh tay khi đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do

điên, người phạm đầu tiên.

- Uốn thân mình khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không nghĩ, bệnh, ngủ, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lắc lư đầu khi đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý không nghĩ, không biết, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lắc lư đầu khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không nghĩ, bệnh, ngủ, việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Múa máy tay chân khi đi vào nhà, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Múa máy tay chân khi ngồi trong nhà, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Không chú ý khi nhận thức ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Nhìn ngó hai bên khi nhận cơm, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Nhận nhiều canh, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, bà con, được mời, nhận cho người khác, vật của mình, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Nhận cơm quá đầy, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Moi cơm lên để ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ không biết, bệnh, moi lên để một chỗ để ăn, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Không chú ý khi ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lượm cơm nằm rải rác để ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, nhặt cho người khác, nhặt ra, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Ăn canh nhiều, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, bà con, được mời, đồ của mình, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Vắt cơm thành lớn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, bánh quả, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Vắt cơm thành vắt dài, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không nghĩ, bệnh, bánh, quả, có việc gấp, do điên, người, phạm đầu tiên.

- Há miệng chờ cơm khi chưa đưa vắt cơm đến miệng phạm Đột- kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người, phạm đầu tiên.

- Ngậm cơm mà nói phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Điên, người phạm đầu tiên.

- Đưa cả tay vào miệng, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Nhai cơm ra tiếng. phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Húp cơm để ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Liếm môi để ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Le lưỡi để ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thun mũi mà ăn phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, do điên, người phạm đầu tiên.

- Làm rơi vãi thức ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, bánh, trái cây, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Phun thức ăn ra khỏi miệng, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không nghĩ, bệnh, bánh, trái cây, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Liếm bàn tay mà ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, do điên, người phạm đầu tiên.

Đổ thức ăn trong bát ra đất phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bịnh, đổ thức ăn thừa vào một chỗ để ăn, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Rảy tay khi ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Trộn cơm với cao sữa để ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Dùng tay dơ bưng đồ đựng nước, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, sẽ rửa, bảo rửa rồi mới nhận, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Xin cơm canh cho mình ăn, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, bà con, được mời, xin cho người khác, vật của mình, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Lấy cơm che lên canh, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, thí chủ che sẵn, không muốn mà được, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Nhìn vào bát người khác khởi tâm ganh ghét, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết,

nhìn nhưng không ganh ghét, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không

nghĩ, không biết, bệnh, lỡ tay đụng, bát bị vỡ chảy ra ngoài, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người cưỡi ngựa, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đi phía sau thuyết pháp cho người đi phía trước, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đứng ở lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Ngồi ở dưới đất thuyết pháp cho người ngồi ở trên giường, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Ngồi ở giường thấp thuyết pháp cho người ngồi ở giường cao, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đứng thuyết pháp cho người ngồi, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, không nghĩ, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người đang nằm, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người trùm đầu, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, không trùm đầu, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết,

bệnh, để hở tóc, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người ngồi buông thõng y, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, do điên,

người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, do điên,

người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người mang giày phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không

nghĩ, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người cầm gậy phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người cầm lọng, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người cầm đao phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không biết, do điên, người phạm đầu tiên.

- Thuyết pháp cho người cầm vũ khí giới phạm Đột-kiết-la. Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đại tiểu tiện, khạc nhổ lên cỏ tươi, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, chẳng phải cỏ tươi, dùng để lau quét, có việc gấp, do điên, người phạm đâu tiên.

- Đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước, phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, rửa ở bờ sông, có việc gấp, do điên, người phạm đầu tiên.

- Đứng đại tiểu tiện phạm Đột-kiết-la.

Trường hợp không phạm là: Không cố ý, không nghĩ, không biết, bệnh, do điên, người phạm đầu tiên.

(Xong bảy mươi bốn pháp Chúng học.)

-oOo-

SỐ 1467

KINH PHẠM GIỚI TỘI BÁO KHINH TRỌNG

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng An Thế Cao, người nước An Tức.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Vào buổi xế chiều, tôn giả Mục Liên xuất thiền, đến chỗ đức Thế Tôn đảnh lễ sát đất, lùi lại đứng qua một phía bạch đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con có điều phân vân muốn thưa hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Cho phép ông hỏi.

Tôn giả Mục Liên liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm các học giới như phạm Ba-la-đề-đề-xá- ni, Ba-dật-đề, Thâu-lan-giá, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-la-di, thì phạm tội nặng nhẹ thế nào? Cúi xin Thế Tôn giảng giải.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Hãy chú ý lắng nghe, Ta sẽ giảng cho ông. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy mà phạm giới chúng học thì sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng năm trăm năm của trời Tứ thiên vương tương đương với chín trăm ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Người nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng một ngàn năm của trời Ba mươi ba tương đương với ba ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Người nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Ba- dật-đề sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng hai ngàn năm của trời Dạ Ma tương đương hai mươi ức bốn ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Người nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Thâu-lan-giá sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng bốn ngàn năm của trời Đâu Suất tương đương năm mươi ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Người nào không biết hổ thẹn khinh lờn lời Phật dạy, phạm Tăng-già-bà-thi-sa sẽ bị đọa vào

địa ngục trong khoảng thời gian bằng tám ngàn năm của trời Bất Kiêu Lạc tương đương hai trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Người nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Ba-la-di sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng mười sáu ngàn năm của trời Tha Hoá Tự Tại tương đương chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Nghe đức Phật dạy xong, tôn giả Mục Kiền Liên hoan hỷ phụng hành.

Lúc ấy, tôn giả Mục Kiền Liên liền nói kệ:

Vì lý do khinh lờn
Chết bị đọa đường ác
Nhờ tu tập nghiệp lành
Được sanh lên cõi trời.
Do tu tập nghiệp phước
Lìa ác được giải thoát
Do không khéo quán sát
Chết bị đọa đường ác.
Tỳ-kheo phải cẩn thận
Phóng dật nhiều buồn rầu
Tranh cãi nhỏ thành lớn
Làm ác bị thiêu đốt.
Giữ giới được phước vui
Phá giới tâm lo sợ
Hết phiền não ba cõi

Mới chứng đắc Niết-bàn.
Giới đức đáng nương cậy
Phước báo thường theo mình
Thấy pháp làm tăng trưởng
Xa lìa ba đường ác.
Giữ Giới trừ lo sợ
Phước đứng đầu ba cõi
Quỷ rồng và rắn độc
Không hại người trì giới.
Bậc thần tiên ngũ thông
Các chú thuật tạo thế
Vì những người hổ thẹn.
Dứt việc không hổ thẹn
Như Lai chế giới cấm
Nửa tháng nói một lần
Cúi đầu lạy chư Phật
Đã nói Giới lợi ích.

-oOo-

SỐ 1467

KINH PHẠM GIỚI TỘI BÁO KHINH TRỌNG (DỊ BẢN)

Hán dịch: Đời Hậu Hán Tam tạng
An Thế Cao, người nước An Tức.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá. Vào xế chiều, tôn giả Mục Liên xuất thiền đến chỗ đức Thế Tôn, đảnh lễ sát đất, ngồi qua một phía, bạch Phật:

- Con có điều phân vân muốn hỏi, cúi xin đức Phật cho phép. Đức Phật bảo Mục Liên:

- Có việc gì thì cứ hỏi, Ta sẽ giải đáp cho. Tôn giả Mục Liên liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm giới chúng học cho đến phạm Ba-la-đề- đề-xá-ni, Ba-dật-đề, Thâu-lan-giá, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-la-di thì phạm tội nặng nhẹ thế nào? Cúi xin đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Hãy chú ý lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn, khinh

nhờn lời Phật dạy, phạm giới chúng học thì sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng năm trăm năm của trời Tứ thiên vương tương đương với chín trăm ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni thì sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng một ngàn năm ở trời Ba mươi ba tương đương ba ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Ba-dật-đề thì sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng hai ngàn năm ở trời Dạ Ma tương đương hai mươi ức bốn mươi ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn, khinh lờn lời Phật dạy, phạm Thâu-lan-giá thì sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng bốn ngàn năm ở cõi trời Đâu suất tương đương năm mươi ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn khinh lờn lời Phật dạy, phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì sẽ đọa vào địa ngục trong thời gian bằng tám ngàn năm ở cõi trời Bất Kiêu lạc tương đương hai

trăm bốn mươi ức ngàn năm ở nhân gian.

Đức Phật bảo Mục Liên:

- Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào không biết hổ thẹn khinh lờn lời Phật dạy, phạm Ba-la-di thì sẽ bị đọa vào địa ngục trong thời gian bằng mười sáu ngàn năm ở cõi trời Tha Hoá Tự Tại tương đương chín trăm hai mươi mốt ức chín mươi ngàn năm ở nhân gian.

Nghe đức Phật dạy xong, tôn giả Mục Liên hoan hỷ phụng hành. Lúc ấy, Mục Liên liền nói kệ:

Vì lý do khinh lờn
Khi chết, đọa đường ác
Vì tu hành điều thiện
Nên được sanh lên trời
Chính nhờ tu nghiệp thiện
Lìa ác được giải thoát
Do không khéo quán sát
Chết bị đọa đường ác.

-oOo-

SỐ 1468
KINH MỤC LIÊN SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Tam tạng Pháp Thiên.

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ở tại tinh xá Trúc Lâm thuộc thành Vương xá. Cuối đêm, tôn giả đại Mục Kiền Liên đi từ chỗ ở của mình đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía.

Lúc ấy, tôn giả đại Mục Kiền Liên đứng dậy bạch đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, làm điều phi pháp thì những người đó làm sao có phước được?

Đức Thế Tôn đáp:

- Này tôn giả đại Mục Kiền Liên! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, làm việc phi pháp thì khi chết người ấy sẽ bị vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng năm trăm năm ở trời Tứ thiên vương tương đương chín trăm vạn năm ở nhân gian.

Tôn giả đại Mục kiền liên lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, không nương theo pháp thì những người đó làm sao có phước được?

Đức Thế Tôn đáp:

- Này Mục Kiền Liên! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, không nương theo pháp thì khi chết người ấy sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng một ngàn năm ở cõi trời Đao lợi tương đương ba ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian.

Tôn giả đại Mục Kiền Liên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, phạm pháp Thổ-la-bát-để (Thâu-lan-giá) thì những người đó làm sao có phước được?

Thế Tôn bảo:

- Tôn giả Mục Kiền Liên! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, phạm Thổ-la-bát- để thì khi chết, người ấy sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng bốn ngàn năm cõi ở cõi trời Đâu-suất-đà tương đương năm mươi bảy ức sáu vạn năm ở nhân gian.

Tôn giả đại Mục Kiền Liên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn

giới Luật, phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì những người đó làm sao có phước được?

Đức Thế Tôn bảo:

- Này Mục Kiền Liên! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn pha- m giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, phạm Tăng-già-bà-thi- sa thì khi chết, người ấy sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng tám ngàn năm cõi ở trời Hoá lạc tương đương mười bốn ức hai trăm ba mươi ức bốn trăm vạn năm ở nhân gian.

Tôn giả đại Mục Kiền Liên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn phạm giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, phạm Ba-la-di thì những người đó làm sao có phước được?

Đức Thế Tôn bảo:

- Này Mục Kiền Liên! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mê loạn pha- m giới, không biết hổ thẹn, khinh lờn giới Luật, phạm Ba-la-di thì khi chết, người ấy sẽ bị đọa vào địa ngục trong khoảng thời gian bằng một vạn sáu ngàn năm cõi ở cõi trời Tha Hoá Tự Tại tương đương chín trăm mười lăm ức sáu trăm vạn năm ở nhân gian.

Nghe đức Phật giảng xong, tôn giả Mục Kiền Liên vui mừng đảnh lễ đi ra.

-oOo-

SỐ 1469
KINH CA DIẾP GIỚI CẤM

Hán dịch: Cư sĩ Thư Cừ Kinh
Thanh đời Lưu Tống.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ đà-Cấp cô độc cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hai ngàn vị Bồ tát.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Tỳ-kheo Đại Ca diếp:

- Có hai việc làm Tỳ-kheo bị đọa vào địa ngục: Một, nói đây là vật của tôi, hai là mong muốn được cúng dường.

Tỳ-kheo lại có hai việc: Một là nghe theo ngoại đạo, hai là ham muốn cất chứa y, bát.

Lại có hai việc: Một là chơi thân với bạch y, hai là thấy Sa-môn trì Giới nghiêm túc lại ganh ghét.

Lại có hai việc làm Tỳ-kheo bị đọa vào vạc dầu sôi: Một là thường nghĩ đến ái dục, hai là thích giao kết bạn bè.

Lại có hai việc: Một là có lỗi không chịu sám hối, hai là nghĩ về việc xấu của người khác.

Có hai việc làm Tỳ-kheo bị đọa vào địa ngục:

Một là phỉ báng Kinh điển, hai là hủy hoại giới Kinh.

Tỳ-kheo lại có hai việc: Một là phạm tất cả các giới, hai là không đạt được gì trong Chánh pháp.

Tỳ-kheo lại có hai việc cần sám hối: Một là mặc pháp y, ca sa một cách phi pháp, hai là thân không trì giới lại không hầu hạ Sa-môn trì Giới.

Tỳ-kheo lại có hai việc thật khó tránh khỏi khổ não: Một là tâm tà vạy, tán loạn, hai là ngăn người khác thực hành đạo Bồ tát.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca Diếp:

- Sa-môn làm sao để được gọi là Sa-môn đúng nghĩa? Có bốn hạng Sa-môn: Một là hình dáng, y phục tương tợ Sa-môn. Hai là bên ngoài giống Sa-môn, bên trong thì hay dua nịnh. Ba là chỉ mong cầu được hầu hạ, danh tiếng, của cải và kiêu ngạo làm theo ý mình. Bốn là hạng Tỳ-kheo giữ giới hạnh không phạm, đó là Sa-môn chơn chánh.

Một - Thế nào là hạng có hình dáng, y phục tương tợ như Sa-môn? Đó là người cạo râu tóc, mặc pháp y, ôm bình bát nhưng tâm không tự sửa đổi, chỉ muốn làm ác, thích học đạo tà. Đó là hạng có hình dạng y phục giống như Sa-môn.

Hai - Hạng bên ngoài giống như Sa-môn, bên trong thì hay dua nịnh là người bước đi thong thả, chậm rãi ra vào, y áo và thức ăn bên ngoài thô xấu nhưng bên trong thì muốn thơm ngon, bên ngoài

thì sống trong lều cỏ ở núi rừng, bên trong thì không có đức tin, mặc ý buông lung, hoặc bên trong thì ghét những người trung thực, hay xin nhiều của cải, mong cầu danh tiếng. Đó là hạng dua nịnh.

Ba - Hạng không trì giới là chỉ vì muốn được người khác khen ngợi nên giả vờ ở nơi vắng vẻ, không tự tỉnh thức để cầu giải thoát, chỉ có thái độ giả dối. Đó là hạng không giữ giới.

Bốn - Thế nào là Sa-môn chơn chánh? Đó là người giữ giới, hành đạo không tiếc thân mạng, coi nhẹ thân thể, không xin các vật dụng, không mong cầu sự cúng dường.

Nếu có Tỳ-kheo nào thực hành pháp Không, thường quán sát pháp thanh tịnh, hoàn toàn không có tì vết, tự phát sanh trí tuệ, không do người khác mà được, chứng đắc Niết-bàn ở trong Phật pháp. Đó là Sa-môn chơn chánh.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca Diếp:

- Muốn cầu đạo phải là Sa-môn chơn chánh, đừng nên bắt chước hạng Sa-môn cầu danh, Sa-môn dua nịnh. Giống như người nghèo mà tự xưng là rất giàu, chỉ có tiếng là giàu có, thật ra chẳng có gì cả. Này Ca Diếp! Người ấy có của cải không?

Tôn giả Ca Diếp đáp:

- Thưa không. Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Có người tuy được gọi là Sa-môn

nhưng không thực hành pháp Sa-môn thì cũng như người nghèo tự xưng rất giàu có. Giống như có người bị nước cuốn trôi nhận chìm mà lại khát sắp chết. Cũng vậy, Sa-môn tuy đọc tụng nhiều, có trí tuệ, tài cao nhưng không bỏ tình dục thì bị tình dục làm đói khát, khi chết bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Giống như thầy thuốc có cả một bình thuốc đầy mà không thể tự chữa lành bệnh, người tuy đọc Kinh nhiều nhưng không trì Giới cũng như vậy. Giống như hạt châu ma ni bị rơi vào chỗ dơ, người nào tuy tụng Kinh thường xuyên nhưng không trì Giới cũng vậy. Giống như người chết trang sức vàng, bạc, châu báu, người nào thân không trì Giới mà lại mặc ca sa giống như Sa-môn thì cũng như vậy. Giống như có người con của trưởng giả mặc áo mới, trang sức đẹp đẽ nhưng bên trong không sạch sẽ, người tụng Kinh nhiều nhưng không trì Giới cũng giống như vậy.

Đức Phật bảo Ca Diếp:

- Có bốn hạng giống như người trì giới. Bốn hạng đó là:

Một là có Tỳ-kheo tự nói mình không phạm giới cấm. Họ nói như vậy là vì có sự chấp thủ tự xưng là mình tốt.

Hai là, có Tỳ-kheo biết đó là tất cả những giới hạnh ở trong Kinh điển sâu xa và tự cho là việc mình đã làm.

Ba là, có Tỳ-kheo nắm bắt được nhiều vấn đề và tự khoe đó là điều tôi nắm bắt được.

Bốn là, tự nói tôi thường thực hành tâm bình đẳng, luôn sợ hãi sanh tử. Đó là những Sa-môn tự ca ngợi mình là người trì giới.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca Diếp:

- Giới cấm không có hình tướng, không lệ thuộc ba cõi, không có thường, không có ta, không có người, không có mạng, không có ý, không có tên gọi, không có chủng loại, không có giáo hóa, không có người dạy làm, không từ đâu đến, không đi về đâu, không hình tướng, không diệt mất, không có thân, không có chỗ phạm, không có miệng, không có chỗ phạm, không có tâm, không có chỗ phạm, không có thế gian, không có tính toán, không có việc đời, không có chỗ trụ, không có giới, không có chỗ niệm, không có hư hoại, đó gọi là giới cấm.

Lúc ấy, đức Đức Phật nói về giới cấm không có tì vết cũng không có sự vướng mắc. Giới là sự không có các việc sân hận, luôn an ổn, vượt khỏi con đường thế gian, như vậy là trì giới. Không yêu mến thân hình và tuổi thọ cũng không thích năm đường, hiểu rõ cách thể nhập Phật đạo, đó là trì giới. Không ở giữa, cũng không ở một bên, không vướng chấp mắc cũng không thay đổi, giống như gió giữa hư không. Đó là trì giới, đó mới là người

không phân biệt chủng loại và có định tâm, không chấp trước điều gì, không có bản ngã, với hình tướng trời người mà hiểu rõ như vậy, đó gọi là trì giới thanh tịnh. Không bị lay chuyển đối với giới cấm, không tự cao, thường muốn giữ đạo, trì giới, được như vậy thì không ai có thể hơn. Người này không tin nơi sự trống rỗng, làm điều Phật làm, không có nhiễm ô, từ trong bóng tối của thế gian đi ra ánh sáng, đứng ở nơi không có chỗ trụ, không còn ở ba cõi, đó là pháp về giới.

Khi Đức Phật giảng nói pháp về giới này, ba vạn ba ngàn trời và người đều đắc đạo Tu-đà-hoàn, tám trăm Sa-môn nhờ nhân duyên này mà được giải thoát và có được trí tuệ như vậy.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

ĐẠI TỲ KHEO TAM THIÊN UY NGHI
SỐ 1470
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1470

ĐẠI TỲ KHEO TAM THIÊN OAI NGHI

Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao nước
An Tức đời Hậu Hán.

QUYỂN THƯỢNG

Đệ tử của đức Phật có hai hạng: Một là tại gia, hai là xuất gia. Người tại gia ban đầu lấy việc thọ năm giới làm gốc để ngăn ba đường ác, cầu phước trời người, vì họ chưa thể dứt bỏ hẳn sự phiền lụy của gia đình, quyến thuộc nên lại được trao thêm ba giới hỗ trợ cho năm giới trước trong một ngày một đêm để gieo nhơn duyên xuất gia nơi đời vị lai. Người xuất gia thực hành có bắt đầu có kết thúc, bao gồm các bậc thượng, trung, hạ.

Người xuất gia bậc hạ trước hết phải lấy mười giới làm gốc, thọ trì suốt đời, tuy bỏ gia đình, quyến thuộc nhưng vẫn còn nhiều việc của người thế tục, người xuất gia này đối với giới Cụ túc thì vẫn còn là giới tại gia nên gọi là xuất gia bậc hạ.

Người xuất gia bậc trung phải xả bỏ các sự việc ràng buộc, thọ đủ tám vạn bốn ngàn nhân duyên hướng đạo. Tuy xả bỏ các việc ràng buộc, tạo nghiệp, nhưng các nghiệp thân khẩu ý chưa thể

hoàn toàn thanh tịnh, vẫn còn nội kết trong tâm, chưa được giải thoát, không thể sánh kịp người xuất gia bậc thượng nhưng hơn hẳn người xuất gia bậc hạ nên gọi là bậc trung.

Người xuất gia bậc thượng có căn thông lợi, tâm mạnh mẽ, có thể xóa bỏ các kiết sử ràng buộc. Người đã xả bỏ kiết sử ràng buộc thì đạt được thiền định, trí tuệ, tâm được giải thoát. Người đã được giải thoát thì các nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, ra khỏi nhà phiền não, ở nơi yên tĩnh, mát mẻ. Đó gọi là người xuất gia bậc thượng.

Người xuất gia bậc trung chỉ vừa mới thọ giới Cụ túc, chưa thể thấu đạt các oai nghi phép tắc của Sa-môn, cần phải y chỉ các vị trưởng lão có đức hạnh.

Vì thế Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi đức Phật:

- Phải thành tựu bao nhiêu pháp thì mới không cần y chỉ? Đức Phật đáp:

- Thành tựu hai mươi lăm pháp thì không cần y chỉ. Nói đầy đủ thì hai mươi lăm pháp. Nói tóm lược thì chỉ cần biết Giới của hai bộ làm gốc.

Nay chỉ cần thành tựu mười pháp:

Một là, không biết rõ sự chung hay riêng về giới của hai bộ. Sự chung hay riêng là sự giống hoặc khác trong một Thiên, hoặc nhẹ trong giới Tỳ-kheo và nặng trong giới Ni, hoặc nhẹ trong giới Ni và nặng trong giới Tăng, hoặc có ở trong thiên

trước và không có ở trong thiên sau, hoặc có ở trong giới của mình mà không có ở trong giới khác, hoặc có ở trong giới khác mà không có ở trong giới của mình, không biết cách phân bộ đối với các giới như vậy gọi là không biết giới.

Hai là, không biết đó là tội hay chẳng phải tội, hoặc là có tội đối với Phật pháp nhưng không có tội đối với thế gian, hoặc có tội đối với thế gian mà không có tội đối với Phật pháp, hoặc vừa có tội đối với Phật pháp vừa có tội đối với thế gian, hoặc chẳng có tội đối với Phật pháp và cả nhân gian.

Có tội đối với Phật pháp nhưng không có tội đối với thế gian là tội cất chứa của cải dư và lìa y sau khi đã chế giới…

Tội đối với thế gian chẳng phải tội đối với Phật pháp là tội sát sanh, trộm cướp… khi chưa chế giới.

Tội đối với Phật pháp và thế gian là tội tà dâm, dối gạt… trước và sau khi chế giới.

Chẳng có tội đối với cả Phật pháp và thế gian là chặt cỏ cây trước khi chế giới.

Tỳ-kheo nào ăn thức ăn dư, thức ăn được ngủ chung qua đêm, thức ăn để cách đêm, phạm tội. Nếu được tịnh nhân dâng thì không phạm tội. Nếu không biết các việc như vậy thì gọi là không biết tội hay chẳng phải tội.

Ba là, không biết tội nhẹ hay tội nặng. Không biết tội nhẹ là: như Sa-di phạm giới dâm một lần,

hết sức xấu hổ thẹn thùng đến chết không tái phạm, suốt đời sống yên ổn, không nhận lời thỉnh của người, tha thiết cầu xin đại chúng cho phép thọ giới Tỳ-kheo, trọn đời khuyến hóa làm phước. Những người như vậy, tuy hiện đời không đắc đạo nhưng vị lai sẽ chịu tội nhẹ. Đó là không biết tội nhẹ. Không biết tội nặng là: Như trong thời Phật Ca Diếp có Tỳ-kheo hái lá Diêm bị đọa làm rồng, đến nay quả báo chưa hết do không biết phạm giới nhẹ mà mắc tội nặng. Đó gọi là không biết tội nặng.

Bốn là, không biết tội có thể cứu hay không thể cứu. Tội có thể cứu như trộm năm tiền của một người sau đó trả lại cho chủ, hoặc giết Chiên-đà-la mà không biết tội có thể cứu ở trong tội không thể cứu. Đó gọi là không biết tội có thể cứu. Không biết tội không thể cứu là ở trong ba mươi pháp Xả đọa, xin y tốt với ý thân quen, sau đó chủ y đòi lại, nếu không trả lại mà y đó có giá năm tiền trở lên, phạm Ba-la-di. Không biết bên trong tội có thể cứu, có tội không thể cứu. Đó gọi là không biết tội không thể cứu.

Năm là, không biết giới được chế một lần, nghĩa là có giới từ đầu đến cuối không có khai hoặc có một lý do, khai một lần. Đó là không biết giới chế một lần.

Sáu là, không biết giới được chế hai lần trở lên. Đó là có giới do hai ba nhơn duyên hợp làm một giới, hoặc có nhơn duyên được khai hai lần cho đến

sáu lần. Đó gọi là không biết giới chế hai lần.

Bảy là không biết giới chế riêng cho trường hợp đặc biệt. Như ở cõi nước thanh tịnh thì không cần nhận thức ăn, ở cõi nước thờ nước thì không tẩy tịnh khi đi đại tiểu tiện, ở cõi nước có tuyết lạnh thì được mặc y nhiều lớp, Tỳ-kheo ở những cõi nước như vậy thì không phạm nhưng đến nước khác mà làm việc ấy thì phạm. Đó là không biết giới chế riêng cho trường hợp đặc biệt.

Tám là, không biết chế giới cho mọi trường hợp như sát sanh… không có nước nào không ngăn cấm. Đó là không biết giới chế cho tất cả mọi trường hợp.

Chín là không biết yết ma Bố tát. Bố tát nước Tần gọi là sống yên tịnh, nghĩa là nuôi dưỡng sự hòa hợp của Tỳ-kheo hoặc làm một trăm lẻ một pháp yết ma mà không biết hòa hợp. Đó gọi là không biết Bố tát.

Mười là, không biết yết ma Tự tứ. Tự tứ là cầu xin người khác nêu ra lỗi của mình, nói cho mình những lỗi mà họ thấy, nghe, nghi. Năm người trở lên làm yết ma đơn bạch. Khi Tự tứ đông phải sai hai người làm người Tự tứ. Lý do sai hai người là, khi Tăng Tự tứ xong, hai người ấy phải tự hướng về nhau để nêu ra tội, không được xin Tự tứ nơi người khác bởi vì người khác không được Tăng sai. Hai, ba, bốn người thì Tự tứ bằng cách nói ba

lần. Một người thì tâm nghĩ, miệng nói. Nếu không biết việc ấy thì gọi là không biết Tự tứ.

Nếu hoàn toàn không biết mười pháp trên thì khi tuy đủ hoặc hơn năm hạ cũng phải y chỉ vị trưởng lão có đức. Nếu không y chỉ thì mỗi ngày phạm một Đột-kiết-la. Nếu biết mười pháp trên và đủ năm hạ thì được lìa thầy y chỉ. Khi đã lìa y chỉ phải học pháp làm thầy. Đủ mười hạ được độ người khác. Nếu không biết năm pháp thì trọn đời không được độ người.

Năm pháp ấy là: Một, thông suốt giới của hai bộ, hai là có thể giải quyết những phân vân và tội lỗi của đệ tử, ba là đệ tử ở nơi xa thì có thể làm cho đệ tử đến, bốn là có thể phá tà kiến của đệ tử và dạy dỗ không cho làm ác, năm là nếu đệ tử bệnh thì có thể chăm nom như cha nuôi con.

Ai thành tựu năm pháp này và đủ mười tuổi hạ thì được làm Hòa thượng độ người khác. Nếu không biết việc ấy thì trọn đời không được độ người khác, nếu độ, phạm tội Đột-kiết-la.

Đã lìa y chỉ thì được độ người. Đã độ người khác thì sẽ có đồ chúng và cần phải biết pháp tập hợp Chúng. Trong chúng nếu không có người biết pháp thì dù cho trăm người, ngàn người cũng không được ở một chỗ.

Vì thế Tôn giả Ưu Ba Ly hỏi Đức Phật:

- Thế nào là Tỳ-kheo ở chung một chỗ giống

như dê câm? Đức Phật đáp:

- Đó là Tỳ-kheo không biết bốn pháp.

Một là, không biết thuyết giới. Không biết giới nghĩa là chưa thông suốt về giới chung và riêng, phân xử thuận theo Kinh điển.

Hai la, không biết việc thuyết giới. Ngày mười bốn và mười lăm nên thuyết đủ hay thuyết tóm lượt. Bốn người trở lên thì phát thẻ để điểm danh rồi thuyết đầy đủ, hai người, ba người thì thuyết giới bằng cách nói ba lần, một người thì tâm nghĩ miệng nói. Khi thuyết giới mà có tai nạn phát sanh thì sau khi nói bài tựa của giới xong, phải yết ma bạch nhất: "Hôm nay có việc phát sanh, đã nói bài tựa của giới xong, những phần khác thì như Tăng thường nghe". Nếu không biết việc trên thì gọi là không biết việc thuyết giới.

Ba là , không biết yết ma. Nên bạch nhất, lại bạch nhị. Nên bạch nhị, lại bạch tứ. Làm yết ma phi pháp biệt chúng. Yết ma phi pháp là: trước yết ma sau bạch, đương sự không có mặt, nếu người ấy có mặt thì không nêu ra việc này mà lập tức làm yết ma. Biệt chúng là cần gởi dục mà không nhắn gởi, đương sự yết ma ở bên ngoài cương giới, chúng Tăng yết ma bên trong cương giới, kết nội giới xong mới kết ngoại giới. Đó là yết ma phi pháp, biệt chúng. Hoặc là chúng phi pháp tụ tập lại một chỗ, hoặc là chúng hòa hợp bố tác phi pháp.

Những trường hợp như vậy gọi là không biết yết ma.

Bốn là, không biết hội tọa, nghĩa là lúc nói giới, Tự tứ, có Tỳ-kheo khách đến, nên thuyết giới lại hay không nên thuyết giới lại, nên nghe theo thứ lớp hay không nên nghe theo thứ lớp, Tỳ-kheo đã đến trước nên ra khỏi cương giới mà lại bảo Tỳ-kheo khách ra khỏi cương giới. Hoặc có lúc khách đến ít, tuy không cần thuyết giới trở lại nhưng nếu khách có oai đức lớn hoặc cứng rắn có thể gây ra việc tranh cãi cần thuyết giới mà lại không thuyết. Đó là Tỳ-kheo không biết hội tọa.

- Nếu Đại chúng không có ai biết bốn pháp trên thì không được ở chung một chỗ, cần thỉnh người biết pháp đến. Nếu thỉnh không được thì cả chúng nên đến sinh hoạt với chúng biết pháp khác. Nếu không thỉnh, không sinh hoạt với chúng biết pháp khác thì cả chúng phạm tội Đột-kiết-la.

Đã được lìa y chỉ, lại được độ người và biết pháp lãnh đạo dẫn dắt đồ chúng thì cần phải làm thanh tịnh thân, miệng, y áo, thức ăn.

Làm thanh tịnh thân là rửa sạch đường đại tiểu tiện, cắt móng tay.

Làm sạch miệng là xỉa răng, súc miệng, cạo lưỡi. Nếu không tẩy rửa khi đại tiểu tiện, phạm Đột-kiết-la và không được ngồi ở trên tọa cụ sạch sẽ của Tăng và đảnh lễ Tam bảo, dù đảnh lễ cũng

không có phước đức. Nếu không xỉa răng thì hoặc ăn, hoặc uống thuốc, hoặc uống nước đều phạm ba tội Đột-kiết-la. Nếu mặc y dơ mà đi vào làng, phạm tội Đột-kiết-la.

Thức ăn thanh tịnh là loại thức ăn chẳng phải là thức ăn dư của chúng Tăng, chẳng phải là loại thức ăn ở chung phòng với tịnh nhân qua đêm, chẳng phải là thức ăn đựng bằng bát dơ hay bát không được rửa bằng nước tháo đậu, không phải là thức ăn được đựng trong bát gỗ, thức ăn tự làm và thức ăn do mua bán mà được. Như vậy gọi là y áo. . . thanh tịnh. Thế nên phải mặc y sạch sẽ để ngồi ăn.

Khi mới thành đạo, đức Phật ăn cháo. Lúc nữ gia chủ đã nấu cháo xong, đức Phật suy nghĩ: "Các đệ tử xuất gia phải ngồi thế nào và ăn ra sao?" Ngài quán sát thấy pháp chư Phật và các đệ tử đều ngồi xổm một bên để ăn và chỉ ăn một lần, liền nghĩ: "Các đệ tử Ta cũng vậy".

Lý do mặc y sạch là vì muốn hạn chế sự chướng ngại và phòng hộ các giới. Lý do ngồi chòm hõm là vì muốn giữ cho y sạch sẽ và trái với pháp của thế tục, và cũng để ngồi trên cỏ ăn cho dễ. Ai ngồi xổm không đúng pháp phạm chín tội Đột-kiết-la: Một là chân trước chân sau, hai là dang rộng chân, ba là lắc lư, bốn là dựng chân lên, năm là ngồi tréo chân, sáu là rũ ba y che bàn chân, bảy là kiễng chân lên, tám là cẳng chân chồng lên nhau, chín là gác

đùi vế lên nhau. Như vậy đều phạm Đột-kiết-la. Do không ngồi xổm, phạm ba tội Đột-kiết-la.

Sở dĩ phải ngồi xuống để nhận hương là do ở nước Đạt-ba có trụ xứ Tỳ-kheo. Phụ nữ dâng hương đụng tay Tỳ-kheo. Do đó, Tỳ-kheo ấy khởi tâm dục liền bỏ đạo. Thầy hỏi lý do, Tỳ-kheo ấy liền nói rõ. Vị thầy mới đến bạch đức Phật, đức Phật liền chế giới: "Tỳ-kheo nào đứng nhận hương, phạm Đột-kiết-la. "

Lý do không được ăn nhiều lần mà chỉ ăn một lần là vì, nếu làm hoặc xin hoặc nấu thì mất hết nửa ngày, lại tăng thêm dâm dục, giận dữ, si mê và không khác gì người thế tục. Vì thế chỉ ăn một lần.

Ở trên đã nêu ra các phép tắc khác nhau của Sa-môn nhưng chưa luận về việc mà người xuất gia phải làm. Các việc đó là: Một là tọa thiền, hai là tụng Kinh, ba là làm các việc giáo hóa. Nếu làm đủ ba việc đó thì hợp với pháp của người xuất gia. Nếu không làm các việc ấy thì là hạng nửa sống nửa chết và gây ra nhân chịu khổ.

Tỳ-kheo nào thành tựu mười pháp này thì được độ người và truyền giới Cụ túc cho người, thành tựu oai nghi, lo sợ, thận trọng với cả những tội nhỏ, học rộng hiểu nhiều, có thể thọ trì những pháp mà đức Phật dạy, tụng thông suốt Luật của hai bộ và hiểu rõ ý nghĩa, có thể dạy cho đệ tử được tăng trưởng Giới học, Định học và Tuệ học, có thể trừ

bỏ sự nghi ngờ, thắc mắc của đệ tử, cũng có thể nhờ người khác trừ bỏ sự nghi ngờ ấy, có thể trị bệnh cho đệ tử và cũng có thể nhờ người khác trị bệnh, nếu đệ tử khởi tà kiến ác thì có thể dạy cho họ xả bỏ tà kiến hoặc nhờ người khác làm cho họ xả bỏ tà kiến ấy. Nếu đệ tử khởi ý nghĩ về sự an nguy của đất nước thì có thể xoay chuyển ý nghĩ của đệ tử hoặc nhờ người khác xoay chuyển. Nếu đủ mười hạ hoặc hơn mười hạ và thành tựu mười pháp thì nên truyền giới Cụ túc cho người.

Biết tội nặng, biết tội nhẹ, biết tội thô, biết tội có thể cứu, biết tội không thể cứu, biết tội có yết-ma, biết tội không yết-ma, đủ mười hạ hoặc hơn mười hạ. Thành tựu năm pháp này thì nên truyền giới Cụ túc cho người, có thể dạy đệ tử được tăng trưởng về giới học, Định học, Tuệ học, việc làm kỹ lưỡng chắc chắn, luôn giữ chánh niệm.

Ai thành tựu năm pháp, ba pháp như trên thì thông minh, biện tài. Có năm pháp thành tựu, là: Thành tựu giới, thành tựu Định, thành tựu Tuệ, thành tựu Giải thoát và thành tựu Giải thoát tri kiến.

Có năm pháp thành tựu, là: Tự an trụ nơi giới, dạy người an trụ nơi giới, tự an trụ nơi Định, dạy người an trụ nơi Định, tự an trụ nơi Tuệ, dạy người an trụ nơi Tuệ, tự an trụ nơi Giải thoát, dạy người an trụ nơi Giải thoát, tự an trụ nơi Giải thoát tri kiến, dạy người an trụ nơi Giải thoát tri kiến.

Lại có năm pháp thành tựu, là: Thành tựu các Giới vô học, các Định vô học, các Tuệ vô học, các Giải thoát vô học, các Giải thoát tri kiến vô học.

Lại có năm pháp thành tựu là có thể dạy đệ tử Giới Tăng thượng, Phạm hạnh tăng thượng, biết có phạm hay không phạm, biết đã hối lỗi hay chưa hối lỗi, đủ mười hạ hoặc hơn mười hạ thì nên truyền giới Cụ túc cho người, độ Sa-di hay làm y chỉ cho người cũng như vậy.

Chúng Tăng từ lớn đến nhỏ đều nghe rõ. Hôm nay là thời điểm bốn phương đều tập hợp đến đây. Phật khó được gặp, pháp khó được nghe, người hiền khó được gặp, ngày tháng qua mau. Nay các hiền giả đã trải qua bao nhiêu lần sanh, bao nhiêu lần chết, đã được sanh trong pháp, đã được thọ giới, đã được nghe pháp, đã được việc làm tốt, những tội đã phạm từ năm trước đến nay hoặc tham lam dâm dục, hoặc sân hận, hoặc ngu si thì hôm nay đều phải nêu bày ra, chấp nhận ngu si, không được che giấu. Ở trong chúng, người phạm tội mà nói dối thì mắc tội hư không thực, liền khinh chê Giới và tự hủy hoại.

Tỳ-kheo phạm giới dâm tên Ca-lưu-đa, Tỳ-kheo phạm giới sát tên Ca-lưu, Tỳ-kheo phạm giới trộm cắp tên Ca-lưu-hoàn, Tỳ-kheo phạm giới vọng ngữ tên Ca-hoàn, đều ở nước Xá vệ, Tỳ-kheo cất thất tên Ca- lưu ở tại nước Xá vệ, Tỳ-kheo thủ dâm làm xuất tinh tên Ca-lưu-đa ở nước La duyệt

kỳ. Có Tỳ-kheo tên Ca-lưu-đa dẫn năm trăm đệ tử đến ở tại nước Ni Diễn.

Trong mười ba Tăng tàn, có ba giới không cần sám hối. Ba Giới đó là: gặp người che giấu tội lỗi thì không cần sám hối, không giúp đỡ nhau một cách chơn thật thì không cần sám hối, đối với vợ của đàn việt và các thiếu nữ dâm loạn thì không cần sám hối. Mười Giới còn lại thì phải sám hối.

Nếu phạm quá một ngày phải lập tức sám hối trong ba ngày.

Nếu quá ba ngày không sám hối thì phải sám hối trong bảy ngày, quá bảy ngày không sám hối thì phải sám hối trong mười lăm ngày, nếu quá mười lăm ngày mà không sám hối thì phải sám hối trong ba mươi ngày, nếu quá ba mươi ngày mà không sám hối thì phải thọ giới lại, nếu không thọ giới lại thì chẳng phải Sa-môn (ND: Trong Luật không có văn này, không biết rút ra từ sách nào). Nếu muốn sám hối thì phải có đủ hai mươi vị. Không đủ hai mươi vị thì không được sám hối.

Ba mươi Xả đọa đều phải sám hối, phải đủ bảy Tỳ-kheo, thiếu một người thì không được sám hối. Nếu phạm thì phải sám hối trong ngày hôm ấy và sám hối liên tục ba ngày. Nếu quá ba ngày không sám hối thì phải sám hối bảy ngày, nếu quá bảy ngày không sám hối thì phải sám hối trong mười lăm ngày, nếu quá mười lăm ngày không sám hối

thì phải sám hối ba mươi ngày, nếu quá ba mươi ngày không sám hối thì phải sám hối chín mươi ngày.

Chín mươi Ba-dật-đề đều phải sám hối. Nếu phạm quá một ngày liền sám hối và phải sám hối suốt ba ngày. Nếu quá ba ngày không sám hối thì phải sám hối suốt bảy ngày, nếu quá bảy ngày không sám hối thì phải sám hối mười lăm ngày, quá mười lăm ngày không sám hối thì phải sám hối ba mươi ngày, quá ba mươi ngày không sám hối thì phải sám hối chín mươi ngày. Nếu sám hối phải đủ bốn vị.

Ai có đủ mười việc sau thì được làm thầy yết-ma: Một là thọ giới đã lâu; hai là có danh tiếng; ba là có trí tuệ; bốn là biết phương tiện; năm là có thể phát sanh công đức; sáu là có đức; bảy là được chúng Tăng tín nhiệm; tám là được đàn-việt tín nhiệm; chín là có thể lui tới với đàn-việt; mười là phải đủ mười hạ.

Lại có bốn việc phải nên đi: Một là nhà cửa hư nát; hai là không có đàn việt; ba là nhiều ruồi; muỗi trùng độc; bốn là vua ghét đạo. Lại có bốn việc nên đi: Một là làm sứ giả cho tháp; hai là làm sứ giả cho chúng Tăng; ba là làm sứ giả cho ba vị thầy; bốn là đã học hết những điều mà ba thầy đã biết; phải theo thầy đi tìm người hết sức sáng suốt. Có bốn việc mà khi đến nước khác không đem theo y vẫn không có tội: Một là không có chùa tháp; hai

là không có chúng Tăng; ba là trộm cướp; bốn là vua không thích Đạo.

Có bảy nơi không nên dừng lại: Một là giữa chợ; hai là lò mổ; ba là nơi tế tự; bốn là dưới cầu; năm là đầu cầu; sáu là ngã tư đường; bảy là nơi vắng vẻ. Đó là bảy nơi mà ác quỷ cư trú.

Ngủ dậy muốn ra khỏi cửa thì phải giữ năm việc sau: Một là xuống giường không được làm cho giường phát ra tiếng; hai là mang dép phải giũ trước; ba là phải đứng ngay ngắn mặc pháp y; bốn là trước khi mở cửa phải khảy móng tay ba lần, không được làm cửa phát ra tiếng ồn; năm là nếu trong thất có tượng Phật thì không được quay lưng mà đi ra, phải quay lưng về phía cửa mà đi thụt lui ra, không được đứng nói chuyện với người khác.

Tắm rửa súc miệng có năm việc cần phải tránh: Một là không được ngồi xổm; hai là không được hướng về tháp Phật cũng không được xoay lưng về phía ấy; ba là không được hướng về Hòa thượng A-xà-lê và cũng không được ngồi xoay lưng về phía ấy; bốn là không được làm việc ấy trên nguồn nước hay đất sạch; năm là không được ở trong ấy nói chuyện với người khác cũng không được nhận sự lễ lạy của người.

Dùng tăm xỉa răng phải lưu ý năm việc: Một là độ dài đúng lượng; hai là phải chẻ đúng pháp; ba là đầu để xỉa răng không lớn quá ba phân; bốn là

súc miệng phải nhăm ba lần; năm là phải dùng nước để súc miệng, tắm rửa.

Cạo lưỡi có năm việc: Một là không được quá ba lần; hai là lưỡi bị chảy máu phải ngưng; ba là không được vẫy tay làm dơ Tăng-già-lê hoặc chân; bốn là không được vất bỏ tăm xỉa răng ở giữa đường đi; năm là thường để nơi khuất.

Lúc lấy ca-sa để mặc có năm việc: Một là dùng tay gãi lên thân mình thì không được mặc y ngay mà phải rửa tay; hai là chưa rửa tay thì không được cầm ca-sa; ba là không được thả y từ trên xuống dưới mà phải xếp lên tay trái rồi nâng ở phía dưới; bốn là sau khi đã cầm y thì phải giũ y rồi mới mặc; năm là không được vắt y ra đằng trước móc y lên tay.

Lại có năm việc: Một là phải giữ y ở mức độ vừa phải không được để chấm đất; hai là hai đầu phía dưới không được để đụng chân; ba là khi mặc ca-sa không được hướng về tháp Phật hoặc quay lưng về phía ấy; bốn là không được hướng về phía Thượng tọa hoặc ba thầy và cũng không được quay lưng về phía ấy; năm là xếp ca-sa không được dùng miệng ngậm cũng không được dùng hai tay giũ.

Nhiễu tháp có năm việc: Một là cúi đầu ngó xuống đất; hai là không được đạp trùng; ba là không được nhìn ngó hai bên; bốn là không được khạc nhổ lên vùng đất ở trước tháp; năm là không

được đứng trong tháp nói chuyện với người khác.

Khi nhiễu tháp phải nghĩ về năm việc: Một là phải niệm công đức của Phật; hai là phải niệm Giới Kinh của Phật; ba là phải niệm trí tuệ của Phật; bốn là phải nghĩ ơn Phật rất khó báo đền; năm là phải nghĩ về sự tinh tấn cho đến nhập Niết-bàn của Phật.

Lại có năm việc: Một là phải nghĩ về chúng Tăng; hai là phải nghĩ về ơn của thầy; ba là phải nghĩ về ơn của cha mẹ; bốn là phải nghĩ về ơn của bạn đồng học; , năm là phải nghĩ về việc làm cho mọi người đều giải thoát xa lìa tất cả các khổ.

Lại có năm việc: Một là nghĩ về việc học trí tuệ; hai là phải nghĩ về việc trừ ba độc; ba là phải nghĩ về việc cầu đạo giải thoát; bốn là thấy cỏ mọc trên tháp phải cẩn thận dùng tay gỡ bỏ không được nhổ mạnh; năm là thấy có vật bất tịnh phải dọn dẹp.

Lại có năm việc: Một là trời mưa phải cởi giày bỏ dưới tháp rồi mới lên lễ Phật; hai là phải ngồi theo thứ tự từ lớn đến nhỏ và phải thăm hỏi nhau; ba là Tăng có việc sai đi phải đi lập tức; bốn là muốn ra đi phải báo cho người ở lại biết; năm là nghe tiếng kiền chùy phải lập tức đến nơi họp mặt.

Buổi chiều vào phòng phải lưu ý năm việc: Một là muốn vào phải đứng khảy móng tay ba tiếng rồi vào, không được làm cửa phát ra tiếng ồn; hai là giày dính bùn dơ phải cởi bỏ ở ngoài; ba là phải làm đúng pháp cởi cà-sa; để ở nơi thường để; bốn

là phải lau giày rồi đem để ở nơi kín đáo; năm là sau khi tắm rửa thì muốn nghỉ ở đâu tùy ý.

Muốn lên giường phải lưu ý năm việc: Một là từ từ ngồi lên giường; hai là không được bò lên giường; ba là không được để giường gây ra tiếng động; bốn là không được lau chùi giường quá mạnh gây ra tiếng ồn; năm là rửa chân chưa khô thì phải lau cho khô.

Ở trên giường có năm việc: Một là không được tằng hắng lớn; hai là không được nói chuyện rộn ràng; ba là không được than thở nhớ nghĩ việc thế gian; bốn là không được nằm dựa vách; năm là muốn ngồi dậy phải đúng thời. Nếu tâm tán loạn không yên thì phải tự trách rồi mới ngồi dậy.

Kinh hành có năm việc: Một là phải ở nơi vắng vẻ; hai là phải ở nơi trước cửa; ba là phải ở trước giảng đường; , bốn là phải ở dưới tháp; năm là phải ở dưới gác.

Lại có năm việc: Một là không được ngồi trên gác; hai là không được cầm gậy đi trong chùa; ba là không được nằm tụng Kinh; bốn là không được mang dép; năm là không được dở chân quá cao đạp xuống đất gây ra tiếng động.

Nằm có năm việc: Một là phải hướng đầu về phía Phật; , hai là không được nằm mà ngó Phật; , ba là không được duỗi thẳng hai chân; bốn là không được nằm hướng về phía vách tường cũng

không được nằm sấp; năm là không được vắt chân chữ ngũ và gác hai chân lên nhau, phải gác đầu lên bàn tay, xếp hai bàn chân và chồng hai đầu gối lên nhau.

Ban đêm ngồi dậy tụng Kinh có năm việc: Một là không được nghĩ đến sự thông suốt về giới Kinh của mình, người khác không bằng ta; hai là giả sử không thông suốt thì không được nói Giới Kinh của ta không thông suốt, chính vì việc của Tỳ-kheo ấy nên làm rối loạn ý của ta; ba là không được ngồi nghĩ việc ác của người; bốn là giả sử ngày mai muốn hỏi chỗ nào còn phân vân thì không được hỏi lòng vòng mà phải hỏi thẳng điều mình chưa hiểu; năm là không được nghĩ: "Phải đem những lời trong Kinh này đi hỏi cho người khác bí". Nếu có ý nghĩ như vậy thì chẳng phải pháp của người hiền.

Ở trong chùa có năm việc: Một là không được mang giày da lên trên tháp; hai là không được đi ngược chiều trong tháp; ba là không được xoay lưng về phía Phật khi đi ra cửa; bốn là không được khạc nhổ trên tháp; năm là không được ngồi trên lan can.

Lại có năm việc: Một là không được lấy vật không thích hợp để nơi không thích hợp; hai là sau khi trở về nhà không được dùng quá nhiều nước của thầy tri sự để rửa tay; ba là không được dùng nhầm khăn tay của mọi người; bốn là không được rửa chân trên giếng của mọi người; năm là không

được lấy nhầm bất cứ vật gì của mọi người, có lấy vật gì thì phải báo với chủ.

Lại có năm việc: Một là không được cùng bạch y cãi lộn mắng nhau; hai là khi nói chuyện với người không được lắc đầu; ba là không được ngồi trên giường của Thượng tọa; bốn là không được ngồi xoạc chân ở trước Thượng tòa; năm là không được ngồi ngang hàng với Hòa thượng A-xà-lê.

Lại có năm việc: Một là không được trèo cây; hai là không được cầm trái lê ném cho người; ba là không được đem nước tạt người; bốn là trong nước có trùng không được uống hoặc rửa; năm là Tỳ-kheo không được trả thù người đã mắng mình.

Lại có năm việc: Một là không được giận dữ đánh mắng súc sanh; hai là không được dùng lời nói ác mắng người là súc sanh; ba là không được ngồi nằm vẽ trên giường; bốn là không được bôi hương hoa phấn sáp lên thân; năm là không được ca, ngâm, múa, hát. Nếu có ai biểu diễn âm nhạc thì không được đi xem nghe.

Lúc ăn có năm việc: Một là Tỳ-kheo ăn cơm không được nói: "Tôi biết lúc nào sẽ chết", chỉ nên ăn cho no; hai là Tỳ-kheo ăn đã no, thí chủ lại mang cơm đến thêm thì Tỳ-kheo không được nhận; ba là Tỳ-kheo ăn cơm còn dư không được ném cho người khác, không được vứt trên cỏ; bốn là cơm còn dư phải mang đổ trên nước sạch; năm là người

chỉ có dư ít cơm mà thỉnh Tỳ-kheo đến ăn cơm thì không nên đến.

Lại có mười việc: Một là khi đến phải khảy móng tay rồi mới vào; hai là quan sát chỗ ngồi rồi mới ngồi; ba là dưới chỗ ngồi có tiền, dao, trái cây, dưa thì không nên ngồi; bốn là nếu có binh khí, y áo, đồ vật ở dưới chỗ ngồi hoặc chỗ ngồi dính đầy bụi đất thì không nên ngồi; năm là những đồ vật được trang trí đẹp bằng vàng bạc thì không ôm và sờ vào; sáu là không được thường xuyên nhìn phụ nữ ở gia đình đàn việt; bảy là phải ngồi đúng pháp; tám là chưa ăn không được thuyết pháp cho người; chín là không được lấp cơm lên canh để mong được nhận thêm; mười là ăn chưa no thì không được nói.

Có năm trường hợp không nên đảnh lễ: Một là đến nhà cư sĩ rồi trở về thì không được đảnh lễ người khác ở giữa đường, cũng không nên nhận sự lễ lạy của người; hai là Thượng tọa nằm thì không nên đảnh lễ, cũng không nên nằm mà nhận người khác đảnh lễ; ba là Thượng tọa súc miệng thì không nên đảnh lễ, tự mình đang súc miệng cũng không nên nhận sự đảnh lễ của người khác; bốn là Thượng tọa dọn mâm chưa xong thì không nên đảnh lễ, tự mình dọn mâm chưa xong cũng không được nhận người khác đảnh lễ; năm là Thượng tọa đang ăn thì không được đảnh lễ, tự mình đang ăn cũng không được nhận sự đảnh lễ của người. Lại

có năm trường hợp không nên đảnh lễ: Một là khi đang đọc Kinh, cầm Kinh thì không nên đảnh lễ Thượng tọa; hai là Thượng tọa ở chỗ thấp, mình ở chỗ cao thì không nên đảnh lễ; ba là Thượng tọa đi ở phía trước thì không được theo đảnh lễ phía sau; bốn là không được ngồi trên ghế mà đảnh lễ Thượng tọa; năm là không được đội mũ mà đảnh lễ Phật, hoặc ba thầy, chúng Tăng Thượng tọa mà mắc tội nặng thì cũng không được đảnh lễ.

Tỳ-kheo mặc y lót phải chú ý năm việc: Một là không được mặc lộn ngược; hai là phải giữ cho bốn phía bằng thẳng; ba là phải xếp cho đầu mối nằm gần phía bên trái; bốn là buộc dây thắt lưng về phía phải; năm là buộc dây thắt lưng ba vòng không được để thòng hai đầu.

Ở trần mặc y lót có mười việc: Một là nếu không có áo che nách ở trong thì không được mặc ca-sa; hai là không được đến trước tượng Phật trên tháp; ba là không được vào trong giảng đường; bốn là không được đến trước ba vị thầy; năm là không được cùng nói Kinh với Thượng tọa; sáu là không được đến cùng ngồi với Thượng tọa; bảy là không được đến ngồi trên giường của Thượng tọa; tám là không được vào phòng của Thượng tọa; chín là không được vào nhà ăn hoặc đến trước chúng Tăng; mười là nếu bên trên không có áo lót thì không được ra khỏi cửa hoặc xuống lầu quá ba thước.

Mặc ba pháp y có năm việc: Một là nên mặc ở trên y lót, không có y lót ở trong thì không được mặc An-đà-hội; hai là ở trong có y lót nhưng không có An-đà-hội thì không được mặc Uất-đa-la-tăng; ba là có mặc An-đà-hội bên trên, không có Uất-đa-la-tăng thì không được mặc Tăng-già-lê; bốn là ba y phải mặc đều đặn từ trong ra ngoài; năm là không được quá ba màu. Phải đi bộ như pháp. Đó là pháp đi đường.

Mang bát có năm việc: Một là phải buộc thắt lưng cho chắc; hai là phải đặt bát dưới nách trái; ba là khi đi phải để bát hướng ra ngoài; bốn là không được để thòng đụng gót chân, năm là ăn cơm xong phải mang bát trở về.

Rửa bát có năm việc: Một là dùng nước tháo đậu hoặc đậu đen để rửa; hai là không được rửa ở đất sạch; ba là không được hướng về tháp, chúng Tăng hoặc ba thầy; bốn là không được hắt đổ nước tung tóe; năm là không được dùng khăn dơ lau trong, ngoài bát. Mỗi người phải có một cái khăn khô dùng tay lau cho khô thì tốt, khi muốn ra hợp mặt gấp thì phải phơi dưới mặt trời hoặc hơ lửa.

Cầm chìa khóa có năm việc: Một là khi muốn ra khỏi phòng phải đến chỗ thường để mà lấy rồi đeo trong ngón tay; hai là muốn đóng cửa không được cầm móc khóa kéo mạnh mà phải nhìn kỹ; ba là muốn mở cửa không được cầm móc khóa mở bật cửa ra mà phải mở từ từ; bốn là đặt then khóa ở nơi

gần tầm tay; năm là cứ bảy ngày lại phải lau chùi một lần.

Lại có năm việc: Một là không được ngồi cùng chiếu với người nữ; hai là nếu gặp thầy thuốc giỏi thì không được theo hỏi các việc về y dược; ba là không tranh cãi với người đời; bốn là khi ngồi đối diện với người nữ không được nói lung tung những việc không cần thiết; , năm là nếu thấy việc gì không vừa ý thì phải đứng dậy bỏ đi.

Đi đến nhà người để đọc Kinh có năm việc: Một là phải đủ bốn người; hai là khi đến phải ngồi theo thứ lớp đúng pháp; ba là phải xem thử có nên đọc Kinh hay không; bốn là nếu người ngồi trên chiếu không muốn nghe Kinh thì hãy chấm dứt; năm là nếu trong pháp hội có người say nói lời hung ác thì không nên đọc Kinh nữa.

Có ba lý do để Tỳ-kheo đến nhà quan lại, quốc vương: Một là vì công việc của thầy; hai là được mời đến đọc Kinh cho người bệnh, người chết; ba là Tỳ-kheo được mời đến thọ trai.

Có bảy việc không nên đến: Một là không được đến để mong cầu việc riêng; hai là không được đến liên tục vì mọi việc; ba là không được cố ý đi theo để xin việc làm; bốn là nếu có đến thì không được nói các việc về thuốc thang; năm là nếu họ mời Tỳ-kheo đến để hỏi các việc thế gian hoặc vấn nạn về Kinh ngoại đạo; sáu là mời Tỳ-kheo đến để xem

sao hạn, ngày tốt, ngày xấu…; bảy là nước ấy muốn xuất binh, mời Tỳ-kheo đến để bàn việc quân, theo pháp của người hiền thì không nên đến.

Lên tòa cao đọc Kinh có năm việc: Một là trước hết phải lạy Phật; hai là phải lạy Kinh pháp, Thượng tọa; ba là trước hết phải bước lên bệ rồi mới ngồi xuống; bốn là phải hướng về Thượng tọa; năm là vịn tay lên tòa rồi mới ngồi.

Ngồi có năm việc: Một là khi ngồi phải giữ cho pháp y ngay thẳng; hai là khi tiếng kiền chùy dứt thì phải tụng đọc một bài kệ; ba là phải đọc tùy theo nhân duyên; bốn là nếu có người không vừa ý mình thì không nên nổi sân giận khi ở trên tòa; năm là nếu có người cúng dường vật gì thì nên đặt ở trước mặt.

Không nên nói Kinh, có năm việc: Một là người không kính ba vị thầy; hai là người phạm giới; ba là người phỉ báng đạo Phật; bốn là Tỳ-kheo hỏi Kinh không đúng pháp; năm là không nên nói Giới Kinh của Tỳ-kheo cho bạch y nghe, nếu nói thì phạm tội.

Lại có năm việc: Một là níu kéo, cặp kè nhau; hai là ngồi chung trên giường nhỏ; ba là người biết chút ít Kinh muốn đến vấn nạn Tỳ-kheo; bốn là nói Kinh nhưng mọi người không nghe; năm là bệnh, say đều không nên nói pháp cho họ.

Muốn ngồi thiền, lại có năm việc: Một là phải

tùy thời; hai là phải được chiếc giường an ổn; ba là phải ngồi ngay ngắn; bốn là phải được nơi yên tĩnh; năm là phải có người hướng dẫn.

Lại có năm việc: Một là phải có đàn-việt tốt, thuần thành; hai là phải có ý tốt; ba là phải có thuốc tốt; bốn là phải có thể uống thuốc; năm là phải được trợ giúp tốt, như vậy mới được phát triển.

Tùy thời là bốn thời.

Chiếc giường an ổn nghĩa là giường dây, ghế mềm nghĩa là ghế lông.

Nơi yên tĩnh là bên gốc cây trong núi, ở chùa riêng không ở chung với người khác.

Bạn lành là người ở chung.

Đàn việt tốt là giúp cho người không có mong cầu. Ý tốt là có thể quán sát điều tốt.

Thuốc tốt là có thể điều phục ý.

Có thể uống thuốc là không nghĩ về vạn vật.

Sự trợ giúp tốt là dây ngồi thiền. Dây ngồi thiền có năm: Một là rộng một thước; hai là dài tám thước; ba là đầu dây có móc; bốn là phải quấn ba lớp; năm là không được dùng cỏ tươi cũng không được dùng móc bằng vàng.

Có năm việc không nên dùng ghế ngồi: Một là khi đại chúng ngồi (dưới đất); hai là khi vào thành; , ba là khi mãn chín mươi ngày; bốn là khi ở cùng chỗ với ba thầy và để bày tỏ sự cung kính; năm là đến nhà bạch y hoặc nhà khách đều không nên tự

ngồi một mình trong phòng trừ khi nghỉ ngơi thì được dùng một mình.

Lại có năm việc: Một là phải dùng cỏ lau già; hai là phải làm đúng pháp; ba là không quá hai lớp; bốn là không được dùng tơ khâu lại; năm là phải mặc đúng pháp, không được để nơi ẩm thấp.

Lại có năm việc: Một là không được mang để lạy Phật; hai là không được mang để vào ngồi trong chúng; ba là không được mang đi lên tháp Phật; bốn là không được mang Kinh hành; năm là khi trời mưa không được mang để đi khất thực.

Lại có năm việc: Một là không được mang vào thất của ba thầy; hai là không được mang đến hỏi Kinh; ba là không được mang đến đảnh lễ Hòa thượng A-xà-lê; bốn là không được mang đảnh lễ chúng Tăng; năm là ngày đêm không được dùng để tắm rửa.

Có năm việc phải vào thất của nhau: Một là hỏi thăm nhau; hai là đến thăm bệnh đau; ba là hỏi Kinh; bốn là muốn mượn vật gì; năm là Chúng sai đến mời.

Đi đến gặp người khác, có năm việc: Một là phải đứng ở ngoài khảy móng tay; hai là đi vào phải bỏ mũ xuống; ba là phải đảnh lễ; bốn là phải đứng ngay ngắn đợi mời ngồi mới ngồi; năm là không được quên mang Kinh vào.

Hỏi: Kinh có năm việc: Một là xuống giường

phải hỏi đúng như pháp; hai là không được ngồi chung mà hỏi; ba là phải hỏi thẳng những chỗ không hiểu; bốn là không được để tâm chạy theo duyên bên ngoài; năm là nếu đã hiểu thì phải đảnh lễ sát đất rồi trở về.

Ra khỏi nhà lại có năm việc: Một là không bảo: "Mua thứ ấy đến, tôi muốn ăn"; hai là không được lấy trái cây đưa cho Sa-di và bảo: "Ông hãy tác tịnh và trao lại cho ta, ta muốn ăn"; ba là không được nằm trên giường của người khác mà nói đùa; bốn là không được khạc nhổ lên đất sạch của người; năm là người quở trách đúng pháp thì không được nổi giận bỏ đi. Đó là cung kính.

Hòa thượng phải có mười lăm đức: Một là phải biết giới; hai là phải giữ Giới; ba là không phạm giới; bốn là phải biết Kinh; năm là phải tự ghi nhớ; sáu là phải dạy Kinh; bảy là phải răn dạy; tám là phải dạy (Định) rèn luyện ý; chín là phải dạy thọ nhận vừa phải; mười là phải dạy phép tắc; mười một là phải có đức độ; mười hai là có thể dẫn dắt đàn-việt; mười ba là không được có tâm riêng tư; mười bốn là có ai mang đồ vật đến thì phải nói: "Đều là vật của chúng"; mười lăm là chăm nom bệnh nhân phải giúp họ bớt bệnh.

Lại có mười việc: Một là có đệ tử thì phải lo cho đệ tử có đủ y áo, thức ăn; hai là phải có thể dạy Kinh; ba là có thể giảng dạy ý nghĩa của Kinh; bốn là thông hiểu được Kinh gì sâu xa đều phải dạy đệ

tử; năm là đệ tử hỏi điều gì đều phải trả lời được; sáu là có thể phân biệt giảng nói tội dẫn đến ba đường ác; bảy là có thể dạy cho họ có trí tuệ như mình hoặc hơn mình; tám là phải dạy trì giới, phân biệt, biết được việc làm; chín là phải dạy Giới theo sự hiểu biết của mình; mười là phải xét rõ ý tứ, khả năng của đệ tử.

A-xà-lê phải có năm đức: Một là phải thông hiểu bốn bộ A hàm; hai là phải có đầy đủ Giới đức; ba là phải có trí tuệ; bốn là phải có đức lớn; năm là phải tự giữ gìn.

Lại có năm việc: Một là làm thầy phải tự giữ giới; hai là giả sử y áo của đệ tử bị rách có thể cung cấp cho họ y áo mới; ba là đệ tử đau bệnh thì có thể chăm nom; bốn là phải hướng dẫn họ bố thí, giảng rõ về tội phước; năm là đủ mười hạ mới nên làm Hòa thượng và phải đầy đủ kiến thức.

Lại có năm việc: Một là phải dạy học trí tuệ; hai là phải dạy siêng năng tụng Kinh; ba là phải dạy cho có thể hiểu Kinh; bốn là phải dạy những Kinh sâu xa; năm là phải dạy họ đừng tranh luận về Kinh với người khác.

Lại có năm việc: Một là phải răn dạy; hai là phải dạy nhận vừa đủ; ba là phải dạy họ biết giới; bốn là phải dạy trì giới; năm là phải dạy tùy thuận theo Hòa thượng, phải đầy đủ mười hạ và biết hết mọi việc.

Hầu thầy có năm việc: Một là phải kính sợ thầy, hai là phải tuân theo sự răn dạy của thầy, ba là phải thuận theo ý của thầy, bốn là phải hiểu lời thầy nói, năm là không được trái lời thầy dạy.

Lại có năm việc: Một là sáng chiều phải đến hỏi thăm sức khỏe; hai là khi đến phải mặc cà sa, bỏ mũ; ba là đến cửa phải khảy móng tay ba lần, không được ngang nhiên bước vào; bốn là phải đảnh lễ sát đất rồi quì phía trước hỏi thăm sức khỏe; năm là nếu thầy nói: "Này con! người nọ đến đây nói về việc không đúng pháp mà con đã làm, con có biết mình đã phạm tội không?". Nếu mình có phạm thì phải lập tức sám hối: "Con thật ngu si". Nếu không có thì không được nói ngược lại. Thầy bảo đi thì phải đứng dậy đảnh lễ rồi ra khỏi phòng.

Lại có năm việc: Một là phải vì thầy mà bưng bô đi đổ đồ bất tịnh, rửa sạch rồi mang vào; hai là phải lau chùi giường chiếu, xếp mền gối; ba là phải xếp ca-sa để nơi thầy thường để; bốn là đứng đợi, thầy dạy ngồi không được ngồi ngay, thầy bảo ba lần mới được ngồi; nếu thầy hỏi: "Con thuộc Kinh chưa?" mà không bảo tụng thì không được tụng ngay; năm là nếu muốn hỏi Giới Kinh thì phải xem lúc này có nên hỏi hay không nên hỏi.

Lại có năm việc nên báo: Một là gội đầu, cạo tóc; hai là tắm rửa; ba là ra đi; bốn là làm việc chúng; năm là bệnh đau, uống thuốc.

Đệ tử hầu thầy có hai mươi việc. (Thiếu phần nêu bày)

Tỳ-kheo may pháp y có năm việc: Một là phải đảnh lễ sát đất; hai là phải trình bày sự việc: "Hôm nay con may y, con xin bạch thầy rõ"; ba là thầy im lặng không đáp thì phải đứng dậy đảnh le; , bốn là nếu cho phép làm thì phải thọ giáo như pháp; năm là nếu thầy bảo: "Chưa được làm, hãy may rộng chừng đó, dài chừng đó" thì phải theo lời dạy đó, không được làm trái.

Lại có năm việc: Một là không đủ ba y thì phải mau chóng may cho đủ; hai là đã đủ thì không được may thêm; ba là pháp y đã rách thì nên may; bốn là pháp y chưa quá rách thì không nên may; năm là phải may y cho đúng kích thước, được may bằng ba màu xanh, vàng, mộc lan. Đó là y phục.

Nhuộm pháp y có năm việc: Một là phải dùng vật sạch; hai là phải nhuộm nơi kín đáo; ba là phải làm sao cho chắc; bốn là không được lìa y; năm là phải thường trông coi.

Mặc pháp y có năm việc: Một là đến nhà đàn việt không được bày ngực mà đi vào; hai là không được vắt pháp y qua khuỷu tay mà đi vào; ba là không được vung vẩy pháp y mà vào cửa; , bốn là không được vắt ngược pháp y mà đi vào cửa; năm là không được quay nhìn hai bên.

Khi đi, mặc pháp y có năm việc: một là giữa

đường gặp ba thầy phải bày vai phải; hai là phải che hai vai từ cổ họng trở xuống chỉ chừa bàn tay phải; ba là che hai vai được thò bàn tay phải ra từ bên dưới; bốn là đi đường sình lầy được dùng một tay vén y; năm là khi trở vào nhà, sợ y dơ, được dùng hai tay vén y.

Không nên mặc Tăng-già-lê, có ba việc: Một là khi làm tháp; hai là khi làm việc cho tăng bốn phương; ba là làm việc của Tỳ-kheo tăng.

Lại có mười việc: Một là vá chưa xong; hai là giặt chưa xong; ba là Sa-di cầm khóa đi ra chưa vào; , bốn là có gió lớn; năm là có mưa; , sáu là lụt lội; bảy là có lửa lớn; tám là gặp quan huyện; chín là gặp trộm cướp; mười là làm việc cùng người nữ.

Lại có năm việc: Một là bùn lầy ẩm thấp; hai là sương móc; ba là trời âm u; bốn là vào núi; năm là đi xa.

Phơi pháp y có năm việc: Một là gió thổi mạnh không được phơi; hai là cứ sáu ngày phải phơi một lần; ba là không được phơi ngang đường đi; bốn là không được phơi quá lâu; , năm là không được xếp ngay mà phải đợi đem vào hết.

Giặt pháp y có năm việc: Một là không được dùng chân đạp; hai là không được dùng hai tay nắm vò; ba là không được dùng hai tay nắm kéo; bốn là không được dùng y áo đùa giỡn với người khác; năm là không được xếp y áo để dưới chiếu.

Lại có năm việc: Một là đặt y trên khăn sạch; , hai là muốn xếp mang vào phải nhận từ tay người khác; , ba là đem vào phải để nơi thường để; bốn là không được đem y khác đặt lên; năm là không được xếp pháp y và nằm lên đó.

Lại có năm việc: Một là không có ba pháp y thì không được vào ngồi giữa chúng Tăng; hai là pháp y không đủ thì không được vào nghỉ trong chùa; ba là đi ra sau nhà rửa tay thì không được mặc y; bốn là đi ra sau nhà chưa dùng nước thì không được lên tháp; năm là đi ra sau nhà phải cởi ca-sa và áo lót.

Gội đầu cạo tóc phải báo, có năm việc: Một là từ ngày mười lăm đến ngày mười lăm phải báo; gội đầu cạo tóc xong phải báo; hai là tắm rửa phải báo; ba là cắt móng tay, móng chân phải báo; bốn là như thường lệ hoặc nhỏ nhặt thì không cần báo; năm là tự biết không đúng thời thì đều không nên báo.

Khi sắp ra đi phải báo, có năm việc: Một là phải đảnh lễ sát đất; hai là phải đứng ngay ngắn nói rõ sự việc; ba là khi đã được chấp nhận thì phải đảnh lễ; , bốn là thầy bảo ở lại thì không được làm trái lời thầy; năm là muốn trở vào phòng để đọc Kinh.

Vào phòng tắm có hai mươi lăm việc: Một là phải cúi đầu mà vào, không được ngó lên; hai là phải ngồi theo thứ lớp, không nên lộn xộn; ba là không được đọc Kinh, nói bậy; bốn là nói lời chúc phúc không được lấy nước rửa; năm là không được

lấy nước nóng để dùng; sáu là không được lấy nước rưới vào lửa; bảy là không được quở trách lửa nhiều ít; tám là không được dùng nhiều nước của người khác; chín là không được giặt y, khăn tay ở trong đó; mười là tắm xong phải đi ra ngay; mười một là Hòa thượng, A-xà-lê ở trong đó thì không được vào; mười hai là ba thầy tắm thì đang vào phải quay trở ra; mười ba là ba thầy tắm phải cầm y đứng đợi bên ngoài; mười bốn là đã ra thay y thì phải lấy khăn tắm đem giặt; mười lăm là tự mình vào tắm phải báo; mười sáu là khi vào phải thoa dầu mè; mười bảy là phải dùng đất; mười tám là phải dùng tháo đậu; mười chín là phải dùng tro; hai mươi là phải dùng nước nóng rồi mới dùng nước; hai mươi mốt là phải tụng Kinh ít nhiều; hai mươi hai là phải mang nước đến chỗ tắm; hai mươi ba là không được đứng trước Thượng tọa; hai mươi bốn là nếu không có Thượng tọa thì phải chúc phúc cho đàn việt; hai mươi lăm là khi đi ra không được đứng ngoài gió mà phải mau chóng vào phòng.

Vào nhà sưởi ấm có hai mươi lăm việc: Một là phải ngồi theo thứ lớp; hai là mỗi người tự đọc Kinh; ba là phải tư duy về Đạo; bốn là không được vô phép đến trước Thượng tọa; năm là không cùng người hạ tọa nói chuyện thế gian; sáu là nghe tiếng kiền chùy phải đi lạy Phật; bảy là phải lạy chúng Tăng; tám là không được ngồi chỗ dành cho Thượng tọa; chín là không được quay nhìn hai bên

mà nói chuyện; mười là không được khạc nhổ làm dơ đất sạch; mười một là không được quở mắng hạ tọa; mười hai là không được la mắng người đốt lửa; mười ba là không được thoạt ra thoạt vào; mười bốn là không được bước đi gây ra tiếng ồn; mười lăm là khi đi ra phải đóng cửa; mười sáu là nếu cửa đã đóng thì phải khảy móng tay; mười bảy là không được kéo mạnh cửa gây ra tiếng ồn; mười tám là khảy móng tay xong thì phải giữ tâm yên tĩnh mà đọc Kinh; mười chín là tự đọc Kinh không được nói chuyện; hai mươi là người khác đang đọc Kinh không được nói lung tung; hai mươi mốt là đọc Kinh chưa xong không được đứng lên ngồi xuống nhiều lần gây ra tiếng ồn làm loạn tâm ý người khác; hai mươi hai là đọc Kinh chưa xong không được bỏ đi nằm nghỉ trước; hai mươi ba là chúc phúc chưa xong, thì không được mở cửa bỏ đi; hai mươi bốn là phải lạy Phật; hai mươi lăm là phải lạy Thượng tọa.

Vào giảng đường có năm việc: Một là phải đảnh lễ Thượng tọa; hai là không được cởi cà sa đặt trước Thượng tọa; ba là không được lớn tiếng; bốn là không được tụ tập nói cười; năm là Thượng tọa nói Kinh phải chú ý lắng nghe.

Lại có năm việc: Một là khi người khác đang nói Kinh dù đúng hay sai cũng không được ngắt lời giữa chừng; hai là khi họ đã nói xong mới từ từ đứng dậy nêu lên thắc mắc; ba là không được tranh

cãi với nhau về Kinh điển bằng ý xấu; bốn là không được nổi giận nằm trên ghế của người; năm là phải tư duy tự trách.

Vấn đáp Kinh có ba việc nên hỏi, ba việc không nên hỏi: Một là người kia mạnh khỏe thì hỏi; hai là lúc người kia vui vẻ thì nên hỏi; ba là người kia tự nói Kinh theo thời thì nên hỏi.

Người kia không khỏe thì không nên hỏi. Người kia không vui vẻ thì không nên hỏi. Người kia đang nói về việc khác thì không nên hỏi.

-oOo-

ĐẠI TỲ-KHEO TAM THIÊN OAI NGHI

QUYỂN HẠ

Mười hai hạnh đầu đà là: Một là không được nhận lời thỉnh của người, hàng ngày đi khất thực, cũng không được nhận phần ăn và của cải của chúng Tăng; hai là nghỉ đêm ở trên núi, không nghỉ đêm ở nhà người, ở phố phường, xóm làng; ba là không được xin y phục của người khác, người cho y phục cũng không nhận, chỉ nhặt y người ta vứt bỏ ở nghĩa địa, may vá lại mà dùng; bốn là nghỉ đêm ở bên gốc cây nơi đồng trống; năm là mỗi ngày ăn một bữa gọi là đại thệ nguyện; sáu là ngày đêm không nằm, chỉ ngủ ngồi, tỉnh dậy liền đi Kinh hành, còn gọi là Tăng-nê-sa-kỳ-lũ; bảy là chỉ có ba tấm y, không có y dư, cũng không nằm trên nệm; tám là ở gò mả, không ở trong chùa, không ở trong nhà dân, quan sát hài cốt người chết, ngồi thiền, cầu Đạo; chín là chỉ muốn ở một mình, không muốn gặp người, cũng không muốn nằm chung với người; mười là trước tiên ăn trái cây, sau đó mới ăn cơm, ăn xong không được ăn trái cây trở lại; mười một là chỉ muốn nằm ngủ ngoài trời, không thích ngủ bên gốc cây hay trong nhà; mười hai là

không ăn thịt, bơ sữa, không dùng dầu mè thoa lên thân.

Cầm tích trượng có hai mươi lăm việc: Một là vì rắn, trùng; hai là vì tuổi già; ba là vì đi khất thực; bốn là ra vào thấy tượng Phật không được để đầu gậy phát ra tiếng; năm là không được cầm gậy vào trong chúng; sáu là vào buổi chiều không được cầm gậy đi ra ngoài; bảy là không được vác trên vai; tám là không được gác ngang vai và dùng hai tay níu hai đầu; chín là không được dùng tay vung gậy tới lui; mười là không được cầm gậy đến nhà sau; mười một là ba thầy đã cầm gậy đi ra, không được cầm gậy đi ra theo; mười hai là nếu người cùng đi, một người cầm gậy đi ra, những người khác không được cầm gậy ra theo; mười ba là đến nhà đàn việt không được để gậy rời khỏi thân; mười bốn là đến cửa nhà người phải tằng hắng, nếu thí chủ không ra thì phải đi nơi khác ngay; mười lăm là nếu thí chủ đi ra thì phải đặt gậy lên khuỷu tay trái và kẹp lại; mười sáu là gậy ở trong thất, không được đem bỏ nằm dưới đất; mười bảy là phải mang đến để gần giường nằm; mười tám là phải lau chùi; mười chín là không được để đầu gậy rỉ sét; hai mươi là muốn cầm gậy đi ra phải nhận gậy từ Sa-di hoặc bạch y; hai mươi mốt là đến nhà người bệnh nghỉ đêm thì được mang gậy theo vào buổi chiều tối; hai mươi hai là tiễn đi một quãng xa được dùng gậy vào buổi chiều tối; hai mươi ba là

đi ngủ đêm ở nơi xa được phép dùng gậy vào buổi chiều tối; hai mươi bốn là đi ở chỗ vắng được phép dùng gậy vào buổi chiều tối; hai mươi lăm là phải thường để gần mình, không được lấy để chỉ người hoặc viết vẽ thành chữ trên mặt đất.

Đến nhà Ưu-bà-tắc có năm việc nên đến: Một là được Tăng sai; hai là được khất thực; ba là A-kỳ-vân; bốn là thọ thỉnh; năm là bệnh đau chết chóc. Còn tất cả các việc khác thì không nên đến.

Tỳ-kheo nói Kinh cho Ưu-bà-di có năm việc: Một là Ưu-bà-di ẵm con nhỏ đến hỏi Kinh thì không nên thuyết pháp cho họ với tâm dâm; hai là nếu khởi ý dâm thì không được bồng đứa bé mà vuốt ve, đùa giỡn; ba là không được ẵm cho ngồi ở bên cạnh; bốn là Ưu-bà-di bảo Tỳ-kheo nói Kinh về kỹ thuật thoa dầu, phải bảo người nam cầm nhành dương đưa cho Tỳ-kheo, người nam đang cầm nhành dương ở trong tay thì hoàn toàn không được nói Kinh; năm là nếu Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di cùng đến hỏi Kinh, Ưu-bà-tắc đi ra ngoài trước Ưu-bà-di thì Tỳ-kheo cũng phải ra, nếu không thì phi pháp.

Tỳ-kheo mới đến có mười đức: Một là lạy Phật xong phải lùi lại đứng hỏi tên họ của vị chủ tọa, chúng Tăng có bao nhiêu vị và tên là gì; hai là phải đảnh lễ Thượng tọa và thăm hỏi Hạ tọa; ba là không được hỏi chỗ nghỉ ngơi; bốn là đối với người phân chia giường chiếu, ngọa cụ của các Tỳ-

kheo thì không được khen chê tốt xấu; năm là phải cầu y chỉ A-xà-lê; sáu là phải cúng dường hầu hạ A xà lê; bảy là không được chê Kinh; tám là không được tự ý ra vào; chín là muốn quét tháp phải báo thầy tri sự; mười là muốn ra đi, nếu có ngọa cụ thì phải gởi lại người chủ.

Lại có năm việc: Một là phải lo việc chúng, hai là không được dùng nước sạch ở trong chùa một cách phung phí, ba là không được đến phòng của người khác một cách tùy tiện, bốn là không được đi ngược chiều, năm là không được giẫm đạp lên cây cỏ trong chùa.

Phải làm mười việc để tiếp đãi Tỳ-kheo mới đến: Một là phải nhường phòng cho họ; hai là phải cung cấp những thứ cần dùng; ba là sáng chiều phải đến thăm hỏi; bốn là phải nói cho họ tập quán ở nơi ấy; năm là dạy cho họ tránh những điều kiêng kỵ; sáu là phải chỉ cho họ nơi khất thực; bảy là phải nói cho họ nghe về nội qui của Tăng; tám là phải nói cho họ biết thức ăn nào được phép ăn; , chín là phải nói những điều cấm kỵ của quan huyện; mười là phải nói về nạn trộm cướp, nơi đó có thể đi, nơi kia không thể đi.

Tỳ-kheo mới đến muốn gặp vị Thượng tọa để xin y chỉ, nhận vị ấy làm thầy A xà lê thì phải tự nói: "Con tên là… nay con đã xa lìa ba thầy. Các vị ấy đã ở cách xa đây ngần ấy dặm, chỉ có một mình con đến đây để học hỏi bởi vì vua ở nước con

quấy rối không để chúng con yên nên con đến đây xin quy y Tôn giả. Xin Tôn giả hãy làm thầy A xà lê cho con được y chỉ, Tôn giả chấp nhận sự quy y của con, nhận con làm đệ tử, hãy cho con cùng ở. Con sẽ ở với thầy để làm đệ tử của thầy. Xin Tôn giả hãy theo pháp mà làm thầy A xà lê của con. Con xin đê đầu đảnh lễ, bạch: Vì ba ngôi báu, xin thầy A xà lê hãy nhận làm thầy con, xin hãy dạy con cách ra vào, trong trường hợp có ai bắt buộc, tranh cãi với con. Thầy sẽ có người đệ tử là con, hoặc thầy hoặc con muốn đi hay ở đều được tự do. Sau khi đi, con sẽ trở về nơi ấy. Vì thế xin A xà lê hãy nhận con làm đệ tử". Nói như vậy ba lần.

Vị thầy phải đáp lời: "Này Hiền giả! Ông hãy nghe ta nói. Nay ông đã thấy Đạo, cần phải thực hành như lời Phật dạy, cần phải giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, phải nhất tâm suy nghĩ Đạo pháp và phải nghĩ đến trí tuệ, phải ngăn ngừa thân, miệng, ý, diệt trừ ba độc, phải làm ba Pháp sự. Đã làm đệ tử Phật thì không được nghĩ và làm việc làm của nhân gian. Ai có thể thực hành như pháp thì chắc chắn sẽ đắc Đạo, vượt khỏi thế gian".

Thượng tọa dạy xong, ta phải đứng dậy đảnh lễ sát đất rồi đi theo Thượng tọa để nhận y bát. Tỳ-kheo nào muốn nhận bát và ba y nơi A xà lê thì phải nêu lên lý do như bị mất, nước trôi, lửa cháy, trộm cướp, bị rách. Tỳ-kheo ấy phải tự thưa: "Thưa Tôn giả! Bậc Tuệ hạnh tịnh Giới chính là ba thầy

của con, xin hãy giúp cho con những thứ cần thiết". Nói xong ba lần liền đến nhận y bát.

Vị A-xà-lê liền giảng dạy:

- Này Hiền giả, hãy lắng nghe. Con người có sáu tình, phải giữ gìn và phải suy nghĩ thanh tịnh. Tuy sự trong sạch ở thế gian không thể giúp ta đạt đến con đường trí tuệ thanh tịnh nhưng ta phải giữ cho trong ngoài thanh tịnh, không dơ bẩn, không rò rỉ, trong ngoài tương ứng nhau thì mới có thể đạt đến con đường thanh tịnh. Vì thế ta phải nương tựa, phải giữ gìn, bảo vệ. Đó là bát. Về y áo thì phải dạy họ thường xuyên trông coi, giặt giũ.

- Này Tỳ-kheo! Giống như người thế gian chăm sóc thân thể, thích tắm gội, xông hương vào y phục, ngọa cụ. Thà để cho thân không an ổn, ý không an ổn chứ không nên vì sự vừa ý mà để y phục bị rách nát. Nếu không giữ y phục hoàn toàn an ổn, chắc chắn thì không thể đạt đến con đường trí tuệ thanh tịnh. Nếu để ẩm ướt thì sẽ bị trùng ăn nát. Giống như trên thân nếu có một chỗ bị thối rữa thì sẽ không được an ổn, không đạt đến con đường trí tuệ. Hoặc như một chỗ trên thân này bị trùng ăn lở loét hoặc đau hoặc ngứa thì sẽ không được an ổn, không thể đạt đến con đường trí tuệ. Vì vậy từ đầu đến cuối phải bảo vệ y, giặt sạch trong ngoài. Đó là trừ tham lam và ít ham muốn, để đạt được sự thanh tịnh của Hiền giả. Đó là việc về y phục.

Thầy A-xà-lê dạy đệ tử y chỉ phải lưu ý mười lăm việc: Một là lúc chúng Tăng nhóm họp, phải dạy đệ tử quan sát trên dưới đúng pháp; hai là chúng Tăng có dạy điều gì thì bảo đệ tử không được phạm; ba là phải dạy đệ tử tùy thuận theo chúng Tăng từ trên xuống dưới; bốn là phải dạy cho họ biết cung kính; năm là phải dạy những việc cấm kị ở nơi đó và các loại thức ăn thích hợp hoặc không thích hợp; sáu là phải chỉ cho họ biết nơi khất thực, nơi có thể đến, nơi không được đến; bảy là nếu có trộm cướp thì phải tránh ở nơi ấy, không nên tránh nơi ấy; tám là nếu đệ tử bệnh đau thì phải chăm sóc; chín là y áo sắp rách thì phải cung cấp; mười là nếu đệ tử đi hay ở cũng không được ngăn cản; mười một là phải trông chừng ý người; mười hai là việc ở phải tùy theo phương tiện; mười ba là khi đến, ai có hỏi thì phải đáp; mười bốn là muốn tưới ướt đất thì phải làm cho thật gọn và nhẹ nhàng; mười lăm là nếu có lỗi thì không được nói: "Ta không nói với ông nữa". Đó là pháp A-xà-lê dạy đệ tử y chỉ.

Đệ tử y chỉ A xà lê có năm việc: Một là phải thường đến thăm; hai là đến cửa phải khảy móng tay ba lần; ba là bước vào phải đảnh lễ sát đất; bốn là quì hỏi thăm sức khỏe; năm là khi đi ra phải quay lưng về phía cửa lui ra.

Lại có năm việc: Một là sáng chiều phải đến thăm hỏi; hai là thầy gọi liền mặc cà sa đến, không

được ở trần mang dép đi vào; ba là phải quét đất, rưới nước, lau giường chiếu; bốn là nếu có việc thì khi ra vào phải báo; năm là đến hỏi Kinh, dù có được hay không cũng không nên có ý lo sợ. Đó là năm việc mà đệ tử y chỉ A xà lê phải làm.

Tỳ-kheo không nên chứa bảy loại thuốc: Một là thuốc làm bằng ngũ cốc; hai là thuốc tiêu; ba là thuốc nôn mửa; bốn là thuốc bổ; năm là thuốc uống kích thích ăn uống; sáu là thuốc độc; bảy là thuốc trị ghẻ, không có bệnh thì không được dùng các loại thuốc ấy, cũng không được đưa cho người khác dùng, nếu trái lại, phạm tội Đọa.

Tỳ-kheo muốn thâu nhận Sa-di phải có năm việc: Một là phải biết bốn bộ A hàm, hai là phải biết giới, ba là phải biết Kinh, bốn là phải có trí tuệ, năm là phải có đức.

Lại có năm việc: Một là phải giữ giới, hai là không phạm giới, ba là phải hiểu được Kinh, bốn là phải nhẫn nhục, năm là phải tự giữ gìn tất cả. Phải có đầy đủ các việc đó mới được nuôi Sa-di. Nếu không biết đầy đủ thì không được thâu nhận Sa-di.

Tỳ-kheo có thâu nhận Sa-di, phải lưu ý năm việc: Một là Sa- di làm việc chúng Tăng chưa xong thì không được sai làm việc của mình; hai là không được bảo Sa-di tìm chỗ tốt xấu của người khác; ba là không được tin lời Sa-di; bốn là không được lớn

tiếng mắng Sa-di ở giữa chúng; năm là không được chỉ sai làm các việc cho riêng mình, nên sai làm việc chúng.

Có ba việc không cho Sa-di ở chung: Một là ưa thích hình tướng đẹp, hai là thấy họ liền nổi sân, ba là Sa-di bị bệnh tật.

Có ba việc nên đuổi đi: Một là nói phạm giới không có tội; hai là nói không có Phật, Pháp, Tăng; ba là nói với người khác về sự tốt xấu của Hòa thượng, A xà lê.

Nếu muốn đi xa đem gởi Sa-di cho người khác phải dạy năm việc: Một là phải hỏi trước Sa-di có đồng ý không; hai là hỏi: "Ông theo hầu hạ vị thầy mới có làm vừa ý vị ấy không?"; ba là: "Nếu bị quở mắng, ông không được nói "Không phải là thầy tôi mà mắng tôi là chẳng đúng"; bốn là "Phải hầu thầy mới như hầu ta"; năm là "Nếu vị ấy dạy ông đúng pháp thì không được bỏ đi. "

Khi đem Sa-di đến nơi gởi có năm việc: Một là phải dạy cho Sa-di đảnh lễ sát đất, hai là dạy tự quy y, ba là phải nói: "Xin thầy hãy xem Sa-di tôi như Sa-di của thầy"; bốn là khi tôi từ nơi ấy trở về Sa-di này sẽ tự trở về với tôi; năm là nếu vô thường xảy ra với tôi thì Sa-di này sẽ thuộc về thầy.

Nhận Sa-di của người khác gửi có năm việc: Một là phải dạy đọc Kinh; hai là phải dạy không được phạm giới; ba là phải dạy theo thứ lớp cao

thấp trong chúng; bốn là phải dạy đi đứng cho có phép tắc; năm là dạy cung kính mọi người.

Khi chúng Tăng ăn có năm việc: Một là Thượng tọa chưa ngồi thì không được ngồi trước; hai là Thượng tọa chưa nhận phần ăn thì không được nhận phần ăn; ba là Thượng tọa chưa ăn thì không được ăn trước; bốn là Thượng tọa chưa ăn xong thì không được ngừng ăn trước; năm là Thượng tọa chưa đứng dậy thì không được đứng dậy trước.

Nhận phần cơm có năm việc: Một là phải dùng khăn tay mà nhận; hai là khăn nhận đồ ăn phải rộng một thước sáu; ba là phải cầm khăn tay để trên tay đỡ lấy thức ăn; bốn là đầu gối phải ngay thẳng; năm là hai khuỷu tay không được lìa đầu gối.

Lại có năm việc: Một là đã nhận thì không được rời ra; hai là không được quay nhìn hai bên; ba là đã đi ra thì phải lại nhận từ Thượng tọa; bốn là nếu người không bằng lòng thì không được ăn; năm là nếu ở lại đêm mà người không giúp cho những điều kiện thuận tiện thì phải tự thu xếp lấy hoặc nhờ người khác.

Lại có năm việc: Một là không được dùng bàn tay phải hay tay trái giữ bất cứ vật gì; hai là cần xin gì không được gọi lớn tiếng; ba là trao bát của người phải quan sát người xung quanh trên dưới; bốn là trao bát phải dùng tay phải để vỗ lên trên;

năm là phải giữ gìn phần đã nhận.

Lại có năm việc: Một là người đến trao vật, dùng tay tiếp xúc xong phải rửa tay; hai là không được cầm đưa lên cao thả vào trong bát; ba là nếu thấy không vừa ý thì không nên ăn, cũng không được cho người hai bên biết; bốn là trong khi ăn không được khạc nhổ trước Thượng tọa; năm là không ăn thức ăn không nên ăn. Nếu ăn, phạm tội đọa.

Lại có năm việc: Một là không được dùng tay xoa vuốt mặt, mắt; hai là tay trái đã dơ không được tiếp xúc với tay phải; ba là nếu tay đã dơ thì không được bưng bát nước; bốn là không được dùng tay dơ sửa y; năm là không được dùng khăn tay lau bàn tay dơ.

Lại có năm việc: Một là chén đặt không ngay thì phải sửa lại cho ngay, không sửa lại thì không được ăn; hai là thức ăn đã rớt thì không nên lượm ăn lại; ba là nếu có người mang thức ăn đến thêm thì phải dùng ngón tay ra dấu nhận; bốn là không thấy thí chủ đến thì không nên ăn; năm là thức ăn ở trước mặt thì không được nếm vị.

Lại có năm việc: Một là lúc ăn cơm không được trung tiện (hạ phong) trên chỗ ngồi; hai là ăn cơm chưa xong, không được khạc nhổ trên đất; ba là muốn khạc nhổ thì khạc nhổ dưới giày; bốn là đã rửa tay thì không được cầm giày trở lại; năm là đã

cầm giày phải tự biết tay dơ, không lau chùi thì không được cầm y áo.

Trên đây là bốn mươi điều về ăn uống.

Rửa tay, súc miệng sau khi ăn có năm việc: Một là không được sờ tay lên lưng; hai là không được dùng ngón tay móc trong miệng; ba là không được hỉ mũi, khạc nhổ vào trong bát; bốn là súc miệng không được nhổ vào trong bát; năm là không được rảy tay lên làm dơ người xung quanh.

Lại có năm việc: Một là cầm khăn tay phải cầm một cách thuần thục, không được vò nát, trước hết phải rửa tay; hai là không được rảy làm ướt chỗ khô; ba là không được dùng tay lau mặt, mắt, mũi, miệng; bốn là không được nói tôi đã có và không được lấy mang đi; năm là phải dùng đúng pháp.

Lại có năm việc: Một là lau bàn tay khô xong phải đặt khăn trên đầu gối; hai là lau xong phải sửa y lại không được đụng chạm người xung quanh; ba là hạ tọa rửa chưa xong không được quở mắng và gọi lại; bốn là chú nguyện không được nói lung tung; năm là chú nguyện chưa xong không được tự ý đứng dậy.

Lại có năm việc: Một là nếu Thượng tọa nói Kinh cho đàn việt nghe thì phải ngồi ngay thẳng lắng nghe; hai là nếu muốn đi làm các việc gấp, phải bạch với thầy; ba là muốn đi đâu gấp phải nói lại với người hạ tọa; bốn là nếu được phân chia tiền

thì phải đem cất; năm là khi được trả lại, nếu muốn gửi lại cho người thì không được dùng chân hất, không được quăng ném.

Lúc ăn cơm có mười việc cố nhìn hai bên mà không có tội: Một là phải xem thử Thượng tọa nhận mâm cơm chưa; hai là phải xem phía trước Thượng tọa có đầy đủ mọi vật chưa; ba là phải xem hạ tọa cũng vậy; bốn là khi mọi người đều đã ăn cơm phải xem trước Thượng tọa còn thiếu món gì, món gì hết thì gọi mang thêm; năm là xem hạ tọa cũng vậy; sáu là ăn chưa xong lại phải xem Thượng tọa cần thứ gì; bảy là xem hạ tọa cũng vậy; tám là phải xem Thượng tọa đã ăn xong chưa, nếu mình đã ăn xong trước thì phải thu dọn những vật của mình, không được ngồi nhìn người khác; chín là xem hạ tọa cũng vậy; mười là không được nhận phần cơm trước liền bày ra ăn mà phải đợi người khác.

Tỳ-kheo cầm bình rửa và bồn rửa, có hai mươi lăm việc: Một là tay dơ không được nắm lên tay sạch; hai là tay dơ không được cầm nắm; ba là tay dơ không được che trước miệng; bốn là tay dơ không được bảo châm nước vào thêm; năm là tay tay dơ không được sờ trước cổ; sáu là phải từ dưới nâng lên từ chỗ bụng bình; bảy là nước ít thì chỉ dùng chút ít nước để rửa tay cho sạch; tám là phải ra múc thêm nước vào rồi mới rửa kỹ; chín là muốn lấy thêm nước rửa thì trước hết phải rửa tay ba lần

cho sạch; mười là muốn đổ nước vào thùng chứa thì phải xúc thùng ba lần rồi mới đổ đầy vào; mười một là muốn cầm vào thì không được đứng ở giữa đường; mười hai là để ở nơi kín; mười ba là bên dưới gáo múc nước phải có cán để cầm; mười bốn là phải đậy nắp bên trên; mười lăm là phải đựng đầy nước; mười sáu là khi cầm thau rửa không được kéo gây tiếng động; mười bảy là không được làm dơ phần bên cạnh; mười tám là không được đựng cơm bên trong; mười chín là đổ nước dơ; hai mươi là đổ nước không được hắt ra xa mà phải đổ từ từ; hai mươi mốt là rửa bồn trước hết phải rửa cho sạch bên trong, bên ngoài; hai mươi hai là cầm bồn rửa nếu tay dơ thì không được thọc tay vào để lấy nước súc miệng; hai mươi ba là nếu tay dơ thì không được cầm gáo múc nước súc miệng; hai mươi bốn là không được lấy nước ở dưới bếp để rửa gáo múc nước; hai mươi lăm là trong ngoài đều phải rửa ba lần rồi mới đem vào; muốn lấy gáo bỏ vào bồn thì không được bỏ mạnh gây ra tiếng ồn.

Dùng khăn tay, có năm việc: Một là để lau phần trên dưới đầu; hai là phải dùng một đầu để lau tay, dùng một đầu để lau mắt, mặt; ba là không được dùng để lau mũi; bốn là sau khi dùng để lau chất bẩn thì phải giặt ngay; năm là không được lau thân thể, nếu tắm gội thì có khăn khác.

Khi đắp Tăng-già-lê-mà cầm khăn tay, có năm việc: Một là không được để đầu khăn thò ra ngoài;

hai là không được cầm khăn trắng; ba là phải nhuộm khăn thành màu đen; bốn là không được lau mặt; năm là khi ăn phải lấy che trên đầu gối, ăn xong phải lấy xuống, nếu không lấy xuống, có người đảnh lễ hoặc đứng dậy thì phải xếp khăn ấy lại.

Trong Tỳ-kheo Tăng có bảy hạng người không nên làm quản chúng và trực nhật: Một là tuổi già không thể làm việc; hai là bệnh sởi, nhọt không sạch sẽ; ba là bệnh lâu ngày hết sức gầy ốm; bốn là được chúng sai nuôi bệnh; năm là Thượng tọa; sáu là người tri sự; bảy là người gánh vác công việc trong một năm.

Bảy hạng người ấy đều không nên làm. Nếu có ai cưỡng lại không chịu làm thì không nên quở trách hỏi han. Đó mới chính là pháp khí cho đời sau.

Làm thầy coi kho phải thực hành một trăm sáu mươi đức. Làm người trực trong một tháng phải thực hành sáu mươi đức. Người trực nhật trong một ngày phải thực hành mười đức.

Người tri sự phải thực hành ba mươi đức.

Người trực trong một năm phải thực hành mười đức.

Năm hạng người trên cứ thực hành như vậy trong một thời gian lâu dài sẽ đạt được Đạo vô vi, vượt khỏi nhân gian.

Làm thầy trụ trì phải có mười lăm đức: Một là vì Phật; hai là vì Pháp; ba là vì chúng Tăng; bốn là phải tiếc vật của chúng; năm là phải tiếc vật của Tăng bốn phương; sáu là phải tiếc vật của Tỳ-kheo Tăng; bảy là phải biết việc Phật; tám là phải biết việc của Tăng bốn phương; chín là phải biết việc của chúng Tăng; mười là không được mang vật của tháp để vào vật của chúng Tăng bốn phương; mười một là không được mang vật của tháp để vào vật của chúng Tăng; mười hai là không mang vật của Tăng bốn phương để vào vật của tháp; mười ba là không được lấy vật của Tăng bốn phương để vào vật của chúng Tăng; mười bốn là không được mang vật của chúng Tăng để vào vật của tháp; mười lăm là không được lấy vật của chúng Tăng để vào vật của Tăng bốn phương.

Lại có mười lăm đức: Một là muốn làm việc gì phải bạch và báo với chúng; hai là không được cắt xén vật của chúng để sử dụng riêng; ba là không được mang vật của chúng đem cho người thân; bốn là không được lấy vật của chúng Tăng đem bố thí để cầu danh; năm là phải luôn bảo vệ ngọa cụ của chúng Tăng; sáu là nếu có ai đau bệnh thì phải chăm sóc và đem cho các thứ cần thiết; bảy là phải cung kính chăm sóc chúng Tăng; tám là làm thức ăn cho chúng Tăng phải sạch sẽ; chín là phải theo ý của Bà-la-môn; mười là giống như thờ quỉ thần không khác; mười một là không tự ý giận vui;

mười hai là muốn sạch sẽ thì không được ở trần làm việc dưới bếp; mười ba là buổi chiều tối phải thường lần lượt đi xem xét các phòng, xem các phòng Tỳ-kheo đã đóng cửa chưa. Nếu thấy người lạ thì không được la hét liền mà nên hỏi họ có phải là Sa-môn không; nếu đúng vậy thì cho họ ở đến sáng hôm sau, mười bốn là không được lánh nặng tìm nhẹ, quét bỏ vật lạnh vào chỗ nóng, mười lăm là không được quét bỏ vật nóng vào chỗ lạnh. Đó là mười lăm việc.

Khi ăn ở trong nhà ăn, người tri sự trông coi công việc trong chùa phải thực hành hai mươi lăm đức: Một là đã xếp mâm không thì phải đích thân đi xem xét tất cả có sạch sẽ không; hai là không được xếp mâm không trước tiên; ba là Thượng tọa đã có mặt thì nên phân cơm; bốn là tất cả đều đã được phân phát thì đem cho Sa-di hoặc bạch y; , năm là ba thầy ở trong ấy thì không được mang thêm, sáu là phân chia bình đẳng từ trên xuống dưới; bảy là phân cơm xong phải dùng tay làm cho bằng phẳng; tám là muốn phân chia canh phải dùng muỗng khuấy ba lần rồi mới châm; chín là phải phân đều cái và nước; mười là không được múc canh trong nồi bỏ ngay vào bát của người, mà trước hết phải phân vào đồ đựng khác; mười một là không được nói cười lúc phân chia thức ăn; mười hai là không được từ xa gọi lớn bảo đem phần của tôi đến; mười ba là trong chúng có người không ăn

canh thì mang thêm cho vị ấy món thích hợp; mười bốn là nếu trong chúng có gì không vừa ý thì không được quở mắng tại chỗ ngồi; mười lăm là phải nghĩ đến việc nuôi bệnh; mười sáu là lúc ăn cơm người mang vật đến phải lập tức phân chia ngay không được nói để dành đến ngày hôm sau; mười bảy là phải mau châm canh; mười tám là phải châm thêm cơm cho hết; mười chín là không được ngồi chòm hõm ở trong mà ngó chúng Tăng; hai mươi là không được ở cách xa Tăng và bỏ đi trước; hai mươi mốt là khi chúng Tăng đều đã ăn phải đích thân đi xem có ai ăn không đủ thì mang thêm cho họ; hai mươi hai là không được đứng lớn tiếng gọi những người đi theo kiểm tra các vật đựng thức ăn; hai mươi ba là đậy nắp không được gây ra tiếng hoặc vất bỏ dưới đất; hai mươi bốn là phải sai người chuẩn bị các dụng cụ như chổi quét, nước rửa, khăn tay; hai mươi lăm là phải đứng đợi tăng chú nguyện xong, phải thưa rồi mới đi ra.

Dưới bếp có hai mươi lăm đức: Một là làm thầy trụ trì phải hết sức nhẫn nhục; hai là phải làm theo Phật pháp, cung kính, bình đẳng đối với người trên kẻ dưới; ba là nếu có ai theo xin vật gì, nếu có thì phải cho không được nói dối là không có; bốn là phải thức dậy sớm đi xem xét chuẩn bị tất cả mọi thứ; năm là tất cả những người được tăng sai đi nếu cần mua bán gì thì phải cung cấp cho họ, không được bảo đi xin; sáu là muốn gọi lại để nhờ thì

không được ở xa lớn tiếng gọi; bảy là khi làm việc gì cũng đều không được để đồ vật gây ra tiếng động lớn; tám là phải luôn làm vừa lòng Chúng, không được bắt buộc họ; chín là nếu người đem cơm, vật khác dù nhiều hay ít thì phải lập tức bạch Chúng để chú nguyện, không được nhận một mình rồi bảo thí chủ đi; mười là lập tức phân chia khắp, giả sử đã quá giờ thì phải cất lại, không được nếm trước; mười một là nếu đàn-việt đến bảo muốn làm cơm, chưa thấy họ mang gì đến thì không được nói với mọi người. Nếu chủ nhân cầm tiền đến để làm cơm cho chúng Tăng thì người trụ trì cùng thí chủ bàn bạc rồi cùng làm, không được đảm nhận một mình; mười hai là múc nước không được quăng mạnh gàu xuống giếng làm đục nước; mười ba là không được tự chọn gạo; mười bốn là rửa nồi phải thay nước ba lần cho sạch; mười lăm là không được đem nước sôi trong nồi rưới vào rãnh nước; mười sáu là không được vô cớ nhóm bếp; mười bảy là không được quét cỏ tươi làm đứt gốc; mười tám là không được đem râu, rễ, lá tươi bỏ vào lửa; mười chín là không được mang thức ăn, cơm đổ vào nguồn nước; hai mươi là tất cả đồ đựng thức ăn đều phải đậy bên trên, không được để cho dính bụi đất; hai mươi mốt là không được bảo người làm dư phần, giả sử tăng không ăn thì phải đem cất; hai mươi hai là không được đem vật của chúng cho người thân để cầu ơn huệ; hai mươi ba là đậy cất

thì phải đích thân đi xem có chắc chắn không; hai mươi bốn là không được phân thức ăn hôm nay để sang ngày mai; hai mươi lăm là không được mang thức ăn ngày mai làm thức ăn hôm nay.

Có bảy việc để phục vụ Tỳ-kheo mới đến: Một là họ mới đến nơi liền hỏi sức khỏe, hai là phải theo thứ tự lớn nhỏ, ba là phải cung cấp phòng ốc, bốn là phải cung cấp ngọa cụ, mền gối; năm là phải cung cấp đèn, sáu là phải nói những nội quy chính của Tỳ-kheo tăng, bảy là phải nói phong tục của vùng đó.

Sai người đi chợ mua sắm có năm việc: Một là dạy họ không nên tranh cãi với người; hai là dạy phải mua vật thanh tịnh; ba là không được sai họ xâm phạm của người; bốn là không được đi quá nhanh; năm là phải theo ý người.

Mua thịt, có năm việc: Một là thấy thịt còn nguyên chưa cắt ra thì không nên mua ngay; hai là người đã cắt xả ra mới nên mua; ba là nếu thấy thịt ít thì không được mua hết; bốn là nếu thịt thiếu thì không được tùy tiện tăng thêm tiền để lấy; năm là nếu thịt đã hết không được nói sẽ mua nhiều.

Dạy người múc nước, có năm việc: Một là phải bảo rửa sạch gàu nước; hai là phải bảo đặt ở nơi kín; ba là phải che bên trên cho sạch; bốn là không được múc nước dơ; năm là nước đã bị người khác làm dơ thì không được dùng lại.

Dạy người chẻ củi có năm việc: Một là không được chẻ ở chỗ giữa đường; hai là phải coi cán búa có chắc chắn không; ba là không được sai chẻ củi có cỏ tươi; bốn là không được tùy tiện chẻ ván dành để làm tháp; năm là đem cất ở nơi khô ráo.

Dạy người chọn gạo, có năm việc: Một là phải tự lượng nhiều ít; hai là không được có cỏ rác; ba là lựa bỏ cứt chuột; bốn là không được để có vỏ trấu; năm là để nơi đất sạch.

Dạy người vo gạo, có năm việc: Một là phải dùng thau chắc chắn; hai là dùng nước sạch; ba là thay nước năm lần cho sạch; bốn là để ở nơi kín đáo; năm là đậy bên trên cho kín.

Rửa nồi, có năm việc: Một là không được dùng nước tạt mạnh vào đáy nồi; hai là đổ nước dơ ở trong nắp trong thau ra; ba là thêm nước vào cho nay; bốn là rửa sạch nắp gỗ đậy lên trên; năm là ngày đêm che đậy trông chừng cho chắc chắn.

Đốt lò, có năm việc: Một là nhóm lửa không được đốt củi ướt; hai là không được đốt củi tươi; ba là không được đảo ngược củi lại mà đốt; bốn là không được tự dùng miệng thổi cho lửa cháy; năm là không được dùng nước nóng rưới cho lửa tắt.

Dạy người nấu cơm có năm việc: Một là dạy phải đợi hơi bốc lên mới xới cơm; hai là theo hơi bốc lên mà chụm lửa từ từ; ba là giữ nồi đất cho ngay không được để hơi thoát ra; bốn là bỏ gạo vào

nồi đất và đậy kín; năm là đã chín thì bưng xuống và cũng phải đậy đừng để hở.

Lặt rau có năm việc: Một là phải bỏ gốc; hai là phải lặt cho đều; ba là không được để lẫn xanh và vàng; bốn là phải bảo rửa cho sạch; năm là dạy hơ lửa, tác tịnh rồi mới được dùng.

Nấu canh có năm việc: Một là dạy bỏ vật nấu vào theo thứ lớp; hai là phải nấu cho chín; ba là nếm cho vừa ăn; bốn là phải trông coi cho sạch sẽ; năm là khi đã chín phải tắt lửa và đậy lại.

Dạy người rửa mâm và tất cả các dụng cụ ăn uống, có năm việc: Một là phải thay nước ba lần cho sạch; hai là lau cho sạch; ba là bày mâm cách hai tấc; bốn là phải ngồi trên ghế cho chắc chắn để rửa; năm là không được làm dơ y của chúng Tăng.

Kiền chùy, có năm việc: Một là khi hội họp thông thường; hai là vào giờ ăn sáng; ba là giờ ăn trưa; bốn là giờ nhóm họp buổi chiều; năm là tất cả những lúc cần tập họp đột xuất.

Lại có bảy pháp: Một là quan huyện; hai là lửa lớn; ba là nước lớn; bốn là trộm cướp; năm là tập họp Sa-di; sáu là tập họp Ưu-bà-tắc; bảy là gọi thị giả riêng.

Lại phải biết mười hai lúc đánh kiền chùy: giờ hội họp thông thường đánh hai mươi tiếng từ nhỏ, đến vừa, đến lớn; hai mươi mốt tiếng vừa, mười tiếng nhỏ rồi lại đánh ba tiếng. Giờ ăn sáng đánh

tám tiếng lớn. Giờ ăn trưa đánh một hồi. Nhóm họp cũng đánh một hồi. Tập họp Sa-di đánh ba tiếng, tập họp Ưu-bà-tắc đánh ba tiếng. Khi tập họp đột xuất thì tùy theo thời mà đánh. Gặp quan huyện, nước, lửa, trộm cướp cũng tùy theo thời. Gọi thị giả riêng thì đánh một tiếng, kế đó đánh một hồi cho đến khi kiền chùy không còn phát tiếng ngân.

Có một trăm sáu mươi việc khi hội họp thầy quản kho phải làm. Khi tập họp trong hội dâng thức ăn và tổ chức yết ma có năm việc:

Một là phải lạy Phật; hai là phải lạy chúng Tăng; ba là phải ngồi theo thứ lớp; bốn là không được ngồi mạnh trên giường phát ra tiếng động; năm là phải dành chỗ cho Thượng tọa.

Lại có năm việc: Một là không được tranh ngồi trên dưới; hai là phải cung kính Thượng tọa; ba là phải theo pháp lệnh của chúng; bốn là nếu được quản chúng phân công trực nhật hoặc làm việc gì thì phải nghe theo như pháp; năm là khi đã hoàn tất; đứng dạy phải qua bạch Hòa thượng, A-xà-lê.

Nhận trực nhật có năm việc: Một trước là phải nhận chìa khóa cửa; hai là phải thường lau chùi tượng Phật; ba là phải thường lau chùi lư hương; bốn là phải thường lau chùi bóng đèn; năm là phải ngồi ngay ngắn trên chiếu để nhận nhiệm vụ.

Quét trên tháp có năm việc: Một là không được mang giày lên; hai là không được quay lưng về

phía Phật mà quét tháp; ba là không được mang đất sét trắng ném xuống phía dưới; bốn là phải hạ hoa héo ở tượng Phật xuống; năm là phải rửa tay mới được cầm khăn sạch và trở vào.

Lau tượng Phật có năm việc: Một là phải cầm cho chắc; hai là thường lau cho sạch; ba là không được dùng tay vuốt ve mặt, mắt và ngón tay; bốn là phải đích thân trích tiền mua hoa; năm là bố thí cho người rải hoa dâng Phật.

Quét dưới tháp có năm việc: Một là phải rưới nước trước; hai là rưới phải cho đều; ba là phải đợi khô; bốn là không được quét ngược; năm là không được quét ngược gió.

Quét dọn lại có năm việc: Một là không được quét đất trắng; hai là phải dùng tay nhổ cỏ; ba là phải đem đất đổ ở chỗ thấp; bốn là không được quét chừa lại bốn góc; năm là phải quét sạch sáu bộ trước tháp (một bộ bằng 1, 5 mét).

Khi có đại hội chúng Tăng, quét dọn giảng đường có bảy việc: Một là phải dậy sớm đi xem cửa đã mở chưa; hai là phải kiểm tra xem đèn nào hết dầu thì gom lại để ở nơi thường để; ba là phải lau chùi tượng Phật và đem bỏ hoa hôm trước; bốn là phải đốt hương để trước Phật; năm là phải đốt ngọn đèn lớn để giữa nhà rồi sửa lại ghế ngồi của chúng Tăng cho ngay ngắn; sáu là khi chúng Tăng đã hội họp xong phải từ từ rưới nước lên đất; bảy

là phải quét dọn đất trở lại.

Rưới nước lên đất có năm việc: Một là phải đi lui; hai là phải nhẹ tay; ba là phải rưới đều khắp; bốn là phải đợi khô; năm là không được làm dơ y áo của người khác.

Quét đất tháp có năm việc: Một là không được xoay lưng về phía Phật; hai là không được rảy tay làm dơ chân người; ba là không được quét bỏ đất trắng; bốn là phải tự tay đem bỏ rác; năm là không được bỏ ngay giữa đường cái cũng không được ném bỏ trong nước và trong nhà xí.

Kiểm tra đèn có năm việc: Một là không được dập bấc đèn; hai là phải rót thêm mỡ, làm ngọn đèn lớn đốt để trước Phật; ba là phải đem đèn hết dầu đặt ở nơi thường để; bốn là không được sơ ý để làm vỡ; năm là nếu làm mất vật thì phải phải mua bồi thường và để nơi thường để.

Đốt hương đặt trước tượng Phật có ba việc: Một là không thay lửa cũ ở trong đó; hai là phải đích thân rút hương; ba là phải đem cho người.

Sửa sang giường chiếu chúng Tăng có ba việc: Một là phải yên ổn và làm cho chân giường chắc chắn; hai là phải chú ý quét dọn lau chùi cho sạch sẽ; ba là phải lau chùi khắp giường không được để dơ y của Tỳ-kheo.

Chuẩn bị lư hương có ba việc: Một là phải gạt bỏ lửa cũ, lấy hương bỏ qua một phía; hai là phải

lau chùi cho sạch rồi mới nhóm lửa, lấy hương cũ bỏ vào; ba là đốt lửa không được đốt cháy quá hừng, cũng không được quá ít làm lửa mau tắt.

Đốt đèn có năm việc: Một là phải dùng khăn sạch lau bên trong, bên ngoài cho sạch; hai là phải làm sạch bấc; ba là phải tự làm dầu mè; bốn là không được đổ đầy dầu mỡ, cũng không được đổ ít; năm là phải giữ cho chắc, không được treo ở giữa đường làm trở ngại và làm dơ người.

Đó là pháp trực nhật. Thực hành như trên thì sẽ được phước. Trên đây là sáu mươi việc mà người trực nhật nên làm.

Người tri sự có mười lăm đức lớn: Một là chỉ vì Phật; hai là chỉ vì Pháp; ba là chỉ vì Tăng; bốn là chỉ vì Hòa thượng A xà lê; năm là do rời bỏ gia đình làm Sa-môn; sáu là làm chủ mà biết tha thứ cho những người xung quanh; bảy là đối xử tốt với những người xung quanh; tám là trong chúng có người phạm lỗi không được rêu rao lung tung nói cho người khác biết mà phải khéo léo xử phạt; chín là có một người phạm lỗi, chúng muốn phạt phải thỉnh ý cả của chúng, không được tự quyết định một mình; mười là phải có đức; mười một là phải được lòng đàn- việt; mười hai là Tỳ-kheo ở bốn phương đến mà y áo bị rách thì xin may y áo cho họ; mười ba là tất cả đồ ăn uống phải dùng chung; mười bốn là chăm sóc bệnh nhân một cách bình đẳng; mười lăm là nghe có Tỳ-kheo bệnh thì phải

đến chăm sóc.

Lại có sáu việc: Một là không được mang vật của Tăng bốn phương bỏ vào vật của tháp; hai là không được mang vật của Tăng bốn phương bỏ vào vật của Tỳ-kheo; ba là không được mang vật của tháp bỏ vào vật của Tăng bốn phương; bốn là không được mang vật của tháp bỏ vào vật của Tỳ-kheo; năm là không được mang vật của chúng Tăng bỏ vào vật của tháp; sáu là không được mang vật của chúng Tăng bỏ vào vật của Tăng bốn phương.

Lại có ba việc: Một là không được che giấu tất cả các thứ từ lông tóc đến vô số các thứ khác; hai là từ Sa-di trở lên, nếu có bệnh tật, y bị rách thì phải mua y khác cho vị ấy thay, không được lấy đó làm ân huệ hay cầu tiếng khen và phải làm một cách bình đẳng; ba là vật của hết thảy tháp hoặc vật của Tăng bốn phương thì không được dời đổi qua lại. Hãy làm như vậy không được hưởng phước ấy trước. Ai làm được như vậy thì có thể làm tri sự.

Lại có bốn việc: Một là từ ngày rằm tháng tư đến ngày rằm tháng bảy phải cùng với các Tỳ-kheo kiểm tra vật dụng và nêu ra đầy đủ. Sau khi kiểm tra xong phải báo cho đại chúng đều biết. Những vật còn lại phải rõ ràng; hai là từ ngày rằm đến ngày rằm thì thầy quản chúng và Tăng phải cùng nhau bàn luận nghĩ nhớ những việc bất thường, đó là bốn việc phải làm; ba là nếu có Tỳ-kheo muốn

đến gặp vị kia, giả sử vào ban đêm vị ấy theo hỏi ba pháp sự, hỏi về tháp, hoặc tượng Phật hoặc các vật của Tăng, hoặc hỏi về Tỳ-kheo Tăng, hoặc tên họ của đàn-việt thì cần phải trả lời cho họ biết đầy đủ về tất cả các câu hỏi đó; bốn là nếu bậc tôn trưởng trong nước hoặc đàn-việt chủ chùa đem nhiều hoặc ít vật đến thì phải bạch cho Tăng biết.

Nghe đầy đủ bốn việc như vậy thì hiền giả đã gặp rồi thì sẽ không nhầm lẫn nữa, đó là công năng của vị tri sự tự làm thanh tịnh vượt khỏi nhân gian.

Người lo công việc một năm, có mười đức: Một là tận lực đối với ba pháp; hai là nếu có Tỳ-kheo từ phương xa đến phải cung nghinh đón làm cho an ổn; ba là phải cấp cho họ giường chiếu hoặc đèn từ ba đến bảy ngày; bốn là giả sử các phòng đều đủ người thì phải tự sắp xếp nhường chỗ mình cho khách; năm là phải thường đến chăm nom thăm hỏi; sáu là phải nói cho họ nghe tập tục ở nơi đó; bảy là phải quan tâm về sự không đầy đủ; tám là nếu trong nhóm có người tranh cãi thì không được trợ giúp mà phải thường hòa giải cho an ổn; chín là ban đêm nếu có việc gì không vừa ý thì phải cố gắng giữ im lặng, không được la mắng ở trong chúng, cũng không được gọi người khác cùng làm người chủ không vừa ý; mười là không được cùng thầy tri sự tranh cãi hơn thua, phải thường nói việc ấy ở giữa chúng, cũng không được lấy vật của ba pháp đem phân phát để tạo ân huệ cho mình. Người

thực hành đúng pháp thì có thể làm người trực một năm và biết nguyên nhân sanh ra vạn vật.

Có năm việc: Một là năm việc trong bốn thời; hai là dòng họ; ba là tự nhiên; bốn là ban cho; năm là công đức. Do năm việc này, người trực nhật chắc chắn sẽ được giác ngộ.

Người sử dụng kiền chùy có năm việc: Một là phải tụ họp; hai là phải tập họp để đọc Kinh; ba là Bồ tát; bốn là tập hợp chúng Tăng để thọ trai; năm là dành cho tất cả các cuộc hội họp bất thường.

Lại có năm việc: Một là khi đánh kiền chùy thì trước hết nên xem thử sớm hay muộn; hai là phải nên báo với Thượng tọa; ba là nên báo với đàn-việt đem thực phẩm đến và xem Tăng đủ hay chưa; bốn là nên làm vừa lòng chúng Tăng; năm là phải ngồi theo thứ lớp trong Tăng, không được đứng dậy nhiều lần.

Lại có năm việc: Một là không được ngồi đối mặt với tăng; hai là không được tự ý trách phạt người khác; ba là nói năng phải thuận với ý của người khác; bốn là thưa lại sự việc không được thêm bớt vào lời nói của người; năm là nếu có phân chia vật gì thì phải phân cho đều.

Lại có năm việc: Một là nếu trong Tăng có người không như pháp thì không nên quở mắng ngay ở giữa chúng; hai là không được làm trái lệnh của Tăng; ba là không được thường rời bỏ chúng

Tăng mà đi lung tung; bốn là đã phạm tội thì phải xin sám hối chúng Tăng, nếu có nói lời không nên nói, chia phần không đều thì xin tăng xả tội cho; năm là sau khi thưa xong, không được đi ra trước.

Lại có năm việc: Một là sáng chiều phải đi thăm bệnh; hai là hàng ngày phải đi thăm hỏi các bậc Thượng tọa; ba là phải đến an ủi các nhà đàn-việt; bốn là nếu có các Tỳ-kheo ở xa đến thì phải giúp đỡ họ; năm là nếu có đồng học qua đời thì phải coi ngó việc chôn cất họ.

Đó là hai mươi lăm đức của người tri sự.

Nhờ việc trên, ta có năm loại phước: Một là đời sau, dù sanh ở đâu, nếu bị bệnh tật nằm liệt giường sẽ có người tự nhiên mang thần dược đến điều trị; hai là đời sau ở nơi nguy hiểm gặp tai nạn mà không hề hay biết thì tự nhiên có người báo cho biết; ba là về sau, nếu ở chỗ không có gạo, nước thì tự nhiên sẽ có người mang thức ăn thơm ngon đến cho; bốn là đời sau nếu bị đói khát ở nơi không an ổn thì tự nhiên sẽ có người mang cam lộ đến cho; năm là đã hưởng phước này, đời sau sẽ được thần túc và đắc Đạo.

Đánh kiền chùy tập họp chúng, trước hết phải đánh tiếng nhỏ, kế đó đánh ba mươi tiếng, kế đó đánh hai mươi tiếng, kế đó đánh mười tiếng rồi đánh năm tiếng nhỏ, đánh ba lần như vậy, sau đó đánh ba tiếng lớn.

Khi tập họp Sa-môn phải đánh ngay bốn mươi tiếng lớn, sau đó đánh ba mươi tiếng, kế đó đánh hai mươi tiếng, kế đó đánh mười tiếng rồi đánh năm tiếng nhỏ, đánh ba lần như vậy, sau đó đánh ba tiếng lớn.

Khi Bố tát, trước hết đánh bảy tiếng nhỏ, rồi đánh năm mươi tiếng lớn, kế đó đánh bốn mươi tiếng, kế đó đánh ba mươi tiếng, kế đó đánh hai mươi tiếng, kế đó đánh mười tiếng nhỏ, đánh ba lần như vậy sau cùng đánh ba tiếng lớn.

Khi Tăng thọ trai, trước hết đánh bốn tiếng lớn, sau đó đánh hai mươi tiếng, kế đó đánh mười tiếng, kế đó đánh mười tiếng nhỏ, kế đó đánh năm tiếng, đánh ba hồi như vậy.

Khi đánh phải xét xem lý do, nếu chẳng phải thời thì không nên đánh. Có khi trước đánh mau sau đánh chậm, có khi trước đánh chậm sau đánh mau. Đó là cách đánh kiền chùy của người tri sự.

Khi đến tập hợp phải có năm việc: Một là nghe tiếng kiền chùy, lập tức phải mặc cà sa đi ra khỏi cửa như pháp; hai là khi đến bên ngoài cửa giảng đường, phải dừng lại sửa cà sa, lấy mũ xuống rồi mới vào; ba là nếu có tượng Phật thì phải đảnh lễ Phật rồi mới đảnh lễ Tăng; bốn là phải ngồi theo thứ lớp và hướng về Thượng tọa; năm là phải làm theo Thượng tọa, Thượng tọa ngồi thì ngồi theo, Thượng tọa ngồi xổm thì ngồi xổm theo.

Ngồi xổm có năm việc: Một là hai chân không được giao nhau; hai là không được đưa hai chân ra phía trước; ba là không chống hai tay và rung hai chân; bốn là không được chống một chân và duỗi một chân; năm là không được đưa chân lên xuống.

Ngồi ngay ngắn có năm việc: Một là không được dựa vào vách; hai là không được chống hai tay phía trước; ba là không được chống khuỷu tay lên giường; bốn là không được nằm sấp và dùng hai tay ôm lên đầu; năm là không được dùng ngón tay chống cằm.

Lại có năm việc: Một là không được dựa vai của người ngồi hai bên; hai là không được tự tiện đến ngồi cạnh Thượng tọa; ba là không được quát lớn tiếng người quản chúng hoặc hạ tọa; bốn là không được cởi cà sa bỏ ở phòng Thượng tọa mà đi ra; năm là không được lắc lư làm giường phát ra tiếng.

Lại có năm việc: Một là muốn ra ngoài là phải sửa cà sa cho ngay không được để so le; hai là muốn sửa cà sa phải trông chừng hai bên đường đừng để cà sa quét vào mặt người; ba là khi đứng dậy phải nhìn xuống đất, không được nhìn xa quá sáu thước; bốn là đứng dậy đi ra không được để cà sa dính đất; năm là khi đi phải nhìn thẳng phía trước không được nhìn hai bên.

Lại có năm việc: Một là Thượng tọa nói Kinh,

không được từ bên dưới mà sửa sai; hai là giả sử có các Thượng tọa tranh luận với nhau, không được ở bên dưới mà trợ giúp; ba là hạ tọa cùng tranh luận, nếu họ có thưa gì thì không được bắt buộc họ ngưng; bốn là người tri sự đến trước mặt thưa việc gì, muốn sai họ làm, Thượng tọa phải ngồi dậy và bên dưới phải trả lời "Vâng"; năm là không được nói "đến phiên Thượng tọa nào thì vị đó phải làm, " "vị hạ tọa nào phải đến trước tôi và làm việc ấy. "

Lại có năm việc: Một là đã tự bãi bỏ, không được sau đó lại nói "Việc tôi làm hôm đó là vì bị bắt buộc"; hai là không được nói "Hôm nay tôi muốn vấn nạn, muốn sử dụng việc ấy nên sắp đặt như vậy"; ba là Hòa thượng A-xà-lê có quở trách điều gì thì phải nghe theo. Nếu họ dạy đi đến đâu trước để làm việc gì thì phải y theo lời; bốn là nếu quay về chung thì không được vào cửa trước thầy, phải đi theo sau, hoặc đi bên phải thầy, không được giẫm bên bóng của thầy; năm là được người muốn mời ở lại ăn thì phải báo cho thầy rồi mới đi, không được tự tiện ở lại để ăn.

Lại có năm việc: Một là có người kiên quyết giữ lại dùng cơm mà không báo với thầy, ăn xong phải lập tức xin đi, không được ngồi cho đến tối; hai là nếu đến tối mới về thì phải tự sám hối việc ấy; ba là không được ở nơi kín tự khoe: "Hôm nay chỉ có một mình tôi ở lại dùng cơm, cần gì cũng

có"; bốn là không được nói với mọi người: "Hôm nay tôi phải mang cơm về mà người ấy cố giữ tôi lại ăn cơm làm cho bụng tôi không an"; năm là khi quay về phải vào thất tư duy, Kinh hành, suy nghĩ về Đạo, không được đến thất người khác nói chuyện nhân gian.

Khi vào Chúng Bố tát có năm việc: Một là không được mang giày da vào chúng; hai là không được chống tích trượng đi vào Chúng; ba là không được cầm quạt tre, khăn tay trắng vào chúng; bốn là không được mang dép trắng vào Chúng; năm là không được mang guốc vào Chúng.

Lại có năm việc: Một là khi chúng Tăng tập họp, không được chỉ mặc ca-sa đi vào chúng; hai là không được đứng giữa cửa giảng đường mà dòm ngó chúng Tăng; ba là không được ngồi xổm ngoài cửa nghe Tăng nói; bốn là không được đứng giữa cửa lớn tiếng gọi người ở trên; năm là giả sử cửa giảng đường đã đóng, không được nắm kéo ra, nếu muốn vào gấp thì phải khảy móng tay ba tiếng.

Lại có năm việc: Một là đã đọc Giới Kinh, không nên làm lễ trở lại; hai là phải cúi đầu từ trên hạ dần xuống thấp; ba là không được lấn chỗ người; bốn là không được nói chuyện lăng xăng; năm là khi đã ngồi yên, không được nói: "Hôm nay vì sao Tăng họp sớm vậy?"

Lại có năm việc: Một là khi mọi người bàn bạc

thì không được nói đùa; hai là không được khạc nhổ lung tung dưới đất; ba là không được dùng tay nâng đầu gối; bốn là không được dùng tay chống đầu nằm ngủ; năm là không được há miệng lớn mà thổi.

Đến nhà sau có hai mươi lăm việc: Một là khi muốn đi đại tiểu tiện trên đường đi không được đảnh lễ Thượng tọa; hai là cũng không nhận sự lễ bái của người; ba là khi trở vào phải cúi đầu, dòm xuống đất; bốn là khi đến phải khảy móng tay ba tiếng; năm là đã có người khảy móng tay trở lại thì không được hối thúc; sáu là sau khi đến chỗ, phải khảy móng tay ba tiếng rồi mới ngồi; bảy là phải ngồi cho chính; tám là không được co một chân, duỗi một chân; chín là không được dựa vách; mười là khi vén y không được để rơi đụng bàn cầu; mười một là không được rặn mạnh đến đỏ mặt; mười hai là phải nhìn thẳng về phía trước không được quay đầu nghe ngóng; mười ba là không được khạc nhổ làm dơ bốn bức vách; mười bốn là không được cúi đầu nhìn vào hố xí; mười lăm là không được nhìn bộ hạ; mười sáu là không được dùng tay cầm bộ hạ; mười bảy là không được cầm cỏ viết vẽ dưới đất; mười tám là không được cầm cỏ viết vẽ trên vách; mười chín là không được xài phí nước; hai mươi là không được vung vẩy nước dơ; hai mươi mốt là khi dùng nước không được để tay trước đụng tay sau; hai mươi hai là phải chùi bằng đất ba

lần; hai mươi ba là phải dùng tháo đậu; hai mươi bốn là phải rửa bằng nước ba lần; hai mươi lăm là nếu thấy hết nước, cỏ, đất thì phải báo với người trực nhật hoặc tự mình đi lấy càng tốt.

Không nên dùng nước, có mười việc: Một là làm tháp; hai là làm việc cho chúng Tăng; ba là trời quá lạnh; bốn là đi đường; năm là không đi chung nhà xí với người nữ; sáu là muốn dậy tụng Kinh; bảy là chép Kinh; tám là may pháp y; chín là nhuộm y; mười là được thỉnh đi xa. Đó đều là những lúc không nên dùng nước. Nếu có cỏ thơm thì được dùng nước.

"Âm khởi" có mười việc, năm việc có tội, năm việc không có tội: Một là thấy sắc nên khởi; hai là nghe tiếng nên khởi; ba là suy nghĩ về vẻ đẹp của người nữ nên khởi; bốn là suy nghĩ về việc trước kia nên khởi; năm là dùng tay cầm nên khởi. Đó là năm trường hợp có tội.

Trường hợp không có tội là: Một là uốn mình khi nằm; hai là do thói quen; ba là trở mình khi nằm; bốn là thân có ghẻ nên dùng tay gãi ở gần "chỗ đó"; năm là mắc tiểu tiện quá độ. Đó là những trường hợp không có tội.

Một trăm hai mươi ngày, từ ngày mười sáu tháng tám đến ngày rằm tháng chạp là thuộc mùa Đông. Một trăm hai mươi ngày, từ ngày mười sáu tháng chạp đến ngày rằm tháng tư là thuộc mùa

Xuân. Một trăm hai mươi ngày, từ ngày mười sáu tháng tư đến ngày rằm tháng tám là thuộc mùa Hạ. Đây là thời điểm chấm dứt an cư. Từ mười sáu tháng tám đến ngày rằm tháng chạp là thuộc mùa Đông. Sa-môn nào thọ hậu an cư, không kịp thọ vào mùa hạ thì tuy đã mãn hạ vẫn không được tính thêm tuổi. Hoặc có Sa-môn được tính tuổi hạ vào ngày mười lăm hoặc có Sa-môn được tính tuổi hạ vào ngày mười sáu.

Bộ Tát-hòa-đa trí tuệ thông suốt rộng rãi, làm lợi ích cho đạo pháp nên mặc ca-sa đỏ.

Bộ Đàm-vô-đức giữ gìn giới trọng, đảm đương pháp luật nên mặc ca-sa đen.

Bộ Ca-diếp-duy siêng năng dũng mãnh cứu giúp chúng sanh nên mặc ca-sa màu mộc lan.

Bộ Di-sa-tắc ngồi Thiền, tư duy, nhập vào chỗ u huyền tịch mặc nên mặc y màu xanh.

Bộ Ma-ha-tăng-kỳ siêng học các Kinh, diễn bày nghĩa lý nên mặc ca-sa vàng.

Xưa kia, khi đức Phật còn tại thế, chúng Tăng đều mặc y phục giống nhau và không mặc đủ các màu. Sau đó, Tỳ-kheo La-tuần-du mỗi khi đi khất thực đều mang bát không trở về. Biết được tội từ thuở xưa của vị ấy và muốn hiển bày tội phước cho người đời sau rõ, Đức Phật phân chúng Tăng thành năm bộ, mặc năm loại ca-sa khác nhau về màu sắc. Do đó, họ nối tiếp nhau cho đến sau khi đức Phật

diệt độ, lập hiệu xưng danh, nêu ra sở trường. Đó gọi là màu sắc của y.

Đại chúng tập hợp và đều cùng nhau chấp nhận. Nay Tỳ-kheo đưa ra khuôn phép khắp bốn phương thực hành các việc lành và các việc khác. Khi tập hợp, chúng Tăng đều chấp nhận việc ấy. Sau đó, họ đồng lòng chuyên tinh giới cấm, tu hành bình đẳng, thọ trì các học xứ. Cương giới được thiết lập hôm nay, những lời nói ra phải được chấp nhận và làm khuôn phép cho bốn phương dùng để nói Giới Kinh. Khi tinh xá kiết cương giới, nếu chấp nhận thì cùng im lặng, nếu không chấp nhận thì nói ra.

Khi chúng Tăng tập hợp thì cùng nhau kiết giới một cách bình đẳng. Sau khi đã thuyết giới, chúng Tăng đồng ý thì im lặng mà thọ trì.

-oOo-

SỐ 1471

MƯỜI GIỚI PHÁP VÀ OAI NGHI CỦA SA-DI

Hán dịch: Mất tên người dịch, xếp vào mục lục đời Đông Tấn.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: "Ông hãy đến độ La-hầu-la xuất gia".

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: "Con nên độ như thế nào?" Đức Phật dạy: Đến bảo La hầu la nói thế này.

Con là La-hầu -la xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (Nói như vậy ba lần). Con là La-hầu-la đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi (Nói như vậy ba lần) trọn đời không sát sanh, trọn đời không trộm cắp, trọn đời không tà dâm, trọn đời không nói dối, trọn đời không uống rượu.

Như đức Thế Tôn đã xuất gia, con là La-hầu-la nương Hòa thượng là Tôn giả Xá -lợi-phất, theo Phật xuất gia (Nói như vậy ba lần).

Như đức Thế Tôn đã xuất gia, bỏ y phục thế tục mặc ca-sa; con là La-hầu-la, nương Hòa thượng Xá-lợi-phất, theo Phật xuất gia, bỏ y phục thế tục mặc ca-sa, trọn đời giữ giới Sa-di không sát sanh; trọn đời giữ giới Sa-di không trộm cắp; trọn đời

giữ giới Sa-di không dâm dục; trọn đời giữ giới Sa-di không nói dối; trọn đời giữ giới Sa-di không uống rượu; trọn đời giữ giới Sa-di không đeo vòng hoa và thoa dầu thơm; trọn đời giữ giới Sa-di không ca múa, hát xướng và đi xem nghe; trọn đời giữ giới Sa-di không ngồi chỗ sang trọng rộng lớn; trọn đời giữ giới Sa-di không ăn phi thời; trọn đời giữ giới Sa-di không cầm giữ vàng bạc vật quý và các vật tương tự .

Con đã thọ mười giới Sa-di rồi, trọn đời phải tôn trọng phụng trì, suốt đời không vi phạm. Nên cúng dường Tam Bảo, không được trái nghịch lại với tất cả lời dạy như pháp của Hòa thượng, A-xà-lê .

Tâm thường cung kính đối với các bậc thượng, trung , hạ tọa. Siêng năng cầu phương tiện, ngồi thiền, tụng kinh, học tập, khuyến khích hỗ trợ làm việc phước, đóng cửa ba đường ác, mở cửa Niết-bàn. Ở trong pháp tỳ kheo làm tăng trưởng chánh nghiệp để chứng đắc bốn đạo quả.

Giới của Sa-di trọn đời không giết hại người và vật, thường nhớ nghĩ đến ân sanh thành và thầy bạn, tinh tấn hành đạo để hóa độ cha mẹ, cẩn thận không hiềm khích, kiện tụng nhau, giành phần phải cho người, đem phần xấu về mình, không làm tổn thương các loài côn trùng, thi ân và giúp đỡ khiến cho chúng được an vui . Tâm niệm vì người không nói lời giết hại, thấy giết không ăn, nghe giết không

ăn, nghi giết không ăn, khi thấy giết nên khởi tâm từ bi, nguyện khi ta đắc đạo, trong nước không có người giết hại, cẩn thận không làm tổn thương đến cỏ cây. Nếu phạm giới này, không phải là Sa-di .

Giới của Sa-di trọn đời không trộm cắp, cân-đo-đong-đếm hoàn toàn không lường gạt người, trong tâm luôn luôn giữ sự chân thật, miệng cũng không bảo người khác lấy. Không được mua bán nô tỳ, tôi tớ, người làm mướn, làm thuê, nếu cho họ vật gì, không được lấy lại. Không được trang sức vật báu, giường cao màn đẹp, y phục để che thân không được lòe loẹt, ăn để nuôi thân không phải để ngon miệng. Không được tích trữ lương thực, cất giấu vật báu dơ bẩn, người khác cho không được nhận, nếu nhận, không được giữ, phải đem đi cứu giúp người nghèo khổ, thường vì người nói đức không tham, thà chịu chặt cánh tay chớ không lấy của phi pháp. Nếu phạm giới này chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời không lấy vợ, nuôi con để nối dõi tông đường, tránh xa nữ sắc, hộ trì sáu căn, không nhìn ngắm nữ sắc, mắt không liếc nhìn, tâm không nghĩ đến dâm, miệng không nói lời lẳng lơ, thân không sử dụng hoa hương phấn sáp, tiếng hay, sắc tà, không được nghe nhìn. Thà phá nát xương, đập vỡ tim, đốt cháy thân thể, chứ không dâm dục. Tuy dâm dật mà được sống trong dơ bẩn cũng không bằng trinh tiết mà chết. Nếu phạm giới

này chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn dời lấy thành tín làm gốc, không nói lời ly gián, không nói lời mắng nhiếc, không nói dối, không nói phù phiếm, trước khen sau chê, làm chứng để người bị tội, lời nói phải từ tốn giữ hành động đứng đắn, không rao lỗi của người, nói pháp phải suy nghĩ và bàn cho hợp nghĩa lý, thấy có người tranh cãi phải khéo nói để cho hai bên hòa hợp. Ôi! Người đời có búa ở trong miệng, thế nên thân này bị chặt do lời nói ác. Không cẩn thận lời nói chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời không uống rượu hoặc nếm, hoặc ngửi, hoặc bán hay mời rượu người khác, không được uống rượu thuốc và dừng trước quán rượu. Rượu là nước độc, nguyên nhân của các lỗi lầm, hủy Hiền hại Thánh nhận lấy tai ương, phá hoại cả bốn giới trên, xa phước gần tội đều do rượu. Thà uống nước đồng sôi, cẩn thận không phạm giới uống rượu. Nếu phạm giới này chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời không được tập múa binh khí, không cầm vật bén, không được nuôi dưỡng gia súc, đi xe cưỡi ngựa với tâm ý thích thú buông lung, không được chạy rượt săn bắn các loại cầm thú, không được đốt rừng làm tổn hại đến các loài chúng sanh, không được lấp ao hồ, làm bít ngòi rãnh, không được dùng cần câu giăng lưới làm hại các loài dưới nước. Nếu phạm giới này

chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời không được học tập theo bài bạc, đánh xu bồ, tranh cãi hơn thua, ca múa giỡn cười, ngâm vịnh hát xướng, chơi các nhạc cụ: Cầm, sắt, không hầu, đàn tranh, sáo, vu, sênh. . . làm tán loạn tâm đạo; không được đào núi lấp sông, cày bừa ruộng đất, sửa sang, vườn tược, gieo trồng năm thứ lúa thóc, mua bán thuyền xe ở chợ, cùng tranh lợi với trăm họ. Nếu phạm giới này chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời không được học tập những việc kỳ lạ như đồng bóng, y thuật, xem ngày giờ, bói toán, xem điềm tốt xấu, xem tinh tú và vận mệnh, nhựt thực, nguyệt thực, sự thay đổi kỳ quái của các ngôi sao, núi lở, động đất, mưa gió, hạn hán, được mùa hay mất mùa, có bệnh dịch hay không bệnh dịch, tất cả những việc đó không được tìm hiểu. Quốc gia chánh sự cũng không được bàn luận hơn thua, xuất trận hành quân đánh nhau thắng bại. Nếu phạm giới này chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời nam nữ phải ở riêng, không được ở chung một chùa, không hẹn đi chung, không ngồi xe và thuyền chung, gặp nhau ngoài đường cũng không được đứng nói chuyện, ai cầm vật lạ cũng không được nhìn chăm chú, tránh xa sự hiềm nghi, không được thư từ qua lại, vay mượn nhờ cậy may vá giặt giũ y phục cho đến cầu xin. Nếu người cho cũng không nên nhận, muốn đi

đâu phải có người lớn, cẩn thận không đi một mình, không nghỉ lại đêm. Phạm giới này chẳng phải là Sa-di.

Giới của Sa-di trọn đời không làm bạn với người xấu ác, không tôn sùng người phàm phu, đối với kẻ bất hiếu, đồ tể, thợ săn, trộm cướp, uống rượu, ngầm làm việc ác, không được giao du qua lại làm nhiễm ô đạo hạnh. Y bát luôn giữ bên mình, không ăn phi thời, không nói lời phi pháp, khi ăn thì không nói, khi nằm không bàn luận, siêng năng suy nghĩ việc đúng đắn, ôn điều cũ để biết điều mới, ngồi thì Thiền quán, thức dậy thì tụng niệm. Giới hạnh như vậy mới đúng là đệ tử của Phật.

Sau khi thọ mười giới Sa-di, làm bậc hiền giả, vị thầy phải tuần tự dạy cho họ những điều cần làm, bắt đầu từ những việc nhỏ, phải biết oai nghi và những điều cần làm, phải biết tuổi hạ của Hòa thượng và danh hiệu ba vị thầy. Vị thầy phải dạy cho biết bắt đầu khi họ thọ Giới vào ngày tháng năm nào. Sa-di cũng cần phải biết cách hầu Hòa thượng và A-xà-lê có bao nhiêu việc, khi dâng bàn chải răng, nước rửa, nhận y, xếp y cầm bát, cầm tích trượng, cầm giầy mỗi điều có bao nhiêu việc.

Khi cùng với Hòa thượng, A-xà-lê thọ thỉnh, hoặc vào cung vua, đến nhà thế tục, nhà Bà-la-môn, hoặc khi ngồi ăn chung, hoặc khi ăn riêng, hoặc cùng vào thành khất thực, hoặc cùng nhau quay về, khi về chỗ ở, hoặc khi chiều tối, hoặc khi

nghỉ lại ăn bên bờ sông, hoặc ngồi bên đường, hoặc ăn bên gốc cây, hoặc mình đi trước đứng đợi, hoặc khi chia thức ăn cho nhau, hoặc khi đổi bát, hoặc ngồi ăn cùng một lúc, hoặc ăn trước hay sau, hoặc ăn xong súc miệng, hoặc khi rửa bát xong đi, hoặc phục vụ chúng Tăng khi trị nhựt, mỗi điều đều có bao nhiêu việc.

Sa-di khi đủ hai mươi tuổi, muốn thọ giới Cụ túc đều phải biết các việc làm trên. Nếu tỳ kheo hỏi không trả lời đầy đủ không nên cho họ giới Cụ túc. Vì sao? Làm Sa-di mà không biết những việc làm của Sa-di huống gì việc của Sa môn rất lớn, rất khó làm lại vi diệu. Này Hiền giả Sa-di! Con hãy quay về học cho kỹ nghe biết đầy đủ mới nên thọ giới Cụ túc, bởi vì con không biết pháp của Sa-di, chưa biết khổ của thân, không hộ trì được ý mình mà lại muốn thọ giới Cụ túc. Nếu trao cho con giới Cụ túc, người ta bảo Phật Pháp dễ tu Sa-môn dễ làm, họ sẽ không biết Phật Pháp rất vi diệu, tội phước theo nhau, pháp luật hỗ tương. Thế nên trong vài ngày, ba thầy thay nhau hỏi, nếu có thể trả lời đúng như pháp, mới cho thọ giới Cụ túc.

* Thầy dạy Sa-di biết năm việc.

1. Cung kính bậc đại Sa-môn.

2. Không được kêu tên của đại Sa-môn.

3. Khi đại Sa-môn thuyết Giới không được lén nghe.

4. Không được tìm lỗi của đại Sa-môn.

5. Khi đại Sa-môn có lỗi không được truyền rao.

Đó là oai nghi của Sa-di.

Thầy dạy Sa-di biết có năm việc :

1. Không được ở chỗ khuất mắng đại Sa-môn.

2. Không được xem thường, cười giỡn, giả giọng nói, hình dạng, điệu bộ trước mắt đại Sa-môn.

3. Thấy đại Sa-môn đi qua liền đứng dậy, trừ khi tụng Kinh, khi ăn, khi làm việc chúng thì không nên đứng dậy.

4. Khi đi gặp đại Sa-môn phải dừng lai nép qua bên đường.

5. Khi cười giỡn, nếu thấy đại Sa-môn nên ngưng lại, nói lời xin lỗi.

Đó là việc cần phải làm của Sa-di.

* Sa-di hầu thầy phải biết mười việc.

1. Phải dậy sớm.

2. Muốn vào phòng thầy trước phải gõ cửa ba tiếng.

3. Phải chuẩn bị đầy đủ bàn chải răng và nước rửa.

4. Phải dâng ca-sa sau đó trao giày.

5. Khi quét nên rảy nước.

6. Phải xếp mềm gối lau chùi chỗ nằm, ngồi.

7. Thầy đi chưa về không được bỏ phòng trống, thầy về phải lấy y áo xếp.

8. Nếu có lỗi Hòa thượng, A-xà-lê chỉ dạy không được nói lại.

9. Nên cúi đầu nhận lời dạy, lui ra phải suy nghĩ và làm theo.

10. Ra khỏi phòng phải đóng cửa lại.

* Dạy Sa-di phải có năm điều hầu A-xà-lê.

1. Luôn luôn kính A-xà-lê như kính Phật

2. Không được cười giỡn với A-xà-lê.

3. Bị quở trách không được nói lại.

4. Nếu dạy đổ đồ bất tịnh không được nhờm gớm và tức giận.

5. Khi trời tối phải xoa bóp.

Các việc hầu A-xà-lê đúng như pháp, Sa-di hầu thầy phải dạy sớm, chuẩn bị đầy đủ bàn chải răng, nước rửa, gồm có sáu việc:

1. Nên cắt bàn chải răng theo đúng cỡ

2. Phải đập giập đầu cây.

3. Phải rửa cho sạch.

4. Thay nước để cách đêm.

5. Rửa bình, lọc nước cho sạch.

6. Lấy nước vào bình cho đầy, đổ nước vào không để nước văng ra ngoài thành tiếng. Đó là cách lấy nước và bàn chải răng dưới.

* Dâng y cho thầy, có bốn việc:

1. Dâng y cho thầy phải đưa từ từ, một tay cầm trên một tay đỡ

2. Xem kỹ.

3. Nên đứng yên dâng y cho thầy.

4. Phải đặt y trên vai thầy. Đó là cách dâng y

* Xếp y, có bốn việc:

1. Phải xem kỹ.

2. Không được để y chạm đất.

3. Phải để lại chỗ cũ.

4. Lấy khăn phủ lên trên. Đó là cách xếp y.

* Cầm bát có bốn việc:

1. Rửa sạch

2. Lau khô

3. Để cho vững

4. Không gây tiếng động. Đó là cách cầm bát

* Cầm tích trượng có bốn việc:

1. Phải giữ cho sạch không để sanh cáu bẩn

2. Không được để dưới đất gây ra tiếng động.

3. Khi thầy ra đến cửa mới trao tích trượng.

4. Thầy quay về phải nhận lấy, hoặc khi cùng thầy vào trong chúng hay lễ Phật phải cầm tích trượng cho thầy. Đó là cách cầm tích trượng

* Cầm giày có bốn việc:

1. Phải đập giũ.

2. Phải nhìn kỹ.

3. Phải rửa tay, chưa rửa tay không được cầm

y.

4. Khi thầy ngồi phải để giày lại cho ngay thẳng. Đó là cách cầm giày.

* Cùng thầy ngồi ăn một lúc, có bốn việc:

1. Nên ngồi cách thầy sáu tấc.

2. Phải nhìn thầy chú nguyện xong mới nên trao bát.

3. Không được ăn trước thầy.

4. Thầy dùng xong, mình phải đứng dậy đến gần để lấy bát. Đó là cách cùng thầy ngồi ăn một lúc.

* Khi ăn riêng, có bốn việc:

1. Phải đứng một bên thầy

2. Khi thầy dạy đi ăn mới được đi.

3. Đầu và mặt phải cúi xuống đất làm lễ.

4. Khi ăn không được ngồi chồm hổm, thầy dùng xong gọi bèn đứng một bên thầy, thầy dạy ngồi mới ngồi. Đó là cách ăn riêng.

* Vào thành khất thực, có bốn việc:

1. Phải cầm bát cho thầy

2. Phải đi sau thầy, không được đạp lên bóng của thầy.

3. Ra ngoài thành phải lấy bát trao cho thầy.

4. Vào trong thành muốn đi riêng phải thưa thầy. Đó là cách đi khất thực.

* Cùng thầy trở về chỗ ở, có bốn việc:

1. Trước phải mở cửa từ từ rồi trải tọa cụ cho thầy.

2. Thầy rửa tay xong mình mới rửa.

3. Phải trao y bát cho thầy, sau đó vòng tay đứng qua một bên.

4. Phải chuẩn bị đầy đủ bột rửa, khăn tay, v. v. . . Đó là cách trở về chỗ ở.

* Khi dừng lại để ăn bên bờ sông, có bốn việc:

1. Phải chọn chỗ đất sạch

2. Phải tìm nơi có cỏ để ngồi.

3. Lấy nước cho thầy rửa tay xong sau đó mình rửa tay rồi lấy bát cho thầy.

4. Thầy bảo ăn thì nên làm lễ và ngồi xuống. Đó là cách dừng lại để ăn bên bờ sông.

* Khi ăn dưới bóng cây có bốn việc:

1. Cầm bát treo lên cây, lấy lá cây làm chỗ ngồi.

2. Lấy nước cho thầy rửa tay, nếu không có nước lấy cỏ sạch trao cho thầy.

3. Trở lại lấy bát trao cho thầy.

4. Phải chuẩn bị đầy đủ cỏ sạch rửa bát sau đó dùng cỏ khô lau lại. Đó là cách ăn dưới bóng cây.

* Giữa đường đợi thầy có ba việc:

1. Đặt bát trên đất sạch làm lễ và thưa sự việc.

2. Nên nhìn trời tối hay sớm có thể trở về hay ở lai giữa đường.

3. Cầm bát và đi sau thầy. Đó là cách đợi thầy

giữa đường.

* Trao đổi thức ăn có hai việc:

1. Nếu trong bát của thầy không có nước váng sữa và sữa đặc, nên lấy thức ăn của mình trao cho thầy, thầy không nhận nên lui đứng một bên.

2. Phải từ từ lấy nửa thức ăn trong bát của thầy đổ ra lá cây trên đất sạch, sau đó lấy nửa thức ăn trong bát mình bỏ qua bát thầy. Đó là cách đổi thức ăn.

* Khi trao đổi bát có ba việc:

1. Nếu trong bát của thầy được thức ăn ngon, bát của mình không được như vậy, liền phải trao bát của thầy cho thầy.

2. Nếu thầy muốn trao đổi bát phải từ chối không nhận.

3. Thầy kiên quyết bảo đổi bát phải nhận lấy, ăn xong lau bát trả cho thầy. Đó là cách trao đổi bát.

* Ngồi ăn cùng lúc với thầy có ba việc:

1. Phải dâng bát cho thầy xong mới được ngồi xuống.

2. Phải để ý nếu thầy cần gì phải đi lấy cho thầy.

3. Không được ăn quá mau, khi ăn xong không được đứng dậy, phải thưa thầy có dùng nữa không, thầy bảo mang đi mới được thu dọn. Đó là cách ăn cùng lúc với thầy.

*Ăn trước hoặc sau phải biết ba việc:

1. Dâng bát xong phải đến chỗ khuất đứng lắng nghe thầy gọi liền đáp ngay.

2. Phải chuẩn bị nước rửa để một bên thầy.

3. Thầy dùng xong, rửa tay, thầy dạy đi ăn mới đảnh lễ lui ra. Đó là cách ăn trước hoặc sau.

*Ăn xong rửa bát có ba việc:

1. Trước lấy bát thầy rửa sạch sau đó treo trên cành cây.

2. Rửa bát của mình treo trên cành cây. Dùng tay làm sạch bát của thầy, lau bên trong cho khô đặt vào túi bát rồi trao cho thầy.

3. Lau bên trong bát của mình cho khô, đặt vào trong túi bát, rồi mang vào, đứng một bên thầy. Đó là cách rửa bát.

* Rửa bát xong rồi đi có ba việc:

1. Thầy nói: "Thầy phải đi con hãy về trước. "

2. Đầu và mặt cúi xuống làm lễ rồi đi.

3. Khi quay về một mình không được đến thôn xóm cười giỡn, phải đi thẳng về chỗ ở để tụng kinh. Đó là cách rửa bát xong rồi đi.

* Sa-di vào chúng phải biết năm việc:

1. Phải học hành cho thông thuộc.

2. Tập làm việc.

3. Phải giúp đỡ đại chúng.

4. Phải trao vật cho đại Sa-môn cất giữ.

5. Khi muốn thọ Giới, ba vị thầy phải thay nhau

chỉ dạy. Lại có năm việc:

1. Lễ phật.

2. Đảnh lễ các vị Tỳ-kheo tăng.

3. Trả lời các câu hỏi của Thượng tọa, Hạ tọa.

4. Phải nhường chỗ ngồi cho các bậc Thượng tọa.

5. Không được tranh giành chỗ ngồi.

* Lại có năm việc:

1. Không được ở nơi chỗ ngồi từ xa kêu nhau, nói cười.

2. Không được đứng dậy đi nhiều lần.

3. Nếu ở trong chúng kêu Sa-di gì đó. . . phải liền đáp lại.

4. Phải vâng theo lời dạy của chúng Tăng.

5. Vị tri sự dạy làm việc phải trở lại thưa thầy. Đó là cách vào chúng.

* Sa-di trị nhựt biết năm điều:

1. Phải tiết kiệm vật của chúng Tăng.

2. Không được làm việc giữa đường đi.

3. Việc làm chưa xong không được bỏ đi.

4. Đối với các vị Hòa thượng, A-xà-lê, không được tự tiện lui tới, nếu có việc phải báo cho vị tri sự biết.

5. Phải làm theo lời dạy của vị trị sự, không được chống đối. Đó là cách trực nhật.

+ Lặt rau có năm việc:

1. Phải bỏ gốc rễ

2. Phải xếp ngay thẳng.

3. Không được để lẫn lộn tươi và héo với nhau.

4. Khi rửa rau phải rửa ba nước cho sạch, rửa xong phải xốc ba lần cho ráo nước.

5. Làm việc xong phải quét dọn cho sạch.

+ Lại có năm việc:

1. Không được lấy vật của chúng Tăng cất riêng.

2. Nếu muốn lấy phải báo cho vị tri sự biết.

3. Phải làm việc cho chúng Tăng hết sức mình.

4. Trong phòng ăn phải quét dọn cho sạch, cho đến trải chiếu lau bàn ghế.

5. Sáng chiều luôn quét dọn nhà sau.

+ Lấy đầy nước, hốt tro đất đổ. Lấy nước có mười việc:

1. Phải rửa tay, tay không sạch không được lấy nước.

2. Không được ném gàu xuống giếng có tiếng.

3. Phải thả xuống từ từ, không được kéo qua trái hay qua phải gây tiếng động.

4. Không được thả đầu dây xuống giếng có tiếng động.

5. Không được để giày dép lên trên thành giếng.

6. Gàu múc nước không được để trong lu.

7. Không được để gàu dưới đất.

8. Phải rửa lu đựng nước cho sạch.

9. Đổ nước phải từ từ.

10. Để chỗ khuất, không được để giữa đường.

+ Rửa lu đựng nước có năm việc:

1. Phải rửa trên miệng.

2. Rửa bên trong.

3. Rửa bụng và hông của lu.

4. Rửa dưới đáy.

5. Phải rửa ba lần.

+ Thổi bếp có năm việc:

1. Không được ngồi dang hai chân nhóm lửa.

2. Không được đốt củi tươi.

3. Không được đốt củi ẩm.

4. Không được đốt củi mục.

5. Không được lấy nước nóng dập tắt lửa.

+ Quét nhà có năm việc:

1. Phải thuận chiều.

2. Rưới nước vừa phải.

3. Không để dấy vết bẩn lên bốn bức tường.

4. Không được giẫm đạp lên đất ướt gây lồi lõm.

5. Quét xong tóm lại mang đi đổ.

+ Khi chúng Tăng thọ trai, Sa-di quét dọn, có 5 việc:

1. Phải đi lui.

2. Không được quơ tay.

3. Qua khoảng sáu người phải tóm rác lại.

4. Quét cho sạch và làm thật khéo.

5. Quét sạch đem ra ngoài đổ.

+ Cầm bình rưới nước, có năm việc:

1. Tay cầm trên, tay đỗ dưới, không được thay đổi.

2. Đứng bên trái, gần thầy, cầm thật chắc và nhìn thẳng phía trước.

3. Đứng ngay thẳng nhìn vào trong tay của thầy tưới xuống, không được nhiều hoặc ít.

4. Phải cách tay thầy bốn tấc, không được cao hoặc thấp.

Phải nhìn nước nhiều hay ít, nếu nước thiếu không đủ cho thầy, phải lấy thêm, không được để thầy đứng đợi.

5. Rửa tay sau đó đắp y như pháp.

+ Bưng chậu nước, có năm việc:

1. Không được kéo có tiếng.

2. Hai tay cầm vững đặt bên trái thầy.

3. Phải tùy theo tay của thầy cao hay thấp, không được nhìn hai bên.

4. Nước trong chậu đầy đem ra ngoài đổ, không được đổ nước xuống đất trước mặt thầy.

5. Xong việc rửa tay, đắp y như pháp.

+ Cầm khăn tay, có năm việc:

1. Tay trái cầm đầu dưới, tay phải cầm đầu trên dâng cho thầy.

2. Lui lại ngồi cách hai tấc, không được đụng vào đầu gối của thầy.

3. Cầm khăn không được đưa ngay miệng thầy.

4. Thầy lau tay chưa bỏ khăn ra không được lấy đi, việc xong phải giao lại cho chủ hoặc để lại chỗ cũ.

5. Xong việc phải rửa tay đắp y như pháp.

+ Cầm giầy, có năm việc:

1. Phải đập giũ cho sạch bên trong.

2. Phải đặt ngay chỗ ngồi của thầy.

3. Phải để giày gần chậu rửa và cho thầy biết.

4. Không được đặt dép trái qua phải-Sa-di đối với các việc làm này phải hết sức chú ý.

5. Việc xong phải rửa tay đắp y như pháp.

* Sa-di rửa bát có bảy việc:

1. Trong bát nếu có cơm dư không được liền bỏ đi.

2. Muốn bỏ phải để trên đất sạch.

3. Phải dùng bột rửa hoặc lá, cỏ.

4. Rửa không để bát trên đất sạch giữa đường người qua lại.

5. Rửa bát, phía dưới phải có giá đỡ.

6. Nếu lấy thêm nước sạch, không được hắt nước dơ ra xa văng trúng người.

7. Muốn đổ nước trong bát, phải cách đất bốn tấc, không cao hoặc thấp.

* Lau bát, có năm việc:

1. Phải rửa tay lau cho khô.

2. Lấy khăn sạch để trên đầu gối.

3. Phải lau bên trong cho khô.

4. Lau bên ngoài xong không được trở lại lau bên trong.

5. Lau bát cho khô, lấy khăn sạch phủ lên, đặt bát vào trong túi đựng bát để lại chỗ cũ.

* Khi thọ trai chỗ đông người, thầy dạy Sa-di cầm bát, có năm việc:

1. Không được đặt bát dưới đất.

2. Không được chồng bát ra tiếng.

3. Không được bỏ tăm vào trong bát.

4. Người bưng mâm đến, không được cầm bát đặt trên mâm.

5. Không được đưa bát sau lưng người, phải đưa ngay đằng trước, cũng không được đi vào trong chúng, nhìn thầy dùng xong phải đứng dậy lấy bát và trở lại chỗ ngồi. Đó là cách cầm bát.

* Thầy dạy đi đáp lễ, có bảy việc:

1. Phải thẳng đến nơi.

2. Thẳng đường về.

3. Phải nhớ những lời thầy dạy, cũng nên nhớ lời người đáp lại.

4. Không được tự tiện đi lại.

5. Nếu được mời ở lại, cũng không được ở lại đêm.

6. Không được đùa giỡn.

7. Ra đường phải có oai nghi.

* Sa-di phục vụ Tỳ-kheo Tăng. Việc chưa xong không được tự tiện vào phòng đại Sa-môn, ngoại trừ có ba việc được vào.

1. Nếu Hòa thượng hoặc A-xà-lê kêu đến.

2. Nếu có việc cần phải đến lấy.

3. Muốn đến hỏi Kinh.

* Khi vào phòng, có bảy việc:

1. Phải gõ cửa ba tiếng mới được vào.

2. Không được đứng, ngồi giữa đường, hoặc ngăn che ánh sáng.

3. Không được tự tiện nói qua chuyện của người khác.

4. Phải chắp tay thưa thầy đúng như pháp.

5. Thầy dạy ngồi, khi ngồi không được chéo chân.

6. Không được đùa giỡn.

7. Không được che ánh sáng của người khác. Khi muốn ra khỏi phòng không quay lưng về phía thầy, phải quay lưng ra cửa mà đi.

* Sa-di đi xa một mình; điều đầu tiên thầy cần dạy có ba việc:

1. Nếu có người hỏi Hòa thượng tên gì?

Phải trả lời: mổ giáp. . .

2. Hòa thượng đến nay được bao nhiều hạ lạp?

- Ngần ấy hạ lạp.

3. Hòa thượng quê quán ở đâu?

- Hòa thượng người ở quận. . . . huyện. . . Lại có người hỏi tên của A-xà-lê

Trả lời: Tên là mổ giáp. . .

- A-xà-lê được bao nhiêu tuổi hạ?

- Ngần ấy tuổi hạ.

- A-xà-lê quê quán ở đâu?

- Ở quận. . . huyện. . . .

Nếu ai hỏi: - "Ông tên gì?"

- Tôi tên. . .

Lại hỏi: - "Ông làm Sa-di được bao nhiêu?

- Ngần ấy năm, ngần ấy tháng, ngần ấy ngày.

Đó là các việc mà Sa-di cần phải biết về hạ lạp, danh tự của Hòa thượng và A-xà-lê.

* Vào nhà tắm, có năm việc:

1. Phải cúi đầu.

2. Khi vào nên tránh chỗ ngồi của thượng tọa.

3. Khi thượng tọa đọc Kinh không được ồn ào.

4. Không được lấy nước tạt nhau.

5. Không được dùng nước nóng dập lửa.

* Lại có năm việc:

1. Không được đùa giỡn.

2. Không được đổ nước vào trong chậu nứt, bể.

3. Không được dùng phí nước.

4. Không được để dầu và bột tắm lẫn lộn.

5. Phải mau ra, không được ở trong nhà tắm giặt y phục.

* Sa-di ra nhà sau, có mười việc:

1. Muốn đại tiểu tiện phải đi ngay.

2. Không được nhìn hai bên.

3. Đến nơi phải gõ cửa.

4. Không được thúc hối người ở trong.

5. Lên đến nơi rồi phải gõ ba tiếng.

6. Không được rặn lớn tiếng.

7. Không được cúi đầu nhìn "chỗ kín".

8. Không được giỡn trên tro đất.

9. Không được lấy nước nóng tạt lên vách.

10. Việc xong phải rửa tay, tay chưa rửa không được cầm đồ vật.

* Lại có năm việc:

1. Không được khạc nhổ trên vách.

2. Không được liếc nhìn hai bên.

3. Không được cầm cỏ vẽ lên đất và vách.

4. Không được cầm than vẽ lên đất và vách.

5. Không được cố ý ở lâu trên nhà xí, bước xuống nếu gặp người không được làm lễ, phải tránh qua một bên đường.

Oai nghi của Sa-di đã nói xong Sa-di có bảy

mươi hai oai nghi, tóm lại có mười bốn việc:

* Khi thầy dạy có hai việc:

1. Không được nói lại.
2. Không được nói lý của mình.

* Sa-di làm lễ thầy phải biết mười việc.

1. Trước thầy có mâm ăn không được làm lễ.
2. Thầy ngồi thiền không nên làm lễ.
3. Thầy kinh hành không nên làm lễ.
4. Thầy thọ trai không nên làm lễ.
5. Thầy thuyết pháp không nên làm lễ.
6. Đứng bên trái thầy không nên làm lễ.
7. Thầy xỉa răng không nên làm lễ.
8. Muốn vào phòng thầy làm lễ, phải gõ cửa ba tiếng, thầy không đáp thì nên lui.
9. Không được cách xa thầy bảy bước.
10. Nếu thấy mở cửa nên vào làm lễ.

* Buổi sáng vào phòng thầy có năm việc:

1. Sắp xếp y áo, mền mùng.
2. Lấy chén uống nước ra.
3. Quét dọn
4. Hỏi kinh
5. Dâng vật

* Xếp ba y, có năm việc:

1. Không được đứng trước mặt thầy.
2. Phải đứng bên trái
3. Phải biết y trong y ngoài

4. Không được xếp lộn

5. Phải đặt lại chỗ cũ.

* Đi theo thầy, có năm việc:

1. Không được ghé qua nhà người.

2. Không đứng cùng người nói chuyện bên đường.

3. Không được nhìn ngó hai bên ngồi.

4. Phải cúi đầu đi sau thầy.

5. Đến nhà đàn việt, phải đứng một bên, thầy dạy ngồi mới được

* Cung cấp cho thầy những vật cần dùng, có năm việc:

1. Phải dâng bàn chải răng.

2. Phải có bột rửa.

3. Không được lấy nước cách đêm.

4. Phải thay nước khác.

5. Khăn tay thầy dùng rồi nên giặt lại cho sạch.

* Sa-di đánh răng, có năm việc:

1. Không được hướng đến tháp.

2. Không được hướng đến Hòa thượng

3. Không được hướng đến A-xà-lê.

4. Phải ở chỗ khuất.

5. Tự mình lấy nước dùng, không được lấy nước của người khác để dùng.

* Chiều tối vào phòng thầy, biết năm việc:

1. Phải quét dọn chỗ nằm ngồi.

2. Phải sắp xếp lại y phục.

3. Cất dọn chén uống nước

4. Nên thắp đèn.

5. Thầy dạy đi nằm, nên lui ra, khi đi ra phải xoay lưng phía cửa, đóng cửa lai.

* Sa-di theo thầy tụng Kinh, có năm việc:

1. Phải chỉnh đốn y phục.

2. Phải chắp tay đảnh lễ

3. Không được lạy trước thầy

4. Hai chân đứng ngay thẳng.

5. Ngồi không được cong lưng.

* Sa-di dâng ba y cho thầy, biết năm việc:

1. Nên rửa tay trước.

2. Phải dâng y An Đà Hội.

3. Tiếp theo Ưu Đa la tăng.

4. Sau cùng dâng Tặng già lê.

5. Phải dâng khăn tay.

* Sa-di rửa bát, phải biết năm việc:

1. Phải dùng tro của phân bò.

2. Rửa bằng bột rửa.

3. Phải cách đất bảy tấc.

4. Rửa bát không được làm ra tiếng, phải rửa ba lần nước, muốn đổ nước , không được đổ ra đất.

5. Phải lau khô.

* Sa-di quét đất phải biết năm việc:

1. Không được quay lưng hướng đến thầy.

2. Không được quét ngược gió.

3. Phải quét sạch.

4. Không để lại dấu vết.

5. Quét xong hốt rác đem ra ngoài đổ.

* Sa-di theo thầy đến nhà đàn việt phải biết có năm việc:

1. Phải cầm bát

2. Cầm khăn tay.

3. Phải gõ cửa.

4. Phải lấy nước sạch rửa bát.

5. Khi thầy ngồi, lấy khăn tay bình bát trao cho thầy mới quay về chỗ ngồi.

* Sa-di vào nhà tắm phải biết năm việc:

1. Không được vào trước thầy.

2. Không được ngồi trước mặt thầy.

3. Thầy chưa dùng nước xong không được đem đi.

4. Giả sử muốn kỳ lưng cho thầy phải thưa thầy trước.

5. Thầy tắm xong phải lấy áo đưa trước.

* Phần oai nghi của Sa-di hầu thầy vào buổi xế trưa, thăm hỏi, lễ kính phải biết mười ba việc:

1. Phải dậy sớm súc miệng.

2. Chỉnh đốn lại y phục.

3. Vấn an sức khỏe của thầy.

4. Thầy ở trong phòng, nếu muốn vào trước

phải lấy vật trên đầu xuống và mang dưới chân ra.

5. Không được bước theo dấu chân thầy.

6. Phải đứng bên ngoài gõ cửa ba tiếng mới được vào.

7. Đầu mặt cúi xuống làm lễ.

8. Nếu thầy dạy ngồi, phải từ chối ba lần mới được ngồi.

9. Ngồi phải ngay thẳng.

10. Thầy hỏi phải trả lời cho rõ ràng.

11. Nếu Thầy không hỏi thì nên im lặng.

12. Xong việc phải cúi đầu lui ra giống như lúc đầu.

13. Khi muốn ra cửa, phải đi thụt lùi.

* Sa-di cầm bình phải biết mười lăm việc:

1. Rửa sạch bình đựng nước.

2. Phải đặt chỗ cũ.

3. Bình phải đầy nước sạch.

4. Không được lấy nước cách đêm.

5. Phải chuẩn bị đầy đủ bàn chải răng.

6. Chặt bàn chải răng đúng cỡ.

7. Bình rửa để cách đất một tấc.

8. Cầm bình nước, tay trái cầm trên tay phải đỡ dưới.

9. Đổ nước phải lượng thầy dùng nhiều hay ít.

10. Không được làm phát ra tiếng.

11. Khăn tay phải đặt chỗ cũ.

12. Cầm khăn tay trái, phải trao qua tay phải của thầy.

13. Đổ nước dơ phải có chỗ.

14. Không đổ nước dơ lên đất sạch

15. Khăn dùng xong phải đặt lại chỗ cũ.

* Rưới nước quét dọn, chỗ nằm ngồi phải biết tám việc:

1. Thường hướng về bậc tôn trưởng.

2. Không được xoay lưng về phía thầy.

3. Rưới nước phải nhẹ tay, tùy lượng nước nhiều hay ít.

4. Dùng sọt rác phải hướng về mình.

5. Đổ rác phải đúng chỗ.

6. Lau giường chiếu.

7. Sắp xếp y phục mền gối.

8. Quét dọn chỗ nằm ngồi không gây ra tiếng động.

* Dâng thức ăn cho thầy phải biết mười bốn việc:

1. Phải chuẩn bị đầy đủ khăn sạch.

2. Muốn dâng thức ăn phải bưng hai tay.

3. Bước thẳng.

4. Quỳ xuống dâng cho thầy.

5. Giữa đường không được cùng người nói cười.

6. Đặt thức ăn không được ra tiếng.

7. Dâng thức ăn nóng nguội phải hợp ý thầy.
8. Đũa muỗng phải sạch.
9. Chỗ nào nhiều phải chia ra cho đều.
10. Phải đứng chỗ cũ.
11. Phải đứng ngay thẳng.
12. Thầy dùng xong phải dọn từ từ.
13. Lấy phải thứ tự.
14. Quét dọn, rẩy nước, rửa bát tất cả như pháp quy định.

* Nhận pháp y và giày dép phải biết mười việc:

1. Tay trái cầm trên tay phải đỡ dưới.
2. Phải quỳ xuống nhận ở thầy.
3. Nếu xếp y, không được dùng miệng ngậm.
4. Không được giũ có tiếng.
5. Đặt lại chỗ cũ.
6. Dùng khăn phủ lên trên.
7. Lấy giầy trước phải giũ bụi.
8. Không để có tiếng.
9. Đặt dưới đất phải ngay thẳng.
10. Để lại chỗ cũ.

* Lấy bình bát và bình rửa, biết tám việc:

1. Trước phải lau cho sạch.
2. Hai tay đỡ dưới.
3. Quỳ xuống lấy bình bát của thầy.
4. Rửa bát phải dùng trái bồ kết hoặc tháo đậu.
5. Dùng tay rửa bên trong.

6. Có việc phải đi gấp nên đặt dưới ánh nắng mặt trời.

7. Hoặc hơ lửa cho khô.

8. Việc xong phải đặt lại chỗ cũ.

* Lấy tích trượng phải biết bảy việc:

1. Phải lau cho sạch.

2. Không được để nằm dưới đất.

3. Không được dùng để ra dấu.

4. Không để làm ra tiếng.

5. Phải cầm hai tay.

6. Quỳ xuống dâng cho thầy.

7. Phải đặt lại chỗ cũ.

* Hầu thầy tắm gội, cạo tóc, sáng tối mặc y phục phải biết mười hai việc:

1. Làm việc phải có tâm cung kính, phải biết những việc cần làm.

2. Phải tùy theo khí hậu nóng lạnh.

3. Quét dọn nhà tắm.

4. Chuẩn bị nước nóng sạch.

5. Đầy đủ bồ kết, bột rửa và dầu thoa.

6. Phải chuẩn bị khăn tay sạch.

7. Trời lạnh phải có lò lửa.

8. Đứng ngay thẳng bên ngoài không cho người vào.

9. Cạo tóc nên đúng chỗ quy định.

10. Phơi y phục phải đợi cho khô.

11. Nếu có việc phải đi gấp, phải nhờ người lấy, không được để quên.

12. Việc xong để lại chỗ cũ.

* Cầm hương, dâng hoa phải biết bảy việc:

1. Phải lau sạch lò hương

2. Phải vứt bỏ hoa cũ.

3. Nên để lửa vừa phải.

4. Dâng hương hoa cho Thượng tọa trước.

5. Hai tay dâng hương phải cách năm tấc:

6. Cầm lò hương không được xông cho mình.

7. Việc xong phải đặt lại chỗ cũ.

* Thắp đèn phải biết tám việc:

1. Bỏ tim đèn cũ

2. Lấy cây gạt họng đèn cho sạch.

3. Dầu trong đèn phải đầy.

4. Tìm tim đèn sạch.

5. Phải thường rót dầu cho đầy.

6. Sáng phải dậy sớm xem xét.

7. Dầu chưa hết phải rút tim đèn ra tập trung lại một chỗ để thắp cho hết dầu.

8. Việc xong từ từ đặt lại chỗ cũ.

* Đi hái hoa và cành dương phải biết chín việc:

1. Nếu hoa có chủ phải hỏi chủ.

2. Nếu không có chủ phải chú nguyện cho thần núi, thần cây, thần ao hồ.

3. Hái hoa và nhành dương không được nhổ

gốc rễ của nó.

4. Phải đi thẳng đến nơi và quay về.

5. không được buông lung nói cười.

6. Nếu có người xâm phạm, cẩn thận không được gây gổ với họ.

7. Cúi đầu tự tỉnh giác, không nên có tâm thù hận.

8. Nếu dâng hoa phải dâng cho Thượng tọa trước.

9. Phải vứt bỏ hoa héo.

* Làm việc gì không được tự y, phải biết mười tám việc:

1. Ra vào, đi lại, trước phải bạch thầy.

2. Buổi tối muốn đi, ở lại đêm phải thưa thầy.

3. Muốn may y phục mới phải thưa thầy.

4. Mặc y phục mới phải bạch thầy.

5. Giặt pháp y phải thưa thầy.

6. Cạo tóc phải thưa thầy.

7. Nếu bệnh uống thuốc trước phải thưa thầy.

8. Làm việc chúng trước phải thưa thầy.

9. Mua các loại giấy bút, viết mực trước phải thưa thầy.

10. Muốn tụng kinh phải thưa thầy trước.

11. Nếu người Tăng vật trả ơn phải thưa thầy trước mới được nhận.

12. Mình dùng vật để đáp lễ cho người trước

phải thưa thầy, thầy đồng ý mới cho.

13. Người mượn vật của mình trước phải thưa thầy, thầy đồng ý mới cho mượn.

14. Muốn mượn vật của người phải thưa thầy, thầy đồng ý mới được đi.

15. Muốn thưa thầy phải chỉnh đốn y phục cúi đầu làm lễ.

16. Thầy đồng ý hoặc không đồng ý, đều phải cung kính cúi đầu làm lễ.

17. Bày tỏ điều muốn biết.

18. Không được có ý giận, dù đúng cũng phải bỏ qua.

* Đi theo thầy về trước hoặc sau phải biết mười sáu việc:

1. Phải chỉnh đốn y phục.

2. Phải biết những điều cần trả lời và cầm theo khăn, tích trượng, v. v…

3. Đi theo sau thầy.

4. Không được đạp lên bóng thầy.

5. Không cười giỡn trước tích trượng.

6. Giữa đường không được cùng người nói chuyện.

7. Không được ghét thầy khi có lỗi.

8. Nếu thầy có bỏ quên vật gì dạy quay lại lấy, phải tìm đường đến đó lấy.

9. Phải theo lời dạy mà đi.

10. Cẩn thận không ở lại lâu.

11. Nếu thầy dạy ở lại thuyết pháp, cho đàn-việt phải cúi đầu kính nhận.

12. Trời tối phải trở về.

13. Cẩn thận không ở lại đêm.

14. Khi trở về đến thưa thầy trước tiên phải chỉnh đốn y phục.

15. Kính lễ năm vóc sát đất.

16. Lễ thầy đúng như pháp

* Nếu một mình đưa đám ma hoặc thăm bệnh, phải biết chín việc:

1. Đến nhà đàn việt phải biết nghi thức cần tiến hoặc lui, nếu có chỗ ngồi khác mới ngồi, nếu không có, không ngồi tùy tiện.

2. Nếu nhìn chỗ ngồi đó không có vấn đề gì, nên ngồi ngay thẳng.

3. Nếu người muốn hỏi Kinh phải tùy thời mà nói.

4. Cẩn thận không thuyết pháp phi thời.

5. Chủ nhân mời ăn, tuy không phải ăn trong pháp hội cũng không được mất oai nghi.

6. Cần phải trở về kịp trong ngày.

7. Không phạm lỗi đi đêm.

8. Nếu trời tối mưa gió đến bất ngờ, có thể ở lại.

9. Xong việc trở về như pháp.

* Trên đường gặp thầy, phải biết có sáu việc:

1. Trước phải chỉnh đốn y phục.
2. Phải bỏ guốc dép ra.
3. Làm lễ thầy, phải cúi đầu xuống.
4. Phải đi sau thầy.
5. Thầy dạy đi riêng phải cúi đầu vâng theo.
6. Tuy không cùng đi với thầy nhưng nghi thức phải làm đúng như pháp.

* Khi ăn trong chúng Tăng phải biết mười sáu việc:

1. Nghe tiếng kiền chùy phải chỉnh đốn y phục.
2. Cởi giầy ra và đến đứng dưới tháp.
3. Đứng phải ngay thẳng.
4. Nếu theo thầy đến sau liền vào chỗ cho kịp, cẩn thận không nói cười.
5. Nếu Thượng tọa chú nguyện, đều phải cung kính, cẩn thận không mất oai nghi.
6. Trước khi ăn phải nhìn từ trên xuống dưới.
7. Không được ăn trước hoặc sau Chúng.
8. Không được khen chê thức ăn ngon dở.
9. Không được ăn miếng lớn.
10. Không được nhai lớn tiếng.
11. Không được vét thức ăn trong bát có tiếng.
12. Không được gõ đũa trên bàn.
13. Không được đòi hỏi thức ăn ngon.
14. Không được lấy đồ ăn cất riêng hoặc lấy

cho chó.

15. Thức ăn đem đến không được nói không dùng.

16. Nếu đã no thì dùng tay từ chối.

* Chúng Tăng thuyết pháp, Sa-di phải biết mười ba việc:

Nếu pháp hội tại tịnh thất nóng, tịnh thất mát mẻ hoặc là nhà tắm.

1. Phải chỉnh đốn y phục.

2. Phải thẳng tiến phía trước.

3. Không được giữa đường cùng người nói chuyện.

4. Lễ các bậc tôn túc theo thứ tự.

5. Không được tự tiện vào chỗ ngồi.

6. Thượng tọa nói kinh, phải ngồi vào chỗ.

7. Ngồi phải ngay thẳng.

8. Cẩn thận không ồn ào.

9. Không được ho lớn tiếng.

10. Không được khạc nhổ lên đất sạch, trái với quy luật.

11. Nếu đến lược mình thuyết pháp thì nên thuyết.

12. Khi ngồi trên pháp tòa phải để ý cử chỉ, cẩn thận không để mất oai nghi.

13. Nếu trong chúng có người mất oai nghi, phải che giấu điều xấu, hiển bày điều tốt, cẩn thận

không cẩu thả nói lỗi lúc đó.

* Chúng Tăng tụng kinh, phải biết mười ba việc, nếu tới phiên mình làm trực nhật về việc hành lễ.

1. Nghe tiếng kiền chùy phải chuẩn bị đầy đủ hương đèn.

2. Dâng hương như cũ.

3. Sắp xếp thứ tự cho thích hợp.

4. Giũ sạch chiếu ngồi.

5. Quét chùa rưới nước như pháp.

6. Nếu trong pháp hội đưa ra những vật dùng của đàn việt thì phải trao lại rõ ràng.

7. Việc xong nhận lại như lúc đầu.

8. Trao chìa khóa cổng, sớm chiều đóng mở như thường lệ.

9. Nếu có khách khứa phải đứng một bên thầy nghe việc cần làm.

10. Nếu khách có ở lại lâu phải chỉnh đốn y phục đứng chỗ thường đứng.

11. Khách có hỏi điều gì phải trả lời rõ ràng.
12. Đứng phải ngay thẳng, không mất oai nghi.

13. Nếu có việc muốn đi phải nhờ người thay mình, không để chỗ trống, thầy phải kêu nhiều lần.

*Nếu làm trị nhựt lãnh trách nhiệm cần phải biết mười ba việc.

Làm trị nhựt cần phải theo quy tắc, đó chính là

tu tập.

1. Trông nom tháp

2. Trông nom giảng đường và các việc của Tăng.

3. Nếu làm tượng Phật, thường phải dậy sớm lo hết các việc.

4. Phải chọn lựa chỗ thích hợp, dùng búa dao cưa cho đúng chỗ.

5. Nếu sơn vẽ dùng các loại chu, màu dao. . . các thứ phải chuẩn bị đầy đủ, không để đến khi cần bị thiếu.

6. Việc xong phải dọn dẹp để lại chỗ cũ.

7. (Nguyên bản thiếu phần 7)

8. Đếm vật đã nhận rồi giao lại phải rõ ràng không để mất mát.

9. Nếu muốn ra chợ phải thưa vị trị sự.

10. Lấy đồ ra dùng không để dư, sắp đặt phải gọn gàng

* Đi khất thực một mình, phải biết mười sáu việc:

- Nếu đi khất thực

1. Đi với nhiều người

2. Nếu đi một mình phải biết chỗ mình có thể đến

3. Bình bát thường mang bên hông trái.

4. Khi đi phải đặt bình bát hướng ra ngoài

5. Khi trở về phải quay bát vào trong.

6. Đến cửa nhà người cần phải cẩn thận cử chỉ.

7. Nhà không có người nam, cẩn thận không nên vào.

8. Nếu muốn ngồi phải xem xét chỗ ngồi

9. Có binh khí không nên ngồi.

10. Có vật báu không nên ngồi

11. Nếu có các loại y phục trang sức của phụ nữ, không nên ngồi.

Không có những vật này mới được ngồi.

12. Chủ nhân mời ăn

13. Khi ăn phải chú nguyện

14. Không được hỏi thức ăn ngon dở.

15. Không được thuyết pháp trước khi ăn.

16. Muốn thuyết pháp phải biết điều nào nên nói và không nên nói.

* Xin thức ăn ở chợ, phải biết chín việc:

1. Phải cúi đầu thẳng đến và quay về

2. Nhìn đồ vật cẩn thận không nhìn chăm chú.

3. Không trả giá thức ăn mắc, rẻ.

4. Không ngồi chỗ người nữ không đàng hoàng.

5. Nếu bị xúc phạm phải tìm cách tránh đi, không được đi theo cầu xin.

6. Nếu mua sắm phải mua đúng giá trị của đồ vật, không được mua rồi đem trả lại.

7. Đã hứa mua vật của người đó, tuy không rẻ cũng không được bỏ vật này lấy vật khác khiến người bán nổi giận.

8. Nếu thấy bốn hạng người mua được giá rẻ, muốn xoay về mình liền nói: "Làm như vậy là không đúng pháp. "

9. Cẩn thận không nên bảo lãnh cho người khác dẫn đến nợ nần.

* Vào chùa ni, phải biết chín việc:

- Nếu thầy sai đến chùa ni.

1. Nên đi hai người

2. Nhiều tháp, đảnh lễ như pháp.

3. Nếu có chỗ riêng mới ngồi, không có, không được ngồi

4. Người bệnh muốn hỏi Kinh phải biết điều nào là nên nói

5. Không được nói phi thời

6. Không được trở lại nói xấu lỗi của người

7. Nếu người dùng vật quý hay y phục, khăn, dép để đáp lễ. . . đều không được nhận.

8. Quay về không được nói tốt xấu

9. Đối với người khác không được nói chỉ nên cúng dường cho ta.

* Tụng Kinh, thuyết pháp, phải biết tám việc:

1. Phải xét cho rõ những nhận thức khác nhau và thực hành khác

nhau

2. Không được bảo thủ, theo hiểu biết của mình nói người này đúng người kia sai.

3. Cùng học với nhau, nếu có xảy ra tranh cãi, phải hòa giải không được giành phần phải về mình.

4. Trong chúng làm việc mệt nhọc cẩn thận không được khoe công lao của mình.

5. Khi đại Sa-môn thuyết giới không được cố ý lén nghe.

6. Biết mình có lỗi đối với mọi người phải xin lỗi cho hai bên hòa giải nhau.

7. Nếu thầy nói: "Người kia nói con có lỗi", đúng như thầy dạy mà làm.

8. Không được che giấu khiến lỗi càng nặng.

* Bàn luận, phải biết mười việc:

- Ngày đêm ba thời thường tụng Kinh hành đạo.

1. Chỉnh đốn y phục

2. Nếu đi kinh hành phải đi đúng chỗ

3. Thường đi ở giữa

4. Trong giảng đường

5. Dưới tháp

6. Trong nhà ăn

7. Không được mang giày da

8. Không được mang guốc gỗ

9. Không được cầm tích trượng

10. Không được nằm tụng Kinh.

* Đi tụng Kinh cho người, phải biết mười việc:

- Trong phòng thất, thường như pháp.

1. Ngủ nghỉ phải có chỗ riêng không được lẫn lộn.

2. Tụng Kinh.

3. Bàn luận nghĩa lý của kinh.

4. Thăm hỏi người bệnh. 5. Chúc mau hết bệnh

6. Không được nói những chuyện không cần thiết.

7. Không được nêu lỗi của người.

8. Không được cùng nhau bình luận.

9. Mượn, lấy, cho phải rõ ràng.

10. Không được sai lời hẹn, làm mất lòng tin.

- Năm Đức Của Sa-di

1. Phát tâm xuất gia vì cảm mến đạo pháp

2. Hủy bỏ hình đẹp vì thích ứng với pháp y

3. Cắt ái từ thân vì không còn thân sơ

4. Xem thường thân mạng vì tôn sùng đạo pháp

5. Chí cầu Đại Thừa vì hóa độ mọi người.

- Mười Pháp Số Của Sa-di

1. Tất cả chúng sanh nhờ ăn uống mà tồn tại.

2. Danh sắc.

3. Ba thọ.

4. Bốn đế.

5. Năm ấm.

6. Sáu nhập.

7. Bảy giác chi.
8. Tám chánh đạo.
9. Chín chỗ ở của chúng sanh. Chín địa.
10. Mười Nhất thiết nhập.

-oOo-

SỐ 1472
OAI NGHI CỦA SA-DI

Hán dịch: Tam tạng Cầu-na-bạt-ma,
người nước Kế Tân đời Lưu Tống

Sau khi thọ mười giới Sa-di, làm bậc hiền giả, vị thầy phải tuần tự dạy cho họ biết những điều cần làm, bắt đầu từ những việc nhỏ, phải biết oai nghi và các việc cần làm, phải biết tuổi hạ của Hòa thượng và danh hiệu của ba vị thầy. Vị thầy phải dạy cho Sa-di biết ban đầu khi họ thọ giới vào ngày tháng năm nào. Sa-di cũng cần phải biết cách hầu Hòa thượng và A-xà-lê có bao nhiêu việc, khi dâng cây chà răng, nước rửa, nhận y, xếp y, cầm bát, cầm tích trượng, cầm giày. . . có bao nhiêu việc. Khi cùng với Hòa thượng, A-xà-lê đi thọ thỉnh hoặc vào cung vua, đến nhà đàn việt, nhà Bà-la-môn, hoặc khi ngồi ăn chung, hoặc khi ngồi ăn riêng, hoặc cùng vào thành khất thực, hoặc cùng nhau quay về, khi quay về chỗ ở, hoặc khi chiều tối, phải nghỉ lại, hoặc ngồi ăn bên bờ sông, hoặc ngồi ăn bên đường, hoặc ngồi ăn dưới gốc cây, hoặc đi trước đứng đợi, hoặc khi chia thức ăn cho nhau, hoặc khi đổi bát, hoặc ngồi ăn cùng một lúc, hoặc ăn trước hay sau, hoặc ăn xong súc miệng,

hoặc khi rửa bát, hoặc phục vụ Chúng Tăng khi trị nhựt, nên biết mỗi thứ đều có bao nhiêu việc.

Sa-di khi đủ 20 tuổi, muốn thọ giới Cụ túc phải biết các việc làm trên, mới chính là Hiền giả. Nếu Tỳ-kheo hỏi, Sa-di không trả lời đầy đủ, không nên trao cho họ giới Cụ túc. Vì sao? Vì làm Sa-di mà không biết những việc làm của Sa-di, huống gì việc của Sa-môn rất lớn, khó làm lại vi diệu. Này Hiền giả Sa-di! Con hãy quay về học cho kỹ nghe biết đầy đủ mới nên thọ giới Cụ túc, bởi vì con không biết pháp của Sa- di, chưa biết khổ của thân, không hộ trì được ý mình mà lại muốn thọ

giới Cụ túc. Nếu trao cho con giới Cụ túc, người đời sẽ bảo Phật Pháp dễ tu, Sa-môn dễ làm, không biết Phật Pháp rất vi diệu, tội phước theo nhau, Pháp luật hỗ tương. Thế nên, trong vài ngày, ba thầy phải thay nhau hỏi, nếu có thể trả lời đầy đủ đúng như Pháp mới cho thọ giới Cụ túc.

* Thầy dạy Sa-di biết năm việc:

1. Phải cung kính bậc đại Sa-môn.

2. Không được kêu tên bậc đại Sa-môn.

3. Khi đại Sa-môn thuyết giới kinh không được lén nghe.

4. Không được tìm lỗi của đại Tỳ-kheo.

5. Khi đại Tỳ-kheo có lỗi không được truyền rao.

Đây là pháp oai nghi mà vị thầy phải dạy cho sa di biết năm việc:

1. Không được ở chỗ vắng mắng vị đại Tỳ-kheo

2. Không được khinh thường Tỳ-kheo, ở trước mặt cười giỡn, bắt chước giọng nói tướng đi.

3. Thấy đại Tỳ-kheo đi qua phải liền đứng dậy, trừ khi tụng Kinh, khi làm việc chúng, khi ăn.

4. Giữa đường gặp Tỳ-kheo phải dừng lại nép qua bên đường.

5. Khi cười giỡn thấy Tỳ-kheo đi qua, phải dừng lại nói lời xin lỗi và không giỡn nữa. Đó là các việc nên làm của Sa-di.

* Sa-di hầu Hòa thượng phải biết mười việc:

1. Phải dậy sớm.

2. Muốn vào phòng thầy trước phải gõ cửa ba tiếng.

3. Chuẩn bị đầy đủ bàn chải răng, nước rửa.

4. Phải dâng pháp y, sau đó đưa giày.

5. Quét đất phải rảy nước

6. Phải xếp mùng mền, lau chùi chỗ nằm ngồi.

7. Thầy đi chưa về không được bỏ phòng trống, thầy về phải lấy y áo xếp.

8. Nếu có lỗi, Hòa thượng A-xà-lê chỉ dạy, không được nói lại.

9. Phải cúi đầu nhận lời dạy của thầy, lui ra phải suy nghĩ và làm theo

10. Khi ra phải đóng cửa lại.

* Đây là những việc làm hầu Hòa thượng như pháp. Sa-di hầu A-xà-lê phải biết năm việc:

1. Luôn tôn kính bậc A-xà-lê như kính Phật.

2. Không được cười giỡn

3. Bị quở trách không được nói lại

4. Nếu dạy đổ đồ bất tịnh, không được khạc nhổ tỏ ý giận.

5. Sáng tối, phải xoa bóp cho thầy. Đó là các việc hầu A-xà-lê đúng pháp.

* Sa-di hầu thầy phải dạy sớm, chuẩn bị đầy đủ cây chà răng, nước rửa phải biết sáu việc:

1. Nên cắt bàn chải răng cho đúng cỡ.

2. Phải đập giập đầu cây

3. Rửa sạch.

4. Phải thay nước cũ không để cách đêm.

5. Phải rửa bình đựng nước cho sạch.

6. Phải đổ đầy nước mang vào, không được đổ nước làm ra tiếng. Đó là cách làm bàn chải răng múc nước rửa.

* Dâng ca-sa phải biết bốn việc:

1. Phải dâng từ từ, một tay cầm trên một tay đỡ dưới.

2. Phải xem kỹ.

3. Phải đứng ngay thẳng đợi thầy đắp y xong.

4. Phải đặt trên vai của thầy. Đó là cách dâng

ca-sa

* Xếp y phải biết bốn việc:

1. Phải xem kỹ.

2. Không được để chạm đất.

3. Phải để chỗ cũ.

4. Lấy khăn phủ lên trên. Đó là cách xếp y

* Cầm bát phải biết có bốn việc:

1. Phải rửa sạch.

2. Lau cho khô.

3. Để cho vững.

4. Không để làm ra tiếng. Đó là cách cầm bát.

* Cầm giày phải biết bốn việc:

1. Trước phải giũ bụi.

2. Phải đặt cho ngay thẳng.

3. Phải rửa tay sau đó đắp y.

4. Thầy ngồi, phải đặt cho ngay thẳng. Đó là cách cầm giày.

* Cầm tích trượng phải biết bốn việc:

1. Phải lau bụi.

2. Lấy không được chạm đất làm ra tiếng.

3. Thầy ra cửa mới dâng cho thầy

4. Thầy trở về phải nhận lấy. Nếu thầy kinh hành, vào chúng, lễ Phật, phải cầm cho thầy. Đó là cách cầm tích trượng.

* Ngồi ăn cùng lúc phải biết bốn việc:

1. Ngồi phải cách thầy sáu tấc:

2. Nhìn thầy thuyết pháp xong mới dâng bát cho thầy.

3. Không được ăn trước thầy.

4. Thầy dùng xong phải đứng dậy lấy bát. Đó là cách ngồi ăn cùng lúc.

* Ăn riêng đúng pháp phải biết bốn việc:

1. Phải đứng một bên thầy.

2. Thầy dạy đi ăn mới được đi

3. Đầu và mặt chạm đất làm lễ

4. Không được ngồi chòm hõm trên ghế, ăn xong phải đứng bên thầy, thầy dạy ngồi mới được ngồi. Đó là cách ngồi ăn riêng.

* Vào thành khất thực phải biết bốn việc:

1. Phải cầm bát cho thầy.

2. Đi sau và không được đạp lên bóng thầy

3. Ra ngoài thành phải lấy bát trao cho thầy.

4. Vào trong thành muốn đi riêng phải thưa thầy biết. Đó là cách đi khất thực.

* Trở về chỗ cũ để ăn phải biết bốn việc:

1. Từ từ mở cửa và trải tọa cụ cho thầy

2. Lấy nước cho thầy rửa tay, sau đó mình mới rửa.

3. Dâng bát cho thầy sau đó đứng vòng tay một bên.

4. Phải chuẩn bị đầy đủ bột rửa, khăn tay. Đó là cách trở về chỗ cũ để ăn.

* Khi ăn bên dòng sông phải biết bốn việc:

1. Tìm đất sạch.

2. Lấy cỏ làm chỗ ngồi.

3. Lấy nước cho thầy rửa tay sau đó dâng bát.

4. Thầy dạy ăn phải làm lễ mới ngồi xuống. Đó là cách ăn bên dòng sông.

* Dừng lại ăn dưới bóng cây phải biết bốn việc:

1. Treo bát trên cành cây, lấy lá cây làm chỗ ngồi.

2. Lấy nước cho thầy rửa tay, nếu không có nước phải tìm cỏ sạch dâng cho thầy.

3. Lấy bát dâng thầy.

4. Phải chuẩn bị đầy đủ cỏ sạch rửa bát thầy xong lấy cỏ khô lau bát rồi mới đi. Đó là cách ngồi ăn dưới bóng cây.

* Đứng giữa đường đợi thầy phải biết ba việc:

1. Đặt bát xuống đất sạch làm lễ như pháp

2. Phải nhìn trời sớm hay tối, có thể quay về hay ở lại giữa đường.

3. Phải cầm bát và đi sau thầy. Đó là cách đứng giữa đường đợi thầy.

* Trao đổi thức ăn trong bát phải biết ba việc:

1. Nếu trong bát thầy không có váng sữa, bơ, phải lấy thức ăn trong bát của mình dâng cho thầy, thầy không nhận phải đứng đó.

2. Từ từ lấy nửa thức ăn trên bát thầy để trên lá

cây.

3. Sau đó lấy nửa thức ăn từ bát của mình đặt vào bát thầy rồi đứng đó. Đó là cách trao đổi thức ăn trong bát.

* Trao đổi bát phải biết ba việc:

1. Trong bát thầy có thức ăn ngon, bát mình không được như vậy, liền lấy bát thầy dâng cho thầy.

2. Thầy muốn đổi bát phải từ chối không nhận.

3. Thầy kiên quyết một hai lần muốn đổi, phải nhận lấy, ăn xong phải lau khô bát trả cho thầy. Đó là cách trao đổi bát.

* Khi cùng ăn với thầy phải biết ba việc:

1. Phải trao bát cho thầy sau đó mới được ăn.

2. Phải nhìn vài lần xem thầy có cần gì, đứng dậy lấy cho thầy.

3. Không được ăn quá nhanh, không được ăn xong liền đứng dậy, phải thưa thầy có cần gì không, thầy dạy mang đi mới được dọn. Đó là cách cùng ăn với thầy.

* Trước và sau khi ăn phải biết ba việc:

1. Dâng bát cho thầy xong phải đứng chỗ khuất, lắng nghe thầy kêu liền đáp.

2. Phải chuẩn bị nước rửa tay đặt một bên thầy.

3. Thầy ăn xong và rửa tay phải đứng một bên, thầy dạy đi ăn phải làm lễ rồi đi. Đó là cách trước và sau khi ăn.

* Ăn xong rửa bát súc miệng phải biết ba việc:

1. Súc miệng xong, phải lấy bát thầy rửa sạch treo trên cành cây.

2. Rửa bát mình xong cũng treo trên cành cây, lấy bát thầy lau khô đặt vào trong túi bát, trao cho thầy.

3. Sau đó lấy bát mình lau thật khô rồi bỏ trong túi bát đeo vào đứng đợi thầy. Đó là cách rửa bát.

* Khi rửa bát xong, mới đi phải biết ba việc:

1. Thầy dạy: "Ta muốn ghé qua nơi. . . , gặp Hiền giả. . .

2. Làm lễ thầy sát đất rồi đi.

3. Trở về một mình không được ghé vào thôn xóm khác, giỡn cười, phải đi thẳng về chỗ ở để tụng kinh. Đó là cách rửa bát xong mới đi.

* Sa-di vào chúng phải biết năm việc:

1. Phải học các việc cho thông thuộc.

2. Phải tập làm việc

3. Phục vụ chúng Tăng

4. Gởi vật cho đại Sa-môn cất giữ.

5. Khi muốn thọ đại giới, phải được ba thầy thay nhau chỉ dạy.

* Lại có năm việc:

1. Lễ Phật

2. Phải đảnh lễ Tỳ-kheo Tăng.

3. Phải chào hỏi các bậc Thượng tọa.

4. Phải nhường chỗ ngồi cho các bậc Thượng tọa.

5. Không được tranh giành chỗ ngồi.

* Lại biết năm việc:

1. Không được ở trên chỗ ngồi kêu nhau, nói cười.

2. Không được ra vào nhiều lần.

3. Nếu chúng Tăng kêu Sa-di. . . liền đứng dậy.

4. Phải làm theo lời dạy của chúng Tăng.

5. Nếu tri sự dạy làm việc phải trở lại thưa thầy. Đó là cách vào chúng.

* Sa-di phải biết năm việc khi làm trị nhựt:

1. Tiết kiệm vật của chúng Tăng.

2. Không được làm việc giữa đường.

3. Việc làm chưa xong không được bỏ đi

4. Hòa thượng, A-xà-lê kêu không được đến liền, phải báo cho vị Tri sự biết.

5. Phải vâng theo lời dạy của vị Tri sự, không được trái lời. Đó là cách làm trị nhật.

* Nhặt rau phải biết năm việc:

1. Phải bỏ gốc rễ

2. Phải xếp ngay thẳng.

3. Không được bỏ lẫn lộn rau tươi và héo.

4. Rửa rau phải rửa ba nước cho sạch, sau đó xốc ba lần cho ráo nước.

5. Làm xong phải quét dọn cho sạch.

* Lại có năm việc:

1. Không được lấy vật chúng Tăng cất làm vật riêng.

2. Nếu muốn lấy phải báo cho vị Tri sự biết.

3. Phải hết lòng làm việc Chúng.

4. Phải quét dọn nhà ăn và xếp các tấm trải bàn.

5. Sáng chiều phải quét dọn nhà sau và lấy thêm nước.

* Lấy nước phải biết mười việc:

1. Tay không sạch, không được múc nước, muốn múc nước trước phải rửa tay.

2. Không được ném mạnh gàu xuống giếng gây tiếng động.

3. Phải thả xuống từ từ, không được kéo qua trái, phải khiến cho có tiếng.

4. Không được thả đầu dây gàu xuống giếng.

5. Không được đặt giày dép lên thành giếng.

6. Không được đem gàu bỏ vào trong lu đựng nước.

7. Không được để gàu dưới đất.

8. Phải rửa bình đựng nước cho sạch.

9. Đổ nước vào phải từ từ.

10. Đặt chỗ khuất, không làm chướng ngại đường đi.

* Rửa lu phải biết năm việc:

1. Trước phải rửa trên miệng lu.

2. Rửa bên trong.

3. Phải rửa thành lu.

4. Rửa dưới đáy.

5. Phải rửa ba nước:

* Nhóm bếp phải biết năm việc:

1. Không được ngồi dang hai chân thổi lửa.

2. Không được đốt củi tươi.

3. Không được đốt củi ẩm.

4. Không được đốt củi mục.

5. Không được dùng nước nóng để dập lửa.

* Quét đất phải biết năm việc:

1. Phải thuận đường.

2. Rưới nước xuống đất vừa phải không được tràn lan.

3. Không được làm dơ bẩn bốn vách tường.

4. Không được cào xới trên mặt đất.

5. Quét xong phải nhổ cỏ đem bỏ.

* Khi Tỳ-kheo Tăng ăn, Sa-di quét dọn phải biết năm việc:

1. Đi lui.

2. Không được quơ tay.

3. Qua sáu người, tóm lại một chỗ.

4. Quét sạch tất cả.

5. Quét xong tự tay hốt đem ra ngoài đổ.

* Cầm nước rửa, bình tưới nước phải biết năm việc:

1. Một tay cầm trên, một tay đỡ dưới, không được thay đổi.

2. Phải đứng bên trái cầm cho chắc nhìn thẳng phía trước.

3. Phải nhìn tay thầy, rưới nước xuống.

Đứng ngay thẳng đổ vào trong tay thầy, không được đổ nhiều hoặc ít.

4. Phải cách tay thầy bốn tấc, không được cao hoặc thấp, phải nhìn nước nhiều hay ít. Giả sử nước ít không đủ dùng phải lấy thêm, không được để thầy đứng đợi.

5. Việc xong phải rửa tay, sau đó mặc y.

* Bưng chậu nước phải biết năm việc:

1. Không được để chậu nước làm ra tiếng.

2. Hai tay phải bưng cho chắc, đặt vào bên phải thầy.

3. Phải tùy theo tay thầy cao hay thấp, không được nhìn ngó hai bên.

4. Nước trong chậu đầy phải đem đổ bớt, không được đổ xuống đất trước mặt thầy.

5. Việc xong phải rửa tay trở lại mặc y.

* Cầm khăn phải biết năm việc:

1. Tay trái cầm đầu trên, tay phải cầm đầu dưới trao cho thầy.

2. Nên lui ngồi cách hai tấc, không được đụng vào đầu gối thầy.

3. Cầm khăn không được đưa ngang miệng thầy.

4. Thầy lau chưa xong không được lấy khăn đi, thầy lau xong phải báo cho chủ biết hoặc để lại chỗ cũ.

5. Xong việc rửa tay sau đó mặc y.

* Đưa giày dép phải biết năm việc:

1. Phải giũ bụi.

2. Đặt ngay chỗ ngồi của thầy.

3. Phải để sau chậu nước rửa và ra dấu cho thầy biết.

4. Không được đặt dép trái qua phải.

(Tất cả các việc làm, Sa-di đều phải hết sức chú ý)

5. Việc xong rửa tay, mới mặc y.

* Sa-di rửa bát phải biết bảy việc:

1. Trong bát có cơm dư không được đem đổ.

2. Muốn bỏ phải đặt trên đất sạch.

3. Phải dùng bột rửa, hoặc lá, cỏ.

4. Rửa bát không được để nơi đất sạch giữa đường.

5. Khi rửa, phía dưới bát phải có giá đỡ.

6. Nếu lấy thêm nước sạch, không được hắt nước dơ ra xa văng trúng người khác.

7. Muốn đổ nước trong bát phải cách đất bốn tấc, không được quá cao, quá thấp.

* Lau bát phải biết ba việc:

1. Phải lau tay cho khô.

2. Cầm khăn sạch đặt trên đầu gối.

3. Phải lau bên trong cho khô, lấy khăn sạch đậy lên miệng bát đặt lại chỗ cũ.

* Khi ăn trong pháp hội thầy dạy Sa-di cầm bát có năm việc:

1. Không được đặt bát dưới đất.

2. Không được chồng bát khiến có tiếng.

3. Nhờ người đỡ xuống đất.

4. Người chưa cúng dường không được đặt bát lên bàn.

5. Không được đi sau người đưa bát, phải ngay thẳng đi về phía trước, cũng không được đi vào giữa chúng, thầy ăn xong phải đứng dậy lấy bát trở lại chỗ ngồi.

* Thầy dạy Sa-di mang thơ đến cho người phải biết bảy việc:

1. Thẳng đến nơi.

2. Thẳng đường về.

3. Phải biết lời thầy dạy, cũng nên hiểu lời người trả lời.

4. Không được nói dối chỗ đi qua.

5. Nếu có nhờ cậy, không được ở lại đêm.

6. Không được cười giỡn.

7. Ra đường phải giữ oai nghi.

* Sa-di làm việc chúng chưa xong, không được tự tiện vào phòng đại Sa-môn, có ba việc được vào.

1. Hòa thượng, A-xà-lê kêu đến.

2. Đi lấy đề cho người.

3. Tự đến hỏi kinh.

* Muốn vào phòng thầy phải biết có bảy việc:

1. Phải gõ cửa ba lần mới được vào.

2. Không được đứng giữa đường làm lễ.

3. Không được tự tiện nói việc của người khác.

4. Phải chấp tay thưa như pháp.

5. Thầy dạy ngồi, không được ngồi hai chân chéo nhau.

6. Không được cười giỡn.

7. Không được che ánh sáng, khi ra ngoài phải đóng cửa lại.

* Sa-di đi xa một mình điều đầu tiên thầy dạy phải biết ba việc:

1. Nếu có người hỏi Hòa thượng của ngươi tên gì? Nên trả lời :Hòa thượng tên là. . .

2. Hòa thượng ngươi làm Sa-môn bao lâu?

+ Hòa thượng làm Sa-môn ngần ấy năm.

- Hòa thượng quê quán ở đâu?

- Hòa thượng người quận. . . huyện.

- Giả sử có người hỏi A-xà-lê tên gì? Đáp: Tên là. . .

+ A-xà-lê được bao nhiêu tuổi? - Ngần ấy tuổi.

+ A-xà-lê người ở đâu?

- A-xà-lê người quận. . . huyện.

+ Hiền giả quê ở đâu?

- Ở quận. . . huyện. . .

+ Hiền giả tên gì? - Tôi tên là. . .

+ Ông làm Sa-di được mấy năm?

- Ngần ấy năm, ngần ấy tháng, ngần ấy ngày, ngần ấy giờ.

Đó là điều Sa-di cần phải biết về Hòa thượng, A-xà-lê và cũng phải biết ngày, tháng, năm tên tuổi của mình khi thọ giới.

* Vào nhà tắm phải biết năm việc:

1. Vào phải cúi đầu.
2. Nên tránh chỗ ngồi của bậc Thượng tọa.
3. Khi Thượng tọa đọc kinh không được ồn ào.
4. Không được lấy nước tạt nhau.
5. Không được lấy nước dập lửa.

* Lại có năm việc:

1. Không được cười giỡn.
2. Không được đổ nước vào chậu bể.
3. Không dùng phí nước.
4. Không được lẫn lộn bột rửa và dầu thoa.
5. Xong việc phải đi ra, không được ở trong đó giặt y phục.

* Đến nhà sau phải biết mười việc:

1. Muốn đại tiểu tiện phải đi ngay.

2. Không được nhìn hai bên.

3. Phải gõ cửa ba lần.

4. Không được thúc hối người ở trong ra.

5. Đến nơi lại phải khảy móng tay ba lần.

6. Không được rặn lớn tiếng.

7. Không được cúi đầu nhìn chỗ kín.

8. Không được đùa giỡn trên tro đất.

9. Không được rảy nước lên vách.

10. Việc xong phải rửa tay, chưa rửa tay không được cầm đồ vật.

* Lại có năm việc:

1. Không được khạc nhổ trước vách.

2. Không được nhìn ngó hai bên.

3. Không được cầm cỏ vẽ lên đất.

4. Không được cầm than vẽ lên đất, vách.

5. Không được cố ý ở lâu, việc xong phải đi ra, giả sử gặp người không được làm lễ, phải tránh qua bên đường.

- Mười Pháp số của Sa-di

1. Tất cả chúng sanh đều nhờ ăn uống mà tồn tại.

2. Hai đế.

3. Ba thọ.

4. Bốn đế.

5. Năm ấm.

6. Sáu nhập.

7. Bảy giác phần.

8. Tám chánh đạo.

9. Chín địa (chín chỗ ở của chúng sanh).

10. Mười Nhất thiết nhập.

- Năm Đức của Sa-di

1. Phát tâm xuất gia vì cảm mến đạo pháp.

2. Hủy bỏ hình đẹp vì thích ứng pháp y.

3. Cắt ái từ thân vì không còn thân sơ.

4. Xem thường thân mạng vì tôn sùng đạo pháp.

5. Chí cầu Đại thừa vì hóa độ mọi người.

Kính bạch Tứ tọa đại đức chúng Tăng, con Sa-di tên. . . cùng với những người khác cúi đầu đảnh lễ. Bởi vì con nghe nói pháp như mặt trời chiếu sáng, giống như cỏ cây sống được nhờ ánh sáng đó. Lời dạy chân thật của đức Thế tôn ai ghi nhận thì được khai ngộ, tôn trọng hòa cùng với đại chúng xiển dương chánh pháp. Là bậc dẫn đường vận chuyển chánh pháp ngày càng lớn mạnh, tất cả chúng Tăng tập hợp tại giảng đường Bồ tát, thuyết giới. Giới có thể diệt trừ điều ác, làm nền tảng cho các điều thiện, là nhân sanh ra diệu hạnh làm căn bản giải thoát. Sa-di nghe những điều này vui mừng phấn khởi, ý muốn bố thí nhưng vì không có tài sản quí giá, chỉ có năm trăm bàn chải răng và một ngàn thẻ tẩy tịnh dâng cúng đại chúng biểu lộ tâm chí thành của con để súc miệng và tẩy tịnh,

kính mong Đại đức Tăng từ bi thâu nhận thọ chú nguyện.

-oOo-

SỐ 1473

KINH SA-DI THẬP GIỚI NGHI TẮC

Hán dịch: Đại sư Thi Hộ đời Triệu Tống.

Đảnh lễ Nhất Thiết Trí
Diệu pháp và Thánh chúng
Lược nói hạnh Sa-di
Khiến phát tâm xuất gia.
Học lời dạy Như lai
Giữ gìn các giới cấm
Giữ giới như hộ thân
Cẩn thận không vi phạm.
Đêm ngủ, sáng sớm dậy
Phải làm sạch miệng, răng.
Tụng niệm cho đến sáng.
Đảnh lễ bậc Chánh Giác
Gần gũi nơi phòng thầy
Dùng tay đẩy nhẹ cửa
Vào phòng vấn an thầy.
Thân thể an lạc không?
Làm như vậy xong rồi.
Lại đến trước đạo tràng
Cúng dường và cúng kính
Sáng sớm xem xét nước.

Trưa chiều cũng như vậy
Những vò lu đựng nước
Trùng lớn nhỏ trong nước
Thường chí tâm quán sát.
Nên dùng túi lọc nước
Xem kỹ mới được dùng
Ăn uống thường thương xót
Chớ giết hại côn trùng
Cho đến trên cỏ cây
Trong bùn đất, phân bò
Như vậy khi thọ dụng
Cứu hộ các chúng sanh,
Hoặc trong chỗ nằm ngồi
Ruộng vườn, trong đất, phân
Xem kỹ khắp tất cả,
Đây là hạnh xuất gia.
Tất cả việc hầu thầy
Rửa bát cho sạch sẽ.
Ngày làm lễ ba lần
Chắp tay đến trước thầy
Ý thầy dùng thế nào?
Làm thức ăn thích hợp
Như vậy, nếu khi ăn
Trước tiên dùng nước sạch,
Lấy nước rửa sạch tay.
Ăn chánh niệm như pháp.
Ăn xong thường chú nguyện
Hồi hướng hàng tín thí

Cứ như vậy thực hành
Tăng trưởng hạnh chánh niệm.
Tin hiểu giới thanh tịnh
Nương vào pháp hành trì
Chánh quán thường tương ứng
Xuất gia tâm an lạc.
Người nào phạm giới cấm
Người khác thấy khinh chê
Cả hai đều phạm tội,
Hành giả cần nhất tâm.
Trì giới hoặc phá giới
Cho đến người bệnh tật
Nói pháp không thích hợp.
Người nghe tâm không kính
Khi chết chịu khổ lớn.
Nếu người làm thuốc độc
Và dùng chú, pháp thuật
Khiến cho người phải chết.
Lại còn dùng các loại
Tìm cách để giết hại
Do phá giới như vậy
Đọa vào ba đường ác.
Địa ngục, quỷ, súc sanh
Thứ tự chịu quả báo
Và các hàng chư thiên
Nếu cũng giết chúng sanh
Lại bị đọa đường ác.
Chịu các quả báo khổ.

Nếu có người xuất gia
Thân, khẩu, ý, buông lung
Giết các loại côn trùng
Do vì ba nghiệp ấy
Mà bị ba tội nặng.
Nếu người dùng tay, gậy
Đất đá và gạch ngói
Ném đánh vào chúng sanh
Lạc đà, lừa, cầm thú
Cũng phạm tội phá giới,
Lạc đà, lừa, voi ngựa
Thường tự ý cỡi đi
Tới lui ức hiếp chúng
Cũng phạm tội phá giới.
Nếu người nào xuất gia
Không được trộm cắp vật
Tự làm hoặc bảo người
Trộm lấy các tài vật
Với số lượng năm tiền
Một phần trong bốn phần
Nhân phá giới như vậy
Sẽ thành tội nặng nhất
Uống ăn các lúa gạo
Hoa quả các loại cây
Trên đất hoặc dưới nước
Mà làm việc trộm cắp
Hoặc trốn thuế pháp luật
Lén vượt qua trạm thuế

Bắt trộm các hữu tình
Hai chân và nhiều chân
Hoặc có người xuất gia,
Thọ dụng tuy đầy đủ
Tâm tham lấy trộm thêm
Đều phạm vào tội nặng.
Nếu y bát của mình
Bị giặc cướp đoạt lấy
Không được cố giựt lại
Dùng phương tiện giáo hóa
Hoặc bán lại cho mình
Phải tùy theo ý họ.
Đó là tâm xuất gia
Không gây tội ba nghiệp
Giới tánh tự thành tựu.
Nếu là người xuất gia
Không được hành dâm dục
Nam nữ và huỳnh môn
Tìm đến lòng ham muốn
Ngu si và đắm nhiễm
Phạm tội căn bổn này,
Nếu họ cố hành dâm
Như rắn dữ, thuốc độc
Tổn hại đến thân mình
Bị khổ nơi địa ngục
Làm chướng ngại
Niết bàn Không ra khỏi sanh tử
Chánh giác không như vậy.

Thân chưa từng phạm giới
Trì giới được lợi lớn
Nếu là người xuất gia
Không được nói dối trá.
Như nói gặp chư Thiên
Cùng nói chuyện với ta.
Chỗ ở của chư Thiên
Tôi cũng đã từng đến
Cho đến Càn-thát-bà
Bạn với rồng, Dạ-xoa
Các Ma-hầu-la-già
Tỳ-xá, Khẩn-na-la
Hàng quỷ Bát-lý-đa.
Cùng nói chuyện với ta
Đây đều là nói dối
Hoặc nói chứng năm thông
Chánh đạo và bốn quả
Hiểu rõ pháp sâu xa
Chưa chứng lại nói chứng
Nói dối như thế này
Mãi mãi đọa cõi ác.
Không được nói ly gián
Chia rẽ bạn người khác
Và nói lời thô ác
Thêu dệt trái thành phải
Giả sử bị người mắng
Không được đối đáp lại
Các lời nói gây nhau

Luôn luôn cần nhẫn nhục
Nếu không làm như vậy
Sẽ bị tội phạm giới
Người trí nhất tâm giữ
Lìa xa lỗi của miệng.
Dùng các loại lúa gạo,
Nấu rượu làm say người
Không được cố ý uống
Hoặc dùng mía và dừa
Nho và các loại trái
Ủ rượu làm say người
Không được cố ý uống
Mình uống hoặc bảo người
Mê loạn, mất chánh niệm
Tăng trưởng tâm buông lung
Người uống phạm tội nặng.
Vì vậy Thế Tôn dạy
Nếu người dùng cộng cỏ
Chấm rượu đưa vào miệng.
Cũng tăng trưởng lỗi lầm.
Ca múa và hát xướng
Cố ý đến xem nghe
Đó là tội phạm giới.
Dầu thơm thoa nơi thân
Chiên đàn và uất kim
Dùng hoa hương ướp tóc
Các loại vàng, bạc quý
Dùng để trang điểm thân

Thì bị tội phạm giới,
Ngay nơi mắt lông mày
Tô điểm cho xinh đẹp
Đều bị tội phạm giới.
Các chỗ thường nằm ngồi
Vừa đủ một tấc rưỡi
Và không được trang hoàng
Cũng không được quá rộng
Buông lung không làm theo
Thì bị tội phạm giới.
Phật dạy người xuất gia
Cần xa lìa các lỗi
Nếu đến giờ thọ trai
Quá ngọ không được ăn.
Sáng sớm đến giữa ngọ
Có thể nhận thức ăn
Nếu phi thời mà ăn,
Phật nói: Phạm tội nặng
Nếu có Tỳ-kheo bệnh
Vì trị bệnh nơi thân
Có thể ăn sau ngọ.
Không bệnh ăn phi thời
Sẽ bị tội phạm giới
Các vàng, bạc châu báu
Xuất gia không được cầm,
Nếu nhận sanh tâm tham
Sẽ bị tội phạm giới
Nếu có hàng tín thí

Cúng dường Phật-Pháp-Tăng
Vì tạo phước cho họ
Do vậy có thể nhận
Tất cả vật ưa thích
Không được sanh đắm nhiễm
Nếu có người tham đắm
Phải đuổi kẻ ấy ra.
Những hành động đùa giỡn
Sa-di không được làm
Cười giỡn sẽ phạm tội.
Nếu khi nào muốn ngáp
Phải lấy tay che miệng
Không làm, sẽ phạm tội.
Nếu Thượng tọa hắt hơi
Không nhìn mà đảnh lễ
Bậc Hạ tọa hắt hơi
Thượng tọa nên chú nguyện
Sống lâu không có bệnh.
Sa-di ở trước thầy
Không được khạc và nhổ
Lại khi muốn đánh răng
Không được hướng về thầy
Khi đi và lúc ngồi
Đối với bậc Tôn túc
Như pháp mà tôn trọng.
Nếu khi vào nhà xí
Như có người đến sau
Tằng hắng để họ biết

Lọc nước không có trùng
Lấy thêm vào bình rửa
Rửa tay làm nhẹ nhàng
Không mất hạnh xuất gia
Chỗ nằm ngồi của thầy
Quét dọn nệm cho sạch
Các loại ghế của thầy
Sa-di không được ngồi.
Nếu thầy không còn nữa
Y chỉ Tăng thanh tịnh
Bậc hiểu rõ giới luật
Hầu hạ và phụng thờ
Chớ y chỉ Tăng khác
Làm sai thì phạm tội.
Tỳ-kheo khi muốn đi
Vì các việc Phật sự
Trong năm ngày phải về
Được hưởng lợi với chúng
Chúng được lợi cũng vậy
Phải chia cho khách Tăng
Nhưng sau quá năm ngày
Cả hai đều không có.
Sa-di đại tiểu tiện
Cần biết đất Phật, Tăng
Không được đi tùy tiện
Phải phân chia ranh giới.
Tất cả các việc làm
Chấp tay thưa thầy trước

Như vậy những việc làm
Chánh hạnh sẽ không mất
Chiều xuống lễ tháp Phật
Lễ xong lại hầu thầy
Giúp thầy rửa hai chân
Việc xong nhất tâm nghe
Nhìn xem thầy cần gì
Đầu đêm và cuối đêm
Trì tụng không biếng nhác,
Giữa đêm khi ngủ nghỉ
Nằm như dáng sư tử
Tất cả pháp đã nói
Chú tâm mà làm theo
Huân tập chủng tử tốt
Phiền não tự đoạn trừ
Mau thành Vô Thượng Giác.

-oOo-

SỐ 1474
GIỚI KINH SA DI NI

Hán dịch: Mất tên người,
phụ vào dịch phẩm đời Hậu Hán.

Giới thứ nhất của Sa-di-ni là không được sát sanh, phải thương chúng sanh như cha mẹ thương con, bảo vệ thương xót cả loài côn trùng như con đỏ.

Không sát sanh như thế nào? Là giữ gìn thân, miệng, ý. Thân không giết người, vật và các loại côn trùng. Không tự tay mình giết cũng không bảo người khác giết. Thấy giết không ăn, nghe giết không ăn, nghi giết không ăn, vì mình mà giết thì càng không ăn. Miệng không nói lời phải giết, phải hại để trả oán, cũng không nói lời thích thú về sự chết và giết hại chúng sanh hay nói lời con này mập, con kia ốm, con này thịt nhiều, con kia thịt ít. Ý cũng không nghĩ: phải như có giặc giết nó đi thì thích biết bao, hay nuôi cho mập, để con kia ốm. Nên thương xót tất cả chúng sanh như xương, tủy của mình, như cha mẹ, như con cái, như thân thể. . . , một lòng bình đẳng với mọi loài, chí luôn hướng về Đại thừa. Đó là Giới cần phải học đầu tiên của Sa-di-ni.

Giới thứ hai của Sa-di-ni là không được trộm cắp. Dù chỉ một tiền trở lên hay một cọng cỏ, chiếc lá, sợi lông, hạt gạo cũng không được lấy. Miệng không nói việc lấy, tâm không nghĩ việc lấy, mắt không mê sắc, tai không ham tiếng, mũi không ngửi trộm mùi, lưỡi không nếm trộm vị, thân không tham y phục, tâm không nghĩ về dục. Sáu căn không đắm nhiễm, thường hành động theo trí tuệ thì gọi là không trộm cướp. Đó là Giới của Sa-di-ni.

Giới thứ ba của Sa-di-ni là không được dâm dật. Không dâm dật là sao? Là một lòng giữ gìn luôn thanh tịnh trong sạch. Thân không dâm dật miệng không nói lời dâm, tâm không nghĩ dâm, giữ mình luôn tươi sáng như ngọn gió lướt giữa hư không, không bị vướng mắc vào nơi nào. Thân không hành dâm, mắt không nhìn cảnh dâm, tai không nghe tiếng dâm, mũi không ngửi mùi dâm. Miệng không nói lời dâm, tâm không giữ ý dâm. Quán thân bốn đại vốn không thật có, xét đất, nước, lửa, gió là không ngã, không nhân, không có tuổi thọ, không mạng sống; vậy dâm dật cái gì, đam mê cái gì? Thế nên, ý phải hợp với không, vô tướng, vô nguyện. Đó là Giới của Sa-di-ni.

Giới thứ tư của Sa-di-ni là không được nói ly gián, nói lời thô ác. Lời nói phải ôn hòa. Không thấy không được nói thấy, không nghe không được nói nghe, thấy điều xấu không rao truyền, nghe

điều xấu không phổ biến. Lời thô ác cần tránh ngay, thường thực hành bốn Tâm vô lượng, không nói lời chẳng hay, khi nói thường nói về đạo pháp, không bàn luận việc thế tục, không được bàn tán việc vua chúa, quan lại và giặc cướp. Thường khen ngợi Phật Pháp, chánh giới của Bồ tát, chí nguyện ở đại thừa, không theo học thuyết hẹp hòi và luôn thực hành Bốn Tâm vô lượng. Đó là giới của Sa-di-ni.

Giới thứ năm của Sa-di-ni là không được uống rượu, không được ham muốn rượu, không được nếm rượu, rượu có ba mươi sáu lỗi: Mất đạo, phá nhà, hại thân, mất mạng đều do uống rượu; nghiêng bên đông, ngã bên tây, giữ bên nam, vướng bên bắc; không thể tụng kinh, không kính Tam bảo, khinh dể thầy bạn, bất hiếu cha mẹ. Tâm mê mờ, ý ngăn che, đời đời ngu si, không gặp Đại đạo vì tâm không hiểu biết. Vì vậy, không được uống rượu nếu muốn xa lìa năm ấm, năm dục, năm cái (ngăn che) để được năm thần thông và giải thoát khỏi năm đường. Đó là giới của Sa-di-ni.

Giới thứ sáu của Sa-di-ni là không được nắm giữ hương hoa để xông ướp và trang sức cho mình. Y phục, chăn mềm, giày dép không được có năm màu, không được lấy các loại báu để xâu chuỗi cho mình, không được mặc các loại gấm, vải có thêu hoa, lụa là dệt bằng tơ mỏng, lụa có màu sắc sặc sỡ, không được ngắm nghía mà phải mặc y phục

bằng vải thô có màu xanh, đen, mộc, lam, mặc y lót bên trong và cúi đầu mà đi. Muốn trừ sáu trần phải lấy giới làm hương thơm, cần cầu giáo pháp sâu xa mà làm châu báu chân thật, ba mươi hai tướng tốt làm chuỗi ngọc, các vẻ đẹp đã gieo trồng làm y phục. Nguyện được sáu thần thông vô ngại, dùng sáu độ dắt dẫn mọi người. Đó là giới của Sa-di-ni.

Giới thứ bảy của Sa-di-ni là không được ngồi giường cao bằng vàng bạc hay mền làm bằng gấm, lụa có thêu hoa và rèm quí giá, cũng không được nghĩ đến, không được bảo người tìm cầu giường nằm, chỗ ngồi đẹp đẽ, quạt năm sắc, phất trần hảo hạng, không được đeo vòng tay và nhẫn. Chân thật, tín tâm, giữ giới, hổ thẹn, bố thí, học rộng, có trí tuệ; nhất tâm tinh chuyên, thường cầu thiền định làm tòa ngồi, tâm không lay động, trí tuệ tự nhiên dùng làm tọa cụ. Bảy giác phần không thối chuyển, chí nguyện nơi tâm đạo. Đó là giới của Sa-di-ni.

Giới thứ tám của Sa-di-ni là không được nghe xem ca múa, âm nhạc, vỗ tay cổ vũ. Không được tự làm hay bảo người làm, thường tự tu thân, thực hành theo chánh pháp, không làm hạnh tà, nhất tâm nương theo Phật; tụng kinh thực hành đúng chánh pháp lấy đó làm pháp an vui, không làm theo cái vui của thế tục, lắng nghe kinh kệ, khéo suy nghĩ để hiểu được nghĩa đúng; không tật bệnh thì không được đi xe, cưỡi ngựa, voi, luôn nhớ nghĩ sự cử

động thư thái chính là để đạt được tám thần thông khó nghĩ bàn dùng làm chiếc xe vượt khỏi tám nạn. Đó là giới của Sa-di-ni.

Giới thứ chín của Sa-di-ni là không được chất chứa châu báu. Không được tự tay lấy hay bảo người khác lấy, thường tự chuyên tinh, lấy Đạo làm vật báu, lấy Kinh làm tôn quí, lấy nghĩa làm vi diệu, lấy sự thông suốt Không, Vô tướng, Vô nguyện làm căn bản, đạt được ba giải thoát chứ không cầu tham dục, muốn xa lìa chín não thì an trụ dài trong Đạo thật, không cùng không tận, không có biên giới cũng không có chỗ dừng, đó là giới của Sa-di-ni .

Giới thứ mười của Sa-di-ni là không ăn phi thời. Thường ăn đúng giờ, không được trễ, qua giữa trưa không được ăn nữa, dù có vị ngon ngọt hảo hạng quyết không ăn nữa, không bảo người phạm, tâm không được nghĩ đến, giá như thức ăn tuyệt hảo tự nhiên đem đến cũng không được ăn. Nếu trưởng giả, quốc vương sau bữa trưa có dâng cúng cũng không ăn, đến chết không phạm, thường tư duy Thiền định, đối với tất cả món ăn tuy ăn cũng vừa đủ để nuôi thân mạng là muốn cho hiểu biết tất cả và đạt được ý nguyện sâu xa, được mười lực dùng làm thức ăn uống. Đó là giới của Sa-di-ni.

Sa-di-ni đã thọ mười giới rồi luôn tư duy về Đạo, siêng năng phụng hành mười giới thì 500 giới

tự nhiên đầy đủ. Ví như người không bị khiếm khuyết đầu, tay, chân, mắt, tai, mũi, miệng, tim, bụng, lưng thì tất nhiên các căn, ruột, dạ dày, phổi, gan, ngũ tạng, khớp gân và huyết mạch đều đầy đủ. Như cây có gốc rễ vững chắc thì không bị khô héo, mục nát, thân, cành, nhánh, lá, hoa trái tự nhiên tươi tốt sum suê. Sa-di-ni cũng thế, giữ vững gốc mười giới này thì 500 giới kia đều được viên mãn và có thể đạt hết thần thông không bị trở ngại. Thí như gieo giống không hư lép vào ruộng thì phì nhiêu, gặp gió mưa, thời tiết thuận hòa thì sẽ được mùa, dân chúng ấm no. Sa-di-ni có thể thực hành mười giới thì 500 giới đều được trọn vẹn. Như quốc vương cai trị đúng theo đạo đức, lễ nghĩa khiến muôn dân an ổn. Sa-di-ni cũng vậy, siêng năng giữ gìn đầy đủ mười giới thì năm trăm giới tự nhiên trọn vẹn. Cũng như cha mẹ từ hòa chắc chắn con cháu, quyến thuộc, tôi tớ, tự nhiên phục tùng theo.

Lại nữa, Sa-di-ni phải tôn trọng Tam bảo, quí kính Hòa thượng A-xà-lê hơn cả cha mẹ trăm ngàn vạn lần. Vì cha mẹ ta sanh dưỡng ta chỉ có một đời nhưng bậc Hòa thượng thì cứu độ ta vượt qua vô số đời không thể hạn lượng, phải luôn luôn nghĩ đến việc trả ơn, không nên phản nghịch, thường nhàm chán thân uế trược như người tù bị nhốt trong nhà xí dơ bẩn. Không tham đắm thân nữ sẽ không bị thiêu đốt do sắc dục, giống như đang ở trong

đám lửa lớn. Nếu ở nơi có giặc, tâm luôn nghĩ rằng tất cả như cha mẹ, như con cái, như bản thân, thường xấu hổ hành động của mình, luôn có thái độ không thích thú. Được thân này nên hiểu vốn là không, như huyễn hóa, không nam, không nữ, theo nghiệp quả mà có, vốn không có năm đường huống gì là nam nữ, chí cầu Đại thừa, tỏ ngộ hết thảy các pháp là không, như huyễn, như hóa, cảnh trong mộng, ảnh, tiếng vọng, dợn nắng, cây chuối, tiếng dội lại trong núi sâu, đều dựa vào đối đãi mà có chứ không có thật. Tìm Sắc như hình bóng, Thọ như cây chuối, Tưởng như dợn nắng, Sanh tử (hành) như bong bóng nước, Thức như nhuyễn, chẳng phải ngã, nhân duyên hợp thì có, duyên không còn thì không, đến một mình đi cũng một mình không ai theo cả. Người muốn hành Đạo phải lấy trí tuệ phương tiện làm cha, mẹ, lấy pháp lạc làm anh em, không xa rời nghĩa lý thâm diệu là Hòa thượng. Lấy việc từ bi, hỷ, xả, an trụ vững chắc trong chánh pháp làm con cái, lấy sáu Ba-la-mật làm bạn bè, lấy tuệ thần thông làm xe cộ, không trái Kinh pháp, giới pháp, tư duy nghĩa Không, làm nhà ở.

Lại nữa, Sa-di-ni không được đi một mình mà phải đi cùng người đồng học, hoặc hai hoặc ba người, nếu không có Sa-di-ni nên cùng với nữ cư sĩ đi chung, nếu người theo hầu, không được ngồi chung giường, tòa với Sa-di lớn, người nam, không

nói lời cũng không được cư trú gần chùa, chính mình không tật bệnh, không được qua lại nhà đàn việt nhiều lần. Họ mời tụng kinh, thuyết pháp thì không được tự tiện, phải theo thứ bực mà dạy bảo và kính trọng nhau, không được kiêu mạn tự ý hướng dẫn người khác. Nếu họ có lỗi lầm, phải đến chỗ khuất mà khuyên can, tuyệt đối không được nói giữa chúng. Nghe điều tốt, thấy điều tốt của họ thì tuyên dương, nghe điều xấu, thấy điều xấu không được loan truyền, chỉ có thể thưa với Hòa thượng, không được nói cho người khác. Hãy luôn tự trách mình, thấy điều thiện phải suy nghĩ làm cho được, thấy điều ác thì tự quán sát lại mình, thương xót người kia nhưng ý không làm theo họ.

Đã là Sa-di-ni thì phải cầu Hòa thượng có trí tuệ sáng suốt, việc làm hợp với pháp đời đời có khả năng tiếp độ người; ví như thuyền vững chắc hoàn toàn có khả năng qua bờ bên kia. Còn như thầy không sáng suốt, thực hành không đúng pháp thì chẳng phải là bậc Đại sư để làm Hòa thượng; như thuyền hư mà muốn vượt biển sẽ bị chìm ngay giữa đường, đã làm nhiều người chết đuối mà mạng sống của thầy cũng chẳng còn. Do đó, là người bắt đầu học pháp được người dạy Kinh Giới thì vị ấy chính là thầy. Sa-di-ni nghe vị Đại sư muốn cầu họ làm Hòa thượng để làm Sa-di-ni mà không đến được, nhưng đã là Sa-di-ni rồi mà không cầu được vị ấy thì nên hướng về danh và thể vị ấy xem như

thầy mình chớ không cần phải gặp mặt. Vì tâm muốn gần thì gần, tâm xa thì xa, dẫu thân tuy gần mà tâm trái ngược thì cách xa nhau ngàn ức dặm. Sa-di-ni đi không được cùng người nam đi chung đường với nhau, không được ở sát phòng nhau, ở cùng chùa với người nam và Sa-môn, mỗi một pháp lớn lớn nhỏ đều phải riêng biệt khác nhau vậy.

-oOo-

SỐ 1475
SA-DI-NI LY GIỚI VĂN

Hán dịch: Mất tên người dịch, xếp vào mục lục đời Đông Tấn.

Thiện nữ tự nói: Đã thọ thân dơ bẩn xấu ác, thuộc về hạng người tầm thường thì ngay cả việc nhỏ cũng khó làm được. Thế nên phải tự chế ngự tâm ăn năn sám hối, nguyện làm đệ tử Phật, thọ trì chánh giới, trọn đời phụng hành. Những việc phải làm để trở thành Sa-di-ni, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, cắt tóc và mặc cà sa.

+ Sa-di-ni có mười Giới:

1. - Trọn đời không được sát sanh, không được bảo người sát sanh.

2. - Trọn đời không được trộm cắp, không được bảo người trộm cắp.

3. - Trọn đời không được dâm dật, không được bảo người dâm dật

4. - Trọn đời không được mai mối cũng không được bảo người mai mối.

5. - Trọn đời không được nói dối, không được bảo người nói dối

6. - Trọn đời không được hát múa, không được

bảo người hát múa và không được đánh đàn, thổi sáo.

7. - Trọn đời không đeo hương hoa, thoa phấn sáp cũng không bảo người thoa phấn sáp.

8. - Trọn đời không được nằm trên giường có chạm khắc cao sang đẹp đẽ và không được bảo người nằm trên giường sang trọng ấy.

9. - Trọn đời không được uống rượu, không được bảo người uống rượu.

10. - Trọn đời không được ăn quá ngọ cũng không được bảo người ăn.

+ Oai nghi có bảy mươi việc:

- Không được mặc y phục có màu sắc sặc sỡ.

- Không được may y phục có màu sặc sỡ cho người.

- Không được dùng lời nói thô ác để nói xấu nhau.

- Không được bày cho người nói lời không tốt.

- Không được cùng Ưu-bà-di xem hình thể của nhau và cười lớn.

- Không được ở chỗ khuất khỏa thân tự mân mê cơ thể.

- Không được soi gương vẽ mắt, đánh mặt, kẻ mày.

- Không được vì sân hận xấu hổ mà nói lời oán giận.

- Không được nghĩ tưởng việc giao hợp với

người nam và hỏi Ưu-bà-di việc ấy thế nào.

- Không được ngồi trên nệm lông, không được mang giày ủng và không nên làm giày,

- Không được tham lam nhà cửa, tiền bạc, tài vật và cố xin của người khác.

- Không được ngồi trên giường đàn bà con gái khác, mở rương xem y phục nói cái này đẹp, cái kia xấu .

Đức Phật dạy: Mười sáu tuổi trở lên mới nên làm Sa-di-ni, với sự trong trắng không hoen ố, trinh khiết và tốt đẹp hoàn toàn, không bị hủy nhục và cha mẹ cho phép mới được xuất gia không trinh khiết không được xuất gia. Thạch nữ, người có bệnh kín không được xuất gia.

Không được ngủ cùng phòng với Tỳ-kheo Tăng, không được ngồi chung, không được xem hình tướng nhau mà cười, không được nằm trong áo chăn của Sa-di-ni. Không được để nhằm pháp y và bình bát trong y của Tăng, không được tự tay trao vật cho người nam, giả như muốn đưa vật nên để dưới đất lui ra rồi bảo họ lấy, không được cùng Ưu-bà-di lộ hình tắm, không được một mình đến phòng Tăng hỏi nghĩa lý, không được nói việc tắm rửa, không được cười đùa với lời trong Kinh Luật. Không được ngoái nhìn trái phải, không được để tay lên bàn thờ.

+ Học kinh có năm việc:

Nên cùng trưởng lão ni đi chung, cách chỗ ngồi sáu thước, quỳ gối, chỉ được phép hỏi nghĩa, phải biết chỗ dừng.

+ Thăm thầy bị bệnh có bốn việc:

Có người thân nên đến thăm, ba người đi chung, cách giường sáu thước, quì xuống thăm hỏi, thăm xong nên đi, không được luận bàn.

+ Đêm ngủ có năm việc:

Nên xoay đầu về phía Phật, nên nằm nghiêng, không được duỗi

chân. Không được nằm ngửa co duỗi. Không được hở hang lộ hình. Không được để tay gần chỗ bất tịnh.

+ Đến nhà đàn việt có năm việc

Trước phải đến tinh xá lễ Phật, thứ đến lễ thầy và Tăng, Ưu-bà-di rồi mời được vào; nên nói cho thầy và Tăng biết; nhìn thẳng cách sáu thước; nên ngồi riêng một chỗ.

+ Ở nhà đàn việc có năm việc phi pháp:

Vào phòng đàn bà con gái nói cười; ngồi ăn dưới bếp; cùng tôi tớ nói chuyện riêng tư; xuống nhà sau một mình; cùng người lên chung nhà xí và vào nhà xí của người nam .

+ Vào nhà tắm có năm việc:

Không được cùng Ưu-bà-di tắm chung; không được cùng nô tỳ tắm chung; không được cùng trẻ

con tắm chung; không được lấy nước của người khác đã múc; không được tự nhìn chỗ kín của thân thể.

+ Thắp hương có năm việc:

Không được nhìn xa hai bên; không được một mình cùng ưu bà tắc thắp hương; không được làm việc riêng với nô tỳ; không được đi kéo lê chân; không được xoay lưng về phía tượng .

+ Dậy sớm có năm việc

Trước phải dậy sớm mặc pháp y, lễ kinh pháp, hình tượng, kế đến lễ thầy và Tăng nên cách sáu thước mà thăm hỏi rồi mới đi ra.

+ Cùng thầy thưa chuyện có năm việc

Hỏi nghĩa Kinh pháp, Giới pháp, không biết thì nên thưa hỏi; nếu bị quở trách phải tự sửa đổi lỗi lầm; không được che giấu, không được tự ý sửa đổi, không được nhìn thầy với con mắt ác cảm.

+ Giặt y phục có bốn việc

Nên ở chỗ khuất ; quỳ một gối xuống; phải đổ nước dơ chỗ vắng người; không được giặt giữa đường đi; đợi khô mới lấy; không được làm rớt xuống đất.

+ Đi đường có năm việc

Đi chung với ba người; đi với Đại ni; nếu đi với Ưu-bà-di nên nhìn đăng trước sáu thước và phải mặc pháp y.

Sư nói: Tính tình của người nữ rất bất thường,

hay có những thái độ buông lung, ưa thích dâm dật, không biết lễ tiết. Cho nên người nữ nay phải tự giác ngộ vì ta được đại ân của Phật Thích Ca Văn che chở.

Ngài đã vì khắp ba cõi khai thị Chánh đạo cho nên ta gặp được pháp này. Hiếm người biết được hạnh nguyện của mình và ít người quy y theo đức Phật.

Đức Phật dạy: Ta quan sát thấy loài người, trên đến hai mươi tám cõi Trời, dưới đến mười tám tầng địa ngục toàn là đau khổ, không có yên vui. Do vậy phải kiết giới để huấn thị cho đời sau.

Đức Phật bảo các đệ tử: Hành đạo rất khó, ít ai có khả năng bỏ nhà, dứt hẳn sáu tình, thọ nhận giới trọng của chư Phật để dứt trừ ái dục ít có người làm được như thế. Các ngươi hãy cẩn thận chớ vội vàng độ Sa-di-ni, do người nữ có tánh buông lung khó giữ, vui trong chốc lát là ý xấu lại sinh ra, giống như bọt nước thoạt nổi thoạt mất, không có nhất định. Nên phải thấy được căn tánh và quan sát hạnh nguyện to lớn để thấy được tội lỗi đời trước của họ. Nay nên xét rõ việc độ, nếu họ được đắc Đạo thì nên kíp độ ngay cho họ. Chẳng phải Bồ tát, A-la-hán thì không nên độ ni.

Cách thức Tỳ-kheo ni thuyết giới:

Duy na trước phải đầy đủ thẻ kiểm số, hương đèn, văn giới, dùng chổi sạch quét tinh xá, đánh

kiền chùy, đốt hương lễ Phật, tán thán, chú nguyện, định ý. Chú nguyện cho mẹ con quỷ và đều ngồi xuống, chỉnh đốn pháp phục, chắp tay im lặng. Duy na đốt hương đèn và mỗi người nói một bài kệ. Duy na đứng trong cửa, sau khi nói xong ba lần cho bạch y lui ra xa không để nghe được âm thanh thuyết giới (của Tỳ-kheo ni). Duy na mở cửa xướng lên: các vị Tỳ-kheo ni tĩnh tọa yên lặng, nay là lúc Bố tát. Qua ba lần xướng xong, duy na cầm thẻ đến quỳ trước Thượng tọa ni, phát cho người bố tát mỗi người một cái và cũng tự lấy một cái. Sau đó, thu thẻ lại để kiểm tra, trở lại lấy thẻ người không Bố tát cầm đến trước Thượng tọa ni hỏi ai chưa nhận thẻ. Người chưa có nên nói chưa, người có rồi thì im lặng. Duy na đếm thẻ xem có bao nhiêu người để biết bao nhiều. Đếm xong duy na xướng lên: Có ngần ấy vị Tỳ-kheo ni. Tùy theo năm, tháng mấy, nếu là mười lăm liền nói ngày mười lăm, cuối tháng nói là ngày ba mươi tại châu, quận, huyện. . . thuyết giới trong Tinh xá đàn việt nào đó. Nguyện đem công đức thuyết giới hồi hướng cho chúng sanh, hết thảy quyến thuộc đại đàn việt được an ổn, người đã mất được sanh lên cõi Trời, ở trong cõi người thì tăng trưởng công đức, các ách nạn trong mười phương đều được giải thoát. Mỗi vị chú nguyện xong, duy na quỳ trước Thượng tọa ni thỉnh người có thể thuyết giới làm người thuyết giới, lại thỉnh một người đọc Kinh.

Khi đọc Kinh xong, Thượng tọa chú nguyện cho toàn chúng, các Hạ tọa ni quỳ xuống nhận lời chú nguyện. Duy na xướng đồng lễ Phật, lễ Bát- nhã. Khi Hạ tọa ni đều đảnh lễ Đại ni xong, duy na quỳ rồi xướng lên: Tùy theo chỗ mà an tọa. Sau đó, thỉnh vị thuyết giới và vị đọc Kinh cùng ngồi riêng trên một tòa.

+ Sa-di-ni ly giới văn.

Căn cứ vào tên của giới này được ghi chép trong Quốc bổn, Tống bổn và Khai Nguyên Lục đều gọi là Sa-di-ni ly giới văn, Đan bổn thì gọi là Sa-di-ni tạp giới văn. Nay kiểm tra lại phần chánh văn thì các bổn đều sai. Vì sao? Xét chữ "Ly" đã được dịch này cùng với chữ "Ni" của bản dịch khác chỉ là do âm tiếng Phạn đọc theo từng vùng, chứ không phải là văn ly giới của Sa-di-ni và cũng không phải là văn tạp giới của Sa-di-ni, tức đều sai với chánh văn. Do đó, nay có thể gọi ngay là Sa-di ly giới văn mới đúng nhưng không có chứng cứ nên không dám sửa lại mà chỉ viết theo ý bản văn. Thế nên, rất mong chờ hảo ý của các bậc cao minh.

-oOo-

SỐ 1476
KINH ƯU BÀ TẮC NGŨ GIỚI TƯỚNG

Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư
Cầu Na Bạt Đa

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, vua Tịnh-phạn đến chỗ đức Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân, chắp tay cung kính bạch đức Phật:

- Trẫm có điều muốn thỉnh cầu để tự mình cứu độ, kính xin đức Thế Tôn thương xót chỉ dạy cho.

Đức Phật dạy:

- Có thể đạt được ước nguyện tùy theo mong cầu của Đại vương. Vua bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn: Đã chế giới nặng nhẹ cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Sa-di và Sa-di-ni rồi, kính xin đức Như Lai cũng vì Ưu-bà-tắc chúng tôi mà phân biệt về năm giới, mới biết giới nào có thể sám hối và không thể sám hối, khiến cho chúng tôi nhận biết được giới tướng, không còn nghi ngờ.

Đức Phật nói:

- Lành thay! Lành thay! Bổn nguyện của Như Lai từ lâu đã muốn phân biệt năm giới cho Ưu-bà-tắc, nếu có người thiện nam thọ trì không sai phạm,

nhờ nhân duyên đó sẽ thành Phật đạo, nếu có sai phạm mà không sám hối thì sẽ luôn ở trong ba đường.

Bấy giờ, đức Phật giảng nói cho vua Tịnh-phạn xong, nhà vua nghe pháp rồi đảnh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh đức Phật rồi đi ra. Do nhân duyên này, đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Hôm nay, Ta sẽ giảng nói cho các Ưu-bà-tắc về việc phạm giới nặng, nhẹ, có thể sám hối và không thể sám hối.

Các Tỳ-kheo đều thưa:

- Thưa vâng. Chúng con nguyện muốn nghe. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

- Phạm tội giết người có ba loại: Một là tự mình làm, hai là chỉ dạy người khác làm, ba là sai khiến người khác làm.

Tự mình làm là tự thân giết người khác. Dạy người làm là dạy người: "Hãy bắt người đó trói lại rồi giết chết". Sai khiến người làm là nói với người khác: "Ngươi biết người đó không? Ngươi hãy bắt người đó trói lại và giết chết", người này theo lời ấy mà giết chết người kia. Như thế là Ưu-bà-tắc phạm giới tội không thể sám hối.

Lại có ba loại giết người:

- Một là dùng sắc bên trong, hai là dùng sắc bên ngoài, ba là dùng cả sắc bên trong và bên ngoài.

Dùng sắc bên trong: Ưu-bà-tắc dùng tay đánh

người khác hoặc dùng chân và những bộ phận khác của thân, lại nghĩ: "Ta phải đánh người kia". Người ấy, do đó mà chết thì Ưu-bà-tắc phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó, do vậy mà chết Ưu-bà-tắc cũng phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó cũng không do vậy mà chết, tội này có thể sám hối.

Dùng sắc bên ngoài là: Nếu dùng cây, đá, ngói, dao, rựa, cung, tên, chì, kẽm, sắt… từ xa ném tới người đó, nghĩ như vầy: "Ta giết chết người đó", người ấy do đó mà chết thì Ưu-bà-tắc phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó do vậy mà chết, Ưu-bà-tắc cũng phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó cũng không do vậy mà chết thì tội này có thể sám hối.

Dùng cả sắc bên trong lẫn bên ngoài là: Nếu dùng tay, cây, gậy, ngói, đá, dao, rựa, cung tên, sắt thép đánh người khác và nghĩ như vầy: "Phải làm cho người ấy chết" người kia do đó mà chết thì tội này không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó do vậy mà chết, Ưu-bà-tắc cũng phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó cũng không do vậy mà chết, tội này có thể sám hối.

Lại không dùng sắc bên trong, không dùng sắc bên ngoài cũng không dùng cả sắc bên trong và sắc bên ngoài. Nếu vì giết người nên trộn hợp các loại thuốc độc, hoặc đổ vào mắt, tai, mũi, lưỡi và những chỗ bị thương trên thân, hoặc trộn vào các thức ăn,

hoặc đổ trong tấm nệm, hoặc trong kiệu, xe và nghĩ: "Ta làm vậy để giết chết người kia".

Nếu người ấy, do đó mà chết liền thì Ưu-bà-tắc phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó do vậy mà chết Ưu-bà-tắc cũng phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó cũng không do vậy mà chết thì tội này có thể sám hối. Lại có những việc làm để giết người khác như đào hầm đốt lửa không có khói, tra khảo để giết, đặt bẫy để giết, xô đẩy để giết, làm phép thuật, bùa chú để giết, giết trong bào thai, đè bụng xuống để giết, đẩy vào trong lửa, nước, hoặc xô vào trong hầm hố để giết, hoặc đuổi vào đường dữ để giết, cho đến trong bào thai mới có hai căn: Thân căn và mạng căn mà tìm cách giết.

Đào hầm đốt lửa không có khói để giết người: Nếu Ưu-bà-tắc biết được người ấy từ đường này đến, trước hết đốt lửa trong hầm không có khói dùng cát lấp lên trên hoặc nói: "Do người kia từ đường này đến, nên tôi làm hầm này". Nếu người ấy do đó mà chết thì tội này không thể sám hối. Nếu họ không chết liền mà sau đó do vậy mà chết thì cũng phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không chết liền, sau đó cũng không do vậy mà chết thì tội này có thể sám hối. Vì giết người nên đào hầm đốt lửa không có khói, người chết thì phạm tội không thể sám hối, phi nhân chết thì trong tội này có thể sám hối, súc sanh chết thì phạm tội có thể

sám hối. Nếu ví phi nhân mà đào hầm, phi nhân chết thì phạm tội có thể sám hối. Người chết thì tội có thể sám hối. Súc sanh chết thì phạm tội cũng có thể sám hối.

Nếu vì giết loài súc sanh nên đào hầm. Súc sanh chết thì tội có thể sám hối. Nếu người rớt vào đó mà chết hoặc phi nhân rớt vào trong đó mà chết, đều phạm tội có thể sám hối.

Nếu Ưu-bà-tắc không nhất định vì việc gì mà đào hầm khiến có người đến bị rơi vào trong đó mà chết, người bị chết thì phạm tội không thể sám hối, phi nhân chết thì tội này có thể sám hối, súc sanh chết thì phạm tội có thể sám hối, không có ai chết thì phạm ba cách, thì tội có thể sám hối. Đó gọi là đào hầm đốt lửa không có khói mà giết.

Tỳ-đà-la là: Nếu Ưu-bà-tắc trong hai mươi chín ngày cầu cho thây chết đứng dậy bằng cách đọc chú triệu tập quỷ thần, lấy nước tắm rửa, mặc áo, đưa cho họ dao cầm tay tâm nghĩ, miệng nói: "Ta vì muốn giết người đó nên làm Tỳ đà la rồi tụng chú thuật như vậy". Nếu đã muốn giết hại, người chết thì phạm tội không thể sám hối, nếu người trước đó đã nhập vào các Tam muội, hoặc nhờ thiên thần hộ vệ, hoặc nhờ bậc đại sư chú nguyện cứu giải, không hại được thì phạm tội có thể sám hối. Đó gọi là dùng Tỳ đà la để giết hại.

Bán Tỳ-đà-la là: Nếu Ưu-bà-tắc trong hai mươi

chín ngày làm xe sắt rồi tạo ra người sắt, đọc chú triệu tập quỷ thần để dựng người sắt dậy, lấy nước tắm rửa, mặc áo, đưa con dao cho người sắt cầm, tâm nghĩ, miệng nói: "Ta vì giết người ấy mà đọc chú này". Nếu người đó chết thì phạm tội không thể sám hối. Nếu người đó trước đã nhập vào thiền định hoặc được các thiên thần ủng hộ, hoặc nhờ đại lực của đại sư chú nguyện đã cứu giải nên họ không chết, thì tội này có thể sám hối. Đó gọi là dùng Bán Tỳ đà la để giết.

Đoạn mạng là: Trong hai mươi chín ngày lấy phân bò đổ ra đất, tẩm rượu vào, lửa cháy hết thì đổ nước vào, tâm nghĩ, miệng nói: "Đọc chú thuật như lửa vào trong nước thì bị tắt, nếu lửa tắt thì mạng của người kia cũng chấm dứt". Lại nữa, trong hai mươi chín ngày lấy phân bò đổ ra đất, rót rượu vào trong đó, vẽ hình tượng người muốn giết, vẽ tượng rồi trở lại phá hư, tâm nghĩ, miệng nói: "Đọc chú thuật này như tượng ấy hư thì mạng sống của người kia cũng chấm dứt". Nếu khi tượng hư mạng người đó chết. Lại nữa, trong hai mươi chín ngày lấy phân bò đổ ra đất, rót rượu vào trong đó, lấy kim may găm lên đầu sừng rồi lại nhổ ra, tâm nghĩ, miệng nói: "Đọc chú thuật: Nếu như cây kim này nhổ ra thì mạng sống của người kia cũng chấm dứt". Đó gọi là đoạn mạng.

Nếu dùng vô số chú thuật để giết người chết thì phạm tội không thể sám hối, nếu người không chết

thì trong tội này có thể sám hối.

Lại nữa, làm hư thai: Là làm cho người nữ có thai uống thuốc bị sẩy thai và rưới thuốc khắp nơi, hoặc chích mạch máu, cho đến dùng thuốc làm cho chảy nước, lại nghĩ: Do nhân duyên này khiến cho người nữ đó chết: Người ấy chết thì phạm tội không thể sám hối. Nếu người ấy không chết liền, sau đấy cũng do vậy mà chết thì phạm tội không thể sám hối. Nếu không chết liền, sau đấy cũng không do nguyên nhân đó mà chết thì tội này có thể sám hối.

Nếu vì giết người mẹ mà làm sẩy thai. Nếu người mẹ chết thì tội này không thể sám hối, nếu thai chết thì tội này có thể sám hối, nếu cả hai đều chết thì tội này không thể sám hối, nếu cả hai không chết thì tội này có thể sám hối.

Nếu vì nhằm giết thai nhi nên dùng cách làm cho sẩy thai, nếu thai chết thì phạm tội không thể sám hối. Nếu thai không chết thì tội này có thể sám hối, nếu người mẹ chết thì tội này có thể sám hối, nếu cả hai đều chết thì phạm tội không thể sám hối. Đó gọi là giết bằng cách làm sẩy thai.

Đè nơi bụng: Là bắt người mang thai làm việc nặng, hoặc gánh vật năng, bảo chạy trước xe hoặc bảo đi lên bờ cao, lại nghĩ: "Làm cho người nữ chết". Nếu người đó chết thì phạm tội không thể sám hối; nếu người này không chết liền, nhưng sau

đó do nguyên nhân ấy mà chết, tội ấy không thể sám hối; nếu không do đó mà chết, tội này có thể sám hối. Nếu vì giết thai nhi như trên đã nói. Đó gọi là giết bằng cách đè bụng.

Khiến đi vào đường dữ cho chết là: Biết trong đường ấy có thú dữ, đói khát mà sai khiến đi vào con đường ác, lại nghĩ: "Khiến người ấy đi vào con đường ác cho chết". Nếu người đó chết thì phạm tội không thể sám hối. Ngoài ra, cũng phạm tội như trên đã nói. Đó gọi là khiến đi vào đường dữ mà giết. Cho đến thai nhi nơi thai mẹ mới có hai căn là thân căn và mạng căn, hoặc là thời kỳ Ca la la, dùng tâm giết hại, tạo phương tiện làm cho người đó chết: Người đó chết thì phạm tội không thể sám hối. Những trường hợp phạm tội khác như trên đã nói.

Khen ngợi việc giết hại có ba điều: Một là đối với người theo giới ác. Hai là đối với người theo giới thiện. Ba là đối với người già bệnh.

Người theo giới ác: Là giết bò, dê, nuôi gà, heo, thả chim ưng bắt cá, làm thợ săn vây bắt thỏ bắn hươu nai v. v… đứng đầu đám trộm cắp, làm nem thịt, chú thuật, bắt rồng giữ ngục… Nếu đến chỗ những người đó nói: "Theo giới ác như các ngươi vì sao tạo tội nhiều mà không chết đi!". Người ấy do đó mà chết, thì phạm tội không thể sám hối, nếu không phải do đó mà chết tội này có thể sám hối. Nếu người ác suy nghĩ: "Ta không nghe lời người

ấy", nên không do đó mà chết, thì phạm tội có thể sám hối. Nếu khen ngợi người đó làm cho họ chết, tâm liền hối hận, suy nghĩ: "Vì sao ta lại bảo người đó chết? Bèn trở lại nói: Các ông là người ác, nếu do nhân duyên của tri thức thiện, gần gũi người lành, được nghe pháp thiện, có thể suy nghĩ chân chánh, xa lìa tội ác, ông đừng tự giết". Nếu người này nhận ra lời nói đó, không chết tội này có thể sám hối.

Đối với người hành giới thiện: Bốn chúng của Như Lai. Nếu đến chỗ những người thiện nói: "Ông giữ giới thiện là người có phước đức, nếu chết thì nhờ phước đó được sanh lên cõi trời. Vì sao không tự giết mình". Người ấy do đó mà tự sát: Người ấy chết thì phạm tội không thể sám hối. Nếu họ không tự giết thì trong tội này có thể sám hối. Nếu người giữ giới thiện suy nghĩ: "Vì sao ta phải nghe lời người khác mà tự giết". Nếu người đó không chết thì tội này có thể sám hối. Nếu bảo người khác chết rồi, tâm sanh hối hận nói: "Mình không đúng. Vì sao lại bảo người thiện này chết". Bèn trở lại nói: "Ông là người giữ giới thiện tùy theo tuổi thọ của mình mà sống, phước đức cáng thêm nhiều, nhận phước đức tăng thêm nhiều đừng nên tự sát", người kia không do đó mà chết thì tội này có thể sám hối.

Đối với người già bệnh: Bốn đại tăng giảm thọ nhận các khổ não. Liền đến nói với người đó: "Vì

sao ông phải nhận chịu khổ này lâu vậy? Vì sao không tự chết cho rồi". Người ấy do lời nói ấy mà chết, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu không do đấy mà chết thì tội này có thể sám hối. Nếu người bệnh suy nghĩ: "Do nhân duyên gì ta phải nghe theo lời người ấy nói mà tự sát?" Hoặc đã nói với người bệnh rồi hối hận: "Ta không đúng. Vì sao lại nói với người bệnh phải tự sát". Bèn trở lại nói: "Các ông bị bệnh, nếu có thầy thuốc giỏi chữa trị, tùy bệnh cho thuốc thì bệnh sẽ lành, đừng tự sát". Nếu người ấy không do đó mà chết thì tội này có thể sám hối.

Bảy cách giết hại còn lại nêu trên, nói phạm không phạm giống như trường hợp hầm lửa đã nêu.

Nếu là người khởi tưởng là người mà giết thì phạm tội không thể sám hối. Là người khởi tưởng là phi nhân mà giết; là người sanh nghi ngờ mà giết, đều phạm tội không thể sám hối. Là phi nhân khởi tưởng là người mà giết, là phi nhân sanh nghi ngờ mà giết, các tội này có thể sám hối.

Lại nữa, một người bị chặt tay chân, bỏ trong hào quanh thành, có những người nữ đi vào thành, nghe tiếng kêu khóc của người đó, liền đến nơi thấy, cùng nhau nói: "Nếu có thể cho người ấy uống thuốc khiến mau chết để khỏi phải chịu khổ lâu như vậy". Một người ngu nghe theo lời những người nữ liền đem thuốc cho người kia uống, người ấy chết. Những người nữ nói: "Ông phạm

giới không thể sám hối". Họ liền đến bạch Phật.

Đức Phật dạy:

- Ông cho người uống thuốc khiến người đó chết thì phạm giới không thể sám hối.

Nếu cư sĩ tìm cách muốn giết mẹ, nhưng lại giết người không phải là mẹ thì tội này có thể sám hối. Nếu cư sĩ muốn giết người không phải là mẹ nhưng lại tự giết mẹ thì tội này có thể sám hối, chẳng phải là tội nghịch.

Nếu cư sĩ dùng phương tiện muốn giết người, nhưng lại giết chết phi nhân thì tội này có thể sám hối. Nếu cư sĩ dùng phương tiện muốn giết phi nhân mà lại giết người thì phạm tội có thể sám hối.

Nếu người mang thai súc sanh, làm hư thai này thì phạm tội nhỏ, có thể sám hối. Nếu súc sanh mang thai người, làm chết thai này thì phạm tội không thể sám hối.

Nếu cư sĩ dùng phương tiện giết để người mà cư sĩ chết trước, sau đó nếu người kia mới chết thì tội này có thể sám hối. Nếu cư sĩ muốn giết cha, mẹ tâm sanh nghi ngờ: Đây có phải là cha mẹ hay không? Nếu biết chắc chắn là cha mẹ mà giết thì tội này là tội nghịch không thể sám hối.

Nếu cư sĩ sanh nghi ngờ: "Đây là người hay là phi nhân". Nếu tâm biết chắc là người mà giết thì phạm tội không thể sám hối.

Nếu người bắt kẻ trộm muốn đem đi giết, kẻ

trộm đó chạy thoát, nếu dùng oai lực của quan hoặc sức lực của xóm làng đuổi theo bắt kẻ trộm đó; nếu cư sĩ đi ngược đường, người đuổi theo kẻ trộm hỏi: "Ông có thấy kẻ trộm không?". Cư sĩ trước đây đối với kẻ trộm đó đã có tâm ác, sân hận nên nói: "Tôi thấy ở chỗ đó". Do nhân duyên này khiến người ăn trộm bị mất mạng thì cư sĩ phạm tội không thể sám hối. Nếu người đó đem nhiều người ăn trộm để giết, nhưng họ chạy thoát, nếu dùng oai lực của vua quan hoặc sức mạnh của xóm làng đuổi theo bắt, cư sĩ đi ngược đường, người đuổi theo giặc hỏi cư sĩ: "Ông có thấy đám giặc không?". Trong số đám giặc ấy có một người mà cư sĩ này đã sân giận, nên nói: "Tôi thấy họ ở chỗ kia". Nếu họ bị giết không phải vì lý do ấy thì tội này có thể sám hối. Những trường hợp khác như trên đã nói.

Nếu cư sĩ tưởng là mẹ mà giết người không phải mẹ tội này không thể sám hối nhưng chẳng phải tội nghịch. Nếu đùa giỡn mà đánh người khác, người đó chết thì tội này có thể sám hối. Hoặc vì điên cuồng không tự suy nghĩ mà giết người thì không tội. Nếu Ưu-bà-tắc dùng nước có trùng và giết trùng trong cỏ cây đều phạm tội. Nếu nước có trùng tưởng là không có trùng mà dùng cũng phạm tội. Nếu nước không có trùng tưởng là có trùng mà dùng cũng phạm tội.

Có cư sĩ xây nhà mới, đang ở trên lầu, tay làm hỏng xà nhà, làm rớt cây xuống trên đầu thợ mộc

khiến liền chết. Cư sĩ nghi ngờ: "Tội này có thể sám hối không?". Liền đến thưa hỏi đức Phật.

Phật dạy:

- "Không có tội".

Xà nhà trên lầu, sức người yếu không thể ngăn giữ được, xà nhà rơi xuống trúng đầu thợ mộc khiến bị chết, cư sĩ đó liền sanh nghi đến thưa hỏi đức Phật.

Phật dạy "Không có tội". Từ nay về sau làm nhà phải cẩn thận, đừng để giết hại người.

Lại có một cư sĩ làm phòng ốc trên lầu, thấy trong bùn có trùng, sợ hãi nhảy xuống, rớt cây trên đầu thợ mộc liền chết. Cư sĩ đó nghi ngờ.

Phật dạy:

- "Không có tội". Nhưng từ nay về sau làm nhà phải cẩn thận đừng để giết hại người.

Lại có một cư sĩ, chiều tối vào trong đường hiểm, gặp giặc cướp, giặc cướp muốn bắt, cư sĩ ấy bỏ chạy rơi từ trên bờ xuống đè trúng đầu thợ dệt liền chết. Cư sĩ đó sanh nghi.

Phật dạy:

- "Không có tội".

Lại có một cư sĩ từ trên núi đẩy đá xuống, đá lăn trúng chết người, cư sĩ sanh nghi.

Phật dạy:

- "Không có tội". Nếu khi muốn xô đá, trước hết phải la lớn "Đá rơi" để mọi người biết.

Lại có một người bị bệnh ung nhọt chưa muồi, cư sĩ mổ mụt nhọt ấy khiến người đó chết, liền sanh nghi, Phật dạy: "Ung nhọt chưa muồi, nếu mổ mà người ấy chết thì tội ấy có thể sám hối. Nếu mổ ung nhọt đã muồi và người bệnh chết thì không tội".

Lại nữa, có một đứa bé thích cười, cư sĩ bắt lại thọc lét cho cười to nên đứa bé chết, cư sĩ sanh nghi. Phật dạy: "Vì giỡn cười nên không phạm tội giết. Từ nay về sau không nên thọc lét chọc cười".

Lại có một người ngồi, dùng áo trùm kín thân, cư sĩ la lên: "Đứng dậy!". Người đó nói: "Đừng gọi tôi, nếu đứng dậy tôi sẽ chết". Lại la: "Đứng dậy! Đứng dậy!". Người đó liền chết. Cư sĩ sanh nghi, Phật dạy: "Phạm tội này có thể sám hối".

Giới thứ hai: Trộm cắp. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- "Ưu-bà-tắc, dùng ba cách lấy trộm vật có giá trị của người khác, phạm tội không thể sám hối". Một là dùng tâm, hai là dùng thân; ba là lấy ra khỏi chỗ cũ.

Dùng tâm là: Khởi tâm suy nghĩ muốn trộm cắp.

Dùng thân là: Dùng các phần của thân để lấy vật người khác. Lấy ra khỏi chỗ cũ là: Vật ở chỗ đó mà dời ra chỗ khác.

Lại có ba cách lấy vật có giá trị của người,

phạm tội không thể sám hối:

Một là tự lấy; hai là chỉ dạy người khác lấy; ba là sai khiến lấy. Tự mình lấy là tự tay mình lấy dời đi chỗ khác; chỉ dạy người khác lấy là: Nếu Ưu-bà-tắc dạy người: "Hãy lấy trộm vật của người khác". Người này theo lời đó mà lấy vật ra khỏi chỗ.

Sai khiến người lấy là: Nói lời sai khiến người:

- "Ông biết vật có giá trị ở chỗ kia không?" Đáp:

- "Tôi biết chỗ đó". Bèn sai đến lấy trộm. Người này theo lời nói đó mà lấy vật ra khỏi chỗ cũ.

Lại có năm cách lấy vật có giá trị của người khác, phạm tội không thể sám hối.

Một là giả bộ khổ sở mà lấy. Hai là khinh mạn mà lấy. Ba là giả trá xưng tên người khác mà lấy. Bốn là cưỡng đoạt mà lấy. Năm là nhân gởi mà lấy.

Vật có giá trị là: Hoặc là năm tiền, hoặc là vật có giá trị năm tiền, thì phạm tội không thể sám hối.

Nếu cư sĩ biết người khác có năm loại quý báu, hoặc tương tự năm loại quý báu, dùng tâm trộm để chọn lấy nhưng vật chưa rời khỏi chỗ cũ thì phạm tội có thể sám hối. Nếu đã chọn lựa đã lấy ra khỏi chỗ cũ, nếu giá trị là năm tiền thì phạm tội không thể sám hối.

"Rời khỏi chỗ cũ" là: Nếu vật dệt khác với dây tơ, gọi là khác chỗ. , Hoặc da hoặc áo một màu gọi

là một chỗ, khác màu gọi là khác chỗ. Hoặc đệm lông, một lớp lông gọi là một chỗ, một màu gọi là một chỗ, khác màu gọi là khác chỗ. Đó gọi là các chỗ.

Cư sĩ gánh dùm vật cho người khác, với tâm trộm cắp chuyển từ vai bên trái sang vai bên phải, từ tay phải sang tay trái, trên các phần thân thể như vậy, gọi là khác chỗ.

Xe thì gồm có bánh, trục, đòn ngang, ách xe. Thuyền thì hai bên có mành trước sau. Nhà thì gồm xà nhà, nóc, rui, đòn, bốn góc và hướng, đều gọi là khác chỗ. Dùng tâm trộm cắp chuyển vật để qua các chỗ khác, đều phạm tội không thể sám hối.

"Lấy trộm vật ở trong nước": Là người dùng bè gỗ theo dòng nước chuyển đi, cư sĩ có tâm trộm cắp mà lấy thì phạm tội không thể sám hối. Nếu với tâm trộm nắm, lấy cây khiến cho dừng lại ở phía sau đẩy ra phía trước, cùng với tâm trộm mà nhấn chìm xuống đáy nước, nếu lấy đi khỏi nước thì phạm tội không thể sám hối.

Lại nữa, có người chủ nuôi chim trong ao, cư sĩ với tâm trộm nên tháo nước trong ao, phạm tội có thể sám hối. Nếu nước chảy ra khỏi ao thì phạm tội không thể sám hối. Nếu người nhà nuôi chim, chim bay vào trong ao hoang, dã vì tâm trộm nên tháo nước chảy ra và lặn xuống đáy nước thì phạm tội không thể sám hối.

Lại có cư sĩ, ở trên lầu thấy các con chim có chủ ngậm các vật trang sức bay đi, vì tâm trộm mà bắt chim này, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu thấy chim ngậm vật báu bay đi, vì tâm trộm nên đợi nó từ xa để bắt, tội này có thể sám hối. Nếu dùng năng lực của thần chú làm cho chim đó theo ý mình bay đến chỗ ấy thì phạm tội không thể sám hối. Nếu chim bay đến chỗ khác, phạm tội có thể sám hối. Nếu chim không chủ ngậm ngọc báu bay đi, cư sĩ vì tâm trộm nên bắt lấy chim này thì phạm tội có thể sám hối. Khi đang đợi chim đó thì phạm tội có thể sám hối. Lại nữa, chim không chủ ngậm vật báu bay đi, các chim có chủ đoạt lấy vật của chim không chủ đang ngậm kia, cư sĩ vì tâm trộm, đoạt lấy vật nơi chim có chủ, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu lúc đứng đợi chim có chủ bay đến, thì phạm tội có thể sám hối. Những trường hợp khác như trên đã nói.

Lại nữa, các chim có chủ ngậm vật báu bay đi, chim không chủ đoạt lấy, cư sĩ vì tâm trộm nên bắt chim không chủ thì phạm tội có thể sám hối. Nếu lúc đợi chim không chủ bay tới cũng phạm tội có thể sám hối. Những trường hợp khác như trên đã nói.

Nếu cư sĩ đánh bạc, vì tâm trộm nên gian lận của người khác năm tiền, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu cư sĩ vì tâm trộm lấy Xá lợi thì phạm tội có thể sám hối. Nếu với tâm cung kính mà suy

nghĩ: "Phật cũng như Thầy của mình, dùng tâm thanh tịnh mà lấy thì không phạm". Nếu người cư sĩ với tâm trộm mà lấy quyển kinh, thì phạm tội không thể sám hối. Tùy theo giá trị mà phạm tội nặng nhẹ. Phàm trộm lấy ruộng đất có hai nhân duyên, chiếm đoạt ruộng đất của người khác: Một là nói ranh giới, hai là tạo ranh giới. Nếu cư sĩ vì đất nên nói hơn người khác, hoặc làm ranh giới khác, lấn chiếm một phần đất trị giá năm tiền thì phạm tội không thể sám hối. Có các cư sĩ đất đáng nộp thuế mà không nộp, nếu đến năm tiền thì phạm tội không thể sám hối. Lại có cư sĩ đến chỗ đóng thuế, nói với các cư sĩ: Ông mang vật này qua trạm giùm tôi, tôi sẽ đưa cho ông một nửa số tiền thuế. Nếu người kia mang vật qua khỏi trạm trốn thuế khoảng năm tiền thì phạm tội không thể sám hối. Cư sĩ nếu chỉ người đi đường khác, khiến người đó khỏi đóng thuế trị giá năm tiền, thì phạm tội có thể sám hối. Nếu vì chỗ đóng thuế có giặt cướp, thú dữ hoặc đói khát nên chỉ đi đường khác, khiến tránh khỏi nơi độc hại đó thì không phạm tội.

Lại có cư sĩ, cùng với giặc cướp phá hoại các vật của xóm làng, nếu phân ra trị giá năm tiền thì phạm tội không thể sám hối.

Lấy trộm các chúng sanh không chân như: Đỉa, trùng, cho đến bắt rất nhiều trùng v. v… người đó lấy bỏ trong đồ vật, cư sĩ lấy từ trong đồ ấy ra thì phạm tội không thể sám hối. Như trên đã nêu, trộm

cắp chúng sanh hai chân như người và các loài chim như ngỗng, nhạn, vẹt v. v… Các loài chim ấy nhốt trong lồng, nếu lấy với tâm trộm thì phạm tội không thể sám hối. Các trường hợp khác như trên đã nói.

Bắt trộm người có hai loại: Một là mang đi, hai là hẹn đến. Nếu cư sĩ vì tâm trộm mà vác người kia để trên vai, hai chân người đó đã rời khỏi mặt đất, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu cùng hẹn đến, đi hơn hai bước thì phạm tội không thể sám hối. Những trường hợp khác như trên đã nói.

Trộm cắp loài bốn chân như ngựa, bò, dê v. v… Người dùng dây cột một chỗ cư sĩ, với tâm trộm, dắt đi hơn bốn bước, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu vật nằm một chỗ cư sĩ với tâm trộm, đuổi vật chạy hơn bốn bước, thì phạm tội không thể sám hối. Loài nhiều chân cũng giống như vậy.

Nếu vật ở trong hàng rào hoặc tường vách, cư sĩ vì tâm trộm nên đuổi ra khỏi bầy bốn bước, thì phạm tội không thể sám hối. Các trường hợp khác như trên đã nói.

Nếu vật được thả ra ngoài, cư sĩ có tâm trộm nên nghĩ: "Nếu khi người chăn vào trong rừng, mình sẽ bắt trộm vật. Vì mới chỉ phát khởi tâm niệm, thì phạm tội có thể sám hối. Nếu giết con vật thì đồng với tội sát sanh, giết rồi lấy thịt trị giá năm tiền, thì phạm tội không thể sám hối.

Lại có bảy yếu tố: Một là tưởng không phải của mình. Hai là không được đồng ý. Ba là không tạm dùng. Bốn là biết có chu. Năm là không điên cuồng. Sáu là không loạn tâm. Bảy là không bệnh hủy hoại tâm. Đủ bảy yếu tố này, lấy vật có giá trị thì phạm tội không thể sám hối. Lấy vật không đáng giá phạm tội có thể sám hối.

Lại có bảy điều: Một là tưởng của mình. Hai là được đồng ý. Ba là nghĩ tạm dùng. Bốn là biết không chủ. Năm là điên cuồng. Sáu là loạn tâm. Bảy là bệnh hoạn hủy hoại tâm. Đủ bảy điều này, lấy vật thì không phạm tội.

Có một cư sĩ trồng rau cải, một người đến vườn nói với cư sĩ: "Cho tôi một ít rau". Cư sĩ hỏi: "Ông có tiền không? Đưa tiền đây tôi bán cho".

Đáp: "Tôi không có tiền".

Cư sĩ nói: "Nếu ông cần rau cải thì đem tiền đến đây. Nếu đưa không cho ông thì sáng chiều tôi lấy gì mà ăn?".

Người khách nói: "Ông nhất định không cho tôi phải không?" Người chủ nói: "Làm sao cho ông được!"

Người khách liền dùng chú thuật làm cho rau cải héo khô, rồi tự sanh nghi không biết mình có phạm tội không thể sám hối hay không? Liền thưa hỏi Phật, Phật dạy: "Phải xét giá trị mới biết phạm tội có thể sám hối hoặc không thể sám hối. Cành,

lá, hoa, quả, gốc cũng đều như vậy.

Có một người ở trong vùng Kỳ Hoàn cày ruộng cởi áo để trước đám ruộng. Một cư sĩ nhìn bốn phía không thấy có ai liền lấy áo đem đi. Người cày ruộng từ xa trông thấy nói: "Đừng lấy áo của tôi". Cư sĩ ấy không nghe, cứ cho là không có chủ, nên cầm áo đi. Người cày ruộng liền đuổi theo sau lấy lại, nói với cư sĩ: "Pháp của ông là lấy vật không cho sao?" Cư sĩ nói: Tôi thấy không có chủ nên lấy, chứ không phải như vậy.

Người cày ruộng nói: "Đây là áo của tôi".

Cư sĩ nói: "Là áo của ông thì ông có thể lấy lại".

Cư sĩ liền sanh nghi không biết mình không phạm hay là phạm tội không thể sám hối. Liền đi đến chỗ Phật thưa hỏi việc này. Đức Phật biết mà vẫn hỏi: Ông dùng tâm gì để lấy?

Người cư sĩ thưa: "Con nghĩ đó là vật không có chủ".

Đức Phật dạy: Không phạm. Từ nay về sau lấy vật gì phải cân nhắc kỹ càng hoặc là vật của mình tuy không có người giữ nhưng thật ra có chủ, nếu sanh tâm muốn ăn cắp mà chưa lấy thì phạm tội có thể sám hối. Nếu lấy vật đủ năm tiền, thì phạm tội không thể sám hối.

Giới thứ ba: Dâm dục

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Ưu-bà-tắc không nên khởi tưởng dục, giác dục,

hãy còn không nên sanh khởi tâm huống là khởi lên dục là nghiệp ác, bất tịnh, nguồn gốc trói buộc của tham, sân, si. Ở đây, phạm tà dâm có bốn hạng: Nam, nữ, huỳnh môn, hai căn. Nữ là người nữ, phi nhân nữ và súc sanh cái. Nam là: Người nam, phi nhân nam và súc sanh đực. Huỳnh môn và hai căn cũng vậy.

Nếu Ưu-bà-tắc cùng với người nữ, phi nhân nữ và súc sanh cái hành tà dâm ở ba chỗ thì phạm tội không thể sám hối. Nếu cùng với người nam, phi nhân nam, súc sanh đực, huỳnh môn và hai căn hành dâm ở hai chỗ, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu khởi tâm muốn hành dâm, nhưng chưa hành dâm thì phạm tội có thể sám hối. Nếu hai thân hòa hợp mà không hành dâm thì phạm tội có thể sám hối.

Nếu Ưu-bà-tắc cùng với người nữ đã có chồng rồi mà hành dâm thì phạm tội không thể sám hối. Những trường hợp phạm tội nhẹ như trên đã nói. Ba chỗ là: Miệng, đại tiện và tiểu tiện. Ngoài ba chỗ đó, hành dâm ở các chỗ khác thì có thể sám hối.

Nếu Ưu-bà-tắc cùng với người nữ chưa có chồng, hành dâm ngoài ba chỗ thì phạm tội có thể sám hối. Đời sau chịu quả báo tội nặng.

Nếu Ưu-bà-tắc cùng với người nam, tôi tớ nam, hành dâm ở hai chỗ thì phạm tội không thể sám

hối. Những trường hợp phạm tội nhẹ như trên đã nói.

Nếu Ưu-bà-tắc cùng với dâm nữ hành dâm nhưng không đưa tiền thì phạm tà dâm không thể sám hối. Nếu đưa tiền thì không phạm.

Nếu người nữ chết cho đến súc sanh chết, thân căn chưa hoại mà hành dâm với thây chết ở ba chỗ thì phạm tội không thể sám hối. Trường hợp phạm tội nhẹ như trên đã nói.

Nếu Ưu-bà-tắc tự thọ tám giới, hành dâm thì phạm tội không thể sám hối, thọ tám giới mà hành dâm bất luận tà hay chánh, tất cả đều phạm.

Nếu Ưu-bà-tắc tuy không thọ giới, nhưng hủy phạm đệ tử Phật là người giữ giới thanh tịnh, tuy không có tội phạm giới nhưng sau đó hoàn toàn không được thọ năm giới, cho đến xuất gia thọ giới cụ túc.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ta có hai thân sanh thân và giới thân".

Nếu Thiện nam vì sanh thân của ta, xây dựng tháp bằng bảy báu cao cho đến cõi Phạm thiên. Nếu người đó làm thiếu. Sanh thân thì tội có thể sám hối, nếu làm thiếu Giới thân của ta thì tội ấy vô lượng, chịu tội như Long Vương Y La.

Giới thứ tư: Nói dối

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo.

- Ta đã quở trách nhiều về sự nói dối, khen ngợi

sự không nói dối, cho đến cười đùa hãy còn không được nói dối huống là cố ý nói dối. Ở đây trường hợp phạm là:

Nếu Ưu-bà-tắc không biết, không thấy pháp hơn người của bậc Thánh, tự nói ta là A-la-hán, hướng A-la-hán, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu nói ta là A-na-hàm, Tư-đà-hàm hoặc Tu-đà-hoàn cho đến hướng Tu-đà-hoàn, hoặc đạt được Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, hoặc đạt được bốn tâm vô lượng từ, bi, hỷ, xả, hoặc đạt được định vô sắc, định hư không, định thức xứ, định vô sở hữu xứ, định phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc đạt được pháp quán bất tịnh, niệm A-na-bát-na (Quán sổ tức), chư Thiên đến chỗ của Ta, các rồng, Dạ-xoa, thần cây, Tỳ-xá-xà, Cưu-bàn-trà, La-sát đến chỗ của ta, họ hỏi Ta, ta đáp cho họ, ta hỏi họ, họ đáp cho ta… đều phạm tội không thể sám hối. Nếu muốn nói mình là A-la-hán, nói nhầm là A-na-hàm thì phạm tội có thể sám hối. Các trường hợp khác cũng phạm như thế.

Nếu có Ưu-bà-tắc hỏi: "Người chứng Đạo chưa?". Nếu im lặng hoặc ra dấu là đã chứng đều phạm tội có thể sám hối. Cho đến nói: "Gió lốc là quỷ đất đi đến chỗ của ta", thì phạm tội có thể sám hối.

Nếu Ưu-bà-tắc, thật sự có nghe mà nói không nghe, thật sự có thấy mà nói không thấy, nghi là có mà nói là không, nghi là không mà nói là có, các

việc nói dối như vậy đều phạm tội có thể sám hối. Nếu khởi tâm muốn nói dối nhưng chưa nói thì phạm tội có thể sám hối. Nói dối mà không hết ý thì phạm tội có thể sám hối. Nếu nói với người khác là mình đã đắc Đạo, thì phạm tội không thể sám hối. Nếu bị điên cuồng hoặc tâm loạn, không biết mà nói, thì không phạm.

Giới thứ năm: Uống rượu

Đức Phật ở ấp Bạt-đà-la-ba-đề thuộc nước Chi-đề, nơi ấy có con rồng dữ, tên là Yểm-ba-la-đề-đà, hung bạo ác độc, không ai dám đến chỗ đó, voi, ngựa, bò, dê, lừa, lạc đà đều không dám đến gần, thậm chí các loài chim cũng không dám bay ở phía trên. Mùa Thu, khi lúa chín thì nó phá hoại các ruộng lúa. Trưởng lão Sa-già-đà đi đến nước Chi-Đề, dần dần tới Bạt-đà-la-ba-đề, nghỉ qua đêm ở đó rồi, sáng sớm mặc y cầm bát vào thôn khất thực, khi khất thực, nghe thôn này có con rồng dữ, tên là Yểm-ba-la-đề-đà, hung ác, thường giết hại dân chúng, chim thú không dám đến ở chỗ đó. Mùa Thu lúa chín thì phá hoại lúa thóc. Nghe rồi, khất thực xong, trưởng lão đến dưới tàng cây bên dòng suối chỗ ở của rồng Yểm-ba-la-đề-đà, trải tọa cụ ngồi. Rồng nghe mùi áo liền giận dữ, từ thân phát ra khói mù. Trưởng lão Sa-già-đà liền nhập thiền định, dùng oai lực thần thông, thân cũng phóng ra khói mù. Rồng càng giận dữ, trên thân phát ra lửa. Sa-già-đà lại nhập vào Tam muội Hỏa Quang, thân

cũng phóng ra lửa. Rồng lại tuôn mưa đá, Sa-già-đà liền biến mưa đá thành nhiều loại bánh. Rồng lại phóng ra sấm sét, Sa- già-đà liền biến thành nhiều loại bánh ưa thích. Rồng lại mưa xuống nhiều cung tên, giáo mác, Sa-già-đà liền biến thành hoa sen xanh, hoa sen trắng, hoa sen vàng, hoa sen hồng. Lúc ấy, rồng liền mưa xuống nhiều rắn độc, rít độc, rắn hổ mang, sâu bọ chân dài, Trưởng lão Sa- già-đà liền biến thành chuỗi hoa sen xanh, chuỗi hoa chiêm bặc, chổi hoa Bà-sư, chuỗi hoa A-đề-mục-đa-già. Rồng đã dùng hết sức lực để hiện bày những việc như vậy với trưởng lão Sa-già-đà nhưng không thể thắng, nên nó liền mất oai lực ánh sáng. Trưởng lão Sa-già-đà biết năng lực của con rồng đã hết, không thể hồi phục liền biến thành thân cực nhỏ đi vào hai lỗ tai rồng, đi ra nơi hai mắt, rồi lại đi vào lỗ mũi, đi ra từ nơi miệng, đứng trên đầu rồng, kinh hành qua lại mà không làm thương tổn thân rồng. Bấy giờ, rồng thấy sự việc như thế, nên vô cùng sợ hãi, lông dựng ngược, chắp tay hướng về trưởng lão Sa-già-đà thưa:

- "Con xin quy y Thánh giả". Sa-già-đà đáp:

- "Ngươi đừng quy y ta, hãy quy y thầy ta là quy y với đức Phật". Rồng thưa:

- "Từ nay, con xin quy y Tam Bảo, trọn đời này xin làm cận sự nam của đức Phật".

Rồng đó thọ tam Quy y, làm đệ tử Phật, không

còn gây tạo những việc hung ác như trước nữa. Mọi người và chim thú đều đến chỗ ấy, mùa Thu khi lúa chín không còn bị phá hoại, danh tiếng như vậy lưu truyền các nước: "Trưởng lão Sa-già-đà đã thu phục được rồng ác khiến nó trở nên hiền lành, mọi người và chim thú đều đến được chỗ ấy, khi mùa Thu lúa chín, không còn bị phá hoại nữa". Danh tiếng của trưởng lão Sa-già-đà vang khắp, mọi người đều làm thức ăn mang đến cúng dường, trong số đó có một phụ nữ nghèo, tin kính nên thỉnh trưởng lão Sa-già-đà để cúng dường, Sa-già-đà im lặng nhận lời phụ nữ ấy cúng dường món cháo sữa, Trưởng lão thọ dụng, phụ nữ ấy suy nghĩ: Sa-môn này dùng cháo sữa này, có lẽ sẽ phát lạnh, bèn lấy rượu giống màu nước đem dâng cho Sa-già-đà, trưởng lão không xem mà liền uống, uống xong, thuyết pháp và đi về chùa. Bấy giờ, chất rượu phát ra, gần đến bên cửa chùa thì ngã té xuống đất, y Tăng-già-lê, túi lọc nước, bình bát, gậy, dầu, giầy cỏ, ống đựng kim, mỗi vật nằm một nơi, người thì lăn một chỗ, say rượu không còn hay biết gì.

Bấy giờ, đức Phật cùng với Tôn giả A-nan đi đến chỗ ấy. Đức Phật thấy vị Tỳ-kheo này, biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

- Đây là người nào? Tôn giả A-nan thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Đây là trưởng lão Sa-già-đà. Phật liền bảo:

- Hãy trải tòa, múc nước cho Ta, tập hợp chúng tăng ở chỗ này. Tôn giả A-nan vâng lời, liền trải tòa, múc nước và tập hợp chúng Tăng xong, đến bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Con đã trải tòa, múc nước và tập hợp chúng Tăng. Xin Thế Tôn tự biết đúng thời.

Đức Phật liền rửa chân, an tọa, hỏi các Tỳ-kheo:

- Các Thầy đã từng thấy, nghe hay không, rồng Yểm-ba-la-đề-đà hung bạo ác hại, trước đây không có người đến nơi ấy, voi, ngựa, bò, dê, lạc đà đều không thể tới đó, cho đến các loài chim cũng không dám bay qua, mùa Thu khi lúa chín thì nó phá hoại lúa thóc, Thiện nam Sa-già- đà có thể hàng phục khiến nó trở nên hiền lành? Hôm ấy, nhiều người và chim chóc đều đi đến dòng suối đó. Trong chúng lúc ấy, có người thấy thì thưa: "Con có thấy, bạch đức Thế Tôn". Có người nghe thì nói: "Bạch đức Thế Tôn, con có nghe". Đức Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo! Ý ông như thế nào? Thiện nam Sa-già-đà, hôm nay có thể hàng phục được con ễnh ương không?

Đáp: - Bạch Thế Tôn! Không thể. Đức Phật nói:

- Thánh nhân uống rượu còn phạm lỗi như vậy, huống chi là phàm phu, tội càng nhiều hơn, tội

nhiều như thế đều do uống rượu. Từ ngày nay, nếu nói "Ta là đệ tử của Phật" thì không được uống rượu, thậm chí một giọt như đầu ngọn cỏ cũng không uống. Đức Phật dùng nhiều cách quở trách về lỗi lầm của việc uống rượu rồi bảo các Tỳ-kheo:

- "Ưu-bà-tắc không được uống rượu", rượu có hai loại: Một là rượu gạo, hai là rượu cây.

Rượu cây là: Dùng gốc, cành, lá, hoa, quả, nhiều thứ hạt, các loài cỏ thuốc trộn làm thành rượu. Rượu có màu, rượu có mùi, rượu có vị, rượu uống vào đều có thể làm say người. Đó gọi là rượu. Nếu Ưu-bà- tắc nếm thử mà nuốt rượu vào thì cũng là uống, cũng gọi là phạm tội. Nếu uống rượu gạo vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu uống rượu mời, vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu uống rượu ngọt, cũng vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu ăn men rượu có thể bị say, vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu ăn bã rượu, vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu uống cặn rượu, vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu uống loại tương tự rượu, loại có màu tương tự rượu, mùi rượu, vị rượu có thể làm say người, vừa nuốt vào là phạm tội. Nếu chỉ làm màu rượu mà không có mùi rượu, vị của rượu, không thể làm say người và uống những loại khác đều không phạm.

-oOo-

SỐ 1477
KINH PHẬT THUYẾT GIỚI TIÊU TAI

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Cư sĩ Chi
Khiêm người nước Nguyệt Chi

Nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ở tại nước Xá Vệ. Có một huyện nọ, tất cả dân chúng đều phụng hành theo năm giới và mười điều thiện của Phật. Cả huyện, không có nhà nào chứa rượu. Một gia đình thuộc dòng họ lớn của Huyện ấy, có người con sắp đi buôn bán xa. Trước khi đi, cha mẹ dặn: "Con phải siêng năng giữ gìn năm giới và vâng giữ mười điều thiện, cẩn thận đừng uống rượu, vì uống rượu là phạm giới trọng của Phật chế. Nghe lời cha mẹ dặn dò xong, người ấy đi đến nước khác. Gặp bạn đồng học cũ, người ấy vui mừng, được bạn mời uống rượu Bồ đào. Người ấy từ chối: "Ở nước tôi, mọi người đều giữ gìn năm giới của Phật, không dám sai phạm. Nếu uống rượu, đời sau sẽ bị làm người ngu si, không được gặp Phật. Lúc từ giã cha mẹ để đi, cha mẹ tôi đều dặn: "Uống rượu là trái với lời Phật dạy, là phạm giới phạm tội rất nặng. Bạn bè xa cách lâu ngày mới gặp, tuy rất vui mừng nhưng anh đừng bảo tôi phải phạm giới, trái với lời dạy

của cha mẹ". Người bạn nói: "Tôi với anh cùng một thầy, đều là anh em với nhau. Cha mẹ tôi cũng là cha mẹ anh. Cha mẹ tôi đều uống rượu mà có sai phạm gì đâu! Nếu tôi ở nhà anh thì chắc chắn tôi cũng sẽ thuận theo cha mẹ của anh". Từ chối không được, người ấy bèn uống rượu với bạn, say nằm ba ngày. Khi tỉnh rượu, người ấy rất hối hận và sợ hãi. Xong việc buôn bán, người ấy về nhà và tự thú đầy đủ với cha mẹ. Cha mẹ bảo: "Con đã trái lời dạy của ta lại còn phạm giới, dần dần sẽ làm loạn phép nước, chẳng phải là đứa con hiếu thảo. Con không được nói "lấy việc nước làm trên hết", hãy dọn lấy đồ đạc và đi khỏi nước, không được ở lại nơi đây!"

Người con vì phạm giới nên bị cha mẹ đuổi đi, anh ta đi đến nước khác, ở trong một nhà trọ nọ. Chủ nhà thờ ba vị quỷ thần có thể hiện ra hình người, ngồi đối diện ăn uống và nói chuyện với người. Người chủ thờ cúng họ nhiều năm nên rất mệt mỏi. Tài sản trong nhà thì hết sạch, người nhà đau ốm, chết chóc liên miên nên người chủ nhà rất buồn chán các quỷ thần này, chỉ than thở một mình. Quỷ biết được ý của người chủ và rất lo lắng cho vị ấy, họ cùng nhau bàn luận:

- "Người này bị hết sạch tài sản chính là do chúng ta, chúng ta chưa hề làm gì có lợi ích nên khiến cho người chủ chán nản, phải tìm châu báu để cho vị ấy, khiến vị ấy được vui vẻ". Nói xong, họ đi đến kho báu của vua nước khác lấy trộm đem

về cất giấu trong vườn và bảo với chủ nhà:

- "Ông thờ cúng chúng tôi đã nhiều năm, khổ cực bấy lâu. Hôm nay, chúng tôi muốn làm phước cho ông được giàu có, vui vẻ".

Chủ nhà nói:

- "Xin đội ơn Đại thần". Quỷ bảo:

- Trong vườn nhà ông có vàng bạc, hãy ra đó mà lấy, ông được phước lớn và sẽ được mãn nguyện".

Người chủ nhà vui mừng đi ra vườn, nhìn thấy nhiều vật kỳ lạ và lấy đem vào nhà.

Sáng hôm sau, chủ nhà làm nhiều thức ăn để tạ ơn quỷ thần. Các món ngon vừa đều đã làm xong, các quỷ thần vừa tới cửa, thấy người đến từ nước Xá Vệ ngồi trong nhà của người chủ, liền vội vàng bỏ chạy. Người chủ chạy theo kêu:

- "Mời các vị hãy quay lại, tất cả các món ăn cúng dường đều đã làm xong. Đại thần đã đến sao lại bỏ đi?"

Quỷ thần đáp:

- "Trong nhà ông có khách quý, chúng tôi đã đến và nhìn thấy người đó, vì sợ hãi quá nên chúng tôi mới bỏ đi".

Người chủ quay về nhà và ngồi suy nghĩ:

- "Trong nhà ta chỉ có người này, chứ có ai khác đâu! Rồi liền đi ra mời người ấy dùng các thức ăn, rất mực vui vẻ. Ăn uống xong, người chủ nhà hỏi:

- Ông có công đức gì mà các quỷ thần tôi thờ cúng vừa thấy ông liền sợ hãi bỏ chạy?

Người khách ấy liền giảng nói đầy đủ về ngũ Giới và mười điều thiện là công đức của Phật, rồi nói:

- Thật sự tôi đã phạm giới uống rượu nên bị cha mẹ đuổi đi, còn bốn giới kia nên được thiên thần ủng hộ, vì thế các quỷ thần của ông không dám đến gần.

Người chủ nhà nói:

- Tuy tôi thờ cúng các quỷ thần này nhưng đã lâu tôi rất chán họ.

Hôm nay, tôi muốn thọ trì năm giới của đức Phật.

Rồi người chủ nhà thọ tam quy, ngũ giới và mười điều thiện từ người khách ấy, một lòng tinh tấn không dám biếng nhác. Chủ nhà hỏi:

- Đức Phật đang ở đâu, tôi có thể được gặp Ngài không? Khách Đáp:

- Đức Phật đang ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà-Cấp Cô Độc thuộc nước Xá Vệ. Ông hãy đến đó có thể được gặp Ngài.

Người chủ nhất tâm đi đến nơi ấy. Trên đường đi, ở tạm tại một ngôi đình, trong đó có một phụ nữ rất đẹp, là vợ của quỷ ăn thịt người. Đường đi còn xa mà trời đã chiều tối, người đó xin người phụ nữ cho ở lại một đêm. Người phụ nữ liền bảo:

- Hãy cẩn thận, không được ở lại đây. Ông hãy đi mau đi! Người đó hỏi:

Vì sao vậy? Cô nói thế là ý gì? Người phụ nữ đáp:

- Ta đã nói với ông rồi, sao còn hỏi lại nữa!

Người ấy suy nghĩ: "Trước đây người nước Xá Vệ kia chỉ thọ bốn giới của đức Phật mà quỷ thần ở nhà ta còn sợ hãi như vậy. Hôm nay, Ta đã thọ tam quy, ngũ giới và mười điều thiện, tâm không biếng nhác thì sao lại phải sợ hãi!" Nghĩ vậy nên người ấy vẫn ở lại nơi đó. Quỷ ăn thịt người về đình nhìn thấy các thần hộ giới xung quanh người ấy nên đi cách xa ngôi đền bốn mươi dặm, cả đêm đó không dám về.

Sáng hôm sau, người ấy lại lên đường, trên đường đi thấy những người bị quỷ ăn thịt, xương cốt vứt bừa bãi khắp nơi, y phục và tóc thì vương vãi. Người ấy sợ hãi và hối hận, suy nghĩ tự thối lui:

- "Ở nước ta, nhà nhà đều đầy đủ y phục và thức ăn sung túc, an vui. Những điều người kia nói thật trống rỗng, nói đức Phật ở nước Xá Vệ, nên ta mới đến để xem sự kỳ diệu. Đã không được thấy như vậy mà còn thấy xương cốt đầy dẫy khắp nơi".

Người ấy liền khởi ý ác, nghĩ:

- "Ta nên quay về, người nữ kia sẽ về chỗ cũ, cùng ở như cũ, không vui hơn sao!" Nghĩ vậy nên

người ấy quay trở lại chỗ ngôi đình, xin người phụ nữ ở lại đêm.

Người phụ nữ hỏi:

- Ông đã quay lại rồi sao? Đáp:

- Vì tôi nghĩ đi sẽ không thành nên mới quay lại đây. Người phụ nữ nói:

- Ông muốn chết hay sao? Chồng tôi là quỷ ăn thịt người, mới đi không lâu. Ông hãy đi mau đi.

Người ấy không tin nên vẫn ở lại, tâm liền mê hoặc, ý dâm dục phát khởi, lại không tin vào phước đức nơi tam Quy y của Phật, cũng như không có tâm của ngũ giới và mười điều thiện. Vì thế các thiên thần liền bỏ đi, không ủng hộ vị ấy nữa, do vậy, quỷ quay về được. Người phụ nữ sợ quỷ ăn thịt người nam này nên thương xót giấu người ấy vào trong một chiếc hũ lớn. Quỷ ngửi thấy mùi người liền hỏi vợ:

- Nàng có được thịt người phải không? Ta muốn ăn. Vợ đáp:

- Tôi không đi đâu làm sao có được thịt? Rồi hỏi tiếp:

- Sao đêm qua ông không về? Quỷ đáp:

- Biết là nàng đợi, nhưng đêm qua nhà có khách tôn quý ở lại, nên khiến tôi bị đuổi.

Người nam ở trong hũ lớn càng sợ hãi, không còn nhớ gì về tam Quy y.

Vợ hỏi:

- Vì sao ông không kiếm được thịt? Quỷ đáp:

- Chính là do người đệ tử của Phật ở trong nhà nàng, các Thiên thần đuổi tôi phải đi cách xa nơi đây bốn mươi dặm. Ở lại đêm ngoài trời, tôi rất lo sợ, vì thế ngày nay tôi không an ổn, nên chẳng kiếm được thịt.

Người vợ nghe vậy nên im lặng, nhân đó hỏi chồng:

- Giới của Phật là gì và vì sao phải phụng trì? Quỷ nói:

- Tôi đã đói quá rồi, nàng hãy đưa thịt đây, không cần phải hỏi điều ấy. Đó là Giới chân chánh vô thượng, không phải là điều mà ta dám nói!

Người vợ nói:

- Ông hãy nói cho tôi rồi tôi mới đưa thịt cho ông.

Loài quỷ vốn luôn tham lam ăn uống, chỉ muốn ăn không dứt. Người vợ cứ hỏi tới. Vì thế, quỷ nói về tam quy, ngũ giới: Một là nhân từ, không sát sanh. Hai là có lòng tin trong sạch, không trộm cắp. Ba là tự giữ mình trinh thuận không tà dâm. Bốn là miệng không nói dối. Năm là phải hiếu thuận, không được uống rượu. Khi quỷ vừa bắt đầu nói giới thứ nhất, người vợ liền thọ trì, cả năm giới, đều tâm nhớ, miệng tụng theo. Người nam ở trong hũ lớn, cũng nhớ lại và thọ trì ngũ giới. Trời Đế Thích thấy biết hai người tự tâm quy y Phật như

vậy, liền chọn năm mươi thiện thần đến ủng hộ hai người khiến quỷ liền bỏ chạy. Đến sáng hôm sau, người vợ hỏi người nam kia.

- Ông có sợ không? đáp:

- Tôi rất sợ. Nhờ ơn của cô nên tâm tôi được nhớ đến Phật. Người phụ nữ hỏi:

- Hôm qua, vì sao ông quay lại? đáp:

- Vì tôi thấy nhiều thây người mới chết, hài cốt đầy dẫy khắp nơi, vì sợ nên tâm ý tôi thối lui và quay lại.

Người phụ nữ đáp:

- Xương đó chính là những thứ tôi đã vất đi. Tôi vốn con nhà hiền lành, bị quỷ bắt về làm vợ. Tôi tự thương mình nhưng không biết nói với ai. Hôm nay nhờ ơn Nhân giả mà tôi được nghe Giới của Phật và được rời xa quỷ ấy.

Rồi cô ta hỏi:

- Hiền giả! Bây giờ hiền giả muốn đi đến chỗ nào? Người ấy đáp:

- Tôi muốn đến nước Xá Vệ để được gặp đức Phật. Người phụ nữ nói:

- Lành thay! Tôi sẽ về nước và đưa cha mẹ cùng theo hiền giả đến gặp Phật.

Nói xong, họ cùng đi. Trên đường đi, họ gặp bốn trăm chín mươi tám người, họ hỏi:

- Các vị từ đâu tới và định đi đến chỗ nào? Những người ấy đáp:

- Chúng tôi từ chỗ đức Phật tới đây. Hai người hỏi:

- Các vị đã được gặp Phật, vì sao lại đi? đáp:

- Hôm nay, đức Phật thuyết giảng kinh, nhưng chúng tôi không hiểu rõ ràng nên mới về nước lại.

Hai vị ấy giảng nói lại đầy đủ việc quỷ sợ người có giới hạnh, nhờ vậy, những người đó đều được khai mở tâm ý, họ cùng nhau đến gặp Phật.

Từ xa nhìn thấy như vậy, đức Phật mỉm cười, từ trong miệng Ngài, phóng ra ánh sáng năm màu. Tôn giả A- nan quỳ gối, thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đức Phật không bao giờ mỉm cười mà không có nhân duyên. Đức Thế Tôn sắp giảng nói điều gì?

Đức Phật bảo:

- Thầy có thấy bốn trăm chín mươi tám người đang trở lại hay không?

Tôn giả A-nan thưa:

- Dạ, con đã thấy. Đức Phật dạy:

- Bốn trăm chín mươi tám người này hôm nay đã được gặp thầy của họ. Tất cả đều sẽ đến gặp Phật rồi sẽ được đắc đạo.

Năm trăm người cùng đến chỗ đức Phật, cung kính đảnh lễ Phật, nhất tâm nghe Kinh, tâm ý được khai mở. Tất cả đều xuất gia làm Sa môn, chứng đạo A-la-hán.

Đức Phật dạy:

- Người chủ nhà trọ cùng với người phụ nữ đã là anh em với nhau nhiều đời. Song, hai vị ấy, đời trước là Thầy của bốn trăm chín mươi tám người này.

Phàm là người cầu đạo, phải nhờ Thầy và bạn lành mới được giải thoát.

Đức Phật giảng nói Kinh này xong, các Tỳ kheo đều rất hoan hỷ, cung kính đảnh lễ Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 1478

KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỲ KHEO NI

Hán dịch: Mất tên người dịch, phụ vào dịch phẩm đời Bắc Lương.

QUYỂN THƯỢNG

Một thời, Đức Phật ở tại Tịnh xá của dòng họ Thích thuộc thành Ca-duy-la vệ, cùng với chúng đại Tỳ kheo hội đủ. Bấy giờ, Đại Ái-đạo- Kiều-đàm-di đi đến chỗ Đức Phật cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên, chấp tay thưa Phật:

- Tôi nghe người nữ tinh tấn thì có thể đạt được bốn đạo quả của Sa môn, nên xin được lãnh thọ pháp luật của Phật. Vì tôi ở nhà có lòng tin và ưa, thích nên muốn xuất gia theo đạo.

Phật bảo:

- Thôi đi! Này Kiều Đàm Di! Ta không thích cho người nữ vào trong pháp luật của Ta, mặc y pháp của Ta. Hãy nên suốt đời thanh tịnh tinh khiết, suy xét phạm hạnh, tĩnh ý tự giữ gìn, chưa từng khởi tưởng luôn rỗng lặng như Đạo, không niệm tà dục, tâm thường tịch tĩnh là an lạc.

Khi ấy, Đại Ái Đạo lại tha thiết mong cầu:

- Như vậy làm hành giả có thể được chăng? Xin

Phật cho phép xuất gia để tôi được đến Niết Bàn.

Thưa như vậy đến ba lần, Đức Phật cũng vẫn không chấp nhận, nên bà lại đến trước Đức Phật đảnh lễ, nhiễu quanh Phật rồi trở về. Đi chưa được bao lâu, Đức Phật cùng với các vị đại Tỳ-kheo đông đủ, từ tinh xá của dòng họ Thích, lần lượt đi vào thành Ca-duy-la-vệ. Lúc này, Đại Ái Đạo nghe Đức Phật cùng các vị đệ tử đã đi vào trong nước mình, nên tâm vô cùng hoan hỷ, liền đi tới chỗ Phật, chấp tay đảnh lễ nơi chân Phật, rồi lui ra ngồi yên. Sau đấy thì quỳ dài chấp tay, bạch Phật:

Tôi nghe người nữ tinh tấn tức có thể chứng đắc bốn đạo quả Sa môn, nên xin được thọ nhận pháp luật của Phật, khiến đạt được đạo Chánh chân Vô thượng. Tôi do ở nhà có lòng tin và sự ưa thích, hiểu biết về vô thường, như thế nên mong muốn xuất gia tu đạo.

Đức Phật bảo:

- Thôi đi, Kiều-đàm-di! Như lai không thích để người nữ vào trong pháp luật của Phật, mặc pháp y của Phật. Hãy nên trọn đời giữ lấy thanh tịnh, tinh khiết nơi bản thân, suy xét về phạm hạnh, tạo ý tịch tĩnh, chưa từng dấy khởi tưởng, rỗng lặng như đạo, không niệm tà dục, tâm thường vắng lặng là an lạc.

Đại Ái Đạo liền tha thiết cầu xin, nói:

- Hành giả như vậy là có thể được chăng? Xin

Phật cho phép xuất gia để tôi được đến Niết bàn.

Thưa xin đến ba lần, Phật vẫn không chấp nhận. Đại Ái Đạo liền trước sau đảnh lễ, nhiễu quanh Phật rồi lui ra, tự xót xa, thương cảm, hối lỗi, nước mắt đầm đìa, không thể kìm chế, tự nghĩ:

- Làm thân người nữ vốn nhiều tội lỗi nên mới như thế. Bà liền phát nguyện lớn:

- Nguyện cho các vị Bồ tát, người cùng phi nhơn đùng mang tâm ý như người nữ. Hôm nay ta phải cầu xin Phật, trọn đời không biếng nhác, mệt mỏi.

Bấy giờ, Phật các Đại Tỳ-kheo ở lại nước này ba tháng để tránh mưa, đã may vá y xong, nên mặc y mang bát du hành tới nước khác. Đại Ái Đạo bèn cùng với các bà mẹ đi theo Phật. Đức Phật đi tới huyện Na-hòa, dừng nghỉ bên sông. Đại Ái Đạo liền đến trước Phật cung kính đảnh lễ, đứng qua một bên, rồi thưa Phật như hai lần trước. Đức Phật cũng bảo như trước.

Thưa xin cũng đến ba lần, Phật vẫn không đồng ý, nên Đại Ái Đạo lễ Phật, nhiễu quanh Phật rồi lui ra đứng ở ngoài cửa, áo quần nhàu nát, đầy bụi bặm đứng chân trần, nước mắt như mưa, mặt mày mồ hôi nhễ nhại, thân thể mệt mỏi, khóc than nức nở, không cầm lòng được, tự mình hối tiếc:

- "Thân nữ xấu ác, có tám mươi bốn điều làm mê loạn trượng phu khiến mất đạo đức. Phật đã biết

rõ nên mới suy xét như vậy. Người nam trong thiên hạ không bị người nữ mê hoặc thì rất khó! Hôm nay ta dùng thân nữ này muốn vào đạo, cần phải giữ mình thanh khiết không dám xao lãng. Chỉ có con mới độ mẹ mà trọn không mất bổn nguyện của con".

Hiền giả A-nan thấy Đại Ái Đạo không vui như thế, liền hỏi:

- Này Kiều Đàm Di! Vì sao áo quần nhàu nát, đầy bụi bặm, đi chân không, mặt mày tiều tụy, thân tướng mệt nhọc, buồn bã khóc lóc như vậy?

Đại Ái Đạo đáp:

- Hiền giả A-nan! Hôm nay tôi vì là người nữ nên không được lãnh thọ pháp và luật của Phật, do đó nên tôi rất buồn.

Hiền giả A-nan nói:

- Không nên buồn nữa! Này Kiều Đàm Di! Đừng nôn nóng và buồn khóc nữa! Đợi tôi vào chỗ Đức Phật sẽ thưa việc ấy cho, để mẹ được an vui.

Đại Ái Đạo nói:

- Xin Hiền giả thưa Phật cho chúng tôi được xuất gia.

Hiền giả A-nan liền đi vào chỗ Phật, chắp tay quỳ gối cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Phật ba lần rồi thưa:

- Con nghe Phật dạy người nữ tinh tấn thì có thể đạt được bốn đạo quả Sa môn. Hôm nay Đại Ái

Đạo chí tâm mong muốn được lãnh thọ pháp luật của Phật . Vì lúc còn ở nhà, người đã có lòng tin, ưa thích, biết rõ về vô thường, tự xét tâm tánh, hiểu biết sâu xa. Hôm nay muốn xuất gia vào đạo, kính xin Đức Phật chấp nhận.

Đức Phật bảo:

- Thôi đi! Này A-nan! Ta không thích cho người nữ vào trong pháp luật của Ta làm sa môn. Vì sao? Vì việc ấy tất sẽ làm nguy hại đến các bậc thanh cao. Này A-nan! Ví như trong gia đình tôn quý sanh con nữ nhiều nam ít, nên biết nhà đó sắp suy yếu, không được hưng thịnh, lớn mạnh. Hôm nay, nếu cho người nữ vào trong pháp luật của Ta, chắc chắn sẽ khiến cho phạm hạnh thanh tịnh của Phật pháp không được tồn tại lâu dài. Ví như ruộng lúa đã chín mà gặp thời tiết xấu, làm cho lúa tốt bị hư hại. Hôm nay nếu cho người nữ vào trong pháp luật của Ta, tất sẽ khiến cho Đạo lớn, tức phạm hạnh thanh tịnh của Phật pháp không được trụ lâu. Này A-nan! Ví như đám ruộng tốt lại mọc nhiều cỏ, chắc chắn chúng sẽ làm hư hại ruộng lúa. Hôm nay, nếu cho người nữ vào pháp của Ta thì cũng như vậy, nếu người nữ có mặt trong pháp luật của Ta, khi không có ai thành tựu pháp Phật người nữ sẽ nương vào pháp ấy để hủy hoại phạm hạnh thanh tịnh, khiến rơi vào ái dục, nguồn gốc tạo ra các tội.

Hiền giả A-nan lại thưa:

- Đại Ái Đạo đã có rất nhiều thiện ý đối với Phật. Khi Phật mới sanh, bà đã nuôi dưỡng cho đến trưởng thành, đều là nhờ ân đức thiện lạc của Đại Ái Đạo.

Phật bảo:

- Này A-nan! Đúng vậy! Đại Ái Đạo có nhiều thiện ý và có ân đức lớn đối với Ta, Ta sanh ra được bảy ngày đã bị mất mẹ, Đại Ái Đạo nuôi dưỡng Ta đến khi trưởng thành. Hôm nay Ta là bậc tôn quý trong khắp cõi Trời người, đã thành Phật, hiệu là Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta vẫn luôn nhớ ân đức sâu nặng của Đại Ái Đạo đối với Ta. Đại Ái Đạo nhờ có ân này nên đã được quy y với Phật, Pháp, Tăng. Lại còn tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, không nghi ngờ về Khổ, không nghi ngờ về Tập, không nghi ngờ về Diệt, không nghi ngờ về Đạo, hiểu rõ về bốn Đế, đã thành tựu Đạo, thành tựu niềm tin, thành tựu được giới cấm, thành tựu được danh tiếng tốt, thành tựu được bố thí, thành tựu được trí tuệ, cũng có thể tự điều phục được việc: Không sát sanh, không trộm cắp của người khác, không dâm dật, không nói dối, không uống rượu say sưa. Như vậy, này A-nan! Giả sử có người trọn đời cung cấp thức ăn uống, áo mặc, giường nằm, thuốc men cũng không bằng ân đức này dù chỉ một phần trong ức trăm ngàn phần.

Này A-nan! Giả sử người nữ muốn làm Sa-môn phải tuân giữ "Bát kính pháp" không được trái

vượt, phải trọn đời học tập và thọ trì, tự mình ghi chép biết rõ và chuyên tâm thực hành. Ví như đề phòng nước lũ phải đắp bờ đê, không được để chảy tràn, nếu chấp nhận như vậy thì được nhập vào trong giáo pháp và giới luật của Ta.

"Bát kính" là gì? Một là, đối với Tỳ-kheo đã thọ Đại giới, người nữ làm Tỳ-kheo ni phải theo vị ấy lãnh thọ chánh pháp, không được xem thường, không được đùa cợt và nói những điều không cần thiết để tự vui vẻ. Hai là, Tỳ-kheo thọ trì Đại giới nửa tháng trở lên, Tỳ-kheo ni phải đảnh lễ phụng sự vị ấy, không được bảo với Sa-môn mới thọ giới: "Tinh tấn có mệt nhọc không? Hôm nay lạnh, nóng đến như vậy" Nếu nói những lời này sẽ làm loạn tâm của Tỳ-kheo mới học, phải luôn tự cung kính, cẩn thận, sách tấn tu học, khuyên nhủ người mới học, xa lìa ham muốn, tĩnh lặng tự giữ gìn. Ba là, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni không được ở chung, nếu cùng ở chung là không thanh tịnh, là bị dục ràng buộc, không tránh khỏi tội lỗi. Phải kiên trì chế ngự, đoạn trừ dục tình, tĩnh lặng tự giữ gìn. Bốn là, ba tháng ở một chỗ, phải tự trao đổi những điều đã nghe đã thấy, phải tự suy xét. Nếu nghe lời tà thì chỉ nghe mà không đáp, nghe hoặc không nghe, thấy hoặc không thấy, cũng không nên qua lại, im lặng tự giữ. Năm là, Tỳ-kheo ni không được thưa hỏi điều mình đã rõ, nếu Tỳ-kheo đem điều đã nghe đã thấy để hỏi Tỳ-kheo ni, Tỳ-kheo ni liền phải tự

mình xem xét lỗi xấu của mình, không được lớn tiếng tỏ ra thái độ, phải tự suy xét, im lặng tự giữ gìn. Sáu là, Tỳ-kheo ni có điều gì thắc mắc trong Đạo pháp thì được thưa hỏi Tỳ-kheo về những điều trong Kinh, Luật, nhưng chỉ được nói về trí tuệ Ba-la-mật, không được cùng nói việc không cần thiết của thế gian, nếu người nào nói việc không cần thiết của thế gian thì biết người này chẳng phải vì Đạo, là người buông lung ở thế gian, phải xem xét kỷ càng, im lặng tự giữ. Bảy là, Tỳ-kheo ni chưa được đắc đạo, nếu phạm giới trong pháp luật, mỗi nửa tháng nên đến chỗ chúng Tăng, tự tỏ bày lỗi lầm và xin sám hối: "Do thái độ kiêu mạn, hôm nay con tự hổ thẹn, tự xem xét sâu xa, im lặng giữ gìn". Tám là, Tỳ-kheo ni tuy đã thọ Giới được một trăm tuổi hạ vẫn ngồi sau Tỳ-kheo mới thọ Đại giới, phải khiêm nhường, cung kính đảnh lễ. Đó gọi là "Bát kính pháp". Ta dạy người nữ, phải tự thâu giữ tâm ý tu học, không được trái vượt, phải suốt đời học và thực hành. Nếu Đại Ái Đạo xét kỷ có thể giữ gìn "Bát kính pháp" này thì mới cho làm Sa-môn.

Hiền giả A-nan nghe lời dạy của Đức Phật rồi, suy nghĩ chín chắn, sâu xa và chấp nhận, liền đứng dậy đảnh lễ lui ra, nói với Đại Ái Đạo:

- Này Kiều Đàm Di! Đừng buồn nữa! Đã có lòng tin xuất gia thì sẽ được xuất gia vào đạo, cũng rất an ổn. Đức Phật dạy người nữ làm Sa-môn phải

tuân theo "Bát kính pháp" phải trọn đời siêng năng học tập và thực hành, phải giữ tâm như khéo giữ bờ đê ngăn ngừa nước lũ không được để chảy tràn.

Lúc ấy, Hiền giả A-nan vì Di mẫu đại Ái Đạo nói lại đầy đủ về "Bát kính pháp" được Đức Phật chỉ dạy. Phải như vậy mới có thể được vào pháp luật của Phật.

Nghe xong, Đại Ái Đạo rất vui mừng nói:

- Xin vâng, thưa Hiền giả A-nan! Cho phép tôi nói một điều: Ví như có người nữ thuộc bốn tộc họ, tắm rửa sạch sẽ, xoa hương, mặc y phục và trang điểm đẹp đẽ, vì người nhằm tạo lợi ích, như vậy có được lợi ích an lạc không?

Đáp:

- Rất an lạc. Bà lại nói:

- Lại dùng hoa thơm ngọc báu kết làm chuỗi ngọc, đem cho người nữ, lúc nào mà họ chẳng ưa thích và đội trên đầu! Hôm nay, Đức Phật chỉ dạy về "Bát kính pháp", tôi cũng quán sát tâm mình, nguyện cúi đầu cung kính lãnh thọ thực hành, toại nguyện được sự nghiệp dù nghìn vạn khó khăn cũng không hối hận.

Bà tự thệ nguyện như vậy và rất vui mừng.

Bấy giờ, Đức Phật liền trao mười giới cho Đại Ái Đạo làm Sa-di-ni:

- Sa-di-ni giữ giới là đoạn trừ các căn. Không được sát sanh loài cầm thú, côn trùng, chặt cây

xanh, làm gãy hoa lá, hoàn toàn không có tâm sát hại. Không được trộm cắp, không được tham lam tài vật của người. Hoặc ham sắc dục, lời ngọt ngào làm người mê loạn: "Tham được bố thí để làm sự nghiệp", điều lợi này bị rơi vào tội tham lam, trộm cắp. Tỳ-kheo ni phải cẩn thận, không được can dự.

Bấy giờ, Đại Ái Đạo thọ mười giới làm Sa-di-ni. Những gì là mười Giới:

Một là: Làm bậc Hiền giả hành đạo phải dùng tâm từ bi không khởi tâm độc hại, suốt đời không được giết hại chúng sanh, hoặc làm tổn thương đến người và vật, luôn đem tâm từ nhớ nghĩ đến chúng sanh, tinh tấn hành đạo, muốn độ cho cha mẹ và tất cả mọi người. Cẩn thận không được tranh cãi, tìm hại người khác. Cho đến các loài bò, bay, máy, cựa mỗi mỗi đều không được làm thương tổn, thường muốn cứu giúp, sanh tâm từ, đưa chúng đến với đạo. Nếu thấy giết nên thương xót rơi lệ, nghe giết không ăn, luôn phải thương xót chúng. Tự thề bỏ hẳn dâm dục, mới đạt đến như thế! Làm như vậy thì được như vậy, không phải do người khác. Nếu phạm giới này thì không phải là Sa-di-ni.

Hai là: Sa-di-ni trọn đời không được trộm cắp, không được tham tiền của, mua rẻ, bán đắt, cân già bán non, nhất nhất không được lừa dối người, tâm luôn hướng đến đạo, tĩnh lặng tự giữ. Miệng không dạy người buôn bán nô tỳ, trao đổi khách trẻ, hoặc nếu được ban cho tiền của châu báu và y phục của

người nam, nhất nhất không được lấy, nếu thọ nhận là không thanh tịnh, là loạn động. Không được mặc y phục có trang trí châu báu, không được đeo ngọc báu, vòng xuyến, chuỗi anh lạc, không được ngồi giường cao rộng lớn, màn trướng che phủ. Nếu có nghĩ tưởng đến là không thanh tịnh. Áo là để che thân, không nên chuộng màu mè. Cơm là để no bụng, nuôi dưỡng bốn đại chớ đừng tham đắm mùi vị. Tích chứa vật báu là ô uế, được người khác cho cũng không được nhận. Nếu thọ nhận tức không thanh tịnh. Vì người thuyết kinh trước hết phải nói về tai họa của tội ác ở địa ngục. Hiền giả nên biết!

- Phước ở cõi trời không thể suy lường, nói trái với việc sanh tử của thế gian. Nếu hiện bày bố thí, mình thà bị chặt tay chứ không lấy của phi pháp. Im lặng tự giữ, kiên trì xa lìa sắc dục. Nếu phạm giới này chẳng phải là Sa-di-ni.

Ba là: Sa-di-ni trọn đời không được dâm dục, không được nuôi chứa chồng con, không được nghĩ đến chồng con, không được nhớ đến chồng con, phòng ở phải xa chỗ người nam, để ngăn ngừa tâm ý, tâm không nghĩ đến dâm dục, miệng không cười đùa, hương thơm phấn sáp không được để gần thân, luôn nghĩ các dục là nhơ uế bất tịnh, tự nghĩ đến dâm có trăm vạn điều xấu ác, thà thịt nát xương tan, thiêu đốt thân thể đến chết cũng không hành dâm. Nếu dâm dục mà được sống cũng bằng trinh khiết mà chết. Trạng thái của dâm dục giống như

núi Tu di bị chìm trong biển không khi nào nổi lên, dâm dục thì chết bị chìm vào địa ngục, hơn núi Tu di. Nếu phạm giới này thì chẳng phải là Sa-di-ni.

Bốn là: Sa-di-ni suốt đời có lòng chí thành, lấy tâm ngay thẳng làm gốc, miệng không được nói hai lời, không được nói lời ly gián, nói lời dối gạt, không được dùng lời ác mắng người khác, nói lời dối trá thêu dệt, khen trước mặt chê sau lưng, làm chứng nói người đó phạm tội, không được chê bai người khác, là đúng là sai, là tốt là xấu. Khi nói phải suy nghĩ thật đúng mới nói, không đúng thì không nói, nếu người thuyết pháp thì phải một lòng lắng nghe, suy nghĩ nghĩa lý, tâm vui vẻ. Phàm người ở đời, búa nằm trong miệng, sở dĩ tự giết mình đều do lời nói ác, tự ý buông lung, nói năng vô độ mới bị tai họa. Cẩn thận nơi thân, miệng, ý thì tai họa duyên vào đâu! Người trí đã thấu hiểu nên nhất tâm giữ gìn. Nếu phạm giới này không phải là Sa-di-ni.

Năm là: Sa-di-ni suốt đời không được uống rượu, không được nếm rượu, không được ngậm rượu, không được bán rượu, lấy rượu cho người uống, không được nói "Đây chỉ là rượu thuốc", không được đến quán rượu, không được cùng bàn luận với người uống rượu. Rượu là thuốc độc, rượu là nước độc, rượu là chất độc, là nguồn gốc của những sự mất mát, là căn bản của các điều ác, hủy phá Hiền Thánh, làm bại hoại đạo đức, vì xem

thường tai họa nên phạm giới căn bản, bốn đại hao mòn, bỏ phước chuốc họa, không gì không làm. Thà uống nước đồng sôi chứ không uống rượu. Vì sao? Vì uống rượu sẽ khiến cho con người tâm trí mê loạn, điên cuồng, khiến con người không còn biết gì nên bị đọa vào Địa ngục. Cho nên phải đề phòng rượu, nếu phạm giới này, không phải là Sa-di-ni.

Sáu là: Sa-di-ni suốt đời không được đi xe, cưỡi ngựa, đi kiệu, tâm ham thích, ý buông thả, miệng mắng chửi nguyền rủa. Không được cười giỡn với bé trai năm tuổi, không được xúc chạm vào loại súc sanh đực, không được ôm ẵm loại súc sanh đực, không được xúc chạm cơ quan sinh dục của súc sanh đực, tĩnh tâm tự giữ nhớ nghĩ về kinh đạo, luôn dùng sự vắng lặng tạo an lạc. Đối với tất cả các chúng sanh đều không được mong muốn cho họ chết, nếu muốn mua thịt, có năm loại tịnh nhục mới được phép ăn, thường tự hổ thẹn, không ưa bất tịnh, luôn sám hối, có tâm từ, thương xót khắp nơi. Nếu phạm giới này, không phải là Sa-di-ni.

Bảy là: Sa-di-ni suốt đời không được họa vẽ sặc sỡ, không được dùng sợi tơ bằng vàng, tơ đủ năm màu, không được dệt vải cho người khác, không được ngồi trên giường cao, ngồi giường có màn che, không được soi gương nhìn ngắm hình tướng đẹp xấu, không được bày quần áo trên giường, không được ngồi xoạc chân trên giường ngâm nga.

Không được nói cười lớn tiếng, không được cao giọng quát tháo, khi nói luôn phải nói giọng nhỏ nhẹ. Không được đánh đờn chơi các nhạc cụ, không được múa hát lắc uốn thân thể. Không được liếc ngó mà đi, không được nhìn không chân chánh mà đi. Không được mua bán đổi chác, tranh cãi hơn thua với mọi người, làm cho người phỉ báng. Nếu phạm giới này, không phải là Sa-di-ni.

Tám là: Sa-di-ni trọn đời không được học tập theo thầy đồng bóng, không được làm thuốc độc khiến người uống, không được nói ngày tốt ngày xấu, coi tướng điềm lành điềm dữ, thay đổi được, mất, nhựt thực nguyệt thực, tinh tú biến đổi, núi lở, động đất, mưa gió, hạn hán, tính toán năm tháng lạnh nóng, có nhiều bệnh tật, . . . nhất nhất đều không được biết. Không được bàn luận về chính sự quốc gia, nước kia mạnh, nước nọ yếu, người nước kia giỏi, người nước nọ dở, có thể xuất quân đi đánh, chiến trận thắng thua, có thể đạt được tiền của dùng làm sự nghiệp. Không được bàn nói nhà kia giàu có, nhà kia nghèo khổ, không được nói người này giàu người khác nghèo, không được tự tay chặt đốn cây để tu sửa nhà ở của mình, không được tự tay bẻ hoa non để rải cúng dường trên Phật. Nếu có người đem hoa đến dâng Phật thì nên nhận, phải chú nguyện cho họ ba lần, phải thường thương xót mọi người: "Hoa này chỉ là hoa biến hóa mà thôi, không hiện hữu lâu, tất cả mọi người cùng đều

như vậy, đều từ người nữ sanh ra, không tồn tại mãi, khổ sở ràng buộc, sanh già bệnh chết, khóc nhau thảm thương, lo buồn loạn tâm, thiện thần tránh xa, tà quỷ quấy nhiễu, thân lại sẽ chết, do đấy như biến hóa không hề chắc bền. Nếu phạm giới này, không phải là Sa-di-ni.

Chín là: Sa-di-ni trọn đời nam nữ phải riêng biệt, không được ở chung trong chùa, bước đi không tìm theo dấu vết của người nam, không được cùng với người nam đi chung thuyền, xe, không được cùng với người nam mặc y phục cùng màu, không được ngồi cùng chiếu với người nam, không được ăn cùng bát với người nam, không được cùng nhuộm màu sắc sặc sỡ với người nam, không được cắt may y phục với người nam, không được giặt giũ quần áo với người nam, không được xin đồ qua lại với người nam. Nếu người nam cho đồ vật tốt, phải cẩn thận xem xét, phải thận trọng tránh xa tiếng xấu về chê trách nghi ngờ. Không được thư từ qua lại, nếu ai nhờ mang đi cho vật gì cũng không nên nhận, nếu muốn đi, phải đi với người lớn tuổi, cẩn thận không được đi một mình. Khi đi phải nhìn thẳng, nếu nhìn mà thấy có sắc thì không thanh tịnh, không được đi riêng. Phải một mình ngủ trong nhà. Nếu phạm giới này, không phải là Sa-di-ni.

Mười là: Sa-di-ni suốt đời thân không làm việc ác, miệng không nói lời ác, tâm không nghĩ điều

ác, nói và làm phải tương ứng, chẳng phải bậc Hiền thì không kết bạn bè, chẳng phải bậc Thánh thì không tôn thờ. Vì sao "chẳng phải bậc Hiền thì không kết bạn bè": Vì phàm là bậc Hiền, tâm không sanh diệt. Vì sao "chẳng phải Bậc Thánh thì không tôn thờ"? Vì phàm là bậc Thánh thì không bị trói buộc nơi sắc, không còn lệ thuộc vào dòng họ, tham dục cấu uế đã dứt sạch. Những người con không biết tổ tông, không hiếu thảo với cha mẹ, những kẻ đồ tể, giặc cướp, ham thích rượu chè, tâm khởi tà vạy, ngu si, hành vi hung ác, phải nên thận trọng đừng giao du qua lại, nếu qua lại với những người uế trược làm tổn hại đạo hạnh. Phải kiến cố tự giữ gìn, không được cười giỡn lớn tiếng. Không được chạy đi trước mặt bậc tôn túc. Không được ngước đầu mà đi, không được luôn qua lại gặp gỡ với quốc vương. Nếu trên đường đi có âm nhạc, không được đi sát tường để xem nghe, không được dựa vào vách mà nhìn. Không được ngồi tréo chân, không được ngồi dang chân. Không được ngồi trên tòa cao mà nói, phải luôn hổ thẹn về tánh xấu của người nữ. Nếu phạm giới này, không phải là Sa-di-ni.

Bấy giờ Tỳ-kheo ni Kiều Đàm Di thọ mười giới của Phật, nhất nhất không lỗi lầm, thực hành mười giới như vậy, không hề thiếu sót. Bà luôn ở gần Phật, suốt ba năm như thế, trí tuệ sáng suốt, thông hiểu các Kinh, hoan hỷ không tán loạn, ý chí như

núi lớn, tâm đoan nghiêm, ý ngay thẳng, không tà vạy, thường tự thương mình và tất cả mọi người, cũng như các loài côn trùng nhỏ bé, không loài nào là không thương xót. Bà luôn khuyến hóa pháp lành, hoàn toàn xa lìa phiền não. Trong ba năm chưa từng sai lầm, bà lại đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, sám hối tất cả các lỗi lầm, thưa:

- Đức Phật từ bi trí tuệ đã chỉ dạy cho con thấu các tội lỗi, dùng chánh kiến thoát khỏi những điều sai lầm, vạn lần con không hề oán hận, chỉ xin được thưa một điều: Mười giới con đều giữ gìn, lại có những điều ngoài mười giới ra thì rất ít, không đủ giữ tâm, kính xin đức Thế Tôn chế thêm giới để giữ tâm tinh cần, chúng con xin học hỏi không dám biếng nhác, và sẽ như pháp luật thực hành hạnh Bồ tát.

Đức Phật bảo Sa-di-ni Kiều Đàm Di:

- Người hãy thực hành mười giới đúng như pháp! Có Đại giới gọi là Cụ túc, thực hành chân đế mau được thành Phật, gồm có năm trăm sự việc cốt yếu, nếu chỉ thực hành mười giới là đã có thể đạt đến đến đạo tràng. Nếu không thực hành thì không thể đạt đến được, hoàn toàn không thể đắc Đại giới Cụ Túc này.

Khi ấy, nghe Đức Phật nói như vậy, Kiều Đàm Di rất vui mừng, bà cúi đầu cung kính đảnh lễ nơi chân Phật, rồi quỳ gối chắp tay bạch Phật:

- Con đã được nhận ân huệ, lại được thọ mười giới. Đức Phật bảo Sa-di-ni:

- Đã làm Sa-di-ni, nương theo pháp luật phụng hành mười điều, có thể mau được đắc đạo. Những gì là mười?

Một là luôn có tâm từ, trong ngoài đều thanh tịnh không có tâm hại người. Hai là luôn nghĩ bố thí không ưa keo kiệt, không cất giữ của rơi, không có tâm trộm cắp. Ba là thường tự thanh tịnh tinh khiết, tĩnh ý giữ gìn, không có tà dâm. Bốn là thường phải chí thành, miệng không nói khác. Năm là tự mình thanh tịnh, suốt đời không uống rượu, không say sưa làm tâm loạn. Sáu là luôn giữ chí nguyện, không dùng lời thô ác mắng người. Bảy là luôn luôn khiêm tốn, không cao ngạo, ngồi trên giường báu rộng lớn. Tám là thường giữ trai giới, đúng ngọ mới ăn. Chín là gìn tâm bình đẳng không có ý ganh ghét. Mười là phải luôn đối với Bồ tát và chư Tăng cung kính xem như Phật, tâm luôn nhu hòa, không được giận dữ. Đó là mười điều pháp luật của Sa-di-ni.

Sa-di-ni lại có mười pháp. Những gì là mười? Một là phải cung kính Đức Phật, chí tâm không tà vạy, cúi đầu đảnh lễ, thường tự sám hối tội ác đời trước. Hai là thường cung kính pháp, chú tâm nơi Đạo, từ hiếu với kinh. Ba là thường cung kính Tăng, tâm luôn bình đẳng, không từ bỏ, chí thành tin tưởng. Bốn là ngày đêm hầu thầy như hầu Phật,

tâm không mệt mỏi. Năm là xem tất cả chúng sanh, tâm đều bình đẳng xem như thầy mình. Sáu là đối với các Sa-di-ni, tâm thương kính xem như cha mẹ. Bảy là dùng tâm bình đẳng đối với tất cả xem như anh em chị em. Tám là đối với tất cả cầm thú, tâm từ bi thương xót, xem như con cái. Chín là đối với tất cả cỏ cây, tâm thương mến xem như thân mình. Mười là phải nhớ nghĩ đến các loài côn trùng bò, bay, máy, cựa, có nhiều sự khổ không thể nói hết trong thiên hạ khắp mười phương. Đó là mười điều pháp luật của Sa-di-ni.

Sa-di-ni hầu Thầy, có mười việc: Những gì là mười? Một là phải cung kính đối với Thầy, thường phải gần gũi, hành trì đúng như pháp, đúng như luật. Hai là phải nghe theo lời dạy của Thầy, thường phải hòa thuận. Ba là thường phải dậy sớm đừng dậy sau thầy, tự cảnh tỉnh tâm mình, không nên để thầy gọi. Bốn là thường thành tín đối với thầy, lòng ngay thẳng thật thà. Năm là phải từ hiếu đối với Thầy, tâm luôn ở bên thầy, không rời bữa ăn, giấc ngủ. Sáu là khi đi trong nước thấy việc kỳ lạ thì phải thưa hỏi với thầy sự kỳ lạ ấy. Bảy là theo thầy học kinh, phải nghiêm chỉnh tâm trí, cùng tột chân thật, thân, tâm, miệng, ý không sai sót một mảy may như lông tóc nào. Tám là nếu Thầy bảo đi đến chỗ nào phải nên đi mau về mau, nếu có người hỏi: Sa-di-ni! Thầy của cô còn không?" thì nên im lặng đi thẳng, không được trả lời cho họ

biết. Chín là giả sử có phạm lỗi, liền đến bên Thầy thú tội, nói ra rồi thì không còn tội nữa. Mười là hoàn toàn phải tin tưởng nơi Thầy, nếu nghe người nói lỗi của Thầy, thì liền trách họ thôi đi!

Đó là mười điều pháp luật của Sa-di-ni. Thực hành thì đạt đến đạo. Đức Phật dạy:

- Ta đã giảng nói mười giới của Sa-di-ni rồi, lại nói phải thực hành mười điều cho thật trọn vẹn, không sai sót dù chỉ bằng một sợi tóc, phải theo ý Thầy không thêm không bớt, một lòng hành trì.

Lúc ấy, Sa-di-ni Kiều Đàm Di liền cúi đầu đảnh lễ sát đất rồi lui ra.

Bấy giờ, Kiều Đàm Di, tự mình quán sát phụng trì thực hành mười giới, không thiếu sót một điều gì, trong các điều ấy luôn nhất tâm thực hành, hoàn toàn không sai lầm, tâm không thối lui, luôn tinh tấn, thật thà, đúng thời. Đức Phật biết Sa-di-ni rất chí thành tin hiểu. Đức Phật nói với Hiền giả A-nan:

- Ông thấy Sa-di-ni này giống như hoa Ưu Đàm có trăm con chim hầu xung quanh không?

Hiền giả A-nan thưa:

- Đó là nhờ ân đức của Phật.

Lúc này, Sa-di-ni lại đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Giây lát sau, bà đến trước, chắp tay đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Phật đạo từ bi đã cho con

xuất gia học đạo, trước đây con đã được thọ mười giới của Phật, làm Sa-di-ni, thứ đến thực hành đầy đủ mười điều, không biết con thực hành như vậy là đúng không.

Đức Phật dạy:

- Đại Ái Đạo! Người phải biết điều đó là rất tốt đẹp. Đại Ái Đạo lại bạch Phật.

- Bạch đức Thế Tôn! Mạng người vô thường, chỉ trong giấy lát, như đoàn Đại Ái Đạo chúng con, một mai cũng sẽ qua đời, sợ không gặp được thời có Phật, kính xin Đức Phật từ bi thương xót, truyền Đại giới, cho con đạt được sự giác ngộ vô thượng, tất cả đều mong Ngài cứu độ!

Đức Phật bảo Sa-di-ni Kiều Đàm Di:

- Người muốn thọ giới Cụ túc là rất tốt.

Khi ấy, Đại Ái Đạo liền sửa y phục, chắp tay đảnh lễ Phật, đi nhiễu quanh Phật mười vòng rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, Đức Phật liền truyền Đại giới cho Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di. Bà làm Tỳ-kheo ni phụng hành pháp luật, liền chứng đạt đạo A-la-hán, lại thấy được nguồn gốc của sanh tử, thấy rõ chân lý, mắt có thể nhìn thấu triệt, tai có thể nghe thông suốt, mũi có thể đạt hơi thở Thiền (tỉnh thức), tâm biết được ý nghĩ của người khác, thân có thể bay đi. Sau đó, Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo cùng các Tỳ-kheo ni trưởng lão đến chỗ Đức Phật gặp Hiền giả A Nan, thưa:

- Thưa Hiền giả A-nan! Các Tỳ-kheo ni Trưởng lão này thọ đại giới đã lâu rồi, siêng tu phạm hạnh đã được kiến đế. Thưa Hiền giả! Vì sao lại bảo chúng tôi đảnh lễ Tỳ-kheo nhỏ tuổi mới thọ đại giới?

Hiền giả A-nan nói:

- Hãy đợi một tí! Tôi sẽ thưa điều đó.

Trong giây lát Hiền giả A-nan liền đi vào chỗ Phật cúi đầu đành lễ nơi chân Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo nói: Các Tỳ-kheo ni trưởng lão này tu phạm hạnh đã lâu, đã đạt kiến đế vì sao phải đảnh lễ Tỳ-kheo nhỏ tuổi mới thọ đại giới?

Đức Phật nói:

- Thôi đi! Thôi đi! Này A Nan, phải cẩn thận nơi lời này, không được nói! Chỗ hiểu biết của Thầy rõ ràng là mỏng ít? Thầy còn chưa biết một làm sao có thể biết hai? Sự hiểu biết của Thầy làm sao bằng sự thấy biết đúng như thật của Ta. Nếu không cho người nữ vào đạo của Ta làm Sa-môn, các Phạm chí ngoại đạo và các cư sĩ đều dâng y phục để cúng dường, cung kính đảnh lễ sát đất cầu xin đối với các Sa-môn. Họ đều nói: "Hiền giả tâm nguyện về giới thanh tịnh, kính xin quý vị bước đi trên y phục của chúng con, khiến chúng con trong đêm dài sanh tử có được phước đức, tâm không thể tính kể suy lường, để chúng con đạt được ước

nguyện và được chứng đạt như quý vị". Nếu không cho người nữ vào đạo của Ta làm Sa-môn, mọi người trong thiên hạ đều sẽ dâng tóc trải đất, cúi đầu cung kính, dốc cầu đối với các Sa-môn, đều nói: Hiền giả có các hạnh về giới, văn và tuệ thanh tịnh, xin trải tóc này để quý vị đi, khiến cho chúng con trong cuộc sanh tử thân thể được an ổn, phước đức vô lượng. Nếu không cho người nữ không vào Đạo của Ta làm Sa-môn, thì dân chúng trong thiên hạ đều sẽ cúng dường đầy đủ các y phục, thực phẩm, giường nằm, thuốc men để trị bệnh: "Kính xin các Sa-môn tự đến thọ nhận, khiến cho dân chúng trong nước con không còn khóc than khổ não. Nếu không cho người nữ vào Đạo của Ta làm Sa-môn thì dân chúng trong thiên hạ sẽ phụng sự các vị Sa-môn, như thờ mặt trời, mặt trăng, như phụng thờ thiên thần, vượt trên tất cả các ngoại đạo, Sa-môn cũng thanh tịnh, không thể nhiễm ô, như ngọc Ma ni. Nếu trong nước có Sa-môn thì nước ấy luôn được an ổn hơn các nước khác. Nếu không cho người nữ vào đạo của Ta làm Sa-môn, thì chánh pháp của Phật sẽ trụ ngàn năm, lưu truyền hưng thịnh khắp, khiến tất cả đều được độ thoát. Hôm nay, vì người nữ ở trong giáo pháp của Ta làm Sa-môn, nên tuổi thọ của chánh pháp sẽ suy giảm năm trăm năm. Vì sao? Này A-nan! Vì người nữ có năm điều không được làm Sa-môn. Những gì là năm? Người nữ không được làm Như Lai Chí

chân đẳng chánh giác. Người nữ không được làm Chuyển luân thánh vương. Người nữ không được làm Phạm Thiên vương cõi trời thứ bảy. Người nữ không được làm trời Đế Thích. Người nữ không được làm Ma Vương. Năm điều như vậy, chỉ có bậc trượng phu tôn quý mới làm được, bậc trượng phu mới chứng đắc thành Phật, được làm Chuyển Luân Thánh vương; được làm trời Đế Thích, được làm Ma Vương, được làm Trời Phạm Vương; được làm Vua trong loài người.

Như thế này Hiền giả A-nan! Những người nữ ví như rắn độc, tuy đã bị người bắt giết, đánh ở thân thì nó sống lại ở đầu. Rắn này đã chết, có người thấy, tâm vẫn rất sợ hãi. Người nữ cũng vậy, tuy được làm Sa-môn nhưng tính xấu vẫn còn, tất cả những người nam đều bị họ lay chuyển, vì vậy có thể khiến cho mọi người không chứng đắc đạo.

Phật dạy:

- Người nữ như thế, giả sử làm Sa-môn giữ giới Cụ túc, đến một trăm năm cho tới đã chứng quả A-la-hán cũng phải đảnh lễ Sa-di tám tuổi. Vì sao? Vì Sa-di hoàn toàn cũng có thể chứng đắc A-la-hán, trong thân có thể phát ra nước, lửa, dùng ngón chân đè ngọn núi Tu di thì ba ngàn đại thiên thế giới đều bị chấn động đủ sáu cách. Do vậy, tuy người nữ đã đắc đạo A-la-hán, không thể làm lay động, dù là một cây kim chỉ bằng sợi lông. Vì sao, này Hiền giả A-nan! Người nữ hiện bày sự cao ngạo, dùng

thân bất tịnh mà đòi vượt hơn người nam, vì thế, không thể đắc đạo.

Đức Phật dạy:

- Ngày đêm không học, mắt không nhìn thấy, cử động là phạm tội lỗi, lún sâu dần dần, tự làm mất thể tánh của mình. Những người ấy, đắng cay đã qua mà không khỏi tội bị đọa địa ngục, Thái Sơn, khó có thể chịu nổi. Lúc còn sống không học thì chết phải chìm vào vực sâu, già mà không dừng dâm dục ở đời, hơi thở mà ngưng thì làm gì có được đầy đủ thứ quý cho mình. Chỉ có thể tự sửa lỗi, hối hận, giữ gìn thân chân chánh, đời này hết tội thì đời sau được lại, có của cải không chịu đem bố thí thì đời đời chịu cảnh nghèo khổ, thường bị nhiều bệnh tật, sắc diện vàng vọt, đứng đi, ngồi, nằm đều không yên, mới có thể tự hối một cách chân thật, sâu xa. Hôm nay đã được vào trong pháp luật của Ta, được thân người trọn vẹn, vô số kiếp sau cũng được như vậy.

Bấy giờ Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo cùng các Tỳ-kheo ni trưởng lão nghe Đức Phật giảng nói như vậy, đều rất lo buồn, không vui, nước mắt như mưa, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật, thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Người nữ như thế là không thể độ được chăng?

Đức Phật bảo:

- Nếu người nữ làm Sa-môn, tinh tấn giữ gìn

giới luật đầy đủ, không thiếu sót, không bị phạm dù một mảy may như sợi tóc, đời hiện tại sẽ chuyển hóa thành thân người nam, liền đạt được vô lượng công đức, mau chóng đắc thành Phật, không còn chướng ngại, làm gì cũng được tùy ý, nếu đã mong cầu có thể đạt được.

Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di lại thưa Phật:

- Người nữ không thể so sánh được chăng? Phật dạy:

- Có vào thời Phật quá khứ, có người nữ đem hoa bằng vàng rải trên Phật, Phật liền thọ ký, trải qua Hằng hà sa số kiếp sau sẽ được thành Phật, hiệu là Phật Kim Hoa. Người nữ đó tên là Ưu bà di Hằng Kiệt, được thọ ký rồi nên rất vui vẻ, bay giữa hư không, hóa thành thân người nam. Lúc đó, Ta đang ngồi trên năm cánh hoa sen của tòa đức Phật ấy, đức Phật ấy cũng thọ ký cho ta, vô số kiếp về sau sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Văn, chính là thân Ta hôm nay. Khi Ta thành Phật Thích Ca Văn. Ưu bà di Hằng Kiệt sanh vào nước của Ta, làm thân người nữ, hiệu là Tu Ma Đề. Ai có thể xứng đáng đối với trí tuệ này? Đó là Văn Thù Sư Lợi ứng hiệu, hóa thành người nam, làm Sa-di tám tuổi. Đã rõ ràng như vậy, nên hãy siêng năng tinh tấn để có thể đạt đến đạo Chánh chân Vô thượng.

Đức Phật nói:

- Lại còn sáng rõ hơn nơi đức Phật Ca Diếp ở quá khứ. Nhà vua có bảy người con gái, từ nhỏ đến lớn, không thích trang sức, sáu tình đoạn dứt, không còn các dục cấu uế, thực hành pháp quán sát thây người chết, phân biệt những thứ xấu ác trong thân, lo buồn không vui, thấu suốt đến Phạm Thiên.

Khi ấy, Thích Đề Hoàn Nhân đến thăm hỏi:

- "Muốn cầu nguyện gì, tôi đều có thể đáp ứng".

Bấy giờ, bảy người nữ đều nói ra ước nguyện của mình chính là nguyện về Đại thừa không thể nghĩ bàn. Lúc đó, Thích Đề Hoàn Nhân không thể đáp ứng được nguyện này.

Thiên thần nói: "Đức Phật Ca Diếp ở gần đây, hãy đến đó để thưa hỏi". Bảy người nữ liền cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật. Thích Đề Hoàn Nhân chắp tay thưa Phật:

- "Nguyện của bảy người nữ như vậy, con không thể đáp ứng được, xin Phật khai mở chỉ bày khiến cho họ được an ổn".

Đức Phật dạy:

- "Khi bảy người nữ này còn ở đời Phật quá khứ, đời đời họ đã tạo công đức. Hôm nay được sanh vào nhà quốc vương, sẽ được thọ ký. A-la-hán, Phật Bích Chi còn không thể biết được, huống là chư Thiên, Đế Thích".

Lúc này, bảy người nữ hết sức vui mừng, bay

lên giữa hư không hóa thành thân người nam, đời sau cũng sẽ được thọ ký sẽ được thành Phật.

Hôm nay, đoàn của Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo thường thực hành đại từ đại bi, đời sau cũng sẽ thành người nam, được thọ ký thành Phật.

Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo nghe đức Phật nói lời này, cúi đầu đảnh lễ sát đất, rồi lui ra.

-oOo-

KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỲ KHEO NI

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đại Ái Đạo và các Tỳ-kheo ni trưởng lão, nói với Hiền giả A-nan:

- Đức Phật đã thọ ký cho chúng ta như vậy rồi xin đức Phật truyền trao pháp luật cho chúng tôi, vào ra trong phòng, bước đi oai nghi, nơi chốn dừng ở, pháp nhận sự thỉnh nhận cúng dường thức ăn của đàn việt, tuệ nhập vào thiền định, những giới lớn, nhỏ chúng tôi đều ưa muốn nghe và sẽ phụng hành.

Hiền giả A-nan nói:

- Hãy đợi giây lát để tôi vào trong thưa.

A-nan đi vào chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật rồi thưa:

- Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di cùng các Tỳ-kheo ni trưởng lão nói: "Đức Phật đã thọ ký cho chúng con rồi, vì ân đức vô lượng, xin Phật truyền trao pháp luật cho chúng con, ra vào trong phòng, đi đứng có phép tắc oai nghi, nơi chốn dừng ở, pháp nhận sự thỉnh mời ăn của đàn việt, tuệ nhập vào thiền định, các giới lớn, nhỏ đều nguyện ưa muốn nghe và sẽ phụng hành".

Phật bảo:

- Này A-nan! Pháp luật này rất quan trọng, rất khó! Người có thể hành trì thì tự nhiên trở thành thân người nam, có thể thành Phật.

Hiền giả A-nan liền đi ra, nói với Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo:

- Đức Phật nói pháp luật ấy rất quan trọng, rất khó, rất khó! Nếu hành trì thì mau thành người nam, có thể thành Phật.

Đại Ái Đạo vui mừng, liền đảnh lễ Hiền giả A-nan rồi lui ra. Đức Phật bảo Tỳ-kheo ni:

- Xuất gia cầu đạo, diệt trừ các dâm: ấm khí đã dứt, đã dõng mãnh, tinh tấn tạo lập Đại thừa, tu tập đạo đức, tinh tấn thọ trì giới của Phật, đi như Phật đi, đứng như Phật đứng, nhìn như Phật nhìn, không có hư ngụy, dứt trừ lưới thế tục, tu hành tinh tấn chơn chánh, gắng hết sức của thân người nữ để thọ nhận ý chí như kim cương, tạo phước một ngày thì được vô lượng công đức, không tự ý trau chuốt đẹp đẽ, sửa sang sắc đẹp làm mê hoặc người nam, tự trói buộc tội, chìm trong sanh tử, không nghĩ đạo pháp, chuyên tạo tội lỗi, hãy suy nghĩ kỷ đừng nên dâm dật, tích chứa công đức có thể được thân trọn vẹn. Đó là pháp căn bản để tạo lập công đức của Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni đã xuất gia vào chánh pháp, phải thực hành đúng như pháp, phải tạo lập công đức

đúng như pháp, lập chí đúng như pháp, lập hạnh đúng như pháp, dứt trừ tình dục, tâm ý thường thanh tịnh, diệt trừ mê hoặc, thể nhập giáo pháp vi diệu sâu xa, trở về với pháp lớn, hoặc có thể tự phân biệt được nguồn gốc, của Bổn tế, cắt đứt hoàn toàn các sắc dục. Đó gọi là căn bản của việc tạo lập pháp nơi Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni đã xuất gia lập chí, trừ bỏ tật xấu, thường tự hổ thẹn, vì tội lỗi phải bị thọ thân người nữ, không được tự ý làm mê hoặc mọi người, nếu muốn phá hoại tâm Đạo thì sẽ bị luân hồi trong sanh tử, thọ nhận các tội; phải tự xét tánh xấu, không khỏi họa khổ này, nhân đó nhổ bật gốc rễ tội lỗi, dốc cầu thể tánh kim Cang, trừ bỏ hẳn thân người nữ, cầu được trí thanh tịnh. Cho nên xuất gia tu hành làm Sa-môn, dứt trừ các tội ác, xa lìa hoạn nạn. Đó là căn bản để tạo lập công đức của Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni đã thọ giới Cụ túc, có ba pháp: Những gì là ba: Một là thường cúng dường chư Phật, không được biếng nhác mệt mỏi, luôn dùng tâm đại từ, đại bi cứu vớt chúng sanh. Hai là thường cung kính thuận theo pháp, thực hành oai nghi tế hạnh, lời nói ngay thẳng, thành thật rõ ràng, nương theo pháp luật, không còn kiêu mạn. Ba là luôn đối với Tỳ-kheo tăng cung kính xem như Phật, chí tâm cung kính như là Tam Bảo. Cung kính như vậy sẽ đắc đạo, hoàn toàn xa lìa phiền

não, không bị đọa nơi ba đường ác, tự nhiên sanh Thiên, luôn luôn lìa dục được phước đức hoàn toàn an vui. Đó là căn bản để tạo lập công đức của Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni thọ giới Cụ túc, có ba việc. Những gì là ba? Một là tự suy nghĩ về sự không thanh tịnh của thân nữ. Hai là tự nghĩ do đa dục làm mê hoặc tất cả mọi người, đều làm cho tâm tán loạn. Ba là tự suy nghĩ về tâm tánh buông lung làm nhiễu loạn chánh pháp, khiến cho hủy hoại, tự cho mình là người xinh đẹp vô song trong thiên hạ, không biết tội lỗi sắp trói buộc nơi thân. Đó là sự quán sát về nguồn gốc các dục của Tỳ-kheo ni.

Nếu Tỳ-kheo ni nhận lời đàn-việt mời thọ trai phải thực hành đúng như pháp, phải ăn đúng như pháp, có ba việc: Một là, không được cùng ngồi trong hội ăn với Tỳ-kheo tăng. Hai là không được cùng ngồi trong hội ăn với Ưu-bà-tắc. Ba là không được tham lấy thức ăn cho Ưu- bà-tắc trẻ tuổi ăn. Đó là pháp thọ thực của Tỳ-kheo ni.

Nếu Tỳ-kheo ni được đàn-việt mời thọ trai, không được nhận lời mời cách đêm. Vì sao? Vì có cách đêm sẽ khởi tư tưởng về đêm. Nhận lời mời phải đi liền, không được để lâu, nếu quá một giờ thì không nên đi, người đi trái thời là phạm tội ăn trộm, là phạm pháp cấm, chẳng phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Nếu Tỳ-kheo ni đi đến nhà đàn-việt, phải cùng nhau đi theo thứ tự lớn nhỏ, phải cúi đầu đi thẳng, không được liếc ngó hai bên và cười giỡn lúc đi, luôn phải đi thẳng. Nếu trên đường đi gặp Tỳ-kheo lớn hoặc là Sa-di phải xem bình đẳng, đều phải đảnh lễ rồi mới đi. Không được ngắm nhìn sắc đẹp, nếu nhìn sắc đẹp thì tâm không thanh tịnh. Cũng không được hỏi han chỗ ở, muốn đến chỗ nào, nếu thăm hỏi thì chắc chắn có tình ý khởi lên. Vì sao? Vì dùng tâm, ý, thức để nhớ nghĩ, tuy không được kết bạn nhưng tâm ấy vẫn tán loạn. Chính vì vậy cả hai đều bị đọa, nếu phạm chẳng phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Nếu Tỳ-kheo ni nhận lời đàn-việt mời thọ trai, trước hết phải giữ tâm thanh tịnh, không có phiền não, tĩnh tu trai giới, không thiếu sót một mảy may nhỏ, tâm luôn tư duy về kinh Đạo, không được biếng nhác, phải tự thanh lọc tâm không có tâm sanh diệt, luôn có tâm Từ, không nên giận dữ. Đó là Tỳ-kheo ni vì thực hành đại từ mà thọ thực, nếu phạm thì không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Nếu Tỳ-kheo ni nhận lời đàn-việt mời thọ trai nên ăn đúng như pháp, nếu đùng thời thì nên ăn. Từ Thượng tọa nên bảo các hạ tọa đều đứng dậy, kêu đàn việt đến thắp hương xong, lễ Phật ba lần rồi trở về chỗ ngồi. Đàn-việt dâng khăn lau tay rồi dâng thức ăn, tất cả đều phải bình đẳng chú nguyện mà ăn, không được ăn ra tiếng, không được liếc

nhìn hai bên, không được ngậm cơm giỡn cười, không được ngậm cơm nói chuyện. Nếu phạm không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni thọ thực nơi nhà đàn-việt rồi Thượng tọa phải dạy cho hạ tọa đi ra rửa tay, súc miệng xong trở lại chỗ ngồi, đều nói một bài kệ xong mới từ giã ra về. Khi đi phải cúi đầu nhìn xuống đất, không nhìn trước quá ba thước, miệng tụng chú nguyện, từ từ thanh thản mà đi. Không được leo trên đất mà đi, không được nhảy trên đất mà đi, không được chụm hai chân nhảy mà đi, không được đi một chân, không được lắc đầu mà đi, không được lắc mình mà đi, không được vừa đi vừa lắc hai tay, không được vừa đi vừa lắc mông, không được đi nghiêng mình, không được vừa đi vừa nói cười, không được vừa đi vừa nói chuyện với người nam, không được vừa đi vừa cười với người nam, đi phải như Phật đi, đứng phải như Phật đứng, nhìn phải nhìn như Phật, nói phải nói như Phật, không được giở chân cao mà đi, không được đi nhanh, không được đi lâu, không được đi mà kéo lê, đi phải giở chân lên cách đất ba tấc rưỡi, nên đi ba tấc một bước. Trở về tháp, chùa phải lễ Phật, đảnh lễ Phật rồi trở về phòng, đảnh lễ kinh tượng, tự sám hối những việc xấu bất tịnh: "Hôm nay đã ăn thức ăn của nhà đàn việt kia, nguyện cho mọi người và phi nhân trong thiên hạ khắp mười phương không còn tánh xấu của người nữ, nhà đàn-

việt đời hiện tại được an ổn, mau được thành Phật, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẽ đẹp, đầy đủ mười Lực, tất cả chúng sanh trong mười phương đều được cứu độ, được phước vô lượng, phát tâm Đại thừa chánh đẳng giác". Phát nguyện như vậy, mới gọi là Tỳ-kheo ni. Nếu phạm, chẳng phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni thọ thức ăn ở nhà đàn-việt xong, trở về phòng, tĩnh tu kiểm đức, học sáu pháp Ba la mật, cùng nhau sách tấn dứt hẳn dục tình, không có nhiễm ô, tâm luôn rỗng lặng, không còn trói buộc, chí thanh tịnh như vậy, có thể mau chứng đắc đạo quả, nếu không có ai thỉnh mời, tự mình làm thức ăn cũng không lo sợ. Ngày nay, không ăn không phải đạo thì không nói, không ăn phi thời, không ăn sau giờ ngọ, không được đi vào trong chợ, sau giờ ngọ không được ăn lại, ở trong phòng kín đáo phải kinh hành đúng như pháp. Nếu phạm những điều ấy, chẳng phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni vào phòng có mười ba pháp? Những gì là mười ba pháp: Một là thường tự suy nghĩ về sự xấu bất tịnh, mê hoặc mọi người, là gốc trói buộc tội, không thể tránh khỏi. Hai là thường tự suy nghĩ về lỗi lầm xấu ác không thể tự trở lại. Ba là thường suy nghĩ về nguồn gốc tạo tội, sâu xa không thể tự thoát ra. Bốn là thường tự nghĩ về mình tâm tánh nhiều dâm dục, không thể tự thanh tịnh. Năm là thường tự suy nghĩ về dâm dục làm

tán loạn tâm đạo thanh tịnh, không thể tự dứt. Sáu là thường tự suy nghĩ về sự phá hoại tâm đạo, không thể xa lìa. Bảy là thường tự suy nghĩ về tâm đa dục, như thuyền đi trên sông chở nhiều người, bất ngờ bị lật chìm trong nước, mọi người bị chết không thể an toàn; tám là thường phải suy nghĩ về miệng lưỡi ngọt ngào là mê hoặc tâm người, tâm tán loạn, ý mê mờ, không còn nhìn thấy gì. Chín là luôn phải suy nghĩ về thân thể là cái túi gấm nhiều màu, dùng đựng đồ xú uế nhưng bên ngoài rất đẹp đẽ, người thích nó, gần nó chắc chắn bị nhiễm ô, bất tịnh chảy tràn hôi thối không thể chịu nổi. Mười là phải suy nghĩ về tánh xấu ưa đẹp, sửa soạn dáng dấp yêu kiều, tự cao ngạo, muốn làm loạn động tâm người khác. Mười một là luôn tự nghĩ mình có tật xấu ưa tỏ ra yếu ớt, để mong được người thương xót, không thể tự dừng. Mười hai là thường phải suy nghĩ về việc thọ thân người nữ bị tánh tham dục ràng buộc nên không thể tự giải thoát. Mười ba là luôn phải suy nghĩ do tánh xấu ưa nhờ cậy, hiển bày bất tịnh nên không thể tự hiểu rõ. Đó là mười ba pháp khi vào phòng.

Trốn tránh việc làm thật sự là tội rất lớn, nếu có người nữ dũng mãnh sách tấn, quán sát về Dục cũng không lìa được, chỉ có bậc Kiến Đế, tư duy sâu xa mới có thể đoạn trừ dục, tự mình dứt sạch, thực hành đạo, thực hành giới, nương vào pháp luật oai nghi để an vui, nói đúng oai nghi, có thể sớm

làm được thân người nam. Thức từ đời trước nên còn, cộng thêm sự khuyến giúp chấm dứt các tư tưởng, có thể đạt được đạo Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi. Nếu không thủ chứng, thì trong vô số kiếp cũng sẽ được thành Phật.

Tỳ-kheo ni vào phòng có bốn pháp. Những gì là bốn: Một là phải tự điều phục tâm, tâm không sanh diệt, chú tâm nơi đạo: Hai là phải xem xét tâm mình, luôn giữ thúc tâm, tu tập chí hướng nơi pháp: Ba là phải tự nghĩ mình có căn tánh xấu, muốn diệt trừ tâm xấu ác, tâm không buông lung hạn chế việc ngủ nghỉ, siêng năng, sách tấn tu thân không nên cao ngạo, tự ngăn chặn giữ gìn: Bốn là phải tạo lập giới pháp, khiến cho mọi người an vui, không nương tựa và chấp thủ giáo pháp của Phật để buông lung tâm mình, tham đắm sắc dục, mê hoặc các đạo sĩ thanh tịnh, hoặc trang điểm đẹp đẹp để mong cầu danh tiếng, khiến cho người bị đọa đày, gặp phải tai họa. Phải tự cẩn thận, tự hộ trì, đạt được an lạc lớn. Nếu phạm điều này, không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Pháp Tỳ-kheo ni vào phòng có bốn việc. Những gì là bốn? Một là phải cúi đầu đi về phía trước, không được nhìn ngó hai bên có đối tượng so sánh: Hai là không được khạc nhổ trên đất sạch cùng bốn vách tường trong phòng. Ba là không được nằm sải chân trên giường, không được nằm sát mép giường, không được nằm phục xuống trên

giường, không được nằm bẹp trên giường: Bốn là không được đứng dựa lưng vào tường, không được đứng quay lưng vào kinh tượng, không được đứng quay lưng vào lửa. Đó là bốn việc vào nhà của Tỳ-kheo ni, tự xem xét kỹ thì có thể đạt được an nhiên. Nếu phạm những điều ấy không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni vào phòng, có bốn việc. Những gì là bốn? Một là đảnh lễ kinh tượng và sắp xếp gọn gàng trên giường. Hai là ngồi yên suy nghĩ về tâm tánh của mình rất nhiều điều đáng hổ thẹn. Ba là phải tụng kinh, tu hành, không được biếng nhác, phải luôn luôn đoạn trừ các tà niệm. Bốn là im lặng giữ gìn thân, miệng, ý như vậy, luôn nghĩ đến việc từ bỏ tai họa của thân nữ xấu ác này. Đó là bốn pháp, nếu phạm những điều này, không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni vào phòng lại có bốn việc. Những gì là bốn? Một là luôn ngồi ngay thẳng, không được nằm dựa nhìn ra. Hai là phải im lặng tĩnh tâm nhớ nghĩ về Kinh điển. Ba là phải hộ trì mắt, mũi, tai, miệng, thân và ý đặt tâm trong hư không. Bốn là phải kiên cố tự giữ gìn, không được buông lung tâm ý, đang nằm liền ngồi dậy, giở áo ra gãi, để lộ thân thể và các cấu uế bất tịnh, khiến cho quỷ thấy, nếu để thần nhìn thấy họ sẽ không kính lễ. Đó là bốn điều, nếu phạm bốn pháp này, không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni vào phòng có bốn việc. Những gì là bốn? Một là phải nhìn thẳng phía trước, tâm ngay thẳng, không nghĩ điều tà vạy. Hai là phải ngồi ngay thẳng, không được lắc thân thể, không được lắc đầu lắc tay, không được lắc chân. Nếu lắc thân, tâm động chắc chắn khởi dục tình. Ba là phải giữ ý chí, giữ mắt, giữ tai, giữ mũi, giữ miệng, giữ thân, giữ ý, giữ tâm, giữ tám điều này có thể đạt đến đạo quả. Bốn là không được cùng với đám bạn bè kêu nhau, cười giỡn bàn luận, nói việc không cần thiết của thế gian, nói nhỏ cười lớn làm loạn động tâm đạo thanh tịnh, thường phải luôn tự trọng, không vọng động ra khỏi cửa ba thước, thì tội từ đâu mà có! Nếu phạm những điều này chẳng phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni ra khỏi phòng, đi đại tiểu tiện phải lắc chuông báo cho thầy biết, liền sai hai vị Sa-di-ni đến sửa y phục, giữ áo cà sa. Khi đi ra khỏi phải đảnh lễ thầy mới đi, đi không được chậm. Đi đến chỗ thầy, không được thiếu sót, đảnh lễ thầy rồi lui ra, về đến nơi phải khảy móng tay ba lần. Sa-di-ni đến chỗ Thầy ngồi phải đi kinh hành. Đó là pháp ra khỏi phòng của Tỳ-kheo ni, nếu phạm những điều này thì không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni sau khi ra khỏi nhà, có mười việc: Một là muốn đại tiểu tiện phải đi liền, không được tự chịu khó tích chứa trong thân. Hai là khi đi đại tiểu tiện, không được liếc ngó hai bên và tự nhìn

thân mình. Ba là khi đi đến nhà xí, phải khảy móng tay ba lần. Bốn là trước hết phải hỏi Sa-di-ni: "Ở đây không có người phải không?" Sa-di-ni nói "không" thì mới đi tới, nếu có người thì không được đến hối thúc. Năm là đã vào nhà xí, phải khảy móng tay ba lần, đi đại tiểu tiện xong, lại khảy móng tay ba lần mới đi xuống. Sáu là không được khạc nhổ to tiếng. Bảy là không được cúi đầu xuống ngắm chỗ kín của mình. Tám là không được ngắm nghía đào đất trên nhà xí. Chín là không được đem nước rửa tạt vào vách tường. Mười là đã rửa tay, tay chưa ráo thì không được cầm đồ vật. Nếu phạm những điều trên thì không đúng pháp.

Tỳ-kheo ni nếu đi tiểu tiện xong phải rửa tay, súc miệng xong mới đảnh lễ kinh tượng, tự mình sám hối và đảnh lễ giường tòa, rồi trở về chỗ ngồi kinh hành, suy nghĩ tra cứu nghĩa lý cốt yếu đúng như pháp, tự mình thực hành. Nếu phạm những điều trên thì không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Tỳ-kheo ni ra khỏi phòng có ba việc nên ra: Những gì là ba: Một là đến chỗ Thầy để thọ học kinh điển. Hai là nếu có người muốn đến xin gặp, được thầy cho phép, phải di ra đảnh lễ thầy rồi mới được gặp, không được cách xa thầy hai trượng, ba là thọ trai xong phải đứng dậy, đảnh lễ thầy. Đó là ba việc nên ra khỏi phòng, nếu phạm thì không phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Pháp ra khỏi phòng của Tỳ-kheo ni, có ba việc.

Những gì là ba: Một là ra khỏi cửa, phải cúi đầu đi thẳng, không được ngước đầu nhìn ngó bốn phía. Hai là phải im lặng mà đi, không được tự ý khạc nhổ to tiếng. Ba là phải thong thả đi ra, phải biết tự hổ thẹn "Mình thọ thân nữ xấu ác, bất tịnh, bị tâm dục và oán thù khiến lo chán, khổ đau. Người nữ như vậy rất khó tu tập". Nếu phạm thì chẳng phải là Hiền giả Tỳ-kheo ni.

Đã nói pháp ra vào phòng có ba mươi chín việc. Như ban đầu, từ tháng này đến tháng nọ, thọ trì giới pháp không để sai sót, im lặng hành trì, theo thứ tự giảng nói mà phụng hành, khiến cho người mau chứng đắc Đạo.

Hiền giả A-nan chắp tay quỳ gối ở trước Phật, thưa:

- Đức Phật đã giảng nói pháp luật cho Tỳ-kheo ni đều đã đầy đủ. Các vị ấy đều được độ, e sau khi Phật nhập Niết bàn, nếu có người nữ làm Sa-môn, thì Tỳ-kheo ni có thể làm thầy được không?

Đức Phật nói:

- Này A-nan! Nếu Tỳ-kheo ni trưởng lão đầy đủ giới pháp cũng có thể được, nhưng phải do Tỳ-kheo tăng, nếu Tăng chúng chấp nhận nhưng chỉ một Tỳ-kheo không bằng lòng thì không được làm Sa-môn.

Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

- Nếu như vậy, phải được Tỳ-kheo Tăng chấp

nhận mới thành Sa- môn nữ phải không?

Đức Phật nói:

- Đúng vậy! Này A-nan! Vì sao? Vì người nữ phần nhiều buông lung, chỉ muốn mê đắm theo các sắc, muốn nuôi nhiều đệ tử mà không muốn học hỏi, chỉ biết việc trong giây lát, nên phải nhờ Tỳ-kheo Tăng.

Hiền giả A-nan thưa Phật:

- Phải tôn Tỳ-kheo làm thầy hay sao?" Phật dạy:

- Không phải. Phải tôn đại Tỳ-kheo ni làm thầy, nếu không có Tỳ-kheo ni, thì Tỳ-kheo tặng có thể nhận.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

- Xin đức Phật giảng nói Sa-môn nữ bao nhiêu tuổi mới được thọ đại giới, bao nhiêu tuổi hạ mới làm thầy của Sa-di-ni, bao nhiêu tuổi hạ mới làm Hòa thượng của Sa-di-ni, bao nhiêu tuổi hạ mới được làm Tiểu A xà lê, bao nhiêu tuổi hạ mới được làm đại A Xà Lê, bao nhiêu tuổi hạ mới được làm Hòa thượng, bao nhiêu tuổi hạ mới được nhận lời đàn việt mời thọ trai, được làm chỗ ở và được ở trong chùa, tháp?

Đức Phật dạy:

- Này A-nan! Ông đã thưa hỏi rất nhiều điều sâu xa về sự hóa độ.

Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ giảng nói

đầy đủ cho ông.

Hiền giả A-nan thưa:

- Con xin lắng nghe, lãnh thọ và ghi nhớ kỹ.

Bấy giờ, Tôn giả A Nan, các Tỳ-kheo ni trưởng lão và Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di, tất cả Tỳ-kheo ni đều một lòng chắp tay lắng nghe.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

- Đã nhận người nữ cho làm Sa-môn, nhờ nhân duyên đó, đời sau cũng có người nữ làm Sa-môn. Hôm nay Ta sẽ vì ông giảng nói pháp Sa-di-ni, để chỉ dạy truyền trao cho những người mới phát tâm ở đời vị lai muốn làm Sa-môn phải suy nghĩ đến việc vượt thoát các Dục, xa lìa tội lỗi, phải đủ chúng Tỳ-kheo Tăng gồm năm mươi người, Tỳ-kheo ni ba mươi người, nếu chúng Tỳ-kheo ni không đủ số, thì đến chỗ thầy thỉnh chúng Tỳ-kheo tới ngồi trong hội. Người nữ đảnh lễ rồi, chắp tay đứng lui ra. Thầy bảo người nữ cạo tóc xong, có đủ cà sa, giày dép, thì trao mười giới làm Sa-di-ni, xong phải đảnh lễ chúng Tăng, không được cách chúng, phải ở gần thầy, tuổi đủ bảy mươi mới gọi là đầy đủ. Tỳ-kheo ni thọ giới Cụ túc năm năm, mới được làm A xà lê cho Sa-di-ni.

Tỳ-kheo ni thọ giới Cụ túc mười năm, mới làm Hòa thượng cho Sa-di-ni.

Tỳ-kheo ni thọ giới Cụ túc mười năm, mới đầy đủ giới đức để làm thầy A xà lê về oai nghi.

Tỳ-kheo ni thọ giới Cụ túc mười lăm năm, mới đầy đủ giới đức, làm đại A xà lê.

Tỳ-kheo ni thọ giới Cụ túc hai mươi năm, mới đầy đủ giới đức, làm Hòa thượng.

Đức Phật dạy:

- Giả sử Tỳ-kheo ni tuổi hơn bảy mươi, có ngần ấy việc không được thọ giới Cụ túc. Những gì là có ngần ấy việc không được thọ giới Cụ túc? Tình dục chưa đoạn dứt, không được thọ giới Cụ túc; ưa thích giận dữ, không được thọ giới Cụ túc; còn ham đi lại, không được thọ giới Cụ túc; ưa thích ăn uống ngon, không được thọ giới Cụ túc; ưa thích cao ngạo, gọi to nói lớn, không được thọ giới Cụ túc. Có thể tự giữ gìn đúng như pháp luật, mau được chuyển thân thành người nam và sẽ được thành Phật.

Hiền giả A-nan lại hỏi:

- Như vậy là rất khó. Đức Phật nói:

- Không khó. Chính là người nữ tự làm chướng ngại. Hiền giả A-nan lại thưa đức Phật:

- Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo Kiều Đàm Di có ý chí như vậy, có thể ở bên gốc cây trong núi, ở trong hang đá không? Hay là nên ở chốn gò mả, ở trong nhân gian hoặc ở chốn chùa chiền? Nên nhận lời thọ trai ở nhà đàn-việt không? Nên chữa trị tất cả bệnh cho mọi người không? Kính xin đức Phật giảng nói tất cả những điều cốt yếu ấy khiến tạo

được gốc của sanh tử, khiến chúng sanh đời sau đều được nghe biết việc thành lập pháp lớn như khi Phật còn ở đời, tất cả đều được hóa độ.

Đức Phật bảo:

- Này A-nan! Lại có mười hai nhân duyên, hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ! Như Lai sẽ nói đầy đủ cho ông, hãy khéo giữ gìn trong tâm. Nếu Tỳ-kheo ni, dựa cậy vào giáo pháp của ta, do đó, không thể tự hoàn thiện, hoặc ở nơi gốc cây, trong núi, cây liền khô chết, hoặc ở trong hang đá, toàn bộ đá đều cháy rụi, cây cỏ khô cháy, cầm thú đói khát, nước suối cạn kiệt, các ma làm nhiễu loạn. Nếu ở trong rừng sâu, các cây đều không ra quả. Nếu ở trong gò mả, chết chóc càng khác nhau, trời đất bị loạn động. Nếu ở trong nhân gian, cõi nước không an ổn, giặc cướp lộng hành, binh lính không buông khí giới, dân chúng kêu la, đều bị đói khổ. Nếu ở trong chùa, khiến các Sa-môn mê hoặc nơi sắc, tham lam tiền của, uống rượu ăn thịt, thân mặc lụa là phô bày đẹp đẽ, tạo điều tà vạy, trau chuốt, quên mất kinh đạo lại khinh chê rồi gây, phiền phức lẫn nhau. Nếu nhận thức ăn của đàn-việt mời, thì đàn-việt không được phước đức, lại nhiều bệnh tật, tiền của tiêu hao. Nếu trị bệnh cho người, quỷ thần càng thêm hưng thịnh, tai họa ngày càng tăng. Vì sao? Vì dựa vào hai tội này, người bệnh làm sao khỏi hẳn? Cho nên Tỳ-kheo ni Kiều Đàm Di và các Tỳ-kheo ni vào trong giáo pháp của Ta, làm cho chánh

pháp giảm năm trăm năm. Thế nên, này Hiền giả A-nan! Tội lỗi tai họa do người nữ như vậy, ông hãy nghe và suy xét cho kỹ.

Hiền giả A-nan lại quỳ gối chắp tay bạch Phật:

- Rất đáng kinh sợ, kinh sợ thay! Vì sao? Vì tội của Tỳ-kheo ni lại đến mức như vậy.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Đây là Ta chỉ nói một phần nhỏ. Người nữ có tám vạn bốn ngàn thứ tánh xấu: Bên trong mê hoặc đạo sĩ thanh tịnh, khiến họ bị đọa vào địa ngục, trải qua vô số kiếp không thể thoát khỏi, nhưng tánh xấu bên ngoài thì có tám mươi bốn điều, làm loạn tâm đạo sĩ thanh tịnh, làm cho họ bị các dục mê hoặc, quên mất kinh đạo. Phàm người bị người nữ mê hoặc, đều bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc, sanh.

Bấy giờ, nghe đức Phật nói như vậy, Hiền giả A-nan rất kinh hãi, không nói lời nào, cúi đầu buồn bã, nước mắt như mưa.

Phật bảo A-nan:

- Đừng quá lo sợ! Ta sẽ vì ông mà giảng nói, để ông được hiểu rõ và đạt đến Niết bàn.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

- Nếu Tỳ-kheo ni ở trong hang núi bên gốc cây thì cây liền bị khô chết. Nghĩa là: Người nữ tánh tình buông lung, tối tăm, chỉ lo ngắm nghía má phấn môi son, có ngồi bên gốc cây đi nữa cũng nhớ

không nghĩ gì về đạo, chỉ nghĩ đến việc làm đẹp, để mê hoặc người khác, phá hoại tâm thiện của người, khiến họ điên cuồng quên mất đạo đức, cho nên mới nói: "Cây chết không mọc". Nếu Tỳ-kheo ni ở trong hang núi, toàn bộ đá núi đều khô cháy, cây cối khô héo, cầm thú đói khát, nước suối cạn kiệt, ý nói : Người nữ phần nhiều tâm tánh buông lung, mê hoặc ngu si, không suy nghĩ đến đạo, chỉ nghĩ đến việc dâm dục, tâm không an ổn, kêu la khóc lóc, tỏ vẻ như tha thiết đối với đạo, bên ngoài thì giảng nói nghĩa lý Kinh điển, nhưng trong tâm thì chỉ có tình dục, có dịp thì than thở, đó là sự thấy biết của người ngu. Phàm là người trí thì sẽ hiểu biết sâu xa là người nữ này chẳng nghĩ về đạo lớn, mà chỉ nghĩ về người nam. Cho nên nói là cây cỏ chết cháy, nước suối khô cạn, cây cối không sanh. Nếu Tỳ-kheo ni ở trong chốn rừng sâu thì cầm thú trong rừng ấy ăn thịt lẫn nhau, cỏ cây gai gốc đều chết khô không mọc. Vì sao? Vì người nữ phần nhiều tâm tánh buông lung, chỉ chuyên lo làm đẹp để mê hoặc, từ đứng, ngồi, suy nghĩ đều lo về việc ấy, nếu tâm ý đó khởi lên thì không bao giờ có thể thấy đạo, quên mất sự nghiệp tu hành của mình, bị dục trói buộc. Tâm niệm xấu xa một khi đã khởi lên thì mắt không còn nhìn thấy gì, tất cả các ma thảy đều tạo mọi loạn động, vì vậy nói: "Khiến cho cây cối hoa cỏ khô chết, không mọc được. Nếu Tỳ-kheo ni ở trong gò mả, người chết trong mả đều

ngồi dậy, đánh xô cho cây tùng, cây bách bên mả bị chết khô. Vì sao? Vì người nữ phần nhiều tâm tánh buông lung, không nhớ nghĩ về đạo, chỉ nghĩ đến sắc dục, tâm dục vừa khởi lên, trời đất đều chấn động, quỷ thần, cầm thú thảy đều sợ hãi. Vì thế nên nói: "Cây tùng bách nơi gò mả bị chết, không mọc được".

Nếu Tỳ-kheo ni ở trong nhân gian thì ở nơi cõi nước không an, nhiều giống trùng sâu phá hại sinh ra, trộm cắp khởi lên, binh lính canh gác không ngừng, dân chúng than thở, đều bị đói khát. Vì sao? Vì người nữ tâm tánh phần nhiều dâm dục, tham đắm sắc dục, cấu uế dâm dục, chỉ muốn khiến cho người khác cung phụng mình, không hề nghĩ đến đạo, chỉ nghĩ về hình tướng đẹp xấu của người nam, người nam kia cường tráng, người nam nọ không cường tráng, ban ngày thì cười nói, chiều tối đứng nằm đều suy nghĩ đến việc đó, cho nên bảo: Khiến cho dân chúng nghèo cùng khốn khổ, không được an ổn.

Nếu Tỳ-kheo ni ở chùa riêng, làm cho các Sa-môn mê say các sắc, tham đắm tiền của, vật báu, uống rượu, ăn thịt, thân mặc áo lụa, muốn phô bày làm đẹp, lo trau chuốt, làm điều tà vạy quên mất kinh đạo, lại chê bai nhau, gây phiền não cho nhau. Vì sao? Vì người nữ phần nhiều tâm tánh buông lung, cũng không tụng kinh hành đạo, chỉ giả nói tiếng nhỏ nhẹ để mê hoặc người nam, khiến cho

tâm họ loạn động, vì họ chưa đắc đạo nên tâm ý bị rối loạn. Lại cùng dòm ngó những điều xấu của nhau, xem những điều đó thì thấy rõ tất cả, tâm lại vui thích, tham lợi một giờ, liền bị đọa vào nẻo sanh tử, trong mười lăm kiếp sẽ làm huỳnh môn, vì vậy nói: "Làm cho Tỳ-kheo ghét nhau".

Nếu Tỳ-kheo ni nhận thức ăn của đàn-việt mời, thì đàn việt không được phước đức, tiền của càng ngày hết, lại bị nhiều bệnh tật. Vì sao? Vì người nữ phần nhiều tâm tánh buông lung, ăn không đúng như pháp, chỉ tự ý làm, muốn cho người nhìn thấy, cũng không để ý về mùi vị thức ăn, chỉ lo nghĩ nơi hình tướng đó có vợ hay là chưa có vợ? Vì vậy, đàn việt muốn bố thí làm phước mà càng tăng thêm tội. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ni ăn không đúng như pháp, chỉ ăn bằng tâm dục, nên khiến cho đàn việt không được an ổn. Nếu Tỳ-kheo ni trị bệnh cho người khác thì không qua khỏi, khiến cho quỷ thần càng hưng thịnh, tai họa cũng ngày càng tăng thêm. Vì sao? Vì người nữ phần nhiều buông lung, tâm không thể tự mình ngay thẳng, làm sao có thể làm cho tâm người khác ngay thẳng? Mình không thể tự độ làm gì độ được người khác. Mình ở trong tội lỗi làm gì giải tội cho người khác được. Vì sao? Vì nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, do vậy, không thể trị khỏi bệnh cho người, lại khiến cho quỷ thần rối loạn.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

- Trong giáo pháp của Ta hôm nay có Tỳ-kheo ni, sẽ bị giảm tuổi thọ năm trăm năm. Sau khi Ta nhập Niết bàn, sẽ có ba ngàn Tỳ-kheo ni và một ngàn tám trăm Tỳ-kheo, phụng giữ pháp luật này, đều là bậc A-la-hán. Đời sau sẽ có tám vạn Tỳ-kheo ni, trong đó có bảy trăm sáu mươi Tỳ-kheo ni đều là bậc A-la-hán, giữ gìn pháp luật ấy, các vị còn lại sẽ phụng trì pháp luật ấy một trăm ba mươi kiếp về sau, đều là bậc A-la-hán.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan hỏi đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tỳ-kheo ni phải thực hành như thế nào để đắc Đạo, phải dùng pháp gì để thực hành?

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

- Phàm trong thiên hạ, dâm dục cấu uế rất nặng, nếu có thể đoạn trừ tâm tánh này thì có thể đắc đạo. Thân người nữ ví như ngọc báu, hình ấy rất đẹp không được đứng nhìn lâu, vì như vậy sẽ mê loạn đạo đức, bỏ mất thân người. Vì sao? Vì muốn có được viên ngọc quý phải vào trong biển cả, tìm kiếm không ngừng, thân chết rất mau. Người nữ cầu đạo, chỉ do tám mươi bốn tâm tánh xấu, trở lại tự trói buộc thân. Người rơi vào trong tám mươi bốn điều ấy như chìm nơi biển sâu, chắc chắn bị chết đuối. Nếu có thể dứt trừ tám mươi bốn điều này thì liền đắc A-la-hán.

Hiền giả A-nan chắp tay quỳ gối thưa đức Phật:

- Những gì là tám mươi bốn tánh xấu khiến cho người không chứng được đạo, xin đức Phật dùng oai thần giảng nói, hiện oai đức đáng kính để chúng con được nghe hiểu, tin nhận ưa thích nghĩa lý ấy, suốt ngày tu tập thấu tỏ, thoát khỏi tội lỗi, đạt được chánh chơn và đều được an vui, vào đời vị lai đều được tỏ ngộ.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

- Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói đầy đủ. Này A-nan! Hãy lắng nghe và phụng trì, Ta vì các Tỳ-kheo ni đời quá khứ, vị lai và hiện tại mà giảng nói pháp cốt yếu, khiến họ phụng trì. Nếu ai thực hành đúng như pháp thì sẽ mau đắc đạo.

Đức Phật nói:

- Người nữ có tám mươi bốn điều xấu, làm mê hoặc người khác, khiến họ không đắc đạo. Những gì là tám mươi bốn điều xấu? Một là người nữ ưa thích trang điểm sắc đẹp. Hai là người nữ ưa thích chải tóc mượt mà. Ba là người nữ ưa thích son phấn để mê hoặc người nam. Bốn là người nữ ưa thích việc nhỏ nhen, dòm ngó. Năm là người nữ thích môi son, má phấn. Sáu là người nữ thích đeo hoa tai. Bảy là người nữ thích đeo chuỗi anh lạc bằng vàng ngọc ở cổ. Tám là người nữ thích mặc áo lụa là quý giá. Chín là người nữ thích mang giày. Mười là người nữ thích đi mà vung tay. Mười một là

người nữ thích liếc ngó. Mười hai là người nữ thích nhìn trộm. Mười ba là người nữ muốn nhìn người, thấy họ rồi đi lùi lại. Mười bốn là người nữ thấy người nam đi muốn nhìn sau lưng họ. Mười lăm là người nữ muốn người nam, nhìn thấy lại cúi đầu không nói. Mười sáu là người nữ thích đi lắc đầu, lắc mình. Mười bảy là người nữ khi ngồi thích lắc đầu lắc mình. Mười tám là người nữ thích ngồi cúi đầu, mân mê móng tay. Mười chín là người nữ thích ngồi vừa nói vừa cười mỉm. Hai mươi là là người nữ thích nói tiếng nhỏ nhẹ êm ái. Hai mươi mốt là người nữ thích sờ hai mí mắt. Hai mươi hai là người nữ ưa ngồi lớn tiếng mắng chó mèo. Hai mươi ba là người nữ thấy người nam đến, bên ngoài tỏ ra rất giận dữ, nhưng trong lòng thì vui mừng. Hai mươi bốn là người nữ cao ngạo, tự đại, hay ganh ghét người khác. Hai mươi lăm là người nữ muốn được chồng thương chìu mà giả vờ giận dữ. Hai mươi sáu là người nữ thấy chồng, giả vờ giận dữ, nếu chồng bỏ đi thì lại buồn rầu hối hận. Hai mươi bảy là người nữ thấy người nam đến giả vờ giận dữ mắng chửi nhưng trong tâm rất vui mừng. Hai mươi tám là người nữ thấy người nam bỏ đi, miệng thì nói xấu nhưng trong lòng rất thương nhớ. Hai mươi chín là người nữ luôn miệng mắng chửi bảo đi mau nhưng chắc chắn là không đuổi. Ba mươi là người nữ thích bướng bỉnh, chẳng cần biết người khác sai hay mình sai. Ba mươi mốt

là người nữ kinh thường người cô độc, yếu đuối, dùng sức để tỏ ra hơn người. Ba mươi hai là người nữ ỷ có thế lực lấn lướt nói hơn. Ba mươi ba là người nữ mượn không nhớ trả lại, vay không nhớ trả lãi. Ba mươi bốn là người nữ thích cho người khác là quanh co, cho mình là ngay thẳng, người xấu, còn mình là tốt. Ba mươi lăm là người nữ thích cho người khác ngu si, bất thường, còn mình là người hiền. Ba mươi sáu là người nữ cho mình hiền, điều ác là của người khác. Ba mươi bảy là người nữ lấy công của người khác làm công của mình, tự cho là mình giỏi. Ba mươi tám là người nữ tự mình mệt thì than thở, người khác mệt thì mình lại vui vẻ. Ba mươi chín là người nữ thích cho việc thật là giả dối, thích nói lỗi của người khác. Bốn mươi là người nữ ỷ giàu sang, kiêu căng, mắng nhiếc người. Bốn mươi mốt là người nữ nghèo nên ghét người giàu, vì hèn hạ nên ghét cao quý. Bốn mươi hai là người nữ thích gièm pha người khác, dùng sắc đẹp để tự vinh hiển. Bốn mươi ba là người nữ thích phá sự thành công, hủy hoại đạo đức của người khác. Bốn mươi bốn là người nữ thích làm tán loạn chánh đạo. Bốn mươi lăm là người nữ hay ganh ghét, cau có, chê bai. Bốn mươi sáu là người nữ hay bình luận, chê bai và hơn thua với người khác. Bốn mươi bảy là người nữ bàn chánh đạo của học sĩ thanh tịnh, khiến cho họ rối loạn. Bốn mươi tám là người nữ

thích giữ điều hay dở của người khác, mê hoặc đàn ông. Bốn mươi chín là người nữ thích đem vật cho người khác rồi mong đáp lại. Năm mươi là người nữ thích cùng bố thí với người khác, sau hối tiếc trách mắng người khác ham tài giỏi. Năm mươi mốt là người nữ thích oán thù, hay mắng chửi súc sinh. Năm mươi hai là người nữ thích làm đẹp để mê hoặc khiến người khác chán bỏ đạo. Năm mươi ba là người nữ ghét người giỏi, đẹp hơn mình, muốn làm cho họ chết sớm. Năm mươi bốn là người nữ thích đem thuốc độc trộn trong thức ăn của người, tâm không bình đẳng. Năm mươi lăm là người nữ thích nghĩ điều xấu đã qua luôn ray rứt mãi trong lòng. Năm mươi sáu là người nữ thích tự ý, tự dụng, không thích được người khác can gián, hay thích dua nịnh. Năm mươi bảy là người nữ thích, bên trong thì sơ, bên ngoài thân, che giấu sự việc, nhưng lại rêu rao ở xóm làng bên cạnh. Năm mươi tám là người nữ thích tỏ ra mình mạnh mẽ; không muốn phiền hà, hay kinh thường, không cần người nam. Năm mươi chín là người nữ thích tự kiêu căng, đánh đập vô lý, tự giận tự vui khiến cho người khác sợ. Sáu mươi là người nữ thích những việc làm tham dục, đi đứng tự do, muốn khiến cho người nam làm trái chánh pháp. Sáu mươi mốt là người nữ thích tham dâm, luôn luôn ganh ghét, nghi nhiều tin ít, oán ghét sát đất. Sáu mươi hai là người nữ thích giận dữ, ngồi duỗi chân vô lễ cho

là đúng pháp. Sáu mươi ba là người nữ thích nói điều xấu ác, không kiêng nể người thân. Sáu mươi bốn là người nữ thích kiêu mạn, tự buông lung, khinh chê già trẻ, không biết trên dưới. Sáu mươi lăm là người nữ thích tâm tánh xấu của mình, oán giận, nói năng không có thứ tự. Sáu mươi sáu là người nữ thích nghiện ngập, không sợ pháp cấm. Sáu mươi bảy là người nữ thích cấm cản người nam, không cho cùng cười giỡn với người khác. Sáu mươi tám là người nữ thích quanh co, tự dụng, khinh chê người nam là không cẩn thận. Sáu mươi chín là người nữ thích người khác gặp nạn còn mình thì an ổn, lấy đó làm vui thích. Bảy mươi là người nữ thích lấy những điều xấu tệ để làm thương tổn bậc Hiền sĩ, dua nịnh giả dối, làm điệu bộ mê hoặc đạo đức. Bảy mươi mốt là người nữ thích dối trá dua nịnh, cho là người khác không biết. Bảy mươi hai là người nữ thích tham chuyện được mất, được thì sung sướng, mất thì buồn rầu, kêu than oán trời trách móc nặng lời. Bảy mươi ba là người nữ thích nguyền rủa mưa gió ở hướng ấy, chú nguyện cho điều xấu sanh, điều tốt diệt, không có tâm từ. Bảy mươi bốn là người nữ thích bảo người khác phá thai, không muốn họ sanh con. Bảy mươi lăm là người nữ thích nhìn trộm lỗ hổng để xem điều tốt xấu của người khác và xem người họ có tiền của hay không. Bảy mươi sáu là người nữ thích đùa giỡn để làm mê hoặc lòng người. Bảy

mươi bảy là người nữ thích dự trữ nhiều của cải tham chất chứa không chán. Bảy mươi tám là người nữ thích khêu gợi làm nhiễu loạn người nam, khiến họ tâm tánh thay đổi, không thể tự chủ. Bảy mươi chín là người nữ thích nạo thai mổ hình, nhìn xem chỗ xấu; Tám mươi là người nữ thích cười nhạo những người mù, điếc, câm, ngọng, đi khập khiễng, thích thú với sự xấu xí của người khác. Tám mươi mốt là người nữ thích bảo người bỏ vợ, muốn cho người đau khổ. Tám mươi hai là người nữ thích bày cho người phá đánh nhau, hai bên đều mang họa. Tám mươi ba là người nữ thích chỉ bày cho người làm điều xấu, tranh cãi kiện tụng, kiện đến cửa quan, bị nhốt vào tù ngục. Tám mươi bốn là người nữ thích gây tai họa, dẫn đến điều sai quấy, thấy người điên cuồng thì cười lớn, rồi sanh lòng ham muốn, lợi dụng người điên ấy mà chiếm đoạt vật của người, khiến cho họ kêu than nói: "Người nữ rất đáng sợ". Phải biết rõ đây là tám mươi bốn điều. Những người nữ có thể đoạn trừ được tám mươi bốn tánh xấu này, đều được giải thoát, được đắc đạo, đều được thành Phật.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

- Người nữ tánh dâm dục như vậy, có thể đoạn trừ không? Phật bảo Hiền giả A-nan:

- Tánh đó nếu người nữ đã làm được thì tự diệt được, rất có thể được diệt. Người diệt trừ được tánh ấy, chính là bậc A-la-hán ở đời hiện tại.

Hiền giả A-nan lại bạch Phật:

- Trên trời, dưới đất đều thông suốt, mọi loài, mọi người điều được độ thoát, nguyện xin đức Thế Tôn giảng nói cách diệt trừ các tánh xấu dâm dục này, để Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo và các Tỳ-kheo ni đều được hiểu rõ.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Này A-nan! Hãy lắng nghe! Ta sẽ nói rõ cho ông, hãy suy nghĩ và ghi nhớ kỹ, phụng hành đúng như chánh pháp tức là báo đáp ơn Phật, không làm đúng như pháp là điều cực khổ cho người nữ. Hãy lắng nghe! Lắng nghe!

Hiền giả A-nan và các Tỳ-kheo ni trưởng lão đồng thanh thưa vâng, rồi lãnh thọ, suy nghĩ, vui vẻ chắp tay lắng nghe.

-oOo-

SỐ 1479
KINH BÍ SÔ NGŨ PHÁP
(KINH NĂM PHÁP CỦA TỲ KHEO)

Hán dịch: Đại sư Pháp
Thiên đời Triệu Tống.

Một thuở nọ, bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở tại nước Xá- vệ, vì quán sát chúng sanh đời vị lai mà Ngài ở đó. Bấy giờ, vô lượng chư thiên và loài người biết đức Phật Thế Tôn là bậc thầy của hàng trời, người nên họ cung kính tin tưởng, tôn trọng cúng dường khen ngợi, vì mong được lợi lạc và tiếng thơm tối thượng, nên mọi người đều phụng cúng y tốt, thức ăn ngon, giường nằm và thuốc men.

Lúc này, Đức Thế Tôn vì làm lợi lạc cho họ nên đều thọ nhận, nhưng không đắm nhiễm, như hoa sen trong nước, chỉ khiến cho loài người, chư thiên và các loài hữu tình đều được phước quả thù thắng, đạt được sự vi diệu trang nghiêm, vì mọi người và chư thiên mà rưới nước cam lồ, giúp mọi người và chư thiên được sống lâu ở đời, lại khiến cho vô lượng ức na-do-tha trăm ngàn hữu tình đều được cam lồ, cho đến được thoát khỏi các nạn khổ sanh, già, bệnh, chết trong luân hồi, cho đến khiến thoát

khỏi nạn nguy hiểm lớn trong địa ngục, được an ổn, tĩnh lặng, bình đẳng, không sợ hãi, đều đạt đến Niết bàn.

Lại nữa, Ngài không rời khỏi nước Ma-già-đà, nước Phạ-la-mạn-lệ, nước Ca-thi, nước Kiều-tát-la, nước Câu-lỗ-bán-tả-la, v. v… Vua Phụ Ta, vua Ma Tha, vua Thú La Tế Na, vua Thi Vĩ, vua Na Xá La Noa Phạ, các vị vua thấy Đức Phật như vậy rồi, nhờ trí lực của đức Phật nên họ đều được điều phục. Lại có thể đi ở chỗ chư thiên kinh hành, có thể đi ở chỗ Phạm vương kinh hành, đi ở chỗ Thánh nhơn kinh hành, đi ở chỗ không, đi ở chỗ kinh hành vắng lặng, đi ở chỗ đức Phật kinh hành, đi ở chỗ chư Tăng kinh hành… đi ở chỗ người hiểu biết kinh hành, đi ở chỗ kinh hành của bậc Chánh biến tri, tâm ý được khai mở, đạt được pháp Bà-la-mật tối thượng. Đức Thế Tôn, lại đối với tất cả chỗ kinh hành hiện có, những chỗ kinh hành được mong cầu Ngài đều có thể kinh hành.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo chúng Tỳ-kheo:

- Có năm pháp nên trụ đầy đủ, các Tỳ-kheo đời vị lai phải luôn thực hành. Những gì là năm pháp? Tỳ-kheo này không biết đâu là tội, không biết đâu là chẳng phải tội, không biết đâu là tội nhẹ, không biết đâu là tội nặng, là Tỳ-kheo mới thọ giới, Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ, Tỳ-kheo này phải thực hành đầy đủ năm pháp, Tỳ-kheo này không được ở chung. Phải khuyên Tỳ-kheo này học biết và thực

hành đầy đủ năm pháp, đó là việc thực hành của các Tỳ-kheo hòa hợp mà ở. Những gì là năm pháp? Tỳ-kheo này biết trường hợp nào là phạm tội của Tỳ-kheo, trường hợp nào là không phạm, trường hợp nào là phạm tội nhẹ, trường hợp nào là phạm tội nặng, đã đủ năm tuổi hạ, hơn năm tuổi hạ. Tỳ-kheo đầy đủ năm pháp này, được cùng ở và khuyến khích tu hành.

Này các Tỳ-kheo! Lại có năm pháp đầy đủ, Tỳ-kheo không được lìa y chỉ. Những gì là năm pháp? Tỳ-kheo này không biết Ba la đề mộc xoa, không biết giảng nói Ba-la-đề-mộc xoa, không biết kết giới; không biết việc kết giới là Tỳ-kheo mới thọ giới, là Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ. Tỳ-kheo đủ năm pháp này thì không được lìa y chỉ.

Này các Tỳ-kheo! Lại có năm pháp đầy đủ thì Tỳ-kheo được lìa y chỉ. Những gì là năm pháp? Tỳ-kheo này biết Ba-la-đề-mộc-xoa của Tỳ-kheo, biết giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa, biết kết giới, biết việc kết giới, đủ năm tuổi hạ và hơn năm tuổi hạ Tỳ-kheo như vậy, gọi là Tỳ-kheo đầy đủ năm pháp thì được lìa y chỉ.

Này Tỳ-kheo! Lại có đầy đủ năm pháp khác Tỳ-kheo không được lìa y chỉ. Những gì là năm pháp. Đó là Tỳ-kheo này không biết Bố tát, không biết việc Bố tát, không biết kết giới, không biết việc kết giới, là Tỳ-kheo mới thọ giới, dưới năm tuổi hạ, Tỳ-kheo này đầy đủ năm pháp, không

được lìa y chỉ.

Này Tỳ-kheo! Có năm pháp đầy đủ thì: Tỳ-kheo được lìa y chỉ. Những gì là năm pháp? Tỳ-kheo này biết Bố tát, biết việc Bố tát của Tỳ-kheo, biết kết giới, biết việc kết giới, là Tỳ-kheo đủ năm tuổi hạ hoặc hơn năm tuổi hạ. Tỳ-kheo đầy đủ năm pháp này thì được lìa y chỉ.

Lại nữa, Tỳ-kheo có năm chánh niệm: Thế nào là năm chánh niệm? Nghĩa là tu hành biết báo ứng nên suốt đời không vì tài sản và lợi dưỡng mà luôn nhớ nghĩ việc xuất thế. Này Tỳ-kheo! Đó là năm chánh niệm.

Lại nữa, Tỳ-kheo lại có năm chánh niệm y chỉ. Những gì là năm? Nghĩa là việc ăn, uống và lễ nghi không được vượt quá cương giới của Thầy, phải theo thầy năm năm để được hiểu biết thấu đáo. Đây là năm chánh niệm y chỉ.

- Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo có năm chánh niệm y chỉ, nên biết các tội. Nên biết những tội gì? Nên biết năm loại tội. Thế nào là năm? Đó là Ba-la-di, Tăng già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, nên biết bốn cách thuyết, biết năm loại tội. Nên biết năm loại tội như vậy.

Lại nữa, phải biết thế nào là chẳng phải tội. Làm thế nào để biết tướng chẳng phải tội, phải thường thực hành những điều không phải tội, biết, đó là điều chẳng phải tội. Lại nữa, nên biết thế nào

là tội nhẹ. Làm thế nào để tội nhẹ? Nghĩa là phải biết sâu xa đối với những tội nhẹ. Phải làm như thế nào? Nghĩa là phải lo sợ từ tội nhẹ của bốn pháp Ba-la-di; phải lo sợ từ tội nhẹ mười ba pháp Tăng-già-ba-thi-sa; phải lo sợ từ tội nhẹ của ba mươi pháp Xả-đọa; phải lo sợ từ tội nhẹ của chín mươi hai pháp Ba-dật-đề; thực hành chín mươi hai pháp Ba-dật-đề thanh tịnh. Đó là bốn loại tội nhẹ. Ngoài ra, tội nhẹ của năm mươi giới pháp cũng thực hành như vậy thì được tránh khỏi tội nhẹ. Nên biết về các tội nhẹ như vậy.

Lại nữa, phải biết các tội nặng. Biết các tội nặng như thế nào? Thực hành các hạnh được tránh khỏi tội nặng. Ngoài ra, thực hành thanh tịnh tội nặng của năm mươi giới pháp theo bốn loại. Thực hành thanh tịnh tội nặng của chín mươi hai pháp Ba-dật-đề, đã thực hành thanh tịnh chín mươi hai pháp Ba-dật-đề; thực hành thanh tịnh tội nặng của ba mươi pháp Xả-đọa; thực hành thanh tịnh ba mươi pháp Xả-đọa. Thực hành thanh tịnh các tội nặng của mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, thực hành thanh tịnh mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa; thực hành thanh tịnh tội nặng của bốn pháp Ba-la-di. Thực hành như vậy được tránh khỏi tội nặng. Biết tội nặng như vậy là Tỳ-kheo năm tuổi hạ, đủ năm tuổi hạ, hơn năm tuổi hạ, như vậy thì Tỳ-kheo được tin tưởng và y chỉ.

Lại nữa, phải biết Ba-la-đề-mộc-xoa. Biết Ba-

la-đề-mộc-xoa như thế nào? Đây là Ba-la-đề-mộc-xoa: Tư duy thấy rõ về đi, đứng, nằm, ngồi, quán sát các hạnh vi diệu của thân, khẩu, ý ở quá khứ, hiện tại. Nên biết Ba-la-đề-mộc-xoa như thế. Thứ đến, phải biết giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Thế nào là biết giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa? Có bảy Ba-la-đề-mộc-xoa. Những gì là bảy và phải giảng nói như thế nào? Nói bốn pháp Ba-la-di, những giới khác nên nói như các vị đã nghe. Đó là cách giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa thứ nhất. Thứ đến nói bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, những giới khác nên nói như các vị đã nghe. Đó là cách giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa thứ hai. Thứ đến nói bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi pháp Xả đọa, những giới khác nên nói như các vị đã nghe. Đó là cách giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa thứ ba. Thứ đến nói bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi pháp Xả đọa, chín mươi hai pháp Ba-dật-đề thanh tịnh. Những giới khác nên nói như các vị đã nghe. Đó là cách giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa thứ tư. Thứ đến nói bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi pháp Xả đọa, chín mươi hai pháp Ba-dật-đề thanh tịnh, đều giảng nói bốn pháp, những giới khác, nên như nói như các vị đã nghe. Đó là cách nói Ba-la-đề-mộc-xoa thứ năm. Thứ đến nói bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi pháp Xả đọa,

chín mươi hai pháp Ba-dật-đề thanh tịnh, nói bốn pháp năm mươi giới, những giới khác nên nói như các vị đã nghe. Đó là cách nói Ba-la-đề-mộc-xoa thứ sáu. Thứ đến mỗi giới đều nói rõ. Đó là cách giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa lần thứ bảy. Nên giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa như vậy. Biết giảng nói Ba-la-đề-mộc-xoa như vậy thì biết kết giới.

Nghĩa là ngày nay, chúng tăng kết cương giới trong mười bốn, mười lăm ngày, lại phải biết việc kết giới. Làm thế nào biết việc kết giới? Một là thọ trì, hai là nêu tên, ba là thỉnh, bốn là thỉnh năm chúng kết giới. Biết việc kết giới như vậy, là Tỳ-kheo có năm tuổi hạ, đủ năm tuổi hạ, hơn năm tuổi hạ. Biết được như vậy thì được người nhớ nghĩ đến và y chỉ.

Thứ đến, nên biết Bố tát. Biết Bố tát như thế nào? Hôm nay chúng Tăng Bố tát vào ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, nên biết Bố tát như vậy.

Lại biết việc Bố tát. Biết việc Bố tát như thế nào? Một là thọ trì, hai là nêu tên, ba là thỉnh, bốn là mời năm chúng Bố tát, nên biết Bố tát như vậy.

Thứ đến, nên biết kết giới. Biết kết giới như thế nào? Có năm loại tập hợp chúng Tăng kết giới. Nên biết kết giới như vậy. Biết việc kết giới như thế nào? Xả tội cho người phạm Xả Đọa, không được kết giới, chỉ nên cho ngồi chỗ thấp lúc ăn uống, ăn uống xong nên làm những việc cần làm. Nên biết

việc kết giới như vậy, là Tỳ-kheo đủ năm tuổi hạ, hơn năm tuổi hạ. Người như vậy thì phải được niệm, y chỉ.

Lại hành đạo. Hành đạo như thế nào? Nghĩa là sự hành đạo của A-xà-lê, sự hành đạo của mình. Biết như thế là đạt được niệm y chỉ.

Lại nữa, nên phân biệt hành đạo. Thế nào là phân biệt? Biết việc thuyết giới của A-xà-lê, biết tự thuyết giới. Biết như vậy là đạt được niệm, y chỉ.

Lại nữa, phân biệt quá thời. Quá thời như thế nào? Nghĩa là quá thời đối với A-xà-lê, quá thời đối với mình. Biết như vậy là đạt được niệm, y chỉ. Quá thời như thế không được nhận tài lợi. Không được nhận tài lợi như thế nào? Nghĩa là ở trong Tăng-già-lam, A-xà-lê không được nhận tài lợi. Biết như vậy là đạt được niệm, y chỉ. Như vậy là không được nhận lợi dưỡng.

Lại nữa, nên thực hành mỗi nửa tháng. Thế nào là thực hành mỗi nửa tháng? Nghĩa là A-xà-lê mỗi nửa tháng đều cùng sám hối. Như vậy thì được niệm, y chỉ, nên thực hành mỗi nửa tháng như thế.

Không nên phạm tội. Không nên phạm tội như thế nào? Nghĩa là A-xà-lê bảo đến chỗ đó để xin y chỉ. Làm như vậy đạt được niệm, y chỉ.

Lại nữa, phải noi theo mà thực hành. Theo lời nói để thực hành như thế nào? Nghĩa là nương vào lời dạy của A-xà-lê, không được tự theo ý mình để

thực hành. Làm như vậy, đạt được niệm, y chỉ. Nương tựa để thực hành như vậy.

Không nên phạm cương giới của thầy. Không phạm cương giới của thầy như thế nào? Nghĩa là không phạm cương giới nơi xóm làng của thầy ở. Làm như vậy, đạt niệm, y chỉ. Không nên phạm cương giới, của thầy như vậy.

Phải cùng thầy sám hối. Phải cùng thầy sám hối như thế nào? Nghĩa là mỗi nửa tháng phải cùng thầy sám hối. Thực hành như vậy, được niệm, y chỉ, nên cùng thầy sám hối như vậy, đủ năm tuổi hạ, thấu hiểu rõ ràng, được niệm, y chỉ.

Tỳ-kheo phải đầy đủ năm pháp ấy. Năm pháp này, Tỳ-kheo phải nương theo mà thực hành, thực hành năm pháp ấy thì không phạm tội, giới pháp của vị đó càng ngày càng tăng trưởng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giảng nói năm pháp này xong, các chúng Tỳ-kheo, mọi người và chư thiên đều chiêm ngưỡng, đi nhiễu quanh Đức Phật rồi đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

SỐ 1480

KINH BÍ SÔ CA THI CA THẬP PHÁP

(KINH MƯỜI PHÁP CA THI CA CỦA TỲ KHEO)

Hán dịch: Đại sư Pháp Thiên
đời Triệu Tống.

Một thuở nọ, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, ở tại nước Xá-vệ cùng với chúng các Tỳ-kheo. Khi đó vì chúng người, Trời trong hội hiện tại và những người ở đời vị lai, Đức Phật giảng nói về các phép tắc của người làm thầy.

Bấy giờ, đức Như Lai bảo Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo phải đầy đủ mười pháp mới được độ người xuất gia thọ giới, là Tỳ-kheo được phép suốt đời không y chỉ, được làm Thầy y chỉ. Những gì là mười? Một là biết hổ thẹn, ưa thích giới'. Hai là nghe học nhiều về giáo pháp. Ba là thông hiểu giới luật. Bốn là có oai lực của chánh hạnh, không phạm giới, nương vào chánh hạnh của pháp và giới luật. Năm là được oai lực của chánh hạnh, không phạm các tội, tà kiến, tà hạnh, nương vào chánh hạnh pháp và luật. Sáu là được oai lực của chánh hạnh, nuôi bệnh được an ổn. Bảy là được oai lực của chánh hạnh, ưa thích pháp định và pháp luật, tự mình giảng nói, khiến cho người khác giảng nói.

Tám là được oai lực của chánh hạnh, giảng nói về tự thân thực hành giới. Chín là được oai lực của chánh hạnh, giảng nói về giới xuất gia phạm hạnh. Mười là được mười tuổi hạ, đủ mười tuổi hạ, hơn mười tuổi hạ. Này Tỳ-kheo! Đây là mười pháp phải đầy đủ.

Tỳ-kheo biết hổ thẹn được ưa thích giới như thế nào? Nghĩa là Tỳ-kheo đạt được tâm như vậy: Vì sao ta chưa đạt được các giới, không nhanh chóng đạt được các giới như pháp như luật mà làm Tỳ-kheo?"

Đó là biết hổ thẹn, ưa thích giới.

Tỳ-kheo học rộng hiểu nhiều về giáo pháp như thế nào? Nghĩa là Tỳ-kheo đã được giảng nói về tạng pháp, được giảng nói về học rộng hiểu nhiều, có năng lực hiểu biết được pháp, giảng nói đầy đủ và giản lược về bốn Thánh đế. Này Tỳ-kheo! Đó là được học rộng hiểu về giáo pháp.

Tỳ-kheo được học rộng hiểu nhiều về luật như thế nào? Nghĩa là Tỳ-kheo đã được thuyết giảng về hai loại giới luật, về cách tụng niệm hai loại giới, quán sát vi tế về đi, đứng, nằm, ngồi, miệng, tâm… Này Tỳ-kheo! Đó là được học rộng hiểu nhiều về luật.

Tỳ-kheo được oai lực của chánh hạnh không phạm giới, nương vào chánh hạnh của pháp và luật như thế nào? Nghĩa là Tỳ-kheo nhận biết thế nào

là phạm giới, thế nào là không phạm giới, biết giới khinh, giới trọng, biết tội là nghiệp nhân, biết tội không phải là nghiệp nhân, biết tội giữa, biết tội trước, biết tội sau, biết tội đã khởi, biết tội chưa khởi, biết rõ tất cả các tội đã khởi. Này Tỳ-kheo! Đó là được oai lực của chánh hạnh, nương vào pháp, nương vào luật của chánh hạnh.

Tỳ-kheo đạt được oai lực của chánh hạnh không phạm tội tà hạnh, tà kiến, nương vào pháp, nương vào chánh hạnh của luật. Này Tỳ-kheo! Đạt được oai lực của chánh hạnh ấy, nghĩa là giảng nói đầy đủ và giản lược về duyên sanh. Do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão, Tử, Ưu Bi Khổ Não. Hiểu rõ toàn bộ đại khổ uẩn nhóm họp như vậy.

Vô minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Lục Nhập diệt, Lục Nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão, Tử, Ưu Bi Khổ Não diệt. Diệt như vậy thì toàn bộ Đại Khổ uẩn diệt

Này Tỳ-kheo! Đó là được oai lực của chánh hạnh không phạm tội tà hạnh, tà kiến, nương vào pháp, nương vào chánh hạnh của luật.

Tỳ-kheo được chánh hạnh, nuôi bệnh an ổn như thế nào? Này Tỳ-kheo! Được oai lực của chánh hạnh, nuôi bệnh được an ổn, này nghĩa là tùy theo bệnh tật mà cho thuốc, vừa ý với phòng ở của mình, không có ganh ghét. Này Tỳ-kheo, đó là được oai lực của chánh hạnh, nuôi bệnh được an ổn.

Tỳ-kheo được oai lực của chánh hạnh, ưa thích pháp định và luật, tự giảng nói, khiến người khác giảng nói như thế nào? Này Tỳ-kheo! Được oai lực của chánh hạnh ấy, nghĩa là ưa thích pháp tướng chẳng phải tướng, tự giảng nói, khiến cho người giảng nói và ưa thích giảng nói. Này Tỳ-kheo! Đó là được oai lực của chánh hạnh ưa thích pháp định và luật, tự giảng nói, khiến cho người giảng nói.

Tỳ-kheo được oai lực của chánh hạnh giảng nói thân hành giới như thế nào? Này Tỳ-kheo, được oai lực của chánh hạnh này, nghĩa là quán sát kỹ để thấy được lỗi lầm mình đã phạm, nghĩa là thấy oai nghi khi mặc Tăng-già-lê và cầm bát thọ nhận thức ăn, cho đến nói năng, ưa thích v. v… Này Tỳ-kheo, đó là được oai lực của chánh hạnh nói về thân hành giới.

Tỳ-kheo được oai lực của chánh hạnh để giảng nói về giới phạm hạnh, để không phạm tội như thế nào? Này Tỳ-kheo, được oai lực của chánh hạnh này nghĩa là được bốn Niệm Xứ, bốn Chánh Cần, bốn Như Ý Túc, bốn Tâm Vô Lượng, năm Căn,

năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh Đạo, Xa-ma-Tha, Vi-bát-xá-na, niệm về giới, không có phiền não, vô ngã. Như vậy, này Tỳ-kheo đó là được oai lực Tâm chánh hạnh giảng nói về giới phạm hạnh.

Tỳ-kheo được mười tuổi hạ, đủ mười tuổi hạ, hơn mười tuổi hạ như thế nào? Này Tỳ-kheo, đủ mười tuổi hạ như vậy, gọi là cụ túc.

Này Tỳ-kheo! Được mười pháp đầy đủ này, thì Tỳ-kheo được độ người xuất gia thọ giới, suốt đời được lìa y chỉ, được làm Thầy y chỉ cho người khác. Nếu Tỳ-kheo không đầy đủ mười pháp này mà độ người xuất gia thọ giới, lại lìa y chỉ và làm thầy y chỉ cho người khác thì giới của người ấy càng ngày càng tổn giảm. Nếu Tỳ-kheo ấy thiếu mỗi pháp trong các pháp ấy thì đều phạm tội, giới của vị ấy càng ngày càng tổn giảm.

Này Tỳ-kheo! Người thọ giới mười năm phải kính tin, tôn trọng giữ gìn ba pháp và nhất tâm thực hành. Những gì là ba? Nghĩa là độ người, y chỉ và không y chỉ.

Lúc đó, Đức Thế Tôn Ứng cúng Chánh Đẳng giác giảng nói về mười pháp và báo ứng của sự phạm giới rồi, các Tỳ-kheo trong hội chúng đều hoan hỷ phụng hành, đảnh lễ Phật rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 1481
KINH NGŨ KHỦNG BỐ THẾ

Hán dịch: Cư sĩ Thư Cừ Kinh
Thanh đời Lưu Tống.

Nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà-Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Vào đời vị lai có năm việc sợ hãi, chưa đến, chưa thành nhưng khi đến thì không bao lâu sẽ rất đáng sợ, phải suy nghĩ kỹ và tìm cách lánh xa. Những gì là năm? Một là Tỳ-kheo ở đời vị lai, thân không tu hành, không có giới luật, ý không giữ gìn, không có trí tuệ, chính mình không tu hành, không có giới luật, ý không giữ gìn cho đến không có trí tuệ. Những người đó vì học mà cho thọ Đại giới, nhờ việc học đó mà được làm thầy. Vậy mà lại tự cho mình là giữ giới và nhờ giữ giới mà phát sanh trí tuệ. Nhưng vốn từ trước đến sau vẫn là vị học, người học giáo pháp như vậy, về sau phá hoại giới luật, hủy báng kinh pháp, cho trí tuệ chân chánh là xa vời. Này các Tỳ-kheo! Đó là điều đáng sợ thứ nhất trong vị lai, không bao lâu nữa sẽ đến, phải khéo léo suy nghĩ tìm cách lánh xa.

Hai là Tỳ-kheo ở đời vị lai, thân không tu hành, không giữ giới luật, ý không giữ gìn, không có trí tuệ. Người này tự nói mình có kho châu báu nên không cần hướng nội, không có giới luật, trái với bậc trên, khiến cho người học nghĩ nhờ vị này, mình có thể đến bờ bên kia để xa lìa luân hồi. Đó là điều rất đáng sợ thứ hai trong đời vị lai, không bao lâu nữa sẽ đến, mọi người phải khéo léo suy nghĩ và tìm cách lánh xa. Ba là Tỳ-kheo ở đời vị lai, thân không tu hành, không có giới luật,

ý không giữ gìn, không có trí tuệ, vốn không có bậc minh sư nên thọ nhận pháp không chân chánh. Tỳ-kheo thọ pháp mà làm mất ý nghĩa pháp luật. Đó là điều rất đáng sợ thứ ba trong đời vị lai, không bao lâu nữa sẽ đến, phải khéo léo suy nghĩ tìm cách lánh xa.

Bốn là Tỳ-kheo ở đời vị lai, thân không tu hành, không có giới luật, ý không giữ gìn, không có trí tuệ. Do thân không tu hành, không có giới luật, ý không giữ gìn, không có trí tuệ, nên Tỳ-kheo tụ họp giảng luật nói nghĩa, phần sau nói là phần giữa, phần giữa lại nói là phần sau, từ đó làm mất đi sự sáng suốt, chỉ còn sự tối tăm, không thể tự hiểu biết, xa lìa chánh pháp. Đó là điều rất đáng sợ thứ tư trong đời vị lai, không bao lâu nữa sẽ đến, phải khéo léo suy nghĩ tìm cách lánh xa.

Năm là Tỳ-kheo ở đời vị lai, thân không tu hành, không có giới luật, ý không giữ gìn, không

có trí tuệ. Do thân không tu hành, không có giới luật, ý không giữ gìn, không có trí tuệ nên những lời lẽ nói năng giả dối, gian xảo ở đời, những người ấy đều có đủ, lại thích gặp gỡ những người nói dối ấy, khen ngợi họ để tự vui thích. Những điều Đức Thế Tôn đã nói như: Mười hai Nhân duyên, Khổ, Không, Vô thường…" Tâm tưởng không ưa thích, đều bỏ không thọ trì. Nghe giảng nói những điều ấy thì lại sanh nghi ngờ, không chấp nhận, cũng không vui vẻ. Đó là điều rất đáng sợ thứ năm trong đời vị lai, không bao lâu nữa sẽ đến, phải khéo léo suy nghĩ tìm cách lánh xa. Đức Phật đã giảng nói như vậy.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

KINH PHẬT A TỲ ĐÀM XUẤT GIA TƯỚNG

SỐ 1482

(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1482

KINH PHẬT A-TỲ-ĐÀM XUẤT GIA TƯỚNG

Hán dịch: Đời Trần, Tam Tạng Pháp Sư Chân Đế

QUYỂN THƯỢNG

Đem công đức hiện có của tất cả chúng sanh trong một nghìn A-tăng-kỳ thế giới chỉ bằng công đức nơi một lỗ chân lông của Phật. Như vậy là thành tựu công đức nơi một lỗ chân lông của Phật. Công đức của các lỗ chân lông trên khắp thân Phật chỉ bằng một vẻ đẹp của Phật. Công đức thành tựu nơi tám mươi vẻ đẹp như vậy tăng lên một trăm lần mới bằng một tướng tốt trên thân Như Lai. Công đức thành tựu nơi ba mươi hai tướng tốt như vậy tăng lên một nghìn lần mới bằng một tướng ánh sáng giữa hai chân mày của Như Lai. Lấy công đức của một nghìn tướng ánh sáng giữa hai chân mày, tăng lên một trăm lần mới thành một tướng nhục kế trên đỉnh đầu của Như Lai, là tướng đỉnh đầu, tất cả chư thiên không thể nhìn thấy (Vô kiến đảnh). Đạt Công đức không thể nghĩ bàn như vậy mới thành tựu được thân Phật. Vì vậy, đức Như Lai

ở trong hàng Trời, người là bậc tôn quý hơn hết.

Đức Phật dạy:

- Vào thuở xa xưa chư Phật đã giảng nói: Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy tướng sinh của mười hai nhân duyên tức là thấy pháp. Nếu thấy được pháp tức là thấy Phật. Chư Phật nói như vậy có nghĩa là gì? Nghĩa là nhờ nhân duyên này, thấy được tướng sinh của mười hai nhân duyên có sinh và không sinh, tức là thấy pháp. Nếu thấy được pháp có sinh và không sinh, tức là thấy Phật, do tùy thuận theo Tuệ.

Lại nữa, tên của mười hai nhân duyên là gì? Chư Phật quá khứ đã giảng nói có hai nghĩa. Nói mười hai nhân duyên sanh: Một là từ nơi Nhân, hai từ nơi Duyên. Lại nên quán sát theo hai nghĩa này: Một là bên ngoài, hai là bên trong. Nhân duyên bên ngoài theo nghĩa của Nhân. Vì sao tất cả chư Phật ở quá khứ, vị lai với Chủng Trí, đều nói như vậy? Do từ hạt giống sanh ra mầm, từ mầm sanh ra lá, từ lá sinh ra đốt, từ đốt sinh ra cộng, từ cộng sinh ra gốc, gốc sinh ra cành, từ cành sinh ra đài, từ đài sinh ra hoa, từ hoa sinh ra hạt, nếu không có hạt thì không sinh ra mầm. Như vậy, không có hoa thì không sinh ra hạt, có hạt nên được sinh ra mầm. Như vậy, có hoa nên được sinh ra hạt, nhưng hạt cũng không nói ta có thể sinh ra mầm, mầm cũng không thể nói ta có thể tự sinh. Như vậy, tất cả các pháp như lý mà ổn định. Vì ý nghĩa này, nên nhân

duyên bên ngoài theo nghĩa của Nhân, nên quán sát như thế. Đây là quán theo nghĩa của Nhân. Quán theo nghĩa của Duyên là gì? Như tánh đất, tánh nước, tánh lửa, tánh gió, tánh khoảng không. Tánh đất là có thể nhận hạt giống, tánh nước có thể tưới thấm hạt giống, tánh lửa có thể làm cho hạt giống thuần thục, tánh gió có thể làm cho hạt giống lớn lên, tánh hư không có thể làm cho hạt giống không bị trở ngại. Nếu không có duyên này thì hạt giống không thể nẩy mầm. Như tánh đất có thể thu nhận hạt giống, tánh nước có thể làm thấm nhuần hạt giống, tánh lửa có thể làm thuần thục hạt giống, tánh gió có thể làm cho hạt giống lớn lên, tánh hư không có thể làm cho hạt giống không bị trở ngại. Nhờ thời tiết nên hạt giống được lớn lên, hạt giống lớn lên nên nẩy mầm. Tánh đất cũng không nói ta có thể thu nhận hạt giống, tánh nước cũng không nói ta có thể tưới thấm hạt giống, tánh lửa cũng không nói ta làm cho hạt giống thuần thục, tánh hư không cũng không nói ta có thể làm cho hạt giống không bị trở ngại, hạt giống cũng không nghĩ ta nhờ các duyên này mà được lớn lên. Nhưng nếu không có các duyên ấy, thì hạt giống không thể nẩy mầm. Mầm ấy cũng chẳng phải tự làm, cũng không phải cùng làm, cũng không phải trời Tự Tại làm, cũng chẳng phải không có nhân mà sinh ra, đều do đất, nước, gió, lửa, hư không, thời tiết nên hạt giống mới nẩy mầm. Các nhân duyên bên ngoài

này, nên quán sát năm điều: không phải thường, không phải đoạn, không phải truyền nhau, nhờ các duyên nên quả hạt được tăng lên và do tương tự sanh. Không phải thường nghĩa là hạt giống này diệt nên nói không phải thường. Lúc hạt giống này diệt cũng tức là lúc mầm sinh, không trở ngại, giống như cái cân một bên xuống một bên lên, vì vậy nói là chẳng phải đoạn. Giống và mầm cũng không giống nhau, nên nói không phải truyền nhau, như hạt giống gieo trồng ít nhưng khi thu hoạch thì rất nhiều, do đấy nói nhờ các duyên nên quả hạt được tăng thêm. Như đã gieo giống thì nẩy mầm…, sanh ra quả tương tự, đây là do tương tự sinh ra. Điều này không phải vậy, từ hoa nên sinh ra hạt, nên như lý mà ổn định. Thế nên nhân duyên bên ngoài, phải quan sát hai điều: một từ nhân, hai là từ duyên. Ý nghĩa của nhân duyên bên trong, cũng phải quan sát hai điều. Một là do nhân, hai là do duyên. Ý nghĩa của Duyên bên trong từ nhân là gì? Nghĩa là do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sinh, Sinh duyên Lão, Tử, Ưu, Bi, Khổ Não, theo thứ tự mà tăng trưởng. Như vậy, các khổ ấm tụ tập tăng trưởng. Như vậy, do có Vô minh nên Hành tăng trưởng, như vậy cho đến có Sanh, nên có Lão tử tăng trưởng. Nếu không có Vô minh thì

không sinh ra Hành, . . . nếu không có Sanh thì không có Lão tử. Như vậy, có Vô minh nên có Hành tăng trưởng… do có Sinh nên có Lão tử tăng trưởng. Vô minh cũng không nghĩ ta có thể tạo ra Hành, Hành cũng không nghĩ ta là do Vô minh tạo ra, cho đến Sinh cũng không nói ta có thể tạo Lão tử, Lão tử cũng không nói ta là do Sinh tạo ra. Thế nên, có Vô minh nên có Hành tăng trưởng, cho đến có Sinh nên có Lão tử tăng trưởng. Vô minh là gì? Vô minh là nương vào sáu chủng tánh mà gọi là nam, nữ. Thế nào là sáu chủng tánh? Đó là tánh đất, tánh nước, tánh lửa, tánh gió, tánh hư không, tánh thức. Tánh đất là: Tướng bền chắc có thể tạo thành thân, làm cho thân không đổ nát. Tánh nước cũng có thể duy trì, có thể thấm nhuần, có thể mềm mại, có thể ẩm ướt. Tánh lửa cũng có thể duy trì, làm cho các thức ăn được nấu chín. Tánh gió cũng có thể giữ hơi thở vào hơi khí, hơi thở ra v. v…. Bên trong những vật chất đã thành do bốn đại này, có khoảng không, tức là không đại. Cho đến thành Danh sắc, ví như nguyên nhân của bó lau sậy, đó là tánh thức. Tánh đất không có ngã, không chúng sanh, không mạng sống, không nam, không nữ, không ta, không người, cho đến tánh thức cũng thế. Duyên sáu tánh đầy đủ như vậy, có tưởng về chúng sanh, tưởng về thường, tưởng về hằng, tưởng hữu, tưởng về Ngã, tưởng về dâm dục, tưởng về ngã sở, vô số những chúng sanh không hiểu biết, nên gọi

là Vô minh. Vì có Vô minh nên đối với cảnh, sanh ra tham đắm, sanh ra sân hận, sanh ra ngu si; tham lam, sân hận, ngu si này đều nương vào cảnh mà sanh khởi nên gọi là Hành. Tùy theo sự việc phân biệt, nên gọi là Thức. Từ Thức này lại sanh ra bốn Ấm, nên gọi là Danh sắc, nương vào Danh sắc nên có các Căn, vì thế gọi là sáu Nhập, vì tích tụ nên có Xúc, vì tiếp xúc nên có Thọ, vì có Thọ nên sanh ra Ái, vì Ái tăng trưởng nên có Thủ, nương vào Thủ nên có Hậu Hữu, nghiệp Hữu sanh nên có Hữu vì nghiệp làm nhân nên có Ấm, Ấm khởi nên gọi là Sanh, ấm suy hao nên gọi là Già, ấm hư hoại nên gọi là Chết, phiền não bên trong nên gọi là Ưu, do tư tưởng mà có Bi. Thân, Thức, Ấm hòa hợp nên gọi là Khổ; Ý, Thức, Ấm hòa hợp cho nên không ưa thích. Những điều đó gọi là Tùy phiền não phần. Vì ý nghĩa tối tăm nên gọi là Vô minh. Vì nghĩa tạo tác nên gọi là Hành. Vì nghĩa nhận biết nên gọi là Thức. Vì nghĩa đứng bền nên gọi là Danh sắc. Vì nghĩa như cánh cửa thu nhận các trần nên gọi là Lục nhập. Vì nghĩa xúc chạm nên gọi là Xúc. Vì nghĩa lãnh nhận nên gọi là Thọ. Vì ý nghĩa ái thủ nên gọi là Thủ. Vì ý nghĩa tái sanh ở đời sau nên gọi là Hữu. Vì nghĩa sanh khởi nên gọi là Sanh. Vì nghĩa suy hao nên gọi là Già. Vì nghĩa hư hoại nên gọi là Chết. Vì nghĩa phiền não nên gọi là Ưu. Vì nghĩa tư tưởng nên gọi là Bi. Vì nghĩa bức ngặt thân thể nên gọi là Khổ. Vì nghĩa làm tâm bị phiền

não bức bách nên gọi là không vừa ý. Vì nghĩa của Tùy phiền não phần nên gọi là Khổ não. Như vậy, không theo thực tướng tức là theo tà hạnh, không hiểu biết tức là Vô minh. Như vậy do Vô minh mà sanh ra ba loại Hành: Thiện, ác và vô ký. Cho nên, nói là Vô minh duyên Hành. Có các Hành như vậy cho nên có Thức thiện, Thức ác và Thức vô ký. Do đó, nên Hành duyên Thức. Vì có Thức thiện nên sanh ra Danh sắc thiện; ác và vô ký cũng sanh ra như vậy. Do duyên Thức mà gọi là Danh sắc, sáu căn là nơi làm những việc nên làm như hiểu biết, trí tuệ. Do duyên Danh sắc nên gọi là Lục nhập. Do Lục nhập nên sanh ra Lục Xúc, do duyên Lục nhập nên gọi là Xúc. Xúc này sanh nên Thọ sanh, vì thế gọi là do duyên Xúc mà sanh Thọ. Lãnh thọ các duyên, đắm nhiễm, nên gọi là Thọ. Do duyên Thọ nên có Ái. Vui thích, tham đắm sắc đẹp, đắm nhiễm Danh sắc không thể xa lìa, lại càng lún sâu, tham cầu, đó gọi là Ái. Do duyên Ái nên có Thủ, càng mong cầu nhiều thì đời sau có nghiệp nhân thân, khẩu và ý, nên gọi là Thủ duyên Hữu, nương vào nghiệp nên sanh ra Ấm. Đây là do duyên Hữu nên có Sanh. Ấm này sanh khởi cho nên có suy hao hư hoại, đó gọi là Sanh duyên Lão tử. Như vậy, mười hai Nhân Duyên sanh, lại làm nhân cho nhau, cùng nhau sanh trưởng, từ vô thỉ luân chuyển mãi không dứt.

Lại nữa, nghiệp và thức, sanh ra mười hai nhân

duyên, nên sanh ra bốn chi, theo nghĩa của nhân này. Những gì là bốn? Đó là Vô minh, ái, nghiệp và thức. Hạt giống Thức là nhân hữu vi, Danh sắc do Nghiệp và "đám ruộng" làm nhân. Vô minh, ái là nhân phiền não. Không có nghiệp và phiền não này thì hạt giống Thức không sanh trưởng. Điều đó nói rõ: Nghiệp nhân này và hạt giống Thức là "đám ruộng". Vì Vô minh làm hư hoại hạt giống Thức, Ái làm thấm nhuần hạt giống Thức. Nhưng Vô minh cũng không nghĩ: "Ta có thể làm hư hoại hạt giống thức". Ái cũng không nghĩ: "Ta có thể làm thấm nhuần hạt giống thức". Nghiệp cũng không nghĩ: "Ta làm đám ruộng của Thức", hạt giống Thức cũng không nghĩ: "Ta nhờ những loại này mà sanh ra".

Lại nữa, hạt giống Thức an trú vào trong ruộng nghiệp, vì Ái đã thấm nhuần, do Vô minh che lấp nên hạt giống lớn lên, nảy mầm Danh sắc. Đối với tất cả các Ấm không sanh, thì mầm Danh sắc này cũng không tự tạo ra được, cũng chẳng phải người khác tạo, cũng không phải mình và người đều tạo, cũng không phải Trời Tự Tại tạo và cũng không phải không có Nhân mà sanh ra. Do nghiệp phiền não như trên nên hạt giống Thức được lớn lên và nảy mầm Danh sắc; Cũng không từ đời này qua thẳng đời sau mà phải có sự tùy thuận nghiệp, quả nhân duyên đầy đủ. Ví như soi gương sáng thấy rõ mặt mày. Mặt cũng không rời khỏi thân, chạy vào

gương chỉ có hình tượng tương tự, nhờ nhân duyên đầy đủ nên mới như vậy, vì thế thân này diệt ở chỗ này thì sanh ở chỗ kia là do nhân duyên của nghiệp đầy đủ.

Ví như vầng trăng cách xa ba vạn hai ngàn do tuần mà vẫn hiện rõ ở đây. Nhìn vào bát nước sạch để thấy ánh trăng thì ánh trăng không rơi từ hư không xuống chỗ này, cũng không đi thẳng đến đây mà vẫn có hình tượng ánh trăng, vì có nhân duyên đầy đủ.

Ví như đem lửa để vào đồ vật, lửa cháy không tắt, ngọn lửa cũng không rời khỏi ngọn lửa mà đi, tùy theo Nhân nên lửa cháy. Như vậy, nghiệp phiền não sanh ra hạt giống từ đó tương tục sanh, nhập. Mầm Danh sắc đối với pháp là không có chủ, nhờ nhân duyên đầy đủ nên nó như vậy, tất cả các chi đều như lý mà ổn định như thế. Nhân duyên bên trong là theo nghĩa của Nhân như thế, quán sát theo nghĩa của Duyên như thế, theo nghĩa của Nhân cũng như thế, nghĩa của Duyên cũng như thế, như trong Kinh nói: " Duyên khởi như vậy, duyên tập như vậy và duyên như vậy".

Như trong A Tỳ Đàm nói: "Tướng vi diệu thù thắng, như nam nữ gặp nhau, có dâm dục, thời gian hòa hợp liên tục, thì hạt giống Thức ở trong bụng của người nữ sanh ra mầm Danh sắc. Như mắt duyên với Sắc, nhờ ánh sáng, duyên sanh ý, ý sanh ra Nhãn thức. Như vậy, Sắc do Nhãn thức duyên

với cảnh, ánh sáng thì mở đường, hư không thì không làm trở ngại. Nhờ vậy, sanh ra ý, nếu không có các duyên như thế thì Thức không sanh. Nếu mắt nhìn nhận không lầm lẫn thì các trần bên ngoài như sắc v. v… là đối tượng để duyên vào, ánh sáng thì mở đường, hư không không làm trở ngại, duyên sanh ý nương vào sự hoạt động của ý. Như vậy, mắt, Danh sắc, ánh sáng, hư không, duyên sanh ý hòa hợp nên sanh ra Nhãn thức. Nhưng mắt cũng không nghĩ: "Ta có thể làm chỗ nương cho Nhãn thức". Sắc cũng không nghĩ: "Ta làm duyên cho Nhãn thức; Ánh sáng cũng không nghĩ: "Ta làm ánh sáng thông suốt cho Nhãn thức"; Hư không cũng không nghĩ: "Ta có thể làm chỗ không trở ngại cho Nhãn thức; duyên sanh ý cũng không nghĩ: "Ta có thể duyên ý cho Nhãn thức; Nhãn thức cũng không nói: "Ta nhờ các duyên ấy mà sanh ra". Nếu có các duyên này thì thành ra Nhãn thức. Như vậy, Tỉ, Thiệt, Thân và Ý thức cũng đều theo đúng lý như vậy. An trụ trong ánh sáng, nương vào ý và pháp, duyên sanh ý, đều nên giảng nói như vậy. Nhân duyên bên trong theo nghĩa của duyên, như vậy nên quán sát ý nghĩa của nhân duyên bên trong như thế.

Quán sát có năm việc: Không phải thường, không phải đoạn; không lan truyền, nhờ các duyên nên kết quả tăng trưởng, theo tương tự mà sanh ra. Điều này không phải như vậy. Vì sao? Vì khi chết

thì các Ấm diệt, nên không phải thường. Lúc chết thì các Ấm lập tức diệt, liền sanh ra trung Ấm khác, không có gián đoạn, như cái cân một bên thấp một bên cao lên, nên gọi là chẳng phải đoạn. Vì không phải giống nhau, nên từ tâm ban đầu mới sanh ra tâm thù thắng, nên gọi là không lan truyền, chỉ tạo nghiệp nhỏ mà chịu quả báo lớn, nên nói: Nhờ duyên mà kết quả của nó tăng trưởng. Đã tạo nghiệp gì thì chịu quả báo tương tự như vậy, nên gọi là theo tương tự mà sanh. Điều này đúng. Nếu nhân duyên này biết mười hai nhân duyên là Ấm sanh, có sanh và không sanh, thì lúc này dùng một thức vốn đã trải qua, tu tập bốn Đế thì có thể chứng đắc; Diệt thì nhờ hiện tiền chứng đắc; Đạo thì nhờ quán sát mà chứng đắc. Như vậy các đệ tử chân chánh thấy Chánh Đế, tức là thấy pháp, nếu thấy pháp tức là thấy Phật.

Thuận theo tuệ để tu hành nghĩa là gì? Đó là nhờ duyên thấy được Ấm sanh, có sanh, không sanh tức là thấy hai Đế, là Khổ đế và Tập đế. Như vậy nhân duyên nếu có thể thấy cả hai, thì thấy Đế thứ nhất tức là thấy hai Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Như vậy các đệ tử chân chánh thấy bốn Đế tức là thấy chư Phật, tùy theo trí tuệ nên sanh ra tâm niệm. Ví dụ ấy như thế nào? Như có người thấy một họa sĩ tài ba vẽ chân dung người rất đẹp, liền sanh khởi Thức: "Họa sĩ này vẽ giỏi thật". Do đó, các đệ tử chân chánh thấy bốn Chánh Đế liền nghĩ:

Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri giảng nói pháp này để đoạn trừ các khổ, liền khởi lòng tin tối thượng đối với Phật, tự nhiên giảng nói khéo léo về pháp Thinh văn ấy, vi diệu sâu xa, có thể khéo léo an trụ, đối với pháp, có niềm tin kiên cố. Khi ấy, tự nhiên giảng nói khéo léo về kinh A Tỳ Đàm để đoạn trừ tất cả các khổ. Nếu có thể tức là đi theo điều thiện, đối với Tăng, khởi lòng tin tối thượng, thấy thật đế nên được Giới phẩm thanh tịnh, được xa lìa thân kiến và giới cấm thủ v. v… Các nghi ngờ đều đã xa lìa. Như vậy các đệ tử chân chánh thấy được bốn Đế đầy đủ bốn lòng tin tối thượng tức là xa lìa ba thứ ràng buộc, đắc quả Tu-đà-hoàn, chứng pháp quyết định hướng đến con đường Chánh giác, an trụ vào quả thứ nhất. Làm mỏng bớt dâm dục, sân hận, ngu si, thì đắc quả Tư-đà-hàm, an trụ vào quả thứ hai. Xa lìa năm Ấm trói buộc và chín Kiết-sử, siêng năng tu tập, dứt trừ các lậu hoặc đắc quả A na hàm, an trụ vào quả thứ ba. Diệt trừ hoàn toàn sắc dục, ngã mạn, cao ngạo, Vô minh v. v… được quả Sa môn thứ tư tối thắng, thành tựu A-la-hán, an trụ vào Niết bàn Hữu dư y dần dần xa lìa các Hữu, đến lúc thân hoại mạng chung liền nhập vào Niết bàn Vô dư. Quán sát tướng thân do Ấm sanh ra như vậy, thấu rõ bốn Thánh Đế, đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đều được hiện tiền. Quán sát nhiều loại tướng thân sanh ra như vậy, biết được bốn Thánh

đế, xa lìa pháp quán tướng thân sanh ra này và sự biết rõ bốn Thánh đế thì không đạt được Đạo giải thoát. Muốn cầu Đạo giải thoát, cầu bốn Thánh đế, cầu lòng tin tối thượng, cầu thành tựu bốn quả Sa-môn cầu nhập vào Niết bàn vô dư y thì đối với Kinh A Tỳ Đàm phải siêng năng quán sát tướng của Ấm giáo pháp của Đấng Chánh Giác Vô Thượng như vậy.

Hôm nay luận bàn về tướng Luật. Các chúng Trời, rồng, Dạ xoa, A-tu-la, Ca-lầu-la, Càn-Thát-bà cung kính tôn trọng cúng dường Thế Tôn, đạt được lợi lớn, đã đạt tâm nguyện đầy đủ, xa lìa tất cả pháp bất thiện, đầy đủ tất cả pháp thiện, không tham ái, không chấp thủ, không còn các tướng về ngã và ngã sở, tất cả trí tuệ đều đã đạt tự tại, đã đoạn các cõi, để từ bỏ không còn các phiền não, đã giải thoát những pháp có thể giải thoát, vận chuyển bánh xe pháp trong luân hồi sanh tử, hậu thiện được tăng trưởng, tiền thiện được hiện tiền, căn lành khiến được giải thoát, giáo hóa tự tại. Đức Phật hiện ở đời để làm trang nghiêm tạo lợi ích cho chúng sanh. Thế Tôn là con mắt, là trí tuệ, là nghĩa lý, là giáo pháp, là pháp lớn, đối với ba loại chúng sanh, đức Phật là bậc Thầy dẫn dắt giáo hóa, khiến cho người cũng dẫn dắt; làm thầy, cũng khiến cho người làm thầy, là đại thương chủ, có thể biết được đường lớn, đường nhỏ, có thể nói được con đường hoàn hảo, là bậc đại y vương, chuyển luân tối thắng

vô thượng trong loài người, là người thọ thân cuối cùng, Sa-môn, đại Sa-môn đạt đến Sa-môn không cấu không uế, thanh tịnh nhìn khắp, có thể ban ánh sáng, ban con mắt, diệt trừ được tối tăm, là ánh sáng vượt qua biển sanh tử, người chưa an thì khiến được an, đầy đủ tinh tế tối thượng, đầy đủ trí tối thượng, đại dũng mãnh, đại thâu tóm, đại oai đức, đại hùng, đại thần, đại lực, đại dẫn dắt, đức Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn là bậc tối thắng, đức Thế Tôn thổi loa pháp, đánh trống pháp, dựng cờ pháp, treo phướn pháp và thắp sáng đèn pháp, ngăn đường ác, chỉ bày đường thiện, diệt trừ điều ác ở thế gian, trừ hiểm nạn ở thế gian, dẹp đường xấu ác, khai mở đường Trời, dùng oai lực thần thông chỉ bày con đường giải thoát, ngoài ra còn bằng oai lực của tuệ, diệt tâm mê hoặc của tất cả chúng sanh, tuôn mưa pháp, hiện rõ bốn vô úy. Như mặt trời mới mọc ánh sáng soi chiếu thế gian, dẹp các con đường lầm lỗi, đưa chúng sanh đến cõi Trời an ổn và các quả vị giải thoát, đã tự độ và độ người khác, đã giải thoát và giải thoát cho người khác, đã an ổn và làm an ổn cho người khác, đã nhập Niết bàn và làm cho người khác được Niết bàn.

Đức Phật đang ở núi Linh-thứu thuộc nước Ma-già-đà. Vua nước Ma-kiệt-đà là Tần-bà-sa-la nghe đức Phật Thế Tôn cùng một ngàn đại Tỳ-kheo đều là những bậc học kỳ cựu của ngoại đạo, các lậu đã dứt, việc làm đã xong, đã đặt gánh nặng xuống, đạt

được lợi mình, dứt hết các kiết sử, đối với các chánh lý tâm được giải thoát… Vua nghe như vậy nên rất vui mừng, đích thân ngự giá, binh lính trang nghiêm có oai thế lớn, dùng oai lực của Vua, xuất một vạn hai ngàn xe, một vạn tám ngàn binh lính cưỡi ngựa, cùng với vô số trăm ngàn Bà la môn, cư sĩ nước Ma-kiệt-đà, đã từ thành Vương xá đến chỗ đức Phật, để được gặp Phật và cúng dường. Kiệu xa đến nơi, vua liền bước xuống xe, đi vào trong khu vườn. Lúc này, vua Tần-bà-sa-la từ xa trông thấy Phật, liền cởi bỏ năm loại trang nghiêm như: Mũ báu, dù lọng báu, gươm báu, quạt báu, giày báu. Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng về đức Phật, cung kính đảnh lễ ba lần, xưng họ tên:

- Thưa đại đức! Con là vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà. Thưa ba lần như vậy.

Đức Phật nói:

- Đúng rồi. Ông là vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà. Phật cũng nói ba lần như vậy, rồi Ngài nói tiếp:

- Này Đại Vương! Ông hãy tự về chỗ ngồi.

Vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà liền đảnh lễ nơi chân đức Phật, rồi lui ra một bên.

Bà-la-môn, cư sĩ nước Ma-kiệt-đà đều ở một chỗ, cũng đảnh lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên. Lúc đó, Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà

thưa hỏi đức Phật, đức Phật cũng thăm hỏi rồi bảo họ hãy lui ra ngồi một bên. Các Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà, chắp tay hướng về đức Phật đảnh lễ xong, lui ra ngồi một bên. Các Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà từ xa nhìn thấy đức Phật ngồi im lặng.

Bấy giờ, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp (Âu-lâu-tỳ-loa-ca-diếp) đang ngồi gần đại chúng. Các Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà đều suy nghĩ:

- "Đại Sa-môn này theo Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp học đạo, hay là Ưu-lâu-tần-loa-Ca-diếp theo Đại Sa-môn này học Đạo"? Đức Phật biết được suy nghĩ của các cư sĩ, Bà-la-môn nước Ma-kiệt-đà, Ngài hương về Ưu-lâu-tần-loa-Ca-Diếp dùng kệ hỏi:

Ngươi Ưu-lâu-tần-loa Nhờ đã thấy được gì. Bỏ đạo cúng dường lửa Mà theo học đạo này? Những lý do như vậy Ông hãy nói với Ta Ông đã thờ cúng lửa Thế sao lại bỏ đi?

Ưu-lâu-tần-loa-Ca-Diếp đáp:

Uống ăn các mùi vị Tham đắm ba loại này Các tai họa như vậy Con đã thấy rõ ràng Nên bỏ đạo thờ lửa Tâm không sanh an vui. Đức Phật dạy:

Tâm ông không an vui
Ăn uống các mùi vị
Vì sao tâm không vui
Đạo tối thắng trời, người.

Ông hãy trả lời Ta.

Ca Diếp thưa:

Con thấy Diệt vô dư
Đạo tối thắng bậc nhất,
Dục lạc ở thế gian
Tâm không sanh tham đắm.
Không có tướng khác biệt
Không theo lời dạy khác
Vì thế, bỏ thờ lửa
Tâm không sanh an vui.
Khi cúng dường, thờ lửa
Con bỏ tâm tà xưa
Nhờ đó được giải thoát
Con thật là mù tối.
Thuận theo dòng sanh tử
Không biết Đạo chân chánh
Nay mới gặp Vô vi
Như Lai khéo giảng nói.
Chỗ đại chúng về nương
Thế Tôn: Người dẫn đường
Nay con đã hiểu rõ
Chân lý của Cù Đàm.
Đức Phật dạy:
Đến với Đạo, tu hành
Những niệm ấy đều đúng
Khéo phân biệt pháp tướng
Là đạt được tối thắng.

Ca Diếp! Ông hãy giải đáp thắc mắc cho đại

chúng!

Lúc ấy, Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp liền nhập định, như chỗ tâm khởi, đến phương đông, ở giữa hư không hiện bốn oai nghi: Đi, đứng, ngồi, nằm, trong thân xuất ra lửa. Trưởng lão xuất ra vô số ánh sáng: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, thủy tinh, hiện tướng thần thông dưới thân phun ra lửa, trên thân phun ra nước trong mát. Các phương Nam, Tây, Bắc, cũng hiện bày vô số thần thông biến hóa như vậy. Sau đó, thâu tóm trở về, chắp tay đảnh lễ đức Phật, thưa:

- Đức Phật là Thầy của con, con là đệ tử của đức Phật. Tôn giả nói ba lần như vậy.

- Đúng vậy này Ca diếp! Ta là Thầy của ông, ông là đệ tử của Ta.

Ca diếp! Ông hãy ngồi đi.

Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp bèn trở về chỗ ngồi của mình.

Lúc đó cư sĩ Bà la môn nước Ma kiệt Đà đều nghĩ như vậy: "Nhất

định không phải Đại Sa-môn này theo Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp học đạo, mà là Ưu-lâu-tần-loa Ca Diếp theo Đại Sa-môn này học đạo".

Đức Phật Thế Tôn bảo vua Tần-bà-sa-la, nước Ma-kiệt-đà:

Này Đại vương! Sắc cũng sanh cũng diệt, sanh diệt này tương ưng, nên biết Thức, Tưởng, Thọ,

Hành cũng sanh cũng diệt, sanh diệt này tương ưng.

- Này Đại vương! Sắc là pháp sanh diệt. Này Thiện nam! Biết việc này rồi thì Thức, Tưởng, Thọ, Hành cũng là pháp sanh diệt.

Này Đại vương! Thiện nam! Biết sắc không đắm trước, không chấp thủ, không an trụ, không hội nhập, chấp Tưởng, Thọ, Hành là ngã. Này Thiện nam! Biết như vậy thì không tham đắm, không chấp thủ, không an trụ, không hội nhập.

Này Đại vương! Thiện nam! Chấp sắc là ngã, không tham đắm, không chấp thủ, không hội nhập, khởi tâm vô ngã, Ta nói người này tức đạt được vô lượng vô biên giải thoát khỏi sanh tử.

Các Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà đều nghĩ: "Sắc không phải là ngã, thì Thức, Thọ, Tưởng, Hành cũng không phải là ngã, như vậy cái gì sẽ thành tự thể của ngã, nhân, chúng sanh, chủ thể làm, đối tượng làm, chủ thể khởi, đối tượng khởi chủ thể biết, đối tượng biết. Những việc như trên tức không thể sanh, bất cứ ở mọi chỗ mọi nơi, đã tạo ra các nghiệp quả thiện hay ác thì ai sẽ thọ nhận Ấm này, ai sẽ xả bỏ Ấm này và ai sẽ thọ nhận Ấm sau?".

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết được những suy nghĩ của các Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà, nên bảo các Tỳ-kheo:

- Tự xưng có ngã đều là phàm phu ngu si, nghe theo lời nói của người khác, đều là không có ngã và ngã sở, vì khổ sanh nên sanh, vì khổ diệt nên diệt, vì Hành sanh nên sanh, vì Hành diệt nên diệt. Nương vào nhân duyên như vậy, chúng sanh sanh ra thân hành Như Lai biết chúng sanh nối tiếp nhau mà có sanh diệt. Các Tỳ-kheo! Ta thấy tất cả là nhờ mắt thù thắng, thanh tịnh hơn hẳn mắt của loài người. Nếu chúng sanh sanh diệt theo sắc thiện, sắc ác, hoặc là tối thắng, hoặc là thấp hèn, hoặc sanh vào đường thiện, hoặc sanh vào đường ác, theo các pháp nghiệp như vậy, Ta đều biết như thật. Các chúng sanh này đầy đủ nghiệp xấu ác của thân, nghiệp xấu ác của miệng, ý chê bai Thánh hiền, đầy đủ pháp nghiệp nhân duyên của tà kiến, nên sau khi qua đời sẽ bị đọa nơi đường ác, đọa trong địa ngục. Lại nữa, chúng sanh đầy đủ nghiệp thiện của thân, đầy đủ nghiệp thiện của miệng, ý không chê bai Thánh hiền, vì chánh kiến nên tạo ra pháp nghiệp chánh kiến, nhờ nhân duyên này nên sau khi qua đời, liền được sanh nơi đường thiện, sanh lên cõi trời. Những điều như vậy Ta đều thấy biết. Ta cũng không nói: "Đây là ngã, đây là chúng sanh, đây là mạng sống, đây là người, đây là tạo tác, đây là sanh, đây là chủ thể sanh, chủ thể khởi, đối tượng khởi, chủ thể biết, đối tượng biết. . . những việc như trên là không sanh, không có. Sự thọ nhận nghiệp quả thiện ác đã tạo tác, ở mọi chỗ mọi nơi,

bỏ Ấm này theo Ấm sau, là các pháp khác nhau, nương tựa nhau. Các pháp nương tựa nhau là: Pháp này có nên pháp kia sanh. Như Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, Ưu, Bi, khổ não, khởi lên Đại khổ Ấm tích tập như vậy.

Pháp này không nên pháp kia diệt Vô minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục nhập diệt, Lục nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão tử, Ưu, Bi, khổ não. . . diệt, các Đại khổ Ấm diệt như vậy.

Như vậy này các Tỳ-kheo! Pháp hữu vi đều là khổ, Niết bàn là tịch diệt. Do tập nên Khổ tích tập, nhờ Diệt nên khổ trừ diệt. Đoạn vốn là không tương tục, không tương tục nên Diệt. Cuối cùng được chấm dứt khổ như vậy. Này Tỳ-kheo! Thế nào gọi là Diệt? Là cảnh giới Khổ đã chấm dứt, nên gọi là tịch diệt, tịch diệt cũng là đoạn tận. Đó là cảnh giới thanh tịnh tịch diệt. Nếu lìa tất cả các phiền lụy thì đoạn tận ái hết, lìa ham muốn, tức là Niết bàn tịch diệt.

Bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo vua Tần-bà-sa-la

nước Ma-kiệt-đà:

- Này Đại vương! Sắc là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn! Là vô thường.

- Khổ là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn! Khổ là vô thường.

- Đối với pháp sanh diệt, các đệ tử Thanh văn lại khởi tưởng như vậy: "Ta chính là Ngã, những vật của Ta là Ngã sở".

- Điều này không đúng. Bạch Thế Tôn.

- Này Đại vương! Ý ông như thế nào? Thức, Thọ, Tưởng, Hành là thường hay vô thường?

- Bạch Thế Tôn! Là vô thường.

- Các khổ này là thường hay vô thường?

- Khổ đều là vô thường. Bạch Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói:

- Nếu các khổ này là vô thường tức là pháp sanh diệt. Nhưng các đệ tử Thanh văn lại khởi tưởng như vầy: "Ta chính là Ngã, những vật của Ta là Ngã sở".

- Việc này không đúng. Bạch Thế Tôn!

Theo những việc như vậy. Này Đại vương! Nếu có sắc nhỏ, quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc rộng lớn, hoặc nhỏ hẹp, hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc gần, hoặc xa. . . tất cả những sắc này đều chẳng phải là Ngã, ngã sở. Do đó, nên dùng chánh trí quán sát đúng như thật như vậy:

Nếu có Thọ, nếu có Tưởng, nếu có Hành, nếu có Thức quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc rộng lớn, hoặc nhỏ hẹp, hoặc tăng, hoặc giảm, hoặc gần, hoặc xa v. v… thì tất cả những pháp này đều chẳng phải là ngã, ngã sở. Nếu dùng chánh trí quán sát đúng như thật như vậy: Đệ tử chân chánh như vậy, có tri kiến như vậy, nên nhàm chán Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức v. v… cũng sanh khởi nhàm chán. Nhàm chán nên xa lìa chán lìa nên được giải thoát. Vì giải thoát nên được kiến tuệ, sự sống của Ta đã hết, các lậu đã dứt, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau.

Khi nghe Phật giảng nói các pháp như vậy, vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà không còn các đắm nhiễm, xa lìa cấu uế, đối với các pháp, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Khi ấy, tám vạn chư thiên và vô lượng trăn ngàn Bà-la-môn cư sĩ nước Ma-kiệt-đà đối với pháp cũng đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà thấy pháp, đạt được pháp, hiểu rõ pháp, thể nhập pháp sâu xa, vượt qua tâm mong cầu, thoát được các lưới nghi, không theo lời người khác, lại càng không tin theo đạo khác, ở trong giáo pháp của Phật đạt được vô uý, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chắp tay đảnh lễ Phật và thưa:

- Kính bạch Thế Tôn! Con đã được độ thoát, hôm nay con xin quy y Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, xin đức Thế Tôn chấp nhận con làm Ưu bà tắc, từ

nay cho đến suốt đời, con xin quy y, không sát sanh, các nghiệp luôn thanh tịnh. Xin đức Thế Tôn đến thành Vương Xá con xin được trọn đời cúng dường đức Thế Tôn các vật cần dùng: Y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc thang. Xin đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng đều nhận lời thỉnh mời của con.

Sau khi Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà mời thỉnh, đức Phật ngồi im lặng. Vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà đã biết đức Phật im lặng nhận lời, liền cúi đầu đảnh lễ nơi chân đức Phật, rồi từ tạ lui ra.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hướng về thành ấy, lần lượt đi đến thành Vương Xá, ở trong vườn trúc Kha-Lan-Đà.

Lúc ấy, ở thành Vương Xá có một vị đạo sĩ tên là San-đồ-di, giáo hóa chưa lâu, số người tôn kính vị ấy làm theo để tu tập rất đông. Vị này có hai người đệ tử thống lãnh đồ chúng: Một người tên là Ưu-bà-để-sa, một người tên là Cổ- lợi-đa. Hai người đó cùng nhau giao ước với nhau: "Nếu ai đạt được quả vị cam lồ tối thắng chắc chắn phải cùng nhau chia xẻ". Bấy giờ, Trưởng lão A-thuyết-thị vào sáng sớm, ôm bình bát vào thành Vương Xá để khất thực. Khi đó, đạo sĩ Ưu-ba-để-sa từ trong thành Vương Xá đi ra, trên đường đi có vài duyên sự, đạo sĩ Ưu-ba-để-sa từ xa nhìn thấy Trưởng lão A-thuyết-thị, lòng rất vui mừng, trịnh trọng nhìn Trưởng lão đang mặc y, thấy vậy đạo sĩ suy nghĩ:

"Trong thành Vương-xá này, những người xuất gia học đạo, không thấy có người nào oai nghi như thế. Hôm nay ta nên thưa hỏi người xuất gia này: Ai là Thầy ông? Ông đã xuất gia ở đâu? Ông theo học giáo pháp của ai?". Vì muốn thưa hỏi nên đạo sĩ đứng bên đường để đợi Trưởng lão A-thuyết-thị đến. Đạo sĩ Ưu-ba-để-sa hỏi Trưởng lão A-thuyết-thị:

- Thưa Tôn giả! Ai là Thầy ông?

Ông xuất gia với ai?

Ông theo giáo pháp của ai?

Trưởng lão nói:

- Sa-môn Cù Đàm cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, có lòng tin chân chánh, xả bỏ hữu vi, xuất gia học đạo, chứng đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, Đức Thế Tôn ấy là Thầy của tôi, tôi xuất gia theo Ngài, tôi theo giáo pháp của Ngài.

- Thưa Trưởng lão! Xin Trưởng lão giảng nói pháp ấy cho tôi được chăng? Trưởng lão A-thuyết-thị đáp:

- Tôi còn non kém, sở học cạn cợt nên chưa có thể giảng nói được pháp rộng lớn sâu xa của Như Lai Vô thượng chánh đẳng giác. Hôm nay, tôi chỉ xin lược nói một vài ý nghĩa trong giáo pháp.

- Xin giảng nói cho tôi, tôi chỉ cần nghĩa lý, không cần văn tự. Lúc ấy, Trưởng lão A-thuyết-thị nói kệ:

Nếu pháp từ nhân sanh
Như Lai nói nhân ấy
Diệt các nhân như vậy
Đó là lời Phật dạy.

Khi Trưởng lão nói các pháp như thế, đạo sĩ Ưu-ba-để-sa không còn đắm nhiễm, xa lìa được cấu uế, đối với pháp đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó, đạo sĩ Ưu-ba-để-sa thấy được pháp rồi đạt được pháp, hiểu rõ pháp, thể nhập pháp sâu xa, vượt khỏi tâm mong cầu, vượt khỏi lưới nghi ngờ, không còn tin vào đạo người khác, không theo lời dạy khác, ở trong giáo pháp của đức Thế Tôn, đạt được vô uý, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng về Trưởng lão A-thuyết-thị làm lễ và thưa:

- Giáo pháp sâu xa như vậy, đức Thế Tôn đã giảng nói, không lay động, không sầu não, vô số na-do-tha kiếp, từ xưa đến nay tôi chưa từng thấy nghe. Hôm nay đức Thế Tôn đang ở đâu?

- Ở tại khu vườn Trúc Kha-Lan-Đà, thuộc thành Vương-xá.

Bấy giờ, đạo sĩ Ưu-ba-để-sa nghe Trưởng lão A-thuyết-thị nói xong, vô cùng vui mừng, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Trưởng lão A-thuyết-thị rồi đi.

Đạo sĩ Ưu-ba-để-sa đến chỗ đạo sĩ Cổ-lợi-đa, đạo sĩ Cổ-lợi-đa từ xa trông thấy đạo sĩ Ưu-ba-để-sa, liền nói:

- Các căn của ông sao hân hoan đến như vậy, sắc mặt lại thanh tịnh, màu da trắng sáng, Trưởng lão! Ông đã đạt được cam lồ phải không?

Nếu đúng như vậy, này Trưởng lão! Xin hãy giảng nói pháp cho tôi.

Khi ấy, đạo sĩ Ưu-ba-đề-sa nói kệ:

Nếu pháp do nhân sanh
Như Lai nói nhân này
Diệt các nhân như thế
Đó là lời Phật dạy.

- Trưởng lão hãy nói lại một lần nữa cho tôi:

Nếu pháp do nhân sanh
Như Lai nói nhân này
Diệt các nhân như thế
Đó là lời Phật dạy.

Khi nghe nêu giảng các pháp như vậy, đạo sĩ Cổ-lợi-đa không còn đắm nhiễm, xa lìa cấu uế, đối với pháp đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc này, đạo sĩ Cổ-lợi-đa thấy được pháp rồi đạt được pháp, hiểu rõ pháp, thể nhập pháp sâu xa, vượt khỏi tâm mong cầu, vượt khỏi lưới nghi ngờ, không còn tin vào đạo người khác, không theo lời dạy khác, ở trong giáo pháp của đức Thế Tôn đạt được vô uý, nên từ chỗ ngồi đứng dậy sửa áo bày vai phải, chắp tay hướng về Ưu-ba-đề-sa làm lễ và tôn trọng thưa:

- Đức Thế Tôn đã chỉ dạy giáo pháp sâu xa như vậy, đã giảng nói, không lay động, không sầu não,

vô số na-do-tha kiếp từ xưa đến nay tôi chưa từng thấy nghe. Hiện nay đức Thế Tôn đang ở đâu?

- Ở tại khu vườn Trúc ông Kha-Lan-Đà, thuộc thành Vương-xá. Chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ đức Thế Tôn, ở đấy để tu hành phạm hạnh, cũng nên đến chỗ đồ chúng của Ngài, đại chúng đó cũng có trí tuệ bằng chúng ta.

Bấy giờ, đạo sĩ Ưu-ba-để-sa và Cổ-lợi-đa bảo với các đệ tử Bà-la-môn :

- Chúng tôi muốn đến chỗ đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh, hôm nay các ông thấy thế nào?

Đáp: - Chúng con có được trí tuệ đều nhờ thầy dạy, nếu Thầy nương theo đức Thế Tôn tu hành phạm hạnh thì chúng con cũng theo thầy xuất gia.

- Này Bà-la-môn các ông! Nên biết, hôm nay chính là đúng thời.

Thế là Ưu-ba-để-sa, Cổ-lợi-đa cùng với hai trăm năm mươi quyến thuộc ra khỏi thành Vương-xá đi đến chỗ đức Thế Tôn.

Lúc ấy, đức Thế Tôn đang vì vô số trăm ngàn chúng sanh giảng nói giáo pháp. Đức Thế Tôn từ xa nhìn thấy hai đạo sĩ Ưu-ba-để-sa và Cổ-lợi-đa với hai trăm năm mươi người đi theo, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo! Các vị hãy xem hai người bạn ấy, họ đều là người đứng đầu, thống lãnh đồ chúng đang đến nơi này. Ưu-ba-để-sa và Cổ-lợi-đa theo

Như Lai như vậy, sẽ thành hai đệ tử bậc nhất của Ta: Một người là thần thông bậc nhất, một người là trí tuệ bậc nhất.

Trong đại chúng có Tỳ-kheo nói kệ:

Thấy hai người này đến
Tên Ưu-ba-để-sa
Cùng với Cổ-lợi-đa
Chưa đến vườn Trúc này
Nay Thế Tôn thọ ký
Trí tuệ Phật vô biên
Các căn hơn người đời
Đầy đủ Ba-la-mật.

Đức Thế Tôn là bậc tối thượng trong đời, hai vị ấy sẽ làm đệ tử lớn. Đức Thế Tôn đã thọ ký, một là thần thông bậc nhất, hai là trí tuệ bậc nhất.

Khi đó, Ưu-ba-để-sa và Cổ-lợi-đa đi đến chỗ Phật, đảnh lễ nơi chân Phật rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Chúng con nguyện được ở trong giáo pháp của đức Thế Tôn xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo, tu trì phạm hạnh. Như vậy là hai đạo sĩ ấy, đối với giáo pháp tự nhiên được xuất gia, thọ giới làm Tỳ-kheo. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vào buổi sáng, mặc y, mang bình bát vào thành Vương-xá để khất thực, dân chúng trong thành này thấy đồ chúng của đạo sĩ San-đồ-di xuất gia thọ giới, nên đối với các Tỳ-kheo, họ liền trách mắng, nói kệ:

Phật đến thành Vương-xá
Thuộc nước Ma-kiệt-đà
Vì sao lại giáo hóa
Đồ chúng San-Đồ-di.

Các Tỳ-kheo đều im lặng không đáp lại, vì chưa hiểu rõ lại không có biện tài. Các Tỳ-kheo cứ theo thứ lớp khất thực, thọ thực xong, liền trở về chỗ của mình cất y bát, rửa chân rồi đi đến chỗ Phật. Đến nơi, họ cúi đầu đảnh lễ, lui ngồi một bên.

Các Tỳ-kheo thưa Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Chúng con cùng các Tỳ-kheo, vào buổi sáng, mặc y, mang bát vào thành Vương-xá để khất thực. Lúc đó, dân chúng trong thành thấy đồ chúng của đạo sĩ San-đồ-di xuất gia thọ giới, liền nói kệ trách mắng:

Phật đến thành Vương-xá Thuộc nước Ma-kiệt-đà Vì sao lại giáo hóa

Đồ chúng San-Đồ-di.

Các Tỳ-kheo đều im lặng không đáp lại, vì chưa hiểu rõ và không có biện tài. Đức Phật bảo:

- Nếu dân chúng trong thành Vương-xá nói như vậy, các ông nên trả lời như vầy:

Bậc Đại hùng cứu độ Như Lai dùng chánh pháp

Pháp thiện dạy chúng sanh Ai không biết mới trách.

Khi nói như vậy, mọi người trong thành Vương-xá sẽ im lặng không đáp, tức đều mất biện

tài.

Các Tỳ-kheo vào sáng hôm sau, mặc y, mang bình bát vào thành Vương-xá khất thực, dân chúng trong thành Vương-xá thấy đồ chúng của đạo sĩ San-đồ-di hiện là Tỳ-kheo nên lại nói kệ trách mắng:

Phật đến thành Vương-xá
Thuộc nước Ma-kiệt-đà
Vì sao lại giáo hóa
Đồ chúng San-Đồ-di?

Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền nói kệ đáp:

Bậc Đại hùng cứu độ
Như Lai dùng chánh pháp
Pháp thiện dạy chúng sanh
Ai không biết mới trách.

Chư vị nói như vậy rồi, dân chúng trong thành Vương-xá liền im lặng không đáp tức mất hết biện tài.

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ngươi còn mặc y phục ngoại đạo, không nên độ họ xuất gia.

Đức Phật liền chế giới: "Người mặc y phục ngoại đạo, không nên độ họ xuất gia".

Lúc đó, các Tỳ-kheo không biết thế nào là độ ngoại đạo xuất gia, liền đem việc này lên thưa Phật, Phật dạy:

- Vì vậy, Tỳ-kheo cần phải học hỏi.

Trong lúc ấy, có ngoại đạo thuộc họ Độc Tử ở thành Vương-xá, ngoại đạo Độc Tử bèn đi đến chỗ đức Thế Tôn, thăm hỏi Phật rồi, nêu bày nhiều luận thuyết xong lui ra ngồi một bên. Sau đó, ngoại đạo Độc Tử thưa Phật:

- Hôm nay, tôi muốn hỏi Sa-môn Cù Đàm một vài nghĩa lý, xin ngài chấp nhận giảng nói cho tôi. Đức Thế Tôn im lặng.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy, đức Thế Tôn cũng im lặng. Ngoại đạo Độc Tử lại thưa Phật:

- Tôi ở trong đêm tối đã lâu, thưa Thế Tôn Cù Đàm! Hôm nay, tôi xin hỏi một vài nghĩa lý, xin Ngài chấp nhận giảng nói cho tôi.

Lúc ấy, đức Phật nghĩ:

- Ngoại đạo Độc Tử này, từ lâu không dua nịnh, không giả dối, tánh ngay thẳng, trong sạch, nếu thưa hỏi điều gì cũng là để hiểu rõ về nghĩa lý, chẳng phải là để làm não loạn Ta. Ta nên theo như nghĩa bí mật của A-tỳ-đàm, nghĩa bí mật của Luật để giảng giải những điều nghi vấn ấy". Biết tâm niệm của ngoại đạo Độc Tử rồi. Đức Phật nói:

- Này Độc Tử! Hãy hỏi tùy theo sở thích của ngươi.

- Thưa Cù Đàm! Thiện, bất thiện là có hay là không?

- Này Độc Tử! Có thiện có bất thiện.

- Lành thay! Thưa Thế Tôn Cù Đàm! Xin giảng nói pháp thiện, pháp bất thiện cho tôi, khiến tôi nhận biết về pháp thiện pháp bất thiện.

- Này Độc Tử! Ta sẽ giảng rõ về thiện ác cho ngươi. Bây giờ sẽ lược nói, hãy lắng nghe: Dục nhiễm là ác, từ bỏ dục nhiễm là thiện. Sân si là ác, không sân si là thiện. Sát sanh là ác, không sát sanh là thiện. Trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói thêu dệt, tham lam bỏn xẻn, tà kiến là ác, chánh kiến là thiện.

- Này Độc Tử! Ta đã nói ba loại pháp thiện, ba loại pháp ác. Như vậy, nếu đệ tử của Ta biết đúng như thật về ba loại ác, biết đúng như thật về ba loại thiện, mười loại ác, mười loại thiện, biết Dục đã hết, Sân đã hết, Si đã hết. Do Dục hết, Sân hết, Si hết, các lậu hết thì được tâm vô lậu giải thoát, được trí giải thoát, tự nhiên thấy pháp, chứng đắc pháp, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã xong không còn thọ thân đời sau nữa.

- Thưa Cù Đàm! Có một Tỳ-kheo nào đối với giáo pháp này, các lậu đã hết, đối với pháp vô lậu, tâm được giải thoát, như trên đã nói, mà không còn thọ đời sau không?

- Này Độc Tử! Chẳng phải một Tỳ-kheo, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải năm cho đến một trăm mà vô số Tỳ-kheo như vậy, ở trong pháp này, các lậu đã dứt, đạt được vô lậu, như trước đã

nói, không còn thọ đời sau nữa.

- Thưa Cù Đàm! Như Tỳ-kheo, còn có một Tỳ-kheo ni nào, ở trong giáo pháp này, các lậu đã dứt, đạt được vô lậu, tâm được giải tho- át, như trước đã nói, không còn thọ đời sau nữa chăng?

- Này Độc Tử! Chẳng phải một Tỳ-kheo ni, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải năm cho đến một trăm, mà là vô lượng Tỳ-kheo ni như vậy, ở trong pháp này, dứt sạch các lậu, đạt được vô lậu, tâm được giải thoát, như trước đã nói, không còn thọ đời sau nữa.

-Thưa Cù Đàm! Như Tỳ-kheo ni, còn có Ưu-bà-tắc ở trong giáo pháp này, tu hành phạm hạnh, vượt khỏi sự mong cầu, vượt khỏi lưới nghi chăng?

- Này Độc Tử! Chẳng phải một Ưu-bà-tắc, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải năm cho đến một trăm, mà là vô lượng Ưu-bà-tắc, ở trong giáo pháp này, đối với năm loại trói buộc khác nhau đều được giải thoát, hóa sanh, liền ở trong Niết bàn, không còn thối lui, theo đúng lẽ sẽ không trở lại cõi này.

- Thưa Cù Đàm! Giống như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc lại có Ưu-bà-di tu hành phạm hạnh, vượt khỏi sự mong cầu, vượt khỏi lưới nghi chăng?

- Này Độc Tử! Chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải năm cho đến một trăm, mà là vô số Ưu-bà-di, ở trong giáo pháp này, đối

với năm loại ràng buộc khác nhau, đều được giải thoát, hóa sanh, liền ở trong Niết bàn, không còn thối lui, theo đúng lẽ sẽ không trở lại cõi này.

- Thưa Cù Đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc phạm hạnh, Ưu-bà-di phạm hạnh, có một Ưu-bà-tắc nào thọ năm dục lạc, ở trong giáo pháp này vượt thoát sự mong cầu, vượt thoát lưới nghi chăng?

- Này Độc Tử! Chẳng phải một Ưu-bà-tắc, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải năm cho đến một trăm, mà có vô lượng, ở trong giáo pháp này, có nhiều vợ con ở nhà, tham đắm hương hoa, chuỗi ngọc, mặc quần áo đẹp, có dầu xoa thân, trang sức nhiều châu báu, sai khiến các nô tỳ, đều được thoát khỏi ba loại ràng buộc, làm giảm dâm dục, sân hận, ngu si, đạt được quả Tư-đà-hàm, chỉ còn một lần trở lại thế giới này, dứt hết các khổ đau.

- Thưa Cù Đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc phạm hạnh, Ưu-bà-di phạm hạnh, Ưu-bà-tắc thọ năm thứ dục lạc, có Ưu-bà-di nào thọ hưởng năm thứ dục lạc, ở trong giáo pháp này, vượt thoát sự mong cầu, vượt thoát lưới nghi chăng?

- Này Độc Tử! Chẳng phải một Ưu-bà-di, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải năm cho đến một trăm, mà có vô lượng, ở trong giáo pháp

này, nuôi dưỡng con cái, sai khiến nô tỳ như trước, đều được giải thoát ba loại trói buộc, ngược dòng sanh tử, đạt tâm không thối lui, chắc chắn chứng thành chánh giác, bảy lần thọ thân ở cõi này, bảy lần sanh lên cõi trời, lại làm thân người dứt hết các khổ.

- Pháp của Sa-môn Cù Đàm thành tựu chánh giác như vậy, nếu các Tỳ-kheo đều được chứng đắc, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc thọ dục lạc, Ưu-bà-di thọ dục lạc cũng đều được như vậy.

Thưa Thế Tôn! Giáo pháp như thế thì không thành tựu đầy đủ, vì pháp của Cù Đàm đã thành tựu Chánh giác thì Tỳ-kheo đều chứng đắc, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc tu phạm hạnh, Ưu-bà-di tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc thọ dục lạc, Ưu-bà-di thọ dục lạc cũng được như vậy, nhờ đó giáo pháp của Cù Đàm mới được đầy đủ. Thưa Cù Đàm! Hôm nay tôi muốn nói ví dụ:

- Này Độc Tử! Hôm nay chính là đúng lúc.

- Đúng vậy, thưa Cù Đàm! Như trời mưa nước chảy thành dòng. Cũng vậy, Thế Tôn! Cù Đàm chỉ dạy tất cả nam, nữ, đồng nam, đồng nữ, hoặc già, hoặc trẻ, thuận theo Niết bàn, trôi chảy theo dòng Niết bàn, chảy đến tận nguồn Niết bàn, tùy thuận nói Niết bàn. Kỳ lạ thay đấng khéo hiểu biết! Lạ thay bậc khéo nói pháp! Thưa Cù Đàm! Nếu có đạo

sĩ ngoại đạo xuất gia, hoặc đến, hoặc mong cầu, ở trong pháp tự nhiên được xuất gia, thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo, trong bao lâu thì được nương ở cùng chúng Tỳ-kheo?

- Này Độc Tử! Nếu đạo sĩ ngoại đạo xuất gia, hoặc đến, hoặc mong cầu, ở trong pháp tự nhiên được xuất gia, thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo, thì nên nương vào Tỳ-kheo Hòa thượng, trong bốn tháng mỗi ngày đều khoác ca sa để thử, rồi theo hai điều để suy xét Ta đã nói như vậy.

- Thưa Cù Đàm! Nếu đạo sĩ ngoại đạo xuất gia, hoặc đến, hoặc mong cầu, ở trong pháp tự nhiên được xuất gia, thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo thì nên nương vào Tỳ-kheo Hòa thượng, trong bốn tháng mỗi ngày đều khoác ca sa để thử. Hôm nay con muốn không những nương theo bốn tháng, mà còn nương theo bốn năm, hôm nay con nguyện ưa thích ở trong pháp tự nhiên được xuất gia, thọ giới cụ túc làm Tỳ-kheo, con nương theo Thế Tôn để tu phạm hạnh.

- Này Độc Tử! Nhưng trước đây Ta đã từng nói hai điều cứu xét.

- Thưa Cù Đàm! Ngài đã nói điều đó. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Hãy độ đạo sĩ Độc Tử xuất gia, cho thọ giới Cụ túc.

Đạo sĩ Độc Tử đã ở trong giáo pháp, tự nhiên

được xuất gia thọ giới cụ túc. Trưởng lão Độc Tử sau khi thọ giới Cụ túc được nửa tháng, mới đến học tuệ, nên học, nên quán sát, nên chí tâm, nên thấu hiểu. Các tuệ như vậy đã thấy, đã biết, đã hiểu và chứng đắc chánh pháp của Thế Tôn.

Lúc ấy, Trưởng lão Độc Tử suy nghĩ:

-"Ta đã học tuệ, nên học, nên quán sát, nên chí tâm, nên thấu hiểu, tất cả các tuệ này, đã thấy, đã biết, đã học, đã chứng đắc chánh pháp của đức Thế Tôn. Hôm nay chính là đúng lúc ta nên đi đến chỗ Thế Tôn".

Trưởng lão Độc Tử bèn đi đến chỗ Thế Tôn, đến nơi đảnh lễ chân Phật, lui ra đứng một bên, sau đó Trưởng lão Độc Tử thưa Thế Tôn:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Con đã học tuệ, nên học, nên quán sát, nên chí tâm, nên thấu hiểu, tất cả các tuệ này, đã thấy, đã biết, đã học, đã chứng đắc chánh pháp của đức Thế Tôn. Lành thay! Xin Thế Tôn giảng nói chánh pháp cho con, để con được gần gũi, không còn buông lung, cho đến chuyện cũ cũng không tái diễn.

- Như vậy, này Độc Tử! Nên gần gũi hai pháp quán sát, tu tập hai pháp như vậy, nếu gần gũi, quán sát, tu tập, thì được tánh tuệ, biết rõ các tánh, biết vô số tánh, biết vô lượng tánh, hiểu vô lượng tánh.

- Này Độc Tử! Nếu Tỳ-kheo sắp suy nghĩ: "Vui thay! Ta lìa các dục, ta xa lìa các pháp ác bất thiện,

có mong cầu, có lường tính, tịch tĩnh an lạc trụ vào Thiền thứ nhất là diệt trừ mong cầu, không còn lường tính, khiến đạt Hỷ nên nhất tâm không còn mong cầu, không còn lường tính. An trụ vào thiền thứ hai, xa lìa Hỷ nên trụ trong Xả, an trụ trong niệm thì biết rõ chứng được chánh đế, xả niệm an lạc. An trụ vào thiền thứ ba, lìa lạc, lìa khổ, diệt Ưu, Hỷ, không khổ không lạc, đều xả niệm thanh tịnh. An trụ vào thiền thứ tư, Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vui thay! Ta đã xa lìa ba loại trói buộc, đạt được quả Tu-đà-hoàn, xa lìa ba loại trói buộc rồi thì làm mỏng dâm dục, sân hận, ngu si, đắc quả Tư-đà-hàm, thành tựu các thần lực, nhãn căn thanh tịnh, ý căn thanh tịnh, ở nơi Bổn xứ, thoát khỏi sanh tử, dứt sạch các lậu, thành tựu như vậy, đầy đủ vô số năng lực thần thông, dùng một thân có thể làm thành vô lượng thân, dùng vô lượng thân làm thành một thân, có thể làm sáng, có thể làm tối, quán sát đầy đủ về các tuệ, đi qua đá, đi qua tường vách, đi qua bờ rào thân không bị chướng ngại, đi vào trong đất, giống như đi trong hư không, có thể xuất ra, có thể đi vào trong đất giống như vào ra ở trong nước, ngồi kiết già giữa hư không, bước đi giống như chim bay, mặt trời mặt trăng có ánh sáng, nhưng tay có thể sờ nắm, cho đến thân bay lên cõi Phạm thiên, dùng như ý thông (thần túc thông), luôn được tự tại ở

trong pháp môn có sự mong cầu.

Vui thay! Ta là Tỳ-kheo, nhờ tai thanh tịnh vượt hơn tai của người thường, nghe được hai thứ tiếng, hoặc trời hoặc người, hoặc gần hoặc xa, tùy theo suy nghĩ liền được hiện tiền.

Đối với pháp môn nếu có mong cầu: "Vui thay! Ta là Tỳ-kheo được biết mong cầu của chúng sanh khác, biết được người khác đã có tâm lường tính, tâm nhớ nghĩ, đều biết đúng như thật". Có tâm mong muốn như vậy đều biết đúng như thật, tâm xa lìa tham dục, tưởng lìa dục như vậy đều biết đúng như thật, có dục lìa dục, có sân lìa sân, có si lìa si, tâm chánh niệm, tâm buông lung, tâm cao thượng, tâm thấp kém, tâm tịch tĩnh, tâm rất tịch tĩnh, tâm tạo tác, tâm không tạo tác, tâm giải thoát, tâm không giải thoát, như vậy đều biết đúng như thật, tùy tâm hướng đến điều gì đều có thể được như ý, đối với pháp môn có sự mong cầu. "Vui thay! Ta là Tỳ-kheo, có vô lượng phân biệt, nhớ nghĩ biết việc đời trước, như vậy một đời, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười; hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi; trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời, vô lượng số kiếp quá khứ, hiện tại, vị lai như thế đều nhớ biết. Như đã từng có chúng sanh tên đó…, lúc ấy ta ở chỗ đó… tên đó…, giòng họ như vậy, ăn uống như vậy, biết khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mong sống, chấm dứt như vậy, đã chết ở chỗ đó lại sanh ở chỗ

kia, hoặc chết ở chỗ kia lại sanh ở chỗ này, như tướng mạo, như xứ sở, vô số phân biệt, nhớ biết việc đời trước tùy theo tâm đã hướng đến điều gì đều được như ý".

Đối với pháp môn đã có sự mong cầu: "Vui thay! Ta là Tỳ-kheo, dùng mắt thanh tịnh vượt hơn mắt của người thường, thấy các chúng sanh khi chết khi sống, sắc đẹp sắc xấu, hoặc tăng hoặc giảm, hoặc hướng đến cõi thiện, hướng đến cõi ác, tùy theo việc, tùy theo nghiệp của chúng sanh, đều biết đúng như thật. Những chúng sanh này thân đầy đủ nghiệp ác, miệng đầy đủ nghiệp ác, chê bai Thánh Hiền, tà kiến, đầy đủ nghiệp tà kiến. Do nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung bị đọa vào đường ác, sanh trong địa ngục. Lại nữa, các chúng sanh này thân đầy đủ nghiệp thiện, ý đầy đủ nghiệp thiện, không chê bai Thánh Hiền, có chánh kiến, đầy đủ nghiệp chánh kiến, pháp theo nhân duyên. Nhờ nhân duyên này, nên thân hoại mạng chung được hướng đến cõi thiện, sanh lên cõi trời, tùy tâm hướng đến điều gì đều được như ý".

Đối với pháp đã có sự mong cầu: "Vui thay! Ta là Tỳ-kheo, đã dứt sạch các lậu, tâm được vô lậu giải thoát, đạt được tuệ giải thoát, hoàn toàn chứng đắc pháp tự nhiên. Sự sanh của Ta đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong không còn trở lại đời sau nữa. Tùy tâm hướng đến điều gì đều được như ý".

Đối với pháp môn có sự mong cầu, đã giác ngộ pháp, hỷ lạc là bằng chứng tùy tâm hướng đến điều gì đều được như ý. Các Tỳ-kheo này đối với các pháp môn nên gần gũi hai pháp như vậy, nên quán sát, nên tu tập. Đã tu tập hai pháp này rồi, nên gần gũi quán sát, tu tập thì thành tựu tánh tuệ, tánh giác, đầy đủ vô số tánh tuệ, vô lượng tánh tuệ, vô lượng tánh giác.

Trưởng lão Độc Tử nghe đức Phật giảng nói xong, hết sức vui mừng liền đảnh lễ nơi chân Thế Tôn, từ tạ đức Phật rồi lui ra.

Khi đó, Trưởng lão Độc Tử đã chứng đắc pháp tối thắng bậc nhất, không còn buông lung, không còn phiền não, tâm được tự tại an trụ.

Nếu thiện nam đã muốn làm người cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, có niềm tin chân chánh, xa lìa hữu vi, hướng đến pháp vô vi để xuất gia, thì đây là pháp phạm hạnh thanh tịnh vô thượng, tự biết mình đã chứng được pháp, "Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong không còn trở lại đời sau nữa", đều đã biết rõ.

Lúc này Trưởng lão chứng đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo ân cần mong muốn gặp đức Thế Tôn,

cúng dường đức Thế Tôn. Khi Trưởng lão Độc Tử thấy chúng Tỳ-kheo, lại nói:

- Các Trưởng lão muốn đi đến chỗ nào? Tôi

muốn đến chỗ đức Thế Tôn, muốn gặp đức Thế Tôn, muốn cúng dường Thế Tôn, mong các Trưởng lão thưa cho tôi được kính lời đảnh lễ nơi chân Thế Tôn, thăm hỏi Ngài ít bệnh, ít não, đứng ngồi khinh an, đi đứng an vui.

Trưởng lão Độc Tử nói tiếp:

- Tôi đã an lập nơi đức Thế Tôn, tôi đã được an lạc lâu dài, lúc nào cũng an lạc, đệ tử của Thế Tôn nên làm như vậy, để cúng dường Thế Tôn. Tôi hoan hỷ làm, luôn hoan hỷ làm.

Các Tỳ-kheo cùng đi đến chỗ Phật, đến nơi, đảnh lễ nơi chân Phật, lui ra ngồi một bên. Sau đó, các Tỳ-kheo thưa Phật:

- Kính bạch đức Thế Tôn! Trưởng lão Độc Tử đảnh lễ nơi chân Thế Tôn, thăm hỏi Ngài ít bệnh, ít não đứng ngồi khinh an, đi lại khí lực an ổn, không bị chướng ngại, luôn an lạc. Trưởng lão Độc Tử đã nói như vầy: "Ở chỗ đức Thế Tôn tôi đã được an lập. Từ lâu tôi đã tu tập theo Thế Tôn, tôi được an lạc, luôn luôn an lạc. Như vậy, những việc đệ tử của Thế Tôn nên làm là cúng dường Thế Tôn tôi hoan hỷ làm, luôn luôn hoan hỷ làm.

- Này các Tỳ-kheo! Chư thiên đã nói việc này với ta trước rồi, các ông nói sau theo hành tri kiến nơi tuệ vô thượng của Như Lai, như vậy Tỳ-kheo ấy cũng là bậc đại thần lực, đại oai đức.

Khi đó, đức Thế Tôn khen ngợi Trưởng lão

Độc Tử rồi nói:

- Nếu các Tỳ-kheo không đúng luật mà thi hành thì phạm Sa-để-sa-la. Nếu đạo sĩ ngoại đạo đến cầu xuất gia, Tỳ-kheo không cho ở chung, nhưng độ cho họ xuất gia, liền phạm Sa-để-sa-la. Thế nào là cho ngoại đạo ở chung? Nếu có ngoại đạo đến cầu xin xuất gia, liền đến chỗ Tăng cầu xin ở bốn tháng, cúi đầu đảnh lễ đại chúng, "Con là ngoại đạo tên. . . dốc cầu giáo pháp của Như Lai đã giác ngộ, nên xin được xuất gia thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo. Con là ngoại đạo tên. . . xin được ở trong chúng Tăng bốn tháng, nguyện xin đại đức Tăng thương xót cho con được ở bốn tháng". Thưa như vậy đến lần thứ hai, lần thứ ba. Vị thầy Yết ma nên bạch chúng:

- Đại đức Tăng lắng nghe! Ngoại đạo tên là. . . dốc cầu giáo pháp của Như Lai đã giác ngộ, nên xin được xuất gia thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo, ngoại đạo này tên là. . . xin Tăng cho ở bốn tháng, nếu Tăng thấy đúng thời, Tăng chấp nhận, nếu Tăng cho ngoại đạo tên là. . . được ở bốn tháng, bạch như vậy, nên làm Yết ma:

- Đại đức Tăng lắng nghe! Ngoại đạo này tên là. . . dốc cầu giáo pháp của Như Lai đã giác ngộ nên xin được xuất gia, thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo. Ngoại đạo này tên là. . . xin Tăng cho ở bốn tháng, nếu Tăng cho ngoại đạo tên là. . . ở bốn tháng, các Trưởng lão ai chấp nhận thì im lặng, ai

không chấp nhận thì nói ra. Yết ma lần thứ nhất, yết ma lần thứ hai, yết ma lần thứ ba đều như vậy. Tăng cho ngoại đạo tên là. . . ở bốn tháng, Tăng đã chấp nhận vì im lăng, việc này nên biết như vậy.

Người đó ăn uống hoặc làm việc Tăng, được Tăng phân cho thức ăn, nếu không làm việc của Tăng thì nên nói với người đó "Ông tự tìm thức ăn!" Ngoại đạo này nên tự tìm thức ăn. Các Tỳ-kheo mỗi ngày phải ba lần trước ngoại đạo chê trách như vầy: "Ngoại đạo không có niềm tin cung kính, ngoại đạo phạm giới, ngoại đạo không biết hổ thẹn, ngoại đạo đọa lạc, ngoại đạo tà kiến". Trưởng lão nên nói như vậy. Lúc đó nên tán thán năm loại công đức của các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Ngoại đạo nên nói: "Đúng vậy! Thưa Trưởng lão, ngoại đạo thật không có niềm tin cung kính, cho đến ngoại đạo thật tà kiến, kính xin Trưởng lão cứu giúp cho con, kính xin Trưởng lão cứu giúp con, thương xót con ở bốn tháng". Được các Tỳ-kheo đồng ý rồi thì được xuất gia thọ giới cụ túc. Nếu ngoại đạo đến với hình tướng một cư sĩ cũng nên cho ở thử như vậy rồi mới cho xuất gia, thọ giới Cụ túc. Nếu ngoại đạo tuy có hiểu giáo pháp, cũng nên cho ở chung thử rồi mới cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Nếu ngoại đạo không trải qua sự ở chung thử như trên, thì không được độ cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ thì phạm Sa-để-sa-la.

-oOo-

KINH PHẬT A-TỲ-ĐÀM XUẤT GIA TƯỚNG

QUYỂN HẠ

Đức Phật Thế Tôn được các chúng Trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, cung kính, tôn trọng cúng dường đức Thế Tôn đã được lợi ích và viên mãn tâm nguyện, xa lìa tất cả các pháp ác, đầy đủ tất cả các pháp thiện, không ái nhiễm, không chấp thủ, xa lìa ngã, ngã sở, đối với tất cả các trí tuệ đều được tự tại, đoạn dứt các cõi, đoạn trừ không còn các phiền não, đã giải thoát với các khả năng giải thoát, chuyển đổi nẻo luân hồi sanh tử. Các điều thiện làm tăng trưởng, các điều thiện trước hiện tiền nơi căn lành, khiến đạt được giải thoát, giáo hóa tự tại. Đức Phật thị hiện ở đời làm lợi ích cho chúng sanh. Đức Thế Tôn là con mắt là trí tuệ, là nghĩa, là pháp, là pháp tụ lớn, đối với ba loại chúng sanh, đức Phật là bậc Thầy dẫn dắt giáo hóa, khiến cho người khác cũng dẫn dắt, khiến cho người khác cũng làm Thầy, làm vị thương chủ lớn có thể nhận biết rõ đường lớn, đường nhỏ, có thể chỉ bày con đường lành, là bậc đại y vương, là vị đại hùng tối thắng trong loài

người, là đấng Chuyển luân vô thượng, thọ thân sau cùng, là Sa-môn, đạt đến quả Sa-môn không cấu, không uế, sáng suốt thanh tịnh, thấu rõ khắp nơi, có thể dùng mắt sáng diệt trừ tối tăm, làm ánh sáng diệt trừ tối tăm, làm ánh sáng độ thoát biển sanh tử, người chưa an khiến cho được an, đầy đủ không ai sánh bằng, luôn ân cần với trí tuệ đầy đủ Vô thượng, đại dũng mãnh, đại thâu tóm, đại oai đức, đại hùng, đại thần, đại lực, đại dẫn dắt, Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn là tối thượng, Thế Tôn thổi loa pháp, đánh trống pháp, dựng cờ pháp, treo phướn pháp, thắp đèn pháp, ngăn chặn đường ác, chỉ bày đường lành, trừ ác cho thế gian, ngăn che đường ác, khai mở đường chư thiên, chỉ bày con đường giải thoát, dùng oai lực của thần thông và oai lực của trí tuệ diệt trừ tất cả các tâm mê hoặc của hết thảy chúng sanh, tuôn mưa pháp hiển bày bốn vô úy, như mặt trời mới mọc, ánh sáng chiếu khắp thế gian, thu phục các ngoại đạo, đưa chúng sanh được sanh lên cõi trời và đạt quả giải thoát, tự độ và độ người, giải thoát cho mình và giải thoát cho người khác, làm an ổn cho mình và làm an ổn cho người khác, tự nhập Niết bàn và làm cho người được nhập Niết bàn.

Đức Phật Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có các Tỳ-kheo độ người xuất gia bằng cách nói "Thiện lai", hoặc người đã xuất gia mà mặc y phục không chỉnh

tề Đức Phật dạy: Tỳ-kheo không được độ người xuất gia bằng cách nói "Thiện lai", nếu độ thì phạm Sa-để-sa-la. Mười duyên khởi, hai mươi nhân duyên như trước đã giảng nói.

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường, cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn đang ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, Tỳ-kheo truyền giới Cụ túc cho người bằng cách nói Tam quy y. Người đã thọ giới, oai nghi, y phục đều không tề chỉnh, khi đó có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo này truyền giới Cụ túc bằng cách nói Tam quy y, oai nghi y phục đều không tề chỉnh". Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật.

Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được truyền giới Cụ túc bằng cách nói Tam quy y, như vậy là phạm Sa-để-sa-la.

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo truyền giới Cụ túc cho người mặc y phục cư sĩ. Lúc đó có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo ấy lại truyền giới Cụ túc cho người mặc y phục cư sĩ". Tỳ-kheo này, liền đem việc ấy bạch đức Phật.

Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được cho người mặc y phục cư sĩ thọ giới Cụ túc, như vậy là phạm Sa-để-sa-la.

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc đó, có Tỳ-kheo cho người đeo chuỗi anh lạc thọ giới Cụ túc. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo lại cho người đeo chuỗi anh lạc thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được cho người đeo chuỗi anh lạc thọ giới Cụ túc nếu cho người thọ giới Cụ túc như vậy, thì phạm Sa-để-sa-la.

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có Tỳ-kheo cho người không có nam căn giống người nữ thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo kia lại cho người không nam căn giống người nữ thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được cho người không có nam căn thọ giới Cụ túc, như vậy là phạm Sa-để-sa-la.

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước

Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo cho người "mật" xuất gia thọ giới Cụ túc. Người "mật" là người nam, tiếng nói như người nữ. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo lại độ cho người mật xuất gia, thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Không được độ cho người mật xuất gia, thọ giới Cụ túc nếu cho người mật xuất gia, thọ giới Cụ túc như vậy là phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo độ người "mật" xuất gia thọ giới Cụ túc. Người "mật" là người có nam căn vô dụng. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo lại độ cho người mật xuất gia, thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Không được độ cho người mật xuất gia, thọ giới Cụ túc, nếu cho người mật xuất gia, thọ giới Cụ túc như vậy là phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo độ người không qua thời gian ở chung xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc đó có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo lại độ người không qua thời gian ở

chung xuất gia, thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Không được độ người không qua thời gian ở chung xuất gia, thọ giới Cụ túc, nếu độ người không qua thời gian ở chung xuất gia, thọ giới Cụ túc như vậy là phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở trong vườn rừng Kỳ-Đà Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người đã bị hoạn xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo lại độ người bị hoạn xuất gia, thọ giới Cụ túc?". Tỳ-kheo ấy liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người đã bị hoạn xuất gia, thọ giới Cụ túc, nếu độ người đã bị hoạn xuất gia, thọ giới Cụ túc như vậy là phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo độ người huỳnh môn xuất gia thọ giới Cụ túc. Người huỳnh môn có sáu loại: Một là sanh, hai là đoạn, ba là noa, bốn là bất xúc, năm là tật, sáu là bán nguyệt. Huỳnh môn sanh là gì? Là người sanh ra không có nam căn. Huỳnh môn đoạn là gì? Là người bị cắt mất "chủng tử". Huỳnh môn noa là gì? Là người bị bóp nát mất

"chủng tử". Huỳnh môn bất xúc là gì? Là người nếu không được người xúc chạm đến thì không có "khả năng", được người xúc chạm thì mới "có khả năng". Huỳnh môn tật là gì? Là người thấy người khác "làm việc đó" mới có "khả năng". Huỳnh môn bán nguyệt là gì? Là người nửa tháng thành nam căn, nửa tháng không thành nam căn. Lúc đó có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo lại độ người huỳnh môn xuất gia, thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người huỳnh môn xuất gia, thọ giới Cụ túc, nếu độ người huỳnh môn xuất gia, thọ giới Cụ túc như vậy là phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo không thưa chúng mà độ người cho thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo không thưa chúng mà cho người thọ giới Cụ túc?". Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được không thưa chúng mà cho người thọ giới Cụ túc, nếu không bạch chúng mà cho người thọ giới Cụ túc như vậy là phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn

ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo không có Hòa thượng mà cho người thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao những Tỳ-kheo không có Hòa thượng mà cho người thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không có Hòa thượng không được cho người thọ giới Cụ túc, nếu không có Hòa thượng mà cho người thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo không có A-xà-lê mà cho người thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này không có A-xà-lê mà cho người thọ giới Cụ túc?". Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: " Tỳ-kheo không được không có A-xà-lê mà cho người thọ giới Cụ túc, nếu không có A-xà-lê mà cho người thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mỗi người đều tự yết ma. Lúc đó có Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này mỗi người đều tự

Yết ma". Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được mỗi người đều làm pháp Yết ma, nếu mỗi người tự làm pháp Yết ma, thì phạm Sa-đề-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người chưa được chấp nhận cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này độ người chưa được chấp nhận cho xuất gia thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người chưa được chấp nhận cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người chưa được chấp nhận cho xuất gia, thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-đề-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo không hỏi mà cho người thọ giới Cụ túc. Lúc đó có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo không hỏi mà cho người thọ giới Cụ túc?" Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này về bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được không hỏi người mà cho thọ giới Cụ túc, nếu không hỏi mà cho, thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-đề-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người giúp việc cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi ấy, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này độ người giúp việc cho xuất gia thọ giới Cụ túc?". Tỳ-kheo ấy, liền đem việc này về bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người giúp việc cho xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người giúp việc cho xuất gia, thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị nghiêng đầu cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi ấy, có một Tỳ-kheo thiểu dục quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này độ người bị nghiêng đầu xuất gia? Luận về người xuất gia, thân thể đều phải trang nghiêm". Các Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người bị nghiêng đầu xuất gia, nếu độ người bị nghiêng đầu xuất gia, cho thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước

Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người đầu to cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi ấy, có nhiều người quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này độ người đầu to xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Các Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người đầu to xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người đầu to xuất gia, cho thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-đề-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người đầu bò cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi ấy, có nhiều người quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này độ người đầu bò xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Các Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người đầu bò xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người đầu bò xuất gia, cho thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-đề-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở trong vườn rừng Kỳ-Đà Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người đầu khỉ cho xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi ấy, có nhiều người

quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo này độ người đầu khỉ xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Các Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người đầu khỉ xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người đầu khỉ xuất gia, cho thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người sứt môi xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc đó, có người quở trách việc này: "Vì sao các Tỳ-kheo Thích tử ấy lại độ người sứt môi xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Các Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật dạy: "Tỳ-kheo không được độ người sứt môi xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người sứt môi xuất gia, thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người có thân vằn vện xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc ấy, có người quở trách "Vì sao những Tỳ-kheo này lại độ người có thân vằn vện xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm".

Các Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật chế: "Tỳ-kheo không được độ người có thân vằn vện xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người có thân vằn vện xuất gia, cho thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người tàn tật xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc ấy, có người quở trách việc đó: "Vì sao các Tỳ-kheo này lại độ người bị tàn tật xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật chế: "Tỳ-kheo không được độ người bị tàn tật xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người bị tàn tật xuất gia, thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người gù lưng xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc ấy, có người quở trách "Vì sao các Tỳ-kheo này lại độ người gù lưng xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật chế: "Tỳ-kheo không được độ người gù lưng xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người gù lưng xuất gia, thọ giới

Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Đức Phật Thế Tôn. . . được cung kính cúng dường cho đến. . . diệt các pháp ác. Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà-cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người quá lùn xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc ấy, có người quở trách "Vì sao các Tỳ-kheo này lại độ người quá lùn xuất gia thọ giới Cụ túc? Luận về người xuất gia thân thể đều phải trang nghiêm". Tỳ-kheo nghe được việc này liền đem bạch đức Phật. Đức Phật chế: "Tỳ-kheo không được độ người quá lùn xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người quá lùn xuất gia, thọ giới Cụ túc, thì phạm Sa-để-sa-la".

Hôm nay, Tỳ-kheo cho ai thọ giới Cụ túc? Thế nào là thọ giới Cụ túc? Các Tỳ-kheo nghe việc này rồi, liền đem bạch Phật. Đức Phật nói: "Hãy theo thứ tự mà thọ giới Cụ túc, việc này như thế nào"? Nếu có người đến cầu xin xuất gia thì trước hết nên hỏi: "Ông muốn xuất gia thì tâm ông như thế nào?" "Con phát tâm như vậy"… liền nên khuyến khích nên khen ngợi công đức của Phật, khen ngợi công đức của pháp, khen ngợi công đức của Tăng, nếu chắc chắn thanh tịnh thì nên truyền ba pháp quy y. Cách truyền ba pháp quy y như sau: "Xin đại đức ghi nhận, con tên là. . . suốt đời quy y Phật, Lưỡng túc tôn, suốt đời quy y Pháp Ly Dục tôn, suốt đời quy y Tăng chúng trung tôn. Xin đại đức ghi nhận, con là Ưu bà tắc. . . suốt đời quy y, không sát sanh,

tịnh các nghiệp". Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Sau đó truyền năm giới, nên cho họ làm như sau:

"Xin Đại đức ghi nhận, con tên là. . . từ hôm nay cho đến suốt đời thề không sát sanh, suốt đời không trộm cướp, suốt đời không tà dâm, suốt đời không nói dối, suốt đời không uống rượu. Năm pháp này là giới pháp của bậc A-la-hán, con đều làm theo, học theo, theo phương pháp ấy nhờ nhân này, xin nguyện cho con không sanh vào địa ngục, không sanh vào ngạ quỷ, không sanh vào trong sanh tử, chúng đắc Niết bàn không già, không chết, chứng đắc pháp Niết bàn tối thắng". Lần thứ hai, lần thứ ba cũng đều thưa như vậy.

Sau khi hỏi khắp về các phương pháp xong nếu có người muốn xuất gia, nên thưa cho chúng biết: "Đại đức Tăng lắng nghe! Người này là. . . mong cầu xuất gia, chưa cạo bỏ râu tóc. Hôm nay dốc cầu giáo pháp an nhiên, cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, lòng tin chân chánh, bỏ hữu vi hướng đến vô vi. Người này tên là. . . cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, lòng tin chân chánh, bỏ hữu vi hướng đến vô vi vì muốn xuất gia". Tất cả các Tỳ-kheo nên hỏi: "những lời đã nói có thanh tịnh cả không?".

Đáp: "Những lời đã nói đều thanh tịnh", thì nên cho người đó xuống tóc, mặc áo cà sa. Người mong cầu xuất gia phải quỳ gối bên phải sát đất mới cho áo cà sa: "Đây là áo ca của ngươi, hôm nay cho

ngươi, không có cấu uế". Người đó nên thưa: "Con xin dùng cả ba nghiệp thân, khẩu, ý cung kính thọ trì". Cho mặc ba ca sa rồi, mới cho thọ giới. Việc này nên làm như vậy: trước hết, đảnh lễ Phật, đảnh lễ Hòa thượng, đảnh lễ A-xà-lê, đảnh lễ các Tỳ-kheo, thứ đến đảnh lễ A-xà-lê cầu xin xuất gia, thưa:

"Xin Đại đức ghi nhận, con tên là. . . nguyện theo Đại đức xuất gia, cầu xin Đại đức độ cho con xuất gia, từ bi thương xót con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng đều thưa như vậy. A-xà-lê truyền giới, nên nói:

"Xin Đại đức ghi nhận, con tên là. . . suốt đời quy y Phật đấng Lưỡng túc tôn, suốt đời quy y pháp là Ly dục tôn, suốt đời quy y Tăng là Chúng trung tôn. Quy y đấng vô thượng Thích tôn tối thắng, Thích Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã xuất gia, con cũng xin nguyện theo xuất gia, bỏ y phục ở đời, thọ trì y phục xuất gia, xin Đại đức ghi nhận cho con làm Sa di.

Do ý nghĩa nơi nhân duyên nên nói tên của Hòa thượng: Hòa thượng tên. . . là Hòa thượng của con.

Lần thứ hai, lần thứ ba đều như vậy.

Xin A-xà-lê ghi nhận! Con tên là. . . suốt đời quy y Phật đấng Lưỡng túc tôn, suốt đời quy y pháp là Ly dục tôn, suốt đời quy y Tăng là Chúng trung tôn. Quy y đấng vô thượng Thích tôn tối

thắng, Thích Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã xuất gia, con cũng xin nguyện theo xuất gia bỏ y phục ở đời, thọ trì y phục xuất gia, xin Hòa thượng ghi nhận cho con làm Sa di.

Do ý nghĩa nơi nhân duyên nên nói tên của Hòa thượng:

Hòa thượng tên. . . là Hòa thượng của con. Đã cho con xuất gia, trao cho Tam quy y rồi, tiếp theo đã thuyết giới cho con.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con tên là. . . từ nay cho đến trọn đời thề không sát sanh, giống như bậc A-la-hán trọn đời không sát sanh, con tên là. . . cũng vậy, từ nay cho đến trọn đời không sát sanh.

Theo giới đầu tiên như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận con suốt đời không trộm cắp, như A-la-hán trọn đời xả bỏ, không trộm cắp, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời thề xả bỏ, không trộm cắp, theo giới thứ hai này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con suốt đời xả bỏ tà hạnh như A-la-hán trọn đời xả bỏ tà hạnh, như bậc A-la-hán xả bỏ tà hạnh, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời thề xả bỏ tà hạnh, theo giới thứ ba này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con suốt đời không nói dối, như A-la-hán trọn đời xả bỏ không nói dối, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời không nói dối, theo giới thứ tư này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con suốt đời xa lìa những chỗ buông lung, uống rượu, như A-la-hán trọn đời xa lìa những chỗ buông lung, uống rượu, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời xa lìa những chỗ buông lung, uống rượu, theo giới thứ năm này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con suốt đời lìa bỏ ca múa hát xướng, như A-la-hán trọn đời lìa bỏ ca múa hát xướng, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời lìa bỏ ca múa hát xướng, theo giới thứ sáu này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận con nguyện suốt đời không đeo chuỗi ngọc, xoa hương hoa, như A-la-hán trọn đời không đeo chuỗi ngọc, xoa hương hoa, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời đeo chuỗi ngọc, xoa hương hoa, theo giới thứ bảy này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con suốt đời lìa bỏ giường cao rộng lớn, như A-la-hán trọn đời lìa bỏ

giường cao rộng lớn, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời lìa bỏ giường cao rộng lớn, theo giới thứ tám này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận con nguyện suốt đời không ăn phi thời, như A-la-hán trọn đời không ăn phi thời, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời không ăn phi thời, theo giới thứ chín này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

- Xin A-Xà-Lê ghi nhận, con suốt đời không nhận và cất chứa vàng bạc châu báu, như A-la-hán trọn đời không nhận và cất chứa vàng bạc châu báu, con tên là. . . cũng như vậy, từ nay cho đến trọn đời không nhận và cất chứa vàng bạc châu báu, theo giới thứ mười này, như bậc A-la-hán, con cũng làm theo, học theo.

Thưa lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Từ hôm nay con bắt đầu thọ Tam quy y, mười giới đầy đủ. Xin A- Xà-Lê ghi nhận cho con làm Sa di. A-Xà-Lê nói:

- Đúng vậy, Hãy chánh niệm, đừng buông lung.

Tiếp theo là thọ giới. Tất cả chúng Tăng tập hợp, an tọa xong, nếu ở nơi phồn thịnh thì mười người, nếu ở biên địa luật sư chỉ cần năm người, là được làm Hòa thượng cho thọ giới Cụ túc. Nên có đủ bình bát và ba y, phải thỉnh A-Xà-Lê và thỉnh

chúng Tăng, nên quan sát giới đàn, nên xem văn Yết ma, phải tránh năm lỗi lầm ấy, tất cả đầy đủ rồi mới thỉnh Hòa thượng, đảnh lễ ba lần, mặc áo cà sa, thọ trì bình bát, lại thỉnh như sau:

- Xin Đại đức ghi nhận, đệ tử là. . . thỉnh Đại đức làm Hòa thượng cho con, con nương theo Đại đức làm Hòa thượng để thọ giới Cụ túc. Thưa lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

- Xin Hòa thượng ghi nhận, đệ tử là. . . thỉnh Hòa thượng làm Hòa thượng cho con, xin Hòa thượng làm Hòa thượng cho con, con nương theo Hòa thượng để thọ giới Cụ túc.

- Hòa thượng đáp: Rất tốt!

- Xin Hòa thượng ghi nhận, đệ tử là. . . Ca-sa này, Ca-sa Tăng-già-lê này đã may thành vật thường dùng, hôm nay con xin thọ trì.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

- Xin Hòa thượng ghi nhận, đệ tử là. . . Ca-sa này, Ca-sa Uất-đa-Tăng, -Tăng-già này đã may thành vật thường dùng, hôm nay con xin thọ trì.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

- Xin Hòa thượng ghi nhận, đệ tử là. . . Ca-sa này, Ca-sa An-đà-hội này đã may thành vật thường dùng, hôm nay con xin thọ trì.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

- Xin Hòa thượng ghi nhận, đệ tử là. . . đây là bình bát của con, bát này để đo lường, là vật dụng

của Tiên nhân, là vật dụng để khất thực, hôm nay con xin thọ trì.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

Bấy giờ, Tăng chúng bảo giới tử đi ra ở chỗ có thể thấy, không thể nghe, hướng về chúng Tăng, khi ấy giới sư nên sai cầu Giáo thọ sư.

Giáo thọ sư nên hỏi: Giới tử tên gì?

Giới tử tên là. . . Hòa thượng tên là. . . Ông có thể vì giới tử. . . làm Giáo thọ sư không?

Giáo thọ sư đáp:

- Có thể.

- Xin Đại đức lắng nghe! Tăng sai vị này. . . có thể vì Giới tử. . . làm Giáo thọ sư. . . vị này. . . . Có thể vì Giới tử làm Giáo thọ sư. Hòa thượng tên. . . nếu Tăng thấy đúng lúc và Tăng chấp nhận, Tăng cho phép vị này. . . vì Giới tử. . . làm Giáo thọ sư. Hòa thượng tên là. . . bạch như vậy.

Này Thiện nam, lắng nghe! Đây là thời gian chí thành, đây là thời gian nói sự thật. Những điều ta sắp hỏi ngươi hôm nay, tùy theo đó mà trả lời cho Ta. Điều gì có thật thì nên nói thật, điều gì không thật thì nên nói không thật. Ngươi là người nam hay không phải người nam? Năm nay đã đủ hai mươi tuổi chưa? Ba y, bình bát có đủ hay không? Cha mẹ của ngươi còn sống hay chết? Cha mẹ chấp nhận hay không? Ngươi không phải là nô tỳ phải không? Ngươi không phải là người trộm cướp phải

không? Ngươi không phải là quan viên tại chức phải không? Ngươi không phải là người phạm tội phải không? Ngươi không phải là người bị giam giữ phải không? Ngươi không phải là vua, quan phải không? Ngươi không phải là người bị vua oán ghét phải không? Ngươi không phải là người muốn làm vua mà làm điều không lợi ích phải không? Ngươi không phải là người muốn làm vua làm điều tổn hại và khiến người làm điều ấy phải không? Ngươi không phải là người trốn nợ phải không? Ngươi không phải là người có liên quan đến ít nhiều vật của người khác phải không? Ngươi không phải là người không thể đứng vững phải không? Ngươi không phải là người đổi căn phải không? Ngươi không phải là người có việc gấp gáp gì phải không? Ngươi không phải là người bị hoạn phải không? Ngươi không phải là huỳnh môn phải không? Ngươi không phải là ngoại đạo phải không? Ngươi không phải là người thân thiết với ngoại đạo phải không? Ngươi không phải là tạp trụ phải không? Ngươi không phải là vô trụ phải không? Ngươi không phải là tặc trụ phải không? Ngươi không phải là súc sanh phải không? Ngươi không phải là hóa sanh phải không? Ngươi không phải là phi nhân phải không? Ngươi không phải là người bỏ đạo phải không? Ngươi không phải là người có tính ác phải không? Ngươi không phải làm ô nhiễm Tỳ-kheo ni phải không? Ngươi không

giết mẹ phải không? Ngươi không giết cha phải không? Ngươi không giết A-la-hán phải không? Ngươi không phá hòa hiệp Tăng phải không? Ngươi không làm thân Phật chảy máu phải không?

Đều đáp: Dạ không!

- Này Thiện nam! Hãy lắng nghe, trong thân ngươi có các bệnh sau đây: Bệnh cùi, bệnh hủi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lác, bệnh ghẻ lở, bệnh mụt nhọt, bệnh ốm gầy, bệnh ho đờm, bệnh khô người, bệnh động kinh, bệnh máu nóng, bệnh gân mạch, bệnh loãng máu, bệnh có khối u trong bụng, bệnh về miệng, bệnh nhiệt, lở miệng, bệnh nóng thân, nóng ngực, đau nhức xương cốt, bệnh nôn mửa, bệnh suyễn, bệnh nóng lạnh, đau buốt thân thể, nhức hông, đau lưng, bệnh sốt rét, một ngày, hai ngày, ba ngày bốn ngày, nhiều bệnh đau nhức xương răng v. v… trong thân của người có các bệnh và các bệnh khác như vậy không?

Đáp:

- Thưa không!

- Trước đây ngươi đã từng xuất gia chưa?

Đáp:

- Dạ chưa.

Nếu đáp đã từng xuất gia thì nên hỏi như sau:

- Ngươi trì giới không thiếu khuyết phải không?

Đáp: - Thưa do không có tâm lực, biếng nhác

nên con đã như pháp xả giới.

- Trước đây, ngươi đã xuất gia có tên gì?

Đáp: - Con tên là. . .

- Hòa thượng của ngươi tên gì?

Đáp: Do ý nghĩa nơi nhân duyên nên tôn xưng Hòa thượng của con là. . .

Trong chúng Tăng cũng nên hỏi Giới tử như trên như Ta đã hỏi. Điều gì có thật thì trả lời có thật, điều gì không thật thì trả lời không thật. Hãy ở đây lắng nghe, lúc nào được gọi mới đến.

Giới sư liền vào trong chúng nói:

- Tôi đã chỉ dạy Giới tử tên. . . xong, trong chúng đều nên nói: Nếu đã tự nói thanh tịnh thì có thể đến!

Liền cầu thọ giới Cụ túc:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con tên là. . . nhờ ý nghĩa nơi nhân duyên nên tôn xưng Hòa thượng tên là. . . cầu thọ giới Cụ túc con tên là. . . theo Đại đức Tăng xin thọ giới Cụ túc, nhờ ý nghĩa nơi nhân duyên nên tôn xưng Hòa thượng tên là. . . cầu thọ giới Cụ túc, con tên là. . . theo Đại đức Tăng xin thọ giới Cụ túc, xin Đại đức Tăng ghi nhận lời nguyện của con, xin Đại đức Tăng chấp nhận cho con, xin rũ lòng thương chấp nhận cho con.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Có Giới tử tên là… theo Hòa thượng tên là… cầu thọ giới Cụ túc,

Giới tử tên… theo Đại đức Tăng xin thọ giới Cụ túc, Hòa thượng tên… nếu Tăng thấy đúng thời Tăng chấp nhận lắng nghe. Hôm nay tôi ở trong chúng hỏi về các nạn sự, Hòa thượng tên…

Bạch như vậy.

Liền hỏi: - Trưởng lão lắng nghe. Đây là thời gian chí thành, đây là thời gian nói sự thật. Những điều ta sắp hỏi ngươi sau đây ngươi phải trả lời ở trước chúng Tăng. Điều gì có thật hãy trả lời có thật, điều gì không thật hãy trả lời là không có thật.

Này Thiện nam! Tuổi đã đủ hai mươi, ba y, bình bát đầy đủ chưa? Cha mẹ đã cho phép chưa? Cha mẹ còn sống hay đã chết? Ngươi không phải là nô tỳ phải không? Ngươi không phải là người trộm cướp phải không? Ngươi không phải là quan viên tại chức phải không? Ngươi không phải là người bị giam giữ phải không? Ngươi không phải là đang bị đuổi bắt phải không? Ngươi không phải là vua, quan phải không? Ngươi không phải là người bị vua oán ghét phải không? Ngươi không phải là người muốn làm vua nên làm điều không lợi ích phải không? Ngươi không phải là người làm vua làm điều phiền muộn và khiến người làm điều ấy phải không? Ngươi không phải là người trốn nợ phải không? Ngươi không phải là người có liên quan đến ít nhiều vật của người khác phải không? Ngươi không phải là người không thể đứng vững phải không? Ngươi không phải là người đổi căn

phải không? Ngươi không phải là người có việc gấp gáp gì phải không? Ngươi không phải là người bị mất căn phải không? Ngươi không phải là huỳnh môn phải không? Ngươi không phải là ngoại đạo phải không? Ngươi không phải là người thân thiết với ngoại đạo phải không? Ngươi không phải là tạp trụ phải không? Ngươi không phải là vô trụ phải không? Ngươi không phải là vô trụ phải không? Ngươi không phải là súc sanh phải không? Ngươi không phải là người biến hóa phải không? Ngươi không phải là phi nhân phải không? Ngươi không phải là người bỏ đạo phải không? Ngươi không phải là người có tính ác phải không? Ngươi không phải làm ô nhiễm Tỳ-kheo ni phải không? Ngươi không giết mẹ phải không? Ngươi không giết cha phải không? Ngươi không giết A-la-hán phải không? Ngươi không phá hòa hiệp Tăng phải không? Ngươi không làm thân Phật chảy máu phải không?

Đều thưa: Dạ không!

- Này Thiện nam! Hãy lắng nghe, trong thân người nam có các bệnh sau đây: Bệnh cùi, bệnh hủi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lác, bệnh ghẻ lở, bệnh mụt nhọt, bệnh ốm gầy, bệnh ho đờm, bệnh khô người, bệnh động kinh, bệnh máu nóng, bệnh gân mạch, bệnh loãng máu, bệnh có khối u trong bụng, bệnh về miệng, bệnh nhiệt, lở miệng, bệnh nóng thân, nóng ngực, đau nhức xương cốt, bệnh nôn

mửa, bệnh suyễn, bệnh nóng lạnh, đau buốt thân thể, nhức hông, đau lưng, bệnh sốt rét, một ngày, hai ngày, ba ngày bốn ngày, nhiều bệnh đau nhức xương răng v. v… trong thân của ngươi có các bệnh và các bệnh khác như vậy không?

Đáp: - Thưa không!

- Trước đây ngươi đã từng xuất gia chưa?

Đáp: - Thưa chưa.

Nếu đáp đã từng xuất gia thì nên hỏi như sau:

- Ngươi trì giới không thiếu khuyết phải không?

Đáp: - Thưa con không có tâm biếng nhác mà như pháp xả giới.

- Trước đây, ngươi đã xuất gia, vậy tên gọi là gì?

Đáp: - Con tên là. . .

- Hòa thượng của ngươi tên gì?

Đáp: Do ý nghĩa nơi nhân duyên mà Hòa thượng của con tên là. . .

- Xin Đại đức ghi nhận! Giới tử tên. . . theo Hòa thượng tên. . . cầu thọ giới Cụ túc, Giới tử tên. . . là người nam, tuổi đủ hai mươi, đầy đủ ba y, bình bát, tự nói thanh tịnh không có các nạn, Giới tử tên. . . theo Đại đức Tăng cầu xin thọ giới Cụ túc với Hòa thượng. . . nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp nhận, Tăng truyền cho Giới tử. . . giới Cụ túc, với Hòa thượng tên. . . bạch như vậy.

- Xin Đại đức Tăng xin lắng nghe! Giới tử tên. . . theo Hòa thượng tên. . . cầu thọ giới Cụ túc, Giới tử là người nam, tuổi đủ hai mươi, đầy đủ ba y, bình bát, tự nói thanh tịnh không có các nạn.

Giới tử tên. . . theo Tăng xin thọ giới Cụ túc với Hòa thượng. . . Tăng nay chấp nhận cho Giới tử tên. . . thọ cụ túc với Hòa thượng tên. . . các Trưởng lão nào chấp nhận cho Giới tử. . . . thọ giới Cụ túc với Hòa thượng. . . . thì im lặng. Ai không chấp thuận thì hãy nói ra. Đây là Yết ma lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cũng yết ma như lần đầu.

- Đây là Yết ma lần thứ ba.

Giới tử đã thọ giới Cụ túc với Hòa thượng. . . rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy, tính theo đó mà độ cho.

Ngươi tên. . . hãy lắng nghe pháp bốn y này, đức Thế Tôn đã thấy rồi đã biết khắp, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đã nói pháp bốn y cho Tỳ-kheo, nương theo đây mà xuất gia, thọ giới Cụ túc, nương theo pháp bốn y này để xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo trong pháp an nhiên. Pháp bốn y này rất khó được, là như pháp, là vô ngại, bậc nhất không đắm nhiễm, đã được chế định từ xưa đến nay. Những gì là bốn? Tỳ-kheo nương vào y phấn tảo xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo trong pháp an nhiên. Ngươi tên là. . . có thể trọn đời mặc y phấn tảo không?

Đáp: - Dạ có thể.

Nếu được người cúng dường suốt đời các loại: Một y được lựa chọn từ dạ trắng y mỏng, y tơ, y nạp, y Sô ma, y kiêu xa da, y xa na, y bàng già, y bằng lông lạc đà, y bằng lông dài, y những cổ bối, y tản mị để, y a-lực- đa-kha, y ba-đâu-la, y đề-bà-điền-để, y cao-ma-lợi, y chỉ- để, y ca-lê-ca, y a-phán-na. . . Những y như vậy hoặc có được từ chúng Tăng, hoặc tự mình có được, ngươi nên biết để thọ nhận và cất giữ đúng lượng, ngươi có thể thực hành như vậy được không?

Đáp: - Có thể được.

- Ngươi. . . lắng nghe! Tỳ-kheo sống nương nơi gốc cây mà ở, xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo trong pháp an nhiên có thể trọn đời sống nương nơi gốc cây mà ở được không?

Đáp: - Có thể được. Nếu được cúng dường trọn đời, phòng nhà, bàn thờ, lầu gác, cung điện, xây theo hình bán nguyệt, phía trên thông thoáng mở cửa bốn hướng, bên trong có các bàn thờ hướng vào nhau, hoặc một bên có cửa sổ, hoặc ở chỗ có đường đi hoặc không có đường đi, am thất bằng cỏ, hoặc am thất bằng lá cây, hoặc thất cỏ, hoặc thất lá, hoặc thất bằng gỗ, hoặc lợp bằng cỏ, hoặc lợp bằng lá, hoặc lợp bằng gai, hoặc lợp bằng chiếu, hoặc ban thờ bằng đất, hoặc ban thờ bằng đá, hoặc nền cao, hoặc nền không cao, những loại như vậy,

hoặc có được từ chúng Tăng, hay tự mình có được, ngươi nên biết đúng lượng để thọ nhận và chứa giữ, ngươi có thể làm như vậy được không?

Đáp: - Có thể được.

- Ngươi. . . lắng nghe! Pháp bốn y này đức Thế Tôn biết rõ, thấy rõ, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã giảng nói như vậy cho người thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo như vậy. Nếu Tỳ-kheo không thực hành theo pháp này thì chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là người xuất gia, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, thì rơi rụng, thì đoạn diệt, thì luân hồi, thì đọa lạc, thì thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa- môn. Như cây đa la, bị chặt không thể sanh mầm, tăng trưởng tươi tốt trở lại, Tỳ-kheo cũng vậy, đối với bốn pháp này nếu không thực hành theo bất cứ pháp nào thì chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là người xuất gia, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, phá hoại pháp của Sa-môn, là rơi rụng, là đoạn diệt, là luân hồi, là đọa lạc, là thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn.

Những gì là bốn? Đức Thế Tôn biết rõ, thấy rõ, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã quở trách dâm dục là hố sâu, dâm dục là ô nhiễm, dâm dục là hoàn toàn tham đắm, nhiều tham đắm thì rơi xuống hố sâu đến chỗ tận cùng, dâm dục như vậy, là dối gạt, là hư vọng, là pháp vô minh, mê hoặc người nghe, hôi hám bất tịnh. Nếu có thể xa lìa

dâm dục, vô dục là hoàn toàn tịch diệt. Ngươi tên. . . từ ngày hôm nay không được nhìn người nữ với tâm ái nhiễm, huống là hai người cùng nhau hòa hợp làm việc dâm dục. Ngươi tên. . . đức Thế Tôn đã dạy. Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo cùng học giới, không xả giới, nếu phá giới mà che đậy, làm việc không đúng hạnh, làm điều dâm dục, cho đến cùng với súc sanh, do việc này cho nên phạm pháp của Tỳ-kheo, phá hủy hạnh của Sa-môn, bị đọa lạc, bị đoạn diệt, bị luân hồi, bị rơi rớt, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Như cây đa la, bị chặt không thể nảy mầm, tăng trưởng tươi tốt trở lại, không thể sanh trưởng, Tỳ-kheo không thực hành theo pháp này cũng như vậy, chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, huỷ hoại pháp của Sa-môn, thì bị đọa lạc, bị đoạn diệt, bị luân hồi, bị rơi rớt, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Ngươi từ hôm nay không được tái phạm, không lỗi đối với pháp này, phải gia tâm ghi nhớ giữ gìn liên tục, cẩn thận chớ buông lung. Nếu có chỗ nào, người nào làm việc này, ngươi đừng thuận theo. Này Trưởng lão!. . . Đức Thế Tôn với tri kiến của Ngài đã thấy rõ, biết rõ, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã quở trách, việc lấy của không cho, khen ngợi việc không lấy của không cho, ngươi tên. . . từ nay không được lấy vật của người không cho, cho đến một hạt trấu, một hạt mè cũng

không được khởi tâm trộm cắp, huống chi là lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền. Đức Thế Tôn đã giảng nói: Nếu Tỳ-kheo ở trong xóm làng, hoặc ở giữa đồng trống, đối với vật của người khác không cho mà khởi tâm trộm lấy, vật này không cho mà lấy, bị vua hoặc quan bắt, hoặc đánh, hoặc trói hoặc đuổi, những người ấy nói: "Này người kia ngươi là kẻ trộm, ngươi là kẻ ngu, ngươi là kẻ si, ngươi là kẻ ăn cắp". Nếu Tỳ-kheo phạm điều này chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, bị rơi rụng, bị đoạn diệt, bị đọa lạc, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Như cây đa la, bị chặt không thể sanh mầm xanh tươi lại được, không thể tăng trưởng, không thể to lớn, Tỳ-kheo cũng vậy, nếu phạm điều này chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, hủy hoại pháp của Sa- môn, bị rơi rụng, bị đoạn diệt, bị luân hồi, bị đọa lạc, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Ngươi từ hôm nay không được tái phạm, không nên phạm lỗi lầm đối với pháp này, phải gia tâm, ân cần ghi nhớ giữ gìn chánh niệm, cẩn thận đừng buông lung. Nếu có chỗ nào, người nào làm việc này, ngươi không được thuận theo.

Ngươi tên. . . đức Thế Tôn với tri kiến của Ngài đã thấy rõ, biết rõ, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đã quở trách, việc sát sanh, khen ngợi

hạnh xả bỏ sát sanh. Ngươi tên. . . từ nay không nên phạm, cho đến các loại côn trùng như: muỗi, mòng, kiến. . . . Không nên khởi tâm giết chúng, huống gì là giết người và thuộc loài người. Ngươi tên. . . Đức Thế Tôn đã thuyết giảng: nếu Tỳ-kheo khởi tâm suy nghĩ, tự tay giết người hoặc thuộc loài người, hoặc cầm dao đưa cho người, hoặc sai người giết, hoặc thấy giết vui theo, hoặc khen ngợi việc giết, này người kia! Ngươi lại chịu sống với thân khổ, xấu ác, bất tịnh này. Này người kia! Thà chết còn hơn! Ngươi chết còn tốt hơn sống! Hoặc khởi tâm vui theo, hoặc suy nghĩ, dùng vô số nhân duyên khen ngợi sự chết. Nếu người do đó mà chết thì chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, hủy hoại pháp của Sa- môn, bị rơi rụng, bị đoạn diệt, bị luân hồi, bị đọa lạc, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Như cây đa la, bị chặt không thể sanh mầm xanh tươi lại được, không thể tăng trưởng, không thể to lớn, Tỳ-kheo cũng vậy, nếu phạm điều này chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp Tỳ-kheo, hủy hoại pháp của Sa-môn, bị rơi rụng, bị đoạn diệt, bị luân hồi, bị đọa lạc, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Ngươi từ ngày nay không được tái phạm, không nên phạm lỗi lầm đối với pháp này, phải gia tâm, ân cần ghi nhớ giữ gìn chánh niệm, cẩn thận đừng buông lung. Nếu có

chỗ nào, người nào làm việc này, ngươi đừng thuận theo.

Ngươi tên…. Đức Thế Tôn với tri kiến của Ngài thấy rõ, biết rõ, Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã quở trách việc nói dối, khen ngợi hạnh không nói dối. Ngươi tên… Từ hôm nay không nên nói dối, cho đến nói đùa cũng không được, huống là thật sự không có mà nói là có, pháp hơn người, có trí tuệ hơn hẳn Pháp của bậc Thánh, hoặc tự cho mình chứng đắc tự cho mình hiểu biết, nên nói như vầy: "Tôi biết như vậy, thấy như vậy. " Ngươi tên… Đức Thế Tôn đã dạy: "Nếu Tỳ-kheo không biết, chưa từng biết, không có mà nói có, nói pháp hơn người, đã chứng đắc cảnh giới của bậc Thánh, hoặc chứng hoặc thấy. Tôi biết như vậy, thấy như vậy. Thế nào là biết? Là biết Khổ, biết Tập, biết Diệt biết Đạo. Thế nào là thấy? Là thấy Trời, thấy rồng, thấy Dạ xoa, thấy A-tu-la, thấy Ca-lầu-la, thấy Càn-thát-bà, thấy khẩn-na- la, thấy Ma-hầu-la-già, thấy Ngạ quỷ, thấy quỷ, Cưu-bàn-tra cho đến quỷ phấn tảo. Trời cũng thấy tôi, rồng, Dạ xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn- thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Ngạ quỷ, quỷ Cưu-bàn-trà cho đến quỷ phấn tảo cũng đều thấy tôi, tôi cũng đi đến chỗ Trời, rồng, Dạ xoa, A-tu-la, Ca-lầu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Ngạ quỷ, quỷ Cưu-bàn-trà cho đến quỷ phấn tảo. Trời cũng đi đến chỗ tôi, rồng, Dạ xoa,

A-tu-la, Ca-lầu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Ngạ quỷ, quỷ, Cưu-bàn-trà cho đến quỷ phấn tảo cũng đều đi đến chỗ tôi. Tôi nói với Trời: Cùng nhau thăm hỏi, cùng nhau bàn luận, tôi cũng nói chuyện với rồng, Dạ xoa, A-tu-la, Ca-lầu-la, Càn-thát-bà, Khẩn- na-la, Ma-hầu-la-già, Ngạ quỷ, quỷ Cưu-bàn-trà cho đến quỷ phấn tảo, cũng cùng nhau thăm hỏi, cùng nhau bàn luận. Trời cũng nói chuyện với tôi, cùng nhau thăm hỏi, bàn luận. Rồng, Dạ xoa, A-tu-la, Ca-lầu- la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Ngạ quỷ, quỷ Cưu-bàn-trà cho đến quỷ phấn tảo cũng đều nói chuyện với ta, cùng tôi thăm hỏi, bàn luận. Những điều mà họ có được thì tôi cũng đạt được. Như tưởng về vô thường, tưởng về Khổ, tưởng về vô ngã, tưởng về nhàm chán sự ăn uống, tưởng về tất cả thế gian không hề an vui, tưởng về bất tịnh, tưởng về màu xanh, tưởng về trắng, tưởng về sự phình trướng máu mủ, tưởng về sự phân rã, tưởng về nhàm chán, tưởng về ly dục, tưởng về diệt, tưởng về xương cốt, tưởng về quán không. Họ đạt được như vậy, tôi cũng đạt được Từ, bi, hỷ, xả như vậy, chứng đắc Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, Thần túc lực, Thiên nhĩ thức, Thiên nhãn thức, Túc mạng thông, Lậu tận thông, tôi là bậc A-la-hán đã được tám Thiền giải thoát. Nếu Tỳ-kheo phạm điều này, thì

chẳng phải là Tỳ-kheo, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Thích tử, mất hết pháp của Tỳ-kheo, hủy hoại pháp của Sa-môn, rời rụng, bị đoạn thiệt, bị luân hồi, bị đọa lạc, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Giống như cây Đa-la bị chặt, không thể sanh mầm tươi tốt lại được, không thể tăng trưởng, không thể to lớn, Tỳ-kheo phạm điều này, cũng vậy không phải là Tỳ-kheo, không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử, mất hết pháp của Tỳ-kheo, hủy hoại pháp của Sa-môn, rơi rụng, bị đoạn diệt, bị luân hồi, bị đọa lạc, bị thối lui, không thể giữ gìn pháp của Sa-môn. Ngươi… từ hôm nay không được trái phạm, không phạm lỗi lầm đối với pháp này, nên gia tâm, ân cần nhớ nghĩ, giữ gìn chánh niệm, cẩn thận đừng buông lung, nếu chỗ nào và người nào làm điều này ngươi đừng thuận theo.

Pháp bốn y này Đức Thế Tôn đã biết, đã thấy Đấng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri giảng nói cho người xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo, thực hành pháp Sa-môn, để làm một Sa-môn hoàn hảo, căn Tỳ-kheo suốt đời phải tu học.

Những gì là bốn? Ngươi… bị mắng chửi, không nên mắng chửi lại. Đây là pháp thứ nhất của Sa-môn. Điều này ngươi phải suốt đời nên tu tập theo.

Nếu bị người khác giận dữ không nên giận dữ lại. Đây là pháp thứ hai của Sa-môn. Đối với pháp

này, ngươi suốt đời nên tu học.

Nếu bị chê trách, không nên chê trách lại. Đây là pháp thứ ba của Sa-môn. Đối với pháp này, ngươi suốt đời nên tu học.

Nếu bị đánh đập, không nên đánh đập lại. Đây là pháp thứ tư của Sa-môn. Đối với pháp này, ngươi suốt đời nên tu học. Đây là bốn pháp nên học.

Ngươi tên… lắng nghe! Ngươi đã mong cầu được lâu dài ở trong giáo pháp an nhiên, xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo. Nếu người xuất gia được gặp Hòa Thượng như pháp, được A-Xà-Lê như pháp, được chúng tăng như pháp, bạch tứ yết ma ở chỗ yên tĩnh như pháp; nếu Tỳ-kheo xuất gia thọ giới Cụ túc làm Tỳ-kheo, học theo pháp này được một trăm năm thì cùng một giới với người mới xuất gia thọ giới Cụ túc, đồng học đồng nói một giới Ba-la-đề-mộc-xoa. Ngươi nên gần gũi ở nơi này cho đến suốt đời nên cúng dường Hòa Thượng. Hòa Thượng của ngươi có bệnh, ngươi phải chăm sóc, ngươi ở với Hòa Thượng cho đến lúc qua đời, đối với Hòa Thượng nên nghĩ như Cha, Hòa Thượng cũng đối với ngươi xem như là con. Ngươi. . . từ hôm nay đối với người đồng học, phải nên cung kính, nên hoan hỷ, nên lo sợ, cẩn thận tùy thuận bậc Thượng tọa cho đến Hạ tọa. Từ hôm nay phải luôn theo học, đọc tụng, thọ trì, giảng nói, phải khéo học, phân biệt rõ ràng về các Ấm,

phân biệt rõ ràng về các giới, phân biệt rõ ràng về các Nhập, phân biệt rõ ràng về mười hai nhân duyên, nên bỏ gánh nặng xuống, chưa được thì làm cho được, chưa giải thoát, làm cho giải thoát, chưa chứng làm cho chứng. Ngươi phải tu học, nên dứt hết các lậu. Ngươi tên… hãy lắng nghe! Hôm nay Ta ở trong chúng tăng, vì ngươi mà thuyết giới tối thắng này, còn các giới khác, Hòa Thượng, A-xà-lê… sẽ phân biệt giảng nói cho ngươi. Ngoài ra, các Tỳ-kheo đồng học, cùng nói chuyện, cùng bàn luận, lại cùng nhau khen ngợi vui vẻ, đồng Hòa Thương, đồng A-xà-lê cũng sẽ giảng nói cho ngươi. Trong mỗi nửa tháng thuyết giới, người nên đến để nghe. Ngươi… đã thọ giới Cụ túc, đối với giáo pháp trí tuệ tối thắng, ngươi phải khéo léo gần gũi. Gặp được giới pháp này là rất khó, thân tướng trang nghiêm, làm người xuất gia thanh tịnh, thọ giới đã giảng thuyết. Đây mới thật sự là chánh giác, là tri kiến thiện. Ngươi… đã thọ giới Cụ túc, ngươi hãy khéo giữ gìn, cẩn thận đừng buông lung.

Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo, giảng nói về sự thọ giới Cụ túc như vậy.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo, mới một hạ lạp, độ người thọ giới Cụ túc.

Ở đây, có duyên khởi riêng, nên làm tròn bổn phận của mình.

Như vậy, Tỳ-kheo hai hạ lạp, ba hạ hạp, bốn hạ

hạp, năm hạ hạp, độ người xuất gia thọ giới Cụ túc. Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật.

Phật dạy:

- Tỳ-kheo một hạ lạp không được độ người xuất gia thọ giới Cụ túc, cho đến chín hạ lạp cũng không được độ người xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người xuất gia thọ giới Cụ túc, phạm Sa-để-sa-la.

Mười hạ lạp thì được độ người xuất gia thọ giới Cụ túc. Khi đó, đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo mười hạ lạp (tuổi hạ) được độ người xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc này, có Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ, độ người xuất gia thọ giới Cụ túc, nhưng vị Tỳ-kheo mười tuổi hạ này rất ngu si, rất chậm chạp, không sáng suốt, chẳng biết phương tiện… Tự mình chưa điều phục mà muốn điều phục người khác… điều đó không thể có. Đức Phật dạy:

- Người đủ mười tuổi hạ nhưng chưa biết rõ ràng, không được được độ người xuất gia thọ giới Cụ túc, nếu độ người xuất gia thọ giới Cụ túc, phạm Sa-để-sa-la.

Người đủ mười tuổi hạ, thông minh, biết gánh vác Phật sự, thì được độ người xuất gia thọ giới Cụ túc. Nếu không thực hành theo lời dạy như vậy, phạm Sa-để-sa-la.

-oOo-

SỐ 1483

KINH MỤC LIÊN VẤN GIỚI LUẬT TRUNG NGŨ BÁCH KHINH TRỌNG SỰ

Hán dịch: Mất tên người dịch,
xếp vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Phẩm 1: NĂM THIÊN SỰ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Thế Tôn ở tại khu vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, tôn giả Mục Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay, con có điều muốn thưa hỏi, cúi xin Ngài giảng nói cho con.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Những điều ông thưa hỏi có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, hãy thưa hỏi tùy ý.

Tôn giả Mục Liên bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tỳ-kheo ở đời mạt pháp, khinh chê lời dạy của đức Phật thì phạm giới Chúng học, sử dụng lẫn lộn vật của Tam bảo, sẽ bị đọa vào chốn nào?

Đức Phật bảo Tôn giả Mục Liên:

- Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ! Như Lai sẽ giảng nói cho ông. Nếu Tỳ-kheo không biết hổ thẹn, khinh chê lời Như Lai dạy, phạm giới Chúng học, bị đọa vào địa ngục bằng năm trăm năm ở cõi Trời Tứ Thiên Vương, tương đương chín trăm ngàn năm ở nhân gian; phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni thì bị bị đọa địa ngục bằng một ngàn năm ở cõi trời Ba mươi ba, tương đương ba ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian; phạm Ba-dật-đề thì bị đọa vào địa ngục bằng hai ngàn năm ở cõi trời Dạ Ma, tương đương hai mươi ức ngàn năm ở nhân gian; phạm Thâu-lan-giá thì bị đọa vào địa ngục bằng bốn ngàn năm ở cõi trời Đâu Suất, tương đương năm mươi ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian; phạm Tăng-già- bà-thi-sa thì bị đọa vào địa ngục bằng tám ngàn năm ở cõi trời Bất Kiêu Lạc, tương đương hai trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm ở nhân gian; phạm Ba-la-di thì bị đọa địa ngục bằng mười sáu ngàn năm ở cõi trời Tha Hòa Tự Tại, tương đương chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Phẩm 2: THƯA HỎI VỀ PHẬT

Hỏi: Vật của Phật để ở chỗ này, Tỳ-kheo lấy làm Phật sự chỗ khác, phạm tội gì?

- Phạm Ba-dật-đề. Tất cả vật của Phật không được dời đổi. Nếu có nạn, chúng Tăng đi hết thì phải bạch chúng, nếu chúng chấp nhận thì được lấy

đến chỗ khác, không có tội.

- Vật của Phật được mua để cúng dường không?

- Được.

- Vật của Phật dùng cất nhà, có thể cho thuê không?

- Tất cả vật của Phật chỉ được mua, không được cho vay.

- Tỳ-kheo làm Phật sự, được sai người giúp việc trong chùa đi mượn bò, lừa, ngựa… không?

- Nếu biết vốn là vật của Phật thì không được, nếu không biết thì được, vì phi pháp nên được

- Đất của Tăng mà xây tháp, đem vật của Phật xây cất, bày vẽ bên trong, có thể ở không?

-Nếu biết mà vào ở thì phạm tội Đọa, không biết thì không phạm. Nếu biết mà ở, can gián hơn ba lần, phạm tội Quyết đoán, can gián hơn bốn lần thì phạm tội nặng.

- Trước đây chùa chiền bị hư hoại, người chủ xuất tiền của xây cất lại chùa, nếu dùng tiền đó cúng cho Tăng, Tăng được nhận không?

- Không được.

- Đất của Tăng, vật của Phật mà lấy xây cất, ở đất ấy trước đây có giếng, có hoa quả, rau trái có thể ăn không?

- Không được ăn. Nếu vật của đàn việt làm Phật sự, trước đây họ dùng hoa quả rau trái cúng cho

Tăng thì được ăn, họ không cúng thì không được ăn, nếu mua hơn năm tiền, nếu biết lại không mua mà ăn, tính theo số tiền nhiều hay ít đều phạm tội.

- Quét trên tháp Phật, có được bỏ đất và có tội không?

- Được bỏ đất, không được dùng vào việc khác.

- Mắc nợ vật của Phật thì trả thế nào?

- Phải trả bằng giá trị vật cũ, vì vật của Phật không được xuất ra, nhập vào, nên cũng không trả thêm, tuy vậy vẫn bị đọa địa ngục. Thuở xưa, sau khi Phật nhập Niết bàn, có một Tỳ-kheo thông minh, tinh tấn, một Bà-la-môn thấy vị Tỳ-kheo thông minh, tinh tấn, nên đem con gái đến chỗ vị Tỳ-kheo, xin được làm Tỳ-kheo ni. Vị Tỳ-kheo ấy liền thâu nhận. Cô gái kia rất đoan chánh. Về sau, vị Tỳ-kheo liền khởi tâm ái nhiễm, cùng sống chung với cô ta, sử dụng vật của Phật, Pháp và Tăng, mỗi ngày đều dùng từ một đến mười vạn tiền để mua thức ăn, y phục. Vị Tỳ-kheo ấy rất thông minh, có khả năng thuyết pháp làm cho người khác chứng đắc bốn đạo quả, nên vị ấy suy nghĩ: "Tội này rất nặng!", liền muốn đền trả số tiền và vật dụng ấy. Tỳ-kheo liền đến nước Sa-khư để khất thực, được rất nhiều tiền, vật, muốn trở lại để đền trả. Đến giữa đường, có ngọn núi rắn độc ở, chỉ cần bước đến bảy bước là bị rắn độc cắn, Tỳ-kheo biết đi thêm bảy bước sẽ chết, nên mới đi được sáu

bước liền quay lại chỗ đệ tử, phân chia vật đền trả rồi sai đệ tử trở về nước và dặn: "Ngươi đem vật này về trả lại, xong việc thì quay lại, ta sẽ đợi ngươi ở đây!" Người đệ tử đem trả vật xong, trở lại báo tin, vị Tỳ-kheo nghe xong, đứng dậy đi bảy bước liền bị chết, lập tức bị đọa vào địa ngục A tỳ, ban đầu vào địa ngục nóng bức, chưa hết lại đến khổ thiêu đốt, đó là ngục nóng, vị ấy liền tụng kinh lớn tiếng để chú nguyện cho các loài quỷ và tội nhân trong ngục. Nghe kinh kệ xong, vô số ngàn người được thoát khỏi ngục. Ngục tốt rất sân hận, liền cầm chĩa ba đánh vị ấy. Tỳ-kheo liền qua đời được sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Do việc này nên biết, mắc nợ vật của Phật, Pháp, Tăng thì không thể không trả, tuy vẫn chịu tội, nhưng có lúc cũng được thoát khỏi.

- Vật của Phật lấy cho người khác, lấy cho con và tự sử dụng thì phạm tội không?

- Người cho vật của Phật thì cùng một thể với phạm tội nặng, dù đem con dâng cho Phật còn không có phước, vì đã hủy hoại pháp thân, nên còn bị hình phạt.

- Vật của Phật, người chủ tính toán đem chia cho người giúp việc trong chùa và trẻ con, Tỳ-kheo được sử dụng không?

- Không được sử dụng vì đó là vật của Phật.

- Tỳ-kheo làm việc cho Phật, được thức ăn của

Phật thì được ăn không?

- Không được ăn. Vì Tỳ-kheo không lẽ làm người khách, huống nữa lại nhận và sử dụng vật của Phật như y phục, thực phẩm sao!

- Bạch y làm việc cho Phật, được vật của Phật, họ dùng vật này làm thức ăn thỉnh Tăng, vậy Tăng được ăn không?

- Không được ăn.

- Làm việc Phật, việc pháp được phép cầm giữ vàng, bạc và tiền không?

- Không được. Nếu cầm giữ thì phạm Xả đọa.

Hỏi: Người cúng cho Phật bò, lừa, ngựa, nô tỳ để làm việc Phật, việc pháp có thể nhận không?

Đáp: Được nhận để sử dụng, nhưng không được buôn bán cung tên, dao rựa, binh lính vũ khí, một chút cũng không được thọ nhận.

Hỏi: Người cúng đèn, nhà ở cho Phật, chưa sử dụng có thể ở tạm không?

Đáp: Không được, vì đó là vật của Phật.

Hỏi: Thắp đèn cho Phật, ban ngày có thể tắt không?

Đáp: Không được, nếu tắt phạm tội Đọa, tuy Phật không có sáng tối, nhưng được phước cho người cúng, nên tắt thì phạm tội.

Hỏi: Chẳng phải chùa mà thờ tượng Phật bên trong, có thể để phía trước chỗ ăn, chỗ nằm nghỉ không?

Đáp: Được. Nếu Phật ở đời cũng ở phía trước chỗ ăn, chỗ nằm nghỉ, huống chi tượng Phật mà không được! Nhưng nằm phải lấy bức ngăn lại nếu có đèn sáng, không được dùng trong chỗ ở, nếu mình có đèn thì được.

Hỏi: Nhìn ngắm Phật trên tranh, Phật trên tháp, Phật trên tường, phạm tội gì?

Đáp: Không biết nên không phạm, nếu việc gấp khó khăn thì cũng không phạm, biết mà khinh thường thì phạm tội Đọa, can gián hơn ba lần thì phạm tội Quyết đoán, can gián hơn bốn lần thì phạm tội khí.

Hỏi: Đã có vật để làm Kinh Phật, bèn nhận được vật của người khác, nên không dùng vật trước, có được không?

Đáp: Không được. Vì đã chấp nhận như vậy rồi.

Hỏi: Khen chê hình tướng tượng Phật, phạm tội gì?

Đáp: Tất cả tượng Phật không hỏi xấu đẹp, không được khen chê, tội ấy rất nặng, nhất định không nên làm.

Hỏi: Được phép mua hình tượng Phật trên tấm vải may áo không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Người tạc tượng Phật nhưng không làm lỗ mũi, về sau, người khác làm lại được không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Được phép cầm vật để dựa vào vách tường nơi thờ Phật không?

Đáp: Không được, nếu làm thì phạm tội Đọa. Xưa, có một Tỳ-kheo muốn vào chùa lễ Phật, có một Bà-la-môn biết xem tướng, thấy vị Tỳ-kheo ấy có tướng Thiên tử, nên nói với Tỳ-kheo: "Ta có một đứa con gái, sẽ gả cho ông", Tỳ-kheo nói: "Đợi sau khi lễ Phật về". Tỳ-kheo liền dựng cây gậy thiếc vào vách điện Phật rồi vào trong chùa lễ tháp Phật. Khi trở ra, Bà-la-môn lại nói không gả con gái nữa. Tỳ-kheo hỏi: "Ông đem con gái gả cho tôi không?" Bà-la-môn nói: "Không gả".

Tỳ-kheo hỏi: "Vừa rồi nói gả, vì sao nay lại nói không?". Bà-la-môn nói: "Vừa rồi, thấy ông có tướng tôn quý nên tôi mới gả, nay không còn tướng ấy nên tôi không gả nữa. Vì sao? Vì ông đã diệt mất công đức". Cho nên, không được để vật dựa vào tháp Phật và tường vách thờ Phật, vì đã phạm giới, lại mất hết vô lượng công đức.

Hỏi: Vật của Phật được làm tượng người, trời và súc sinh không?

Đáp: Nếu hầu bên Phật thì được làm.

Hỏi: Tỳ-kheo độ người không hỏi rõ đầu đuôi mà độ người ấy, sau đó mới biết là người giúp việc trong chùa, nếu không đuổi đi, phạm tội gì?

Đáp: Biết mà độ thì phạm tội nặng, nếu trước

không biết, hoặc biết liền đuổi đi, nếu không đuổi đi, cũng phạm tội nặng.

Hỏi: Người ấy là người tu Đạo lớn phải không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Có của cải riêng đưa cho Tỳ-kheo làm tượng Phật, người làm được lấy vật không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Lá phướn trước tượng Phật, được lấy làm Phật sự không?

Đáp: Phật sự thì được dùng, hoặc đàn việt không cho không được.

Hỏi: Được đảnh lễ bảy đức Phật quá khứ?

Đáp: Được. Vì đồng là pháp thân.

Hỏi: Nếu người trước đây hứa với Phật làm ba hội, nhưng sau đó chỉ làm một hội, hoặc làm ba hành hương, hoặc làm ba bố thí có được không?

Đáp: Không được, vì sai lời hứa nên phạm tội.

Hỏi: Tỳ-kheo phạm tội Quyết đoán có được ở trong đất Phật để sám hối không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Ngôi chùa quá cũ kỹ lâu đời, đều không còn tường vách ngăn che, không biết đất Phật gần hay xa, nếu người muốn làm, làm sao biết được bờ nào bằng phẳng?

Đáp: Không biết mà có ý muốn làm bờ bằng phẳng, vì không biết nên bị tổn hại chứ không có tội.

Hỏi: Vật của Phật lấy làm nhà cho mẹ con của quỷ và làm tượng, có tội không?

Đáp: Có tội, vì lấy vật của Phật cho người khác.

Hỏi: Tỳ-kheo tự tay đốn chặt cây, đào đất, xây cất chùa, tháp Phật và làm hình tượng có phước không?

Đáp: Còn không tránh khỏi địa ngục, chịu tội khổ lớn, huống là có phước, vì đã phạm giới.

Hỏi: Trước tháp Phật, được đảnh lễ Tỳ-kheo không?

Đáp: Không được, nếu đảnh lễ thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo buôn bán tượng Phật có tội gì?

Đáp: Tội giống với tội buôn bán cha mẹ.

Phẩm 3: THƯA HỎI VỀ PHÁP

Hỏi: Ngồi trên tòa cao thuyết pháp trước mọi người, mặc y phục thế tục, có thể cho thuyết pháp không?

Đáp: Cả người nghe và người thuyết pháp đều phạm, nhiều người, đã can gián hơn ba lần mà không sửa đổi thì phạm Đột-cát-la, còn đã ba lần can gián thì phạm Quyết đoán, nếu đã can gián hơn ba lần thì phạm tội Khí. Giả sử không nghe lời can gián mà thuyết giảng đến lần thứ ba, thì tội càng tăng thêm.

Hỏi: Người thuyết đúng như pháp, còn người

nghe pháp không đúng như pháp, có được thuyết không?

Đáp: Giống như trên.

Hỏi: Chỗ Tăng ngồi trước đây có thờ Phật, sau đó Tăng có thể ngồi không?

Đáp: Chỗ ngồi của Phật thì không được, trước đây là chỗ Tăng ngồi thì được phép.

Hỏi: Thỉnh người thuyết, trước đây che màn trên tòa cao, là vật cúng dường Phật, được mời ngồi dưới thấp không?

Đáp: Không biết thì không phạm, biết thì không được ngồi.

Hỏi: Nếu người thỉnh Tỳ-kheo đến tụng kinh và thuyết pháp, họ đem vật đến cúng dường có được nhận không?

Đáp: Có tâm mong cầu mà nhận thì phạm tội Xả đọa, nếu không có tâm tham mà nhận thì không phạm, nếu không có y bát mà nhận thì không phạm.

Hỏi: Ngồi trên tòa cao thuyết pháp ở trong chúng Tăng, được ngồi ghế dựa, cầm phất trần không?

Đáp: Không bệnh mà ngồi ghế dựa, cầm phất trần thì phạm tội Đọa. Nếu không phải quạt có đuôi thì đều được.

Hỏi: Cất kỹ kinh điển và giới luật có phạm không?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Thầy mặc y phục thế tục được đảnh lễ và thuyết pháp không?

Đáp: Được đảnh lễ, không bệnh thì không được thuyết pháp.

Hỏi: Cư sĩ đội mũ trên đầu, có được thuyết pháp không?

Đáp: Trừ có bệnh phải đội trên đầu, những trường hợp khác đều không được.

Hỏi: Trên kinh có bụi đất cỏ lá dơ bẩn được thổi xuống không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Tỳ-kheo chép kinh có được cầm vật khác không?

Đáp: Không được, nếu cầm thì phạm tội Xả Đọa

Hỏi: Để thức ăn trên kinh mà ăn phạm vào tội gì?

Đáp: Nếu có tâm xem thường thì phạm Quyết đoán, không có tâm coi thường thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Giới luật không sử dụng, để rơi rớt được đốt không?

Đáp: Không được, không biết có tội mà đốt thì phạm tội Đọa. Nếu biết đốt có tội mà cố ý đốt thì phạm tội Quyết đoán, vì giống như dùng phương tiện phá hoại Tăng chúng, cũng như đốt cháy cha mẹ.

Phẩm 4: HỎI VỀ PHÁP KẾT CƯƠNG GIỚI

Hỏi: Pháp kết cương giới là gì?

Đáp: Pháp kết cương giới là hang núi, trong xa, nếu ở trong thành ấp, xóm làng thì không được kết cương giới quá xa, cũng không được kết cương giới ban đêm. Khi kết cương giới, Tỳ-kheo cần phải đứng ở đầu bốn góc, không cho người bên ngoài vào, nếu người bên ngoài vào thì kết cương giới không thành. Trước hết kết giới trường, tất cả con cháu trong chùa, cư sĩ, nô tỳ phải ra khỏi giới trường, sau đó mới quy định bốn hướng. Khi kết cương giới phải trừ ra bốn chỗ: Một là xóm làng. Hai là bên ngoài xóm làng, ruộng đất của người đời thường làm việc. Ba là chỗ thanh vắng, trong núi, ao đầm, sợ lúc thuyết giới yết ma, gặp nhiều nạn, Tăng không thể đến được. Phải bạch chúng cầu xin kiết tiểu giới riêng, nếu chúng chấp nhận, chỗ đó Chúng không đủ năm người, nên sai Tăng đến kết cương giới riêng, đây gọi là chỗ an cư của khu già lam. Bốn là Thọ giới trường, trước khi kết cương giới phải trừ để kết giới trường, trừ xong mới kết cương giới, hoặc làm như vậy, hoặc kết đại giới trước, sau đó kết cương giới làm chỗ thọ giới. Như Ty Công nói: Sợ không thể đắc giới, lại cho: Không biết, thì đồng với lúc chưa chế định, nhưng điều này có thể chấp nhận được. Có người nói: Nếu

Tỳ-kheo bị bệnh, không thể đến được trong chúng Tăng, cầu xin kết giới riêng trong một phòng, Tăng cũng nên chấp nhận, trước hết giải đại giới cho kết cương giới riêng, kết cương giới riêng xong, sau đó trở lại kết đại giới, tất cả Tỳ-kheo ban đêm không được đem y cũng không được vào nơi ấy. Trong một trú xứ có cương giới riêng, một Tỳ-kheo có thể đánh kiền chùy, thuyết giới trước hết phải hướng đến Tăng bốn phương để sám hối, sau đó cũng nói ba lần. Tam ngữ là: Nói ba lần.

Hỏi: Kết cương giới được thông qua đất Phật để kiết không?

Đáp: Không được. Nếu cho thọ giới trong đây, nếu trước đây không biết pháp, đã thọ và đắc giới rồi, nếu sư tăng biết mà cố ý làm sai thì có tội.

Hỏi: Đi trên thuyền được kết cương giới không?

Đáp: Được, nếu có Sa di, cư sĩ thì bảo họ lên bờ, sau đó kết cương giới, nếu không bảo họ đi ra, phải ngăn chia ra một chỗ, sau đó kết cương giới. Sau khi kết cương giới, ban đêm Tỳ-kheo không được cầm y, không được lội xuống nước.

Hỏi: Đại Tăng đi hết, chỉ còn Sa di ở trong cương giới có được không?

Đáp: Dù chỉ một Ưu bà tắc thanh tịnh, thì cương giới cũng không bị mất, huống chi là còn Sa di, suốt một đêm cương giới không bị mất. Nếu

Tăng đi hết không trở lại, cũng không cần giải.

Hỏi: Giặc đến trong cương giới, giết Tỳ-kheo, cương giới ấy có bị mất không?

Đáp: Không bị mất.

Hỏi: Một, hai, ba, bốn người đi trên đường hoặc ở trong nhà bạch y, được kết cương giới không?

Đáp: Không được. Năm người trở lên mới được kết cương giới.

Hỏi: Kết cương giới được thông qua sông ao để kết không?

Đáp: Tất cả những nơi dòng nước ngưng đọng thì đều được, nếu nước chảy thì không được, vì không biết bờ ở đâu.

Hỏi: Sau khi kết cương giới, không đánh kiện chùy thì cương giới có bị mất không?

Đáp: Không bị mất.

Hỏi: Kết cương giới được thông qua con đường lớn để kết không?

Đáp: Được. Khi kết cương giới phải sai người ngăn người đi ở hai đầu đường, sau đó kết cương giới.

Hỏi: Đất không có chủ, có thể kết cương giới không?

Đáp: Được. Như phép của Uất-đơn-việt.

Hỏi: Kết cương giới trước rồi, sau đó có nước lớn, hoặc đào hầm dài mười lăm bước, hoặc hành dục trong đó, cương giới này có bị mất không?

Đáp: Hoàn toàn không bị mất. Có người nói: Giả sử đào hầm hố lớn sâu, rộng một do tuần thì cương giới vẫn không mất, huống gì những cái hầm nhỏ!

Hỏi: Tỳ-kheo được ở cách đêm chỗ cương giới của ni không?

Đáp: Được, cũng không được lìa y, nhưng không được vào trong phòng.

Hỏi: Tăng kết cương giới xong, sau đó có tăng đến ở chung, không đem theo y có mất y không?

Đáp: Không mất, vì khi kết cương giới, đã thông qua Tăng ba lần.

Hỏi: Tăng tập hợp chưa đủ được kết cương giới không?

Đáp: Nếu có việc dặn lại thì được, không có việc thì không được. hỏi: Một lần kết cương giới được ở bao lâu?

Đáp: Không có nhất định về thời gian, nếu thí chủ cúng thêm đất mới kết cương giới lại.

Hỏi: Trước đây Tăng kết cương giới không giải mà bỏ đi, sau đó chúng Tăng lại đến kết cương giới có được không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Khi kết giới trường, cần phải tập hợp tất cả chúng Tăng là nhiều ít hay tùy ý?

Đáp: Năm người trở lên thì được, vì không có đại giới, chúng không tập hợp thì không phạm.

Hỏi: Kết giới trường cần phải đến giới trường, cũng được kết từ xa chăng?

Đáp: Cần phải đến giới trường mới được kết giới.

Hỏi: Hai chúng kết cương giới được qua lại để kết không?

Đáp: Không được qua lại, nhưng được kết thông giới.

Hỏi: Trong một số cương giới được đánh hai lần kiện chùy không?

Đáp: Được, nhưng không được thuyết giới, yết ma làm các việc Tăng hai nơi trong một trú xứ, chỉ được thắp hương, ăn uống mà thôi.

Hỏi: Đại Tăng được kết thông giới cùng ni không?

Đáp: Được.

Phẩm 5: HỎI VỀ AN CƯ HẠ LẠP

Hỏi: Vào mùa hạ, ngày nào được kết an cư?

Đáp: Từ ngày mười sáu tháng tư đến hết ngày mười lăm tháng năm ngày nào cũng có thể kết hạ, đây gọi là ngày đầu an cư. Nếu có nạn không thể kết hạ hoặc năm, bốn, ba ngày cho đến hết một tháng, không mất tiền an cư đây gọi là ba mươi ngày kết hạ một ngày thọ tuổi hạ; còn người hậu an cư, chỉ có một ngày được kết hạ an cư, qua ngày mười lăm tháng bảy, có nạn thì ngày nào cũng có thể thọ tuổi hạ cho đến hết ngày mười lăm tháng

tám, đây gọi là một ngày kết hạ an cư, ba mươi ngày thọ tuổi hạ.

Hỏi: Kết hạ an cư thọ phép bảy ngày, phải thọ từ ngày đầu an cư, hay đến lúc đi mới thọ?

Đáp: Nếu thọ từ ngày đầu an cư thì tốt, đến khi sắp đi thọ cũng được. Luận về thọ phép bảy ngày, nếu đi không đủ bảy ngày mà trở về sau đó lại thì không được thọ, phải tính đủ bảy ngày, mới thọ lại, nếu quên mất thì có thể thọ lại.

Hỏi: Trong hạ an cư, không nhận mười hai vật như giường, tòa, phòng nhà. . . được an cư không?

Đáp: Không cần phải nhận.

Hỏi: Trong lúc hạ an cư hoặc việc Tam bảo, hoặc bệnh tật, hoặc nhiều việc khó khăn, được dời chỗ an cư không?

Đáp: Được, ngày đầu an cư phải bạch với chúng, trong chúng thọ pháp ba mươi chín ngày, thọ pháp ba mươi chín ngày rồi có một việc nên ra khỏi cương giới ba mươi chín ngày, đủ ba mươi chín ngày trở lại thì tốt, nếu không trở lại được, cũng có thể ở chỗ ấy thọ tuổi hạ không phạm, nếu ngày đầu an cư không thọ đến lúc sắp đi thọ cũng được, nếu an cư đã đủ ba mươi chín ngày, có việc cần ra khỏi cương giới thì không cần thọ lại, nếu có việc không trở lại được cũng có thể ở chỗ đó thọ tuổi hạ.

Hỏi: Kết hạ an cư nhưng không an cư có được

tuổi hạ không?

Đáp: Nếu trước đây không biết phép an cư thì được thọ tuổi hạ, nếu biết mà làm trái thì không được.

Hỏi: Không kết hạ không an cư được thọ tuổi hạ không?

Đáp: Nếu trước đây không biết có phép kết hạ, không biết có phép an cư thì được thọ hạ lạp, nếu biết nên hướng về chúng Tăng sám hối, nếu trước đây biết pháp nhưng cố ý làm trái thì không được.

Hỏi: Không kết hạ mà có an cư thì được tuổi hạ không? Đáp: Giống như việc trên.

Hỏi: Trong hạ an cư được vào sông, ao tắm rửa không?

Đáp: Thuộc trong cương giới thì được, hoặc thọ pháp bảy ngày, nên đi qua sông thì được.

Hỏi: Trong lúc hạ an cư phạm tội Quyết đoán nhưng không sám hối, được thọ tuổi hạ không?

Đáp: Tuy có tội nhưng được thọ tuổi hạ, vì sao? Vì là Tỳ-kheo.

Hỏi: Thọ tuổi hạ nhưng không hòa hợp được tuổi hạ không?

Đáp: Trước hết phải sám hối, sau đó mới thọ tuổi hạ, nếu người ấy không sám hối, thì phải tẩn xuất chúng mới được thọ tuổi hạ, nếu người ấy không chịu ra khỏi chúng phải can gián ba lần, can gián hơn ba lần mà vẫn không chấp nhận phạm tội

Quyết đoán, can gián hơn bốn lần thì phạm tội nặng. Hoặc dùng sức mạnh đuổi đi, hoặc bức ép đuổi ra khỏi cương giới thì tốt, nếu người kia không chịu đi ra, phải đóng chặt cửa cho ở trong một phòng, sau đó chúng thọ tuổi hạ, vì người đó không phải là Tỳ-kheo. Nếu như có nhiều người xấu, chúng không tẩn xuất thì phải tách ra khỏi cương giới, nếu cùng thọ tuổi hạ thì không được tuổi hạ.

Hỏi: Ở trong hạ an cư được cầm quạt, phất trần không?

Đáp: Tất cả loại quạt có đuôi thì không được cầm, còn quạt đan bằng tre thì được.

Hỏi: Ở trong hạ an cư được trốn thầy làm phước không?

Đáp: Được, nhưng không được tự tay làm việc.

Hỏi: Người hậu an cư, đến ngày mười lăm tháng bảy được thọ tuổi hạ rồi đi không?

Đáp: Không được, nếu trước đây không biết mà thọ tuổi hạ thì được, nếu biết phép mà cố ý làm trái thì không được. Nếu chúng đã hòa hợp, Tăng đã nhận thẻ rồi. Nếu khi người hậu an cư thọ tuổi hạ, thì người tiền an cư cũng vậy.

Hỏi: Hai người đồng hạ lạp, người nhỏ tiền an cư, người lớn hậu an cư, người tiền an cư đã thọ tuổi hạ, người hậu an cư chưa thọ, ở trong một tháng người nào lớn?

Đáp: Trước, người đó đã lớn hơn nên làm lớn, vì tính theo ngày cũ.

Hỏi: Ở trong hạ không thọ phép bảy ngày, có một vài việc nhỏ nên ra khỏi cương giới, có được an cư tiếp không?

Đáp: Sám hối thì được.

Hỏi: Ở trong hạ có một nhân duyên được thọ bảy ngày ba lần không?

Đáp: Được.

Hỏi: Ở trong hạ có người không an cư, hoặc mười, hoặc năm người muốn đến ở nhờ để cùng thọ tuổi hạ, vậy được cho họ ở chung và cùng thọ tuổi hạ không?

Đáp: Nếu kịp lúc hậu an cư thì phải kết cương giới, nếu không kịp hậu an cư thì không được, nếu người này hoàn toàn không biết có phép an cư thì được thu nhận, nếu biết mà cố ý làm trái thì không được.

Hỏi: Không biết hạ an cư hoặc không thọ pháp bảy ngày, đã thọ hạ lạp vậy được hạ lạp không?

Đáp: Không biết pháp, đã thọ trì được hạ lạp, không được hạ an cư, nếu đã hạ an cư, Tăng can gián một lần trở lại nhận thì tốt, can gián hơn ba lần không nhận, thì phạm tội Quyết đoán phải sám hối nhận lại thì được, khi nhận phải bạch chúng mới có thể được nhận.

Hỏi: Tỳ-kheo không thọ tuổi hạ phạm vào điều

gì?

Đáp: Nếu một Tỳ-kheo không thọ tuổi hạ, chúng nên can gián khiến cho thọ, can gián lần thứ nhất cho đến lần thứ ba mà thọ thì tốt, nếu can gián hơn ba lần vẫn không thọ thì phạm Quyết đoán, can gián hơn bốn lần vẫn không thọ thì chẳng phải Sa môn, vì không chịu thọ phép ấy.

Hỏi: Người mới thọ giới hạ an cư, cùng trong ngày, nhưng kết hạ an cư, sau đó được tuổi hạ không?

Đáp: Được, nếu sau một đêm thì không được.

Hỏi: Ở trong hạ an cư quên không thọ phép bảy ngày, ra khỏi cương giới một ngày được an cư không?

Đáp: Nhớ mà sám hối thì được, trong một ngày an cư, không được sám hối ba lần, sám hối quá ba lần thì không được tuổi hạ.

Hỏi: Khi thọ tuổi hạ, nếu trời mưa được ở trong nhà thọ tuổi hạ không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đi đến nơi nào đó để kết hạ an cư, vì có chướng ngại nên không thể đến được, được đổi chỗ an cư kiết hạ không?

Đáp: Không được. Giả sử đến chỗ khác, để hậu an cư, nếu trên đường đi, có trú xứ của tăng, phải đến để an cư, phải ở lại hai, ba ngày, sau đó thọ pháp ba mươi chín ngày thì được đi. Nếu không có

trú xứ của tăng, năm người trở lên cùng kết giới an cư, sau đó một hoặc hai người ở lại để giữ cương giới, đủ ba mươi chín ngày mới được đi, nếu người đi sau không đủ ba mươi chín ngày mà bỏ đi, người đi trước không biết nên không mất an cư, người đi sau thì bị mất.

Hỏi: Một người cho đến bốn người được ở trong nhà cư sĩ kết hạ an cư không?

Đáp: Không được, năm người trở lên mới được kết hạ.

Hỏi: Một người ở chỗ thanh vắng được kết hạ an cư không?

Đáp: Trước đây có kết cương giới, hai người trở lên thì được, một người không thể được, vì không có người cùng thọ an cư, không có cương giới nên hoàn toàn không được, nếu muốn an cư riêng, phải thỉnh tăng kết cương giới, sau đó an cư thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo trong khi hạ an cư nhận lời người khác thỉnh và nhận vật dụng của người khác gởi, hoặc trải qua mười ngày cho đến ba tháng, được như vậy không?

Đáp: Không tác ý tham mà nhận thì không phạm giới.

Hỏi: Ở trong hạ an cư trong cương giới có làm công việc, được an cư không?

Đáp: Việc phước thì được làm, ngoài ra không

được.

Hỏi: Văn thọ hạ an cư nói: "Phòng nhà bị hư hoại phải tu sửa lại".

Vậy làm lúc mới an cư hay an cư xong?

Đáp: Trong ba tháng, nếu nhà bị hư hoại thì nên sửa chữa.

Hỏi: Khi thọ tuổi hạ, ni chúng đến trong cương giới cầu xin thọ tuổi hạ, nên cho thọ tuổi hạ không?

Đáp: Hai vị ni trở lên thì được, một người thì không được. Vì sao?

Vì ni một mình đi ra khỏi cương giới phạm tội nặng.

Phẩm 6: HỎI VIỆC ĐỘ NGƯỜI

Hỏi: Một người được độ Sa-di không?

Đáp: Hai người mới được độ

Hỏi: Độ Sa-di được thỉnh Hòa Thượng từ xa không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Chưa đủ năm hạ lạp độ người phạm tội gì? Đệ tử đó đắc giới không?

Đáp: Nếu biết phi pháp mà độ, phạm tội Đọa; can gián hơn ba lần không dừng, phạm Quyết đoán; nếu đệ tử không biết phi pháp thì đắc giới, nếu biết thì không đắc giới.

Hỏi: Tỳ-kheo không thông hiểu giới, lại không biết các việc Tăng, độ nhiều người xuất gia, hoặc

làm Tam Sư (Hòa Thượng, Yết ma sư, Giáo thọ sư), có phạm không?

Đáp: Người ấy còn không nên ăn thức ăn của tín thí, huống gì là độ người.

Hỏi: Nếu người có cha, mẹ, phép Vua không chấp nhận, Tỳ-kheo lén dẫn về độ, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội nặng, nếu quân lính tìm bắt, người ấy theo Tỳ-kheo tu đạo, nếu Tỳ-kheo biết mà cho ở, dù chưa độ cũng phạm tội nặng.

Hỏi: Con xuất gia trước, cha mẹ xuất gia sau, đến chỗ con mình xin xuất gia, người con được độ không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo phạm giới được độ người không?

Đáp: Phạm tội nặng, không có lý nào lại độ người; nếu phạm tội Quyết đoán cũng giống như trên vì chưa đủ năm hạ lạp; nếu phạm giới nhẹ, phải làm phép sám hối, sau đó được độ.

Hỏi: Cư sĩ xin một Tỳ-kheo để xuất gia, Tỳ-kheo liền độ, bèn thỉnh Hòa Thượng làm giới sư Tỳ-kheo đó là thầy phải không?

Đáp: Không phải thầy, nếu sau theo vị đó thọ pháp, vị đó có thể làm thầy, nếu muốn nương theo thì vị đó có thể làm y chỉ sư.

Hỏi: Tỳ-kheo độ nhiều đệ tử, hoặc làm Tam Sư mà không dạy bảo, phạm vào tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa. Thuở xưa, thời đức Phật

Ca Diếp, có một Tỳ-kheo độ đệ tử nhưng không dạy bảo, đệ tử phần nhiều làm phi pháp. Khi qua đời, người đệ tử sanh trong loài rồng, phép của rồng bảy ngày bị một ngọn lửa đốt cháy thân thể đến tận xương, rồi hiện hình lại, bị thiêu cháy tiếp, không thể chịu nổi khổ đau, liền suy nghĩ: "Trước đây, ta có tội gì mà nay khổ như vậy", bèn quan sát mạng sống đời trước, thấy mình xưa làm Sa môn, không giữ giới cấm, thầy cũng không dạy, liền nghĩ ác độc, tức giận thầy mình, càng nghĩ càng muốn làm hại. Biết sau này vị thầy đó cùng năm trăm người đi trên thuyền vượt qua biển cả, rồng liền phun nước làm chìm thuyền, mọi người liền hỏi: "Ngươi là ai?". Đáp: "Nếu các ngươi thả Tỳ-kheo này xuống biển, thì ta sẽ thả các ngươi đi". hỏi: "Tỳ-kheo này vì sao can dự vào việc của ngươi, sao không cần người khác, chỉ cần Tỳ-kheo này làm gì?". Rồng nói:

"Tỳ-kheo này vốn là thầy của tôi, do không dạy dỗ tôi, khiến tôi hôm nay phải chịu đau khổ thế này, nên tôi chỉ cần vị ấy, mọi người không được ngăn cản, việc này. " Thấy Rồng sắp nhấn chìm mình xuống nước, nên Tỳ-kheo nói: "Ta tự nhảy vào biển, không cần ngươi nhận chìm. " Tỳ-kheo ấy liền nhảy xuống nước, tan thân mất mạng, sanh vào các nơi khổ đau chịu vô lượng tội. Từ việc này nên biết, độ người là việc lớn, không thể không chỉ dạy.

Phẩm 7: HỎI VIỆC THỌ GIỚI

Hỏi: Sa-di phạm mười giới, hoặc một, hai, ba giới mà không sám hối, thọ đại giới có đắc giới không?

Đáp: Nếu nhớ mà không sám hối thì không đắc giới, không nhớ, lại không biết pháp, đã thọ trì thì đắc giới, luận về phép thọ giới, Thầy phải hỏi Sa-di: "Ngươi phạm giới không?" Nếu Sa-di nói phạm liền dạy phải sám hối, nếu Thầy không hỏi thì khi đăng đàn thầy phải hỏi; nếu không ai hỏi, thầy phạm tội Đọa.

Hỏi: Đã thọ đại giới, sám hối lỗi đã phạm khi còn Sa-di không?

Đáp: Được sám hối, giống như pháp sám hối của Sa-di.

Hỏi: Sa-di đăng đàn sắp thọ đại giới hoặc mặc áo thế tục, chân mang giầy, hoặc y, bình bát không đủ, lúc ấy đi mượn thì đắc giới không?

Đáp: Tuy mặc áo thế tục, thầy không hỏi thì không đắc giới, các trường hợp khác đều đắc giới, sư tăng phạm tội Đọa.

Hỏi: Nếu có Tỳ-kheo không xả giới, hoặc trở lại làm Sa-di, hoặc làm người tu Đại đạo, liền thọ giới lại, có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới.

Hỏi: Nếu không đắc giới, trước đã thọ giới nên cho ở không?

Đáp: Cho ở.

Hỏi: Người không đắc giới có phải là Thầy không?

Đáp: Không phải

Hỏi: Nhiều người thọ giới, lại thỉnh một người làm thầy, có thể mười người hoặc năm người thọ giới một lúc không?

Đáp: Không thể được.

Hỏi: Sa-di thọ đại giới, thỉnh một Tỳ-kheo làm Đại giới Sư, Tỳ-kheo này không biết yết ma và phép thọ giới, liền thỉnh một vị khác cho thọ giới, vậy ai là Thầy?

Đáp: Vị cho thọ giới là Thầy, người không trao giới pháp thì chẳng phải thầy.

Hỏi: Trên giới đàn, Sư Tăng mặc áo thế tục, hoặc phạm giới, người thọ giới có đắc giới không?

Đáp: Nếu người thọ giới biết là phi pháp thì không đắc giới, không biết thì đắc giới.

Hỏi: Thọ giới, khi chúng Tăng không hòa hợp hoặc đánh mắng nhau có đắc giới không?

Đáp: Nếu trên giới đàn, Tăng hòa hợp thì đắc giới, không hòa thì không đắc giới.

Hỏi: Thọ giới có hạn chế thời gian không?

Đáp: Chỉ qua đêm thì không được, đầu đêm, giữa đêm không thắp đèn nến thì không được, cần phải thấy thân hình màu sắc thì được.

Hỏi: Khi thọ giới, hoặc gặp trời mưa nên

chuyển đổi giới trường, thọ giới trong nhà có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới, nếu muốn chuyển giới trường, trước phải giải đại giới rồi kết giới trường, mới được thọ giới, không như vậy thì không đắc giới.

Hỏi: Khi thọ giới, nếu có các nạn, không được hoàn hảo, người này có phải là đại Tỳ-kheo không?

Đáp: Chỉ ba lần yết ma xong là đủ.

Hỏi: Thọ giới đủ mười ba việc, sau đó các giới sư, Hòa Thương không dạy bảo tiếp, có được đầy đủ giới không?

Đáp: Nếu Thầy không dạy giới trải qua mười lăm ngày, khi thuyết giới chuyên tâm lắng nghe thọ trì thì được đầy đủ.

Hỏi: Lúc thọ giới ba y không đủ, có cầm vải bằng giạ, hoặc nhuộm hoặc không nhuộm hoặc cắt may hoặc không cắt may được gọi là y không?

Đáp: Hoàn toàn không được.

Hỏi: Khi thọ giới, chúng Tăng hiếm có và giới hạn, có bao nhiêu Tăng được thọ đại giới?

Đáp: Trừ Tam Sư, từ năm người trở lên thì được.

Hỏi: Sa-di đã từng giả làm người tu Đại đạo, nhận đại Tỳ-kheo đảnh lễ, sau đó được thọ đại giới không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Sa-di từ tạ thầy ra đi, gặp sự khó khăn trở lại không được, đích thân đi đến chỗ khác thỉnh y chỉ sư để thọ giới, có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo dụ dỗ Sa-di của người khác, dẫn đến chúng khác, cho thọ đại giới, phạm tội gì? Chúng kia biết nên chấp nhận không?

Đáp: Nếu vị thầy kia có việc phi pháp, Sa-di và người dắt đi không có tội; nếu vị Thầy kia không phải phi pháp, thì người dẫn đi phạm tội nặng, khi đăng đàn thọ giới, Sư tăng phạm tội Đọa. Xưa có một Tỳ-kheo trưởng lão, chỉ có một Sa-di theo hầu hạ, có một Tỳ-kheo khác đến dụ dỗ dẫn Sa-di đi, Tỳ-kheo trưởng lão này không có người hầu hạ, nên không bao lâu liền qua đời, nhân đó chế giới này, không được dụ dỗ Sa-di của người khác, nếu dụ dỗ Sa-di của người khác thì phạm tội nặng. Nếu Tỳ-kheo thấy Sa-di của người khác chăm sóc người già, bệnh, mà bảo họ bỏ đi, Tỳ-kheo này cũng phạm tội nặng.

Phẩm 8: HỎI VIỆC NHẬN VẬT CÚNG DƯỜNG

Hỏi: Tỳ-kheo nhận lời mời của đàn việt, đã nhận bốn vật phẩm cúng dường, được lấy cho người không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đã nhận bốn loại vật phẩm trọn đời rồi, có

một vài duyên sự đi ra ngoài, được ăn thức ăn ở bên ngoài, uống thuốc bên ngoài không?

Đáp: Của thí chủ thì được nhận.

Hỏi: Người khác muốn cúng vật cho Tỳ-kheo trước hết hỏi Tỳ-kheo có hay không, Tỳ-kheo thật sự đã có, vì tâm tham nên lừa dối nói với người kia là không có, người kia liền đem vật cúng, phạm tội gì?

Đáp: Vì tham mà lấy nên phạm tội Xả Đọa, nói dối phạm tội Đọa.

Hỏi: Nếu thức ăn của Chúng Tăng, để dành cho Thượng Tòa,

Thượng Tòa được ăn không?

Đáp: Thượng Tòa ăn với tâm tham thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo không bệnh tự nói có bệnh khổ, vì muốn xin thức ăn ngon, nếu có được và ăn, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội nặng.

Hỏi: Không mặc ba y để nhận thức ăn, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Đàn việt đến thỉnh hai, ba người, cần Tăng chúng xướng không?

Đáp: Phải xướng.

Hỏi: Khi Đại Tỳ-kheo yết ma phân chia đồ vật, ni đến trong cương giới, được chia không?

Đáp: Được.

Hỏi: Có người gửi đồ vật đến cúng cho một trú xứ Tăng, vật đến sau, có thêm một Tỳ-kheo đến trước, chia theo an cư, Tỳ-kheo này có được phần không?

Đáp: Đánh kiền chùy thì được, không đánh thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo đi giữa đường, người phụ nữ cúng vật được nhận không?

Đáp: Là bà con, hoặc quen biết nhau thì được nhận.

Hỏi: Tỳ-kheo đi giữa đường, Tỳ-kheo ni cúng vật được lấy không?

Đáp: Cúng cho chúng thì lấy, không phải cúng cho chúng thì không được lấy, nếu lấy thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Gạo cúng Tăng, Tăng đi, thí chủ được dùng cúng cho Tăng đến sau, người đến sau được ăn không?

Đáp: Đánh kiền chùy được ăn, nếu không đánh kiền chùy, ăn một bữa no thì phạm tội Khí.

Hỏi: Ngày mùng tám tháng tư thì phải cúng vật, ngày mười lăm tháng bảy Tăng ở trước đã đi, chủ chùa lấy cho Tăng đến sau, Tăng đến sau lấy để chia, phạm tội gì?

Đáp: Đánh kiền chùy cùng phân chia cho Tăng hiện tiền thì không có tội, nếu không đánh kiền

chuỳ mà chia thì phạm tội trộm.

Hỏi: Cư sĩ có cúng vật khác, người đã nhận đi khỏi, Cư sĩ lấy cho người đến sau, người đến sau được lấy không?

Đáp: Phải hỏi chủ nhân là người đã nhận có trở lại không, nếu cư sĩ nói không đến nữa, liền chú nguyện rồi lấy, nếu nói người kia sẽ đến thì không được lấy, nếu lấy để dùng phạm tội Xả Đọa, biết người kia chết mà lấy, phạm tội Khí, vì đó là vật của Tăng.

Hỏi: Tỳ-kheo lo liệu đời sống, được thí chủ cúng dường y phục, thức ăn cho Tỳ-kheo, vậy được nhận y phục, thức ăn không?

Đáp: Nhận y phục thì phạm Xả Đọa, nếu ở nơi nghèo cùng khốn khổ không có thức ăn, người khác sai cư sĩ làm thì có thể ăn, người quản lý đời sống phải bạch chúng: Vật này không phải là vật của tôi, là vật của người khác, nếu như vậy thì có thể ăn, nếu chủ nhân không bạch chúng mà ăn, phạm tội Đọa. Hai, ba người cũng có thể bạch, nếu Tỳ-kheo đưa cho người giúp việc, người giúp việc nói: Đây là vật của tôi, thì được ăn.

Hỏi: Tỳ-kheo được bỏ đồ vật không?

Đáp: Không được, nếu bỏ phạm Xả Đọa.

Hỏi: Nhận dùng bữa lâu dài đến một trăm ngày, nửa chừng được nhận ăn một bữa, hai bữa của người khác không?

Đáp: Thí chủ chấp nhận thì được, không chấp nhận thì không được.

Hỏi: Khất thực nhiều được cho người khác không?

Đáp: Trước không có tâm tham lấy, có nhiều thì được cho cư sĩ, nếu không có chúng sanh thì để nơi cây, có chúng sanh ăn thì tốt, nếu không có chúng sanh, sáng mai trở lại lấy nước rửa rồi ăn, không được bỏ vì của tín thí rất nặng, sở dĩ trở lại được lấy là vì không có chủ như cách nhặt thức ăn ở Uất-đơn-việt.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn hoặc nhai một miệng cơm rồi nhả ra, lấy chừng một miếng cơm rồi bỏ, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Người chủ thỉnh, được nhận suốt đời không?

Đáp: Nếu chỗ ấy hành đạo được, không có các nạn, không có thiếu thốn thì được đến.

Hỏi: Người chủ mời ăn, được sai người đi thay không?

Đáp: Nếu người chủ đồng ý, thì được, nếu chủ nhân không thích đổi, thay người đi thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Thức ăn của mẹ con quỷ có thể ăn không?

Đáp: Phải chú nguyện sau mới được ăn.

Hỏi: Người chủ cúng cho Tỳ-kheo bò, ngựa, nô

tỳ, thức ăn, được nhận trực tiếp không?

Đáp: Được lấy để dùng, không được bán, tất cả các loại binh khí, cũng không được nhận.

Hỏi: Người đem vật ra cúng tế, cúng xong bỏ đi để vật lại Tăng đến sau được ăn không?

Đáp: Đánh kiền chùy được ăn, không đánh kiền chùy mà ăn thì phạm tội trộm.

Hỏi: Tỳ-kheo cầm mâm thức ăn chia cho người khác phạm tội gì?

Đáp: Nếu hỏi, được phép nhận thì không có tội, không được phép

mà lấy ăn, phạm tội Đọa, nếu không hỏi cũng phạm tội Đọa, sở dĩ không phạm tội trộm, vì cùng lấy tay nhận thức ăn.

Hỏi: Tỳ-kheo khất thực, có người

Hỏi: "Vật tốt không?" Tỳ-kheo không đáp đúng sự thật, nếu nhận vật này, phạm tội gì?

Đáp: Thật tốt nói tốt phạm tội Đọa, không tốt nói tốt phạm tội khí.

Hỏi: Tỳ-kheo đưa tất cả đồ vật dùng trọn đời cho người khác, nói: "Về sau tôi cần thì trở lại lấy", được như vậy không?

Đáp: Được, phải đưa cho người đáng tin. Sau đó lại nói với người khác: "Vật của tôi cúng cho Tỳ-kheo kia", nếu nói là trở lại lấy, thì không được đích thân lấy.

Phẩm 9: HỎI VIỆC BỆNH TẬT

Hỏi: Khi Tỳ-kheo bệnh được bỏ bát ăn hay không?

Đáp: Bệnh nặng thì được, bệnh nhẹ thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo bị bệnh, không giữ ba y phạm tội gì?

Đáp: Nết rất mệt nhọc lại không tỉnh táo thì được, còn biết rõ thì không được.

Hỏi: Người nuôi bệnh không nói với người bệnh, tự đem tiền cho người bệnh khác, may y, mua thực phẩm, uống thuốc, phạm tội gì?

Đáp: Nếu dùng năm tiền, phạm tội khí, sau đó nói với người bệnh, người bệnh vui vẻ thì không phạm, nếu người bệnh tức giận, không trả lại cũng phạm tội Khí.

Hỏi: Vì bệnh nên người chủ cúng mỗi ngày một trăm tiền, chỉ cần năm mươi tiền là đủ, số tiền dư được cho người bệnh khác để uống thuốc, mua thức ăn không?

Đáp: Người bệnh tự cho thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh không có người chăm sóc, được phép cho Tỳ-kheo làm thức ăn không?

Đáp: Trong núi, ao đầm, chỗ không có người, đến trưa không có thức ăn, trở lại thì được làm, nội trong bảy ngày, trước tịnh thí củi, gạo rồi nhận lại mới được làm.

Hỏi: Người bệnh cần một, hai lít rượu đổ vào thuốc, có thể cho không?

Đáp: Nếu thầy thuốc nói chắc chắn lành bệnh, cho phép hòa với thuốc để uống, không được uống rượu không.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh được mặc áo lạnh không?

Đáp: Không được, vì giống với ngoại đạo.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh ung nhọt được sai người mút nhổ ra không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh khốn khổ, hoặc thiếu y bát do chúng cúng nên bán để làm phước, nếu nhận phạm tội gì?

Đáp: Nếu bị hư rách thì được nhận, không phải thì phạm Xả Đọa.

Phẩm 10: HỎI VỀ TỲ KHEO QUA ĐỜI

Hỏi: Vật của Tỳ-kheo qua đời, không đánh kiền chùy, không yết ma mà chia, phạm tội gì?

Đáp: Trong cương giới có mười người trở lên, đều được đánh kiền chuỳ mà yết ma, nếu không đánh kiền chùy mà yết ma, hoặc đánh kiền chùy mà không yết ma, hoàn toàn phạm tội Khí. Sở dĩ làm như vậy vì tất cả vật của Tỳ-kheo qua đời đều thuộc Tăng bốn phương, không được tự ý chia, nếu ở ngoài cương giới thì năm người trở lên, được yết ma chia, không cần đánh kiền chùy, vì không có cương giới, bốn người trở xuống không được yết

ma chia, nếu chia thì phạm tội Khí, phải đem đến trong Chúng Tăng, nếu tự lấy đem đến Chúng khác, mới vào trong cương giới thì không phạm, khi ra khỏi thì phạm tội Khí, như vậy lại đến Chúng khác, ra khỏi một cương giới phạm thêm một tội khí. Đệ tử đem vật của thầy đi cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo mất, đệ tử không lấy của thầy đưa cho Chúng, đích thân phân chia cúng dường chúng Tăng, tăng có thể ăn không?

Đáp: Đệ tử ấy trước đây biết pháp thì có tội, Tăng không đánh kiền chùy không yết ma mà ăn, phạm Xả Đọa.

Hỏi: Nếu Thầy qua đời, Tăng yết ma chia vật, đệ tử được chia không?

Đáp: Được, vì đệ tử là Tăng Chúng.

Hỏi: Thầy qua đời, không có tăng khác, chỉ có đệ tử, hoặc năm hoặc mười, được yết ma chia vật không?

Đáp: Được chia vì đệ tử tức là Tăng nên được chia, phải đánh kiền chùy và yết ma, không làm như vậy thì không được.

Hỏi: Người bệnh qua đời, vật cúng cho người bệnh còn lại, được lấy cho người bệnh khác không?

Đáp: Đây là vật của Tăng, không được cho người khác, nếu đem cho với trị giá năm tiền, phạm tội khí.

Hỏi: Thầy đưa tiễn cha, mẹ, anh em chết được khóc không?

Đáp: Không được, khóc một tiếng phạm tội Đọa, chỉ có thể nhỏ một tí nước mắt thôi.

Hỏi: Hoặc Tỳ-kheo chết thì có mặt, khi yết ma không có mặt; hoặc khi chết không có mặt, khi yết ma thì có mặt đều được chia không?

Đáp: Kịp lúc yết ma thì đều được, khi chết thì có mặt, khi yết ma không có mặt thì không được chia.

Hỏi: Tỳ-kheo qua đời, người khác mua quan tài, y phục cho để mai táng, phạm tội gì?

Đáp: Bạch Tăng, Tăng cho y phục để che thân, những vật còn lại đều thuộc của Tăng, tất cả không được chôn, chôn đủ năm tiền phạm tội khí, nếu vật riêng của đệ tử thì được, nếu người mất không biết pháp, tự lấy để chia cho người khác thì không có tội.

Hỏi: Cha mẹ bà con chết, Tỳ-kheo được lo liệu áo quần, quan tài để chôn cất không?

Đáp: Đều không được. Nếu cha mẹ mất, hoặc bệnh không có người cúng dường, được khất thực chia cho một nửa, nếu họ có khả năng, hoặc chút ít nghề nghiệp, không được cho thức ăn, nếu cho thức ăn thì phạm tội đóa, cho quần áo phạm Xả Đọa, huống chi mua quan tài để chôn cất!

Hỏi: Người bệnh qua đời, y bát trước hết cho

người nuôi bệnh, nhưng không yết ma, người nuôi bệnh lấy bán làm cơm cúng Tăng, Tăng ăn được không?

Đáp: Chúng chưa yết ma mà ăn, Chúng phạm Xả Đọa, nếu người bệnh không biết pháp, đã tác pháp yết ma thì được ăn, nếu chưa tác pháp thì chúng nên tác pháp.

Hỏi: Tỳ-kheo mượn vật của người khác Tỳ-kheo đã chết, được lấy vật để trả không?

Đáp: Tất cả đều không được, tự lấy vật để trả, phạm Đột cát la, phải bạch chúng, Chúng trả thì được lấy, nếu chúng không cho mà lấy phạm tội đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo được xây tháp cho bậc Thầy đã mất không?

Đáp: Vật của mình được dùng, vật của thầy thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo được đảnh lễ mồ mả của thầy không?

Đáp: Được. Có người vấn nạn: "Sống là thầy tôi, đã chết còn không phải Tỳ-kheo, chỉ là bộ xương khô mà thôi, vì sao phải đảnh lễ?"

Đáp: Phật ở đời nên cung kính cúng dường, sau khi ngài nhập Niết bàn cũng chỉ là bộ xương khô mà thôi, vì sao lại cúng dường!? Thầy lúc còn sống đã dùng pháp làm lợi ích cho người, sau khi thầy chết kính lễ có lỗi gì?

Hỏi: Khi chia vật yết ma xong, có tăng khác đến, vị này có được phần không?

Đáp: Yết ma ba lần xong, không cho thì không có lỗi, nếu đến kịp sau một lần yết ma, cũng được chia phần.

Phẩm 11: HỎI VỀ BA Y

Hỏi: Giặt ba y xong cần phải xả (cho) không?

Đáp: Cần xả, nếu không xả phạm tội Đọa, phải cho người khác, họ trả lại mới được nhận.

Hỏi: Ba y đã rách, may chậm chậm có được không?

Đáp: Y đại thì được, y trung, y tiểu thì không được.

Hỏi: Được đắp y tiểu thắp hương ở giảng đường không?

Đáp: Không có y trung thì được, nếu không có thì thân thanh tịnh cũng được thắp.

Hỏi: Giặt y, đổi vải lụa, được dùng đổi gạo không?

Đáp: Không được nếu đổi phạm tội Đọa.

Hỏi: Có Ba y, nên may nội y không?

Đáp: Nội y may hay không may đều được.

Hỏi: Được mặc đại y lên giảng đường, được lễ bái không?

Đáp: Không có y trung thì được.

Hỏi: Ba y được dùng lụa sống để may không?

Đáp: Tất cả vải lụa, không thấy thân thể thì được mặc.

Hỏi: Tỳ-kheo giận dữ tự phá y, bát và tích trượng phạm tội gì?

Đáp: Sân hận phiền não tự phá ba y và bát, phạm tội Xả Đọa, phá tích trượng phạm tội Đọa, phá vật của người khác, tính theo tiền mà biết phạm tội gì?

Hỏi: Ba y được đưa cho người mượn không?

Đáp: Không được đem ra khỏi cương giới cách đêm, nếu cùng ở trong cương giới thì được, không hạn chế số ngày.

Hỏi: Vào trong xóm làng không mặc y đại, phạm tội gì?

Đáp: Mang trên vai đi thì không phạm, nếu Tăng sai hoặc vì người bệnh, không đem y đi đều không phạm.

Hỏi: Ba y bị rách vá lại được thọ, cúng lại cho người khác chăng?

Đáp: Rách khoảng bằng chân con mèo nên cho người khác, người khác trả lại mới được nhận để vá lại, nếu vá trước, đem cho người sau cũng được.

Phẩm 12: HỎI VỀ BÁT

Hỏi: Thế nào là bát bị mất?

Đáp: Nếu sứt mẻ, hoặc thủng lỗ, hoặc bể nát, hoặc dính dơ không rửa được, đều bị mất, nếu bị

sứt mẻ, lỗ thủng thì không thể dùng được, nếu bị vỡ hàn bịt lại cho người khác, người khác trả lại mới được nhận, dính dơ không rửa được cũng vậy, nếu bỏ ngoài cương giới qua đêm cũng không mất.

Hỏi: Bình bát được treo trên vách tường không?

Đáp: Nên lấy khăn đậy rồi để nơi sạch sẽ, hoặc đựng trong túi treo trên vách thì tốt, không được đậy bát rồi treo trên vách, nhóm sáu Tỳ-kheo đậy bát treo trên vách, bị rớt xuống đất liền bể nát, do đó Phật chế giới, từ nay về sau không được đậy bát treo trên vách, nếu bát treo trên vách là phạm tội Đọa, rơi xuống đất bể phạm tội Xả Đọa.

Hỏi: Sáng sớm được dùng bát để ăn không? Nếu không dùng có lỗi gì?

Đáp: Tất cả khi ăn đều nên dùng bát, nếu một ngày không dùng bát là phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn cơm muốn cho hết, được nghiêng bát để vét cơm không?

Đáp: Được.

Hỏi: Ăn cơm rồi lại ăn trái cây, được bỏ bình bát xuống không?

Đáp: Được, nếu ăn chưa xong cũng được bỏ xuống chốc lát.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn phải đưa bát lên cao, cũng được đặt xuống đất không?

Đáp: Phải đưa lên cao, nếu có duyên sự đưa cho

người khác, không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy đồ đựng đầy cơm, bỏ trong bát một nửa, được dùng bát ăn không?

Đáp: Không được, nếu dùng để ăn, phạm tội Đọa.

Hỏi: Bình bát được cho người mượn không?

Đáp: Được, trừ ra lúc ăn cơm.

Hỏi: Bình bát được lấy để nấu thức ăn không?

Đáp: Không xả mà nấu, phạm Xả Đọa.

Phẩm 13: HỎI VỀ CÁC VIỆC KHÁC

Hỏi: Tỳ-kheo bị tên cướp lấy trộm vật, chưa đem ra khỏi cương giới, người chủ thấy vật của mình không biết ai lấy trộm, được lấy lại không?

Đáp: Được lấy, tức giống với giới tương tự vật báu trong chín mươi Ba dật đề, trước phải suy nghĩ, nếu có người nhận thì không được lấy, không có người nhận, bạch chúng mới được lấy, nếu không có chúng, vật thuộc trong cương giới thì lấy, không lấy làm vật của mình.

Hỏi: Chúng Tăng đánh kiền chùy để ăn, ngăn người ngoài không cho ăn, phạm tội gì?

Đáp: Vì sợ mất lợi dưỡng, phạm Đột cát la.

Hỏi: Trước đây Tỳ-kheo giáo hóa, thí chủ cúng thức ăn cho một trăm người, dư một người đến mười người thì được nhận, nếu Tỳ-kheo không giáo hóa có phạm không?

Đáp: Nếu đánh kiền chùy để ăn, nên nhận vì có người giáo hóa nên không phạm. Vì sao? Vì đánh kiền chùy để thỉnh Tăng, Tăng đến nhiều thì có lỗi gì! Luận về phép đánh kiền chùy, cần phải tác ý thỉnh Tăng bốn phương, nếu Tăng đến nhiều hay ít, chia tất cả của cải, thực phẩm đều không có lỗi.

Hỏi: Tỳ-kheo giáo hóa nên cư sĩ cúng dường chúng Tăng, nếu có người ngoài đến xin, cho một thăng đến năm thăng không?

Đáp: Không được, nếu biết là phi pháp mà tự lấy cho, đủ năm tiền là phạm tội Khí, nếu bạch chúng, chúng chấp nhận thì được cho.

Hỏi: Người chủ cúng dường chư Tăng, thỉnh suốt đời, một ngày cúng một trăm tiền, chúng chỉ dùng năm mươi tiền họ cúng, số còn lại được dùng vào những việc khác không?

Đáp: Đánh kiền chùy thì được dùng, nếu không có y bát thì không cần đánh kiền chùy, chúng hòa hợp được giảm bớt việc tiêu dùng, nếu tự bớt để cúng cho khách Tăng rất tốt.

Hỏi: Người chủ thỉnh Tỳ-kheo cúng thức ăn trong mười ngày, vì muốn ăn ngon nên dồn lại, ăn trong năm ngày, ba ngày, phạm tội gì?

Đáp: Không phạm; nhưng không được xin nữa, nếu xin phạm tội Đọa, nếu không đủ mười ngày mà đi cũng phạm Xả Đọa.

Hỏi: Người chủ thỉnh Tỳ-kheo cúng thức ăn

mười ngày, tự chia làm thức ăn một tháng được không?

Đáp: Đánh kiền chùy thì được, nếu không đánh kiền chùy, trong chúng Tăng, có người đi khỏi, nếu họ không cúng thức ăn cho người đến sau, người đến sau ăn phần của mình, ăn hết phần người khác, nếu ăn no một bữa phạm tội Khí, không no phạm tội Đọa.

Hỏi: Cha mẹ, anh em bị phá sản, được đi xin vật, để chuộc lại không?

Đáp: Được, nhưng không được nói xin cho mình, nếu cần xin cho cha mẹ, anh em thì được, nếu sử dụng còn dư thì không được lấy cho mình, phải đưa cho người được chuộc; nếu tự dùng vật ấy, người thân không vui thì phạm Xả Đọa, nếu họ vui không trả lại phạm tội Khí.

Hỏi: Được đến quán rượu xin thức ăn, xin của cải không? Không có việc được nói trống không chăng?

Đáp: Tất cả các cửa quán rượu không được vào, nếu vào phạm tội Đọa, nếu có cửa khác được vào, nếu Tỳ-kheo được thỉnh phải

Hỏi: "có thể giữ trai giới một ngày không?".

Đáp: "Có thể", cho họ giới thì được đến, nếu không thể thọ giới, dù chỉ một ngày cũng không được đến quán rượu, hoặc nhà mổ giết cũng vậy.

Hỏi: Khuyến khích người uống rượu phạm tội

gì?

Đáp: Cưỡng ép, khuyến khích mà họ không uống, phạm Đột cát la, nếu họ uống phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo gởi vật cho cư sĩ, người này hết thời hạn vẫn không trả, lại đem cho Tỳ-kheo khác, Tỳ-kheo ấy được lấy không?

Đáp: Không được lấy, nếu người kia còn sống là vật có chủ, nếu đã chết là vật của Tăng.

Hỏi: Tỳ-kheo ban đêm được đốt đuốc mà đi không?

Đáp: Mùa đông thì được, mùa hè đốt đuốc cũng được, nếu cầm lửa phạm tội Đọa.

Hỏi: Vật của mình chỉ có giá trị một cái, do đi đến nơi khác bán được trị giá bằng năm, ba cái có thể lấy không?

Đáp: Không được, nếu lấy phạm Xả Đọa.

Hỏi: Tất cả vì đùa giỡn nên lấy vật của người khác đem cho, phạm tội gì?

Đáp: Đều phạm Xả Đọa, nếu người kia không cho lại cưỡng ép mà lấy, phạm tội Khí.

Hỏi: Tỳ-kheo nếm thức ăn được ăn không?

Đáp: Không được. Biết mà ăn phạm tội Đọa, nếm trước thức ăn của người khác cũng phạm tội Đọa, nếu không sám hối liền, tội ấy ngày càng tăng. Xưa có một Tỳ-kheo chấp sự, thường trông coi thực phẩm của Tăng, luôn lấy tay chỉ vào đồ đựng nói, lấy vật này, dùng vật này, ngày nào cũng

làm như vậy mà không sám hối. Sau khi qua đời, vị ấy bị đọa vào trong loài ngạ quỷ. Có một Tỳ-kheo đắc A-la-hán, ban đêm đi nhà xí nghe tiếng kêu rên rỉ, nên hỏi: "Ngươi là ai?" Đáp: "Tôi là ngạ quỷ", hỏi: "Đã làm gì mà bị đọa trong loài ngạ quỷ?" Đáp: "Ở trong chùa này làm Tăng chấp sự", hỏi: "Ngươi vốn tinh tấn, vì sao bị đọa trong loài ngạ quỷ?" Đáp: "Do đem thức ăn uống bất tịnh cho chúng Tăng". Vị La hán hỏi: "Vì sao bất tịnh?" Đáp: "Tăng chúng có nhiều vật dụng đựng thức ăn do thấy rồi lấy tay chỉ vào đồ đựng, sai người giúp việc lấy vật này, dùng vật này, phạm tội Đọa, ba lần thuyết giới vẫn không sám hối, nên tăng thêm cho đến tội nặng, do đó bị đọa vào trong loài ngạ quỷ, hai tay phanh xé ngực, lột da xẻ thịt, hơi thở yếu ớt, hỏi:

"Vì sao phải phanh xé ngực?"

Đáp: "Loài trùng cắn rứt thân thể rất đau đớn".

Hỏi: "Vì sao hơi thở yếu ớt?"

Đáp: "Vì trong miệng có trùng".

Hỏi: Vì sao? Tiếng kêu rên rỉ?

Đáp: Vì rất đói khát, sắp chết? hỏi: Muốn ăn vật gì?

Đáp: Ý muốn ăn phân nhưng không ăn được.

Hỏi: Vì sao không ăn được?

Đáp: Vì các ngạ quỷ rất nhiều, chúng thấy liền xua đi, nên tôi không thể đến trước được.

La hán nói: Ta biết làm sao?

Quỷ nói: Xin cho chúng Tăng biết để chú nguyện.

Đáp: Được rồi.

Vị La hán liền trở về trong chúng nói:

Người kia bị đọa vào loài ngạ quỷ.

Chúng Tăng hỏi: Xưa tu hành tinh tấn vì sao bị đọa vào ngạ quỷ?

Đáp: Vì lấy đồ ăn bất tịnh cho Tăng mà không sám hối, xin chúng

Tăng chú nguyện cho người kia. Tăng liền chú nguyện, quỷ kia được ăn phân không còn kêu rên rỉ. Lấy việc này chứng minh, nên biết đại Tỳ-kheo, không được tự tay làm thức ăn và chạm vào vật dụng đựng thức ăn của Tăng, nếu không phải vật dụng của Tăng, thì nhận để làm cho Tăng, không phạm.

Hỏi: Thầy sai đệ tử buôn bán, làm các việc phi pháp, được rời bỏ vị thầy đó không?

Đáp: Được, thầy làm sai thì nên đi. Đệ tử có bốn nhân duyên nên ở. Một là cho pháp cho ăn, không cho y bát thì nên ở. Hai là cho pháp, cho y bát, không cho ăn thì nên ở; ba là cho pháp cho y bát cho ăn thì nên ở; bốn là cho pháp không cho y bát, không cho ăn cũng nên ở; nếu thầy không cho pháp, không cho y bát, không cho ăn thì nên đi.

Hỏi: Luận về tác tịnh, phải tác tịnh như thế

nào? Tác tịnh có bao nhiêu việc?

Đáp: Rau quả phải tác tịnh bằng dao, tay, bằng lửa, còn gạo lúa phải tác tịnh bằng lửa, quả đã tác tịnh rồi thì ăn hạt không đắng.

Hỏi: Lễ bái được mang giày không? Đáp: Sạch sẽ thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo nuôi nô tỳ, bò, lừa, ngựa phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả Đọa, không sám hối thì tội nặng thêm như trên.

Hỏi: Tỳ-kheo chỉ người khác buôn bán phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả Đọa

Hỏi: Vẽ hoa làm phướn, bán được vật phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả Đọa

Hỏi: Cư sĩ đến xin Tỳ-kheo xuất gia, Tỳ-kheo chưa độ, người ấy được ăn thức ăn của Tăng không?

Đáp: Bạch tăng thì được, không bạch mà ăn, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi khất thực cho Tăng chúng, ở trên đường đích thân được ăn thức ăn của Tăng không?

Đáp: Nếu trước khi đi phải bạch chúng Tăng, Tăng chấp nhận thì được. Nếu khi đi không bạch, trở về mới bạch, nếu không chấp nhận phải trả lại,

nếu không trả, tính giá trị số tiền phạm tội nặng.

Hỏi: Nếu người khác đem thức ăn để trong phòng cách đêm có phạm không?

Đáp: Không phạm.

Hỏi: Muốn thắp đèn sáng liên tục, được lấy một lít hoặc hai lít dầu để trong phòng không?

Đáp: Được.

Hỏi: Rượu thuốc được để trong phòng không?

Đáp: Bệnh được để bảy ngày.

Hỏi: Không dùng nhành dương có phạm không?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Chưa sáng được dùng nhành dương không?

Đáp: Sau khi sao Mai mọc được dùng, nếu dùng sớm hơn, phạm tội Đọa.

Hỏi: Sau khi ăn, được dùng nhành dương không?

Đáp: Được dùng, nếu không, nên dùng tro, bồ kết; nếu đều không dùng, phạm tội Đọa, quá giờ ngọ cũng phạm tội Đọa, sau giờ ngọ chỉ trừ thuốc, còn tất cả cỏ cây có mùi vị đều không được đưa vào miệng, nếu đưa vào phạm tội Đọa.

Hỏi: Nếu có nhành dương, được dùng tất cả các loại cây để súc miệng không?

Đáp: Đều được.

Hỏi: Thiếu thốn được vào chợ xin không?

Đáp: Trước giờ ngọ thì được, sau giờ ngọ thì không được, không được xin tiền, nếu muốn xin tiền, phải dắt theo một cư sĩ hay Sa-di cũng được.

Hỏi: Có người bắt Tỳ-kheo để bán, được bỏ chạy không?

Đáp: Lúc đầu thì được, qua chủ khác thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo nói giỡn lại nhận được vật, họ làm thức ăn thỉnh Tỳ-kheo, vậy được ăn không?

Đáp: Không được, nếu ăn phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ni không tinh tấn có thể khuyên bảo họ thôi đạo không?

Đáp: Không thể được.

Hỏi: Hòa thuốc cho người do không biết pha chế, người uống vào bị chết, phạm tội gì?

Đáp: Có tâm tốt mà cho, không phạm; với tâm xấu ác cho uống phạm tội nặng.

Hỏi: Tỳ-kheo mười hạ lạp hoặc năm hạ lạp mà không tụng giới luật, phạm tội gì?

Đáp: Nếu không hiểu lại ăn của tín thí, ngày nào cũng phạm tội trộm nếu trước đây không biết vẫn được sám hối.

Hỏi: Tất cả miếu quỷ thần có thể ở nhờ qua đêm không?

Đáp: Đi đường thì được nghỉ lại đêm, nếu có ý quấy rối mà ở, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn thịt sống phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Hai người nam hành dục chưa xong phạm tội gì?

Đáp: Phạm Quyết đoán

Hỏi: Hai người nam dâm dục định giỡn ở miệng, bèn dừng, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa, nếu thành phạm Quyết đoán.

Hỏi: Giường chiếu của người khác đã ở trên đó hành dục, chỗ ấy được ở không?

Đáp: Thấy chỗ sạch sẽ thì được ở.

Hỏi: Tăng đã xướng Tăng bạt, Thượng Tòa chưa ăn, Hạ Tòa ăn trước, phạm tội gì?

Đáp: Nghe xướng rồi ăn, không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo không đủ sáu vật phạm tội gì?

Đáp: Không xin để làm, phạm Xả Đọa; nếu xin không ai cho, không phạm.

Hỏi: Đại Tỳ-kheo vào mùa rét được trải y để nằm không?

Đáp: Mặc y thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo tự xưng tên họ và giữ giới, dùng sức nài ép xin được, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả Đọa.

Hỏi: Người nữ có bệnh nhọt, hoặc có chỗ đau, Tỳ-kheo lấy tay đè chỗ ấy để điều trị, phạm tội gì?

Đáp: Nếu khởi tâm, phạm Quyết đoán; không khởi tâm, phạm tội Đọa.

Hỏi: Phụ nữ không có con, nói với Tỳ-kheo: "Dạy cho tôi phương pháp (để có con)", Tỳ-kheo liền dạy, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Quyết đoán.

Hỏi: Nhờ Tỳ-kheo đem vật cho người, nhưng không đưa họ phạm tội gì?

Đáp: Tự lấy không đưa, phạm tội nặng, cất để cho hư rồi trả lại, tính giá trị để biết tội nặng nhẹ.

Hỏi: Tỳ-kheo đi vào xóm làng không mặc y phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo reo hò phạm tội gì?

Đáp: Nếu ở trong xóm làng, trong chúng can gián một lần phạm tội Đọa, can gián ba lần không bỏ phạm Quyết đoán.

Hỏi: Trong xóm làng cầm cung tên, dao để xem phạm tội gì?

Đáp: Trước không biết pháp không phạm; biết mà làm, phạm Đột cát la.

Hỏi: Tỳ-kheo di xe ngựa phạm tội gì?

Đáp: Con đực chở một lần thì phạm lỗi, can gián ba lần không bỏ phạm Quyết đoán, con cái chở một lần phạm Quyết đoán.

Hỏi: Trong xóm làng, Tỳ-kheo xem cư sĩ đánh nhau phạm tội gì? Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo cầm cờ ngắm, đùa giỡn dù chỉ một lúc, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo vào trong xóm làng ẵm trẻ con ba tuổi khiến nó khóc, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Đi vào xóm làng xem cư sĩ tập hợp đấu sức nhau phạm tội gì?

Đáp: Phạm Đột-cát-la.

Hỏi: Vào xóm làng xem cư sĩ cho súc sinh giao phối phạm tội gì? Đáp: Biết là phi pháp mà xem, phạm tội Đọa, không biết không phạm, bên trong khởi tâm dâm, miệng nói lời nhiễm ô, phạm Quyết đoán.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn không no, được nói với người chưa thọ Đại giới không?

Đáp: Được, chỉ trừ Bà-la-môn.

Hỏi: Trong núi, nơi đồng trống, thấy một đồ vật không chủ, được lấy dùng không?

Đáp: Được dùng, nếu cần phải với vua, hoặc người trong cung vua, hoặc nói với người khác thì được dùng, nếu không nói, không được đem đi, nếu đem đi phạm Xả Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo làm thuốc được lấy vật không?

Đáp: Nếu tâm từ chữa trị thì được lấy, tâm xấu thì không được lấy, không có y bát, người khác cho được phép lấy; nếu có y bát người khác ép cho vì

làm việc phước thì được lấy, nếu người không cho cũng không được xin lấy làm phước, nếu xin phạm Xả Đọa.

Hỏi: Ăn cơm, cái khăn hoặc lớn nhỏ, có rau, cơm đổ trên đó, cần giặt không?

Đáp: Không dơ cũng phải giặt, nếu có Sa-di, cư sĩ thì giao cho họ và bảo sẽ nhận lại không phạm, nếu đã giao, họ để trong phòng thì không còn lo; nếu không giao cho ai lại không gặt, phạm Xả Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ở phòng riêng khi ra không đóng cửa có phạm không?

Đáp: Phạm Xả Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ở trong phòng riêng, vỗ tay cười, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo được đi quanh qua dòng nước cạn hầm cạn không?

Đáp: Không được, nếu đi quanh phạm tội Đọa. Xưa có một Ưu bà tắc, thỉnh một Tỳ-kheo đến muốn cúng để vị ấy may một cái y tốt, Tỳ-kheo liền đi theo, giữa đường có một dòng nước nhỏ, Tỳ-kheo liền đi quanh qua, Ưu bà tắc ấy không vừa ý, nghĩ: "Mình nghĩ đây là Tỳ-kheo tốt, muốn cúng một cái y tốt, nhưng lại đi vòng quanh qua hầm hố, đến nơi, ta sẽ cúng bằng nửa cái y đó thôi", vị Tỳ-kheo ấy là bậc Vô nhiễm, nên biết ý nghĩa của người đó, liền đi trước, gặp dòng nước lại đi vòng

quanh qua. Hiền giả lại nghĩ: "Đến nơi, ta sẽ cúng một tấm vải bông thô". Tỳ-kheo đi tiếp, gặp dòng nước lại đi vòng quanh qua, Hiền giả lại nghĩ: "Đến nơi, ta sẽ cúng một bữa ăn". Vì Vô nhiễm nên Tỳ-kheo biết được tâm niệm kia, lại đi trước, thấy dòng nước liền vén y lội qua. Hiền giả hỏi Tỳ-kheo: "Vì sao không đi quanh qua?". Tỳ-kheo nói: "Ông trước đã cúng cho tôi một cái y, một lần tôi đi vòng qua dòng nước, ông đã bớt còn lại nửa cái; lại di quanh một lần, còn được một tấm vải thô, đi quanh thêm một lần nữa thì còn được một bữa ăn, lần này tôi không đi quanh, vì sợ mất luôn thức ăn". Hiền giả mới biết đây là người đắc đạo, bèn hướng về sám hối, dẫn về cúng dường đầy đủ. Do việc này nên biết, Tỳ-kheo không được đi quanh qua dòng nước, hầm hố.

Hỏi: Tỳ-kheo chạy phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa. Có việc gấp, không phạm.

Hỏi: Có người, sau khi xuất gia, trở về lén lấy vật trong nhà, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Khí, vì sao vậy? Vì lúc đầu xuất gia tất cả đều bỏ hết, chẳng còn là vật của mình.

Hỏi: Lúc Tỳ-kheo còn tại gia, cùng cất vật của cha mẹ, anh em, sau đó xuất gia, người nhà chết hết, Tỳ-kheo trở về tự lấy vật, phạm tội gì?

Đáp: Nếu tự lấy phạm tội Khí, nếu có cư sĩ thân quen, có thể nói họ lấy làm phước, phải chia một

nửa cho qua. Vì sao? Vì vật này không có chủ, nên giao cho quan, không được lấy hết nếu lấy hết phạm tội nặng.

Hỏi: Thầy thọ giới lại làm đệ tử, đệ tử được giảm bớt hạ lạp, giảm bớt giới và ngồi ở nơi thấp nhất không? Nếu không được làm như trên thì được đảnh lễ không?

Đáp: Hoàn toàn không có lý này.

Hỏi: Tỳ-kheo đi trong ruộng người khác, hoặc có lúa non hoặc không có lúa non, phạm không?

Đáp: Có lúa non phạm tội Đọa, vì việc gấp không phạm, không có lúa đều được.

Hỏi: Người biết lỗi đã phát lồ, hoặc năm ba ngày, vì có nạn nên chúng Tăng phân tán, tội ấy được phân xử không?

Đáp: Phải cầu xin Tăng chúng mới có thể quyết định.

Hỏi: Vua quan hỏi Tỳ-kheo việc tốt xấu, Tỳ-kheo nói, sau đó được cúng dường, phạm tội gì?

Đáp: Nếu được thức ăn, phạm tội Đọa, được… vải phạm Xả Đọa, nếu việc nói đi chinh phạt được cúng dường phạm tội nặng.

Hỏi: Tỳ-kheo có duyên sự đi vào ruộng của thế tục được không? Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo chưa đủ năm tuổi hạ, không y chỉ, phạm tội gì?

Đáp: Không y chỉ thầy, nếu uống nước, ăn cơm,

ngày nào cũng phạm tội trộm, nếu trước không biết pháp, vẫn được sám hối.

Hỏi: Tỳ-kheo mười tuổi hạ không thông hiểu giới, cần y chỉ không?

Đáp: Phải y chỉ như trên.

Hỏi: Tỳ-kheo bán ở chợ, tự khen vật của mình, bán giá đắt, người khác tin nên mua giá đắt, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội trộm.

Hỏi: Tỳ-kheo đi trên đường xa vắng vẻ, có thức ăn, mà không có người nhận, được ăn như thế nào?

Đáp: Chỉ được đưa một tay xuống để cầm thức ăn, nếu lấy nhiều quá, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi thuyền, nước lớn không xuống được, được tiểu tiện trong nước không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo chép kinh trên thẻ tre, tụng xong lau rồi, có phạm không?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Chưa đủ năm tuổi hạ, được vào tụng luật không?

Đáp: Không được, vì có thể giáo giới phần thô mà thôi. Nếu tụng phạm tội Đọa

Hỏi: Xả đại giới không mất giới Sa-di, có phải Sa-di không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Tỳ-kheo ngủ ban ngày phạm tội gì?

Đáp: Mở cửa thì không được, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo được nằm xuống đất không?

Đáp: Phòng riêng thì được, trong chúng không được, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ở trong phòng không mặc ba y phạm tội gì?

Đáp: Ngồi thiền, tụng kinh không mặc, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi đường mặc Nê hoàn tăng được buộc ống chân không?

Đáp: Quá lạnh thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo giữ đồ để sơn, phạm tội gì?

Đáp: Cây bằng gỗ để sơn, hoàn toàn không được dùng, dùng phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đã nhận thức ăn vào tay, hoặc trộn thức ăn làm dơ tay, được nhận thức ăn không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo vào phòng, không ngồi chỗ của mình, phạm tội gì? Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi xung quanh Tháp, hoặc Tỳ-kheo ni, Ưu bà di đi quanh theo sau, có phạm không?

Đáp: Nếu có Ưu bà tắc thì không phạm.

Hỏi: Rau xanh đã tác tịnh, còn gốc rễ, Tỳ-kheo được ăn không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đệ tử đi xa gởi vật cho thầy, hoặc thầy gởi vật cho đệ tử, quá hạn không về, hoặc trải qua mấy năm, có thể lấy dùng không?

Đáp: Nếu khi đi không nói thì không được dùng vì biết đây là vật có chủ, nếu người kia chết là vật của Tăng.

Hỏi: Tỳ-kheo dạy cư sĩ không cúng tế tất cả người đã mất, lý này đúng không?

Đáp: Không đúng. Giả sử cha mẹ không ăn, nhưng tâm cung kính dâng cúng, cũng được phước vậy.

Hỏi: Trong chúng được ngồi chung một chỗ với thầy không?

Đáp: Không được ngồi gần, được ngồi cùng bàn ăn cơm.

Hỏi: Tỳ-kheo không lạnh, mặc ba y lễ Phật, phạm tội gì?

Đáp: Trong Chúng thì phạm Đột-cát-la.

Hỏi: Tỳ-kheo được tự tay pha chế thuốc men không?

Đáp: Lấy cỏ thanh tịnh thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo có ý bỏ đạo, đã mặc áo thế tục, thời gian sau, đến chỗ Thế Tôn lễ bái, sau đó trở lại chúng, cầu xin tu lại như cũ, nên chấp nhận không?

Đáp: Nếu không xả giới, nên chấp nhận.

Hỏi: Tỳ-kheo biết cha mẹ, anh em của mình bị phá sản, khốn khổ, mà không đem tiền đến chuộc, có tội không?

Đáp: Nếu vì hành Đạo mà không chuộc thì không có tội.

Hỏi: Nếu người bạch Tăng, xưng là Thánh chúng, được nhận không?

Đáp: Không được nhận.

Hỏi: Nếu người đem vật cúng Tăng, nói cúng cho Thánh chúng, nên nhận không?

Đáp: Nếu không nói, được chia, được lấy, vì chúng hiểu chỉ là theo phong tục.

Hỏi: Đi đường lội nước, sai người cõng qua phạm tội gì?

Đáp: Nếu không già, bệnh thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Người giúp việc chúng Tăng, Tỳ-kheo được sai làm việc lặt vặt không?

Đáp: Sai làm việc nhỏ thì được, việc lớn không được.

Hỏi: Tỳ-kheo để móng tay dài, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo Thượng Tòa chưa tắm, Hạ tòa tắm trước có phạm không?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Trong đồ đựng của Tỳ-kheo bỗng có vật khác, hoặc đã che đậy, không biết ai cho, có thể lấy dùng không, có thể vứt bỏ không?

Đáp: Cho Tăng, không được dùng riêng.

Hỏi: Có một trụ xứ, Tăng đến đi rất nhiều nên có bỏ lại cả y mới lẫn y cũ, họ không lấy dùng nữa, có thể dùng không?

Đáp: Cho chúng Tăng, chúng Tăng giữ lại một tháng, một năm, sau đó được dùng, nếu sau chủ đến, Tăng phải trả vật, nếu là vật quý báu, về sau chúng không thể đền thì đừng dùng.

Hỏi: Tỳ-kheo biết có cư sĩ quen đến làm, nên mình được nói với Thượng Tọa, Duy Na đem cơm của Tăng cho họ ăn không?

Đáp: Tăng sai thì được, Tăng không sai, thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo bỏ đạo về đời sau đó lại xuất gia, thầy trước phải là thầy không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Khi đăng đàn, được gọi các sư Tăng là thầy không?

Đáp: Không có lý này, không theo người ấy thọ pháp, hoàn toàn không được làm thầy.

Hỏi: Tất cả các thầy được gọi là Hòa Thượng, xưng là đệ tử không?

Đáp: Không được, giả sử có kính trọng, thì cũng như tôn trọng theo thế tục.

Phẩm 14: HỎI VỀ TAM TỰ QUY

Hỏi: Mọi người đều được thọ Ba quy y, có ai

không được thọ chăng?

Đáp: Trừ năm tội ngũ nghịch, còn lại đều được.

Hỏi: Tu Ba tự quy là thực hành điều gì?

Đáp: Thân, miệng, ý không làm việc tà, và không theo thầy tà kiến.

Hỏi: Thế nào là phạm Ba quy y?

Đáp: Ưa thích tà kiến, theo thầy tà đạo.

Hỏi: Nếu phạm Ba tự quy sám hối như thế nào?

Đáp: Hướng về Bổn sư sám hối, nếu không có Bổn Sư thì hướng về Tỳ-kheo khác cũng được.

Hỏi: Nếu không thể giữ giới, được xả không?

Đáp: Được.

Hỏi: Nếu xả, phải xả như thế nào?

Đáp: Hướng về Bổn sư, hoặc một Tỳ-kheo thưa: "Từ hôm nay trở về sau, con không thể quy y theo Phật, theo Pháp, theo Tỳ-kheo Tăng". Nói ba lần như vậy, nếu chưa đủ ba lần, thì vẫn còn thọ Ba quy y.

Hỏi: Có người thọ Ba quy y, mới sám hối tội ác đời trước, lý này đúng không?

Đáp: Không có lý này.

Hỏi: Thọ Ba quy y là thọ từ một người được theo ba người chỉ thọ một quy y không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thọ pháp Ba quy y trọn đời, hay có thể được một năm, nửa năm, mười ngày, năm ngày

không?

Đáp: Tùy theo ý muốn nhiều, ít.

Hỏi: Nếu theo Thầy thọ Ba quy y một năm, nửa năm, sau khi đầy đủ, được gọi là Thầy không?

Đáp: Theo thọ pháp, suốt đời là Thầy.

Hỏi: Ba tự quy y, được thọ một, hay hai quy y không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thọ Ba quy y, hiện tại không có thầy, được theo văn để thọ không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Trước đây thọ Ba quy y, phạm mà không sám hối lỗi lầm, được thọ lại không?

Đáp: Không được, cần phải sám hối, nếu muốn thọ, phải xả lần thọ trước, nếu không xả, thọ lại thì không đắc giới.

Phẩm 15: HỎI VỀ NĂM GIỚI

Hỏi: Không thọ Ba quy y, được thọ năm giới không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu thọ Ba quy y, phạm mà không sám hối, được thọ năm giới không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thọ năm giới pháp, có được thọ năm ngày, mười ngày, một năm, hai năm không?

Đáp: Tùy theo ý muốn nhiều hay ít.

Hỏi: Phạm năm giới, không sám hối, được thọ lại không?

Đáp: Không xả, không được thọ lại, không sám hối cũng không được xả.

Hỏi: Phạm hết năm giới đều được sám hối không?

Đáp: Nếu giết người, dâm dục với người tôn kính, Tỳ-kheo ni, trộm cắp tài sản của Tam bảo, hoàn toàn không được sám hối, ngoài ra thì được sám hối.

Hỏi: Nếu không giữ năm giới, được xả không?

Đáp: Được xả. Nếu người muốn xả năm giới, gộp cả Ba tự quy lại, nói: "Từ hôm nay, Phật không phải là thầy của con, con chẳng phải là duyên của Phật". Nói như vậy ba lần. Pháp, Tăng cũng nói thế. Nếu chỉ xả một, hai, ba hay bốn giới, chỉ nói: "Từ hôm nay con không thể giữ giới. . . (nào đó). Nói như vậy ba lần, nếu không đủ ba lần, giới vẫn không mất.

Hỏi: Đối với năm giới, có thể theo năm thầy thọ một giới không? Đáp: Được.

Hỏi: Đã thọ Thiên năm giới về giới trọng, có thể xả bớt một hoặc hai giới không?

Đáp: Được

Hỏi: Năm giới, có thể thọ một, hai hay ba giới không?

Đáp: Được, tùy theo ý muốn nhiều, ít.

Hỏi: Tỳ-kheo phạm giới trọng hoặc phạm giới rượu cho thọ giới có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới.

Hỏi: Có tám giới cho bạch y không? Đáp: Không, chỉ có tám giới quan trai.

Phẩm 16: HỎI VỀ MƯỜI GIỚI

Hỏi: Không thọ năm giới, được thọ mười giới không?

Đáp: Nếu trước đây thọ Ba tự quy y rồi thì được, vì trong mười giới đã có năm giới, cũng không cần thọ lại năm giới.

Hỏi: Phạm năm giới không sám hối, được thọ mười giới không?

Đáp: Không được, nếu trước không biết sám hối mà thọ thì được, biết mà không sám hối thì không được.

Hỏi: Thầy phạm giới trọng, theo thọ mười giới có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới.

Hỏi: Nếu tự phạm giới trọng, thọ mười giới có đắc giới không? Đáp: Không đắc giới.

Hỏi: Sa-di phạm mười giới, được sám hối không?

Đáp: Như năm giới trên.

Phẩm 17: HỎI VỀ SA DI

Hỏi: Sám hối cần Chúng không?

Đáp: Không cần Chúng, chỉ hướng về Bổn sư là được, nếu hiện tại không có Thầy, đến sám hối với Tỳ-kheo khác cũng được.

Hỏi: Sa-di nửa tháng được thuyết giới một lần không?

Đáp: Không có lý này, vì sao? Vi giới của Sa-di không bao hàm, nhưng mọi người đều có thể tụng giới, ngày mười lăm phải tập hợp lại một chỗ để tụng.

Hỏi: Sa-di phạm giới, được hướng về Sa-di khác sám hối không? Đáp: Không được.

Hỏi: Sa-di được mặc y phục thế tục không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thầy có nhiều việc sai trái, Sa-di được bỏ đi cầu thầy khác không?

Đáp: Được.

Hỏi: Sa-di phản thầy, theo thầy cư sĩ chạy theo thế tục, nhưng không bỏ giới, trải qua nhiều năm, trở lại xin thầy xuất gia vì Sa-di này sai quấy, nhưng sám hối lỗi lầm rồi, không cần thọ giới lại chăng?

Đáp: Vì đã là Sa-di, chỉ hướng về thầy sám hối, vốn không bỏ giới, không được thọ lại, thọ cũng không đắc giới.

Hỏi: Sa-di bị giặc cướp đi trải qua nhiều năm, tháng, hoặc chuyển qua người chủ khác được trốn không?

Đáp: Chuyển qua người chủ khác thì không được.

Hỏi: Sa-di phạm giới cấm, Thầy và Tăng đã đuổi, được sám hối và tu lại không?

Đáp: Nếu không xả giới, vẫn còn là Sa-di nên có thể sám hối mà thôi.

Hỏi: Khi cư sĩ theo Sa-di thọ năm giới, nhưng sau xuất gia thọ đại giới, Bổn sư vẫn là Sa-di, được gọi là Thầy không?

Đáp: Được gọi là Thầy, nhưng không được đảnh lễ, Sa-di nên đảnh lễ. Khi cư sĩ theo bên ni thọ năm giới, nhưng sau đó xuất gia cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo tham tiếc vật của riêng, tội ấy rất nặng. Xưa có một Tỳ-kheo tham đắm một cái nạo bạt bằng đồng, sau khi chết làm ngạ quỷ, chúng Tăng chia vật xong, đến chỗ Tỳ-kheo ấy đã mất, thấy hiện ra một vật lớn như một đám mây đen, các Tỳ-kheo kinh ngạc. "Đây là vật gì?". Trong chúng có người đắc đạo, nói: "Đây là Tỳ-kheo đã chết vì tham tiếc cái nạo bạt nên bị đọa vào trong loài ngạ quỷ, hôm nay vì tham tiếc đến muốn xin lại". Các Tỳ-kheo liền lấy cái nạo bạt trả lại, ngạ quỷ cầm rồi, le lưỡi liếm, bỏ xuống đất rồi đi, các Tỳ-kheo trở lại lấy, nhưng rất hôi thúi không thể đến gần, lại sai người lấy cái nạo bạt làm thành đồ vật, vẫn hôi không thể dùng. Lấy điều này để chứng minh, biết tham là tai họa lớn. Tỳ-kheo tham tiếc y phục,

mới có sự thảm khốc là tự đốt cháy mình. Xưa có một Tỳ-kheo, thích may y, ngày đêm đắm nhiễm, lúc bị bệnh nặng, tự biết sẽ chết, bèn ngẩng đầu lên nhìn ngắm y, trong lòng khởi lên tư tưởng ác, nói: "Sau khi ta chết, ai dám mặc y phục này của ta!" Không bao lâu Tỳ-kheo ấy chết hóa làm con rắn, trở lại quấn quanh bên y, Chúng khiêng Tỳ-kheo đã chết ra thiêu và chôn cất xong, sai người về lấy y, vật dụng, thấy con rắn quấn quanh chiếc y, đang giương cổ để phun nọc độc, nên người ấy không dám đến gần, liền trở lại bạch chúng sự việc đã thấy. Các Tỳ-kheo cùng nhau đến xem, đều không dám đến gần. Có một Tỳ-kheo đắc đạo, bèn nhập vào bốn tâm vô lượng, không thể trúng độc, liền đến gần, nói: "Đây vốn là y của ngươi, hôm nay ngươi không còn, vì sao lại giữ nó?" liền lấy quăng đi không xa, vướng vào một bụi cây, lửa độc phát ra đốt bụi cây, trở lại đốt cháy thân, rắn liền bị chết, đọa vào địa ngục lửa thiêu đốt, trong một ngày bị thiêu đốt hơn ba lần đều do tham làm hại.

Phẩm 18: TUỔI HẠ AN CƯ VÀ SÁM HỐI

Nếu Tăng thuận theo pháp thọ tuổi hạ của Như Lai, Tỳ-kheo nên làm như vậy. Từ mùa hạ đầu tiên của Như Lai, nay đến hết mùa hạ này, trong sáu tháng Chúng đã có nhiều lỗi lầm, làm trái giới luật, trừ hai việc sai lầm, làm trái giới luật, trừ hai việc sai lầm trước, ngoài ra không trừ trường hợp nào

nữa. Như Lai đã nhóm chúng Tăng hòa hợp để dạy bảo. Hôm nay, Ta tư duy điều này, cùng các ông phát lồ bày tỏ, nói về những việc đã sai lầm, mỗi người phải tự nhận. Nếu trong chín mươi ngày, không có Định của Thế Tôn, không có Trí tuệ của Thế Tôn, không có Giới của Thế Tôn thì chúng ta sai phạm rất nhiều, vì không có Trí tuệ của đức Thế Tôn, không có Giới của đức Thế Tôn cho nên phạm; vì không có Giới của đức Thế Tôn nên phạm, vì không có Trí tuệ của đức Thế Tôn nên phần nhiều không làm theo chỉ dạy; không có Định của Thế Tôn, phần nhiều phạm về sự loạn tâm, hoặc nghĩ đến dục, không làm theo việc dục, hoặc nghĩ đến cách trộm cắp, mà không làm việc trộm cắp, hoặc nghĩ đế cách giết hại, nhưng không làm việc giết hại, hoặc nghĩ đến việc giả dối, lại không làm việc giả dối, hoặc nghĩ đến phép Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng không thực hành Tăng-già- bà-thi-sa.

Trong chín mươi ngày này, đã phạm các việc thuộc oai nghi.

Hỏi: Cư sĩ muốn xuất gia, Tỳ-kheo liền nhận, lại thỉnh Thầy khác, Tỳ-kheo trước là thầy phải không?

Đáp: Không phải Thầy, nếu theo người nào thọ pháp thì người ấy là Thầy, hoặc nương theo người khác, vị ấy có thể làm thầy y chỉ.

Hỏi: Nếu có Tỳ-kheo, không bỏ làm Sa-di, tức

người tu Đại đạo, mà lại thọ giới làm Tăng được không?

Đáp: Được.

Hỏi: Trước đây đã thọ giới, nhưng không đắc giới, được cho ở không?

Đáp: Được cho ở.

Hỏi: Về sau, người ấy làm Thầy, đúng hay sai?

Đáp: Sai.

Hỏi: Nhiều người thọ giới, chỉ thỉnh một người làm Thầy, có thể mười người, năm người đồng thọ một lúc không?

Đáp: Không có lẽ đó.

Hỏi: Sa-di thọ Đại giới, mời một Tỳ-kheo làm Thầy để thọ Đại giới, mà Tỳ-kheo này không biết yết ma và pháp thọ giới, nên mời một vị khác để truyền giới, vậy ai là Thầy?

Đáp: Người truyền giới làm thầy. Người không truyền pháp là chẳng phải thầy. Tỳ-kheo truyền năm giới chỉ được truyền cho Bà-la- môn, đối với người ni khác, truyền cho Tỳ-kheo cũng không đắc giới.

Hỏi: Người làm mai mối, phạm giới gì?

Đáp: Phạm Tăng tàn.

Hỏi: Tất cả vật của mình, vua quan không lấy hết, vậy đem cho được không?

Đáp: Vua quan không nghi ngờ thì được.

Hỏi: Thấy người hành dục không quở trách,

phạm tội không?

Đáp: Người khác có thể can gián, không can gián phạm tội Đọa, nếu không thể can gián, nên đến vị Tỳ-kheo phát lồ rõ ràng.

Hỏi: Tỳ-kheo trước đã phạm tội, thọ giới lại được ở chung không?

Đáp: Phạm tội trọng, không được thọ giới lại; phạm tội Quyết đoán, sám hối tội lỗi thì được thọ lại, không sám hối thì không được thọ lại, huống gì ở chung.

Hỏi: Có việc gấp, Tỳ-kheo cầm cung tên lên thuyền, có thể đi theo không?

Đáp: Người cầm phạm trọng tội, còn người chở thì phạm Xả đọa. hỏi: Tỳ-kheo bị quan bắt buộc làm việc phi pháp, phạm tội gì?

Đáp: Không được làm.

Hỏi: Hai người nam cùng giỡn ở chỗ tiểu tiện, phạm tội gì?

Đáp: Nếu thành, phạm Quyết đoán.

Hỏi: Tỳ-kheo lén nghe hai người nam hành dục, phạm tội gì?

Đáp: Không có tâm dục nghe, phạm tội Đọa; có tâm dục mà nghe, thân không xuất tinh, phạm Đột-cát-la.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh không thể đi được, ngồi xe ngựa được không?

Đáp: Con đực thì được, không nghĩ là con cái

thì phạm tội Đọa, nếu biết thì phạm Quyết đoán, không biết là con cái thì không có tội.

Hỏi: Tỳ-kheo không thích quyển kinh cũ, đem bán đi mua quyển mới, phạm tội gì?

Đáp: Bán kinh thì có tội như bán cha mẹ.

Hỏi: Hai người nam đánh nhau, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Súc sanh hành dục, Tỳ-kheo tách chúng ra, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội đọa.

Hỏi: Mặc y tiểu để đi, cất y đại, được nhận người cúng dường không?

Đáp: Được.

Hỏi: Ở trong hạ, Tỳ-kheo được nhận vật của Tăng không?

Đáp: Nếu vật cúng cho Tăng, tức phải chia, không được cất.

Hỏi: Tỳ-kheo có quen biết nhà thí chủ, bận việc nên giao lại cho Tỳ-kheo khác đi đến đó khất thực được vật, phạm tội gì?

Đáp: Xem xét người chủ có tâm xấu thì không được nhận, nếu nhận phạm tội Đọa; biết người chủ có ý tốt thì được lấy.

Hỏi: Chim sẻ ở trong nhà người làm tổ, Tỳ-kheo phá, hoặc lấp hang chuột, phạm tội gì?

Đáp: Chim sẻ chưa có con thì được đuổi đi, có con thì không được; vì trong hang chuột chỉ có một

cái lỗ nên không được lấp, nếu bên trong, bên ngoài đều có lỗ, thì được lấp lỗ bên trong.

Hỏi: Tỳ-kheo cùng Thầy và bạn đồng học, được đưa thư qua lại không?

Đáp: Ở phương khác trong nước thì được thông tin qua lại, còn nước khác thì không được.

Hỏi: Người xuất gia, quốc pháp, cha mẹ không chấp nhận, được thọ giới không?

Đáp: Không được.

Bấy giờ, tôn giả Mục Liên từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật.

- Bạch Thế Tôn! Thật hoan hỷ khi Ngài nói Tỳ ni! Sau khi Như Lai diệt độ, ai có thể thọ trì theo luật này?

Đức Phật bảo:

- Này tôn giả Mục Liên! Người tư duy học hỏi Luật, nên biết người này, có thể tu hành theo Luật này.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục Liên: "Sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni nào phỉ báng Luật này, nên biết người ấy là bạn của ma, không phải là đệ tử của Ta, những hạng người như thế, đời đời học đạo cũng không thành, không thoát ra khỏi ba cõi. Hôm nay, Ta rất thương xót các chúng sanh. Khi ấy, tôn giả Mục Liên nghe đức Phật giảng nói, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

KINH MỤC LIÊN VẤN GIỚI LUẬT TRUNG NGŨ BÁCH KHINH TRỌNG SỰ

(Bản Tương Đương Với Số 1483)

Hán dịch: Mất tên người dịch, nay xếp vào dịch phẩm đời Đông Tấn

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: NĂM THIÊN

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương Xá. Lúc ấy, tôn giả Mục Liên từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay, con có điều muốn thưa hỏi, nguyện xin Đức Thế Tôn giảng nói cho con.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Những điều ông thưa hỏi có thể làm lợi ích lớn lao cho vô lượng chúng sanh. Ông hãy thưa hỏi tùy ý.

Tôn giả Mục Liên bạch Phật :

- Bạch đức Thế Tôn! Tỳ kheo ở đời mạt pháp, khinh chê lời dạy của đức Phật thì phạm giới Chúng học, dùng lẫn lộn vật của Tam bảo, sẽ bị đọa vào chốn nào?

Đức Phật bảo Tôn giả Mục Liên:

- Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Như Lai sẽ giảng nói cho ông. Nếu Tỳ-kheo không biết hổ thẹn, khinh mạn lời Phật phạm giới chúng học, bị đọa vào địa ngục bằng năm trăm năm ở cõi trời Tứ Thiên Vương, tương đương chín trăm ngàn năm ở nhân gian; phạm Ba-la-đề-đề-xá-ni thì bị bị đọa địa ngục bằng một ngàn năm ở cõi trời ba-mươi ba, tương đương ba ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian; phạm Ba-dật-đề thì bị đọa vào địa ngục bằng hai ngàn năm, tương đương hai mươi ức ngàn năm ở nhân gian; phạm Thâu-lan-giá thì bị đọa vào địa ngục bằng bốn ngàn năm ở cõi trời Đâu Suất, tương đương năm mươi ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian; phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì bị đọa vào địa ngục bằng tám ngàn năm ở cõi trời Bất Kiêu Lạc, tương đương hai trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm ở nhân gian; phạm Ba-la-di thì bị đọa địa ngục bằng mười sáu ngàn năm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại, tương đương chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm ở nhân gian.

Phẩm 2: THƯA HỎI VỀ PHẬT

Hỏi: Vật của Phật trước đây để ở chỗ này, có Tỳ-kheo lấy làm Phật sự chỗ khác, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Khí. Tất cả vật của Phật không được di chuyển, nếu có nạn, chúng Tăng đi hết phải bạch chúng, nếu chúng chấp nhận thì được chuyển

đi chỗ khác, không phạm tội.

Hỏi: Vật của Phật, được mua để cúng dường không?

Đáp: Được.

Hỏi: Vật của Phật đem làm nhà, cho thuê được không?

Đáp: Tất cả các vật của Phật chỉ được mua, không được cho thuê.

Hỏi: Tỳ-kheo làm Phật sự, được sai người giúp việc trong chùa đi mượn bò, lừa, ngựa… không?

Đáp: Nếu biết vốn là vật của Phật thì không được, không biết thì được, vì phi pháp nên được

Hỏi: Đất của Tăng đang xây tháp, dùng vật của Phật xây cất, bày vẽ bên trong, có thể ở không?

Đáp: Nếu biết mà vào ở phạm tội Đọa, không biết thì không pha- m, nếu biết mà ở, can gián hơn ba lần, phạm Quyết đoán, can gián hơn bốn lần thì tội càng tăng thêm, phạm tội nặng.

Hỏi: Trước đây chùa chiền bị hư nát, người chủ nhân xuất tiền của xây cất lại, dùng tiền đó cúng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có thể nhận không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Đất của Tăng, vật của Phật lấy xây cất, bày vẽ, ở đất ấy trước đây có giếng, có hoa quả, rau trái có thể ăn không?

Đáp: Không được ăn. Nếu vật của đàn việt làm Phật sự, trước đây họ dùng hoa quả rau trái cúng

cho Tăng thì được ăn, họ không cúng thì không được ăn, nếu mua hơn năm tiền, nếu biết lại không mua mà ăn, tính theo số tiền nhiều hay ít đều phạm tội.

Hỏi: Mắc nợ vật của Phật thì trả thế nào?

Đáp: Phải trả lại bằng giá trị vật cũ, vì vật của Phật không được xuất ra, nhập vào, cho nên không trả thêm, tuy vậy vẫn bị đọa vào trong địa ngục. Thuở xưa, sau khi Phật diệt độ, có một Tỳ-kheo tinh tấn thông minh, có một Bà-la-môn thấy Tỳ-kheo tinh tấn thông minh nên đem con gái đến chỗ Tỳ-kheo, xin được làm Tỳ-kheo ni, Tỳ-kheo liền nhận. Cô gái ấy rất xinh đẹp. Sau đó, Tỳ-kheo sanh tâm ái nhiễm làm hạnh bất tịnh, cùng sống chung với cô ta, sử dụng vật của Phật, Pháp và Tăng, mỗi ngày lấy một ngàn vạn tiền để mua sắm y phục, thức ăn. Vị Tỳ-kheo ấy rất thông minh, có khả năng thuyết pháp làm cho người khác chứng đắc đạo Bốn quả, tự suy nghĩ: "Tội này rất nặng!", liền muốn đền trả số tiền và vật dụng ấy. Tỳ-kheo liền đến nước Sa-khư để khất thực, được rất nhiều tiền, vật, muốn trở lại để đền trả. Đến giữa đường, trong hang núi cách bảy bước là chỗ rắn độc ở, Tỳ-kheo biết đi thêm bảy bước sẽ chết, nên mới đi được sáu bước liền quay nói với đệ tử: "Hãy đến chỗ ấy để trả lại!" Liền sai trở về nước, dặn: "Ngươi đem vật này về trả lại, rồi trở lại, ta sẽ đợi ngươi!" Đệ tử đem trả vật rồi, trở lại báo tin. Tỳ-kheo đi thêm bảy

bước liền bị chết, đọa vào trong địa ngục A tỳ, đầu tiên vào địa ngục nóng bức, chưa hết lại đến ngục cực nóng, gọi là ngục nóng. Thấy vậy vị ấy liền lớn tiếng đọc kinh chú nguyện, các tội nhân và quỷ trong ngục nghe tiếng tụng kinh, vô số ngàn người được độ thoát. Ngục tốt rất giận dữ, liền cầm chĩa ba đánh vị ấy. Tỳ-kheo kia liền qua đời được sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba. Do việc này nên biết, mắc nợ vật của Phật, Pháp, Tăng thì không thể không trả lại, tuy vẫn chịu tội, nhưng có lúc cũng được thoát khỏi.

Hỏi: Quét trên tháp Phật, có được bỏ đất và có tội không?

Đáp: Được bỏ, không được dùng làm việc khác.

Hỏi: Vật của Phật lấy cho người khác, lấy cho con và tự sử dụng thì phạm tội không?

Đáp: Người cho vật của Phật thì đồng một loại với phạm tội nặng, dù đem con dâng cho Phật còn không có phước, vì đã hủy hoại pháp thân, nên còn bị hình phạt.

Hỏi: Vật của Phật, người chủ tính toán, phân phát cho người giúp việc trong chùa và trẻ con, Tỳ-kheo có thể sử dụng không?

Đáp: Không được sử dụng vì là vật của Phật.

Hỏi: Tỳ-kheo làm việc cho Phật, được thức ăn của Phật thì được ăn không?

Đáp: Không được, Tỳ-kheo không lẽ làm người khác, huống chi lấy vật của Phật như y phục, thức ăn để dùng sao!

Hỏi: Bạch y làm việc cho Phật, được vật của Phật, họ dùng vật này làm thức ăn thỉnh mời Tăng, Tăng được ăn không?

Đáp: Không được ăn.

Hỏi: Làm việc của Phật, việc của pháp được phép cầm giữ vàng, bạc và tiền không?

Đáp: Không được. Nếu cất giữ thì phạm tội Xả đọa.

Hỏi: Người cúng cho Phật bò, lừa, ngựa, nô tỳ để làm việc Phật, việc pháp có nhận không?

Đáp: Được nhận để sử dụng, nhưng không được bán cung tên, vũ khí, một vật không được nhận.

Hỏi: Người cúng nhà cho Phật, chưa sử dụng, được ở không?

Đáp: Không được, vì vật của Phật.

Hỏi: Thắp đèn cho Phật, ban ngày có thể tắt không?

Đáp: Không được, nếu tắt phạm tội Đọa, tuy Phật không có sáng tối, nhưng người cúng được phước, nên tắt thì phạm tội.

Hỏi: Chẳng phải nơi thờ Phật mà thờ tượng Phật ở trong, có thể để trước chỗ ăn, chỗ nằm nghỉ không?

Đáp: Được. Nếu Phật ở đời cũng ở phía trước chỗ ăn, chỗ nằm nghỉ, huống chi tượng Phật mà không được! Nhưng nằm phải lấy bức ngăn lại, nếu có đèn sáng, không được dùng trong chỗ ở, nếu mình có đèn thì được.

Hỏi: Nhìn ngắm Phật trên tranh, Phật trên tháp, Phật trên vách tường, phạm tội gì?

Đáp: Không biết thì không phạm, nếu việc gấp hoặc nạn thì cũng không phạm. Nếu biết mà nhìn ngắm phạm Xả Đọa, can gián hơn ba lần phạm Quyết đoán, can gián hơn bốn lần phạm tội Khí.

Hỏi: Đã có vật để làm Kinh Phật, lại nhận vật của người khác, không dùng vật trước, có được không?

Đáp: Không được. Vì đã chấp nhận vật ấy rồi.

Hỏi: Được phép mua hình tượng Phật trên tấm vải may áo không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Khen chê hình tướng tượng Phật, phạm tội gì?

Đáp: Tất cả tượng Phật không hỏi xấu đẹp, không được khen chê, tội ấy rất nặng, nhất định không nên làm.

Hỏi: Người tạc tượng Phật nhưng không làm lỗ mũi, người sau được làm không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Vách tường nơi thờ Phật, được cầm vật

dựa vào không?

Đáp: Không được, phạm tội Đọa. Xưa, có một Tỳ-kheo, muốn vào chùa, lễ Phật có một Bà-la-môn biết xem tướng, thấy vị Tỳ-kheo ấy có tướng Thiên tử, liền nói với Tỳ-kheo: "Ta có một đứa con gái, sẽ gả cho ông", Tỳ-kheo nói: "Sau khi lễ Phật về". Tỳ-kheo cầm gậy thiếc dựa vào vách tường điện Phật rồi vào trong chùa lễ Phật. Khi trở ra, Bà-la-môn lại nói không gả con gái nữa.

Tỳ-kheo hỏi: "Sao không đem con gái gả cho tôi?" Bà-la-môn nói: "Không gả". Vì sao không gả? Bà-la-môn nói: "Vừa rồi, thấy ông có tướng tôn quý nên tôi nói gả, bây giờ không còn tướng ấy, vì vậy không cho. Vì sao? Vì ông đã diệt mất công đức kia". Vì vậy, không được để vật dựa vào vách tường điện Phật và vách tháp, đã phạm giới lại còn mất hết vô lượng công đức.

Hỏi: Vật của Phật được làm tượng trời, người và súc sanh không?

Đáp: Làm để hầu bên Phật thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo độ người không hỏi rõ đầu đuôi mà độ người ấy, sau đó mới biết là người giúp việc trong chùa, nếu không đuổi đi, phạm vào tội gì?

Đáp: Biết mà độ thì phạm tội nặng. Nếu trước không biết, khi biết liền đuổi, nếu không đuổi, phạm tội nặng.

Hỏi: Người ấy là người tu Đại đạo phải không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Có của cải riêng đưa cho Tỳ-kheo làm tượng Phật, người làm được lấy vật không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Lá phướn trước tượng Phật, được lấy làm Phật sự không?

Đáp: Phật sự thì được dùng, hoặc đàn việt không cho không được.

Hỏi: Được đảnh lễ bảy đức Phật ở quá khứ?

Đáp: Được. Vì đồng là pháp thân.

Hỏi: Nếu người trước đây hứa với Phật làm ba hội, nhưng sau đó làm một hội, hoặc ba hành hương, hoặc ba bố thí, được không?

Đáp: Không được, vì sai lời hứa nên phạm tội.

Hỏi: Tỳ-kheo phạm tội Quyết đoán được ở trong đất Phật sám hối không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Ngôi chùa quá cũ kỹ lâu đời, không còn tường vách ngăn che, không biết đất Phật gần hay xa, nếu người muốn làm, làm sao biết được bờ nào bằng phẳng?

Đáp: Không biết, mà có ý muốn làm bờ bằng phẳng, vì không biết nên càng tăng thêm sự tổn hại chứ không có tội.

Hỏi: Vật của Phật lấy làm nhà cho mẹ con của quỷ và làm tượng có tội không?

Đáp: Có tội, vì lấy vật của Phật cho người khác.

Hỏi: Được đảnh lễ Tỳ-kheo trước tháp Phật không, ?

Đáp: Không được, nếu đảnh lễ phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo buôn bán tượng Phật có tội gì?

Đáp: Giống với tội buôn bán cha mẹ

Hỏi: Tỳ-kheo tự tay đốn chặt cây, đào đất, xây cất chùa, tháp Phật và làm hình tượng có phước không?

Đáp: Còn không tránh khỏi địa ngục, chịu tội khổ lớn, huống là có phước, vì đã phạm giới.

Phẩm 3: THƯA HỎI VỀ PHÁP

Hỏi: Ngồi trên tòa cao thuyết pháp trước mọi người, mặc y phục thế tục, có thể cho thuyết pháp không?

Đáp: Cả người nghe và người thuyết pháp đều phạm, nhiều người đã can gián hơn ba lần mà không sửa đổi thì phạm Đột-cát-la, can gián hơn ba lần phạm tội Đọa, can gián hơn ba lần mà vẫn làm thì phạm Quyết đoán, phải can gián hơn ba lần khiến cho bỏ, giả sử không nghe lời can gián, qua ba lần thuyết giới thì tội càng tăng thêm.

Hỏi: Người thuyết đúng như pháp, còn người nghe pháp không đúng như pháp, có được thuyết pháp không?

Đáp: Giống như trên.

Hỏi: Thỉnh người thuyết pháp trước đây che

màn trên cao, là vật cúng dường Phật, được mời để ngồi dưới thấp không?

Đáp: Không biết thì không phạm, biết thì không được ngồi.

Hỏi: Chỗ Tăng ngồi trước đây có thờ Phật, sau đó Tăng có thể ngồi thuyết pháp không?

Đáp: Phật ngồi thì được, trước đây là Tăng ngồi thì không được.

Hỏi: Nếu người thỉnh Tỳ-kheo đến tụng kinh và thuyết pháp, họ cúng vật, có được nhận không?

Đáp: Nếu có tâm mong cầu mà nhận thì phạm tội Xả đọa, nếu không có tâm tham mà nhận thì không phạm, nếu không có y bát mà nhận thì không phạm.

Hỏi: Ngồi trên tòa cao thuyết pháp ở trong chúng Tăng, được ngồi ghế dựa, cầm phất trần không?

Đáp: Bệnh được ngồi ghế dựa, cầm quạt có đuôi thì phạm tội Đọa.

Nếu không phải quạt có đuôi thì được.

Hỏi: Cất kỹ kinh điển và giới luật có phạm không?

Đáp: Phạm Xả Đọa.

Hỏi: Thầy mặc y phục thế tục được đảnh lễ và thuyết pháp không?

Đáp: Được, không bệnh thì không được thuyết pháp.

Hỏi: Cư sĩ đội mũ trên đầu, có được thuyết pháp không?

Đáp: Trừ có bệnh phải đội trên đầu, ngoài ra thì không được.

Hỏi: Trên kinh có bụi đất cỏ lá dơ bẩn được thổi xuống không?

Đáp: Không được thổi.

Hỏi: Tỳ-kheo chép kinh có được cầm vật khác không

Đáp: Không được, nếu cầm thì phạm tội Xả Đọa

Hỏi: Để thức ăn trên kinh phạm tội gì?

Đáp: Nếu có tâm xem thường thì phạm Quyết đoán, không có tâm xem thường thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Giới luật không sử dụng, để rơi rớt có thể đốt không?

Đáp: Không được, không biết đốt có tội mà đốt thì phạm Xả Đọa. Nếu biết đốt có tội mà đốt thì phạm tội Quyết đoán, Vì như dùng phương tiện phá hoại Tăng chúng, cũng như thiêu đốt cha mẹ.

Phẩm 4: THƯA HỎI VỀ KIẾT CƯƠNG GIỚI

Hỏi: Kết cương giới là gì?

Đáp: Pháp kết cương giới là nơi hang núi, trong ao đầm, chỗ không có người, tùy ý xa hay gần, nếu ở trong thành ấp, xóm làng thì không được kết

cương giới quá xa, cũng không được kết cương giới ban đêm. Khi kết cương giới, Tỳ-kheo cần phải đứng ở đầu bốn góc, không cho người bên ngoài vào, nếu người bên ngoài vào thì kết cương giới không thành. Trước hết kết giới trường, tất cả con cháu trong chùa, cư sĩ, nô tỳ phải ra khỏi giới trường, sau đó mới quy định bốn hướng. Khi kết cương giới phải trừ ra bốn chỗ: Một là xóm làng; hai là bên ngoài xóm làng, ruộng đất của người đời thường làm việc; ba là chỗ thanh vắng, trong núi, ao đầm, sợ lúc thuyết giới yết ma, gặp nhiều nạn, Tăng không thể đến được. Phải bạch chúng cầu xin kết tiểu giới riêng, nếu chúng chấp nhận, chỗ đó Chúng không đủ năm người, nên sai Tăng đến kết cương giới riêng, đây gọi là chỗ an cư của khu già lam; bốn là Thọ giới trường, trước khi kết cương giới phải trừ để kết giới trường, trừ xong mới kết cương giới, hoặc làm như vậy, hoặc kết đại giới trước, sau đó kết cương giới làm chỗ thọ giới. Như Giới Công đã nói: Sợ không thể đắc giới, nhưng lại nói: không biết, thì đồng với lúc chưa chế định, nhưng điều này có thể chấp nhận được. Có người nói: Nếu Tỳ-kheo bị bệnh, không thể đến được trong chúng Tăng, cầu xin kết giới riêng trong một phòng, Tăng cũng nên chấp nhận, trước hết giải đại giới cho kết cương giới riêng, sau đó trở lại kết đại giới, tất cả Tỳ-kheo ban đêm không được đem y cũng không được vào nơi ấy. Trong một trú xứ có

cương giới riêng, một Tỳ-kheo có thể đánh kiền chùy, thuyết giới, trước hết phải hướng đến Tăng bốn phương để sám hối, sau đó cũng nói ba lần. Tam ngữ là: Nói ba lần.

Hỏi: Kết cương giới được thông qua đất Phật để kết không?

Đáp: Không được. Nếu cho thọ giới trong đây, nếu trước đây không biết pháp, đã thọ và đắc giới rồi, nếu sư tăng biết mà cố ý làm sai thì có tội.

Hỏi: Đi trên thuyền được kết cương giới không?

Đáp: Được, nếu có Sa di, cư sĩ thì bảo họ lên bờ, sau đó kết cương giới, nếu không bảo họ đi ra, phải ngăn chia ra một chỗ, sau đó kết cương giới, sau khi kết cương giới, ban đêm Tỳ-kheo không được cầm y, lội xuống nước.

Hỏi: Chúng Tăng đi hết, chỉ còn Sa di ở trong cương giới có được không?

Đáp: Dù chỉ một Ưu bà tắc thanh tịnh, thì cương giới cũng không bị mất, huống chi là còn Sa di, suốt một đêm cương giới không bị mất. Nếu Tăng đi hết không trở lại, cũng không cần giải.

Hỏi: Giặc cướp đến trong cương giới, giết Tỳ-kheo, cương giới ấy có bị mất không?

Đáp: Không bị mất.

Hỏi: Một, hai, ba, bốn người đi trên đường hoặc ở trong nhà bạch y, được kết cương giới không?

Đáp: Không được. Năm người trở lên mới được kết cương giới. hỏi: Kết cương giới được thông qua sông ao để kiết không?

Đáp: Tất cả những nơi dòng nước ngưng đọng thì đều được, nếu nước chảy thì không được, vì không biết bờ ở đâu.

Hỏi: Sau khi kết cương giới, không đánh kiền chùy thì cương giới có bị mất không?

Đáp: Không bị mất.

Hỏi: Kết cương giới được thông qua con đường lớn để kiết không?

Đáp: Được. Khi kết cương giới phải sai người đứng ở hai đầu đường để ngăn người đi, sau đó kết cương giới.

Hỏi: Đất không có chủ, có thể kết cương giới được không?

Đáp: Được. Như phép của Uất-đơn-việt.

Hỏi: Kết cương giới trước rồi, sau đó có nước lớn, hoặc đào hầm

dài mười lăm bước, hoặc hành dục trong đó, cương giới này có bị mất không?

Đáp: Hoàn toàn không bị mất. Có người nói rằng: giả sử đào hầm hố lớn sâu, rộng một do tuần thì cương giới vẫn không mất, huống gì những cái hầm nhỏ!

Hỏi: Tỳ-kheo được ở cách đêm chỗ cương giới

của ni không?

Đáp: Được, cũng không được rời y, nhưng không được vào trong phòng.

Hỏi: Tăng kết cương giới xong, sau đó có tăng đến ở chung, không đem theo y có mất y không?

Đáp: Không mất, vì khi kết cương giới, đã thông qua Tăng ba lần.

Hỏi: Tăng tập hợp chưa đủ được kiết cương giới không?

Đáp: Nếu có việc dặn lại thì được, không có việc thì không được. hỏi: Một lần kết cương giới được ở bao lâu?

Đáp: Không có nhất định về thời gian, nếu thí chủ cúng thêm đất mới kết cương giới lại.

Hỏi: Trước đây Tăng kết cương giới không giải mà bỏ đi, sau đó chúng Tăng lại đến kết cương giới có được không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Khi kết giới trường, cần phải tập hợp tất cả chúng Tăng là nhiều ít hay tùy ý?

Đáp: Năm người trở lên thì được, vì không có đại giới, chúng không tập hợp thì không phạm.

Hỏi: Kết giới trường cần phải đến giới trường, cũng được kết từ xa không?

Đáp: Cần phải đến giới trường mới được kết.

Hỏi: Hai chúng kết cương giới được qua lại để kết không?

Đáp: Không được qua lại, chỉ được kết thông giới.

Hỏi: Trong một số cương giới được đánh hai lần kiền chùy không?

Đáp: Được, nhưng không được chia hai trú xứ để thuyết giới, yết ma làm các việc Tăng, chỉ được thắp hương, ăn uống mà thôi.

Hỏi: Đại Tăng được kết thông giới cùng ni không?

Đáp: Được.

Phẩm 5: HỎI VỀ TUỔI HẠ AN CƯ

Hỏi: Vào mùa hạ, ngày nào được kết an cư?

Đáp: Từ ngày mười sáu tháng tư đến hết ngày mười lăm tháng năm ngày nào cũng có thể kết hạ, đây gọi là ngày đầu an cư. Nếu có nạn không thể kết hạ hoặc năm, bốn, ba ngày cho đến hết một tháng, không mất tiền an cư đây gọi là ba mươi ngày kết hạ một ngày thọ tuổi hạ; còn người hậu an cư, chỉ có một ngày được kết hạ an cư, qua ngày mười lăm tháng bảy, có nạn thì ngày nào cũng có thể thọ tuổi hạ cho đến hết ngày mười lăm tháng tám, đây gọi là một ngày kết hạ an cư, ba mươi ngày thọ tuổi hạ.

Hỏi: Kết hạ an cư thọ pháp bảy ngày, thọ từ ngày đầu an cư, hay đến lúc đi mới thọ?

Đáp: Nếu thọ từ ngày đầu an cư thì tốt, đến ngày đầu an cư không được thọ thì lúc sắp đi thọ

cũng được. Luận về thọ phép bảy ngày, nhưng đi không đủ bảy ngày mà trở về sau đó đi lại thì không được thọ, phải tính đủ bảy ngày, mới được thọ, nếu quên mất thì có thể thọ lại.

Hỏi: Ở trong hạ an cư, không nhận mười hai vật như giường nằm, nhà ở. . . được an cư không?

Đáp: Không cần phải nhận.

Hỏi: Kết hạ an cư mà không an cư, được tuổi hạ không?

Đáp: Nếu trước đây không biết phép an cư thì được thọ tuổi hạ, còn biết mà làm trái thì không được.

Hỏi: Không kết hạ không an cư thọ tuổi hạ được không?

Đáp: Nếu trước đây không biết có phép kết hạ, không biết có phép an cư thì được thọ tuổi hạ, nên hướng về chúng Tăng sám hối. Nếu trước đây biết phép mà cố ý làm trái thì không được.

Hỏi: Không kết hạ mà an cư, được tuổi hạ không?

Đáp: Giống như việc trên.

Hỏi: Trong hạ an cư được vào sông ao nước tắm rửa không?

Đáp: Thuộc cương giới thì được, hoặc thọ bảy ngày nên đi qua sông cũng được.

Hỏi: Ở trong hạ phạm Quyết đoán nhưng không sám hối, thọ tuổi hạ được không?

Đáp: Tuy có tội nhưng không được thọ tuổi hạ, vì sao? Vì là Tỳ-kheo.

Hỏi: Thọ tuổi hạ nhưng không hòa hợp được tuổi hạ không?

Đáp: Trước hết phải sám hối, sau đó thọ tuổi hạ, nếu người ấy không sám hối, chúng phải tẩn xuất mới được thọ tuổi hạ, nếu người ấy không chịu ra khỏi Chúng phải can gián ba lần, can gián hơn ba lần vẫn không chấp nhận thì phạm tội Quyết đoán, can gián hơn bốn lần phạm tội trọng, hoặc dùng sức mạnh để đuổi, hoặc bức ép đuổi ra khỏi cương giới thì tốt, nếu người kia không chịu ra, phải đóng chặt cửa cho ở trong một phòng, sau đó Chúng thọ tuổi hạ, vì người đó không phải là Tỳ-kheo. Nếu có nhiều người xấu, chúng đã không tẩn xuất thì phải tách ra khỏi cương giới, nếu cùng họ thọ tuổi hạ, thì không được tuổi hạ.

Hỏi: Ở trong hạ an cư được trốn Thầy làm phước không?

Đáp: Được, nhưng không được tự tay làm việc.

Hỏi: Ở trong hạ được cầm quạt, phất trần không?

Đáp: Tất cả loại quạt có đuôi thì không được cầm, quạt đan bằng tre thì được.

Hỏi: Người hậu an cư, đến ngày mười lăm tháng bảy, được thọ tuổi hạ rồi đi không?

Đáp: Không được, nếu trước đây không biết mà

thọ tuổi hạ thì được, nếu biết phép mà cố ý làm trái thì không được. Nếu chúng đã hòa hợp, Tăng đã nhận thể rồi, nếu khi người hậu an cư thọ tuổi hạ, thì người tiền an cư cũng vậy.

Hỏi: Hai người đồng tuổi hạ, người nhỏ tiền an cư, người lớn hậu an cư, người tiền an cư thọ tuổi hạ, người hậu an cư chưa thọ tuổi hạ, ở trong một tháng người nào lớn?

Đáp: Trước người đó đã lớn hơn nên làm lớn vì tính theo ngày cũ.

Hỏi: Ở trong hạ không thọ phép bảy ngày, có một vài việc nhỏ ra khỏi cương giới, được an cư không?

Đáp: Sám hối thì được.

Hỏi: Ở trong hạ có một nhân duyên được thọ bảy ngày ba lần không?

Đáp: Được.

Hỏi: Ở trong hạ có người không an cư, hoặc mười người đến mười lăm người muốn đến ở nhờ, cùng thọ tuổi hạ không?

Đáp: Nếu kịp lúc hậu an cư thì phải kết giới, nếu không kịp hậu an cư thì không được, nến người này hoàn toàn không biết phép an cư thì được thu nhận, nếu biết có mà làm trái thì không được.

Hỏi: Ở trong lúc hạ an cư vì việc Tam bảo, hoặc bệnh tật, và gặp những tai nạn được dời chỗ an cư không?

Đáp: Được, phải bạch chúng, thọ pháp ba mươi chín ngày, thọ pháp ba mươi chín ngày rồi có một việc liền ra khỏi cương giới ba mươi chín ngày, đủ ba mươi chín ngày trở lại được thì tốt, nếu không được, cũng có thể ở chỗ ấy thọ tuổi hạ không phạm. Nếu ngày đầu an cư không thọ đến lúc sắp đi thọ cũng được. Nếu an cư đã đủ ba mươi chín ngày, có việc cần ra khỏi cương giới thì không cần thọ lại, nếu có việc không trở lại cũng có thể ở khác thọ tuổi hạ.

Hỏi: Không kiết hạ an cư hoặc không thọ phép bảy ngày có được hạ lạp không?

Đáp: Không biết phép an cư thì được ha lạp, không được hạ an cư, nếu đã hạ an cư Tăng can gián một lần trở lại nhận thì tốt, can gián hơn ba lần không nhận thì phạm tội Quyết đoán phải Sám hối trở lại; nhận thì được, khi nhận phải bạch chúng mới có thể được nhận.

Hỏi: Tỳ-kheo không thọ tuổi hạ phạm tội gì?

Đáp: Nếu một Tỳ-kheo không thọ tuổi hạ, chúng nên can gián khiến cho thọ, can gián lần thứ nhất cho đến lần thứ ba mà thọ thì tốt, nếu can gián hơn ba lần vẫn không thọ thì phạm Quyết đoán, can gián hơn bốn lần vẫn không thọ thì chẳng phải Sa môn, vì không chịu thọ phép ấy.

Hỏi: Người mới thọ giới hạ an cư, cùng trong ngày, nhưng kết hạ an cư, sau đó được tuổi hạ

không?

Đáp: Được, nếu sau một đêm thì không được.

Hỏi: Ở trong hạ an cư quên không thọ phép bảy ngày, ra khỏi cương giới một ngày được an cư không?

Đáp: Nhớ liền sám hối thì được, trong một ngày an cư, không được sám hối ba lần, sám hối quá hai ba lần thì không được tuổi hạ.

Hỏi: Khi thọ tuổi hạ, nếu trời mưa được vào nhà thọ tuổi hạ không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đi đến nơi nào đó để kết hạ an cư, vì có chướng ngại nên không thể đến được, được đổi chỗ an cư kết hạ không?

Đáp: Không được. Giả sử đến chỗ khác, để hậu an cư, nếu trên đường đi, có trú xứ của Tăng, phải tập hợp để kết hạ an cư, phải ở lại hai, ba ngày, sau đó thọ pháp ba mươi chín ngày thì được đi. Nếu không có trú xứ của tăng, năm người trở lên cùng kết giới an cư, sau đó một hoặc hai người ở lại để giữ cương giới, đủ ba mươi chín ngày mới được đi, nếu người đi sau không đủ ba mươi chín ngày mà bỏ đi, người đi trước không biết nên không mất an cư, người đi sau thì bị mất.

Hỏi: Một người cho đến bốn người được ở trong nhà cư sĩ kết hạ an cư không?

Đáp: Không được, năm người trở lên mới

được.

Hỏi: Một người ở chỗ thanh vắng được kết hạ an cư không?

Đáp: Trước đây có kết cương giới, hai người trở lên thì được, một người không thể được, vì không có người cùng thọ an cư, không có cương giới nên hoàn toàn không được, nếu muốn an cư riêng, phải thỉnh tăng kết cương giới, sau đó an cư thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo trong hạ an cư nhận lời người khác thỉnh và nhận đồ vật của người khác gởi, hoặc trải qua mười ngày cho đến ba tháng, được như vậy không?

Đáp: Không tác ý tham mà nhận thì không giới hạn thời gian.

Hỏi: Ở trong hạ an cư trong cương giới có làm công việc, được an cư không?

Đáp: Việc phước thì được làm, ngoài ra thì không được.

Hỏi: Văn thọ hạ an cư nói : "Phòng nhà bị hư hoại phải tu sửa lại"

. Vậy làm lúc mới an cư hay an cư xong?

Đáp: Trong ba tháng, nếu nhà bị hư thì nên sửa chữa.

Hỏi: Khi thọ tuổi hạ, ni chúng đến trong cương giới cầu xin thọ tuổi hạ, nên cho thọ tuổi hạ không?

Đáp: Hai vị ni trở lên thì được, một người thì

không được. Vì sao?

Vì ni một mình đi ra khỏi cương giới phạm tội nặng.

Phẩm 6: HỎI VỀ VIỆC ĐỘ NGƯỜI

Hỏi về việc độ người

Hỏi: Một người được độ Sa di không?

Đáp: Hai người mới được độ.

Hỏi: Độ Sa di được thỉnh Hòa Thượng từ xa không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Chưa đủ năm hạ lạp độ người phạm tội gì? Đệ tử kia đắc giới không?

Đáp: Nếu biết phi pháp mà độ, phạm tội Đọa; can gián hơn ba lần không dừng, phạm Quyết đoán; nếu đệ tử không biết phi pháp thì đắc giới, nếu biết thì không đắc giới.

Hỏi: Tỳ-kheo không thông hiểu giới, lại không biết các việc Tăng, độ nhiều người xuất gia, hoặc làm Tam Sư (Hòa Thượng, Yết ma sư, Giáo thọ sư), có phạm không?

Đáp: Người ấy còn không nên ăn thức ăn của tín thí, huống gì là độ người.

Hỏi: Nếu người có cha, mẹ phép Vua không chấp nhận, Tỳ-kheo lén dẫn về độ, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội nặng, nếu quân lính tìm bắt, người ấy theo Tỳ-kheo xin xuất gia nếu Tỳ-kheo

biết mà cho ở, dù chưa độ cũng phạm tội nặng.

Hỏi: Con xuất gia trước, cha mẹ xuất gia sau nên đến chỗ con mình để xuất gia, người con được độ không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo phạm giới được độ người không?

Đáp: Phạm tội nặng, không có lý nào lại độ người; nếu phạm tội Quyết đoán cũng giống như trên vì chưa đủ năm hạ lạp; nếu phạm giới nhẹ, phải làm phép sám hối, sau đó được độ.

Hỏi: Cư sĩ xin một Tỳ-kheo để xuất gia, Tỳ-kheo liền độ, bèn thỉnh Hòa Thượng làm giới sư , Tỳ-kheo đó là thầy phải không?

Đáp: Không phải thầy, nếu sau theo vị đó thọ pháp, vị đó có thể làm pháp sư, nếu muốn nương theo thì vị đó có thể làm y chỉ sư.

Hỏi: Tỳ-kheo độ nhiều đệ tử, hoặc làm Tam Sư mà không dạy bảo, phạm vào tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa. Thuở xưa, thời đức Phật Ca Diếp, có một Tỳ-kheo độ đệ tử nhưng không dạy bảo, đệ tử làm nhiều điều phi pháp. Khi họ qua đời, sanh trong loài rồng, phép của rồng bảy ngày bị một ngọn lửa, đốt cháy thân thể đến tận xương, chết rồi sanh trở lại, trở lại bị thiêu cháy tiếp, không thể chịu nổi khổ đau, liền suy nghĩ: "Trước đây, ta có tội gì mà nay khổ như vậy", liền quan sát mạng sống đời trước, thấy mình xưa làm Sa môn, không

giữ giới cấm, thầy cũng không dạy, liền nghĩ ác độc, tức giận thầy mình, càng nghĩ càng muốn làm hại. Biết sau này vị thầy đó cùng năm trăm người đi trên thuyền vượt qua biển cả, rồng liền phun nước làm chìm thuyền, mọi người liền

Hỏi: "Ngươi là ai?"

Đáp: "Nếu các ngươi thả Tỳ-kheo này xuống biển, thì ta sẽ thả các ngươi đi".

Hỏi: "Tỳ-kheo này vì sao can dự vào việc của ngươi, sao không cần người khác, chỉ cần Tỳ-kheo này làm gì?".

Rồng nói: "Tỳ-kheo này vốn là thầy của tôi, do không dạy dỗ tôi, khiến tôi hôm nay phải chịu đau khổ thế này, nên tôi chỉ cần vị ấy, mọi người không được ngăn cản, việc này. " Thấy Rồng sắp nhấn chìm mình xuống nước, nên Tỳ-kheo nói: "Ta tự nhảy vào biển, không cần ngươi nhận chìm. " Tỳ-kheo ấy liền nhảy xuống nước tan thân mất mạng, sanh vào các nơi khổ đau chịu vô lượng tội. Lấy việc này chứng minh, độ người, không thể không chỉ dạy.

Phẩm 7: HỎI VỀ VIỆC THỌ GIỚI

Hỏi: Sa-di phạm mười giới, hoặc một, hai, ba giới mà không sám hối, thọ đại giới có đắc giới không?

Đáp: Nếu nhớ mà không sám hối thì không đắc giới, không nhớ, lại không biết pháp, đã thọ trì thì

đắc giới, luận về phép thọ giới, Thầy phải hỏi Sa-di: "Ngươi phạm giới không?" Nếu Sa-di nói phạm, liền dạy phải sám hối, nếu Bổn sư không hỏi thì khi đăng đàn Thầy phải hỏi; nếu không ai hỏi, Thầy phạm Xả-đọa.

Hỏi: Đã thọ đại giới, sám hối lỗi đã phạm khi còn Sa-di không? Đáp: Được sám hối, giống như pháp sám hối của Sa-di.

Hỏi: Sa-di đăng đàn sắp thọ đại giới hoặc mặc áo thế tục, chân mang giầy, hoặc y, bình bát không đủ, lúc ấy đi mượn thì đắc giới không?

Đáp: Tuy mặc áo thế tục, Thầy không hỏi thì không đắc giới, ngoài ra đều đắc giới, sư Tăng phạm tội Đọa.

Hỏi: Nếu có Tỳ-kheo không xả giới, mà làm Sa-di, hoặc làm người tu Đại đạo, được thọ giới lại không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu không đắc giới, trước đã thọ giới nên cho ở không?

Đáp: Cho ở.

Hỏi: Về sau người ấy có gọi là Thầy không?

Đáp: Không thể được.

Hỏi: Nhiều người thọ giới, lại thỉnh một người làm thầy, có thể mười người hoặc năm người thọ giới một lúc không?

Đáp: Không có lẽ đó.

Hỏi: Sa-di thọ đại giới, thỉnh một Tỳ-kheo làm Đại giới Sư, mà Tỳ-kheo này không biết yết ma và phép thọ giới, liền thỉnh một vị khác cho thọ giới, vậy ai là Thầy?

Đáp: Vị cho thọ giới là Thầy, người không trao giới pháp thì chẳng phải Thầy.

Hỏi: Sư Tăng đăng đàn hoặc mặc áo thế tục, hoặc phạm giới cấm, người thọ giới có đắc giới không?

Đáp: Nếu người thọ giới biết là phi pháp thì không đắc giới, không biết thì đắc giới.

Hỏi: Thọ giới, khi chúng tăng không hòa hợp hoặc đánh mắng nhau có đắc giới không?

Đáp: Nếu lúc đăng đàn, Tăng hòa hợp thì đắc giới, không hòa hợp thì không đắc giới.

Hỏi: Thọ giới có hạn chế thời gian không?

Đáp: Cách đêm thì không được, đầu đêm, giữa đêm không thắp đèn nến thì không được, cần phải thấy thân hình màu sắc thì được.

Hỏi: Khi thọ giới, hoặc gặp trời mưa nên chuyển đổi giới trường, xuống dưới nhà thọ giới có đắc không?

Đáp: Nếu muốn chuyển giới trường, trước phải giải đại giới rồi kết giới trường, mới được thọ giới, không như vậy thì không được.

Hỏi: Khi thọ giới, hoặc có nạn, không được hoàn hảo, người này có phải là đại Tỳ-kheo không?

Đáp: Chỉ ba lần yết ma xong là đủ.

Hỏi: Thọ giới đủ mười ba việc, sau đó các giới sư, Hòa Thương không dạy bảo tiếp, có được đầy đủ giới không?

Đáp: Nếu Thầy không dạy giới đến ngày mười lăm thuyết giới chú tâm lắng nghe thọ nhận thì được đầy đủ.

Hỏi: Thọ giới ba y không đủ, có cầm tiền may y, hoặc y đã nhuộm hoặc không nhuộm hoặc cắt may hoặc không cắt may được xem là y không?

Đáp: Hoàn toàn không được.

Hỏi: Khi thọ giới, chúng Tăng hiếm có và giới hạn, có bao nhiêu Tăng được thọ đại giới?

Đáp: Trừ Tam Sư, từ năm Tăng trở lên thì được.

Hỏi: Sa-di đã từng giả làm người tu Đại đạo, nhận đại Tỳ-kheo đảnh lễ, sau đó được thọ đại giới không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Sa-di từ tạ thầy ra đi, gặp sự khó khăn trở lại không được, đích thân đi đến chỗ khác thỉnh y chỉ sư để thọ giới, có đắc giới không?

Đáp: Đắc giới.

Hỏi: Nếu Tỳ-kheo dụ dỗ Sa-di của người khác, dẫn đến chúng khác, cho thọ đại giới, phạm tội gì? Chúng kia biết nên chấp nhận không?

Đáp: Nếu vị thầy kia có việc phi pháp, Sa-di và

người dắt đi không có tội; nếu vị Thầy kia không phải phi pháp, thì người dẫn đi phạm tội nặng, khi đăng đàn thọ giới, Sư Tăng phạm tội Đọa. Xưa có một Tỳ-kheo trưởng lão, chỉ có một Sa-di theo hầu hạ, có một Tỳ-kheo khác đến dụ dỗ dẫn Sa-di đi, Tỳ-kheo trưởng lão này không có người hầu hạ, nên không bao lâu liền qua đời, nhân đó chế giới này, không được dụ dỗ Sa-di của người khác, nếu dụ dỗ Sa-di của người khác thì phạm tội nặng, nếu Tỳ-kheo thấy Sa-di của người khác chăm sóc người già, bệnh, mà bảo họ bỏ đi, nếu Sa-di này bỏ đi thì Tỳ-kheo này phạm tội nặng.

Phẩm 8: HỎI VIỆC NHẬN VẬT CÚNG DƯỜNG

Hỏi: Tỳ-kheo nhận lời mời của đàn việt, đã nhận bốn vật phẩm cúng dường, được chia cho người không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đã nhận bốn loại vật dụng suốt đời rồi, có một vài duyên sự đi ra ngoài, được ăn thức ăn ở bên ngoài, uống thuốc bên ngoài không?

Đáp: Thí chủ đồng ý thì được nhận.

Hỏi: Người khác muốn cúng vật cho Tỳ-kheo trước hết hỏi Tỳ-kheo có hay không, Tỳ-kheo thật sự đã có, vì tâm tham nên lừa dối nói với người kia là không có, người kia liền đem vật cúng, phạm tội gì?

Đáp: Vì tham mà lấy nên phạm tội Xả-đọa, nói dối phạm tội Đọa.

Hỏi: Nếu thức ăn của Chúng Tăng, để dành cho Thượng Tòa,

Thượng Tòa được ăn không?

Đáp: Thượng Tòa ăn với tâm tham thì phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo không bệnh tự nói có bệnh khổ, vì muốn xin thức ăn ngon, nếu có được và ăn, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội nặng.

Hỏi: Không mặc ba y nhận thức ăn, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Đàn việt đến thỉnh hai, ba người, cần Tăng Chúng xướng không?

Đáp: Phải xướng.

Hỏi: Khi Đại Tỳ-kheo yết ma phân chia đồ vật, ni đến trong cương giới, được chia không?

Đáp: Được.

Hỏi: Có người gửi đồ vật đến cúng cho một trú xứ Tăng, vật đến sau, có thêm một Tỳ-kheo đến trước, chia theo an cư, Tỳ-kheo này có được phần không?

Đáp: Đánh kiền chùy thì được, không đánh thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo đi giữa đường, người phụ nữ

cúng vật được nhận không?

Đáp: Nếu là bà con, hoặc quen biết nhau thì được nhận.

Hỏi: Gạo cúng tăng, Tăng đã đi, thí chủ cúng cho người sau, người đến sau được ăn không?

Đáp: Đánh kiền chùy được ăn, nếu không đánh kiền chùy, ăn một bữa no thì phạm tội khí.

Hỏi: Ngày mùng tám tháng tư thì phải cúng vật, ngày mười lăm tháng bảy Tăng ở trước đã đi, chủ chùa lấy cho Tăng đến sau, Tăng đến sau lấy để chia, phạm tội gì?

Đáp: Đánh kiền chùy cùng phân chia cho Tăng hiện tiền thì không có tội, nếu không đánh kiền chùy mà chia thì phạm tội trộm.

Hỏi: Cư sĩ có cúng vật, người đã nhận đi khỏi, Cư sĩ lấy cho người đến sau, người đến sau được lấy không?

Đáp: Được lấy.

Đáp: Phải hỏi người đã nhận có trở lại không?

Nếu họ đáp: "không đến nữa, liền chú nguyện rồi lấy, nếu nói người kia sẽ đến thì không được lấy, nếu lấy để dùng phạm tội Xả-đọa, biết mà lấy phạm tội khí, vì đó là vật của Tăng.

Hỏi: Tỳ-kheo lo liệu đời sống, nhận được vật cúng cho Tỳ-kheo như: y phục, thức ăn được nhận không?

Đáp: Lấy vải thì phạm Xả-đọa, nếu ở nơi nghèo

cùng không có thức ăn, người khác sai cư sĩ làm thức ăn thì có thể ăn, người quản lý đời sống phải bạch chúng: "Vật này không phải là vật của tôi, là vật của tôi sai người làm", thì có thể ăn, nếu chủ nhân cúng cho người khác, người khác nói: " Đây là vật của tôi" thì có thể ăn.

Hỏi: Tỳ-kheo được bỏ đồ vật không?

Đáp: Không được, nếu bỏ phạm Xả-đọa.

Hỏi: Nhận lâu dài đến một trăm ngày, nửa chừng được nhận ăn một bữa, hai bữa của người khác không?

Đáp: Thí chủ chấp nhận thì được, không chấp nhận thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn hoặc nhai một miệng cơm nhả ra, lấy bỏ chừng

một miếng, phạm tội gì? Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo khất thực dư cho người không?

Đáp: Trước tâm không tham mà lấy, nhiều thì được cho chúng sanh, nếu không có chúng sanh thì để nơi cây, có chúng sanh ăn thì tốt, nếu không có chúng sanh, sáng mai trở lại lấy nước rửa rồi ăn, không được bỏ vì của tín thí rất nặng, sở dĩ trở lại được lấy là vì không có chủ, như phép tự lấy ăn ở Uất-đơn-việt.

Hỏi: Chủ nhân thỉnh cầu, được nhận suốt đời không?

Đáp: Nếu chỗ ấy hành đạo được, không có các

nạn, không có thiếu thốn thì được đến.

Hỏi: Người chủ mời ăn, được sai người đi thay không?

Đáp: Nếu người chủ đồng ý, thì được, nếu chủ nhân không thích đổi, người đi thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Thức ăn của mẹ con quỷ có thể ăn không?

Đáp: Phải chú nguyện sau mới được ăn.

Hỏi: Người chủ cúng cho Tỳ-kheo bò, ngựa, nô tỳ, thức ăn, được nhận trực tiếp không?

Đáp: Được lấy dùng, không được bán, nếu tất cả các loại binh khí, cũng không được nhận.

Hỏi: Người đem vật ra cúng tế, cúng xong bỏ đi để vật lại Tăng đến sau được ăn không?

Đáp: Đánh kiền chùy được ăn, không đánh kiền chùy mà ăn thì phạm tội trộm.

Hỏi: Tỳ-kheo cầm mâm thức ăn chia cho người khác phạm tội gì?

Đáp: Nếu đã hỏi, và được cho phép thì không có tội, không được phép mà lấy ăn, phạm tội Đọa, nếu không hỏi cũng phạm tội Đọa, sở dĩ không phạm tội trộm, vì cùng lấy tay nhận thức ăn.

Hỏi: Tỳ-kheo khất thực, trước họ có hỏi tốt không?" Tỳ-kheo không đáp đúng sự thật, nếu nhận vật này, phạm tội gì?

Đáp: Thật là tốt nói tốt phạm tội Đọa, không tốt nói tốt phạm tội khí.

Hỏi: Tất cả vật dùng trọn đời của Tỳ-kheo đem

đưa cho người khác, nói: "Về sau tôi sẽ trở lại lấy", được như vậy không?

Đáp: Được, có thể gởi cho người đáng tin. Sau đó lại nói với người khác tôi đem vật cúng cho Tỳ-kheo kia rồi, nói là trở lại thì không được đích thân đi lấy.

Phẩm 9: HỎI VIỆC BỆNH TẬT

Hỏi: Khi Tỳ-kheo bệnh được bỏ bát ăn hay không?

Đáp: Bệnh nặng thì được, bệnh nhẹ thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo bị bệnh, không giữ ba y phạm tội gì?

Đáp: Nếu rất mệt nhọc lại không tỉnh táo thì được, còn biết rõ thì không được.

Hỏi: Thăm người bệnh không nói với người bệnh, tự đem tiền cho người bệnh khác, mua thức ăn, uống thuốc phạm tội gì?

Đáp: Nếu dùng năm tiền, phạm tội khí, sau đó nói với người bệnh, người bệnh vui vẻ thì không phạm, nếu người bệnh tức giận, không trả lại cũng phạm tội khí.

Hỏi: Vì bệnh nên người chủ cúng mỗi ngày một trăm tiền, chỉ cần năm mươi tiền là đủ, số tiền dư được cho người bệnh khác mua thức ăn không?

Đáp: Người bệnh tự cho thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh không có người chăm sóc, được cho Tỳ-kheo làm thức ăn không?

Đáp: Trong núi, chỗ không có người, đến vẫn không khất thực được, trở lại thì được làm, trong bảy ngày, trước phải tịnh thí củi, gạo rồi nhận lại mới được làm.

Hỏi: Người bệnh cần một, hai lít rượu đổ vào trong thuốc, có thể cho không?

Đáp: Nếu thầy thuốc nói hòa với thuốc để uống mới được lành thì được, không được không uống.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh được mặc áo lạnh không?

Đáp: Không được, vì giống với ngoại đạo.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh ung nhọt được sai người hút nhổ ra không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo bệnh ngặt nghèo, hoặc thiếu y bát do cúng chúng nên bán để làm phước, nếu nhận phạm tội gì?

Đáp: Nếu bị hư rách thì được nhận, không phải thì phạm Xả-đọa.

Phẩm 10: HỎI VỀ VIỆC TỲ KHEO QUA ĐỜI

Hỏi: Vật của Tỳ-kheo qua đời, không đánh kiền chùy, không yết ma mà chia, phạm tội gì?

Đáp: Thuộc trong cương giới một người trở lên, đều được đánh kiền chùy mà yết ma, nếu

không đánh kiền chùy mà yết ma, hoặc đánh kiền chùy mà không yết ma, hoàn toàn phạm tội khí. Vì sao? Vì vật của Tỳ-kheo qua đời đều thuộc Tăng bốn phương, không được đích thân chia, nếu ở ngoài cương giới thì năm người trở lên, được yết ma chia, không cần đánh kiền chùy, vì không có cương giới, bốn người trở xuống không được yết ma để chia, nếu chia thì phạm tội khí, phải đem đến trong Chúng tăng, nếu tự lấy đem đến Chúng khác, mới vào trong cương giới thì không phạm, khi ra khỏi thì phạm tội khí, như vậy lại đến Chúng khác, ra khỏi một cương giới phạm thêm một tội khí. Đệ tử đem vật của thầy đi cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo qua đời, đệ tử không lấy vật của thầy đưa cho Chúng Tăng, đích thân phân chia cúng dường chúng Tăng, Tăng có thể ăn không?

Đáp: Đệ tử ấy trước đây biết pháp thì có tội, Tăng không đánh kiền chùy không yết ma mà ăn, phạm Xả-đọa.

Hỏi: Nếu Thầy qua đời, Tăng yết ma chia vật, đệ tử được chia không?

Đáp: Được, vì đệ tử là Tăng Chúng.

Hỏi: Thầy qua đời, không có tăng khác, chỉ có đệ tử, hoặc năm hoặc mười, được yết ma chia vật không?

Đáp: Được chia vì đệ tử tức là Tăng nên được chia, phải đánh kiền chùy và yết ma, không làm

như vậy thì không được.

Hỏi: Người bệnh qua đời, vật của thí chủ cúng cho người bệnh còn lại, người sau được lấy cho người bệnh khác không?

Đáp: Đây là vật của Tăng, không được đích thân cho, nếu lấy bằng với trị giá năm tiền, phạm tội khí.

Hỏi: Thầy đưa đám cha, mẹ, anh em chết được khóc không?

Đáp: Không được, khóc một tiếng phạm tội đọa, chỉ có thể rơi vài giọt nước mắt thôi.

Hỏi: Khi Tỳ-kheo qua đời thì có mặt, khi yết ma không có mặt; hoặc khi chết không có mặt, khi yết ma thì có mặt được chia phần cho vị ấy không?

Đáp: Kịp lúc yết ma thì đều được, khi chết thì có mặt, khi yết ma không có mặt thì không được chia.

Hỏi: Tỳ-kheo qua đời, người khác mua quan tài, y phục cho để mai táng, phạm tội gì?

Đáp: Bạch Tăng, Tăng cho Nê-hoàn-Tăng, cho Tăng-kỳ-chi để che thân, ngoài ra đều thuộc của Tăng, tất cả không được chôn, chôn đủ năm tiền phạm tội khí, nếu vật riêng của đệ tử thì được, nếu người mất biết pháp, lấy vật đã được chia thì không có tội.

Hỏi: Cha mẹ bà con chết, Tỳ-kheo được lo liệu áo quần, quan tài để chôn cất không?

Đáp: Đều không được. Nếu ngày cha mẹ mất, hoặc bệnh không có người cung cấp, đi khất thực được chia cho một nửa, nếu họ có khả năng, thì không được cho thực phẩm, nếu cho thì phạm Xả đọa, cho vải cũng phạm Xả-đọa, huống chi mua quan tài để chôn cất!

Hỏi: Người bệnh qua đời, y bát trước hết cho người nuôi bệnh, nhưng không yết ma, người nuôi bệnh lấy bán làm cơm cúng Tăng, Tăng ăn được không?

Đáp: Chúng chưa yết ma mà ăn, phạm Xả-đọa, nếu người bệnh không biết pháp, làm xong mới yết ma thì được ăn, nếu chưa tác pháp thì chúng nên tác pháp.

Hỏi: Tỳ-kheo mượn vật của người Tỳ-kheo đã chết, được lấy vật để trả không?

Đáp: Tất cả đều không được tự lấy, nếu lấy phạm Đột cát la, phải bạch chúng, Chúng trả thì được lấy, nếu chúng không cho mà lấy phạm Xả đọa.

Hỏi: Thầy qua đời Tỳ-kheo được xây tháp không?

Đáp: Vật của mình được dùng, vật của Thầy thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo được hướng về mồ mả của thầy đảnh lễ không?

Đáp: Được. Có người vấn nạn: "Sống là thầy

của mình, đã chết rồi chẳng phải là Tỳ-kheo, chỉ là bộ xương khô mà thôi, vì sao phải đảnh lễ?"

Đáp: Nếu Phật ở đời nên cung kính cúng dường, sau khi ngài nhập Niết bàn cũng chỉ là bộ xương khô mà thôi, vì sao lại cúng dường!? Vì lúc Thầy lúc còn sống đã đem giáo pháp làm lợi ích cho mọi người, sau khi Thầy chết đảnh lễ có lỗi gì?

Hỏi: Khi chia vật yết ma xong, lại có Tăng đến, được chia phần cho vị ấy không?

Đáp: Nếu yết ma xong, không chia thì không lỗi, nếu đến kịp lần yết ma, cũng được chia phần.

-oOo-

KINH MỤC LIÊN VẤN GIỚI LUẬT TRUNG NGŨ BÁCH KHINH TRỌNG SỰ

QUYỂN HẠ

Phẩm 11: HỎI VỀ BA Y

Hỏi: Việc giặt ba y có cần xả cho không?

Đáp: Cần xả. Nếu không xả phạm Đọa, đem cho người khác, họ trả lại mới được nhận.

Hỏi: Ba y đã rách hết được may chậm chậm không?

Đáp: Y đại thì được. Y trung và y tiểu thì không được.

Hỏi: Y tiểu được mặc lên giảng đường thắp hương được không?

Đáp: Không có y trung thì được, nếu không như vậy thì thân thể phải sạch sẽ tinh khiết mới được.

Hỏi: Giặt y xong, đem đổi thành vải được dùng để đổi gạo không?

Đáp: Không được, nếu đổi phạm tội Xả-đọa, phải nhận từ Sa-di bạch y mới được mặc.

Hỏi: Có ba y rồi may nội y nữa không?

Đáp: Nội y may hay không may cũng được.

Hỏi: Được mặc y đại lên giảng đường lễ bái không?

Đáp: Không có y trung thì được.

Hỏi: Ba y được dùng lụa sống để may không?

Đáp: Tất cả vải lụa sống mà không nhìn thấy thân thì được mặc. hỏi: Tỳ-kheo tức giận, tự phá y, bình bát, tích trượng phạm tội gì?

Đáp: Tức giận, phiền não tự phá ba y, bình bát, phạm Xả đọa, phá vật của người khác thì tính theo số tiền mà phạm tội.

Hỏi: Ba y được cho người mượn không?

Đáp: Không được ra khỏi cương giới qua đêm. Nếu trong nội giới thì được, không có giới hạn về thời gian mượn.

Hỏi: Vào trong làng xóm không mặc y đại phạm tội gì?

Đáp: Mang trên vai đi không, không phạm. Nếu Tăng sai hoặc vì người bệnh mà đem đi không phạm.

Hỏi: Ba y rách vá lại được dùng cần cúng lại người khác được không?

Đáp: Rách khoảng bằng chân con mèo, nên cho người khác họ trả lại mới được vá lại dùng, nếu vá trước cho người sau cũng được.

Phẩm 12: CÁC VIỆC VỀ BÌNH BÁT

Hỏi: Như thế nào là mất bát?

Đáp: Hoặc sứt mẻ, hoặc thủng lỗ, hoặc bể nát, hoặc dính dơ không rửa được đều bị mất; nếu bị sứt, mẻ, thủng lỗ thì không thể dùng được; hoặc bị bể hàn bịt lại rồi cho người khác, người khác trả lại thì được dùng, dính dơ không rửa được cũng vậy, nếu bỏ ra ngoài cương giới qua đêm thì không mất.

Hỏi: Bát được treo móc trên vách không?

Đáp: Nếu khăn bao lại thì được, nhưng phải để chỗ sạch sẽ, hoặc đựng trong túi rồi treo lên vách thì tốt, không được chỉ đậy rồi treo lên vách.

Xưa kia nhóm sáu Tỳ-kheo treo bát trên vách, bát rơi xuống đất liền bị vỡ, Đức Phật nhân việc này chế giới: Từ hôm nay về sau không được treo bát lên vách, treo bát lên vách là phạm tội Xả; làm rớt xuống đất là phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo sáng sớm được dùng bát ăn hay không, nếu dùng có phạm lỗi gì không?

Đáp: An bất cứ thức ăn gì cũng đều phải dùng bát. Nếu một ngày không dùng bát thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn cơm muốn cho hết, được nghiêng bát lại để vét cơm không?

Đáp: Được.

Hỏi: Sau khi ăn xong lại ăn trái cây, được bỏ bát xuống không?

Đáp: Được. Nếu ăn chưa xong, cũng được bỏ xuống chốc lát.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn bưng bát giơ cao lên có được để dưới đất không?

Đáp: Nên bưng cao lên. Nếu để dưới đất cũng không phạm giới.

Hỏi: Tỳ-kheo lấy đồ đựng đầy cơm, bỏ trong bát một nửa, có được dùng bát ăn không?

Đáp: Không được, nếu dùng để ăn phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Bát được lấy nấu thức ăn không?

Đáp: Không được, nấu phạm tội Xả đọa.

Phẩm 13: HỎI VỀ CÁC VIỆC KHÁC

Hỏi: Tỳ-kheo bị cướp lấy trộm vật chưa đem ra khỏi cương giới người chủ thấy vật ấy của mình nhưng không biết ai lấy, vật ấy được lấy lại không?

Đáp: Được lấy để dùng, tức giống giới tương tự vật báu trong chín mươi Ba-dật- đề. Trước hết phải suy nghĩ, nếu có người nhận thì không được lấy, không có người nhận thì phải bạch chúng mới được lấy, nếu không có chúng mà vật trong cương giới thì được lấy nhưng không được lấy làm vật của mình.

Hỏi: Chúng Tăng đánh kiền chùy báo giờ ăn, Tăng bên ngoài đến không cho thức ăn là phạm tội gì?

Đáp: Vì sợ mất lợi dưỡng phạm tội Đột cát la.

Hỏi: Trước đây Tỳ-kheo giáo hóa thí chủ cúng

cho một trăm người ăn, nhưng nhiều hơn một người trở lên có được ăn không, Tỳ-kheo giáo hóa có phạm không?

Đáp: Nếu đánh kiền chùy để ăn thì nên nhận người giáo hóa không phạm. Vì sao? Vì đánh kiền chùy để thỉnh Tăng, Tăng đến nhiều hơn thì có lỗi gì! Pháp đánh kiền chùy là cần tác ý thỉnh Tăng bốn phương, Tăng đến hoặc nhiều hoặc ít nên chia đều tất cả của cải, thức ăn uống. . . cho họ thì không phạm lỗi.

Hỏi: Tỳ-kheo giáo hóa nên cư sĩ cúng dường chúng Tăng, nếu có người ngoài đến xin hết, được cho một đến năm thăng không?

Đáp: Không được. Nếu biết là phi pháp mà cho quá năm tiền thì phạm tội Khí, nếu bạch chúng chấp nhận thì được.

Hỏi: Người chủ cúng dường chư tăng, thỉnh suốt đời mỗi ngày cúng một trăm tiền, chúng chỉ dùng năm mươi tiền của họ cúng, số tiền còn lại được dùng vào việc khác được không?

Đáp: Đánh kiền chùy thì được. Nếu không có y bát, không đánh kiền chùy, chúng hòa hợp được giảm tiêu dùng, nếu tự bớt mà cúng khách Tăng thì rất tốt.

Hỏi: Người chủ thỉnh Tỳ-kheo cúng ăn thức ăn trong mười ngày nhưng dồn lại còn năm, ba ngày để ăn cho ngon thì phạm tội gì?

Đáp: Không phạm. Nhưng không được xin nữa, nếu xin thì phạm tội Xả-đọa, nếu không đủ mười ngày mà bỏ đi thì cũng phạm tội Xả đọa.

Hỏi: Người chủ mời cúng thức ăn trong mười ngày tự chia làm thức ăn một tháng được không?

Đáp: Đánh kiền chùy là được. Nếu không đánh kiền chùy, nếu Tăng đi khỏi, nếu họ không cúng cho người đến ăn sau, người đến ăn sau phần của mình ăn hết phần của người khác, nếu ăn một bữa thì phạm tội khí; không no thì phạm tội Xả đọa.

Hỏi: Cha mẹ anh em bị phá sản được đi xin vật để chuộc lại không?

Đáp: Được. Nhưng không được nói xin cho mình, phải nói xin cho cha mẹ anh em thì được, nếu dùng xong còn dư thì không được tự dùng, phải đưa cho người được chuộc, nếu họ nói cho dùng thì phạm tội Đọa, không cho dùng mà dùng thì phạm tội khí.

Hỏi: Đến nhà bán rượu xin của cải không? Không có việc được ngồi nói chuyện không?

Đáp: Tất cả các cửa bán rượu đều không được vào, nếu vào phạm tội Đọa, có cửa khác thì được vào, nếu Tỳ-kheo được thỉnh nên

Hỏi: "Có thể giữ một ngày trai giới không?". Nếu họ nói có thể, cho họ thọ giới thì đến, nếu họ không thể thọ thì dù chỉ một ngày, cũng không được ở trong quán rượu, hoặc ở nhà mổ giết cũng

vậy.

Hỏi: Khuyên người uống rượu phạm tội gì?

Đáp: Cưỡng ép mà họ không uống phạm Đột-cát-la, nếu họ uống phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo gởi vật cho cư sĩ quá thời hạn Tỳ-kheo không đến lấy, cư sĩ đem cho Tỳ-kheo khác, được lấy không?

Đáp: Không được lấy. Nếu Tỳ-kheo còn sống là vật có chủ, nếu chết là vật của Tăng.

Hỏi: Tỳ-kheo ban đêm được cầm đuốc đi không?

Đáp: Mùa đông thì được, mùa hè đốt đuốc cũng được, nếu cầm lửa thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Vật chỉ có giá trị một cái, đi đến nơi khác bán được giá bằng năm, ba cái có thể lấy không?

Đáp: Không được, nếu lấy phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tất cả vì đùa giỡn lấy vật của người khác, không trả lại thì phạm tội gì?

Đáp: Vì đùa giỡn lấy vật cho hết thì phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo nếm thức ăn được không?

Đáp: Không được, biết mà ăn phạm tội Xả-đọa, nếm thức ăn của người khác cũng phạm tội Đọa, nếu không sám hối liền tội người ấy ngày càng tăng thêm.

Thuở xưa có một vị Tỳ-kheo làm việc cho chúng Tăng, thường phân chia thức ăn, luôn chỉ tay

vào đồ vật nói: "Lấy vật này dùng vật này!" Ngày nào cũng như vậy, không chịu sám hối, sau khi qua đời bị đọa trong ngạ quỷ, có một Tỳ-kheo đắc A la hán, ban đêm nghe tiếng kêu rên rỉ ở trong nhà xí nên

Hỏi: Ngươi là ai?

Đáp: Tôi là ngạ quỷ.

Hỏi: Vốn làm điều gì mà đọa trong ngạ quỷ.

Đáp: Ở trong chùa này làm việc cho chúng Tăng.

Hỏi: Ngươi vốn siêng năng vì sao lại đọa làm ngạ quỷ?

Đáp: Vì đem thức ăn không thanh tịnh cho chúng Tăng ăn.

Vị A-la-hán hỏi: Thế nào là bất tịnh?

Đáp: Chúng Tăng có nhiều đồ vật đựng đầy thức ăn, do thấy rồi dùng tay chỉ vào đồ đựng bảo người lấy vật này dùng vật này nên phạm tội Đọa, qua ba lần thuyết giới mà không chịu sám hối, nên tội tăng thêm thành tội nặng. Vì thế bị đọa trong ngạ quỷ, hai tay phanh xé ngực, lột da, xẻ thịt, hơi thở yếu ớt.

Hỏi: Vì sao phanh xé ngực?

Đáp: Vì trùng ăn nên thân thể đau đớn.

Hỏi: Vì sao hơi thở yếu ớt?

Đáp: Vì trong miệng có trùng. Lại

Hỏi: vì sao kêu rên?

Đáp: Vì đói khát sắp chết.

Hỏi: Muốn ăn vật gì?

Đáp: Ý muốn ăn phân, mà không thể được.

Hỏi: Vì sao không được?

Đáp: Do các ngạ quỷ đuổi đi nên không ăn được, vị A-la-hán nói: Ta biết làm sao?

Quỷ nói: Xin cho chư Tăng biết mà chú nguyện.

Đáp: Được rồi! Vị A-la-hán liền trở về trong chúng nói: Người kia bị đọa làm ngạ quỷ.

Chúng Tăng hỏi: Vị ấy vốn rất siêng năng sao lại bị đọa nơi đường ác?

Đáp: Vì dùng thức ăn không thanh tịnh cho chúng Tăng ăn mà không sám hối, xin Tăng chú nguyện. Quỷ liền được ăn phân, không còn kêu rên. Do đó lấy việc này chứng minh, Đại Tỳ-kheo không được tự tay làm thức ăn và chỉ vào đồ vật đựng thức ăn của Tăng, nếu không phải vật dụng của Tăng, tự tay nhận để làm cho Tăng thì không phạm.

Hỏi: Thầy sai đệ tử buôn bán, làm các việc không đúng pháp, có được rời bỏ Thầy không?

Đáp: Được bỏ. Có bốn nhân duyên nên ở: Một là cho pháp cho thức ăn; hai là cho pháp cho y bát; không cho thức ăn nên ở; ba là cho pháp, cho y bát, cho thức ăn nên ở; bốn là cho pháp không cho y bát, không cho thức ăn thì nên đi.

Hỏi: Luận về tác tịnh. Tác tịnh như thế nào? Tác tịnh có mấy việc?

Đáp: Rau quả phải tác tịnh bằng dao, tay, lửa, lúa gạo cần lửa để tác tịnh, quả đã tác tịnh thì ăn hạt không đắng.

Hỏi: Lễ bái được mang giày dép không?

Đáp: Sạch là được.

Hỏi: Vẽ hoa, làm phướn để bán phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo dạy người buôn bán, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo nuôi súc sinh, nô tỳ, trâu, lừa, chim. . . phạm tội gì? Đáp: Phạm tội Xả-đọa, không sám hối thì tội càng tăng thêm.

Hỏi: Tỳ-kheo nhận người vào đạo, chưa xuất gia người ấy được ăn đồ ăn của Tăng không?

Đáp: Bạch Tăng thì được, không bạch Tăng mà ăn phạm tội đọa.

Hỏi: Là Tỳ-kheo khất thực cho Tăng trên đường được ăn thức ăn ấy không?

Đáp: Nếu trước khi đi có thưa Tăng, Tăng cho thì tốt, nếu không thưa rồi trở lại thưa, Tăng chấp nhận thì tốt, nếu Tăng không chấp nhận thì phải trả lại, nếu không trả thì phạm tội nặng.

Hỏi: Nếu người khác đem thức ăn cất trong phòng để qua đêm có phạm không?

Đáp: Không phạm.

Hỏi: Thắp đèn liên tục được lấy một lít, hai lít dầu để cất trong phòng mình không?

Đáp: Được.

Hỏi: Rượu thuốc được cất trong phòng mình không?

Đáp: Bệnh thì được cất bảy ngày.

Hỏi: Không dùng nhành dương có phạm không?

Đáp: Phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Chưa sáng được dùng nhành dương không?

Đáp: Khi sao Mai mọc thì được, nếu dùng sớm hơn thì phạm Xả-đọa.

Hỏi: Sau khi ăn, được dùng nhành dương không?

Đáp: Được dùng. Nếu không, nên dùng tro, bồ kết, nếu đều không dùng thì phạm tội Đọa, quá giờ ngọ cũng phạm tội Đọa. Sau giờ ngọ trừ thuốc ra, còn tất cả cây có mùi, vị, màu sắc, đều không được đưa vào miệng nếu đưa vào phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Nếu không có nhành dương, được dùng tất cả các loại cây khác để súc miệng không?

Đáp: Cũng được.

Hỏi: Thiếu thốn được vào chợ xin không?

Đáp: Trước giờ ngọ thì được, sau giờ ngọ thì không được, cũng không được xin tiền, nếu muốn xin tiền, phải dẫn theo một cư sĩ hoặc Sa-di đi thì

được.

Hỏi: Có người bắt Tỳ-kheo để bán, có được bỏ chạy không?

Đáp: Lúc đầu được, qua chủ khác thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo nói đùa, lại nhận được vật lấy làm thức ăn, mời Tỳ-kheo được ăn không?

Đáp: Không được, nếu ăn phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ni không siêng năng, có thể khuyên thôi tu đạo không?

Đáp: Không có lý như thế.

Hỏi: Hoà thuốc cho người bị chết phạm tội gì?

Đáp: Có tâm tốt thì không phạm, có tâm ác thì phạm tội nặng.

Hỏi: Tỳ-kheo mười hạ lạp hay năm hạ lạp, mà không tụng giới,

thì phạm tội gì?

Đáp: Nếu không tụng giới mà ăn thức ăn của tín thí hàng ngày thì phạm tội trộm, nếu trước không biết thì được sám hối.

Hỏi: Tất cả miếu của các quỷ thần ở, có thể ở lại đêm không?

Đáp: Đi đường thì được ở. Nếu có ý quấy rối mà ở thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn thịt sống phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Hai người nam hành dục chưa xong, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Quyết đoán.

Hỏi: Hai người nam dâm dục muốn đùa giỡn ở miệng liền dừng phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa. Nếu thành thì phạm Quyết đoán.

Hỏi: Giường chiếu của người khác đã hành dâm trên đó chỗ đó có thể nằm được không?

Đáp: Thấy chỗ đó rửa sạch thì có thể nằm.

Hỏi: Tăng đã xướng Tăng bạt, Thượng tòa chưa ăn, hạ tòa ăn trước, phạm tội gì?

Đáp: Nghe xướng rồi ăn thì không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo không đầy đủ sáu vật phạm tội gì?

Đáp: Không xin để làm, phạm tội Xả-đọa. Nếu xin không thể được, không phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo quá lạnh được trải y nằm không?

Đáp: Mặc y thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo tự xưng tên họ và giữ giới dùng sức nài ép, xin được thì phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả-đọa.

Hỏi: Người nữ có bệnh nhọt, hoặc có chỗ đau đớn, Tỳ-kheo lấy tay đè chỗ này để chữa trị, phạm tội gì?

Đáp: Nếu khởi tâm, thì phạm Quyết đoán,

không khởi tâm thì phạm Xả-đọa.

Hỏi: Phụ nữ không có con, nói Tỳ-kheo: "Dạy cho tôi phương pháp, Tỳ-kheo liền dạy, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Quyết đoán.

Hỏi: Nhờ Tỳ-kheo đem vật cho người nhưng không đưa cho họ phạm tội gì?

Đáp: Tự lấy không đưa thì phạm tội năng, cất cho hư rồi trả lại tính giá trị để biết tội nhẹ hay nặng.

Hỏi: Vào trong xóm làng không mặc y, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo reo hò phạm tội gì?

Đáp: Nếu ở xóm làng, trong chúng can gián một lần thì phạm Xả- đọa, can ba lần không bỏ thì phạm Quyết đoán.

Hỏi: Vào trong xóm làng, cầm cung tên, dao để xem phạm tội gì?

Đáp: Trước không biết pháp thì không phạm, nếu biết thì phạm tội Đột-cát-la.

Hỏi: Tỳ-kheo đi xe ngựa phạm tội gì?

Đáp: Con đực chở một lần thì phạm lỗi, can ba lần không bỏ thì phạm Quyết đoán, con cái chở một lần phạm Quyết đoán.

Hỏi: Vào xóm làng, Tỳ-kheo coi người đời đánh nhau, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo cầm cờ năm màu treo lên cây đùa giỡn, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Vào trong xóm làng, bế trẻ con ba tuổi, trẻ con la khóc phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Vào trong xóm làng đánh nhau với người đời, phạm tội gì? Đáp: Phạm Đột-cát-la.

Hỏi: Vào trong xóm làng coi người đời cho súc sanh giao hợp, phạm tội gì?

Đáp: Biết phi pháp mà coi thì phạm tội Xả-đọa, không biết không phạm, trong tâm khởi dâm dục, miệng nói lời thô tục, phạm Quyết đoán.

Hỏi: Tỳ-kheo ăn không no, được nói với người chưa thọ Đại giới không?

Đáp: Được. Chỉ trừ Bà-la-môn.

Hỏi: Trong núi, trong đồng vắng, thấy vật không có chủ, có thể lấy dùng không?

Đáp: Được dùng. Nếu cần phải nói với vua, hoặc người trong cung vua, hoặc nói với người khác thì được dùng, nếu không nói không được cầm đi, nếu đem đi phạm Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo làm thuốc được lấy vật không?

Đáp: Nếu có tâm từ bi thì được làm, tâm ác thì không được; không có y bát người khác cho thì được lấy; hoặc có y bát, người khác ép để làm

phước thì được lấy, nếu người không cho cũng không được làm phước mà xin. Nếu xin phạm Xả-đọa.

Hỏi: Khi ăn, khăn cỡ lớn, nhỏ, có tương, rau, cơm, canh đổ lên khăn, cần nên giặt không?

Đáp: Không dơ bẩn cũng phải giặt hàng ngày. Nếu có Sa-di và cư sĩ giao cho họ và nhận lại trong ngày đó, không phạm; nếu đã giao rồi họ để trong phòng không còn bỏ, nếu không giao cho ai, cũng không giặt thì phạm Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ở trong phòng riêng vỗ tay cười giỡn phạm tội gì? Đáp: Phạm Xả-đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo được đi quanh bên dòng nước nhỏ và hố nhỏ không?

Đáp: Không được, nếu đi quanh phạm tội Đọa.

Thuở xưa có một Ưu-bà-tắc thỉnh một vị Tỳ-kheo đến, muốn cúng dường một cái áo đẹp, vị Tỳ-kheo liền đi theo, giữa đường đi có một dòng nước nhỏ, vị Tỳ-kheo ấy đi bên bờ, Ưu-bà-tắc đó liền sanh nghi ngờ, suy nghĩ: "Mình cho rằng vị Tỳ-kheo này tốt, nên muốn cúng dường một cái y đẹp, vậy mà vị này lại đi quanh quẩn bên hào, hố, trở về mình sẽ cúng bằng nửa cái y mà thôi"! Tỳ-kheo ấy là bậc vô nhiễm, nên biết suy nghĩ của người đó, nên đi trước, gặp dòng nước lại cố ý đi vòng quanh qua. Hiền giả lại nghĩ: "Trở về ta sẽ cúng một bữa ăn thôi". Vị Tỳ-kheo đó là bậc vô nhiễm, nên biết

suy nghĩ của người kia, nên đi trước, gặp dòng nước liền vén y lội qua. Hiền giả hỏi Tỳ-kheo: "Vì sao không đi vòng quanh qua?" Vị Tỳ-kheo nói: "Ông trước đó đã cúng cho tôi một cái y một lần tôi đi vòng quanh qua dòng nước, ông đã bớt chỉ còn lại nửa cái y thôi; lại đi quanh lần nữa thì chỉ còn được một tấm vải thô, đi thêm một lần nữa thì chỉ còn một bữa ăn, lần này tôi không đi quanh nữa, vì sợ mất luôn thức ăn!". Nghe xong hiền giả mới biết đây là một bậc đắc đạo, liền sám hối và mời về nhà cúng dường đầy đủ. Lấy đó làm bằng chứng, nên biết Tỳ-kheo không được đi quanh qua dòng nước, hầm hố.

Hỏi: Tỳ-kheo chạy, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa. Có việc gấp thì không phạm.

Hỏi: Có người sau khi xuất gia trở về lén lấy vật trong nhà, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội khí. Vì sao? Vì lúc đầu xuất gia tất cả đều bỏ hết, không phải là vật của mình.

Hỏi: Lúc Tỳ-kheo còn tại gia, cất vật của cha mẹ, anh em. Sau đó xuất gia, người nhà chết hết, Tỳ-kheo trở về lấy vật cho mình phạm tội gì?

Đáp: Nếu tự lấy thì phạm tội khí. Nếu có cư sĩ thân quen, có thể nói họ lấy làm việc phước, phải chia một nửa cho quan. Vì sao? Vì vật này không có chủ, cho nên giao lại cho quan, không được lấy

hết, nếu lấy hết thì phạm tội nặng.

Hỏi: Thầy thọ giới lại làm đệ tử, đệ tử được giảm bớt hạ lạp được giảm bớt giới và ngồi ở nơi thấp nhất không? Nếu không được làm như trên, có được đảnh lễ không?

Đáp: Hoàn toàn không có lý này.

Hỏi: Tỳ-kheo đi vào trong đám ruộng của người khác, hoặc có lúa non hoặc không có lúa non, vì có việc gấp thì phạm không?

Đáp: Có lúa non thì phạm tội Đọa, có việc gấp thì không phạm, không có lúa non thì đi được.

Hỏi: Người biết lỗi đã phát lồ, hoặc năm ba ngày, hoặc có nạn nên chúng Tăng phân tán, tội ấy có được giải quyết không?

Đáp: Phải cầu xin chúng Tăng mới được giải quyết.

Hỏi: Vua quan hỏi Tỳ-kheo việc tốt xấu Tỳ-kheo nói; sau đó được cúng dường phạm tội gì?

Đáp: Nếu được thức ăn thì phạm tội Đọa, được vải thì phạm Xả-đọa; nếu nói cho họ đánh nhau mà được cúng dường thì phạm tội nặng.

Hỏi: Tỳ-kheo có duyên sự đi vào trong đám ruộng của người đời được không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo không đủ năm tuổi hạ, không y chỉ phạm tội gì?

Đáp: Không có Thầy y chỉ, nếu uống nước, ăn

cơm thì ngày nào cũng phạm tội trộm, nếu trước đây không biết pháp, được sám hối.

Hỏi: Tỳ-kheo mười tuổi hạ không tụng giới được không?

Đáp: Giống như việc y chỉ.

Hỏi: Tỳ-kheo buôn bán ở chợ, tự khoe vật của mình để bán giá đắt, người tin nên mua giá đắt phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội trộm.

Hỏi: Tỳ-kheo đi trên đường xa vắng vẻ có thức ăn mà không có người nhận, được ăn như thế nào?

Đáp: Chỉ được đưa một tay xuống lấy thức ăn vừa đủ nếu lấy nhiều quá thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi thuyền, nước lớn không xuống được, được tiểu tiện trong nước không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo chép kinh trên thẻ tre tụng xong lau bỏ, có phạm không?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Chưa đủ năm tuổi hạ, được vào tụng luật không?

Đáp: Không được. Có thể giáo giới phần thô mà thôi, nếu tụng thì phạm Xả-đọa.

Hỏi: Xả Đại giới, không mất giới Sa-di là Sa-di phải không?

Đáp: Không phải?

Hỏi: Tỳ-kheo ngủ ban ngày phạm tội gì?

Đáp: Mở cửa thì không được, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo được dựa vào vách nằm xuống đất không?

Đáp: Phòng riêng thì được, trong chúng thì không được, phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo ở trong phòng không mặc ba y phạm tội gì?

Đáp: Ngồi thiền, tụng kinh, không mặc phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi đường mặc Nê hoàn tăng, được buộc ống chân không?

Đáp: Quá lạnh thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo giữ đồ để sơn phạm tội gì?

Đáp: Cây bằng gỗ để sơn hoàn toàn không được dùng, dùng thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đã nhận thức ăn vào tay, hoặc trộn thức ăn làm dơ tay, được nhận thức ăn không?

Đáp: Được.

Hỏi: Tỳ-kheo vào trong phòng, không ngồi chỗ của mình phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo đi nhiễu quanh tháp, hoặc Tỳ-kheo ni, hay Ưu-bà- tắc đi quanh theo sau có phạm không?

Đáp: Nếu có Ưu-bà-tắc thì không phạm.

Hỏi: Rau xanh đã tác tịnh, còn rễ, Tỳ-kheo có được ăn không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đệ tử đi xa gởi vật cho Thầy, hoặc Thầy gởi cho đệ tử, quá hạn không về trải qua mấy năm, có thể lấy dùng không?

Đáp: Nếu khi đi không nói thì không được dùng, nên biết đây là vật có chủ, nếu người kia đã chết là vật của Tăng bốn phương.

Hỏi: Tỳ-kheo dạy cư sĩ không cúng tế những người đã mất, lý này đúng không?

Đáp: Không đúng. Giả sử cha mẹ không ăn được, nhưng tâm cung kính dâng cúng, cũng được phước vậy.

Hỏi: Trong chúng, được ngồi chung một chỗ với Thầy không?

Đáp: Không được ngồi gần, không được ngồi cùng bàn ăn cơm. hỏi: Tỳ-kheo không lạnh, mặc ba y lễ Phật phạm tội gì?

Đáp: Trong chúng thì phạm Đột-cát-la.

Hỏi: Tỳ-kheo tự tay pha chế thuốc được không?

Đáp: Lấy cỏ thanh tịnh thì được.

Hỏi: Tỳ-kheo có y bỏ đạo, đã mặc áo thế tục, lúc ấy hướng đến chỗ Thế Tôn lễ bái, sau đó trở lại theo chúng, xin tu lại nên chấp nhận không?

Đáp: Nếu chưa xả giới thì nên nhận.

Hỏi: Tỳ-kheo biết anh em, cha mẹ của mình bị phá sản mà không chuộc lại có tội không?

Đáp: Nếu vì hành đạo mà chuộc thì không có tội.

Hỏi: Nếu người đến thưa chúng Tăng tự xưng mình là Thánh chúng, được nhận không?

Đáp: Không nên nhận.

Hỏi: Nếu người đem vật cúng Tăng, nói cúng Thánh chúng, được nhận không?

Đáp: Nếu không nói được chia, được lấy, vì chúng chỉ hiểu theo phong tục.

Hỏi: Đi đường lội nước, sai người cõng qua phạm tội gì?

Đáp: Nếu không phải già, bệnh thì phạm tội Đọa.

Hỏi: Người làm việc cho chúng Tăng, Tỳ-kheo được sai làm việc lặt vặt không?

Đáp: Sai làm việc nhỏ thì được, việc lớn thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo để móng tay dài phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Tỳ-kheo, Thượng tòa chưa tắm, hạ tòa tắm trước có phạm không?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Trong đồ đựng của Tỳ-kheo bỗng nhiên có vật khác hoặc đã che đậy, không biết ai cho, có thể lấy dùng không, có thể đem bỏ không?

Đáp: Đưa cho Tăng, không được dùng riêng.

Hỏi: Có một trú xứ Tăng đến đi rất nhiều, đã bỏ lại đồ vật hoặc là của thần, hoặc là áo cũ hoàn toàn không dùng nữa có thể lấy không?

Đáp: Cho chúng Tăng, chúng Tăng để một tháng, một năm, sau đó được dùng, nếu sau chủ đến, Tăng phải trả lại, nếu là vật châu báu quý giá, về sau chúng không thể đền, thì đừng dùng.

Hỏi: Tỳ-kheo biết có cư sĩ quen đến làm, nên nói với Hòa thượng, Duy na đem thức ăn của Tăng cho họ không?

Đáp: Tăng sai thì được, không sai thì không được.

Hỏi: Tỳ-kheo bỏ đạo về đời, sau đó lại xuất gia, Thầy trước phải cho là Thầy nữa không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: Đến đàn giới, các Thầy, Tăng có thể gọi là Thầy không?

Đáp: Không có lý này, không theo người thọ pháp hoàn toàn không được làm Thầy.

Hỏi: Tất cả Thầy được gọi là Hòa thượng không? Được xưng là đệ tử không?

Đáp: Không được. Giả sử kính trọng, thì cũng như tôn trọng theo thế tục.

Phẩm 14: HỎI VỀ TAM TỰ QUY

Hỏi: Ba quy y người nào được thọ nhận, người

nào không được thọ nhận?

Đáp: Trừ năm tội nghịch thì còn lại đều được.

Hỏi: Tu Ba quy y nên thực hành như thế nào?

Đáp: Thân, miệng và ý không làm điều tà, không theo Thầy tà kiến.

Hỏi: Thế nào gọi là phạm Ba quy y?

Đáp: Ưa thích tà kiến, theo Thầy tà đạo.

Hỏi: Nếu phạm Ba quy y, sám hối như thế nào?

Đáp: Đến chỗ Bổn sư sám hối, nếu không còn bổn sư, thì đến Tỳ-kheo khác cũng được.

Hỏi: Nếu không thể giữ gìn, được xả không?

Đáp: Được.

Hỏi: Nếu xả phải xả như thế nào?

Đáp: Đến bổn sư hoặc Tỳ-kheo thưa: "Từ hôm nay trở về sau, con không thể quy y theo Phật, theo Pháp, theo Tăng được nữa!" Nói ba lần như vậy, nếu chưa đủ ba lần thì vẫn còn thọ trì Ba quy y.

Hỏi: Có người thọ Tam tự quy mới sám hối tội ác đời trước lý này đúng không?

Đáp: Không có lý này.

Hỏi: Thọ Ba quy y là thọ từ một người, được đến ba người mà chỉ thọ một quy y không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Pháp thọ Ba quy y là trọn đời, hay có thể được một năm, nửa năm, mười ngày, năm ngày không?

Đáp: Tùy theo ý muốn nhiều hay ít.

Hỏi: Nếu theo Thầy thọ Ba quy y một năm, nửa năm, sau khi đủ ngày rồi, được gọi là Thầy không?

Đáp: Theo thọ pháp suốt đời là Thầy.

Hỏi: Ba quy y được thọ một quy y, hoặc hai quy y không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thọ Ba quy y hiện tại không có Thầy được theo văn để thọ không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Trước đây thọ Ba quy y phạm tội không sám hối, được thọ lại không?

Đáp: Không được. Cần phải sám hối, nếu muốn thọ, phải xả lần thọ trước, nếu không xả thọ lại thì không đắc giới.

Phẩm 15: HỎI VỀ NĂM GIỚI

Hỏi: Không thọ Ba quy y được thọ năm giới không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu thọ Ba quy y phạm mà không sám hối được thọ năm giới không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thọ năm giới có được thọ năm ngày, mười ngày, một năm, hai năm không?

Đáp: Tùy theo ý muốn nhiều hay ít.

Hỏi: Phạm năm giới không sám hối, được thọ

lại không?

Đáp: Không xả giới trước thì không được thọ lại, không sám hối cũng không được xả.

Hỏi: Phạm hết năm giới được sám hối không?

Đáp: Nếu giết người, hành dâm với người tôn kính và Tỳ-kheo ni, trộm cướp tài sản của Tam bảo, đều không được sám hối, ngoài ra thì được sám hối.

Hỏi: Nếu không thể giữ năm giới được xả không?

Đáp: Được xả. Nếu muốn xả năm giới, hợp cả ba tự quy lại nói: "Từ hôm nay Phật không phải là Thầy của con, con chẳng phải là đệ tử Phật". Nói ba lần như vậy, pháp và Tăng cũng nói như thế, nếu chỉ xả một, hai, ba, bốn giới thì chỉ nói: "Từ hôm nay con không thể giữ giới nào đó". Nói như vậy ba lần nếu không đủ ba lần, giới vẫn không mất.

Hỏi: Đối với năm giới có thể theo năm Thầy thọ một giới không?

Đáp: Được.

Hỏi: Đã thọ thiên năm giới về giới trọng có thể xả bớt một hay hai giới không?

Đáp: được.

Hỏi: Năm giới có thể thọ một, hai, ba giới không?

Đáp: Được. Tùy theo ý muốn nhiều hay ít.

Hỏi: Tỳ-kheo phạm giới nặng hoặc phạm giới rượu cho thọ giới có đắc không?

Đáp: Không đắc giới.

Hỏi: Có tám giới bạch y không?

Đáp: Không. Chỉ có Tám giới quan trai.

Phẩm 16: HỎI VỀ MƯỜI GIỚI

Hỏi: Không thọ năm giới được thọ mười giới không?

Đáp: Nếu trước đây thọ ba quy y rồi thì được, vì trong mười giới đã có năm giới, không cần thọ lại năm giới.

Hỏi: Phạm năm giới không sám hối được thọ mười giới không?

Đáp: Không được. Nếu trước đây không biết sám hối mà thọ thì được, còn biết mà không sám hối thì không được.

Hỏi: Thầy phạm giới trọng theo thọ mười giới có đắc giới không?

Đáp: Không đắc giới.

Hỏi: Sa-di phạm mười giới được sám hối không?

Đáp: Đồng như năm giới trên.

Phẩm 17: HỎI VỀ SA DI

Hỏi: Sám hối cần chúng không?

Đáp: Không cần chúng. Chỉ đến chỗ bổn sư là được rồi, nếu hiện tại không có Thầy, đến chỗ Tỳ-

kheo khác sám hối cũng được.

Hỏi: Sa-di nửa tháng thuyết giới một lần được không?

Đáp: Không có lý này. Vì sao? Vì giới của Sa-di không bao hàm, nhưng mọi người đều có thể tụng giới, ngày mười lăm phải hợp lại một chỗ để tụng.

Hỏi: Sa-di phạm giới, được đến chỗ Sa-di khác sám hối không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Sa-di được mặc y phục thế tục không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Thầy có nhiều việc sai trái, Sa-di được bỏ đi cầu Thầy khác không?

Đáp: Được.

Hỏi: Sa-di phản Thầy, theo Thầy cư sĩ chạy theo thế tục nhưng không bỏ giới, trải qua nhiều năm, trở lại xin Thầy xuất gia, đó là Sa-di sai quấy, nhưng đã sám hối lỗi lầm, không cần thọ giới lại chăng?

Đáp: Vị Sa-di này, chỉ đến Thầy sám hối, vốn không bỏ giới, không cần thọ lại, thọ cũng không đắc giới.

Hỏi: Sa-di bị giặc cướp đi trải qua năm tháng, hoặc chuyển đến chủ khác được trốn chạy không?

Đáp: Chuyển đến người chủ khác thì không được.

Hỏi: Sa-di phạm giới cấm, Thầy và Tăng đã đuổi, được sám hối và xuất gia lại không?

Đáp: Nếu không xả giới, vẫn còn là Sa-di, có thể được sám hối.

Hỏi: Khi cư sĩ theo Sa-di thọ năm giới, nhưng sau đó xuất gia thọ đại giới, bổn sư vẫn là Sa-di, được gọi là Thầy không?

Đáp: Được gọi là Thầy nhưng không được đảnh lễ, Sa-di nên đảnh lễ khi còn cư sĩ theo bên ni thọ năm giới, nhưng sau đó xuất gia cũng vậy.

Hỏi: Tỳ-kheo tham vật riêng, tội ấy rất nặng. Xưa có một Tỳ-kheo tham một cái nạo bạc bằng đồng, sau khi chết làm ngạ quỷ, chúng Tăng chia vật xong đến nơi Tỳ-kheo ấy đã qua đời thấy hiện ra một vật lớn như đám mây đen, các Tỳ-kheo kinh ngạc "đây là vật gì?" Trong chúng có người đắc đạo nói: "Đây là Tỳ-kheo đã chết vì tham cái nạo bạc nên bị đọa trong loài ngạ quỷ hôm nay vì tham tiếc muốn đến xin lại". Các Tỳ-kheo liền lấy cái nạo bạc trả lại ngạ quỷ cầm rồi, le lưỡi liếm bỏ xuống đất rồi đi. Các Tỳ-kheo trở lại lấy nhưng rất hôi thúi không thể đến gần, lại sai người lấy cái nạo bạc làm thành đồ vật, nhưng vẫn còn hôi thúi không thể dùng được. Lấy điều này để làm chứng minh, nên biết tham là tai họa lớn.

Tỳ-kheo tham tiếc y phục, mới có sự thảm khốc là tự đốt cháy thân mình. Xưa có một vị Tỳ-kheo

thích may y, ngày đêm đắm nhiễm lúc bị bệnh nặng, biết mình sẽ chết, liền ngẩng đầu lên ngắm nhìn y, trong lòng khởi lên tư tưởng xấu ác. Nói: "Sau khi ta chết ai dám mặc y này của ta!". Không bao lâu Tỳ-kheo ấy chết, hóa làm con rắn độc, trở lại quấn quanh bên y, chúng Tăng khiêng Tỳ-kheo đã chết đi chôn cất xong sai người về lấy y và vật dụng thấy có con rắn độc quấn quanh y đang giương cổ để phun nọc độc nên không dám lấy trở lại thưa chúng, trình bày việc đã thấy. Các Tỳ-kheo cùng nhau đến xem đều không dám đến gần. Có một vị Tỳ-kheo đắc đạo, liền nhập vào bốn tâm vô lượng không thể trúng độc, liền đến gần nói: "Đây vốn là y của ngươi, hôm nay ngươi đã chết, vì sao lại giữ nó?". Liền lấy quăng đi không xa vương vào một bụi cỏ, lửa độc phát ra đốt bụi cỏ, trở lại đốt cháy thân rắn và bị chết đọa vào trong địa ngục, lửa thiêu đốt trong một ngày, bị thiêu đốt hơn ba lần, đều do tham làm hại.

Nếu Tăng thuận theo pháp thọ tuổi hạ của Đức Như Lai thì Tỳ-kheo nên làm như vậy. Từ mùa hạ đầu tiên của Như Lai, nay đến hết mùa hạ này, trong sáu tháng, Chúng đã có nhiều sự lỗi lầm, làm trái Giới luật, trừ hai việc sai làm trước, ngoài ra không trừ trường hợp nào nữa. Thế Tôn đã nhóm Tăng hòa hợp chỉ dạy sách tấn. Hôm nay, ta tư duy điều này, cùng các ông tỏ bày sám hối, nói về những việc đã sai lầm, mỗi người phải tự nhận.

Nếu trong chín mươi ngày không có Định lực của Thế Tôn, không có Trí tuệ của Thế Tôn, không có Giới của Thế Tôn thì chúng ta sai phạm rất nhiều; vì không có trí tuệ của Thế Tôn, không có Giới của Thế Tôn nên phạm; vì không có Trí tuệ của Thế Tôn, nên phần nhiều không làm theo sự chỉ dạy; không có Định lực của Thế Tôn nên loạn tâm sai phạm nhiều, hoặc nghĩ đến các dục, hoặc không làm theo việc dục; hoặc nghĩ đến cách trộm cắp, mà không làm việc trộm cắp; hoặc nghĩ đến cách giết, nhưng không làm việc giết hại; hoặc nghĩ đến việc giả dối lại không làm việc giả dối; hoặc nghĩ đến pháp Tăng-già-bà-thi-sa nhưng không thực hành Tăng-già-bà-thi- sa, trong chín mươi ngày, đã phạm các việc thuộc oai nghi.

Hỏi: Cư sĩ muốn xuất gia. Tỳ-kheo liền nhận, có thỉnh Thầy khác, Tỳ-kheo trước là Thầy phải không?

Đáp: Không phải Thầy. Nếu theo người nào thọ pháp thì người ấy có thể làm Thầy, hoặc nương theo thì vị ấy có thể làm Thầy y chỉ.

Hỏi: Nếu có Tỳ-kheo không xả giới Sa-di, tức là người tu Đại đạo, nhưng lại thọ giới làm Tăng được không?

Đáp: Được.

Hỏi: Trước đây đã thọ giới nhưng không đắc giới, có cho ở không?

Đáp: Được cho ở

Hỏi: Về sau, người ấy làm Thầy, đúng hay sai?

Đáp: Sai

Hỏi: Nhiều người thọ giới, chỉ thỉnh một người làm Thầy, có thể mười người, năm người cùng thọ một lúc không?

Đáp: Không có lẽ đó.

Hỏi: Sa-di thọ Đại giới, thỉnh một Tỳ-kheo làm thầy để thọ Đại giới, nhưng Tỳ-kheo này không biết yết ma và pháp thọ giới, nên mời Thầy khác để truyền giới, như vậy ai là Thầy?

Đáp: Người truyền giới làm Thầy, nếu không truyền pháp thì không phải Thầy, Tỳ-kheo truyền năm giới, chỉ được truyền cho Bà-la- môn, đối với người ni khác, truyền cho Tỳ-kheo cũng không đắc Giới.

Hỏi: Người làm mai mối, phạm tội gì?

Đáp: Phạm Tăng tàn

Hỏi: Tất cả vật của mình, vua quan không lấy hết, đem cho được không?

Đáp: Vua quan không nghi ngờ thì được.

Hỏi: Thấy người hành dục không quở trách, phạm tội gì?

Đáp: Người khác có thể can gián, nếu không can gián phạm tội Đọa, nếu không thể can gián nên đến Tỳ-kheo nói ra hết tội lỗi của mình.

Hỏi: Trước đây Tỳ-kheo phạm tội, thọ giới lại

được ở chung không?

Đáp: Phạm tội nặng, không được thọ giới lại, phạm tội Quyết đoán, sám hối tội lỗi thì được thọ lại, nếu không sám hối thì không được thọ lại, huống chi được ở chung.

Hỏi: Có việc gấp, Tỳ-kheo đem cung tên lên thuyền, có thể đi theo không?

Đáp: Người cầm phạm tội nặng, còn người chở thì phạm Xả-đọa. hỏi: Tỳ-kheo bị quan bắt buộc làm việc phi pháp, phạm tội gì?

Đáp: Không được làm

Hỏi: Hai người nam cùng giỡn chỗ tiểu tiện, phạm tội gì?

Đáp: Nếu thành, phạm Quyết đoán.

Hỏi: Tỳ-kheo lén nghe hai người nam hành dục, phạm tội gì?

Đáp: Không có tâm dục mà nghe, phạm tội Đọa, có tâm dục mà nghe, thân không xuất tinh, phạm Đột-cát-la.

Hỏi: Tỳ-kheo bị bệnh không thể đi được, ngồi xe ngựa được không?

Đáp: Con đực thì được, không nghĩ là con cái thì phạm tội Đọa, nếu nghĩ thì phạm Quyết đoán, không biết là con cái thì không có tội.

Hỏi: Tỳ-kheo chê quyển kinh cũ, đem bán đi mua quyển mới, phạm tội gì?

Đáp: Bán kinh thì có tội như bán cha mẹ.

Hỏi: Hai người nam đánh nhau, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Súc sanh hành dục, Tỳ-kheo tách chúng ra, phạm tội gì?

Đáp: Phạm tội Đọa.

Hỏi: Mặc y tiểu để đi, cất y đại, được nhận người cúng dường không?

Đáp: Được.

Hỏi: Ở trong hạ, Tỳ-kheo được nhận vật của Tăng không?

Đáp: Nếu vật cúng cho Tăng, phải chia ra, không được cất đi.

Hỏi: Tỳ-kheo có quen biết nhà thí chủ, bận việc nên giao lại cho Tỳ-kheo khác đi đến đó khất thực được vật, phạm tội gì?

Đáp: Xem xét người chủ có tâm xấu không được nhận, nếu nhận phạm tội Đọa; biết người chủ có ý tốt thì được lấy.

Hỏi: Chim sẻ ở trong nhà người làm tổ, Tỳ-kheo phá, hoặc lấp bít hang chuột, phạm tội gì?

Đáp: Chim sẻ chưa có con thì được đuổi đi, có con thì không được; vì trong hang chuột chỉ có một cái lỗ nên không được lấp, nếu bên trong và bên ngoài đều có lỗ, thì được lấp bít lỗ bên trong.

Hỏi: Tỳ-kheo cùng Thầy và bạn đồng học, được đưa thư qua lại không?

Đáp: Ở nơi khác trong nước thì được thông tin

qua lại, còn nước khác thì không được.

Hỏi: Người xuất gia, quốc pháp, cha mẹ không chấp nhận, được thọ giới không?

Đáp: Không được.

Bấy giờ, tôn giả Mục Liên từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật.

- Bạch Thế Tôn! Thật hoan hỷ khi Ngài nói Tỳ ni! Sau khi Như Lai diệt độ, ai có thể thọ trì theo luật này?

Đức Phật dạy:

- Này tôn giả Mục Liên! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni phỉ báng luật này, nên biết người ấy là bạn của ma, không phải là đệ tử của Ta, những hạng người như vậy, suốt đời học đạo cũng không thành tựu, không ra khỏi ba cõi. Hôm nay, Ta rất thương xót chúng sanh.

Khi ấy, tôn giả Mục Liên nghe đức Phật giảng nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

KINH PHẠM VÕNG
SỐ 1484
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1484

KINH PHẠM VÕNG
(PHẬT LÔ XÁ NA THUYẾT)

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư đời Hậu Tần.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 10: GIỚI TÂM ĐỊA CỦA BỒ TÁT

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong bậc Thiền thứ tư, tại cung của Thiên vương Ma Hê Thủ La, cùng với vô lượng Đại Phạm thiên và chúng Bồ-tát không thể tính kể, không thể nêu bày, nói về phẩm Pháp môn Tâm địa mà đức Phật Lô Xá Na ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng đã nói. . Khi ấy, thân của Đức Phật Thích Ca phóng ra ánh sáng trí tuệ, chiếu từ cung của Thiên vương cho đến thế giới Liên Hoa Đài Tạng. Tất cả chúng sanh trong các thế giới ấy thảy đều nhìn thấy, đều vui mừng, thích thú nhưng không thể biết ánh sáng này do nhân gì, duyên gì, nên đều sanh tâm nghi ngờ. Vô lượng hàng trời, người cũng sanh tâm nghi ngờ.

Lúc này, trong chúng có Bồ-tát Huyền Thông Hoa Quang Vương, từ Tam muội Đại Trang Nghiêm Hoa Quang Minh đứng dậy, do thần lực

của Phật, phóng ra ánh sáng sắc kim cang bạch vân, chiếu soi tới tất cả thế giới, trong đó hết thảy các Bồ-tát đều đến tập họp, cùng nhau thưa hỏi:

- Ánh sáng rực rỡ này là điềm tướng gì?

Khi đó, Đức Phật Thích Ca liền nâng đưa đại chúng của thế giới này mau chóng đến thế giới Liên Hoa Đài Tạng, trong các cung điện có trăm vạn ức ánh sáng kim cang đỏ tía, thấy đức Phật Lô-xá-na an tọa trên tòa hoa sen trăm vạn cánh, ánh sáng hết sức rực rỡ. Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca và đại chúng cùng lúc cung kính đảnh lễ dưới chân đức Phật Lô-xá-na. Đức Phật Thích Ca nói:

- Trong thế giới này, tất cả chúng sanh nơi đại địa và hư không do nhân gì, duyên gì, đã thành tựu đạo mười địa của Bồ-tát, sẽ thành tựu quả vị Phật. Đó là những tướng gì? Như trong phẩm Bản Nguyên Phật Tánh đã hỏi rộng về hạt giống của tất cả Bồ-tát.

Đức Phật Lô-xá-na rất hoan hỷ, hiện ra ánh sáng nơi hư không là bản nguyên của Thể tánh thành tựu Tam muội của Pháp thân Phật thường trú, dạy cho đại chúng:

- Này các Phật tử! Hãy lắng nghe kỹ, khéo tư duy để tu tập. Ta đã trải qua hàng trăm A tăng kỳ kiếp tu tập tâm địa, lấy đó làm nhân đầu tiên xả bỏ hàng phàm phu thành tựu Đẳng Chánh Giác, hiệu là Lô-xá- na, an trú trong biển thế giới Liên Hoa

Đài Tạng. Đài đó hiện bày khắp có ngàn cánh, mỗi cánh là một thế giới thành ngàn thế giới. Ta đã biến hóa thành một ngàn Đức Thích Ca an trú nơi một ngàn thế giới. Sau cứ một thế giới của mỗi cánh hoa lại có trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trời, mặt trăng, trăm ức bốn cõi thiên hạ, trăm ức châu Nam-diêm-phù- đề, trăm ức Bồ-tát Thích Ca an tọa nơi trăm ức cây Bồ đề, đều nói về Tâm địa của Bồ-tát giống như các ông đã hỏi. Chín trăm chín mươi chín Đức Thích Ca còn lại, mỗi mỗi vị đều hiện ra ngàn trăm ức Thích Ca cũng lại như vậy. Những đức Phật ở trên ngàn cánh hoa do Ta hóa thân, ngàn trăm ức Đức Thích Ca là ngàn Đức Thích Ca hóa thân, Ta đã hoàn thành bản nguyên nên gọi là "Phật Lô-xá-na".

Bấy giờ, đức Phật Lô-xá-na ngự trên tòa Liên Hoa Đài Tạng, giải đáp rộng cho một ngàn Đức Thích Ca, ngàn trăm ức Thích Ca đã hỏi về phẩm Pháp Tâm địa.

- Các đức Phật nên biết! Trong tính nhẫn kiên cố gồm mười Tâm phát thú hướng đến quả: Một là tâm Xả, hai là tâm Giới, ba là tâm Nhẫn, bốn là tâm Tấn, năm là tâm Định, sáu là tâm Tuệ, bảy là tâm Nguyện, tám là tâm Hộ, chín là tâm Hỷ, mười là tâm Đảnh.

Chư Phật nên biết! Từ mười tâm Phát thú này (Tâm phát khởi hướng nhập Đại thừa) đi vào mười tâm trưởng dưỡng hướng đến quả trong Pháp nhẫn

kiên cố gồm: Một là tâm Từ, hai là tâm Bi, ba là tâm Hỷ, bốn là tâm Xả, năm là tâm Thí, sáu là tâm Phát ra lời nói tốt, bảy là tâm Lợi ích, tám là tâm Đồng, chín là tâm Định, mười là tâm Tuệ.

Chư Phật nên biết! Từ mười tâm trưởng dưỡng này lại đi vào mười tâm Kim cang hướng tới quả trong tu nhẫn kiên cố gồm: Một là tâm Tín, hai là tâm Niệm, ba là tâm Hồi hướng, bốn là tâm Chứng đắc, năm là tâm Ngay thẳng (trực), sáu là tâm Không thối chuyển, bảy là tâm Đại thừa, tám là tâm Vô tướng, chín là tâm Tuệ, mười là tâm Không hoại.

Chư Phật nên biết! Từ mười tâm Kim cang này đi vào mười địa hướng tới qua trong Thánh nhân kiên cố: Một là Địa thể tánh bình đẳng, hai là Địa thể tánh thiện tuệ, ba là Địa thể tánh quang minh, bốn là Địa thể tánh nhĩ diệm, năm là Địa thể tánh tuệ chiếu, sáu là Địa thể tánh hoa quang, bảy là Địa thể tánh mãn túc, tám là Địa thể tánh Phật hống, chín là Địa thể tánh hoa nghiêm, mười là Địa thể tánh nhập Phật giới. Bốn mươi phẩm pháp môn này là cội nguồn của Ta khi còn làm Bồ tát tu tập bước vào quả vị Phật. Như vậy, tất cả chúng sanh nhập vào mười phát thú, mười trưởng dưỡng, mười Kim cang, mười địa sẽ thành tựu quả vị lớn, an trú viên mãn trong pháp vô vi, vô tướng, mười lực, mười tám pháp bất cộng, pháp thân, trí thân đều đầy đủ.

Lúc này, đức Phật Lô-xá-na ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, với ánh sáng rực rỡ nơi tòa ngồi tỏa chiếu đến chỗ các đức Phật trên ngàn cánh hoa, đến trăm ngàn ức Phật nơi tất cả thế giới của chư Phật. Trong các tòa đó, có Bồ-tát tên Hoa Quang Vương Đại Trí Minh từ chỗ ngồi đứng dậy, thưa đức Phật Lô-xá-na:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngài đã lược nêu về danh tướng của mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng, mười Kim cang và mười Địa, nhưng ở mỗi mỗi nghĩa con chưa thể hiểu rõ, nguyện xin Ngài giảng thuyết cho con về pháp môn Nhất thiết trí của Tạng báu Kim cang hết mực vi diệu mà Như Lai đã giảng thuyết trong phẩm Bách quán.

Đức Phật Lô-xá-na bảo:

- Ngàn đức Phật lắng nghe! Trước ông đã hỏi về nghĩa Phát thú là thế nào?

Này Phật tử! Tâm Xả là xả bỏ tất cả. Cõi nước, thành ấp, ruộng vườn, nhà cửa, vàng bạc, ngọc quý, nam, nữ, thân mình, tất cả những vật hữu vi, xả bỏ cả vô vi, vô tướng, vì biết ngã, nhân là do giả hợp mà thành, vị chủ tạo tác là ngã kiến, do mười hai nhân duyên, không hợp, không tan, không thọ nhận, mười hai nhập, mười tám giới, năm ấm, tất cả là một, tướng hợp là tướng vô ngã, vô ngã sở, chỉ do giả hợp mà thành các pháp. Tất cả các pháp bên trong và bên ngoài đều không xả bỏ, cũng

không thọ nhận, khi ấy, Bồ-tát quán các pháp hiện tiền là giả hợp nên Tâm xả đi vào tam muội Không.

Này Phật tử! Tâm Giới là chẳng phải phi giới, không có người thọ, không có thầy nêu giảng về mười giới thiện. Không có người tu tập từ lừa dối trộm cắp cho đến tà kiến. Hiền lành, trong sạch, ngay thẳng đúng thật, chánh kiến, xả, hỷ… là thể tánh của mười giới; ngăn ngừa tám đảo, xa lìa tất cả tánh, một đạo thanh tịnh.

Này Phật tử! Tâm Nhẫn là thể tánh của trí tuệ hữu tướng , vô tướng, tất cả không không nhẫn, tất cả xứ nhẫn, gọi là vô sanh hành nhẫn, chứng đắc tất cả xứ gọi là như khổ nhẫn, vô lượng hạnh mỗi mỗi pháp đều gọi là nhẫn. Không có thọ nhận, không có đánh đập, không có đao gậy, không có giận dữ, tâm đều như như, không mỗi một đế là một tướng, không có vô tướng mà có vô tướng, hữu tướng chẳng phải phi tâm tướng, duyên vô duyên tướng. Đi, đứng, nằm, ngồi, ngã, nhân, trói, mở tất cả đều là pháp như, tướng nhẫn không thể thủ đắc.

Này Phật tử! Tâm Tấn là trong mọi lúc thực hành bốn oai nghi đều điều phục là không, giả hợp thành pháp tánh. Ví như leo lên núi vô sanh, thấy được tất cả có, không, như có, như không. Đại địa xanh, vàng, đỏ, trắng, tất cả nhập cho đến tánh trí Tam bảo, tất cả Tín, Tấn, Đạo, là Không, Vô sanh, Vô tác, Vô tuệ, khởi Không, nhập vào pháp thế đế,

cũng không có hai tướng, tương tục, tâm không, thông tỏ thêm phần thiện căn.

Này Phật tử! Tâm Định là vắng lặng, không tướng. Không tướng nơi người, bấy giờ đi vào nội không. Tâm hợp đạo nơi chúng sanh, không đạo duyên thì chẳng thấy vô tướng, vô lượng hành, vô lượng tâm tam muội. Phàm phu, Thánh nhân đều nhập vào tam muội, thể tánh tương ưng tất cả, nhờ vào năng lực của định nên ngã, nhân, tác giả, thọ giả, tất cả kiến tánh trói buộc là nhân duyên chướng ngại, gió phân tán làm tâm loạn động, không vắng lặng mà vắng lặng hoàn toàn, tám điên đảo không có duyên. Nhờ trí tuệ tĩnh lặng quán soi mà tất cả niệm niệm giả hợp đều dứt trừ, thọ nhận tất cả tội tánh, quả báo trong ba cõi, đều do định vắng lặng, mà sanh tất cả thiện.

Này Phật tử! Tâm Tuệ là tuệ Không, chẳng phải là không duyên. biết rõ thể, danh tâm; phân biệt các pháp giả gọi là chủ thể, cùng chung với Đạo. Lấy quả hành nhân, nhập Thánh, bỏ phàm, diệt hết các tội, sanh khởi phước đức; trói buộc, cởi mở tất cả là công dụng của thể tánh. Vì không thấy rõ tánh Thường, lạc, ngã, tịnh, phiền não, trí tuệ nên dùng trí tuệ làm đầu, tu quán tuệ không thể kể, nhập vào nhất đế Trung đạo, do vô minh làm chướng ngại trí tuệ, chẳng phải tướng, chẳng phải đến, chẳng phải duyên, chẳng phải tội, chẳng phải tám điên đảo, không sanh diệt, ánh sáng của ngọn đuốc trí tuệ

chiếu đến nơi an lạc, phương tiện chuyển hóa thần thông nhờ thể tánh của trí mà làm công dụng của Tuệ

Này Phật tử! Tâm Nguyện là mong cầu lớn, mong cầu tất cả. Vì lấy quả hành nhân, nên tâm Nguyện này liên tục tiếp nối hàng trăm kiếp được thành Phật, diệt các tội, nhất tâm mong cầu đạt đến không vô sanh. Nguyện quán nhập vào định chiếu soi, vô lượng sự trói buộc nhờ tâm mong cầu mà được giải thoát. Vô lượng hành vi diệu nhờ tâm mong cầu mà thành tựu. Vô lượng công đức Bồ đề lấy tâm mong cầu làm căn bản. Từ sự phát tâm cho đến khoảng giữa tu đạo, vì thực hành đầy đủ hạnh nguyện nên thành tựu quả Phật. Quán một đế Trung đạo chẳng phải chiếu soi, chẳng phải cảnh giới, chẳng phải chìm đắm mà sanh khởi các kiến trí tuệ chẳng phải giải thích. Đó là thể tánh của Nguyện là căn bản của các hành.

Này Phật tử! Tâm Hộ là hộ trì Tam bảo, giữ gìn công đức của tất cả hành khiến cho ngoại đạo, tám Đảo, tà kiến ác không nhiễu loạn đến lòng tin chân chánh, diệt trừ trói buộc của ngã, trói buộc của kiến không sanh, thấu rõ hai đế quán tâm hiện tại. Nhờ hộ trì căn bản là hộ trì vô tướng để giữ gìn không, vô tác, vô tướng, nhờ tâm tuệ liên tục đi vào vô sanh, Không đạo, Trí đạo, đều chiếu sáng rực rỡ, giữ gìn quán nhập vào Không, đều giả huyễn mà sanh khởi, như không, thể của pháp là tụ tập, phân

tán, không thể giữ gìn, quán pháp cũng như vậy.

Này Phật tử! Tâm Hỷ là thấy người khác được vui thì thường sanh vui mừng theo, cho đến tất cả vật đều giả hợp rỗng không chiếu soi, thường vắng lặng, không nhập vào pháp hữu vi mà không pháp nào không vắng lặng. Nhiều an lạc không với có thọ mà hóa, có pháp mà thấy tánh pháp giả huyễn, bình đẳng nhất quán tâm tâm hành, nghe nhiều hạnh công đức của chư Phật. Trí tùy hỷ nơi tâm vô tướng, tâm tâm sanh niệm mà thông tỏ, . tâm vui thích duyên với tất cả pháp.

Này Phật tử! Tâm Đảnh là trí tuệ tối thượng của con người, diệt trừ vô ngã luân, kiến nghi thân, tất cả sân như đảnh, là thường quán liên tục như đỉnh, là nhân quả trong pháp giới, một đạo như như là tối thượng. Như đỉnh đầu của người là chẳng phải phi thân kiến, sáu mươi hai kiến, diệt trừ năm thứ ngăn che của chúng sanh, thần ngã, chủ thể, hoạt động rộng hẹp của con người đều là vô tác, vô thọ, vô hành không thể nắm bắt. Người này lúc ấy đi vào nơi không nên tâm ngay thẳng, nơi chúng sanh không thấy duyên, chẳng thấy phi duyên, an trú nơi đỉnh định tam muội vắng lặng, thực hành hướng đến đạo, thật tánh ngã, nhân, thường thấy, tám điên đảo sanh, duyên nơi pháp môn bất nhị không còn chịu tám nạn, quả hư huyễn hoàn toàn không thọ nhận, duy nhất chúng sanh đến lui, đứng, ngồi, diệt trừ mười tội ác, sanh khởi mười điều thiện, nhập

vào đạo chân chánh, người chân chánh, trí tuệ chân chánh, thực hành hạnh Bồ-tát, chứng đắc hiện quán, không còn chịu quả báo trong sáu đường, hoàn toàn không thối lui ở trong chủng tánh của Phật, đời đời sanh vào dòng giống của Phật, không xa lìa lòng tin chân chánh. Trên đây trong phẩm Thập Thiên Quang đã nói. Đức Phật Lô-xá-na đã giảng rõ cho một ngàn đức Phật nghe: Như ông đã hỏi về mười tâm trưởng dưỡng.

Này Phật tử! Tâm Từ là thường thực hành tâm từ, phát sanh nhân an lạc rồi trong trí vô ngã, vui thích tương ưng, quán pháp nhập, những pháp thọ, tưởng, hành, thức trong đại pháp không sanh, không trụ, không diệt, như huyễn hóa, "như như" không hai. Cho nên tu tập tất cả thành tựu pháp luân, giáo hóa hoàn toàn, có khả năng phát sanh lòng tin chân chánh, không do sự dẫn dụ của quân ma, cũng có thể khiến cho chúng sanh được quả an lạc của tâm từ, chẳng phải thật, chẳng phải quả thiện ác, hiểu rõ tam muội thể tánh là không.

Này Phật tử! Tâm Bi là dùng bi không không, vô tướng, nhờ vào tâm bi thực hành đạo, diệt tất cả khổ, trong vô lượng khổ của chúng sanh phát sanh trí tuệ, không duyên sát sinh, không duyên sát pháp, không duyên với chấp ngã nên thường thực hành không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không làm não hại tất cả chúng sanh. Người phát tâm Bồ đề, đối với kiến không là tướng như

thật của tất cả pháp, trong chủng tánh hành sanh tâm đạo trí. Đối với sáu thân, sáu oán ở trong ba phẩm thân oán cùng với chín phẩm trong duyên thượng ác và trí an lạc tối thượng đều được an lạc. Lúc quả Không hiện, thì mình và tất cả mọi người đều bình đẳng, thường được an lạc, phát sanh đại bi.

Này Phật tử! Tâm Hỷ là khi tâm vô sanh vui vẻ thì chủng tánh, thể tướng, đạo trí không không. Tâm hỷ không chấp trước vào ngã sở, ra khỏi sự chìm đắm của nhân quả ba đời, không còn tích tập, tất cả hữu, nhập vào quán không, thực hành thành tựu được hỷ bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, phát khởi tâm không nhập vào đạo lìa bỏ bạn ác, mong cầu bạn lành để chỉ dạy đạo mà ta yêu quý, làm cho chúng sanh sanh trong dòng họ Phật pháp, trong giáo pháp thường phát khởi tâm vui vẻ vào trong các vị Pháp, lại làm cho chúng sanh khởi lòng tin chân chánh, xả bỏ tà kiến, diệt trừ khổ não, quay lưng lại sáu đường, nên gọi là hỷ.

Này Phật tử! Tâm Xả là thường sanh khởi tâm xả, trong pháp vô tác, vô tướng, không, đều như hư không. Trong hai pháp đối đãi thiện - ác, hữu kiến-vô kiến, tội-phước bình đẳng quán chiếu chỉ là một, chẳng phải người, chẳng phải ta mà ta và người thể tánh không nắm bắt được, gọi là đại xả. Như thân thể da thịt, tay chân, nam nữ, làng xóm, đất nước của ta đều như huyễn, cho đến dòng nước,

đèn đuốc đều nên xả bỏ, được tâm vô sanh, thường tu tập tâm xả.

Này Phật tử! Tâm Thí là ban đầy đủ cho chúng sanh bằng thân thí, miệng thí, ý thí, tài thí, pháp thí để giáo hóa chúng sanh. Trong thân, ngoài thân, làng xóm, đất nước, nam nữ, ruộng vườn, tướng đều như như, cho đến không nghĩ về tài vật, người nhận bố thí và người bố thí cũng bên trong, cũng bên ngoài, không hợp cũng không tan, do thực hành không tâm nên thấu đạt lý bố thí, tất cả tướng đều thể hiện ở việc làm.

Này Phật tử! Tâm phát ra lời nói tốt là nhập vào tam muội, thể tánh ái ngữ Đế nhất nghĩa pháp ngữ, nghĩa ngữ. Tất cả lời nói chân thật là thuận hướng, chỉ một lời điều hòa tất cả chúng sanh mà tâm không sân giận, không tranh chấp. Tất cả pháp trí không, không duyên, thường sanh lòng yêu mến, tâm luôn thực hành thuận theo ý của Phật, cũng thuận hợp với tất cả người khác, dùng lời nói của Hiền Thánh để dạy dỗ chúng sanh, luôn thực hành tâm như như, làm phát khởi thiện căn.

Này Phật tử! Tâm lợi ích là dùng thể tánh của trí chân thật để thực hành rộng lớn về đạo trí, tập họp tất cả pháp môn trí tuệ và tích lũy quán hành bảy Thánh tài, người trước được lợi ích nên thọ được thân mạng, nhập vào tam muội lợi ích, thể hiện bằng tất cả thân, miệng, ý, làm chấn động toàn bộ thế giới, tất cả đều làm được. Vì người khác

nhập vào các pháp, các không, các đạo, đem lại lợi ích an lạc, hiện hình trong sáu đường, vô lượng khổ não không cho là hoạn nạn, chỉ làm lợi ích cho người.

Này Phật tử! Tâm Đồng là do trí đạo tánh giống như pháp không, vô sanh do trí vô ngã đồng sanh không hai, do Không đồng với nguyên cảnh là tướng như của các pháp, thường sanh, thường trụ, thường diệt, pháp thế gian lưu chuyển liên tục không ngừng, có thể hiện ra vô lượng thân hình, sắc, tâm, các nghiệp ở trong sáu đường, tất cả mọi việc đều như nhau. Không đồng với không sanh, ngã đồng với không vật, phân tán thân hình nhập vào tam muội đồng pháp.

Này Phật tử! Tâm Không là từ tâm định, nhờ tuệ quán, chứng tâm không và duyên tâm tĩnh, đối với ngã sở, pháp, thức giới, sắc giới không lay động, vượt ra khỏi thuận nghịch, thường nhập vào trăm tam muội, mười thiền chi, nhờ trí tuệ tư duy thấy được tất cả ngã, nhân và các chủng tử trú bên trong và ngoài, tất cả đều không có hợp tan, chỉ do tích tập mà sanh khởi, nên không nắm bắt được.

Này Phật tử! Tâm Tuệ là quán tuệ thấy tâm, quán sự trói buộc của các tà kiến, hoạn nạn là thể tánh không quyết định. Vì thuận theo nhẫn đồng với không nên chẳng phải ấm, chẳng phải giới, chẳng phải nhập, chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chỉ có ngã, chẳng phải nhân quả, chẳng phải

pháp ba đời, nên tánh của tuệ phát sanh rực sáng, chiếu soi thấy rõ tất cả là rỗng lặng nên không thọ nhận. Trí tuệ là phương tiện sanh khởi tâm trưởng dưỡng. Tâm này chứng nhập đạo không không, phát khởi tâm vô sanh. Trên đây là ở phẩm Thiên Hải Minh Vương đã nói về tâm trong Bách pháp minh môn.

Đức Phật Lô-xá-na dạy cho một ngàn đức Phật nghe. Như các ông hỏi về chủng tử Kim cang có mười tâm.

Này Phật tử! Tâm Tín là tất cả các hạnh lấy lòng tin làm đầu, nguồn gốc của các công đức, không sanh tâm tà kiến của ngoại đạo, các kiến danh chấp trước, oán kết có tạo nghiệp, chắc chắn không thọ nhận, nhập vào pháp không, vô vi, gồm ba tướng không: Không có vô sanh, không có sanh, Không có trụ , trụ đã không có thì diệt diệt không có, tất cả các pháp Không, Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế trí, diệt trừ hết dị không, sắc không, tâm tế, tâm không. Vì tâm tế, tâm tâm không nên lòng tin vắng lặng, không có thể tánh hòa hợp cũng không nương vào, nhưng chủ thể là xử dụng tên gọi của ngã nhân, ba cõi giả gọi là ngã ngã, không có đắc tập tướng, nên gọi là lòng tin vô tướng.

Này Phật tử! Tâm Niệm là khởi niệm, sáu niệm thường quán chiếu biết rõ, cho đến thường thi hành đệ Nhất nghĩa đế, là không vướng mắc, không giải thoát, tướng sanh trụ diệt không lay chuyển, không

đến, đi, mà đối với các nghiệp lãnh thọ, tướng một hợp đều hồi hướng vào trí tuệ pháp giới. Mỗi tuệ nối tiếp nhau trong sự vắng lặng, tỏ rõ vô thường, sáng rực vô sanh, do không sanh nên không khởi, biến đổi thành đạo không, biến trước thành sau, mỗi mỗi đều chuyển hóa. Chuyển hóa không ngừng, biến hóa cùng một lúc, cùng an trú trong một tướng sanh diệt tỏ rõ đã biến hóa, chưa biến hóa, đều biến hóa, được thọ nhận một lúc cũng như vậy.

Này Phật tử! Tâm Hồi hướng là Đệ nhất nghĩa Không, ở nơi pháp chân thật trí Không chiếu soi thật đế Nghiệp đạo tương tục, nhân duyên Trung đạo gọi là thật đế, tạm gọi các pháp ngã, nhân, chủ thể gọi là thế đế. Trong hai đế này rất sâu xa, nhập vào không mà không đến đi, huyễn hóa thọ nhận quả mà không lãnh thọ nên tâm được giải thoát.

Này Phật tử! Tâm Đạt chiếu là nhẫn thuận với mọi thật tánh, các tánh không trói, không mở không chướng vô ngại, pháp nghĩa đều thông suốt, từ ngữ, giáo hóa đều thấu đạt, biết các hành, căn tánh của chúng sanh trong ba đời như không hợp, không tàn, không có thật dụng

, không có dụng, không có danh dụng, mỗi dụng đều không, không không chiếu soi thấu đạt, không gọi là thông suốt tất cả pháp không. Tướng không không như như, không thể nắm bắt.

Này Phật tử! Tâm Trực là thẳng chiếu duyên theo thần ngã, nhập vào trí vô sanh. Vô minh, thần ngã, không không đều trong không, lý không không, tâm có hữu, có vô mà không hủy hoại hạt giống của đạo. Một quán tưởng Trung đạo, vô lậu mà giáo hóa chúng sanh khắp mười phương. Chuyển hóa tất cả chúng sanh đều nhập vào trí nhất thiết không, tâm tánh chân chánh, hạnh chân chánh đều ở trong không, ba cõi chúng để trói buộc mà không thọ nhận.

Này Phật tử! Tâm Bất thối là không nhập vào quả vị phàm phu, không sanh khởi tạp nhiễm, nuôi dưỡng các kiến chấp, cũng lại không phát sanh các nhân tập khí tương tợ ngã, nhân nhập vào nghiệp của ba cõi, cũng thực hành không mà không dừng lui, giải thoát ở đệ nhất nghĩa nơi trung đạo. Vì một hợp thực hành nên không lui, vì bổn tế không hai mà không nhớ nghĩ về sau, Không sanh quán trí, như như liên tục, nương theo tâm nhập vào không hai, thường Không sanh tâm một đạo một thanh tịnh là không thối lui, một đạo một chiếu soi.

Này Phật tử! Tâm riêng Đại thừa là hiểu rõ không, tất cả tâm hành gọi là Nhất thừa. Thừa là một trí không. Bậc hạnh bậc trí nương vào trí mà mỗi tâm trí gánh vác, cứu giúp tất cả chúng sanh, cứu thoát sông ba cõi, sông trói buộc, sông sanh tử. Hành giả ở thừa này thực hành cứu giúp, tâm trí hướng đến nhập vào biển của Phật, nên chúng sanh

chưa chứng đắc không trí dụng thì không gọi là Đại thừa, chỉ gọi là thừa có thể vượt qua biển khổ.

Này Phật tử! Tâm Vô tướng là giải thoát vọng tưởng, trí Bát nhã chiếu soi không hai. Tất cả nghiệp trói buộc trong ba đời chỉ là một đế như như, nhưng thực hành ở không, vô sanh, tự biết mình sẽ chứng thành Phật, tất cả chư Phật là chúng ta, tất cả Bồ-tát là bạn học của chúng ta, đều đồng là không vô sanh, nên gọi là tâm vô tướng.

Này Phật tử! Tâm Tuệ như như là vô lượng pháp giới không tích tập, không thọ sanh, sanh sanh phiền não mà không bị trói buộc. Tất cả pháp môn chư Hiền đã hành đạo, chư Thánh đã quán pháp, hiện có cũng như vậy. Tất cả pháp phương tiện giáo hóa của đức Phật đều tích tập trong tâm ta. Tất cả công dụng, định tà của luận thuyết ngoại đạo đều là huyễn hóa ma thuật, đều khác với Phật giảng nói, nhập vào hai đế chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải có ấm, giới, nhập, chính là ánh sáng trí tuệ, tánh chiếu sáng thể nhập tất cả pháp.

Này Phật tử! Tâm Bất hoại là nhập vào quả vị bậc Thánh, thân cận người trí được giải thoát, vào cửa đạo chân chánh. Tâm Bồ đề sáng tỏ phục nhẫn thuận không, tám ma không thể phá hoại. Chư Phật xoa đầu các bậc Thánh, khuyến khích phát nguyện nhập vào tam muội ma đảnh, từ thần thông phóng ra hào quang chiếu soi quốc độ khắp mười phương, nhập vào oai thần của Phật, xuất ra nhập vào một

cách tự tại, làm chấn động cả đại thiên thế giới, tâm địa vẫn bình thản không hai, không khác, nhưng chẳng phải trung quán mà biết đạo, do năng lực của tam muội nên nơi ánh sáng thấy được chư Phật trong vô lượng cõi nước hiện đang thuyết pháp. Khi đó, liền được tam muội xoa đảnh đầu chứng đắc địa hư không bình đẳng, pháp môn tổng trì, các hạnh của bậc Thánh đều đầy đủ, mọi tâm đều hành trong không, các không tuệ, trung đạo vô tướng chiếu soi nên tất cả tướng đều tiêu diệt, chứng đắc pháp môn tam muội Kim cang, nhập vào tất cả hạnh môn, chứng nhập địa hư không bình đẳng như trong kinh Phật Hoa có nói rộng.

Đức Phật Lô-xá-na nói với ngàn đức Phật:

Như trước các ông đã hỏi về ý nghĩa của mười địa là thế nào?

Này Phật tử! Bồ-tát nhập vào địa Thể tánh Bình đẳng tuệ, là pháp chân thật hóa ra tất cả hạnh, bông hoa, ánh sáng đầy đủ. Ở bốn cõi trời, nhờ năng lực như lý, giáo hóa không bờ bến, đạt mười lực, thần thông, mười hiệu, mười tám pháp bất cộng, an trú trong cõi Phật, vô lượng nguyện lớn, biện tài không sợ, tất cả luận, tất cả hành đều chứng nhập, sanh vào nhà Phật, an trú ở tánh của Phật, tất cả chướng ngại nhân quả phàm phu đều không thọ nhận, được an vui lớn, từ một cõi Phật nhập vào vô lượng cõi Phật, từ một kiếp nhập vào vô lượng kiếp, pháp không thể thuyết cũng có thể thuyết, lại chiếu soi

thấy tất cả pháp, các pháp nghịch hay thuận đều thấy rõ, thường nhập vào hai đế an trú trong đệ nhất nghĩa đế, dùng một trí biết rõ mười địa, thứ tự mỗi việc để giáo hóa chúng sanh, tâm thường ở trung đạo; dùng một trí biết tất cả phẩm thù thắng trong cõi Phật và sự thuyết pháp của Ngài nhưng thân tâm không thay đổi; dùng một trí biết về mười hai nhân duyên, mười loại tánh ác thường an trú ở đạo thiện; dùng một trí thấy được hai tướng hữu, vô; dùng một trí biết nhập mười chi hành thiền, ba mươi bảy phẩm trợ đạo khéo hiện sắc tâm trong sáu đường; dùng một trí biết được các sắc trong mười phương, mỗi mỗi đều phân biệt rõ, thọ nhận quả báo của sắc, tâm không bị trói buộc, ánh sáng chiếu khắp nên tín nhẫn vô sanh, không tuệ thường hiện trước mắt, từ một địa, hai địa cho đến cõi Phật, trong thời gian đó các pháp môn đều được thực hành. Tóm lại, hạnh nguyện nơi biển tạng công đức của địa bình đẳng được trình bày ở đây như một giọt nước trên đầu sợi lông ở trong biển.

Này Phật tử! Bồ-tát ở Địa Thể tánh Thiện Tuệ thanh tịnh, thấu suốt các thiện căn là tuệ từ bi hỷ xả. Tất cả công đức vốn từ quán đầu tiên nhập vào trí tuệ Không lớn, trong phương tiện đạo trí thấy các chúng sanh là khổ đế đều có tâm thức, dao gậy của ba đường ác, tất cả duyên khổ não đều do thức sanh gọi là khổ đế. Ba tướng của khổ đế là như thân cảm giác từ dao, gậy, thân sắc ấm trong hai duyên

này mà sanh ra cảm giác gọi là duyên hành khổ. Tiếp đến, tâm nhờ sự nhận biết của thân và cảnh đã duyên do dao gậy và các vết thương tổn ở thân, nên cảm giác duyên khổ khổ, gọi là khổ khổ vì chồng chất lên nên gọi là khổ khổ. Tiếp đến cảm giác của hai tâm thọ, hành hướng tới sự tổn thương hư hoại của thân sắc ấm, sanh ra cảm giác khổ gọi là duyên hoại khổ. Đây là do ba cảm giác theo thứ tự sanh ra ba tâm nên bị khổ, tất cả đều có trong tâm chúng sanh. Thấy biết ba khổ sanh khởi vô lượng nhân duyên khổ não nên Ta ở trong đó thể nhập tam muội để giáo hóa, thị hiện tất cả sắc thân trong sáu đường, mười loại biện tài giảng thuyết các pháp môn , nghĩa là đầy đủ khổ thức, duyên khổ, duyên nơi dao gậy. Khổ thức là thân hành bị thương tổn hủy hoại, mọi tiếp xúc trong ngoài, hoặc đủ hoặc không đủ, đủ hai duyên sanh ra thức, thức tạo tác thức thọ nhận các sự tiếp xúc của thức nên gọi là khổ thức. Vì hiện hành hai duyên nên tâm duyên sắc, khi tâm tiếp xúc mọi phiền não độc hại xúc não gọi là khổ khổ. Tâm ban đầu duyên với thức ở nơi cảm giác của căn gọi là khổ giác. Tâm tạo tác, tâm lãnh thọ, cảm giác về xúc thức khi chưa thọ nhận, nhận các phiền não độc hại gọi là hành khổ. Bức bách sanh khởi cảm giác như đống lửa trong thân tâm, niệm niệm sanh diệt, thân bị hủy hoại thay đổi tan biến, thức nhập vào duyên hoại, do duyên tích tập, tâm bị tán loạn, tâm khổ

não, thọ nhận duyên của niệm sau, nên tâm chấp trước không xả bỏ, gọi là hoại khổ. Đó là tất cả khổ đế trong ba cõi. Lại quán chiếu vô minh tích chứa vô lượng tâm tạo các nghiệp liên tục không ngừng, tích tập nhiều nhân gọi là tập đế. Thấy biết chân chánh, giải thoát không, không trí đạo tâm tâm, gọi là trí đạo đạo đế. Diệt hết các quả báo hữu, nhân hữu, thể tánh chiếu sáng thanh tịnh, trí nhiệm mầu vắng lặng nhất đế. Phẩm tuệ đầy đủ gọi là căn. Tất cả tánh tuệ khởi phát Không nhập vào quán là thiện căn đầu tiên. Quán thứ hai là xả tất cả tham đắm, thực hành xả tất cả đều bình đẳng không, vô duyên mà quán các pháp là một tướng của cõi không. Ta quán các cõi ở mười phương đều là thân trước của Ta đã ở đó. Nước trong biển lớn là Ta, nên nước ở tất cả kiếp hỏa là Ta, thân tướng của Ta đã ở nơi chốn lửa đó. Tất cả ngọn gió là Ta nên Ta hít thở khí đó. Hôm nay Ta nhập vào địa này, pháp thân đầy đủ bỏ thân cũ của Ta hoàn toàn không thọ thân cũ bốn đại phân đoạn, không trong sạch, gọi là đầy đủ phẩm xả. Quán thứ ba là đối với tất cả chúng sanh đã hóa độ là sự an vui của hàng trời, người, sự an vui của mười địa, sự an vui xa lìa sự sợ hãi của mười điều ác, sự an vui được trong tam muội Diệu hoa cho đến sự an vui của Phật. Quán đầy đủ như thế là viên mãn phẩm Từ. Bấy giờ, Bồ-tát an trú trong địa này không còn si, không tham, không sân, thể nhập vào một đế trí bình đẳng, gốc của tất

cả hạnh đi đến các thế giới chư Phật, thị hiện vô lượng pháp thân như phẩm Nhất thiết chúng sanh Thiên hoa đã trình bày.

Này Phật tử! Bồ-tát ở Địa Thể tánh Quang minh, nhờ thiền định đạt được trí, biết rõ những pháp môn của chư Phật nơi ba đời, phẩm mười hai pháp, danh vị, cú, gồm có: Trùng tụng, Ký biệt, Trực ngữ, Kệ, Bất thỉnh thuyết, Luật giới, Thí dụ, cõi Phật, sự tích, Phương chánh, Vị tằng hữu, Đàm thuyết. Đây là sự khác biệt danh, thể tánh của pháp, và đệ nhất nghĩa, là những danh, vị, cú mà nói tất cả pháp hữu vi, từng phần thọ sanh, ban đầu thức nhập vào bào thai, bốn đại thuộc về sắc tâm, đều tăng trưởng gọi là sáu trụ ở trong căn, phát sanh "thật giác" chưa phân biệt về khổ, vui gọi là xúc thức. Lại hiểu rõ về khổ, vui, khổ khổ vui gọi là ba thọ, liên tục tham chấp thọ vô cùng, rồi muốn có ngã kiến giới thủ, thiện, ác, thức bắt đầu gọi là sanh, thức cuối cùng gọi là chết. Mười phẩm này là quả báo, nhân duyên, khổ ở hiện tại, mà quán là trong hành tướng mà nói. Ta từ lâu đã xa lìa, chúng không có tự thể tánh riêng, nên ta nhập vào quang minh thần thông, tổng trì biện tài, mỗi tâm hành rỗng lặng, mà thị hiện trong các cõi Phật khắp mười phương, từ một kiếp biến hóa thành trăm, ngàn kiếp, sống trong đất nước đó, dùng thần thông đến trước đức Phật đảnh lễ lãnh thọ, thưa hỏi pháp. Lại thị hiện thân trong sáu đường, trong một âm

thanh thuyết giảng vô lượng pháp, chúng sanh đều được nghe những pháp mình muốn, tất cả âm thanh đều thuyết về khổ, không, vô thường, vô ngã, cõi nước khác nhau nên thân, tâm biến hóa cũng khác. Trong địa Diệu hoa quang minh này chỉ trình bày tóm lược như trên đầu sợi lông, phẩm Pháp và phẩm Giải thích quán các pháp môn một ngàn Tam muội đã thuyết giảng.

Này Phật tử! Bồ-tát ở trong Địa Thể tánh Nhĩ chân diệm tục là không đoạn, không thường, tức là sanh trụ, diệt cùng một đời, cùng thời, cùng hoàn cảnh, vì các loài khác nhau nên sự thị hiện khác nhau. Nhân duyên trung đạo chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải thiện, chẳng phải ác, chẳng phải phàm phu, chẳng phải Phật, cõi Phật cõi phàm đều là một. Đây gọi là Thế đế. Bồ-tát dùng trí đạo để quán phẩm huyền định không phải một cũng không phải hai. Nghĩa là đức Phật dạy tâm tu tập, nhận biết ban đầu là nhân của định gồm: Tín giác, tư giác, tịnh giác, thượng giác, niệm giác, tuệ giác, quán giác, ỷ giác, lạc giác, xả giác, mỗi một phẩm là đạo phương tiện, tất cả tâm đều thể nhập vào quả của định, người an trú trong định này, trí tuệ sáng suốt biết rõ các hành là không, nếu khởi và nhập định niệm, sanh ra tâm tịnh, sanh tâm ái thuận theo pháp của đạo giáo hóa chúng sanh, gọi là nhẫn pháp lạc, nhẫn trụ, nhẫn chứng, nhẫn tịch diệt, nên chư Phật ở trong tam muội quang quang

hoa thị hiện vô lượng đức Phật lấy tay xoa đầu, một âm thanh thuyết pháp phát ra trăm ngàn tiếng mà không xuất khởi định, an trụ trong định, thích vị thiền định an lạc, chấp vào định, tham muốn định, an trú trong định từ một kiếp cho đến ngàn kiếp, thấy Phật ngồi tòa hoa sen thuyết pháp trăm pháp môn, người này an trú trong định cúng dường nghe pháp một kiếp. Khi ấy trong ánh sáng của chư Phật ở đỉnh đầu phát ra khởi tướng xuất phẩm định, tướng tấn tới, tướng đi đến nên không bị chìm lắng, không thối lui, không rơi rớt, không dừng nghỉ, nhẫn thượng lạc của pháp tam muội đảnh, diệt trừ tất cả, tức là thể nhập tất cả cõi Phật, tu tập vô lượng công đức, mỗi một hành đều sáng tỏ, thể nhập phương tiện thiện xảo, để giáo hóa chúng sanh khiến cho họ thấy được thể tánh Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của đức Phật. Người này sanh ra an trú vào địa ấy, tu tập các pháp môn, dần dần quán sự sâu xa vi diệu, như hoa giữa hư không, khi đó trí tuệ nhập vào thể tánh trung đạo, thành tựu tất cả pháp môn, giống như phẩm Kim cang thượng nhật nguyệt đạo, đã nói rõ nghĩa này.

Này Phật tử! Bồ-tát ở Địa Thể tánh tuệ chiếu, trong pháp có mười phẩm loại lực sanh, phát khởi lên tất cả hạnh công đức, nhờ trí tuệ phương tiện biết rõ hai việc làm thiện, ác khác nhau. Phẩm xứ lực là năng lực trí biết rõ sự tạo tác của thiện và ác. Phẩm dục lực là năng lực biết được tất cả sự mong

cầu nhân quả của chúng sanh sanh trong sáu đường. Phẩm tánh lực là năng lực biết rõ căn tánh trong sáu đường khác biệt không giống nhau. Phẩm căn lực là năng lực biết nguồn gốc các thiện, ác đều không giống nhau. Phẩm định lực là năng lực biết rõ định sai lầm, định chân chánh hay không phải định. Phẩm đạo lực là năng lực biết rõ tất cả nhân quả liên tục, nhân nào theo quả ấy, quả nào theo nhân đó. Phẩm thiên nhãn lực là năng lực của năm nhãn biết được các pháp và tất cả sự thọ sanh. Phẩm túc thế lực là năng lực biết rõ các việc trong trăm kiếp. Phẩm giải thoát lực là năng lực biết được phiền não và vô minh của chúng sanh đã đoạn trừ. Đây là mười phẩm trí lực. Trí lực này biết rõ sự tu tập nhân quả của mình và sự khác biệt nhân quả của chúng sanh nên thân, miệng, ý sử dụng có khác, từ cõi tịnh thành cõi ác, từ cõi ác làm cõi cực lạc; có thể chuyển thiện thành ác, chuyển ác thành thiện; sắc thành phi sắc, phi sắc thành sắc; từ nam thành nữ, từ nữ thành nam; từ sáu đường trở thành chẳng phải sáu đường, chẳng phải sáu đường trở thành sáu đường, cho đến đất, nước, lửa, gió thành chẳng phải đất, nước, lửa, gió. Khi ấy, người này dùng năng lực phương tiện lớn, theo tất cả chúng sanh mà hiện ra không thể nghĩ bàn, những địa ở dưới, mọi việc cất chân để xuống không ai có thể nhận biết được. Vị này trí tuệ sáng suốt, rộng lớn dần dần tiến đến từng phần trí, sáng suốt nhiều vô

lượng, không thể nói, không thể diễn tả, pháp môn hiện ra trước mắt.

Này Phật tử! Bồ-tát ở nơi Địa Thể tánh ở hoa quang, là có thể ở trong tất cả thế giới, phẩm mười thần thông minh trí. Do thị hiện tất cả chúng sanh biến hóa đủ loại. Do thiên nhãn minh trí mà biết được tất cả sắc như vi trần trong các cõi nước nơi ba đời, tất cả trở thành thân chúng sanh trong sáu đường, mỗi một thân có các sắc nhỏ như vi trần trở thành sắc lớn, biết rõ ràng. Do thiên nhĩ trí nên biết được những tiếng khổ vui của chúng sanh trong sáu đường, ba đời mười phương, chẳng phi âm, chẳng phi thanh, tất cả đều là tiếng pháp. Do thiên thân trí nên biết được tất cả sắc, sắc hay phi sắc, hình tướng phi nam hay phi nữ, ở trong một niệm biến hóa thân nhiều như vi trần trong các cõi nước lớn nhỏ, vô lượng kiếp ở các cõi ba đời, khắp mười phương. Do thiên tha tâm trí mà biết được sự sanh khởi trong tâm của chúng sanh nơi ba đời, biết những việc thiện, ác, khổ, vui, nhớ nghĩ trong tâm và tâm sở của tất cả chúng sanh thuộc sáu đường, mười phương. Do thiên nhân trí nên biết rõ thọ mạng, khổ vui ở đời trước của các chúng sanh trong cõi nước nơi ba đời mười phương, biết hết thọ mạng tiếp nối một trăm kiếp. Do thiên giải thoát trí mà biết rõ chúng sanh ở ba đời mười phương được giải thoát, đoạn trừ tất cả phiền não, hoặc nhiều hoặc ít, từ địa thứ nhất đến địa thứ

mười, tất cả phiền não đều diệt sạch. Do thiên định tâm trí nên biết được tâm chúng sanh trong các cõi nước ba đời mười phương, định không phải định, chẳng phải định chẳng phải không định, khởi lên phương pháp về định được tóm thâu trong một tam muội cho đến trăm tam muội. Do thiên giác trí nên biết được tất cả chúng sanh đã thành Phật, chưa thành Phật, cho đến những tâm của mọi người trong sáu đường cũng biết được tâm của chư Phật nơi mười phương đã thuyết pháp. Do thiên niệm trí nên biết được thọ mạng của chúng sanh dài, ngắn trong tiểu kiếp, đại kiếp, trăm kiếp hay ngàn kiếp. Do thiên nguyện trí nên biết rõ tất cả chúng sanh, mười địa của Hiền Thánh, ba mươi tâm trung, tất cả hạnh nguyện, hoặc cầu khổ vui, hoặc pháp, phi pháp, tất cả mười cầu nguyện, trăm ngàn đại nguyện đều đầy đủ, người an trú trong địa này, trong mười thần thông sáng suốt nên hiện ra vô lượng dụng phân biệt của thân, miệng, ý nói về công đức của địa trong trăm ngàn vạn kiếp cũng không cùng tận, đã được Đức Phật Thích Ca tóm lược, trình bày nơi phẩm Thần thông minh như đã nói trong phẩm Quán mười hai nhân duyên.

Này Phật tử! Bồ-tát ở Địa Thể tánh mãn túc, thể nhập vào phẩm Thập bát Thánh nhân trí, ở trong pháp này, những địa ở dưới không đồng chung được. Nghĩa là thân không còn phiền não, miệng không tạo tội lỗi, ý không còn vọng niệm,

xa lìa tám pháp, xả bỏ các pháp, thường an trú nơi tam muội, sáu phẩm đầy đủ đi vào Địa. Từ trí này sanh ra sáu loại trí, vì kết sử tập khí cuối cùng nơi ba cõi không thọ nhận nên Dục tâm đầy đủ công đức, tất cả pháp môn, sự mong cầu được thành tựu, nên Tấn tâm đầy đủ. Tất cả sự vận hành của pháp, tất cả việc đời, tất cả việc của chúng sanh đều do trong một tâm cùng một lúc mà biết được, nên Niệm tâm được đầy đủ. Các pháp của chúng sanh nơi sáu đường thuộc tướng của hai đế này, do trí tuệ đầy đủ biết rõ các vị ở mười phát thú, cho đến chư Phật không còn bị trói buộc, không còn tích tập nên được giải thoát hoàn toàn, tất cả chúng sanh này biết được người khác, mình và đệ tử của Ta không còn tội lỗi, các phiền não, nhờ trí tuệ nên biết được thân người khác hoàn toàn giải thoát. Vị này nhập vào sáu Minh trí đầy đủ liền phát sanh trí tuệ, hiện thân tùy theo tâm hành của chúng sanh trong sáu đường, dùng biện tài thuyết vô lượng pháp môn, giáo hóa tất cả chúng sanh, tùy theo tâm hành của chúng sanh thường thể nhập vào tam muội, nên đại địa nơi mười phương đều chấn động, biến hóa khắp hư không, có thể làm cho tâm của chúng sanh tu tập. Nhờ trí tuệ hoàn hảo, thấy được đức Phật ra đời trong nhiều kiếp ở quá khứ, cũng dạy bảo chúng sanh, nhờ trí tuệ không vướng mắc nên hiện tại thấy tất cả chư Phật trong các cõi khắp mười phương, các hành nơi tất cả tâm và tâm sở

của chúng sanh. Do trí thần thông biết chư Phật ra đời trong các kiếp ở vị lai, tất cả chúng sanh được nghe pháp của đức Phật nên an trú trong tam muội tâm tâm của mười tám bậc Thánh nhân. Quán các sắc nhiều như vi trần trong ba cõi là thân của Ta, hết thảy chúng sanh là cha mẹ của Ta nhập vào địa này, tất cả công đức, năng lực thần thông, mọi việc làm của chư Phật cho đến các pháp trong địa thứ tám, địa thứ chín, Ta đều đã thể nhập nên ở trong các cõi Phật thị hiện thành Phật chuyển pháp luân, giáo hóa, nhập Niết bàn, thị hiện đến các cõi nước ở phương khác qua ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Này Phật tử! Bồ-tát ở Địa Thể tánh Phật hống nhập vào tam muội của địa vị Pháp vương, trí này như Phật. Vì là tam muội Phật hống nên có mười phẩm môn định ánh sáng lớn thường hiện ra, bông hoa, ánh sáng, âm thanh nhập vào tam muội tâm. Các tuệ Không ấy là môn tuệ của nội Không, môn tuệ ngoại Không, môn tuệ hữu vi Không, môn tuệ vô vi Không, môn tuệ tánh Không, môn tuệ vô thỉ Không, môn tuệ Đệ nhất nghĩa Không, môn tuệ Không Không. Không Không lại là môn tuệ Không, là môn tuệ không không. Mười môn tuệ Không như vậy, các địa dưới không biết, như hư không bình đẳng không thể nói được. Đạo trí thần thông chỉ dùng một niệm trí biết sự khác nhau của các pháp, nhập vào vô lượng cõi Phật, được ở trước

quý Ngài thưa hỏi thọ nhận Phật pháp, rồi đem pháp đó giảng cho các chúng sanh, ban thuốc pháp cho chúng sanh, làm bậc thầy lớn dẫn đường, phá diệt bốn loại ma, biến hóa nhiều pháp thân để nhập vào cõi Phật, làm vô số Phật ở trong địa thứ chín, địa thứ mười nuôi lớn Pháp thân, trăm ngàn môn Đà la ni, trăm ngàn môn tam muội, trăm ngàn môn Kim cang, trăm ngàn môn thần thông, trăm ngàn môn giải thoát, như là trong trăm ngàn môn hư không bình đẳng, làm vị đại tự tại. Chỉ trong một niệm, một chốc lát đối với một kiếp cho là chẳng phải kiếp, chẳng phải kiếp cho là kiếp; chẳng phải đạo cho là đạo, đạo cho là chẳng phải đạo; chẳng phải chúng sanh trong sáu đường cho là chúng sanh trong sáu đường; chúng sanh trong sáu đường cho là chẳng phải chúng sanh trong sáu đường; chẳng phải Phật cho là Phật, Phật cho là chẳng phải Phật, ra vào trong tam muội thể tánh của chư Phật. Lại chiếu thuận theo hay trái nghịch, chiếu trước hay sau, chiếu nhân duyên hay quả báo, chiếu không hay có, chiếu vào đệ nhất nghĩa trung đạo. Đó là trí tuệ chỉ đến địa thứ tám mới chứng được, còn những địa dưới thì không bằng. Không động chuyển, không đến đi, không ra vào, không sanh diệt là phẩm pháp môn của địa này, nhiều vô lượng không thể nghĩ bàn. Hôm nay, Ta chỉ khai thị một cách tóm tắt, chỉ bằng đầu sợi lông về địa này trong trăm ngàn phần của phẩm địa, như đã nói rõ trong

phẩm La Hán.

Này Phật tử! Bồ-tát ở Địa Thể tánh Phật hoa nghiêm dùng tam muội Phật oai nghi Như Lai mà được tự tại bậc nhất trong các định tối thượng, xuất nhập tùy ý trong các thời ở ba ngàn thế giới khắp mười phương, trong trăm ức ngày tháng, trăm ức thiên hạ, một khi thành quả Phật chuyển bánh xe pháp cho đến diệt độ. Tất cả Phật sự dùng trong một niệm cùng thời thị hiện sắc thân để giáo hóa chúng sanh có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tự tại an lạc như hư không, vô lượng lòng đại bi tướng tốt tuyệt hảo sáng tỏ, chẳng phải trời, chẳng phải người, chẳng phải đạo. Tất cả pháp bên ngoài thường thực hành sáu đạo, thị hiện vô lượng thân, miệng, ý để thuyết giảng vô lượng pháp môn, có thể chuyển từ cảnh giới của ma nhập vào cảnh giới của Phật, từ cõi Phật có thể vào cảnh giới của ma. Lại chuyển từ những cái thấy biết thành tri kiến của Phật, từ tri kiến của Phật vào các sự thấy biết, từ tánh Phật vào tánh chúng sanh, từ tánh chúng sanh vào tánh Phật. Người ở địa này ánh sáng chiếu rực rỡ, trí tuệ chiếu tỏ sáng rực như đèn, bốn vô sở úy, vô lượng pháp như mười lực, mười tám pháp bất cộng, giải thoát Niết Bàn vô vi, nhất đạo thanh tịnh, với tất cả chúng sanh làm cha mẹ, anh em, vì họ mà thuyết giảng pháp vô cùng, trong nhiều kiếp chứng được đạo quả. Lại thị hiện trong các cõi làm người thân với chúng sanh như

cha mẹ, hay người thân với Thiên ma ngoại đạo như cha mẹ, an trú trong địa này từ sanh tử vô cùng đến quả vị Kim cang vô tận, chỉ trong một niệm thị hiện những việc như vậy, nên có thể nhập vào vô lượng cõi chúng sanh, vô lượng như thế, tóm lược mà nói chỉ như một giọt nước ở biển.

Này Phật tử! Bồ-tát nhập vào Địa Thể tánh Phật giới, trí tuệ lớn như hư không, không lại không, không lại không, tánh như hư không, trí tuệ bình đẳng như tánh của Như Lai, đạt mười phẩm công đức đầy đủ, đồng một tướng hư không, thể tánh vô vi, thể của hư không đồng với tánh của pháp, nên gọi là Như Lai, tùy thuận bốn đế, hai đế, diệt trừ tất cả pháp khổ sanh tử nuôi dưỡng pháp thân, không hai gọi là Ứng Cúng. Vị này thị hiện tất cả việc làm trong khắp các thế giới, trí chân chánh, trí bậc Thánh giải thoát, biết rõ tất cả pháp hữu vô, căn tánh của các chúng sanh nên gọi là Chánh Biến Tri, sáng suốt tu tập thành tựu quả Phật đầy đủ gọi là Minh Hạnh Túc. Thiện thệ là pháp Phật trong ba đời đồng với pháp của đức Phật trước, đức Phật đã vượt qua hoàn toàn cùng đến tất cả gọi là Thiện Thệ. Vị này tu tập những công đức trên nhập vào thế gian giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh giải thoát tất cả những phiền não trói buộc, gọi là Thế Gian Giải Thoát. Vị này đối với tất cả pháp tối thượng thể nhập vào oai nghi thần lực của đức Phật như chỗ hành Phật Bồ-tát để giải thoát cho thế gian

gọi là Vô Thượng Sĩ. Điều phục được tất cả chúng sanh gọi là trượng phu. Giáo hóa hàng trời, người và tất cả chúng sanh, thưa hỏi thọ nhận pháp nên gọi là Thiên Nhân Sư. Tánh của đức Phật vi diệu không hai, giác tánh nhiệm mầu luôn luôn tròn đầy, tất cả chúng sanh đều lễ bái, tôn kính gọi là Phật-Thế Tôn. Tất cả người thưa hỏi, lãnh thọ, giáo hóa gọi là địa Phật. Trong địa này tất cả Thánh nhân đều nhập vào một nơi gọi là địa Phật giới.

Bấy giờ, trên tòa hoa sen báu, tất cả đều được thọ ký vui mừng, Pháp thân đức Phật lấy tay xoa đảnh đầu, tất cả đều đồng thấy, đồng học, các Bồ-tát đồng thanh tán thán, tất cả chư Phật, Bồ-tát trong trăm ngàn ức thế giới cùng thời vân tập, thỉnh đức Phật chuyển pháp luân không thể thuyết về pháp môn hư không tạng hóa tạng. Địa này không thể nói, phẩm pháp môn kỳ diệu, pháp môn tam muội kỳ diệu ba minh, pháp môn Đà la ni, chẳng phải những địa dưới theo tâm thức của phàm phu có thể biết được, chỉ có vô lượng thân, miệng, ý của chư Phật mới biết được tận nguồn gốc như trong phẩm Quang âm thiên đã nói về mười vô úy cùng với Phật đạo không khác.

-oOo-

KINH PHẠM VÕNG

QUYỂN HẠ

Phẩm 10: GIỚI TÂM ĐỊA BỒ TÁT

Bấy giờ, Đức Phật Lô-xá-na khai thị tóm tắt cho đại chúng, chỉ bằng đầu sợi lông, về Pháp môn tâm địa, một trong các pháp môn, số lượng nhiều đến không thể nói hết, như cát của trăm ngàn sông Hằng. Pháp môn này, tất cả chư Phật ở quá khứ đã nói, chư Phật ở vị lai sẽ nói, chư Phật ở hiện tại đang nói. Tất cả Bồ-tát trong ba đời đã học, sẽ học, đang học. Như Lai đã trải qua trăm kiếp tu hành tâm địa ấy, danh hiệu là Lô-xá-na. Nay chư vị Phật Đà, các vị hãy chuyển pháp môn Như Lai đã nói cho tất cả chúng sanh, khai thị tâm địa cho họ.

Khi ấy, trên tòa sư tử, ánh sáng chiếu rực rỡ ở đài Liên hoa, tức thế giới Hoa Tạng, đức Lô-xá-na phóng ra ánh sáng, khuyến cáo ngàn đức Phật trên một ngàn cánh hoa: Các vị hãy đem phẩm Pháp môn Tâm địa của Như Lai mà đi, nói lại tuần tự phẩm ấy cho ngàn, trăm, ức đức Thích Ca cùng tất cả chúng sanh, với lời khuyến cáo: Các người hãy thọ trì, đọc tụng, nhất tâm thực hành.

Lúc đó, ngàn Đức Thích Ca trên ngàn cánh hoa, ngàn trăm ức Thích Ca đứng dậy từ tòa sư tử rực rỡ ở thế giới Hoa Tạng, các vị từ thân đều phát ra ánh sáng không thể nghĩ bàn, hóa hiện vô số đức Phật, đồng thời dùng vô lượng sắc hoa xanh, vàng, đỏ, trắng dâng cúng đức Phật Lô-xá-na, tiếp nhận và ghi nhớ phẩm Pháp môn tâm địa mà Ngài đã tuyên thuyết. Các đức Phật từ thế giới Hoa tạng liên hoa ẩn đi, rồi nhập vào Định Hoa quang của thể tánh thanh tịnh như hư không, trở lại nơi cây Bồ đề ở châu Diêm Phù Đề của thế giới mình, xuất khỏi tam muội Hoa quang thể tánh như hư không, ngồi trên tòa Kim cang có ngàn ánh sáng, tại giảng đường Diệu Quang thuyết giảng về mười biển thế giới, rời tòa ấy đến cung Đế Thích nói về mười Trụ, rời chỗ ấy đến Diệm thiên nói về mười Hạnh, đến cõi trời thứ tư là Đâu Suất nói về mười Hồi Hướng, đến cõi trời Hóa Lạc thuyết về mười Định, đến cõi trời Tha Hóa nói về mười Địa. Lại đến thiền thứ nhất nói về mười Kim cang, đến thiền thứ hai nói về mười Nhẫn, đến thiền thứ ba nói về mười Nguyện, đến cung Thiên vương Ma-hê-thủ-la thuộc thiền thứ tư nói lại phẩm Phổ môn tâm địa, chính là đức Lô-xá-na ở thế giới Hoa Tạng đã nói. Ngàn trăm ức đức Thích Ca khác cũng nói như vậy không khác, như phẩm Hiền kiếp đã nêu rõ.

Lúc này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đầu tiên hiện ra từ thế giới Liên Hoa Tạng hướng về phía

Đông đi vào cung Thiên vương nói xong kinh "Ma thọ hóa", liền hạ sanh ở nước Ca-di-la thuộc châu Nam-diêm- phù-đề. Mẹ là hoàng hậu Ma Da, cha là hoàng đế Bạch Tịnh, Như Lai tên Tất Đạt, bảy tuổi xuất gia, thành đạo lúc ba mươi tuổi, danh hiệu Thích Ca Mâu Ni, ngồi tòa Kim cang hoa quang ở đạo tràng vắng lặng, đến cung Thiên vương Ma-hê-thủ-la, tuần tự thuyết cả mười trụ xứ. Khi đó, đức Phật nhìn thấy màng lưới của các Đại Phạm Thiên vương, nhân đấy nên nói: Vô lượng thế giới in như mắt lưới. Tất cả thế giới đều khác nhau vô cùng tận. Pháp môn của đức Lô-xá-na nêu dạy cũng vậy. Hôm nay, đức Như Lai đến thế giới này đã tám ngàn lần, vì thế giới Ta Bà ngồi nơi tòa Kim cang hoa quang, đến cung của Thiên vương Ma-hê- thủ-la tóm tắt, khai thị hoàn thành phẩm Phổ môn tâm địa cho tất cả chúng sanh. Rồi từ cung thiên vương trở xuống ngồi nơi gốc cây Bồ đề của châu Diêm Phù, vì tất cả chúng sanh mê mờ trên đất này nói lại giới pháp do chính thân đức Phật Lô-xá-na đã nói trong phẩm Pháp môn tâm địa, giới pháp khi mới phát tâm Ngài đã thường tụng. Giới ấy như ngọc kim cương sáng chói rực rỡ, là căn bản của chư Phật, là nguồn gốc của tất cả Bồ-tát, là những hạt giống của Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Toàn bộ ý thức và sắc tâm của con người đều nhập vào trong pháp giới Phật tánh. Thường có nhân như vậy nên đương nhiên có

pháp thân thường trú. Như vậy mười Ba-la-đề-mộc-xoa xuất hiện ở thế giới này, đó chính là giới pháp của Phật, tất cả chúng sanh trong ba đời nên kính nhận thọ trì. Nay Như Lai sẽ nói lại cho đại chúng nghe mười vô tận tạng giới phẩm, chính là bản nguyên là tự tánh thanh tịnh của tất cả chúng sinh.

Như Lai Lô-xá-na
An tọa đài Liên Hoa
Xung quanh trên ngàn hoa
Lại hiện ngàn Thích Ca.
Mỗi hoa trăm ức Phật
Một nước một Thích Ca
Đều ngồi cây Bồ đề
Cùng lúc thành Phật đạo.
Như vậy ngàn, trăm, ức
Bản thân Lô-xá-na
Ngàn trăm ức Thích Ca
Tiếp vô lượng chúng sanh.
Đều đi đến chỗ Ta
Nghe Ta tụng giới Phật
Cửa cam lồ mở bày
Bấy giờ trăm ngàn ức.
Về lại Bồ đề tràng
Ngồi nơi cây Bồ đề
Tụng giới bổn sư Ta
Mười trọng bốn tám khinh.
Giới sáng như mặt trăng

Mặt trời, ngọc anh lạc
Bồ-tát như vi trần
Do giới thành chánh giác.
Giới Lô-xá-na tụng
Như Lai cũng tụng lại
Các Bồ-tát mới học
Tôn kính thọ trì giới.
Đã thọ trì giới rồi
Chuyển trao các chúng sanh
Lắng nghe Như Lai tụng
Giới tạng trong pháp Phật.
Ba-la-đề-mộc-xoa
Đại chúng chí tâm tin
Mình là Phật sẽ thành
Ta là Phật đã thành.
Thường tin tưởng như vậy
Giới pháp đã đầy đủ
Tất cả ai có tâm
Đều lãnh thọ giới Phật.
Chúng sanh thọ giới Phật
Tức vào quả vị Phật
Quả vị đồng Đại giác
Là đích thật con Phật.
Đại chúng đều cung kính
Chí tâm nghe Ta tụng.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đầu tiên an tọa nơi cội cây Bồ đề, thành tựu tuệ giác vô thượng, bắt đầu quy định về giới của Bồ-tát, sự hiếu thuận

với cha mẹ, thầy dạy, chư Tăng, Tam bảo, sự hiếu thuận là pháp hợp với đạo, sự hiếu thuận gọi là giới, cũng gọi là chế ngự, đình chỉ, tức từ kim khẩu Phật phóng ra vô lượng ánh sáng. Lúc ấy, đại chúng có đến trăm vạn ức Bồ-tát, các vị Phạm thiên ở trong mười tám tầng trời, các vị thiên tử trong sáu tầng trời thuộc cõi Dục, các vị quốc vương của mười sáu nước hùng mạnh đều chấp tay, chí tâm lắng nghe đức Thế Tôn tụng lại giới pháp Đại thừa của hết thảy chư Phật.

Đức Phật dạy:

- Này các vị Bồ-tát! Nay Như Lai cứ nửa tháng nửa tháng đích thân tụng lại giới pháp của Phật pháp. Các người, những vị Bồ-tát mới phát tâm, cho đến những vị Bồ-tát hành mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng, mười Kim cang, mười Địa cũng đều tụng y như vậy. Vì thế ánh sáng giới pháp từ kim khẩu của Như Lai phát ra. Ánh sáng đó có lý do chứ chẳng phải không có. Nhưng ánh sáng ấy không phải xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, không sắc, không tâm, không có, không không, không có tính nhân quả mà là bản nguyên của chư Phật, là căn bản của Bồ-tát, căn bản của đại chúng Phật tử. Vì vậy, đại chúng Phật tử nên thọ trì, đọc tụng, tự học.

Này Phật tử! Hãy lắng nghe kỹ, nếu muốn lãnh thọ giới pháp của Phật thì không kể quốc vương, vương tử, trăm quan, tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Phạm thiên nơi mười tám tầng trời, thiên tử nơi

sáu tầng trời thuộc cõi Dục, dân chúng, hoàng môn, dâm nam, dâm nữ, nô bộc, tỳ thiếp, quỷ thần trong tám bộ, thần Kim cang, súc sinh cho đến những kẻ biến hóa, hễ ai hiểu được tiếng nói của vị pháp sư truyền giới thì đều có thể thọ giới và được đắc giới, đều là người thanh tịnh bậc nhất.

Đức Phật dạy:

- Này các Phật tử! Có mười giới pháp trọng. Nếu thọ giới Bồ-tát mà không tụng mười giới pháp này thì không phải Bồ-tát, không phải hạt giống Phật. Vì Như Lai cũng tụng như vậy, tất cả Bồ-tát đã, đang học và sẽ học. Như vậy, Như Lai đã nói vắn tắt đến tướng mạo của Bồ- tát giới. Các người nên học, kính tâm phụng trì.

Thế Tôn dạy:

- Này Phật tử! Nếu tự mình giết bảo người khác giết, phương tiện khen ngợi giết, thấy người khác giết mà vui mừng theo, cho đến chú thuật giết, gieo nhân giết, tạo duyên giết, phương pháp giết, hành động giết, cho đến tất cả loài có mạng sống đều không được cố ý giết. Là Bồ- tát thường nên khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận mà phương tiện cứu giúp và che chở cho tất cả chúng sanh. Nếu tự mặc sức, thích thú giết hại thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình trộm cắp, bảo người khác trộm cắp, phương tiện trộm cắp, gieo nhân trộm cắp, tạo duyên trộm cắp, cách thức, động tác,

chú thuật trộm cắp cho đến tài vật của quỷ thần, vật có chủ, vật của giặc cướp. Tất cả tài vật dù chỉ bằng một cây kim, ngọn cỏ cũng không cố ý trộm cắp. Là Bồ-tát nên sanh tâm hiếu thuận, tâm từ bi nơi Phật tánh, thường giúp mọi người, làm phước đức và được yên vui, ngược lại còn trộm cắp tài vật của người thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình dâm dục, bảo người khác dâm dục, cho đến tất cả người nữ cũng không được cố dâm dục, gieo nhân dâm dục, tạo duyên dâm dục, phương pháp dâm dục, hành động dâm dục cho đến đối với giống cái trong súc sinh, phái nữ trong chư Thiên và quỷ thần, hoặc những chỗ không phải bộ phận sinh dục đều không được cố ý dâm dục. Là Bồ-tát nên sanh tâm hiếu thuận, cứu giúp tất cả chúng sanh, bằng cách đem pháp thanh tịnh cho người, ngược lại khởi dậy dâm dục với tất cả người nữ, kể cả súc sinh, đến nỗi đối với mẹ, con gái, em gái, bà con nội ngoại cũng hành dâm, không có lòng từ bi thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình vọng ngữ, bảo người khác vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ, gieo nhân, trợ duyên, phương pháp và hành động vọng ngữ, cho đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, thân, tâm đều vọng ngữ. Là Bồ-tát thường nên nói lời chân chánh, nhận thức chân chánh cũng khiến cho chúng sanh nói lời chân chánh và thấy biết

chân chánh, ngược lại khởi lên lời nói tà vạy, nhận biết sai lầm, hành động không đúng đắn thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình bán rượu, bảo người khác bán rượu, gieo nhân, trợ duyên, phương pháp và hành động bán rượu, tất cả loại rượu không được mua bán, vì rượu là nhân duyên gây ra tội lỗi. Là Bồ- tát nên làm cho chúng sanh phát tâm trí tuệ sáng suốt thấu đạt, ngược lại làm cho tâm tánh của chúng sanh điên đảo thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình nói những lỗi lầm của hàng Bồ-tát xuất gia, tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, lại bảo người khác nói lỗi lầm, gieo nhân nói lỗi lầm, trợ duyên, phương pháp và hành động tác của sự nói lỗi lầm, mà Bồ-tát khi nghe những kẻ xấu ngoại đạo và nhị thừa nói những điều trái giáo pháp, chẳng phải luật còn thường sanh tâm từ bi, giáo hóa kẻ xấu ác ấy, khiến cho họ sinh niềm tin nơi Đại thừa. Nếu ngược lại tự mình nói lỗi lầm trong Phật pháp thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự khen ngợi mình, chê bai người, rồi dạy người khác khen ngợi mình chê bai người gieo nhân, chê bai, trợ duyên, phương pháp và hành động chê bai, mà Bồ-tát nên thay chúng sanh chịu những sự khinh chê, tủi nhục, khổ đau về mình, việc tốt dành cho người khác. Vậy mà ngược lại, tự khoe cái hay của mình, giấu kín cái

tốt của người, làm cho họ phải chịu mọi sự khinh khi thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình xẻn tiếc, bảo người khác xẻn tiếc, gieo nhân xẻn tiếc, trợ duyên, phương pháp và hành động xẻn tiếc, mà Bồ- tát thấy bất cứ người nghèo thiếu nào đến cầu xin còn đều tùy chỗ cần dùng của họ, cung cấp những thứ mình có. Ngược lại, vì tâm địa xấu ác, giận dữ, đến nỗi một đồng, một cây kim, một ngọn cỏ cũng không cho, có người cầu xin pháp đã không nói cho một câu, một bài kệ nhỏ như hạt bụi lại còn nhục mạ họ thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình giận dữ, bảo người khác giận dữ, gieo nhân giận dữ, trợ duyên, phương pháp và hành động giận dữ, mà Bồ- tát phải nên làm cho chúng sanh phát sanh thiện căn không tranh chấp, thường phát tâm đại bi. Ngược lại, đối với tất cả chúng sanh cho đến chẳng phải chúng sanh, còn nhục mạ bằng lời nói độc dữ, thêm sự đánh đập bằng tay chân và đao gậy vũ khí… vẫn chưa vừa lòng, người ta thưa cầu xin sám hối lỗi lầm, thế mà vẫn giận dữ không thôi thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu tự mình hủy báng Tam bảo, bảo người khác hủy báng Tam bảo, gieo nhân hủy báng, trợ duyên, phương pháp và hành động hủy báng, mà Bồ-tát nghe tiếng ngoại đạo hay kẻ ác hủy báng Phật, chỉ một tiếng cũng như bị ba trăm

mũi nhọn châm vào tim, huống nữa là tự miệng mình hủy báng, không sanh tâm ngưỡng mộ, hiếu thuận. Nếu ngược lại tăng thêm sự hủy báng cho kẻ tâm ác, tà kiến thì đó là tội Ba-la-di của Bồ-tát.

Các nhân giả khéo tu học! Đó là mười giới trọng của Bồ-tát, các người nên tu học. Trong đó không được trái phạm giới nào cả, dù chỉ nhỏ bằng hạt bụi, huống nữa là phạm đủ cả mười giới. Nếu ai phạm thì thân hiện tại không thể phát tâm Bồ đề, ngôi vị quốc vương và Chuyển luân Thánh vương cũng mất, lại mất luôn phẩm vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, mất cả các quả vị Bồ-tát như mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng, mười Kim cang, mười Địa và tất cả thành quả vi diệu, thường trú của Phật tánh đều mất sạch, bị sa vào ba đường ác, hai kiếp đến ba kiếp không nghe được tiếng cha mẹ hay danh hiệu Tam bảo. Vì thế nhất nhất không được phạm. Tất cả Bồ-tát, các người nay đang học, về sau sẽ học, quá khứ đã học. Đây là mười giới pháp trọng phải nên kính cẩn phụng trì. Trong phẩm Bát vạn oai nghi có giảng rộng.

Đức Phật dạy:

- Này chư vị Bồ-tát! Như Lai đã nói mười giới trọng rồi, bây giờ sẽ nói về bốn mươi tám giới khinh.

Đức Phật dạy:

- Này Phật tử! Nếu khi sắp nhận ngôi vị quốc

vương, ngôi vị Luân vương, chức vị trăm quan, thì trước nên lãnh thọ giới Bồ-tát. Như thế sẽ được quỷ thần hộ trì thân vua và thân các quan, được chư Phật hoan hỷ. Đã đắc giới rồi nên sanh tâm hiếu thuận, cung kính. Khi thấy các vị Thượng tọa, Hòa thượng, A xà lê, các vị Đại đức, đồng học, đồng kiến, đồng hành thì hãy đứng lên, đón tiếp, kính lễ, hỏi han. Vậy mà ngược lại, Bồ-tát sanh tâm kiêu mạn, khinh lờn, ngu si không đứng lên, đón tiếp, kính lễ, hỏi han, nhất nhất không cúng dường đúng như pháp, như đem mọi giá trị nơi thân mình, quả vị, con cái, bảy báu và các tài vật khác để dâng cúng các vị. Nếu không làm như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu cố ý uống rượu, mà rượu thì dẫn đến vô số lầm lỗi. Nếu tự tay mình trao rượu cho người khác uống, thì năm trăm đời cánh tay không có, huống nữa là chính mình tự uống. Cũng không được chỉ bảo mọi người uống rượu hay bày cho các chúng sinh khác uống, huống nữa là chính mình uống. Tất cả các thứ rượu đều không được uống. Nếu cố ý uống hay bảo người khác uống thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu cố ý ăn thịt, tất cả loại thịt nào cũng không được ăn. Ăn thịt thì đoạn mất hạt giống Phật tánh vốn rất từ bi, khiến tất cả chúng sanh thấy liền bỏ chạy. Vì thế, tất cả Bồ-tát không được ăn thịt của mọi loại chúng sanh. Ăn thịt chịu

vô lượng tội lỗi. Nếu cố ý ăn thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Không được ăn năm thứ cay nồng là tỏi, kiệu, hành, nén, hẹ. Năm thứ ấy trong bất cứ thức ăn nào cũng không được ăn. Nếu cố ý ăn thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu thấy ai phạm tám giới, năm giới, mười giới, các giới khác, bảy tội nghịch, tám tai nạn, tất cả tội phạm giới đều phải chỉ dạy cho họ cách thức sám hối. Nếu Bồ-tát không khuyên bảo sám hối mà cùng họ ở chung, cùng hưởng lợi dưỡng, cùng bố-tát và đồng chúng thuyết giới, lại không cử tội, chỉ bày cách sám hối cho họ thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu thấy các vị Pháp sư Đại thừa, các vị cùng học cùng hiểu và cùng làm về Đại thừa, đến tăng phường, nhà cửa, thành phố, thôn xóm của mình, dù ở xa cách trăm ngàn dặm cũng liền đứng lên, đón rước, tiễn đưa, kính lạy dâng cúng… Mỗi ngày cúng dường ba lần, dù phải tốn kém nhiều đi nữa, tất cả các thứ uống ăn, nằm ngồi, thuốc thang đều cung cấp cho vị Pháp sư. Mọi nhu cầu của vị ấy đều cung phụng đầy đủ. Mỗi ngày ba lần, thường thỉnh vị Pháp sư thuyết pháp. Mỗi ngày kính lễ ba lần, không hề có lòng sân hận, phiền bực. Vì pháp mà phải mất mạng, cũng vẫn cầu pháp không chán. Nếu không như vậy thì phạm tội kinh cấu.

Này Phật tử! Bất cứ chỗ nào có giảng thuyết kinh luật nói về giới pháp. Nơi ấy, dù nhà cửa to lớn mà có giảng thuyết pháp thì các vị Bồ- tát mới học nên đem kinh luật đến lắng nghe, tiếp nhận và thưa hỏi vị Pháp sư. Dù trong núi rừng, dưới tàng cây lớn, nơi chùa chiền, hay trong nhà, tất cả nơi có thuyết pháp đều nên đến nghe học. Nếu không đến nơi ấy thưa hỏi, thọ học thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu có tư tưởng trái với kinh luật thường trú của Đại thừa, cho không phải lời Phật dạy, rồi thọ trì những kinh luật giới cấm của Nhị thừa Thanh văn và ngoại đạo ác kiến, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu thấy bất kỳ người bệnh tật nào phải nên tận tâm cung dưỡng như dâng cúng Phật Đà. Trong tám ruộng phước đức, chăm sóc bệnh tật là ruộng tốt nhất. Nếu cha mẹ, sư tăng hay đệ tử bị bệnh có tật, trăm bệnh dày vò đều nên chăm sóc lành mạnh. Mà Bồ-tát đem tâm ý không tốt, giận ghét không chăm sóc, cho đến ở nơi tăng phường nơi thành thị, thôn xóm, hoang dã, núi rừng đường sá, thấy người bệnh cũng không cứu giúp thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Không được cất chứa dao gậy, cung tên, giáo, búa và tất cả khí giới chiến đấu khác… cùng với vật dụng để sát sanh như chài, lưới, rập, bẫy. Tất cả vật ấy không được cất chứa. Là Bồ-tát, đến nỗi kẻ giết cha mẹ mình cũng không

giết lại để báo thù, huống nữa là người khác. Nếu cố ý cất chứa tất cả vật dụng đánh giết. . . . thì phạm tội khinh cấu.

Đây là mười giới nhẹ, cần nên vâng học, kính trọng phụng trì.

Trong sáu phẩm sau có giảng rộng.

Này Phật tử! Không được vì lợi lộc hay vì ý ác mà làm sứ thần cho hai nước hiệp hội, quân trận, đem binh đánh nhau, tàn hại vô lượng chúng sanh. Là Bồ-tát không được vào, ra trong quân trận, huống nữa là cố ý làm tên môi giới cho chiến tranh. Nếu cố ý thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu cố ý buôn bán người hiền lành, nô bộc, tỳ thiếp, mua bán súc vật, quan tài và những dụng cụ tẩm liệm, mọi việc ấy còn tự mình không được làm, huống nữa là chỉ bảo người khác. Nếu cố ý hay bảo người khác làm thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Vì tâm địa xấu ác nên vô cớ phỉ báng những người hiền lành, bậc thiện đức, những bậc Pháp sư, Sư Tăng quốc vương và hàng quý nhân, nói phạm bảy tội nghịch, mười giới trọng. Đối với cha mẹ, chú bác, anh em trong nhà phải nên sanh lòng hiếu thuận, thương yêu. Vậy mà ngược lại tăng thêm sự trái ý, tổn thương khiến họ rơi vào cảnh khổ tâm, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Vì tâm địa xấu ác nên phóng lửa

lớn đốt cháy núi rừng, đồng nội. Từ tháng tư đến tháng chín phóng lửa, hoặc cháy lan đến nhà cửa, thành thị, thôn xóm, tăng phòng, ruộng vườn, cây cối của người và cung điện, tài vật của quỷ thần. Tất cả vật có chủ không được cố ý thiêu đốt, nếu cố ý thiêu đốt thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Với những người từ đệ tử Phật đến ngoại đạo, các người bà con, người quen biết tốt đều phải hướng dẫn họ thọ trì kinh luật Đại thừa, nên giảng giải cho họ hiểu nghĩa lý của kinh, làm cho họ phát tâm Bồ đề: Mười tâm Phát thú, mười tâm Trưởng dưỡng, mười tâm Kim cang. Ba mươi tâm ấy mỗi mỗi đều hướng dẫn cho họ hiểu rõ pháp dụng thứ tự. Là Bồ-tát mà vì tâm xấu ác, tâm giận dữ đem kinh luật của Nhị thừa Thanh văn và học thuyết của ngoại đạo tà kiến để chỉ dạy khắp cho nhiều người thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nên dùng tâm nguyện tốt đẹp, trước tiên nên học oai nghi và giới luật của kinh điển Đại thừa, lý giải rộng sâu diệu nghĩa, ý vị của nó. Sau, thấy các vị Bồ-tát mới học từ trăm, ngàn dặm đến cầu học kinh luật Đại thừa, phải nên nói cho họ đúng như pháp, nói về những khổ hạnh như thiêu đốt thân, cánh tay, ngón tay. Nếu không thiêu đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật thì không phải là hàng Bồ-tát xuất gia. Cho đến hổ lang, sư tử và quỷ đang đói cũng nên xả thịt, hay tay chân của mình để cung cấp, sau đó nói tuần

tự về giới pháp chính yếu, làm cho họ tâm khai ý mở. Là Bồ-tát mà vì lợi lộc nên điều cần giải đáp lại không giải đáp, nói một cách rối loạn văn nghĩa kinh luật, không có trước, sau, chung cục là phỉ báng Tam bảo thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu tự mình vì việc ăn uống, tiền của, lợi dưỡng, danh vọng mà thân cận với các quốc vương, vương tử, đại thần, trăm quan, rồi ỷ thế cậy oai bức bách người khác, hành hung chiếm đoạt tiền tài, sản vật một cách ngang ngược. Những cầu lợi như vậy là ham cầu xấu ác, ham cầu quá đáng, thế mà còn dạy bảo người khác ham cầu nữa, không còn lòng từ bi, hiếu thuận thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu học, tụng giới Bồ-tát thì ngày đêm sáu thời nghiêm trì giới Bồ-tát, hiểu rõ, lý giải về tánh của Phật tánh. Là Bồ-tát mà không hiểu được một câu một kệ và nhân duyên của giới luật, thế mà dối là có thể thông hiểu tất cả pháp Phật. Như vậy là tự lừa dối mình, lừa dối kẻ khác. Tất cả pháp đều mù mờ, không hiểu, vậy mà làm Pháp sư truyền giới cho người khác, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Vì tâm ý xấu ác nên thấy Tỳ kheo trì giới tay bưng lư hương, thực hành hạnh Bồ-tát mà gây tạo mâu thuẫn cho bên này bên kia, phỉ báng, vu khống người Thánh thiện, không việc ác nào không làm. Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Vì tâm từ bi nên thực hành phóng sanh, phải nghĩ như vầy: Tất cả nam giới là cha ta, tất cả nữ giới là mẹ ta. Ta nhiều đời đều từ họ sanh ra, nên sáu đường chúng sanh đều là cha mẹ ta, ta giết mà ăn tức là giết cha mẹ ta mà ăn, và cũng giết chính thân cũ của ta mà ăn. Tất cả thể cứng, thể lỏng và sức nóng, sức động đều là thân thể cũ của ta. Vì thế nên thường phóng sanh. Đời đời thọ sanh, là pháp thường còn nên dạy bảo người khác phóng sanh. Khi thấy người đời giết hại sinh vật, nên tìm cách cứu hộ, giải thoát khổ nạn cho chúng. Thường giáo hóa, giảng dạy giới Bồ-tát cho người để cứu hộ chúng sanh. Nếu gặp ngày mất của cha mẹ, anh em thì nên thỉnh Pháp sư diễn giảng kinh luật Bồ-tát giới. Người chết nhờ phước đức ấy, được diện kiến chư Phật hay sanh trong cõi người hoặc sinh lên cõi trời. Nếu không làm như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Đây là mười giới nhẹ cần nên vâng học, kính tâm phụng trì. Như trong phẩm "Diệt tội" giảng rõ mỗi giới.

Này Phật tử! Không được dùng sự giận dữ đáp lại sự giận dữ, không được dùng sự đánh đập trả lại sự đánh đập, cũng không được giữ tâm niệm báo thù những kẻ sát hại cha mẹ, anh em, bà con của ta, hay kẻ sát hại quốc chúa. Tàn sát sự sống để trả thù sự sống là điều không thuận với đạo hiếu. Hãy còn không nuôi nô bộc, tỳ thiếp, rồi đánh đập

mắng chửi, mỗi ngày dấy lên ba nghiệp nhất là khẩu nghiệp tạo ra vô lượng tội. Huống chi lại cố làm đến bảy tội nghịch. Là Bồ-tát xuất gia không có lòng từ bi mà cố báo thù đến nỗi trong họ hàng bà con cũng quyết không tha, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu mới xuất gia, chưa thông hiểu gì, tự ỷ mình thông minh, cao sang lớn tuổi, dòng họ quyền quý, kiến thức rộng lớn, phước nhiều giàu có, đủ cả bảy báu rồi sanh tâm kiêu mạn, không chịu học hỏi kinh luật với các vị Pháp sư đã học trước. Các vị đó có thể là người ở dòng họ thấp kém, tuổi tác nhỏ hơn, thuộc hàng thấp kém hay có tật nguyền, nhưng thật là người có đức, lý giải thấu đáo các kinh luật. Nếu Bồ-tát mới học mà chỉ chú tâm về dòng họ và địa vị, không chịu đến học hỏi đệ nhất nghĩa đế ở vị Pháp sư ấy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Sau khi Như Lai nhập diệt, nếu có tâm nguyện tốt muốn lãnh thọ giới Bồ-tát bằng cách tự nguyện lãnh thọ giới trước hình tượng Phật Đà, hình tượng Bồ-tát, thì phải sám hối trong bảy ngày trước hình tượng Phật Đà, hình tượng Bồ-tát, hễ thấy được tướng tốt là đắc giới. Nếu chưa thấy được tướng tốt thì phải hai tuần, ba tuần cho đến một năm, cầu thấy được tướng tốt. Khi thấy được tướng tốt rồi, liền có thể thọ giới trước hình tướng Phật Đà, hình tượng Bồ-tát. Nếu không thấy được

tướng tốt, thì dù thọ giới trước hình tượng Phật cũng không thể gọi là đắc giới. Nên lãnh thọ giới Bồ-tát bằng cách hiện diện đối trước vị Pháp sư đã thọ giới trước mình, thì không cần thấy được tướng tốt. Vì sao? Vì vị Pháp sư đã được các vị Pháp sư trước truyền giới rồi nên không cần thấy tướng tốt. Như vậy hễ thọ giới trước Pháp sư liền đắc giới, do tâm hết mực kính trọng sanh khởi nên đắc giới ngay. Nếu trong vòng ngàn dặm, không ai có thể làm vị Pháp sư truyền thọ giới Bồ-tát thì người muốn thọ giới ấy có thể tự nguyện lãnh thọ trước hình tượng Phật Đà, hình tượng Bồ-tát, nhưng cũng phải thấy cho được tướng tốt. Nếu vị Pháp sư ỷ mình lý giải thông kinh luật và giới pháp Đại thừa, chỉ làm bạn với quốc vương, vương tử, trăm quan, còn các vị Bồ-tát mới học đến thưa hỏi ý nghĩa của Luật của Kinh, vị Pháp sư đó vì tâm lý khinh mệt, kiêu ngạo, không chịu tận tâm chỉ bảo những điều họ thưa hỏi, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu có chánh pháp Đại thừa trong kinh luật Như Lai dạy về chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân, không nỗ lực học tập, mà xả bỏ như bỏ bảy thứ báu, lại học tập sách vở theo tà kiến Nhị thừa, ngoại đạo và thế tục như các bộ A-tỳ-đàm, các luận thuyết hỗn tạp, thi văn truyện ký, thế thì làm mất Phật tánh, cản trở đạo nghiệp không phải thực hành đạo. Nếu cố ý học tập thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu sau khi Phật nhập diệt, làm chủ sự thuyết pháp, làm chủ nơi tăng phường, làm chủ sự giáo hóa, làm chủ sự tọa thiền, làm chủ sự đi lại, nên sanh tâm từ bi, khéo hòa giải mọi việc mâu thuẫn, khéo giữ gìn vật của Tam bảo, đừng sử dụng vô độ như của riêng. Nếu trái lại làm cho Tăng chúng rối loạn, tranh cãi, mặc sức sử dụng của Tam bảo, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu đã ở trước trong tăng phường, sau thấy các vị khách Bồ-tát Tỳ-kheo đến nơi tăng phường, nhà cửa, thành thị, thôn xóm của mình, hay của vua chúa, đến nơi kiết hạ an cư, hay chỗ trai hội cầu phước thì mình là tăng ở trước, nên đón rước, tiễn đưa cúng dường thức ăn uống, phòng ở, đồ nằm, giường cây hay giường giây, mọi việc đều cung cấp. Nếu không có sẵn thì dù phải bán mình, bán cả con cái cũng gắng cung phụng những vật cần dùng cho những vị ấy. Nếu có thí chủ đến thỉnh chư tăng thì các vị khách tăng ấy cũng có phần. Vị chỉ tăng phường phải theo thứ tự mời các vị khách tăng ấy thọ thỉnh. Nếu chư tăng ở trước chỉ thọ riêng, không mời các vị khách tăng thì vị chủ tăng phường phạm tội lỗi vô lượng, không khác gì loài vật, không phải là Sa môn, không phải là dòng họ Thích Ca. Nếu cố ý làm như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Trường hợp nào cũng không được thọ thỉnh riêng biệt, thu nhận đồ hiến cúng về cho

mình. Vật cúng dường là thuộc về chư tăng mười phương. Nếu thọ thỉnh riêng biệt, tức là lấy vật của chư tăng mười phương gom góp cho mình, xâm phạm đến vật của Phật Đà, Thánh Hiền (Hòa thượng, A-xà-lê), đại sư, chư tăng, cha mẹ và người bệnh trong tám ruộng phước vì chỉ dùng cho riêng mình, nên phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Dù là Bồ-tát xuất gia hay Bồ-tát tại gia hoặc vị thí chủ nào, khi muốn thỉnh chư tăng để hiến cúng cầu nguyện, phải đến tăng phường hỏi vị Tri sự mà thưa: Vị Tri sư bảo: Theo thứ tự thỉnh chư tăng để hiến cúng cầu nguyện tức là thỉnh được chư Hiền Thánh Tăng mười phương. Nếu như người đời thỉnh mời riêng biệt, dù thỉnh năm trăm vị La hán và Bồ-tát cũng không bằng thỉnh một vị Tăng phàm phu theo thứ tự của Tăng chúng. Thỉnh riêng là nề nếp của ngoại đạo, bảy đức Phật không có phép thỉnh riêng. Việc đó không thuận với đạo hiếu. Nếu cố ý thỉnh riêng thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Vì do tâm xấu ác, vì lợi dưỡng nên mua bán dâm nam dâm nữ, tự tay làm thức ăn, tự xay giã, coi tướng nam nữ, đoán mộng tốt xấu, đoán thai trai gái, làm các chú thuật, xảo thuật, luyện tập chim săn, thú săn như chim ưng, pha chế thuốc độc hòa hợp bằng trăm ngàn thứ độc, độc rắn, độc nơi vàng, bạc sống, độc hại dữ, không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận. Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Vì tâm xấu ác nên chính mình hủy báng Tam bảo, giả vờ như kính mến đối với Tam bảo, miệng nói không mà việc làm thì hoàn toàn là có, làm quản lý cho người đời, vì họ làm mai mối nam nữ kết hợp sắc dục tạo ra đủ thứ hệ lụy. Sáu ngày chay trong mỗi tháng, hay ba tháng chay trong năm cũng sát sánh, trộm cướp, phá trai phạm giới, thì phạm tội khinh cấu.

Đây là mười giới nhẹ, cần nên vâng học kính tâm phụng trì, trong phẩm "Chế giới" có giảng rõ.

Này Phật tử! Sau khi Như Lai nhập diệt, trong đời ác, nếu thấy ngoại đạo và những kẻ tàn ác hay đám giặc cướp chiếm đoạt, buôn bán hình tượng Phật Đà, hình tượng Bồ-tát, hình tượng cha mẹ, bán kinh bán luật, bán các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, bán Bồ-tát mới phát tâm Bồ đề, cho quan lại sai khiến hay cho kẻ khác làm nô bộc, tỳ thiếp. Là Bồ-tát khi đã thấy sự việc ấy nên sanh tâm từ bi, dùng mọi cách để cứu vớt, đi khắp mọi nơi để kiếm tiền chuộc lại hình tượng Phật, Bồ-tát cùng tất cả kinh luật, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Bồ-tát mới phát tâm. Nếu không chuộc như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Không được cất chứa buôn bán dao gậy, cung tên, dụng cụ cân non đong thiếu, dựa vào uy thế của quan quyền chiếm đoạt tài vật của người khác, giam cầm và phá hoại sự thành công của người khác, bằng tâm ác độc, nuôi lớn mèo, chồn, heo, chó. Nếu cố ý làm những việc như vậy

thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Không được đem tâm đen tối xem sự đấu sức của nam nữ, quân trận của tướng sĩ, giặc cướp… Không được xem ca múa, cờ bạc, đá cầu, đá bóng, bói toán, làm liên lạc cho đám giặc… Những việc như trên đều không được làm. Nếu cố ý làm thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Phải nghiêm trì giới pháp, mọi cử động đi đứng nằm ngồi, ngày đêm sáu thời đều đọc tụng giới pháp, giữ vững chắc như kim cương, như chiếc phao nổi khi qua biển, như các Tỳ-kheo bị trói buộc bằng cỏ, thường phát khởi đức tin cao đẹp của Đại thừa, tự biết ta là Phật sẽ thành, chư Phật là Phật đã thành, nên luôn phát tâm Bồ đề không thối lui. Nếu khởi lên một ý niệm của Nhị thừa, ngoại đạo, thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Phải thường phát khởi mọi nguyện cầu, như hiếu thuận cha mẹ, đại sư, chư Tăng, Tam bảo, nguyện gặp được vị Pháp sư tuyệt hảo và các vị tri thức thiện cùng một sự học, để luôn luôn dạy cho mình kinh luật Đại thừa và các quả vị Bồ-tát như mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng, mười Kim cang, mười Địa làm cho mình lý giải và thực hành chính xác; nguyện kiên trì giới Phật, thà xả bỏ thân mạng chứ niệm niệm không lìa bỏ tâm ấy. Nếu Bồ-tát không phát những lời nguyện như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Khi phát khởi mười lời thề nguyện rộng lớn rồi, để kiên trì giới pháp của Phật, tự thề: Thà đem thân này gieo xuống hố lửa, núi đao, quyết không phá hủy giới pháp của chư Phật nơi ba đời bằng cách làm sự bất tịnh với người nữ nào.

Lại thề: Thà bị lưới sắt nóng ngàn lớp quấn lấy thân hình, quyết không đem thân phá giới mặc y phục của tín đồ dâng cúng.

Thề: Thà miệng phải nuốt viên sắt nóng hay dòng lửa dữ đến cả trăm ngàn đời, quyết không đem miệng phá giới ăn thực phẩm của tín đồ dâng cúng.

Thề: Thà thân này bị nằm trong lưới sắt đỏ hay trên đất sắt nóng, quyết không đem thân phá giới nằm ngồi giường ghế của tín đồ dâng cúng.

Thề: Thà thân này một đời vài đời chịu hàng trăm mũi giáo đâm vào, quyết không đem thân phá giới dùng các loại thuốc men của tín đồ dâng cúng.

Thề: Thà thân này gieo vào vạc sắt nóng cả trăm ngàn đời, quyết không đem thân phá giới vào phòng nhà, ruộng vườn, đất đai của tín đồ dâng cúng.

Thề: Thà thân này bị chùy sắt giáng đập từ đầu đến chân nát như bụi, quyết không đem thân phá giới nhận sự cung kính lễ bái của tín đồ.

Lại thề: Thà bị cả trăm khí cụ bằng sắt móc mất đôi mắt, quyết không đem mắt với tâm phá giới

nhìn vào sắc đẹp của người.

Thề: Dù một đời hai đời bị cả trăm ngàn dùi sắt đâm vào hai tai, quyết không đem tai ấy với tâm phá giới nghe tiếng hay ho.

Thề: Thà bị trăm ngàn dao bén cắt mắt mũi đi, quyết không đem mũi ấy với tâm phá giới ngửi đến hương thơm.

Thề: Thà lưỡi bị cả trăm ngàn dao bén cắt đứt, quyết không đem lưỡi ấy với tâm phá giới nếm vào vị ngon.

Thề: Thà thân này bị chặt bị chém bằng búa sắt, quyết không đem thân ấy với tâm phá giới chạm vào chỗ ưa thích. Lại phát nguyện: Nguyện cho tất cả chúng sanh đều thành Phật. Nếu Bồ-tát không phát khởi những lời thề như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Thường mỗi năm có hai kỳ thực hành hạnh đầu đà, mùa đông, mùa hạ phải tọa thiền an cư. Thường dùng nhánh dương làm tăm, đậu để rửa, ba pháp y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, lư hương, đãy lọc nước, khăn tay, con dao, đồ lấy lửa, nhíp, giường giây, kinh luật Bồ-tát, hình tượng Phật và Bồ-tát. Là Bồ-tát khi thực hành hạnh đầu đà và du hóa, dù đi lại cả trăm ngàn dặm cũng phải mang mười tám vật ấy theo mình. Hai kỳ đầu đà là từ rằm tháng giêng đến rằm tháng ba, từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười. Trong hai kỳ này, mười

tám vật vẫn mang theo mình như hai cánh của con chim. Đến ngày bố tát, các vị Bồ-tát mới học mỗi nửa tháng phải bố tát, tụng mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Khi tụng, đối trước tượng Phật, Bồ-tát mà tụng. Một người bố tát thì một người tụng. Nếu hai, ba cho đến hàng trăm ngàn người cũng chỉ tụng một người. Người tụng ngồi cao người nghe ngồi thấp, ai cũng mang pháp y chín điều, bảy điều hay năm điều. Kiết hạ an cư nhất nhất phải đúng như pháp. Khi thực hành hạnh đầu đà, đừng đến chỗ tai nạn, chỗ nguy hiểm, quốc chúa tàn ác, chỗ đất quá cao thấp, chỗ cây cối rậm rạp, chỗ có cọp beo sư tử, chỗ hay bị nạn nước lửa gió, chỗ có giặc cướp, chỗ đường sá lắm rắn độc, những nơi tai nạn như vậy đều không được đến đó. Thực hành hạnh đầu đà cho đến kiết hạ an cư đều không được đến những nơi tai nạn như vậy. Nếu cố ý đến thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Phải nên theo thứ tự đúng pháp mà ngồi, người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Không kể già trẻ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, người sang như quốc vương, vương tử, cho đến huỳnh môn, nô bộc, tỳ thiếp… tất cả đều nên theo thứ tự mà ngồi: Người thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau thì ngồi sau. Đừng như ngoại đạo ngu si già cũng như trẻ không trước không sau, ngồi trước ngồi sau lộn xộn như binh nô. Trong chánh pháp của Như Lai,

người trước ngồi trước, người sau ngồi sau. Là Bồ-tát mà không theo thứ tự mà ngồi thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Thường nên khuyến hóa mọi người xây dựng tăng phường nơi núi rừng, ruộng vườn, xây dựng tháp Phật, chỗ an cư tọa thiền trong mùa đông, mùa hạ, tất cả những cơ sở hành đạo đều nên kiến tạo. Là Bồ-tát nên diễn giảng cho mọi người về kinh luật Đại thừa. Những lúc tật bệnh, nước có nạn giặc giã, ngày cha mẹ, anh em, Hòa thượng, A-xà-lê mạng vong thì từ ngày ấy cho đến ngày thất thứ ba và chung thất cũng nên trì tụng và diễn giảng kinh luật Đại thừa. Những lúc làm chay cầu phước đi lại làm ăn bị lửa dữ thiêu đốt, nước lớn trôi chìm, gió bão thổi dạt thuyền bè nơi sông to biển lớn gặp nạn quỷ la sát, cũng nên trì tụng giảng nói kinh luật Đại thừa. Cho đến hết thảy khổ báo, ba ác, bảy nghịch, tám nạn, gông cùm, xiềng xích, trói buộc, nhiều dâm dục, sân giận, ngu si, tật bệnh đều nên giảng nói kinh luật Đại thừa. Nếu Bồ-tát mới học không làm như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Chín giới như vậy cần nên vâng học kính tâm phụng trì, trong phẩm "Phạn đàn" có giải rộng.

Này Phật tử! Khi nhận người thọ giới không được lựa chọn. Tất cả quốc vương, vương tử, tể tướng, trăm quan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, thiện nam, thiện nữ, dâm nam, dâm nữ, Phạm thiên nơi mười

tám tầng trời, thiên nhân nơi sáu tầng trời thuộc cõi Dục, những kẻ vô căn, hai căn, huỳnh môn, nô bộc, tỳ thiếp, tất cả quỷ thần ai cũng được thọ giới Bồ-tát. Phải nên dạy người thọ giới nhuộm pháp y bằng hoại sắc cho hợp với chánh pháp. Hoại sắc là nhuộm tất cả pháp y và ngọa cụ bằng màu sắc phá hủy của các màu sắc chính là xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía. Mọi thứ y phục đều nhuộm như vậy. Bất cứ quốc độ nào, dân chúng mặc y phục thế nào thì vị Tỳ-kheo phải ăn mặc khác họ. Khi sắp thọ giới Bồ-tát, vị Pháp sư phải xét hỏi: Ở đời nay, ông có tạo bảy tội nghịch không? Vị Pháp sư Bồ-tát không được cho người ở đời này làm bảy tội nghịch thọ giới Bồ-tát. Bảy tội nghịch là làm thân Phật chảy máu, giết cha, giết mẹ, giết Hòa thượng, giết A-xà-lê, phá yết ma tăng và Pháp luân tăng, giết Thánh Hiền. Nếu tạo đủ bảy tội nghịch thì kẻ ấy thân hiện tại không thể được giới Bồ-tát. Ngoài ra ai cũng có thể thọ và đắc giới. Các pháp của người xuất gia không lạy quốc vương, cha mẹ, bà con, không lạy quỷ thần, hễ ai hiểu lời nói của vị Pháp sư đều được thọ giới. Có người từ trăm ngàn dặm đến cầu pháp, nếu vị Pháp sư ấy vì tâm ác, giận ghét không truyền ngay cho họ giới pháp mà tất cả chúng sanh đều có phần thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu giáo hóa cho người phát sanh đức tin Đại thừa rồi, Bồ-tát làm Pháp sư chỉ bảo cho người, khi thấy học muốn thọ giới Bồ-tát phải

chỉ bảo cách thỉnh hai vị đại sư là Hòa thượng và A-xà-lê. Hai vị đại sư phải hỏi người ấy có phạm bảy tội nghịch làm trở ngại không? Nếu người ấy đời này có phạm bảy tội nghịch thì Pháp sư không được cho người ấy thọ giới Bồ-tát, nếu không phạm bảy tội nghịch thì cho họ được thọ. Nếu người nào phạm mười giới trọng nên dạy họ sám hối, bằng cách đối trước hình tượng Phật, Bồ-tát, ngày đêm sáu thời tụng mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh, thiết tha đảnh lễ ba ngàn đức Phật ở ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai, cầu cho được thấy tướng tốt. Sám hối như thế cứ một tuần, hai, ba tuần cho đến một năm phải làm sao thấy được tướng tốt. Tướng tốt là thấy Phật đến xoa trên đỉnh đầu, thấy ánh sáng của Phật, thấy hoa sen hoặc thấy các tướng kỳ lạ khác thì tội lỗi liền diệt hết. Nếu không thấy được tướng tốt như vậy, dù có sám hối cũng không có lợi ích. Người ấy, ở thân đời này không được đắc giới, nhưng có lợi ích cho việc thọ giới. Nếu ai phạm bốn mươi tám giới khinh nên chỉ bảo người ấy sám hối trước một vị khác thì tội lỗi sạch ngay, không như bảy tội nghịch. Làm Pháp sư chỉ dạy phải thấu hiểu các cách trên đây. Nếu không hiểu rõ kinh luật Đại thừa, những giới khinh, giới trọng, không rõ sự đúng, sai, không lý giải đệ nhất nghĩa đế, tánh tập chủng, tánh trưởng dưỡng, tánh không thể hoại, tánh đạo chủng, tánh chánh pháp, trong tất cả các

tánh như vậy không thấu rõ quán hạnh nhiều ít và ra vào thế nào, mười chi thiền định và bao nhiêu quán hạnh khác cũng đều không hiểu ý nghĩa của nó. Là Bồ-tát vì quyền lợi, danh vọng, cầu điều xấu xa, cầu quá nhiều, vì tham nhiều đệ tử mà làm như thấu hiểu tất cả. Đó chính là tự lừa dối mình lại lừa dối kẻ khác. Vậy mà còn cố ý truyền giới cho người thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Không được vì lợi dưỡng mà giảng nói giới pháp vĩ đại của ngàn đức Phật cho người chưa thọ giới Bồ-tát, những kẻ ngoại đạo và người xấu ác. Trước những kẻ tà kiến cũng không được nói. Trừ quốc vương, ngoài ra không được nói cho ai cả. Những người ác ấy không thọ giới của Phật thì như súc sinh đời đời sanh ra không gặp Tam bảo, như cây cỏ đất đá không hồn, nên gọi là hàng ngoại đạo tà kiến, người xấu ác chẳng khác gì đầu gỗ. Là Bồ-tát trước những kẻ như vậy mà nói đến giáo pháp của bảy đức Phật thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu đem hết lòng tin mà xuất gia và lãnh thọ giới pháp chân chánh của Phật rồi, lại cố ý khởi tâm hủy phạm giới thì không được nhận mọi sự hiến cúng của thí chủ, không được đi trên đất của đất nước, cũng không được uống nước của đất nước, bị cả năm ngàn quỷ dữ thường ngăn chận trước mặt bảo: Đó là giặc lớn. Khi vào nhà cửa, thành thị, thôn xóm thì bị đám quỷ thường quét dấu

chân của người ấy, người đời ai cũng nhục mạ: Đó là tên giặc trong pháp Phật. Chúng sanh không ai muốn nhìn, kẻ phạm giới chẳng khác gì loài vật, đầu gỗ. Nếu cố ý vi phạm giới pháp chính yếu thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nên thường xuyên nhất tâm thọ trì, đọc tụng kinh luật Đại thừa, lột da làm giấy, chích máu làm mực, rút tủy làm nước, chẻ xương làm bút để sao chép giới pháp của Phật trên vỏ cây giấy; trên giấy như giấy da, giấy dạ; trên lụa như lụa trắng, lụa tơ tằm; trên thẻ tre. Thường dùng bảy thứ báu hay những thứ tạp ngọc vô giá, thơm đẹp làm hộp để tôn trí kinh luật Đại thừa đó. Nếu không cúng dường đúng pháp như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nên thường xuyên phát khởi tâm đại bi, khi vào những nơi thành thị, thôn xóm, nhà cửa, thấy bất cứ ai đều nên nói: Này các người! Hãy nên lãnh thọ ba quy y và mười giới pháp. Nếu thấy tất cả các loài súc sinh như bò, ngựa, heo, dê, đều tâm nghĩ miệng nói: Súc sinh các con! Các con nên phát tâm Bồ đề. Là Bồ-tát đi đến đâu dù là nói non, rừng rú hay khe suối, đồng nội cũng đều làm cho tất cả chúng sanh phát tâm Bồ đề. Nếu Bồ-tát không giáo hóa chúng sanh như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Nên thường thực hành giáo hóa bằng khởi tâm đại bi. Khi vào nhà tín đồ hay nhà

quyền quý, đối với tập thể nào người xuất gia cũng không được đứng thuyết pháp cho người tại gia. Phải ngồi ở chỗ cao, trước mặt họ. Pháp sư Tỳ-kheo cũng không được đứng đất nói pháp cho bốn chúng. Khi thuyết pháp, vị Pháp sư được mời ngồi chỗ cao, hương hoa cúng dường, còn bốn chúng ngồi nghe ở chỗ thấp với ý niệm như kính thuận cha mẹ, cung kính lời giáo huấn của Pháp sư như các đạo sĩ thờ thần lửa. Nếu người thuyết pháp không đúng pháp như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Này Phật tử! Như quốc vương, thái tử, trăm quan, đối với bốn chúng đệ tử, đã đem đức tin Đại thừa lãnh thọ giới của chư Phật rồi, mà lại tự ỷ quyền quý cao sang để phá hoại giáo pháp giới luật của Phật, lập ra quy chế ràng buộc bốn chúng đệ tử của Như Lai, không cho họ xuất gia, hành đạo, cũng không cho họ tạo lập hình tượng, chùa tháp và truyền ba kinh luật. Lại đặt chức thống quản để chế ngự chư Tăng, lập sổ sách để kiểm soát chư Tăng, Bồ-tát Tỳ-kheo để đứng ở đất, bạch y cư sĩ lại tự ngồi cao, làm nhiều điều trái chánh pháp, giới luật như binh nô thờ chủ. Nhưng Tỳ-kheo Bồ-tát chính nên được mọi người kính trọng lại bắt làm kẻ tay sai của đám quan quyền một cách trái giáo pháp với giới luật. Nếu hàng quốc vương, trăm quan đã có tâm tốt lãnh thọ giới của Phật rồi chớ gây tạo những tội lỗi phá Tam bảo như thế. Nếu cố ý làm những pháp phá hoại Tam bảo thì phạm tội

khinh cấu.

Này Phật tử! Nếu đã có tâm tốt xuất gia rồi, lại vì danh vọng, quyền lợi, nên trước mặt quốc vương, trăm quan nói về giới pháp của bảy đức Phật một cách phi lý, làm cho các vị đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và Bồ-tát bị trói buộc bằng lao tù hay quân dịch. Như con sâu trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử, không phải con sâu ở ngoài. Cũng thế, chính Phật tử tự hủy phá pháp Phật chứ không phải ngoại đạo, ma vương phá được. Người lãnh thọ giới pháp của Phật, nên hộ trì giới luật của Phật như thương yêu con một, như kính thờ cha mẹ, không được vi phạm. Là Bồ- tát khi nghe ngoại đạo và người ác dùng lời xấu ác hủy báng giới pháp của Phật, thì đau đớn chẳng khác nào cả ba trăm mũi nhọn đâm vào tim mình, hay cả ngàn lưỡi dao, vạn cây gậy đánh đập vào thân. Thà tự mình vào trong địa ngục cả trăm kiếp, chứ không muốn nghe tiếng nói của kẻ ác hủy báng, phá hoại giới pháp của Phật, dù một lần, huống nữa là tự mình phá hoại giới pháp của chư Phật, hay tạo điều kiện khuyến khích kẻ khác phá hoại pháp Phật, không còn gì là tâm hiếu thuận. Nếu cố ý làm như vậy thì phạm tội khinh cấu.

Chín giới nhẹ như vậy, cần nên vâng học, kính tâm phụng trì. Này Phật tử! Bốn mươi tám giới pháp khinh (nhẹ) như trên đây,

các người hãy thọ trì, chư Bồ-tát quá khứ đã

tụng, chư Bồ-tát vị lai sẽ tụng, chư Bồ-tát hiện tại đang tụng.

Này Phật tử! Hãy lắng nghe kỹ, mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh ấy, chư Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và đang tụng. Như Lai nay cũng tụng như vậy. Đại chúng các người không kể quốc vương, vương tử, trăm quan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, thiện nam, thiện nữ, hễ lãnh thọ giới Bồ-tát thì phải thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết, viết chép kinh nói về giới pháp của Phật tánh thường trú, truyền bá cho tất cả chúng sanh trong ba đời, khiến sự cảm hóa được liên tục. Như vậy, sẽ thấy được ngàn đức Phật, Ngài nào cũng trao tay cho, đời đời không sa vào đường dữ, tám nạn, thường được sanh trong loài trời, người. Hôm nay, Ta ở nơi cây Bồ đề này, đã khai thị tóm tắt giới pháp của bảy đức Phật, các người hãy nhất tâm học tập, hoan hỷ phụng hành giới pháp ấy, như Như Lai đã khai thị tất cả trong phần khuyến học của phẩm Vô tướng thiên vương.

Khi ấy, ba ngàn người học hạnh Bồ-tát lắng nghe đức Phật tụng giới, hết lòng kính trọng, hoan hỷ phụng hành.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong mười phẩm pháp giới vô tận trong phẩm Pháp môn tâm địa của đức Lô-xá-na ở thế giới Hoa Tạng đã nói, ngàn trăm ức Thích Ca khác cũng nói như vậy. Từ cung thiên vương Ma hê thủ la đến cội Bồ đề,

trải qua mười chỗ thuyết các pháp phẩm cho chư vị Bồ-tát và vô lượng đại chúng không thể kể hết được thọ trì, đọc tụng, giảng nói, lý giải nghĩa lý như nhau. Một ngàn trăm ức thế giới, thế giới Hoa Tạng, các thế giới nhiều như vi trần đều giảng thuyết về kho tàng tâm, kho tàng địa, kho tàng giới, kho tàng vô lượng hạnh nguyện, kho tàng nhân quả Phật tánh thường trú. Như vậy, chư Phật đã nói xong vô lượng kho tàng chánh pháp. Tất cả chúng sanh trong ngàn trăm ức thế giới đều thọ trì, hoan hỷ phụng hành. Nếu khai thị tướng nghĩa của tâm địa rộng rãi thì phải như trong phẩm Phật hoa quang vương đã nói.

Người sáng tuệ nhẫn mạnh
Thọ trì được pháp này
Khi chưa thành Phật đạo
Được hưởng năm điều lợi.
Một là thập phương Phật
Thương tưởng hộ trì cho
Hai là lúc lâm chung
Chánh niệm, tâm an vui.
Ba là sanh nơi nào
Cùng Bồ-tát làm bạn
Bốn là những công đức
Giới độ đều thành tựu.
Năm, đời này, đời sau
Đủ phước tuệ giới tánh
Là hành xứ của Phật

Người trí khéo suy nghĩ.
Kẻ vướng tướng, chấp ngã
Không thể tin pháp này
Diệt tận, chứng Niết Bàn
Không gieo giống nơi ấy.
Muốn nảy mầm Bồ đề
Tuệ giác soi thế gian
Thường nên quan sát kỹ
Thật tướng của các pháp.
Không sanh cũng không diệt
Không thường lại không đoạn
Không giống cũng chẳng khác
Không đến cũng không đi.
Trong thể nhất tâm ấy
Nỗ lực tu trang nghiêm
Việc Bồ-tát nên làm
Phải tuần tự học tập.
Nơi học nơi vô học
Chớ sanh tưởng phân biệt
Gọi là đệ nhất đạo
Cũng là pháp Đại thừa.
Mọi hý luận lỗi lầm
Đều do đây dứt sạch
Trí toàn giác của Phật
Đều do đấy mà thành.
Thế nên các Phật tử
Phải phát tâm dũng mãnh
Nghiêm trì giới của Phật

Trong sạch như minh châu.
Chư Bồ-tát quá khứ
Đã học tập giới này
Vị lai thì sẽ học
Như hiện tại đang học.
Đây là đường Phật đi
Là chỗ Phật khen ngợi
Ta đã tùy thuận nói
Tụ vô lượng phước đức.
Hồi hướng cho chúng sanh
Cùng đến Nhất thiết trí
Nguyện người nghe pháp này
Chóng thành tựu Phật đạo.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

KINH BỒ TÁT ANH LẠC
BỔN NGHIỆP
SỐ 1485
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1485

KINH BỒ-TÁT ANH LẠC BỔN NGHIỆP

Hán dịch: Sa-môn Trúc Phật Niệm,
người Lương Châu đời Diêu Tần.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: ĐẠI CHÚNG VÂN TẬP

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa trở lại nước của vua Bình Sa (Tần Bà Sa La), đến ngồi ở Bồ đề đạo tràng nơi Ngài đã tu hành thành tựu bậc Chánh giác.

Lúc mới thành đạo, ánh sáng của Phật chiếu soi rực rỡ, nay lại phóng ra bốn mươi hai vầng ánh sáng. Mỗi vầng ánh sáng đều có tia sáng công đức trong một trăm vạn A tăng kỳ kiếp làm thành chuỗi ngọc, trang nghiêm thân tướng của Phật đầy khắp pháp giới, trong sáng lắng đọng chiếu suốt như hư không, giác tánh thường trụ, bản thể nhiệm mầu ứng hóa cùng khắp, diệu dụng vĩ đại không gì ngăn trở, là vua là chúa trong tất cả pháp, là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Đức Phật tự nhiên ngồi trên tòa hoa sen sư tử báu có trăm ngàn cánh. Chỗ ngồi của

chư Phật trước kia cũng như vậy, đạo đức, oai nghi, tướng tốt đều giống nhau, thân, khẩu, ý thanh tịnh, phước hạnh đầy đủ. Ánh sáng của Ngài chiếu tận đến tạng báu kim cang, hiện ra vô cùng vô cực chiếu soi các cõi nước; quá khứ, hiện tại, vị lai không bị chướng ngại, giáo hóa tất cả, vượt khỏi pháp và ngã, bình đẳng cả ba đời, trí giác tròn sáng, đạt đến sự bình đẳng với tất cả chư Phật.

Bấy giờ, đại chúng Bồ-tát đều là bậc Nhất sanh bổ xứ, thần thông vi diệu, biến hóa khắp mười phương, pháp thân vô cực, hướng dẫn làm lợi ích cho chúng sanh, khai mở tạng pháp Phật, hiển bày diệu quả Phật tánh, Niết Bàn vô vi, chư vị đều thể nhập vào chân như, hiểu rõ những căn bản bên trong, ngoài, trước, sau, vô cùng vô cực, bình đẳng với cõi Phật không còn phân biệt. Dùng miệng đại bi tán thán danh hiệu Đức Phật không thể tính kể. Các sự việc trong sáu đường đều thấu suốt tất cả. Những nơi đến giáo hóa, chư vị đều khen: Phật nhớ đến chúng ta, xây dựng chí nguyện rộng lớn cho ta nên Ngài thị hiện thân ở các thế giới chư Phật. Đối với cõi nước hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc rất trang nghiêm nơi Phật du hóa hay dừng ở, Ngài đều xiển dương, giáo hóa muôn loài. Phật dùng ánh sáng thần thông hóa độ, khai mở tâm ý cho chúng ta để hiểu rõ bổn nghiệp Anh lạc trang nghiêm của chư Phật, đó là: Mười trụ, Mười hạnh, Mười hồi hướng, Mười địa, địa Vô cấu và địa Diệu giác. Đức Phật

vì ta nói pháp căn bản để đoạn trừ những lỗi lầm và nghi ngờ. Đức Phật cũng vì ta hiện ra cõi Phật, thân Phật, thần thông sức mạnh, trí tuệ của Phật, vô lượng biến hóa, Bốn tâm vô lượng, Bốn vô sở úy, ba nghiệp không lỗi lầm, mười tám pháp Bất cộng và tất cả công đức của đạo Vô thượng. Đức Phật chỉ dạy, mở bày các việc cho chúng ta, thể nhập các quốc độ khắp mười phương.

Như về phương Đông, cách xa vô cực, có cõi Hương Lâm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Nhập Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Kính Thủ.

Về phương Nam, cách xa vô cực, có cõi Nhạc Lâm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Bất Xả Lạc, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Giác Thủ.

Về phương Tây, cách xa vô cực, có cõi Hoa Lâm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Tập Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Bảo Thủ.

Về phương Bắc, cách xa vô cực, có cõi Đạo Lâm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Hạnh Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Tuệ Thủ.

Về phương Đông Bắc, cách xa vô cực, có cõi Thanh Liên, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Bi Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Đức Thủ.

Về phương Đông Nam, cách xa vô cực, có cõi Kim Lâm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Tận Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Mục Thủ.

Về phương Tây Nam, cách xa vô cực, có cõi

Bảo Lâm, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu Thượng Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Danh Thủ.

Về phương Tây Bắc, cách xa vô cực, có cõi Kim Cương, Đức Phật cõi ấy hiệu Nhất Thừa Độ, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Pháp Thủ.

Về phương dưới, cách xa vô cực, có cõi Thủy Tinh, Đức Phật cõi ấy hiệu Đại Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Trí Thủ.

Về phương trên, cách xa vô cực, có cõi Dục Lâm, Đức Phật cõi ấy hiệu Chí Tinh Tấn, Bồ-tát đứng đầu hiệu là Hiền Thủ.

Như vậy, tất cả các quốc độ đều có ánh sáng nơi Pháp thân Phật chiếu đến. Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi các đại Bồ- tát thượng thủ ở khắp mười phương. Mỗi vị Bồ-tát đều cùng vô số bậc thượng nhân đi đến đại hội, đảnh lễ ngang chân Phật rồi ngồi vào tòa hoa sen báu ngàn cánh. Khi ấy, Bồ-tát Kính Thủ là vị đứng đầu trong đại chúng, nhờ thần lực của Phật khen:

Sự tập hợp của Thánh chúng và Ngài quán xét nơi an trú, thanh tịnh cõi Phật cho đến pháp phục, uy đức của Phật, sự tu hành vi diệu và đức độ của Như Lai, sự tu tập hoàn hảo về bốn mươi hai nhân địa của bậc Hiền Thánh, sự giảng thuyết kinh pháp chứng đắc thần thông, tùy cõi trong sạch hay nhiễm ô mà cứu độ hết thảy, phân thân giáo hóa khắp nơi.

Lúc đó, cõi Phật nơi phương khác cũng nói về kinh Anh Lạc Bổn Nghiệp không hai, không khác, khai mở đạo pháp cũng như sự giảng thuyết của Đức Phật Thích Ca. Khi ấy, Bồ-tát Kính Thủ liền nhập chánh định "Chư Phật thần lực đại sư tử hống" liền thưa hỏi pháp môn "Vô lượng đại bảo tạng hải kim cang anh lạc" của tất cả chư Phật và Bồ- tát.

Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mới đến nơi cội cây Bồ đề quán xét nhân duyên, căn cơ của chúng sanh khắp mười phương pháp giới, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp cõi Phật, từ bốn Thiên vương, sáu cõi trời thuộc Dục giới, mười tám cõi của Phạm thiên trở lên, cho đến bốn cõi Vô sắc, tất cả đều cùng đến một lúc trong pháp hội. Có vô lượng cõi nước, cứ mỗi cõi nước phạm vi gồm có một núi Tu Di, một mặt trời, mặt trăng xoay quanh, chiếu soi bốn cõi thiên hạ. Về phương Đông là Phất Vu Đãi. Phương Nam là Diêm Phù Đề. Phương Tây là Cù Đà Ni. Phương Bắc là Uất Đơn Việt. Biển cả rộng lớn vây quanh cõi nước, ở trên có hai mươi tám cõi trời, như vậy gọi là một tiểu thế giới, bao quanh mười phương gồm một tỷ cõi nước. Lúc ấy, ánh sáng của Phật đều hiện trong đó. Cõi Dục gồm: Trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi, trời Tu Diệm Ma, trời Đâu Suất Đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại. Các trời nơi cõi Sắc gồm: Trời Phạm Chúng, trời Phạm Phụ, trời Đại Phạm, trời Thiểu

Quang, trời Vô Lượng Quang, trời Quang Âm, trời Thiểu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, trời Phước Sanh, trời Phước Ái, trời Quảng Quả, trời Vô Tưởng, trời Vô Phiền, trời Vô Nhiệt, trời Thiện Kiến, trời Thiện Hiện, trời Sắc Cứu Cánh. Bốn cõi Vô sắc gồm: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Các cõi trời thuộc về Sắc giới đều có hồ nước rộng lớn, hoa sen mọc lên, cho nên gọi là nước trời, còn những chúng sanh ở cõi Vô sắc đều do hóa sanh, phía dưới cõi Dục thì có năm luân. Phạm vi một cõi Phật bao gồm như vậy, gọi là Đại nhẫn. Đức Phật Thích Ca phân ra trăm ức hóa thân, hiện khắp trong đó. Vì chúng sanh trong thế giới này, nên Ngài nói về công hạnh của chư vị Bồ-tát tu hành Bổn Nghiệp Anh Lạc.

Khi đó, đại chúng, hàng trời, người nhìn cõi Phật và Bồ-tát, thấy như gần nhau, các vị đều vân tập đến tòa kim cang nơi chúng hội ở đạo tràng.

Phẩm 2: TÊN GỌI CỦA CÁC BẬC HIỀN THÁNH

Bấy giờ, Bồ-tát Kính Thủ từ phương khác đến, do thần lực của Phật, thấy đại chúng đều là những bậc long tượng sư tử và hàng chư Thiên nơi hai mươi tám cõi trời đều là những vị có căn hạnh lớn, tiếp nhận thần lực của đức Như Lai nên Bồ-tát thưa hỏi Đức Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Xưa kia Ngài tu hạnh gì mà thành Phật đạo? Thân, miệng, ý đều được thanh tịnh, vững chắc như kim cang không có lỗi lầm với chúng sanh, thể tánh bên trong sáng suốt, soi khắp, thường trụ chẳng diệt, đứng đầu các Bồ-tát, phát ra sắc tướng đoan nghiêm không gì bằng, pháp thân, hóa thân vô vi thanh tịnh, tự nhiên đầy đủ độ thoát vô lượng chúng sanh. Đức Phật hiện thân trong sáu đường thường được Đế Thích và Phạm vương cung kính, như ngọn đuốc sáng trừ diệt tối tăm, như vầng nhật nguyệt soi sáng trời đất, như người thuyền trưởng đưa người qua biển, vượt khỏi ba cõi thành bậc Diệu Giác tối tôn.

Muốn thành đạo này cần phải tu hạnh gì? Những quả vị Hiền thánh tên gọi là gì?

Khi ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng miệng kim cang bảo Bồ- tát Kính Thủ:

- Này Phật tử! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, như pháp mà tu hành.

Trước đây, trên các cõi trời và ở nhân gian, Ta đã khai mở vô lượng hạnh nguyện của tất cả ngôi vị Bồ-tát. Đây là pháp mà tất cả chư Phật suốt trong ba đời đều sẽ nói. Ấy là kinh Anh Lạc Bổn Nghiệp.

Kinh này là pháp liễu nghĩa quyết định, là chỗ tu hành của chư Phật. Hôm nay, Ta sẽ vì căn cơ của đại chúng mười bốn ức người mà khai mở kinh Anh Lạc Bổn Nghiệp, ngươi hãy khéo ghi nhớ,

dùng chí nguyện cao xa, lòng từ bi rộng lớn giáo hóa chúng sanh khắp mười phương.

Này Phật tử! Nếu muốn thành tựu được đạo này trước hết làm sạch ba nghiệp, tu tập giáo pháp Ba ngôi báu, tin theo nhân quả. Nhưng điều ông hỏi là làm thế nào để thể nhập vào tất cả pháp Phật, làm vị Bồ-tát và chẳng bao lâu trở thành vị Phật. Vậy, ông phải học kỹ bốn mươi hai danh tự Hiền Thánh và hiểu rõ nghĩa chắc chắn của pháp môn mà Ta nói. Chư Phật ở mười phương ba đời đều cùng nói như nhau.

- Này Phật tử! Danh hiệu Hiền thánh được gọi như vầy:

Mười trụ gồm: Trụ Phát tâm, trụ Trị địa, trụ Tu hành, trụ Sanh quý, trụ Phương tiện cụ túc, trụ Chánh tâm, trụ Bất thối, trụ Đồng chân, trụ Pháp vương tử, trụ Quán đảnh.

Mười hạnh gồm: Hạnh Hoan hỷ, hạnh Nhiêu ích, hạnh Vô sân hận, hạnh Vô tận, hạnh Lìa si loạn, hạnh Thiện hiện, hạnh Vô trước, hạnh Tôn trọng, hạnh Thiện pháp, hạnh Chân thật.

Mười hồi hướng: Hồi hướng Cứu hộ nhất thiết chúng sanh, Hồi hướng Bất hoại, Hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật, Hồi hướng Chí nhất thiết xứ, Hồi hướng Vô tận công đức tạng, Hồi hướng Tùy thuận bình đẳng thiện căn, Hồi hướng Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh, hồi hướng Chân như

tướng, hồi hướng Vô phược giải thoát, hồi hướng Pháp giới vô lượng.

Mười địa gồm: Địa Nghịch lưu Hoan hỷ, địa Đạo lưu Ly cấu, địa Lưu chiếu Minh, địa Quán kinh Diệm tuệ, địa Độ chướng Nan thắng, địa Bạc lưu Hiện tiền, địa Quá tam hữu Viễn hành, địa Hóa sanh Bất động, địa Tuệ quang Diệu thiện, địa Minh hạnh túc Pháp vân.

Địa Vô tướng Vô cấu (địa Đẳng giác) và địa Diệu giác Vô thượng.

Này Phật tử! Những danh hiệu và pháp môn Hiền Thánh trên đã thu giữ tất cả hạnh công đức. Chư Phật và Bồ-tát đều trải qua những danh hiệu pháp môn này. Tất cả thần thông, tất cả nhân quả, tất cả cảnh giới cũng đều thâu tóm vào những danh hiệu pháp môn ấy. Danh từ hạnh môn đó, chư Phật nơi mười phương đều nói về đạo quả như nhau không thêm không bớt, lời nói chắc chắn như tiếng gầm sư tử. Các ông nên dùng thệ nguyện của mình mà thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết ý vị, nghĩa lý, nguyện cho chúng sanh thể nhập vào pháp Phật, thành Phật như Ta không khác. Các ông hãy nên tu học như thế.

Đức Phật bảo Bồ-tát Kính Thủ:

- Này Phật tử! Hôm nay, Ta nói tóm lược về Trụ phát tâm thứ nhất, một trong mười trụ của bậc Hiền. Khi Bồ-tát chưa lên bậc Trụ tứ nhất có mười

danh tự để gọi mười tâm. Bồ-tát thường thực hành mười tâm này. Đó là: Tâm Tín, tâm Niệm, tâm Tinh tấn, tâm Tuệ, tâm Định, tâm Bất thối, tâm Hồi hướng, tâm Hộ pháp, tâm Giới, tâm Nguyện. Này Phật tử! Tu mười tâm này trải qua một, hai, ba kiếp cho đến khi nhập vào quả vị trụ thứ nhất. Ở trụ thứ nhất tu thêm trăm pháp minh môn, tức là tu mười tâm tín, mỗi một tâm tín lại có mười tâm. Do tu tập trăm pháp minh môn nên phát vô lượng nguyện lớn tu tập hữu hạnh và vô hạnh.

Tu hành như vậy được nhập vào Tập Chủng Tánh, thực hành rộng khắp các hạnh nguyện.

Bậc hiền sơ trụ
Phát nguyện rộng lớn
Nay sanh đến Phật
Vào tất cả nguyện.
Ở trong nguyện, ta
Thành tựu tất cả
Chứng được quả Phật
Do nguyện làm gốc.
Nay ta hành thí
Nguyện cho chúng sanh
Bỏ tâm tham dục
Nhập vào đạo không.
Thường quán pháp giới
Nguyện cho chúng sanh
Giữ tâm tu hành
Chứng đắc giải thoát.

Thường tu sáu nhẫn
Nguyện cho chúng sanh
Được tâm không tranh
Sống trong nhẫn lặng.
Lực tinh tấn lớn
Nguyện cho chúng sanh
Thường hành không nghỉ
Vào quả tự giác.
Tâm trú thiền định
Nguyện cho chúng sanh
Đầy đủ thần thông
Vô vi tự tại.
Tu trí đúng pháp
Nguyện cho chúng sanh
Vào biển trí tuệ
Nối ngôi Bồ-tát.
Hành nguyện vô tướng
Nguyện cho chúng sanh
Đủ tất cả nguyện
Nhập vào biển Phật.
Phương tiện đại trí
Nguyện cho chúng sanh
Sông pháp vô ngại
Đến bờ nhị đế.
Sức thần thông lớn
Nguyện cho chúng sanh
Biến hóa do mình
Đạt vô sở úy.

Biên vực trí đủ
Nguyện cho chúng sanh
Thành trí kim cang
Đạo tràng chứng quả.
Vào Địa Vô cấu
Nguyện cho chúng sanh
Ngồi gốc Bồ đề
Giáo hóa tất cả.
Ta đã giác ngộ
Nguyện cho chúng sanh
Hiểu tương tục giả
Trừ tâm chấp đoạn.
Soi pháp giáo hóa
Nguyện cho chúng sanh
Hiểu pháp duyên thành
Bỏ tâm chấp thường.
Thể Ta được đầy
Nguyện cho chúng sanh
Hiểu pháp đối đãi
Diệt tâm chấp ngã.
Đại bi không duyên
Nguyện cho chúng sanh
Rõ nhờ nhân sanh
Bỏ tâm trộm kiến.
Niết Bàn đệ nhất
Nguyện cho chúng sanh
Hiểu pháp do duyên
Diệt tâm trộm giới.

Chứng đắc mười lực
Nguyện cho chúng sanh
Thông tỏ hai đế
Đoạn tâm tà kiến.
Dùng lực kim cang
Nguyện cho chúng sanh
Rõ mười hai duyên
Diệt tâm si kiến.
Chiếu sáng cùng khắp
Nguyện cho chúng sanh
Biết pháp vô thường
Trừ tâm tham, xan.
Năm nhãn, ba minh
Nguyện cho chúng sanh
Tu đạt ba minh
Diệt tâm si mê.
Hòa hợp không ngại
Nguyện cho chúng sanh
Tiếp nối Tam bảo
Bỏ tâm tranh cãi.
Chứng trí tuệ lớn
Nguyện cho chúng sanh
Vào tất cả không
Diệt kho vô minh.
Ba mươi hai tướng
Nguyện cho chúng sanh
Các tướng tốt đẹp
Diệt y báo xấu.

Được dụng ứng thân
Nguyện cho chúng sanh
Nương thuyền pháp lớn
Vào biển pháp Phật.
Ta nhân quả nguyện
Đều đã đầy đủ
Tất cả hạnh nguyện
Thâu tóm trong đó.
Hai mươi bốn nguyện
Tóm vô lượng hành
Mới phát Tín, Nguyện
Trọn gốc tuệ lớn.
Nay nơi chư Phật
Trước thọ nguyện lớn
Nguyện nay đã đủ
Tiến tu hạnh khác.
Công đức trong đó
Tu trăm ngàn kiếp
Nguyện Ta mới bỏ
Vào vô lượng cõi.
Tất cả Bồ-tát
Nếu vào nguyện này
Thể nhập hoàn toàn
Biển Nhất thiết trí.

Này Phật tử! Bồ-tát trụ ở bậc đó, đã phát nguyện lớn rồi là người vượt qua tất cả phàm phu thành mười tín. Nay lại tu tập vô lượng công đức, đó là mười Ba la mật, ba môn giải thoát: Không,

vô tướng, Vô tác; hữu, vô đều không, thành tựu được quán không, trừ được bốn tướng: Ngã, nhân, chủ, chúng sanh, lần lần dứt bỏ các nhận thức sai lầm, được Thường, lạc, ngã, tịnh, phá diệt vô minh, trói buộc trong ba cõi, đoạn trừ tất cả tập khí của nghiệp, tích chứa sâu dày tất cả pháp lành, thành tựu tám vạn bốn ngàn trí tuệ Ba-la-mật. Những hạnh môn đều gồm thâu vào tâm mình, niệm niệm không rời tự tâm.

Này Phật tử! Có mười giới trọng (khi đã vi phạm) không thể sám hối, nên thọ nhận và giữ gìn.

Một, không được giết mạng sống loài người cho đến chư Thiên nơi hai mươi tám cõi trời, chư Phật và Bồ-tát.

Hai, không được trộm cắp cho đến trộm lấy cộng cỏ, lá cây.

Ba, không được dâm dục cho đến dâm dục với hàng phi nhân.

Bốn, không được nói dối cho đến nói dối đối với hàng phi nhân.

Năm, không được nói tội lỗi của Bồ-tát xuất gia hay tại gia.

Sáu, không được bán rượu.

Bảy, không được tự khen ngợi mình, chê bai người khác.

Tám, không được keo kiệt, bỏn xẻn.

Chín, không được sân giận cho đến sân giận đối

với hàng phi nhân.

Mười, không được hủy báng Tam bảo.

Nếu phạm giới này là phạm Ba la di (khí tội) không thể sám hối, phải bị đọa trong mười kiếp, một ngày chịu tội chết đi sống lại tám vạn bốn ngàn lần, do đó không nên phá giới. Này Phật tử! Nếu mất trụ phát tâm thứ nhất thì nhị trụ, tam trụ cho đến mười địa tất cả đều bị mất. Vì thế giới pháp là hạnh căn bản của tất cả chư Phật và Bồ-tát. Nếu hết thảy chư Phật, Bồ-tát không do pháp môn mười giới này mà chứng được quả vị Hiền Thánh, thì đó là điều không thể có. Tướng trụ thứ nhất này là hạng đầu tiên trong Tập chủng tánh, cứ như vậy pháp hạnh của chín bậc trụ sau dần dần càng rộng lớn hơn, cho đến pháp hạnh của Chín Trụ, Mười Hạnh, Mười Hồi hướng, Mười Địa, địa Vô cấu, cũng dần dần tăng trưởng rộng lớn, không thể nghĩ bàn. Này Phật tử! Nay Ta nói tóm lược chỉ như một giọt nước trong biển cả.

Phẩm 3: HỌC QUÁN CỦA HIỀN THÁNH

Bấy giờ, Bồ-tát Kính Thủ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng nghĩa danh tự học quán của Bồ-tát và các dụng tâm phải như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Này Phật tử! Câu hỏi của ông giống như câu hỏi của các Bồ-tát ở cõi Phật khắp mười phương,

vào lúc tất cả chư Phật ngồi nơi gốc Bồ đề thành đạo không khác và những vị Bồ-tát có thể thưa hỏi về ý nghĩa ấy đều cùng một danh hiệu là Kính Thủ. Vậy hãy lắng nghe, suy nghĩ, chánh quán như pháp tu hành. Này Phật tử! Tất cả chư Phật đều cùng thuyết giảng sáu quán minh, ba môn tam muội, Ta cũng thuyết như vậy. Sáu chủng tánh là chuỗi anh lạc công đức, dùng trang nghiêm hai loại Pháp thân của các Bồ-tát. Bồ-tát đeo mang trăm vạn vô số hạnh công đức làm bằng chuỗi anh lạc. Nếu chư Bồ-tát không vào hạnh môn công đức anh lạc mà được dựa vào chánh vị của Bồ-tát thì việc ấy không thể có.

Này Phật tử! Tánh ở đây là tánh Tập chủng, tánh Tánh chủng, tánh Đạo chủng, tánh Thánh chủng, tánh Đẳng giác, tánh Diệu giác.

Sáu chủng tánh này còn gọi là sáu sự kiên cố, gồm có Tín kiên, Pháp kiên, Tu kiên, Đức kiên, Đảnh kiên, Giác kiên. Lại có tên sáu Nhẫn. Nhẫn tín, Nhẫn pháp, Nhẫn tu, Nhẫn chánh, Nhẫn vô cấu, Nhẫn nhất thiết trí. Lại có tên là sáu Tuệ: Tuệ văn, Tuệ tư, Tuệ tu, Tuệ vô tướng, Tuệ chiếu tịch, Tuệ tịch chiếu. Lại có tên là sáu Định: Định tập tướng, Định định tánh, Định đạo tuệ, Định đạo chủng tuệ, Định đại tuệ, Định chánh quán. Lại có tên là sáu Quán: Quán trụ, Quán hạnh, Quán hướng, Quán địa, Quán vô tướng, Quán nhất thiết chủng trí.

Này Phật tử! Tất cả chư Phật và Bồ-tát đều nhập vào sáu pháp quán minh này quyết định liễu nghĩa pháp môn thật tướng.

Này Phật tử! Trước ông đã hỏi về ý nghĩa danh tự, đó là chuỗi anh lạc báu bằng đồng. Còn danh tự của Bồ-tát, đó là trong tánh Tập chủng có mười bậc: Bồ-tát Phát tâm, Bồ-tát Trì địa, Bồ-tát Tu hành, Bồ-tát Sanh quý, Bồ-tát Phương tiện cụ túc, Bồ-tát Chánh tâm, Bồ-tát Bất thối, Bồ-tát Đồng chân, Bồ-tát Pháp vương tử, Bồ-tát Quán đảnh.

Này Phật tử! Với anh lạc báu bằng bạc thì danh tự của Bồ-tát là thuộc trong Tánh chủng tánh, gồm có mười hạng: Bồ-tát Hoan hỷ, Bồ- tát Nhiêu ích, Bồ-tát Không sân hận, Bồ-tát Vô tận, Bồ-tát Lìa si loạn, Bồ-tát Thiện hiện, Bồ-tát Vô trước, Bồ-tát Tôn trọng, Bồ-tát Thiện pháp, Bồ-tát Chân thật.

Này Phật tử! Về anh lạc báu bằng vàng, thì danh tự của Bồ-tát là thuộc trong Tánh Đạo chủng, có mười bậc: Bồ-tát cứu hộ nhất thiết chúng sanh lìa tướng chúng sanh, Bồ-tát Bất hoại, Bồ-tát bình đẳng với tất cả Phật, Bồ-tát đạt đến hết thảy xứ, Bồ-tát công đức tạng vô tận, Bồ-tát thiện căn bình đẳng, Bồ-tát tùy thuận cùng quán sát chúng sanh, Bồ-tát chân như tướng, Bồ-tát giải thoát không còn bị trói buộc, Bồ-tát pháp giới vô lượng.

Này Phật tử! Về anh lạc báu bằng lưu ly, thì danh tự của Bồ-tát thuộc tánh Thánh chủng, có

mười bậc: Bồ-tát địa Hoan hỷ, Bồ-tát địa Ly cấu, Bồ-tát địa Minh tuệ, Bồ-tát địa Diệm quang, Bồ-tát Địa-nan thắng, Bồ-tát địa Hiện tiền, Bồ-tát địa Viễn hành, Bồ-tát địa Bất động, Bồ-tát địa Thiện tuệ, Bồ-tát địa Pháp vân.

Này Phật tử! Có hàng trăm vạn A tăng kỳ anh lạc công đức như vậy để trang nghiêm hai thứ Pháp thân của Bồ-tát. Bốn mươi quả vị trên đây gọi là Học hành, đều nhập vào dòng nước pháp trí để tắm gội.

Này Phật tử! Về anh lạc báu bằng ngọc ma ni, thì danh tự của Bồ-tát là ở trong tánh Đẳng giác, có một bậc là Bồ-tát Kim Cang Tuệ Tràng, an trú trong thiền vắng lặng tối cao. Do năng lực của đại nguyện mà duy trì tuổi thọ trong năm kiếp, tu ngàn pháp Tam muội, đến khi nhập Tam muội Kim cang thì đồng với tất cả pháp tánh, hai đế đều là Đệ nhất nghĩa đế, là tướng hợp nhất. Lại duy trì thọ mạng trong một ngàn kiếp, học oai nghi của Phật, như voi chúa ngắm nhìn sư tử bước đi. Lại tu tập vô lượng không thể nghĩ bàn thần thông và pháp giáo hóa của chư Phật. Cho nên tất cả pháp Phật đều được hiện tiền, nhập vào hành xứ của Phật, an trú nơi đạo tràng Như Lai vượt thoát ba thứ ma chướng. Lại duy trì thọ mạng một vạn kiếp, thị hiện thành Phật nhập vào định vắng lặng vĩ đại, giác ngộ ngang hàng với các Đức Phật, vượt ngoài hai đế chẳng có chẳng không, không tâm, không sắc, tập

nhân, khổ quả hai thứ đều dứt sạch. Hiện đồng với Phật xưa, chỉ có danh tự ứng thân, hóa thân, vì hiện sắc tâm giáo hóa chúng sanh, thị hiện như các Phật trước, luôn hành theo trung đạo, được an lạc lớn, vô vi. Mặc dù sanh diệt có khác, nhưng thật ra chẳng phải là Phật hiện thần thông của Phật mà là thường an trú nơi cảnh giới bản thể.

Này Phật tử! Về anh lạc báu là công đức của địa Diệu giác, ví như chuỗi ngọc thủy tinh trong suốt trong ngoài, Thánh tánh Diệu giác luôn lắng trong gọi là bậc Nhất thiết trí, thường an trú nơi trung đạo, trên tất cả pháp, vượt khỏi bốn ma, chẳng có chẳng không, tất cả tướng đều vắng bặt liền chứng Đại giác, bản thể nhiệm mầu ứng hóa cùng khắp, báo thân ứng thân luôn thường trụ để giáo hóa những ai có đủ căn duyên. Này Phật tử! Hôm nay Ta nói tóm lược về các danh tự của Hiền Thánh, các ngươi nên thọ trì, thực hành để hóa độ chúng sanh.

Này Phật tử! Trước ông đã hỏi về các pháp hành của tâm như thế nào? Đó là mười tâm: Tâm trụ phát khởi, Tâm trụ trì địa, Tâm trụ tu hành, Tâm trụ sanh quý, Tâm trụ phương tiện, Tâm trụ chân chánh, Tâm trụ bất thối, Tâm trụ đồng chân, Tâm trụ pháp vương tử, Tâm trụ quán đảnh.

Lại nữa, đây là mười tâm của chủ thể quán và pháp của đối tượng quán. Một là Bồ-tát tích chứa sâu dày tất cả các căn lành. Đó là bốn thệ nguyện

rộng lớn. Người chưa đạt đến Khổ đế làm cho họ đạt tới Khổ đế. Người chưa hiểu Tập để làm cho họ hiểu Tập đế. Người chưa an trụ nơi Đạo đế khiến họ được an trụ. Người chưa chứng Niết Bàn khiến họ chứng đắc Niết Bàn.

Này Phật tử! Hai là Bồ-tát tu tập vô lượng các hành thiện. Đó là tu bốn niệm xứ, quán về Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Do quán bốn niệm pháp đều như hư không, không còn bốn quan niệm điên đảo, tất cả các pháp đều giả danh, đều như huyễn hóa. Năm ấm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sáu đại: Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức, tất cả các pháp đều không có tự tướng, không có tha tướng, vì huyễn hóa như hư không.

Này Phật tử! Ba là Bồ-tát tu tập hoàn toàn đạo pháp của Phật. Đó là học quán mười nhất thiết nhập: Bốn đại, bốn sắc, không xứ, thức xứ, quán đúng như thật tướng của nó.

Này Phật tử! Bốn là Bồ-tát đối trước Đức Phật thọ pháp tu hành. Đó là thắng xứ. Quán về tướng rộng, tướng lược nơi hai thắng xứ thuộc năm ấm bên trong. Quán tướng rộng, lược của hai thắng xứ thuộc chúng sanh nơi pháp giả có bên ngoài. Quán tướng rộng, lược của bốn thắng xứ thuộc bốn đại pháp. Quán tất cả pháp đều rỗng lặng, không tướng như vậy.

Này Phật tử! Năm là Bồ-tát tu các pháp thanh

tịnh. Tức tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân: Ít ham muốn, Biết đủ, Tịch tĩnh, Tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, Chánh tuệ và Không hý luận, tùy thuận tất cả pháp.

Này Phật tử! Sáu là Bồ-tát được chư Phật hộ niệm, tức là quán tám giải thoát. Do quán văn tuệ được sự bất động đối với giả tướng bên trong và ngoài. Do tư tuệ giải thoát mà được sự bất động đối với năm ấm bên trong và các pháp bên ngoài. Do tu tuệ giải thoát mà được sự bất động đối với sáu quán đầy đủ: năm ấm thuộc sắc giới đều rỗng không, ba môn giải thoát, năm ấm thuộc vô sắc giới và định diệt tận, vì tướng giải thoát của năm ấm là nhất Như.

Này Phật tử! Bảy là Bồ-tát hành hóa chánh pháp rộng khắp. Đó là thực hành lục hòa, ba nghiệp đồng giới, đồng kiến, đồng hành. Vì nhập vào pháp lục hòa này, hoàn toàn rỗng lặng nên an trú ở quả vị bất thối.

Này Phật tử! Tám là Bồ-tát được sự tin vui đối với đại pháp, tức là đạt được ba pháp không. Vì tất cả nhân không nên không tạo tác (vô tác). Vì tất cả quả không nên không có tướng trạng (vô tướng). Vì nhân không, quả không, cả hai đều không, nên các không đều không (không). Các pháp như vậy đều như hư không.

Này Phật tử! Chín là Bồ-tát này thực hành bốn

tâm vô lượng, dùng bốn Thánh đế để giáo hóa chúng sanh, chỉ rõ ba cõi là khổ, không vui, vô minh tập khí làm nhân, do đó thọ mạng vô cùng, đạo phẩm ba không là vô vi, vắng lặng, tướng bốn Thánh đế là không hai, là một hợp tướng.

Này Phật tử! Mười là Bồ-tát này ưa thích mong cầu công đức của Phật. Tức là tu sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, được tất cả công đức của Phật. Mỗi một niệm thể nhập vào "Tam muội Như huyễn", những nơi tu tập thường được hiện tiền.

Này Phật tử! Trước đây, ở cung trời Đao Lợi, Ta đã vì chư Thiên nói về danh nghĩa và pháp của đối tượng quán đầu tiên thuộc mười trụ, là những vị còn trong hàng phàm phu. Tất cả Bồ-tát đều nhập vào những pháp môn này để hướng đến biển Nhất thiết trí.

Này Phật tử! Đây là mười tâm của bậc Thập hạnh: Một là tâm hành hoan hỷ. Hai là tâm hành tạo lợi ích. Ba là tâm hành không sân giận. Bốn là tâm hành không cùng tận. Năm là tâm hành lìa si loạn. Sáu là tâm hành khéo thị hiện. Bảy là tâm hành không chấp trước. Tám là tâm hành tôn trọng. Chín là tâm hành đầy đủ pháp thiện. Mười là tâm hành chân thật.

Này Phật tử! Đây tức là pháp của đối tượng quán và tâm của chủ thể quán nơi mười hành: Một

là Bồ-tát này vì muốn tự mình đạt được Nhất thiết chủng trí nên tu tập bốn pháp Chánh cần. Pháp lành chưa sanh dùng phương tiện làm cho phát sanh. Pháp lành đã sanh dùng phương tiện làm cho tăng trưởng. Pháp ác chưa sanh dùng phương tiện khiến chẳng sanh. Pháp ác đã sanh dùng phương tiện khiến cho diệt trừ. Khi Bồ-tát tu hành như vậy là nhằm cầu đạt quả vị Phật.

Này Phật tử! Hai là Bồ-tát này muốn tự thân có năng lực vĩ đại nên tu tập bốn Như ý túc: Chánh niệm định cảnh, Tinh tấn theo đuổi, Định tâm thâu giữ, Tuệ soi sáng cảnh giới thiền định. Tu bốn pháp này chứng được pháp vô sanh tự tại.

Này Phật tử! Ba là Bồ-tát này vì muốn đầy đủ năng lực vô úy nên tu tập năm căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, hiểu rõ năm căn đều là vô tướng.

Này Phật tử! Bốn là Bồ-tát này mong cầu đầy đủ về Tam bảo. Đó là năm phần pháp thân: Giới trừ diệt những hiện hành sai trái. Do định nên tâm không loạn động. Nhờ tuệ thông tỏ các tưởng hư giả. Vì tâm giải thoát nên không bị trói buộc. Do không bị trói buộc nên nhận biết tất cả chúng sanh không bị ràng buộc. Do tri kiến giải thoát cho nên thấy rõ các pháp đồng như hư không, không có hai tướng.

Này Phật tử! Năm là Bồ-tát này vì muốn giáo hóa tất cả chúng sanh, do đó tu hành tám chi Thánh

đạo: Từ thầy dạy mà phát sanh tuệ giải là chánh tri kiến. Được nghe pháp rồi tư duy là chánh tư duy. Siêng năng tu tập không hề nhàm chán gọi là chánh tinh tấn. Ba chi bốn, năm, sáu, người xuất gia thọ học ba chi này gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Hai chi bảy và tám nhập được tánh không các pháp gọi là chánh định, chánh tuệ. Quán tướng hợp nhất, không hai của pháp vô sanh.

Này Phật tử! Sáu là Bồ-tát vì muốn được tâm từ bi rộng lớn nên tu bảy pháp Bồ đề phần: Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hộ (xả) giác phần, Hỷ giác phần, Định giác phần. Tuệ (khinh an) giác phần gọi là pháp môn quán để nhập nhất tướng.

Này Phật tử! Bảy là Bồ-tát vì muốn thành tựu bốn trí vô ngại nên tu tập năm thiện căn: Chánh quán, Noãn quán, Đảnh quán, Nhẫn quán, Thế đệ nhất trong ba cõi không, nên có thể sanh trí tuệ sáng suốt lớn, vô tướng ở mười địa hay Thánh thai (Ba Hiền: Mười Trụ, mười Hạnh, mười Hồi hướng) lúc chưa biến đổi, vì bình đẳng với đệ nhất nghĩa không.

Này Phật tử! Tám là Bồ-tát vì muốn nhập vào khắp cõi Phật để giáo hóa nên tu tập bốn vô ngại biện: Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Lạc thuyết vô ngại biện. Bốn vô ngại biện này gọi là Tuệ tánh, soi rõ các pháp vô sanh, thực hành trong Đệ nhất nghĩa đế.

Này Phật tử! Chín là Bồ-tát vì muốn trong một niệm soi chiếu thấy rõ tất cả pháp, nên quán về mười hai nhân duyên tương quan trong ba đời. Hai chi ở quá khứ là Vô minh và các Hành. Các chi ở hiện tại là: Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu. Hai chi ở vị lai là Sanh, Lão tử đều giả hợp mà thành. Thật tánh của nhân duyên là không nắm bắt được.

Này Phật tử! Mười là Bồ-tát vì muốn tự tại chuyển bánh xe pháp. Nghĩa là: Bồ-tát đầy đủ ba nghĩa Tam bảo. Khi đó, Bồ-tát ở nơi trung đạo của Đệ nhất nghĩa, trí là Giác bảo. Tất cả pháp không sanh, không động tức là Pháp bảo. thường thực hành và hòa mình với chúng sanh trong sáu đường nên gọi là Tăng bảo. Do đó, hướng dẫn chúng sanh nhập vào biển Phật.

Này Phật tử! Trước đây, ở tại cung trời Diệm Ma, Ta đã vì chư Thiên mà giảng thuyết Thập hạnh của hàng phàm phu. Hôm nay, ở đây nói tóm lược về những pháp căn bản, các ngươi hãy nên thọ trì. Tất cả chư Phật đều giảng thuyết như vậy.

Này Phật tử! Đây là mười Tâm hồi hướng: Một là tâm cứu hộ tất cả chúng sanh lìa tướng chúng sanh hồi hướng. Hai là tâm không hư hoại hồi hướng. Ba là tâm bình đẳng với tất cả chư Phật hồi hướng. Bốn là tâm hướng đến tất cả nơi chốn hồi hướng. Năm là tâm chứa giữ công đức vô tận hồi hướng. Sáu là tâm bình đẳng tùy thuận thiện căn

hồi hướng. Bảy là tâm bình đẳng quán tất cả chúng sanh hồi hướng. Tám là tâm là tướng chân như hồi hướng. Chín là tâm giải thoát không còn bị trói buộc hồi hướng. Mười là tâm đồng pháp giới vô lượng hồi hướng.

Này Phật tử! Đây là mười Tâm của chủ thể quán nơi pháp của đối tượng quán. Một là Bồ-tát này học tập Đệ nhất nghĩa đế bằng cách quán về nhị đế, quán tướng của tất cả pháp là như như, không thể nắm bắt. Dùng từ, bi, hỷ, xả chỉ dạy truyền trao cho hàng trời, người trong sáu đường. Cạo đầu, đắp y, quy y Tam bảo, Bồ-tát xuất gia được dự vào tất cả Tam bảo. Vì được Đệ nhất thanh tịnh nên đối với Phật pháp không hai.

Này Phật tử! Hai là Bồ-tát này thâm nhập trí tuệ Đệ nhất nghĩa, chính là thành tựu năm thứ thần thông, là diệu dụng sai biệt của tuệ tâm sở. Thiên là sự thần diệu của tâm. Thân hình biến hóa là thiên thần thông. Thiên nhãn là thấy những hình sắc lớn nhỏ nơi các pháp trong ba đời. Thiên nhĩ là nghe được tất cả các tiếng của muôn loài khắp mười phương. Tha tâm trí thông là biết được tâm ý của tất cả chúng sanh. Túc mạng trí thông là thấy rõ từng phần thọ mạng của chúng sanh trong sáu đường qua ba đời. Do trí vô sanh mà thấy biết tất cả pháp.

Này Phật tử! Ba là Bồ-tát này tâm đã thuần thục, nương vào trí vô sanh để thành tựu được bốn

đức tin trong sạch không hoại. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Giới thì lòng tin không hoại.

Này Phật tử! Bốn là Bồ-tát với tâm lượng đồng với diệu lực của Phật tức ba tướng. Các pháp vốn không, giả gọi là Sanh. Đã có lại hoàn không, giả gọi là Diệt. Chẳng phải không có pháp, giả gọi là Trú. Cho nên thông đạt tất cả pháp không, không hai.

Vì tướng của đệ nhất nghĩa đế rỗng lặng nên gọi tướng Thế đế là không.

Này Phật tử! Năm là Bồ-tát này giới lường tính về nghiệp lực của chúng sanh, xét thấy năm ấm, sắc khác với không. Tập hợp của sắc thành đại chủng thuộc về sắc phần. Tướng sắc rỗng lặng do từng sát na liên hệ thành tâm, tướng của tâm rỗng lặng nên Thọ, tưởng, hành, thức không tập hợp, không phân tán vì cùng một tướng là vô tướng.

Này Phật tử! Sáu là Bồ-tát tu học theo năng lực giáo hóa của Phật, nên tu quán về mười hai nhập, sáu trần bên ngoài, sáu căn bên trong làm giao tiếp cho sáu thức xứ gọi là nhập. Với tuệ quán của Bồ-tát chẳng ở bên trong, chẳng ở bên ngoài, chẳng ở giữa, tất cả pháp đều không tự, không tha.

Này Phật tử! Bảy là Bồ-tát hướng đến trí vô ngại, tức mười tám giới, là sáu căn, sáu trần, sáu thức đều một tướng hợp nhất, vì tất cả pháp cũng là một tướng hợp nhất.

Này Phật tử! Tám là Bồ-tát này thuận theo trí tuệ tự nhiên của mình, tức là thuận nhân, quả, thiện, ác gọi là nhân; khổ vui là quả. Nguyên do là nhân, chỗ dấy khởi là quả. Do khởi lên sự đối đãi lẫn nhau gọi chung là nhân quả. Nhưng nhân, quả đều không, chẳng sanh, chẳng diệt nên đều là tướng hợp nhất.

Này Phật tử! Chín là Bồ-tát có thể thọ nhận Phật, Pháp, Tăng, tức là quán nhị đế là không. Nhân duyên tập hợp gọi là có, chẳng phải thấy có mà bảo có. Nhân duyên phân tán nên gọi là không, chẳng phải bảo có là hoàn toàn không. Đối với cái có mà không hoặc không mà không, cả hai đều chẳng liên quan đến trí tuệ giải thoát, nó không có hai tướng.

Này Phật tử! Mười là Bồ-tát dùng tuệ tự tại để hóa độ hết thảy chúng sanh. Tức là lấy trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế làm cảnh của đối tượng duyên cho thể trí tuệ để quán thấu suốt các pháp, nhưng lại không hai. Tuệ quán này chuyển dần, nhập vào Thánh địa (Sơ địa). Do đó, gọi là tâm quán tương tợ với Đệ nhất nghĩa đế, nhưng chưa phải hoàn toàn đúng với đối tượng quán của lý trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế. Đại Bồ-tát từ Địa thứ nhất trở lên mới quán đúng lý trung đạo ấy. Có ba quán tâm để nhập vào các địa đó là: Từ giả quán mà nhập vào không quán để quán hai đế. Từ không nhập vào giả gọi là quán bình đẳng. Hai pháp quán này là

đạo phương tiện. Do hai pháp quán không này mà nhập vào quán trung đạo thuộc Đệ nhất nghĩa đế, chiếu soi cả hai đế, mọi tâm vắng lặng, nhanh chóng nhập vào dòng nước pháp trí của bậc Sơ địa, gọi là Ma ha tát Thánh chủng tánh, trong pháp vô tướng mà tu trung đạo, nhưng vẫn không hai.

Này Phật tử! Do ba mươi tâm ấy để nhập vào đức tin đối với Nhất thừa, làm nhân pháp cho Nhất thừa, chẳng phải những hành thường mà có được. Cần tu hạnh rộng lớn và tâm vĩ đại, trải qua ba A tăng kỳ kiếp mới hàng phục được những thử thách (nhẫn đạo) từ đó được đầy đủ đức tin.

Này Phật tử! Việc tiến tới và thối lui là từ bậc mười trụ trở về trước. Bồ-tát phát khởi ba tâm Bồ đề đều còn ở trong pháp của hàng phàm phu, có hằng sa chúng sanh học hành giáo pháp của Phật. Những người tâm do tin tưởng tu hành thì thuộc phần có thể thối lui thiện căn. Những thiện nam nào trong một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp, tu tập mười tín thì được vào mười trụ. Người này, lên trụ thứ nhất tiếp tục tu đến sáu trụ. Nếu tu Bát nhã Ba-la-mật thứ sáu với sức chánh quán hiện tiền, liền gặp chư Phật, Bồ-tát, các tri thức thiện ủng hộ, vượt qua sáu trụ và lên bảy trụ, tâm thường an trú không thối lui, từ bảy trụ về trước gọi là thành phần có thể thối chuyển.

Này Phật tử! Nếu như Bồ-tát vào bậc bất thối, thể nhập trí tuệ Bát nhã là độ thứ sáu, tu về quán

không, không ngã, không nhân, không có thọ giả, hoàn toàn không sanh, chắc chắn được vào hàng chánh vị Bồ-tát.

Này Phật tử! Nếu từ một kiếp, hai kiếp, ba kiếp cho đến mười kiếp không gặp được tri thức thiện, thì có thể làm cho những Bồ-tát ấy thối tâm Bồ đề. Như trong hội đầu tiên của Ta có tám vạn người thối tâm như: Thiên tử Tịnh Mục, Vương tử Pháp Tài, Xá-lợi-phất… Các vị này muốn vào trụ thứ bảy, nhưng trong đó vì gặp nhân duyên xấu ác, nên thoái hóa vào hàng phàm phu, bất thiện, không còn gọi là tánh Tập chủng, lại rơi vào hàng ngoại đạo, hoặc một kiếp, hoặc mười kiếp cho đến ngàn kiếp, trở thành đại tà kiến, phạm tội ngũ nghịch, làm tất cả việc ác. Đây là tướng của sự thối tâm. Này Phật tử! Trước đây ở cõi trời thứ tư (cung trời Đâu Suất), Ta đã thuyết giảng rộng rãi về mười hồi hướng, là pháp của phàm phu. Hôm nay ở nơi cội Bồ đề này Ta nói tóm lược những điều chính yếu. Bồ-tát các vị hãy khéo lãnh hội để tu hành.

Này Phật tử! Tâm của mười địa gồm có: Tâm tu bốn vô lượng, tâm tu mười thiện, tâm sáng rực rỡ, tâm tuệ sáng soi, tâm tối thắng vĩ đại, tâm thường hiện tiền, tâm không sanh diệt, tâm chẳng nghĩ bàn, tâm tuệ sáng suốt, tâm thọ nhận quả vị.

Lại nữa, mười Tâm của chủ thể quán nơi pháp của đối tượng quán: Một là trí tuệ của bậc an trú nơi địa Hoan hỷ của lý trung đạo thuộc Đệ nhất

nghĩa đế. Nghĩa là hai mươi tâm hoan hỷ, mười nguyện vô tận, ứng hiện Pháp thân vào cõi Phật khắp mười phương, sử dụng năm thông, nhập vào Tam muội như huyễn, ứng hóa hiện vô lượng công đức, không thọ nhận quả báo nơi ba cõi Khổ, tập, diệt, đạo. Hai loại Pháp thân thay đổi thọ sanh, ba quán hiện tiền thường tu tâm ấy, nhập vào trăm pháp minh môn, hoàn toàn không bị ba mươi phiền não chi phối, mọi tâm đều vắng lặng vào dòng nước pháp, tự nhiên chảy vào biển Nhất thiết trí.

Này Phật tử! Địa thứ hai, Bồ-tát tu hành pháp bảo "Kim cang hải tạng", tức là tự mình tu hành mười nghiệp thiện, cùng giáo hóa người tu như vậy, khen ngợi người tu mười nghiệp thiện, ca ngợi mười pháp thiện, hiện thân trong ngàn cõi Phật, giáo hóa chúng sanh. Vị này thành tựu ba pháp diệu quán, trung đạo vô tướng.

Này Phật tử! Địa thứ ba, Bồ-tát này nhập vào Tam muội Như huyễn, tức là mười hai môn thiền. Sơ thiền có các trạng thái: Giác, Quán, Hỷ, Lạc, Nhất tâm, năm chi này làm nhân, thứ sáu là tâm vắng lặng, chính là thể của Định. Bốn chi Hỷ, Lạc, Ỷ (Trừ), Nhất tâm làm nhân, thứ năm là tâm vắng lặng, chính là thể của Định. Năm chi Lạc, Hộ, Niệm, Trí, Nhất tâm làm nhân, thứ sáu là tâm vắng lặng, chính là thể của Định. Bốn chi Không khổ, Không lạc, Hộ niệm, Nhất tâm làm nhân. Nhân này gọi là phương tiện, Thứ năm là tâm vắng lặng,

chính là thể của Định. Thiền gọi là chi lâm, Định gọi là thâu giữ, trải qua nhiều kiếp không bị phân hủy, gọi là Định.

Về bốn Định không, mỗi một đều có năm chi, vì thể và dụng tương tự nhau nên phương tiện đạo cũng giống nhau. Chi phần gồm có: Tưởng, Hộ, Chánh, Quán, Nhất tâm, năm chi ấy làm nhân, thứ sáu là tâm vắng lặng, chính là thể của Định. Từ Định, phát sanh bốn tâm vô lượng gọi là bốn định vô lượng. Bậc Thánh nhân thị hiện giống cách thức của phàm phu, nhưng năng lực tự tại thì hơn hẳn phàm phu. Bồ-tát này nhập vào vô lượng Định, hiện thân nơi trăm ngàn cõi Phật để giáo hóa chúng sanh.

Này Phật tử! Địa thứ tư, Bồ-tát này tu hành hết tất cả kho tàng pháp bảo, tức là ba mươi bảy phẩm trợ đạo: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất phần Bồ đề, bát chi Thánh đạo. Phần Bồ-tát này lực hành vĩ đại, thị hiện một ức Pháp thân nhằm giáo hóa tất cả chúng sanh.

Này Phật tử! Địa thứ năm, Bồ-tát này nhập vào trí quán pháp giới, quán mười sáu đế: Hữu đế, Vô đế, Trung đạo thuộc Đệ nhất nghĩa đế, Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, Tướng đế, Sai biệt đế, Thị thành đế, Thuyết đế, sự đế, Sanh khởi đế, Tận vô sanh đế, Nhập đạo đế, Như Lai trú đế. Tất cả pháp gì thuộc ngũ minh luận đều ở trong một niệm tâm, Bồ-tát này đều sử dụng cùng một lúc, thị hiện vô

lượng thân trong tất cả cõi Phật để lãnh thọ pháp môn giáo hóa của Đức Phật.

Này Phật tử! Địa thứ sáu, Bồ-tát này hiểu biết rõ các duyên khởi của pháp hữu lậu, nên phát sanh trí tuệ, quán chiếu mười thứ Mười hai nhân duyên bằng mười trí soi chiếu. Đó là: Mười hai nhân duyên của ngã kiến. Mười hai nhân duyên của tâm. Mười hai nhân duyên của vô minh. Mười hai nhân duyên của tướng duyên do. Mười hai nhân duyên của sự trở thành. Mười hai nhân duyên của ba nghiệp. Mười hai nhân duyên của ba đời. Mười hai nhân duyên của ba khổ. Mười hai nhân duyên của tánh không. Mười hai nhân duyên trói buộc thọ sanh. Bồ-tát này vì quán thuận nghịch mà thị hiện vô lượng thân vào tất cả cõi Phật, giáo hóa hết thảy chúng sanh.

Này Phật tử! Địa thứ bảy, Bồ-tát này đã hết quả báo hữu lậu, thành tựu trí tuệ không chướng ngại. Do trí tuệ của ba môn giải thoát quán chiếu hai thứ tập khí thuộc ba cõi, nên vị này diệt trừ hoàn toàn quả báo thuộc sắc và tâm. Tất cả công hạnh, công đức, sự tạo tác đều hoàn thành. Những thần thông, sự biến hóa, nơi làm, chỗ tạo tác chẳng phải một mà cũng chẳng phải hai, pháp nào cũng đầy đủ. Việc tu hành phát sanh tất cả hạnh công đức, diệu dụng, cho đến những hạnh công đức, diệu dụng của bậc địa thượng đã chuẩn bị hoàn thành. Các căn bản thực hiện tất cả công hạnh lấy mười Ba-la-mật

(độ) làm gốc, gồm có: Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Trí, Nguyện, Phương tiện, Thông lực và Tuệ vô tướng, dụng công thực hành mười độ đã xong, vô vi không tạo tác, nhập vào dòng nước pháp trí, mọi tâm đều vắng lặng, tự nhiên chảy vào biển Nhất thiết trí.

Này Phật tử! Địa thứ tám, Bồ-tát này thực hành diệu quán đạo không công dụng. Nghĩa là trí tuệ vô tướng vĩ đại, diệu dụng nơi phương tiện là vô cùng, không có tập khí của sắc pháp, trừ hết vô minh, trong trăm vạn kiếp tôn kính chư Phật qua vô lượng cõi. Với một niệm tâm vận dụng mọi lúc hiện như hình Đức Phật và tất cả chúng sanh. Trong một niệm tâm cùng một lúc thị hiện như vậy nhưng vẫn không công dụng.

Này Phật tử! Địa thứ chín, Bồ-tát này chứng được trí tuệ thâu rõ các pháp, là đã hoàn thành bốn mươi biện tài, những hạnh công đức, đoạn trừ các tập khí của tâm và vô minh, tất cả tạng Phật và tạng biến thông, trong một niệm tâm, cùng một lúc, Bồ-tát thị hiện thân Phật, thân chúng sanh trong khắp vô lượng đại thiên thế giới, ứng dụng vô lượng phương pháp nhằm giáo hóa chúng sanh.

Này Phật tử! Địa thứ mười, Bồ-tát này vận dụng trí quán vô ngại, là phát ra vô lượng mây pháp, mưa pháp tuôn xuống đầy khắp chúng sanh. Hai tập khí vô minh (sắc, tâm) nay đã tiêu diệt, lãnh thọ chức vị lớn. Sức thần thông biến hóa không thể

tính kể, thị hiện như Phật, vì diệu dụng là hoàn toàn vô tướng.

Này Phật tử! Mười địa trên đây, tất cả ba Hiền đều vào pháp môn này, tu tập chứng đắc thành tựu quả vị Chánh giác.

Này Phật tử! Trước kia ở cõi trời thứ sáu (Tha Hóa Tự Tại), Ta đã nói về mười địa, hướng dẫn giáo hóa cho hàng chư Thiên. Hôm nay, Ta chỉ nói tóm lược, các ông nên lãnh thọ, tu tập.

Này Phật tử! Bậc thứ bốn mươi mốt là địa Vô cấu, tâm của Bồ- tát này gọi là tâm thể nhập pháp giới. Nghĩa là tâm ở định ấy là dũng mãnh, hàng phục, nhập vào "Tam muội pháp quang" này tu hành mười pháp, gồm có: Một là học thần thông, biến hóa không thể nghĩ bàn của Phật. Hai là nhóm họp vô lượng Bồ-tát quyến thuộc. Ba là tu lại pháp môn đã tu ở trước. Bốn là thuận theo và thưa hỏi tất cả chư Phật trong các cõi nước. Năm là từ biệt cha mẹ, vô minh. Sáu là đi vào cánh cửa huyền diệu của Phật. Bảy là thị hiện như Phật, thị hiện tất cả hình tướng. Tám là cả hai Pháp thân đều được đầy đủ. Chín là không còn hai thứ tập khí. Mười là lên đến đỉnh núi Trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế. Thế nên, Bồ-tát ở địa Vô cấu từ trụ phát tâm thứ nhất trở đi cho đến địa này, mỗi bậc phải trải qua vô lượng kiếp tu bốn mươi tâm với vô lượng pháp môn và công đức. Lại từ Địa thứ nhất tu hành hai thứ Pháp thân với vô lượng công đức, phải qua

trăm ngàn kiếp hành trì mới thành tựu đầy đủ kho tàng Phật pháp, thể nhập Tam muội tướng tận, hoàn thành quả vị Nhất thiết trí, thường thực hành hạnh của Phật.

Này Phật tử! Trước đây ở Đệ tam thiền, Ta đã tập hợp chúng Bồ- tát trong tám cõi thiền, nói về Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ, thể nhập Tam muội Phật hoa, nêu rõ trăm vạn ức kệ. Nay chỉ dùng nghĩa của một kệ tóm tắt lại, khai mở tâm của chúng sanh. Các ngươi hãy nên thọ trì.

Này Phật tử! Bậc bốn mươi hai gọi là tâm Tịch diệt nơi địa Diệu Giác. Tâm của địa này là tính thường trụ. Sự vô cùng cực cũng là thứ nhất, trong suốt như hư không, là bậc Nhất thiết chủng trí thấu rõ lý nơi đế vô sanh của chúng sanh từ đầu đến cuối. Chỉ có Đức Phật mới biết cùng tận nguồn gốc của chúng sanh, những gì có đầu có cuối Phật đều thấy rõ, cho đến tất cả phiền não, tất cả quả báo của chúng sanh. Một niệm tâm Phật đều thích ứng, soi chiếu tận nguồn gốc. Tất cả quốc độ, tất cả quả báo, tất cả thần thông, biến hóa của chư Phật, Bồ-tát, Phật đồng thời trong một niệm tâm đều biết rõ tất cả, cảnh giới không thể nghĩ bàn, ra ngoài hai đế, chỉ một không hai.

Này Phật tử! Trước đây Ta đã ở nơi cội Bồ đề, khi giảng nói về biển pháp giới, lúc ấy có tám vạn Bồ-tát nơi địa Vô cấu, thân ở hiện tại chứng đắc quả Phật. Hôm nay, vì đại chúng này, nói tóm lược

hành xứ quả vị Phật. Các ngươi nên lãnh thọ.

Bấy giờ, Bồ-tát Kính Thủ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Từ bậc Địa thứ nhất đến mỗi địa về sau, Bồ- tát đều có quả báo thần thông, biến hóa và hai loại pháp thân. Một là thân pháp tánh, hai là pháp thân ứng hóa. Hai thân này tướng tâm và tướng sắc như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Này Phật tử! Quả xuất thế gian từ Địa thứ nhất cho đến Phật địa, mỗi địa đều có hai thứ pháp thân. Pháp thân này ở trong dòng nước pháp tánh của Đệ nhất nghĩa đế, từ Phật tánh sanh khởi trí. Thật trí là pháp thân, pháp chỉ cho tự thể, tích chứa làm thân. Tất cả chúng sanh đều do căn lành chiêu cảm với pháp thân của thật trí này, nên pháp thân ấy có thể ứng hiện vô lượng pháp thân, thị hiện trong tất cả cảnh giới và quốc độ tất cả thân Phật và chúng sanh, tất cả thân Bồ-tát, đều có thể thị hiện tất cả loại thân không thể nghĩ bàn, cõi nước cũng lại như vậy. Này Phật tử! Độ là chỗ ở của tất cả Hiền Thánh. Cho nên tất cả chúng sanh, Thánh Hiền, mỗi một đều ở cõi quả báo của mình. Nếu là phàm phu chúng sanh còn thân năm ấm, năm ấm bên trong là cõi chánh báo. Núi, rừng, đất đai và những gì chung có là cõi y báo. Những bậc Thánh nhân ở Địa thứ nhất cũng có hai cõi. Một là cõi Thật trí, căn bản trí nương nơi hậu đắc trí làm cõi. Hai là

trải qua vô lượng vô số kiếp ứng hiện nơi cõi Tịnh, Uế, gọi là cõi Biến hóa, đến cõi địa Vô cấu cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh cho tới địa Vô cấu, đều chẳng phải là cõi Tịnh, vì còn an trú nơi quả báo. Chỉ có Phật là ở nơi trung đạo thuộc Đệ nhất nghĩa đế, tức cõi Pháp tánh (Thường tịch quang độ) do đó, trước đây, trên giảng đường Phổ quang, Ta đã vì tất cả chúng sanh giảng

thuyết rõ về pháp môn Tịnh độ.

Này Phật tử! Bồ-tát địa thứ nhất trong nhất niệm tâm hoàn toàn vô tướng, Trí thân, Pháp thân, thành tựu trăm vạn A tăng kỳ pháp công đức, soi chiếu hai đế, mọi tâm đều vắng lặng trong dòng nước pháp, không thể dùng tâm thức của hàng phàm phu mà suy xét về hai thứ pháp thân huống gì là đối với hai địa, ba địa cho đến địa Diệu giác. Song trong địa ứng hóa, có thể cho là Bồ-tát nơi Địa thứ nhất có trăm, ngàn, vạn thân cho đến vô lượng thân, có buộc, có mở. Còn pháp thân thì mọi tâm đều vắng lặng trong dòng nước pháp, trên không thấy tất cả pháp Phật và quả báo để mong cầu, chứng đắc; dưới chẳng thấy có vô minh, kiến chấp để đoạn, chúng sanh để hóa độ. Chỉ vì sự giáo hóa trong đế lý thế gian mà thấy có Phật để cầu, kiến chấp để đoạn, chúng sanh để hóa độ. Này Phật tử! Cũng có thể cho tu pháp của ba Hiền nhập vào bậc Thánh, ở trong dòng nước pháp mọi tâm đều vắng lặng, tự nhiên hòa nhập nơi biển lớn Diệu

giác… Này Phật tử! Cho đến gọi là ba Hiền, mười địa cũng là không tên, không tướng, chỉ lấy theo sự ứng hóa để gọi. Vì đạo pháp chư Phật xưa đã có danh từ mười địa… Này Phật tử! Ông nên thọ trì tất cả giáo pháp của chư Phật, đều bình đẳng như nhau không khác.

Này Phật tử! Quả báo của thế gian là Bồ-tát ở mười trụ phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu bằng đồng, làm vua Chuyển luân, có bánh xe báu bằng đồng, có trăm người con phước dùng làm quyến thuộc, sanh nơi một cõi Phật, lãnh thọ lời Phật dạy, tu hành giáo hóa người ở hai chân thiên hạ. Bồ-tát mười hạnh phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc bằng bạc, làm vua Chuyển luân, có bánh xe báu bằng bạc, có năm trăm người con phước dùng làm quyến thuộc, sanh trong hai cõi Phật, lãnh thọ giáo pháp Phật, tu hành, giáo hóa chúng sanh ở ba châu thiên hạ. Bồ-tát mười hồi hướng phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu bằng vàng, làm vua Chuyển luân, có bánh xe báu bằng vàng, có một ngàn người con phước dùng làm quyến thuộc, sanh trong mười cõi Phật, giáo hóa tất cả chúng sanh khắp bốn châu thiên hạ.

Bồ-tát ở Địa Hoan hỷ (Sơ địa), phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc trăm tay, có tướng bánh xe báu bằng bảy thứ báu, làm Tứ thiên vương, có vạn người con theo làm quyến thuộc, một trăm

pháp thân, làm một trăm cõi Phật, giáo hóa thiên hạ khắp mười phương.

Bồ-tát ở Địa thứ hai phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc quý bằng ngàn báu, tướng bánh xe báu với tám thứ ngọc quý, làm vua cõi trời Đao Lợi, có hai vạn người con theo làm quyến thuộc.

Bồ-tát ở Địa thứ ba phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc quý bằng vạn báu, tướng bánh xe báu bằng chín thứ báu, làm vua cõi trời Diệm Ma, quyến thuộc nhiều không thể tính kể.

Bồ-tát ở Địa thứ tư phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc quý bằng một ức báu, tướng bánh xe báu bằng mười thứ báu, làm vua cõi trời Đâu Suất, quyến thuộc cũng nhiều không thể tính kể.

Bồ-tát ở Địa thứ năm phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu có ánh sáng trời, tướng bánh xe báu bằng mười một thứ báu, làm vua cõi trời Hóa Lạc, quyến thuộc nhiều không thể tính kể.

Bồ-tát ở Địa thứ sáu phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc ma ni quý có ánh sáng rực rỡ, tướng bánh xe báu bằng mười hai thứ ngọc, làm vua cõi trời Tha Hóa Tự Tại, quyến thuộc nhiều không thể tính kể.

Bồ-tát ở Địa thứ bảy phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu Tuệ quang như rồng ngàn sắc, tướng bánh xe báu bằng mười ba thứ ngọc, làm vua cõi trời Phạm Thiên, quyến thuộc đông nhiều

không thể tính kể.

Bồ-tát ở Địa thứ tám phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu sáng như Phạm sư tử, tướng bánh xe báu bằng Đại ứng báu, làm vua cõi trời Quang Âm, quyến thuộc nhiều không thể kể.

Bồ-tát ở Địa thứ chín phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu sáng trong, tướng bánh xe báu sáng như mây trắng, làm vua cõi trời Vô Lượng Tịnh, quyến thuộc rất nhiều.

Bồ-tát ở Địa thứ mười phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu sáng trăm vạn thần thông, tướng bánh xe báu bằng ngọc vô úy, làm vua cõi trời Tịnh Cư, quyến thuộc rất nhiều.

Bồ-tát Đẳng giác, phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu sáng bằng ngàn vạn sắc trời, tướng bánh xe báu sáng như Giác đức, làm vua ba cõi, tất cả Bồ-tát đều là quyến thuộc.

Địa Diệu giác Phật, phước báo trang nghiêm với chuỗi anh lạc báu sáng rực do vô lượng tạng công đức, tướng bánh xe báu bằng ngàn phước đức, là bậc Pháp vương của pháp giới, tất cả Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ đều là quyến thuộc.

Này Phật tử! Tướng chuỗi anh lạc báu bánh xe báu trên đây, tất cả chư Phật và Bồ-tát khi di chuyển, khi ngừng lại thường tùy theo thân, cũng vì để giáo hóa tất cả chúng sanh, nên có những pháp gọi là danh số quả báo.

Này Phật tử! Bồ-tát nơi ba Hiền hàng phục nghiệp đạo phiền não phần thô, quả tương tục thô nơi ba cõi cũng không khởi nghiệp thô, là Bồ-tát kiến đạo. Địa Hoan hỷ Nhẫn phục diệt nghiệp đạo ở ba cõi ác. Địa Ly cấu Nhẫn phục diệt nghiệp đạo ở trong loài người. Địa Phát quang Nhẫn phục diệt nghiệp đạo ở sáu cõi trời. Địa Diệm tuệ Nhẫn phục diệt các kiến chấp. Địa-nan thắng Nhẫn phục diệt các kiến chấp nghi ngờ. Địa Hiện tiền Nhẫn phục diệt nguyên nhân của nghiệp. Địa Vô sanh Nhẫn phục diệt quả báo của nghiệp đạo. Địa Bất động Nhẫn phục diệt nghiệp đạo tạo nhân nơi sắc pháp. Địa Thiện tuệ (Quang địa) Nhẫn phục diệt nghiệp đạo nơi nhân của tâm. Địa Pháp vân (tịch diệt) Nhẫn phục diệt hai thứ nghiệp đạo tập khí sắc và tâm. Địa Đẳng giác (Vô cấu) Nhẫn phục diệt tập khí nghiệp đạo, đoạn trừ các tập khí từ trước nhưng quả vẫn còn. Thế nên, này Phật tử! Bồ-tát nơi ba Hiền gọi là hàng phục chưa đoạn trừ. Từ Nhẫn nơi Địa Hoan hỷ trở lên vừa đoạn trừ và hàng phục các phiền não. Khi đến bậc Địa Diệu giác, Nhẫn hiện tiền thì tất cả vô minh trong Như Lai tạng nhanh chóng đoạn sạch.

Này Phật tử! Vô minh là không hiểu rõ về tất cả các pháp. Vì mê mờ pháp giới mà khởi nghiệp quả trong ba cõi. Cho nên Ta nói: Từ vô minh phát sanh mười ba phiền não. Đó là tà kiến, ngã kiến, thường kiến, đoạn kiến, chấp thủ giới cấm, chấp

lấy quả báo, chấp tánh nghi ngờ. Bảy kiến ấy chấp giữ tất cả sự mong cầu nên gọi là chấp kiến. Từ những chấp này phát sanh sáu thứ tâm chấp trước: Tham lam, yêu mến, giận dữ, ngu si, ham muốn, kiêu mạn, thường sanh khởi trong pháp giới.

Này Phật tử! Tất cả phiền não đều do mười ba thứ ấy làm nguồn gốc. Vô minh và mười ba thứ phiền não ấy tạo thành gốc rễ. Do đấy, theo trong pháp giới, riêng thành quả báo nơi ba cõi. Này Phật tử! Hai nghiệp tham chấp làm mê tất cả sắc trong pháp giới, vì tâm ham muốn nên phát sanh quả báo, chia làm quả báo ở cõi Dục.

Này Phật tử! Hai nghiệp tham chấp làm mê tất cả các sắc tâm trong pháp giới, vì thế sắc tâm sanh khởi quả báo, chia làm quả báo ở cõi Sắc.

Này Phật tử! Hai nghiệp tham chấp làm mê tất cả các định tâm trong pháp giới, vì thế định tâm sanh khởi quả báo, chia làm quả báo ở cõi Vô sắc.

Vì vậy, trong một pháp giới mà có quả báo khắp ba cõi. Tất cả những pháp hữu vi hoặc phàm, hoặc Thánh, hoặc tham chấp, hay tham đắm, hoặc nhân quả đều không ra ngoài pháp giới. Chỉ có Đức Phật là bậc ở ngoài pháp giới, sau đó, lại trở vào trong pháp giới tạng, vì chúng sanh còn trong vô minh, chỉ bày tất cả quả báo lành, dữ, sự khác nhau đến vô lượng.

Này Phật tử! Trước hết là Bồ-tát nơi ba Hiền

hàng phục vô minh trong ba cõi, nhưng sự dụng công còn là nghiệp thô. Vì sao? Vì khi thọ sanh, căn lành làm duyên cho chủng tử sẵn có, yêu thương làm nghiệp nhuận sanh, vì thế, thọ nhận quả vị lai, do đó gọi là dừng lại nghiệp dụng, nhưng chẳng đoạn ái dụng.

Bậc thứ mười một (hạnh Hoan hỷ) cũng còn hàng phục nghiệp quả của ba cõi trong pháp giới.

Từ bậc Sơ Địa cho đến bảy Địa, nghiệp quả của ba cõi đều được đoạn trừ, nhưng đến tám Địa mới thật sạch hết. Từ đó trở lên, thị hiện thành Phật, thọ sanh trong vương cung, xuất gia thành đạo, chuyển bánh xe chánh pháp, nhập Niết bàn, vì thị hiện tất cả thế giới của các Đức Phật, nên những quả báo của chủng tử ái nhiễm nơi ba cõi không còn, chỉ còn tập khí của căn bản vô minh, nhưng đều do theo sức đại nguyện biến hóa sanh. Vì thế, trước đây Ta ở thiên cung đã thuyết giảng về ý nghĩa có sanh, không sanh, nghiệp sanh hay biến hóa sanh. Này Phật tử! Trong quả vị Thánh có hai thứ nghiệp: Một là Tuệ nghiệp, là trí tuệ vô tướng, vô sanh, mọi tâm chuyên vào pháp tánh. Tuy sanh nhưng lặng yên nên gọi là Tuệ nghiệp. Hai là Công đức nghiệp, từ nơi Thật trí phát sanh các pháp vô lậu trong Tục đế hữu vi, tích chứa trăm vạn A tăng kỳ công đức, vì thế gọi là Công đức nghiệp. Từ Thánh nơi Địa thứ nhất lên các Địa sau là thị hiện thọ sanh, vì sanh tử biến dịch đã chấm dứt, chẳng

tạo nghiệp mới, do nghiệp lực mà duy trì thọ mạng hàng trăm ngàn kiếp, biến hóa thọ sanh khắp nơi.

-oOo-

KINH BỒ-TÁT ANH LẠC BỔN NGHIỆP

QUYỂN HẠ

Phẩm 4: GIẢI THÍCH Ý NGHĨA

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Kính Thủ:

- Trước đây, ông đã hỏi về nghĩa và tướng. Hôm nay, Ta sẽ nói về nghĩa và tướng của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, Địa Vô cấu và Địa Diệu giác.

Này Phật tử! Trong kinh Kim Cang Hải Tạng Anh Lạc này giải thích về nghĩa tướng của bậc Hiền Thánh, nghĩa phát xuất từ Thể. Thể là thể của Bồ-tát, nghĩa gọi là công đức. Hai pháp như thế làm thể, làm nghĩa của tất cả Bồ-tát, do đó gọi là Thể, Nghĩa.

Này Phật tử! Trụ Phát tâm (Trụ thứ nhất) là vị ấy ban đầu chỉ là phàm phu, chưa biết Tam bảo, Thánh nhân, chưa nhận biết nhân quả xấu tốt, lành dữ. Tất cả đều không nhận thức, không hiểu, không biết. Này Phật tử! Từ hạng phàm phu không hiểu biết gặp được chư Phật, Bồ-tát khởi một niệm tin đối với giáo pháp, lại phát tâm Bồ đề. Bấy giờ, người ấy được gọi là Bồ-tát tin tưởng, cũng gọi là

Bồ-tát giả danh, cũng gọi là Bồ-tát danh tự, vị này thực hành tóm lược mười tâm, gồm có tâm Tín, tâm Tấn, tâm Niệm, tâm Tuệ, tâm Định, tâm Giới, tâm Hồi hướng, tâm Hộ pháp, tâm Xả, tâm Nguyện. Lại thực hành thêm mười tâm, như tu mười pháp thiện, năm giới, tám giới, mười giới, sáu Ba-la- mật giới. Người này lại tu thêm mười điều thiện, hoặc một kiếp, hai kiếp, ba kiếp tu mười tâm Tín được hưởng phước báo của sáu cõi trời. Căn lành bậc thượng có ba phẩm: Thượng phẩm làm Thiết Luân Vương cai trị một châu thiên hạ. Trung phẩm làm Túc Tán Vương. Hạ phẩm làm vua trong loài người. Người này còn đủ tất cả phiền não, nhưng đã tích lũy vô lượng nghiệp lành, có khi thối thất cũng có lúc tiến lên. Nếu được gặp thiện tri thức chỉ dạy pháp Phật, hoặc một kiếp, hai kiếp mới vào quả vị Trụ. Nếu không như vậy thì bị chìm đắm không thể ra khỏi, thuộc thành phần thối lui thiện căn. Này Phật tử! Phát tâm trụ là hạng người có căn lành thuộc thành phần tiến lên. Hoặc một kiếp, hai kiếp ở

chỗ có nhiều chư Phật, tu tập mười tâm Tín, tin tưởng Tam bảo, thường trụ trong tám vạn bốn ngàn trí tuệ Ba-la-mật, tất cả các hành và pháp môn đều thọ trì, tu tập, luôn phát khởi tâm tín, không tạo mười thứ tà kiến, năm tội nghịch, tám thứ nhận thức điên đảo, không sanh vào chỗ nạn, thường gặp pháp Phật, văn tuệ rộng lớn, tìm đủ mọi cách mới

vào cảnh giới không, an trú vào tánh không nên gọi là Trụ. Vị này trước kia tu tập pháp Phật bằng tâm thông tỏ về lý không. Tất cả công đức không tự mình tạo, mà tâm sanh tất cả công đức. Tuy thế, người này không gọi là Địa, chỉ được gọi Trụ.

Này Phật tử! Bậc Trụ Trị địa là thường tùy theo tâm không, lắng sạch tám vạn bốn ngàn pháp môn, do đạt thanh tịnh nên gọi là Trụ Trị địa. Này Phật tử! Nuôi lớn hết thảy các hành nên gọi là trụ Tu hành. Sanh vào nhà Phật, chủng tánh thanh tịnh là trụ Sanh quý. Tu tập, vun trồng vô lượng căn lành, gọi là trụ Phương tiện cụ túc. Thành tựu trí tuệ thứ sáu gọi là trụ Chánh tâm. Nhập vào lý vô sanh nơi cảnh giới không, rốt ráo, tâm thường tu hành không, vô tướng, vô nguyện, gọi là trụ Bất thối. Từ khi phát tâm không sanh điên đảo, không khởi tà kiến ma sự phá tâm Bồ đề, gọi là trụ Đồng chân. Ở trong giáo pháp của đấng Pháp vương mà sanh giác ngộ, sẽ tiếp nối quả vị Phật, gọi là trụ Pháp Vương Tử. Từ những quán không của chín bậc trên, chứng được tâm vô sanh tối thượng, gọi là trụ Quán đảnh. Theo tâm Quán đảnh tiến vào ngôi vị biết năm ấm là tánh không, thực hành tám vạn bốn ngàn trí tuệ Ba-la- mật, gọi là mười hạnh.

Này Phật tử! Khi mới nhập vào thể tánh không, không bị tà luận của ngoại đạo làm nghiêng đổ, nhập vào chánh vị gọi là hạnh Hoan hỷ. Thường giáo hóa tất cả chúng sanh khiến đạt được lợi lạc,

gọi là hạnh Nhiêu ích. Đối với pháp thực chứng, tâm nhẫn không ngã, ngã sở gọi là hạnh Vô sân hận. Thường an trú vào công đức, hiện hành giáo hóa chúng sanh, gọi là hạnh Vô tận. Khi mạng chung, quỷ vô minh không làm loạn, không làm cho ô trược, không mất chánh niệm, gọi là hạnh Lìa si loạn. Đời nào cũng thường sanh nơi cõi Phật, gọi là hạnh Thiện hiện. Ở nơi ngã là vô ngã cho đến tất cả pháp không, gọi là hạnh Vô trước hạnh. Thường kính trọng pháp Phật trong ba đời gọi là Tôn trọng. Thuyết pháp, truyền trao cho người, việc gì cũng thành phép tắc gọi là hạnh Thiện pháp. Hai đế Chân, Tục, chẳng phải như, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng gọi là hạnh Chân thật.

Này Phật tử! Từ tâm chân thật nhập vào cảnh giới của chúng sanh không, vô ngã không, hai không bình đẳng không khác, tướng nhất quán là tướng hợp nhất, học tập trăm vạn ức quán không về trí tuệ Ba-la-mật, xoay vần từ trước đến sau, tâm tâm quan sát chỉ có trạng thái vắng lặng, sáng suốt, nuôi lớn những pháp minh quán của bậc Mười địa hồi nhân, hướng quả. Lại dùng vô lượng tâm không bỏ, không nhận. Pháp của mười hồi hướng cũng như vậy. Này Phật tử! Thường dùng tâm vô tướng, luôn vào sáu đường để nhận quả báo, không nhận mà nhận, các sự thọ nhận như vậy đều xoay vần biến đổi nhằm chuyển hóa chúng sanh, gọi là hồi hướng Cứu hộ nhất thiết chúng sanh lìa tướng

chúng sanh. Quán tất cả pháp chỉ có thọ dụng, chỉ có danh, mỗi niệm không ngừng, gọi là hồi hướng Bất hoại. Tất cả thời tu hành pháp Phật trong ba đời, gọi là hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật. Dùng diệu lực của nguyện lớn vào tất cả cõi Phật để cúng dường chư Phật, gọi là hồi hướng Hướng đến nhất thiết xứ. Vì thường an trú nơi Tam bảo, giáo hóa cho mọi người, gọi là hồi hướng Vô tận công đức tạng. Tu tập hành tướng thiện và vô lậu thiện mà không hai, gọi là hồi hướng Tùy thuận bình đẳng thiện căn. Vì quán cha mẹ hoặc thiện hoặc ác không hai chỉ là một tướng hợp nhất, gọi là hồi hướng Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh. Vì thường quán chiếu hai đế "hữu, vô", biết tất cả pháp là tướng hợp nhất, gọi là Hồi hướng Như tướng. Vì thấy các pháp không hai, Bát nhã vô sanh, hai đế bình đẳng, quá khứ, hiện tại, vị lai đều là tướng hợp nhất, gọi là hồi hướng Giải thoát không còn trói buộc. Giác ngộ tất cả pháp đều là trung đạo của Đệ nhất nghĩa đế vô tướng, các pháp đều là một tướng chiếu soi, gọi là hồi hướng Pháp giới vô lượng.

Này Phật tử! Ba mươi tâm này nếu giải thích đủ thì có vô lượng vô biên nghĩa, chẳng phải tất cả trí của hàng phàm phu có thể suy lường được. Vì đó là con đường giáo hóa của tất cả chư Phật và Bồ-tát trong mười phương.

Này Phật tử! Trước ông hỏi: Thế nào là Địa?

Này Phật tử! Địa là duy trì (giữ gìn). Giữ gìn trăm vạn A tăng kỳ công đức, cũng gọi là sanh, thành tựu tất cả nhân quả nên gọi là địa. Bỏ hạnh phàm phu sanh vào nhà Phật, tiếp nối quả vị Bồ-tát, nhập vào Thánh chúng, bốn loài ma không làm cho điên đảo, giữa hữu và vô thể tánh đều bình đẳng, cả hai đều chiếu sáng đức tin rộng lớn mới được đầy đủ. Lại tu học quán trung đạo vô sanh nơi Đệ nhất nghĩa đế. Tu học pháp môn minh quán, trên từ Địa thứ hai, Địa thứ ba, cho đến Địa thứ mười một, mọi tâm đều vắng lặng, thể nhập vào dòng nước pháp. Một tướng, không tướng, hai thứ thân không gì ngăn ngại, thần thông biến hóa đều nhập vào cõi Phật, gọi là địa Hoan hỷ. Vì chân chánh vô tướng nên nhập hoàn toàn vào cảnh giới không của chúng sanh, hiện thân khắp các thế giới của vạn đức Phật, sáu thông biến hóa vô ngại, gọi là địa Ly cấu. Này Phật tử! Tuệ giác sáng suốt và tín nhẫn, tu tập mười hai bộ kinh của Phật thuở xưa: Trường hàng, Trùng tụng, Thọ ký, Phúng tụng, Tự thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bổn sự, Bổn sanh, Phương quảng, Vị tằng hữu, Luận nghị. Lại dùng pháp này để giáo hóa chúng sanh, tâm sáng suốt, thần thông biến hóa gọi là địa Minh (địa Phát quang). Từ trí vô sanh tùy thuận để phát sanh pháp nhẫn, quán hai tướng chân tục của các pháp, trên là quán các công đức của Phật, dưới quán cảnh giới nơi sáu đạo của chúng sanh. Do quán pháp Đại từ

nên thuyết pháp, ban cho niềm vui. Do quán Đại bi nên cứu chúng sanh thoát khỏi ba đường khổ. Do quán Hỷ nên mọi người được yên vui. Do quán Xả nơi khắp chúng sanh nên đều hội nhập thể tánh bình đẳng. Vì nhập bảy pháp quán như trên nên gọi là địa Diệm huệ. Với pháp thuận nhẫn tiến tu Thánh đạo, vô minh trong ba cõi cùng nghị kiến, tất cả đều không, thành tựu công đức nơi tám thứ biện tài, nhập vào năm minh, năm luận, tức là bốn thuật biện luận về nhân, quả và thuật biện luận về nội điển, ngoại điển, bất cứ lĩnh vực nào cũng đều thông suốt gọi là Địnan thắng. Với pháp quán thuận nhẫn bậc thượng, quán tất cả pháp thuộc về quá khứ, hiện tại và vị lai đều là tướng hợp nhất. Nhân duyên pháp giới là tướng vắng lặng, không hai, gọi là địa Hiện tiền.

Này Phật tử! Các pháp nhẫn vô sanh, quán các pháp chẳng phải là có phiền não, chẳng phải là không phiền não, một lần sanh ra, một lần diệt đi, một lần thành quả, một thân sau cùng thuộc trong ba giới, vừa xuất vừa nhập, tích chứa vô lượng công đức, thường hướng đến địa bậc trên, mọi niệm đều vắng lặng gọi là địa Viễn hành. Này Phật tử! Do Bồ-tát quán pháp vô sanh, dứt bỏ quả báo nơi ba cõi và những tác dụng của quả biến dịch, thể nhập trung nhẫn của Tuệ vô tướng, từ không hiện có, từ có hiện không, tự tại biến hóa vô thường, tự thấy thân mình sắp đạt quả là chư Phật xoa đỉnh

đầu, thuyết pháp, thân, tâm nơi hành riêng không thể nghĩ bàn, nên gọi là địa Bất động. Bồ-tát lại vào quán pháp môn thượng nhẫn, mỗi một ánh sáng đều có hóa Phật, do thể vô sanh nhẫn, thị hiện tất cả thân Phật, gọi là địa Diệu huệ.

Này Phật tử! Bồ-tát tu tập đến đây là nhập hạ phẩm Đại tịch nhẫn của lý trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế, làm công hạnh Phật, an tọa nơi tòa hoa sen báu có ngàn cánh, nhận sự thọ ký để thành vị Phật, học công năng giáo hóa của Phật. Hai thứ tập khí đã được chiết phục, đoạn trừ, thành tựu lòng tin sâu xa đối với quả Phật, đồng với chân như và pháp giới. Chân, tục hai đế đều là một tướng, đầy đủ tất cả các công đức, thể nhập nơi căn cơ chúng sanh, anh lạc vô thượng là công đức trang nghiêm, đồng thời xuất hiện tất cả hình tướng, nên gọi là địa Pháp vân.

Này Phật tử! Bấy giờ, Bồ-tát an trú vào Nhẫn quán của trung phẩm Đại tịch môn, công hạnh đều đầy đủ, lên đỉnh Đại sơn, trăm ngàn Tam muội tích chứa oai nghi, diệu dụng của Phật, chỉ còn tích lũy quả đức. Với vô thường, sanh, diệt, mọi tâm không còn bị lay động, tu hạnh vượt qua địa thứ mười, hiểu biết như Phật, ngồi chỗ Phật ngồi. Trí tuệ của Bồ-tát này thấy rõ của cảnh giới chân thường và vô thường của các pháp. Nên biết, Bồ-tát này như đức Phật, gọi là học với đức Phật. Tất cả các Bồ-tát ở địa dưới không biết sự sai khác của Bồ-tát này, đối

với đức Phật gọi là Bồ-tát, đối với Bồ-tát ở địa dưới gọi là Phật. Vì sao? Vì Bồ-tát dùng đại năng lực biến hóa để duy trì mạng sống trong trăm kiếp, vạn kiếp, thị hiện làm Phật, hiện tướng Đản sanh, thành đạo, chuyển bánh xe pháp, nhập Niết bàn Vô dư, giảng thuyết tám pháp luân tương tợ như Phật, nhưng chẳng phải quả Phật. Gọi bằng với chư Phật vì oai nghi, đi đứng… như Phật, an trú trong trăm ngàn Tam muội. Do thực hành những hạnh Phật như vậy, nên nhập vào Định Kim cang nhất tướng, vô tướng vắng lặng, vô vi gọi là địa Vô cấu. Đạo Bồ-tát với diệu quán thượng nhẫn vắng lặng vô cùng, vô tướng. Chỉ làm duyên sanh ra pháp thiện cho chúng sanh, cũng tự giữ gìn các công đức, nên gọi là Phật tạng, vừa tịch tĩnh mà soi chiếu tất cả pháp, cũng như tất cả Bồ-tát dưới Phật cũng vừa chiếu vừa tịch. Thế nên, này Phật tử! Trước kia ở cõi Tứ thiền, Ta vì tám ức Phạm thiên vương trình bày về tịch, chiếu của Như Lai không tâm, không sắc, vắng lặng, soi chiếu tất cả pháp. Hôm nay, Ta nói tóm lược về câu và nghĩa, vì đại chúng này thuyết giảng về các hạnh pháp thiện.

Phẩm 5: PHẬT MẪU

Bấy giờ, Bồ-tát Kính Thủ thưa:

- Bạch đức Thế Tôn! Hai loại chiếu, trí của Phật và Bồ-tát từ đâu sanh ra? Về nghĩa tịch chiếu và chiếu tịch là thế nào? Pháp tánh của nhị đế là một

hay hai? Thuộc về có hay không? Đệ nhất nghĩa đế là như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Này Phật tử! Gọi là hữu đế, vô đế, trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế, là mẹ sanh ra trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát, cho đến tất cả pháp cũng là mẹ sanh ra trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát. Vì sao? Vì chư Phật và Bồ-tát đều từ pháp sanh. Này Phật tử! Hai đế là: Thế đế (Hữu đế) là giả có mà chẳng hoàn toàn không, Vô đế là chân không nên chẳng phải có. Hai đế thường như vậy nên chẳng phải một. Bậc Thánh soi chiếu thấy chúng là không nên chẳng phải hai. Dù có đức Phật hay không có thì pháp giới cũng không thay đổi, nên chẳng phải không. Đệ nhất nghĩa không hai nên chẳng phải có. Dù có đức Phật hay không thì pháp giới cũng có hai tướng nên chẳng phải một. Các pháp thường thanh tịnh nên chẳng phải hai. Vì chư Phật trở lại làm phàm phu nên chẳng phải không. Vì không là không nên chẳng phải có. Vì không thật nên chẳng phải một. Bổn tế không sanh nên chẳng phải hai. Không hủy hoại giả danh nơi tướng của các pháp nên chẳng phải không. Các pháp tức chẳng phải các pháp, nên chẳng phải có. Pháp chẳng phải pháp nên chẳng phải hai. Chẳng phải phi pháp nên chẳng phải một. Này Phật tử! Nghĩa của hai đế là chẳng phải một cũng chẳng phải hai, chẳng thường cũng chẳng đoạn, không đến cũng không đi, không sanh

cũng không diệt, mà hai là tướng tức như Thánh trí không hai không có hai nên gọi là mẹ sanh ra trí tuệ của chư Phật và Bồ-tát. Này Phật tử! Vô số cõi Phật ở mười phương đều cũng như vậy. Hôm nay Ta vì đại chúng nói tóm lược về nghĩa căn bản của hai đế trong kinh Minh Nguyệt Anh Lạc này.

Lúc ấy, Bồ-tát Kính Thủ bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật, Bồ-tát với đại trí tuệ phương tiện bình đẳng, chiếu soi các pháp giới, làm cho giác ngộ nhanh hay chậm? Tạng thức vô minh và tâm là một hay khác? Số lượng lâu mau như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Này Phật tử! Ông ở đời quá khứ, trong giáo pháp của bảy đức Phật trước, mỗi mỗi đều đã thưa hỏi, chẳng phải là không rõ! Nay vì mười bốn ức vị trong đại chúng này, ông muốn khiến cho đại chúng hiểu rõ pháp ấy nên thưa hỏi chăng?

Này Phật tử! Hôm nay, vì đại chúng mười bốn ức người, Ta dùng kim cang khẩu nói về liễu nghĩa quyết định. Pháp hội thuở xưa của Ta có một ức tám ngàn Bồ-tát ở địa Vô cấu, ngay tại chỗ ngồi đạt được nguồn gốc của pháp tánh, liền giác ngộ nhanh chóng về lý không hai, các pháp tướng hợp nhất. Các đức Phật rời khỏi pháp hội, mỗi vị an tọa ở thế giới khắp mười phương giảng nói về Bảo tạng Anh lạc của Bồ-tát. Ngay pháp hội đại chúng đang

ngồi đều thấy rõ một ức tám ngàn đức Thế Tôn, gọi là Đốn giác Như Lai. Mỗi vị đều ngồi nơi tòa Sư tử hống bằng trăm thứ báu. Khi ấy, vô lượng đại chúng cũng ngồi một chỗ, lắng nghe vị Đẳng giác Như Lai thuyết giảng về Tạng pháp anh lạc, vì thế không có sự giác ngộ dần dần của Thế Tôn mà chỉ có giác ngộ lập tức của Như Lai. Chư Phật ba đời đều thuyết giảng như vậy không khác, Ta nay cũng thế.

Này Phật tử! Trước ông đã hỏi về Tạng thức vô minh và tâm là một. Điều này không phải như thế. Nếu giải thoát khổ và các kiến chấp mê lầm là một tướng thì lẽ ra không trói, không buộc, Phật và phàm chẳng hai. Vì sao? Vì phiền não đồng một thể tướng. Sao thế? Vì cùng một tâm sanh diệt cùng một lúc, nên không khác, không sai biệt. Này Phật tử! Nếu trói và mở là một tướng thì bốn đại có thể là một, sáu vị chẳng khác nhau, nhưng mỗi đại mỗi khác, mỗi vị mỗi khác, nên trói buộc, giải thoát cũng như vậy. Này Phật tử! Tất cả Bồ-tát khi còn là phàm phu đều đầy đủ các kiết sử, nhưng khi trừ diệt thì phần thô bỏ trước, phần vi tế diệt sau. Nếu nhất tâm và phiền não là một, lẽ ra phải có hai thể sáng tối. Này Phật tử! Lấy gần để luận, nếu lấy xa hơn thì trong tâm thiện của hàng phàm phu còn không có tâm bất thiện, huống chi trong tâm vô tướng lại có vô minh. Này Phật tử! Cho thiện, ác cùng một tâm, đó là bài kệ của An Sư Đà, kẻ ngoại

đạo của nước vua Bình Sa: "Sáng tối là một tướng, thiện ác đồng một tâm".

Này Phật tử! Theo nghĩa đúng trong pháp của Ta mà nói: Thiện ác đồng một hành (uẩn) có trói buộc, có giải thoát, có phàm, có Phật, tiếp nối nơi trăm kiếp cũng đồng một hành, không được nói: Thiện ác đồng một tâm. Chư Phật xưa thường nói: Lửa của trí vô tướng diệt trừ bóng tối vô minh mà thiện, ác có hai thứ sai khác, nhưng cho là đồng một quả báo, điều này cũng không đúng. Tất cả thiện đều thọ nhận quả Phật, vô minh phải chịu nhận quả hữu vi sanh diệt, vì thế, quả thiện từ nhân thiện sanh, quả ác từ nhân ác sanh. Cho nên gọi thiện không thọ nhận quả sanh diệt, chỉ thường lãnh thọ quả Phật. Nếu tất cả pháp thiện của Thánh nhân và phàm phu đều gọi là vô lậu, không lãnh thọ quả hữu lậu, nhưng nói lãnh thọ quả hữu lậu là Phật giáo hóa chúng sanh đổi ác làm lành, làm nhân duyên để sanh quả báo hữu vi, chẳng phải vô lậu. Vô minh là nhân làm nghiệp thọ quả, nên gọi là ba thọ, ba khổ. Ba khổ là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Ba thọ là khổ thọ, lạc thọ, xả thọ. Hai thọ (lạc thọ và xả thọ) làm duyên tốt cho nhân và quả, khổ thọ là duyên của nhân quả ác. Tất cả pháp ấy đều khổ, vô minh là gốc.

Này Phật tử! Trước đây ông đã hỏi về kiếp số hành đạo của chư Bồ-tát lâu, mau. Việc đó là: Ví như một tảng đá một dặm, hai dặm cho đến mười

dặm, vuông vức như vậy, có người dùng áo trời nặng bằng ba thù, lấy theo lịch âm dương nơi cõi người, ba năm một lần lau tảng đá đó, lau đến khi mòn hết tảng đá, khoảng thời gian ấy là một tiểu kiếp. Hoặc lau mòn tảng đá vuông vức một dặm, hai dặm cho đến bốn mươi dặm, cũng gọi một tiểu kiếp. Lại lấy tảng đá vuông vức tám mươi dặm cũng dùng chiếc áo trời Phạm thiên nặng chừng ba thù và cõi Phạm thiên có thứ ánh sáng trăm báu của ngọc minh châu phát ra làm ngày, tháng, năm, cứ ba năm một lần lau tảng đá ấy. Lau cho đến lúc mòn hết, thời gian đó gọi là một trung kiếp.

Lại lấy tảng đá vuông vức tám trăm dặm, dùng chiếc áo nặng chừng ba thù của trời Tịnh Cư. Trong cõi này có gương sáng soi do ngàn thứ ngọc phát ra ánh sáng làm ngày, tháng, năm, cứ ba năm một lần lau tảng đá ấy. Lau cho đến lúc mòn hết, thời gian đó gọi là một đại A tăng kỳ kiếp.

Này Phật tử! Cách tính và gọi kiếp như sau: Tảng đá vuông vức một dặm, hai dặm, cho đến mười dặm, lau mòn hết gọi là một lý kiếp, hai lý kiếp. Nếu tảng đá vuông vức năm mươi dặm lau mòn hết gọi là năm mươi lý kiếp. Tảng đá trăm dặm, lau mòn hết gọi là một trăm lý kiếp. Tảng đá vuông vức ngàn dặm, vạn dặm cũng vậy, lau đến khi mòn hết gọi là ngàn lý kiếp, vạn lý kiếp.

Này Phật tử! Tất cả Hiền Thánh đều ở cùng số lượng kiếp ấy, tu tất cả pháp môn. Thời gian lâu

mau để chứng quả Phật, phải kể một trăm đại kiếp mới đạt đến ngôi vị Đẳng giác. Nếu như tất cả chúng sanh ở vào số kiếp ấy tu hành thì không lâu sẽ chứng quả vị Phật. Nếu không ở vào thời gian đó thì chẳng gọi là Bồ-tát.

Này Phật tử! Pháp môn này là mười tâm tín làm gốc cho tất cả hạnh. Do đó trong mười tâm tín, mỗi tâm tín có mười phẩm tâm tín, làm ra trăm pháp minh môn. Lại từ trăm pháp minh môn, mỗi tâm còn có trăm tâm, cho nên thành ra một ngàn minh môn, cứ mỗi tâm lại có một ngàn tâm, cứ như vậy mà tăng cho đến vô lượng minh môn. Lại cứ lần lượt hơn lên cho đến những pháp của thượng thượng sẽ thành "Minh minh pháp môn" với hàng trăm vạn A tăng kỳ công đức. Tất cả các hạnh đều nhập hết vào trong minh môn ấy.

Phẩm 6: NHÂN QUẢ

Bấy giờ, Bồ-tát Kính Thủ lại hỏi:

- Bạch đức Thế Tôn! Chánh pháp của bậc Hiền Thánh đã thuyết đủ rồi, còn hai tướng nhân quả như thế nào?

Đức Phật bảo:

- Này Phật tử! Nhân tu hành của chư Phật nơi ba đời là mười Ba-la-mật, đó chính là trăm vạn A tăng kỳ trí tuệ nơi gốc công đức. Phật và Bồ-tát đều gồm thâu vào trong đó. Thế nên, mười pháp là kho tàng của biển trí tuệ kim cang, phát xuất tất cả các

hạnh công đức sáng rỡ vô cùng.

Này Phật tử! Mười trí tuệ Ba-la-mật này, trước hết là thực hành Thí. Thí có ba duyên: Một là tiền của. Hai là giáo pháp. Ba là ban cho chúng sanh điều không sợ hãi. Giới có ba duyên: Một là giới tự tánh. Hai là giới thọ pháp thiện. Ba là giới làm lợi ích cho chúng sanh. Nhẫn có ba duyên: Một là nhẫn những hạnh khổ. Hai là nhẫn những điều ác bên ngoài. Ba là nhẫn của Đệ nhất nghĩa đế. Tinh tấn có ba duyên: Một là tâm khởi thệ nguyện rộng lớn. Hai là phương tiện hướng đến Bồ đề. Ba là siêng năng giáo hóa chúng sanh. Thiền có ba duyên: Một là định tâm không cho tướng loạn khởi lên. Hai là định sanh tất cả công đức. Ba là định làm lợi ích cho chúng sanh. Tuệ có ba duyên: Một là soi chiếu về Tục đế (Hữu đế). Hai là soi chiếu về Chân đế (Không đế). Ba là soi chiếu về trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế. Nguyện có ba duyên: Một là nguyện tự tu hành. Hai là nguyện do thần thông. Ba là nguyện giáo hóa chúng sanh. Phương tiện có ba duyên: Một là tiến đến để đạt kết quả. Hai là hiểu giỏi về Hữu và Vô. Ba là các pháp đều không bỏ cũng không nhận. Thông lực có ba duyên: Một là thông lực của quả báo. Hai là thông lực do tu định. Ba là thông lực do biến hóa.

Tuệ vô cấu có ba duyên: Một là trí vô tướng. Hai là trí nhất thiết chủng trí. Ba là trí biến hóa. Này Phật tử! Từ mười trí sanh ra tất cả hạnh công

đức, như bảy Thánh tài là Tín, Thí, Giới, Văn, Tuệ, Tàm, Quý. Dùng những thứ này làm hành trang để thành Phật, nên gọi là Tài. Bốn nhiếp pháp là Lợi hành, Ái ngữ, Bố thí, Đồng sự. Bốn vô ngại biện là Pháp biện, Nghĩa biện, Từ biện, Lạc biện. Đấy là bốn pháp biện luận không bị chướng ngại nên gọi là Vô ngại biện. Từ vô ngại trí sanh ra khả năng sáng suốt nên gọi là Y (dựa vào), gồm: Y kinh liễu nghĩa, chẳng y kinh không liễu nghĩa. Y theo pháp chẳng y theo người. Y theo ý nghĩa chẳng y theo lời. Y theo trí tuệ chẳng y theo vọng thức. Từ trí sanh ra mười lực, bốn vô sở úy, sáu thần thông, ba minh, trăm vạn A tăng kỳ công đức, lần lượt sanh ra trí tuệ có khả năng duyên với tám sự thật ở đời như pháp bốn đế, hai đế, mười hai nhân duyên.

Tám sự thật là: Các pháp đều do duyên mà thành. Các pháp hư giả không có ngã. Các pháp hữu vi đối đãi lẫn nhau. Các pháp tướng đều hư vọng. Tiếp nối liên tục nên gọi là một tướng. Rỗng lặng nên không thể nắm bắt. Nhân sanh tập khởi tức pháp chẳng phải là duyên. Tập nhân thật có là pháp sanh thành, pháp giả tạo nên pháp. Thọ là khởi, dụng là pháp tích tụ. Thế nên, tám pháp hữu vi và tất cả pháp là nơi được trí căn bản soi chiếu đến. Lại nữa, từ nơi trí này có thể dứt trừ năm triền cái là tham dục, giận dữ, ngủ nghỉ, trạo cử, nghi hoặc. Bốn thứ thọ thực như Xúc thực, Thức thực, Tư thực, Đoạn thực. Bốn cách sanh như Noãn

sanh, Thai sanh, Thấp sanh, Hóa sanh. Có thể trừ bỏ mười ác, năm tội nghịch, tám thứ điên đảo, mười ba phiền não, ba chướng nơi sáu đường, ba cõi, sáu mươi hai thứ kiến chấp, bốn lưu, bốn phược, bốn thủ, chín phiền não, bảy thức xứ, bốn kiếp… Những pháp được trừ diệt đều gọi là pháp bất thiện.

Này Phật tử! Những cảnh được trừ bỏ do mười trí và những công đức đều gọi là nhân của Phật, các vị nên chấp nhận mà tu trì.

Này Phật tử! Trước ông hỏi: Thế nào là quả? Quả là thể của pháp giới tánh, là những công phu tu tập nơi đạo pháp của bậc Bồ-tát năm hiền. Thể này chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải lớn, chẳng phải nhỏ, chẳng phải thân, chẳng phải tâm, chẳng phải tướng, chẳng phải ba đời, chẳng phải trời, chẳng phải người, chẳng phải tên gọi, chẳng phải Thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng phải sáu đường, chẳng phải sáu thức, chẳng phải sáu nhập, chẳng phải số lượng, vượt khỏi hình tướng của các pháp, chẳng phải ruộng phước, chẳng phải quỷ thần, chẳng phải động, tịnh, chẳng phải sanh, diệt, chẳng phải thứ nhất, chẳng phải năm sắc, chẳng phải sáu đại, chẳng phải đất đai, chẳng phải pháp giới, chẳng phải ba cõi, chẳng phải trói, mở, chẳng phải sáng tối, chẳng phải pháp chứng đắc. Thể này vắng lặng, vô vi vượt ngoài tất cả pháp, không thể đem tâm suy nghĩ, chỗ này rất khó thể lường, phải

từ trong lý tương đối, trải qua vô lượng vô số kiếp tu hành mới có quả báo.

Này Phật tử! Có hai Pháp thân: Một là Pháp thân cực quả. Hai là Pháp thân ứng hóa. Pháp thân ứng hóa như bóng theo hình. Do Pháp thân cực quả là thường hằng nên ứng hóa thân cũng thường tồn tại. Này Phật tử! Thuở xưa, chư Phật nêu đạo lý nơi hai Pháp thân cũng như vậy. Hai Pháp thân của tất cả Bồ-tát đều là thân không nhất định. Tất cả phàm, Thánh cũng đều có hai thân là báo thân và phương tiện thân. Báo thân thì không giống nhau, còn phương tiện thân thì cũng có cùng với chúng sanh.

Này Phật tử! Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đều có hai thân, chư Như Lai thường nói như vậy, nên gọi là liễu nghĩa quyết định. Này Phật tử! Về nghĩa công đức nơi thân thì thể của chư Phật vẫn là đồng nhau, quả pháp không khác, tức có đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn, vì đủ mười đức trên, nên được tất cả chúng sanh cúng dường cung kính. Lại nữa, chư Phật có mười tám pháp bất cộng, gồm: Thân không lầm lỗi, khẩu không lầm lỗi, niệm không lầm lỗi, không tưởng gì khác, chẳng có tâm bất định, biết hết tất cả nhưng tâm buông xả, niệm không giảm, dục không giảm, tinh tấn không giảm, trí tuệ không

giảm, giải thoát không giảm, thân nghiệp theo trí tuệ hành động, ngữ nghiệp theo trí tuệ nói năng, ý nghĩa theo trí tuệ quán xét, trí tuệ biết việc quá khứ, trí tuệ biết việc hiện tại, trí tuệ biết việc vị lai không chướng ngại. Lại có mười lực. Trí biết những gì đúng sai. Nghiệp lực biết rõ nghiệp của ba đời, Định lực, Căn lực, Dục lực, Tánh lực, Quả lực, Thiên nhãn lực, Túc mạng lực, Kiết tận lực. Bốn tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả nơi Ta là bậc Nhất thiết trí đã diệt hết hoàn toàn lậu, thoát khỏi phiền não và phiền não chướng, có đủ thiên thân, thiên nhãn, thiên nhĩ, lậu tận, túc mạng, tha tâm, đủ năm nhãn, năm phần pháp thân, ba nghiệp không lỗi lầm là Phật, Pháp, Tăng bảo, Niết Bàn giải thoát, trí linh diệu đạt đến Nhất thừa. Tạng báu kim cang, tạng pháp thân, tạng diệu tự tánh thanh tịnh là bậc ba Đạt, ba vô vi, ba minh, là nhất chân pháp giới, đạo độc nhất vô vi an lạc. Này Phật tử! Các quả của Thánh trí đều từ kho tàng vô lượng công đức không thể tính kể. Những quả ấy là nhất đạo. Thể của quả tròn đầy, công đức đầy đủ nghĩa lý cùng khắp, nhập vào trung đạo nơi Đệ nhất nghĩa đế làm thanh tịnh cõi nước vô cùng, không tên không tướng, không thể thủ đắc các pháp, chẳng có thể, chẳng vô thể. Nó là một tướng chiếu diệu, tướng hợp nhất, tướng nhất thể, là tướng giác ngộ, trong suốt không hai. Này Phật tử! Chỉ riêng một pháp quả này là viên mãn thường trú. Thể và tướng của

quả độc nhất có vô lượng nghĩa, nghĩa có vô lượng công đức. Công đức có vô lượng tên. Nghĩa của quả là Niết Bàn Thường, lạc, ngã, tịnh. Mười tám pháp bất cộng và tất cả công đức đều gọi là nghĩa quả, nên gọi là quả của quả. Này Phật tử! Nghĩa lý, công đức, danh từ cả ba từ ngữ ấy đều do giáo hóa chúng sanh mà có nghĩa ba câu như vậy. Các bậc Thánh và chúng sanh nếu ai hiểu rõ ba từ ngữ ấy thì được chư Phật nơi ba đời thọ ký, sẽ được vào ngôi vị ấy.

Này Phật tử! Quả này không thể nói hết, không thể biết được, mà phải dùng pháp có tên, có tướng để nói về danh, tướng của pháp. Cho nên mỗi một quả là tên gọi của thể, còn nghĩa là quả của quả. Nghĩa của quả là phát xuất từ quả tròn đầy, nên gọi là quả của quả. Này Phật tử! Nếu Ta nói về nhân, quả thì dù trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết. Đại chúng các vị hãy tự thọ trì.

Phẩm 7: ĐẠI CHÚNG THỌ HỌC

Bấy giờ, Bồ-tát Kính Thủ đảnh lễ chư Phật, thay mặt đại chúng tóm tắt thưa hỏi về những nghĩa cốt yếu đã giảng nói trong bảy pháp hội. Bồ-tát tin thuận ba tạng Pháp bảo. Vì muốn một pháp không bị đoạn tuyệt, không vì danh lợi ở thế gian, muốn cho chánh pháp tồn tại lâu dài, nên Bồ-tát thưa đức Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Trước đây, đức Phật

thuyết giảng về nhân, về quả nơi tất cả kho tàng công đức của Hiền Thánh. Hôm nay, đại chúng gồm mười bốn ức người, ai có thể không rời chỗ ngồi mà vẫn lãnh thọ đường lối tu hành từ trước đến sau, mỗi mỗi đều thực hành đầy đủ, tuần tự nhập vào quả vị Bồ-tát.

Lúc này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ tướng nhục kế trên đảnh, phóng ra tất cả hào quang của Phật và Bồ-tát, nhằm triệu tập chư Phật khắp mười phương, mỗi phương có đến trăm ức cõi Phật, tất cả chư Phật và Bồ-tát trong những cõi ấy đều vân tập đến. Chính ngay vào lúc đó, ở giữa đại chúng, đức Phật nói với các Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Pháp Tuệ, Bồ-tát Công Đức Lâm, Bồ-tát Kim Cang Tràng, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Thiện Tài Đồng Tử:

- Các vị đã thấy Bồ-tát Kính Thủ ở giữa đại chúng thưa hỏi ba pháp quán về pháp giới, về đạo thanh tịnh nơi tự tánh của chư Phật và pháp môn minh quán của các Bồ-tát cần phải tu hành. Các vị, bảy bậc Bồ-tát, mỗi vị lãnh thọ trăm vạn đại chúng, nên phải ghi nhận học quán như thế.

- Này Phật tử! Hôm nay Ta lại nói thêm về pháp minh quán, đó là thứ lớp của lối vào sáu chủng tánh, ông hãy lắng nghe kỹ, tư duy tu tập các trí tuệ, khuyến khích đại chúng theo đó tu hành. Tất cả chúng sanh khi mới nhập vào biển Tam bảo, phải dùng đức tin làm căn bản, khi vào nhà Phật

rồi lấy giới làm gốc. Này Phật tử! Những thiện nam, thiện nữ, người không đủ các căn, kẻ huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, kẻ nô tỳ và hạng người biến hóa, khi mới bắt đầu làm hạnh Bồ-tát, thọ là đắc giới vì đều có tâm hướng thượng. Người nào đầu tiên phát tâm xuất gia, nối tiếp quả vị Bồ-tát, trước tiên phải thọ giới pháp chân chánh. Giới là gốc rễ nơi kho tàng hàm chứa tất cả hạnh công đức, là hướng đúng đến con đường thành Phật, là gốc của các hạnh. Giới có công năng trừ diệt các việc cực ác như bảy kiến chấp, sáu thứ vướng mắc. Giới là gương sáng của chánh pháp. Này Phật tử! Hôm nay vì các Bồ-tát, Ta kiết tất cả căn bản giới. Đó là ba tụ tịnh giới (ba môn thọ) gồm: Nhiếp thiện pháp giới (Giới gồm thâu các pháp thiện), tức là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nhiếp chúng sanh giới (Giới thâu tóm các chúng sinh) tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả giáo hóa tất cả chúng sanh đều được an vui. Nhiếp luật nghi giới (Giới thâu gồm các luật nghi) là mười pháp Ba-la-di.

Này Phật tử! Có ba cách thọ giới: Một là đối trước chư Phật, Bồ- tát hiện tiền mà thọ, liền được đắc giới chân thật phẩm thượng. Hai là sau khi chư Phật và Bồ-tát nhập diệt, trong vòng ngàn dặm có người trước đã thọ giới Bồ-tát, cung thỉnh bậc này làm vị giới sư trao giáo pháp cho mình. Trước hết, phải đảnh lễ ngang chân vị đó, rồi thưa: "Ngưỡng bạch Đại đức Tôn giả! Xin Đại đức làm thầy truyền

trao giới pháp cho con". Người đệ tử này đúng pháp được đắc giới, đó là đắc giới phẩm trung. Thứ ba là sau khi chư Phật nhập diệt, trong vòng ngàn dặm không có pháp sư, thì nên đối trước hình tượng chư Phật và Bồ-tát, quỳ thẳng chấp tay tự thệ thọ giới. Bạch như vầy: "Con pháp danh là… Ngưỡng bạch chư Phật nơi mười phương và Bồ-tát đại địa, nay con xin thọ học giới của tất cả Bồ-tát". Bạch lần thứ nhất rồi, bạch lần thứ hai, lần thứ ba. Đây là giới thuộc phẩm hạ. Này Phật tử! Ba tụ tịnh giới có ba cách thọ giới như trên, chư Phật quá khứ đã dạy, chư Phật vị lai sẽ dạy, chư Phật hiện tại đang dạy. Các vị Bồ-tát quá khứ đã học, các vị Bồ-tát vị lai sẽ học, các vị Bồ-tát hiện tại đang học. Đây là giới pháp chân chánh của đức Phật. Nếu tất cả chư Phật, tất cả Bồ-tát không nhập vào pháp giới này để chứng quả vô thượng Bồ đề, đạt đến ngôi vị bình đẳng như hư không thì sự kiện đó không bao giờ có.

Đức Phật lại bảo:

- Này Phật tử! Hôm nay, Ta chính thức nói về điều giới chính yếu. Các thiện nam, thiện nữ khi sắp thọ giới, trước tiên đảnh lễ chư Phật ở đời quá khứ và nhiều kiếp ở quá khứ. Đảnh lễ chư Phật ở đời vị lai và nhiều đời ở vị lai. Đảnh lễ chư Phật ở đời hiện tại và tất cả hiện tại. Đảnh lễ ba lượt như vậy rồi, tiếp đến đảnh lễ Pháp, đảnh lễ Tăng cũng thế. Sau đấy, dạy cho giới tử kính thọ bốn đức tin

bất hoại, nương tựa bốn pháp quy y sau: Từ thân đời này đến thân sau cùng ở đời vị lai, quy y Phật, quy y giáo pháp, quy y Hiền Thánh Tăng và quy y pháp giới, nói như vậy đủ ba lần. Kế đó, phải dạy giới tử sám hối tội lỗi ở ba đời. Nếu đời hiện tại mà thân, miệng, ý tạo mười tội ác, con xin thành tâm sám hối, nguyện hoàn toàn không khởi cho đến cùng tận đời hiện tại.

Nếu đời vị lai mà thân, miệng, ý tạo mười tội ác, con xin thành tâm sám hối, nguyện hoàn toàn không khởi cho đến tận cùng đời vị lai. Nếu đời quá khứ mà thân, miệng, ý tạo mười tội ác, con xin thành tâm sám hối, nguyện hoàn toàn không khởi cho đến tận cùng đời vị lai. Sám hối tội lỗi như vậy xong, ba nghiệp đều thanh tịnh như ngọc lưu ly, trong ngoài đều chiếu sáng, giới sư liền trao cho mười giới vô tận, bảo các giới tử hãy lắng nghe:

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được giết mạng sống của người và vật. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó

không được cố ý nói dối. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý dâm dục. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý trộm cướp. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý uống rượu. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người

có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý nói tội lỗi của người xuất gia, tại gia Bồ-tát. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý keo kiệt. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý giận dữ. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý hủy nhục người khác. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

- Này Phật tử! Từ thân đời này cho đến thân Phật, nơi tận cùng đời vị lai, trong thời gian đó không được cố ý hủy báng Tam bảo. Nếu có vi phạm thì không phải là hạnh Bồ-tát, mất bốn mươi hai pháp Hiền Thánh, nên không được vi phạm. Vậy người có thể giữ được không?

Người thọ giới đáp:

- Mô Phật, có thể giữ được.

Này Phật tử! Đã thọ mười giới vô tận rồi, người thọ sẽ vượt qua bốn loại ma chướng và sự khổ của ba cõi. Từ đời này đến đời khác, giới không bị mất, thường theo người tu hành cho đến khi thành Phật. Này Phật tử! Nếu tất cả chúng sanh ở quá khứ, vị lai, hiện tại không thọ giới Bồ-tát thì không gọi là hữu tình có hiểu biết cùng với súc sinh không khác, không gọi là người, thường xa lìa biển Tam bảo, chẳng phải Bồ-tát, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải quỷ, chẳng phải người, gọi là súc sinh,

là tà kiến, là ngoại đạo, chẳng gần gũi với tình người. Nên biết, giới Bồ-tát có pháp thọ mà không có pháp xả, có vi phạm cũng không bị mất giới, đến cùng tận đời vị lai. Nếu có người tới muốn xin thọ giới, vị Bồ-tát pháp sư trước hết phải giảng thuyết đọc tụng khiến họ tâm ý khai mở, sinh tâm ưa thích, sau đó mới truyền trao. Lại nữa, vị pháp sư nào ở trong các cõi nước, giáo hóa một người xuất gia thọ giới Bồ-tát, thì phước đức của vị pháp sư ấy nhiều hơn người xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp, huống nữa là giáo hóa cho hai, ba, đến trăm, ngàn người, thì phước đức đó không thể tính kể hết.

Hoặc là người chồng, người vợ, hoặc người bà con trong sáu thân, được làm thầy cùng truyền trao lẫn nhau. Người thọ giới ở trong cõi Phật và trong số chúng Bồ-tát, thì vượt khỏi những khổ não sanh tử nơi ba kiếp, thế nên cần thọ trì. Có giới Bồ-tát, nếu phạm cũng hơn người không thọ giới dù không phạm. Có giới Bồ-tát, dù bị phạm cũng gọi Bồ- tát. Không giới Bồ-tát, nếu không phạm cũng gọi là ngoại đạo. Do đó, người nào thọ một phần giới gọi là Bồ-tát một phần, cho đến hai phần, ba phần, bốn phần, mười phần, gọi là thọ đầy đủ giới. Thế nên, Bồ-tát có mười giới trọng, tám vạn bốn ngàn oai nghi. Nếu vi phạm mười giới trọng thì không được sám hối, nhưng được pháp thọ giới lại. Tám vạn bốn ngàn oai nghi là giới khinh, nếu có vi phạm thì

được phép sám hối, đảnh lễ sám hối tội liền tiêu diệt. Tất cả giới Bồ-tát từ phàm cho đến Thánh đều lấy tâm làm Thể. Thế nên, tâm cùng tận thì giới cũng cùng tận, tâm không cùng tận thì giới cũng không cùng tận, chúng sanh trong sáu đường lãnh thọ thì đắc giới. Chỉ cần hiểu lời dạy thì đắc giới không mất. Này Phật tử! Tất cả chư Phật trong ba đời đều dạy như vậy. Hôm nay, Ta nơi cội Bồ đề, vì mười bốn ức người mà giảng thuyết. Từ bậc Sơ trụ về trước, những vị Bồ-tát tin tưởng mới thọ giới pháp. Này Phật tử! Những Bồ-tát tin tưởng ấy trong mười ngàn kiếp thực hành mười giới pháp sẽ nhập vào mười trụ tâm. Này Phật tử! Trước hết vì đại chúng mà truyền trao giới Bồ-tát, sau đó vì họ giảng thuyết kinh Anh Lạc cho người đồng kiến, đồng hành.

Bấy giờ, trong chúng có trăm ức người từ chỗ ngồi đứng dậy, xin thọ trì giới pháp của Phật. Người đứng đầu trong đại chúng tên Phạm Đà Thủ Vương cùng với vô số thiên tử tu mười giới đầy đủ, được vào Sơ trụ.

Này Phật tử! Từ bậc Sơ trụ, tu hành trăm pháp minh môn, đó là mười tín, mười tấn, mười phát thú, mười thừa, mười kim cang, mười tùy hỷ, mười giới, mười nguyện, mười hộ, mười hồi hướng. Nhờ tu trăm pháp minh môn này mà thông đạt ba cõi là không, giả danh đều là "Không". Tất cả các pháp không ta, không người, không thọ, không nhận,

tánh đều không nhất định, tức diệt trừ được mười ba thứ trói buộc là bảy kiến chấp và sáu thứ vướng mắc, chứng tướng như thật, nhập vào quả vị Sơ hạnh. Này Phật tử! Từ Sơ hạnh này, quan sát tu tập ngàn pháp minh môn là mười tín cho đến mười hướng, tâm dần dần nhập vào pháp tánh, nhận ra các pháp vô ngã, pháp tích tập, pháp sanh khởi, pháp sanh diệt, pháp Niết Bàn, đều không có người thọ pháp, pháp như hư không, như huyễn, như mộng, như thành Càn thát bà, như sóng nóng. Tất cả các pháp không có tướng, trăm ngàn sanh diệt đều không thể nắm bắt, khi đó, thể nhập vào quả vị đầu tiên trong mười hồi hướng. Này Phật tử! Từ hồi hướng thứ nhất này, sự sáng suốt soi chiếu lần lần thay đổi, trí tuệ chiếu soi nẻo tu học, tương tợ pháp quán bình đẳng. Sự quán này gọi là Vô đắc. Không có sở đắc nên giả gọi đắc. Ví dụ như thắp ngọn đèn sáng bằng tim đèn, ánh lửa ngọn đèn được thắp không phải là ánh lửa ngọn đèn trước đó, nhưng trong lúc ấy có sự đốt cháy, sự cháy này chẳng phải tách rời sự cháy ở trước, chẳng phải không có ánh lửa trước, nhưng khi đó có sự đốt cháy, ánh lửa sau này cũng lại như vậy. Vì các pháp hữu vi thuộc hai đế đều lần lượt biến đổi, nên là giả, là sự đốt cháy. Vì thế nên biết ánh lửa trước đó chẳng phải là ánh lửa hiện tại. Sự cháy nơi hiện tại chẳng phải là sự cháy ở trước. Vì cái cháy bây giờ không phải cái cháy từ trước, nên bây giờ mới

có. Vì ánh lửa trước chẳng phải là bây giờ, do đó đối với hiện tại, lửa trước không còn đốt cháy, không còn đốt cháy đối với bây giờ, còn sự đốt cháy hiện tại vẫn là giả gọi. Nếu hành giả chứng được pháp quán bình đẳng, lại cũng như vậy. Sự chứng ngộ lúc giữa chẳng phải là tâm chứng ngộ lúc đầu, cũng chẳng phải không là tâm ban đầu mà giữa đó có sự chứng ngộ. Tâm sau cũng như vậy. Vì thế, tâm lúc đầu chẳng phải tâm ở hiện tại, sự phát khởi bây giờ chẳng phải là sự phát sanh ban đầu. Vì sự phát khởi bây giờ chẳng phải sự phát khởi trước đó, nên bây giờ mới có. Tâm lúc đầu chẳng phải tâm hiện tại, tâm hiện tại là vô đắc, không đắc đối với bây giờ. Hiện tại đắc là giả đắc. Nơi tâm trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, mọi niệm đều vắng lặng, thể nhập trong vạn pháp minh môn. Từ mười tín cho đến mười hồi hướng, tự nhiên vào dòng trung đạo bình đẳng, không có thủ đắc, vì quán một tướng chân thật, một tướng soi tỏ tiến vào địa thứ nhất.

Này Phật tử! Từ địa thứ nhất ấy, ở vào chánh quán của trí soi chiếu không hai, nhập vào trăm vạn A tăng kỳ môn công đức, ở trong quán môn của một tướng, cùng thời gian tu tập các hạnh cho đến quả vị thứ mười, mọi tâm đều vắng lặng, nhập tự nhiên vào dòng địa Vô cấu. Này Phật tử! Lại từ địa này với một trí soi chiếu rõ tất cả nghiệp nhân, nghiệp quả, toàn thể pháp giới chỉ là một quán.

Dùng trí tuệ biết rõ vọng thức nơi chúng sanh vừa mới khởi lên một tướng, an trú theo duyên sanh, thuận theo Đệ nhất nghĩa sanh khởi gọi là niệm Thiện, trái với Đệ nhất nghĩa để khởi gọi là Hoặc. Do hai thứ này làm chỗ trú nên gọi là Thiện sanh đắc, Hoặc sanh đắc. Do hai thứ thiện, Hoặc này làm gốc mà khởi tất cả pháp Thiện, Hoặc về sau. Từ duyên sanh của tất cả pháp thuộc tên gọi của Thiện và Hoặc, tác động thành Thiện, tác động thành Hoặc (phiền não). Nhưng tự tâm chẳng Thiện, Hoặc mà từ hai thứ kia rồi đặt tên nên hai tâm thiện, Hoặc, khởi lên mê lầm nơi cõi Dục, gọi là trụ địa Dục giới. Khởi mê lầm ở cõi Sắc, gọi là trụ địa Sắc giới. Khởi mê lầm ở tâm gọi là trụ địa Vô sắc giới. Từ bốn trụ địa này mà khởi lên tất cả phiền não, nên là cái ban đầu khởi lên bốn trụ địa. Trước bốn trụ địa lại không có pháp khởi, nên gọi là Vô thỉ vô minh trụ địa. Trí kim cang biết rõ một tướng khởi đầu tiên ấy có sự kết thúc, mà không biết pháp hữu, pháp vô trước niệm khởi đầu tiên là thế nào, nhưng biết được chúng sanh bị một trú địa tạo thành ba thứ trụ địa. Chỉ có chư Phật mới biết tất cả từ đầu đến cuối. Bồ-tát nơi địa Vô cấu, với Nhất thiết trí, biết sự thường trú ngang với địa mình trong Đệ nhất nghĩa, rồi tự nhiên nhập vào biển trí của địa Diệu giác. Này Phật tử! Ở trong địa Diệu giác, chỉ tùy sự hiện hóa mà có tên gọi, có vô lượng nghĩa, có vô lượng tên. Nghĩa và tên đều

phát ra từ một thể gọi là Diệu quả, thường trú thanh tịnh như hư không, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói được, chẳng thể đếm được, chẳng thể gọi tên, nhưng đi vào khắp mọi nơi.

Này Phật tử! Ta nói về thứ tự pháp môn nơi sáu nhập của hàng Bồ-tát có vô lượng công đức như vậy. Pháp môn sáu nhập ấy, tất cả Bồ-tát đều phải tiến vào. Hôm nay, Ta ở bảo tòa này, với sự có mặt của mười bốn ức người không rời bổn tòa đều cùng vào được pháp môn sáu nhập. Này Phật tử! Xưa kia, lúc mới thành đạo, tại bổn tòa Bồ đề này, Ta đã nói về mười pháp môn biển thế giới, có chín mươi ức người cũng vào minh môn sáu nhập. Lúc đến giảng đường Phổ Quang, Ta nói về mười cõi Phật, có trăm vạn ức người vào được minh môn sáu nhập. Ta đến điện đường của trời Đế Thích nói về mười trụ, có năm trăm vạn người vào được minh môn sáu nhập. Lại đến điện đường nơi cõi trời Dạ Ma nói về mười hạnh, có ngàn vạn người vào minh môn sáu nhập. Lại đến điện đường nơi cõi trời Đâu Suất nói về mười hồi hướng, có mười Hằng hà sa người vào minh môn sáu nhập. Lại đến ma ni điện đường của cõi trời thứ sáu nói về mười địa, có trăm vạn Hằng hà sa người vào minh môn sáu nhập. Ta lại đến tinh xá Kỳ Hoàn nói phẩm Nhập pháp giới, có mười hai Hằng hà sa người vào được minh môn sáu nhập. Hôm nay, Ta lại đến bảo tòa này, ở hội thứ tám, vì mười phương vô lượng đại chúng và

Bồ-tát Kính Thủ, cùng tất cả mọi người nói về minh môn sáu nhập. Tất cả đại chúng thọ trì như một không khác.

Phẩm 8: PHÁP HỘI NHẬP TẬP TÁN

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ-tát Kính Thủ và mười bốn ức người trong đại hội:

- Này chư vị! Từ trước đến nay các vị đã nghe Ta giảng nói về bốn mươi hai pháp môn minh quán về những phẩm vị của Thánh Hiền. Tất cả đại chúng đều nên phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đức Phật bảo ba lần như thế và dạy:

- Này chư vị! Nên thọ nhận và phát tâm hành trì. Bấy giờ, giữa đại chúng có trăm ngàn thiên thần nghe pháp môn này liền phát được tâm của bậc Sơ trụ, bỏ pháp phàm phu, tu hành "phục nhẫn", được vào pháp môn minh quán của mười trụ. Lại có mười ngàn thiện nam, thiện nữ nhập vào pháp môn minh quán thanh tịnh của mười hạnh. Lại có tám vạn Đại Phạm Thiên vương chứng đạt pháp môn minh quán của bậc Sơ địa. Lại có tám bộ A tu luân vương, mỗi người đều xả bỏ thân trước, vào mười tín tâm, tu mười nghiệp thiện. Lại có tám vạn Bồ-tát mười địa, hiện đời trở thành bậc Chánh Đẳng Giác. Lúc đó, có vô lượng cõi Phật ở mười phương, tất cả đại chúng nghe đức Phật thuyết giảng về pháp môn sáu nhập trong kinh Anh Lạc và mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, địa Vô

cấu, địa Diệu giác, mọi người đều phát tâm Bồ đề vô thượng, trở về đất nước. Lại có chư Thiên nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc, mỗi vị đều nương thần thông trở về trụ xứ, lần lượt tuyên nói pháp môn Bồ-tát Anh lạc, dạy trao cho hàng chư Thiên. Lại có chư Thiên trong sáu tầng trời thuộc cõi Dục, trở về chỗ mình, rộng vì chư Thiên nói lại bổn hạnh không thể suy lường. Khi ấy, mọi người đều đến thọ trì, đọc tụng, hiểu ý nghĩa kinh và về nước mình giảng nói về hạnh bổn nghiệp của bậc Bồ-tát và chư Phật. Phần thọ trì đã xong. Lúc này, đức Phật dạy Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ-tát Huệ Hải, Bồ-tát Kim Cang Tạng và Bồ- tát Đạo Hoa… cùng tám ngàn vị Bồ-tát, đều là Pháp Vương Tử của các đức Phật nơi các quốc độ khắp mười phương.

Đức Phật dạy:

- Các vị hãy vì chúng sanh mê mờ trong mười phương mà thọ trì, đọc tụng, lý giải ý nghĩa kinh. Hãy vì tất cả chúng sanh quá khứ, hiện tại, vị lai mà khai mở tuệ giác tánh không, đưa họ nhập vào pháp môn minh quán.

Cùng khi đó, có năm mươi vạn vị đại Bồ-tát đều là bậc Nhất sanh bổ xứ, từ tòa ngồi đứng dậy, vâng lãnh lời Phật để nhiều kiếp sau không hề bị mất. Lại có một vạn Phạm Thiên vương từ tòa ngồi đứng dậy thọ nhận lời Phật dạy. Lại có vô lượng thiên nữ từ tòa ngồi đứng dậy vâng giữ lời Phật. Bấy giờ, chư vị Bồ-tát trong vô lượng cõi ở những

phương khác và các Bồ-tát trong nước này, dùng sức thần biến hóa nhập vào Tam muội Như huyễn, vút lên hư không, phấn khởi vô lượng vì đã được nghe và thọ trì kinh Anh Lạc công đức, nhất tâm nhận lãnh tu hành để thành tựu quả Phật, không xả bỏ pháp môn Hiền Thánh.

Bấy giờ, đức Phật lại hiện bày trăm vạn thần thông biến hóa, vô lượng hào quang, vô lượng sắc thân thanh tịnh và lại dặn dò đại chúng tu học khế kinh Anh Lạc Kim Cang Tạng Hải, Ngài bảo:

- Tất cả đại chúng nên hết lòng thọ trì kinh pháp này. Vì kinh này là pháp hành hóa nơi tâm của vô lượng trăm ngàn Phật thời quá khứ. Chư vị nên thọ trì, cúng dường. Khi ấy, các vị Bồ-tát cùng trong một lúc, từ nơi tòa ngồi phương tiện ngàn ánh sáng rực rỡ chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, hoan hỷ thọ trì kinh Anh Lạc không thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Các Bồ-tát cung kính đảnh lễ, thọ trì, cúng dường đức Phật rồi lui ra.

Lại có thiên tử trong sáu cõi trời thuộc Dục giới, mười ngàn quốc vương, nghe đức Phật sắp rời pháp tòa, cả đại chúng cùng khóc ròng, nước mắt đầm đìa, cảm động lan cả đại thiên, ai cũng khóc khi rời khỏi chỗ ngồi.

Lại có tám mươi ức đại Bồ-tát đều đủ bốn tâm vô lượng, bình đẳng nhất quán pháp Hữu, Vô, pháp vô vi, vô tướng, thọ trì lời dạy của Phật và nhập

nơi vô tận cùng tam muội "Pháp hóa" hoan hỷ rồi lui ra. Lại có mười ngàn vị mới hành bậc Hiền nhập vào chín định quán, bốn thiền, bốn định không và định diệt tận, thành tựu bảy tịnh, mười giới, tâm vào định thấy rõ chân lý, thoát khỏi nghi ngờ đối với chánh pháp, tu chân chánh, thấy biết đoạn trừ kiến hoặc, được nhập pháp rồi, các Bồ-tát đảnh lễ Phật lui ra.

Bấy giờ, tại tòa Bồ đề, có tám ngàn Bồ-tát từ tòa ngồi đứng dậy, một vị tên là Kim Cang Hoa bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Trong đời vị lai, khi Bồ-tát thuyết giảng kinh, truyền pháp luân xuống cho người nghe pháp, lãnh thọ giáo pháp, thực hành pháp như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Này Phật tử! Câu hỏi ấy thật có ý nghĩa. Trước hết phải vì người nghe pháp, truyền trao cho họ giới pháp Bồ-tát, sau đó thuyết bổn hạnh Bồ-tát và pháp môn sáu nhập. Này Phật tử! Tuần tự truyền trao bốn pháp quy y: Quy y Phật, Pháp, Tăng, Giới. Đạt được bốn tín tâm bất hoại, sau đó mới truyền mười giới: Không giết, không trộm, không dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, không nói lỗi người Bồ-tát tại gia và xuất gia, không bỏn xẻn, không giận dữ, không tự khen mình chê người khác, không hủy báng Tam bảo. Mười pháp Ba-la-

di này là tội không thể sám hối. Này Phật tử! Đã thọ mười giới, lại vì người nghe, dạy họ cúng dường pháp sư, thường dùng vô lượng hoa hương cõi trời, trăm ngàn đèn sáng, trăm ngàn vải vóc, chuỗi ngọc quý giá, trăm ngàn nhạc hay, trăm vị thức ăn, phòng nhà, kinh sách, tất cả những vận cần dùng đều nên dâng cúng. Vì pháp sư hoằng dương chánh pháp nên phải cung kính như kính Phật, như phụng thờ cha mẹ, như việc thờ lửa của đạo Bà la môn. Này Phật tử! Đối với pháp sư nên tôn kính như thờ trời Đế Thích, cha mẹ, sư tăng mỗi ngày ba lần lễ lạy cung kính, vì pháp quên mình không tiếc thân mạng. Như thế mới là Phật tử chân chánh. Những người cầu pháp nếu được như vậy, mới vì họ thuyết giảng pháp môn Anh Lạc bổn nghiệp của hạnh Bồ-tát, trong trăm vạn đức Phật tiếp nối truyền trao.

Khi ấy, mười ức đại chúng cùng than:

- Trong đời vị lai không có giáo pháp, không còn Tam bảo, không có người Hiền, vì kiếp của đời xấu ác ô trược nổi lên, người nói chánh pháp, người nghe chánh pháp đều rất khó khăn.

Đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy đều buồn khóc. Những tiếng bi thương làm đất rung chuyển, biển cả dậy sóng, vũ trụ như quay cuồng, hai mươi tám vì sao, mặt trời, mặt trăng ẩn đi một lúc. Khi đó, đại chúng thu giữ thần lực, nghiêm túc cung kính thọ trì, đọc tụng, giải nói câu nghĩa, mười kiếp

cũng không thể hết, mọi người vui mừng làm theo đảnh lễ lui ra.

-oOo-

SỐ 1486
KINH THẬP THIỆN GIỚI

Hán dịch: Mất tên người dịch,
xếp vào dịch phẩm đời Hậu Hán.

Phẩm 1: MƯỜI NGHIỆP ÁC

Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, ở tại Tinh Xá trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, bằng phạm âm từ bi, đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Nay ta sẽ giảng nói về mười nghiệp báo ác bất thiện cho các ông. Hãy lắng nghe, lắng nghe, nhất tâm ghi nhớ thọ trì, cẩn thận chớ quên mất.

Mười nghiệp ác là:

1. Sát sanh; 2. Trộm cắp; 3. Dâm dục; 4. Nói dối; 5. Nói hai lưỡi; 6. Nói độc ác; 7. Nói thêu dệt; 8. Tham lam; 9. Sân hận; 10. Ngu si.

Này Xá-lợi-phất! Nay ông phải nên giáo hóa chúng sanh làm cho thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, cần phải gieo năm vóc sát đất quy y Hòa thượng, chí thành sám hối về ba nghiệp ác. Nói ba lần như thế là đã sám hối nên thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp

thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh.

Kế đến phải nên xưng tên mình, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng nói ba lần như thế.

Quy y Phật rồi. Quy y Pháp rồi. Quy y Tăng rồi. Nói ba lần như thế.

Lại nên hỏi:

- Này thiện nam, thiện nữ! Các ngươi có thể thọ trì được không?

Đáp: Có thể thọ trì.

Hỏi: Nay thân tâm các ngươi không có tội lỗi chăng?

Thân tạo tội là: Làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, phỉ báng thiện tri thức, chống đối chánh pháp Phật không?

Đáp: Không.

Hỏi: Trong tâm ngươi có suy nghĩ muốn tạo nghiệp ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp không? Ngươi có trộm cắp vật của Phật, vật của Pháp, vật của Hiền Thánh Tăng, vật của Tăng hiện tiền, vật của Tăng bốn phương không? Đối với cha mẹ, chị em, Tỳ-kheo ni ngươi có tạo biên tội bất tịnh không?

Đáp: Thưa không.

Lại bảo họ thưa tiếp: Nay chúng con thân tâm đã thanh tịnh rồi xin Đại đức ghi nhớ cho, chúng con muốn thọ giới thập thiện, mười nghiệp bất thiện chúng con đã sám hối rồi. Xin nguyện Đại

đức thương xót chúng con, cho phép chúng con thọ giới.

Bấy giờ nên dạy:

Này Ưu-bà-tắc. . . Ưu-bà-di. . . các ngươi nên nhất tâm giữ niệm trước mắt về bảy Đức Phật quá khứ, Đức Thích Ca Mâu Ni hiện tại và Đức Di Lặc… ở vị lai. Dạy niệm Phật rồi nên nói lời này:

Bảy Đức Phật xin thương xót cho, Đức Thích Ca Mâu Ni thương xót cho, các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán xin thương xót cho Ưu-bà-tắc. . . Ưu-bà-di . . . thân khẩu ý đã thanh tịnh, có thể làm pháp khí, nay muốn xin thọ mười thiện tâm giới và tánh giới pháp. Bạch như vậy ba lần.

Sau đó dạy nói:

Con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nói như vậy ba lần.

Đệ tử. . . quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi , quy y Tăng rồi. Nói như vậy ba lần.

Ông phải nghi nhớ giữ gìn thân ông giữ thân như Phật, giữ thân như Pháp, giữ thân như Tăng.

Thân nghiệp có ba: 1. Không sát sanh. 2. Không trộm cắp. 3.

Không dâm dục.

Ba nghiệp thuộc về thân như vậy, ông nên thọ trì hoặc một ngày, mười ngày cho đến trọn đời.

Đáp: Con xin thọ trì.

Hỏi: Nay ông có muốn làm ít việc thiện không? Có muốn làm nhiều việc thiện không? Có muốn làm viên mãn việc thiện không?

Đáp: Thưa có.

Lại nên thưa: Sự thật như vậy phải tùy theo lời dạy của Thầy, đệ tử… quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nói như vậy ba lần.

Đệ tử. . . quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi , quy y Tăng rồi. Nói như vậy ba lần.

Ông phải ghi nhớ thọ trì giữ miệng như Phật, giữ miệng như Pháp, giữ miệng như Tăng.

Khẩu nghiệp có bốn: 1. Không nói dối; 2. Không nói hai lưỡi; 3.

Không nói độc ác; 4. Không nói thêu dệt;

Bốn nghiệp thuộc về miệng như vậy, ông nên thọ trì hoặc một ngày, mười ngày cho đến trọn đời.

Đáp: Con xin thọ trì.

Hỏi: Nay ông có muốn làm ít việc thiện không? Có muốn làm nhiều việc thiện không? Muốn làm viên mãn việc thiện không?

Đáp: Thưa có.

Lại nên thưa: Sự thật như vậy phải tùy theo lời dạy của Thầy, đệ tử… quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Nói như vậy ba lần.

Đệ tử. . . quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi , quy y Tăng rồi. Nói như vậy ba lần.

Ông… phải nghi nhớ thọ trì giữ tâm như Phật,

giữ tâm như Pháp, giữ tâm như Tăng.

Ba nghiệp của ý là:

1. Không tham lam; 2. Không sân hận. 3. Không ngu si.

Ba nghiệp ý như vậy, ông nên thọ trì hoặc một ngày, mười ngày cho đến trọn đời.

Đáp: Con xin thọ trì.

Hỏi: Nay ông có muốn làm ít việc thiện không? Có muốn làm nhiều việc thiện không? Có muốn làm viên mãn việc thiện không?

Đáp: Thưa có.

Lại nên thưa: Sự thật như vậy phải tùy theo lời dạy của Thầy, nếu thọ thập thiện không trì tám giới thì chắc chắn không thể thành tựu. Nếu hủy phạm tám giới thì thập thiện đều mất.

Đệ tử… từ sáng hôm nay cho đến sáng ngày mai, được Đại đức nghĩ đến, Đại đức sẽ làm Hòa thượng cho con.

Tám giới pháp là:

Ông nên chí tâm thọ trì tám giới pháp: Quy y Phật, giữ tâm như Phật.

Quy y Pháp, giữ tâm như Pháp.

Quy y Tăng, giữ tâm như Tăng. Nói như vậy ba lần.

Xin Đại đức nghĩ đến cho, từ ngày nay cho đến ngày sau con xin thọ trì tám giới. Xin nguyện Đại

đức thương xót chấp nhận cho con.

Lại nên bảo:

Ông có thể thọ trì tám giới quan trai không? Đáp: Con xin thọ trì.

Hỏi: Ông nên giữ tâm như chư Phật và A-la-hán. Đáp: Con xin thọ trì.

Hỏi: Từ trước đến nay trong khoảng thời gian đó, đối với thân, khẩu, ý ông có phạm pháp xả đọa không? Tội như thế cho đến trọng tội căn bản, nay ở trước chư Phật, A-la-hán, trước Hòa thượng Tăng phải nên chí thành phát lồ, năm vóc gieo sát đất, sám hối các tội.

Thực hành pháp Bố tát như vậy. Đã Bố tát rồi gọi là thanh tịnh trú, có thể làm pháp khí. Thứ đến nên thọ trì tám giới của Như Lai, ông có thể thọ trì không? Hỏi ba lần như vậy.

Tám giới quan trai:

Chư Phật Như Lai trong thời quá khứ, hiện tại đều chế pháp xuất gia cho người tại gia, nên phải thọ trì:

1. Không sát sanh. 2. Không trộm cắp. 3. Không tà dâm. 4. Không nói dối. 5. Không uống rượu. 6. Không ngồi nằm trên giường cao sang.

7. Không tự hát xướng biểu diễn hoặc đi xem nghe, không dùng hương xông ướp y phục. 8. Không ăn phi thời, nên như vậy mà thọ trì.

Không sát sanh, trộm cắp, Không dâm dục, nói

dối, Lìa rượu và hương hoa, Giường cao, ăn phi thời, Thánh nhân đều xa lìa, Tám giới pháp như vậy, Các ông nên thọ trì.

Công đức thọ trì tám trai giới này là không đọa địa ngục, không đọa ngạ quỷ, không đọa súc sanh, không đọa A tu la, thường được sanh trong loài người có chánh kiến xuất gia đắc đạo, nhập Niết Bàn.

Nếu sanh vào cõi trời thường làm Phạm thiên, gặp Phật ra đời, thỉnh Phật thuyết pháp, chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn khen ngợi pháp này nên dùng kệ tụng:

Ai thường hành mười thiện,
Tùy thuận theo chánh pháp.
Đời đời thường gặp Phật,
Được khai mở thân ý,
Hoàn toàn lìa các khổ,
Mau thành đạo vô thượng,
Người nào trì tám giới
Tùy thuận luật, Tỳ ni,
Như chánh pháp chư Phật
Thọ trì không hủy phạm,
Nên biết thân và ý,
Cùng lúc được giải thoát ,
Đây là đường Niết Bàn,
Chư Phật đã đi qua.

Nói kệ xong rồi, đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

Ông khéo thọ trì thập thiện, tám giới, cẩn thận chớ quên mất mà phá diệt hạt giống chánh pháp. Ông nên thuyết giảng cho tất cả trời người.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Thánh chúng nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ vâng theo.

Phẩm 2: THẬP THÍ BÁO

Phật bảo Xá-lợi-phất,
Nay ông phải nên biết,
Tất cả các chúng sanh
Đều thương tiếc thân mạng
Nên phải hành bố thí
Lòng từ rải cùng khắp,
Xem chúng như mắt mình,
Gọi là giới không sát,
Phật quá khứ, vị lai,
Phật hiện tại đã nói,
Lấy mình làm ví dụ
Chớ giết chớ dùng gậy,
Hoặc thấy người giết hại
Như dao đâm tim mình,
Xem các chúng sanh đều như mình,
Trì giới không sát được sanh thiên
Thường gặp chư Phật, chúng Bồ-tát
Nên thọ trì giới không sát sanh
Là bố thí các sự vô úy,

Qua đời sanh vào trời Đao lợi,
Voi, ngựa, ngọc nữ cùng thọ lạc
Cung điện Phạm thiên ngọc lưu ly,
Sắc sáng như hoa màu hoàng kim,
Thường ngồi nằm giường tòa bảy báu,
Vật dụng và hoa bằng bảy báu
Vô lượng thiên nữ trổi âm nhạc,
Nâng cả cung điện dạo hư không
Đầu đội mão báu ngồi chánh điện,
Xả bỏ tham sân, nhập chánh định,
Được gặp chư Phật nói bốn Đế,
Tỏ ngộ liền chứng Tu-đà-hoàn,
Hoặc là vui mừng phát đại tâm,
Vị lai sẽ thành đạo bồ đề,
Cũng sanh ở Đâu suất, Diệm ma,
Hoặc Thủ đà hội, A kỳ đà,
Phạm phụ, Phú lâu quang, Biến tịnh,
Cho đến cõi trời Sắc cứu cánh,
Qua lại dạo khắp vườn chư Thiên,
Cùng với Bồ-tát đại từ bi,
Đi, đứng, ngồi, nằm cùng ăn uống,
Đêm ngày sáu thời thường nghe pháp,
Đức Di Lặc thường hay diễn thuyết,
Bậc Bồ-tát chuyển đại pháp luân,
Đương lai sẽ gặp Phật Di lặc,
Dẹp ma thành Phật chuyển pháp luân,
Được xuất gia trong giáo pháp Phật,
Lại thấy ngàn Đức Phật Hiền kiếp,

Được Phật Tỳ Lâu Chí thọ ký,
Chứng đắc Chánh Đẳng Giác Vô thượng
Là quả tối thắng không sát sanh,
Cũng là gốc từ bi phạm hạnh,
Tất cả chư Phật đã giảng thuyết,
Tất cả chư Phật đã thực hành.
Chúng sanh yêu mắt mình,
Yêu con cũng như vậy,
Ưa sống lâu vô cùng,
Cho nên không sát sanh,
Là phạm hạnh tối thắng,
Không giết, không nghĩ giết,
Và cũng không ăn thịt,
Xem người giết như giặc,
Biết sẽ đọa địa ngục,
Ăn thịt thì nhiều bệnh,
Đoạn mạng tự trang nghiêm,
Nên thực hành đại bi,
Phụng trì giới không giết,
Thành tựu đạo Bồ đề.

Này Xá-lợi-phất! Nay ông nên biết, nghiệp sát sanh là tội rất nặng.

Xưa kia, Ta cùng ông ở ấp Ba Liên Phất, trong thành ấy có con gái của Trưởng giả tên là Đề Bà Bạt Đề sanh một bé trai đẹp đẽ đoan nghiêm vô cùng, như hoa sen hồng, Thiên nữ không thể sánh bằng. Người mẹ rất thương con nên bồng đến chỗ

Ta, thưa: "Bạch Thế Tôn! Đứa con đáng yêu của con giống như đồng tử ở trên trời, con thương yêu nó gấp trăm ngàn vạn lần thân con".

Bấy giờ, Ta bảo:

- Thiện nữ nên biết! Tất cả phàm phu đều yêu mến thân mình như biển thâu nhận các dòng nước chưa hề nhàm chán biết đủ. Nay vì sao ngươi tự nói thương con? Lấy gì làm chứng.

Người nữ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con yêu thương đứa con này. Giả như lửa cháy thiêu đốt thân con, con dù chết vẫn không thể bỏ nó.

Bấy giờ, vì giáo hóa người nữ, đức Thế Tôn dùng năng lực thần thông, làm thành bốn con quỷ dạ xoa cầm núi lửa từ bốn phía đi đến. Lúc lửa ở xa, người mẹ dùng thân và y phục trên thân để bảo vệ cứu con mình. Lửa tiến dần lại gần, người mẹ đưa tay lên che mặt, dùng đứa trẻ để ngăn lửa.

Đức Phật bảo người nữ kia:

- Ngươi nói thương yêu con, tại sao đem con che lửa để cứu mình?

Người mẹ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin nguyện Ngài cứu con, con không thương tiếc đứa con này.

Đức Phật thâu lấy thần lực, mẹ con đều được bình an, người mẹ kia liền phát tâm Vô thượng Chánh chơn.

Đức Phật bảo:

- Ngươi yêu thân mình và yêu con ngươi, tại sao tự giết hại và bảo người giết hại. Nên biết, giết hại nhận lấy quả báo cực ác, nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ chịu khổ vô cùng, chịu sự trói buộc ở chỗ vua Diêm la.

Thế nào là pháp luật rất nặng?

Đêm ngày sáu thời, vua Diêm la nói quả báo sát sanh, chịu mười nghiệp ác. Một là nghiệp giết hại thường sanh ở địa ngục núi đao, hầm lửa. Bánh xe đao cắt đứt từng phần trên thân làm thành tám vạn bốn ngàn khúc. Mỗi một ngày đêm có sáu mươi ức lần sống, sáu mươi ức lần chết. Bấy giờ, vua Diêm la quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay ở trong trăn ngàn vạn kiếp, ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Hai là nghiệp giết hại nhất định sẽ sanh vào địa ngục rừng kiếm, có tám vạn bốn ngàn cây bằng kiếm. Mỗi cây cao tám vạn bốn ngàn dặm. Mỗi cây có tám vạn bốn ngàn cành bằng kiếm, mỗi cành có tám vạn bốn ngàn hoa bằng kiếm, mỗi hoa có tám vạn bốn ngàn quả bằng kiếm. Người giết hại này tìm đến cây kiếm, tâm biến khắp các cây kiếm, đầu và các bộ phận khác rải khắp rừng kiếm, mỗi bộ phận đều rải khắp tám vạn bốn ngàn cành kiếm. Hoa kiếm, quả kiếm, nạo xương, rút tủy, cùng

khắp. Thân thể tan nát như quả đình lịch. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Nghiệp giết hại chịu khổ như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu thống khổ này, việc ấy có vui không? Nay trong trăm ngàn vạn kiếp người phải đền tội cho người, không bao giờ hết được.

Ba là nghiệp giết hại sẽ bị đọa vào địa ngục nước sôi. Trăm ngàn vạn nồi nước sôi nấu thịt chảy ra đến tận tủy rồi lại đặt trên cột đồng, tự nhiên sống lại. Trăm ngàn gai nhọn hóa làm dao sắt tự đâm vào thịt móc lên rồi lại rơi vào trong nước sôi. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được.

Bốn là nghiệp giết hại sẽ bị đọa vào địa ngục giường sắt, có một giường sắt ngang rộng bằng nhau dài năm mươi dặm. Sắt ở bốn phía đều bắn vào tim. Giường lưới bằng sắt, có bánh xe quay và cây đòn ngang bửa đỉnh đầu ra. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Nghiệp giết hại phải chịu tội như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội:

"Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Năm là nghiệp giết hại sẽ bị đọa vào địa ngục núi sắt. Bốn phía của núi sắt hình trạng như hang sắt. Trong hang lửa phát ra từ bốn bên. Có năm quỷ Dạ xoa chặt thân người tội làm thành bốn (đoạn) khúc ném vào trong lửa. Bốn góc núi liền ép lại nghiền nát thân ra thành bụi. Chim sắt, rắn sắt mổ thân người tội moi xương rút tủy. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Nghiệp giết hại phải chịu tội như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Sáu là nghiệp giết hại sẽ bị đọa vào địa ngục giường lưới sắt. Có núi Đại Thiết vi cao trăm ngàn dặm, trên giường lưới sắt có đầy nước sắt sôi. Giữa mỗi giường lưới có vô số con trùng có mỏ bằng sắt chui vào đỉnh đầu xuyên qua xương tủy bửa chân mà ra. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Nghiệp giết hại phải chịu tội như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc

ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Bảy là nghiệp giết hại sẽ bị đọa vào địa ngục hoa sen đỏ. Một hoa sen có tám vạn bốn ngàn cánh. Mỗi hoa cánh đều như núi đao, cao năm dặm. Trăm ngàn rừng kiếm cùng lúc bốc cháy. Tội nhân ngồi trong hoa nở xòe ra, mỗi cánh hoa nở là lửa bay ra, rừng kiếm đốt thịt, phá hủy xương, thống khổ vô cùng đến trong một lúc. Trăm ngàn núi đao đồng thời cắt thân. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Quả báo của nghiệp giết hại là như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được.

Tám là nghiệp giết hại sẽ bị đọa trong địa ngục năm lần sống năm lần chết. Có năm trăm ức bánh xe đao ở trong năm đỉnh núi lớn. Trên bánh xe đao có vầng lửa lớn. Tội nhân trong đó thân như hoa nở nằm trên băng giá. Năm núi đao từ năm hướng lại, âm vang xào xạc phân thân người tội thành năm khúc nửa sống nửa chết nghiền nát như bụi.

Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Nghiệp giết hại phải chịu tội như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Chín là nghiệp giết hại sẽ bị đọa trong địa ngục rừng rắn độc, có vô số rắn độc bằng sắt nóng. Mỗi một rắn độc dài đến ngàn dặm, miệng nhả nọc độc như hòn sắt nóng chui vào đỉnh đầu người tội, đi khắp trong thân thể. Mỗi bộ phận của cơ thể có vô lượng rắn độc nhả lửa độc đốt cháy người tội. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Quả báo của nghiệp giết hại phải chịu tội như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Mười là nghiệp giết hại sẽ sanh vào trong địa ngục xiềng xích, trói buộc bằng sắt. Mười hai dặm núi sắt làm gông, sáu mươi dặm trụ sắt, lưới lửa làm khóa, tám mươi dặm chó sắt miệng nhả ra lửa làm xiềng, mũi tên sắt từ trên hư không bắn vào tim, gông cùm, xiềng xích hóa thành hòn đồng từ mắt đi vào khắp trong cơ thể, rồi đi ra ở chân. Mỗi một ngày đêm muôn lần sống, muôn lần chết. Nghiệp giết hại phải chịu tội như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Người thích giết hại, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Lúc ấy đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

Nghiệp giết hại phải ở trong địa ngục chịu khổ như vậy nhưng đây chỉ là họa báo, sanh trong loài người mắc nhiều bệnh, chết yểu, lại sanh vào trong bốn loài chúng sanh chịu vô lượng vô biên thống khổ không thể tính kể.

Thế nào gọi là không trộm cắp?

Giới Không trộm cắp là bố thí của cải cho tất cả chúng sanh. Do đó chư Phật nói giới không trộm cắp là cam lồ mát mẻ an ổn. Hộ trì giới này là đường sanh lên bốn cõi trời, là chỗ đắc đạo, là áo Niết Bàn, là mạng giải thoát. Vì vậy, chư Phật khen ngợi không trộm cắp đoạn trừ nhân ngạ quỷ.

Quả báo trộm cắp có mười nghiệp ác:

Một là quả báo trộm cắp nhất định rơi vào địa ngục núi thịt. Người tội ở trong núi thịt cổ to như núi lớn có trăm ngàn đầu. Trên mỗi đầu, ở hai bên má sanh ra khối thịt. Trăm ngàn chó sắt sủa rân tranh nhau giành ăn người tội. Có các đinh sắt từ trong miệng chó sắt nhả ra chui vào đỉnh đầu người tội rồi đi ra ở chân, lột da người tội trải rộng trên trăn ngàn dặm mũi nhọn bằng sắt. Thân da đều khổ

trải qua tám vạn bốn ngàn năm, tim như dao cắt thống khổ khó lường. Đây là quả báo trộm cắp thứ nhất.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ hai là quả báo trộm cắp sẽ sanh trong loài ngạ quỷ, thân rất to lớn dài năm mươi dặm, đi như tiếng năm trăm cỗ xe, ở giữa mỗi khớp xương đều có lửa cháy như mười bánh xe lửa, đói thì ăn hòn sắt nóng, khát thì uống nước đồng sôi. Tóc như mũi nhọn bằng sắt quấn lấy thân thể, trăm ngàn vạn năm chịu vô lượng khổ. Tai chưa từng nghe đến tiếng cơm nước. Đây là quả báo trộm cắp thứ hai.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ ba là quả báo trộm cắp sẽ bị đọa trong địa ngục băng giá. Trăm ngàn vạn năm, tám phương núi băng dùng làm y phục như hoa sen nở, tự ăn thịt mình, lửa bắn vào tim. Đây là quả báo trộm cắp thứ ba.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội:

"Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ tư là quả báo trộm cắp sẽ sanh trong loài quỷ la sát. Quỷ nữ có dung mạo đoan chính, như tiên nữ. Quỷ nam có ngàn mắt do sắt làm đầu, răng nanh chĩa lên, tai phát ra lửa. Quỷ nữ trộm cắp thì toàn thân bốc cháy, uống máu, ăn thịt, ăn lửa, ăn than, ăn mủ, ăn đàm dãi trên đất. Trăm ngàn vạn năm làm quỷ La sát vô cùng khổ não. Đây là quả báo trộm cắp thứ tư.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ năm là quả báo trộm cắp sẽ địa ngục hươu sắt, làm thân con hươu sắt có trăm ngàn đầu, có trăm ngàn tay, trăm ngàn đuôi, trăm ngàn móng, trăm ngàn da. Có năm trăm ức hổ sắt, năm ngàn ức sư tử sắt lột lấy da nó. Giữa mỗi miếng da có vô lượng mũi nhọn bằng sắt giống như dao kiếm nạo xương đến tủy thống khổ vô lượng, trong trăm ngàn vạn năm chịu khổ vô cùng. Đây là quả báo trộm cắp thứ năm.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội:

"Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ sáu là quả báo trộm cắp, dù được sanh trong loài người thì trần truồng đen, gầy, mắt lé, hơi miệng hôi thối, thường ở lao ngục, những nơi phẩn uế dùng làm nhà ở. Tuy sanh trong loài người mà hình dáng như bò, ngựa. Làm cha thì không thương con, làm con thì bất hiếu với cha. Làm mẹ thì không thương con, làm con thì bất hiếu với mẹ. Trăm ngàn, vạn năm thống khổ vô cùng. Đây là quả báo trộm cắp thứ sáu.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ bảy là quả báo trộm cắp được sanh trong địa ngục lớn hoa dao kiếm, rừng dao, rừng kiếm vô lượng vô biên. Có các người tội, thân hình như chum sắt ngang dọc bằng nhau dài trăm ngàn dặm, canh ngục đuổi đi như gió thổi hoa. Trăm ngàn hoa kiếm lột da người tội phân làm vô số khúc, nạo xương đến tận tủy từ trên không trung rơi rớt xuống. Trên mỗi hoa đao có nhiều mũi nhọn lột da người tội phân làm nhiều đoạn, chặt xương người tội làm vô số đoạn làm cho người tội đau tận đến

tủy, tim, gan, cầu chết không được. Bốn góc núi sắt hóa sanh vô lượng gai nhọn bằng sắt như nỏ cung tên đồng thời bắn vào tim, vô lượng ức năm chịu khổ như vậy. Đây là quả báo trộm cắp thứ bảy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ tám là quả báo trộm cắp bị đọa trong địa ngục núi lửa, chịu hình phạt nặng trong ngục. Sanh ra có trăm ngàn đầu, trên lưng người tội mang năm trăm con khỉ bằng lửa, tay cầm dao lửa để lột da người tội ném lên núi lửa, tâm như bị chó sói lửa cắn xương rút tủy. Thân như đống lửa chạy khắp bốn phía, loanh quanh trong núi lửa không bao giờ thoát ra được, chịu vô lượng khổ, cầu chết không được, trăm ngàn vạn năm chịu khổ như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ chín là quả báo trộm cắp sẽ bị đọa trong địa ngục xỏ mũi.

Trong ngục xỏ mũi có mười hai móc câu sắt, móc mắt, tai, mũi, miệng, lưỡi của người tội, đánh

(lưng) chặt răng lột da mặt người tội, phân thịt thành từng khúc nhét vào trong miệng thành mũi tên lửa lớn đốt cháy tim đến chân, cầu chết không được, trăm ngàn vạn năm chịu khổ như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thứ mười là quả báo trộm cắp sẽ bị đọa trong ngục chém giết, nằm trên giường sắt. Giữ ngục dùng dao lột da, cắt tim nhưng không chết được, trăm ngàn vạn năm chịu khổ như vậy.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích trộm cắp, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. "

Thế nào là giới không dâm dục?

Giới không dâm dục có năm công đức lợi ích được chư Phật ba đời khen ngợi. Không dâm dục là an trụ nơi oai nghi của Phật, thân trong sạch như Phật, những gì là năm?

Một là nhãn thức không động, không thấy sắc dâm. Nếu lúc thấy sắc thì như thấy phân trùng, như dao đâm vào tim, như lửa thiêu cháy mắt, tâm không sanh ái, vô thường bức bách, lửa cháy ngang

mắt có gì đáng yêu.

Hai là không nghe tiếng dâm. Nếu nghe tiếng dâm thì không làm động nhĩ thức. Nếu làm vui lỗ tai bằng âm thanh mê muội thì làm động rừng rắn độc là chủng tử ái. Đây là giặc gió, vậy vọng kiến sanh khởi từ tai mà ra. Như quỷ Dạ xoa ca ngâm có gì đáng yêu. Đây là âm thanh huyễn hóa mà người ngu yêu thích làm nhiễm các căn bằng âm thanh, từ sông si ái chảy theo dòng năm dục, hiểu rõ đó là giặc, nên không làm động nhĩ thức.

Ba là mũi ngửi hương, nên biết hương là từ tám gió sanh khởi. Gió si thúc giục, gió ái thổi đến. Hoa và các hương sanh ra vọng tưởng. Điên đảo hiện có từ tỷ thức sanh. Hoặc gọi là hương hoặc gọi là vị ngon. Tỷ thức kinh động vì cỏ, cây, hoa, lá… đều gọi là hương. Như Lai thâu giữ thân không ngửi mùi hôi, thơm, hiểu rõ chẳng phải thật nên không khen hương xúc.

Bốn là không làm động thiệt thức: không nói lợi ích ở đời, không khen việc dâm, miệng không hề nói dâm dục, khoái lạc, không ở trong nhà cuồng loạn, cũng không thích nói ái nhiễm khoái lạc, chán ghét vô minh và năm giặc si ái.

Đó là chư Phật không làm động thiệt thức.

Năm là ý vắng lặng, không động, không khởi tâm dâm, không nghĩ việc dâm, không tưởng khoái lạc về dâm, không động căn dâm. Dâm thức không

chuyển như tâm giải thoát, an trú tịch diệt, ở thành thường lạc, an ổn giải thoát, học theo tâm Phật, trụ cõi chân như, hướng đến mười tám đại không, chín loại Niết Bàn. Đức Phật và Bồ-tát đạt được năm công đức, thân hình thanh tịnh, thường được sanh trong hoa sen. Thân trong sạch không cấu uế, tâm cũng vắng lặng. Cho nên chư Phật thuyết giới không dâm đầy đủ năm lợi ích tối thắng thanh tịnh công đức vô thượng, tán thán khen ngợi, đó là nhân giải thoát vô cùng vô tận. Dâm là tội rất nặng luôn bị trói buộc giống như con voi già, bị lún trong bùn năm dục, bao gồm hết thảy các tội căn bản. Tội dâm dục nay Ta sẽ nói:

Các ông lắng lòng nghe, Dâm làm dơ vạn hạnh, Cướp hết các thiền định, Chướng ngại đạo giải thoát, Các Thiện nam, tín nữ, Muốn cầu đạo giải thoát, Xa lìa ngục ba cõi,

Hầm lửa, sông năm dục Núi lửa, núi băng giá Giải thoát, sợ sanh tử Nên giữ tâm như Phật Phải trì giới không dâm Muốn được sanh cõi trời Sống lâu vô lượng kiếp

Phạm Thiên, Chuyển Luân Vương Giàu có đủ bảy báu

Nên giữ tâm như Phật Phải trì giới không dâm Muốn được gặp chư Phật Nghe pháp chứng đạo quả Đầy đủ sáu thần thông Dạo đi khắp mười phương Nên giữ tâm như Phật Phải trì giới không

dâm.

Tham dâm có mười tai họa. Đó là:

Một là người tham dâm, tuy được sanh lên cõi trời làm Đế Thích hưởng năm thứ dục lạc nhưng tâm như kẻ trộm, thường say sưa không tỉnh ngộ, rong ruổi chìm đắm trong sông năm dục.

Hai là người tham dâm tuy được làm vua ở loài người có oai lực tự tại nhưng làm việc ân ái với kẻ hầu nên bị sai khiến, được nhiều của báu như lửa gặp củi không biết nhàm chán, đến khi qua đời đọa vào đường ác.

Ba là người tham dâm thường bị trói buộc do người khác, sáu giặc xúi giục, voi lớn vô thường theo đuổi sau lưng, tâm như vượn khỉ không biết các nạn, lửa dục thiêu đốt không kể cha, mẹ, anh, chị, em út, giống như chó heo, lại cùng nhau ân ái không biết hổ thẹn.

Bốn là người tham dâm thường uống máu mủ bất tịnh của người nữ, trong vô lượng kiếp thường ở tại bào thai, các loại vi trùng dùng làm y phục, dùng miệng chích nữ căn để ăn uống.

Năm là người tham dâm, tâm như dao bén, mắt như vành lửa, chém sạch đốt cháy công đức phạm hạnh đã tích chứa.

Sáu là người tham dâm, đến chúng sát lợi, thì đốt lửa kết sử, khởi củi tham dục, ý muốn chiếm đoạt như quỷ La sát; đến chúng Bà la môn thì

không biết hổ thẹn như người ảo thuật làm điều quái gở, nói việc bất tịnh; đến chúng Sa môn thì không biết nương tựa làm động căn trần như keo dính cỏ; các sử dục nhiễm vây quanh ý căn, nhóm lửa sáu trần đốt cháy hạt giống thiện, phá diệt phạm hạnh nghiệp lành đời trước, dơ tay động chân giống như dao bén, mắt như lửa hừng, miệng như La Sát, các lỗ chân lông khắp thân đều bị lửa dâm sai sử.

Bảy là người tham dâm tạo tám tội nặng, giết hại, làm ra các thứ để giết lại như dao, kiếm, gậy, v. v… làm mai mối nam nữ, nói lời dối trá, uống rượu, ca hát tạo điều kiện tham dâm, hoặc lại trộm cắp tất cả đồ dùng quý báu để trang nghiêm, các trùng nhóm họp đều do tâm vương sai sử. Mắt như chó dữ trộm ăn đồ dơ uế.

Tám là người tham dâm bị dâm sai sử, tâm như lửa lớn cũng như đống sắt sẽ phá hoại, hủy diệt phạm hạnh nhất định phải đọa địa ngục. Chín là người tham dâm qua đời, như ném châu báu xuống ruộng,

nhất định sẽ rơi vào địa ngục đồng cháy đỏ. Địa ngục đồng cháy đỏ, ngang rộng bằng nhau dài bảy ngàn dặm. Hoa bằng đồng như rừng, dưới có giường sắt. Trên giường có trăm ngàn dặm đồng nóng làm cột trụ ở tám góc. Ở cột trụ có gương. Trong gương tự nhiên có các người nữ hoặc nam, dâm nữ nghĩ thích động các tình căn, lửa liền bốc

cháy, hoa đồng hóa thành đinh đồng lớn cực nóng. Cột đồng biến thành nồi nước đồng sôi. Giường sắt bốc lửa, người nữ hóa làm chó, người nam hóa làm dao chạy theo người tội, người tội chịu vô lượng thống khổ, ăn hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi, cầu chết không được, trải qua vô lượng năm, sống một kiếp như vậy.

Mười là người tham dâm không được gặp Phật, giống như mây dày che khuất, vì phá phạm hạnh nhất định sẽ đọa địa ngục A-tỳ, thân đầy chật trong ngục sống lâu một kiếp, xoay vần qua lại trải qua một kiếp.

Bấy giờ, vua Diêm La quở trách người tội: "Ngươi thích dâm dục, nay phải chịu khổ này, việc ấy có vui không? Nay, trong trăm ngàn vạn kiếp ngươi phải đền tội cho người, không bao giờ hết được. Chết ở địa ngục, lại sanh làm chim tu hú, bồ câu, chịu làm thân rồng, rắn vì làm ô uế phạm hạnh, trải qua trăm ngàn đời sanh ra không được gặp Phật, không nghe chánh pháp, không bao giờ đắc đạo.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ:

Dâm dục không đoạn dứt
Đời đời làm chúng sanh
Vô minh là căn bản
Già, chết dao bức bách
Ái như rừng rắn độc

Chứa đầy máu bất tịnh
Như trùng thích phân dơ
Người tham dâm cũng vậy
Chín lỗ chảy lửa dục
Ân ái như gai độc
Khởi vọng kiến điên đảo
Vì mê hoặc sanh ái
Sắc người nữ không thật
Như cây sanh hoa cuồng
Gió điên đảo thổi đi
Hoa héo là sanh trùng
Người nữ như bình hoa
Chứa từng giọt máu mủ
Bình đầy lại rỉ chảy
Bất tịnh tràn ra ngoài
Mắt nhìn nước bất tịnh
Như loài chó tham dâm
Nên diệt trừ các ái
Thâu tâm quán bất tịnh
Uống nước là cam lồ
Trụ thành đại Niết Bàn

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Người nên giữ gìn thân tâm không tạo dâm dục, giữ gìn mắt không thấy sắc dâm, giữ gìn tai không nghe tiếng dâm, giữ gìn mũi không ngửi mùi dâm, giữ gìn lưỡi không nếm vị dâm, như thế gọi là người đầy đủ trí tuệ, thực hành Tám chánh đạo. Không tham dâm thì thân tâm thanh tịnh

giống như hoa sen không nhiễm mùi bùn, thành bậc thánh Tu-đà-hoàn, đạo Tư-đà-hàm, đạo A-na-hàm, đạo A-la-hán, đạo Phật Bích-chi, đại đạo Vô thượng đều từ không dâm, thanh tịnh mà đạt được.

Miệng có bốn nghiệp: nói đối, nói hai lưỡi, nói ác độc, nói thêu dệt, khen ngợi tà kiến:

Nếu người chẳng nói dối
Thuyết giới không nói dối
Giữ gìn miệng như Phật
Thường nói lời thành thật
Thì được sanh cõi trời
Miệng thơm hương chư thiên
Nếu sanh ở thế gian
Trang nghiêm bằng hương hoa
Giống như nước núi hương
Chảy vào sông Niết Bàn
Người không nói hai lưỡi
Tâm cũng không hai chiều
Lưỡi như lưỡi chư Phật
Lá hoa sen che mặt
Ánh sáng đủ màu sắc
Từ tướng lưỡi phát ra
Thường nói pháp Thánh nhơn
Chí thành không hai lưỡi
Người không nói độc ác
Gọi là Đại trượng phu
Thân hình rất đoan nghiêm
Mọi người đều ưa nhìn

Giống như hoa chiên đàn
Người không nói thêu dệt
Hương thơm ra từ miệng
Như hoa Ưu Bát la
Sanh ra được gặp Phật
Miệng thanh tịnh chân thật
Nếu không khen tà kiến
Không nói nghiệp tà kiến
Sanh ra thường xuất gia
Chánh mạng thường đầy đủ
Như Phật trụ Niết Bàn
Đều chứng từ chân thật.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Miệng có bốn lỗi, có mười nghiệp cực ác, những gì là mười?

Một là nói dối, chê bai người, không nghe nói nghe, không đắc đạo quả nói đắc đạo quả, không thấy nói thấy. Người xấu ác như thế tuy không bị bệnh nhưng giống chó lác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ:
Trong tất cả trời, người,
Như lửa thiêu hòn sắt,
Thiêu cháy tất cả người,
Không gì hơn giặc này,
Thế nào là giặc lớn,
Chỉ có một hạng người,
Thà cháy hết thân thể,

Xương hóa làm đồng chảy,
Ăn nuốt phải núi đao,
Nước sôi dao cưa xẻ,
Thân nát như đống lửa,
Khổ này chưa phải ác,
Nói dối rất độc hại,
Thiêu cháy phước trời, người,
Rơi vào ngục A-tỳ,
Bánh xe dao làm chân,
Rắn độc sắt làm lưỡi,
Miệng lửa cháy ngút ngàn,
Mắt như hòn sắt cháy
Mưa như trút nước sôi,
Tiêu diệt hoa thiện căn.
Nhất định đọa đường ác,
Vô lượng vô số kiếp,
Không cầu thoát ra được,
Người đại ác như thế,
Động thân như núi lửa,
Thiêu cháy tất cả thiện.

Miệng độc ác là miệng ngậm mùi hôi như thây chết, lại thường thích nói với người khác các việc bất thiện. Miệng đã nói lời ra như gai, như dao, như kiếm, như kích, như phân, như nước tiểu, như trùng, như máu mủ. Hương thơm trong trời người, không gì hơn nói lời thiện. Hôi thối trong ba cõi không gì hơn miệng độc ác.

Hai là người nói ác, miệng có nói ra lời gì đều

như mưa xuống hòn sắt thiêu cháy nhà người. Người này vị lai sẽ đọa địa ngục, sắt nóng thiêu thân, uống nước sắt nóng. Nếu sanh ở nhân gian bị bệnh như chó lác và bị bệnh hủi, trong vô lượng kiếp thường ăn máu mủ. Người có tâm suy nghĩ thì hiểu được bất thiện và ác tương ưng.

Ba là nói hai lưỡi, người nói hai lưỡi giống như nước lửa, không làm nói làm, người khác làm thiện nói lời thanh tịnh trở lại nói chẳng phải. Người khác không làm thiện trở lại nói có làm. Tất cả người đời thường không muốn nhìn, nhất định sẽ đọa vào trong đường đại ác, cưa đồng xẻ lưỡi làm thành ngàn đoạn.

Bốn là nói thêu dệt, người nói lời thêu dệt, là đổi trên thành dưới, đổi dưới thành trên, đùa bỡn không chán ngán, ngôn từ xảo trá, nói lời không lợi ích, nói lời vô nghĩa, nói lời khen ngợi năm dục, tâm không sáng suốt, lời mê muội như gai nhọn, như chúng sanh bị rừng móc câu sập bẫy. Ác báo của người này chết rồi sẽ đọa trong địa ngục rừng gai, trăm ngàn gai sắt móc lưỡi người tội ra làm thành trăm ngàn khúc.

Năm là khen ngợi tà kiến, người tà kiến miệng như ngọn lửa hừng thiêu cháy thiện căn. Người này cho: Không cha, không mẹ, không Phật, không pháp, không Tỳ-kheo tăng, không A-la-hán, không Phật Bích-chi, không thầy, không bạn, không thiện tri thức, tâm như gió mạnh thổi mất các cây thiện

căn. Đây là giặc lớn, nói không có nhân quả. Miệng như dòng nước lớn chảy tràn ngập ba cõi, dâm dục quá mức, đùa bỡn đồng loại tạo năm nghiệp vô gián, đoạn tuyệt Bát nhã, phạm bốn giới trọng dẫn đến tội vô gián, đều từ ác tâm tà kiến điên đảo, gió tà thổi lay động miệng ác bất thiện, đọa vào trong địa ngục A-tỳ lưỡi bằng gai sắt nóng. Như vậy, nói dối, nói độc ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, khen ngợi tà kiến, người đại ác này tuy ở thế gian do bốn đại tạo thành, trang sức năm ấm nhưng nên biết địa đại tức núi sắt, rừng dao, cây kiếm, trăm ngàn gai sắt, vô số trùng sắt, các chim mỏ sắt, giường gai sắt, xe cán nát thân, nên biết thủy đại hỏa đại, tức là nước đồng sôi, vô số nồi nước sôi là hòn sắt nóng, phân sôi, sông sắt để chảy trong đó; nên biết đại tiểu liên tiếp tự nhiên giống như cột đồng, các lửa một lúc từ sáu căn tiết ra thiêu hoại thân tâm người tội, rơi vào đại địa ngục, nên biết phong đại giống như mưa đá, vô số rừng đao, trăm ngàn cây kiếm từ khe hang mọc lên; nên biết năm ấm tức là năm giặc, mười tám La sát thuộc quyền chủ ngục Diêm La. Thức là sắt nóng như nước đồng nóng chảy đầy ngục A- tỳ. Người tự cao, ương ngạnh, ỷ thế, ác khẩu, chửi mắng, phỉ báng, chê bai hiện đang ở địa ngục.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Nói ác độc, nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, khen ngợi tà kiến, người này không chỉ làm giặc

một người mà làm đại giặc cướp của tất cả chư Thiên loài người. Thí như đám giặc có sức mạnh tự ý thiêu cháy một thành, giết hại tất cả dân chúng trong bốn châu thiên hạ, người này chịu tội báo nhiều ít?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người này mắc tội như núi Tu Di không thể lường tính nổi.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Người này tuy mắc phải tội báo lớn nhưng không bằng người nói dối, nói độc ác, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, khen ngợi tà kiến đã tạo trong chốc lát mà mắc phải tội báo lớn, sau khi chết đọa vào địa ngục, trải qua vô lượng kiếp chịu khổ vô cùng. Trăm ngàn chư Phật không thể cứu được. Chư Phật quán xét người tội chê bai giáo pháp đều sanh và chết trong địa ngục ở mười phương. Cho nên người trí phải giữ gìn thân miệng.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Người nào thọ trì giới thập thiện, phá bỏ mười nghiệp ác thì được sanh lên cõi trời làm Phạm Thiên, sanh xuống thế gian làm vua Chuyển luân, dùng thập thiện để giáo hóa, không bao giờ rơi vào địa ngục, xa lìa ba đường ác giống như dòng nước chảy đến biển Niết Bàn. Người nào hủy phạm giới thập thiện thì bị đọa vào đại địa ngục trải qua vô lượng năm chịu nhiều khổ não.

Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông nên thọ trì pháp yết ma giới thập thiện, phá diệt mười nghiệp ác.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và đại chúng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 1487
KINH BỒ TÁT NỘI GIỚI

Hán dịch: Đời Lưu Tống,
Tam Tạng Cầu Na Bát Ma

Lúc Đức Phật lấy ngày rằm để thuyết giới, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi sửa lại y phục, đảnh lễ dưới chân Phật rồi quỳ gối thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người mới phát tâm Bồ tát, ở trong đạo hoặc ở đời sẽ được những công đức gì? Vì muốn giáo hóa cho tất cả chúng sanh đều đạt được công đức ấy, xin nguyện Đức Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo để phân biệt giảng dạy cho chúng con.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Này Văn Thù Sư Lợi! Câu hỏi của ông thật là sâu xa, thật là bao quát, được nhiều sự an ổn. Ông hãy lắng nghe, khéo thọ trì, Ta sẽ thuyết giảng đầy đủ, các ông khéo ghi nhớ để thực hành.

Bồ tát Văn Thù Sư và hội chúng có mặt đều xin vâng theo. Đức Phật dạy:

- Trước tiên phải quy y ba ngôi báu. Phải nói: Con. . . tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tỳ-

kheo tăng, tự quy y Bồ tát, tự quy y Đại Bồ tát, tự quy y Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, tự quy y Đại-bát-nhã-ba-la-mật.

Con. . . vì không biết nên thân đã làm ác, miệng nói lời ác, ý nhớ nghĩ ác, sau này không dám làm nữa.

Trong mười vạn kiếp, Bồ tát thường thực hành Bốn tâm vô lượng, nhưng từ mười vạn kiếp đến nay, vì không biết nên con. . . đối với thân đã làm ác, miệng nói ác, ý nhớ nghĩ ác sau này con không dám làm.

Vì đời trước con không hành đạo Bồ tát nên ngày nay con mới hành đạo Bồ tát để xả bỏ nghiệp ác.

Từ trước đến nay, ngày đêm con không dám làm thiện lại phạm việc ác. Bồ tát mới phát tâm "Ba lam chất đâu ba" (Bồ tát) nên thực hành sáu Ba-la-mật. Đó là:

Thứ nhất: Đàn Ba-la-mật là ý hành Bố thí. Thứ hai: Thi ba la mật là ý hành trì giới. Thứ ba: Sằn đề Ba-la-mật là ý hành nhẫn nhục. Thứ tư: Duy đãi là ý hành tinh tấn Ba-la-mật. Thứ năm: Thiền Ba-la-mật là ý hành nhất tâm. Thứ sáu: Bát nhã Ba-la-mật là ý hành trí tuệ.

Nếu thấy người làm việc bố thí thì tâm phải hoan hỷ, thấy người trì giới phải hết sức hoan hỷ, thấy người nhẫn nhục tâm phải hoan hỷ, thấy

người tinh tấn tâm phải hoan hỷ, thấy người ngồi thiền tâm phải hoan hỷ, thấy người có trí tuệ thuyết kinh tâm phải hoan hỷ.

Bồ tát phải biết ba hạnh nguyện mới là Bồ tát. Ba hạnh nguyện ấy là:

1. Nguyện tôi sẽ thành Phật. Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước ấy không có ba đường ác. Cõi nước ấy đều có vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, bảy báu, dân chúng được sống lâu vô cùng; thức ăn, y phục, âm nhạc, ca hát, cung điện, nhà cửa đều tự nhiên có đủ.

2. Nguyện tôi được sanh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà.

3. Nguyện tôi đời đời sanh ra được gặp Phật, Đức Phật sẽ thọ ký cho tôi.

Đó là ba lời nguyện.

Hợp chung cả là mười lăm giới, các Bồ tát nên phụng hành. Hòa xà là minh sư. A-kỳ-lợi là Văn Thù Sư Lợi.

Quá khứ trước đây các Bồ tát đều từ phát tâm Bồ tát, hành đạo Bồ tát mà chứng đắc thành Phật. Không có đạo Bồ tát thì cũng không có Phật. Cho nên hành đạo Bồ tát sẽ được thành Phật.

Bồ tát vào chùa tháp có năm việc:

Vào chùa tháp không được mang guốc gỗ, vào chùa tháp không được cầm dù lọng. Vào chùa tháp phải lễ Phật nhiễu tháp ba vòng, vào chùa tháp nếu

thấy dơ bẩn nên quét dọn. Vào chùa tháp thấy các Sa môn đều nên làm lễ.

Bồ tát đi đường có hai việc:

1. Khi trời nắng hoặc mưa thấy có gốc cây, nhà cửa nên nhường người ngồi trước.

2. Nếu gặp nước giếng, nước suối hoặc thấy người mang nước đến thì nên nhường người uống trước. Nếu thấy khe lớn nước nhiều thì hãy uống.

Đó là hai việc:

Lúc Bồ tát được người mời cơm nước có ba việc:

- Gặp thức ăn ngon dở đều chia bằng nhau. Nếu chưa bằng nhau thì nên phân chia cho bằng nhau.

- Ăn xong, uống nước nên nhường Thượng tọa uống trước.

- Nếu uống xong, không được đứng dậy đi trước, nên đứng dậy cùng lúc với mọi người.

Đây là mười phép tắc.

Thời thứ nhất:

Nam mô Phật!

Nay con xin thọ trì bốn mươi bảy giới Thi-la. Thế nào là bốn mươi bảy?

1. Bồ tát không được giết hại. Thân, miệng, ý không nhớ nghĩ việc giết hại, nhớ nghĩ đến việc giết hại thì không phải là Bồ tát.

2. Bồ tát không được trộm cắp của cải của người khác.

3. Bồ tát không được hành dâm với vợ của người khác.

4. Bồ tát không được khinh khi người.

5. Bồ tát không được uống rượu.

6. Bồ tát không được nói hai lưỡi.

7. Bồ tát không được nói lời ác độc.

8. Bồ tát không được nói dối.

9. Bồ tát không được nói thêu dệt.

10. Bồ tát không được đố kỵ.

11. Bồ tát không được sân hận.

12. Bồ tát không được si mê.

13. Bồ tát không được tin theo ngoại đạo tà ma.

14. Bồ tát không được đem việc ác dạy người.

15. Bồ tát nên dùng phương tiện lợi ích để ban bố.

16. Bồ tát không được tham lam keo kiệt.

17. Bồ tát không được tham lợi tài vật của người.

18. Bồ tát không được hại người bằng tâm tà.

19. Bồ tát không được gièm pha, đánh đập người khác.

20. Bồ tát không được dùng chày đánh người.

21. Bồ tát không được bắt người lương thiện về làm nô tỳ.

22. Bồ tát không được buôn bán nô tỳ.

23. Bồ tát không được bán vợ con cho người.

24. Bồ tát không được cùng với nam nữ đùa giỡn hành dâm.

25. Bồ tát không được đến nhà dâm nữ đùa giỡn.

26. Bồ tát không được đến nhà huỳnh môn.

27. Bồ tát không được khinh khi dối trá.

28. Bồ tát không được đem cân già để lợi mình.

29. Bồ tát không được đem cân non để lừa dối người.

30. Bồ tát không được đem đấu già để bức bách người.

31. Bồ tát không được đem đấu non để lừa dối người.

32. Bồ tát không được đem thước dài để bức bách người.

33. Bồ tát không được đem thước ngắn để lừa dối người.

34. Bồ tát không được giết hại bò, ngựa.

35. Bồ tát không được bán bò, ngựa.

36. Bồ tát không được bán voi, lạc đà.

37. Bồ tát không được bán la, lừa.

38. Bồ tát không được bán heo, dê

39. Bồ tát không được bán gà, chó và súc sanh.

40. Bồ tát không được bán kinh pháp.

41. Bồ tát không được đến nhà đạo tà ma.

42. Bồ tát không được mang thây chết vào nhà.

43. Bồ tát không được vào nhà đám tang.

44. Bồ tát không được vào quán rượu.

45. Bồ tát không được vào quán ăn.

46. Khi Bồ tát được người mời cơm thì nên suy nghĩ: "Lúc nào thì ta sẽ bố thí cho người được no đủ như ta ngày nay".

47. Bồ tát gặp nhau, tâm phải hoan hỷ như gặp cha mẹ, anh, em. Gặp người khác cũng vậy. Nếu thấy người hành đạo Bồ tát nên xem họ bằng tâm bình đẳng không được người này thiện, người kia ác.

Đây là bốn mươi bảy giới của Bồ tát. Thân, miệng, ý không được phạm mười nghiệp ác, không được dạy người phạm, cũng không được khuyến khích người phạm. Ngày đêm luôn suy nghĩ ta giữ giới này, thọ trì bất động thì sẽ được ba quả vị:

1. Được quả vị Bồ tát.

2. Được ngôi Bồ tát Nhất sanh bổ xứ.

3. Sẽ được thành Phật.

Thời thứ hai:

Nam mô Phật!

Nay con xin thọ trì bốn pháp môn của Bồ tát. Thế nào là bốn pháp?

- Phật: hai mươi nhân duyên.
- Pháp: hai mươi nhân duyên.
- Thân: hai mươi nhân duyên.

- Đại bát nhã Ba-la-mật: Hai mươi nhân duyên. Thế nào là hai mươi nhân duyên của Phật?

Đó là Đức Phật Như lai Ứng cúng Chánh Đẳng Giác khởi niệm, thiên nhãn thấy suốt, biết tâm niệm của người khác. Vì thân, miệng, ý Giá-lan-na hành Tam bát thuật xà. Giá-lan-na tam bát là "Tam cái" mới thành Tu Ca Đầu. Tu Ca Đầu là Niết Bàn. Do đó Ca Tý Đa là cha của thế gian. A Nậu Đa La: trên trời dưới đất đều không có gì hơn được. Phù lực sa là nam tử dõng mãnh.

Đàm ma sa la kỳ: Đàm ma là pháp. Sa-la-kỳ là vua của các pháp.

Đa Đề Hòa Ma Nậu Sa Da là Phật đà dạy chư thiên loài người. Ba Ca Hòa vừa đặt chân xuống đất, đất liền bằng phẳng, lúc đi nhìn thẳng. Tay chân đều có màng lưới đan nhau. Sắc như màu vàng ròng; Hai tay, hai vai, trên cổ có thịt nổi lên đầy đặn. Má như sư tử. Bốn mươi răng trắng, đều đặn. Lưỡi đưa ra đến tai, mắt, mũi bao trùm cả khuôn mặt. Đây là hai mươi nhân duyên của Phật.

Thế nào là hai mươi nhân duyên của Pháp?

A Thuật xà bổn si: Tăng-ca-la đã làm. Duy nhiên na: Biết rõ các

việc.

Na-ma-lưu-ba: Na-ma là Lưu-ba, là sự trông thấy sáng suốt. Sa-

la-da-đa-na là pháp tội phước cho đến biệt trụ:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý thọ của tín thí, hoặc bệnh chưa lành là khổ thọ, hoặc bệnh đã lành là lạc thọ. Ba căn: Na-ca-ma-đát-na, Ba-hòa-đát-na, Duy-ba-hòa-đát-na, nam tử, nữ nhân đều yêu thích, nguyện được làm trời, người, nguyện cho thân tôi vô cùng giàu sang phú quý, xin sư Âu Ba Tha Na khiến cho đệ tử thọ giáo. Việc ấy thành "Na-kỳ" sanh trong nhân gian; Xà-la-ma-la-na: Xà-là-già; Ma-na là chết. Đây là mười hai nhân duyên sanh tử.

Bốn ý (Bốn niệm xứ) là gì?

- Ý niệm về thân
- Ý niệm về thọ
- Ý niệm về tâm
- Ý niệm về pháp. Đây là bốn ý niệm. Bốn thần túc là:

Dục, tinh tấn, ý, tuệ. Đây là bốn thần túc. Đây là hai mươi nhân duyên của Pháp.

Thế nào là hai mươi nhân duyên của Thân?

Ba việc tạo tác của Thân:

Thế nào là ba?

Giết hại, trộm cắp, tà dâm.

Mình không giết hại, không được dạy người giết hại; mình không trộm cắp, không được dạy người trộm cắp, mình không tà dâm, không được dạy người tà dâm.

Bốn việc tạo tác của miệng: Thế nào là bốn?

Nói hai lưỡi, nói độc ác, nói dối, nói thêu dệt.

Mình không nói hai lưỡi, không được dạy người nói hai lưỡi. Mình không nói độc ác, không được dạy người nói ác. Mình không nói dối, không được dạy người nói dối. Mình không nói thêu dệt, không được dạy người nói thêu dệt.

Ba việc tạo tác của ý: Đó là ganh ghét, sân hận, ngu si.

Mình không ganh ghét không được dạy người ganh ghét. Mình không sân hận, không được dạy người sân hận. Mình không nghi ngờ mê muội, không được dạy người nghi ngờ.

Thân, miệng, ý không được phạm mười việc này, không được dạy người phạm. Đó là hai mươi nhân duyên thuộc về thân, miệng, ý.

Thế nào là hai mươi nhân duyên thuộc về Đại bát nhã Ba-la-mật?

Đời trước suy nghĩ mong muốn cho tất cả chúng sanh đều thành Phật, mong muốn cho tất cả chúng sanh đều thấy thông suốt, mong muốn cho tất cả chúng sanh đều nghe thông suốt. "Ba La Chất nhiên:" biết rõ ý người muốn cho tất cả chúng sanh biết rõ ý người, "A Nậu Sa Da, A Nậu Sa Da Nhiên Na": Biết rõ tâm niệm người, muốn cho tất cả chúng sanh biết rõ tâm niệm người, "Nhân lợi Da Ba Lợi Phù lợi nhiên na": Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của Phật đều biết rõ, muốn cho tất cả chúng sanh

đều thấy biết rõ. Đức Phật hiện oai thần "nhiên na" muốn cho tất cả chúng sanh đều biết. "Ma Ha Ca Lưu Kỳ Nhiên Na": Phật từ bi nhớ nghĩ đến chúng sanh, muốn cho tất cả chúng sanh đều biết rõ tất cả việc ở đời, muốn cho tất cả chúng sanh đều biết việc của mọi người. "A Na Thứ La Nhiêu Na": trí tuệ của Phật, tất cả người đời, quỷ thần, thiên thần, long thần đều không thể biết được, Ngài muốn cho tất cả người trong thế gian đều biết trí tuệ ấy là Đại Bát nhã Ba-la-mật gồm hai mươi nhân duyên, phân làm tám mươi nhân duyên thuộc Bồ tát bất thối chuyển. Vì các Bồ tát quá khứ, hiện tại, vị lai đều đầy đủ tám mươi nhân duyên này. Đây gọi là pháp Bồ tát.

Thời thứ ba Nam mô Phật! Nay con xin thọ trì hai mươi pháp tinh tấn, thực hành pháp này thì biết được đời sống kiếp trước.

Thế nào là hai mươi?

Có năm nhân duyên nhiều phước. Đó là:

1. Bố thí nhiều phước

2. Trì giới nhiều phước

3. Thiền định nhiều phước

4. Làm vô lượng việc thiện được nhiều phước

5. Tạo sửa chùa tháp được nhiều phước. Đây là năm nhân duyên được nhiều phước. Có năm nhân duyên hộ thân. Đó là:

1. Giữ gìn thân.

2. Giữ gìn miệng.

3. Giữ gìn ý.

4. Giữ gìn thí.

5. Giữ gìn giới

Đó là năm nhân duyên hộ thân. Bồ tát có năm ý. Đó là

1. Thi ý.

2. Hảo tâm thiện ý.

3. Bố thí y.

4. Niệm thiện đạo ý.

5. Tuệ ý.

Đó là năm ý.

Đầy đủ hai mươi nhân duyên để thực hành thì biết được đời sống kiếp trước cho đến đạt được Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Chánh đẳng Chánh giác? Trên trời dưới đất không ai tôn quý bằng Thời thứ tư:

Nam mô Phật! Nay con xin thọ trì bốn pháp thiền định. Thế nào là thiền định?

Bồ tát ngồi thiền nhất tâm niệm Phật, Phật vốn rỗng lặng, không thật có, ý liền dừng lại, niệm năm dục tham dâm. Mình không tham dâm năm dục, liền đắc thiền thứ nhất.

Bồ tát ngồi thiền nhất tâm, niệm pháp. Pháp cũng rỗng lặng, không thật có, ý liền không sân giận. Đã không thọ sân giận như thế liền đắc thiền

thứ hai.

Bồ tát ngồi thiền nhất tâm niệm Đại bát nhã Ba-la-mật cũng rỗng lặng, không thật có, ý liền không ngu si, như thế liền đắc thiền thứ ba.

Bồ tát đã chứng đắc ba thiền. Các việc ác đã diệt tận không còn chỗ niệm, ý thanh tịnh không hề lay động, liền đắc thiền thứ tư, nhất tâm không lay động tự nhiên đắc năm thần thông.

Đó là Pháp hành thiền của Bồ tát.

Thời thứ năm

Nam mô Phật! Nay con xin thọ trì pháp tam muội Bát nhã. Thế nào là pháp Tam muội?

Bồ tát thực hành Tam muội, từ bi thương xót tất cả chúng sanh khắp mười phương xem như cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Đối với oan gia trái chủ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh người và phi nhơn đang chịu khổ nạn, Bồ tát đều muốn làm cho chúng sanh thoát khỏi khổ nạn, được sanh làm người, thực hành sáu pháp Ba-la-mật của chư Phật. Đây là pháp Tam muội của Bồ tát.

Bồ tát thực hành Tam muội, tâm bình đẳng bảo hộ tất cả chư thiên loài người khắp mười phương xem như cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Đối với oan gia trái chủ, người và phi nhân ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Bồ tát đều muốn làm cho chúng sanh thoát khỏi khổ nạn an ổn sung sướng, phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đó là pháp

Tam muội của Bồ tát.

Bồ tát thực hành pháp Tam muội ý bình đẳng, từ bi, thương xót tất cả chư thiên loài người khắp mười phương, đều xem như cha, mẹ, anh, em, vợ con. Đối với oan gia trái chủ, tất cả chúng sanh, người, phi nhân trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Bồ tát đều yêu thương, bảo vệ chúng sanh như mẹ bảo bọc con đỏ, bình đẳng không có ý phân biệt. Đây là pháp Tam muội của Bồ tát.

Thời thứ sáu:

Nam mô Phật! Nam mô Bồ tát! Nam mô Đại Bồ tát! Nay con xin thọ trì pháp thiền định. Giống như Bồ tát, Đại Bồ tát, nay con giữ tâm như hư không, bình đẳng như hư không, cho nên hành đạo Bồ tát bằng tâm bình đẳng xem mọi người trong thế gian đều như nhau, nên xem như cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Nay con vì tất cả chúng sanh trong cõi trời cõi người khắp mười phương mà hoan hỷ làm việc thiện. Đây là Tam muội của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Người hành trì đầy đủ giới Tam muội này tương lai sẽ cùng làm bạn với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Người thọ trì đầy đủ giới Tam muội này là bậc tôn quý trong các Bồ tát. Đây là Tam muội của Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Tam muội của Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Bồ tát đứng dậy, chắp tay phát nguyện: Tôi là đại Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi cũng là Bồ tát. Tôi đã phát nguyện làm việc bố thí. Như thế tôi đạt được đạo Bồ tát. Nếu người đến Bồ tát xin

mắt, Bồ tát sẽ lấy mắt đem cho. Nếu người xin thân của Bồ tát, Bồ tát sẽ đem thân cho họ. Nếu người xin của cải, Bồ tát sẽ lấy của cải đem cho, phải nên suy nghĩ ta là Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi cũng là Bồ tát. Nay ta sẽ đem cho thân này. Bồ tát thường nên nghĩ làm cho chúng sanh khắp mười phương đều được an ổn giàu có. Nếu như chúng sanh khắp mười phương đang khổ não, tôi sẽ làm cho được giải thoát an ổn, giàu có, vui sướng. Bồ tát nên trì pháp thân, hành đạo Bồ tát. Bồ tát nên khẩn thiết mong muốn làm sa môn cần thọ trì thiền Ba-la-mật. Tôi sẽ mau chóng đến chỗ Phật A-di-đà. Tôi thọ trì tam muội này là mong muốn đạt được sự vui sướng cùng có đủ thủy tinh, lưu ly, vàng bạc. Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Hòa Xà gọi là A Đề Ba La. A kỳ gọi là A Đề Điều.

Thời thứ bảy

Nam mô Phật! Nam mô Pháp! Nam mô Tỳ-kheo Tăng! Nam mô các đại Bồ tát! Nam mô Bồ tát Hoàn Na Cưu Lựu. Đạo tam muội là trên hết bởi vì nhớ nghĩ đến chúng sanh khắp mười phương. Nếu có người ở trong u tối thì bao giờ tôi cũng sẽ làm ánh sáng như mặt trời, mặt trăng để tỏa sáng cho chúng sanh khắp mười phương giống như Bồ tát làm ánh sáng lớn cho chúng sanh khắp mười phương. thọ trì Tam muội thì tâm này sẽ làm cho tâm được an ổn, bình đẳng, sẽ làm ánh sáng chiếu soi tất cả chúng sanh khắp mười phương như

mặt trời, mặt trăng. Đây là đạo tam muội của Bồ tát, sẽ vì tất cả chúng sanh khắp mười phương làm cho tâm bình đẳng. Nay có các Bồ tát khắp mười phương hành trì tam muội đều có công dụng như Nguyệt tam muội. Như vậy, các Bồ tát khác cũng hành trì tam muội này. Bồ tát Hoàn Na Cưu Lựu hỏi Phật Thích Ca Văn:

Tam muội này thế nào? Phật Thích Ca Văn im lặng. Bồ tát Hoàn Na Cưu Lựu lại hỏi tiếp. Phật Thích Ca Văn lại im lặng. Bồ tát Hoàn Na Cưu Lựu tự nghĩ tâm Phật thế nào. Bồ tát biết được tâm Phật, Bồ tát liền đi đến làm lễ Phật rồi đánh kiền chùy, Bồ tát tam muội khắp mười phương đều đến tập hợp. Sáu vạn Bồ tát đều đến trước Phật để làm lễ rồi về chỗ ngồi. Bồ tát Hoàn Na Cưu Lựu thưa hỏi Phật:

- Xin Đức Phật vì tất cả chúng sanh khắp mười phương nói về tam muội bình đẳng vì sao có tên Nguyệt tam muội, Phật nói:

- Sáu vạn Bồ tát tâm đều bình đẳng, tâm đã bình đẳng nên các Câu Lâu Đàn đều lay động không thể đứng vững, nhờ oai thần của Phật làm an ổn thiên hạ, tam muội này gọi là Nguyệt tam muội. Đại chúng nghe tam muội này rồi đều đạt được tâm bình đẳng thực hành.

Thời thứ tám

Nam mô Phật! Nam mô Pháp. Nam mô Tỳ-

kheo Tăng. Nam mô các Bồ tát. Nam mô Đại Bồ tát. Nam mô Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.

Tôi tự nghĩ đời trước tôi đã hành đạo Bồ tát. Tôi tự nghĩ tôi đã phụng sự ba ngàn ức Đức Phật; tự nghĩ đời trước khi làm Bồ tát, tôi thường đem tâm từ, bi, hỷ, xả thương yêu tất cả người, phi nhân và các loài côn trùng nhỏ bé, thường đau xót vì chúng. Tôi thường dùng giáo pháp giảng dạy, khuyến khích dẫn dắt làm cho chúng được đi vào chánh pháp, bỏ ác làm lành. Tai không nghe việc thiện ác. Mắt không nhìn sắc đẹp, xấu. Mũi không ngửi mùi thơm, hôi. Lưỡi không nếm các mùi vị. Thân không cầu trang sức thô, mịn. Ý không cầu đạt được sự tham muốn. Tôi tự đoạn diệt sáu sự tham muốn. Tôi tự đoạn diệt ba mươi sáu việc không sanh khởi. Tai đắc định không còn nghe tiếng thiện ác, mắt đắc định không còn thấy sắc đẹp xấu, mũi đắc định không còn ngửi mùi thơm hôi, miệng đắc định không còn tham đắm năm vị, thân đắc định không còn biết cảm nhận nóng lạnh. Ý đắc định không còn suy nghĩ lung tung. Thân hành Đàn Ba-la-mật thường muốn bố thí. Mắt hành Thi Ba-la-mật chỉ thích trì giới. Tai hành Sằn đề Ba-la-mật chỉ muốn nhẫn nhục. Mũi hành Duy đãi Ba-la-mật chỉ muốn tinh tấn. Miệng hành Thiền Ba-la-mật chỉ muốn nhất tâm. Ý thực hành Bát nhã Ba-la-mật chỉ muốn trí tuệ. tôi thường dùng sáu việc này để cứu độ, ban ân cho tất cả chúng sanh. Đời

sau tôi lại được gặp Phật, Pháp, Tăng, lại được phụng sự ba ngôi báu. Nay tôi lại dùng sáu pháp để hóa độ tất cả, giảng rộng các pháp môn để dẫn dắt chúng sanh. Thành tựu đạo lớn làm vị đạo sư của tất cả người, phi nhơn, cho đến lúc chết cũng không phạm giới, cho đến lúc sắp chết cũng không bị dục mê hoặc, cho đến lúc chết cũng không làm những điều không cần thiết. Bổn nguyện của ta là người đến cầu xin thân ta sẽ đem cho. Người đến cầu xin ta thì ta đều thuận theo. Đây là chín giới của Bồ tát lấy tâm bình đẳng mà thọ trì. Đây gọi là trì giới. Vì sao? Ta vì chư Phật mười phương, ta vì các kinh pháp, ta vì chư Tỳ-kheo tăng, ta vì chư đại Bồ tát, ta vì người, phi nhân, và các loài nhỏ nhiệm trong mười phương mà hành trì các pháp này, thương yêu tất cả cho nên nay ta được đạo Bồ tát, thực hành các pháp của Bồ tát. Như thế đạo của Bồ tát khó được gặp, khó được nghe. Người đã được nghe đều chứng đắc Bồ tát. Nay, ta giữ gìn thân mạng này nương tựa chư Phật mười phương, nhất tâm không thối lui.

Thời thứ chín

Nam mô Phật! Nam mô Pháp. Nam mô Tỳ-kheo Tăng. Nam mô các Bồ tát. Nam mô Đại Bồ tát. Nam mô Bồ tát Văn Thù Sư Lợi. Đạo Bồ tát khó vô cùng. Ta dùng thân mạng cứu độ tất cả chúng sanh không có sự luyến tiếc. Bồ tát không tạo tội cũng không sợ tội. Đời trước đến nay oan

gia trái chủ rất nhiều, Bồ tát hoan hỷ chịu hết tội lỗi, cũng không sợ hãi. Bồ tát thọ trì như pháp, hành trì giới đúng như giới. Do Bồ tát có lòng tin nên được thành Phật. Bồ tát tụng thuộc các kinh nhưng tất cả sẽ đi vào đạo tùy thuận giáo hóa chúng sanh. Bồ tát thường thực hành tâm từ, lời nói êm dịu không làm tổn thương lòng người. Bồ tát cùng ở với vợ con như nuôi dưỡng oan gia nên thường phòng hộ ý. Bồ tát thấy người nữ giống như hổ sói, sư tử giống như rắn độc. Bồ tát không sợ ái dục vì không thể làm động ý của Bồ tát. Vì Bồ tát đã bỏ ái dục nên ái dục không thể ô nhiễm. Hạnh thanh tịnh của Bồ tát như hoa sen không sanh ở núi cao đất liền. Bồ tát ở trong ái dục như hoa sen tuy sanh trong bùn mà không bị bùn làm ô nhiễm. Bồ tát ở trong nội giới không vượt ngoại giới. Ngoại hành như đất, nội giới như nước, nước lấy sự thanh tịnh nhu hòa làm hạnh. Đất lấy sự dung chứa nhiều, thọ nhận nhiều làm công đức. Tất cả trăm loại cỏ, cây đều từ đất sanh ra. Tất cả vạn vật đều từ nước mà được sanh sống. Do đó công đức của Bồ tát như đất, như nước. Bồ tát ở một mình trên núi cũng không sợ hãi, Bồ tát tuy ở nhà nuôi dưỡng vợ con nhưng thường như ở một mình, biết rõ sự an định, không có lãnh thọ các tư tưởng cho nên công đức của Bồ tát tôn quý cao vời, vô lượng vô biên không có giới hạn. Công đức ấy khó có thể xưng tán, khó so lường. Đây là mười giới của Bồ tát. Bồ tát

thường hành bốn tâm vô lượng, đã có lòng tin công đức liền được chứng Địa thứ nhất, đã đạt được trụ địa thứ nhất liền được chứng địa thứ hai, đã đạt được Trú địa thứ hai, liền được chứng đắc Trú địa thứ ba, đã đạt được Trú địa thứ ba, liền được chứng đắc Trú địa thứ tư, đã đạt được Trú địa thứ tư, liền được chứng đắc Trú địa thứ năm, đã đạt được Trú địa thứ năm, liền được chứng đắc Trú địa thứ sáu, đã đạt được Trú địa thứ sáu, liền được chứng đắc Trú địa thứ bảy, đã đạt được Trú địa thứ bảy, liền được chứng đắc Trú địa thứ tám, đã đạt được Trú địa thứ tám, liền được chứng đắc Trú địa thứ chín, đã đạt được Trú địa thứ chín, liền được chứng đắc Trú địa thứ mười, đã đạt được Trú địa thứ mười liền thành tựu quả Phật, độ thoát tất cả chúng sanh. Đó là Bồ tát tích lũy công đức cho đến đắc đạo. Người nào theo ta đọc tụng kinh này là đã bỏ các việc ác, mau chóng thành Phật. Người nào thấy nghe một lần mà hoan hỷ là đã trừ bỏ được vô số tội, chứng đắc Thập trụ cho đến đắc đạo. Vào ngày rằm của mỗi tháng, một ngày một đêm phải nên đọc tụng kinh này thì phước ấy bao trùm trong ba cõi. Nếu làm ngăn ngại, trói buộc các hạnh thì xa lìa công đức, không được gọi là đạo Bồ tát.

Thời thứ mười

Nam mô Phật! Nam mô Pháp. Nam mô Tỳ-kheo Tăng. Nam mô các Bồ tát. Nam mô Bồ tát Đàn Na Cưu Lựu. Nam mô Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.

Bồ tát thường hành tâm từ thương yêu tất cả chúng sanh. Thấy người nghèo, giàu, phú quý, hạ tiện, tráng kiện, suy yếu, khiếp nhược, thì tâm Bồ tát thường muốn khiến cho họ như nhau. Bồ tát thường nguyện cho mười phương đều bằng phẳng như nước không có gò núi, hầm hố, mọi người giàu nghèo đều như nhau. Tuổi thọ dài ngắn đều như nhau. Phú quý hạ tiện đều như nhau, một lòng cầu đạo phát tâm đại thừa. Tất cả người và phi nhân đều phát tâm vô thượng chánh chơn, đều có trí tuệ, đều hành bố thí không có keo kiết tham lam, đều trì giới kinh, đều có thể nhẫn nhục, đều có thể tinh tấn, nhất tâm nhập định, hiện hóa tam muội, đều có phương tiện thiện xảo; thấy người mê hoặc nguyện cho họ mau thấy đạo chân chánh; thấy người mờ tối mong cho họ mau thấy được ánh sáng, người bệnh đều làm cho được lành mạnh, tráng kiện có đủ sức lực. Đi trên đất, Bồ tát nguyện cho người, ngựa, bò được mạnh mẽ, to khỏe, tay chân gân cốt đều được tráng kiện, của cải đầy đủ. Đi trên thuyền về hướng Đông, Tây, Nam, Bắc hoặc trên nước dưới nước đều được như ý muốn. Xe thuyền được an ổn, thuận buồm xuôi gió, mua ở chợ trăm ngàn vạn thứ đều được mua bán tiện lợi, giàu nghèo đều được như điều mong muốn. Người ở nhà như vợ, con, cha, mẹ ông, bà đều được an ổn; nước, lửa, trộm cắp, bệnh tật, vua quan đều không có. Người làm quan thường được an ổn từ tâm thương yêu,

nuôi dưỡng dân chúng. Người trong nhà giàu có không thiếu thốn, lo, buồn khổ não. Đây là giới thứ mười một, Bồ tát thực hành bình đẳng.

Thiện nam, thiện nữ nghe như vậy rồi hoan hỷ, đều đắc quả vị Bồ tát. Chư thiên, thần đất, thần núi, đều đến bảo vệ, thọ trì kinh này. Tất cả tai hại không dám xâm phạm. Đây là Bồ tát đã đắc thần thông.

Thời thứ mười một

Nam mô Phật! Nam mô Pháp. Nam mô Tỳ-kheo Tăng. Nam mô các Bồ tát. Nam mô Đại Bồ tát. Nam mô Bồ tát Văn Thù Sư Lợi.

Bồ tát từ Trú địa thứ nhất cho đến Trú địa thứ sáu đều thanh tịnh, dần dần đắc đạo, đắc Tu đà hoàn, đắc Tư đà hàm, đắc A la hán, và quả vị Phật Bích Chi, nhưng không ở trong Trú địa mà đắc Phật đạo, hiện ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, mười lực, bốn vô uý, mười tám pháp bất cọng, tám âm thanh lớn, cũng không ở trong trụ địa. Bồ tát phát tâm đại thừa, dùng bốn thệ nguyện rộng lớn độ thoát tất cả người và phi nhơn; dùng Ba-la-mật chỉ dạy mọi người; dùng từ bi hỷ xả cứu gi- úp chúng sanh. Bồ tát dùng lời hòa nhã điều phục kẻ ương ngạnh; dùng phương tiện thiện xảo để hòa hợp mọi người; dùng sự hoan hỷ, hoà vui để điều phục kẻ ác nghịch; dùng đạo lực để độ kẻ ngu si; dùng sự trinh khiết để độ kẻ ái dục; dùng đại từ

thương yêu tất cả chúng sanh; dùng sự tiết kiệm để dứt bỏ của báu; dùng sự thanh tịnh đoạn trừ say sưa; dùng sự nói năng điềm đạm để tâm ý nhẫn nhục; dùng sự kinh hành để lập chí tinh tấn; Bồ tát do ít ăn để đoạn tuyệt ngủ nghỉ; do không tham dục nên thân thể nhẹ nhàng, tráng kiện; do không sân giận nên đạo đức được nuôi dưỡng; do không ganh ghét nên mọi người hội họp; nhờ công đức nên tất cả người, phi nhân quay về nương tựa. Đây là mười hai giới của Bồ tát thực hành bình đẳng, cứu độ tất cả chúng sanh. Đó là đầy đủ công đức của Bồ tát Phi hành. Người tâm thiện ý tốt muốn nghe kinh này rồi đọc tụng đó là Bồ tát Trú địa thứ mười. Bồ tát vào nước không bị chìm, vào lửa không bị thiêu, người đến xin đầu, Bồ tát cũng cho đầu; xin tai cho tai; xin mũi cho mũi. Bồ tát nhảy vào miệng cọp mà không tiếc thân mạng. Đó là công đức tôn quý của Bồ tát, khó có thể xưng kể, khó hạn lượng, vô cùng vô tận, không có giới hạn, không thể đo lường. Các vị đều vâng theo giới kinh của Phật, phòng hộ thân hành hợp với kinh này, thực hành tinh tấn hoàn toàn xa lìa việc ác không còn sai phạm. Hành động sai phạm chẳng phải là Bồ tát. Hễ là Bồ tát đầy đủ chánh giới thì đạt đến ngôi vị Nhất sanh bổ xứ, sẽ mau được làm Phật, ánh sáng tướng tốt đều đã sáng soi. Chỉ cần công đức thành tựu, viên mãn các pháp thiện rồi, hiện đủ oai thần thì tất cả chúng sanh đều kính phục.

Đức Phật nói về mười hai thời công đức chánh giới của Bồ tát xong, Bồ tát Văn Thù và các vị Bồ tát đến trong hội như Bồ tát Thần thông, Bồ tát Phi hành, Bồ tát Thành tựu, Bồ tát Biến hóa v. v… cùng các vị Bồ tát ở khắp mười phương như Bồ tát Bạt Đà Hòa, Bồ tát La Lân Na Kiệt, Bồ tát Kiều Việt Đâu, Bồ tát Na Ca Đạt, Bồ tát Thâm Di, Bồ tát Ma Ha Tu, Bồ tát Hòa, Bồ tát Nhơn Đề Đạt, Bồ tát Hòa Luân Trù v. v… bảy vạn hai ngàn người đều hoan hỷ vô cùng, đều hiện ánh sáng chiếu soi giao nhau, các vị đều đứng dậy sửa lại y phục, đến trước Phật đảnh lễ Ngài.

Thời thứ mười hai

Khi Đức Phật nói mười hai thời giới Bồ tát xong, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

Do công đức gì Bồ tát chứng đắc mười trụ này? Xin nguyện đức Thế Tôn giảng thuyết cho.

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Này Văn Thù Sư Lợi! Lời hỏi của ông đạt được nhiều sự an ổn, nhiều sự thương yêu. Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết pháp ấy. Hãy lắng nghe, nhớ thọ trì.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa:

- Xin vâng. Đức Phật dạy:

Công đức của Bồ tát gồm mười Trú địa có cao thấp, tự có thứ lớp.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa:

- Bạch đức Thế tôn! Những gì là mười? Thế nào là trụ ở pháp thứ nhất Ba-lam-chất-đâu của Bồ tát?

Đức Phật dạy:

- Thấy bậc thầy ở trên đầu, trang nghiêm không ai sánh bằng, thấy sắc mặt không hề nhàm chán, không thể bì kịp, tôn quý không ai hơn, những lời dạy thì không thể ví dụ. Thấy oai nghi thần thông của Phật như vậy, liền được thể nhập Phật đạo để truyền đạo, tùy theo ý thích của chúng sanh mà độ thoát cho họ, thấy những người siêng năng điều đến an ủi, giảng rõ lời phật dạy để họ hiểu, khiến người mới phát tâm học điều được hiểu biết, mười trí Phật khó khăn nhất cũng đều muốn đạt được. Những gì là mười nơi khó khăn về mười loại năng lực?

1. Nên cúng dường Phật.

2. Nên tùy theo sự ưa thích của chúng sanh mà dùng lời lẽ để giáo hóa.

3. Sanh bất cứ nơi đâu đều được tôn quý.

4. Từ chư thiên đến loài người không ai bì kịp.

5. Chứng đắc trí tuệ của Phật.

6. Bất cứ ở đâu đời đời đều được gặp vô số chư Phật.

7. Thông suốt kinh Phật.

8. Vượt qua sanh tử.

9. Không bao lâu nữa sẽ được giải thoát.

10. Độ thoát hết thảy chúng sanh trong mười phương.

- Thế nào là trụ ở pháp thứ hai "A-xà-phù" của Bồ tát?

Đức Phật dạy:

- Có mười ý, nhớ nghĩ đến chúng sanh khắp mười phương. Đó là: 1, Nghĩ về điều thiện của thế gian.

2. Tâm thanh tịnh, thuần khiết.

3. Đều được an ổn.

4. Tâm nhu nhuyến.

5. Thương yêu bình đẳng.

6. Tâm chỉ nghĩ đến bố thí cho mọi người.

7. Luôn hộ trì tâm.

8. Nghĩ ta là tất cả mọi người đều bình đẳng.

9. Xem ta và người khắp mười phương đều là thầy.

10. Nghĩ chúng sanh khắp mười phương đều như Phật.

Pháp "A-xà-phù" của Bồ tát, nên học kinh thật nhiều. Học thật nhiều xong, nên ở một mình nơi rừng núi, lúc ở thì nên theo thầy tốt để phục vụ, khi phục vụ thì luôn ở bên thầy, nên mềm mỏng dễ sai bảo và tùy lúc, tùy theo thời mà làm các việc dũng mãnh, nên học tập để thể nhập trí tuệ, những pháp gì đã học hỏi thì nên thọ trì, thọ trì xong thì không dễ quên, do không quên nên ở nơi núi non thật yên

ổn. Vì sao? Vì đã làm lợi ích cho chúng sanh khắp mười phương.

- Thế nào là trụ ở pháp thứ ba "Dụ-a-xà" của Bồ tát? Đức Phật dạy:

- Thể nhập trong các pháp, có mười việc, đó là:

1. Các vật sở hữu đều vô thường
2. Các vật sở hữu đều khổ.
3. Các vật sở hữu đều là rỗng không.
4. Các vật sở hữu đều chẳng phải ngã sở.
5. Các vật sở hữu đều không có chủ.
6. Các vật sở hữu đều không lợi ích.
7. Các vật sở hữu đều không có chỗ dừng.
8. Các vật sở hữu đều không có xứ sở.
9. Các vật sở hữu đều không chấp trước.
10. Tất cả các pháp "vô sở hữu" đều thể nhập trong một pháp, một pháp đều thể nhập trong các pháp. Đó là giáo pháp kinh sách "Dụ- a-xà" của Bồ tát.

- Thế nào là trụ nơi pháp thứ tư "Diêm-ma-kì" của Bồ tát? Đức Phật dạy:

- Thường nguyện sanh ra nơi xứ sở của Phật, có mười việc:

1. Không quay trở lại.
2. Suy nghĩ sâu xa về Phật.
3. Suy nghĩ sâu xa về Pháp.
4. Nghĩ Tỳ-kheo Tăng là chúng sanh khắp

mười phương.

5. Tư duy vạn vật đều không thực có.

6. Cõi Phật khắp mười phương đều là hư không.

7. Biết rõ những việc làm quá khứ đều không thật có.

8. Những vật hiện có như huyễn đều là hư không.

9. Các khổ nhọc đều không thật có.

10. Niết bàn, hư không cũng không thật có.

Dùng những pháp này mà được sanh trong Phật pháp. Đó là giác pháp "Diệm-ma-kì" của Bồ tát.

- Thế nào là trụ nơi pháp thứ năm "Ba-dụ-tam-bát" của Bồ tát? Đức Phật dạy:

Những công đức đã đạt được đều đem cứu giúp chúng sanh khắp mười phương. có mười việc:

1. Hộ trì chúng sanh khắp mười phương.

2. Nghĩ đến điều thiện của chúng sanh khắp mười phương.

3. Nghĩ đến chúng sanh khắp mười phương.

4. Thương yêu chúng sanh khắp mười phương.

5. Từ bi nghĩ đến chúng sanh khắp mười phương.

6. Nghĩ đến chúng sanh khắp mười phương, không bảo họ làm ác.

7. Dẫn dắt chúng sanh khắp mười phương, đem

họ vào đạo Bồ tát.

8. Làm thanh tịnh cho chúng sanh khắp mười phương.

9. Độ thoát hết chúng sanh khắp mười phương.

10. Khiến chúng sanh khắp mười phương nhập Niết bàn. Đó là pháp "Ba-dụ-tam-bát" của Bồ tát.

Thế nào là trụ ở pháp thứ sáu "A-giả-tam-bát" của Bồ tát? Đức Phật dạy:

- Có mười pháp nơi tâm từ bi sâu xa.

1 . Xem người nói về Phật, với tâm thiện, ác đều không khác nhau.

2. Có tâm thiện, ác để giảng nói kinh pháp đều khác nhau.

3. Giảng nói về Bồ tát, với tâm thiện, ác đều không giống nhau.

4. Người cầu đạo Bồ tát và đạo tốt lành, với tâm thiện, ác đều giống nhau.

5. Có người nói: "Chúng sanh khắp mười phương có tâm rộng hẹp" nhưng vẫn không thấy sai khác.

6. Thấy chúng sanh mười phương truyền bá đạo cho nhau dù với tâm thiện, ác đều vẫn thấy giống nhau.

7. Có người nói: "Chúng sanh mười phương dễ giải thoát, khó giải thoát" đều không thấy khác nhau.

8. Có người nói: "Thuyết pháp với tâm rộng

hẹp" thì vẫn thấy giống nhau.

9. Có người nói: "Thuyết pháp với tâm phá hoại" thì vẫn không phân biệt.

10. Đối với nơi có pháp, nơi không có pháp đều thấy giống nhau. Đó là pháp "A-giả-tam-bát" của Bồ tát.

- Thế nào là trụ nơi pháp thứ bảy "A-duy-việt-trí" của Bồ tát? Đức Phật dạy: Có mười việc kiên cố bất động, đó là:

1. Nếu nói: "Có Phật hay không có Phật" đều không lay chuyển, thối lui.

2. "Có pháp, không có pháp" đều không lay chuyển, thối lui.

3. "Có Bồ tát hay không có Bồ tát " đều không lay chuyển, thối lui.

4. "Có cầu xin đạo Bồ tát hay không có cầu xin đạo Bồ tát" đều không lay chuyển, thối lui.

5. Trì pháp nên đạt được sự không lay chuyển, thối lui.

6. Có chư Phật quá khứ hay không có chư Phật quá khứ đều không lay chuyển, thối lui.

7. Có chư Phật vị lai hay không có chư Phật vị lai đều không lay chuyển, thối lui.

8. Có chư Phật hiện tại hay không có chư Phật hiện tại đều không lay chuyển, thối lui.

9. Trí tuệ của chư Phật cùng tận hay không cùng tận đều không lay chuyển, thối lui.

10. Tất cả ngần ấy việc thế gian trong quá khứ, vị lai, hiện tại đều không lay chuyển, thối lui.

Đó là pháp "A-duy-việt-trí" của Bồ tát.

- Thế nào là pháp trụ nơi pháp thứ tám "Cưu-ma-la-phù-đồng- nam" của Bồ tát.

Đức Phật dạy:

- Bồ tát phải trụ trong mười việc, đó là:

1. Những việc làm của thân khẩu, miệng và ý đều phải tinh khiết.

2. Không ai có thể biết được mạng sống là dài hay ngắn.

3. Chỉ một lần tâm nghĩ đến là biết sẽ sanh ở chỗ nào.

4. Biết rõ chúng sanh khắp mười phương, những ai có tâm từ.

5. Biết rõ sự kính tin của chúng sanh khắp mười phương

6. Biết rõ ngần ấy chủng loại của chúng sanh khắp mười phương

7. Biết rõ sự tạo tác của chúng sanh khắp mười phương

8. Biết rõ sự thành, bại của các cõi nước Phật khắp mười phương

9. Chứng đắc thần thông, trong một niệm là bay đến nơi cần đến.

10. Tất cả đều thanh tịnh.

Đó là giáo pháp "Cưu-ma-la-phù-đồng-nam" của Bồ tát. Thế nào là trụ nơi pháp thứ chín "Dụ-la-xà" của Bồ tát. Đức Phật dạy:

- Có mười việc.

1. Biết rõ nơi sanh ra của chúng sanh mười phương.

2. Biết rõ sự ràng buộc ái ân của chúng sanh mười phương.

3. Biết rõ ngọn nguồn suy nghĩ của chúng sanh mười phương.

4. Biết rõ việc đã làm đời trước và nơi hướng đến của chúng sanh mười phương.

5. Biết rõ có ngần ấy chủng loại các pháp.

6. Biết rõ sự suy nghĩ và ngần ấy sự biến hóa của chúng sanh mười phương.

7. Biết rõ sự tan hoại, thiện ác về cõi nước của chư Phật.

8. Biết rõ tất cả việc thế gian từ quá khứ, hiện tại đến vị lai trong vô số kiếp.

9. Biết rõ sự bình đẳng hay không bình đẳng của chúng sanh mười phương.

10. Biết giảng nói pháp rộng như hư không cho chúng sanh mười phương.

Đó là pháp "Dụ-la-xà" của Bồ tát.

- Thế nào là trụ ở pháp thứ mười "A-duy-nhan (Nhất sanh Bổ xứ)" của Bồ tát?

Đức Phật dạy:

Bồ tát thể nhập vào mười trí thì có thể phân biệt biết rõ có mười

việc:

1. Do nhân duyên gì làm cảm động đến cõi nước của chư Phật ở

mười phương.

2. Biết rõ các cõi Phật trong vô số kiếp.

3. Hàng ngày, tôi đều dẫn dắt các Bồ tát đến vô số cõi Phật.

4. Hàng ngày, tôi sẽ độ thoát chúng sanh trong vô số cõi Phật.

5. Tôi sẽ làm an ổn các chúng sanh trong vô số cõi Phật.

6. Chúng sanh khắp mười phương phiền não-hương đều nghe được tên tôi thì đều hoan hỷ được độ thoát.

7. Nghĩ đến chúng sanh khắp mười phương, khiến họ chứng đắc cõi Phật, Tất cả đều bỏ gia đình đi xuất gia.

8. Tất cả những suy nghĩ thiện ác của chúng sanh khắp mười phương, tôi đều biết hết .

9. Tôi sẽ đem chúng sanh khắp mười phương thể nhập Phật đạo, khiến họ phát tâm Bồ tát.

10. Tôi sẽ độ thoát chúng sanh khắp mười phương.

Những việc làm của thân, những lời nói của

miệng, những suy nghĩ của ý và tất cả những hành động của Bồ tát "A-duy-nhan" thì Bồ tát "A-dụ-la-xà" không thể hiểu được. Bồ tát "A-dụ-la-xà" cũng không thể hiểu được việc làm của Bồ tát "A-duy-nhan", không thể biết được thần thông, sự biến hóa đi lại, cũng không thể biết được những việc quá khứ, hiện tại và vị lai của Bồ tát "A-duy-nhan". Đó là pháp "A-duy- nhan" của Bồ tát.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 82

KINH
ƯU BÀ TẮC GIỚI
SỐ 1488
(QUYỂN 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1488
KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

Hán dịch: Đời Bắc Lương Tam tạng pháp sư Đàm Vô Sấm, người Trung Ấn Độ.

QUYỂN 1

Phẩm 1: TẬP HỘI

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, đức Phật ở tại Tinh xá thuộc cây vườn rừng Kỳ-Đà- Cấp-Cô-Độc, nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-Kheo Tăng, năm trăm vị Tỳ-Kheo Ni, một ngàn Ưu-bà-tắc và năm trăm vị ăn xin.

Bấy giờ, trong hội chúng, có một người con của vị trưởng giả, tên là Thiện Sanh, cúi đầu bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Lục sư ngoại đạo thường dạy tín đồ: Nếu ai, một ngày hai buổi. Sáng chiều cung kính lễ lạy sáu phương, thì được giàu có và sống lâu. Vì họ cho: Phương Đông thuộc về lãnh thổ của vua Đế Thích, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được vua Đế Thích giúp đỡ; phương Nam thuộc về lãnh thổ của vua Diêm la, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được vua Diêm La giúp đỡ; phương Tây thuộc về lãnh thổ của Bà Lâu Na Thiên, nếu ai phát

tâm cúng dường, thì được Bà Lâu Na Thiên giúp đỡ; phương Bắc thuộc về lãnh thổ Câu Tỳ La Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Câu Tỳ La Thiên giúp đỡ; phương Dưới thuộc lãnh thổ của Hoả Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Hoả Thiên giúp đỡ; phương Trên thuộc về lãnh thổ Phong Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Phong Thiên giúp đỡ. Bạch Đức Thế Tôn! Trong giáo pháp của Ngài có dạy tín đồ về sáu phương như vậy không?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Trong giáo pháp của Như Lai cũng có nói về sáu phương, đó là sáu Ba-la-mật. Phương Đông là Bố thí Ba-la-mật. Vì sao? Vì mới vừa xuất hiện, là nhân duyên phát sanh trí tuệ sáng suốt; phương Đông thuộc về tâm chúng sanh, nếu có chúng sanh nào cúng dường bằng Bố thí Ba-la-mật, thì được giàu có và sống lâu. Phương Nam là Trì Giới Ba-la-mật. Vì sao? Vì Trì Giới Ba-la-mật gọi là hơn hết, nếu có người nào cúng dường đều cũng được giàu có và sống lâu. Phương Tây là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì sao? Vì phương Tây là chỉ về mai sau, nghĩa là bỏ hết tất cả các pháp ác lại phía sau, nếu ai cúng dường cũng được giàu có và sống lâu. Phương Bắc là Tinh tấn Ba-la-mật. Vì sao? Vì phương Bắc có danh hiệu là thắng các pháp ác, nếu ai cúng dường thì được giàu có và sống lâu. Phương Dưới là Thiền định Ba-la-mật. Vì sao? Vì

ở phương dưới có thể quán sát rõ ba đường ác, nếu ai cúng dường thì được giàu có và sống lâu. Phương Trên là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì phương Trên là cao quý, không sanh diệt, nếu ai cúng dường thì được giàu có và sống lâu. Này thiện nam! Đó là sáu phương thuộc tâm chúng sanh, chẳng phải như lục sư Ngoại đạo đã nói. Như vậy, với sáu phương đó, ai có thể phát tâm cúng dường được? Chỉ có hàng Bồ-tát mới có thể cúng dường được.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Do nghĩa nào mà gọi là Bồ-tát? Đức Phật dạy:

- Chứng đắc Bồ đề mới gọi là Bồ-tát, tánh Bồ-đề nên gọi là Bồ-tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu nói chứng đắc Bồ-đề rồi mới gọi là Bồ-

tát, vậy lúc chưa cúng dường sáu phương sao có thể gọi là Bồ-tát? Nếu lấy tánh nên gọi là Bồ-tát, thì ai được tánh ấy? Người có tánh ấy mới có thể cúng dường sáu phương, nếu không có tánh ấy, thì không thể cúng dường sáu phương? Như vậy Như Lai không thể nói sáu phương là thuộc tâm chúng sanh.

Phật dạy:

- Này thiện nam! Không phải chứng đắc Bồ-đề, nên gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì chứng đắc Bồ-đề thì

đã là Phật rồi. Chưa chứng đắc Bồ-đề, mới gọi là Bồ-tát. Cũng không phải tánh Bồ-đề, gọi là Bồ-tát.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh không có tánh Bồ-đề, như các chúng sanh, không có tánh Trời, người, sư tử, cọp, sói. v. v… mà chỉ do trong đời hiện tại, có nhiều nhân duyên nghiệp lành hòa hợp mà được làm thân Trời, người; hay do hoà hợp nhiều nhân duyên nghiệp ác, mà sanh làm thân sư tử, súc sanh. Bồ-tát cũng vậy, nhờ hội tụ được nhiều nhân duyên nghiệp lành và phát tâm Bồ-đề, nên được gọi là Bồ-tát. Nếu có thuyết nói: " Tất cả chúng sanh có tánh Bồ-tát", thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì nếu có tánh ấy, thì Bồ-tát không cần tu tập theo nhân duyên nghiệp lành, và cúng dường sáu phương.

Này thiện nam! Nếu có tánh ấy, tức không có người mới phát tâm và không có kẻ thối lui tâm, mà do vô lượng nhân duyên nghiệp lành và phát tâm Bồ-đề, mới gọi là tánh Bồ-tát.

Này thiện nam! Có các chúng sanh tu hành theo ngoại đạo, vì không thích nói về kinh sách điên đảo của họ, nên phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, ở nơi vắng lặng, và nhờ nhân duyên căn lành bên trong mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, quán sát những tội lỗi trong sanh tử, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, thấy ác, nghe ác mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh biết rõ thân mình tham lam, sân hận, ngu si, ganh ghét, bỏn

xẻn, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh thấy các vị Tiên đắc năm pháp thần thông của các ngoại đạo mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh muốn biết thế gian có giới hạn hay không có giới hạn, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh thấy nghe Đức Như Lai không thể nghĩ bàn, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, khởi tâm thương xót mọi loài, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, yêu thích chúng sanh, mà phát tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Tâm Bồ-đề gồm có ba bậc. Đó là: Thượng, Trung, Hạ. Nếu nói chúng sanh, nhất định có tánh, thì tại sao lại nói có ba bậc khác nhau? Chúng sanh có tâm thấp kém, có thể khởi lên tâm trung bình; chúng sanh có tâm trung bình khởi lên tâm cao thượng, chúng sanh có tâm cao thượng lai trở nên tâm trung bình, chúng sanh có tâm trung bình trở nên thấp kém. Chúng sanh chuyên cần tu tập vô lượng pháp thiện, nên trở thành cao thượng, không chuyên cần tu tập, thì trở thành thấp kém. Nếu khéo tinh tấn tu hành thì gọi là không thối chuyển, ngược lại, không tinh tấn tu hành, gọi là thối chuyển. Trong mọi thời gian, tất cả chúng sanh tu tập pháp thiện, thì gọi là bất thối chuyển; nếu không được như vậy, gọi là thối chuyển. Như vậy, Bồ-tát tất có tâm thối chuyển và tâm sợ hãi. Nếu trong mọi thời gian, tất cả chúng sanh tu tập pháp thiện, chứng đắc bất thối chuyển, thì vị đó Như Lai đã thọ ký là Địa Đại-hỷ, chẳng

bao lâu sẽ được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam! Ba bậc Bồ-đề, không có tánh nhất định; nếu có tánh nhất định, thì người đã phát tâm Thanh-văn, Duyên-giác, không thể phát tâm Bồ-đề được.

Này thiện nam! Thí như chúng Tăng, không có tánh nhất định; tánh của ba bậc Bồ-đề cũng như vậy. Nếu nói Bồ-đề có tánh nhất định, đó gọi là ngoại đạo. Vì sao? Vì các ngoại đạo cho là không có nhân quả; như Tự Tại Thiên là không nhân không quả.

Này thiện nam! Hoặc có người nói tánh của Bồ-tát giống như trong đá nhất định có vàng, phải nhờ nhân duyên và các phương tiện thiện xảo, để lấy vàng ra. Tánh của Bồ-tát cũng như vậy. Đó là thuyết của ngoại đạo Phạm chí. Vì sao? Vì các ngoại đạo Phạm chí thường nói: Trong hạt Ni-câu-đà có cây Ni-câu-đà; trong mắt có lửa, có đá; nên Phạm chí nói không nhân không quả, vì nhân tức là quả, quả tức là nhân; hạt Ni-câu-đà có đầy đủ cây Ni-câu-đà, nên biết đó là nhân quả của Phạm chí. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhân nhỏ mà quả lớn. Hoặc nói, trong con mắt nhất định có lửa, thì con mắt bị cháy mất rồi, mà con mắt bị cháy, làm sao thấy được! Hoặc trong con mắt có đá, thì đá che mắt làm sao thấy được!

Này thiện nam! Như Phạm chí nói: " Có tức là có; không tức là không; không thời không sanh, có thời phải diệt". Nếu nói trong đá có tánh vàng, thì vàng không thể nói là tánh, tánh không thể nói là vàng.

Này thiện nam! Do nhân duyên nên có hoà hợp, vì có duyên hoà hợp nên trước không, sau có. Như Phạm chí nói: " Không tức vĩnh viễn không", thì nghĩa này như thế nào? Vàng hoà hợp với thuỷ ngân, thì vàng biến đổi, nếu nói không biến đổi, thì nghĩa này thế nào? Nếu nói chúng sanh có tánh Bồ-tát, đó là ngoại đạo, chứ không phải Phật đạo.

Này thiện nam! Thí như do nhân duyên hoà hợp trong đá mà có vàng; tánh của Bồ-tát cũng là như vậy. Chúng sanh có suy nghĩ gọi là tâm dục, do nhân duyên nghiệp lành, nên lòng ham muốn phát tâm Bồ- đề, như vậy gọi là tánh Bồ-tát.

Này thiện nam! Như chúng sanh trước không có Bồ-đề, sau mãi mới có. Tánh cũng như vậy, trước không, sau mới có; cho nên không thể nói Bồ-đề có tánh nhất định.

Này thiện nam! Vì cầu trí tuệ nên gọi là Bồ-tát. Muốn biết tất cả pháp chân thật, thì phải trang nghiêm lớn, tâm kiên cố, độ được nhiều chúng sanh, không tiếc thân mạng, đó gọi là Bồ-tát tu hành Đại thừa.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Một là:

Thối chuyển. Hai là: Không thối chuyển. Người đã tu ba mươi hai nghiệp tướng gọi là không thối chuyển. Nếu chưa có thể tu ba mươi hai nghiệp tướng thì gọi là thối chuyển. Lại có hai hạng: Một là: Xuất gia. Hai là: Tại gia. Bồ-tát xuất gia, thọ trì đầy đủ tám giới trọng hoàn toàn thanh tịnh, gọi là không thối chuyển. Bồ-tát tại gia, thọ trì đầy đủ sáu giới trọng hoàn toàn thanh tịnh, cũng gọi là không thối chuyển.

Này thiện nam! Ngoại đạo đoạn trừ dục vọng, được phước đức, hơn tất cả phước đức có được của chúng sanh trong cõi dục. Người đắc Tu-đà-hoàn phước đức hơn tất cả ngoại đạo dị kiến. Người đắc Tư-đà- hàm phước đức hơn hết thảy quả Tu-đà-hoàn. Người đắc A-na-hàm phước đức hơn tất cả quả Tư-đà-hàm. Người đắc A-la-hán phước đức hơn tất cả quả A-na-hàm. Người đắc Phật Bích- chi phước đức hơn tất cả quả A-la-hán. Người tại gia phát tâm Bồ-đề hơn tất cả quả Phật Bích- chi. Người xuất gia phát tâm Bồ-đề là việc không khó, ngược lại, người tại gia phát tâm Bồ-đề mới thật là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì người tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc. Lúc người tại gia phát tâm Bồ-đề, thì từ cõi trời Tứ-thiên-vương, cho đến cõi trời Sắc-cứu- cánh, đều rất kinh ngạc, vui mừng, cùng nhau nói: " Chúng ta, từ nay đã có được vị đạo sư của cõi Trời Người".

Phẩm 2: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao chúng sanh phát tâm Bồ-đề?

- Này thiện nam! Vì có hai điều mà chúng sanh phát tâm Bồ-đề: Được giàu có và được sống lâu.

Lại có hai điều: 1. Không muốn đoạn tuyệt chủng tánh Bồ-tát, 2.

Diệt trừ tội lỗi phiền não của chúng sanh.

Lại có hai điều: 1. Xét thấy trong vô lượng kiếp, chịu mọi khổ não, không được lợi ích, 2. Dù có vô lượng chư Phật, cũng không cứu thoát được thân ta, chính chúng ta phải tự độ lấy.

Lại có hai điều: 1. Làm các việc lành, 2. Làm rồi không để biến

mất.

Lại có hai điều: 1. Vì đó là phước báo thù thắng hơn tất cả Trời,

Người, 2. Vì đó là phước báo thù thắng hơn hàng nhị thừa.

Lại có hai điều: 1. Cầu đạo Bồ-đề mà chịu khổ não, 2. Để được nhiều lợi ích lớn.

Lại có hai điều: 1. Vô lượng chư Phật quá khứ, vị lai trước khi thành Phật, đều như thân ta, 2. Là

quán sát rõ ràng, Bồ-đề là pháp có thể chứng đắc, do đó mà phát tâm.

Lại có hai điều: 1. Quán sát người ở "Sáu trụ" tuy có chuyển tâm, nhưng còn hơn tất cả Thanh-văn, Duyên-giác, 2 Tâm chuyên cần cầu quả Chánh giác Vô thượng.

Lại có hai điều: 1. Muốn cho tất cả chúng sanh đều được giải tho- át, 2. Muốn cho chúng sanh có được quả báo giải thoát hơn hẳn hàng ngoại đạo.

Lại có hai điều: 1. Không bỏ tất cả chúng sanh, 2. Xa lìa tất cả phiền não.

Lại có hai điều: 1. Đoạn trừ khổ não trong hiện tại của chúng sanh, 2. Ngăn chặn khổ não trong vị lai của chúng sanh.

Lại có hai điều: 1. Dứt trừ sự chướng ngại của trí tuệ, 2. Đoạn trừ chướng ngại nơi thân của chúng sanh.

Này thiện nam! Phát tâm Bồ-đề có năm điều: 1. Gần gũi bạn lành, 2. Đoạn trừ tâm sân hận, 3. Vâng lời chỉ dạy của thầy, 4. Khởi tâm thương xót, 5. Siêng năng tu tập tinh tấn.

Lại có năm điều: 1. Không thấy lỗi của kẻ khác, 2. Tuy thấy lỗi của kẻ khác, nhưng tâm không hối. 3. Được pháp thiện rồi, tâm không kiêu mạn, 4. Thấy nghiệp thiện của kẻ khác tâm không ganh ghét, 5. Quán sát chúng sanh tưởng như con một.

Này thiện nam! Người có trí, sau khi phát tâm Bồ-đề rồi, có thể phá trừ các quả báo của nghiệp ác lớn như núi Tu-di.

Người có trí, vì ba điều, mà phát tâm Bồ-đề: 1. Vì thấy chúng sanh trong đời ác có năm trược. 2. Vì thấy Đức Như Lai có đạo lực thần thông không thể nghĩ bàn, 3. Vì nghe tám thứ tiếng vi diệu của Đức Như Lai.

Lại có hai điều: 1. Biết rất rõ nỗi khổ của tự thân, 2. Biết rõ nổi khổ của chúng sanh, cũng như nỗi khổ của tự thân, vì trừ nỗi khổ của chúng sanh, cũng như trừ nỗi khổ của chính mình.

Này thiện nam! Nếu có người có thể phát tâm Bồ-đề, nên biết người này, có thể lễ bái sáu phương, được giàu có và được sống lâu, không như thuyết ngoại đạo đã nói.

Phẩm 3: TÂM BI

Thiện Sanh bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Lục sư ngoại đạo không nói nhân quả; nay Đức Như Lai nói nhân quả có hai loại: 1. Sanh nhân, 2. Liễu nhân. Vậy như lời Ngài vừa nói thì phát tâm Bồ-đề, thuộc về Sanh nhân hay Liễu nhân?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Như Lai vì chúng sanh nên có thể nói một nhân, hai nhân, ba nhân, bốn nhân, năm nhân, sáu nhân, bảy nhân hoặc đến mười hai nhân. Nói một nhân tức là Sanh nhân. Nói hai nhân tức là Sanh nhân và Liễu nhân. Nói ba nhân tức là phiền não, nghiệp khí. Nói bốn nhân tức là bốn đại. Nói năm nhân, tức là năm chi ở vị lai. Nói sáu nhân, tức như trong Khế kinh nói về sáu nhân. Nói bảy nhân, tức như trong kinh Pháp Hoa nói. Nói tám nhân, tức là tám chi trong hiện tại. Nói chín nhân, tức như trong kinh Đại Thành nói. Nói mười nhân tức như Ưu-bà-tắc Vì-ma-nam nói. Nói mười một nhân, tức như Trí Ấn nói. Nói mười hai nhân, tức như Mười hai nhân duyên.

Này thiện nam! Tất cả các pháp Hữu lậu, có vô lượng vô biên nhân, tất cả các pháp Vô lậu cũng có vô lượng vô biên nhân. Người trí muốn biết tất cả các nhân, nên phát tâm Bồ-đề. Vì vậy, Đức Như Lai được gọi là Nhất Thiết Trí.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh phát tâm Bồ-đề, hoặc có Sanh nhân, hoặc có Liêu nhân, hoặc có cả Sanh nhân, Liễu nhân. Nay ông nên biết, hễ Sanh nhân tức là Đại bi, nhân là Bi, nên mới có thể phát tâm Bồ-đề, cho nên tâm Bi là Sanh nhân.

Thiện Sanh thưa: - Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao tu tâm Bi?

Phật dạy: - Này thiện nam! Người trí, thấy rõ

tất cả chúng sanh bị đắm chìm trong biển khổ não sanh tử, vì muốn cứu độ họ, nên phát khởi tâm bi. Lại thấy chúng sanh chưa có mười lực, bốn điều không sợ hãi và ba niệm Đại bi: Ta phải làm thế nào, để chúng sanh được đầy đủ, do vậy khởi tâm bi. Lại thấy chúng sanh tuy có nhiều oán độc nhưng cứ tưởng là người thân, vì vậy khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh mê mờ đường chánh, không có người chỉ đường, nên khởi tâm tâm bi; lại thấy chúng sanh nằm trên vũng bùn năm dục, không thể ra khỏi, mà còn buông lung, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh thường bị tài vật, vợ con ràng buộc, không thể xa lìa, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh do được xinh đẹp, sống lâu, mà khởi tâm kiêu mạn, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh bị bạn ác dối gạt, mà tưởng là quyến thuộc, như Lục sư, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, sanh trong ba cõi chịu mọi khổ não, mà còn tham vướng, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh tạo ra nghiệp ác do thân, khẩu, ý mà chịu nhiều quả khổ, nhưng vẫn vui thích, say đắm, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh ưa thích năm dục, như người khát uống nước muối, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, dù muốn được an lạc mà không tạo nhân an vui, tuy không thích khổ mà tạo nhân khổ, muốn hưởng cảnh vui cõi trời mà thiếu giới hạnh, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, đối với không ngã và không ngã sở, mà cứ tưởng có ngã và ngã sở, nên

khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh không có tánh cố định, lưu chuyển trong năm đường, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sợ sanh, già, bệnh, chết mà lại tạo nghiệp sanh, già, bệnh, chết, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh thân tâm chịu nhiều khổ não, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh đau khổ khi tình ái chia ly, mà không đoạn trừ được ái ân, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh ở trong vô minh tối tăm, mà không biết đốt lên ngọn đèn trí tuệ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, bị lửa phiền não thiêu đốt, mà không chịu cầu nước mát thiền định Tam muội, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, do vui năm dục, mà tạo vô lượng tội ác, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh biết năm dục là khổ, mà cứ mong cầu, không có chấm dứt, thí như người đói ăn phải cơm độc, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, ở trong đời xấu ác gặp vua bạo ngược, chịu nhiều khổ não, mà vẫn phóng dật, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh lưu chuyển trong tám cảnh khổ, mà không đoạn trừ cái nhân khổ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh đói khát, nóng lạnh không được tự tại, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh huỷ phạm giới cấm, sẽ thọ cảnh khổ ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sắc lực, thọ mạng, yên ổn và biện tài mà không được tự tại, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh các căn không đầy đủ , nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sanh ở biên địa,

không tu pháp thiện, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sanh nhằm đời đói khát, thân thể gầy ốm, trộm cướp lẫn nhau, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sanh trong xứ đao binh, giết hại lẫn nhau, lòng độc ác càng tăng trưởng, phải chịu vô lượng quả báo khổ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh gặp Phật ra đời, nghe Phật nói pháp thanh tịnh như vị cam lồ mà không thọ trì, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh tin theo thầy tà, bạn ác, không vâng lời dạy bảo của thiện tri thức, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh có nhiều tài vật, mà không biết bố thí, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh canh tác ruộng vườn, giao dịch buôn bán, tất cả đều là khổ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, cha mẹ, anh em, vợ con, tôi tớ, quyến thuộc không thương mến nhau, nên khởi tâm bi.

Này thiện nam! Người trí nên quán sát cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có cảnh an vui thiền định; cũng như sự khổ trong địa ngục, mà tất cả chúng sanh đều phải lãnh chịu, mà khởi tâm bi.

Này thiện nam! Lúc chưa chứng đắc đạo quả, mà quán sát như vậy, gọi là Bi, nếu chứng đắc đạo quả rồi, gọi là Đại bi. Vì sao? Vì lúc chưa chứng đắc đạo quả, dù quán như vậy, nhưng sự quán sát ấy có giới hạn, cho nên chúng sanh cũng là như vậy, còn khi đã chứng đắc đạo quả rồi, thì sự quán sát và chúng sanh không có giới hạn, cho nên gọi là Đại bi. Lúc chưa chứng đạo quả thì tâm bi còn

động chuyển, nên gọi là Bi, còn khi đã chứng đắc đạo quả rồi thì tâm bi không còn dao động, nên gọi là Đại bi. Lúc chưa chứng đạo quả, chưa có thể độ các chúng sanh, nên gọi là Bi, khi chứng đắc đạo quả rồi, có thể cứu độ rộng khắp chúng sanh, nên gọi là Đại bi. Lúc chưa chứng đắc đạo quả trí tuệ chưa phát sinh, nên gọi là Bi, khi đã chứng đắc đạo quả rồi, trí tuệ phát khởi, nên gọi là Đại bi.

Này thiện nam! Người trí tu hành bi, tuy chưa có thể đoạn trừ khổ não của chúng sanh, nhưng đã có vô lượng lợi ích.

Này thiện nam! Sáu pháp Ba-la-mật, đều lấy tâm bi làm Sanh nhân.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Xuất gia, Tại gia. Bồ-tát xuất gia, tu tập tâm bi không khó, ngược lại Bồ-tát tại gia, tu tập bi mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Này thiện nam! Người tại gia, nếu không tu tâm bi, thì không thể đắc giới Ưu-bà-tắc. Nếu tu tâm bi rồi, sẽ được đắc giới.

Này thiện nam! Người xuất gia, chỉ có thể thực hành đầy đủ năm pháp Ba-la-mật, không thể thực hành đầy đủ bố thí Ba-la-mật, còn người tại gia, thì hành đầy đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong mọi thời gian, đều có thể bố thí được hết tất cả, nên người tại gia trước, nên tu tâm bi, nếu tu

tâm bi rồi, thì nên biết, người này sẽ có đầy đủ trì giới, nhân nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Nếu tu tâm bi, thì khó bố thí có thể bố thí, việc khó nhẫn nhục, có thể nhẫn nhục, việc khó làm có thể làm. Vì ý nghĩa này, nên trong tất cả các pháp lành, Bi là cội gốc.

Này thiện nam! Nếu người nào có thể tu tâm bi như vậy, thì nên biết, người đó có thể phá trừ nghiệp ác lớn như núi Tu-di, chẳng bao lâu, sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng; người này, tuy tạo nghiệp lành ít, nhưng hưởng được phước báo to lớn như núi Tu-di.

Phẩm 4: GIẢI THOÁT

Phật dạy:

- Này thiện nam! Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào, tu hạnh bi, thì nên biết những người này sẽ được tất cả phần giải thoát của pháp thế.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài dạy về Thể. Vậy Thể là thế nào? Phật dạy:

- Này thiện nam! Thể nghĩa là thân khẩu ý, mà thân khẩu ý từ nơi phương tiện sanh khởi. Phương tiện có hai: 1. Được nghe, 2. Suy nghĩ. Lại có ba: 1. Huệ thí, 2. Trì giới, 3. Học rộng.

Thiện Sanh thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Như Ngài vừa dạy, từ ba phương tiện mà được phần giải thoát, vậy ba

phương tiện có số nhất định không?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Không. Vì sao? Vì có người dù ở trong nhiều đời bố thí không biết bao nhiêu của cải, cho rất nhiều người, nhưng cũng không có pháp phần giải thoát. Có người, tuy chỉ trong một thời gian ngắn, lấy một vắt cốm đem cho một người ăn xin, mà lại có thể được pháp phần giải thoát. Có người ở chỗ vô lượng Đức Phật, thọ trì giới cấm, mà cũng không được pháp phần giải thoát, nhưng có người chỉ một ngày một đêm, thọ trì tám giới, mà lại được pháp phần giải thoát. Có người trong nhiều đời, ở nơi vô lượng Đức Phật, thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, mà cũng không được pháp phần giải thoát, nhưng có người chỉ đọc tụng một bài kệ bốn câu mà lại được pháp phần giải thoát. Nghĩa ấy là thế nào? Vì tâm của hết thảy chúng sanh, không giống nhau.

Này thiện nam! Nếu người nào, không nhất tâm xem xét kỹ sanh tử là khổ đau, Niết Bàn là an vui, thì người đó dù có huệ thí, trì giới, học rộng nghe nhiều, cũng không được pháp phần giải thoát. Nếu người nào, nhàm chán sanh tử tội lỗi, biết rõ Niết Bàn công đức an vui, thì người này, dù bố thí, trì giới và nghe rất ít, nhưng được pháp phần giải thoát.

Này thiện nam! Người được pháp giải thoát

được ở trong ba trường hợp: 1. Khi Đức Phật ra đời, 2. Khi Duyên-giác ra đời, 3. Nếu không nằm trong trường hợp một và hai, thì khi vị trời ở cõi Sắc cứu cánh nói pháp giải thoát, người này nghe rồi liền được phần giải thoát.

Này thiện nam! Như Lai thuở xưa, khi mới phát tâm đầu được gặp Đức Phật và Phật-bích-chi, mà chỉ được nghe vị trời ở cõi Tịnh-cư

thuyết pháp giải thoát, sau khi nghe rồi liền phát tâm tu hành.

Này thiện nam! Pháp giải thoát như vậy không phải trời ở cõi Dục mà có thể chứng đắc được. Vì sao? Vì ở trời cõi Dục còn nhiều buông thả. Cũng chẳng phải trời ở cõi sắc mà chứng đắc được. Vì sao? Vì không có ba phương tiện. Cũng không phải trời ở cõi Vô sắc mà có thể chứng đắc được. Vì sao? Vì không có thân khẩu ý, mà pháp thể ấy là thân khẩu ý. Người ở châu Bắc-cu-lô cũng không chứng đắc được. Vì sao? Vì cũng không có ba phương tiện. Pháp phần giải thoát này, chỉ có ba hạng người chứng đắc được, đó là: Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát. Chúng sanh nếu gặp được thiện tri thức, thì chuyển sự giải thoát của Thanh-văn, thành giải thoát Duyên-giác, chuyển sự giải thoát của Duyên-giác, thành giải thoát của Bồ-tát. Bồ-tát chứng đắc được pháp phần giải thoát, thì

không còn thối chuyển, không còn hư hoại.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người thuyết pháp dùng nghĩa gì để khéo phân biệt, là những người này có phần giải thoát, những người kia không có phần giải thoát?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Pháp thể giải thoát như vậy, có hai hạng người được chứng đắc, đó là: Xuất gia và tại gia. Hai hạng người này chí tâm nghe pháp và thọ trì, sau khi nghe nỗi khổ trong ba đường dữ, kinh sợ đến dựng đứng lông tóc, buồn khóc, nên nổ lực kiên trì việc trai giới cho đến tội rất nhỏ cũng không hủy phạm. Nên biết, người này được pháp phần giải thoát.

Này thiện nam! Các phái ngoại đạo, được thiền định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sống lâu vô lượng kiếp, nếu không được pháp phần giải thoát, thì nên xem người này là người địa ngục. Nếu người ở trong địa ngục A-tỳ, trải qua vô lượng kiếp, chịu nhiều khổ não, mà lại được pháp phần giải thoát, thì nên xem người này là người Niết Bàn.

Này thiện nam! Cho nên Như Lai đối với ông Uất-đầu-lam-phất mới khởi tâm thương xót, còn đối với Đề-bà-đạt-đa thì không khởi tâm thương xót.

Này thiện nam! Như Xá-lợi-phất trong sáu vạn

kiếp, cầu đạo Bồ- đề, sở dĩ thối tâm, là do chưa được pháp phần giải thoát, nhưng vẫn còn hơn Duyên-giác lợi căn.

Này thiện nam! Pháp thể giải thoát có ba bậc: Thượng, Trung, Hạ.

Bậc thượng là Phật, bậc trung là Duyên-giác, bậc hạ là Thanh-văn.

Này thiện nam! Có người chuyên cần cầu giới Ưu-bà-tắc, ở trong nhiều đời tu hành, theo những điều đã được nghe, mà cũng không được giới. Có người xuất gia, cầu giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, tu hành trong nhiều đời, theo điều đã lãnh hội mà cũng không được. Vì sao? Vì không thể đạt được pháp phần giải thoát. Cho nên gọi là tu giới, không được gọi là trì giới.

Này thiện nam! Nếu các Bồ-tát, được pháp phần giải thoát, thì trọn đời, không còn tạo nghiệp cầu sanh trong ba cõi nữa, chỉ luôn nguyện sanh nơi đâu, có lợi ích cho chúng sanh, nếu tự biết phước báo mình sẽ sanh lên cõi trời, liền xoay phước báo ấy để sanh trong cõi người, việc làm ấy chính là bố thí, trì giới, tu thiền định.

Này thiện nam! Nếu hàng Thanh-văn được phần giải thoát, thọ thân tứ đại không quá ba lần, sẽ đến được giải thoát. Hàng Phật-bích- chi cũng như vậy. Các vị đại Bồ-tát đã được phần giải thoát, dù thọ thân trải qua vô lượng kiếp, thường không

thối chuyển, tâm không thối chuyển hơn hẳn tất cả Thanh-văn, Duyên-giác.

Này thiện nam! Nếu được pháp phần giải thoát như vậy, thì dù có bố thí ít, cũng được phước báo vô lượng, ít giữ giới và ít nghe pháp cũng được phước báo lớn lao như thế. Giả sử người này ở trong ba đường ác, không giống như người thọ khổ trong ba đường ác. Nếu các vị Bồ-tát, được pháp phần giải thoát, gọi là Địa-điều-nhu. Sao gọi là Địa-điều- nhu? Vì tất cả phiền não dần dần suy yếu, đó là ngược dòng sanh tử.

Này thiện nam! Có bốn hạng người: 1/ Thuận theo dòng sanh tử, 2/ Ngược dòng sanh tử, 3/ Không thuận không nghịch, 4/ Đã đến bờ giải thoát.

Này thiện nam! Pháp giải thoát như vậy, đối với hàng Thanh- văn gọi là Địa-nhu-nhuyến. Đối với hàng Bồ-tát, cũng gọi là Địa-nhu- nhuyến, hay Địa-hỷ. Vì nghĩa gì mà gọi là Địa-hỷ? Vì nghe mà không thối tâm nên gọi là Địa-hỷ. Vì nghĩa gì mà gọi là Bồ-tát? Là vì thường giác ngộ cho tâm chúng sanh, như vậy Bồ-tát, đối với sách vở của ngoại đạo, chính mình tự biết không thọ trì và không dạy bảo người khác thọ trì. Bồ-tát như thế, không gọi là Trời, Người, chẳng phải gồm thâu vào năm đường, nên gọi là tu hành đạo không chướng ngại.

Này thiện nam! Bồ-đề có bốn chủng tử: 1/

Không tham tài vật, 2/ Không tiếc thân mạng, 3/ Tu hành nhẫn nhục, 4/ Thương yêu chúng sanh.

Này thiện nam! Chủng tử Bồ-đề tăng trưởng như vậy lại có năm điều: 1/ Đối với thân mình không tự khinh rẻ: "Ta không thể chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng", 2/ Tự thân thọ khổ, tâm không hối hận, 3/ Siêng năng tu hành tinh tấn không ngừng nghỉ, 4/ Cứu giúp vô lượng khổ não của chúng sanh. 5/ Thường khen ngợi công đức vi diệu của Tam Bảo. Người trí lúc tu hành Bồ-đề, thường nên tu tập năm điều nói trên, để hạt giống Bồ-đề nẩy nở tăng trưởng tươi tốt. Lại có sáu điều, là từ bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Sáu pháp Ba-la-mật đều là nhân nơi một pháp mà tăng trưởng, đó là không buông lung. Bồ- tát buông lung, thì không tăng trưởng sáu Ba-la-mật; còn không buông lung thì mới tăng trưởng sáu Ba-la-mật.

Này thiện nam! Bồ-tát lúc cầu Bồ-đề, phải có bốn điều: 1/ Gần gũi bạn lành. 2/ Giữ tâm vững chắc, khó hoại. 3/ Làm những việc khó làm. 4/ Thương xót chúng sanh. Lại có bốn điều: 1/ Thấy người khác được lợi ích sanh tâm vui mừng. 2/ Thường thích ca tụng công đức người khác, 3/ Thường ưa tu tập sáu pháp niệm xứ, 4/ Siêng nói sanh tử có nhiều tội lỗi.

Này thiện nam! Nếu có người nói lìa tám pháp như vậy mà được Bồ-đề, thì điều này là không thể

có.

Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát, mới phát tâm Bồ-đề Vô thượng, tức được gọi là phước điền vô thượng. Bồ-tát như vậy thì thù thắng hơn mọi sự việc của tất cả thế gian và của chúng sanh.

Này thiện nam! Nếu có người nói vô lượng thế giới có vô lượng Đức Phật, nhưng đạo quả của Phật rất khó được. Vì sao? Vì thế giới vô biên, chúng sanh cũng vậy; chúng sanh vô biên, Phật đạo cũng không giới hạn. Giả sử Phật đạo dễ được, thì một đức Phật lẽ ra hoá độ được tất cả chúng sanh và nếu như vậy thì thế giới, chúng sanh có giới hạn.

Này thiện nam! Lúc Phật ra đời, độ được chín vạn chín na-do-tha người, đệ tử Thanh-văn của Ngài, độ được một na-do-tha người, mà cũng không độ hết được chúng sanh, nên gọi chúng sanh là vô biên, do vậy mà trong kinh Thanh-văn, Như Lai nói không có mười phương Phật. Vì sao? Vì sợ các chúng sanh xem thường Phật đạo. Thánh đạo của Phật không thuộc về thế gian, nên lời nói của Như Lai không có hư vọng. Đức Như Lai không có tâm đố kỵ đối với việc khó được, nên mới nói không có mười phương chư Phật.

Này thiện nam! Rất nhiều chúng sanh phát tâm Bồ-đề, mà không thể thực hành rốt ráo đạo Bồ-tát. Nếu có người vấn nạn: Ở hiện tại có nhiều Đức Phật, tại sao trong kinh, chỉ nói quá khứ và vị lai là

có nhiều đức Phật, không nói trong đời hiện tại có nhiều Đức Phật?

Này thiện nam! Ở trong một quốc độ, Như Lai nói quá khứ, vị lai có nhiều Đức Phật, ở đời hiện tại chỉ có một Đức Phật thôi.

Này thiện nam! Ai hiểu được nghĩa chân thật, thì có thể được Phật đạo. Vô lượng chúng sanh tu hành Phật đạo, phần nhiều do thối thất tâm Bồ-đề, chỉ có một người mới có thể được độ thoát, ví như hoa Am-la. Ví như trứng loài cá (ngư tử). v. v…

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: 1/ Bồ-tát tai gia. 2/ Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia được pháp phần giải thoát không khó; ngược lại Bồ-tát tại gia được pháp phần giải thoát mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 5: BA THỨ BỒ ĐỀ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngài đã dạy: "Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia, và Bồ-tát xuất gia. Bồ-đề có ba thứ: Bồ-đề Thanh-văn, Bồ-đề Duyên-giác, Bồ-đề chư Phật. Nếu người đạt được Bồ-đề gọi là Phật, thì tại sao Thanh-văn, Duyên-giác không gọi là Phật? Nếu người giác ngộ pháp tánh gọi là Phật,

tại sao Thanh-văn, Duyên-giác cũng giác ngộ pháp tánh, mà duyên cớ gì không gọi là Phật? Nếu Nhất thiết trí gọi là Phật, tại sao Thanh-văn, Duyên-giác, cũng Nhất thiết trí mà không gọi là Phật? Lại nói Nhất thiết ấy tức là Tứ Đế?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Bồ-đề có ba thứ: 1/ Từ nghe mà được, 2/ Từ tư duy mà được, 3/ Từ tu tập mà được. Thanh-văn là hàng từ nghe mà được Bồ-đề, nên không gọi là Phật. Hàng Phật Bích Chi, từ tư duy mà giác ngộ được chút ít, nên mới gọi là Phật Bích Chi. Còn Như Lai không thầy, không dựa vào nghe và tư duy, chỉ từ tu tập mà giác ngộ được tất cả, nên mới gọi là Phật.

Này thiện nam! Biết rất rõ pháp tánh gọi là Phật. Pháp tánh có hai thứ: Tổng tướng và Biệt tướng. Thanh-văn chỉ biết tổng tướng, nên không gọi là Phật, Phật Bích Chi cũng chỉ biết tổng tướng, không do nghe mà được, nên chỉ gọi là Phật Bích Chi chớ không gọi là Phật. Như Lai Thế Tôn thì tổng tướng, biệt tướng, tất cả đều biết rõ, không từ nghe, không từ suy nghĩ, vô sư , một mình tự giác ngộ lấy, từ tu tập mà được chứng đắc nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn duyên trí đầy đủ, Thanh-văn, Duyên-giác dù biết Tứ đế, mà duyên trí không đầy đủ, do ý nghĩa đó, nên không

gọi là Phật. Như lai Thế tôn, duyên trí đầy đủ, cho nên được gọi là Phật.

Này thiện nam! Như dòng nước sông Hằng, ba con thú đều cùng lội qua: Thỏ, ngựa và voi; thỏ lội qua, chân không chạm đáy sông, mà chỉ nổi trên mặt nước. Ngựa, có khi chân chạm đến đáy sông, có khi không chạm đến đáy sông. Còn voi, thì lúc nào, chân cũng chạm đến đáy sông. Dòng nước sông Hằng, tượng trưng cho mười hai nhân duyên; hàng Thanh-văn vượt qua cũng như loài thỏ kia qua sông. Duyên-giác vượt qua cũng như loài ngựa kia qua sông. Còn Như Lai vượt qua như loài voi qua sông. Vì vậy Như Lai được gọi là Phật. Thanh-văn, Duyên- giác dù đoạn trừ phiền não, nhưng chưa đoạn trừ được Tập Khí, còn Như Lai đã nhổ sạch mọi cội nguồn Tập Khí, phiền não, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Nghi có hai loại: Nghi Phiền não. Và nghi Vô ký. Hàng nhị thừa đoạn trừ nghi phiền não, chưa đoạn trừ nghi vô ký, Như Lai đoạn cả hai nghi, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Hàng Thanh-văn nhàm chán việc học rộng; hàng Duyên-giác nhàm chán sự suy nghĩ, Như Lai đối với hai điều ấy không sanh tâm nhàm chán, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Thí như vật sạch để đựng đồ sạch, trong ngoài đều sạch. Thanh-văn, Trí Duyên-

giác tuy thanh tịnh, mà thân tâm không được trong sạch, Như Lai thì không vậy, trí và thân đều được thanh tịnh, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Thanh tịnh có hai loại: Trí thanh tịnh. Hạnh thanh tịnh. Thanh-văn, Duyên-giác dù có trí thanh tịnh, nhưng hạnh không thanh tịnh, Như lai Thế Tôn Trí, Hạnh đều thanh tịnh, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Công hạnh của Thanh-văn, Duyên-giác còn bị giới hạn; công hạnh của Như Lai Thế Tôn không có giới hạn, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn, chỉ trong một niệm có thể phá trừ hai chướng: Chướng trí. Chướng giải thoát, nên gọi là Phật, Như Lai đầy đủ trí nhân và trí quả, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Như Lai nói pháp, không hai lời, không sai lầm và không hư vọng; trí tuệ không ngại; biện tài lưu loát; đầy đủ nhân trí, thời trí và tướng trí; không che giấu, không cần gìn giữ cũng không nói lỗi, biết rõ tất cả phiền não của chúng sanh, nhân duyên nào phát khởi, nhân duyên nào diệt trừ; tám pháp của thế gian không làm cho ô nhiễm, có lòng thương xót, cứu người khổ não, đầy đủ mười lực, bốn điều không sợ, ba niệm Đại bi, sức lực thân tâm đều được đầy đủ.

Thế nào là đầy đủ thân lực? Này thiện nam! Cõi trời Ba mươi ba, có một thành lớn, tên là Thiện

Kiến, thành ấy dài rộng mười vạn lý, phòng xá trăm vạn, các vị trời ở trong thành này, có một ngàn sáu mươi sáu vạn, sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu vị. Trong ba tháng hạ, vua Thích Đề Hoàn Nhân, muốn đến rừng Ba Lợi Chất Đa để thưởng ngoạn, lúc ấy, trên núi Càn Đà có một con voi chúa, tên là Y-La-Bát- Na có tới bảy đầu, vua mới khởi niệm, voi liền biết và tự đến. Chư thiên trong thành Thiện Kiến, đều từ trên đầu voi kia lần lượt đi qua rừng Ba- Lợi-Chất-Đa cách thành năm mươi do tuần. Sức mạnh của voi ấy, hơn hẳn tất cả các con voi khác. Giả sử một vạn tám ngàn con voi ấy hợp sức cũng không bằng sức một ngón tay của Phật, do vậy, thân lực của Đức Như Lai hơn hẳn sức lực của tất cả chúng sanh. Thế giới vô biên, chúng sanh cũng vô biên, tâm lực của Đức Như Lai cũng vô biên; cho nên, chỉ có Đức Như Lai mới được gọi là Phật. Hàng nhị thừa, không ai được gọi là Phật. Vì ý nghĩa đó, nên gọi Đức Phật là Vô thượng sư, Đại trượng phu, là Voi chúa trong loài người, là Sư tử, là Long vương, là Điều ngự, là bực dẫn đường chỉ lối, là đại thuyền sư, là đại Y sư, là đại Ngưu vương, là Ngưu vương trong loài người, là Tịnh liên hoa, là đấng Vô sư Độc giác, là Mắt sáng cho các chúng sanh, là đại Thí chủ, là đại Sa môn, là đại Bà la môn, là Tịch tĩnh, Trì giới chuyên cần, Tu hành tinh tấn, là đến với Bờ giác, là được giải thoát.

Này thiện nam! Thanh-văn, Duyên-giác dù có được Bồ-đề, nhưng đều không được những điều như trên, nên chỉ có Như Lai mới gọi là Phật.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia phân biệt ba thứ Bồ-đề như vậy không khó; còn Bồ-tát tại gia phân biệt ba thứ Bồ-đề như vậy mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 6: TU HẠNH NGHIỆP BA MƯƠI HAI TƯỚNG

Thiện Sanh bạch Phật.

- Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài dạy, thân lực của Bồ-tát khi nào mới thành tựu được?

Phật dạy:

Này thiện nam! Lúc mới tu tập ba mươi hai tướng,

Này thiện nam! Bồ-tát lúc tu tập ba mươi hai tướng, được gọi là Bồ-tát và được thêm hai định: Một là định Bồ-đề; hai là định Hữu. Lại có hai định: Một là Định biết rõ đời sống kiếp trước; Hai là Định nguyên nhân sanh ra chánh pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát từ khi mới tu tập ba mươi hai tướng cho đến khi thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, trong thời gian đó, không nhàm chán việc học rộng. Bậc đại Bồ-tát tu tập mỗi

mỗi tướng thường dùng cả trăm phước đức để che chở mình, lúc tu tâm có năm mươi phước, lúc tâm viên mãn cũng có năm mươi, cộng lại thành trăm phước đức.

Này thiện nam! Tất cả phước đức của thế gian không bằng công đức nơi một lỗ chân lông của Đức Như Lai; công đức tất cả các sợi lông của Đức Như Lai không bằng công đức của một tướng tốt, gom hết công đức của tám mươi tướng tốt không bằng công đức của một trong ba mươi hai tướng, công đức tất cả các tướng không bằng công đức của tướng Bạch hào; công đức của tướng Bạch hào không bằng không sánh kịp công đức của tướng Vô-kiến-đảnh.

Này thiện nam! Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp, thường vì các chúng sanh, làm lợi ích lớn, chí tâm siêng năng làm các thiện nghiệp, do đó Như Lai mới thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Ba mươi hai tướng này, là phước báo của tâm đại bi. Chuyển luân Thánh vương dù có tướng này, nhưng không thành tựu rõ ràng đầy đủ như vậy. Thể của tướng nghiệp ấy tức là nghiệp thân khẩu ý. Lúc tu nghiệp này, không phải ở cõi trời, châu Bắc-cu-lô, phải là thân nam ở khắp ba phương, không phải là thân nữ. Bậc đại Bồ-tát tu nghiệp này rồi, gọi là mãn ba A-tăng -kỳ-kiếp, thứ đến mới thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam! Như Lai thuở xưa chỗ Phật Bảo

Đảnh được một A- tăng -kỳ-kiếp thứ nhất, ở chỗ Phật Nhiên Đăng được một A-tăng-kỳ- kiếp thứ hai, ở chỗ Phật Ca Diếp là đủ một A-tăng-kỳ-kiếp thứ ba.

Này thiện nam! Thuở xưa, Đức Như Lai ở chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu tiên phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khi đã phát tâm rồi thì cúng dường vô lượng Chư Phật, trồng các thiện căn, tu tập đạo hạnh, giữ giới tinh tấn, học rộng nghe nhiều.

Này thiện nam! Vị đại Bồ-tát tu hành ba mươi hai tướng rồi, tự thân biết rõ mình nhất định thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, như là xem quả Am-ma-lặc ở trong bàn tay. Nghiệp tướng kia, tuy là như thế, nhưng khi tu tập thứ lớp không cần phải như thế. Hoặc có người nói: "Như Lai trước được tướng con mắt ngưu vương. Vì sao? Vì lúc làm Bồ-tát, Ngài ở vô lượng kiếp thích dùng con mắt lành, hiền hoà để nhìn chúng sanh, cho nên trước được tướng mắt ngưu vương, thứ đến mới được các tướng khác". Hoặc có thuyết nói: "Như Lai trước được tướng tám Phạm âm, còn các tướng khác dần dần được sau. Vì sao? Vì trước kia, lúc Ngài làm Bồ-tát đã vô lượng kiếp thường dùng lời dịu hoà và chân thật để dạy bảo chúng sanh, vì thế trước tiên Ngài được tám tướng Phạm âm". Hoặc có thuyết nói: "Như Lai trước được tướng Vô kiến đảnh, dần dần sau được các tướng khác. Vì sao? Vì

khi Ngài làm Bồ-tát trải vô lượng kiếp, cúng dường các sư trưởng, chư Phật, Bồ-tát, cúi đầu đảnh lễ, diệt trừ tâm kiêu mạn, vì thế mà trước hết Ngài được tướng Vô kiến đảnh". Hoặc có thuyết nói: "Như Lai trước tiên được tướng lông mày trắng, thứ đến được các tướng khác. Vì sao? Vì Khi Ngài làm Bồ- tát trải qua vô lượng kiếp không dối gạt một chúng sanh nào, cho nên được tướng trắng giữa lông mày.

Này thiện nam! Ngoài đức Phật ra không có ai có thể đạt được nghiệp tướng như vậy.

Này thiện nam! Hoặc có người thứ lớp nói: "Như Lai trước được tướng lòng bàn chân tròn đầy, sau mới được các tướng khác. Vì sao? Vì lúc Ngài làm Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp đã bố thí, trì giới, tu tập đạo hạnh, tâm không lay động, nên trước được tướng bàn chân tròn đầy, sau mới được tướng dưới lòng bàn chân các vân xoáy tròn. Vì sao? Vì khi Ngài làm Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp cúng dường cha mẹ, sư trưởng, bạn lành, theo như chánh pháp mà giúp đỡ chúng sanh, cho nên thứ đến mới được tướng bàn chân, bàn tay đều có vân xoáy tròn. Được tướng này rồi, kế được tướng ngón tay thon dài. Vì sao? Vì lúc Ngài làm Bồ- tát chí tâm thọ trì giới thứ nhất và giới thứ tư của giới Ưu-bà-tắc, nên sau đó, được tướng ngón tay ngòi bút và tướng ngón chân dài. Thứ đến, được tướng toàn thân đầy đặn. Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo, luôn nghe lời

dạy bảo của sư trưởng, cha mẹ, bạn lành, cho nên được tướng toàn thân đầy đặn. Thứ đến, được tướng màng lưới giữa các ngón tay, ngón chân. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo dùng bốn Nhiếp pháp để gồm thâu chúng sanh, cho nên thứ đến được tướng tay chân mềm dịu, hơn các thân thể khác. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp, dùng tay tắm rửa cho sư trưởng, cho cha mẹ sạch hết dơ bẩn, dùng dầu thơm xoa vào, nên được tướng chân tay mềm mại. Được tướng ấy rồi thứ đến được tướng lông ở trên thân xoáy đều một phía. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo trải qua vô lượng kiếp thường hoá độ chúng sanh, dạy bảo tu hành bố thí, trì giới, làm các việc lành, cho nên được tướng lông ở trên thân xoáy đều. Được tướng ấy rồi thứ đến được tướng bắp chân lộc vương. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo chí tâm nghe pháp và nói pháp để diệt trừ tội lỗi sanh tử, cho nên được tướng bắp chân lộc vương. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng thân tròn đầy như cây cổ thụ Ni-câu-đà. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp thường bố thí thuốc men cho tất cả chúng sanh bị bệnh tật, cho nên được tướng thân hình tròn đầy. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng tay dài quá đầu gối. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ- tát đạo trọn đời không bao giờ dối gạt các bậc Hiền Thánh, cha mẹ, sư trưởng và thiện hữu tri thức, nên được tướng tay dài quá đầu

gối. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng âm tàng như mã vương, tượng vương. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp thấy người sợ hãi liền ra tay cứu giúp, sanh tâm hổ thẹn, không nói lỗi người, khéo che tội người khác, cho nên được tướng âm tàng giống như mã vương, tượng vương. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng thân hình mềm mại, trong mỗi lỗ chân lông đều mọc lên một sợi lông. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, gần gũi người trí, ưa nghe chánh pháp và thích luận bàn, sau khi nghe rồi rất thích tu tập và ưa sửa sang đường sá, lượm bỏ gai gốc, cho nên được tướng da thịt mịn màng, trong mỗi lỗ chân lông mọc lên một sợi lông. Được tướng ấy rồi, thứ đến được thân màu vàng ròng. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, thường bố thí cho chúng sanh phòng xá, ngọa cụ, thực phẩm, đèn đuốc, cho nên được tướng thân màu vàng ròng. Được tướng ấy rồi, thứ đền được bảy nơi đầy đặn. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải vô lượng kiếp, nơi đáng sân hận mà sanh tâm không sân hận, ưa thích bố thí cho chúng sanh những vật cần dùng, cho nên được tướng bảy nơi đầy đặn. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng những khớp xương đều đặn tròn đầy. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải vô lượng kiếp; khéo léo phân biệt việc thiện việc ác, lời nói không sai lầm, không nói lời không có

ý nghĩa, pháp đáng thọ trì thì thường thuyết giảng, pháp không đáng thọ trì, thì không bao giờ nói ra, cho nên được tướng những chỗ khớp xương không huỷ khuyết. Được tướng này rồi, thứ đến được thêm hai tướng thân cao và má tròn, đều như sư tử. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, không nói hai lưỡi, không dạy người khác nói hai lưỡi, cho nên được hai tướng này. Được tướng này rồi, thứ đến được thêm ba tướng, có bốn mươi cái răng, răng trong sáng, bằng nhau và khép kín. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, dùng pháp mười điều thiện, dạy bảo chúng sanh, chúng sanh thọ nhận rồi sanh tâm vui mừng, thường hay khen ngợi công đức người khác, cho nên được ba tướng này. Được ba tướng này rồi, thứ đến được tướng bốn cái răng cửa trắng trong như ngọc. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, tu tập Từ bi; ở trong cõi dục, thường thích suy nghĩ về các pháp lành, cho nên được tướng bốn răng nanh trắng như ngọc. Được tướng này rồi, thứ đến được tướng trong miệng luôn có mùi vị rất thơm. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, không đợi người đến xin rồi mới cho, nên được tướng này. Thứ đến thêm hai tướng là nhục kế và lưỡi dài rộng. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, chí tâm thọ trì pháp mười điều thiện, đồng thời cũng giáo hoá chúng sanh,

cho nên được hai tướng này. Thứ đến được tướng phạm âm. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, không nói lời xấu ác, không dạy người khác nói xấu ác, nên được tướng này. Thứ đến được tướng con mắt trong xanh như mắt ngưu vương. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, dùng con mắt bình đẳng, hiền hoà xem kẻ oán, người thân đều như nhau, nên được tướng này. Thứ đến được tướng bạch hào. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài thường thuyết giảng chánh pháp, pháp chân thật, không hư dối, nên được tướng này. Thứ đến được tướng vô kiến đảnh. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, cúi đầu đảnh lễ tất cả thánh hiền, sư trưởng, cha mẹ, một lòng tôn kính, cúng dường, nên được tướng này.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, tu tập nghiệp tướng này không khó; ngược lại Bồ-tát tại gia, tu tập tướng này, mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

-oOo-

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 2

Phẩm 7: PHÁT NGUYỆN

Thiện Sanh bạch phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Hành nghiệp ba mươi hai tướng tốt, hạng người nào thì thực hành được?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Người trí thực hành được.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là người trí?

- Này thiện nam! Nếu ai có thể phát nguyện lớn Vô thượng gọi là người trí.

Bậc đại Bồ-tát, khi phát tâm Bồ-đề rồi, thì thân, khẩu, ý đều làm việc lành, nguyện vì chúng sanh, đời sau được phước báo, tất cả đều chung thọ hưởng. Bậc đại Bồ-tát thường gần gũi chư Phật, Thanh-văn, Duyên-giác, thiện hữu tri thức. v. v… để cúng dường, thưa hỏi về đạo pháp sâu xa và phát tâm thọ trì không để quên mất, rồi phát nguyện: Ta nay gần gũi chư Phật, Thanh-văn, Duyên-giác và những bạn lành, thà trong nhiều đời, chịu nhiều khổ não, nhưng đối với đạo Bồ-đề tâm không thối chuyển; chúng sanh dùng tâm xấu ác, đánh, mắng,

mạ nhục tôi, tôi nguyện nhờ nhân duyên ấy mà tăng thêm lòng Từ bi, không khởi tâm niệm xấu ác. Tôi nguyện sau này sinh ra ở đâu, không làm thân nữ, không căn, hai căn, tôi tớ cho người; hoặc nguyện thân tôi, có sức tự tại được người khác hầu cận, không để người khác có oai quyền điều khiển. Nguyện cho thân của tôi đầy đủ các căn, xa lìa bạn ác, không sanh trong đất nước hung ác, hay nơi biên địa, mà thường sanh vào nhà cao sang, có sắc đẹp, sức lực hơn hết, báu vật đầy đủ, được tâm niệm tốt, tự tại, khoẻ mạnh, hễ nói điều gì người nghe đều vui vẻ, xa lìa các chướng ngại, không có xao lãng, lìa các nghiệp ác của thân khẩu ý, thường làm nhiều lợi ích cho chung sanh, vì lợi ích chúng sanh nên không tham tiếc thân mạng, không vì bản thân mà làm việc ác. Khi làm lợi ích cho chúng sanh không mong trả ơn, thường thích thọ trì mười hai bộ kinh, đã thọ trì rồi đem dạy người khác, phá trừ sự hiểu biết sai lầm và hành động ác của chúng sanh, mọi việc giữa đời không thể hơn ta, đã được hơn tất cả người rồi lại đem dạy bảo người khác, khéo điều trị bệnh nặng nơi thân tâm của chúng sanh. Thấy người chia rẽ khiến cho hoà hợp, thấy người sợ hãi tìm cách giúp đỡ, khi giúp đỡ rồi giảng nói các pháp lành cho người ấy nghe, khi họ nghe thì tâm được ổn định. Thấy người khác đói khát, đem cả thân mạng bố thí cho họ, khiến được ấm no, nguyện cho người ấy không khởi tâm tham

đắm điều ác, lúc ăn thân ta như ăn cỏ cây. Thường thích cúng dường sư trưởng, cha mẹ, bạn lành và người đức độ, đối với kẻ oán, người thân tâm luôn bình đẳng, thường tu sáu niệm, tưởng vô ngã và mười hai nhân duyên, ở nơi không có Tam Bảo, chọn chỗ vắng lặng, tu tập đức Từ bi. Tất cả chúng sanh, nếu thấy thân tôi, hoặc nghe hay chạm vào đều xa lìa được phiền não. Bồ-tát biết ngoài Bồ-đề ra, không cầu quả gì khác, chỉ cầu làm lợi ích cho chúng sanh.

Này thiện nam! Bồ-tát có thể lập nguyện như vậy. Nên biết, người như thế chính là trưởng giả, có của cải và pháp hơn tất cả, là vị cầu pháp vương mà chưa được Pháp vương.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát thường đầy đủ ba điều: 1. Tâm không ưa thích sách vở ngoại đạo, 2. Tâm không tham muốn cảnh vui sanh tử, 3. Thường thích cúng dường Phật, Pháp, Tăng.

Hoặc lại có ba điều: 1. Vì người chịu khổ tâm không hối hận, 2. Đầy đủ trí tuệ nhiệm mầu vô thượng, 3. Đủ các pháp lành, không sanh tâm kiêu mạn.

Hoặc lại có ba điều: 1. Vì các chúng sanh chịu khổ nơi địa ngục, xem như hưởng cảnh an vui trên cõi trời Tam thiền, 2. Thấy người khác có lợi, không khởi tâm ganh ghét, 3. Làm các việc lành, không vì sanh tử.

Hoặc lại có ba điều: 1. Thấy người khác thọ khổ, xem như mình thọ, 2. Tu tập pháp lành là vì chúng sanh, 3. Khéo tạo các phương tiện khiến họ xa lìa đau khổ.

Hoặc lại có ba điều: 1. Quán sát cảnh vui nơi sanh tử như rắn độc lớn, 2. Ưa ở trong sanh tử là muốn làm lợi ích cho chúng sanh, 3. Quán Pháp nhẫn vô sanh có nhiều công đức.

Hoặc lại có ba điều: 1. Xả bỏ thân, 2. Xả bỏ mạng sống, 3. Xả bỏ tài vật. Xả bỏ ba điều ấy là vì chúng sanh.

Hoặc lại có ba điều: 1. Học rộng nghe nhiều, không nhàm chán, 2.

Chịu nhẫn nhịn các điều ác, 3. Dạy người khác tu hạnh nhẫn nhục.

Hoặc lại có ba điều: 1. Tự xem rõ về lỗi mình, 2. Khéo che giấu tội lỗi người khác, 3. Thích tu tâm từ.

Hoặc lại có ba điều: 1. Chí tâm giữ gìn giới cấm, 2. Dùng bốn Nhiếp pháp để gồm thâu chúng sanh, 3. Lời nói dịu dàng, không thô bạo.

Hoặc lại có ba điều: 1. Có thể mở hội thí pháp, 2. Có thể mở hội thí tài vật, 3. Đem hai loại thí này, khuyên chúng sanh thực hành.

Hoặc lại có ba điều: 1. Thường dùng pháp Đại thừa dạy bảo chúng sanh, 2. Thường tu các hạnh tinh tấn tăng thượng, 3. Đối với chúng sanh, không

khởi tâm khi dể.

Hoặc lại có ba điều: 1. Mặc dù có nhiều phiền não nhưng có thể chịu đựng được, 2. Biết phiền não có nhiều tội lỗi, mà không nhàm chán, 3. Tự mình đầy đủ phiền não, mà có thể diệt trừ phiền não người khác.

Hoặc lại có ba điều: 1. Thấy người khác có lợi lạc, vui mừng như của mình, 2. Được sự an lạc, không thọ hưởng riêng, 3. Ở nơi thừa dưới không khởi tưởng cho là đủ.

Hoặc lại có ba điều: 1. Nghe sự khổ hạnh của các vị Bồ-tát, không có sợ hãi, 2. Thấy người đến xin, không nói không có, 3. Không khởi niệm ta hơn tất cả.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu có khả năng quán nhân, quán quả, thì cũng có khả năng quán nhân quả hay quán quả nhân. Bồ-tát như vậy, có thể đoạn trừ nhân quả, có thể chứng đắc nhân quả, Bồ-tát đã có thể đoạn trừ hay chứng đắc được nhân quả, thì gọi là pháp quả, đó là vua của các pháp, là sự tự tại của pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia lập nguyện như vậy không khó, ngược lại, Bồ-tát tại gia lập nguyện như vậy mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 8: BỒ TÁT GIẢ DANH VÀ BỒ TÁT THẬT NGHĨA

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Như Ngài đã dạy, Bồ-tát có hai hạng: Bồ- tát giả danh và Bồ-tát đúng nghĩa chân thật. Vậy thế nào là Bồ-tát giả danh?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Chúng sanh nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi, mà còn thích học pháp thuật của ngoại đạo, dùng kinh điển, sách vở, của họ để đọc tụng, thọ trì, lấy giáo pháp ấy dạy bảo chúng sanh, tự bản thân giết hại kẻ khác, không thích tu tập Từ bi, lại vui thích trong sanh tử, thường làm các nghiệp hưởng cảnh vui sanh tử, không có niềm tin đối với Tam Bảo, sanh tâm nghi ngờ, thương tiếc thân mạng, không thể nhẫn nhục, lời nói thô bạo, hối hận, buông lung, đối với tự thân sinh ý tưởng khi dể, ta không cần chứng đắc Vô thượng Bồ-đề, đối với phiền não khởi sanh sợ hãi, không siêng năng tu tập để tìm cách phá trừ, thường khởi tâm bỏn xẻn, tham lam, ganh ghét, gần gũi bạn ác, biếng nhác, tâm luôn loạn động, thích chỗ tối tăm, không tin sáu độ, không thích tu tập phước đức, không quán sát sanh tử, thường thích thọ trì lời ác của người khác. Đó là Bồ-tát giả danh.

Này thiện nam! Hoặc có chúng sanh phát tâm

Bồ-đề, muốn được chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nghe nói phải trải qua vô lượng kiếp cực khổ tu đạo, sau mới chứng đắc. Nghe như vậy rồi, khởi tâm hối tiếc, dù có tu tập, mà đạo tâm không chơn thật, không có ăn năn, hổ thẹn, không có lòng thương người, vâng theo ngoại đạo, giết dê tế trời, dù có chút tín tâm, nhưng không bền chắc, vui theo năm dục, tạo mọi điều ác, ỷ được sắc đẹp, tiền tài, vật chất mà sanh tâm kiêu mạn, hành động điên đảo, không có lợi ích, vì vui cảnh sanh tử, mà hành bố thí, vì cảnh vui cõi trời mà giữ gìn giới cấm, muốn được sống lâu mà tu thiền định; đó gọi là Bồ-tát giả danh.

Còn Bồ-tát đúng như nghĩa chơn thật, là có thể nghe hiểu nghĩa lí sâu xa, luôn gần gũi với các bạn lành, thích cúng dường sư trưởng cha mẹ, bạn lành, thích nghe mười hai bộ kinh của đức Như Lai, ra sức thọ trì đọc tụng, biên chép, suy nghĩ nghĩa lí. Vì nhân duyên cầu pháp không tiếc thân mạng, vợ con của cải, tâm luôn bền chắc, thương yêu tất cả mọi loài, nói lời dịu dàng, không đợi người hỏi, lời nói chân thật, không nói thô ác và nói hai lưỡi. Đối với tự thân, không khởi tâm khi dể, tự tay thực hành bố thí, không bị ngăn cản, thường thích tu tập, mài gươm trí tuệ, học tập sách vở ngoại đạo là để phá trừ tà kiến, để vượt lên trên tà kiến. Khéo dùng phương tiện để điều phục chúng sanh, ở giữa đám đông không sanh tâm khiếp sợ, thường dạy cho

chúng sanh Bồ-đề dễ chứng đắc, khiến cho người nghe không khởi tâm lo sợ, chuyên cần tu tập tinh tấn, xem thường phiền não và làm cho phiền não không được lan rộng. Tâm không vọng động, thường tu nhẫn nhục, vì quả Niết Bàn mà tinh tấn giữ giới, vì chúng sanh nguyện làm người sai bảo, muốn cho chúng sanh được sự an vui, yên ổn, hưởng sự sung sướng, vì kẻ khác sẵn sàng chịu mọi khổ cực, tâm không hối hận. Thấy người thối thất tâm Bồ-đề thì sanh lòng thương xót. Cứu giúp những người đau khổ, soi xét con đường sanh tử, có nhiều tội lỗi, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật vô thượng, làm việc đời hơn hết mọi người, lòng tin bền chắc, tu tập Từ bi, cũng không mong cầu phước báo Từ bi. Đối với kẻ oán, người thân, tâm luôn bình đẳng, trong bố thí không có phân biệt, bố thí tự thân cũng như vậy; biết được các tướng, vốn là vô thường, nên không tham tiếc thân mạng, dùng pháp bốn Nhiếp pháp để hướng dẫn chúng sanh, biết rõ thế đế, nên tùy mỗi chúng sanh, mà dạy bảo cho họ. Trong lúc vì các chúng sanh chịu khổ, tâm không xao động, vững như núi Tu di; dù thấy chúng sanh phần nhiều tạo nghiệp ác, người tạo nghiệp lành thì ít, tâm quyết không quên, đối với Tam Bảo không sanh lòng nghi ngờ, thích sự cúng dường, nếu còn nghèo khó, thì trước cho người bần cùng, sau mới bố thí phước điền, trước phải vì người nghèo khó, sau mới vì người giàu có, ưa

khen ngợi công hạnh của người, mở đường cho họ đến Niết Bàn, biết được kỹ nghệ muốn dạy cho người khác học, thấy người học tập hơn mình, thì sanh tâm vui mừng, không nghĩ lợi cho mình, chỉ nghĩ lợi cho người, toàn thân, khẩu, ý làm các việc lành, không phải vì mình, mà luôn luôn vì người khác. Đó là Bồ-tát đúng với thật nghĩa.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia thực hành theo Bồ-tát thật nghĩa không khó, ngược lại Bồ-tát tại gia, thực hành theo Bồ-tát thật nghĩa mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 9: TÂM KIÊN CỐ CỦA BỒ TÁT THẬT NGHĨA

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát thật nghĩa, làm thế nào để tự biết mình là Bồ-tát thật nghĩa?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát tu hành khổ hạnh, trước tiên mình phải thành tâm.

Này thiện nam! Như Lai nhớ thuở xưa lúc thực hành đạo Bồ-tát , trước theo ngoại đạo tu pháp khổ hạnh, chí tâm thực hành, không thối chuyển, trong nhiều đời, chỉ lấy tro xoa thân, mỗi ngày chỉ ăn một

hạt mè, hạt đậu, hạt dẻ. v. v… nằm trên chông gai, cây lá, đất đá; lấy nước tiểu trâu làm thuốc trị bệnh, suốt mùa hè dùng năm thứ lửa để sưởi, đầu mùa đông giá lạnh thì để lõa thể, hoặc ăn cỏ, rễ, nhánh, lá, trái cây, đất và gió; lúc làm các việc khổ hạnh như thế, cả bản thân mình và người khác đều không có lợi ích, mặc dù khổ cực như vậy, nhưng tâm không thối chuyển, vượt hơn tất cả khổ hạnh ngoại đạo.

Này thiện nam! Như Lai thuở xưa vì bốn việc mà thí xả thân mạng: 1. Vì diệt trừ các phiền não của chúng sanh, 2. Vì muốn chúng sanh được sự an lạc, 3. Vì muốn tự trừ bỏ tham đắm của thân, 4. Vì muốn báo đáp ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Bồ-tát nếu đã không tiếc thân mạng, thì biết rõ đó là Bồ-tát thật nghĩa.

Này thiện nam! Như lai thuở xưa, vì cầu chánh pháp, mà khoét thân làm thành ba ngàn sáu trăm ngọn đèn. Bấy giờ, Như lai còn nhiều phiền não, thân thật có biết đau khổ, nhưng vì để độ thoát chúng sanh, nên khuyên bảo tâm giữ vững chí nguyện, không được lay động. Trong lúc ấy, lại được đầy đủ ba điều: 1. Rốt ráo không thối chuyển, 2. Được làm Bồ-tát thật nghĩa, 3. Được gọi là bậc không thể nghĩ bàn. Đó là Bồ- tát không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Như Lai thuở xưa, vì cầu chánh pháp, nên trong một kiếp, toàn thân phải đau khổ với ngàn mụt ghẻ, khi ấy có đầy đủ tất cả phiền não,

thân thật sự biết đau, nhưng vì muốn độ thoát chúng sanh, nên khuyên bảo tâm giữ vững chí nguyện, không được lay động, đó gọi là Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Như Lai thuở xưa, vì cứu một con chim Bồ câu mà phải thí xả thân mạng, lúc ấy vẫn còn đầy đủ các phiền não, thân thật biết đau khổ, nhưng vì muốn độ thoát chúng sanh, nên khuyên bảo tâm giữ vững chí nguyện, không được lay động, đó gọi là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Tất cả bạn ác và các nghiệp phiền não, chính là bạn để trang nghiêm đạo Bồ-tát. Vì sao? Vì tất cả phàm phu, không có trí tuệ và tâm không chánh niệm, nên cho phiền não là kẻ oán địch, còn Bồ-tát có trí tuệ đầy đủ, nên dùng phiền não làm bạn đạo, đối với bạn ác và nghiệp bất thiện cũng như vậy.

Này thiện nam! Xa lìa phiền não, thì hoàn toàn không thọ thân trong cõi xấu ác, vì thế Bồ-tát dù hiện có nghiệp ác, nhưng không phải nghiệp ác của thân khẩu ý tạo ra, mà chỉ là nguyện lực, vì do thệ nguyện ấy, mà có thể thọ thân thú dữ. Vì muốn điều phục súc sanh, nên Bồ-tát thọ thân súc sanh nhưng biết nói tiếng người, biết nói pháp, nói lời chân thật, không nói lời thô ác, nói những lời có ý nghĩa, thường thương yêu mọi loài, tu tập Từ bi, không có vọng động, thì đó là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Như Lai thuở xưa, khi làm thân gấu, dù còn phiền não, nhưng phiền não đối với Như Lai không có lực tự tại. Vì sao? Vì Như Lai đầy đủ chánh niệm, thương yêu chúng sanh, ủng hộ chánh pháp, tu hành pháp hạnh. Tùy lúc lại thọ các thân: Trâu, chim, thỏ, rắn, rồng, voi, kim sí điểu, Bồ câu, nai, vượn, dê, gà, chim trĩ, khổng tước, anh võ, cóc, nhái. v. v… lúc Như Lai thọ thân như vậy, dù đủ phiền não, nhưng phiền não đối với Như Lai không có lực tự tại. Vì sao? Vì Như lai đầy đủ chánh niệm, thương yêu chúng sanh, ủng hộ chánh pháp, tu hành pháp hạnh.

Này thiện nam! Thế gian đói khổ, Như Lai lập đại nguyện, do nơi nguyện lực đó, mà Như lai làm thân cá lớn, để các chúng sanh ăn thịt cá, tránh khỏi nạn đói, rồi tu đạo, chánh niệm, không còn tội lỗi xấu ác. Vào thời bệnh dịch, Như Lai lập nguyện lớn, do sức nguyện ấy, mà làm thân cây thuốc, các người có bệnh thấy nghe hoặc chạm thân cây hay ăn vỏ, ngoài máu, thịt, xương, tuỷ của cây đó, bệnh liền lành hẳn.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát thọ khổ như vậy, mà tâm không hề thối chuyển, đó là Bồ-tát thật nghĩa.

Bồ-tát lúc tu tập sáu Ba-la-mật, không bao giờ mong cầu quả của sáu Ba-la-mật, chỉ lấy lợi ích của chúng sanh làm sự nghiệp, Bồ-tát biết rõ tội lỗi của sanh tử, nhưng muốn ở trong sanh tử là vì sự

an vui lợi ích của chúng sanh, Bồ-tát biết rõ sự an vui của giải thoát và khổ đau của sanh tử mà vẫn thích ở trong sanh tử, đó là Bồ-tát không thể nghĩ bàn, Bồ-tát cứu độ chúng sanh, không cầu trả ơn, ngược lại, nơi nào thọ ơn thì thường nhớ nghĩ, để đền đáp.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh thường cầu lợi cho mình, trái lại, Bồ-tát làm việc luôn cầu lợi cho người, đó là Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Bậc đại Bồ-tát dù còn đầy phiền não, mà đối với người thân kẻ oán, đều xem bình đẳng, làm lợi ích giống nhau. Đó là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Các phái ngoại đạo, khi hoá độ chúng sanh, hoặc dùng lời thô ác, đánh đập, mắng nhiếc, đuổi đi, sau mới điều phục. Bồ- tát thì ngược lại, trong khi hoá độ chúng sanh, không dùng lời hung ác, giận dữ hay thêu dệt, chỉ dùng lời dịu dàng, chân thật, chúng sanh nghe thấy là vui mừng. Ví như hoa sen xanh nở ra gặp đêm có trăng, như hoa sen đỏ nở ra gặp ánh mặt trời.

Này thiện nam! Bồ-tát trong khi bố thí của cải, chỉ có ít mà lại nhiều người đến xin, thì cũng không khởi tâm nhàm chán. Đó là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Bồ-tát có bốn việc không thể nghĩ bàn. Bồ-tát giáo hóa chúng sanh gặp phải những người đui mù, câm điếc, ngu si, hạng biên

địa xấu ác, thì tâm vẫn không mỏi mệt, nhàm chán. Đó là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

1. Tài vật quí báu có thể đem bố thí cho người.

2. Dù còn nhiều phiền não, mà nhẫn nhịn được các việc ác. 3. Thấy chúng sanh chia rẽ, thì làm cho hoà hợp lại. 4. Trước khi họ sắp chết mà thấy cảnh xấu ác, thì thuyết pháp để họ chuyển đổi. Đó là bốn việc không thể nghĩ bàn. Lại có ba việc không thể nghĩ bàn: 1. Trách mắng tất cả phiền não. 2. Sống trong phiền não, mà không xả bỏ phiền não. 3. Dù còn các phiền não và nghiệp phiền não, mà không vọng động. Đó là ba nghiệp không thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Lại có ba việc không thể nghĩ bàn: 1. Là lúc sắp bố thí, tâm sanh vui mừng. 2. Bố thí cho người khác tâm không mong cầu phước báo. 3. Sau khi bố thí, tâm rất vui mừng, không hối hận, đó là ba việc không thể nghĩ bàn của Bồ-tát.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát lúc làm như vậy, tự soi xét tâm mình: "Ta là Bồ-tát giả danh hay Bồ-tát thật nghĩa?" Nếu có ai làm được như vậy, nên biết người đó là Bồ-tát thật nghĩa.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: 1. Bồ-tát tại gia. 2. Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia thực hành những việc như vậy không lấy làm khó, ngược lại Bồ-tát tại gia, thực hành như vậy, mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 10: LỢI MÌNH VÀ LỢI NGƯỜI

Thiện Sanh bạch phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-đề, thế nào là đạo Bồ-đề? Phật dạy:

- Này thiện nam! Nếu lìa xa Bồ-đề, thì cũng không có đạo Bồ-đề. Lìa đạo Bồ-đề, thì cũng không có Bồ-đề. Do vậy Đạo của Bồ-đề tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là Đạo của Bồ-đề. Bồ-đề và đạo Bồ-đề thù thắng hơn đạo quả của Thanh-văn, Duyên-giác chứng đắc.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Đạo quả chứng đắc của Thanh-văn, Duyên- giác, tức là Bồ-đề, tức là đạo Bồ-đề. Tại sao Ngài nói nó thù thắng hơn?

Phật dạy: - Này thiện nam! đạo Thanh-văn, Duyên-giác không rộng lớn, chẳng thể hiểu biết tất cả, cho nên Bồ-đề và đạo Bồ-đề được gọi là Thắng. Cũng như với tất cả kinh sách của thế gian, thì mười hai bộ kinh là trên hết. Vì sao? Vì lời kinh không sai lầm, không điên đảo. Đạo của Nhị thừa đối với đạo Bồ-đề cũng như vậy.

Này thiện nam! đạo Bồ-đề tức là Học cũng là quả của Học. Thế nào gọi là Học? Thực hành đạo Bồ-đề chưa đầy đủ, mà tâm không thối chuyển gọi là Học. Thực hành đạo Bồ-đề đã được đầy đủ, tâm

không thối chuyển gọi là quả của Học. Chưa được định tự tại trong A-tăng-kỳ- kiếp thứ ba gọi là Học. Đã được định tự tại trong A-tăng-kỳ-kiếp thứ ba, gọi là quả của Học. A-tăng-kỳ-kiếp thứ nhất, chưa thể bố thí hết tất cả, chưa bố thí mọi thời gian, chưa bố thí hết tất cả chúng sanh, A-tăng-kỳ- kiếp thứ hai dù bố thí được tất cả, nhưng chưa có thể bố thí trong mọi thời gian, chưa có thể bố thí hết tất cả chúng sanh, hai điều trên ấy gọi là Học, A-tăng-kỳ-kiếp thứ ba có thể bố thí được tất cả trong mọi thời gian và cho tất cả chúng sanh, ấy gọi là quả của Học.

Này thiện nam! Bồ-tát tu hành bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, ấy gọi là Học, đến được bờ giác gọi là quả của Học.

Này thiện nam! Có người bố thí mà không có Ba-la-mật, có người có Ba-la-mật mà không gọi là bố thí, có người có Ba-la-mật cũng có bố thí, có người không Ba-la-mật cũng không bố thí.

Này thiện nam! Hạng người có bố thí , mà không có Ba-la-mật, tức là hàng Thanh-văn, Duyên-giác, tất cả phàm phu, ngoại đạo, dị kiến và hàng Bồ-tát thực hành bố thí trong hai A-tăng-kỳ-kiếp đầu. Được Ba-la-mật mà không bố thí, đó là những người Trì giới Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Hạng người cũng có bố thí cũng có Ba-la-mật, đó là Bồ-tát thực hành bố thí trong A-tăng-kỳ-kiếp thứ ba. Chẳng bố thí, chẳng Ba-la-mật, ấy

là hạng Thanh-văn, Duyên-giác giữ giới, tu thiền định, nhẫn nhục, Từ bi.

Này thiện nam! Chẳng bố thí, chẳng Ba-la-mật gọi là Học, cũng bố thí cũng Ba-la-mật gọi là quả của Học.

Này thiện nam! Hễ là Bồ-tát tức là Tận trí, Vô sanh trí. Vì sao? Vì hai trí này làm cho tâm siêng năng tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ấy gọi là Học. Được Bồ-đề rồi, gọi là quả của Học. Tự mình điều phục được các căn, rồi điều phục cho chúng sanh, gọi là Học. Chính mình được giải thoát và khiến chúng sanh được giải thoát, gọi là quả của Học. Tu tập mười lực, bốn điều không sợ hãi, đại bi, ba niệm gọi là Học, đầy đủ mười tám pháp bất cọng gọi là Học quả. Vì lợi ích cho mình và người, mà tạo nghiệp thiện gọi là Học, đã đem lợi ích cho người rồi, gọi là quả của Học. Học tập pháp thế gian gọi là Học, học tập pháp xuất thế gian gọi là quả của Học. Vì các chúng sanh, không thương tiếc thân hình, tài vật thì gọi là học. Vì chúng sanh không chút thương tiếc thân, của cải và mạng sống gọi là quả của Học. Có thể hoá độ chúng sanh tạo nghiệp làm Trời, người, gọi là Học, tạo nghiệp vô lậu gọi là quả của Học. Bố thí cho chúng sanh tất cả tài vật gọi là Học, thực hành pháp thí gọi là quả của Học. Chính mình diệt trừ tham lam, ganh ghét gọi là Học, diệt trừ tâm tham lam, ganh ghét của người khác gọi là quả của Học. Thọ trì năm căn, tu

hành ức niệm, gọi là Học, giáo hoá người khác tu tập thành tựu viên mãn, gọi là quả của Học.

Này thiện nam! Bồ-tát có thiện căn chánh tín, đã được lợi ích cho mình, lại đem lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mình không gọi là tự lợi, làm lợi ích cho người khác mới gọi là tự lợi. Vì sao? Vì bậc đại Bồ-tát luôn làm lợi ích cho người khác, nên đối với thân mạng, tài vật không khởi tâm tham tiếc, ấy mới gọi là tự lợi. Bồ-tát biết rõ, nếu dùng pháp Thanh-văn, Duyên-giác, dạy bảo chúng sanh, mà chúng sanh không lãnh thọ, thời dùng cảnh vui nơi cõi Trời, người mà dạy bảo cho họ gọi là lợi tha, làm lợi ích cho người khác, cũng tức là làm lợi ích cho mình. Bồ-tát không thể làm kiêm nhiệm lợi ích cho mình và cho người, chỉ làm lợi ích cho mình, thì gọi đó là Bồ-tát bậc dưới. Vì sao? Vì Bồ-tát như vậy, đối với pháp tài sẽ sanh tâm tham đắm, nên không thể kiêm nhiệm việc làm lợi ích cho mình và cho người, Bồ-tát mà để người khác chịu khổ não, còn mình hưởng an vui, thì Bồ-tát như vậy không thể nào làm lợi ích cho người khác. Nếu tự mình không tu hành bố thí, giữ giới, học rộng nghe nhiều, dù có dạy bảo người khác thực hành, thì đó gọi là lợi tha, chứ không thể gọi là tự lợi. Tự mình có đầy đủ chánh tín, năm thiện căn, rồi đem dạy bảo người khác, đó mới gọi là Bồ-tát tự lợi mình và lợi người khác.

Này thiện nam! Lợi ích có hai: Là Đời này và

Đời sau. Bồ-tát nếu làm lợi ích trong đời này, không gọi là lợi ích đích thật, Bồ-tát, nếu làm lợi ích đời sau, thì có thể làm lợi ích cho mình và cho người.

Này thiện nam! Cảnh vui cũng có hai: Là cảnh vui thế gian và cảnh vui xuất thế gian. Phước cũng như vậy. Bồ-tát, nếu có hai cảnh vui ấy và hai phước ấy để dạy bảo chúng sanh, thì gọi là tự lợi và lợi tha.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát đầy đủ một pháp, mình và người đều có lợi ích, nghĩa là không buông lung. Hoặc có hai pháp, có thể lợi mình và lợi người, đó là học rộng nghe nhiều và suy nghĩ. Hoặc có ba pháp có thể lợi mình và lợi người: Là thương yêu chúng sanh và siêng năng tu hành tinh tấn, đầy đủ niệm tâm. Hoặc có bốn pháp, có thể lợi mình lợi người, nghĩa là có bốn uy nghi. Hoặc có năm pháp có thể làm lợi mình lợi người: 1. Tín, 2. Giữ giới, 3. Học rộng nghe nhiều, 4. Bố thí,

5. Trí tuệ. Hoặc có sáu pháp lợi mình lợi người, đó là sáu niệm. Hoặc có bảy pháp, có thể lợi mình lợi người, đó là phá trừ bảy kiêu mạn.

Này thiện nam! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn, trưởng giả, nam, nữ, hoặc trong đại chúng có các điều lỗi lầm, Bồ-tát đã thấy rồi thì trước tùy ý mọi người, sau mới nói pháp, khiến được điều phục, nếu Bồ-tát trước không tùy ý mọi người, mà thuyết

pháp, ấy gọi là Bồ-tát bậc dưới.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Thích gần gũi bạn lành và Không thích gần gũi bạn lành. Người thích gần gũi bạn lành thì có thể làm lợi ích cho mình và cho người, người không thích gần gũi bạn lành, thì không thể làm lợi ích cho mình và cho người.

Này thiện nam! Thích gần gũi bạn lành lại có hai điều: Là Thích cúng dường và không thích cúng dường. Người thích cúng dường thì có thể lợi mình lợi người, người không thích cúng dường thì không thể lợi mình lợi người. Thích cúng dường lại có hai điều: Có thể nghe pháp, không thể nghe pháp. Người chí tâm nghe pháp là có thể làm lợi mình lợi người; người không chí tâm nghe pháp, thì không thể làm lợi mình lợi người. Chí tâm nghe pháp lại có hai điều: Có thể thưa hỏi, và Không thể thưa hỏi. Người thưa hỏi về nghĩa lý, là có thể làm lợi mình lợi người; người không thưa hỏi, thì không thể làm lợi mình lợi người. Người thưa hỏi nghĩa lí, cũng có hai điều: Chí tâm thọ trì, và không chí tâm thọ trì. Người chí tâm thọ trì là có thể làm lợi mình lợi người; người không chí tâm thọ trì, thì không thể làm lợi mình lợi người. Người chí tâm thọ trì, lại có hai điều: Suy nghĩ, và Không suy nghĩ. Người thường suy nghĩ, là có thể làm lợi mình lợi người, người không suy nghĩ, thì không thể làm lợi mình lợi người. Thường suy nghĩ cũng

có hai hạng: Hiểu nghĩa, và không hiểu nghĩa. Người hiểu nghĩa là có thể làm lợi mình lợi người, người không hiểu nghĩa thì không thể làm lợi mình lợi người. Người hiểu nghĩa cũng có hai hạng: Là sống đúng pháp, và sống không đúng pháp. Sống đúng pháp có thể làm lợi mình lợi người, sống không đúng pháp không thể làm lợi mình lợi người. Người sống đúng như pháp, lại có hai hạng: Đầy đủ tám trí, và không đầy đủ tám trí. Thế nào là tám trí? Đó là: Trí hiểu biết pháp. Trí biết rõ nghĩa lí. Trí biết thời gian. Trí biết đủ. Trí biết mình và người. Trí biết quần chúng Trí biết các căn. Trí biết trình độ người cao hay thấp. Người có đầy đủ tám trí như vậy, hễ có nói pháp, là đầy đủ mười sáu điều: 1. Nói hoà hợp.

2. Nhất tâm nói pháp. 3. Nói có thứ tự. 4. Nói có hoà hợp. 5. Tùy theo nghĩa mà nói. 6. Nói một cách vui mừng. 7. Nói tùy ý. 8. Nói mà không xem thường người nghe. 9. Nói không trách cứ quần chúng. 10. Nói đúng như pháp. 11. Nói lợi mình lợi người. 12. Nói không có đảo lộn.

13. Nói hợp với nghĩa. 14. Nói lời chân chánh. 15. Nói rồi không khởi tâm kiêu mạn. 16. Nói rồi không mong cầu trả ơn. Người được như vậy, có thể đến nghe người khác pháp, trong lúc đến nghe sẽ có đủ mười sáu điều: Nghe đúng thời. Thích nghe. Chí tâm nghe. Cung kính nghe. Nghe mà không tìm lỗi lầm. Nghe mà không có bàn luận.

Nghe không vì để hơn người. Lúc nghe không xem thường người nói. Lúc nghe không xem thường giáo pháp. Lúc nghe không xem thường mình. Lúc nghe xa lìa năm triền cái. Lúc nghe vì muốn thọ trì đọc tụng. Lúc nghe vì muốn trừ năm dục. Lúc nghe đầy đủ tín tâm. Lúc nghe vì muốn điều phục chúng sanh. Lúc nghe muốn đoạn trừ nhĩ căn chạy theo thanh trần.

Này thiện nam! Người nào đầy đủ tám trí, thì có thể nói pháp, nghe pháp, người được như vậy, là có thể làm lợi mình lợi người. Người nào không đầy đủ tám trí, thì không được gọi là làm lợi mình lợi người.

Này thiện nam! Người nói pháp có hai hạng: Thanh tịnh và không thanh tịnh. Người không thanh tịnh lại có năm điều: Vì lợi ích mà nói. Vì muốn có đền ơn mà nói. Vì muốn hơn người mà nói. Vì muốn được phước báo thế gian mà nói. Còn nghi ngờ mà nói. Người thanh tịnh nói pháp lại có năm điều: Trước cho ăn uống sau mới nói. Muốn hưng thịnh ngôi Tam Bảo mà nói. Vì muốn đoạn trừ phiền não cho mình và người mà nói. Vì muốn phân biệt rõ tà và chánh mà nói. Vì muốn người nghe được thù thắng mà nói.

Này thiện nam! Người không thanh tịnh thuyết pháp, gọi là người có tâm cấu bẩn, là kẻ bán giáo pháp, là hạng ô nhục, là người lầm lạc và cũng gọi là người đánh mất tâm ý. Người thanh tịnh nói

pháp, gọi là người trong sạch, là người chân chánh, là người nói đúng sự thật và cũng gọi là người tu theo chánh pháp.

Này thiện nam! Nếu biết đầy đủ mười hai bộ kinh, Luận Thanh minh và Luận Nhân minh, biết nhân biết dụ, biết mình biết người, đó gọi là người nói chân chánh. Người nghe cũng có Bốn hạng: 1. Nghe tóm lược mà hiểu nhiều. 2. Tùy sự trình bày mà hiểu. 3. Tùy ý căn bản mà hiểu. 4. Hiểu rõ từng chữ, từng câu. Đức Như Lai nói pháp, là vì ba hạng người trước, chớ không phải hạng người thứ tư. Vì sao? Vì hạng người này, không phải là pháp khí. Bốn hạng người như thế chia ra làm hai: Hạng thuần thục, Hạng mới phát sanh. Hạng người thuần thục, chỉ trong hiện tại là được điều phục, hạng người mới phát sanh, thì trong vị lai mới được điều phục.

Này thiện nam! Thí như rừng cây rậm, thường có bốn loại cây: 1. Cây dễ chặt, mà khó lấy ra, 2. Cây khó chặt, dễ lấy ra, 3. Cây dễ chặt, dễ lấy ra, 4. Cây khó chặt, khó lấy ra. Người tại gia cũng có bốn hạng:

1. Dễ điều phục, khó xuất ly, 2. Khó điều phục, dễ xuất ly, 3. Dễ điều phục, dễ xuất ly, 4. Khó điều phục, khó xuất ly. Bốn hạng người như vậy, muốn giáo hoá phải có ba điều: Quở trách rồi điều phục. Dùng lời dịu dàng để điều phục. Vừa dùng lời dịu dàng vừa quở trách, sau đó mới điều phục. Hoặc

cũng có hai hạng: Tự mình điều phục, không nhờ người khác. Tự mình không thể điều phục, phải thỉnh nhờ người khác. Hoặc cũng có hai hạng: Dùng bố thí để điều phục. Dùng lời chú nguyện để điều phục. Pháp điều phục như thế, lại cũng có hai thời: Khi vui mừng. Khi đau khổ. Với bốn hạng người ấy, lúc nói pháp cần có hai phương tiện: Khéo biết việc thế gian. Giúp đỡ công việc cho người.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu biết hai phương tiện ấy, tức có thể làm lợi mình lợi người, nếu không biết, thì không thể làm lợi mình lợi người.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát vì muốn lợi ích cho người khác, nên trước học sách ngoại đạo, sau mới học mười hai bộ kinh. Còn chúng sanh, nếu đã nghe mười hai bộ kinh, nên đối với sách vở ngoại đạo bèn sanh tâm nhàm chán. Bồ-tát luôn vì chúng sanh nói sự tai hại của phiền não và cách giải thoát chúng, khen đức hạnh của bạn lành, quở trách lỗi lầm của bạn ác, tán thán công đức người bố thí, chỉ trích tội lỗi của người ích kỷ, Bồ-tát thường ở nơi vắng lặng để tu hành và thường khen ngợi công đức của hạnh vắng lặng, thường tu pháp hành, thường khen ngợi công đức pháp hành, nếu được như vậy, gọi là lợi mình lợi người. Bồ-tát tại gia phải trước tự điều phục, nếu không điều phục, thì không thể xuất gia, Bồ-tát tại gia độ được nhiều người, Bồ-tát xuất gia không được như vậy. Vì

sao? Vì nếu không có tại gia, tức không có người xuất gia trong ba thừa. Người xuất gia trong ba thừa tu tập đạo lí, giữ giới ngồi thiền, tụng kinh đều do tại gia làm trang nghiêm.

Này thiện nam! Có người tu đạo thì có người làm trang nghiêm cho. Đạo có nghĩa là pháp hành, người trang nghiêm đạo, nghĩa là hàng tại gia. Bồ-tát xuất gia, vì tại gia mà tu hành đạo nghiệp, người tại gia vì người xuất gia mà tu pháp hạnh. Người tại gia phần nhiều tu hai pháp: Thọ trì và Bố thí. Người xuất gia cũng tu hai pháp: Đọc tụng và giáo hoá.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát thì có cả bốn pháp: Thọ trì. Đọc tụng. Bố thí. Giáo hoá. Được như vậy gọi là lợi mình lợi người. Bồ-tát muốn nói nghĩa lí thâm sâu của pháp giới cho chúng sanh, thì trước nên nói pháp thế gian, sau mới nói lý thâm sâu của pháp giới. Vì sao? Vì dễ giáo hoá. Bậc đại Bồ-tát nên bảo vệ tâm của tất cả chúng sanh, nếu không bảo hộ thì không thể điều phục tất cả chúng sanh, Bồ-tát cũng nên giữ gìn bản thân, nếu không giữ gìn bản thân, thì cũng không thể điều phục được chúng sanh, Bồ-tát không vì tham đắm thân mạng và tài sản, nếu phải giữ gìn thân mạng và tài sản, cũng vì muốn điều phục chúng sanh. Bậc đại Bồ-tát trước là tự mình diệt trừ xấu ác, sau mới dạy bảo người khác diệt trừ xấu ác, nếu không tự mình diệt trừ, mà dạy bảo người khác diệt trừ, thì không

có lí như vậy. Vì thế, Bồ-tát trước nên tự mình bố thí, giữ giới, biết đủ, tinh tấn tu hành, sau mới hoá độ mọi người, Bồ-tát nếu không tự mình tu pháp hạnh, thì không thể giáo hoá chúng sanh.

Này thiện nam! Trình độ chúng sanh thường có ba hạng, trình độ Bồ-tát cũng có ba hạng: Thượng, Trung, Hạ. Bồ-tát hạ căn chỉ có thể giáo hoá hạng hạ căn, không thể giáo hoá hạng trung căn và thượng căn. Bồ-tát trung căn, có thể giáo hoá hạng hạ căn và hạng trung căn, không thể giáo hoá hạng thượng căn. Bồ-tát thượng căn có thể giáo hoá hết cả ba hạng.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, và xuất gia. Bồ-tát xuất gia làm lợi mình lợi người không khó, Bồ-tát tại gia làm lợi mình lợi người mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 11: TRANG NGHIÊM CHO MÌNH VÀ NGƯỜI

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bậc đại Bồ-tát đầy đủ mấy pháp, mới có thể làm lợi mình lợi người?

- Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát đầy đủ tám pháp, mới có thể làm lợi mình lợi người. Tám pháp ấy là: 1. Thân mạng sống lâu, 2. Có sắc tướng đẹp đẽ đầy đủ, 3. Thân thể đầy sức lực, 4. Dòng họ cao sang, 5. Có nhiều của cải quý, 6. Đủ thân nam tử,

7. Lời nói lưu loát, 8. Ở giữa chỗ đông người không khiếp sợ.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì Bồ-tát có được từ chỗ thân mạng sống lâu, cho đến đông người không khiếp sợ?

Phật dạy: - Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát trong nhiều đời, tu tâm Từ bi, không giết hại, do nhân duyên này, mà được sống lâu, cho đến ở chỗ đông người không có sợ hãi; trong vô lượng kiếp thường bố thí y phục, đèn đuốc, do nhân duyên này mà được sắc đẹp; ở trong nhiều đời, không kiêu mạn, do nhân duyên này, mà được dòng họ cao quý; ở trong nhiều đời, thường thực hành bố thí phẩm vật, do nhân duyên này, mà được thân lực đầy đủ; ở trong nhiều đời thường thích nói pháp, do nhân duyên này, mà có nhiều của cải quý; ở trong nhiều đời không thích thân nữ, do nhân duyên này, mà được thân nam tử; ở trong nhiều đời, chí tâm giữ giới, do nhân duyên này, mà nói năng lưu loát; ở trong nhiều đời cúng dường Tam Bảo, do nhân duyên này, mà ở giữa đám đông không sợ hãi. Tám pháp như vậy, có ba nhân duyên: 1. Tài vật thanh tịnh, 2. Tâm thanh tịnh, 3. Phước điền thanh tịnh. Sao gọi là tài vật thanh tịnh? Tài vật thanh tịnh, là tài vật không do trộm cắp, không bị các bậc thánh ngăn cấm, không phải tài vật của nhiều người chung dùng, không phải tài vật của Tam Bảo,

không phải tài vật đã bố thí cho một người, lấy lại cho nhiều người, không phải tài vật của nhiều người lấy cho một người, không phải tài vật do đàn áp người khác, do lường gạt người khác, do lừa dối người khác mà có. Tài vật như vậy gọi là thanh tịnh. Sao gọi là tâm thanh tịnh? Nghĩa là trong bố thí, không vì phước báo trong cõi sanh tử, không vì danh tiếng hơn người, không vì sắc đẹp, sức mạnh, tài vật, không vì muốn gia đình hưng thạnh, bà con đông vầy, chỉ vì trang nghiêm Bồ-đề mà bố thí, chỉ vì muốn điều phục chúng sanh mà bố thí, đó gọi là tâm thanh tịnh. Sao gọi là phước điền thanh tịnh? Người nhận tài vật bố thí đã xa lìa tám điều tà, đó gọi là phước điền thanh tịnh.

Này thiện nam! Nhờ ba nhân duyên như vậy, mà có đầy đủ tám pháp như trên.

Này thiện nam! Sở dĩ Bồ-tát cần sống lâu, là vì muốn chúng sanh khen ngợi việc không giết hại, sở dĩ Bồ-tát cầu sắc tướng tươi đẹp cao tột, vì muốn chúng sanh khi thấy đều sanh vui mừng, sở dĩ Bồ-tát cầu dòng họ cao quý, vì muốn chúng sanh khởi lòng cung kính, sở dĩ Bồ-tát cầu đầy đủ sức khoẻ, vì muốn chúng sanh giữ gìn giới luật, đọc tụng kinh điển, tu tập thiền định, sở dĩ Bồ-tát cầu nhiều của cải quý, vì muốn điều phục chúng sanh, sở dĩ Bồ-tát cầu thân nam tử, vì muốn thành pháp khí để đựng pháp thiện, sở dĩ cầu lời nói lưu loát, vì muốn chúng sanh thọ đúng lời của pháp. Sở dĩ Bồ-tát cầu

giữa đám đông không sợ hãi, vì muốn chúng sanh hiểu rõ pháp chân thật.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ tám pháp như vậy, có thể làm lợi mình lợi người, thực hành như vậy, gọi là hạnh chơn thật.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát có được tám pháp như vậy, khi thọ trì đầy đủ mười pháp lành, rất thích đem ra giáo hoá cho người, khi thọ trì đầy đủ giới Ưu-bà-tắc cũng thích đem ra giáo hóa cho người, có được sắc đẹp, nhưng không bao giờ vì nó mà sanh tâm kiêu mạn, dù giữ giới thanh tịnh, nghe nhiều, tinh tấn, sức mạnh, dòng họ cao quý và nhiều của quý, trọn không bao giờ vì nó mà sanh tâm kiêu mạn. Không huyễn hoặc, không dối gạt chúng sanh, không phóng túng, tu tập lục hoà. Bồ-tát tu tập đầy đủ các pháp như vậy, dù còn tại gia nhưng không khác với người xuất gia, Bồ-tát như vậy, quyết không vì kẻ khác mà tạo nhân duyên ác. Vì sao? Vì họ giữ vững tâm hổ thẹn.

Này thiện nam! Người tại gia, giả sử một đời thọ Ưu-bà-tắc giới như vậy, về sau nếu lại sanh vào nơi không có Tam bảo, thì quyết cũng không bao giờ tác tạo các nhân duyên ác. vì sao? Vì đã có hai nhân duyên là: Trí tuệ và không buông lung

Này thiện nam! Ở đời sau nơi xấu ác, không làm việc ác, thì có bốn nhân duyên: Biết rõ tội lỗi của phiền não. Không thuận theo các phiền não.

Chịu được các sự khổ cực. Không sanh tâm sợ hãi. Bồ-tát đầy đủ bốn pháp như vậy, sẽ không bị các cảnh khổ và các phiền não khuấy động.

Này thiện nam! Bồ-tát không bị lay động nhờ có năm nhân duyên:

1. Thích tu pháp lành, 2. Phân biệt được thiện ác, 3. Gần gũi chánh pháp, 4. Thương yêu chúng sanh, 5. Thường biết rõ đời trước.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ tám pháp như thế, nếu nghe người ta chê bai, khinh khi, đều có thể nhẫn nhịn được, nếu nghe người ta khen ngợi, ngược lại hổ thẹn, trong tu tập hành đạo sanh tâm vui mừng, không sanh tâm kiêu mạn, cố gắng điều phục người ác. Thấy người chia rẽ, tìm cách hoà hợp, nêu bày việc tốt của người, che tội lỗi của kẻ khác; biết người đã hổ thẹn, không nên vạch ra; nghe việc bí mật của người, không đem nói cho người khác, không vì việc đời mà lập thệ nguyện. Người nào có ít ân nghĩa, với ta vẫn thường suy nghĩ muốn trả thật nhiều; kẻ nào oán thù ta, ta lại khởi tâm lành, người thân kẻ oán chịu khổ, thì trước nên cứu giúp người oán, thấy người bị mắng nhiếc, đem tâm thương xót; thấy người ăn trộm im lặng không khua động; thấy kẻ đến đánh đập phát khởi tâm bi, xem chúng sanh như là cha mẹ; thà mất thân mạng trọn không nói dối. Vì sao? Vì biết được quả báo, đối với các phiền não nên sanh tâm oán ghét, đối với thiện pháp, muốn được gần gũi,

đối với ngoại cảnh mà sanh tâm tham đắm, thì tìm cách quán sát tội lỗi của tham đắm ấy; tất cả phiền não cũng là như vậy. Dù ở chung kẻ ác, chẳng bao giờ ở trong cảnh ấy mà khởi tâm thân thiện, dù không ở chung với người chơn thiện, chẳng bao giờ khởi tâm xa lìa người ấy; dù có cúng dường cha mẹ, sư trưởng, chẳng bao giờ vì thế mà làm điều ác, lúc không có của cải, mà thấy người đến xin không khởi tâm xấu ác; dù không gần người hung ác, nhưng trong tâm thường hay thương xót họ, kẻ đem điều ác cho ta, ta dùng điều lành đền đáp; lúc hưởng cảnh vui, không nên coi khinh người khác, thấy người khác khổ đau, không nên mừng ra mặt, thân nghiệp thanh tịnh, giữ gìn bốn oai nghi, liền đem pháp ấy giáo hoá chúng sanh, ý nghiệp thanh tịnh, tu bốn tâm vô lượng, cũng đem pháp ấy giáo hoá chúng sanh; giả sử mình phải chịu khổ cực, để người khác được an vui, cũng vui lòng cam chịu; sự việc thế gian dù không lợi ích, nhưng vì chúng sanh, nên cũng phải học; đối với mọi người, có hiểu biết hơn cũng không kiêu mạn, những gì mình biết, đều dạy cho người, với mong muốn việc này điều lưu truyền trong đời, không bị gián đoạn; đối với bạn thân, không bảo làm ác; ưa dùng tám pháp đã nói ở trên, giáo hoá chúng sanh; nói về nhân quả không có sai lầm, trong lúc thương yêu, nhưng bị xa lìa, tâm không u buồn, nhớ quán vô thường, lúc hưởng an vui, tâm không say đắm,

nhớ quán tất cả đều là khổ đau, đều là vô thường.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ tám pháp như vậy, thì có thể làm những việc nói trên.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, tu tám pháp ấy, chẳng phải là khó; ngược lại, Bồ-tát tại gia, tu tập tám pháp ấy mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 12: PHƯỚC TRÍ TRANG NGHIÊM

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để có thể trang nghiêm cho mình?

Đức Phật dạy:

- Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ hai pháp, thì có thể trang nghiêm cho mình và cho người. Hai pháp đó là Phước đức và Trí tuệ.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì, mà Bồ-tát được hai pháp trang nghiêm ấy?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Bồ-tát tu tập sáu pháp Ba-la-mật, liền được hai thứ trang nghiêm như vậy. Bố thí, giữ giới, tinh tấn là phước trang nghiêm. Nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ là trí trang nghiêm. Hoặc có sáu pháp gọi là sáu niệm, làm nhân duyên cho hai thứ trang nghiêm, đó là: Niệm Phật, niệm Pháp,

niệm Tăng là trí trang nghiêm; niệm giới, niệm thí, niệm thiên là phước trang nghiêm.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy, thì sẽ có lợi ích cho mình và cho người, có thể vì các chúng sanh, chịu khổ trong ba đường ác, mà tâm Bồ-tát không u buồn hay hối hận. Nếu vị Bồ-tát đủ cả hai thứ trang nghiêm, sẽ được phương tiện thiện xảo vi diệu, biết rõ pháp thế gian và xuất thế gian.

Này thiện nam! Phước đức trang nghiêm cũng tức là trí tuệ trang nghiêm, trí tuệ trang nghiêm cũng tức là phước đức trang nghiêm. Vì sao? Vì Người trí tuệ, có khả năng tu tập đầy đủ mười điều thiện, được của cải giàu sang và rất tự tại, được hai đều ấy, nên có thể lợi mình lợi người. Người trí học pháp thế gian dễ hơn mọi người, do nhân duyên ấy, nên được giàu sang và tự tại. Bồ-tát đầy đủ cả hai pháp ấy, có thể trong hai đời, cả mình và người đều được lợi ích. Người trí có thể phân biệt pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Pháp thế gian nghĩa là biết tất cả Thế luận và tất cả Thế định; pháp xuất thế gian nghĩa là Năm ấm, Mười hai nhập và Mười tám giới. Bồ-tát biết được nhân duyên của hai pháp ấy, nên trong hai đời, đều được lợi ích cả mình và người.

Này thiện nam! Bồ-tát dù biết cảnh vui thế gian là hư vọng, không có thật, mà vẫn tạo nhân duyên vui ở đời. Vì sao? Vì muốn các chúng sanh đều

được lợi ích.

Này thiện nam! Hai thứ trang nghiêm như vậy, có hai nguyên nhân chính: 1. Tâm từ, 2. Tâm Bi. Tu hai nhân ấy, dù có trôi lăn trong

biển khổ sanh tử, tâm cũng không hối hận. Lại nữa Bồ-tát đầy đủ hai pháp có thể trang nghiêm Vô thượng Bồ-đề: Không thích sanh tử, Quán sát kỹ con đường giải thoát. Nhờ thế, cho nên cũng được lợi ích trong cả hai đời, biết rõ pháp tướng, được đại trí tuệ, khiến cho mình và người giàu có của cải, tăng thêm tuổi thọ.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát đầy đủ hai pháp, khi bố thí tất cả tài vật, không có lo buồn hối hận, gặp nhiều điều ác đều gắng chịu được. Bồ-tát trong lúc bố thí, quán hai thứ ruộng: 1. Ruộng phước, 2. Là bần cùng. Bồ-tát muốn tăng trưởng phước đức, nên bố thí cho kẻ nghèo đói, muốn tăng trưởng trí tuệ vô thượng, nên bố thí cho hạng phước điền, muốn đền ơn, nên bố thí cho hạng phước điền, khởi tâm thương xót, nên bố thí cho hạng bần cùng, muốn xả bỏ phiền não nên bố thí cho hạng phước điền, muốn có công đức nên bố thí cho hạng bần cùng, muốn tăng trưởng nhân duyên vui, nên bố thí cho hạng phước điền, muốn xả bỏ các nhân duyên khổ nên bố thí cho hạng bần cùng. Bồ-tát nếu bố thí cho người thân, vì muốn báo ân; nếu bố thí cho

người oán thù, vì muốn trừ tâm hung ác. Bậc đại Bồ-tát thấy người ăn xin đến cầu xin, nên xem họ như người con một, tùy sức nhiều hay ít mà bố thí cho họ, làm được như vậy, gọi là bố thí Ba-la-mật. Trong lúc bố thí, lìa tâm bỏn xẻn, gọi là giữ giới Ba-la-mật, chịu được tất cả những lời trách móc của người đến xin, gọi là nhẫn nhục Ba-la-mật, phẩm vật bố thí phải tận tay đưa cho người, gọi là tinh tấn Ba-la-mật, chí tâm chuyên niệm quán pháp giải thoát, gọi là thiền định Ba-la-mật, không chọn lựa kẻ oán người thân, gọi là bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam! Như các chúng sanh, lúc ham thích giết hại trong một niệm đầy đủ mười hai nhân duyên. Bồ-tát bố thí cũng như vậy, một niệm là đầy đủ sáu pháp như trên, đó gọi là công đức trí huệ trang nghiêm.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát tạo nhân duyên cho pháp bất cộng, gọi là phước đức trang nghiêm. Dạy bảo chúng sanh đều được ba thứ Bồ-đề, gọi là trí trang nghiêm. Lại nữa, Này thiện nam! Bồ-tát nếu có thể điều phục chúng sanh, gọi là trí trang nghiêm, cùng với chúng sanh chịu các khổ não, gọi là phước trang nghiêm. Bồ-tát có thể khiến cho hết chúng sanh xa lìa ác kiến, gọi là trí trang nghiêm, có thể dạy bảo chúng sanh an trú trong chánh tín, giữ giới, bố thí, nghe nhiều, trí tuệ, gọi là phước trang nghiêm.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát đầy đủ năm

pháp, tức có khả năng trang nghiêm Vô thượng Bồ-đề. Năm pháp đó là: Một: Tâm tín . Hai:

Tâm bi. Ba: Tâm dũng. Bốn: Đọc tụng các bộ luật thế gian không có nhàm chán. Năm: Học các nghề thế gian cũng không nản chí.

Này thiên nam tử! Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm thì có bảy tướng: Một: Tự biết lỗi lầm. Hai: Không nói lỗi lầm người. Ba: Ưa chăm sóc người bệnh. Bốn: Thích bố thí cho người nghèo. Năm: Được tâm Bồ-đề. Sáu: Tâm không buông lung. Bảy: Trong mọi thời gian thường chí tâm tu tập sáu Pháp Ba-la-mật.

Này thiện nam! Lại có bảy tướng: Một: Thích giáo hoá kẻ oán thù. Hai: Lúc hoá độ không chán. Ba: Chủ yếu muốn họ thuần thục, giải thoát. Bốn: Đã biết thông suốt nghề nghiệp và ngôn ngữ của thế gian, đem giáo hoá chúng sanh, nhưng tâm không tham đắm. Năm: Có thể nhẫn chịu tất cả điều ác. Sáu: Không bao giờ nói mà kẻ khác không thích. Bảy: Thấy người phá giới và kẻ độc ác, tâm không giận hờn, thường hay thương mến.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát biết rõ bảy tướng ấy, thì có thể lợi mình lợi người.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, thực hành hai pháp trang nghiêm ấy không khó; ngược lại Bồ- tát tại gia thực

hành hai pháp trang nghiêm ấy, mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

-oOo-

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 3

Phẩm 13: THÂU GIỮ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm, làm thế nào để nuôi dạy đệ tử?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Nên dùng bốn nhiếp pháp để gồm thâu, khiến cho các đệ tử xa lìa những điều ác, tăng trưởng các điều thiện, chí tâm dạy bảo như dạy con một, không cầu báo đáp ơn nghĩa, không mong cầu tiếng khen, lợi dưỡng, cũng không cầu cho mình được an vui.

Này thiện nam! Bồ-tát, nếu không có các điều nói trên mà nuôi dạy đệ tử, thì đó là người xấu ác, là Bồ-tát giả danh, là hạng thấp kém nhơ bẩn, không thanh tịnh, phá hoại pháp Phật, là người không được sự thương xót hộ niệm của mười phương chư Phật.

Này thiện nam! Bồ-tát có thể tùy thời dạy bảo đệ tử. Ở đây nói tùy thời, là lúc khởi tham, sân, si. Khi đệ tử khởi tâm tham lam, nên vì họ nói pháp

đối trị, khiến trừ được tâm tham lam; còn sân và si thì cũng vậy; sau đó, mới cho học mười hai bộ kinh, thiền định Tam muội; phân biệt nghĩa lí; điều phục thân tâm, tu pháp lục niệm, pháp không buông lung, chăm sóc nuôi dưỡng người bệnh, nhưng tâm không khởi nhàm chán, chịu được những lời nói độc ác, chê bai, mắng nhiếc, hành hạ mà thân tâm vẫn chịu đựng; giả sử có người khốn khổ, thì nên vì họ mà cứu thoát; diệt trừ tâm xấu ác, nghi ngờ của người, biết được trình độ lanh lợi, trung bình hay ngu si, dạy người ngu dốt thì sanh làm cho họ khởi tín tâm; dạy người trung bình được thuần thục, dạy người lanh lợi mau được giải thoát. Nếu người nào siêng năng dạy bảo được như vậy, gọi là Bồ- tát thật nghĩa, là người chơn thiện, là hoa sen trắng, là bậc Hương tượng trong loài người, là đấng Điều ngự, Trượng phu, là Đại Thiền sư.

Này thiện nam! Thà chấp nhận điều ác, trong một ngày giết nhiều sinh mạng, chớ quyết không bao giờ nuôi đệ tử ác, không điều phục được. Vì sao? Này thiện nam! Vì giới ác thì chỉ tai hại tự thân; còn nuôi đệ tử ác, không dạy bảo được, sẽ khiến cho vô lượng chúng sanh làm ác, có thể huỷ báng vô lượng pháp lành, phá Tăng hoà hợp, khiến chúng sanh tạo năm tội vô gián, vì thế tội còn ác hơn các luật nghi ác.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và

Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, có hai hạng đệ tử: Xuất gia và tại gia, Bồ-tát tại gia chỉ có một hạng đệ tử tại gia. Bồ-tát xuất gia dạy đệ tử xuất gia, học mười hai bộ kinh, tùy theo tội đã phạm, khuyên bảo sám hối, dạy tập tám trí, đó là: Pháp trí. Nghĩa trí. Thời trí. Tri túc trí. Tự trí. Chúng trí. Căn trí. Phân biệt trí.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát, nếu có thể dạy bảo, điều phục đệ tử xuất gia được như vậy, thì thầy và trò đều được vô lượng lợi ích. Thầy trò như vậy làm hưng thạnh ngôi Tam Bảo. Vì sao? Vì người đệ tử, sau khi biết được tám trí, sẽ chuyên cần chăm sóc sư trưởng, Hoà thượng và người có đức độ, già yếu, lãnh thọ lời nói tốt, siêng năng đọc tụng và bố thí pháp, tâm không buông lung, điều phục chúng sanh, chăm sóc người bệnh, cung cấp cho kẻ nghèo.

Này thiện nam! Bồ-tát xuất gia nếu có đệ tử tại gia, cũng trước dạy pháp không buông lung. Không buông lung tức là pháp hành, là cúng dường cha mẹ, các sư trưởng, Hoà thượng, người lớn tuổi, người có đức độ. Cúng dường sự an vui; chí tâm thọ giới, không để huỷ phạm, lãnh vật của người gởi không nên sử dụng, thấy người giận dữ phải nên nhẫn nhịn, những lời hung ác và những lời không có ý nghĩa quyết không nói đến, thương yêu chúng sanh, được các vị quốc vương, đại thần, thường phải cung kính, khiếp sợ; điều phục vợ con,

quyến thuộc, phân biệt kẻ oán người thân, không xem thường chúng sanh, diệt trừ kiêu nạm, không gần bạn xấu, ăn uống điều độ, diệt trừ tham dục, hạn chế ham muốn, chỉ biết vừa đủ, những nơi tranh cãi không nên đến đó; cho đến cười đùa, không nói lời xấu ác; đó gọi là pháp không buông lung. Bồ-tát xuất gia, nếu nuôi đệ tử tại gia, trước phải dạy pháp không buông lung, lúc khổ hay vui, thường nên chia sẻ; giả sử người đệ tử tại gia nghèo khó, thiếu thốn cần phải biết để giúp đỡ. Ngoài sáu vật của người xuất gia ra, còn bất cứ vật gì cũng không nên tham tiếc. Lúc họ bệnh, nên tìm vật cần dùng, còn khi nuôi bệnh, thì không khởi tâm nhàm chán, nếu tự mình không có tài vật, nên đi bốn phương tìm cầu, tìm cầu không được thì mượn tài vật của Tam Bảo, sau khi lành bệnh, theo luật thế gian, trả gấp mười lần, như pháp trị dân của vua Ba Tư Nặc. Nếu không trả được, nên dạy: " Ông nay vay mượn của Tam Bảo rất nhiều không thể trả được, phải nên siêng năng tu tập, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, hoặc chí thành phát tâm Bồ-đề, hoặc dạy bảo ngàn người sanh tín tâm thanh tịnh trong Phật pháp, hoặc diệt trừ tà kiến sâu nặng của một người. Bồ-tát xuất gia, có thể dạy bảo đệ tử tại gia như vậy, thì cả thầy lẫn trò đều được lợi ích vô lượng.

Này thiện nam! Bồ-tát tại gia, nếu nuôi đệ tử tại gia , trước cũng nên dạy pháp không buông

lung. Pháp không buông lung, tức là cúng dường cha mẹ, Sư trưởng, Hoà thượng, người lớn tuổi, người đức độ. Lại phải cung cấp cho anh em, vợ con, bà con quyến thuộc, người sắp đi xa và kẻ xa lạ đến, nếu có tôi tớ, trước cho ăn uống, sau mới nhờ việc, hoặc dạy cho họ chánh tín Tam Bảo, khổ vui cùng hưởng, quyết không hưởng vui riêng, tùy theo các thời mà ban thưởng, không nên để họ đói khát, đừng bao giờ đánh đập, mắng nhiếc, làm họ đau khổ. Phải nên dùng lời dịu dàng, khuyên răn dạy bảo, giả sử họ bị bệnh, thì chăm sóc điều trị, tùy theo sự thiếu thốn của họ mà cấp dưỡng, những việc của thế gian đều đem dạy bảo hết, cưới vợ cho họ thì lựa chỗ xứng đáng, không nên chọn chỗ thấp kém, dạy năm bộ kinh của đức Như Lai, thấy người chia rẽ, nên khuyên hoà hợp, đã hoà hợp rồi khiến họ tăng trưởng tâm lành. Tất cả người xuất gia trong ngoài các đạo, tùy ý cúng dường, không được lựa chọn. Vì sao? Vì trước phải đem bố thí để gồm thâu sau đó điều phục, đem pháp lục hoà dạy bảo. Nếu cầu tài vật, buôn bán, làm ruộng, phụng sự vua quan, thường phải chí tâm đúng như chánh pháp mà làm; sau khi làm ra của cải phải giữ gìn hay làm phước, khi thấy người khác làm, khởi tâm vui mừng, đó gọi là pháp không buông lung. Bồ-tát tại gia, nếu dạy bảo đệ tử tại gia được như vậy thì cả thầy lẫn trò đều được lợi ích vô lượng.

Này thiện nam! Bồ-tát tại gia nếu được tự tại

làm chủ một nước lớn, thì nên giúp đỡ nhân dân như người con một, giảng dạy xa lìa các việc ác, tu hành các pháp lành, thấy người làm ác trừng phạt, khiển trách, chớ nên chém giết. Tài vật của dân sáu phần chỉ đóng thuế một phần; thấy người giận dữ, dạy họ tu tập nhẫn nhục và không buông lung, nói lời dịu dàng, phân biệt người thiện kẻ ác, thấy người có tội bỏ qua không tra khảo, tùy theo tài vật mình có thường hay bố thí, tùy theo sức lực của mình mà đọc tụng năm bộ kinh, khéo giữ gìn thân mạng, tài vật, giáo hoá chúng sanh không cho làm ác, thấy người nghèo khổ khởi tâm thương xót. Ở trong đất nước của mình thường hay tu tập hạnh biết đủ, người ác huỷ báng, quyết không u buồn, không làm việc phi pháp để cầu tài vật, như pháp mà gìn giữ đất nước, xa lìa bảy điều ác:

1. Không thích đánh bạc, đánh cờ, 2. Không thích săn bắn, 3. Không thích uống rượu, 4. Không thích theo dục lạc, 5. Không thích nói lời thô ác, 6. Không thích nói lời hai lưỡi, 7. Không thích làm điều phi pháp để cầu tài vật. Thường thích cúng dường cho người xuất gia, thường khiến mọi người trong nước xem vua như cha mẹ, tin nhân, tin quả, thấy người hơn mình chớ nên ganh ghét, thấy mình hơn người không nên cao ngạo, biết mang ân phải trả ân, ân nghĩa dù ít đáp đền phải lớn, điều phục các căn, thanh tịnh ba nghiệp, khen người hiền lành, quở trách người ác, trước khi muốn nói lựa

lời dịu dàng, nếu mình không có thế lực, đúng như pháp mà lệ thuộc người ta, lúc chiếm lấy đất nước của kẻ khác, không huy động bốn thứ binh lính chúng sanh khiếp sợ , nên cứu thoát họ, thường dùng Tứ nhiếp mà thống lãnh họ, khéo biết phân biệt mỗi mỗi pháp tướng, có người không muốn thọ lãnh chánh pháp, phải nên dịu dàng, để điều phục họ.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia nuôi dạy hai hạng đệ tử không lấy làm khó, còn Bồ-tát tại gia nuôi dạy chỉ một hạng đệ tử, nhưng thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân xấu ác ràng buộc.

Phẩm 14: THỌ GIỚI

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát tại gia làm thế nào để được thọ giới Ưu-bà-tắc?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Bồ-tát tại gia nếu muốn thọ trì giới Ưu-bà-tắc, trước nên tuần tự cúng dường sáu phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới. Phương Đông tức là nói về cha mẹ, nếu người cúng dường cha mẹ y phục, thực phẩm ăn uống, chăn nệm, thuốc men, phòng ốc, đồ vật quý, cung kính

lễ bái, khen ngợi, tôn trọng, thì người ấy, gọi là cúng dường phương Đông. Cha mẹ cũng lấy năm điều trao lại: 1. Thật lòng thương yêu, 2. Quyết không dối gạt, 3. Trao hết tài sản cho con, 4. Lựa dòng họ cao quý mà cưới gã cho con, 5. Dạy bảo nghề nghiệp cho con. Phương Nam tức nói về Thầy tổ, nếu người nào cúng dường Thầy tổ y phục, thực phẩm ăn uống, chăn nệm, thuốc men, tôn trọng, khen ngợi, cung kính, lễ bái, thức khuya dậy sớm, vâng lời làm theo sự dạy bảo chân chánh của Thầy, thì người ấy gọi là cúng dường phương Nam. Ngược lại vị Thầy cũng đem năm điều đáp lại: 1. Dạy bảo cấp tốc không để mất thời giờ, 2. Dạy bảo hết những điều mình đã biết, 3. Học trò hơn mình vẫn không sanh tâm ganh ghét, 4. Gởi gắm cho bậc Nghiêm sư, bạn tốt,

5. Gần lúc qua đời đem hết tài sản giao phó cho học trò. Phương Tây tức là nói về vợ con, nếu người nào, cung cấp cho vợ con y phục, thực phẩm ăn uống, chăn nệm, thuốc men, chuỗi ngọc và đầy đủ đồ trang sức, người ấy gọi là cúng dường phương Tây. Ngược lại vợ con cũng đem mười bốn điều đáp lại: 1. Hết lòng kinh doanh sự nghiệp, 2. Chăm làm công việc không biếng nhác, 3. Hễ làm việc gì quyết làm cho xong, 4. Làm việc lanh lẹ không để mất thời gian, 5. Thường vì chồng chăm sóc người thân và bạn của chồng, 6. Giữ gìn sạch sẽ phòng xá, chăn nệm, 7. Kính mến chồng, nói lời

dịu dàng với chồng, 8. Đối với tôi tớ dạy bảo dùng lời dịu dàng, 9. Khôn khéo giữ gìn của cải, 10. Thức khuya dậy sớm, 11. Làm các món ăn sạch sẽ, 12. Nhẫn chịu những lời dạy bảo, 13. Che kín những việc xấu, 14. Chăm sóc những người tật bệnh. Nói về phương Bắc tức là thiện tri thức, nếu có người nào hay cúng dường bạn lành tri thức, tùy sức giúp đỡ, khen ngợi, cung kính lễ bái, nói lời dịu dàng, đó là người cúng dường phương Bắc. Ngược lại, thiện hữu tri thức sẽ phải dùng bốn việc báo đáp trở lại: 1. Dạy họ tu pháp lành, 2. Bảo xa lìa pháp ác, 3. Lúc họ khiếp sợ phải cứu giúp, 4. Khi họ buông lung tìm cách ngăn cản. Nói về phương Dưới tức là tôi tớ, nếu có người cung cấp cho kẻ tôi tớ về y phục, thức ăn, thuốc men khi đau ốm, không la mắng, đánh đập, đó là người có thể cung cấp phương Dưới. Trái lại, tôi tớ nên dùng mười việc đáp lại: 1. Không gây tội lỗi, 2. Không phải đợi sai bảo mới làm, 3. Khi làm quyết phải cho xong, 4. Làm mau không chậm trễ,

5. Chủ dù suy sụp khốn khổ cùng trọn không xa lìa, 6. Thường dậy sớm, 7. Giữ gìn của cải, 8. Dù thọ ân rất ít nhưng đền đáp lại nhiều, 9. Chí tâm cung kính, 10. Khôn khéo che giấu việc xấu. Nói về phương Trên tức là Sa-môn, Bà-la-môn. v. v… nếu có người nào cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn về y phục, thực phẩm ăn uống, phòng xá, ngọa cụ, thuốc men khi đau ốm, lúc họ sợ hãi có thể cứu

giúp, gặp đời đói khát đem của bố thí, nghe chuyện xấu ác tìm cách ngăn dứt, cung kính lễ bái, tôn trọng khen ngợi, đó là người có thể cúng dường phương trên. Là người xuất gia phải lấy năm việc để đền đáp lại: 1. Dạy họ khởi niềm tin, 2. Dạy bảo họ phát sanh trí tuệ, 3. Dạy họ thực hành bố thí, 4. Dạy họ giữ gìn giới cấm, 5. Dạy bảo học rộng nghe nhiều. Nếu có người cúng dường sáu phương như vậy, thì người ấy sẽ được tăng trưởng tuổi thọ, của cải giàu có và có thể thọ trì giới Ưu-bà-tắc.

Này thiện nam! Nếu có người muốn thọ giới Ưu-bà-tắc, để tăng trưởng tuổi thọ và có nhiều của cải, trước thưa với cha mẹ, nếu cha mẹ đã đồng ý, nên cho vợ con tôi tớ biết, những người ấy đều bằng lòng, cuối cùng đến thưa với người cầm quyền trong nước, người cầm quyền trong nước cho rồi, ở đâu có người xuất gia phát tâm Bồ-đề, liền đến các vị ấy cúi đầu đảnh lễ, dùng lời dịu dàng xin thưa: Bạch Đại Đức! "Con là trượng phu, đầy đủ thân nam tử, nay con muốn thọ giới Bồ-tát Ưu-bà-tắc, cúi xin Đại Đức Từ bi, thương xót chấp nhận cho. " Lúc ấy, vị Tỳ-kheo nên hỏi: "Cha mẹ, vợ con, tôi tớ và nhà cầm quyền trong nước có bằng lòng chưa?" Nếu người ấy đáp đã bằng lòng, nên hỏi tiếp. "Ông có vay mượn tài vật của Phật, Pháp, Tăng và tài sản của người khác không?" Nếu nói không có vay mượn, nên hỏi tiếp: "Nay thân ông trong ngoài có tật bệnh gì không?" Nếu nói

không có, thì nên hỏi tiếp: "Ông có làm điều gì tội lỗi với các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni không?" Nếu nói không, thì nên hỏi tiếp: "Ông có tạo tội ngũ nghịch không?" Nếu nói không, thì nên hỏi tiếp: "Ông có lén nghe trộm pháp không?" Nếu nói không, thì nên hỏi tiếp: "Ông có phải là người hai căn hay không căn? Có phá hoại tám quan trai giới không? Có giết người phát tâm Bồ-đề không? Có trộm vật của chúng Tăng hiện tiền, nói lời hai lưỡi, lời hung dữ, đối với mẹ, chị, em, làm việc phi pháp không. Ở trong đại chúng có nói dối không?" Nếu nói không, thì nên hỏi tiếp:

Này thiện nam! Giới Ưu-bà-tắc là rất khó. Vì sao? Vì giới ấy là nền tảng cho mười giới của Sa-di, đại giới của Tỳ-kheo và của Bồ-tát cho đến quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Chí tâm thọ trì giới Ưu-bà- tắc, thì có thể được nhiều lợi ích như những giới khác, nếu có huỷ phạm giới ấy, tức là nhiều đời bị đọa vào ba đường ác chịu nhiều thống khổ, nay ông muốn được nhiều lợi ích, có chí tâm nhận lãnh không? Nếu người muốn thọ giới nói: "Con xin chí tâm thọ nhận", thì nên dạy: Giới Ưu-bà-tắc khó lắm, nếu quy y Phật rồi, thà bỏ thân mạng, quyết không quy y Trời, Thần, Quỷ vật. v. v… Nếu quy y Pháp rồi, thà bỏ thân mạng, quyết không vâng theo kinh sách ngoại đạo. Nếu quy y Tăng rồi, thà bỏ thân mạng, quyết không theo thầy tà, bạn ác. Ông có làm được như vậy, mà quy y

Tam Bảo không? Nếu nói: "Có thể được", thì nên dạy tiếp: Này thiện nam! Giới Ưu-bà-tắc rất là khó, nếu người quy y Tam Bảo rồi, thì phải bố thí sự không sợ hãi, cho tất cả chúng sanh, nếu đã có thể bố thí sự không sợ hãi, tức là người được giới Ưu-bà-tắc cho đến quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ông có làm được như vậy, mà bố thí sự không sợ hãi cho tất cả chúng sanh không? Nếu nói : " Có thể bố thí được", thì nên dạy tiếp: "Con người có năm điều trong hiện tại, không thể làm tăng trưởng thọ mạng, và của cải: Ưa giết hại. Ưa trộm cắp. Tà dâm. Nói dối. Uống rượu. Tất cả chúng sanh, do giết hại, nên đời hiện tại bị xấu xí, hung tợn, tiếng ác đồn xa, thọ mạng ngắn ngủi, tài vật hao tổn, quyến thuộc chia lìa, thánh hiền quở trách, mọi người đều không tin tưởng, kẻ khác tạo tội bị tai hoạ lây, đó là nghiệp quả xấu ác trong đời hiện tại. Khi bỏ thân mạng, sẽ bị đọa vào địa ngục chịu nhiều khổ cực, đói khát thọ mạng, xấu xí, hung tợn, tên tuổi độc ác. v. v…, đó là nghiệp quả xấu ác ở đời sau. Nếu được làm người, thì thân hình xấu xí, hung tợn, nghèo cùng, chết yểu, vì sức lực do một người xấu ác kia sẽ làm ảnh hưởng đến tất ca, năm giống dưa lúa đều bị giảm bớt, người ấy gây tai ương cho cả một thiên hạ. Nếu người ưa trộm cắp, thì thân hình cũng xấu ác, hung dữ, tên tuổi xấu xa, chết yểu, tài sản tổn giảm, bà con xa lìa, người khác mất gì đều nghi đến mình, dù ở gần

gũi với người mà không được tin cậy, thường bị Thánh Hiền quở trách, đó gọi là quả báo ở hiện tại. Sau khi xả bỏ thân mạng đọa vào địa ngục, chịu thân thể xấu xa, hung dữ, tên tuổi ghê tởm, đói khát, khổ não, thọ mạng như vậy rất lâu dài, đó là quả báo đời sau. Nếu được làm người, lại bị nghèo khổ, dù có tài vật, cũng bị đánh mất, không được cha mẹ, anh em, vợ con yêu mến, thân thường thọ khổ, tâm luôn sầu não, vì sức lực của người xấu ác ấy, dẫn đến tất cả nhân dân, dù có ăn uống, nhưng không được mạnh khoẻ tốt đẹp, do quả báo xấu ác của người ấy làm ảnh hưởng đến mọi người.

Này thiện nam! Nếu có người ưa nói dối, thì người ấy đời hiện tại, hay nói lời hung dữ, thân hình xấu xí, dù nói lời chân thật nhưng người ta vẫn không tin, mọi người đều chán ghét và không muốn thấy, đó là quả báo trong đời hiện tại. Sau khi xả bỏ thân này, sẽ đọa vào địa ngục, chịu nhiều thống khổ, đói khát khổ não, đó là quả báo ở đời sau. Nếu được làm thân người, môi miệng không đầy đủ, có nói ra điều gì dù là lời chân thật, nhưng không ai tin cậy, người thấy không thích, dù nói chánh pháp cũng không ai nghe, vì sức lực của người xấu ác này, làm ảnh hưởng đến mọi vật, tất cả sự sanh sống đều bị giảm.

Này thiện nam! Nếu có người ưa uống rượu, thì người ấy đời hiện tại, hay mất của cải, thân tâm có nhiều tật bệnh, thường ưa tranh cải, tiếng xấu đồn

xa, hao mòn trí tuệ, tâm không biết hổ thẹn, sắc mặt xấu xí, ốm yếu, thường bị mọi người quở trách, người không muốn thấy, không thể tu pháp lành, ấy gọi là ác báo hiện tiền của người uống rượu. Sau khi xả bỏ thân mạng đọa trong địa ngục, chịu đói khác. v. v… nhiều sự thống khổ, đó gọi là quả báo đời sau. Nếu được làm người thân tâm thường bị tán loạn, không thể nhất tâm chánh niệm, suy nghĩ pháp thiện, vì sức lực của người ác ấy mà ảnh hưởng đến tất cả ngoại vật nuôi sống, mọi loài đều bị hư hoại.

Này thiện nam! Nếu có người ưa tà dâm, người ấy không thể giữ gìn thân mình và thân người khác, tất cả chúng sanh thấy đều sanh nghi ngờ, những việc đã làm đều nói dối hết, trong mọi thời gian chịu mọi thống khổ, tâm thường tán loạn, không thể tu tập pháp lành, thường mất của cải, vợ con không yêu mến, chết yểu, đó là quả báo trong đời hiện tại, của sự tà dâm. Sau khi xả bỏ thân mạng rơi vào địa ngục thọ phải thân hình xấu xí, đói khát sống lâu, trong sự khổ não, đó là quả báo đời sau. Nếu làm thân người hình hài xấu xí, lời nói hung dữ, mọi người không muốn nhìn, không thể giữ gìn vợ, con trai, con gái, vì sức lực của người ác ấy dẫn đến tất cả cảnh vật không được tự tại.

Này thiện nam! Năm pháp ác này, ông nay thành thật xa lìa được chứ? Nếu trả lời được, lại nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc, có bốn việc không nên làm: Nhân duyên tham lam không nên hư vọng, nhân duyên sân hận, si mê, khiếp sợ không nên hư vọng, bốn việc ác ấy ông có thể xa lìa được chứ? Nếu nói xa lìa được, lại nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc có năm chỗ không nên đến:

Người hàng thịt. Chốn lầu xanh. Nơi quán rượu. Nhà của vua. Kẻ đê tiện. Năm chỗ như vậy ông có thể xa lìa được chứ? Nếu trả lời được, thì nên dạy tiếp: Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc có năm điều không được làm: 1. Không buôn bán sinh mạng muôn loài. 2. Không buôn bán dao gươm. 3. Không buôn bán thuốc độc. 4. Không bán rượu. 5. Không được chèn ép ức hiếp. Năm việc như vậy ông có thể xa lìa được chứ? Nếu nói được thì nên dạy tiếp: Thọ giới Ưu-bà-tắc, có ba việc không nên làm: Không nên làm ghề chài lưới. Không làm nghề thợ nhuộm. Không nên làm nghề thuộc da. Ba việc như vậy, ông có thể xa lìa được chứ? Nếu nói xa lìa được, thì nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc lại có hai việc không nên làm: Cờ bạc. Các loại đờn ca, xướng hát. Hai việc như vậy, ông có thể xa lìa được chứ? Nếu trả lời xa lìa được, lại nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc có bốn loại người không nên gần gũi: Cờ bạc. Rượu che. Dối

trá. Bán rượu. Bốn hạng người như vậy ông có thể xa lìa được chứ? Nếu trả lời xa lìa được, lại nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc có pháp buông lung không nên làm: Như khi nóng, lạnh, đói, khát, được ăn nhiều, từ sáng mai đến chiều tối, lúc buồn, lúc làm việc, lúc sắp làm việc, lúc được, lúc mất, lúc sợ, lúc mừng, lúc nạn giặc, lúc đói kém, bệnh khổ, lúc trai trẻ hay già yếu, lúc giàu, lúc nghèo, lúc thân mạng mong cầu của cải, trong những lúc ấy, không lo tu pháp lành, ông có thể xa lìa được chứ? Nếu trả lời xa lìa được, thì nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc trước phải học việc đời, khi học được rồi, đúng như pháp mà làm ra của cải. Nếu làm được của cải, nên chia ra làm bốn phần, một phần cúng dường cha mẹ, nuôi vợ con, quyến thuộc, hai phần nên như pháp làm vốn buôn bán, còn một phần giữ lại. Bốn việc như vậy ông có thể làm được chứ? Nếu trả lời làm được, thì nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Tài vật không nên gởi hay giao cho bốn chỗ: Người già. Chỗ cách xa. Người tham ác. Người có nhiều quyền thế, bốn nơi ấy ông có thể tránh được chứ? Nếu trả lời được, lại nên dạy tiếp:

Này thiện nam! Thọ giới Ưu-bà-tắc có bốn

hạng người ác nên xa lánh: . Người thích nói lỗi kẻ khác. Người thích nói điều tà kiến. Người miệng nói lời dịu dàng mà tâm độc ác. Người làm ít mà ưa nói nhiều, bốn hạng người ấy, ông có thể tránh xa được chứ? Nếu trả lời được, phải khiến cho người ấy, trong suốt sáu tháng gần gũi phụng sự bậc xuất gia có trí, người trí ấy, lại nên để tâm quán sát hành động đi, đứng, nằm, ngồi của vị thọ giới. Nếu biết người ấy, y như lời dạy mà thực hành qua sáu tháng rồi, mời hai mươi vị Tăng làm phép bạch yết ma: "Các Đại Đức Tăng xin lắng nghe, nay có người đến trước chúng Tăng xin thọ giới Ưu-bà-tắc. Suốt sáu tháng nay trang nghiêm thanh tịnh trong bốn oai nghi, chí tâm thọ trì pháp trang nghiêm thanh tịnh, người này là bậc trượng phu, đầy đủ thân nam tử, nếu chúng Tăng bằng lòng thì im lặng, nếu ai không bằng lòng thì nói. Nếu chúng Tăng bằng lòng rồi, người Thầy lại nói:

- Này thiện nam! Hãy chú ý lắng nghe, chúng Tăng đã hoà hợp và chấp nhận cho ông thọ giới Ưu-bà-tắc, giới này là cội gốc của tất cả các pháp thiện, nếu thành tựu được giới này, sẽ chứng được quả Tu-đa- hoàn, cho đến quả A-na-hàm, nếu phá giới này, thì sau khi mạng chung sẽ đọa vào ba đường ác.

Này thiện nam! Giới Ưu-bà-tắc là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì thọ giới này rồi, dù hưởng thọ năm thứ dục lạc cũng không chướng ngại quả Tu-

đà-hoàn cho đến quả A-na-hàm, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Ông vì thương các chúng sanh, mà thọ giới ấy chứ? Nếu trả lời là phải, thì bấy giờ người Thầy cho vị ấy pháp quy y Tam Bảo. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Thọ pháp Tam quy xong, gọi là Ưu- bà-tắc. Bấy giờ, người Thầy lại dạy tiếp:

- Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Đức Như Lai nói giới Ưu-bà-tắc, hoặc có một phần hoặc có nửa phần, hoặc không có phần nào, hoặc có nhiều phần, hoặc có toàn phần. Nếu Ưu-bà-tắc thọ Tam quy rồi không thọ năm giới, gọi là Ưu-bà-tắc. Nếu thọ Tam quy y rồi và giữ một giới, gọi là một phần. Thọ Tam quy y rồi, và giữ hai giới, gọi là thiểu phần, nếu thọ Tam quy y rồi và giữ hai giới, nếu phá một giới, gọi là không có phần nào, thọ Tam quy y rồi và giữ ba giới, bốn giới gọi là nhiều phần, thọ Tam quy y rồi và giữ năm giới, gọi là toàn phần. Ông nay muốn thọ Ưu-bà-tắc một phần hay Ưu-bà-tắc toàn phần? Tùy ý người muốn thọ trả lời. Bấy giờ người Thầy theo ý muốn người thọ mà trao truyền cho họ. Trao giới xong lại dạy tiếp: Ưu-bà-tắc có sáu giới trọng.

Này thiện nam! Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, dù là thiên nữ cho đến loài kiến, côn trùng cũng không nên giết. Nếu thọ giới rồi, hoặc miệng sai người khác giết hay tự mình giết, thì người ấy mất giới Ưu-bà-tắc, người ấy không được Noãn pháp,

huống là Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm, đó là Ưu-bà-tắc phá giới, Ưu-bà-tắc xấu xa, Ưu-bà-tắc hạ tiện, Ưu-bà- tắc không sạch, Ưu-bà-tắc phiền não, đó là giới trọng thứ nhất.

Ưu-bà-tắc dù vì bản thân cũng không nên trộm cắp, dù chỉ một tiền, nếu phá giới này, người ấy sẽ mất giới Ưu-bà-tắc, người ấy không được Noãn pháp huống là Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm, ấy là Ưu-bà-tắc phá giới, Ưu-bà-tắc xấu xa, Ưu-bà-tắc hạ tiện, Ưu-bà-tắc không sạch, Ưu-bà-tắc phiền não, đó gọi là giới trọng thứ hai.

Ưu-bà-tắc dù vì thân mạng cũng không nên nói dối: "Ta đã được pháp quán Bất tịnh đến A-na-hàm". Nếu phá giới này, sẽ mất giới Ưu- bà-tắc, là người không được Noãn pháp, huống là Tu-đà-hoàn đến A- na-hàm, đó là Ưu-bà-tắc phá giới, Ưu-bà-tắc xấu xa, Ưu-bà-tắc hạ tiện, Ưu-bà-tắc không sạch, Ưu-bà-tắc đầy phiền não, đó là giới trọng thứ ba.

Ưu-bà-tắc vì dù thân mạng, cũng không tà dâm, nếu phá giới này người ấy sẽ mất giới Ưu-bà-tắc, người ấy sẽ không được Noãn pháp huống là Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm, là Ưu-bà-tắc phá giới, Ưu-bà-tắc xấu xa, Ưu-bà-tắc hạ tiện, Ưu-bà-tắc không sạch, Ưu-bà-tắc đầy phiền não, đó là giới trọng thứ tư.

Ưu-bà-tắc dù vì thân mạng cũng không nói lỗi

lầm của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, ưu bà di, nếu người phá giới này sẽ mất giới Ưu-bà-tắc, người ấy không được Noãn pháp huống là Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm, là Ưu-bà-tắc phá giới, Ưu-bà-tắc xấu xa, Ưu-bà-tắc hạ tiện, Ưu-bà-tắc không sạch, Ưu-bà-tắc đầy phiền não, đó là giới trọng thứ năm.

Ưu-bà-tắc dù vì thân mạng cung không được bán rượu, nếu người phá giới này sẽ mất giới Ưu-bà-tắc, người ấy không được Noãn pháp huống là Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm, là Ưu-bà-tắc phá giới, Ưu-bà-tắc xấu xa, Ưu-bà-tắc hạ tiện, Ưu-bà-tắc không sạch, Ưu-bà-tắc đầy phiền não, đó là giới trọng thứ sáu.

Này thiện nam! Nếu thọ giới Ưu-bà-tắc như vậy, lại chí tâm giữ gìn không để khuyết phạm, thì sẽ được kết quả của giới đã nói như trên.

Này thiện nam! Giới Ưu-bà-tắc là chuỗi ngọc để trang nghiêm, là hương vi diệu xông khắp các cõi, ngăn pháp bất thiện, làm thiện luật nghi, là kho tàng quý báu vô thượng, là dòng họ cao quý, là chỗ thanh tịnh, là vị cam lồ, là chỗ sanh pháp lành. Người phát tâm là đã được lợi ích vô lượng, huống gì nhất tâm thọ trì không huỷ phạm.

Này thiện nam! Như lời Phật dạy:

- Nếu Ưu-bà-tắc thọ trì giới rồi mà không cúng dường cha mẹ, sư trưởng, thì vị Ưu-bà-tắc ấy bị tội

Thất ý, không có sám hối thì bị đọa, là việc làm không được trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ trì giới, mà còn thích uống rượu, thì vị Ưu- bà-tắc ấy bị tội Thất ý, không sám hối, thì sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà nhờm gớm không chăm sóc người bệnh, thì vị Ưu-bà-tắc ấy bị tội Thất ý, không sám hối, bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, thấy người đến xin, mà không cho nhiều ít, để họ về không, vị Ưu-bà-tắc ấy bị tội Thất ý, không sám hối thì bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, thấy các vị Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo ni, bậc trưởng lão tôn túc và những Ưu-bà-tắc. v. v… mà không đứng dậy đón chào, lễ bái, thăm hỏi, thì vị Ưu-bà-tắc ấy bị tội Thất ý, không sám hối thì bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, hoặc Ưu-bà-tắc, ưu bà di phá giới, mà khởi tâm kiêu mạn, nói: "Ta hơn những người kia, những người kia không được như ta!" Vị Ưu-bà-tắc ấy bị tội Thất ý, không sám hối thì bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, trong mỗi tháng,

không có sáu ngày để thọ trì Bát Quan Trai giới, cúng dường Tam Bảo, thì vị Ưu- bà-tắc ấy, bị tội Thất ý, không lo sám hối thì bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, trong phạm vi bốn mươi dặm, có nơi giảng pháp, mà không đến nghe, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà thọ nhận sàng toạ, ngọa cụ của Tăng thường trú, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ đọa, vì đó là việc không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, nghi trong nước có côn trùng, mà cố ý uống, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch. Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, đến những nơi hiểm nạn, không có bạn, mà cứ một mình đi, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa. Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, một mình ở lại chùa Ni, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, vì của cải, thân mạng mà đánh đập tôi tớ của người khác, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà đem thức ăn thừa cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu bà di, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối, sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà còn nuôi mèo, chồn, thì vị Ưu- bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà nuôi dưỡng voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, tất cả cầm thú mà không làm phép tịnh thí cho người chưa thọ giới, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối, sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà không dự trữ Tăng-già-lê, bình bát, tích trượng, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, vì thân mạng, cần phải làm ruộng vườn, không tìm chỗ nước trong và ruộng, cao để gieo trồng, vị Ưu-bà- tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà vì thân mạng ở chợ, phố, cân lường, buôn bán, một khi nói giá cả xong, không được nói giá thêm hay dùng cân đo lường không ngay thật, đầy đủ, nếu như có người

nào đong lường không đầy đủ, phải bảo họ đong lường thành thật, nếu không làm được như vậy, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, hành dâm không phải chỗ, không phải thời, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, khi buôn bán không chịu nạp thuế, trốn bỏ đi, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch. Nếu Ưu-bà-tắc ấy đã thọ giới rồi, bị phạm luật cấm của quốc gia, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý

, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, có lúa mới, trái cây, rau cải đầu mùa mà không đem cúng dường Tam Bảo, mà tự dùng trước, vị Ưu-bà- tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, chúng Tăng không cho phép nói pháp, khêu ngợi, mà vẫn cứ làm; vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, ra đường đi

trước Tỳ-kheo, Sa-di, vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, phân chia thức ăn cho chúng Tăng, mà thương Thầy mình, chọn thức ăn ngon và quá phần, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, mà nuôi tằm, vị Ưu-bà-tắc ấy pha- m tội Thất ý, không lo sám hối sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ giới rồi, lúc đi đường, gặp người bệnh không dừng lại chăm sóc, thăm hỏi, tìm phương tiện nhờ gởi cho người ở gần, mà bỏ đi, thì vị Ưu-bà-tắc ấy phạm tội Thất ý, không lo sám hối, sẽ bị đọa, vì đó là việc làm không trong sạch.

Này thiện nam! Nếu Ưu-bà-tắc chí tâm thọ trì giới như vậy, người ấy được gọi là Ưu-bà-tắc, như bông sen trắng quý nhất, là Ưu-bà-tắc có đức hạnh, có hương thơm vi diệu, là bông sen trong sạch trong hàng Ưu-bà-tắc, là báu vật chơn thật trong hàng Ưu-bà-tắc, là người trượng phu trong hàng Ưu-bà-tắc.

Này thiện nam! Như Phật đã dạy: Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia gọi là Tỳ-kheo, Bồ-tát tại gia gọi là Ưu-bà- tắc. Bồ-tát

xuất gia giữ gìn giới xuất gia không khó, Bồ-tát tại gia, giữ gìn giới tại gia mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 15: TỊNH GIỚI

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Có người đã thọ trì giới này, nhưng làm sao giữ gìn cho được thanh tịnh?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Có ba điều, làm cho giới này được trong sạch: Tin Phật, Pháp, Tăng. Tin sâu về nhân quả. Có tâm hiểu biết. Lại có bốn điều: 1. Tâm từ. 2. Tâm bi. 3. Không tham lam. 4. Chỗ chưa có ơn, trước phải làm ơn.

Lại có năm điều: 1. Đối với người oán thù, trước dùng điều tốt để làm lợi ích cho họ. 2. Thấy người sợ hãi, ra sức bảo vệ họ. 3. Người ăn xin đến dù họ chưa nói, trước ta phải mở lòng thương xót giúp đỡ cho họ. 4. Hễ bố thí, các nơi đều bình đẳng, không phân biệt. 5. Ban đức Từ bi cho khắp tất cả, không cần đợi chờ cho đầy đủ cơ duyên.

Lại có bốn điều: 1. Không tự xem thường mình không khả năng được quả vị Bồ-đề. 2. Khi tu tập hướng đến quả vị Bồ-đề giữ tâm bền vững. 3. Siêng năng tu tập tất cả pháp lành. 4. Làm những

công việc lớn, tâm không mỏi mệt và hối hận.

Lại có bốn điều: 1. Tự học pháp lành, sau khi học xong dạy cho người khác. 2. Tự xa lìa pháp ác và dạy người khác xa lìa pháp ác. 3. Khôn khéo phân biệt pháp lành và pháp ác. 4. Đối với tất cả các pháp, không có bám giữ và dính mắc.

Lại có bốn điều: 1. Biết các pháp Hữu vi đều không có Ta và của Ta. 2. Biết tất cả nghiệp, đều có quả báo. 3. Biết pháp Hữu vi đều là vô thường. 4. Biết từ khổ sanh vui, từ vui sanh khổ.

Lại có ba diều: 1. Đối với chúng sanh, tâm không dính mắc. 2. Bố thí niềm an vui cho chúng sanh, tâm luôn bình đẳng. 3. Việc làm đúng như lời nói. Lại có ba diều: 1. Bố thí những nhân vui cho chúng sanh.

2. Việc làm không cần trả ơn. 3. Tự quyết định, ta sẽ thành quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Lại có ba điều: 1. Vì các chúng sanh chịu nhiều khổ cực. 2. Thứ tự lãnh thọ. 3. Trong thời gian tu tập, không dừng nghỉ, dù chịu khổ cực, tâm không hối hận.

Lại có ba điều: 1. Chưa trừ được tâm tham ái, mà có thể xả được những đều yêu thích cho người khác. 2. Chưa trừ được lòng giận dữ, nhưng nếu có người đem điều ác ép cho mình, mà vẫn có thể nhẫn chịu được. 3. Chưa trừ được tâm si mê, mà có thể phân biệt được pháp thiện ác.

Lại có ba điều: 1. Khéo biết phương tiện, dạy bảo chúng sanh xa lìa pháp ác. 2. Khéo biết phương tiện, dạy bảo chúng sanh tu tập pháp thiện. 3. Lúc giáo hoá chúng sanh, tâm không mỏi mệt và hối tiếc.

Lại có ba điều: 1. Vì muốn chúng sanh lúc lìa thân đau khổ, đối với thân mạng, tâm không tham tiếc. 2. Vì muốn chúng sanh lúc lìa tâm đau khổ, đối với thân mạng, tâm không tham tiếc. 3. Lúc giáo hoá chúng sanh tu tập pháp lành, đối với thân mạng, tâm không tham tiếc.

Lại có ba điều: 1. Tự bỏ việc mình, trước kinh doanh việc cho người. 2. Lúc kinh doanh việc của người, không được lựa chọn thời tiết.

3. Chẳng bao giờ lo sự cực khổ bức não.

Lại có ba điều: 1. Tâm không ganh ghét. 2. Thấy người khác hưởng an, vui tâm sanh vui mừng. 3. Tâm luôn luôn hướng thiện liên tục không cho gián đoạn.

Lại có ba điều: 1. Thấy người khác có ít tâm thiện, mình luôn ghi nhớ. 2. Người khác giúp đỡ dù chút ít, vẫn lo suy nghĩ báo đáp nhiều.

3. Trong vô lượng kiếp, chịu nhiều khổ cực, tâm vẫn bền vững, không thối chuyển.

Lại có ba điều: 1. Biết rõ sanh tử có nhiều tội lỗi, là do không xả bỏ tất cả nghiệp ác. 2. Thấy các chúng sanh không có người quy y, làm lễ quy y

cho họ. 3. Thấy các chúng sanh hung dữ, thì sanh tâm thương xót, không khiển trách, không chấp lỗi lầm của họ.

Lại có ba điều: 1. Thân cận bạn lành. 2. Nghe pháp không nhàm chán. 3. Chí tâm học hỏi lời dạy của thiện tri thức.

Lại có chín pháp: Xa lìa ba pháp, ba thời không hối hận, bình đẳng bố thí cho ba hạng chúng sanh.

Lại có bốn pháp: Nghĩa là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu dùng các pháp thanh tịnh như trên, để thanh lọc thân tâm, cần phải hai thời: Lúc Phật xuất hiện giữa đời. Lúc Duyên-giác ra đời.

Này thiện nam! Chúng sanh tu tập pháp lành có ba điều phát sanh:

1. Nhờ nghe mà sanh. 2. Nhờ suy nghĩ mà sanh. 3. Nhờ tu tập mà sanh. Hai điều nghe và suy nghĩ, thì ở trong hai thời, còn do tu tập mà sanh, thì không hạn định trong hai thời.

Này thiên nam tử! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, làm thanh tịnh giới như vậy không khó; ngược lại, Bồ-tát tại gia hành thanh tịnh giới như vậy mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 16: TRỪ CÁC ĐIỀU ÁC

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát đã thọ giới Ưu-bà-tắc, nếu có các điều ác trong hay ngoài, và các nhân duyên bất tịnh, làm sao xa lìa được?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Bồ-tát nếu có các điều ác trong hay ngoài và nhân duyên bất tịnh, thì tâm người ấy, nên tu tập niệm Phật, nếu người chí tâm tu tập niệm Phật, thì sẽ xa lìa được trong hay ngoài các điều ác và nhân duyên bất tịnh, làm tăng trưởng Bi, Tuệ

- Bạch đức Thế Tôn! Phải tu tập bằng cách nào? Phật dạy:

- Này thiện nam! Nên quán đức Như Lai có bảy điều thù thắng: 1. Thân thể thù thắng. 2. Sống đúng như chánh pháp thù thắng. 3. Trí tuệ thù thắng. 4. Cụ túc thù thắng. 5. Hành xứ thù thắng. 6. Không thể nghĩ bàn thù thắng. 7. Giải thoát thù thắng. Thế nào là thân thể thù thắng? Thân của đức Như Lai được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, sức mạnh ở mỗi một lóng tay, địch với sức mạnh của cả vạn tám ngàn con Hương tượng Y-la-bát-na, chúng sanh ưa nhìn, không nhàm chán, ấy là thân thù thắng. Thế nào là sống đúng như chánh pháp thù thắng? Đức Như Lai đã tự được lợi ích, lại còn thương xót, cứu giúp, làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, ấy gọi là sống như chánh pháp thù thắng. Thế nào là trí tuệ thù thắng? Đức Như

Lai có bốn vô ngại trí, các bậc Thanh-văn, Duyên-giác không thể sánh kịp, ấy là trí tuệ thù thắng. Thế nào là cụ túc thù thắng? Đức Như Lai đầy đủ công hạnh, thọ mạng, trì giới và tri kiến, đó là cụ túc thù thắng. Thế nào là hành xứ thù thắng? Đức Như Lai tu tập ba Tam muội, chín thứ thiền định, Thanh-văn, Duyên-giác không thể sánh kịp, đó là hành xứ thù thắng. Thế nào là không thể nghĩ bàn thù thắng? Đức Như Lai có sáu thứ thần thông thù thắng, Thanh-văn, Duyên-giác không thể sánh kịp. Đức Như Lai có mười lực, bốn điều không sợ, đại từ, ba niệm xứ, đó là không thể nghĩ bàn thù thắng. Thế nào là giải thoát thù thắng? Đức Như Lai đầy đủ hai thứ giải thoát thù thắng, trừ được chướng trí tuệ và chướng phiền não, đoạn trừ vĩnh viễn tất cả tập khí phiền não, trí duyên nơi hai cảnh đều được tự tại, đó gọi là giải thoát thù thắng. Do đó trong Khế kinh, Tôn giả Xá Lợi Phất đã khen ngợi đức Như Lai đầy đủ bảy pháp thù thắng. Đức Như Lai soi xét từ bất tịnh cho đến quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hay từ địa trang nghiêm cho đến địa giải thoát, cao hơn đối với hàng Thanh-văn, Duyên-giác; do vậy, đức Như Lai được gọi là đấng Vô thượng Chí Tôn. Đức Như Lai tu pháp Tam muội không, Tam muội diệt tận định, Tứ thiền, quán Từ bi và mười hai nhân duyên, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Đức Như Lai nói, không có hai lời, nên gọi là Như Lai. Như thuở xưa, Phật từ địa

Trang nghiêm xuất sanh được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, nên gọi là Như Lai. Đầy đủ chánh pháp vi diệu, nên gọi là đại A-la-hán, có thể thọ tất cả sự cúng dường của trời người, nên gọi là A-la-hán. Biết rõ chân đế và tục đế, nên gọi là Chánh biến tri, tu tập, giữ gìn tịnh giới, đầy đủ ba minh, nên gọi là Minh hành túc. Không còn sinh trong ba cõi, nên gọi là Thiện thệ. Biết rõ hai thế giới, đó là thế giới chúng sanh và thế giới quốc độ, nên gọi là Thế gian giải. Khéo biết các phương tiện, để điều phục chúng sanh, nên gọi là Điều ngự trượng phu. Có thể khiến cho chúng sanh không khởi tâm khiếp sợ, dùng các phương tiện giáo hoá chúng sanh xa lìa khổ đến an vui, nên gọi là Thiên nhân sư. Biết tất cả các pháp và tất cả các hành, nên gọi là Phật. Có thể phá trừ bốn ma, nên gọi là Thế Tôn. Hoặc quán Như Lai, tu hành Giới- Định- Tuệ là vì lợi ích chúng sanh, ở trong nhiều đời, với kẻ oán người thân, đều xem bình đẳng, không sai khác, đoạn trừ sạch tất cả vô lượng phiền não, biết rõ mỗi một chúng sanh là mỗi một phiền não, trong nhiều đời chịu nhiều khổ cực. Đức Như Lai luôn vì chúng sanh, nên đối với điều khó bố thí đều có thể bố thí, điều khó nhẫn nhịn nhẫn nhịn được. Phật có hai thứ thanh tịnh: Tu hành trang nghiêm thanh tịnh và Phước báo thanh tịnh. Nhờ uy lực của hai nhân duyên thanh tịnh này, nên từ khi mới tu mười pháp lành và mười Ba-la-mật, về sau chứng quả

mười lực và mười hiệu, không có hàng Trời Người nào có thể nói lỗi lầm của Ngài được! Đức Như Lai đầy đủ tám vạn âm thanh, chúng sanh nghe được đều không nhàm chán, do nhân duyên như vậy, nên đức Như Lai vượt hơn tất cả hàng Thanh-văn, Duyên-giác.

Này thiện nam! Nếu người thọ trì giới Ưu-bà-tắc, muốn giới được thanh tịnh, thì nên như thế mà tu niệm Phật. Nếu tu niệm Phật, thì người ấy được xa lìa các điều ác trong hay ngoài, các nhân và duyên không thanh tịnh, tăng trưởng Từ bi, Trí tuệ, đoạn trừ tham, sân, si thành tựu được tất cả các thiện pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tai gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, tâm tu niệm Phật thì không khó, còn Bồ-tát tại gia tu tập như vậy Phật mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 17: CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát đã thọ giới Ưu-bà-tắc rồi, làm thế nào cúng dường Tam Bảo?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Phước điền ở thế gian có ba hạng: 1. Là ruộng Báo ân. 2. Là ruộng Công đức. 3. Là ruộng Bần cùng. Ruộng Báo ân, nghĩa là cha mẹ, sư trưởng, Hoà thượng. Ruộng Công đức,

nghĩa là từ khi tu được Noãn pháp cho đến khi được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Ruộng bần cùng nghĩa là tất cả người cùng khổ. Đức Như lai có hai phước điền: Ruộng Báo ân và Ruộng Công đức, Pháp cũng như thế, còn chúng Tăng có ba phước điền: Ruộng Báo ân, Ruộng Công đức, và Ruộng Bần cùng. Vì nhân duyên ấy, nên Bồ-tát đã thọ giới rồi, phải chí tâm siêng năng cúng dường Tam Bảo.

Này thiện nam! Đức Như lai là kho tàng của tất cả các pháp, do vậy, người trí phải chí tâm chuyên cần, cúng dường các đức Phật hiện còn tại thế, hay đã diệt độ và cả hình tượng nơi tháp, chùa. Nếu ở nơi đồng trống, không có tháp tượng, thì phải chuyên tâm niệm Phật, tôn trọng, khen ngợi, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, lúc thấy người khác làm khởi vui mừng, như mình có uy lực, cần phải dạy bảo mọi người cùng chung làm. Đã cúng dường rồi, đối với tự thân không còn khinh rẽ, đối với Tam Bảo cũng như vậy. Hễ có cúng dường, không nên sai người khác làm, cũng không vì cúng dường mà cho là hơn người. Trong khi cúng dường không hối hận, sầu não, phải chấp tay cung kính, khen ngợi, tôn trọng, dù dùng một tiền cho đến nhiều tài vật quí báu, hoặc dùng khăn tay cho đến nhiều khăn tay, hoặc dùng một cành hoa cho đến nhiều cành hoa, hoặc dùng một nén hương, cho đến nhiều nén hương, hoặc dùng một

bài kệ khen ngợi, cho đến nhiều bài kệ khen ngợi, hoặc dùng một lạy, cho đến nhiều lạy, hoặc đi nhiễu một vòng, cho đến nhiều vòng, hoặc một thời, cho đến nhiều thời, hoặc tự mình làm hay chung với nhiều người khác làm. . . để cúng dường.

Này thiện nam! Nếu ai có khả năng như vậy, chí tâm cúng dường Phật, Pháp, Tăng, nếu như Ta còn tại thế và sau khi Ta Niết Bàn, cũng không có gì sai khác. Lúc gặp tháp, chùa, nên dùng vàng bạc, đồng, thiếc, dây chuyền, cờ phướn, lọng báu, âm nhạc, hương thơm, đèn dầu dâng lên cúng dường. Nếu gặp tháp, chùa, mà chim, thú đạp sứt mẻ, thì phải tu sửa, quét dọn sạch sẽ. Nếu có gió lớn hay nước, lửa làm hư hoại cũng nên tự sửa lại. Nếu một mình không đủ sức thì nên khuyên nhiều người khác cùng làm, hoặc dùng vàng, bạc, đồng, sắt, đất, cây để sửa chữa. Hoặc bị bụi đất bám lâu, thì phải rưới quét, lau chùi. Nếu quá nhơ bẩn, phải dùng nước thơm tẩy rửa. Nếu có làm tháp và làm tượng bằng vật báu, thì sau khi làm xong, dùng cờ phướn, lọng báu, hương hoa dâng cúng. Nếu không có báu vật, tự mình không thể làm được, thì lấy gỗ, đất mà tạo thành, khi đã xong rồi, cũng dùng cờ phướn, lọng báu, hương hoa, âm nhạc. v. v… mà cúng dường. Nếu trong tháp có cỏ cây, dơ bẩn, thấy chim thú, chết hay hoa héo rụng xuống hôi thối, rắn, chuột làm hang, ổ. v. v… phải hốt đi, ban lấp, nếu có tượng đồng, tượng gỗ, tượng đá, tượng đất

sét, tượng vàng, tượng bạc, tượng lưu ly, tượng pha lê. v. v… thì phải lau chùi, sửa sang, tùy sức, dùng hương thơm xoa, ướp và cũng tùy sức tạo các chuỗi ngọc, chỉ ít cũng giông giống như tháp của vua Chuyển luân thánh vương. Trong Tinh xá, thì nên dùng hương thơm mà tô đắp, hoặc dùng đất mà làm tượng, tháp, rồi dùng lưu ly, pha lê, châu ngọc, vàng xuyến, gấm lụa, linh, khánh, dây cườm mà cúng dường. Lúc tô vẽ hình tượng, không được dùng A dao, sữa, trứng gà, nên dùng nhiều loại hoa xâu lại, hoa rời, dây lụa tốt đẹp, gương sáng, hương bột, hương xoa, hương rời, hương đốt và trổi lên các thứ âm nhạc, ca múa để cúng dường, ngày đêm cũng như vậy. Không như ngoại đạo chỉ đốt tô lạc, đại mạch, để cúng dường. Không bao giờ dùng Tô lạc xoa vào tháp vào hình, tượng, cũng không nên dùng sữa mà rửa, không nên tạo hình tượng Phật thân, có một nửa, nếu có hình tượng nào không đầy đủ, phải bảo người tu sửa lại, sau khi đã hoàn thành rồi mới thỉnh ra, thấy hình tượng bị hư hoại, nên chí tâm cúng dường, cung kính cũng như đối với tượng tốt đẹp. Cúng dường như vậy, phải đích thân làm, nếu tự mình không có khả năng, nên nhờ người khác làm, khuyên mọi người giúp đỡ.

Nếu có người dùng báu vật trong bốn châu thiên hạ, cúng dường Như Lai, cũng có người chỉ đem đủ mỗi công đức, tôn trọng, khen ngợi, chí tâm cung kính, thì phước đức hai người như nhau,

nghĩa là thân và tâm của đức Như Lai đều đầy đủ. Thân thì có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và đầy đủ đại lực. Tâm thì có mười lực, bốn điều không sợ, đại bi, ba niệm, năm trí tam muội, ba thứ pháp môn, mười một thứ không quán, mười hai duyên trí, vô lượng thiền định, đầy đủ bảy trí và có thể vượt đến bờ của sáu Ba-la-mật. Nếu có người dùng những pháp như vậy, khen ngợi Phật, thì người ấy gọi là bậc chân chánh cúng dường Phật.

Thế nào là cúng dường Pháp?

Này thiện nam! Nếu thường cúng dường mười hai bộ kinh, là cúng dường pháp. Thế nào là cúng dường mười hai bộ kinh? Nếu chí tâm cung kính, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, đúng như lời nói mà thực hành, đã tự mình làm lại khuyên người khác làm, đó gọi là cúng dường mười hai bộ kinh. Nếu có thể biên chép mười hai bộ kinh, đã biên chép, rồi lại dùng nhiều thứ cúng dường, như cúng dường Phật, (chỉ trừ tắm rửa). Nếu có người thọ trì, đọc tụng kinh điển như vậy, đó là cúng dường Pháp. Lúc cúng dường Pháp cũng như cúng dường Phật, hoặc có Pháp là có căn tánh Bồ-tát, Duyên-giác, ba căn, ba đế, nếu tin như vậy, gọi là cúng dường Pháp. Nếu có người cúng dường bậc phát tâm Bồ-đề, thọ trì giới cấm và những người xuất gia hướng đến quả Tu-đà-hoàn cho tới quả A-la-hán, đó gọi là cúng dường Tăng. Nếu có người có

thể cúng dường Tam Bảo, thì nên biết, người ấy trọn không xa lìa mười phương Như Lai, thường cùng chư Phật trong các hành động đi, đứng, nằm, ngồi.

Này thiện nam! Nếu có người nói dù nhiều hay ít, về sự cúng dường ba phước điền trên, thì biết người này, trong vô lượng kiếp đã hưởng nhiều lợi ích.

Này thiện nam tử! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, xuất gia. Bồ-tát xuất gia, cúng dường Tam Bảo không lấy làm khó, còn Bồ-tát tại gia cúng dường Tam Bảo mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

-oOo-

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 4

Phẩm 18: SÁU BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Như Ngài đã dạy, cúng dường sáu phương là sáu Ba-la-mật. Người cúng dường sáu phương như vậy, sẽ tăng trưởng tài vật và tuổi thọ, người như vậy, có những hành tướng gì?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Nếu không tham tiếc tất cả tài vật, thường làm lợi ích cho tất cả mọi người, thường nhớ đến việc bố thí và ưa thực hành bố thí, có bao nhiêu đem ra bố thí bấy nhiêu, không luận nhiều hay ít. Trong lúc thực hành bố thí, đối với thân mạng, tài vật không nên khinh thường, phải thanh tịnh bố thí không lựa chọn người giữ giới hay phá giới, khen ngợi pháp bố thí, thì thấy người thực hành bố thí vui mừng không ganh ghét, thấy người ăn xin đến khởi tâm vui mừng đứng dậy, đón tiếp lễ phép, lấy ghế mời ngồi, người kia có thưa hỏi hay không thưa hỏi cũng liền khen ngợi phước

báo của sự bố thí, thấy người khiếp sợ, thì bảo hộ cho họ. Ở những nơi đói khát, thì nên bố thí thực phẩm ăn uống. Làm việc bố thí, không mong cầu phước báo, bố thí không mong cầu trả ơn, không gạt chúng sanh, luôn khen ngợi công đức Tam Bảo, không nên dùng cân già non, hoặc trộn những vật rẻ tiền để dối gạt người, không ưa uống rượu, cờ bạc và tham dục, thường tu đức hổ thẹn, dù có giàu sang tâm cũng không buông lung, thường làm việc bố thí không khởi tâm kiêu mạn.

Này thiện nam! Người có những đức tính như vậy, nên biết, người này có thể cúng dường, Bố thí Ba-la-mật.

Này thiện nam! Nếu có người thanh tịnh được thân, khẩu và ý, thường tu tâm dịu dàng, không làm tội lỗi, giả sử có tạo tội lỗi thường sanh hổ thẹn, hối lỗi tin tạo nghiệp sẽ bị quả báo, tu tập việc lành tâm sanh vui mừng, đối với tội nhỏ cho là rất lớn, giả sử đã lỡ làm, thì khiếp sợ lo buồn, hối hận, không bao giờ đánh chửi, giận dữ, hại các chúng sanh, trước phải nắm biết ý người, sau mới nói lời dịu dàng, thấy chúng sanh tâm luôn thương mến, biết ơn trả ơn, tâm không bỏn xẻn, không dối gạt chúng sanh, làm ra tài vật đúng như chánh pháp và ưa làm phước đức, công đức tạo ra thường đem giáo hoá người, thấy người nghèo khổ đích thân chịu thế, thường tu tâm từ, thương mến tất cả, thấy người làm ác, thường tìm cách ngăn cản, thấy

người làm lành, thì khen ngợi công đức và nói về phước quả, hoặc dùng thân lực đến chỗ người buôn bán, kinh doanh mà phụ giúp, thân thà mất tự tại để người khác được tự tại, thường xa lìa tâm giận dữ, hoặc có lúc vừa khởi lên, liền biết và hổ thẹn! Lời nói luôn chân thật và dịu dàng, tránh xa lời nói hai lưỡi và lời nói không có ý nghĩa.

Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết, người ấy có thể cúng dường Giới Ba-la-mật.

Này thiện nam! Có người thực hành thanh tịnh thân, khẩu và ý, giả sử chúng sanh đem điều ác đến vu khống, quyết không khởi một niệm giận dữ và quyết không dùng điều ác để trả thù. Nếu người ấy đến xin lỗi, liền hoan hỷ và tha thứ. Lúc nhìn ngắm chúng sanh, tâm thường vui mừng, thấy người làm ác, sanh tâm thương xót, khen ngợi kết quả của sự nhẫn nhục, thường hay quở trách về sự giận dữ; giảng nói về quả báo của sự giận dữ là có nhiều khổ đau, độc ác, lúc tu bố thí phải nhẫn chịu, trước hết là đối với oan gia, phải quán sát họ chỉ là năm ấm và do các duyên hoà hợp mà tạo thành, tại sao ta lại giận dữ? Quán sát về sự giận dữ, chính là nhân duyên chịu khổ trong nhiều đời sau, nếu tâm lỡ phát khởi giận dữ, thì liền ăn năn, lo sợ, hối hận, thấy người khác nhẫn nhục hơn mình, không sanh tâm ganh ghét.

Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy,

nên biết, người này có thể cúng dường Nhẫn Ba-la- mật.

Này thiện nam! Nếu có người không biếng nhác, không thọ hưởng, không tham, không ưa thích các cảnh vui như ngồi, nằm. Khi làm công đức, thì một việc lớn, cũng như một việc nhỏ, hễ làm là quyết làm cho xong. Trong lúc làm việc không để ý đến sự đói khát, nóng lạnh, đúng thời hay không đúng thời, không xem thường mình, việc lớn chưa xong, không khởi tâm ăn năn. Lúc làm xong rồi, tự mừng là có thể làm hoàn thành, khen ngợi tinh tấn có nhiều phước báo, đúng như chánh pháp làm ra của cải, trong lúc đem dùng phải sao cho hợp đạo lí, thấy người tinh tấn theo lối tà ngụy, khéo nói quả báo hung dữ cho họ, khéo dạy chúng sanh tu hạnh tinh tấn, việc làm chưa xong, giữa chừng không ngừng nghỉ, khi tu pháp lành, không nghe lời người khác. Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết, người này có thể cúng dường Tinh tấn Ba-la-mật.

Này thiện nam! Nếu người có thể thanh tịnh thân, khẩu, ý thích nơi yên vắng hoặc hang sâu, rừng núi hay nhà trống vắng, không thích ngồi nơi đông người, ồn ào và tham đắm ngọa cụ, không thích nghe chuyện của thế gian, không thích tham lam, sân hận, si mê, trước khi muốn nói gì phải dùng lời dịu dàng, thường ưa xuất gia, giáo hoá chúng sanh, có ít phiền não, lại xa lìa tư tưởng ác,

thấy kẻ oán thù tu đức từ tâm, ưa nói phước báo của sự thiền định, tâm nếu buông lung loạn động, liền lo sợ hổ thẹn, ăn năn; thấy người tu định tà ngụy chỉ ra tội lỗi việc làm của họ; khéo dạy chúng sanh để đưa họ vào trong chánh định. Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết người này có thể cúng dường Thiền định Ba-la-mật.

Này thiện nam! Nếu có người thanh tịnh được thân, khẩu, ý, học hết tất cả các việc thế gian, đối với tham, sân, si tâm không đắm chấp, không cuồng loạn, thương các chúng sanh, thường cúng dường cha mẹ, Sư trưởng, Hoà thượng, Trưởng lão và các bậc tôn túc có đức hạnh, tu pháp không buông lung, trước khi nói gì đều dùng lời dịu dàng, không dối gạt chúng sanh, có thể phân biệt được chánh đạo, tà đạo và khéo biết rõ quả báo thiện ác, thường thích nơi thanh vắng, xuất gia tu đạo, thường đem việc đời, để dạy bảo chúng sanh, thấy người học giỏi hơn mình, không khởi tâm ganh ghét, mình có hơn người khác cũng không khởi tâm kiêu mạn, chịu khổ không buồn, hưởng vui không mừng.

Này thiện nam! Người có đức tướng như vậy, nên biết người này có thể cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam! Trong mỗi phương đều có bốn điều:

Phương Bố thí có bốn: 1. Là điều phục chúng sanh. 2. Là xa lìa đối ngại . 3. Là lợi mình. 4. Là lợi người. Nếu người nào, đối với tài vật, không sanh lòng tham tiếc, cũng không phân biệt kẻ oán người thân, đúng thời hay không đúng thời, thì người ấy, có thể điều phục được chúng sanh. Nhờ đối với tài vật không có tham tiếc, cho nên có thể thực hành bố thí, vì thế lìa được tâm ác bỏn xẻn, trong khi bố thí và sau khi bố thí đều vui mừng, không hối hận, do đó, đời sau hưởng thọ cảnh an vui của cõi Trời, Người và cảnh càng an vui vi diệu hơn nữa, ấy gọi là tự lợi. Nếu có thể khiến cho người khác xa lìa đói khát, khổ sở, ấy gọi là lợi tha.

Phương Trì giới có bốn: 1. Trang nghiêm Bồ-đề, 2. Lìa đối ngại, 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, là giới Ưu-bà-tắc, đến giới Bồ-tát có thể làm nền móng cho sơ địa đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó gọi là trang nghiêm. Đã thọ giới rồi, lại được xa lìa giới ác và không giới, đó là xa lìa đối ngại. Đã thọ trì giới rồi, thì được sự cảnh an vui Trời, Người và lại được đến cảnh an vui vi diệu hơn nữa, đó là tự lợi. Đã thọ giới rồi, thì làm cho chúng sanh không sợ hãi, khiến cho chúng sanh đều xa lìa tất cả đau khổ, được vui, đó là lợi tha.

Phương Nhẫn nhục có bốn: 1. Trang nghiêm Bồ-đề. 2. Lìa sự đối ngại. 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề là: Nhờ nhẫn nhục được, tu

pháp lành, nhờ tu pháp lành nên được từ sơ địa cho đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm. Đã tu Nhẫn rồi, thì xa lìa giận dữ, đó là xa lìa đối ngại. Nhờ nhân duyên nhẫn nhục mà hưởng được cảnh an vui cõi trời, người và còn được an vui cao hơn nữa, đó là tự lợi. Nhờ nhân duyên nhẫn nhục, nên mọi người sanh tâm vui mừng, tâm lành, tâm điều phục, đó gọi là lợi tha.

Phương Tinh tấn có bốn điều: 1. Trang nghiêm Bồ-đề. 2. Xa lìa đối ngại. 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, nghĩa là nhờ nhân duyên tinh tấn, nên được tu pháp lành, nhờ tu pháp lành, mà được sơ địa cho đến quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm Bồ-đề. Khi tu pháp lành, thì xa lìa được biếng nhác, đó là lìa đối ngại. Nhờ tu pháp lành, nên được hưởng cảnh an vui Trời, Người và còn an vui cao hơn nữa, đó là tự lợi. Dạy bảo chúng sanh, xa lìa pháp ác, đó là lợi tha.

Phương Thiền định cũng có bốn: 1. Trang nghiêm Bồ-đề. 2. Lìa sự đối ngại. 3. Tự lợi. 4. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, nghĩa là nhờ tu Thiền định như vậy, nên được từ sơ địa cho đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm. Do thiền định, mà tu được nhiều pháp lành, xa lìa được nhẫn suy nghĩ xấu ác, đó là lìa sự đối ngại. Nhờ nhân duyên tu thiền định, thường ưa nơi thanh vắng mà được hưởng cảnh an vui cõi trời, người và

cao hơn nữa, đó là tự lợi. Đoạn trừ tham, sân, si của các chúng sanh, đó là lợi tha.

Phương Trí tuệ có bốn: Trang nghiêm Bồ đề. Lìa sự đối ngại. Tự lợi. Lợi tha. Trang nghiêm Bồ-đề, nhờ tu trí tuệ mà được sơ địa cho đến Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đó là trang nghiêm Bồ-đề. Do tu Trí tuệ nên xa lìa vô minh, khiến các phiền não không được lan rộng, đó là xa lìa đối ngại. Trừ được phiền não chướng và sở tri chướng, đó là tự lợi. Dạy bảo chúng sanh, khiến được điều phục, đó là lợi tha.

Này thiện nam! Hoặc có thuyết nói; Lìa giới không nhẫn nhục, lìa trí tuệ không thiền định, cho nên chỉ nói có bốn Ba-la-mật; nghĩa là nếu nhẫn nhịn người hung dữ, không đáp trả, tức là Giới; hoặc tu thiền định, tâm không buông lung, tức là trí tuệ. Vì thế, giới tức là nhẫn, tuệ tức là Định, lìa Tuệ không có Định, lìa Định không có tuệ, vì thế Tuệ tức là Định, Định tức là Tuệ, lìa Giới không có Tinh tấn, lìa Tinh tấn không có Giới, vì thế Giới tức là Tinh tấn, Tinh tấn tức là Giới. Lìa Bố thí không có Tinh tấn, lìa Tinh tấn không có Bố thí, vì thế Bố thí tức là Tinh tấn, Tinh tấn tức là bố thí, cho nên không có sáu Ba-la-mật. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Trí Bát nhã là nhân, Bố thí là quả, Tinh tấn là nhân, trì giới là quả, thiền định là nhân, nhẫn nhục là quả, mà nhân với quả không được làm một, nên phải có sáu Ba-la-mật. Nếu có thuyết nói:

Giới tức là Nhẫn, Nhẫn tức là Giới. . . nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì Giới là từ người khác mà lãnh thọ, còn Nhẫn thì không phải như vậy, có người không thọ Giới mà nhẫn nhịn được điều ác, vì mọi người tu tập pháp lành, nhẫn nhịn vô số khổ não, nhiều đời thay thế chúng sanh chịu nhiều khổ não, tâm không hối hận, thối lui, cho nên lìa Giới, nhưng lại có Nhẫn nhục.

Này thiện nam! Tam muội tức là Thiền định, Trí tuệ tức là Quán, Thiền định là duyên vào một cảnh, không loạn động, quán là hay phân biệt, vì thế, trong mười hai bộ kinh, Như Lai nói Định khác với Tuệ. Nên biết, chắc chắn có sáu Ba-la-mật. Như Lai, sở dĩ đầu tiên nói Bố thí Ba-la-mật, vì để điều phục chúng sanh. Do lúc bố thí, phải lìa tâm tham, cho nên thứ đến mới nói Giới Ba-la-mật. Lúc bố thí tâm có thể Nhẫn, Xả, Ly. Do vậy, tiếp đến nói Nhẫn Ba-la-mật, vì lúc bố thí tâm an vui, không quán đến thời tiết, vì thế, kế tiếp nói Tinh tấn Ba-la-mật, lúc bố thí tâm chuyên nhất, không có loạn tưởng, nên tiếp sau đó nói Định Ba-la-mật. Vì lúc Bố thí không vì thọ nhận vui sanh tử; cho nên, kế tiếp nói trí Tuệ Ba-la-mật.

Này thiện nam! Thế nào gọi là Ba-la-mật? Lúc bố thí không mong cầu phước báo trong hay ngoài thân, không quán phước điền hay không phước điền, bố thí tất cả tài vật, tâm không bỏn xẻn, không lựa thời tiết, cho nên gọi là Bố thí Ba-la-

mật. Cho đến một tội nhỏ, dù có vì thân mạng cũng không huỷ phạm, do vậy gọi là Giới Ba-la-mật. Cho đến người ác đâm cắt thân thể, mà vẫn an nhiên, không giận dữ, nên gọi là Nhẫn ba-la-mật. Trong suốt ba tháng, dùng một bài kệ, khen ngợi đức Phật không có dừng nghỉ, gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Được đầy đủ tam muội Kim cang, gọi là Thiền định ba-la-mật. Này thiện nam! Khi được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, thành tựu đầy đủ sáu Ba-la-mật, nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, có thể thanh tịnh sáu Ba-la-mật không lấy làm khó, Bồ-tát tại gia, thanh tịnh sáu Ba-la-mật mới thật là khó. Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 19: BỐ THÍ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Bồ-tát đã tu sáu Ba-la-mật, vì chúng sanh có thể làm những việc gì?

- Này thiện nam! Nếu Bồ-tát đã tu như vậy, thì hãy cứu vớt chúng sanh đang chìm đắm trong biển khổ sanh tử.

Này thiện nam! Nếu có người, đối với tài vật và các thực phẩm ăn uống khởi lòng bỏn xẻn, thì nên biết người này, trong vô lượng kiếp đã bị quả

báo ngu si, nghèo khổ, do vậy, Bồ-tát lúc mới tu hạnh Bố thí Ba-la-mật cần làm lợi ích cho mình và cho người.

Này thiện nam! Nếu người ưa bố thí, thì đối với tất cả kẻ oán thù đều phải xem như người thân, người không được tự tại đều làm cho tự tại, tin vào nhân quả của sự bố thí, tin vào nhân quả của sự trì giới, thì người ấy mới được phước quả của sự bố thí.

Này thiện nam! Có người nói Bố thí tức là ý. Vì sao? Vì ý, tức là căn bản của bố thí, nghĩa này không đúng! Vì bố thí tức do năm ấm, do thân, khẩu, ý đầy đủ mà bố thí. Bố thí nếu vì tự lợi và lợi tha, hay chỉ lợi tha thì cũng phải đầy đủ năm ấm, bố thí như vậy có thể trang nghiêm đạo Bồ-đề, xa lìa phiền não, được nhiều của cải, đó gọi là kết quả chánh đáng của sự bố thí. Sống lâu, xinh đẹp, mạnh khỏe, an vui, có biện tài, gọi là kết quả phụ của sự bố thí. Phước quả của sự bố thí có khi vì tài vật bố thí thù thắng, nên phước quả thù thắng, cũng có khi phước điền thù thắng, nên được phước quả thù thắng, hoặc có khi thí chủ thù thắng, nên được quả thù thắng. Tu hành hướng đến quả Tu-đà- hoàn, đến thân cuối cùng là Bồ-tát, cho đến thành Phật, gọi là phước điền thù thắng, bố thí cho người phước điền như vậy, nên được quả báo thù thắng. Nếu có người bố thí tài vật đầy đủ sắc, hương, vị, xúc quí nhất, ấy là tài vật thù thắng, nhờ bố thí tài

vật thù thắng nên được phước quả thù thắng. Nếu có thí chủ tín tâm thuần thục, với sự bố thí, giữ giới, nghe nhiều, trí tuệ thì được phước báo thù thắng.

Này thiện nam! Người có trí bố thí có năm hạng: Chí tâm bố thí. Tự tay đưa vật bố thí. Tín tâm bố thí. Theo thời tiết bố thí. Đúng như pháp làm ra tài vật bố thí.

Này thiện nam! Người có chí tâm bố thí được kết quả gì? Nếu người chí tâm bố thí sẽ được nhiều của cải quý, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, ngọc báu, san hô, voi, ngựa, bò, dê, ruộng vườn, nhà cửa, nô tỳ và nhiều người thân thuộc, người chí tâm bố thí, được phước như vậy. Người tự tay đưa vật bố thí được kết quả gì? Người chính tay mình trao vật bố thí cho người được phước báo cũng như trên. Người tín tâm bố thí, được kết quả gì? Người tín tâm bố thí sẽ được phước báo cũng như ở trên, thường được cha mẹ, anh em, thân thuộc, tất cả chúng sanh yêu mến, người tín tâm bố thí được phước báo như vậy. Người theo thời tiết bố thí cũng được phước báo gì? Người theo thời tiết bố thí cũng như trên và những tài vật cần dùng cứ theo thời mà có được, người theo thời tiết bố thí gồm phước báo như vậy. Người đúng như pháp bố thí, thì được kết quả gì? Người đúng như pháp bố thí , được phước báo, cũng như nói ở trên, nhưng khi được tài vật rồi, không bị vua quan, giặc cướp,

nước lửa cướp đoạt.

Nếu có người dùng màu sắc tốt đẹp bố thí, nhờ nhân duyên ấy, được thân hình tươi đẹp; nếu người dùng hương thơm bố thí, nhờ nhân duyên ấy, tiếng tốt đồn xa; nếu người dùng vị ngon bố thí, nhờ nhân duyên ấy, mọi người thích thấy, nghe, khi đã được nghe thấy rồi, lại đem lòng thương mến; nếu người đem xúc bố thí, nhờ nhân duyên ấy, được xúc đẹp thù thắng, người nhận đã rồi, thì được sống lâu có sắc đẹp, mạnh khỏe an vui và có biện tài.

Này thiện nam! Có người nói: Bố thí nơi tháp, tượng, sẽ không được phước báo, sống lâu, xinh đẹp, mạnh khoẻ, an vui và có biện tài, vì không có người thọ nhận. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì có tín tâm. Thí chủ đã có tín tâm thực hành bố thí, do đó được năm phước báo như trên.

Này thiện nam! Ví như có Tỳ-kheo, tu tập tâm từ, như vậy tâm từ đó thật không có sự thọ học, nhưng cũng đạt được vô lượng phước báo. Bố thí tháp, tượng cũng như vậy, tức cũng được năm phước báo.

Này thiện nam! Do phước điền mà có đủ các loại phước báo. Vì vậy, mà Như lai nói, phước điền được quả báo, tài vật được quả báo, thí chủ được quả báo.

Này thiện nam! Bố thí có hai thứ: Một là Bố thí pháp, hai là Bố thí tài vật. Bố thí pháp thì được

phước báo cả hai là pháp và tài. Còn Bố thí tài vật, chỉ duy nhất trở lại được phước báo tài vật quý.

Là Bồ-tát phải tu hành cả hai pháp Bố thí ấy, coi đó là hai việc làm có thể giúp chúng sanh xa lìa được khổ não; giúp chúng sanh điều phục tâm mình.

Này thiện nam! Lại cũng có ba loại Bố thí; Một là bố thí pháp; hai là bố thí điều không sợ hãi; ba là bố thí tài vật. Dùng bố thí pháp là dạy cho người khác xuất gia, thọ giới, bạch tứ Yết ma, tu đạo; thuyết giảng chánh pháp để phá bỏ tà kiến, thường giảng giải rõ ràng điều chân thật và điều không chân thật, nêu bày về bốn điên đảo và không buông lung, đó gọi là bố thí pháp. Nếu có chúng sanh sợ hãi vua quan, hay các loài sư tử, cọp, báo, hay các nạn lửa, nước; hay sợ hãi đạo tặc. . . Bồ-tát thấy rồi, thì phải ra sức cứu họ ngay; đó gọi là bố thí không sợ hãi. Tự mình đối với của cải quý báu, dù đẹp, dù xấu, dù nhiều, dù ít đều phá bỏ tánh keo kiệt, không tham tiếc. Từ bò, dê, voi, ngựa, đến nhà cửa, phòng ốc, giường nằm, vườn cây, giếng nước; từ những nô tỳ, nô bộc, đến những bò, lừa, lạc đà kéo xe, từ những vật bằng đồng bằng sắt như bình, vò. . đến những vật bằng gai mịn như giường, đồ ngồi, quần áo, kể cả các chuỗi ngọc, hương hoa, đèn sáng. . . từ những vật kết bằng tơ lụa đẹp như rèm cửa, lọng che, màn phủ, trường kỷ. . . đến những vật tạc và tạo do cỏ, cây, nước, đá. . . hết

thảy những vật ấy, có ai đến xin đều sẵn sàng đem cho. Đó gọi là bố thí tài vật.

Này thiện nam! Khi bố thí, có bốn điều hệ luỵ: 1. Lòng xan tham.

2. Không tu bố thí. 3. Xem thường vật nhỏ. 4. Cầu phước báo ở thế gian. Bốn hệ lụy như vậy, có hai pháp trừ được: 1. Tu vô ngã và Tu vô thường.

Này thiện nam! Nếu muốn bố thí phải phá sạch năm điều: 1. Tâm giận dữ. 2. Tâm tham lam. 3. Tâm ganh ghét. 4. Tham tiếc thân mạng.

5. Không tin nhân quả. Nếu phá trừ được năm điều ấy, thường được an vui bố thí. Người ưa bố thí, lại được năm điều: 1. Thường không xa lìa các bậc thánh nhân. 2. Tất cả chúng sanh thích nhìn thích nghe. 3. Vào trong đại chúng không có khiếp sợ. 4. Được danh tiếng tốt. 5. Trang nghiêm Bồ-đề.

Này thiện nam! Bồ-tát là người bố thí cho tất cả. Vậy thế nào là bố thí tất cả?

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát làm ra tài vật đúng như chánh pháp là chỉ để mà bố thí; nên gọi là bố thí tất cả. Thường đem tâm thanh tịnh, mà thí cho người, gọi là thí tất cả; ít tài sản mà luôn bố thí, gọi là thí tất cả; điều mình ưa thích cũng đem ra bố thí, gọi là thí tất cả; bố thí không cầu phước báo, gọi là thí tất cả; trong lúc bố thí không quán là phước điền hay không phước điền, gọi là thí tất cả. Kẻ oán người thân đều bố thí bình đẳng, gọi là thí

tất cả. Bồ-tát thường bố thí tài vật cho hai hạng: 1. Thí cho chúng sanh. 2. Thí cho không phải chúng sanh. Trong hai hạng ấy ban cho đến cả thân mình cũng không tham tiếc, gọi là thí tất cả. Bồ-tát bố thí do tâm thương xót, gọi là thí tất cả; trước lúc bố thí, trong lúc bố thí, sau khi bố thí không hề có hối tiếc, gọi là thí tất cả. Hoặc có khi dùng vật không thanh tịnh bố thí, để khiến cho người trước được vui mừng. Các chất như rượu, chất độc, dao gậy, gông xiềng. v. v… hoặc được tự do dùng hay không tự do dùng quyết không đem bố thí; không bố thí cho người bệnh những thức ăn và thuốc uống không sạch, không cướp đoạt, dù chỉ một tiền của người khác, đem ra bố thí. Bồ-tát trong lúc bố thí dù có thế nào quyết không đánh đập, mắng chửi, làm cho những người tôi tớ giận hờn, khổ não. Bố thí tài vật đúng như chánh pháp, không mong cầu phước báo đời này hay đời sau; khi bố thí rồi thường hay soi xét tội lỗi của phiền não, soi xét sâu xa về công đức vi diệu của Niết Bàn, ngoài đạo Bồ-đề không mong cầu gì khác. Trong lúc bố thí cho người nghèo khổ thì khởi tâm thương mến; lúc bố thí cho người phước điền thì khởi tâm cung kính; bố thí cho người thân thuộc; không xem như vật bỏ. Nếu thấy người xin, xem tướng mạo của họ mà cho, không chờ họ mở lời xin. Vì sao? Vì không đợi người cầu xin mà tự cho, thì được phước báo vô lượng!

Này thiện nam! Thí chủ có ba hạng: Thượng, trung và hạ. Người không tin nghiệp quả, thường tham lam, bỏn xẻn, sợ tài vật hết, thấy người đến xin, sanh lòng giận dữ và muốn ngăn cấm; đó là bậc hạ. Dù có tin nghiệp quả, nhưng đối với tài vật vẫn sanh tâm tham tiếc, sợ tài vật hết, thấy người đến xin, sanh tâm ghét bỏ; đó là bậc trung. Tin sâu vào nghiệp quả; đối với tài vật không tham trước; quán các tài vật, đều là vô thường; thấy người đến xin, có của để cho, thì vui, không có để cho, là buồn; đem vật nơi thân ra bố thí; đó là bậc thượng. Lại cũng có bậc hạ, thấy người đến xin ngoảnh mặt làm lơ, hay dùng lời độc ác để mắng chửi, huỷ nhục. Lại cũng có bậc trung, mặc dù có bố thí, nhưng xem thường, không cung kính. Lại cũng có bậc thượng, người chưa xin, đã đem tài vật ra cho, với tâm cung kính. Lại có bậc hạ, chỉ cốt mong cầu phước báo hiện tại. Lại có bậc trung, chỉ vì mong cầu phước báo nơi vị lai. Lại có bậc thượng, là vì thương xót mà bố thí. Bậc hạ có kẻ vì muốn đền ơn mà bố thí. Bậc trung có kẻ, vì sự nghiệp mà bố thí. Bậc thượng có kẻ vì pháp tạng mà bố thí. Bậc hạ có kẻ vì sợ người khác hơn mình mà bố thí. Bậc trung có kẻ vì muốn mọi người cùng như ta mà bố thí. Bậc thượng không chọn kẻ oán người thân mà bố thí. Bậc hạ có tài vật nói lại không. Bậc trung có nhiều tài vật thì nói ít. Bậc thượng thì xin ít lại cho nhiều. Người Bố thí nhưng không có tài vật,

cũng có ba hạng: Người thấp kém, thấy người đến xin, thì tâm ác, giận dữ, trách móc. Người bậc trung, thấy người đến xin, nói thẳng không có. Người bậc thượng, thấy người đến xin tự cảm thấy xấu hổ, vì không có tài vật để cho nên tâm sanh sầu não. Này thiện nam! Hoặc có bậc hạ thường bị Hiền Thánh quở trách; bậc trung thường được Hiền Thánh thương yêu; bậc thường Hiền Thánh nhìn thấy thì khởi tâm hoan hỷ.

Này thiện nam! Người trí thực hành bố thí, là vì lợi ích người khác, biết của cải là vô thường; vì muốn chúng sanh khởi tâm vui mừng, vì thương yêu mọi người; vì muốn trừ lòng bỏn xẻn; không cầu phước báo đời sau; vì muốn trang nghiêm đạo Bồ-đề. Cho nên Bồ-tát bố thí tất cả rồi, thì không sanh tâm ăn năn, không lo tài vật hết, không xem nhẹ tài vật, không xem thường bản thân, không đoán thời tiết, không quán người xin, thường nhớ đến người ăn xin, như khi đói nghĩ đến món ăn; gần gũi bạn lành, học hỏi chánh pháp, thấy người ăn xin đến, tâm sanh vui mừng, như nhà bị cháy, đem được tài vật ra, vui mừng, khen ngợi; cho tài vật có nhiều tội lỗi, bố thí xong rồi, liền sanh vui mừng, như gởi của cho người lành; lại còn nói với người ăn xin: " Ông đúng thật là người đã trợ duyên cho tôi được công đức; nay tôi được xa lìa tâm tham lam, đều nhờ ông đến xin. Có nghĩa là đối với người đến xin, luôn đem lòng thương mến;

đã bố thí cho người ăn xin rồi, lại còn dạy cho họ, phải đúng như pháp giữ gìn, siêng năng tu hạnh cúng dường Phật, Pháp và Tăng. Bồ-tát như vậy là thích hành bố thí, và nhờ đó mà xa lìa mọi buông lung; mặc dù đem thân mình ra bố thí cho người đến xin, nhưng không bao giờ sanh một niệm ác; nhờ vậy mà được tăng trưởng Từ-bi, Hỷ-xả; không khinh người nhận, không tự cao, hay tự vui mừng là ta có tài vật cân xứng với người muốn xin; tăng trưởng lòng tin, không nghi ngờ nghiệp quả.

Này thiện nam! Nếu có thể quán tài vật là vô thường, quán các chúng sanh như là con một của mình; người như vậy, mới có thể bố thí cho người đến xin. Này thiện nam! Người ấy như vậy sẽ không còn phiền não làm chuyển động, vững như núi Tu di gió không thể lay động. Người như vậy, mới có thể làm chỗ quay nương tựa cho các chúng sanh, người như vậy mới đầy đủ bố thí Ba-la-mật.

Này thiện nam! Người trí có bốn điều, nên thích bố thí: 1. Nhờ bố thí mà phá trừ phiền não. 2. Nhờ bố thí mà phát được nhiều thệ nguyện.

3. Nhờ bố thí được thọ hưởng an lạc. 4. Nhờ bố thí được nhiều tài vật quý báu.

Này thiện nam! Tâm không tham lam cũng gọi là bố thí. Vậy thế nào là không tham lam? Bố thí là sự nghiệp, tài vật được tạo nên từ sự nghiệp, nghiệp làm ra đầy đủ tài vật rồi đem ra bố thí, nên gọi là

không tham. Thế nào là nhờ sự bố thí mà phá trừ phiền não? Nghĩa là khi đã thực hành bố thí, thì phá trừ được keo kiệt, tham lam, ganh ghét, giận dữ, ngu si. Thế nào là nhờ bố thí phát được nhiều thệ nguyện? Nghĩa là nhờ bố thí nên mới có thể phát được nhiều thệ nguyện thiện hoặc ác. v. v… do nguyện thiện ác, mà được quả thiện ác. Vì sao? Vì lực của thệ nguyện. Thế nào là bố thí mà được an lạc? Nhờ vào bố thí mà hưởng được cảnh an lạc ở cõi Trời, người cho đến cảnh an vui vô thượng. Thế nào là do bố thí được nhiều tài sản? Nhờ bố thí nên mong cầu vàng, bạc, cho đến súc sinh cũng đều được như ý.

Này thiện nam! Người ưa bố thí tức phá trừ được năm pháp xấu ác: Tà kiến. Không có niềm tin. Buông lung. Tham lam, keo kiết. Sân hận, si mê. Tâm đã lìa ác rồi, thì khởi sanh vui mừng, nhờ sự vui mừng, nên dần dần đến chân chánh giải thoát; người như vậy hiện tại được bốn phước báo: 1. Mọi người đều thích nhìn, cho đến kẻ oán thù cũng ưa nhìn thấy. 2. Tiếng tốt vang xa. 3. Lúc vào chỗ đông người không khiếp sợ. 4. Tất cả người hiền ưa đến kết bạn.

Này thiện nam! Người nào tu bố thí rồi; mà tâm không hối hận, người như vậy nếu bị người đời não hại, phải đọa vào địa ngục, dù ở chỗ xấu ác, nhưng người ấy không bao giờ đói khát. Cũng do nhân duyên đó, mà xa lìa được hai sự khổ: Nỗi khổ phải

nuốt viên sắt. Nỗi khổ uống nước đồng sôi. Nếu bị làm thân súc sanh, thì thực phẩm ăn uống đều dễ tìm, không thiếu kém. Nếu làm ngạ quỷ không bị đói khát, thường được no đủ. Nếu được làm người sống lâu, xinh đẹp, mạnh khỏe, an vui, có biện tài, tín tâm giữ giới, học rộng nghe nhiều, trí tuệ hơn người, dù sanh vào đời hung ác cũng không làm việc bất thiện, sanh vào đời pháp ác, quyết không thọ chịu, đối với chỗ khiếp sợ, không sanh lo sợ. Nếu sanh lên cõi trời được mười việc thù thắng.

Này thiện nam! Người trí do hai việc mà hành bố thí: Điều phục tự tâm. Làm tan lòng giận dữ của kẻ khác, Như Lai nhờ đó mà được gọi là đấng Vô Thượng Tôn.

Này thiện nam! Người trí hành bố thí rồi, không mong cầu người nhận khởi tâm yêu mến, nhớ nghĩ không mong cầu danh tiếng, không bị khiếp sợ, không mong cầu người hiền thấy để kết làm bạn thân, cũng không mong cầu phước báo ở cõi Trời, Người, mà luôn soi xét đến hai điều: Đem của không chơn thật đổi lấy của chơn thật. Quyết không làm theo tâm tánh tham lam. Vì sao? Vì đối với tài vật khi ta chết đi không đem theo được, vì thế tự tay mình đem ra bố thí, mà khởi tâm an vui.

Này thiện nam! Người bố thí, trước tiên nên thử tâm mình, đem tài vật bên ngoài bố thí, biết tâm đã điều phục rồi, sau đó mới đem vật trong thân bố thí, nhờ hai sự bố thí ấy mà được hai pháp: Xa lìa

ba cõi, được giải thoát chơn chánh.

Này thiện nam! Như người đi xa mang vật nặng, nên rất khổ cực, nếu bỏ bớt đi, thì được vui mừng. Người bố thí thấy người đến xin, thì lấy của ra cho, tâm sanh vui mừng vì cũng giống như vậy.

Này thiện nam! Người trí thường suy nghĩ: Muốn tài vật theo mãi bên ta đến đời sau, sao trước chẳng bố thí. Với lại quán sát cái khổ của người bần cùng, cái sung sướng của người giàu có, cho nên chuyên tâm ưa thực hành bố thí.

Này thiện nam! Nếu có người, có tài sản thấy người đến xin, liền nói tôi không có, hay tôi đang đau khổ, thì nên biết người ấy, đã nói những lời bạc đức, nghèo cùng ở đời sau, người như vậy gọi là buông lung.

Này thiện nam! Người không có tài vật, tự nói tôi không có. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì tất cả nước, cỏ cây ngoài đồng ai lại chẳng có, dù là vị quốc vương chưa chắc thí được. Dù nghèo khổ nhưng không phải không thí được. Người nghèo cũng có ăn uống, ăn rồi rửa chén bát, để nước lắng cặn thí cho loài khác ăn, cũng được phước báo. Nếu đem một ít bột nhỏ như hạt bụi thí cho loài kiến cũng được phước báo vô lượng. Trong thiên hạ, những người nghèo khổ, ai lại không có một ít bột nhỏ như hạt bụi? Có ai một ngày không ăn ba vắt cơm, để nuôi được thân mạng, do vậy các

người nên đem nửa phần ăn bố thí cho người đến xin.

Này thiện nam! Những người nghèo khổ, có ai đến nỗi, ở trần không có quần áo? Nếu có áo quần, sao lại không có một cái khăn để người ta buộc ghẻ lở hay miếng vải bằng ngón tay để làm tim đèn.

Này thiện nam! Trong thiên hạ, có ai nghèo khổ đến nỗi không có thân thể, nếu có thân thấy người làm phước, đến đó giúp đỡ, vui mừng không chán nản, cũng gọi là thí chủ, cũng được phước đức, có lúc được một phần, hoặc có khi bằng nhau, hoặc có khi nhiều hơn. Do nhân duyên như vậy, nên khi nhận sự cúng dường của vua Ba Tư Nặc, Như Lai cũng chú nguyện: Dù là cho vua hay cho người làm, thì phước vẫn như nhau, không có sai khác.

Này thiện nam! Như người mua hương: Nào hương xoa, hương bột, hương rời, hương đốt, bốn loại hương như vậy, người làm, người mua, người cân lường. v. v… đều nghe mùi thơm không khác, mà các loại hương mùi thơm của nó không hao giảm chút nào. Tu hạnh bố thí công đức nó cũng như vậy. Dù nhiều ít, lớn nhỏ, nếu tâm tùy hỷ, đi đến để giúp cho, hoặc ở xa chỉ nghe thấy mà tâm sanh đồng ý vui mừng, thì phước báo không có sai khác, vì tâm đều giống nhau.

Này thiện nam! Nếu không có tài vật, mà thấy người khác bố thí lại sanh, tâm không tin tưởng,

nghi ngờ bậc phước điền, ấy là người bần cùng. Nếu có nhiều tài sản, tự tại vô ngại, có phước điền cao quý, nhưng lại không có tín tâm, không thể dâng cúng, cũng gọi là bần cùng. Do vậy, người trí tùy có nhiều hay ít cứ đem ra bố thí, trừ sự bố thí ra, không có việc gì mà được cảnh an vui cõi Trời, Người và cảnh an vui vô thượng. Do vậy, trong khế kinh Như Lai nói: Người trí tự quán: Một vắt cơm, để ăn thì ta sống, đem bố thí thì ta chết, vậy mà cũng đem ra bố thí, huống gì có nhiều tài vật?

Này thiện nam! Người trí nên quán tài vật là vô thường, do vô thường, mà tài vật tổn thất, hao giảm, không được lợi ích, gì trong vô lượng đời sống dù là vô thường, mà biết đem ra bố thí thì lại được nhiều lợi ích. Vậy vì sao ta nay tham tiếc không đem ra bố thí? Người trí soi xét thế gian, có người giữ giới, học rộng nghe nhiều, nhờ sức lực giữ giới, học rộng nghe nhiều mà được quả vị A-la-hán, dù được quả vị ấy rồi mà không thể ngăn được nỗi khổ đói khát. Nếu vị A-la-hán khó có được phòng xá, y phục, thực phẩm ăn uống, ngọa cụ, thuốc men, đều là do kiếp trước không tạo duyên bố thí, Người phá giới nếu ưa bố thí thì dù đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ cũng thường được no đủ.

Này thiện nam! Trừ pháp bố thí ra, không có hành phước gì mà cùng được hai quả: Tự tại và Giải thoát. Nếu người giữ giới, dù được sanh lên

cõi Trời, mà không tu bố thí, cũng không được thức ăn ngon quý nhất, chuỗi ngọc vi diệu. Nếu người muốn cầu an lạc giữa thế gian và sự an vui vô thượng, phải thích bố thí. Người trí nên soi xét sanh tử không giới hạn, thì sự thọ hưởng an vui, cũng như vậy. Do đó, vì đoạn trừ sanh tử mà bố thí, chứ không mong cầu hưởng an lạc, hoặc soi xét thế này: Mặc dù giàu có khắp bốn châu thiên hạ, hưởng nhiều an vui cũng không biết đủ, cho nên ta vì quả an vui vô thượng mà hành bố thí, không vì cảnh vui Trời, Người. Tại sao? Vì tất cả đều là vô thường, có giới hạn.

Này thiện nam! Nếu có thuyết nói: Người cho, người thọ nhận và người hưởng an vui, cũng đều là năm ấm cả, năm ấm như vậy tức là vô thường, xả thí cho năm ấm ai là người cho, ai là kẻ thọ nhận? Mà quả lành thì không diệt. Cho nên không có người cho, không có người thọ nhận. Nên hỏi lại họ: Như vầy là có người thí và có người thọ nhận sao? Nếu nói thí tức là người bố thí, thọ nhận tức là ngã. Lại nên nói: Ta cũng như vậy, thí tức là người thí, ngã tức là năm ấm, nếu nói thí cho năm ấm, mà cõi này vô thường, thì ai ở cõi đó mà lãnh thọ? Ông hãy chú ý lắng nghe, Như Lai sẽ giải bày cho: Hạt giống là vô thường hay là thường? Nếu nói thường, vì sao hạt giống diệt mà sanh mầm, nếu thấy vậy là lỗi lại nói là vô thường. Lại bảo với họ: Nếu vô thường, lúc hạt giống tiếp xúc với

nước, đất, nhân công. v. v…làm thế nào, cái mầm kia được lớn lên? Nếu nói, hạt giống dù vô thường, nhưng nhờ sự tác động, nên được kết quả sanh mầm. Vậy thì nên nói năm ấm cũng là như thế. Nếu nói trong hạt giống trước đã có mầm, công nhân, nước, phân chỉ làm liễu nhân. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì hiểu rõ nhân đối với cảnh vật không tăng không giảm, nhiều vẫn là nhiều, ít vẫn là ít, mà nay nước, phân, mầm tăng trưởng, thế nên trước không, nay có. Nếu nói hiểu rõ nhân thì có hai: Nhiều và Ít. Nhiều tức là thấy lớn, ít tức là thấy nhỏ, cũng như đốt đèn, ánh sáng lớn thấy nhiều sự vật, ánh sáng nhỏ thấy được ít. Nghĩa này cũng không đúng. Vì sao? Vì cũng như một hạt giống, phần nhiều cùng với nước, phân, không thể một giờ, một ngày mà lớn lên được; có người đồng, người hơn. Nếu nói rõ nhân chỉ có hai thứ, nhưng cần đợi thời tiết, vật ít hiển bày ít, vật nhiều hiển bày nhiều, như vậy tôi nói không tăng không giảm. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì theo giáo pháp của ông, lúc nào cùng thường, vì thế không nên nói như vậy.

Này thiện nam! Hạt giống khác, mầm khác, dù hình thức trước và sau khác nhau, nhưng tương tợ không gián đoạn, năm ấm cũng vậy.

Này thiện nam! Như hạt giống phát triển thành mầm, mầm lớn dần thành cây, cây sanh trưởng ra lá, ra hoa, hoa kết tụ thành quả, năm ấm của một

đường tăng dần, năm ấm của năm đường cũng như vậy. Nếu nói người này làm, người khác hưởng thọ; nghĩa ấy chủ trương của ông, không phải ta nói, vì như trong giáo pháp của ông, tác giả là ngã, thọ giả là thân, mà không nói là người này làm người khác hưởng thọ! Chẳng hạn người thọ giới, không sát sanh, tức là ngã, vì nhờ nhân duyên ấy, nên được thân tốt đẹp, vì thế pháp của ông có lỗi, người hưởng thọ không do nhân, người tạo nhân không có kết quả. Nếu nói ngã làm, thân thọ, thì ngã cũng như vậy, ở đây làm, bên kia thọ. Hoặc nên hỏi lại thân và ngã của ông có khác nhau? Thân hưởng thọ ăn uống, mặc áo quần, đeo chuỗi ngọc, nhờ ăn uống các thức ăn ngon mà được xinh đẹp, mạnh khoẻ; nếu các thức ăn không ngon, thì không được xinh đẹp, ốm yếu. Xinh đẹp hay xấu xí nếu phụ thuộc vào nhân duyên, thì ngã sẽ được vào chỗ nào? Nếu nói, ngã được u buồn hay vui mừng, thì tại sao không phải người này làm, người khác thọ hưởng. Ví như người có nhiều sức lực, do uống tô, lạc, người ấy uống lâu ngày, nên thân thể được mạnh khoẻ, xinh đẹp, lại có người yếu ốm, thấy người kia uống tô, lạc, liền sanh vui mừng, thì được xinh đẹp, mạnh khoẻ sao? Nếu nói không, thì ngã cũng như vậy, thân tạo ra mọi việc, tại sao ngã thọ hưởng? Vì không tương tự như nhau. Trong pháp của Như Lai không như vậy. Năm ấm tạo tác, năm ấm thọ hưởng tương tơ, không có gián đoạn.

Này thiện nam! Nếu nói năm ấm là vô thường, thì ở cõi này, không đến cõi kia, vẫn hưởng được thọ báo. Nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì trong giáo pháp của Như lai, nếu có làm tức có hưởng, hoặc có trường hợp người này làm, người khác thọ hưởng, không làm, không có sự thọ hưởng, có làm có thọ hưởng, năm Ấm tạo tác, năm Ấm lãnh thọ, người này làm, người khác thọ hưởng, ở cõi người làm ở cõi trời thọ hưởng, không làm không có sự thọ hưởng. Nhờ nhân duyên tạo tác và hoà hợp nên mới có, chứ vốn không có tự tánh thì làm gì có sự tạo tác và thọ hưởng? Ý ông nếu cho người này làm, người khác thọ hưởng, tại sao lại nói là liên tục không gián đoạn. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì pha thuốc độc vào sữa, đến khi thành đề hồ cũng có thể giết người được, lúc là sữa khác, lúc là đề hồ cũng khác, tuy là có khác, nhưng tương tợ sanh không gián đoạn, nên có thể giết người. Năm ấm cũng vậy, mặc dù có khác, nhưng thứ lớp tương tợ sanh không đoạn diệt, do đó có thể nói. Người này làm, người khác thọ hưởng, có làm có thọ hưởng, không làm không thọ hưởng. Nghĩa là nếu lìa năm ấm, thì không có ngã và ngã sở, tất cả chúng sanh do điên đảo che mờ tâm tánh. Hoặc nói Sắc tức là Ngã, cho đến Thức tức là Ngã. Hoặc cũng có thuyết nói, Sắc tức là Ngã, còn lại bốn Ấm là ngã sở, cho đến Thức cũng như vậy. Hoặc có thuyết nói, lìa riêng năm ấm ra,

sẽ có ngã, việc ấy không thể có! Vì sao? Vì ngã ở trong pháp của Phật, thì sắc không phải là ngã. Vì sao? Vì Sắc là vô thường, không tạo tác, không tự tại, do vậy, bốn ấm không được gọi là Ngã sở, cho đến Thức cũng vậy. Nhiều duyên hoà hợp lại, mới sanh ra một pháp khác, gọi là tạo tác, nhưng thật ra, không tạo tác gì khác! Các duyên hoà hợp mà sanh ra pháp khác, gọi là thọ, nhưng thật ra chẳng thọ gì khác! Đó gọi là không làm không thọ hưởng. Nếu ông cho rằng, người này làm người khác thọ hưởng, tại sao người này tạo nghiệp, người khác không được thọ? Mà đều có đủ năm ấm, nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì "Khác" có hai thứ: 1. Là Thân khác.

2. Là Tên khác. 1. Là Phật Đắc, 2. Là Thiên Đắc. Phật Đắc hay Thiên Đắc, thân và tên đều khác nhau, đó là nhân duyên của thân khẩu mới khác. Thân khẩu khác nên nghiệp tạo ra cũng khác. Từ sự tạo nghiệp có sai khác, nên đời sống, sắc, lực, an vui hay biện tài cũng khác nhau, vì thế, không phải Phật Đắc tạo nghiệp, Thiên Đắc thọ quả. Mặc dù cũng cùng năm ấm, Danh và Sắc là một, nhưng Thọ và Tưởng lại hành động khác: Phật Đắc hưởng an vui, Thiên Đắc thì chịu khổ cực, Phật Đắc khởi tham lam, Thiên Đắc khởi giận dữ, vì thế không được gọi là tương tợ. Sắc và Danh tuy là một, nhưng thật ra có khác, hoặc có trường hợp Phật Đắc màu trắng, Thiên Đắc màu đen. Nếu cái tên

đồng một nghĩa, thì khi một người sanh ra, tất cả các người khác cũng sanh ra, một người chết, thì tất cả các người khác cũng chết. Nếu ông không chấp nhận như vậy, thì không được nói người này làm người khác thọ hưởng. Nếu ý ông cho cũng có trường hợp người này làm người khác thọ hưởng, thì tôi cũng cho như vậy, là có trường hợp người này làm người khác thọ hưởng. Nếu cho người này làm thì người khác thọ hưởng, tức cùng lỗi với tôi. Tại sao không thấy lỗi của mình, mà chỉ trích lỗi người khác? Nghĩa này không đúng . Vì sao? Vì nghĩa về khác của tôi, có hai: Tuần tự sanh, cũng tuần tự diệt. Tuần tự sanh nhưng không tuần tự diệt Vì sanh có khác, nên diệt cũng có khác. Do vậy, Ta nói người này làm người khác thọ hưởng, đây làm kia thọ, không đồng lỗi với ông. Ví như có người muốn đốt làng, ngay trong đống cỏ khô, ném một que lửa, lửa từ đó cháy lan ra khắp, đến cả trăm dặm, hai trăm dặm. Ông thôn trưởng tìm bắt được thủ phạm, liền tra khảo: " Ngươi là người tàn ác, tại sao đốt cháy cả làng của chúng ta?" Thủ phạm trả lời: "Sự thật không phải tôi đốt, tôi đã ném que lửa chỉ cháy tàn và chỗ tôi đốt, chỉ có một đống rác nhỏ, tôi nay bồi thường lại cho đống rác nhỏ, còn bao nhiêu vật khác, tôi không bồi thường. " Khi ấy, người thôn trưởng nói: "Người ngu! Do một chút ít lửa của ông, nên dần dần sanh ra nhiều lửa khác, đốt cả trăm dặm, hai trăm dặm đều là do đóm lửa

của ông sao không chịu bồi thường? Dù biết lửa kia có khác, khi mới bắc đầu cháy cũng có khác, nhưng vì nối tiếp không gián đoạn, nên ông phải có tội. " Năm ấm của nghiệp lành hay dữ, cũng là như vậy. Khi thọ lãnh quả báo dù nói năm ấm, không tạo tác, nhưng dần dần tiếp tục sanh, cho nên có thọ báo. Ví như có người cùng với một người khác cầm đuốc, thách cầm đuốc đi xa đến một trăm dặm, nếu không đến ta sẽ thua ông, còn như đến ông sẽ thua ta. Người cầm đuốc đi đến trăm dặm rồi, liền đến người kia đòi tài vật. Người kia liền nói: Đuốc ông phát ra dấu tích đã diệt, tại sao ở chỗ này theo ta đòi tài vật? Người cầm đuốc trả lời: Lửa kia mặc dù đã diệt, nhưng thứ lớp nối tiếp nhau cháy đến chỗ này. Hai người nói vậy đều có lý cả. Vì sao? Vì nghĩa đúng như vậy. Có làm có thọ hưởng, người này làm người khác thọ, đều không có lỗi. Nếu có thuyết nói: Năm ấm cũng vậy. Người này làm người khác thọ hưởng, đều không có lỗi, ví như hai bên bờ và giữa dòng, gọi chung là sông Hằng, khi mùa hè, thì hai bên bờ cách nhau rất xa, khi mùa thu đến hai bờ gần lại. Định tướng của nó là vô thường khi lớn khi nhỏ, dù có tăng có giảm nhưng mọi người đều cho là con sông. Hoặc có thuyết nói: Đây không phải là sông", người trí cũng nói: Có "khác" và "không khác". Năm ấm cũng vậy. Người trí cũng nói " Có làm có thọ hưởng. Làm khác thọ hưởng khác". Ý ông nếu cho

hai bờ là đất, giữa dòng là nước, thần sông là sông, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu thần sông là sông, thì tại sao lại nói sông trong sông đục, có bờ bên này, có bờ bên kia, giữa dòng có cạn, có sâu, đến nơi biển cả có thể đo được hay không đo được. Thí như có cây tức có thần ở, nếu như không có cây, thần ở đâu? Sông và thần cũng là như vậy, cho nên hai bờ và giữa dòng thứ lớp không có gián đoạn, đều gọi chung là sông, do vậy, có thể nói: Năm ấm hay là khác năm ấm, cũng vậy. Ví như có người chửi mắng, làm nhục người quyền quí, do nói lời thô ác ấy, mà chân bị xiềng xích! Chân thật ra không nói lời thô ác, mà lại bị gông xiềng, cho nên không được quyết định nói là "Dị tác Dị thọ, Tức tác Tức thọ". Chỉ người có trí mới có thể nói "Dị tác Dị thọ, Tức tác Tức thọ". Thí như bình đựng dầu, tim, lửa, nhân công những nhân duyên đó hoà hợp lại mới gọi là đèn sáng. Ý ông nếu cho đèn sáng là có tăng có giảm, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì đã giảm thì không tăng, tăng thì không giảm, do có thứ lớp sanh, nên nói đèn có tăng, giảm. Ý ông nếu cho đèn là vô thường, dầu tức là thường, dầu nhiều sáng nhiều, dầu ít sáng ít, thì nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao? Vì dầu là vô thường, nên có hết, có cháy, nếu như dầu là thường, thì hai niệm sẽ dừng lại, mà hai niệm dừng lại, thì cái gì cháy và cái gì hết? Do vậy, người trí cũng nói, đèn sáng tức là khác, năm ấm cũng vậy.

Ánh sáng tức là sáu nhập, dầu tức là nghiệp, vì nhân duyên của các nghiệp, nên năm ấm có tăng, có giảm, có kia, có đây. Như có người nói về lời của A-để-da, câu nói A-để-da đã qua lâu lắm rồi ngày nay không còn, người đời tương truyền nhau nói, không bao giờ diệt, cho nên vẫn được gọi là lời của A-để-da. Người trí cũng nói đó là lời của A-để-da hay chẳng phải là lời của A-để-da, mặc dù có nghĩa phải và không phải, nhưng đều không có lỗi, năm ấm cũng vậy, cũng có thể nói Tức tác Tức thọ, Di tác Dị thọ. Có người rất giàu không có con cháu truyền thừa, khi đã chết rồi, tài sản sẽ nhập vào của công, nhưng rồi có người nói: " Tài sản ấy thuộc về tôi". Nhà chức trách bảo: " Tài sản ấy, của người khác làm ra tại sao thuộc về ông?" Người ấy nói: " Tôi là con cháu bảy đời của người chết, kế tiếp không đoạn tuyệt, tại sao tài sản ấy không thuộc về tôi?" Nhà chức trách liền nói: Đúng vậy, đúng vậy! Của này thuộc về ông. Người trí nói, năm ấm cũng vậy, Tức tác Tức thọ, Dị tác Dị thọ. Ý ông nếu cho năm ấm tạo nghiệp, khi đã thành rồi liền diệt, mà thân vẫn còn, nghiệp không có chỗ nương tựa. Nghiệp mà không có chỗ nương tựa, tức là không có nghiệp, khi bỏ thân này rồi, lấy cái gì mà chịu quả báo, nên nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì tất cả nghiệp quá khứ đều chờ đợi thể, chờ đợi thời, ví như hạt quýt, nhân nơi cây quýt mà sinh, rồi dần dần qua lại tạo ra vị ngọt. Người ta

muốn trái quýt, nên đem hạt trồng. Hạt, cây, cành, lá, hoa sinh ra quả đều chưa tạo được vị, đến khi quả chín muồi vị mới phát ra. Như vậy mùi vị chẳng phải trước không, nay mới có, cũng không phải không có nhân duyên, mà do trái quýt mùa trước. Nghiệp của thân, khẩu, ý cũng như vậy. Nếu nói vậy, thì nghiệp trụ vào chỗ nào? Nghiệp ở trong đời quá khứ, đợi đúng thời gian, thân thể mới thọ quả báo, như người uống thuốc, phải trải qua một thời gian, thuốc tuy đã tan biến, nhưng cũng đợi đến lúc tốt mới phát huy sức mạnh. Nghiệp của thân, khẩu, ý cũng như vậy. Mặc dù quá khứ đã diệt, nhưng đến thời vẫn phải thọ quả báo. Ví như trẻ nhỏ, ban đầu học tập, dù niệm niệm diệt, không có chỗ đứng lại, nhưng đến khi trăm tuổi, cái học cũng không mất. Nghiệp ở quá khứ, cũng như vậy, dù không có chỗ trụ, nhưng đến thời là tự thọ quả báo. Vì thế nên nói: Chẳng phải năm Ấm tạo, năm ấm thọ, lại cũng không được cho chẳng phải năm Ấm thọ. Nếu có thể hiểu rõ ràng, thông đạt hết những việc này, thì người ấy sẽ được quả vị Vô thượng.

-oOo-

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 5

Phẩm 19: BỐ THÍ (Phần tiếp theo)

Này thiện nam! Có người, đối với thân mạng và tài sản tâm keo kiệt không bố thí, gọi đó là bỏn xẻn. Người mạng tâm keo kiệt, không bố thí, thì không sanh tâm thương xót, không lưu trữ phước điền, không tìm cầu phước điền, thế rồi lại tìm cầu lỗi lầm, cho tài vật này khó được, bố thí thì phải chịu khổ; hoặc cho là không có phước quả, không người bố thí, không người lãnh thọ, mạng tâm tham lam cùng vợ con, quyến thuộc. v. v… tích chứa tài sản, cầu được danh tiếng, thấy tài sản nhiều, khởi tâm vui mừng, xem tài vật là thường còn, đó gọi là xấu xa keo kiệt, do xấu xa keo kiệt, mà làm dơ nhớp đến tâm chúng sanh. Vì lí do ấy, đối với tài sản của người khác, còn tham tiếc, không thể bố thí, huống gì là vật của mình. Người trí thực hành bố thí, không mong cầu báo ân, không vì cầu sự nghiệp, không vì giữ gìn để tạo cho người khác tham lam, bỏn xẻn, không vì cầu thọ hưởng cảnh an vui ở cõi Trời, Người, không vì cầu tiếng tốt vang khắp mọi nơi, không vì sợ khổ của ba

đường ác, không vì sự cầu xin người khác; không vì muốn được hơn người khác, không vì sợ mất tài sản, không vì muốn có nhiều tài sản, không vì vật của người ấy không dùng, không vì tục lệ của gia đình, không vì sự gần gũi. Người trí thực hành bố thí, vì lòng thương xót, vì muốn cho người khác được an lạc, vì muốn người khác sanh tâm bố thí, vì biết đó là cội gốc hành đạo của các thánh nhân, vì muốn phá trừ các phiền não, vì muốn nhập Niết Bàn, đoạn trừ sanh tử.

Này thiện nam! Bồ-tát bố thí, xa lìa được bốn điều ác: Phá giới. Nghi ngờ. Tà kiến. Bỏn xẻn. Hoặc xa lìa năm điều: 1. Lúc bố thí, không lựa chọn người đức hạnh hay không đức hạnh. 2. Lúc bố thí, không nói thiện ác. 3. Lúc bố thí, không chọn chủng tánh. 4. Lúc bố thí không xem thường ngươi đến xin. 5. Lúc bố thí không dùng lời thô ác mắng chửi.

Hoặc lại có ba điều mà dẫu đã bố thí, vẫn không được phước báo thù thắng: 1. Trước phát tâm bố thí nhiều, nhưng sau bố thí ít. 2. Lựa chọn vật xấu bố thí cho người. 3. Sau khi thực hành bố thí rồi, sanh tâm hối hận.

Này thiện nam! Hoặc cũng có tám điều, mà bố thí rồi vẫn không được thành tựu phước báo cao quí: 1. Thí rồi, lại vạch tìm lỗi lầm của người lãnh thọ. 2. Lúc bố thí, tâm không bình đẳng. 3. Bố thí rồi, mong người lãnh thọ làm việc lại cho mình. 4:

Thí rồi, vui mừng, tự khen ngợi mình. 5. Trước nói không có, sau mới đem ra cho. 6. Thí rồi, dùng lời thô ác mắng chửi. 7. Thí rồi, cầu mong được tài vật gấp đôi. 8. Thí rồi sanh tâm nghi ngờ. Thí chủ mà như vậy, thì không gần gũi được chư Phật và các bậc Thánh Hiền.

Nếu đem đầy đủ Sắc, Hương, Vị, Xúc bố thí cho người, gọi là tịnh thí. Nếu đúng như pháp mà có được tài sản, để bố thí, cũng gọi là tịnh thí. Xem tài vật là vô thường, không thể giữ lâu được, mà hành bố thí, gọi là tịnh thí. Vì phá phiền não, mà hành bố thí, gọi là tịnh thí. Vì nhân duyên thanh tịnh tự tâm mà bố thí, gọi là tịnh thí. Nếu xem ai là người bố thí, ai là người lãnh thọ, thí những vật gì, vì nhân duyên gì mà bố thí, nhờ nhân duyên bố thí như vậy, thì được những phước báo gì? Bố thí như vậy gọi là mười hai nhập. Người nhận, thí chủ, nhân duyên, quả báo đều là mười hai nhập, có thể soi xét như vậy mà bố thí, gọi là tịnh thí. Nếu lúc thực hành bố thí cho các bậc phước điền, mà sanh tâm vui mừng, như các vị mong cầu công đức, ta cũng mong cầu phước đức như thế không ngừng nghỉ. Bố thí cho vợ con, quyến thuộc, tôi tớ; khiến họ thương mến; thí cho người nghèo khổ, vì muốn họ trừ được khổ cực. Trong lúc bố thí, không mong cầu phước báo ở thế gian, chỉ muốn phá trừ kiêu mạn, mà bố thí để tâm được dịu dàng, để nhờ bố thí mà xa lìa được ba cõi, cầu được giải thoát vô

thượng. Quán sát kỹ sanh tử, có nhiều tội lỗi, mà hành bố thí, không quán có phước điền hay không có phước điền, mà bố thí. Nếu có thể thực hành bố thí được như vậy, thì phước báo đi theo người đó như trâu nghé theo mẹ.

Nếu vì cầu phước báo mà bố thí, thì chẳng khác gì đổi chác giữa phố chợ, ví như, vì sự sống mà cày ruộng gieo trồng, tùy theo giống đã gieo trồng mà gặt hái kết quả; thí chủ bố thí, cũng như vậy, tùy sự bố thí mà hưởng được phước báo. Cũng như người lãnh thọ, khi ăn uống rồi, được bổ dưỡng, thân thể sẽ xinh đẹp, mạnh khoẻ, an vui, biện tài, thí chủ cũng vậy, được năm phước báo như thế. Nếu thí cho chúng sanh thì được phước báo gấp trăm lần, bố thí cho người phá giới được phước báo gấp ngàn lần, bố thí cho người giữ giới được phước báo gấp mười ngàn lần; bố thí cho người ngoại đạo đã xa lìa dục vọng, được phước báo gấp trăm ngàn lần, bố thí cho người đang tu chánh đạo, được phước báo ngàn ức lần, bố thí cho bậc Tư Đà Hàm hướng, được phước báo vô lượng, cho đến bố thí bậc đã thành Phật, thì được phước báo cũng vô lượng.

Này thiện nam! Hôm nay, Như Lai sẽ vì ông, mà phân tích rõ các phước điền, nên nói như vậy. Bố thí sẽ được phước báo đến trăm hay vô lượng. Nếu có thể chí tâm, khởi lòng thương xót, mà bố thí cho súc sanh, so với sự chuyên tâm cung kính

cúng dường chư Phật, thì phước đức đó chân chính và giống nhau. Như Lai nói phước báo gấp trăm lần, nghĩa là đem sự sống lâu, xinh đẹp, sức mạnh, an vui, biện tài, mỗi mỗi đều gấp trăm lần, cho đến phước báo vô lượng, cũng như vậy. Vì thế, trong Khế Kinh, Như Lai nói: " Như Lai thí cho Tôn giả Xá Lợi Phất, Xá Lợi Phất thí cho Như Lai, nhưng Như Lai được phước báo nhiều hơn, không phải Xá Lợi Phất được phước báo nhiều hơn". Hoặc có thuyết nói: Người lãnh thọ làm ác, làm tội lây cho thí chủ, nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì thí chủ, lúc bố thí là muốn trừ sự khổ cực cho họ, chớ chẳng phải giúp người kia tạo tội, vì thế, thí chủ được phước báo, còn người lãnh thọ làm ác là tự lấy tội lỗi trói mình, không làm lây sang thí chủ. Thí chủ, nếu đem vật quý giá, trong sạch để bố thí, thì đời sau được xinh đẹp, mọi người thích nhìn, tiếng tốt vang xa, mọi sự mong cầu đều được toại ý và sanh vào dòng họ cao quí, vì thế không gọi là ác, sao nói là thí chủ mắc tội? Thí chủ, bố thí rồi, vui mừng không hối hận, gần gũi bạn lành, giàu có, tự tại, sanh vào nhà quí phái, được hưởng cảnh vui của Trời, Người và cảnh an vui vô thượng, có thể xa lìa tất cả phiền não trói buộc, thí chủ được kết quả tốt đẹp như vậy, sao nói bị quả báo xấu ác? Thí chủ có thể tự tay mình bố thí, được sanh vào nhà quyền quí, gặp được thiện tri thức, được nhiều của báu và quyến thuộc đông đảo, đã thành tựu rồi có thể thọ

dụng và còn đem bố thí, tất cả chúng sanh vui mừng thích nhìn, thấy rồi sanh lòng cung kính, tôn trọng, khen ngợi, thí chủ hưởng được những phước báo như vậy, sao nói là bị quả báo xấu ác? Thí chủ, nếu đã đem tài vật thanh tịnh bố thí, nhờ nhân duyên ấy được nhiều tài vật quí báu, sanh vào dòng họ cao quí, quyến thuộc rất nhiều, thân không tật bệnh, tâm không khổ não và không lo sợ, bao nhiêu tài sản không bị vua quan, giặc cướp, nước, lửa làm tổn hại, giả sử có mất tài vật cũng không buồn, trong vô lượng kiếp thân tâm an lạc, sao nói là chịu quả báo xấu ác? Nếu lúc chưa bố thí phát khởi tín tâm, trong khi bố thí lại vui mừng, bố thí xong lại an vui, thì lúc mong cầu, khi giữ gìn hay khi thọ hưởng, không bị khổ não, nếu lấy y phục đem ra bố thí, thì được sắc đẹp vi diệu, nếu lấy thực phẩm đem ra bố thí, thì được sức mạnh vô lượng, nếu lấy đèn sáng đem ra bố thí, thì được đôi mắt trong sáng, nếu lấy xe cộ đem ra bố thí, thì được an lạc, nếu lấy nhà cửa đem ra bố thí, thì được vật cần dùng không thiếu, thí chủ được phước báo tốt đẹp như vậy, sao nói là chịu quả báo xấu ác?

Lại nữa, thí chủ đã cúng dường chư Phật rồi, thì cho dù có dùng hay không dùng, phước báo cũng đã quyết định. Bố thí cho người và chúng Tăng, có hai loại phước: Từ khi dùng mà sanh phước. Từ người thọ nhận mà sanh phước. Vì sao? Vì khi thí chủ, trong khi bố thí, đã tự mình đả phá

lòng tham lam, với người thọ nhận, thì phá trừ lòng bỏn xẻn cho họ, vì thế, nói từ khi dùng mà sanh phước. Lại nữa, từ khi dùng có thể chuyển sự thọ nhận ấy, làm cho chúng Tăng tăng trưởng. Bố thí mà không mong cầu phước báo ở thế gian, không do phiền não khởi lên để bố thí, vì thế được phước báo thanh tịnh cao cả, gọi là Niết Bàn. Nếu có người lập, nguyện mỗi ngày, trước khi ăn, đều đem bố thí cho người khác, sau mới ăn, nếu trái với lời thệ nguyện này, sẽ đền lễ vật cho đức Phật, nếu có phạm thì sanh hổ thẹn, còn không trái phạm, thì người ấy, nhờ nhân quyên đó, mà được trí tuệ nhiệm màu. Bố thí như vậy là hơn tất cả các hạng bố thí, người ấy cũng được gọi là thí chủ cao cả. Nếu có thể theo sự yêu cầu của người đến xin, mà bố thí, thì người ấy, về sau, trong vô lượng kiếp mọi sự mong cầu, đều được toại ý. Nếu có người tâm ý đều thanh tịnh, tài vật, phước điền thanh tịnh, thì người này, sẽ được vô lượng phước báo. Nếu cung cấp đầy đủ việc ăn mặc cho vợ con, tôi tớ; luôn luôn thương mến, vui mừng mà cho, thì đời sau được vô lượng phước báo. Hoặc có người, thấy ruộng vườn, nhà kho có nhiều chim chuột ăn phá lúa gạo, mà thường khởi tâm thương yêu, suy nghĩ, chim chuột đã nhờ ta mà sinh sống, nghĩ như vậy rồi, vui vẻ, không khởi tâm giết hại; thì biết người này, vô lượng phước báo. Nếu vì bản thân mua sắm y phục, chuỗi ngọc, vàng xuyến để trang điểm vào

thân và các vật khác, mua sắm được rồi rất là vui mừng, nhưng chính mình chưa dùng, lại đem ra bố thí cho người khác; thì người này đời sau muốn gì đều được toại ý. Nếu có ai đó nói: "Xa lìa bố thí, sẽ được quả lành", thì không thể có được. "Lìa tài sản được bố thí, lìa người lãnh thọ có bố thí, không lìa keo kiệt thành bố thí", cũng không thể có được. Nếu thấy người không đến cầu xin, nhưng biết họ thiếu thốn, đem của cải ra bố thí, họ xin ít cho nhiều, xin vật xấu cho vật tốt, kêu người khác đến xin vật thí, tự mình đi đến bố thí, thì biết người này đời sau được nhiều kho báu, những vật không đáng giá đều biến thành của báu. Vì đùa giỡn mà bố thí, không phải phước điền mà bố thí, không tin nhân quả mà bố thí, bố thí như vậy không gọi là bố thí. Nếu chỉ bố thí cho bậc phước điền, không thích bố thí cho người bình thường, thì người ấy đời sau được phước báo là không ưa bố thí. Nếu người bố thí xong rồi, sanh tâm hối hận, hoặc nếu cướp đoạt vật của người khác đem bố thí, thì người ấy dù, đời sau được tài vật, nhưng thường bị hao mòn, không tích tụ được. Nếu áp đảo quyến thuộc để có tài vật bố thí, thì người này, đời sau, dù được phước báo lớn, nhưng thân thường bị bệnh tật. Nếu trước đã không cúng dường cha mẹ, lại bức bách vợ con, tôi tớ khốn khổ, mà hành bố thí, thì đó là người ác, giả danh bố thí, chẳng phải đúng nghĩa bố thí. Người như vậy, mà bố thí thì không có lòng thương xót,

không biết đền ơn, người này đời sau, dù được tài vật quí báu, thường bị đánh mất, không giữ gìn được, không thể đem ra sử dụng, thân nhiều bệnh khổ. Nếu người đúng như pháp, đem của ra bố thí, thì người này, đời sau, được vô lượng phước báo, có tài vật sử dụng. Nếu có người, không đúng như pháp, đem của ra bố thí, thì người này, dù đời sau được phước báo là thường nhờ cậy người khác mà được, nếu người khác ấy, chết đi liền bị nghèo cùng. Người trí quán sát kỷ cảnh vui của Trời, Người, vua Chuyển Luân Thánh Vương, dù là nhiệm mầu, nhưng đều vô thường, do vậy, trong khi bố thí chẳng mong cầu phước báo ở cõi Trời, Người.

Này thiện nam! Thí có hai loại: Tài thí và Pháp thí. Tài thí là bậc hạ, pháp thí là bậc thượng. Thế nào là pháp thí? Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di dạy bảo người khác về Tín, Giới, Đa văn, Trí tuệ, hoặc đem giấy mực cho người khác chép hoặc tự mình chép kinh điển của đức Như Lai, sau đó thí cho người, bảo họ đọc tụng, đó là pháp thí. Người bố thí như vậy, đời sau, được xinh đẹp không ai sánh bằng. Vì sao? Vì chúng sanh nghe pháp sẽ đoạn trừ tâm sân hận, do nhân duyên ấy mà đời sau thí chủ được nhiều tướng đẹp, không ai sánh bằng. Chúng sanh nghe pháp, sinh tâm Từ bi, không có giết hại, nhờ nhân duyên ấy, nhiều đời sau được sống lâu. Chúng sanh nghe

pháp, nên không trộm cắp tài vật người khác, nhờ nhân duyên ấy, nhiều đời sau vị thí chủ được nhiều tài vật quí. Chúng sanh nghe pháp tâm thích bố thí, nhờ nhân duyên ấy nhiều đời sau thí chủ được nhiều sức khỏe. Chúng sanh nghe pháp đoạn trừ sự buông lung, nhờ nhân duyên ấy, thí chủ thân được an lạc. Chúng sanh nghe pháp đoạn trừ ngu si, nhờ nhân duyên ấy, đời sau thí chủ được biện tài vô ngại. Chúng sanh nghe pháp sanh tín tâm, không còn nghi ngờ, nhờ nhân duyên ấy, thí chủ được tín tâm sáng suốt. Trì giới, bố thí, đa văn và trí tuệ cũng đều như vậy, do vậy, pháp thí thù thắng hơn tài thí.

Nếu có thuyết nói: " Con tu pháp lành, cha làm điều ác, nhờ con tu phước lành khiến cha không bị vào đường ác". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì nghiệp của thân, khẩu và ý mỗi người mỗi khác. Nếu cha mất, rồi đọa vào ngạ quỷ, con vì cha làm phước, thì có thể hưởng được. Nếu sanh lên cõi trời đều không nhớ nghĩ đến tài vật trong cõi người, vì trên cõi trời tài vật nhiệm mầu thù thắng hơn, còn nếu đọa vào địa ngục, thân chịu khổ cực, không có thời gian nghĩ đến, do vậy không hưởng được, trong súc sanh hay loài người, cũng là như vậy. Còn bảo ngạ quỷ vì nhân duyên gì mà hưởng được? Do ngạ quỷ vốn có lòng tham lam, bỏn xẻn, nên mới đọa làm ngạ quỷ, đã làm thân ngạ quỷ thường hối hận tội lỗi trước, nhớ nghĩ muốn được, nên

hưởng được phước người khác hồi hướng. Nêu người tạo nghiệp sanh trong một đường khác, còn quyến thuộc đọa làm ngạ quỷ, thảy đều được hưởng, vì thế, người trí, vì ngạ quỷ mà siêng năng làm phước đức. Nếu đem y phục, thức ăn, nhà cửa, ngọa cụ, tài vật riêng tư bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn v. v… và những người nghèo khổ, xin ăn, vì nhờ sự chú nguyện của họ khiến được phước đức, nhờ thần lực nhân duyên của lời chú nguyện trong lúc bố thí, nên người bị đọa làm ngạ quỷ cũng được uy lực lớn, tùy vào sự bố thí đều được thừa hưởng, vì chỗ thác sanh của loài ngạ quỷ về là như vậy. Các loài ngạ quỷ về thức ăn không giống nhau, hoặc có loài ăn mủ, hoặc có loài ăn phân dơ, hoặc có loài ăn huyết tanh, đồ mửa, đồ đàm dải, được vật thí rồi tất cả biến thành thức ăn ngon bổ nhất. Mặc dù đem nước cặn bẩn rửa chén, thí cho loài có thể ăn được, có người ngăn giữ lại không cho ăn, thì vị thí chủ như thế cũng được phước đức, vì thí chủ đó có lòng Từ bi thương xót. Nếu cúng tế thì ai thọ hưởng? Tùy chỗ cúng tế mà có người thọ hưởng, hoặc gần rừng cây thì thần cây thọ hưởng, ở nhà, sông, suối, giếng, núi rừng, đồi cũng vậy, người cúng tế cũng được phước đức. Vì sao? Vì khiến những loài thọ hưởng sanh tâm vui mừng. Phước đức do cúng tế cũng có thể giữ gìn thân mạng và tài sản. Nếu nói giết súc vật để cúng tế cũng được phước đức. Nghĩa này không đúng. Vì

sao? Vì không thấy người nào, ở đời trồng hạt Y Lan, mà mọc cây Chiên Đàn! Giết súc vật mà được phước đức? Nếu người muốn cúng tế nên dùng hương hoa, sữa, tô lạc, thuốc men. Muốn người chết được phước thì có ba thời: Mùa xuân tháng hai, mùa hạ tháng năm, mùa thu tháng chín.

Nếu người đem phòng xá, ngọa cụ, thuốc men, vườn, rừng, ao, giếng, trâu, dê, voi, ngựa và các vật sinh hoạt; bố thí cho người khác, bố thí xong rồi, thì người ấy mất phước đức của người ấy sẽ tùy theo tài vật đã bố thí lâu hay mau; phước đức thường sanh theo người đó, như bóng theo hình. Hoặc có thuyết nói: Sau khi chết thì, phước báo ấy liền mất. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì vật hư hoại, không dùng trong hai thời ấy, mới là thì mất, chẳng phải mạng chung là mất! Nếu người xuất gia, theo tại gia học những sự vui mừng, ăn uống, trong những ngày lễ, theo pháp thế gian chẳng phải chân thật, nhưng cũng tin pháp thế gian và xuất thế gian; nếu có thể tùy theo tài vật của nhà mình, có tốt hay xấu, thường ưa bố thí; đó gọi là thí tất cả. Nếu đem từng phần của cơ thể, vợ con và vật quý trọng, bố thí cho người, đó gọi là bố thí không thể nghĩ bàn. Nếu có kẻ ác, người phá giới, oan gia, không biết ơn nghĩa, không tin nhân quả, cưỡng bức đòi xin, người có thế lực, người mạnh khoẻ, người hay mắng nhiếc, kẻ sau khi giận dữ, dối bày tướng tốt

; người rất giàu, sang, mà bố thí cho mười một hạng người như vậy, gọi là bố thí không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Tất cả sự bố thí, có ba điều căn bản: Một: Thí cho người nghèo khổ vì tâm thương xót. Hai: Thí cho người oan gia vì không cầu trả ơn Ba: Thí cho người phước đức vì tâm vui mừng cung kính.

Này thiện nam! Nếu người có rất nhiều tài vật, trong rất nhiều năm cúng dường Tam Bảo, mặc dù được nhiều phước báo, nhưng không bằng khuyên người cùng chung nhau hoà hợp bố thí. Nếu người xem nhẹ tài vật ít, xấu, mà không chịu bố thí, thì người ấy, đời sau, càng thêm nghèo khổ. Nếu người cùng nhau chung bố thí tài vật và phước điền với tâm bình đẳng, thì phước báo của hai người ấy, không có gì khác nhau. Có người tâm và tài vật, đều đồng nhau, phước điền lại thù thắng nên được phước báo cũng thù thắng. Có người phước điền và tâm đều là bậc hạ, nhưng tài vật lại thù thắng, nên được phước báo cũng thù thắng. Có người phước điền và tài vật đều bậc hạ, nhưng tâm bố thí lại thù thắng, thì được phước báo cũng thù thắng. Có người phước điền và tài vật đều thù thắng, nhưng tâm bố thí là bậc hạ, thì phước báo không thù thắng.

Này thiện nam! Người trí khi bố thí, không mong cầu phước báo. Vì sao? Vì biết rõ có tạo

nhân thì tức nhiên có kết quả. Nếu người: Không có tâm Từ bi; không biết ân nghĩa, không tham công của bậc Thánh nhân, tham tiếc tài sản, thân mạng, nặng lòng tham đắm, người như thế, không thể bố thí. Người trí quán sát kỹ tất cả chúng sanh ai là người cầu tìm tài vật mà không tiếc thân mạng, sau khi được tài vật lại có thể đem ra bố thí cho người khác, nên biết người ấy có thể hy sinh cả thân mạng. Nếu người tham đắm, không thể xả bỏ tài sản, thì nên biết người ấy cũng tham tiếc thân mạng. Nếu xả bỏ thân mạng, quyết cầu tài vật để bố thí, thì nên biết người này là đại thí chủ. Nếu người được tài vật mà tham tiếc, không chịu bố thí, thì nên biết, người này, đã gieo hạt giống nghèo khổ ở đời sau. Vì thế, trong Khế kinh Như Lai nói: Trong bốn châu thiên hạ, người ở châu Diêm Phù Đề có ba việc thù thắng: Mạnh khỏe. Có tâm ghi nhớ. Hạnh trong sạch. Không thấy phước báo, mà vẫn có thể dự bị tạo nhân, không tham tiếc thân mạng để cầu tài vật, khi có tài vật rồi, lại diệt trừ được tâm bỏn xẻn, để đem tài sản ra bố thí, bố thí xong rồi, tâm không hối hận, lại có thể phân biệt phước điền và không phước điền, nên gọi là mạnh khoẻ.

Này thiện nam! Người sau khi bố thí, tâm sanh hối hận, đều do ba điều: Đối với tài sản còn sanh tâm tham trước. Học hỏi theo tà kiến. Thấy người thọ nhận có tội lỗi. Lại có ba điều: Sợ kẻ khác quở

trách. Sợ tài sản hết phải chịu khổ. Thấy người khác sau khi bố thí phải chịu mọi khốn khổ.

Này thiện nam! Người trí trong ba giai đoạn bố thí, không có tâm hối, hận là nhờ có ba điều: 1. Sáng suốt tin nhân quả. 2. Gần gũi bạn lành. 3. Không tham đắm tài sản. Tin nhân quả lại có hai việc: Nhờ nghe pháp từ người khác. Trong tâm tự suy nghĩ. Gần gũi bạn lành, cũng có hai việc: Có niềm tin sâu xa. Có trí tuệ. Không tham đắm tài sản, cũng có hai việc: Quán vô thường, 2. Không được tự tại.

Này thiện nam! Thí chủ nếu có thể quán sát như thế mà thực hành bố thí, thì nên biết thí chủ ấy có thể đầy đủ hạnh bố thí Ba-la-mật, do vậy, trước khi Như Lai nói: Có bố thí, chẳng phải Ba-la-mật; có Ba-la- mật chẳng phải bố thí; cũng có bố thí cũng có Ba-la-mật; chẳng phải bố thí chẳng phải Ba-la-mật .

Này thiện nam! Người trí có ba hạng: 1. Có thể xả bỏ tài vật bên ngoài. 2. Có thể xả bỏ tài vật cả trong và ngoài thân. 3. Sau khi bố thí tài vật trong và ngoài thân, lại còn thêm việc giáo hoá chúng sanh. Thế nào là giáo hoá chúng sanh? Thấy người bần cùng, trước phải bảo: Ông có thể quy y Tam Bảo được chứ? Thọ trì trai giới được chứ? Nếu họ trả lời: " Có thể thọ được". Thì trước truyền Tam quy đến trai giới, sau đó bố thí tài vật. Nếu họ nói không thể thọ trì được, thì nên dạy: Nếu ông không

thể thọ trì, thì nên nói theo ta: " Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết Bàn là vắng lặng". Nếu họ trả lời có thể nói theo được, thì nên dạy họ nói sau đó bố thí cho họ. Nếu họ nói, tôi chỉ nói được hai điều, không thể nói các pháp là vô ngã; thì nên dạy tiếp: Nếu ông không thể nói các pháp là vô ngã, thì có thể nói các pháp là không tự tánh? Nếu họ có thể trả lời là có thể nói được, thì dạy họ nói, rồi liền đem tài vật ra bố thí. Nếu trước có thể giáo hoá, sau bố thí như vậy, gọi là bậc đại thí chủ.

Này thiện nam! Nếu có thể giáo hoá chúng sanh như vậy, đến kẻ oán người thân cũng không có sự lựa chọn trong bố thí, gọi là bậc đại thí chủ.

Này thiện nam! Người trí nếu có tài sản quí báu, nên tu hành bố thí như vậy; còn nếu không có tài vật, thì phải thay nhau khuyên người có tài sản, khiến họ làm bố thí như vậy, nếu người thí chủ đó trước đã biết việc ấy rồi, thì không cần khuyên bảo mà nên đem sức mình đến để hổ trợ.

Nếu người nghèo, không có tài vật, thì nên học chữa bệnh và chú thuật, tìm các phương thuốc bình thường, để có người cần dùng là đem bố thí cho họ. Chí tâm khám bệnh, nuôi dưỡng chữa trị cho lành. Khuyên người có tài sản, hợp tác để có đủ các thứ thuốc, hoặc là viên, hoặc là tán, hoặc nhiều thứ thuốc thang. Hiểu rõ về các thứ thuốc rồi, thì đi khắp mọi nơi tìm người trị bệnh, đặt bàn bắt mạch, khám biết bệnh gì, tùy theo bệnh ấy mà điều trị, lúc

trị bệnh khéo biết phương tiện, dù bệnh nằm chỗ dơ bẩn, cũng không sanh tâm nhờm gớm, bệnh tăng biết tăng, bệnh giảm biết giảm; hoặc có thể biết thuốc này uống vào làm tăng thêm bệnh, biết thuốc kia có thể trị được bệnh. Nếu có người bệnh xin thứ thuốc làm tăng thêm bệnh, nên tìm phương tiện, tùy theo trường hợp, mà khuyên bảo, chớ nói không có, vì nếu nói không có, làm họ tăng thêm đau khổ. Nếu biết bệnh ấy, nhất định phải chết, cũng không nói chết, chỉ nên dạy họ quy y Tam Bảo, niệm Phật, Pháp và Tăng, siêng tu cúng dường, vì người ấy mà nói bệnh khổ đều do nhân duyên không tốt ở đời trước, nên mắc phải khổ báo ấy, nay nên sám hối. Người bệnh nghe rồi, nếu khởi tâm giận dữ, dùng lời thô ác mắng chửi, thì im lặng không nói lại, cũng không bỏ đi, nên nhớ ta là người đi chăm sóc bệnh, cẩn thận không trách cứ. Họ lành bệnh rồi, vẫn đến thăm hỏi, vì sợ sau này bệnh nặng trở lại, nếu thấy bình phục như lúc bình thường, tâm nên vui mừng, không cầu trả ơn. Nếu người bệnh chết, nên tìm cách mai táng, nói lời an ủi bạn bè, quyến thuộc, Không được dùng các thứ thuốc uống vào tăng thêm bệnh, đem bố thí cho người. Nếu điều trị bệnh, khi họ đã lành rồi, sanh tâm vui mừng, đem cho tài vật, cứ nên lãnh thọ, rồi đem bố thí cho những người nghèo khổ.

Nếu có thể chăm sóc, điều trị được như thế, nên biết người này, là đại thí chủ, là người chân thật

cầu đạo Vô thượng Bồ-đề.

Này thiện nam! Người trí, lúc cầu đạo Bồ-đề, giả sử có nhiều tài vật quí báu, cũng nên học hỏi cách chữa bệnh như vậy. Tổ chức chăm sóc bệnh, mở phòng khám bệnh và cung cấp vật cần dùng cho người bệnh, như ăn uống, thuốc men. . .

Đường sá gồ ghề, lồi lõm, thì sửa lại bằng phẳng rộng rãi, dẹp bỏ gai gốc, đá sỏi, các thứ dơ bẩn. Chỗ hiểm trở, có thể dùng ván, cây đà, dây v. v… đều đem thí cho, để sửa chữa lại. Những đoạn đường xa, trống vắng, thì nên đào giếng, trồng cây ăn trái, sửa sang khe suối. Ở chỗ không có cây lớn, vì người mà trồng cây có bóng mát, để có nơi cho mọi người gánh nặng mỏi mệt họ nghỉ; có thể vì họ, xây đắp nền cấp, xây dựng nhà khách và các thứ cần dùng, như bình, chậu, đèn đuốc, giường ghế, ngọa cụ v. v… đều phải sắm đủ. Chỗ nước chảy dồn đọng lại những vật dơ bẩn, thì phải làm cầu cống. Ở những bến đò, bố thí cầu, ghe, tàu, bè, để những người không thể qua được, tự mình đưa qua, đối với những người già yếu, trẻ con ốm yếu, không có sức lực, tự tay mình dìu dắt đưa họ qua sông. Ở bên cạnh đường nên xây tháp, trồng hoa, cây ăn trái. Thấy người khiếp sợ liền ra tay cứu giúp, che giấu. Dùng tài vật hoặc lời khuyên lơn, người đuổi bắt, xin họ tha cho. Nếu thấy người đi đường, gần đến chỗ nguy hiểm, liền đến để đưa họ qua đoạn đường đó. Nếu thấy người mất đất đai,

muốn quyên sinh, tùy nghi giúp cho và dùng lời khôn khéo khuyên lơn, an ủi. Nếu người đi xa mệt mỏi, nên cho họ tắm rửa, xoa bóp chân tay cho họ, thí cho giường nằm, nếu không có giường nằm, lấy cỏ mà trải, trời nóng dùng quạt và đưa áo xiêm cho họ mặc, trời lạnh cho họ lửa và y phục ấm, hoặc tự tay mình làm hoặc bảo người khác làm. Buôn bán ở chợ phải dạy người ta ngay thẳng, không vì tham lam dối gạt lẫn nhau. Thấy người đi đường, nên chỉ giúp người ta, chỗ nào nên đi, chỗ nào không nên đi, nghĩa là chỗ có nhiều nước, cỏ, không có giặc cướp thì nên đi, còn chỗ nào có nhiều tai nạn thì không nên đi. Thấy người mang giày, dép, áo xiêm, chén bát hư hoại, liền vì họ may vá, giặt rửa, nhuộm v. v…, có khi họ bị chuột, rắn, rệp, trùng độc len lỏi vào người, có thể giúp họ bắt bỏ đi. Bố thí phải đúng như ý muốn của người, luôn tạo sự thuận hợp. May vá, giặt rửa sạch sẽ những vật của Tăng thường trú, như toạ cụ, ngọa cụ, trên nhà xí, nên để nước sạch, xà phòng hay tro đất sạch v. v… Nếu tự tay mình làm ra y phục, bình bát thì trước dâng lên cúng dường Đức Phật, cha mẹ, sư trưởng, Hoà thượng đều dùng sau đó mới tự dùng. Nếu dâng cúng chư Phật, thì dùng hương hoa tốt, hễ ăn vật gì, thì trước cúng dường Sa-môn, Phạm chí sau mới tự dùng. Thấy người ở xa đến nên ân cần dịu dàng thăm hỏi, bố thí nước trong, tắm rửa thân thể và dầu xoa chân, hương hoa, dương chi, Bồn tắm,

dầu thơm, nước thơm, mật, áo lót, người xoa dầu, khi họ tắm rửa xong, lại lấy các loại hương hoa, thuốc viên, thuốc bột, thực phẩm ăn uống, nước ngọt, tùy họ cần gì, đem ra bố thí, hoặc bố thí dao cạo tóc, cạo râu, đẫy lọc nước, kim, chỉ, áo bá nạp, giấy, bút, mực v. v… Nếu không thường bố thí được như vậy, thì chọn những ngày trai mà bố thí. Nếu thấy người mù tự mình đến cầm tay, cho gậy, chỉ đường. Nếu thấy người nghèo khổ của tài sản hao tổn, cha mẹ đều chết, nên lấy tài vật đem cho, dùng lời dịu dàng nói pháp, an ủi, khuyên lơn, khéo léo nói về hai quả của phiền não và phước đức.

Này thiện nam! Nếu có thể tu tập bố thí như vậy, gọi là thí chủ thanh tịnh.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia làm thí chủ thanh tịnh, không lấy làm khó, Bồ-tát tại gia, làm thí chủ thanh tịnh mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 20: TAM QUY THANH TỊNH

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Như trước đây Ngài dạy: " Có người đến xin trước phải dạy Tam quy cho họ, sau mới "Bố thí". Vì nhân duyên gì phải thọ Tam quy? Thế nào gọi là Tam quy?"

Phật dạy:

- Này thiện nam! Vì để phá trừ các sự đau khổ, diệt trừ phiền não, thọ hưởng an vui tịch diệt không có gì sánh bằng, do nhân duyên ấy, mà phải lãnh thọ Tam quy.

Này thiện nam! Tam quy nghĩa là Phật, Pháp và Tăng. Phật là người có thể nói nguyên nhân phá trừ phiền não, được giải thoát chân chánh; Pháp là cách thức để phá trừ nguyên nhân phiền não và được giải thoát chân thật; Tăng là người lãnh thọ giáo pháp, phá trừ phiền não, nhờ đó mà được giải thoát chơn chánh. Hoặc có thuyết nói: " Nếu như vậy, tức chỉ có Nhất quy y" . Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Đức Như Lai có ra đời hay không ra đời, chánh pháp vốn thường có, không phân biệt. Như Lai ra đời mới có sự giảng giải rõ ràng; vì thế phải quy y riêng Phật. Như Lai ra đời hay không ra đời, chánh pháp vẫn thường có mà không người lãnh thọ, chỉ có các đệ tử Phật mới lãnh thọ, vì thế phải quy y riêng Tăng. Con đường đưa đến giải thoát chơn chánh gọi là Pháp. Không có thầy chỉ dạy, một mình tự giác ngộ lấy gọi là Phật, có thể theo đúng như chánh pháp mà thọ trì gọi là Tăng. Nếu không có Tam quy, vì sao nói có bốn niềm tin bất hoại? Người được Tam quy hoặc đủ, hoặc không đủ. Thế nào gọi là đủ? Nghĩa là quy y cả Phật, Pháp và Tăng. Thế nào là không đủ? Nghĩa là Đức Như Lai chỉ quy y đối với pháp.

Này thiện nam! Người được Tam quy đầy đủ như các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Này thiện nam! Phật, Duyên-giác và Thanh-văn khác nhau, vì thế Tam Bảo không thể không khác. Thế nào gọi là khác? Lúc phát tâm khác, khi đắc đạo khác, khi tu hành khác và tánh phần đều khác, do vậy gọi là khác. Vì nhân duyên gì mà nói Phật tức là Pháp? Vì có thể giảng giải được pháp, nên gọi là Phật, thọ lãnh giáo pháp, phân biệt giảng thuyết gọi là Tăng. Có thuyết nói: Phật cũng nhập vào hàng ngũ chúng Tăng, thì không có Tam Bảo, tam quy y và bốn niềm tin bất hoại. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Phật nếu nhập vào hàng ngũ Tăng, thì không có Tam bảo sao? Không có ba quy y, bốn niềm tin bất hoại sao? Này thiện nam! Pháp của Bồ-tát khác pháp của Phật cũng khác.

Bồ-tát có hai hạng: Hậu thân Bồ-tát. Lúc tu tập đạo lí. Quy y hậu thân của Bồ-tát gọi là quy y Pháp. Quy y Bồ-tát lúc tu tập gọi là quy y Tăng, quán pháp Hữu vi có rất nhiều tội lỗi, ở riêng một nơi tu tập được vị cam lồ, nên gọi là Phật. Tất cả pháp giới Vô lậu, Vô vi gọi là Pháp. Thọ trì giới cấm, đọc tụng, giảng giải mười hai bộ kinh, gọi là Tăng. Nếu có người nói: " Như Lai đã diệt độ rồi, quy y Phật là quy y thế nào?"

Này thiện nam! Quy y pháp vô học của các Đức Phật, trong đời quá khứ, quy y như vậy, gọi là quy

y. Như lúc trước, Như Lai dạy trưởng giả Đề Vị, nên quy y chúng Tăng đời sau. Quy y chư Phật đời quá khứ, cũng như vậy. Phước điền, quả báo có nhiều hay ít sai khác, chia ra làm ba. Nếu Phật còn tại thế và sau khi vào Niết Bàn, phước báo của sự cúng dường không có sai khác. Người lãnh thọ quy y cũng như thế. Như Phật còn tại thế, vì hàng đệ tử mà chế ra giới luật, khi đức Phật đã tịch diệt, có người huỷ phạm, cũng bị tội báo, quy y chư Phật quá khứ, cũng như vậy, Như lai lúc gần Niết Bàn, tất cả Trời, Người vì sự Niết bàn của Phật, dâng lên cúng dường rất nhiều tài vật, bấy giờ Như Lai chưa vào Niết Bàn, vẫn còn tại thế nhưng thọ nhận những sự cúng dường của đời sau, quy y chư Phật trong quá khứ cũng như vậy. Thí như người có cha, mẹ ở xa, người ấy có lúc giận dữ chửi mắng, cũng bị mắc tội, hoặc có lúc cung kính, khen ngợi cũng được phước báo. Quy y chư Phật ở đời quá khứ, cũng như vậy. Vì thế Như Lai nói: Như Lai còn tại thế và sau khi Niết Bàn, có thiết lễ cúng dường, thì người cúng dường hưởng phước báo cũng giống nhau.

Này thiện nam! Có người nam hay nữ có thể nói ba lần pháp Tam quy, gọi là Ưu-bà-tắc, gọi là Ưu-bà-di. Chư Phật chỉ quy y Pháp, nhưng Pháp do Phật thuyết giảng, nên được hiển hiện, vì thế trước tiên nên quy y Phật. Thanh tịnh thân, khẩu, ý, chí tâm niệm Phật. Niệm rồi xa lìa được sợ hãi,

khổ não, do vậy nên quy y Phật trước. Người trí soi xét kỷ về trí tuệ và giải thoát của Đức Như Lai là hơn hết có thể giảng pháp giải thoát và nhân duyên giải thoát, có thể thuyết giảng về cõi vắng lặng vô thượng, có thể làm khô cạn biển lớn khổ não sanh tử, oai nghi đĩnh đạt, ba nghiệp vắng lặng, vì thế, trước tiên nên quy y Phật. Người trí quán sát sâu xa về pháp trong cõi sanh tử là nỗi khổ lớn, nhờ đạo lí chơn chánh vô thượng, mới có thể diệt trừ. Pháp sanh tử là khát ái, nghèo đói, vị cam lồ Vô thượng mới làm no đủ cả. Pháp sanh tử là lo sợ, hiểm nạn, chánh pháp cao cả diệt trừ được hết. Sanh tử là sai lầm, không đúng sự thật, Vô thường cho là thường, vô ngã cho là ngã, không an lạc cho là an lạc, không thanh tịnh cho là thanh tịnh, chánh pháp cao quí thì diệt trừ được tất cả, do nhân duyên ấy nên quy y Pháp. Người trí nên quán sát đồ chúng của ngoại đạo là những người không có hổ thẹn, sống không đúng pháp, tuy có tu tập, nhưng không biết con đường chơn chánh, dù có cầu giải thoát nhưng không đạt được mục đích, dù được một ít pháp lành của thế tục, nhưng ích kỷ không dạy lại cho người, không phải tánh của việc thiện mà tưởng là việc thiện. Còn Tăng chúng của Phật tâm đều vắng lặng, tâm thương yêu rộng lớn, ít ham muốn, biết đủ, sống như chánh Pháp, tu đạo chơn chánh, chứng được giải thoát, sau khi chứng đắc đạo quả đem dạy lại cho tất cả mọi người, vì thế

nên quy y Tăng. Nếu biết lễ bái Tam Bảo như vậy, cung kính đón tiễn, tôn trọng, khen ngợi, như pháp vững tin, không còn nghi ngại ấy mới gọi là cúng dường Tam Bảo. Nếu có người nào, đã quy y Tam Bảo, dù không thọ giới, nhưng diệt trừ tất cả pháp xấu ác, tu tập tất cả các pháp chơn thiện, tuy ở tại gia, sống đúng chánh pháp, thì cũng gọi là Ưu-bà-tắc. Nếu có ai đó nói: " Trước không quy y Phật, Pháp, Tăng Bảo, thì nên biết người ấy không được đắc giới". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì trước kia Như Lai đã dạy: " Thiện lai Tỳ-kheo!" Là người dù chưa được quy y Tam Bảo, nhưng mà giới luật đã được đầy đủ. Hoặc nếu có ai đó nói: " Nếu không thọ đủ tất cả các giới, tức không được giới. Pháp Bát quan Trai giới cũng như vậy". Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì không thọ đủ nên không được giới, nhưng có người chỉ cầu Ưu-bà-tắc, làm sao được giới, nhưng thật sự vẫn là được giới, chỉ không trọn đủ hoàn toàn đó thôi. Bát Quan Trai giới, nếu không thọ đủ, dù không gọi Trai, nhưng có thể được gọi là lành.

Này thiện nam! Nếu có thể làm trong sạch thân, khẩu, ý nghiệp mà thọ giới Ưu-bà-tắc, thì gọi là năm ấm. Vậy thế nào gọi là năm ấm? Không lãnh thọ sự hiểu biết sai lầm, không nói về sự hiểu biết sai lầm, mà chỉ tin, hiểu cái đúng và chỉ nói điều hiểu biết đúng, tu hành chánh pháp thì gọi là năm ấm.

Thọ Tam quy rồi, mà làm các việc si mê, thọ pháp ngoại đạo và lời dạy của trời Tự Tại, ấy là nhân duyên mất Tam quy. Nếu người chất phác, chân thật, tâm không tham lam, tu hành, biết hổ thẹn, ít ham muốn biết đủ, người ấy không lâu sẽ được thân tâm thanh tịnh. Nếu có người tạo ra nhiều thứ nghiệp xấu, muốn được an vui, nên tu tập nghiệp lành, như việc buôn bán ở chợ, nhưng kì thật tâm người ấy, không thương yêu chúng sanh, như vậy, người ấy không được pháp Tam quy. Nếu người vì giữ gìn nhà cửa, thân mạng, mà cúng tế các vị thần, thì người ấy không gọi là mất pháp quy y, nếu người chí tâm tin ngoại đạo, có thể cứu được tất cả lo sợ, mà lễ bái họ, thì người này mới mất pháp Tam quy. Nếu nghe theo các trời, có vị từng thấy công đức của Phật hơn mình, mà lễ bái cúng dường, thì người ấy, mất pháp Tam quy. Hoặc có lúc lễ bái Tự tại Thiên vương, cũng như lễ bái các vị vua thế gian, trưởng giả, người quý phái, các bậc có tuổi có đức hạnh, người như vậy, không mất pháp Tam quy. Dù có phải lễ bái giáo pháp tà đạo, cũng nên cẩn thận, không được lãnh thọ, lúc cúng dường các vị trời, nên khởi tâm Từ bi, vì để giữ gìn tài sản, đất nước và sự lo sợ của dân. Giáo thuyết của tà kiến, tại sao không lãnh thọ? Người trí nên quán sát kỷ giáo pháp ngoại đạo, vì họ nói: " Tất cả vạn vật, đều do trời Tự tại tạo ra" . Nếu do trời Tự tại tạo ra, vì sao ngày nay

Như Lai phải tu pháp thiện? Hoặc nói : " Rơi mình xuống vực sâu, nhảy vào lửa, nhịn đói, xả bỏ thân mạng tức thì hết khổ". Đó là nguyên nhân khổ, sao nói là thoát khổ? Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác và do nghiệp duyên mà tự chịu quả báo. Nếu có thuyết nói: " Tất cả vạn vật, thời tiết, trăng sao, đều do trời Tự tại tạo ra". Tà thuyết nói như vậy, thì ta cần gì tạo ra các công việc trong hiện tại và đâu có nhận lãnh nghiệp quả quá khứ làm gì? Người trí biết rất rõ nghiệp quả như vậy, tại sao còn nói thời tiết, trăng sao do trời Tự tại tạo ra! Còn nếu nói thời tiết, trăng sao là nhân duyên thọ chịu những khổ vui; thì thiên hạ có cùng thời tiết, tinh tú, tại sao có người khổ, có người vui, có người nam, có người nữ? Cõi Trời, A-tu-la có cùng thời tiết, đồng sanh một tinh tú, sao có lúc cõi Trời hơn A-tu-la, hoặc có lúc A-tu-la hơn cõi Trời, mà không như nhau? Hoặc có lúc các vị vua cùng thời tiết, cùng tinh tú, cùng chung pháp chế cai trị, mà có người mất nước, có người giữ gìn được đất nước? Các ngoại đạo cũng nói: " Nếu có năm tháng xấu, tinh tú xấu xuất hiện, nên dạy chúng sanh, tu tập pháp lành, để tống khứ tai hoạ". Nếu đã do năm tháng xấu và tinh tú xấu sinh ra, tại sao tu tập pháp thiện lại diệt trừ được? Do nhân duyên ấy, người trí sao thọ lãnh giáo pháp của ngoại đạo?

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh, tùy theo nghiệp đã tạo, nếu tu theo sự chân chánh sẽ được

an lạc, nếu tu theo sự hiểu biết sai lầm, sẽ bị khổ đau. Do tu nghiệp thiện, mà được tự tại, được tự tại rồi chúng sanh gần gũi, mình sẽ nói nhân duyên tạo nghiệp lành mà được tự tại, tất cả chúng sanh đều do nhân duyên tu nghiệp lành, nên hưởng được an lạc, chứ không phải do năm tháng xấu, hay tinh tú không tốt.

Này thiện nam! Vua A-Xà Thế và Đề-Bà-Đạt-Đa đều do nhân duyên tạo nghiệp xấu ác, nên đọa vào địa ngục, không phải do năm tháng xấu, tinh tú không tốt, mà bị quả báo đó. Uất-Đầu-Lam-Phất do nhân duyên tà kiến, đời sau bị đọa vào trong địa ngục lớn.

Này thiện nam! Tất cả pháp thiện do lòng tham muốn làm căn bản, nhờ nhân duyên tham muốn mà được Tam Bồ-đề và quả giải thoát. Vào trong pháp xuất gia, phá trừ các nghiệp xấu và nghiệp trong ba cõi, năng thọ trì giới luật, gần gũi chư Phật, bố thí và xả cho tất cả người ăn xin, tu tập định tánh, diệt trừ quả báo xấu ác, tiêu diệt tội lỗi, quyết được " Định Tụ", xa lìa ba chướng, khôn khéo tu tập diệt trừ phiền não, ấy là nhân duyên tham muốn để thọ trì Tam quy, nhờ thọ trì Tam quy mà được thọ giới, đã thọ giới rồi nên hiểu biết tu tập hơn hẳn hàng Thanh- văn. Có người lo sợ sư tử, cọp, sói, các loại thú dữ . v. v… quy y với Phật còn được giải thoát, huống chi là người phát tâm lành cầu đạo xuất thế mà không được giải thoát? Ông Cấp Cô Độc dạy

bảo mọi người trong nhà. Đến như người con, còn ở trong thai cũng cho thọ Tam quy. Người con trong thai thật ra không thể thành tựu Tam quy. Tai sao? Vì pháp Tam quy cần phải từ chính miệng mình phát ra lời nói. Mặc dù không được thành tựu nhưng cũng được ủng hộ.

Này thiện nam! Các ngoại đạo nói: " Tất cả thế gian đều do trời Tự Tại tạo ra". Họ cũng nói: " Vào đời sau hơn trăm kiếp, sẽ có một vị Huyễn Hoá xuất thế, họ nói người Huyễn Hoá ấy tức chỉ cho Phật. Nếu trời Tự tại có thể làm Phật, thì tại sao Phật phá nghĩa quy y của trời Tự tại? Nếu trời Tự tại không thể làm Phật, tại sao nói tất cả thế gian đều do trời Tự Tại tạo ra? Ngoại đạo lại nói: Trời Đại Phạm thiên vương, Trời Đại Tự Tại, Tỳ Nựu Thiên Chủ đều là một, lại nói chỗ sanh của mỗi vị có khác nhau. Trời Tự Tại có các tên: Thường, Chủ, Hữu, Luật Đà, Thi Bà, mỗi mỗi tên đều có sự khác nhau, cũng cầu giải thoát, cũng là giải thoát. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì Trời Tự Tại sanh ra chúng sanh, tạo ra các cõi, tạo nghiệp thiện ác và các nghiệp quả báo, tạo tham, sân, si trói buộc chúng sanh, lại nói chúng sanh lúc được giải thoát đều vào trong thân, do vậy giải thoát là pháp vô thường. Nghĩa này không đúng. Vì nếu vô thường, thì làm thế nào được gọi là giải thoát? Như con Bà-la-môn trở lại được sống lâu. Do vậy không nên gọi trời Tự Tại và ba vị trời kia, cũng không

được gọi là một. Vì sao? Vì người A-chu-na, mà Tỳ-nựu-đại thiên, vì họ tạo pháp giải thoát, do ý nghĩa ấy mà gọi là một. Nếu nói giải thoát là vô thường, thì nên biết là huyễn, chứ không phải Phật là huyễn. Nếu biết được chánh kiến, chơn ngã rõ ràng, đó là giải thoát. Lại có thuyết nói: " Thấy được vi trần gọi đó là giải thoát". Lại có thuyết nói: " Thấy được tánh khác, ngã khác, gọi là giải thoát". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì có khả năng tu tập đạo lí, thì thấy được Tứ đế chân thật, thì người ấy mới thấy được tánh, thấy được ngã. Nếu người đã thọ Tam quy, người ấy có thể thấy được Tứ đế chân thật. Tam quy chính là cội nguồn của tất cả thiện pháp, cho đến cội nguồn của Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia hành thanh tịnh Tam quy, không lấy làm khó, Bồ-tát tại gia, hành thanh tịnh Tam quy mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 21: BÁT QUAN TRAI GIỚI

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người thọ Tam quy Trai giới, thì người ấy, được những phước báo

gì?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Nếu có người, được thọ Tam quy Y, nên biết, người này, được phước báo không cùng tận.

Này thiện nam! Nước Ca-Lăng-Già, có kho tàng chứa bảy báu, gọi là Tân-già-la. Dân chúng trong nước đó bao gồm lớn nhỏ, nam nữ, nếu dùng xe cộ, voi, ngựa, lạc đà, lừa v. v… chở trong bảy ngày, bảy tháng và bảy năm, cũng không thể hết. Nếu có người chí tâm thọ Tam quy Trai giới, thì người ấy được công đức phước báo nhiều hơn vật báu của kho tàng kia.

Này thiện nam! Nước Tỳ-đề-ha có kho bảy báu, tên là Bán-lăng- ca. Dân chúng trong nước đó, bao gồm lớn nhỏ, nam nữ nếu dùng xe cộ, ngựa, voi, lạc đà, lừa v. v… chở đi bảy ngày, bảy tháng, bảy năm cũng không thể hết được. Nếu có người, chí tâm thọ Tam quy Trai giới, thì người ấy được công đức phước báo nhiều hơn vật báu của kho tàng kia.

Này thiện nam! Nước Ba-La-Nại, có kho bảy báu, tên là Nhương Khư. Dân chúng trong nước ấy lớn nhỏ, nam nữ nếu dùng xe cộ, ngựa, voi, lạc đà, lừa v. v… chở đi trong bảy ngày, bảy tháng, bảy năm cũng không hết vật báu, trong kho bảy báu kia. Nếu có người thọ trì Tam quy Trai giới, thì người ấy công đức phước báo có được sẽ nhiều hơn

vật báu trong kho tàng kia.

Này thiện nam! Nước Càn-đà-la có kho bảy báu, tên là Y-La-Bát- Đa. Dân chúng trong nước ấy bao gồm lớn nhỏ, nam nữ thường, nếu dùng xe cộ, voi, ngựa, lạc đà, lừa v. v… chở đi trong bảy ngày, bảy tháng, bảy năm cũng không thể hết vật báu trong bảy kho tàng ấy. Nếu có người chí tâm thọ Tam quy trai giới, thì công đức phước báo, của người này có được nhiều hơn vật báu của kho tàng kia.

Này thiện nam! Có người theo người khác, ba lần thọ Tam quy, ba lần thọ, Tám giới, đó gọi là đầy đủ Ưu-bà-tắc trai giới, một ngày một đêm khi ánh sáng mặt trời vừa xuất hiện là lúc xả giới, cho nên không được bên tượng Phật cầu thọ giới. Phải theo người nào căn bản thanh tịnh, thọ rồi thanh tịnh tu tập, giác quán thanh tịnh, tâm niệm thanh tịnh và cầu phước báo thanh tịnh, đó mới gọi là Tam quy, Trai giới thanh tịnh.

Này thiện nam! Nếu người quy y và thọ Tám Trai giới thanh tịnh như thế, ngoài năm tội ngũ nghịch ra, còn tất cả tội khác, đều diệt trừ được hết. Do vậy giới này, không thể một lúc mà hai người cùng thọ. Vì trong một lúc mà hai người cùng thọ, thì nhân duyên gì một người hủy phạm, một người kiên trì? Vì thần lực của giới này, nên đời sau, trong cuộc sống không làm việc ác, đã thọ giới rồi, có tạo lỗi lầm không bao giờ mất giới. Nếu trước

đó, quan sai đem sắc lịnh đến để xử tử một người, nhưng lịnh chậm chưa đến, người thọ lịnh liền phát tâm thọ Trai giới, lúc thọ Trai giới thì lệnh đến nên phải giết, mặc dù cùng một lúc, nhưng nhờ oai lực của giới, mà không mắc tội sát sanh. Nếu có người quyền quí, thường hay ra lệnh làm các việc ác, mà muốn thọ Trai giới, thì trước nên cảnh tỉnh họ phải diệt trừ các điều ác, để được trong sạch, nếu trước không bảo họ diệt trừ các điều ác, mà liền cho họ thọ Trai giới; như vậy không được gọi là Trai giới. Người muốn thọ Trai giới, trước phải báo cho người lãnh đạo trong địa phương của mình: Tôi muốn thọ Trai giới, hễ đến những ngày Trai giới, phải đình chỉ những hình phạt. Nếu thọ trì Trai giới thanh tịnh như vậy, thì người ấy được vô lượng phước báo, cho đến mọi sự an lạc cao quý.

Khi Phật Di Lặc ra đời, người thọ Trai giới cả trăm năm, không bằng đời Như Lai bây giờ chỉ một ngày đêm. Vì sao? Vì hiện tai đời này chúng sanh đầy đủ những điều ô trược, vì thế Như Lai vì bà Lộc Tử nói: Này thiện nữ! Nếu cây Sa La có thể thọ Tám Trai giới, thì cũng được hưởng an vui nơi cõi Trời, Người với niềm vui cao quí.

Này thiện nam! Tám Trai giới này, tức là chuỗi ngọc để trang nghiêm Bồ-đề vô thượng. Trai giới như vậy, vừa dễ thọ trì, mà lại được nhiều công đức; nếu có người, cảm thấy thọ trì dễ như vậy, mà không thọ trì, đó là người buông lung.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia, dạy bảo chúng sanh, thọ trì thanh tịnh Tám Trai giới không khó, Bồ-tát tại gia, dạy bảo người khác thọ trì thanh tịnh Tám Trai giới, mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

-oOo-

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 6

Phẩm 22: NĂM GIỚI

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Những người nào được Tam quy và những người nào không được Tam quy?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Những người tin nhân, tin quả, tin về đạo lí chân thật, tin mình có thể được chánh đạo, thì được Tam quy. Những người chí tâm, niềm tin không thối chuyển, gần gũi Tam Bảo, nghe lời chỉ dạy của bạn tốt, thì được Tam quy. Giới Ưu-bà-tắc cũng vậy. Nếu có khả năng quán, giới Ưu-bà-tắc có nhiều công đức phước báo và diệt được vô lượng pháp ác, chúng sanh vô số thọ khổ cũng như vậy. Khó được làm thân người, dù được làm thân người, khó đủ các căn; dù đủ các căn, khó có được tín tâm, dù được tín tâm, khó gặp bạn lành, dù gặp bạn lành, khó được tự tại, dù được tự tại, nhưng các pháp vô thường. Ta nay nếu tạo ác nghiệp, do nghiệp ác này mà thân tâm thọ quả

báo xấu trong hai đời, vì nhân duyên ấy, hễ thân, khẩu, ý làm ác, là kẻ thù của ta. Giả sử ba nghiệp tạo ác, mà không mắc quả báo, thì những nghiệp ác ở hiện tại, cũng không nên làm. Trong hiện tại, ba nghiệp ác sanh Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức ác; khi chết sanh hối hận. Vì sao? Vì nhân duyên ấy, ta thọ Tam quy và Tám trai giới để xa lìa tất cả nghiệp ác và bất thiện. Người trí, nên quán giới có hai loại: Giới Thế gian, Giới Đệ nhất nghĩa. Nếu không nương nơi Tam Bảo mà thọ giới, gọi là giới Thế gian, giới ấy không bền chắc, như màn vẽ không có keo, do vậy, ta trước quy y Tam Bảo, sau mới thọ giới, hoặc thọ giới trọn đời hoặc thọ chỉ trong một ngày một đêm, đó là pháp Tám Trai giới của Ưu-bà-tắc. Hễ là pháp thế gian thì không thể phá trừ được các nghiệp ác ở đời trước, còn thọ Tam quy giới, thì phá trừ được, dù tạo tội lớn cũng không mất giới, vì nhờ oai lực của giới. Hai người cùng tạo tội ác, một người thọ giới, một người không thọ giới, thì người đã thọ giới tội nặng hơn, còn người chưa thọ giới tội nhẹ hơn, vì phá bỏ lời dạy của Phật. Tội có hai loại: Tánh trọng. Giá trọng. Hai tội ấy, lại có nặng nhẹ, hoặc có người tội nặng lại tạo nhẹ, có người tội nhẹ mà tạo nặng, như Ương Quật Ma thọ giới thế gian, Rồng Y La Bát thọ giới Đệ nhất nghĩa. Ương Quật Ma La phá tánh trọng, nên không tội nặng, Rồng Y La Bát phá hoại giá chế, nên bị tội nặng; vì thế có người tội

nặng thành nhẹ, tội nhẹ thành nặng, do vậy, không nên cho giới đồng, được phước báo cũng giống nhau. Giới Thế gian cũng có không giết hại, không trộm cắp; giới Đệ nhất nghĩa, cũng không giết hại, không trộm cắp; cho đến không uống rượu cũng như vậy. Giới Thế gian nguồn gốc của nó không thanh tịnh, sau khi thọ rồi sẽ không thanh tịnh, nên khi thực hành không thanh tịnh, giác quán không thanh tịnh, tâm niệm không thanh tịnh, phước báo không thanh tịnh; nên không gọi là giới Đệ nhất nghĩa, chỉ gọi là giới thế gian; do vậy, ta thọ đầy đủ giới Đệ nhất nghĩa.

Này thiện nam! Chúng sanh đời sau thân cao tám trượng, tuổi thọ tám vạn bốn ngàn năm, lúc ấy mới thọ giới. Hoặc nay trong đời xấu ác, nếu có người thọ giới, thì phước báo hai người bằng nhau, vì ba thiện căn bình đẳng. Hoặc có thuyết nói: "Nếu giết hại thân mạng sẽ được đắc giới". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì hễ là giới cấm, thì với tất cả loại vật đáng giết, đều không được giết. Loài vật đáng giết mà không được giết, nhiều đến vô lượng vô biên, phước báo của giới cũng vô lượng vô biên như vậy.

Này thiện nam! Trong tất cả sự bố thí, bố thí sự không sợ hãi là thứ nhất; vì thế, Như Lai mới nói rộng năm thứ bố thí, tức là năm giới; năm giới như vậy, làm cho chúng sanh, xa năm điều lo sợ. Năm thứ bố thí ấy, rất dễ tu hành, rất tự tại, không

chướng ngại và không tốn kém tài vật mà được phước báo vô lượng vô biên, xa lìa năm thứ bố thí ấy, không thể chứng được quả Tu-Đà-Hoàn cho đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam! Nếu người nào, thọ giới rồi; nên biết, người ấy, được các vị Trời, Người cung kính ủng hộ; được danh tiếng rộng khắp, dù có gặp cảnh xấu ác, tâm không u buồn, chúng sanh thích gần gũi, ưa đến nương tựa. Con của trưởng giả Cấp Cô Độc, mặc dù vì tám ngàn đồng tiền vàng mà thọ giới cũng được phước báo vô lượng công đức.

Này thiện nam! Vì tài vật mà thọ giới, còn được lợi ích, huống là có người chí tâm vì pháp giải thoát mà không được phước báo sao?

Này thiện nam! Có năm pháp lành bao quanh các giới ấy, luôn làm cho giới tăng trưởng như nước sông Hằng. Năm pháp ấy là: 1: Tâm tư. 2: Tâm bi. 3: Tâm hỷ. 4: Nhẫn nhục. 5: Lòng tin. Nó làm cho người đó có khả năng phá trừ tà kiến sâu dày, tâm không nghi ngờ, đầy đủ chánh niệm, tu tập thanh tịnh, cội gốc cũng thanh tịnh, xa lìa những giác quán xấu.

Này thiện nam! Nếu người nào có khả năng xa lìa năm điều ác, gọi là thọ giới, thì xa lìa được tất cả điều ác của thân, khẩu, ý. Nếu có người náo đó nói, xa lìa năm giới này rồi, cũng có thể thoát khỏi sanh tử, thì nghĩa này không có lý.

Này thiện nam! Nếu người nào muốn vượt biển khổ sanh tử, thì nên chí tâm thọ trì năm giới. Trong năm giới này, có bốn giới đời sau thành vô tác giới, chỉ vì lòng ái nhiễm khó đoạn trừ, nên phải không thành, do nhân duyên trói buộc nơi dâm dục, vậy nên chí tâm, cẩn thận, không buông lung. Nếu có thuyết nói: "Lại có vô lượng pháp rất nặng; chư Phật trong quá khứ, vì nhân duyên gì không ngăn cấm, mà chỉ ngăn cấm không uống rượu?"

Này thiện nam! Do uống rượu, tâm không còn biết hổ thẹn; đối với ba đường dữ không còn biết lo sợ; vì nhân duyên ấy, nên không thọ được bốn giới kia. Do vậy, chư Phật quá khứ ngăn cấm không cho uống rượu. Nếu có thuyết nói: "Như Lai đã nói: Rượu có nhiều tội lỗi, tại sao năm giới không để nó ở phần đầu?" Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì giới không uống rượu là giá trọng, không phải là tánh trọng. Như lai trước chế ra giới tánh trọng, sau chế ra giá trọng.

Này thiện nam! Như Lai trước đã có nói, trong tháng có trăng hay tối trăng đều có ba ngày Trai, là dựa theo ngoại đạo, vì họ thường dùng những ngày ấy, cúng dường các vị trời, nên Như Lai nói có ba ngày Trai. Này thiện nam! Nhờ dây buộc nên màn cửa không rơi, pháp ba ngày Trai cũng vậy. Chúng sanh, nếu phát tâm thọ trì Trai giới, không bao giờ đọa vào ba đường ác.

Này thiện nam! Có người, lúc muốn bố thí, lúc

cúng dường Tam Bảo, lúc thì tọa thiền, lúc tu tập thiện pháp, lúc thì đọc kinh cúng dường cha mẹ, lại còn tự lập nguyện: "Nếu ta không làm, phải tự phạt lấy", thì người này, ngày đêm phước đức tăng trưởng như dòng sông Hằng. Năm giới như vậy có năm phước báo: Quả vô tác. Quả báo. Quả thừa. Quả tạo tác. Quả giải thoát. Nếu có người thọ trì đầy đủ năm giới, nên biết, người này được năm phước báo như vậy. Nếu có vị Ưu-bà-tắc thường đến chùa, đến các Tăng phòng, gần gũi các vị Tỳ-kheo để thưa hỏi giáo lý, chú ý lắng nghe thọ trì, ghi nhớ, không quên, phân biệt ý nghĩa. Lại còn dạy cho chúng sanh, thì người ấy được gọi là Ưu-bà-tắc lợi mình và lợi người. Nếu Ưu-bà-tắc không siêng học tập những lời đã nói trên, xem thường Tỳ-kheo, hoặc vì muốn tìm lỗi lầm mà đến nghe pháp, chớ không có tín tâm, cung kính, phụng thờ ngoại đạo, làm theo công đức của họ, tin vào ngày tháng và các sao hạn; thì Ưu-bà-tắc ấy gọi là không kiên cố, không sống đúng như chánh pháp. Nếu Ưu-bà-tắc tuy không làm năm tội ác, mà dạy người khác làm, thì Ưu-bà-tắc ấy không sống đúng như chánh pháp; nếu Ưu-bà-tắc trước nhận tài vật của người khác hứa sẽ làm xong, mà không làm xong, thì Ưu-bà-tắc ấy sống không đúng chánh pháp; nếu Ưu-bà-tắc đi làm người thâu thuế thương mại; thì Ưu-bà-tắc ấy, sống không đúng với chánh pháp. Nếu Ưu-bà- tắc tính giá tiền, rồi mới trị bệnh, trị

rồi bán tài vật của người bệnh, thì Ưu-bà-tắc ấy sống không đúng với chánh pháp. Nếu Ưu-bà-tắc làm không đúng với giới luật nhà nước, thì Ưu-bà-tắc ấy, sống không đúng với chánh pháp. Nếu Ưu-bà-tắc tự mình không làm việc ác, không dạy người khác làm việc ác, không nhớ nghĩ việc ác, thì gọi là Ưu-bà-tắc sống đúng với chánh pháp. Nếu Ưu-bà-tắc do phiền não mà tạo các việc, lại không sanh tâm hổ thẹn, sám hối, gọi là Ưu-bà-tắc sống không đúng chánh pháp. Nếu Ưu-bà-tắc vì thân mạng mà tạo các tội ác, thì gọi là Ưu-bà-tắc sống không đúng chánh pháp. Nếu Ưu-bà-tắc đã được thân người làm mà việc phi pháp, thì không gọi là người. Nếu được tín tâm, luôn làm việc phước đức, tu tập chánh niệm, quán tất cả các pháp đều là vô thường, còn không phải ta và không phải của ta, đối với tất cả các pháp tâm không vướng mắc, thấy tất cả các pháp đều không được tự tại, sanh, diệt, khổ, không đều không vắng lặng. Thân người khó được, tuy được thân người nhưng các căn khó đủ, dù đủ các căn khó được chánh kiến, dù được chánh kiến; khó được tín tâm, dù được tín tâm, khó được bạn tốt, dù gặp bạn tốt, khó được nghe chánh pháp, dù được nghe chánh, pháp khó được thọ trì, thường quán được như vậy, mới xứng đáng gọi là người. Nếu người quán dục giới là vô thường, cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng đều vô thường, nhờ nhân duyên ấy, mà không cầu sanh trong ba đường

ác, cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, quán như vậy rồi, mới thấy ba cõi không bền chắc; đem thân không bền chắc đổi lấy thân bền chắc, tức là ra sức lễ bái cúng dường, cung kính đưa đón, tự tay bố thí, đích thân làm việc phước, đó gọi là đem thân không kiên cố, đổi lấy thân kiên cố, lấy tài vật không kiên cố đổi lấy tài vật kiên cố, có thể tự đem đồ ăn uống, tiêu dùng làm bố thí, cung cấp cho người bệnh, người ốm yếu, người đi đường. Chí tâm cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, người nghèo khổ v. v…, đó gọi là đem của cải không bền chắc, đổi lấy của cải chân thật, lấy mạng sống mỏng manh đổi lấy đời sống chơn thường Tu hành lục niệm, Từ, Bi, Hỷ, Xả, chứng được bốn chân đế, sáng suốt soi xét sanh, già, bệnh, chết, tin sâu quả báo của nghiệp thiện ác, biết rõ ân ái sẽ có chia ly, biết tất cả chúng sanh không được tự tại, biết chưa được thánh đạo thì lực sanh tử là rất mạnh, tất cả niềm vui trong đời thường đều có ẩn mầm đau khổ, dù tâm không lãnh thọ, nhưng không vướng mắc, giống như tháng lạnh

, tìm lửa để sưởi ấm, trọn đời không làm ác, tu nhẫn nhục và hai loại bố thí, giúp cho chúng sanh quán sát kỹ khổ vui với tâm bình đẳng, hễ nói điều gì dùng lời dịu dàng, khéo dạy chúng sanh, dạy bảo họ sống đúng với chánh pháp, xa lìa bạn ác, tâm không buông lung, uống rượu, đánh bạc, săn bắn v. v… đều không làm, đó là đem mạng sống không

bền chắc đổi lấy mạng sống lâu dài.

Này thiện nam! Nếu được làm thân người, lại được giàu có và tự tại, trước nên cúng dường cha mẹ, sư trưởng, Hoà thượng, người lớn tuổi, người giữ gìn chánh pháp, cung cấp cho người từ xa đến hay người bắt đầu đi, những vật cần dùng, giúp người tàn tật, lời nói dịu dàng, thường hay hổ thẹn, không chỉ kính tin người có đức, hễ thấy có Hiền Thánh giữ giới, đa văn, nên đem thực phẩm ăn uống, nhà cửa, ngọa cụ, y phục, thuốc men dâng lên cúng dường, tin chắc chúng Tăng có nhiều công đức, tu tập hướng Tu Đà Hoàn để chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, cho đến tu tập hướng A La Hán để chứng đắc quả A la Hán, tu tập tam muội Kim cang, tam muội Điện quang. Quán như thế xong, bình đẳng dâng cúng, bố thí như vậy được vô lượng phước, cho nên trong kinh Lộc Tử, Như Lai bảo mẹ Lộc Tử: "Mặc dù thỉnh Phật và năm trăm A La Hán, vẫn không được gọi là thỉnh Tăng phước điền. Nếu có thể ở trong Tăng chúng, bố thí cho vị Tỳ-kheo tương tợ ác, vẫn được công đức. Vì sao? Vì Tỳ-kheo như vậy, tuy là người ác không có trì giới, đa văn, không tu tập pháp thiện, nhưng có thể diễn bày ba thứ Bồ-đề, có nhân có quả, cũng không huỷ báng Phật, Pháp và Tăng, nắm giữ ngọn cờ chánh pháp thù thắng hơn hết của Như Lai, chánh kiến không sai lầm. Nếu cúng dường Tăng, tức là cúng dường Phật và Tăng. Nếu quán công

đức vi diệu của Phật Pháp, tức là cúng dường đầy đủ Tam Bảo. Nếu có người, lúc bố thí, không cầu phước báo, tức là cúng dường Bồ-đề Vô thượng, là thành tựu Thí Ba-la-mật, tu đạo Bồ-đề, đời sau được vô lượng công đức, cũng có thể tự lợi và lợi tha. Hoặc có thể tu tập Từ bi, vì muốn phá trừ nỗi khổ của người khác, phải tự bỏ an vui của mình, dù chưa được tâm Bồ-đề nhưng không u buồn, ăn năn, dù nghe Bồ-đề lâu xa khó được, mà nội tâm ban đầu vẫn không lay động, vì chúng sanh trong nhiều đời, nên có thọ chịu bao nhiêu khổ não, cũng không nhàm chán, thích làm như chánh pháp, không cầu cảnh vui thế tục, ưa ở nơi vắng lặng, xuất gia tu đạo, nếu chưa được xuất gia, tuy còn tại gia vẫn như người giải thoát, không làm việc ác, được ba loại giới: Giới Giới, giới Định, giới Vô lậu.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia, và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia như pháp tu hành, không cho là khó. Bồ-tát tại gia, như pháp tu hành mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 23: GIỚI BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để

hướng đến Bồ-đề, tâm được vững chắc?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Bồ-tát muốn được vững chắc phải đủ bốn pháp: 1: Khi chịu nhiều khổ đau quyết không xa lìa hạnh nguyện đúng như pháp. 2: Được đại tự tại thường tu nhẫn nhục. 3: Thân ở nơi nghèo khổ vẫn thường ưa bố thí. 4: Tuổi còn mạnh khỏe thường ưa xuất gia. Nếu có Bồ-tát nào, đầy đủ bốn pháp như vậy, thì hướng đến quả vị Bồ-đề, tâm được vững chắc. Bồ-tát đã đầy đủ bốn pháp như vậy, lại suy nghĩ: "Nền tảng đầu tiên của đạo Bồ-đề là giới, giới như vậy cũng gọi là địa thứ nhất, cũng gọi là địa đạo, cũng gọi là đạo bình, cũng gọi là đạo đẳng, là đạo từ, là đạo bi, là Phật tích, cũng là cội gốc của tất cả công đức, phước điền". Do nhân duyên ấy, người trí, nên thọ trì giới, không được huỷ phạm. Lại nữa, người trí nên khởi niệm, giới có hại phước báo: Cảnh vui cõi trời và cảnh vui Bồ-đề. Người trí nên cầu quả vui Bồ-đề, không cầu quả vui cõi trời. Nếu người đã thọ giới rồi, việc không nên làm mà làm, điều không đáng nhớ nghĩ mà nhớ nghĩ, mỏi mệt, biếng nhác, thường ưa ngủ nghỉ, tư tưởng xấu ác, sống theo tà mạng và thệ nguyện ác, ấy là làm nhơ Thánh giới. Nếu đã thọ giới rồi, tâm sanh hối hận, cầu vui cõi trời, lại nhiều buông lung, không có lòng thương xót, ấy là làm nhơ thánh giới. Nếu vì sợ nghèo khổ, hoặc vì khiếp sợ, hoặc vì mất tài vật, hoặc sợ làm người giúp

việc, hoặc vì thân mạng, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì tâm tham ái mà thọ giới cấm, đã thọ giới rồi tâm sanh nghi ngờ, ấy là làm nhơ Thánh giới.

Này thiện nam! Nếu người không muốn ở lâu trong sanh tử, thấy rõ mọi tội lỗi, quán sát cảnh vui cõi Trời, Người và cảnh khổ của địa ngục A tỳ đều bình đẳng không sai khác, thương xót chúng sanh, đầy đủ chánh niệm, vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh, khiến được thành đạo, vì muốn được đầy đủ đạo Bồ-đề Vô thượng, vì muốn thực hành đúng như chánh pháp, mà thọ trì giới, tâm không buông lung, thường siêng quán thân, khẩu, ý nghiệp ở đời quá khứ, hiện tại, vị lai, biết tội nhẹ, tội nặng, hễ làm việc gì trước thì rất chú tâm, tu hành không buông lung, việc đang làm hay đã làm cũng vậy, không được buông thả. Nếu trước không biết mà làm là phạm tội, nếu vô ý làm cũng phạm tội, nếu lúc phiền não sanh khởi mà làm cũng bị phạm tội, nếu có ít sự buông lung cũng phạm tội, người này thường quán tội nhẹ như tội nặng, quán rồi sanh tâm hối hận và hổ thẹn, lo sợ u buồn, tâm không được vui, phải chí tâm sám hối, sau khi sám hối tâm sanh vui mừng, gìn giữ cẩn thận, không cho tái phạm, ấy là thanh tịnh giới.

Này thiện nam! Người trí khi thọ giới rồi, nên quán ba việc để không tạo hạnh ác: Vì mình, vì đời, vì pháp. Thế nào là vì mình? Ta tự biết đây là việc ác, biết tạo nghiệp ác sẽ mắc quả báo, biết làm việc

lành, sẽ được phước báo, nghiệp ác đã làm không có biến mất, chắc chắn chịu lấy quả báo đau khổ, nghiệp thiện đã làm cũng không biến mất, chắc chắn hưởng lấy phước báo an vui, Nếu hai nghiệp ấy, không có biến mất, ta nay thế nào mà lại dối trá, do nhân duyên đó, ta thọ giới rồi không nên huỷ phạm, mà nên chí tâm giữ gìn, ấy là vì mình. Thế nào là vì đời? Nếu người trí quán thấy mọi người ở đời, có được thanh tịnh thiên nhĩ, thiên nhãn và tha tâm thông, nếu ta làm ác, thì người đó sẽ thấy, nghe và biết ta, nếu thấy, nghe và biết việc làm của ta, tai sao ta không sanh tâm hổ thẹn, mà lại làm ác chứ? Lại quán chư thiên đầy đủ vô lượng phước đức, thần túc, thiên nhĩ, thiên nhãn và đủ tha tâm trí, có thể thấy và nghe xa, dù gần loài người mà người không nhìn thấy, nếu ta làm ác, các vị trời như vậy sẽ thấy, nghe và biết, các vị trời thấy biết rõ ràng về ta, tại sao ta không sanh tâm hổ thẹn, mà bị làm việc ác? Ấy gọi là vì đời. Thế nào là vì pháp? Nếu người có trí quán giáo pháp của Đức Như Lai Thanh tịnh không ô nhiễm, được lợi ích ở hiện tại, có thể làm vắng lặng phiền não, đến bờ giác ngộ và được giải thoát, không chọn vì thời tiết, ta vì pháp ấy nên thọ trì giới, nếu trước ta không thọ giới điều nhỏ, làm sao có thể được thọ giới điều lớn. Nếu phá giới, điều nhỏ sẽ tăng trưởng quả khổ trong năm đường ác, nếu chí tâm giữ gìn, sẽ tăng trưởng an vui vô thượng. Từ khi ta

thọ thân từ xưa đến nay chưa chứng đắc giải thoát, thật sự là do không theo chư Phật trong quá khứ thọ trì giới cấm, ta nay thọ giới để về sau nhất định gặp được rất nhiều chư Phật. Quán rõ vậy rồi, lòng rất tha thiết chí tâm thọ giới, đã thọ giới rồi, giữ gìn vững chắc, sẽ được quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, để làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh.

Này thiện nam! Nếu người tại gia hay xuất gia, thọ Tam quy, Tám Trai giới hay năm giới, thọ đầy đủ hay không đầy đủ, thọ một ngày đêm hay một thời, một niệm. Thọ trọn cả đời chí tâm thọ trì, thì nên biết người này được phước đức rất lớn.

Này thiện nam! Nếu thọ giới rồi, tu tập ba nghiệp lành, học rộng nghe nhiều, bố thí, tu thiền định, tu pháp lành, cúng dường Tam Bảo, Như vậy, được gọi là trang nghiêm Bồ-đề. Nếu thọ giới rồi đọc tụng mười hai bộ kinh của Đức Như Lai, ấy là kho tàng đạo pháp trên hết, siêng năng tinh tấn, muốn được đầy đủ giới Ba-la-mật, giới như vậy, đời này đã thọ, dù đời sau không thọ, cũng thành giới vô tác.

Này thiện nam! Có giới mà chẳng phải Ba-la-mật, có Ba-la-mật mà chẳng phải giới, có giới lại vừa có Ba-la-mật; có chẳng phải giới cấm, chẳng phải Ba-la-mật. Có giới mà chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là giới của Thanh-văn, Duyên-giác. Có Ba-la-mật mà chẳng phải Giới, tức là Bố thí Ba-la-mật.

Có Giới lại vừa có Ba-la-mật, như thuở xưa khi Bồ-tát thọ thân Cù Đà, bị các trùng thú và các loài kiến ăn, mà thân không lay động, không sanh tâm ác, cũng như tiên nhân vì chúng sanh, nên suốt mười hai năm chim sẻ làm tổ trên đầu mà không đứng dậy cũng không cử động. Chẳng phải Giới chẳng phải Ba-la-mật như việc bố thí của thế gian.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát, lúc an trụ vào giới Ba-la-mật, chịu mọi khổ cực, ai mà nói cho hết. Nếu chỉ thọ mỗi mỗi giới nhỏ, lại ít muốn biết cho đủ, thì không thể thương xót chúng sanh đau khổ, nên biết người này, không thể đầy đủ Giới Ba-la-mật. Nếu tu nhẫn nhục, tam muội, trí tuệ, siêng năng tinh tấn, thích học rộng nghe nhiều, nên biết người này, có thể tăng trưởng Giới Ba-la-mật, trang nghiêm Bồ- đề, chứng đắc quả vị Bồ-đề. Giới như thế mới làm cho vô lượng chúng sanh được vô lượng phước báo; vô lượng giới cấm như vậy sẽ làm nhân duyên trang nghiêm Bồ-đề.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát đã thọ giới rồi, miệng không nói ác, tai cũng không thích nghe chuyện ác, không thích nói chuyện ngoài đời và tai không thích nghe chuyện ngoài đời, quyết không phóng tâm theo tư tưởng ác và không gần bạn ác, vì thế, được gọi là tịnh giới vắng lặng. Bồ-tát, nếu thấy người nào phá giới, không nên sanh tâm ác, mà phải tìm nhiều phương tiện khôn khéo để điều phục, nếu không điều phục được, nên sanh tâm

thương xót, không vì thân mạng phá giới, xả giới. Trong việc ăn uống trước nên hổ thẹn và không buông lung, vì để trị thân mạng như ghẻ lở. Nếu vào làng xóm xem như đi vào rừng đao, gai nhọn, thu nhiếp các căn, tu tập chánh niệm, quán sát việc gì nên làm việc gì không nên làm, không khởi tâm phóng túng. Nếu thấy người làm phước cũng cho là nguyên nhân nơi ta, nếu thấy người làm tội lỗi cũng cho là nguyên nhân nơi ta. Do vậy, lúc ta được cúng dường nhiều, không khởi tâm vui mừng, lúc bị khổ đau không nên buồn giận, được cúng dường ít, thì nên suy nghĩ: Ta nay tín tâm, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, sống như chánh pháp còn yếu kém quá, nên chỉ được cúng dường rất ít như vậy, vì thế không nên buồn khổ, ta phải vì hai việc, mà nhận sự bố thí của người khác: 1. Làm người ta tăng trưởng phước đức. 2. Vì muốn tăng trưởng nghiệp lành cho mình. Cho nên, nếu được ít phẩm vật hay phẩm vật xấu không nên u buồn, phẩm vật rất lâu mới được hay bị chậm trễ mới được, bấy giờ, tự trách thân mình, chính do tội lỗi đời trước của ta, chớ không phải lỗi của chúng sanh, ta nay không nên u buồn. Nếu thọ giới rồi, vì người khác làm tội lỗi, cũng nên nói: Việc làm như vậy, chẳng phải là đạo, vì trong mười hai bộ kinh không nói làm các ác, là vì đạo Bồ-đề! Vì thế, ta nay được phước báo hỗn tạp. Nếu quán sát được thâm sâu như vậy, nên biết, người ấy có đầy đủ

Giới Ba-la-mật .

Này thiện nam! Nếu có người, thâu giữ được các căn, bốn oai nghi và không làm ác, có thể chịu được mọi sự khổ cực, không làm tà mạng, nên biết người này đầy đủ Giới Ba-la-mật. Đối với giới, dù trọng hay nhẹ, đều phải lo sợ, khi gặp phải chuyện ác, quyết không phạm giới dù rất nhỏ, không để phiền não làm tâm mình nhơ, tu tập nhẫn nhục, nên biết, người này đầy đủ Giới Ba-la-mật. Xa lìa bạn ác, khiến cho chúng sanh lánh xa tà kiến xấu ác, biết ân, báo ân, nên biết, người này đầy đủ Giới Ba-la-mật. Nếu vì việc lành không tham thân mạng, tạm gác việc mình, để thành tựu việc người khác, thấy người khác mắng chửi không sanh tâm ác, nên biết người này đầy đủ Giới Ba-la-mật. Nếu thấy Đức Như Lai có chỗ mở bày, cứ như cũ mà thọ trì, cứu hộ mạng sống chúng sanh, không tham tiếc tài sản, cho đến lúc mạng chung, cũng không phạm một giới nhỏ, dù được tài vật là bảy báu quí giá, tâm cũng không tham lam, không vì sự báo ân, đem pháp thiện đưa đến cho người, vì thương xót chúng sanh nên thọ trì giới cấm. Đã thọ giới rồi, phát nguyện rộng lớn, nguyện cho chúng sanh được giới thanh tịnh, nên biết người này, đã đầy đủ Giới Ba-la-mật .

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia, và Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia, đầy đủ Giới Ba-la-mật không khó. Bồ-tát tại gia, đầy đủ Giới

Ba-la-mật mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 24: NGHIỆP QUẢ (phần 1) Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Chư Phật Như Lai lúc chưa xuất thế, các vị Bồ-tát lấy gì làm giới?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Lúc Phật chưa xuất thế, khi ấy chưa có giới Tam quy, chỉ có người trí, cầu đạo Bồ-đề, tu mười pháp lành, mười pháp lành ấy, ngoài Phật ra không ai có thể diễn giải hết được. Chư Phật quá khứ đã nói ra và lưu truyền đến ngày hôm nay, người trí thọ trì không bị tổn thất.

Này thiện nam! Chúng sanh không có khả năng thọ trì, tu tập mười pháp lành được, đều là do quá khứ, đã không gần gũi, học hỏi, tôn thờ các Đức Phật.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh đều có tâm tạp loạn, do nhân duyên có tâm tạp loạn, nên có phiền não lẫn lộn, phiền não lẫn lộn nên nghiệp tạo ra cũng xen tạp, do tạo nghiệp xen tạp nên thọ sanh các cõi lẫn lộn, vì nhân duyên các cõi lẫn lộn, nên thọ thân cũng sai khác.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh thọ thân

khác nhau, lại thấy hình sắc xen tạp, do thấy các hình sắc xen tạp, mà suy nghĩ điều ác, những suy nghĩ ác này gọi là vô minh, vì nhân duyên vô minh tâm sanh ra sự mong cầu, gọi là ái, do ái mới tạo tác, gọi là nghiệp, do nhân duyên của nghiệp mà chịu quả báo. Người có trí phải biết phá trừ phiền não. Do bên trong có phiền não, bên ngoài có các duyên ràng buộc, nên phải tu tập mười pháp lành rồi, thì mới có thể giải thoát được. Vì thế, Đức Như Lai lúc mới chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, liền thuyết giảng rộng khắp về mười pháp lành, nhờ mười pháp lành, mà thế gian có việc lành việc ác, bạn lành bạn ác, cho đến giải thoát. Do vậy, chúng sanh nên chí tâm phân biệt hiểu rõ đạo mười pháp lành. Ví như phải có gió, mây để duy trì nước. Từ cung điện A-tu-la, trái đất, núi rừng, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, Tứ Thiên vương, cho đến cõi trời Tha hoá tự tại đều nhờ thập thiện nghiệp đạo của chúng sanh, Chuyển luân thánh vương có bốn loại xe: Vàng, bạc, đồng, thiết. Bảy chúng thọ giới cầu mong Tam Bồ-đề cũng nhờ nhân duyên mười nghiệp đạo thiện, nhờ nhân duyên mười nghiệp đạo thiện mà tất cả chúng sanh, sự vật trong ngoài, sắc lực và thân mạng đều có tăng có giảm. Cho nên, người trí phải nên tu tập đầy đủ mười nghiệp đạo thiện.

Nếu chúng sanh, trong khi còn trẻ hay già, qua Xuân, Hạ, Thu, Đông việc sinh khởi phiền não,

mỗi mỗi đều khác nhau. Tiểu, Trung, Đại kiếp sinh khởi phiền não cũng như vậy. Chúng sanh lúc mới tu tập mười nghiệp đạo thiện, thọ mạng được đầy đủ vô lượng sắc, hương, vị, nhưng vì tham, sân, si mà tất cả đều mất. Vì nhân duyên của mười nghiệp ác đạo, mà thời tiết, năm, tháng, mặt trăng, mặt trời, sao, đất, nước, gió, lửa đều biến đổi. Nếu người nào quán được như vậy, nên biết người ấy, có khả năng được giải thoát. Chúng sanh do nhân duyên khổ, mà khởi tín tâm, đã được tín tâm rồi, soi xét thiện ác. Quán như vậy rồi, tu mười pháp lành, vì ý phải hành khắp mười cõi, nên gọi là mười đạo. Nơi thân có ba: Sát, Đạo, Dâm. Nơi miệng có bốn: Nói lời hung dữ, nói dối, nói hai lưỡi, nói lời không có ý nghĩa. Nơi ý có ba: Ganh ghét, giận dữ, nhận biết sai lầm. Đó là mười ác nghiệp, nó là cội gốc của tất cả tội lỗi. Vì chúng sanh thường khác cõi, khác địa phương, khác sự sinh sống, khác màu sắc, khác thọ mạng, do nhân duyên ấy gọi là vô lượng, chứ không chỉ có mười. Mười việc như vậy, có ba, gọi là nghiệp, không gọi là đạo, nơi thân, khẩu có bảy, vừa gọi là nghiệp cũng vừa gọi là đạo, cho nên, gọi chung là mười. Mười nghiệp đạo ấy, tự mình làm, người khác làm, mình và người cùng làm, tùy theo sự tạo nghiệp, mà được hai quả báo lành hay ác, cũng là nhân duyên lành hay ác của chúng sanh. Vì thế, người trí không nên tưởng nhớ, huống gì cố ý làm. Nếu người nào bị các phiền não

và các kiết sử tự do sai khiến, tức biết người ấy thực hành mười nghiệp đạo ác. Nếu có người phá trừ phiền não và các kiết sử không cho chúng tự do sai khiến, nên biết người ấy thực hành mười nghiệp đạo lành. Nếu người vừa chuẩn bị làm ác, hoặc trước khi làm ác mà không có suy nghĩ, hay khi bất ngờ làm không có lưu ý, thì người ấy không mắc nghiệp tội báo, chỉ phạm lỗi. Do vậy, người trí nên siêng năng tu tập mười nghiệp đạo lành. Để chứng Tứ thánh đế cũng lại như vậy. Hẹn làm việc ác, nếu lỡ mất kỳ hẹn, cũng không bị tội. Do vậy người trí nên tu tập mười pháp lành. Nhân mười pháp lành ấy, chúng sanh tu tập để được tăng trưởng tuổi thọ và tài vật trong ngoài. Phiền não là nhân duyên cho mười nghiệp ác tăng trưởng, không có phiền não làm nhân duyên nên mười nghiệp thiện sẽ tăng trưởng.

Này thiện nam! Trong mười nghiệp đạo mỗi mỗi nghiệp đều có ba: Căn bản, Phương tiện, Hoàn thành. Căn bản là có ý niệm về người khác hay ý niệm về chúng sanh hoặc tâm nghi ngờ việc giết chết mạng sống, hoặc tự thân hành động hay miệng sai bảo giết, đó là căn bản. Tìm dao mài bén, dùng thuốc độc, đem dây trói, đó là phương tiện. Sau khi thực hiện rồi, tay cầm cân đo lường, hoặc tự mình chiếm giữ, hoặc cho người khác chiếm giữ, được tài vật thì tùy ý đem cho, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, tâm không hối hận, tự khen

mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Tài vật của người khác phải có ý niệm của người khác. Nếu tự mình đến lấy, hoặc bảo người khác lấy, hoặc tâm nghĩ cách chuyển đi nơi khác, đó là căn bản. Nếu tím cách phá tường vách, thăm dò tính toán, bắt thang leo tường, vào nhà tìm kiếm, cho đến tay chạm vào tài vật, ấy gọi là phương tiện. Nếu được tài vật rồi gánh, vác, tìm cách dấu kín, tùy ý đem cho, tiêu dùng, bán buôn, đổi chác, vui mừng hưởng thọ, không biết hổ thẹn, tâm không hối hận, tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Nếu người phụ nữ kia đã thuộc người khác, cũng có ý niệm là của người khác, mà tâm lại nghĩ đến việc không phạm hạnh, đó là căn bản. Nếu bảo người đến, hoặc tự mình thấy, hoặc cho vật làm tin, hoặc đã xúc chạm, hoặc nói lời dịu ngọt, êm tai, đó là phương tiện. Hoặc sự quan hệ đã xong, đem cho chuỗi ngọc, cùng ngồi ăn uống, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, tâm không hối hận, tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Nếu ở giữa đại chúng không đúng với mắt thấy tai nghe, hoặc trong ba thời hay trong hai thời nói lời không đúng sự thật, đó là căn bản. Nếu trước khi nói sắp đặt có căn cứ để dễ tin hoặc nhận lời người này đến nói với người khác, đó là phương tiện. Nếu đã hoàn thành, thọ nhận tài vật, tùy ý đem cho, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lại tự khen mình,

khởi sanh kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Trong lời nói dối có xen nói lời hai lưỡi, để phá sự hoà hợp, đó là căn bản. Nếu nói tội người khác và bàn chuyện tốt xấu, cùng nhau nói: " Hoà hợp là điều không hay, chia rẽ được nhiều việc tốt", đó là phương tiện. Đã hoà hợp làm cho chia rẽ, nhận tài vật của người khác, tùy ý đem cho, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lại tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Nếu đổi sắc mặt dùng lời thô ác mắng chửi, đó là căn bản. Hoặc nghe tội người khác trau chuốt thêm bớt, đi đến người này nói xấu chuyện người kia, đó là phương tiện. Hoặc khi chửi mắng rồi, trở về nhận tài vật của người thuê, tùy ý đem cho, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lại tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Nếu nói chuyện dâm dục không đúng lúc, đó là căn bản. Hoặc ca hát xướng tụng những bài vở không có ý nghĩa, tùy ý theo sở thích của người, làm ra hàng trăm bài văn khêu gợi, đó là phương tiện. Hoặc dạy người khác làm việc phi pháp rồi nhận tài vật của người, tùy ý đem cho, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lại tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Đối với tài vật của người khác sanh tâm tham muốn, chiếm đoạt, đó là căn bản. Phát khởi ý tưởng không tốt, đó là phương tiện. Được tài vật rồi tùy ý đem cho, vui mừng thọ

hưởng, lại đi đến nói với người khác việc mình đã làm, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, tự khen chính mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Hoặc đánh mắng người, đó là căn bản. Nếu lấy gậy, đá tra khảo tội của người, đó là phương tiện. Đánh xong vui mừng, nhận tài vật của người, tùy ý đem cho, vui mừng thọ hưởng, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lại tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là nghiệp đã thành. Hoặc chê bai nghiệp nhân quả, giáo lý chân thật và các bậc Thánh Hiền, đó là căn bản. Đọc tụng ghi chép, tin tưởng, lãnh thọ, kinh sách tà kiến, ca ngợi khen hay, đó là phương tiện. Sau khi lãnh thọ rồi đi đến người khác, phân tích diễn giải, tạo thêm sự tà kiến, nhận tài vật của đám tà kiến, tùy ý đem cho, không biết hổ thẹn, không biết hối hận, lại tự khen mình, sanh lòng kiêu mạn, đó là việc đã thành.

Hoặc lại có người đối với mười nghiệp đạo, trong một lúc làm hai việc, nói dối, nói hai lời, trong một lúc làm ba việc: Nói dối, nói hai lời, nói lời thô ác. Hoặc lại có ba việc: Nói tà kiến, nói lời thô ác, nói dối. Những lời nói như vậy, là không có ý nghĩa, tất cả cộng lại thì miệng có bốn nghiệp. Sân hận và tham lam không khởi lên trong một lần, còn tám điều khác có thể khởi lên trong một lúc. Thế nào là trong một lúc? Đó là sáu xứ cùng có sự sai khiến. Nếu tự mình làm thì có hai việc: Dâm vợ người khác. Nói đó là không có nghiệp quả. Trước

hứa hẹn sau một thời gian, thành nghiệp quả. Đối với mười ác nghiệp, hoặc chỉ có hành vi biểu lộ mà không có công năng đắc lực trong tâm. Hoặc có hành vi biểu lộ và có công năng đắc lực trong. Nếu không phương tiện và thành nghiệp, chỉ có hành vi biểu lộ mà không có công năng đắc lực bên trong. Nếu có chuẩn bị và đã thành nghiệp, thì có hành vi biểu lộ mà lại có công năng đắc lực trong tâm. Cho nên, mười nghiệp đạo có nặng, có nhẹ, nếu giết cha mẹ và Duyên-giác, hoặc ăn trộm vật Tam Bảo, hoặc đối với cha mẹ đẻ, ni cô đắc quả A la hán mà làm những việc chẳng phạm hạnh; hoặc nói dối, tìm cách phá hoại Tăng chúng, thì đó là nặng.

Này thiện nam! Mười nghiệp đạo đều có ba loại: Từ tham mà sinh khởi. Từ sân hận mà sinh khởi. Từ ngu si mà sinh khởi. Nếu vì tham lợi, mà giết hại sinh mạng, gọi là do tham mà sinh khởi. Nếu vì kẻ thù mà giết, gọi là giận dữ mà sinh khởi. Nếu giết cha mẹ, gọi là do ngu si sinh khởi. Trộm tài vật của người khác cũng có ba loại: Vì mình. Vì vợ con.

Vì quyến thuộc. Tham tài sản của người khác, mà đến cướp đoạt, gọi là do tham mà sinh khởi. Trộm tài vật của kẻ thù, gọi là do giận dữ mà sinh khởi. Cướp đoạt của kẻ hèn hạ, gọi là do si mê mà sinh khởi. Tà dâm cũng có ba loại: 1. Nếu tự mình thích dâm, gọi là do tham mà sinh khởi, 2. Dâm với quyến thuộc của kẻ thù, gọi là do giận hờn mà sinh

khởi, 3. Đối với chỗ trực hệ mà hành dâm dục, gọi là do ngu si mà sinh khởi. Nói dối cũng có ba loại: 1. Nếu vì tài lợi, tự hưởng vui sướng, gọi là do tham mà sinh khởi, 2. Vì muốn phá hoại kẻ thù, gọi là do giận dữ mà sinh khởi, 3. Nếu sợ kẻ thù chết, gọi là do ngu si mà sinh khởi. Nói hai lời cũng có ba loại: 1. Vì được tài lợi, gọi là do tham mà sinh khởi, 2. Vì muốn phá oán thù, gọi là do giận dữ mà sinh khởi, 3. Phá hoại sự hoà hợp của kẻ tà kiến, gọi là do ngu si mà sinh khởi. Nói lời thô ác cũng có ba loại: 1. Vì tài lợi mà mắng chửi vợ con, gọi là do tham mà sinh khởi,

2. Đến chỗ kẻ thù nói lời hung ác, gọi là do sân hận mà sinh khởi, 3. Nói tội lỗi tổ tiên của người khác, gọi là ngu si mà sinh khởi. Nói lời không ý nghĩa cũng có ba loại: 1. Vì tiệc tùng vui mừng, ca hát âm điệu du dương, gọi là từ tham mà sinh khởi, 2. Vì muốn hơn người khác nên ca hát du dương, đó gọi là do giận dữ mà sinh khởi, 3. Vì muốn tăng thêm sự nhận thức sai lầm mà ca hát du dương, đó gọi là do ngu si mà sinh khởi. Từ tham mà sinh khởi gọi là ganh ghét, từ giận dữ mà sanh khởi gọi là hung dữ, từ ngu si mà sanh khởi, gọi là tà kiến.

Đã tu mười nghiệp thiện rồi, thì trong mỗi nghiệp, đều có ba sự giải thoát. Trong mười nghiệp ác, chắc chắn sẽ bị quả báo địa ngục, hoặc có người đọa làm ngạ quỷ, hoặc có người đọa làm súc sanh, còn những quả báo khác có thể làm người, nhưng

mạng sống rất ngắn, nghèo khổ, vợ không trinh tiết, có nói điều gì mọi người không tin, không có người thân cận, thường bị chê bai, tai không nghe lời tốt đẹp, làm cho ngoại vật đất, nước, gió, lửa suy giảm, không có chân thật, gió bão mưa nhiều, tan rã hư hoại, đất đai gò đống, không có bảy vật quý, có nhiều cát đá, chông gai ghê gớm, thời tiết biến chuyển không có nhất định, hoa quả thiếu kém, mùi vị không ngon. Muốn diệt trừ những điều xấu ấy, phải nên chí tâm tu mười nghiệp lành. Mười nghiệp lành ấy, trong ba châu trên dưới có đủ, hoặc có giới thâu gồm hoặc không có giới thâu gồm. Ở châu Bắc cu lô chỉ có bốn điều, ở địa ngục có năm, ở ngạ quỷ, súc sanh và cõi trời có mười, chẳng thuộc về giới. Dục giới và sáu cõi trời không có phương tiện, chỉ có căn bản và nghiệp đã thành.

Hễ là nghiệp đạo, chỉ trong một niệm đã thành nghiệp quả, như người giết và người bị giết cùng chết một lần, thì không mắc quả báo về căn bản, nếu tính toán, sắp đặt những việc nhưng cuối cùng không thành, thì chỉ mắc quả báo về phương tiện, chớ không mắc quả báo về căn bản, sau khi tính toán xong, liền giết người, thì mắc tội căn bản, nếu như người ấy giết xong không lưu tâm đến, thì nghiệp đã thành, không phải là không có tội. Nếu người giết hại chỉ trong một niệm liền chết, còn người bị giết niệm sau mới chết, thì người giết không mắc tội căn bản. Nếu sai người giết, người

được sai mắc tội tạo tác, còn người sai bảo giết, mắc tội vô tác. Nếu dùng lời thô ác ra sắc lệnh cũng mắc tội tạo tác và tội vô tác. Nếu sau khi giết rồi, người có khởi tâm lương thiện và vô ký, cũng mắc tội tạo tác và mắc tội vô tác. Nếu có thuyết nói: " Quá khứ đã qua, vị lại chưa đến, hiện tại thì không trụ, thế nào gọi là giết? Một niệm không giết hại, hạt bụi không bị hư hoại, hoặc một sinh mạng không giết, thì nhiều cũng không thể giết, thế nào gọi là giết?" Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì mặc dù ở hiện tại một niệm không giết, nhưng có thể ngăn được ở vị lai để không sinh khởi, cho nên gọi là giết. Do nghĩa đó, không thể vì chỉ thấy một chỗ không giết, mà nói tất cả các nơi đều không giết. Có người đâm cánh tay tức thì mạng chung, hoặc có người chặt chân mà vẫn sống, còn cái đầu thì không như vậy, đâm hay chặt đều chết cả. Có người làm rồi bị nhiều tội lớn, đó là nghiệp đạo. Ba nghiệp của ý do chính mình làm mà thành, còn bảy nghiệp của thân và miệng do ta làm và người khác làm thì mới thành. Nếu không tạo tác, thì cũng không vô tác. Hoặc có thuyết nói: " Ba nghiệp của thân, có tác và vô tác, còn nghiệp của miệng không phải như vậy". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì miệng có tác và không vô tác, miệng bảo người khác giết rồi chỉ lẽ không có mắc tội, Cho nên, nghiệp của miệng cũng có cả hai, tác và vô tác. Tâm thì không như vậy. Vì Hiền Thánh không mắc

tội. Do nhân duyên gì mà gọi là tác và vô tác? Vì nghiệp ấy, đọa trong ba đường ác, nếu sanh trong loài người mạng sống rất ngắn, sáu căn tiếp xúc sáu trần, thường chịu khổ não, quả báo dư thừa dư thừa thì tương tợ, còn quả báo đúng căn bản thì hoặc có tương tợ, hoặc không tương tợ. Khi thọ quả báo ở địa ngục Hoặc, địa ngục Hắc Thằng, ngạ quỷ, súc sanh, hay trong loài người, thì ở ba xứ chịu quả báo thừa. Nếu có chú ý tính toán để giết hại một người, chuẩn bị vừa xong, thì có tới hai người chết, nên biết chỉ căn cứ nơi người, mà người giết chú ý muốn giết, thì mắc hai tội, tác và vô tác. Nếu có thuyết nói: "Sắc là vô ký, mạng sống cũng Vô ký. Vô ký như vậy, tại sao giết rồi, bị mắc tội sát sanh? Nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì thân mạng như vậy, là khí cụ để chứa tâm niệm thiện ác, nếu phá khí cụ này, tức ngăn ngừa căn thiện ác ở đời sau, do vậy mắc tội. Nếu vua bảo giết, kẻ cận thần cho là phải, thì vua và cận thần tội không sai khác. Đi săn bắn cũng thế. Nếu có người gần chết, mạng sống thoi thóp chỉ trong chốc lát, mà lấy dao giết chết cũng mắc tội sát sanh. Nếu đã chết rồi, dùng dao đâm chém, không mắc tội sát sanh. Nếu vì khuôn phép, ý muốn đánh để dạy, mới dơ tay lên, kẻ kia đã chết, thì không mắc tội. Nếu dùng thuốc độc đem cho người có thai uống, nếu thai bị hư, người ấy mắc tội tác và vô tác. Nếu tự mình chết, thì không mắc tội sát sanh. Vì sao? Vì không

có ý tưởng người khác, không có tâm giận dữ, không có nhân duyên mình và người khác. Hoặc có thuyết nói: "Nếu tâm trụ nơi thiện, ác hay Vô ký thì đều mắc tội sát sanh", cũng như lửa và thuốc độc, dù tâm thiện, ác hoặc vô ký, nếu người chạm vào hay uống nhằm, đều chết cả". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì có người trong thế gian, cầm lửa mà không cháy, uống thuốc độc mà không chết. Giết mà không có tâm ác, cũng như vậy, không mắc tội sát sanh, như các y sĩ. Hoặc có thuyết nói: " Ông tiên Bà Tẩu đọc chú giết người, giết dê để cúng tế trời, không mắc tội sát sanh. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì cắt đứt mạng sống của kẻ khác, là nhân duyên ngu si, nếu thấy người chết, mà tâm sanh vui mừng, thì nên biết người này mắc tội đã thành. Thấy người khác giết, rồi tâm sanh vui mừng, đem tài vật ra thưởng, tội cũng như vậy. Nếu sai bảo người khác giết, người được sai đi giết, đến nơi dùng mọi hình phạt độc ác mà giết, thì người sai bảo chỉ mắc tội tác, còn người được sai đi giết mắc cả hai tội, tác và vô tác. Nếu tâm ác sinh khởi, cướp đoạt tài vật của người khác, thì người này, cũng mắc tội tác và vô tác. Hoặc thừa lúc tính toán mà lấy, hoặc thừa lúc người ta gởi mà lấy, hoặc thừa cơ hội buôn bán mà lấy, đều bị mắc tội trộm cướp. Nếu tự mình không lấy, không tham, không tiêu dùng, nhưng lại dạy người khác lấy, thì người này cũng mắc tội tác và vô tác. Nếu

muốn trộm vàng, mà lấy được bạc, đem ra ngoài phát giác, đem vào trả lại, thì người này không mắc tội trộm cắp. Nếu muốn ăn trộm vàng, lấy được vàng rồi liền suy nghĩ mọi vật đều vô thường, sanh tâm hối hận, muốn đem trả lại, nhưng không dám, bèn lập phương tiện để trả lại chỗ cũ, dù có lấy đi chỗ khác nhưng không mắc tội trộm cắp. Tài vật của chủ và tôi tớ đồng ý để chung, sau vì lòng tham lấy tài sản của chủ, lấy rồi liền sanh nghi, tìm cách chôn dấu, hoặc lại suy nghĩ, vật này là của chung, dù đem đi chỗ khác, không mắc tội trộm cắp. Nếu đi trên đường, bị giặc cướp đoạt, khi về xóm làng, vị thôn trưởng hỏi: "Ngươi mất vật gì ta sẽ bồi thường lại cho". Nếu nói nhiều hơn vật mà mình đã mất, để lấy vật bồi thường, thì mắc tội trộm cắp. Nếu có người phát tâm bố thí, cho người khác hai áo, người nhận dùm lấy một cái, nói đau cần dùng đến hai cái, rồi đem về cất, thì mắc tội trộm cắp. Nếu có người phát tâm muốn đem nhà cửa, ngọa cụ, thuốc men, vật cần dùng cúng dường cho một Tỳ-kheo, sau đó nghe có một vị đại đức ở nơi khác đến, rồi giữ lại để cúng dường cho vị đại đức mới đến, thì người ấy mắc tội trộm cắp. Nếu lấy tài vật của một vị Tỳ-kheo đã chết, thì ai mắc tội? Nếu bạch yết ma rồi, thì căn cứ nơi chúng Tăng đã yết ma mà mắc tội. Nếu chưa làm yết ma, thì căn cứ vào chúng Tăng mười phương mà mắc tội, nếu lúc mạng chung, căn cứ vào người nào mà trước khi

chết đã hứa cho, nhân đó mà mắc tội. Nếu ăn trộm tài vật của Phật, từ nơi người giữ tháp và nơi nhà vua, thì mắc tội. Nếu những vật bị nước trôi như lúa gạo, dưa quả, y phục và những vật riêng tư khác, có người lượm được, thì không mắc tội. Hoặc không đúng thời, không đúng chỗ, không phải nữ xứ, là vợ của người khác, mà cho là thuộc về mình, đó là tà dâm. Chỉ có ba châu có tội tà dâm, riêng châu Bắc Cu Lô không có. Với súc sanh hay với người phá hoại, người thuộc hàng Tăng chúng, hoặc người bị cầm tù, hoặc người trốn chết, mà vợ của thầy, hoặc người xuất gia, gần gũi những người như vậy, gọi là tà dâm. Người xuất gia không có sự lệ thuộc, thì từ nơi người nào mà mắc tội? Tùy nơi những người thân thuộc hay nhà vua mà mắc tội. Tùy thời xấu ác, loạn lạc mà người tàn bạo cầm quyền. Đó là thời khủng khiếp họ ra lịnh vợ, người hầu xuống tóc xuất gia, rồi trở lại gần gũi, vậy là mắc tội tà dâm. Nếu đụng đến ở ba chỗ của người nữ, thì mắc tội tà dâm. Hoặc mình, người ở bên đường, bên tháp, bên miếu hay bên chỗ đại hội mà làm chuyện dâm dục, bị mắc tội tà dâm. Nếu vì cha mẹ, anh em, nhà vua mà bảo vệ, hoặc trước cùng người hẹn hò, hoặc trước đã hứa với người ta, hoặc trước đã nhận tài vật, hoặc trước được mời mà có hành động chẳng phạm hành thì không sao. Tượng gỗ, tượng đất, tượng vẽ hay thây chết mà hành dâm bên những vật ấy, thì mắc tội tà dâm. Nếu người

đã thuộc về chính mình mà tưởng của người khác, đã thuộc của người khác, mà tưởng của mình, cũng gọi là tà dâm. Như vậy tà dâm cũng có tội nặng, nhẹ, từ nơi phiền não sâu nặng thì mắc tội nặng, từ nơi phiền não nhẹ, tức mắc tội nhẹ. Nếu tâm có nghi ngờ hay không nghi ngờ, hoặc có thấy, nghe, hiểu, biết, hoặc có hỏi hay không hỏi, mà nói khác với lời nói gốc, đó là lời nói dối. Hoặc nói khác những điều đã thấy, nghe, hiểu, biết cũng là nói dối, nhưng không gọi là đầy đủ. Nếu phá tướng mà nói, không có che giấu tướng, mà nói đó không phải là nói dối. Nếu nói âm thanh lạ, làm cho người nghe không hiểu cũng gọi là nói dối, nhưng không gọi là đầy đủ. Nếu vì giận dữ, hoặc nói tiếng to không rõ ràng, hoặc những điều mình nói người nghe không hiểu cũng là nói dối, nhưng không gọi là đầy đủ. Nói hai lời hay nói thô ác, có hại hay không hại cho người trước mặt mà hễ nói rồi, thì đều mắc tội. Nói lời không có ý nghĩa cũng đều như vậy. Bảy việc như vậy cũng là đạo cũng là nghiệp, chỉ trừ ba việc là nghiệp mà không phải đạo. Tại sao? Vì tự mình không làm, ngăn ngừa mình và người khỏi mắc tội lớn.

Hoặc có thuyết nói: "Tất cả bụi trần tuần tự an trú và cũng mỗi niệm mỗi niệm hoại diệt rồi thì không còn trụ, nếu như không có trụ, thì làm gì có tác, huống gì có Vô tác. " Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì pháp của thế gian có nhân có quả,

không nhân không quả. Ví như đối diện với mặt nước, với tấm kính tức có ảnh tượng xuất hiện, lìa mặt nước, tấm kính không còn ảnh tượng. Tác cũng như vậy, từ thân có tác, do pháp tác tức sinh ra vô tác, như mặt nước, tấm kính có ảnh tượng xuất hiện. Ví như có người khởi tâm xấu ác, tức thì hiện lên sắc mặt xấu ác, khởi tâm tốt, tức thời hiện lên sắc mặt xinh đẹp, tác và vô tác cũng đều như vậy. Hoặc do nghiệp làn, mà được sắc đẹp, hiền hoà, hoặc do nghiệp ác mà bị sắc mặt xấu ác, hung dữ. Tác và vô tác cũng đều như vậy. Nếu cho, mỗi niệm luôn hoại diệt, không có tác và vô tác, như trước đã nói, thì ví như ngọn đèn và dòng sông v. v… tuy mỗi niệm diệt, lấy hai đế lý mà nói tác và Vô tác? Hạt bụi tuy tuần tự không an trú, lại cũng không phá pháp Thế đế, chính do các hạt bụi thứ lớp mà được tên gọi. Cha mẹ, A-la-hán nếu ai cố ý giết thì mắc tội vô lượng. Năm ấm, mười tám giới, mười hai nhập của cha mẹ, A-la-hán và các người khác đều không khác nhau, sở dĩ mắc tội nặng, vì đó là phước điền và báo ân điền. Như nói hai chữ, thì không nói cùng một lúc, và tất nhiên hai chữ ở đây, quyết cũng không có nghĩa hoà hợp và không thể nói được, mặc dù mỗi niệm tiêu diệt, cũng gọi là nói dối, không phá trừ đạo thế gian, cũng như tên bắn, dù mỗi niệm diệt, nhờ thế lực bụi trần, và nghiệp thân thể tác động, mà mũi tên đến nơi hay không đến nơi, tác và vô tác cũng đều là như vậy.

Như xoay vòng tròn lửa, tuy niệm niệm đều diệt, nhưng nơi sức của vi trần đối với thân nghiệp, mà lửa vẫn quay tròn. Khi mới phát sinh tâm khác, lúc chuẩn bị tâm khác, lúc làm tâm khác, lúc nói tâm khác, nhờ các duyên hoà hợp mà gọi là tác, do nhân duyên tác, mà sanh vô tác, như oai nghi khác, tâm cũng khác, không thể hoại diệt được, nên gọi là vô tác. Từ nơi pháp tác đó mà được vô tác, được rồi thì tâm dù duyên vào thiện, vào ác hay vô ký, nhưng những việc đã làm, đều không mất, nên gọi là vô tác. Nếu thân làm thiện, miệng nói không thiện, thì nên biết người này được quả xen tạp. Nếu thân làm thiện, có tác và vô tác, miệng nói ác, chỉ có tác không có vô tác, thì nên biết, người này chỉ được quả lành, không mắc quả báo xấu. Do vậy, trong Kinh có nói bảy loại nghiệp có Tác và Vô tác, ví như người bệnh nặng, phải dùng nhiều loại thuốc hoà hợp lại, để điều trị, nếu chỉ một loại, không thể điều trị được, vì bệnh quá nặng. Tất cả chúng sanh cũng đều như vậy, có đủ các điều hung ác, nên phải dùng nhiều giới, sau đó mới chế ngự được; nếu chỉ một giới, không thể chuyển hoá được.

-oOo-

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

QUYỂN 7

Phẩm 24: NGHIỆP QUẢ (Phần 2)

Này thiện nam! Chúng sanh tạo tội, gồm có hai loại: Tác giới và Vô giới. Người có giới làm ác, dù có giết một con dê hay không giết, luôn bị mắc tội sát sanh, vì trước có thệ nguyện. Người không có giới, dù miệng nói giết cả ngàn người, nhưng khi giết thì mắc tội, không giết thì không mắc tội; vì trước không phát thệ nguyện. Do vậy, tất cả điều thiện hay ác, tâm là cội gốc, vì nhân nơi cội gốc ấy mà nói. Các Tỳ-kheo phạm giới, có hai cách: Thân phạm, Miệng phạm. Không có tâm phạm. Giới như vậy, thời gian không đầy đủ, các chi phần không đầy đủ, thì không đắc giới. Thí như lấy dây cọ vào cây lấy lửa, có đồ lấy lửa, có sức, có cỏ mịn khô, thì sau một thời gian có lửa, nếu thiếu một trong những vật trên thì không có lửa. Giới pháp cũng vậy, đắc giới, xả giới, giữ giới, phá giới đều do nơi tâm. Như Lai biết rõ tánh của các pháp cho nên mới chế ra, giới nếu có người suy nghĩ việc lành, không làm điều ác, gọi là như giới pháp. Nếu từ

một vị đại đức mà được giới, gọi là thọ giới, nếu xa lìa sự thọ giới, mà vẫn có công đức, thì tất cả cầm thú, sư tử, hổ sói đều được công đức sao? Sự thật thì không bao giờ được. Vì nhân duyên ấy, người thọ giới lành được vô lượng phước đức, người thọ giới ác, bị vô lượng tội lỗi, nên trong kinh nói đến các luật nghi ác là: Nuôi dê. Nuôi gà. Nuôi heo. Câu cá. Chài lưới bắc cá. Giết bò. Ngục tốt. Nuôi chó săn. Làm cung. Làm thợ săn. Chú thuật độc hại rồng. Giết người. Làm giặc cướp. Nói hai lưỡi. Dùng khổ hình: Roi, gậy, xiềng xích, buộc ràng, đinh sắt, đốt lửa để vào da người, quốc vương, đại thần dựa vào nhau lừa gạt, không biết ơn người; người thôn trưởng độc ác, kẻ thu thuế tàn bạo, Tỳ-kheo phá giới tâm không hổ thẹn. . . Những người như vậy, đều không có giới, dù không gọi là ác nghiệp đạo, nhưng mắc tội lớn, vì trọn đời làm những việc như vậy, không lập nguyện, không thọ giới từ người khác, tức không thành tựu. Giới tà ác như vậy, trong bốn thời phải được xả: Lúc được hai căn. Lúc xả bỏ thân mạng. Lúc thọ giới lành. Lúc đoạn trừ phiền não tham dục.

Hoặc có thuyết nói: " Giới lành cần phải đầy đủ điều kiện, thì giới tà ác cũng phải như vậy". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì giới tà ác dễ được, chỉ cần một nhân duyên là được, tức chỉ lập lời thệ nguyện, giới lành thì không phải như vậy, phải có

năm phương tiện, nghĩa là có năm căn (tín, tấn, niệm, định và tuệ), do vậy rất khó, vì khó được, nên phải đầy đủ điều kiện. Hoặc có thuyết nói: " Giới Ưu-bà-tắc không có nói thêu dệt, hai lưỡi, thô ác. Vì thế giới Ưu-bà-tắc, pháp tám trai giới, Sa-di, Tỳ-kheo không được đầy đủ giới thể". Nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì ta nay thọ trì khẩu nghiệp thanh tịnh, nếu có người nói: Ta thọ năm giới thân, khẩu, ý trong sạch, mà tâm không trong sạch, thì biết người ấy không được đầy đủ giới thể. Như có người đã thọ giới tà ác rồi, dù không giết hại, người ấy vẫn thường thành tựu giới tà ác. Tỳ-kheo phá giới cũng như vậy, vì thọ giới rồi, mỗi mỗi giới có nhiều hành động, có nhiều kết quả. Chúng sanh thì vô lượng, giới cũng vô lượng. Đã là mọi vật vô lượng, giới cũng vô lượng, giới thiện, ác đều có ba bậc: Thượng, Trung và Hạ. Nếu không thọ giới ác, dù làm nhiều tội lỗi, không gọi là ác giới. Nếu có người chất vấn: "Vì nhân duyên gì mà thọ năm giới thì trọn đời, còn pháp tám trai giới, chỉ một ngày một đêm?" Nên nói Đức Như Lai đã khéo biết tướng của các pháp, thông suốt chẳng bị chướng ngại, nên nói như vậy.

Này thiện nam! Phước điền thế gian, gồm có hai thứ: Công đức phước điền. Báo ân phước điền. Phá hoại hai thứ phước điền này, gọi là tạo tội ngũ nghịch. Tội ngũ nghịch này, có ba nhân duyên: 1: Có tâm hung ác. 2: Không hiểu biết phước đức. 3:

Không thấy quả chơn chánh. Nếu người có ý nghĩ khác lạ đi, là giết A-la-hán không mắc tội nghịch, giết cha mẹ cũng vậy! Không biết hổ thẹn, không quán sát sự trả ân, tâm không cung kính, chỉ toan tính sắp đặt, không tạo căn bản; dù không phải tội nghịch, cũng mắc quả báo lớn. Còn như khéo dạy bảo, sanh tâm thương mến, có thể nhẫn chịu, việc khó làm mà cũng làm được, chịu nhận mọi khổ sở; vì thế cha mẹ được gọi là báo ân điền. Nếu lại có người, giết cha mẹ rồi, dù có tu thiện pháp, thì thiện pháp ấy cũng không có phước báo. Cho nên Như Lai nói, các người vào nghỉ trong bóng mát, chỉ trong một thời gian ngắn, phải cẩn thận chớ chặt, bẻ cành lá.

Này thiện nam! Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, có đệ tử nói như thế này: "Nếu do khởi tưởng khác lạ, tên khác lạ mà giết cha mẹ, thì không mắc tội nghịch", đó là Đàm Vô Đức. Hoặc có thuyết nói: " Dù do có tưởng khác lạ, giết cha mẹ thì đều mắc tội nghịch", tức là phái Di- sa-tắc. Lại có thuyết nói: Tưởng khác lạ, tên gọi khác lạ; giết cha mẹ đều mắc tội nghịch; là phái Tát Bà Đa. Vì sao? Vì thế gian chơn thật, lời đúng nên tin, cha mẹ chân thật, tư tưởng cũng không chuyển đổi; do tâm ác mà giết, tức mắc nghịch tội. Thật là cha mẹ, không có ý tưởng là cha mẹ, không hề khởi tâm ác, cha mẹ dù chết không mắc tội nghịch. Vì sao? Vì phải đầy đủ cả bốn điều kiện, mới mắc tội nghịch: Thật

là cha mẹ, tạo tưởng đó là cha mẹ. Tâm ác. Tâm Xả. Khởi tưởng đó là chúng sanh. Đủ bốn điều kiện ấy, nghịch tội mới thành, nếu không đầy đủ, tức không thành. Nếu vì thương xót, nếu vì cung kính, nếu vì thọ pháp, nếu vì sợ hãi, nếu vì tiếng khen, mà trao dụng cụ để giết, dù không tự tay giết, cũng bị tội nghịch. Nếu bị người khác ra lệnh giết cha mẹ, khóc la, buồn rầu mà giết, tội như vậy, khởi đầu, chính giữa và sau khi giết, đều mắc tội nhẹ. Muốn giết cha mẹ, giết lầm người khác, không mắc tội nghịch. Muốn giết người khác, giết lầm cha mẹ, cũng không mắc tội nghịch. Muốn giết mẹ, mà giết lầm người giống mẹ, giết rồi giấu dao, lại trúng thân mẹ, không mắc tội nghịch. Mẹ có cách nhìn khác, con có sự giết khác, chỉ mắc tội sát, không mắc tội nghịch. Tội ngũ nghịch, giết cha là tội nhẹ, giết mẹ tội nặng, giết A-la-hán mắc tội nặng hơn giết mẹ; làm thân Phật chảy máu, mắc tội nặng hơn giết A-la-hán; phá hoà hợp Tăng, mắc tội nặng hơn làm thân Phật chảy máu. Có sự vật nặng, ý tưởng nhẹ; có sự vật nhẹ, ý tưởng nặng; có sự vật nặng, ý tưởng nặng; có sự vật nhẹ, ý tưởng nhẹ. Có sự vật nặng, ý tưởng nhẹ, ví như không có tâm xấu ác, giết cha mẹ. Sự vật nhẹ, ý tưởng nặng, như dùng tâm xấu ác giết loài súc sanh; có sự vật nặng, ý tưởng nặng, như tâm xấu ác giết mẹ đẻ; có sự vật nhẹ, ý tưởng nhẹ, như không chú tâm giết súc sanh. Nghiệp ác như vậy, có sự chuẩn bị, thì năng căn

bản và thành nghiệp thì nhẹ; có sự chuẩn bị và căn bản thì nhẹ, đã thành nghiệp thì nặng. Có khi sự chuẩn bị và căn bản thì nặng, đã thành nghiệp thì nhẹ, có khi căn bản thì nhẹ; sự chuẩn bị và đã thành nghiệp thì nặng. Sự vật thì chỉ có một, do tâm lực, nên có quả báo nặng nhẹ.

Này thiện nam! Nếu có người, đem thức ăn cúng dường cho Như Lai; trong khi chưa cúng dường cho Như Lai, lại đem cho chó đói, Như Lai cũng khen ngợi người như vậy cũng là đại thí chủ. Nếu là bậc phước điền, hay không phước điền, tâm không lựa chọn vẫn bố thí như nhau, thì người ấy phước đức vô lượng. Vì sao? Vì tâm người ấy trong sạch. Nghiệp có bốn quả báo: 1: Quả báo ngay trước mặt. 2: Quả báo đời này. 3: Quả báo ở đời sau. 4: Không có quả báo. Nghiệp có bốn hạng: 1: Thời gian nhất định, quả báo không nhất định. 2: Quả báo nhất định, thời gian không nhất định. 3: Thời gian nhất định, quả báo cũng nhất định. 4: Thời gian và quả báo cả hai đều không nhất định. Thời gian nhất định là hiện tại, đời này hay đời sau nữa. Nếu thời gian không nhất định, quả báo không nhất định, thì nghiệp có thể thay đổi. Nếu quả báo nhất định, lẽ ra đời sau thọ nghiệp. Nghiệp này có thể thay đổi, nên có thể thọ báo trong hiện tại. Vì sao? Vì sức nhân duyên của trí tuệ tâm lành. Quả báo xấu ác đã định, nhưng có thể thay đổi thành nhẹ. Do nhân duyên gì mà gọi là quả báo đã định?

Thường làm mà không hối hận, chuyên tâm làm, vui mừng làm và lập thệ nguyện, làm rồi vui mừng, vì thế nghiệp đó bị quả báo quyết định, trừ ngoài nghiệp ấy ra đều gọi là không quyết định. Chúng sanh tạo nghiệp có nặng, có nhẹ, có xa, có gần, tùy vào nhân duyên trước, sau phải lãnh thọ. Nếu có người tu Thân, Giới, Tâm, Trí tuệ nhất định biết thiện, ác có quả báo, người này có thể chuyển nghiệp nặng thành nghiệp nhẹ và nghiệp nhẹ thì không bị quả báo. Nếu gặp được bậc phước điền hay thiện tri thức, tu tập đạo lý, pháp lành, thì người này có thể chuyển tội nặng cho đời sau, hiện tại chịu quả báo nhẹ. Nếu người có đủ các nghiệp trong dục giới, khi được quả A na hàm, có thể chuyển nghiệp cho đời sau, chỉ chịu quả báo nhẹ trong đời hiện tại. Quả A-la-hán cũng như vậy.

Này thiện nam! Người trí nếu có thể tu Thân, tu Giới, tu Tâm, tu Tuệ, thì người này có thể phá trừ được nghiệp nặng. Ví như chú A-già-đà và ngọc báu trừ độc có thể phá trừ được chất độc. Nếu tạo tội nhỏ, đầu tiên chuẩn bị nhẹ, về sau đã thành nghiệp lại nặng. Vì người này không tu Thân, tu Giới, tu Tâm, tu Trí tuệ, khiến nhẹ thành nặng. Chúng sanh nếu tạo một nghiệp, hai nghiệp cho đến nhiều nghiệp, có khi tạo mà không đầy đủ, có khi tạo đầy đủ, trước suy nhĩ sau làm, gọi là đầy đủ, trước không suy nghĩ bất ngờ mà làm, gọi là không đầy đủ. Lại có người, làm rồi mà không đầy

đủ, nghĩa là tạo nghiệp rồi mà quả báo chưa quyết định. Lại có người làm rồi mà đầy đủ, nghĩa là tạo nghiệp rồi nhất định, được quả báo. Lại có người đã làm rồi, mà không đầy đủ, quả báo tuy đã định, nhưng thời tiết chưa quyết định. Lại có người làm rồi, và đầy đủ, thời quả báo cũng đã quyết định. Lại có người làm rồi, không đầy đủ, do trì giới và chánh kiến. Lại có người làm rồi, cũng đầy đủ, do phá giới, tà kiến. Lại có người làm rồi, mà không đầy đủ là do tin nhân, tin quả. Lại có người làm rồi, đầy đủ, là do không tin nhân quả. Lại có người làm rồi, không đầy đủ vì khi làm ác có những người thiện vây quanh khuyên bảo. Lại có người làm rồi cũng đầy đủ, là do lúc làm ác có người ác vây quanh giúp đỡ. Lại có người làm rồi, mà không đầy đủ, dù làm nhiều điều ác, chỉ thọ báo trong loài người. Lại có người làm rồi, cũng đầy đủ, là do trong khi làm người tạo ác, đến địa ngục thọ báo. Lại có người làm rồi không đầy đủ, do có tâm chánh niệm. Lại có người làm rồi, và đầy đủ là do không có tâm niệm. Lại có người làm rồi không đầy đủ, do trong ba thời, sanh hối hận. Lại có người làm rồi, cũng đầy đủ, do ba thời không hối hận. Những điều ác như thế, thì các điều thiện cũng vậy. Do đã làm rồi, cũng đầy đủ, nên mới có trường hợp làm việc nhỏ mà được phước báo lớn, làm việc lớn mà được phước báo nhỏ.

Từ một ý ban đầu, tạo thành thân, khi thân đã

thành tựu, có rất nhiều ý, ý đầu tiên tạo thành thân tức là thiện, thân đã thành tựu, được hai quả, thiện và ác xen nhau. Như trời và người, cũng vậy chúng sanh trong Địa ngục cũng vậy do ý ác đúc thành thân, thân đã thành rồi, chỉ có một mặt hung ác. Ngạ quỷ, súc sanh cũng do ý ác đúc thành thân, thân đã thành rồi lẫn lộn giữa thiện và ác. Thân trung ấm của thiện và ác do thiện ác thì đúc thành thân đã thành rồi đều được quả báo lẫn lộn giữa ác và thiện. Từ khi mới tượng hình cho đến tuổi già, cũng được quả báo lẫn lộn giữa ác và thiện. Do vậy, trong kinh nói có bốn loại nghiệp: Nghiệp thiện quả báo tốt đẹp, nghiệp xấu quả báo xấu, nghiệp xen tạp quả báo tốt xấu lẫn lộn, nghiệp không thiện không ác, không có quả báo. Nghiệp ác quả báo xấu, tức là địa ngục. Nghiệp thiện quả báo tốt đẹp, tức là cõi trời sắc. Nghiệp xen tạp, quả báo tốt xấu lẫn lộn, tức là trời, người và các loài súc sanh, ngạ quỷ trong cõi dục; nghiệp không thiện không ác, không có quả báo, tức là Vô lậu.

Này thiện nam! Nếu ai không hiểu nhân duyên nghiệp báo như vậy, thì nhiều đời trôi lăn mãi trong biển khổ sanh tử. Vì sao? Vì không hiểu nhân duyên nghiệp báo, thì dù được sinh lên cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, sống tám vạn kiếp, phước đức hết, cũng đọa trở lại trong ba đường khổ.

Này thiện nam! Tất cả những khuôn đúc, đều không ngoài ý nghiệp, ý vẽ ra phiền não, phiền não

vẽ ra nghiệp, nghiệp lại vẽ ra thân rồi. Do nhân duyên tham, nên xinh đẹp, tiếng hay, cử chỉ, được chỉnh tề, vì nhân duyên giận dữ mà xấu xí, tiếng nói hung dữ, cử chỉ thô bạo, ngu si cũng như vậy. Vô lượng thế giới, một trăm ba mươi sáu cõi địa ngục, vô lượng ngạ quỷ, súc sanh cũng đều do nghiệp. Hoạt động ở cõi trời, cũng vậy. Vô lượng chúng sanh đạt được giải thoát cũng do nơi nghiệp.

Này thiện nam! Mười nghiệp đạo thiện giúp cho ba việc: Ngăn được phiền não. Làm tâm chơn thiện. Tăng trưởng giới pháp. Ví như thuốc độc cũng có ba loại: Thuốc A già đa. Thần chú. Ngọc quý. Nếu người tu chơn thiện, không có buông lung, đầy đủ chánh niệm, phân biệt thiện ác, nên biết người ấy, nhất định tu được mười thiện nghiệp đạo. Nếu người có nhiều sự buông lung, không biết hổ thẹn, không có tín tâm, nên biết người này, nhất định sẽ làm mười nghiệp ác đạo. Mười nghiệp đạo lại có ba yếu tố: Phương tiện. Căn bản. Đã hoàn thành. Nếu có người siêng năng lễ bái, cúng dường cha mẹ, Sư trưởng, Hoà thượng, người có giới đức, tỏ ý thưa hỏi trước, nói lời dịu dàng, đó gọi là phương tiện. Nếu làm xong lại càng tu niệm, tâm vui mừng, không có hối hận, đó gọi là đã thành. Trong khi làm chuyên chú, đó gọi là căn bản.

Này thiện nam! Mười nghiệp đạo lại có ba bậc Thượng, Trung và Hạ. Phương tiện là bậc thượng, căn bản là bậc trung, đã thành là bậc hạ. Hoặc

phương tiện là bậc trung, căn bản là bậc thượng, đã thành là bậc ha. Hoặc phương tiện là bậc hạ, căn bản là bậc thượng, đã thành là bậc trung. Mười nghiệp đạo có ba pháp bao quanh, đó là không tham, sân, si và có tham sân si. Mười nghiệp đạo có cộng giới hạnh và bất cộng giới hạnh. Trong khi xả giới có sáu trường hợp: Lúc đoạn trừ thiện căn. Lúc được hai căn. Lúc chết. Lúc thọ giới tà ác. Lúc xả giới. Lúc bỏ thân nơi dục giới. Hoặc có thuyết nói: Lúc Phật pháp diệt, liền bị mất giới. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì đã thọ giới rồi không mất, chưa thọ giới thì không đắc giới. Đoạn trừ những điều ác của thân khẩu ý, gọi là Giới của giới. Bốn thứ thiền căn bản và bốn thứ thiền chưa đến gọi là Định giới. Bốn thứ thiền căn bản, sơ thiền chưa đến, gọi là Vô lậu giới. Bỏ thân mạng này và nhiều đời sau, không làm ác, gọi là giới Vô tác. Giữ gìn các căn, tâm tu chánh niệm, thấy, nghe, hiểu, biết sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, không có buông lung, gọi là Nhiếp căn giới. Vì nhân duyên gì mà gọi là giới? Giới nghĩa là ngăn ngừa tất cả pháp ác, nên gọi là chế ngự; giới còn gọi là cửa chật hẹp, vì dù có pháp ác, nhưng tánh không dung chứa, nên gọi là chật hẹp. Giới còn gọi thanh lương, vì ngăn được sự nóng bức của phiền não không cho thâm nhập, nên gọi là thanh lương. Giới còn gọi là đi lên, vì nhờ giới mà đi lên các cõi trời, đến đạo vô thượng, nên gọi là đi lên. Giới còn gọi là học, học

tập để điều phục tâm, các căn, và trí tuệ nên gọi là học.

Này thiện nam! Có người chỉ đầy đủ một giới, đó là giới Ba-la- đề-mộc-xoa. Có người đầy đủ hai giới, là thêm Định cộng giới; hoặc đủ ba giới, là thêm giới Vô lậu, hoặc đủ bốn giới, là thêm giới Nhiếp căn, hoặc đủ năm giới, là thêm giới Vô tác.

Này thiện nam! Giới Ba-la-đề-mộc-xoa hiện tại thực hành được.

Định cộng giới trong ba đời đều được.

Này thiện nam! Nếu có người, lúc muốn thọ giới, chí tâm quan sát tội lỗi sanh tử, công đức giải thoát, tín tâm vui mừng, thì người này được cả Tác giới và Vô tác giới. Giới như vậy, sẽ tùy theo mạng sống lâu hay mau, sống lâu thì giới cũng lâu, sống chỉ một thời gian ngắn, thì giới cũng ngắn. Giới Vô tác có ba nhân duyên xả: Ít trau dồi. Tâm buông lung. Giữ không kiên trì. Không xả giới cũng có ba nhân duyên:

1. Có bản nguyện. 2. Tạo sự nghiệp vững chắc. 3. Chí tâm không buông lung.

Này thiện nam! Trừ mười nghiệp thiện, mười nghiệp ác, giới thiện, giới ác, đã có nghiệp rồi mà giới không thâu giữ, nghĩa là pháp thiện và ác. Thiện và ác như vậy có tác và vô tác, có người đủ cả tác và vô tác. Nếu hiện tại làm thiện trong một chốc lác, nhưng chưa xả cũng đủ tác và vô tác.

Trong niệm thứ hai thành tựu tác và vô tác ở quá khứ, quá khứ đã tác rồi thì chỉ có vô tác mà không có tác. Nếu có người đắc giới, mặc dù làm ác, thì người này, ở đời hiện tại thành tựu hai pháp: Pháp ác thì có tác; pháp thiện thì Vô tác; Tác và vô tác có hai nhân duyên xả: Tài vật bố thí đã hết. Tâm xả bỏ việc làm thiện. Thành tựu trong hai đời quá khứ và hiện tại, là Vô tác. Định cộng trong ba đời, có hai nhân duyên xả: Lúc thối tâm. Lúc đoạn căn lành. Lại có ba thời: Lúc xả bỏ báo thân. Lúc thối tâm. Lúc sanh lên các cõi trên. Vô lậu giới cũng có ba thời để xả: Lúc thối tâm. Lúc chuyển căn tánh ngu độn thành căn tánh lanh lợi. Lúc được phước báo các cõi trên. Hành động tâm thiện nhất thời đánh mất, là do lúc sanh lên các cõi trên bị thối thất việc lành của thân khẩu ý, khi đoạn trừ căn thiện, nhất thời đều mất tất cả.

Này thiện nam! Nếu người nào đầy đủ Giới, Định cộng giới, giới Vô lậu, giới Nhiếp căn, thì người này thật sự hiểu rõ mười nghiệp đạo.

Này thiện nam! Do mười nghiệp đạo, mà tuổi thọ của chúng sanh có tăng có giảm, khi giảm thì mạng sống chỉ có mười năm, khi tăng thì đến vô lượng. Châu Bắc Cu Lô chỉ định ngàn năm; cõi Ta bà là trăm năm, hai phương Đông và Tây hai trăm năm mươi năm; Ở đay tuổi thọ vô lượng, thì ở các cõi kia tuổi thọ cũng vô lượng. Cõi Tứ Thiên Vương tuổi thọ tính theo cõi người là chín trăm vạn

năm, nhưng thọ mạng cũng không nhất định. Như ba thiên hạ, như cõi trời Ba mươi ba, tuổi thọ là một ngàn tám trăm vạn năm, nhưng thọ mạng cũng không nhất định. Tuổi thọ của cõi trời Diệm ma là ba ngàn sáu trăm vạn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Tuổi thọ ở cõi trời Đâu suất là bảy ngàn hai trăm vạn năm, trừ thân sau của Bồ-tát, ngoài ra thọ mạng của tất cả cũng đều không nhất định. Tuổi thọ ở cõi trời Tha hoá là một vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm, thọ mạng vậy, nhưng cũng không nhất định; tuổi thọ ở cõi trời Tha hoá tự tại hai vạn tám ngàn tám trăm vạn năm, thọ mạng vậy, nhưng cũng không nhất định. Một năm trên cõi trời Tha hoá tự tại, tức là một ngày một đêm ở chốn địa ngục nóng, như vậy ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm; tuổi thọ trong địa ngục nóng, với hai vạn tám ngàn tám trăm vạn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Một năm trên cõi trời Tha hoá, tức là một ngày một đêm ở chốn địa ngục Đại thanh, ba mươi ngày như vậy là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở địa ngục Đại thanh, với một vạn bốn ngàn bốn trăm vạn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Một năm ở cõi trời Đâu suất, tức là một ngày một đêm ở chốn địa ngục Tiểu thanh, ba mươi ngày như vậy là một tháng và mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở địa ngục Tiểu thanh với bảy ngàn hai trăm vạn năm, thọ

mạng như vậy cũng không nhất định. Một năm ở cõi trời Diệm ma, tức là một ngày một đêm ở địa ngục Chúng hợp, với ba mươi ngày như vậy là một tháng và mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở địa ngục chúng hợp ba ngàn sáu trăm vạn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Một năm ở cõi trời Đao lợi, tức là một ngày một đêm ở chốn địa ngục Hắc thằng, ba mươi ngày như vậy là một tháng và mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở địa ngục Hắc thằng với một ngàn tám trăm vạn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Một năm ở cõi trời Tứ thiên vương, tức là một ngày một đêm ở địa ngục Đẳng hoạt, ba mươi ngày như vậy là một tháng và mười hai tháng là một năm, tuổi thọ ở địa ngục Đẳng hoạt với chín trăm vạn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Tuổi thọ ở địa ngục A tỳ trong một kiếp, tức bằng tuổi thọ trong địa ngục Đại nhiệt nửa kiếp, chỉ có tuổi thọ trong hai địa ngục mới nhất định. Năm mươi năm trong cõi người là một ngày một đêm trong cõi ngạ quỷ, ba mươi ngày như vậy là một tháng và mười hai tháng là một năm, tuổi thọ của ngạ quỷ với một vạn năm ngàn năm, thọ mạng như vậy cũng không nhất định. Trong loài súc sanh, trừ loài rồng Nan Đà và Bà Nan Đà, còn tất cả thọ mạng cũng không nhất định. Một năm trong địa ngục A tỳ, tức là một ngày một đêm ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng, ba mươi ngày như vậy là một tháng và mười hai tháng

là một năm, tuổi thọ cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng là tám vạn Đại kiếp, cõi Vô sở hữu là sáu vạn kiếp, cõi thức Vô biên là bốn vạn kiếp, cõi Không vô biên là hai vạn kiếp.

Nếu có người nào, chỉ khởi phiền não nhỏ, ưa thích không định, nên biết người này, sanh lên bốn cõi vô sắc từ mười năm tăng đến tám vạn năm, từ tám vạn năm giảm xuống mười năm, tăng giảm như vậy, đủ mười tám lần, gọi là trung kiếp. Ba tai nạn đói kém, ba tai nạn tật bệnh, một tai nạn đao binh, gọi là một tiểu kiếp. Hỏa tai và thủy tai, mỗi lần qua năm giai đoạn, lại có một phong tai; qua năm phong tai, gọi là một đại kiếp. Trong châu Diêm phù đề lúc phát khởi đao binh, người ở hai phương Đông và Tây tạm thời hết giận dữ; khi châu Diêm phù đề khởi nạn tật bệnh, thì hai châu kia nhức đầu và sức khoẻ suy kém; khi châu Diêm phù đề mất mùa, thì hai châu kia nghĩ đến ăn uống; những điều xấu ác như vậy ở châu Bắc cu lô không có; do không sát sanh, nên tuổi thọ tăng trưởng. Vì nhân duyên trộm cắp nên tuổi thọ suy giảm. Có hai loại kiếp: Thuỷ kiếp. Hoả kiếp. Lúc kiếp lửa sinh khởi, chúng sanh trong địa ngục nếu quả báo đã hết tức được ra khỏi, nếu quả báo chưa hết sẽ chuyển đến địa ngục lớn nơi khác, nếu tám địa ngục lớn trong thế gian này không có chúng sanh, đó là chúng sanh đã thoát khỏi địa ngục. Trong bốn biển lớn có chúng sanh nghiệp đã hết, tức được giải

thoát. Nếu nghiệp chưa hết, tức chuyển đến sinh sống ở trong biển khác. Nếu trong biển khác không có chúng sanh, tức được giải thoát. Từ đất Diêm phù đề, thẳng xuống hơn năm trăm do diên, có thành của vua Diêm la, chu vi rộng bảy vạn năm ngàn do diên, chúng sanh, ngạ quỷ trong thành nếu nghiệp đã hết, tức sẽ được ra khỏi, nếu nghiệp chưa hết, sẽ chuyển đến chỗ của vua Diêm la khác, nếu trong thành này chẳng còn một chúng sanh, đó được gọi là giải thoát. Bấy giờ, có một người nhờ nhân duyên ở nội tâm, chứng đắc sơ thiền, được sơ thiền rồi, liền phát khỏi âm thanh lớn xướng: " Sơ thiền vắng lặng! Sơ thiền vắng lặng!" Các người nghe được đều tự suy nghĩ và tất cả đều được sơ thiền, tức thì xả bỏ thân người sinh lên cõi trời Sơ thiền; lúc ấy trong sơ thiền, lại có một người nhờ nhân duyên nội tâm tu, tập chứng đắc nhị thiền, sau khi chứng đắc liền hô to: " Nhị thiền vắng lặng! Nhị thiền vắng lặng!". Chúng sanh nghe được, mỗi người tự suy nghĩ, lại được nhị thiền, xả bỏ sơ thiền sanh lên nhị thiền, chính khi ấy từ địa ngục A tỳ lên đến sơ thiền không còn một chúng sanh ở đó.

Này thiện nam! Ngoài bốn châu thiên hạ có núi Do Càn Đà, trong núi đó có bảy mặt trời, chúng sanh nhờ lực nhân duyên phước đức, nên chỉ hiện ra một mặt trời, nhờ đó thành thục được trăm giống cỏ cây. Lúc kiếp lửa khởi lên, bảy mặt trời này đều xuất hiện, đốt cháy tất cả trăm thứ cỏ cây, sông núi,

đại địa, núi chúa tu di cho đến Sơ thiền, Nhị thiền, chúng sanh thấy tai hoạ lửa tâm sanh khiếp sợ. Trong nhị thiền có các vị trời sanh đến trước, nói với các vị trời sanh đến sau: " Các ông chớ có lo, ta đến đây đã từng thấy hỏa hoạn như vậy, chỉ cháy đến sơ thiền, không đến đây đâu". Có những chúng sanh tăng tuổi thọ từ mười tuổi đến tám vạn tuổi, hoặc giảm từ tám vạn kiếp còn lại mười năm, trải qua những lúc hoả tai như vậy, sức nóng vẫn còn, lúc ấy từ cõi trời Trung gian thiền mưa lớn trút nước xuống, lại trải qua tuổi thọ một lần tăng một lần giảm nữa, chúng sanh nhờ sức nhân duyên tạo phước đức nên giữ được nước này, sau khi nước dần dần hạ xuống, lại xuất hiện bảy lớp gió mây, khi ấy mưa tạnh, trên mặt nước sanh ra một lớp màng giống như váng sữa, trong bốn châu thiên hạ, núi Tu Di vương bỗng dần dần hiện ra trong nước, có đủ tất cả các loại hạt giống, khi ấy ở cõi nhị thiền lại có một người mạng sống rất ngắn, phước đức đã hết, vì nghiệp lực nên đọa vào thế gian, thọ vô lượng tuổi, quang minh tự chiếu, ở một mình trải qua rất lâu, tâm sanh sầu não, nên tự nghĩ: " Ta đã ở đây một mình, nếu ta có phước nguyện có người đến làm bạn với ta". Nghĩ như vậy xong, khi đó ở cõi nhị thiền có những chúng sanh, do nghiệp duyên mà sanh đến đây, nhưng phước mỏng, thọ mạng đã hết người ấy thấy rồi tâm sanh vui mừng, liền tự suy nghĩ: " Những người thế này, ta sẽ hoá

sanh, tức ta là người sáng tạo, ta đối với người kia có lực tự tại". Người kia cũng nghĩ: " Ta từ người kia mà sanh ra, người kia hoá sanh ta, người kia đối với ta có sức tự tại". Do nhân duyên này, mà tất cả chúng sanh, sanh khởi ngã tưởng, kiến tưởng.

Này thiện nam! Ấm, Giới, Nhập v. v…, ở thế giới chúng sanh, thế giới quốc độ, đều do nhân duyên mười nghiệp này mà có.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia. Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia quán sát mười nghiệp đạo như vậy không khó, Bồ-tát tại gia quán sát mười nghiệp đạo như vậy, mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 25: NHẪN NHỤC BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

Bạch đức thế Tôn! Ở trước Phật đã dạy: Bố thí Ba-la-mật, trì Giới Ba-la-mật, vậy Bồ-tát làm thế nào để tu tập được nhẫn nhục Ba-la- mật?

Phật dạy:

Này thiện nam! Nhẫn nhục có hai loại: Nhẫn Thế gian, Nhẫn Xuất thế gian. Có thể chịu được đói khát, nóng lạnh, khổ vui, đó gọi là nhẫn nhục thế gian. Có thể chịu được Tín, Giới, Bố thí, Đa văn, Trí tuệ, Chánh kiến, không lỗi lầm, chịu được

Phật pháp, Tăng mọi chỉ trích, đánh đập, nói lời thô ác, làm việc ác, tham, sân, si v. v… đều nhẫn nhịn hết. Nhẫn nhục được cả sự khó nhẫn, làm được những việc khó làm, đó gọi là Nhẫn nhục xuất thế gian.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu gặp người đánh đập, khi dể, mạ nhục, dùng lời thô ác mắng chửi, khi ấy, trong tâm Bồ-tát không khởi ý niệm trả thù, Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, như vậy, nhưng không vì hiện tại, chỉ muốn lợi ích đời sau, chỉ lấy điều lành báo đáp điều ác, không chống trả điều ác.

Này thiện nam! Cũng có nhẫn chẳng phải Ba-la-mật; có Ba-la- mật chẳng phải Nhẫn; có Nhẫn cũng phải Ba-la-mật; chẳng phải Nhẫn cũng chẳng phải Ba-la-mật. Nhẫn nhục mà chẳng phải Ba-la-mật, đó Nhẫn thế gian, là sự thực hành nhẫn nhục của hàng Thanh-văn, Duyên- giác. Có Ba-la-mật chẳng phải Nhẫn nhục, là thiền định Ba-la-mật. Cũng là Nhẫn nhục cũng là Ba-la-mật, nghĩa là bị cắt đầu, mắt, tay, chân mà một niệm sân hận, cũng không có đó là bố thí Ba-la-mật, là Giới Ba-la-mật và bát nhã Ba-la-mật . Chẳng phải Nhẫn nhục, chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là hàng Thanh-văn, Duyên-giác trì giới, bố thí.

Này thiện nam! Nếu ai muốn tu hạnh Nhẫn nhục, trước tiên phải phá trừ tâm kiêu mạn, giận dữ, si mê, không quán sát tướng ta tướng của ta và tướng thường của chủng tánh. Nếu người nào làm

được như vậy, thì phải biết người này có thể tu hạnh Nhẫn nhục. Sau khi tu tập được như vậy rồi thì tâm được vui mừng. Người trí, nếu gặp kẻ hung dữ mắng chửi, thì nên suy nghĩ: Những chữ mắng chửi đó không sinh ra cùng một lúc, lúc chữ đầu phát ra, thì chữ sau chưa có, lúc chữ sau có rồi, thì chữ đầu đã mất, nên không cùng một lúc, tại sao gọi là mắng chửi! Chỉ có tiếng của gió, tại sao ta sân hận? Thân ta hiện nay do năm ấm hoà hợp, bốn ấm không hiển hiện, thì không thể mắng chửi. Sắc ấm do mười phần hoà hợp mà có, hoà hợp như vậy, nên niệm niệm không ngừng, nếu không ngừng lại, sẽ phải nên nhận lời mắng chửi? Những lời mắng chửi của người kia, tức là hơi gió, mà gió cũng có hai loại trong và ngoài, ta đối với gió ngoài, đều đã không sân hận, tại sao đối với gió trong thân mà khởi sanh sân hận? Người đời chửi mắng cũng có hai loại: Thật và Không thật. Nếu mắng chửi đúng sự thật, thì nóng giận làm gì, nếu chửi mắng không đúng sự thật, thì họ chửi họ gánh chịu không liên can gì đến ta, vì duyên gì mà ta phải giận. Nếu ta nóng giận là ta tự làm ác, vì sân hận sẽ sanh vào ba đường dữ, nếu ta ở trong ba đường ác ấy chịu khổ cực, tức là tự ta làm tự ta chịu quả báo khổ, do vậy mà nói:" Tất cả thiện ác đều có nguyên nhân từ thân ta".

Này thiện nam! Điều kiện sinh ra Nhẫn nhục có năm yếu tố: 1. Người ác gây tai họa đến ta, mà ta

không trả thù. 2. Quán tưởng mọi vật đều là vô thường. 3. Tu tập tâm Từ bi. 4. Tâm không buông lung. 5. Đoạn trừ nóng giận.

Này thiện nam! Nếu có người hoàn thành năm yếu tố như vậy, thì nên biết, người này có thể tu hạnh Nhẫn nhục. Nếu có người lời nói dịu dàng, thanh tịnh khẩu nghiệp, thân nghiệp, dáng điệu hoà nhã, sắc mặt vui vẻ, tỏ ý thăm hỏi, quán sát nhân duyên của tất cả khổ vui, nên biết người này có thể tu hạnh Nhẫn nhục. Nếu ai tu được Tam muội Không, quán các chúng sanh đều là vô thường, thọ khổ v. v… Lúc bị mắng chửi, quán người này như kẻ điên cuồng, ngu si, trẻ nhỏ không có trí tuệ, thì nên biết người này có thể tu hạnh Nhẫn nhục. Người trí nên quán. Nếu người hơn ta mắng chửi ta, thì không nên giận, vì ta giận dữ, thì họ sẽ giết ta. Nếu người mắng chửi ta, chẳng bằng ta, ta cũng không nên trả thù, vì chẳng ngang hàng ta, mà ta trả thù tức làm nhục thân khẩu của ta. Ví như người trao thuốc độc cho người khác, mà người đó không trách mắng, người trao thuốc tự uống lấy, thì mọi người chê cười. Ta cũng vậy. Nếu giận dữ họ, vị lai ta sẽ chịu nhiều đau khổ, tất cả Thánh Hiền quở trách ta, do nhân duyên này, thân ta nếu bị chém chặt chia lìa, ta cũng không nóng giận, phải quán sâu nhân duyên của nghiệp đời trước, nên tu Từ bi, thương yêu tất cả, việc nhỏ như thế mà không nhẫn được, thì làm thế nào ta điều phục chúng sanh?

Nhẫn nhục là nhân chính của tâm Bồ-đề, và quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, là quả của hạnh Nhẫn nhục. Nếu ta không gieo hạt giống như vậy, làm sao mà thu hoạch quả chơn chánh như vậy.

Này thiện nam! Nếu có người trí, thích tu nhẫn nhục, thì người này thường được dung mạo hiền hoà, sắc mặt vui vẻ, ưa cười đùa, người nào thấy cũng vui mừng, thích nhìn không nhàm chán, đối với người thọ nhận thích giáo hoá, tâm không tham đắm. Người trí, thấy kẻ thù đem điều ác đến, nên phát nguyện lành, nguyện cho kẻ oán thù kia, đời sau làm cha mẹ, anh em thân thích của ta, đừng đối với ta khởi tưởng oán thù. Lại quán sát: Nếu có người thân hình tàn tật, dung mạo xấu xí, các căn không đủ, tài vật thiếu thốn, nên biết, người này đều do nhân duyên sân hận, mà bị quả báo như vậy, ta nay tại sao không tu Nhẫn nhục? Do nhân duyên ấy, người trí phải siêng năng tu tập đức hạnh nhẫn nhục.

Này thiện nam! Bậc đại Bồ-tát, lúc tu Nhẫn nhục, thường thích quán sát tội lỗi sanh tử, thích tu pháp hạnh chuyên cần tinh tấn, đọc tụng, biên chép kinh điển Như Lai, cúng dường sư trưởng và người có đức độ, chăm sóc người bệnh, tu tập Từ bi, thương yêu tất cả, thấy người khổ đau ra tay giúp đỡ, thường thích xuất gia, cho đến trọn đời, giữ gìn giới luật một cách tinh tấn, thâu nhiếp các căn

không cho sinh khởi nhân duyên phiền não, thà bỏ thân mạng không có huỷ giới, nếu người có công việc ưa đến giúp đỡ, thường biết hổ thẹn, ưa khen đức nhẫn, điều phục chúng sanh, chịu mọi khổ cực, đối với kẻ oán còn nhẫn được các điều ác của họ, huống là người thân thuộc, có thể chịu được hai loại giận dữ: Chúng sanh giận dữ. Giận dữ không phải của chúng sanh. Xả bỏ niềm vui của mình, để cho mọi người an vui, không nhớ nghĩ điều ác, không quên một điều thiện, xa lìa nói hai lưỡi, trước sau im lặng không nói lỗi của người khác, chỉ nói tội lỗi của phiền não, khiến mọi người được xa lìa; điều mà người khác không vui, thì không nói ra, thanh tịnh thân, khẩu, ý, hiểu rõ các nghiệp, nếu do nhân duyên phiền não tạo tội, lỡ làm rồi phải biết hổ thẹn, sanh tâm hối hận.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia. Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia tu nhẫn nhục thanh tịnh không lấy làm khó, Bồ-tát tại gia, tu nhẫn nhục thanh tịnh, mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 26: TINH TẤN BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Bậc đại Bồ-tát tu tập sáu

Ba-la-mật, cái gì làm nhân duyên chính?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Nếu có thiện nam, tín nữ nào pháp ác đã sanh thì làm cho nó diệt; pháp ác chưa sanh không cho nó sinh khởi; pháp lành chưa sanh, làm cho nó sanh khởi; pháp lành sanh rồi, làm cho nó tăng trưởng. Siêng năng tu hành tinh tấn, đó gọi là tinh tấn. Tinh tấn như vậy, tức là cái nhân để tu hành đúng đắn sáu Ba-la-mật, siêng năng tinh tấn có thể giải thoát được tất cả phiền não.

Này thiện nam! Nếu chịu được nỗi khổ trong ba đường ác, thì nên biết, người này chân thật tu thiền định Ba-la-mật, tu tập bình đẳng, không vội vàng và không trì hoãn. Tinh tấn có hai thứ: Chánh và Tà. Bồ-tát xa lìa tà tinh tấn rồi, thì tu tập chánh tinh tấn. Tu tín, bố thí, trì giới, đa văn, trí tuệ, Từ bi, gọi là tu chánh tinh tấn. Chí tâm thực hành trong ba thời, không hối hận; đối với pháp lành không bao giờ biết đủ, học cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian, tất cả đều gọi là chánh tinh tấn. Bồ-tát dù không tham tiếc thân mạng, nhưng vì hộ trì chánh pháp, nên phải biết thương mến tự thân, bốn oai nghi thường tu như pháp, khi tu pháp lành, tâm không biếng nhác; trong lúc mạng chung giữ đúng chánh pháp, nếu đạt được sáu Ba-la-mật, thì tinh tấn là nhân duyên chính. Nếu tự đọc tụng, ghi chép, suy nghĩ mười hai bộ kinh, ấy là đã vì pháp tự mình siêng năng thực hành hạnh tinh tấn. Nếu đem sự

thực hành của mình để giáo hoá chúng sanh, làm cho họ được điều phục, gọi là người khéo thực hành hạnh tinh tấn. Nếu vì Bồ-đề, tu đạo Bồ-đề, Bố thí, Trì giới, Đa văn, Trí tuệ, tu học pháp thế gian, cúng dường cha mẹ, sư trưởng, người có giới đức, tu tập thiền định, giữ gìn giới luật, đọc tụng, ghi chép mười hai bộ kinh, xa lìa tham lam, sân hận, si mê v. v… thì gọi là Bồ-tát siêng năng thực hành hạnh tinh tấn. Thực hành được tất cả như vậy, đều gọi là chánh tinh tấn, đó gọi là nguyên nhân chính của sáu Ba-la-mật.

Này thiện nam! Người biếng nhác không thể một lúc bố thí tất cả, không thể giữ giới, không thể chuyên cần thực hành hạnh tinh tấn, thâu giữ tâm chánh niệm, chịu được điều ác, phân biệt lành dữ, vì vậy, Như Lai nói với sáu Ba-la-mật, tinh tấn là nhân chính.

Này thiện nam! Có người siêng năng tinh tấn mà không phải Ba-la-mật; có Ba-la-mật không phải tinh tấn; cũng Ba-la-mật cũng tinh tấn; chẳng phải Ba-la-mật chẳng phải tinh tấn. Trường hợp Tinh tấn không phải Ba-la-mật: Như tà tinh tấn, hay tinh tấn cho việc lành, đó là tinh tấn của hàng Thanh-văn, Duyên-giác. Có Ba-la-mật không phải tinh tấn, nghĩa là Bát Nhã Ba-la-mật . Cũng tinh tấn cũng Ba-la-mật, đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn thiền định (năm Ba-la-mật). Chẳng phải tinh tấn cũng chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là

tất cả phàm phu, Thanh-văn, Duyên-giác tu tập Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định, Trí tuệ và các pháp lành.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia. Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia, siêng năng tu tập tinh tấn không khó, Bồ-tát tại gia, siêng năng tu tập tinh tấn mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 27: THIỀN ĐỊNH BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vị đại Bồ-tát tu thiền Ba-la-mật. Vậy thế nào là Thiền định?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Thiền định tức là Giới, Từ, bi, Hỷ, xả, xa lìa các phiền não, tu tập pháp lành, đó gọi là thiền định.

Này thiện nam! Nếu xa lìa Thiền định, thì các việc thế gian cũng không làm được, huống gì là việc xuất thế gian. Vì vậy phải hết lòng tu tập. Bồ-tát muốn được thiền Ba-la-mật, trước gần gũi các vị thiện tri thức, tu tập Tam muội, các pháp phương tiện. Nghĩa là giữ giới, vì giới thâu giữ được các căn, giới đoạn trừ được tà mạng, giúp ta sống như chánh pháp, vâng theo lời của thầy, đối với các pháp lành không cho là đủ, lúc tu pháp lành, tâm

không ngừng nghỉ, thường thích thanh vắng, xa lìa năm Triền Cái, tâm thích tư duy, quán tội lỗi của sanh tử, thường tu pháp lành, chí tâm không bỏ, đầy đủ chánh niệm, diệt trừ buông lung, suy xét lời nói, giảm sự ăn ngủ, thân tâm trong sạch, không gần bạn ác, không giao thiệp với người ác, không thích việc thế gian, biết thời, biết pháp, hiểu rõ bản thân, quán sát kỹ tâm sở pháp, để biết rõ nếu có ý tưởng an vui, sầu não, giận dữ, mềm yếu hay cứng rắn, sau khi biết rõ thì tìm cách diệt trừ, giống như thợ vàng khéo biết nóng lạnh, không để tổn thất, ưa vị cam lồ, tuy ở trong pháp thế gian, nhưng thân tâm không xao động, giống như ngọn núi Tu di không bị gió bốn phương lay động, chánh niệm vững chắc, cũng thấy, biết các pháp Hữu vi có nhiều tội lỗi. Nếu có người thích tu Tam muội như vậy, không ngừng nghỉ, thì nên biết, người này có thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật . Ví như kéo dây để lấy lửa, nhờ không ngừng nghỉ, nên mới được lửa.

Này thiện nam! Nếu xa lìa Thiền định, mà muốn được các pháp thế gian và trí tuệ xuất thế gian, thì không thể được. Vì tất cả thiền định là căn bản của tất cả pháp lành, do nhân duyên ấy, nên phải thâu giữ tâm. Như người cầm gương, thấy được tất cả việc thiện ác. Vì vậy, Thiền định gọi là trang nghiêm đạo Bồ-đề, thân tâm thọ nhận sự an lạc, gọi là thiền định, không tăng không giảm, gọi là bình đẳng định. Từ khi bắt đầu quán sát đống

xương, cho đến đạt được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đều gọi là thiền định. Thiền định có bốn yếu tố: Từ sự mong muốn. Từ hạnh tinh tấn. Từ tâm niệm. Từ trí tuệ. Nhờ bốn yếu tố ấy, mà được vô lượng phước đức, tăng trưởng tất cả pháp lành. Hoặc cũng có ba yếu tố: Từ nghe. Từ suy nghĩ. Từ sự tu tập. Từ nơi ba pháp ấy, mà dần dần có sự phát sinh. Hoặc có ba thời: Lúc sinh khởi. Lúc an trú. Lúc tăng trưởng.

Này thiện nam! Trong cõi dục có chủng tử thiền, nhờ chủng tử thiền, mà được ba thứ Bồ-đề. Thiền định như vậy là có thối chuyển, an trú và tăng trưởng. Nếu ở tứ thiền tánh sẽ kiên cố, còn ở sơ thiền cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì cõi trên thù thắng hơn cõi dưới và cứ tuần tự như vậy. Trong căn bản thiền có hỷ lạc, chẳng phải trung gian thiền, sáu thần thông cũng như vậy. Ở nơi căn bản thiền, chứ không phải nơi nào khác. Thiền gọi là Trang nghiêm Bồ-đề. Nhờ có thiền định, mà có thể được Đạo Học và Đạo Vô học, bốn tâm vô lượng, ba môn giải thoát, lợi mình, lợi người, vô lượng thần túc, trí biết tâm kẻ khác, khả năng điều phục chúng sanh, vô lượng trí tuệ, năm trí, thiền định, chuyển tâm trí ngu muội thành tâm trí lanh lợi, đoạn trừ tất cả sanh, già, bệnh và chết thành tựu tất cả các loại trí, thấy tự tánh các pháp như tấm lụa mỏng.

Này thiện nam! Người Trí nên quán sát như thế

này: " Tất cả phiền não là kẻ oán thù lớn của ta". Vì phiền não, có thể phá hoại ta và người khác, do nhân duyên ấy, ta nên tu tập tâm Từ bi, vì muốn lợi ích các chúng sanh, vì được vô lượng pháp lành. Nếu có thuyết nói: " Lìa tâm Từ bi mà vẫn được pháp lành". Điều ấy không đúng. Vì sao? Vì Từ bi có thể đoạn trừ pháp bất thiện, làm cho chúng sanh xa lìa khổ đau, hưởng được an vui và có thể phá bỏ được nhân duyên cõi dục. Tâm từ nếu duyên vào cõi dục giới, gọi là từ cõi dục.

Này thiện nam! Chúng sanh nếu có thể tu tập tâm Từ, thì người ấy, sẽ được vô lượng công đức. Nếu muốn tu tập tâm từ, thì trước tiên đối với kẻ thù ban cho họ an vui, đó gọi là tu tâm từ.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh tựu trung gồm có ba hạng: Thù oán. Thân thuộc. Không thù oán, không thân thuộc. Ba hạng như vậy, đều là nhân duyên của tâm từ. Người tu tâm từ, trước đối với người thân, muốn họ được an lạc, quán được thành tựu như vậy rồi, sau mới kẻ oán thù.

Này thiện nam! Lúc khởi tâm từ, có khi nhờ Giới mà sinh khởi, có khi nhờ Bố thí mà sinh khởi, nếu có thể nên xem kẻ oán thù như con của mình, ấy là được tâm Từ.

Này thiện nam! Từ chỉ có che chở mà không thể cứu khổ, còn Bi thì không như vậy, vừa che chở vừa cứu khổ.

Này thiện nam! Nếu xem kẻ thù như đầu một sợi lông, thì không thấy điều ác của họ, nên biết người này tu tập tâm Từ. Nếu có kẻ oán thù, mắc bệnh, tự mình đến thăm hỏi, chăm sóc, chữa trị, giúp đỡ các vật cần dùng, thì nên biết người này tu tâm Từ.

Này thiện nam! Nếu tu Nhẫn nhục, nên biết đó là nhân duyên của sự tu tập tâm tư. Tu tập tâm từ như vậy, tức là tạo nhân duyên cho mọi sự an lạc. Nếu ai có khả năng tu tâm từ, thì biết người ấy có thể phá trừ tất cả nhân duyên kiêu mạn, có thể như pháp thực hành Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Nếu có người tu thiền định, thì biết người này tu phước đức Phạm thiên. Được thân Phạm thiên, nên gọi là phước đức Phạm thiên. Nếu có người quán tội lỗi sanh tử, công đức Niết Bàn, người ấy, dù dưới chân đạp nhầm phẩn, bụi, ta vẫn nên cung kính đội họ trên đầu. Người đó nhẫn được là điều khó nhẫn, thí điều khó thí, làm điều khó làm. Người đó có thể tu tập Tứ thiền, Tứ không và Tám giải thoát. Hoặc lại cho: "Tất cả chúng sanh do thân, khẩu, ý tạo ra điều ác, đời sau, nếu có chịu quả báo khổ đau, ta đều chịu thế, nếu ta có được phước lành, tất cả chúng sanh sẽ cùng ta thọ hưởng, Từ bi như vậy, nếu cảnh duyên rộng, thì được rộng khắp, nếu cảnh duyên ít, thì được nhỏ hẹp. Từ bi cũng có ba hạng Thượng, Trung và Hạ. Hoặc cũng có ba điều: 1. Do nơi kẻ oán thù. 2. Do

nơi người thân. 3. Do nơi người không oán thù cũng không thân thuộc. Hoặc cũng có ba điều: 1. Do nơi tham.

2. Do nơi chúng sanh. 3. Do nơi không phải chúng sanh. Những nhân duyên như vậy đều gọi là Thiền. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng đều như vậy.

Này thiện nam! Có Thiền mà chẳng phải Ba-la-mật; có Ba-la- mật mà chẳng phải thiền, cũng vừa thiền cũng vừa Ba-la-mật; chẳng có thiền chẳng có Ba-la-mật. Thiền mà chẳng phải Ba-la-mật là thiền thế tục và các thiền định của Thanh-văn, Duyên-giác. Có Ba-la-mật mà chẳng phải thiền, tức là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Cũng là thiền cũng là Ba-la-mật, nghĩa là Kim cang Tam muội. Chẳng phải thiền chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là tất cả chúng sanh, Thanh-văn, Duyên-giác; do nghe và suy nghĩ, mà sanh ra pháp lành.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia. Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia, tu tập thiền đinh thanh tịnh không khó, Bồ-tát tại gia, tu tập thiền định thanh tịnh, mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 28: BÁT NHÃ BA LA MẬT

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để tu tập thanh tịnh Bát Nhã Ba-la-mật?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát trì giới, tinh tấn, đa văn, chánh niệm, tu hạnh nhẫn nhục, thương xót chúng sanh, tâm luôn hổ thẹn, xa lìa sự ganh tỵ, chơn thật, biết rõ các phương tiện tốt, vì chúng sanh mà chịu khổ, tâm không hối hận, ưa làm bố thí, điều phục chúng sanh, khéo biết các tội lỗi nặng nhẹ phạm phải thường khuyên chúng sanh bố thí, làm phước, biết chữ, biết nghĩa, tâm không kiêu mạn, gần gũi bạn lành, vì lợi ích mình và lợi ích người khác, cung kính Tam Bảo, Sư trưởng, Hoà thượng, các vị Trưởng lão và người có đức, đối với tự thân, đối với Bồ-đề không nên khinh thường, quán sát Bồ-tát công đức vi diệu, biết tướng thiện ác, biết tất cả Thanh luận thế gian và xuất thế gian, biết nhân, biết quả, biết rõ phương tiện và cả căn bản. Nên biết người này có thể đạt được trí tuệ. Trí tuệ như vậy, có ba điều kiên: 1. Nhờ Văn mà sanh. 2. Nhờ Tư mà sanh. 3. Nhờ Tu mà sanh. Nhờ chữ mà diễn tả được nghĩa, đó là nhờ Văn mà sinh. Nhờ suy nghĩ mà được nghĩa đó là Tư mà sanh. Nhờ Tu tập mà được nghĩa, đó là Tu mà sanh. Nếu siêng năng đọc tụng mười hai bộ kinh của Như Lai. Đoạn trừ lưới nghi, đọc được tất cả luận của thế gian và việc thế gian, khéo phân biệt được đạo tà hay chánh, đó gọi là trí tuệ; khéo

phân biệt mười hai bộ kinh, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới v. v… nhân quả, chữ nghĩa, tướng trạng của Giới và Thiền định, tướng thượng, trung, hạ, thiện, ác và vô ký, bốn thứ điên đảo, kiến đạo, tu đạo, khéo léo phân biệt các việc như vậy, gọi là trí tuệ.

Này thiện nam! Người trí mong cầu mười lực, bốn vô sở uý, ba niệm đại bi, thường gần gũi chư Phật và đệ tử Phật. Gặp thời không có Phật pháp, vui theo ngoại đạo, xuất gia tu học, tuy ở trong tà đạo, vẫn thích cầu chánh pháp, thường tu tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả và năm phép thần thông, được năm phép thần thông rồi, quán tưởng bất tịnh và tưởng vô thường, có thể thuyết giảng các pháp Hữu vi có nhiều tội lỗi, dùng lời chân chánh dạy bảo chúng sanh, khiến họ học Thanh luận, làm cho thân tâm chúng sanh xa lìa tật bệnh, ưa đem việc đời dạy bảo người khác, xây dựng sự nghiệp không ai hơn mình, nghĩa là chú thuật nhiều thứ thuốc, khéo làm ra tiền của, để sau khi được rồi, có thể sử dụng đúng như đạo lý, bố thí đúng như pháp, dù cho biết tất cả cũng không sanh kiêu mạn, được công đức lớn, không cho là đủ, dạy bảo chúng sanh tín tâm, bố thí, trì giới, đa văn, trí tuệ, khéo biết rõ thiện, ác, vô ký, biết được phương tiện, khéo biết nhân duyên thứ tự của Học hạnh, biết đạo Bồ-đề và sự trang nghiêm của đạo, biết các chúng sanh căn cơ có thượng. Trung, hạ, biết Thanh luận ngoại đạo

nhưng tâm không tham đắm, biết chúng sanh để tùy lúc tùy nghi mà điều phục, biết thế giới chúng sanh và thế giới quốc độ, biết đầy đủ sáu Ba-la-mật .

Này thiện nam! Có Trí Tuệ chẳng phải Ba-la-mật; có Ba-la-mật chẳng phải Trí tuệ; cũng có Trí tuệ cũng là Ba-la-mật; chẳng phải Trí tuệ chẳng phải Ba-la-mật. Có Trí tuệ chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là Trí tuệ của tất cả thế gian và Trí tuệ tu hành của hàng Thanh-văn, Duyên-giác. Có Ba-la-mật chẳng phải Trí tuệ, không có nghĩa như vậy. Cũng Trí tuệ cũng Ba-la-mật, nghĩa là có tất cả sáu Ba-la-mật. Chẳng phải Trí tuệ chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là tất cả Thanh-văn, Duyên- giác, Bố thí, Trì giới, Tinh tấn.

Này thiện nam! Nếu người nào có thể siêng năng tu tập sáu Ba-la-mật như vậy, thì người ấy được gọi là người cúng dường sáu phương, có thể làm tăng trưởng tài sản và tuổi thọ.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia. Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia, tu tập trí tuệ thanh tịnh không khó. Bồ-tát tại gia, tu tập trí tuệ thanh tịnh mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Lúc Thế Tôn thuyết giảng pháp như vậy rồi, Thiện sanh, con ông trưởng giả, cùng một ngàn Ưu-bà-tắc liền phát tâm Chánh đẳng Chánh giác

Vô thượng. Sau khi phát tâm rồi, tất cả đứng dậy đảnh lễ Đức Phật và bái tạ ra về.

-oOo-

SỐ 1489

KINH THANH TỊNH TỲ NI PHƯƠNG QUẢNG

Hán dịch: Đời Hậu Tần Tam Tạng
Cưu Ma La Thập, người nước Quy Tư.

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ, đức Phật cư trú tại núi Kỳ xà quật, thuộc thành Vương Xá cùng với tám ngàn vị đại Tỳ kheo Tăng, hai ngàn vị Đại Bồ-tát, các thiên tử trời Tịnh Cư, và các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn diễn nói pháp cho vô lượng trăm nghìn đại chúng đang cung kính vây quanh.

Khi ấy, có một thiên tử tên là Tịch Điều Phục Âm đang ngồi tại pháp hội. Vị ấy rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ xuống đất, chấp tay hướng về Phật, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi hiện đang ở đâu? Hôm nay, đại chúng khao khát được gặp để nghe pháp từ bậc trượng phu Thánh thiện ấy.

Nghe hỏi như vậy, Phật bảo Thiên tử Tịch Điều Phục Âm:

- Này Thiên tử! Cách đây mười ngàn cõi Phật về phương Đông, có cõi Phật tên là Bảo Chủ, nơi ấy có Phật hiệu là Bảo Tướng Như Lai Ứng Chánh Biến Giác hiện đang thuyết pháp. Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi đang ở cõi đó và đang thuyết pháp cho các đại Bồ-tát.

Vị Thiên tử ấy bạch Thế Tôn:

- Cúi xin Ngài hiện tướng, khiến cho Văn Thù Sư Lợi trở về lại nơi đây. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì nếu theo tất cả các Thanh văn, Duyên Giác có mặt để nghe pháp thì không bằng theo Văn Thù Sư Lợi để nghe pháp. Chỉ trừ Như Lai, những vị thuyết pháp khác không ai hơn Văn

Thù Sư Lợi. Nếu Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi thuyết pháp thì tất cả cung ma đều bị che mờ, tất cả chúng ma đều bị hàng phục, bỏ tăng thượng mạn, diệt trừ tăng thượng mạn. Nếu ai chưa phát tâm Bồ đề thì phát tâm Bồ đề, ai đã phát tâm rồi thì an trú không thối chuyển; người đáng giáo hóa thì giáo hóa; người nên lìa bỏ thì lìa bỏ, tùy thuận Như Lai, muốn làm cho Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Bấy giờ, biết tâm của Thiên tử Tịch Điều Phục Âm, đức Thế tôn liền phóng hào quang từ sợi lông trắng giữa chặng mày chiếu khắp cõi Phật này, rồi qua mười ngàn cõi Phật ở phương Đông, chiếu khắp thế giới Bảo Chủ. Khi ấy, các Đại Bồ-tát ở

thế giới Bảo Chủ thấy hào quang này, bạch Phật Bảo Tướng:

- Bạch Thế Tôn! Đó là tướng hào quang gì mà có ánh sáng chiếu khắp thế giới này?

Nghe hỏi như thế, Phật Bảo Tướng bảo các Bồ-tát:

- Này Thiện nam! Cách đây mười ngàn cõi Phật về phương Tây, có cõi nước tên là Ta bà, nơi ấy có Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác, hiện đang thuyết pháp. Đức Như lai ấy phóng luồng hào quang từ giữa chặng mày; hào quang ấy xuyên suốt mười ngàn cõi Phật, chiếu đến thế giới này.

Các Bồ-tát ấy bạch Thế Tôn:

- Do nhân duyên gì mà đức Thích Ca Mâu Ni Ứng Chánh Biến Giác phóng hào quang từ chặng mày?

Đức Phật đáp:

- Ở cõi nước của Như lai Thích Ca Mâu Ni có vô lượng ngàn ức Bồ-tát tụ hội. Tất cả bốn chúng, Thích, Phạm, Hộ Thế đều muốn gặp đồng tử Văn Thù Sư Lợi để nghe pháp. Vì lẽ đó, họ xin đức Như lai Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang từ chặng mày.

Khi ấy, đức Phật Bảo Tướng bảo Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Nay ông nên đến thế giới Ta-bà. Đức Thích

Ca Như Lai Ứng Chánh Biến Giác đang mong gặp ông. Các đại chúng muốn gặp ông để nghe pháp.

Văn Thù Sư Lợi bạch:

- Bạch Thế Tôn! Nay con cũng biết điềm lành của hào quang ấy.

Khi đó, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi cùng mười ngàn Bồ-tát đảnh lễ sát chân Đức Phật Bảo Tướng, rồi như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, Văn Thù và mười ngàn Bồ-tát rời thế giới Bảo Chủ đến thế giới Ta-bà, dừng lại trên hư không, nhưng không hiện hình, rải các loại hoa để cúng dường Như lai và đại chúng, ngập tới đầu gối, nhiều màu đẹp đẽ, hương thơm ngào ngạt.

Tất cả đại chúng thấy hoa rải này, bạch đức Thế Tôn:

- Có điềm gì mà rải nhiều hoa như vậy? Đức Phật dạy:

- Này các Thiện nam! Đó là Pháp Vương tử Văn Thù Sư Lợi và mười nghìn Bồ-tát đang đến thế giới Ta-bà này, dừng lại trên hư không mà không hiện hình; họ rải hoa để cúng dường Ta.

Các đại chúng đồng thanh bạch Thế tôn:

- Chúng con muốn thấy Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi và các Đại Bồ-tát hiện rõ hình tướng.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi và mười ngàn Bồ-tát từ hư không hạ xuống, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải xong, ai nấy đều lui ra một bên rồi

dùng thần lực hóa ra tòa ngồi để ngồi.

Khi ấy, Thiên tử Tịch Điều Phục Âm bạch đức Thế tôn:

- Mọi người đều mong muốn được nghe Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi thuyết pháp.

Đức Phật bảo Thiên tử:

- Tùy có điều nghi ngờ gì, nay ông tự hỏi Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi.

Thiên tử Tịch Điều Phục Âm liền hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Đức Phật Bảo Tướng thuyết pháp gì mà Thánh giả thích ở đó? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Chẳng sanh tham dục, chẳng diệt tham dục; chẳng sanh sân giận, chẳng diệt sân giận; chẳng sanh ngu si, chẳng diệt ngu si; chẳng sanh phiền não, chẳng diệt phiền não. Vì sao? Vì pháp không sanh thì không bao giờ diệt.

Thiên Tử hỏi:

- Thưa Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi! Chúng sanh ở cõi ấy không sanh tham, sân, si, phiền não, lại cũng không diệt chăng?

Đáp:

- Này Thiên tử! Không phải vậy! Thiên tử hỏi:

- Đức Phật ấy thuyết pháp, dạy đoạn trừ điều gì? Đáp:

- Vì bất sanh bất diệt mà thuyết pháp. Vì sao? Vì ở cõi Phật ấy chẳng biết đoạn, chẳng tu chứng.

Các chúng sanh ở cõi ấy trọng Đệ nhất nghĩa đế, chẳng trọng Thế đế.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn thù Sư Lợi! Thế nào gọi là Đệ nhất nghĩa đế?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Họ không trụ sanh, lại không trụ diệt; không có tướng xứ, chẳng phải là không có tướng xứ; chẳng phải là tướng, chẳng phải là không tướng; chẳng phải tướng, chẳng phải hư không; sắc tướng, chẳng phải là tướng có thể, chẳng phải là tướng không có thể; chẳng phải tận, có thể tận, không tận, không thể tận. Như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Này Thiên tử! Nghĩa ấy chẳng phải tâm, chẳng phải sự liên tục của tâm, chẳng phải lời lẻ, câu cú, không đây, không kia, cũng không trung gian. Như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Này Thiên tử! Lại nữa, nghĩa ấy chẳng thể nắm bắt được, không thể diễn đạt bằng văn tự. Như vậy gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì Đức Phật dạy tất cả âm thanh hiện hữu đều là hư vọng.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Lời Như Lai nói có thể hư vọng chăng?

- Này Thiên tử! Lời Như lai nói không thật, không hư vọng. Vì sao? Vì Như lai không có hai

tướng, không trụ tâm, không ngôn thuyết, chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi, chẳng phải nói chơn thật, chẳng phải nói hư vọng, không có hai tướng.

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Hóa thân của Như lai nếu có nói thì thật hay là hư vọng?

Đáp:

- Chẳng phải thật, chẳng phải hư vọng. Vì sao? Vì Hóa thân của Như lai không có thật.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Đúng thế! Đúng thế! Này thiên tử! Tất cả các pháp đều không thành tựu. Điều Như lai nói là không thật, không hư vọng, cho nên gọi là không hai.

Thiên tử thưa:

- Thưa Tôn giả Văn Thù Sư Lợi! Như lai nói Đệ nhất nghĩa đế như thế nào?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này thiên tử! Không có người nói Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì không có ngôn thuyết, không có người thuyết.

Khi nghe nói pháp này, năm trăm Tỳ-kheo không thọ nhận các

pháp, dứt sạch phiền não, tâm được giải thoát, hai trăm thiên tử đạt được pháp Nhẫn.

Bấy giờ, Thiên tử Tịch Điều Phục Âm thưa

Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Đệ nhất nghĩa đế rất khó hiểu! Văn Thù Sư Lợi nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này Thiên tử! Đệ nhất nghĩa đế thật là khó hiểu. Người không tu hành chơn chánh thì thật là khó hiểu.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào gọi là Bồ-tát tu hành chơn chánh?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu không ngôn thuyết tức là biết, là đoạn, là tu, là chứng. Vì sao? Vì nếu còn có tướng là tham, là chấp, là hý luận. Nếu có ngôn thuyết phải biết, phải đoạn, phải tu, phải chứng thì không gọi là tu hành chơn chánh.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là Bồ-tát tu hành chơn chánh?

- Này Thiên tử! Như Chơn như bình đẳng, pháp giới bình đẳng, năm tội nghịch cũng bình đẳng; như pháp giới bình đẳng, các tri kiến cũng bình đẳng; như pháp phàm phu bình đẳng, pháp học bình đẳng; pháp vô học cũng bình đẳng; như pháp Thanh văn bình đẳng, pháp Duyên giác bình đẳng, pháp Bồ-tát bình đẳng, pháp Phật cũng bình đẳng; như pháp sanh tử bình đẳng, pháp Niết bàn bình đẳng, phiền não cũng bình đẳng, tranh luận cũng

bình đẳng.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi:

Vì sao tranh luận bình đẳng, phiền não cũng bình đẳng? Văn Thù Sư Lợi đáp:

Vì "Không" nên bình đẳng; vì "Vô tướng" nên bình đẳng; vì "Vô nguyện" nên bình đẳng. Tại sao? Vì " Không" không có sự sai khác. Này Thiên tử! Như đồ đựng bằng châu báu trống không, đồ đựng bằng đất trống không, sự trống không ở trong hai bình ấy đều bình đẳng, không có sai khác, không thứ gì khác vì không hai vậy. Này Thiên tử! Cũng thế, như phiền não rỗng không và tranh luận rỗng không, không sai khác, bình đẳng, không hai.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Bồ-tát có tu Thánh đế chăng? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát mà không tu Thánh đế thì làm thế nào có thể thuyết pháp cho Thanh văn? Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát tu Thánh đế thì có Quán, còn Thanh văn tu Thánh đế thì không có Quán. Bồ-tát tu Thánh đế thì thong dong, còn Thanh văn tu Thánh đế thì không thong dong. Bồ-tát tu Thánh đế thì có nhân duyên, còn Thanh văn tu Thánh đế thì không có duyên. Bồ-tát tu Thánh đế thì chánh quán mà không chứng thật tế. Bồ-tát tu Thánh đế thì có phương tiện thiện xảo, không bỏ

sanh tử hướng đến Niết bàn. Bồ-tát tu Thánh đế thì quán sát tất cả Phật pháp.

Này Thiên tử! Ví như có người bỏ chủ bỏ bạn, một mình, không bè bạn muốn vượt qua quãng đường hoang vắng; người ấy rất sợ hãi không dám quay lui. Này Thiên tử! Thanh văn cũng vậy, sợ hãi sanh tử, chẳng trở lại thế gian, bỏ tất cả chúng sanh, chẳng trở lại sanh tử, không quán sát Phật pháp, không có phương tiện thiện xảo, chỉ một mình, tu hành Thánh đế. Này Thiên tử! Như người chủ lớn có nhiều quyến thuộc, nhiều tài sản, lương thực, tiền của đầy đủ, sanh lợi rất lớn, muốn vượt qua khoảng đường hoang vắng. Này Thiên tử! Cũng như vậy, Bồ-tát là ông chủ lớn, có nhiều quyến thuộc, thành tựu pháp lợi lớn, nhiều lương thực tiền của Chánh pháp, đầy đủ sáu Ba-la-mật, thành tựu bốn Nhiếp pháp, quán sát khắp tất cả chúng sanh, quán sanh tử rồi trở lại chánh quán Phật pháp, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, đầy đủ phương tiện thiện xảo, tu tập Thánh đế. Này Thiên tử! Như vật thưa mỏng, nếu dùng hoa Chiêm bà, Tu-mạn, Bà-sư để xông hương thì mùi hương sẽ thoát ra nhanh. Này Thiên tử! Cũng thế, Thanh văn tu Thánh đế mau chóng như vậy, không viên mãn sở nguyện, nửa chừng nhập Niết bàn. Họ không tỏa ra mùi hương công đức Giới, Văn, Định, Tuệ, Giải thoát, giải thoát tri kiến của Đức Phật, lại cũng không thể đoạn trừ tập khí phiền não. Này

Thiên tử! Như Y Ca-thi, nếu dùng hương trầm thủy báu của cõi Trời mà xông thì trải qua trăm nghìn năm vẫn thơm tho trong sạch, người trời đều ưa thích. Này Thiên tử! Cũng vậy, trong trăm ngàn vạn ức kiếp, Bồ-tát thường tu Thánh đế, nửa chừng không nhập Niết bàn vì muốn tròn bổn nguyện, tỏa ra mùi hương công đức Giới, Văn, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến của Đức Phật, có khả năng đoạn trừ tập khí kiết sử, được Trời, người A-tu-la, Càn-thát-bà v…v. . kính trọng.

Thiên tử Tịch Điều Phục Âm lại hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Các chúng Thanh văn ở cõi Phật của đức Bảo Tướng Như Lai, Ứng Chánh Biến Giác ấy như thế nào mà Thánh giả thích ở đó?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Thanh văn ở cõi ấy chẳng trụ ở lòng tin, chẳng dạy người khác tin, chẳng hộ trì pháp giới, chẳng phải tám hạng người vượt qua tám tà kiến, chẳng phải Tu-đà-hoàn vượt qua đường ác, chẳng phải Tư-đà-hàm qua lại giáo hóa tất cả chúng sanh, chẳng phải A-na- hàm đối với tất cả pháp không đi không đến, chẳng phải A-la-hán thọ nhận sự cúng dường của tất cả cõi tam thiên, cũng chẳng phải Thanh văn có thể giữ gìn tất cả các pháp mà Đức Phật đã dạy, chẳng đoạn trừ dục, chẳng bị dục thiêu đốt; chẳng đoạn trừ sân,

chẳng bị sân thiêu đốt; chẳng đoạn trừ si, chẳng bị si thiêu đốt; đối với tất cả pháp, xa lìa các sự ngăn che tăm tối; chẳng đoạn trừ phiền não, siêng tu tinh tấn, đoạn trừ phiền não của tất cả chúng sanh, vĩnh viễn không còn tái sanh, vượt qua tất cả sự sanh, sanh theo ý muốn, không có tướng ngã, nhơn, chúng sanh nhưng vẫn giáo hóa chúng sanh không lấy không cho; tất cả chúng sanh là phước điền thanh tịnh; không Tư không Niệm mà vẫn tu chánh niệm; không sanh không diệt mà vẫn tu chánh đoạn; xa lìa thân tâm mà vẫn phát sanh thần túc; biết căn cơ của tất cả chúng sanh, đạt đến bờ kia mà vẫn tu hành về các Căn nhổ sạch, tất cả kiết sử mà vẫn tu Lực; biết khắp tất cả mà vẫn tu Giác; đắc vô vi mà chẳng chứng Đạo; đạt đến thật tế mà vẫn tu Định; đạt đến pháp giới mà vẫn tu Tuệ; dứt sạch vô minh được phát sanh minh; không có hai Hành mà vẫn chứng Giải thoát; với nhục nhãn mà vẫn thấy tất cả chúng sanh, tất cả chư Phật trong tất cả các cõi Đức Phật; với thiên nhãn thấy hết tất cả các chúng sanh chết nơi này, sanh nơi kia; với tuệ nhãn, quán thấy sự sanh tử của chúng sanh là không đến, không đi; với pháp nhãn, thấy các pháp bình đẳng; với Phật nhãn, thấy rõ tất cả cảnh giới Đức Phật; với thiên nhĩ, nghe hết tất cả pháp Phật, có thể thọ, có thể trì; với nhất tâm, có thể biết tâm hành của tất cả chúng sanh, biết hết đời sống của các kiếp quá khứ, có trăm nghìn vạn ức thần thông

có thể đi qua vô lượng cõi Đức Phật; dứt sạch phiền não, nhưng không chứng giải thoát; tuy có thể thấy được nhưng chẳng phải sắc thân, tuy có ngôn thuyết nhưng không có văn tự; tuy có suy tư nhưng tâm không động; hình sắc đẹp đẽ, các tướng trang nghiêm, chuỗi ngọc công đức, oai đức khó sánh, danh tiếng vang khắp, xoa hương tịnh Giới, không nhiễm ô pháp thế tục, phiền não; không nói lời thô ác, thần thông tự tại; học rộng hiểu nhiều, biện tài vang khắp, biết rõ biến hóa, điều phục tối tăm, đại tuệ chiếu sáng; ngôn từ thông suốt, tóm thâu, rốt ráo, thường được chư Phật hộ niệm; điều mà Thanh văn thường hằng chuyên niệm là đạo Bồ đề, niệm của họ như biển, định như Tu di, nhẫn như đại địa, thu phục các ma mạnh mẽ giống như Đế Thích; không ai có thể coi thường, tĩnh lặng như Phạm thiên, không ai sánh bằng, giống như hư không, thể nhập khắp tất cả.

Này Thiên tử! Thanh văn ở cõi Phật Bảo Tướng là như thế, công đức của họ hơn hẳn ở đây.

Khi giảng nói pháp ấy, trong hội có năm trăm Tỳ-kheo, năm trăm Tỳ-kheo ni, năm trăm Ưu-bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di, năm ngàn thiên tử hướng đến trí Thanh văn và nói:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con xin làm chúng Thanh văn của Như Lai Bảo Tướng.

Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiện nam! Chẳng phải tâm Thanh văn mới có thể sanh về cõi ấy. Các ông phải phát tâm Đạo vô thượng thì được sanh về cõi ấy. Những ai sanh về cõi ấy đều phát tâm đắc quả Bồ đề Vô thượng.

Bấy giờ, những vị ấy liền phát tâm Đạo Chơn Chánh Vô Thượng.

Đức Như lai thọ ký cho họ sẽ được sanh về cõi đó.

Khi ấy, Thiên tử Tịch Điều Phục Âm hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Thế nào là Giới Luật của Bồ-tát? Thế nào là Giới Luật của Thanh văn?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Giới Luật còn sợ hãi ba cõi là Giới Luật Thanh văn; Giới Luật thọ nhận vô lượng sanh tử, muốn hóa độ tất cả các chúng sanh trong ba cõi là Giới Luật Bồ-tát. Giới Luật xem nhẹ công đức trang nghiêm là Giới Luật Thanh văn; Giới Luật tự chứa nhóm công đức trang nghiêm là Giới Luật Bồ-tát. Tự đoạn trừ tất cả các phiền não kiết sử là Giới Luật Thanh văn; muốn đoạn trừ phiền não của tất cả chúng sanh là Giới Luật Bồ-tát. Không nghĩ đến việc làm cho tất cả chúng sanh được thành tựu đầy đủ bằng tất cả Phật pháp là Giới Luật Thanh văn; nghĩ muốn làm cho tất cả chúng sanh được thành tựu đầy đủ bằng tất cả Phật

pháp là Giới Luật Bồ-tát. Tất cả chư thiên không biết đến là Giới Luật Thanh văn; tất cả chư thiên trong thế giới tam thiên đại thiên biết đến là Giới Luật Bồ-tát. Tất cả ma xả bỏ là Giới Luật Thanh văn; tất cả chúng ma trong thế giới tam thiên đại thiên khóc than, tất cả chúng ma sanh oán ghét, muốn phá hoại là Giới Luật Bồ-tát. Chỉ chiếu sáng riêng mình là Giới Luật của Thanh văn; muốn chiếu sáng khắp tất cả thế gian, muốn chiếu sáng, thành tựu tất cả Phật pháp là Giới Luật Bồ-tát. Tâm tự quán chiếu là Giới Luật Thanh văn; quán chiếu tất cả Phật pháp là Giới Luật Bồ-tát. Giới Luật lần lượt theo thứ bậc là Giới Luật Thanh văn; một niệm biết khắp tất cả là Giới Luật Bồ-tát. Làm gián đoạn hạt giống Tam bảo là Giới Luật Thanh văn; duy trì hạt giống Tam bảo là Giới Luật Bồ-tát. Như đồ gốm bị vỡ chẳng thể làm cho lành lại là Giới Luật Thanh văn; như đồ bằng vàng bạc phá rồi có thể sửa lại là Giới Luật Bồ-tát. Không có phương tiện thiện xảo là Giới Luật của Thanh văn; thành tựu phương tiện là Giới Luật Bồ-tát. Không có mười lực và bốn vô úy là Giới Luật Thanh văn; thành tựu mười lực và bốn vô úy là Giới Luật Bồ-tát. Cây trái ít nước là Giới Luật Thanh văn; vườn rừng nhà gác, ưa pháp đáng ưa là Giới Luật Bồ-tát. Không có sáu Ba-la-mật, không có bốn Nhiếp pháp là Giới Luật Thanh văn; có sáu Ba-la-mật, đủ bốn Nhiếp pháp là Giới Luật Bồ-tát. Không đoạn trừ tất cả tập khí

là Giới Luật Thanh văn; diệt tất cả tập khí là Giới Luật Bồ-tát.

Lại nữa, Thiên tử! Nói tóm lại, thuộc về cái có giới hạn, có ít pháp công đức, có ít Giới, Văn, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến là Giới Luật của Thanh văn; cái thuộc về vô lượng, vô lượng công đức, vô lượng Giới, Văn, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến là Giới Luật Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Văn Thù Sư Lợi! Ông nói thông suốt về

Giới Luật của Bồ-tát! Văn Thù sư Lợi! Hãy lắng nghe! Ta nói sơ lược để đầy đủ ý nghĩa mà ông đã nói.

Này Văn Thù Sư Lợi! Thí như có hai người, người thứ nhất khen ngợi biển cả, người thứ hai khen ngợi dấu chân bò. Này Văn Thù Sư Lợi! Theo ý ông thì sao? Người khen ngợi dấu chân bò có bao nhiêu công đức?

Văn Thù Sư Lợi thưa:

- Bạch Thế Tôn! Biển cả thì vô lượng; dấu chân bò quá nhỏ thì có gì mà khen ngợi!

Đức Phật dạy:

- Cũng vậy, nên biết Giới Luật Thanh văn giống như dấu chân bò nhỏ bé, không công đức, không nên khen ngợi. Người tu Thanh văn thừa

cũng giống như thế.

Này Văn Thù Sư Lợi! Theo ý ông thì sao? Người thứ hai thường khen ngợi biển cả có công đức chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Bạch Thế Tôn! Người khen ngợi biển cả có vô lượng công đức, rất đáng khen ngợi. Đức Phật dạy:

Nên biết! Giới Luật của Bồ-tát cũng giống như thế. Thí như biển cả có vô lượng công đức, rất đáng khen ngợi. Nên biết, Đại thừa cũng giống như thế.

Khi Phật nói pháp này, có một vạn hai ngàn thiên tử phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi nói:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng phải tu học Giới Luật Bồ-tát như thế, để điều phục vô lượng tất cả chúng sanh.

Lúc ấy, Thiên tử Tịch Điều Phục Âm hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Hiện ngài đang tu học Giới Luật nào? Giới Luật Thanh văn, Giới Luật Duyên giác hay Giới Luật Bồ-tát?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Có biển cả nào không dung chứa các dòng sông chăng?

Thiên tử đáp:

- Thưa Tôn giả Văn Thù Sư Lợi! Không có biển

cả nào mà không dung chứa các dòng sông.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiên tử! Cũng vậy, Giới Luật Bồ-tát giống như biển cả, đều dung nạp hết Giới Luật hiện có, đó là Giới Luật Thanh văn, Giới Luật Duyên giác, Giới Luật Bồ-tát, tất cả Giới Luật.

Thiên tử nói:

- Thưa Tôn giả Văn Thù sư Lợi! Đã gọi là Giới Luật, thì Giới Luật có những nghĩa gì?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Đã gọi là Giới Luật, thì Giới Luật là điều phục phiền não, là biết phiền não, nên gọi là Giới Luật.

Thiên tử hỏi:

Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là tu tập để điều phục phiền não? Thế nào là biết phiền não?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu vọng tưởng về mình, nếu vọng tưởng về người, vọng tưởng về mình và người, chẳng nhớ nghĩ chơn chánh; vọng tưởng về mình, vọng tưởng về người điên đảo không thật, bị kiến chấp trói buộc, vô minh dẫn đầu, như thế là nhất định phát sanh phiền não. Nếu không vọng tưởng về mình, không vọng tưởng về người, không vọng tưởng về mình và người, chuyên nhớ nghĩ chơn chánh, không vọng tưởng về mình, về người, đoạn trừ

điên đảo, chẳng chấp vào kiến giải, trừ bỏ vô minh, chẳng gây ba nghiệp, như vậy là không khởi phiền não, mà phiền não không khởi là Giới Luật rốt ráo.

Này Thiên tử! Như vậy gọi là Giới Luật rốt ráo, nếu dùng Thánh trí để biết phiền não là hư vọng, giả dối, là không có thật, không có chủ tể, không có ngã, ngã sở lệ thuộc, không từ đâu đến và không đi về đâu, không có phương hướng, chẳng phải không có phương hướng, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa có thể nắm bắt được, không dồn không chứa, không hình không sắc, như vậy gọi là biết phiền não.

Này Thiên tử! Như người biết chủng tánh của rắn độc thì có thể làm tiêu mất nọc độc kia. Cũng như thế, nếu biết chủng tánh kiết sử thì có thể làm tiêu mất phiền não.

Thiên tử hỏi:

- Thế nào gọi là chủng tánh phiền não? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Vọng tưởng là chủng tánh phiền não. Nếu chẳng vọng tưởng thì phiền não không khởi. Nếu phiền não không khởi thì chẳng phải là phiền não; nếu không có phiền não thì không có nhà cửa; nếu không có nhà cửa thì không bị thiêu đốt, không có chỗ trụ; nếu không có chỗ trụ thì gọi là Giới Luật rốt ráo. Như vậy gọi là biết chủng tánh phiền não.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là điều phục phiền não? Là thật, là chẳng thật?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Như người nằm mộng bị trúng nọc độc của loài rắn độc, vì đau nhức nên uống nhằm thuốc độc, nọc độc tiêu mất, đau đớn liền hết. Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Như người bị nọc độc của rắn kia là thật hay không thật?

Thiên tử đáp:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Việc đó không thật, vì không có thật thì làm gì có độc để trừ!

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Rắn độc không thật, việc trừ độc cũng không thật, nên biết như thế. Giới Luật của các bậc Thánh cũng vậy. Này Thiên tử! Ông hỏi, thế nào là điều phục phiền não, là thật hay không thật phải không? Này Thiên tử! Nếu ngã là vô ngã thì phiền não là không có phiền não. Nếu ngã là thật thì phiền não cũng thật. Trong đó, nếu ngã là vô ngã thì phiền não là không có phiền não, hoàn toàn chẳng thể nắm bắt. Nếu như thế thì sẽ điều phục cái gì? Vì sao? Này Thiên tử! Vì tất cả các pháp đều vắng lặng nên vô sanh; vì tất cả pháp vắng lặng nên chẳng thể nắm bắt; vì tất cả các pháp là vắng lặng nên không hình tướng; vì tất cả các pháp là tận nên không thật có; vì tất cả các pháp vô tận nên không

sanh; vì tất cả pháp không sanh nên không thật có; vì tất cả các pháp không diệt nên không bền chắc; vì tất cả các pháp không tạo tác, nên không có người tạo tác, vì tất cả các pháp không có nên không có ngã; vì tất cả các pháp vô ngã nên không có chủ tể; vì tất cả pháp không chủ tể nên như hư không; vì tất cả pháp không đến nên không có thật thể; vì tất cả pháp không đi nên không có giới hạn; vì tất cả các pháp không trụ nên không có chỗ trụ; vì tất cả pháp không trụ nên không sanh diệt; vì tất cả pháp vô vi nên vô lậu.

Này Thiên tử! Tất cả các pháp không buông lung nên điều phục rốt ráo.

Thiên tử Tịch Điều Phục Âm lại hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Tất cả các pháp lấy gì làm pháp môn?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Pháp môn tu hành không chơn chánh thì tăng trưởng sanh tử; pháp môn tu hành chơn chánh thì đạt đến Niết bàn. Pháp môn tu hành chơn chánh thì được tự tại; pháp môn tu hành không chơn chánh thì không được tự tại. Pháp môn nghi ngờ, mê hoặc thì tối tăm, chướng nga- i; pháp môn thấu đạt thì không chướng ngại, tối tăm. Pháp môn vọng tưởng thì tăng trưởng phiền não; pháp môn không vọng tưởng thì không phiền não. Pháp môn phân biệt thì có kiết sử; pháp môn không phân biệt thì không có

kiết sử. Pháp môn tỉnh giác nhiều sự việc; pháp môn tịch tĩnh thì tất cả đều tĩnh lặng. Pháp môn kiến giải thì tăng kiêu mạn; pháp môn Không thì diệt trừ kiêu mạn. Pháp môn ác tri thức thì sanh các pháp ác; pháp môn thiện tri thức thì sanh các pháp thiện. Pháp môn tà kiến là nguồn gốc phát sanh các khổ; pháp môn chánh kiến là nguồn gốc sanh các điều lành. Pháp môn bỏn xẻn thì bần cùng; pháp môn bố thí thì giàu có, nhiều của cải. Pháp môn phạm Giới thì sanh đường ác; pháp môn trì giới thì sanh các cõi lành. Pháp môn tranh cãi thì chướng ngại các pháp; pháp môn nhẫn nhục thì tăng trưởng pháp thù thắng. Pháp môn biếng nhác thì khiến tâm cấu uế; pháp môn tinh tấn thì tâm không cấu uế. Pháp môn giác quán thì có nhiều náo loạn; pháp môn thiền định thì tâm trụ một chỗ. Pháp môn không có trí tuệ thì như con

dê ngu si; pháp môn trí tuệ thì có ba mươi bảy phần trợ đạo. Pháp môn Từ thì không chướng ngại trí tuệ; pháp môn Bi thì chân thật không hư ngụy. Pháp môn Hỷ thì kết tập pháp báu; pháp môn Xả thì không còn yêu ghét. Pháp môn Chánh niệm thì không mất gốc thiện. Pháp môn Chánh đoạn thì tu chánh hạnh. Pháp môn Thần túc thì thân tâm khinh an. Pháp môn Căn thì lòng tin làm đầu. Pháp môn Lực thì điều phục tất cả các phiền não. Pháp môn Giác thì tùy thuận hiểu biết các pháp. Pháp môn

tám Thánh Đạo thì vượt qua tất cả các tà đạo.

Lại nữa, này Thiên tử! Pháp môn tâm Bồ đề là tất cả Phật pháp, bao gồm tất cả các pháp môn, đối với tất cả các pháp đều được tự tại. Pháp môn giáo hóa chúng sanh thì diễn thuyết Phật pháp. Pháp môn phương tiện khéo léo thì biết rõ xứ phi xứ. Pháp môn Tuệ Độ thì biết rõ tâm của tất cả chúng sanh, đưa họ qua bờ giác. Pháp môn sáu Ba-la-mật là Đại thừa. Pháp môn sáu phép thần thông là ánh sáng trí tuệ soi chiếu. Pháp môn pháp thí nhẫn thì không tùy theo trí khác.

Thiên tử lại hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Những gì là pháp môn pháp giới? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Pháp môn phổ biến là pháp môn pháp giới. Thiên tử hỏi:

- Giới nào là pháp giới? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Thế giới của tất cả chúng sanh là pháp giới. Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp giới có giới hạn không?

Đáp:

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Hư không có giới hạn hay không?

- Thưa không!

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiên tử! Giống như hư không không có

giới hạn, pháp giới cũng vậy, không có giới hạn.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Ngài có biết pháp giới không?

Đáp:

- Này Thiên tử! Pháp giới chẳng biết pháp giới. Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thánh giả biết pháp gì mà có sự biện luận như thế?

Đáp:

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Tiếng vang biết pháp nào mà phát ra âm thanh?

Thiên tử thưa:

- Tiếng vang không biết gì hết mà phát ra âm thanh. Vì do nhơn duyên nên có âm thanh.

- Này Thiên tử! Cũng vậy, Bồ-tát duyên với chúng sanh nên có sự diễn nói.

Thiên tử thưa:

- Ngài an trụ ở đâu mà có thể có sự diễn nói? đáp:

- Này Thiên tử! Chỗ an trụ của tôi giống như chỗ an trụ của hóa thân Như lai nên có sự diễn nói.

Thiên tử thưa:

- Hóa thân của Như lai không có chỗ trụ hay sao? Đáp:

- Này Thiên tử! Hóa thân của Như lai không có

chỗ trụ mà có sự diễn nói. Tất cả pháp cũng không có chỗ trụ mà có sự diễn nói.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nếu tất cả pháp không có chỗ trụ thì Bồ-tát trụ chỗ nào mà thành đạo Vô thượng?

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiên tử! Ta trụ ở Vô gián mà thành Đạo Vô thượng. Thiên tử thưa:

- Vô gián trụ ở nơi nào? Đáp:

- Vô gián trụ ở chỗ không có cội gốc. Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Người trụ Vô gián nhất định đọa địa ngục.

- Đáp:

- Này Thiên tử! Đúng thế! Đúng thế! Như lai đã nói tạo năm tội Vô gián nhất định bị đọa địa ngục. Này Thiên tử! Nay ta cũng trụ ở năm Vô gián. Này Thiên tử! Bồ-tát trụ ở năm Vô gián thành Đạo Vô thượng. Những gì là năm? Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm cầu Đạo Vô thượng, nửa chừng không rơi vào quả vị Thanh văn, Duyên giác, đó là Vô gián thứ nhất. Nguyện ta phải cứu vớt tất cả chúng sanh, nửa chừng không lười bỏ, đó là Vô gián thứ hai. Bỏ tất cả các vật, nửa chừng không lẫn tiếc, đó là Vô gián thứ ba. Biết các pháp vô sanh, nửa chừng không cho các kiến giải khác xen

vào, đó là Vô gián thứ tư. Hoặc biết, hoặc thấy, hoặc đoạn, bình đẳng chánh giác, dùng nhất niệm tương ưng với tuệ để giác tri điều đó, nữa chừng chẳng rời bỏ thì chắc chắn thành Chánh giác, đó là Vô gián thứ năm. Nếu Bồ-tát trụ ở năm Vô gián ấy thì sẽ thành quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Phàm phu trụ ở năm Vô gián thì đọa địa ngục, còn có Bồ-tát nào cũng trụ ở năm Vô gián này mà thành đạo Chánh Chơn Vô Thượng hay không?

Đáp:- Có Thiên tử thưa:

- Vì nhơn duyên gì? Đáp:

- Này Thiên tư ! Tất cả pháp là " Không". Vì hiểu rõ" Không" nên gọi là đắc Bồ đề. Tất cả pháp Vô tướng, Vô nguyện, chẳng phải hữu vi, không sanh không khởi, do nhơn duyên sanh. Vì biết là nhơn duyên sanh nên gọi là giác ngộ Bồ đề.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Ai tin pháp này? Đáp:

- Này Thiên tử! Như là Phật Như lai còn không sanh tin, huống là Thanh văn?

Thiên tử hỏi:

- Ai hiểu pháp này? Đáp:

- Người chẳng chấp tướng ngã Lại hỏi:

- Ai tin pháp này? Đáp:

- Người chẳng trụ chấp bên này, bên kia. Thiên tử hỏi:

- Nếu không trụ ở bên này, bên kia thì ai nghĩ tưởng đến pháp ấy?

Đáp:

- Người đối với tất cả pháp không có nghĩ tưởng.

Lại hỏi:

- Ai thọ trì? Đáp:

- Người không còn tất cả các kiết sử là người thọ trì. Thiên tử lại hỏi:

- Kinh này sẽ đến tay những ai? Đáp:

- Đến tay người ban bố pháp cho tất cả chúng sanh.

- Lại hỏi:

- Hình sắc của họ ra sao? Đáp:

- Này Thiên tử! Họ có sắc pháp, chẳng phải sắc, ấm, giới, nhập. Lại hỏi: - Họ có hạnh gì?

Đáp:- Họ có hạnh Không, hạnh Vô tướng, hạnh Vô nguyện. Lại hỏi: - Họ đến chỗ nào?

Đáp:

- Này Thiên tử! Họ sẽ đến tất cả chỗ họ cần đến, đến với tâm hành của tất cả chúng sanh, đến chỗ không đến.

Thiên tử lại hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Bồ-tát có thối chuyển chăng? Đáp:

- Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát thối chuyển quả vị Bồ đề Vô thượng điều đó không thể có.

Thiên tử hỏi:

- Ai là người thối chuyển? Đáp:

- Tất cả các phiền não thối chuyển. Tất cả Thanh văn, Duyên Giác thối chuyển.

Lại hỏi:

- Ai không thối chuyển? Đáp:

- Những bậc có các môn Tam muội. . . thì không có thối chuyển. Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Những gì là Tam muội? Đáp:

- Là không hai, không sai khác. Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nếu tất cả các pháp không có sai khác thì ai sai khác?

Đáp:

- Này Thiên tử! Người không biết tất cả các pháp bình đẳng, thì phân biệt là hai. Họ làm theo hai hành, rơi vào hai hành. Nếu biết bình đẳng thì không làm theo sự sai khác. Nếu biết bình đẳng thì họ hướng đến bình đẳng.

Thiên tử lại hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ-tát nào có đủ thứ phiền não mà thành Bồ đề chăng?

Đáp:- Có

Thiên tử lại hỏi:

- Là ai? Đáp:

- Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát đoạn trừ kiết sử thì đó là Thanh văn. Nếu Bồ-tát biết phiền não kiết sử của tất cả chúng sanh, tâm Đại bi tăng trưởng, phát tâm cầu đạo quả Chánh chơn Vô Thượng thì đó là hạng Bồ-tát có Bồ đề.

Thiên tử hỏi:

- Có ai bỏn xẻn mà thành tựu Bố thí Ba-la-mật chăng? Đáp :- Có

Hỏi:- Là ai? Đáp:

- Này Thiên tư ! Nếu Bồ-tát không xả bỏ tâm Bồ đề, cứu độ chúng sanh, như vậy bỏn xẻn cũng là Bố thí Ba-la-mật.

Thiên tử lại hỏi:

- Có ai phá giới mà gọi là Trì giới Ba-la-mật chăng? Đáp:- Có

Hỏi: - Ai?

Đáp: - Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát làm nhiều lợi ích cho tất cả chúng sanh, chẳng tự quán sát về giới, thì phá giới như thế gọi là Trì giới Ba-la-mật.

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ-tát nào bỏ kham nhẫn mà gọi là Nhẫn nhục Ba-la-mật chăng?

Đáp: - Có. hỏi: - Ai?

Đáp: - Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát bỏ giới cấm

ngoại đạo, an trụ vững chắc trong giới luật của Đức Phật thì gọi là Nhẫn nhục Ba-la- mật.

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ-tát nào biếng nhác mà thành tựu Tinh tấn Ba-la-mật chăng?

Đáp: - Có. hỏi: - Ai?

Đáp: - Này Thiên tử! Nếu Bồ-tát biếng nhác đối với quả vị Thanh văn, Duyên Giác, siêng năng tu tập Chánh đạo Vô Thượng, thì đó gọi là Tinh tấn Ba-la-mật.

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ-tát nào tâm không định mà gọi là Thiền Ba-la-mật chăng?

Đáp: - Có. hỏi: - Ai?

Đáp: - Này Thiên tử! Trong mộng, Bồ-tát không khởi tâm ở quả vị Thanh văn, Duyên giác, đó là Bồ-tát tâm không Định mà vẫn gọi là Thiền Ba-la-mật.

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ-tát nào không có trí tuệ mà gọi là Bồ-tát Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Đáp: - Có. hỏi: - Ai?

Đáp: - Này Thiên tử! Đó là người không có trí tuệ mà là Bồ-tát; họ không tạo ra tất cả các cách thức độc ác cho thế gian như bùa chú, trấn yểm làm cho điên cuồng, đau khổ, mà làm cho tất cả chúng sanh có pháp tuệ, Bồ-tát ấy thành tựu đầy đủ Nhất

thiết trí, đó gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

Hay thay! Hay thay! Văn Thù Sư Lợi khéo diễn nói những việc nên làm và không nên làm của Bồ-tát. Ông nói đúng như thế. Này Văn Thù Sư Lợi! Hãy lắng nghe ta nói tóm lược. Này Văn Thù Sư Lợi! Như người đói gầy thà chịu đói khổ chứ không bao giờ ăn loại thức ăn độc hại. Bồ-tát cũng vậy, thà xan tham, phá giới, sân hận, tranh cãi, lười biếng, loạn tâm, vọng niệm, ngu si vô trí chứ không trụ trong quả vị Thanh văn, Duyên Giác mà có Chánh niệm, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Vì sao? Vì Bồ-tát nên sanh sợ hãi đối với quả vị đó.

Thiên tử hỏi Đức Phật :

- Bồ-tát không sợ các kiết sử sao? Đức Phật dạy:

- Nên sợ. Này Thiên tử! Nhưng đối với quả vị Thanh văn, Bồ-tát càng nên sợ hơn. Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Như người giữ gìn thân mạng thì sợ chặt đầu hay là sợ chặt tay chân?

Thiên tử bạch Phật:

- Kẻ ấy sợ chặt đầu, không sợ chặt tay chân. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì người bị chặt tay chân còn có thể tu phước nghiệp, và do đó được sanh lên cõi trời. Bạch Thế Tôn! Còn nếu người bị chặt đầu,

mất mạng thì không tu đức hạnh được.

Đức Phật dạy:

- Đúng như thế! Này Thiên tử! Bồ-tát thà phạm giới cấm, quyết không bao giờ xả bỏ tâm Nhất thiết trí. Thà làm Bồ-tát đầy dẫy các phiền não, chứ không bao giờ làm La Hán diệt tận các lậu.

Thiên tử khen:

- Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Việc làm của Bồ-tát ấy hơn hẳn thế gian. Bạch Thế Tôn! Các Thanh văn trì giới, chuyên cần tinh tấn tức là Bồ-tát phá giới, biếng lười.

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Này Thiên tử! Như thức ăn của người nghèo là thứ độc hại đối với Chuyển Luân Vương. Này Thiên tử! Cũng vậy, Thanh văn dù siêng năng tinh tấn đoạn trừ các phiền não nhưng chẳng làm an lạc cho chúng sanh ở Diêm phù huống là đối với tất cả chúng sanh! Này Thiên tử! Như đại thương gia nhiều của cải đất đai, bỏ nhiều tài sản, siêng năng làm nhiều việc lợi ích an lạc, nuôi sống được nhiều người. Bồ-tát cũng vậy, thực hành đại từ bi, đối với tất cả chúng sanh, phát khởi tu hành đại bi, tinh tấn nuôi dưỡng tất cả vô lượng chúng sanh, làm cho họ đạt được sự an lạc thế gian và xuất thế gian.

Khi ấy, Trưởng lão Đại Ca Diếp bạch Thế Tôn:

- Các vị Thanh văn chứng pháp vô vi; còn Bồ-

tát chỉ đắc pháp hữu vi thì tại sao Bồ-tát hữu vi lại hơn Thanh văn vô vi?

Đức Phật dạy:

- Này Ca Diếp! Nay ta nêu thí dụ, các người trí nhờ đó mà được hiểu rõ. Này Ca Diếp! Như có người chẻ một sợi lông làm trăm phần, rồi người ấy lại dùng một phần của sợi lông ấy chấm vào trong bốn biển cả chứa đầy váng sữa. Này Ca Diếp! Theo ý ông thì sao? Với lượng váng sữa dùng một phần sợi lông lấy được trong bốn biển, người ấy có thể nghĩ là lượng váng sữa mà ta lấy được nhiều hơn váng sữa trong biển chăng?

Ca Diếp bạch:

- Dạ không, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy:

-Này Ca Diếp! Theo ý ông thì sao? Trong hai phần này, phần nào hơn, phần nào lớn, phần nào nhiều, phần nào có giá trị lớn?

Ca Diếp bạch:

- Giả sử lấy cả ngàn ức do tuần thì phần còn lại vẫn hơn, vẫn lớn, vẫn nhiều, vẫn có giá trị lớn, huống là dùng một phần sợi lông chỉ lấy một giọt.

Đức Phật dạy:

- Này Ca Diếp! Như dùng một phần trong trăm phần của sợi lông chấm lấy một giọt váng sữa, trí tuệ vô vi mà Thanh văn có cũng giống như vậy. Này Ca Diếp! Điều mà trí Phật biết được giống như váng sữa đầy cả bốn biển cả. Thiện căn công đức

hữu vi của Bồ-tát cũng giống như vậy, vì dùng để hồi hướng về trí vô vi. Này Ca Diếp! Như con kiến tha một hạt gạo, so với lúa chín đầy đồng ruộng về mùa thu, này Ca Diếp, theo ý ông thì sao? Số lượng nào nhiều hơn?

- Bạch Thế Tôn! Lúa chín đầy ruộng đồng về mùa thu có vô lượng hạt thóc, dùng làm lương thực cứu giúp, nuôi dưỡng vô lượng chúng sanh. Bạch Thế tôn! Con kiến tha một hạt gạo thì thấm vào đâu! Này Ca Diếp! Hạt gạo mà con kiến tha cũng giống như quả vị giải thoát của các Thanh văn. Như lúa chín đầy đồng ruộng vào mùa thu, nên biết, căn lành công đức của sáu pháp Ba-la-mật, bốn Nhiếp pháp của Bồ-tát, cũng giống như vậy, nuôi sống và làm cho vô lượng chúng sanh, được thành tựu đầy đủ đem đến cho họ niềm vui thế gian, niềm vui xuất thế gian và niềm vui Niết bàn. Này Ca Diếp! Như có trăm ngàn viên ngọc thủy tinh mang vào trong thành và có một viên ngọc báu lưu ly vô giá trên thuyền, nếu đến được cõi Diêm phù đề an ổn thì cứu hộ cho tất cả những người bần cùng khốn khổ thì, này Ca Diếp, theo ý ông thì sao? Trăm ngàn viên thủy tinh đã mang vào thành có thể so sánh với một viên ngọc báu lưu ly vô giá chăng?

- Dạ không, bạch Thế Tôn!

- Này Ca Diếp! Trăm nghìn viên ngọc thủy tinh đã mang vào thành đó dụ cho công đức vô vi của

Thanh văn. Cũng như viên ngọc lưu ly báu vô giá ở trên thuyền an ổn đến được cõi Diêm phù đề giúp nhiều người được an lạc, Bồ-tát cũng vậy, không làm gián đoạn hạt giống Tam bảo, phát tâm cầu châu báu Nhất thiết trí, làm cho nhiều người được an lạc.

Khi ấy, Ca Diếp bạch Thế Tôn:

- Thật chưa từng có! Như lai quả khéo diễn đạt. Chư Bồ-tát phát tâm cầu châu báu Nhất thiết trí, vượt trên tất cả các Thanh văn, Duyên Giác.

Bấy giờ, các Bồ-tát ở thế giới Bảo Chủ cùng đến với Văn Thù Sư Lợi nghe nói như vậy, đều bạch Thế Tôn:

- Tất cả ngôn thuyết đều là hý luận, là lời nói sai biệt, là lời nói quở trách, còn kiết sử. Bạch Thế Tôn! Ở cõi Đức Phật Bảo Tướng không có lời nói như vậy; chỉ thuần thuyết minh về Bồ-tát bất thối chuyển, không nói gì khác. Thế Tôn thật khó có! Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Giác có khả năng nhẫn chịu khổ này, chứng đắc tất cả các pháp không có sai biệt, không có thượng trung hạ, pháp tánh nhất vị, an trí ba Thừa.

Các Bồ-tát ấy liền dùng hoa trời rải cúng Đức Phật và nói với Văn Thù Sư Lợi:

- Chúng tôi trở về thế giới Bảo Chủ. Văn Thù Sư Lợi nói:

- Nên biết đã đúng lúc, các vị có thể lên đường!

Chư Bồ-tát hỏi:

- Thánh giả không đi sao? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiện nam! Tất cả thế giới đều bình đẳng, tất cả chư Phật bình đẳng, tất cả các pháp bình đẳng, tất cả chúng sanh bình đẳng. Tôi ở đó để làm gì?

Các Bồ-tát hỏi:

- Tại sao nói các tất cả thế giới bình đẳng, tất cả chư Phật bình đẳng, tất cả pháp bình đẳng, tất cả chúng sanh bình đẳng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiện nam! Tất cả các cõi nước như hư không nên bình đẳng. Cảnh giới chư Phật chẳng thể nghĩ bàn nên bình đẳng. Tất cả các pháp hư ngụy nên bình đẳng. Tất cả chúng sanh đều vô ngã nên bình đẳng. Vì ý nghĩa ấy nên tôi nói như thế này: Tất cả thế giới bình đẳng, cho đến tất cả các chúng sanh bình đẳng.

Khi ấy Văn Thù Sư Lợi hiện thần thông, dùng thần lực làm cho thế giới Ta-bà giống như thế giới Bảo Chủ không khác, làm cho Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni giống như Như Lai Bảo Tướng không khác. Các Bồ-tát ấy đều nghĩ: "Chúng ta đã đến thế giới Bảo Chủ", tưởng đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Phật Bảo Tướng, liền bạch Phật:

- Ai đã làm cho chúng con đến cõi nước này?

Đức Phật hỏi:

- Ai dẫn các ngươi đi? Các Bồ-tát đáp:

- Đồng tử Văn Thù Sư Lợi dẫn chúng con đi. Đức Phật dạy:

- Vị ấy dẫn các ngươi đến.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi nói với các Bồ-tát:

- Các Thiện nam! Các vị hãy nhập định quán chiếu thì biết ai dẫn các vị đến, ai dẫn các vị đi?

Khi ấy, các Bồ-tát đều nhập định quán chiếu rồi nghĩ:" Chúng ta chẳng rời khỏi thế giới Ta-bà mà chúng ta tự cho là đến thế giới Bảo Chủ". Rồi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Tôn giả Văn Thù Sư Lợi dùng năng lực thần thông Tam muội khiến cho chúng con tưởng là đã đến thế giới Bảo Chủ, nhưng vẫn còn ở thế giới Ta-bà. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài làm cho tất cả chúng sanh đều được thần lực như Tôn giả Văn Thù Sư Lợi.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Bồ-tát đến từ thế giới Bảo Chủ:

- Này các thiện nam! Như đồ đựng bằng vàng, đồ đựng bằng bạc, đồ đựng bằng pha lê, đồ đựng bằng lưu ly, đồ đựng bằng thủy tinh, đồ đựng bằng sắt, đồ đựng bằng kim cương, đồ đựng bằng chiên đàn, đồ đựng bằng châu báu, đồ đựng bằng đất, đồ đựng bằng gỗ, tuy các loại đồ đựng khác nhau nhưng khoảng trống rỗng trong các đồ đựng ấy không khác. Cũng vậy, cùng một pháp tánh, một

chân như, một thật tế nhưng các chúng sanh đủ loại hình tướng mỗi loài chấp thủ cảnh giới nơi mình sanh ra, rồi từ tự thể biến ra trăm ngàn ức các loài hình sắc sai khác, như là hình sắc địa ngục, hình sắc súc sanh, hình sắc ngạ quỷ, hình sắc trời, hình sắc người, hình sắc Thanh văn, hình sắc Duyên Giác, hình sắc Bồ-tát, hình sắc Đức Phật. Vì bình đẳng nên sắc bình đẳng chơn như; vì chơn như bình đẳng nên sắc bình đẳng; vì " Không " bình đẳng nên sắc bình đẳng. Này thiện nam! Vì ý nghĩa ấy nên Văn Thù Sư Lợi nói, tất cả thế giới bình đẳng… cho đến tất cả chúng sanh bình đẳng. Vì vậy, nên nói là ta nay không trụ.

Khi ấy, đức Thế Tôn dùng pháp như thế để chỉ dạy làm cho các Bồ-tát được lợi ích vui mừng rồi, họ cúi đầu đảnh lễ sát chân; nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, ra khỏi Chúng hội không xa, biến mất khỏi cõi Ta-bà đến thế giới Bảo Chủ.

Bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan:

- Thầy hãy thọ trì , đọc tụng, diễn nói Kinh này; ở trong đại chúng giảng nói cho tất cả mọi người.

Đại đức A-nan bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì. Kinh này tên là gì, và thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

- Kinh này tên là "Tịch Điều Phục Âm Thiên tử sở vấn", cũng gọi là "Thanh Tịnh Tỳ Ni", cũng gọi

là "Nhứt thiết Phật pháp".

Đức Phật giảng nói Kinh này xong, Đại đức A-nan, Thiên tử Tịch Điều Phục Âm, tất cả các Bồ-tát như Văn Thù Sư Lợi v. v…, tất cả Thanh văn như Đại Ca Diếp v. v… nghe lời Phật dạy, đều vô cùng hoan hỷ.

-oOo-

SỐ 1490

KINH TỊCH ĐIỀU ÂM SỞ VẤN

(KINH NHƯ LAI SỞ THUYẾT THANH TỊNH ĐIỀU PHỤC)

Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng
Pháp sư Pháp Hải.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá cùng với tám trăm vị đại Tỳ-kheo Tăng, một vạn hai ngàn vị đại Bồ tát, các Thiên tử cõi trời Tịnh Cư và các vị trời trong cõi Dục và cõi Sắc. v. v. .

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Đại chúng vô lượng trăm ngàn người đang cung kính vây quanh.

Khi ấy, trong chúng hội, có một Thiên tử tên là Tịch Điều Âm, nương theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Phật, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Pháp Vương tử Văn Thù Sư Lợi hiện nay đang ở đâu? Các đại chúng này vì nghe pháp nên khao khát muốn được gặp vị hiền sĩ ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tịch Điều Âm:

- Về phương Đông, cách đây hơn vạn cõi Phật, có thế giới tên là Bảo Trú, Phật hiệu là Bảo Tướng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Hiện nay, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi đang thuyết pháp cho các đại Bồ tát ứng cơ ở cõi đó.

Thiên tử Tịch Điều Âm bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin hiện tướng vi diệu khiến cho vị hiền sĩ kia đến chúng hội này. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chỉ trừ Như lai ra, còn tất cả các Thanh-văn, Phật Bích Chi không có ai có thể thuyết pháp như Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì năng lực thuyết pháp của Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi nên ma không làm gì được, khiến cho các cung ma ẩn mất không hiện, có thể điều phục các ngoại đạo tà kiến, kẻ tăng thượng mạn được từ bỏ tâm kiêu mạn; người chưa phát tâm Bồ đề khiến họ phát tâm, người phát tâm rồi được bất thối chuyển; người có thể giáo hóa thì liền giáo hóa , chưa thể giáo hóa thì phương tiện điều phục, làm cho Chánh pháp của Phật được tồn tại lâu dài ở đời.

Bấy giờ, Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Thiên tử Tịch Điều Âm, từ trong tướng lông trắng đại trượng phu, phóng ra một luồng hào quang. Hào quang thù thắng này chiếu khắp thế giới tam thiên đại thiên, xuyên suốt vạn cõi Phật, rồi chiếu đến khắp thế giới Bảo Trú.

Các Đại Bồ tát ở cõi ấy thấy hào quang này, bạch với Phật Bảo Tướng:

- Tướng của điềm lành gì mà khiến cho thế giới này tràn đầy ánh sáng?

Đức Phật ấy bảo:

- Này các Thiện nam! Về phương Tây, cách đây hơn vạn cõi Phật, có thế giới tên là Ta bà; cõi ấy có Như lai hiệu là Thích Ca Mâu Ni Ứng Cúng Chánh Biến Tri, hiện đang thuyết pháp và đó là hào quang từ tướng lông trắng của đức Như lai ấy phóng ra. Hào quang này xuyên suốt vạn cõi Phật rồi, chiếu đến thế giới này.

Các Bồ tát ấy bạch Phật:

- Như lai Thích Ca Mâu Ni vì nhân duyên gì mà phóng hào quang này?

Đức Phật bảo Đại chúng:

- Các Thiện nam! Như Lai Thích Ca cùng vô lượng trăm ngàn ức chúng Bồ tát, Thích, Phạm, Hộ thế, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vì nghe pháp nên khao khát muốn gặp Văn Thù Sư Lợi để nghe vị ấy thuyết pháp. Vì vậy, đức Phật kia mới phóng hào quang này.

Bấy giờ, Đức Bảo Tướng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri bảo Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Này Thiện nam! Ông hãy đến thế giới Ta bà. Đức Thích Ca Mâu Ni Như lai và các đại chúng rất muốn gặp ông để nghe ông thuyết pháp.

Khi ấy, Văn Thù Sư Lợi bạch Đức Phật ấy:

- Kính vâng, Bạch Thế Tôn! Con đã thấy hào quang.

Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi cùng với một vạn Bồ tát đảnh lễ Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi giống như trong khoảnh khắc lực sĩ co duỗi cánh tay, vị ấy cùng với một vạn Bồ tát bỗng nhiên biến mất khỏi thế giới kia, đến thế giới Ta bà, trụ trên hư không. Để cúng Phật nên liền rải loại hoa tinh khiết nhất, mùi thơm của hoa ấy tỏa khắp đại chúng; hoa ngập đến gối.

Lúc này, đại chúng thấy lạ lùng chưa từng có, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thần lực của ai rải hoa thơm kỳ lạ này?

Đức Phật bảo đại chúng:

- Đó là Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi cùng với một vạn Bồ Tát từ thế giới Bảo trú đến Ta-bà, để cúng Phật và ở trên hư không rải hoa thơm này.

Thiên tử Tịch Điều Âm bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con mong muốn được gặp Văn Thù Sư Lợi và chúng Đại Bồ tát kia. Bạch Thế Tôn! Vị trượng thánh thiện ấy cứu độ người không được ai cứu độ.

Họ nói như thế rồi, ngay khi ấy, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi cùng với một vạn Bồ tát từ trên hư không bỗng nhiên hạ xuống. Đảnh lễ chân Phật,

nhiễu quanh bảy vòng xong, Văn Thù Sư Lợi liền ngồi trên tòa sư tử hoa sen do năng lực của mình biến hóa ra. Một vạn Bồ tát cũng đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh bên phải bảy vòng, ở trước Thế Tôn, chấp tay, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Đức Bảo Tướng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri kính thăm hỏi Thế Tôn: " Ít bệnh, ít não, khí lực khỏe chăng?"

Khi các Bồ tát nói lời ấy rồi, mỗi vị đều ngồi trên tòa do năng lực của mình hóa ra.

Bấy giờ, Thiên tử Tịch Điều Âm bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay đại chúng khao khát muốn nghe diệu pháp vi diệu do Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi giảng nói. Cúi xin Thế Tôn cho phép con được thưa hỏi:

Đức Phật bảo Thiên tử:

- Có điều gì nghi ngờ, ông cứ hỏi. Ta sẵn sàng nghe. Thiên tử Tịch Điều Âm cung kính, hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Ở thế giới Như Lai Bảo Tướng, Đức Phật ấy nói pháp gì mà nhân giả thích ở đó?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Pháp mà Đức Phật đã nói, không sanh tham dục nên không đoạn trừ tham dục, không sanh sân hận nên không đoạn trừ sân hận; không sanh ngu si, nên không đoạn trừ ngu si; không sanh phiền não nên không đoạn trừ phiền não. Vì sao? Vì

phàm là pháp không có sanh thì không có diệt.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Chúng sanh cõi đó không có các kiết sử như tham dục. v. v. . sanh và diệt chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Đúng như vậy! Thiên tử hỏi:

- Nếu như vậy thì đức Phật đó nói pháp để đoạn trừ điều gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Pháp vốn không sanh thì làm gì có chấm dứt? Vì sao? Vì chúng sanh ở cõi Phật đó không biết, không đoạn, không tu, không chứng. Chúng sanh ở cõi đó chuộng đệ nhất nghĩa đế, chẳng chuộng phương tiện đế.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là đệ nhất nghĩa đế?

Thế nào là phương tiện đế? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Nghĩa ấy, chẳng do sanh khởi nên được gọi tên, chẳng do hoại diệt nên được gọi tên, không có tướng xứ sở, không có tướng phi xứ sở, chẳng phải một tướng một, chẳng phải không có tướng, không có tướng ảnh hưởng, chẳng có tướng có thể, chẳng phải tướng không thể; chẳng thể tận, chẳng phải chẳng thể tận; chẳng phải đọa lạc, chẳng phải chẳng đọa lạc. Đó gọi là Đệ nhất

nghĩa đế .

- Này Thiên tử! Nghĩa ấy, không có tâm, không có sự liên tục của tâm, chẳng phải dấu vết, chẳng phải không dấu vết, chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải giữa dòng. Đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế; không có chỗ cho tên gọi, không có chỗ cho văn tự, đó là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì Thế Tôn dạy, tất cả âm thanh đều là hư vọng.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Điều mà Thế Tôn nói cũng hư vọng chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Thế Tôn chẳng nói thật, chẳng nói hư vọng. Vì sao? Vì Thế Tôn trụ ở lời nói lìa nhị biên, lìa tâm ý; đối với pháp hữu vi, vô vi, chẳng nói chơn thật, chẳng nói hư vọng, vì vậy nên không hai. Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Hóa thân của Như lai nếu có nói thì là chơn thật hay là hư vọng?

Thiên tử thưa:

- Cả hai đều không. Vì sao? Vì hóa thân của Như lai là không có thân, không thành tựu.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Đúng vậy, Thiên tử! Như lai nói tất cả các pháp đồng với tánh huyễn hóa, chẳng nói thật, chẳng nói hư vọng, vì vậy nên không hai.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Vì sao Như

lai nói Đệ nhất nghĩa đế?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên Tử! Đệ nhất nghĩa đế không thể diễn nói. Vì sao? Vì không thể diễn nói. Vì sao? Vì chẳng thể thí dụ, chẳng thể diễn nói, chẳng thể gọi tên, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Khi nói Đệ nhất nghĩa đế này, năm trăm Tỳ-kheo xa lìa trần cấu, ở trong các pháp, được pháp nhãn thanh tịnh, hai trăm thiên tử đạt pháp nhẫn Vô sanh.

Thiên tử Tịch Điều Âm lại hỏi Văn Thù Sư Lợi:

- Đệ nhất nghĩa rất khó có thể hiểu cùng tận rốt ráo phải không? Văn Thù Sư Lợi nói:

- Đúng vậy, Thiên tử! Đối với Đệ nhất nghĩa đế, người không chánh tinh tấn thì rất khó có thể hiểu cùng tận rốt ráo.

Thiên tử hỏi:

- Bồ tát chánh tinh tấn như thế nào? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu Bồ tát chẳng vì biết, chẳng vì đoạn, chẳng vì tu, chẳng vì chứng mà tinh tấn thì gọi là chánh tinh tấn. Vì sao? Vì nếu cho là điều này nên biết, điều này nên đoạn, điều này nên tu, điều này nên chứng thì đó là còn có tướng, đó là chấp thủ, đó là hý luận, đó là có tạo tác. Nếu thực hành như thế thì không gọi là chánh tinh tấn.

Thiên tử thưa:

- Nếu như thế thì tại sao lại nói là chánh tinh tấn? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Như như bình đẳng, pháp giới bình đẳng tức cùng với vô gián bình đẳng; như như bình đẳng, pháp giới bình đẳng tức cùng với sự kiến giải bình đẳng; pháp phàm phu bình đẳng, pháp học, pháp vô học, pháp Thanh-văn, pháp Duyên giác, pháp Bồ tát, pháp Phật bình đẳng tức là các hành bình đẳng, Niết bàn bình đẳng, cấu uế bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng. Người tinh tấn bình đẳng như thế gọi là chánh tinh tấn.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp "Như" nào cùng với cấu uế và thanh tịnh bình đẳng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- "Như" của Không, Vô tướng, Vô nguyện. Vì sao? Vì Niết bàn không. Này Thiên tử! Như khoảng không trong đồ đựng bằng đất, khoảng không trong đồ đựng quí báu, đều không hai, không khác. Cũng vậy, này Thiên tử, cái Không của cấu uế, cái Không của thanh tịnh đều cùng một Không, không hai, không khác.

Thiên tử thưa:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát đối với các Thánh đế nên tinh tấn chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Nếu Bồ tát đối với các Thánh đế không tinh tấn thì làm thế nào có thể nói pháp cho Thanh-văn? Vì sao? Vì Bồ tát tu Thánh đế chắc chắn có việc làm, Thanh-văn tu Thánh đế thì không có việc làm. Bồ tát tu Thánh đế có phương tiện khéo léo, Thanh-văn tu Thánh đế không có phương tiện khéo léo. Bồ tát tu Thánh đế có đối tượng quán sát, Thanh-văn tu Thánh đế không có đối tượng quán sát. Bồ tát tu Thánh đế vì tất cả chúng sanh mà không chứng thật tế, Bồ tát tu Thánh đế có phương tiện kiên cố nhưng không bỏ cửa sanh tử và Niết bàn; Bồ tát tu Thánh đế vì tất cả Phật pháp. Này Thiên tử! Giống như có người bỏ thương chủ lớn, một mình vượt qua đồng vắng, rất sợ hãi, cố gắng mới có thể vượt qua được. Này Thiên tử! Thanh-văn cũng vậy, sợ hãi sanh tử, rất khiếp sợ đối với cảnh giới này, không có tâm muốn trở lại, cũng không có tâm vì chúng sanh mà chỉ quán sát muốn rời xa sanh tử; đối với Phật pháp, không có phương tiện, chỉ một mình, tu các Thánh đế. Này Thiên tử! Như thương chủ kia có nhiều của cải tài sản quí báu, vượt qua được cánh đồng hoang vắng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Cũng vậy, này Thiên tử! Bồ tát như đại thương chủ đầy đủ đại từ, đại bi, thành tựu pháp lợi, đầy đủ tịch diệt, khéo léo sử dụng phương tiện, của cải, đi thuyền sáu Độ, cầm cung tên Bốn Nhiếp, thành tựu phương tiện, vì các Phật pháp mà tu hành các đế .

- Này Thiên tử! Giống như da chó, dùng hoa Tu-mạn, Chiêm-bặc- bà-sư-ca mà xông, tuy biến thành hương thơm nhưng tất cả trời người không ai ưa thích. Thanh-văn tu Đế cũng giống như vậy, thệ nguyện không đầy đủ, nửa chừng nhập Niết bàn, chẳng thể tỏa ra nhiều hương thơm đa văn, định tuệ, giải thoát tri kiến, cũng chẳng thể đoạn trừ sự trói buộc của phiền não, chẳng được trời, người ưa thích.

- Này Thiên tử! Giống như y ca-thi-ca cõi trời, dùng nhiều cây kiệt-lưu a-kiệt-lưu, chiên-đàn, bà-sư-ca. v. v… trăm nghìn loại hương tinh khiết để xông, tất cả người, trời đều ưa thích. Bồ tát cũng giống như thế, ở trong trăm ngàn ức triệu a-tăng-kỳ kiếp dùng pháp tu Đế để tự xông ướp, nửa chừng chẳng nhập Niết bàn, các nguyện đầy đủ, có khả năng tỏa ra các loại hương thơm công đức như đa văn, định, tuệ, giải thoát tri kiến, đoạn trừ tập khí phiền não, kiết sử, tất cả người, trời, A tu la v. v. . đều ưa thích.

Thiên tử Tịch Điều Âm lại nói với Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Đức hạnh của các Thanh-văn ở thế giới Như Lai Bảo Tướng như thế nào mà đấng Năng Nhơn và Thánh giả đều ưa thích họ?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Chúng Thanh-văn đó chẳng phải tin vững chắc, chẳng phải không tin theo người, chẳng phải pháp kiên cố, chẳng phải pháp giới sai khác, chẳng phải tám hạng người vượt qua tám tà kiến, chẳng phải Tu-đà-hoàn mà lìa tất cả sự sợ hãi của đường ác, chẳng phải Tư-Đà- hàm mà vì hóa độ chúng sanh nên thị hiện có đến đi, chẳng phải A- na-hàm mà đi, đến tất cả các pháp trong quá khứ, chẳng phải A-la-hán mà xứng đáng thọ nhận lợi dưỡng của tam thiên thế giới, chẳng phải Thanh-văn mà có thể hiểu rõ điều Chư Phật nói; chẳng lìa dục nhiễm nhưng chẳng bị lửa dục thiêu đốt; đối với sự chấp thủ, không còn các mong cầu; chẳng lìa sân hận mà không bị sân hận làm não hại; đối với tất cả chúng sanh chẳng khởi sân hận, chướng ngại; chẳng lìa ngu si mà không bị ngu si che lấp, đối với tất cả các pháp, không còn các tối tăm; chẳng từ bỏ phiền não, mà siêng năng vì chúng sanh đoạn trừ các phiền não; chưa lên bậc quyết định nhưng không thọ sanh; hóa độ chúng sanh nhưng không có tướng ngã, không có sự thọ nhận mà cuối cùng vẫn báo ân; không tư không niệm mà vẫn tu các Niệm xứ, không sanh không diệt mà vẫn tu các chánh cần; lìa thân tâm mà vẫn khởi các thần túc; vì làm cho tất cả chúng sanh đầy đủ thần thông nên tu các Thông; vì làm tăng trưởng căn của tất cả chúng sanh nên tu các Căn; vì diệt trừ tất cả phiền não nên tu các Lực; vì hiểu rõ trí bình đẳng nên tu

các Giác; vì vượt qua tất cả đường tà nên tu các Đạo; vì đắc đạo nên chứng vô vi; vì thể nhập thật tế nên tu các Đạo; vì nhập pháp giới nên khởi tri kiến; vì diệt tận Vô minh nên khởi Minh; vì lìa nhị biên nên tu giải thoát; có thể dùng nhục nhãn thấy hết thảy chư Phật thế giới chư Phật và thế giới chúng sanh; dùng thiên nhãn thấy sự sanh tử của tất cả chúng sanh; dùng tuệ nhãn biết rõ tâm hành của tất cả chúng sanh; dùng pháp nhãn thấy các pháp bình đẳng, quán tất cả chúng sanh ba đời đều bình đẳng; dùng Phật nhãn chiếu sáng Phật pháp; dùng thiên nhĩ hiểu tất cả những lời Phật dạy; dùng nhất tâm biết tâm hành tất cả chúng sanh; dùng trí ức niệm nhớ nghĩ tận cùng về các kiếp quá khứ; dùng thần túc vượt qua cõi Phật vô biên; các lậu đã diệt hết, đối với tâm vô sanh đạt được giải thoát, tuy có thể thấy mà không thành tựu sắc thân; tuy có văn tự mà không giảng nói; tâm không nghĩ bàn mà ngôn từ vô ngại; dung mạo trang nghiêm, người rất ưa nhìn, đủ các tướng tốt, công đức trang nghiêm, oai đức khó ai sánh bằng, danh tiếng vang lừng, thể tánh hoàn đáng khen ngợi, không đắm nhiễm pháp, thế tục không bị phiền não làm tán loạn, không bị lời ác làm ô nhiễm, thần thông tự tại, đa văn biện tài, tri kiến sắc bén, diệt trừ tăm tối, trí tuệ sáng ngời, thuyết pháp không ngại, thâm nhập các pháp tổng trì, được chư Phật hộ niệm, chẳng phải là tri kiến của Thanh-văn, Phật Bích

Chi, niệm như biển cả, định như núi Tu di, nhẫn nhục như đất, thần túc biến hiện như Đế Thích, tâm được tự tại như Phạm vương, không gì sánh bằng, ngang với hư không, ở đâu cũng có, nhập vào tất cả mọi nơi.

- Này Thiên tử! Đức của các Thanh-văn ở thế giới của Như Lai Bảo Tướng đó đều như vậy. Các vị ấy lại thành tựu vô lượng công đức.

Khi nói pháp này, năm trăm Tỳ-kheo, năm trăm Tỳ-kheo ni, năm trăm Ưu-Bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di, năm ngàn Thiên tử. v. v… , những người chưa lên bậc quyết định đều nói:

- Chúng con muốn làm các Thanh-văn của Đức Như lai Bảo Tướng.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Các Thiện nam! Chẳng thể dùng tâm Thanh-văn mà được đến sanh quốc độ ấy. Vì vậy, các vị cần phải phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới có thể được sanh.

Khi ấy, các đại chúng vì muốn sanh về cõi đó nên đều phát tâm Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện sanh vào cõi đó. Thế Tôn liền nói các vị sẽ được vãng sanh.

Thiên tử Tịch Điều Âm lại nói với Pháp vương tử Văn Thù Sư

Lợi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Ở cõi kia

dùng pháp gì để điều phục Thanh-văn, điều phục Bồ tát?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Lấy tánh ba Thừa để điều phục Thanh-văn, lấy sự giáo hóa vô lượng sanh tử, an ủi tất cả chúng sanh nên thọ thân để điều phục Bồ tát, lấy việc chê tài sản công đức để điều phục Thanh-văn, lấy việc không nhàm chán chứa nhóm các tài sản công đức, lợi ích chúng sanh để điều phục Bồ tát; lấy việc không nguyện đoạn trừ tất cả các phiền não của chúng sanh để điều phục Thanh-văn, lấy việc ưa thích đoạn trừ tất cả phiền não của chúng sanh để điều phục Bồ tát; lấy việc xả bỏ tất cả chúng sanh, không thành tựu tất cả Phật pháp cho chúng sanh để điều phục Thanh-văn, lấy tâm đại bi nghĩ đến tất cả chúng sanh, thành tựu pháp của chư Phật cho chúng sanh để điều phục Bồ tát; lấy việc thực hành một phần ít để điều phục Thanh-văn, lấy việc thực hành khắp tất cả thế gian để điều phục Bồ tát ; lấy việc xả bỏ các ma để điều phục Thanh-văn, lấy việc làm khiếp sợ tất cả các ma trong thế gian, thành tựu phục ngoại đạo để điều phục Bồ tát ; lấy việc thành tựu tâm mình để điều phục Thanh-văn, lấy việc thành tựu tâm Bồ đề vô thượng để điều phục Bồ tát; lấy việc tự soi chiếu để điều phục Thanh- văn, lấy việc soi chiếu thân chúng sanh và Phật pháp trong tất cả các thế giới để điều phục Bồ tát; lấy phương tiện theo thứ lớp để điều phục

Thanh-văn, lấy phương tiện tâm trong một sát na để điều phục Bồ tát; lấy việc làm gián đoạn hạt giống Tam bảo để điều phục Thanh-văn, lấy việc nuôi lớn hạt giống Tam bảo để điều phục Bồ tát; lấy việc hàn gắn đồ đựng bằng đất đá bị vỡ để điều phục Thanh-văn, lấy việc sửa lại đồ đựng bằng vàng bạc để điều phục Bồ tát ; lấy việc chẳng thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cọng để điều phục Thanh- văn, lấy việc thành tựu mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cọng để điều phục Bồ tát; lấy việc chẳng thành tựu phương tiện sáu Ba-la- mật, bốn Nhiếp để điều phục Thanh-văn, lấy việc thành tựu phương tiện sáu Ba-la-mật, bốn Nhiếp để điều phục Bồ tát; lấy việc ở một mình nơi rừng núi, ưa sống viễn ly để điều phục Thanh-văn, lấy việc thích vườn cảnh, nhà cao, ưa pháp lạc để điều phục Bồ tát; lấy việc đoạn trừ tập khí phiền não để điều phục Thanh-văn, lấy việc chẳng đoạn trừ tập khí phiền não để điều phục Bồ tát; lấy việc có suy lường, có nghĩ bàn, có cấp bậc, có số lượng để điều phục Thanh-văn, lấy việc không suy lường, chẳng nghĩ bàn, không cấp bậc, không số lượng để điều phục Bồ tát. Như vậy gọi là điều phục.

Bấy giờ, Thế Tôn khen ngợi Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- "Hay thay! Hay thay! Ông khéo nói việc điều phục Bồ tát này". Nay các ông hãy lắng nghe ta nói ví dụ để làm sáng tỏ nghĩa này: Này Văn Thù Sư

Lợi! Ví như có một người trọn đời khen ngợi nước trong dấu chân bò. Lại có một người khen ngợi nước trong biển cả.

Này Văn Thù Sư Lợi! Theo ý ông thì sao? Nước trong hai nơi ấy có thể so sánh nhau chăng?

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nước trong dấu chân bò rất ít, sự khen ngợi về nó cũng ít, nước trong biển cả thì vô lượng, sự khen ngợi cũng vô lượng.

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Này Văn Thù Sư Lợi! Giống như nước trong dấu chân bò ít, sự khen ngợi cũng ít, điều phục Thanh-văn cũng vậy. Giống như nước trong biển cả đã vô lượng, sự khen ngợi cũng vô lượng, điều phục Bồ tát cũng vậy.

Khi nói Pháp này, một vạn hai ngàn Thiên tử phát tâm vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi nói:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng muốn học pháp điều phục Bồ tát, để điều phục vô lượng chúng sanh.

Thiên tử Tịch Điều Âm lại nói với Pháp vương tử Văn Thù Sư

Lợi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nhân giả học pháp điều phục

nào? Học pháp điều phục Thanh-văn, điều

phục Duyên giác hay điều phục Bồ tát?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Có biển cả nào mà không nhận các dòng sông chăng?

Thiên tử thưa:

- Không!

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiên tử! Cũng vậy, điều phục Bồ tát giống như biển cả. Đối với các pháp điều phục, siêng năng tạo phương tiện để tu tập pháp điều phục Thanh-văn, điều phục Duyên Giác, điều phục Bồ tát.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Từ "điều phục" có nghĩa là gì?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu biết phiền não và đoạn trừ phiền não thì gọi là điều phục. Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là điều phục phiền não? Thế nào là biết phiền não?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu vọng tưởng phân biệt nhớ nghĩ, chẳng tư duy thuận theo điều thiện, chấp có người, có ta để đoạn trừ sự câu hành với kiến chấp, triền phược, điên đảo, vô minh v. v… thì như vậy là phiền não trói buộc. Nếu không vọng tưởng, không phân biệt, không nhớ nghĩ, tư duy thuận theo điều thiện,

không chấp có người, ta câu hành với kiến chấp, triền phược, điên đảo, lìa vô minh v. v… thì gọi là diệt trừ phiền não, không nhớ nghĩ và điều phục rốt ráo.

- Này Thiên tử! Như vậy gọi là điều phục rốt ráo. Bồ tát nếu dùng trí biết phiền não nhỏ nhiệm như thế là hư dối không bền chắc, rỗng không, không chủ, không ngã, không có sự lẽ thuộc, không từ đâu đến, không đi về đâu, không nơi chốn không phương hướng, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải hai bên, chẳng phải ở giữa, chẳng phải vật chứa nhóm, không sắc, không hình, không tướng, không mạo, không xứ sở. Như vậy gọi là diệt trừ phiền não rốt ráo.

- Này Thiên tử! Giống như có người có khả năng biết được sự phát sanh của loài rắn độc thì có thể diệt được độc. Này Thiên tử! Cũng vậy, nếu biết sự phát sanh của chủng tánh phiền não thì có thể diệt trừ phiền não.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là sự phát sanh chủng tánh phiền não?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Từ vọng tưởng ra sanh phiền não. Nếu không có vọng tưởng thì không có phiền não, mà không có phiền não thì không có sự tu tập, mà không có sự tu tập thì không có chỗ trú chấp,

mà không có chỗ trú chấp thì không có não hại, mà không có não hại thì điều phục rốt ráo.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Vì có phiền não nên điều phục hay là vì không có phiền não nên điều phục?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Giống như có người nằm mộng bị trúng nọc độc của rắn độc, người này bị khổ sở bức ngặt. Ngay ở trong mộng, uống thuốc giải độc. Nhờ uống thuốc nên khí độc tiêu trừ. Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Người này có thật sự bị trúng nọc rắn độc hay không?

Thiên tử đáp:

- Không.

Văn Thù Sư Lợi hỏi:

- Độc ấy thật sự có thể trừ được chăng? Thiên tử đáp:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nếu thật sự không bị trúng độc thì sự trừ độc cũng như vậy.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiên tử! Tất cả các Hiền Thánh điều phục cũng như thế. Này Thiên tử! Ông nghĩ thế này:" vì có phiền não nên điều phục hay vì không có nên điều phục"; phải không? Này Thiên tử! Như ngã và vô ngã, có phiền não hay không có phiền não cũng thế. Như ngã và vô ngã đều không, có

phiền não, không có phiền não cũng vậy. Vì ngã tức là vô ngã nên có phiền não tức là không có phiền não; nơi này, chốn khác không có phiền não nào để có thể điều phục. Vì sao? Vì tất cả các pháp vắng lặng nên chẳng thể ưa thích; vì tất cả các pháp vắng lặng nên chẳng thể nắm bắt; tất cả các pháp rốt ráo vắng lặng do chẳng thể sanh khởi; vì tất cả các pháp vô tận nên chẳng sanh khởi; vì tất cả các pháp không sanh khởi nên không thành tựu; vì tất cả các pháp không thành tựu nên không có người tạo tác; vì tất cả các pháp do vô ngã tạo ra, do vô ngã nên tất cả các pháp vô ngã; vì tất cả các pháp vô ngã nên không có chủ tể; vì tất cả các pháp không chủ tể nên bình đẳng hư không; vì tất cả các pháp không đến nên không có chỗ nương tựa; vì tất cả các pháp không đi nên không chỗ trú ngụ; vì tất cả các pháp vô trú nên không có chỗ an lập; vì tất cả các pháp không an lập nên vừa sanh liền diệt; vì tất cả các pháp vô vi nên vô lậu; vì tất cả các pháp không thọ nhận nên rốt ráo điều phục.

Thiên tử Tịch Điều Âm lại hỏi Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Các pháp, điều gì là hơn hết? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Trong các tập khí sanh tử, không thuận theo điều thiện là hơn hết; đạt đến cảnh giới Niết bàn, thuận theo điều thiện là hơn hết; ở trong Chướng ngại, không tinh tấn là hơn hết; ở trong Chánh

Giác, tinh tấn là hơn hết; ở trong các triền cái, lưới nghi là hơn hết; trong các loại tướng, đạt được pháp quán về giải thoát là hơn hết; trong các phiền não, vọng tưởng là hơn hết; trong không phiền não, không vọng tưởng là hơn hết; ở trong các Giác, nhiều việc là hơn hết; ở trong tâm Diệt, thiền định là hơn hết; ở trong các tri kiến, tăng thượng mạn là hơn hết; ở trong pháp không, không có tăng thượng mạn là trên hết; trong các pháp bất thiện, ác tri thức là trên hết; trong các pháp thiện, thiện tri thức là trên hết; trong tất cả các pháp khổ, tà kiến là hơn hết; trong tất cả các pháp lạc, chánh kiến là hơn hết; trong sự bần cùng, xan tham là hơn hết; trong sự giàu sang, bố thí là hơn hết; ở trong cõi ác, phá Giới là hơn hết; ở trong cõi tốt đẹp, trì Giới là hơn hết; trong các tâm cấu uế, sân hận là hơn hết; trong các tâm thanh tịnh, nhẫn nhục là hơn hết; trong pháp thối lui đối với điều thiện, lười biếng là hơn hết; trong pháp tu thiện, tinh tấn là trên hết; trong sự tán loạn, các Giác là hơn hết; trong nhất tâm, thiền định là hơn hết; trong không có trí tuệ, ngu si là hơn hết; ở trong ba mươi bảy pháp trợ đạo, Bát nhã là hơn hết; trong tâm Từ, vô ngại là hơn hết; trong tâm Bi, chuyên niệm, không dua nịnh là hơn hết; trong tâm Hỷ, ưa thích pháp lạc là trên hết; trong tâm Xả, không còn thương ghét là hơn hết; trong Niệm xứ, chẳng quên thiện căn đời trước là hơn hết; trong Chánh cần, phương tiện là hơn hết;

trong Như ý túc, thân tâm nhẹ nhàng là hơn hết; trong các Căn, lấy Tín làm đầu là hơn hết; trong các Lực, điều phục phiền não là hơn hết; trong các Giác, ngộ bình đẳng là hơn hết; trong tám Thánh đạo, vượt tất cả các đường tà là hơn hết; trong Phật pháp, tâm Bồ đề là hơn hết; trong bốn Nhiếp pháp, tài pháp là hơn hết; trong việc giáo hóa chúng sanh, thuyết pháp là hơn hết; trong phương tiện, sử dụng trí về xứ Phi xứ là hơn hết; trong Bát nhã Ba-la-mật, biết tâm hành tương tục đến bờ bên kia của tất cả chúng sanh là hơn hết; trong Sáu Ba-la-mật, Đại thừa là hơn hết; trong sự cần cầu pháp không, tuệ minh là hơn hết; trong pháp nhẫn xuất ly, không do người khác là hơn hết.

Thiên tử Tịch Điều Âm lại thưa với Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp giới lấy gì làm hơn hết? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Pháp giới lấy bình đẳng làm hơn hết. Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp giới lấy gì làm ranh giới?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Pháp giới lấy cõi của tất cả chúng sanh làm ranh giới. Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp giới có sai biệt chăng? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Cảnh giới hư không có sai biệt chăng?

Thiên tử đáp:

- Không!

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Này Thiên tử! Như cõi hư không không có sai biệt, pháp giới cũng vậy, không có sai biệt.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp giới nếu như vậy, thì nhân giả làm thế nào để biết pháp giới?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Pháp giới tức không có pháp giới; pháp giới không biết pháp giới.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nếu như vậy thì nhân giả biết pháp gì mà giải thích như thế?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Khi kêu lên tiếng vang biết pháp gì mà có tiếng dội lại?

Thiên tử đáp:

- Tiếng vang không biết pháp gì, chỉ do nhân duyên hòa hiệp nên có tiếng phát ra.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Đúng vậy! Này Thiên tử! Vì duyên chúng sanh làm cảnh giới nên các Bồ tát mới có sự giảng

nói thích hợp.

Thiên tử hỏi:

- Nhân giả trụ ở đâu mà nói pháp? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Như nơi chốn thuyết pháp của hóa thân Như Lai, chỗ thuyết pháp của ta cũng giống như thế .

Thiên tử nói:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Hóa thân Như Lai không có chỗ trụ mà vẫn có sự thuyết pháp.

Văn Thù Sư Lợi nói:

- Ta cũng vậy, không có chỗ trụ mà vẫn có sự thuyết pháp. Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nếu tất cả các nơi chốn xứ đều không có chỗ trụ thì nhân giả sẽ ở đâu mà đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Tôi sẽ trụ vô gián để đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Thiên tử hỏi:

- Vô gián ấy trụ chỗ nào? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Vô gián thì không có nền tảng, không có chỗ trụ.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Người tạo thành nghiệp Vô gián, Như lai chẳng phải là nói là

bị đọa địa ngục Vô gián sao?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Người có nghiệp Vô gián, Như lai nói, sẽ bị đọa địa ngục Vô gián. Đúng vậy, Thiên tử! Bồ tát trụ ở năm Vô gián, mau đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Những gì là năm? Nếu khi Bồ tát chuyên niệm phát tâm cầu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, mà nữa chừng không rơi vào quả vị Thanh-văn, Phật Bích Chi, lại nữa khi xả bỏ tất cả các tâm chấp thủ, nửa chừng không tương ưng với tâm bỏn xẻn, cấu uế, lại nguyện, ta cần phải cứu độ tất cả chúng sanh, nửa chừng không khởi tâm thấp kém, lại biết tất cả các pháp vô sanh rồi, ta sẽ sanh vào pháp, ấy và đắc Nhẫn, nửa chừng không tương ưng với các kiến chấp, lại nữa điều cần biết, cần thấy, cần chứng, cần hiểu biết đúng đắn, tất cả như thế đều dùng nhất tâm trong một sát na siêng năng tu tuệ phương tiện, hiểu biết đúng đắn, thấu đáo, đạt Nhất thiết trí, nửa chừng không bao giờ bỏ phế, thì này Thiên tử, đó gọi là năm Vô gián. Bồ tát trụ ở Vô gián này thì mau đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có kẻ phàm phu ngu si nào bị tội Vô gián thì đọa ngục Vô gián còn Bồ tát ở ngay Vô gián ấy mà có thể chứng Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng chăng?

Văn Thù Sư Lợi đáp:- Có

Thiên tử hỏi:- Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Này Thiên tử! Tất cả các pháp dùng các Không để nhập vào Không nên là Không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô sanh, Vô khởi, Vô tác, Vô vi, theo duyên mà khởi nên gọi là Bồ đề.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Pháp này không thể thấy thì ai sẽ tin?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu người mà không tin theo Như lai thì làm sao tin Thanh-văn!

Thiên tử hỏi:

- Nếu như vậy thì ai sẽ được giải thoát? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Hoặc là người không thực hành theo ngã, hoặc người không bị tất cả các phiền não, hoặc người thọ trì kinh điển như thế, hoặc người dùng đại Bi trao pháp cho tất cả chúng sanh.

Hỏi: - Họ có tướng mạo gì?

Đáp:- Họ sẽ có tướng mạo Ấm, Giới, Nhập. hỏi:- Họ sẽ có hạnh gì?

Đáp:- Họ sẽ có hạnh Không, Vô tướng, Vô nguyện. hỏi:- Họ sẽ đạt đến chỗ nào?

Đáp:- Họ sẽ đạt đến Nhất thiết trí, sẽ thông đạt tâm hành của tất cả chúng sanh.

Hỏi:- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát thối chuyển thì thế nào?

Đáp:- Này Thiên tử! Nếu Bồ tát thối chuyển mà đắc quả vị Vô Thượng Bồ đề thì đó là điều không thể có.

Hỏi:- Thối chuyển cái gì?

Đáp:- Tất cả các phiền não và quả vị Thanh-văn, Phật Bích Chi. hỏi:- Thế nào là không thối chuyển?

Đáp:- Nếu cùng bình đẳng như nhau.

Hỏi:- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Bình đẳng nghĩa là gì?

Đáp:- Đó là lời nói không sai khác.

Hỏi:- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Nếu như vậy thì làm thế nào biết tất cả các pháp sai biệt?

Đáp:- Này Thiên tử! Người không biết bình đẳng thì ở trong bình đẳng sanh khởi sai biệt. Vì thực hành theo sai biệt nên đưa đến sai biệt. Nếu người biết bình đẳng thì chẳng thực hành theo sai biệt. Vì chẳng thực hành theo sai biệt nên đạt đến bình đẳng, nghĩa là đạt đến chỗ không sai biệt.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát nào vừa có phiền não vừa có Bồ đề chăng?

Đáp: - Có.

Hỏi: - Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi

đáp:

- Nếu Bồ tát không phiền não như Thanh-văn thì không thọ sanh. Này Thiên tử! Bồ tát vì đoạn trừ phiền não cho tất cả chúng sanh nên khởi đại bi phát tâm Bồ đề, gọi là có Bồ đề.

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát nào vừa có bỏn xẻn vừa có Bồ đề chăng?

Đáp:- Có.

Thiên tử hỏi:- Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu Bồ tát chẳng bỏ tâm Bồ đề mà hóa độ chúng sanh, thọ trì tất cả các pháp thì Bồ tát ấy có bỏn xẻn mà vẫn thành tựu Thí Ba-la-mật.

Thiên tử hỏi: Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát nào bỏ Giới mà thành tựu Giới Ba-la-mật chăng?

Đáp:- Có.

Thiên tử hỏi:- Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu Bồ tát vì hóa độ chúng sanh nên làm chúng sanh thì đó là Bồ tát không có Giới mà thành tựu Giới Ba-la-mật.

Thiên tử hỏi:- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát nào bỏ Nhẫn mà thành tựu Nhẫn Ba-la-mật chăng?

Đáp: - Có.

Thiên tử hỏi:- Dùng phương tiện gì? Văn Thù

Sư Lợi đáp:

- Nếu Bồ tát bỏ Nhẫn của tất cả các ngoại đạo mà tu Nhẫn theo Phật pháp thì Bồ tát ấy bỏ Nhẫn mà vẫn thành tựu Nhẫn Ba-la-mật.

Thiên tử hỏi:- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát nào bỏ tinh tấn mà thành tựu Tinh tấn Ba-la-mật chăng?

Đáp:- Có.

Thiên tử hỏi: - Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu Bồ tát bỏ tinh tấn của Thanh-văn, Phật Bích Chi mà hướng đến quả vị Vô Thượng Bồ đề thì đó là Bồ tát bỏ tinh tấn mà thành tựu Tinh tấn Ba-la-mật.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát nào vọng niệm mà thành tựu Thiền Ba-la-mật chăng?

Đáp: - Có.

Thiên tử hỏi:- Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Thậm chí trong mộng, Bồ tát cũng không khởi niệm tưởng về quả vị Thanh-văn, Phật Bích Chi, nhất định sẽ không bỏ tâm Bồ đề Vô thượng thì Bồ tát ấy vọng niệm mà thành tựu Thiền Ba-la-mật.

Thiên tử hỏi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Có Bồ tát

nào không có trí tuệ mà thành tựu Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Đáp:- Có.

Thiên tử hỏi:- Dùng phương tiện gì? Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Nếu Bồ tát đối với tất cả các phương cách độc ác của thế gian, làm các chú thuật ác, trong đó không có trí tuệ mà chỉ là việc thành tựu Nhất thiết trí thì Bồ tát ấy không có trí tuệ mà thành tựu Bát nhã Ba-la-mật.

Bấy giờ, Thế Tôn khen Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Văn Thù Sư Lợi! Ông đã khéo nói về những điều nên làm và không nên làm của đại Bồ tát. Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Ta sẽ vì ông nói thí dụ để làm sáng tỏ lại ý nghĩa này. Này Văn Thù Sư Lợi! Như có người đói khát gầy yếu, người ấy thà chịu đói khát chứ không bao giờ ăn thức ăn có độc. Vì sao? Vì ăn thì rất nguy hiểm. Cũng vậy, này Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát thà bỏn xẻn, ganh ghét phá giới, chịu tiếng xấu, lười biếng, không chánh niệm, không có trí tuệ chứ không bao giờ mong cầu quả vị Thanh-văn, Phật Bích Chi. Vì sao? Vì quả vị ấy rất đáng sợ.

Thiên tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Bồ tát không sợ phiền não sao? Đức Phật bảo Thiên tử:

- Nên sợ phiền não, sợ quả vị Thanh-văn, Phật Bích Chi càng hơn thế nữa! Lại nữa, này Thiên tử! Nay ta hỏi ông, tùy theo ý ông mà trả lời. Này Thiên tử! Theo ý ông thì sao? Người thích sống sẽ sợ điều gì, bị chặt đầu hay là chặt tay chân?

Thiên tử bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Sợ chặt đầu. Vì sao? Vì chặt tay chân còn có thể tu phước nghiệp để sanh về cõi tốt đẹp. Còn người bị chặt đầu, thì không còn mạng sống, không thể tu phước.

Đức Phật bảo Thiên tử:

- Bồ tát cũng vậy, thà phạm giới cấm chứ không bỏ tâm Nhất thiết trí, thà có phiền não chứ không bao giờ lên quả vị, quyết định của Thanh-văn

Thiên tử bạch Phật:

- Hy hữu thay, Bạch Thế Tôn! Điều mà Bồ tát làm, thế gian khó tin. Vì sao? Vì hàng Thanh-văn trì giới, tinh tấn chính là Bồ tát phá giới, lười biếng.

Đức Phật bảo Thiên tử:

- Như lời ông nói, như thức ăn của người nghèo là loại độc của Chuyển luân vương. Cũng vậy, này Thiên tử! Thanh-văn trì giới, tinh tấn tức là Bồ tát phá giới, biếng lười. Này Thiên tử! Thí như có người bình thường làm việc sinh sống, người ấy còn không có thể tự giúp cho bà con mình để được vui sướng, huống là giúp người khác! Này Thiên tử! Cũng vậy, Thanh-văn tinh tấn vì tự mình đoạn

trừ kiết sử, nên sự tinh tấn này không thể khiến cho người ở Diêm-phù-đề-được an lạc, huống là cho tất cả! Này Thiên tử! Như vị đại thương gia rất nhiều của báu, thường ưa cấp phát, siêng năng không nghỉ thì có thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh. Này Thiên tử! Cũng vậy, Bồ tát chuyên tâm tinh tấn thành tựu lòng bi mẫn, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, vì vô lượng chúng sanh mà tạo nhân an lạc, thường ban bố sự an lạc thế gian và xuất thế gian.

Bấy giờ, trưởng lão Đại Ca Diếp bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh-văn chứng pháp vô vi, hàng Bồ tát đạt đến hữu vi. Người đạt hữu vi tại sao lại xem thường người đạt vô vi?

Đức Phật bảo Ca Diếp:

- Ta vì ông sẽ nói thí dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa này. Này Ca Diếp! Thí như trong bốn biển cả chứa đầy váng sữa, có một người chẻ một sợi lông ra làm trăm phần, rồi dùng một phần ấy chấm một giọt váng sữa. Này Ca Diếp! Theo ý ông thì sao? Giọt váng sữa trên một phần sợi lông ấy có thể chê váng sữa đầy trong bốn biển chăng?

Ca Diếp bạch Phật:- Bạch Thế Tôn! Không thể chê.

Đức Phật bảo:- Này Ca Diếp! Theo ý ông thì sao? Trong hai lượng váng sữa này, bên nào nhiều, bên nào có giá trị quí báu?

Ca Diếp bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chỉ một phần trong trăm ngàn ức phần váng sữa của một biển cả còn nhiều, còn hơn, huống là trong bốn biển!

- Này Ca Diếp! Như giọt váng sữa trên đầu một phần trăm của sợi lông, nên biết, trí vô vi của Thanh-văn cũng vậy. Này Ca Diếp! Như váng sữa trong bốn biển cả, nên biết thiện căn hữu vi trong trăm ngàn a tăng kỳ kiếp luôn hồi hướng về Nhất thiết trí của Bồ tát cũng giống như thế. Này Ca Diếp! Như con kiến tha một hạt gạo so với tất cả lúa có trên quả đất vào mùa thu khi lúa chín, này Ca Diếp, theo ý ông thì sao? Hai lượng lúa này, bên nào nhiều hơn?

Ca Diếp bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Lúa chín về mùa thu vô lượng chúng sanh đều được sử dụng, lúa này nhiều hơn.

- Này Ca Diếp, cũng vậy, như hạt lúa mà con kiến tha nên biết, quả vị giải thoát của Thanh-văn cũng giống như thế. Này Ca Diếp! Giống như tất cả lúa chín trên khắp quả đất về mùa thu, nên biết, Bồ tát đủ sáu Ba-la-mật, bốn Nhiếp, căn lành, thành tựu đầy đủ các pháp này rồi thì có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, cũng giống như thế. Này Ca Diếp! Ví như trăm ngàn đồ đựng bằng thủy tinh được chở vào thành ấp, lại có một viên ngọc báu lưu ly vô giá đang chở trên thuyền đi trên

biển, an ổn đến được cõi Diêm-phù-đề, đến rồi có thể trừ được các nạn bần cùng thiếu thốn của loài người. Này Ca Diếp! Theo ý ông thì sao? Các đồ đựng bằng thủy tinh có thể chê ngọc báu lưu ly vô giá chăng?

Ca Diếp bạch Phật: - Dạ không dám chê.

- Này Ca Diếp! Như đồ thủy tinh được chở vào thành ấp, nên biết, Thanh-văn vô vi cũng giống như vậy. Như viên ngọc báu lớn lưu ly vô giá, nên biết, Bồ tát tiếp nối hạt giống Tam bảo, khiến không đoạn dứt tuyệt, phát sanh tâm báu Nhất thiết trí, cũng giống như thế.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca Diếp bạch Phật:

- Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Như lai khéo nói về sự quí báu của tâm Nhất thiết trí. Bồ tát thì hơn tất cả Thanh-văn, Phật Bích Chi.

Lúc này, các Bồ tát đến từ cõi nước của đức Như lai Bảo Tướng nghe nói pháp này rồi, đều cho là hy hữu, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những điều đã nói này đều là hý luận, có đủ các loại ô uế, thanh tịnh, khởi các luận thuyết khác nhau. Ở cõi nước của đức Như lai Bảo Tướng chỉ nói pháp Bồ tát không thối chuyển, không có phiền não trói buộc, hy hữu khó sánh bằng. Thích Ca Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, mới có thể chịu đựng phiền não như thế, ở trong pháp một vị không phân biệt mà nói thượng, trung, hạ,

hiển bày sự sai khác của ba Thừa.

Khi ấy, các Bồ tát dùng các loại hoa trời cúng dường Như lai rồi, nói với Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Chúng tôi muốn trở về thế giới Bảo Trú.

Văn Thù Sư Lợi nói:- Này Các thiện nam! Nên biết, đã đến lúc! Các Bồ tát nói:- Thưa nhân giả! Ngài không cùng đi chăng?

Văn Thù Sư Lợi nói:- Này Thiện nam! Cõi nước là bình đẳng. Chỗ mà Phật pháp và chúng sanh bình đẳng, tôi rất muốn đến và sẽ đến chỗ ấy.

Các Bồ tát hỏi:- Thưa Thánh giả Văn Thù Sư Lợi! Dùng phương tiện gì?

Văn Thù Sư Lợi đáp:

- Tất cả các cõi nước bình đẳng vô tận nên chư Phật Đẳng Chánh Giác là chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả các pháp đều Không, tự tánh chúng sanh là vô ngã. Này các Thiện nam! Tôi quán tánh bình đẳng như vậy, nên nói thế này, tất cả các cõi nước bình đẳng, tất cả các Phật pháp, chúng sanh bình đẳng, cho nên tôi đến chốn ấy.

Lúc đó, Văn Thù Sư Lợi liền nhập định biến thế giới này thành như thế giới Bảo Trú. Tất cả đại chúng đều được thấy không tăng, không giảm, cũng thấy Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni, sắc mạo hình thể đều giống như Như Lai Bảo Tướng. Các chúng

Thanh-văn đều giống như hình sắc tướng mạo các Bồ tát ở cõi ấy.

Khi ấy, các Bồ tát kia thấy tướng như thế rồi, đều cho là đã đến thế giới Bảo Trú, đều tưởng Phật Thích Ca Mâu Ni tức là Như Lai Bảo Tướng, nên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Ai đưa chúng con trở về thế giới này? Đức Phật bảo các Bồ tát :

- Này Các thiện nam tử! Khi các ngươi đi, ai dẫn các ngươi đi? Các Bồ tát đáp:- Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi!

Đức Phật bảo các Bồ tát:- Cũng do vị ấy dẫn về. Khi ấy, Văn Thù Sư Lợi xuất định, bảo các Bồ tát :

- Này các thiện nam! Hãy nhập vào Tam muội. Các Bồ tát đều nhập Tam muội; khi đắc Tam muội, nghĩ thế này:" Hy hữu thay! Hy hữu thay! Chúng tôi hiện nay vẫn còn ở đây mà tưởng là đã đến thế giới Bảo Trú". Khi ấy, các Bồ tát thấy lạ lùng chưa từng có, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Rất kỳ lạ! Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi mới có thể có định lực thần thông không thể nghĩ bàn ấy. Bạch Thế Tôn! Nguyện làm cho các chúng sanh đạt được năng lực thần thông như Văn Thù Sư Lợi.

Đức Phật bảo các Bồ tát:

- Này Các thiện nam! Giống như các đồ đựng

quí báu bằng vàng bạc, pha lê, kim cang, chiên đàn v. v… và đồ đựng bằng đất v. v…, các đồ đựng ấy đều chứa một khoảng không, khoảng không ở khắp tất cả các đồ đựng nên khoảng không bình đẳng. Vì vậy, này các Thiện nam! Pháp thiện, Chơn như, Thật tế và Không, các pháp này chỉ là một, không sai khác, thuộc về Đệ nhất nghĩa Không, nhưng chúng sanh vì tạo tác các hành nên chịu trong thọ sanh các loài, gồm hàng ngàn loài. Ta phân hóa thành ngần ấy ngàn hình sắc, đã thọ hình sắc địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, người, trời, hình sắc Thanh-văn, Phật Bích Chi, Bồ tát, Phật. Các loại hình sắc này, tuy đều có thể thấy, nhưng sắc là bình đẳng như cái Không của sắc, chỉ một, không sai khác, không có riêng biệt. Này các Thiện nam! Vì ý nghĩa ấy, nên biết như thế.

Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi nói:

- Tất cả các cõi nước bình đẳng không sai khác, nên tất cả chư Phật bình đẳng, tất cả các pháp bình đẳng, tất cả chúng sanh bình đẳng, không sai khác.

Khi ấy, các Bồ tát lãnh thọ giáo pháp chơn chánh của Thế Tôn, sanh tâm nhàm chán xa lìa, được vui mừng, đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, từ giã Thế Tôn rồi, liền biến khỏi thế giới Ta bà, trở về thế giới Bảo Trú.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Này A-nan! Kinh điển thù thắng này, Thầy

nên thọ trì, đọc tụng, và phổ biến rộng rãi. Vì sao? Hoặc có thể giảng nói Kinh điển này cho mọi người, hoặc có thể nghe nhận, thọ trì thì được vô lượng phước.

A-nan bạch Phật:- Dạ thưa Thế Tôn! Con sẽ thọ trì. Nên gọi tên Kinh này là gì? Và phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Kinh này, nên gọi là "Tịch Điều Âm Sở Vấn". Như thế mà thọ trì. Lại có tên là "Như lai Sở thuyết Thanh tịnh Điều phục, " nên thọ trì.

Đức Phật nói Kinh này xong, Thiên tử Tịch Điều Âm, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi, trưởng lão Đại Ca Diếp, Tôn giả A-nan và đại chúng trong hội ấy, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Hộ thế. v. v… nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 1491
KINH BỒ TÁT TẠNG

Hán dịch: Đời Lương Tam Tạng
Tăng Già Bà La, người Phù Nam.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà -Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá Vệ cùng với chúng đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi người và bảy vạn hai ngàn Bồ tát.

Bấy giờ, trưởng lão Xá Lợi phất, nương vào thần lực của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo vai phải, gối phải sát đất, chấp tay lễ Phật, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phải sám hối diệt tội như thế nào để mau đắc Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Người muốn học Chánh đẳng Chánh giác, hoặc là hàng Thanh Văn, hoặc hàng Duyên Giác, hoặc hàng Đại thừa, hoặc các chúng sanh khác, nên tụng mười danh hiệu Phật ở mười thế giới trong mười phương, đốt mười ngàn ngọn đèn, hoặc bằng dầu tô, hoặc bằng dầu, hương và hương bột, cũng tùy theo số đèn, dùng nhiều loại hoa, nhiều loại

quả, nhiều loại lá, để thực hiện sự cúng dường lớn, thực hành việc bố thí lớn; đựng đầy mười bình "tần-già" nước, mười lọ nước, tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm xông thân, mặc y phục mới, sạch, rồi rửa tay, chân, mỗi tay cầm mười cành hoa sen; cần phải chay tịnh, người giúp việc, người ở đều phải sạch sẽ. Ở mười phương đều thiết lập Phật tòa (Phật tòa ở trên thì phải nhỏ và cao). Người sám hối tùy nghi thiết lập tòa ở mười phương; ngồi ngay tại chỗ đảnh lễ chư Phật mười phương, miệng tự phát lồ sám hối hành nghiệp đã gây ra từ trước đến nay, cũng sám hối các tội ác đã gây ra trong sanh tử từ vô thỉ đến nay, ăn năn việc đã qua, sửa đổi việc đang đến, thề chẳng làm nữa.

Đức Phật dạy:

- Này Xá Lợi Phất! Ở phương Đông có thế giới tên là A Du Ha (Trung hoa dịch là Vô Ưu); Ở đó có Đức Phật hiệu là Nguyệt Thắng Kiết. Phương Nam có thế giới tên Nan Đà(Trung hoa dịch là Hoan Hỷ); Ở đó có Đức Phật hiệu là Chiên Đàn Kiết. Phương Tây có thế giới Bạt Đà La(Trung hoa dịch là Hiền); ở đó có Phật hiệu là Vô Biên Quang Minh. Phương bắc có thế giới Nhiêu Ích Nhãn; ở đó có Phật hiệu là Tràng Kiết. Phương Đông nam có thế giới Nguyệt Quang; ở đó có Phật hiệu là Vô Ưu Kiết. Phương Tây nam có thế giới Tràng; ở đó có Phật hiệu là Bảo Sát. Phương Tây bắc có thế giới Minh; ở đó có Phật hiệu là Hoa Đức. Phương

đông bắc có thế giới An Ổn; ở đó có Phật hiệu là Tam Dõng Mãnh. Phương trên có thế giới Nguyệt; ở đó có Phật hiệu là Đại Công Đức Kiết. Phương dưới có thế giới Đại Danh; ở đó có Phật hiệu là Quang Minh Kiết. Ngày đêm sáu thời hành đạo lễ bái. Mặc áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng Phật rồi nói thế này: "Con đảnh lễ tất cả chư Phật Như lai, đó là chư Phật hiện tại trong mười phương đã đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng , hiện đang Chuyển pháp luân, hiện đang làm sáng tỏ Pháp luân, hiện đang nắm giữ pháp luân, hiện đang tuôn mưa pháp, hiện đang đánh trống pháp, hiện đang thổi loa pháp, hiện đang dựng cờ pháp, hiện đang đốt đuốc pháp, hiện đang dùng pháp thí làm cho chúng sanh được đầy đủ, tùy theo sự ưa thích của chúng sanh mà đều nói pháp cho họ, luôn làm nhiều điều lợi ích an ổn cho chúng sanh, vì thương xót thế gian, vì lợi ích cho chư thiên và loài người. Nay con đảnh lễ Chư Như Lai. Chư Như Lai, chư Phật là những bậc tôn quí đáng cúng dường. Chư Phật là trí tuệ lớn, là con mắt của thế gian, chứng biết cho thế gian, thống lãnh thế gian, hiện đang biết, hiện đang thấy. Con đem thân, khẩu, ý kính lễ quí Ngài. Những nghiệp ác mà con đã gây ra từ vô thỉ sanh tử đến nay, làm chướng ngại tất cả chúng sanh, hoặc khởi tham, hoặc khởi sân, hoặc khởi si, chẳng biết Phật, Pháp, Tăng, chẳng biết pháp thiện, pháp bất thiện, hoặc

dùng thân, khẩu ý, ác làm thân Phật chảy máu, hoặc phỉ báng Chánh pháp, hoặc phá hòa hợp Tăng, hoặc giết La hán chân nhân, hoặc giết cha mẹ, hoặc khởi đủ mười nghiệp bất thiện, hoặc đã làm, đang làm, sẽ làm, hoặc thấy người khác làm khen ngợi, tùy hỷ, hoặc dùng ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng, ba nghiệp của ý để tạo tác các việc ác , dùng lời ác mắng nhiếc phỉ báng người khác, hoặc đong lường non thiếu, cờ gian bạc lận với người, hoặc khi sanh trong sáu đường làm phiền lòng mẹ cha, hoặc lấy vật của chùa tháp, hoặc dùng vật của Tăng, hoặc dùng vật của Tăng bốn phương, hoặc phá giới mà Phật đã chế, hoặc chẳng nghe lời Hòa Thượng, A Xà Lê, hoặc sân hận, hoặc mắng nhiếc, hoặc phỉ báng Thanh Văn, Duyên giác, Đại thừa; hoặc do bỏn xẻn, ganh ghét mà tạo các nghiệp ác, hoặc chửi mắng Như lai, hoặc pháp nói là phi pháp, hoặc phi pháp nói là pháp, tất cả các tội ác như thế, nay con hướng về Chư Phật ở mười phương phát lồ sám hối. Xin chư Như lai thấy, biết, và chứng tri. Con ở trước Phật, nhất tâm phát lồ, không dám che giấu. Đã phát lồ rồi, về sau thề không dám làm nữa. Các nghiệp ác ấy đáng bị đọa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, A tu la hoặc bị rơi vào tám nạn. Nguyện xin các tội ác ấy hôm nay được tiêu diệt, vị lai không sanh nữa. Hôm nay con ở trước chư Phật, phát lồ sám hối, không dám che giấu. Sau khi phát lồ, thề

không tái phạm. Như các Bồ tát quá khứ vì tu hành Bồ đề, như sự sám hối của các ngài, hôm nay, con cũng sám hối nghiệp chướng ngại như vậy. Sau khi phát lồ, không dám tái phạm. Như các Đại Bồ tát vị lai sẽ sám hối, con cũng phát lồ sám hối như vậy. Sau khi phát lồ, thề không tái phạm. Như Đại Bồ tát hiện tại trong mười phương vì tu hành Bồ đề, hiện đang sám hối, con cũng phát lồ sám hối như vậy, thề không tái phạm. Như các Đại Bồ tát trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại vì tu hành Bồ đề, đã sám hối, sẽ sám hối, đang sám hối, con cũng sám hối như thế, thề không tái phạm. Này Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ nên sám hối như thế.

Vì vậy, này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đạt được tất cả các pháp thanh tịnh, không có chướng ngại, thì cần phải, sám hối các nghiệp chướng ác như thế. Đã phát lồ rồi, thề không tái phạm. Nếu muốn sanh vào dòng họ giàu sang Sát lợi, có nhiều của báu, có tướng mạo tốt đẹp, và ai muốn đắc Đại thừa thì nên sám hối như thế. Nếu muốn được địa vị của Tứ thiên vương thì nên sám hối như thế. Nếu muốn được sanh lên cõi trời Ba mươi ba, trời Diệm Ma, trời Đâu Suất đà, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại, thì nên sám hối như thế. Nếu muốn được sanh lên cõi trời Phạm thân, trời Phạm phú lâu, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang huy, Thiểu Tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Thọ Phước Vô Quái ngại,

trời Quả thật, trời Vô tưởng, Bất phiền, Bất nhiệt, Thiện kiến, Thiện hiện, Sắc cứu cánh thì nên sám hối như thế. Nếu muốn sanh về cõi Vô sắc, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì nên sám hối như thế. Nếu muốn đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-Đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì nên sám hối như thế. Nếu muốn đắc ba Minh, sáu Thông, thần lực tự tại, căn trí thông lợi của Thanh-văn, nếu muốn đắc quả Bồ đề Duyên-giác thì nên sám hối như thế. Nếu muốn đắc trí nhất thiết, trí thanh tịnh, trí bất khả tư nghì, trí vô đẳng đẳng, trí chánh biến thì nên sám hối như thế .

Này Xá Lợi Phất! Vì sao? Vì tất cả các pháp do nhân duyên sanh. Như lai đã nói pháp từ duyên sanh, pháp từ duyên diệt, do nhơn duyên mà thay đổi; pháp ấy trong quá khứ đã diệt, đã chuyển, nghiệp ấy không chướng ngại. Các pháp ấy, vị lai cũng không chướng ngại.

Này Xá Lợi Phất! Vì sao? Vì tất cả các pháp mà Như lai đã nói thảy đều rỗng lặng, không có chúng sanh, không có mạng sống, không có người, chẳng sanh, chẳng diệt.

Này Xá Lợi Phất! Tất cả các pháp, do tự thân tạo tác, tự thân ấy cũng là sự hiện hữu.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam! Thiện nữ muốn vào pháp tuệ này thì đó gọi là không có chúng sanh thật sự; như vậy gọi là diệt trừ tất cả

các nghiệp chướng.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá Lợi Phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ muốn đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, muốn chứng đắc thừa Thanh-văn, thừa Duyên- giác, Đại thừa, hoặc có người khác tu công đức, thì sẽ phát sanh căn lành tùy hỷ như thế nào?

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất!

- Thiện nam, thiện nữ, nếu muốn tùy hỷ thì ngày đêm sáu thời, mặc áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, cung kính chấp tay, nói:" Nếu có chúng sanh nào ở mười phương đã làm việc công đức, hoặc bố thí, hoặc trì Giới, hoặc tu hành, thì con đối với họ, tùy hỷ tất cả, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, tùy hỷ hơn hết, tùy hỷ tối thượng, tùy hỷ vô thượng, tùy hỷ vô đẳng, tùy hỷ vô đẳng đẳng, con đều tùy hỷ như thế . Nếu có chúng sanh nào ở trong mười phương sẽ làm việc công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu hành, con đối với họ, đều tùy hỷ tất cả, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, tùy hỷ hơn hết, tùy hỷ tối thượng, tùy hỷ vô thượng, tùy hỷ vô đẳng, tùy hỷ vô đẳng đẳng, con đều tùy hỷ như thế. Nếu có chúng sanh nào ở trong mười phương đang làm việc công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu hành, con đối với họ, đều tùy hỷ tất cả, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, tùy hỷ hơn hết, tùy hỷ tối thượng, tùy hỷ vô thượng, tùy hỷ vô đẳng, tùy hỷ

vô đẳng đẳng, con đều tùy hỷ như thế. Hoặc đối với công đức của các Bồ tát mới phát tâm Bồ đề, hoặc công đức của Bồ tát đã tu hành trăm kiếp, hoặc công đức của Bồ tát đã đắc Pháp nhẫn vô sanh, hoặc công đức của Bồ tát đã đắc quả vị bất thối, hoặc công đức của Bồ tát từ địa thứ nhất lần lượt đến Địa thứ mười, con đều tùy hỷ tất cả, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, tùy hỷ hơn hết, cho đến tùy hỷ vô đẳng đẳng. Nếu Bồ tát trước đã tu hành sáu Ba-la-mật tương ưng căn lành công đức thì con đều tùy hỷ, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, cho đến tùy hỷ vô đẳng đẳng. Nếu Bồ tát vị lai sẽ tu hành sáu Ba-la-mật tương ưng với căn lành công đức thì con đều tùy hỷ, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất cho đến tùy hỷ vô đẳng đẳng.

Nếu các Bồ tát hiện tại đang tu hành sáu Ba-la-mật tương ưng với công đức, thì con đều tùy hỷ, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, cho đến tùy hỷ vô đẳng đẳng; đối với công đức mà Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri trong quá khứ đã đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đã chuyển Pháp luân, vì làm lợi ích cho chúng sanh, vì làm an ổn cho chúng sanh, vì thương xót chúng sanh, đem nghĩa lý làm lợi ích cho chúng sanh và công đức của chư thiên, loài người, Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ tát đã tạo ra, con đều tùy hỷ. Đối với công đức mà Như Lai vị lai sẽ đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, sẽ chuyển Pháp luân, vì lợi ích của chúng sanh, vì làm

an ổn cho chúng sanh, vì thương xót chúng sanh, đem nghĩa lý làm lợi ích cho chúng sanh và công đức chư thiên, loài người, Thanh- văn, Duyên-giác, Bồ tát, sẽ tạo ra, con đều tùy hỷ. Đối với công đức mà chư Phật hiện tại trong mười phương, đang đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đang chuyển Pháp luân, đang đốt đuốc pháp, đang đánh trống pháp, đang thổi loa pháp, đang dựng cờ pháp, đang dùng pháp thí làm cho chúng sanh được đầy đủ, làm lợi ích cho chúng sanh, làm an ổn cho chúng sanh, thương xót thế gian, đem nghĩa lí làm lợi ích cho tất cả người, trời, hoặc công đức mà hàng Thanh-văn, Duyên-giác, Đại thừa, đang tạo ra, con đều tùy hỷ, vì đó là sự tùy hỷ bậc nhất, cho đến tùy hỷ vô đẳng đẳng.

Này Xá Lợi Phất! Đây gọi là chứa nhóm tùy hỷ công đức. Với công đức tùy hỷ, nếu thiện nam, thiện nữ nào tu hành công đức này thì đạt được phước báo không thể tính đến, không thể lường.

Này Xá Lợi Phất! Nếu chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới cho đến chúng sanh trong các thế giới nhiều như các sông Hằng đều diệt tận các lậu thành A la hán, nếu có thiện nam thiện nữ nào trọn đời dùng bốn sự cúng dường, lại có thiện nam thiện nữ nào tùy hỷ công đức như thế thì công đức này hơn công đức cúng dường ấy vô lượng, vô biên. Vì vậy, này Xá Lợi Phất, nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô

thượng thì nên tùy hỷ. Nếu người nữ nào muốn được thân nam thì nên tùy hỷ.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá Lợi Phất bạch Phật:

- Thế Tôn đã nói tùy hỷ. Nếu vì ánh quang minh của Bồ tát ở hiện tại và vị lai thì nên khuyến thỉnh như thế nào?

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hoặc Thanh-văn thừa, hoặc Duyên-giác thừa, hoặc Đại thừa, hoặc chúng sanh khác thì ngày đêm sáu thời mặc áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, cung kính chấp tay, nói: "Con kính lễ tất cả chư Phật Thế Tôn. Chư Phật hiện tại ở mười phương đã đắc Vô thượng Chánh đẳng, Chánh Giác, đang Chuyển Pháp luân, con đã lễ lạy Đức Phật ấy. Hôm nay con thỉnh cầu chuyển Pháp luân. Xin chư Phật Thế Tôn chuyển Pháp luân, xin đốt đèn pháp, xin khai mở mắt pháp, xin đốt đuốc pháp, xin nổi mây pháp, xin thổi loa pháp, xin đánh trống pháp, xin dựng cờ pháp vì làm lợi ích cho chúng sanh, làm an ổn cho chúng sanh, vì thương xót thế gian, vì làm lợi ích cho tất cả trời, người".

Này Xá Lợi Phất! Ngày đêm sáu thời, mặc áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, cung kính chấp tay nói: "Con kính lễ tất cả chư Phật Thế Tôn. Nếu chư Phật ở mười phương muốn vào Niết bàn, thì con sẽ kính thỉnh chư Phật ấy trụ lâu ở đời, vì lợi

ích cho chúng sanh, an ổn chúng sanh, thương xót chúng sanh, dùng nghĩa lý làm lợi ích cho tất cả người, trời. Con vì Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng mà thực hành sự kính thỉnh này.

Này Xá Lợi Phất! Đây gọi là công đức khuyến thỉnh. Với công đức khuyến thỉnh này, công đức mà thiện nam, thiện nữ ấy đạt được không thể tính đếm, suy lường.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ trải đầy bảy báu cả Ba ngàn đại thiên thế giới để cúng dường Như Lai, so sánh, thì công đức của thiện nam, thiện nữ khuyến thỉnh đã nói trước vẫn hơn công đức này vô lượng vô biên.

Này Xá Lợi Phất! Nếu trải bảy báu đầy các thế giới nhiều như cát sông Hằng để cúng dường chư Như lai nếu so sánh, thì công đức khuyến thỉnh của thiện nam, thiện nữ trước, vẫn hơn công đức này vô lượng, vô biên. Khuyến thỉnh đấng Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng như vậy là sự khuyến thỉnh của ta.

Này Xá Lợi Phất! Đây gọi là công đức khuyến thỉnh với phước đức khuyến thỉnh này, nếu thiện nam, thiện nữ nào hiện đang khuyến thỉnh thì công đức chẳng thể suy lường. Vì sao? Này Xá Lợi Phất! Trước kia, ta tu hành hạnh Bồ đề, ta đã khuyến thỉnh chư Phật chuyển Pháp lu- ân như vậy. Do công đức này ta đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô

thượng. Đế Thích, chủ thiên, chư thế giới Ta bà là Phạm Thiên Vương. v. v… cũng khuyến thỉnh ta chuyển Pháp luân, làm nhiều điều lợi ích an ổn cho thế gian, cho đến dùng nghĩa lý làm lợi ích cho tất cả Trời, Người.

Này Xá Lợi Phất! Trước kia Ta khuyến thỉnh chư Như lai vì muốn Chánh pháp trụ lâu ở đời. Ta vì căn lành công đức này mà đắc mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cọng, đắc bốn Biện tài vô ngại, đắc đại từ đại bi. Dù Ta đã nhập Niết bàn, nhưng pháp của Ta sẽ tồn tại lâu dài.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá Lợi Phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ muốn đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hoặc Thanh-văn thừa, hoặc Duyên-giác thừa, hoặc Đại thừa, hoặc chúng sanh khác, phải hành hồi hướng căn lành Nhất thiết trí như thế nào?

Khi ấy, Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Nếu Thiện nam, thiện nữ nào muốn đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hoặc Thanh-văn thừa, hoặc Duyên-giác thừa, hoặc Đại thừa, hoặc chúng sanh khác, thì ngày đêm sáu thời, mặc áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, cung kính chấp tay, nói: "Những căn lành công đức mà con đã tạo được trong vô thỉ sanh tử, như hoặc đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, hoặc một người cho đến cho súc sanh một vắt cơm, hoặc sám hối,

hoặc khuyến thỉnh, hoặc tùy hỷ, hoặc công đức quy y Tam bảo, thọ Giới, tất cả đều hợp lại hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Như chư Phật Thế Tôn dùng Hiện trí, Vô trước trí hồi hướng cho tất cả chúng sanh, con cũng như vậy, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, như tay cầm ngọc báu bố thí cho tất cả, như mây rơi mưa xuống thấm nhuận không cùng, không giảm, sự giàu sang của chúng sanh không giảm, để công đức không giảm, pháp không giảm, trí tuệ không giảm, nhạo thuyết không giảm, vì đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng không giảm, để đắc Nhất thiết trí, con dùng công đức bố thí cho chúng sanh này, tất cả đều hợp lại hồi hướng về Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Nhờ căn lành này, nguyện làm cho tất cả chúng sanh cũng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đắc Nhất thiết trí. Như chư Bồ tát trước đây vì Bồ đề mà tu hành căn lành, hồi hướng vì Nhất thiết trí, con cũng như vậy, hồi hướng vì Nhất thiết trí. Nhờ căn lành này con sẽ đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đắc Nhất thiết trí. Như chư Bồ tát vị lai, sẽ tu hành hồi hướng căn lành, vì Nhất thiết trí, con cũng như vậy, vì hồi hướng căn lành, vì Nhất thiết trí. Như chư bồ tát hiện tại, đang tu hành căn lành vì Nhất thiết trí, con cũng như vậy, hồi hướng căn lành vì Nhất thiết trí. Nhờ căn lành này, nguyện cho tất cả chúng sanh đều đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng , đắc Nhất thiết trí. Như đức Phật

Thích Ca Mâu Ni trước kia ngồi nơi cội cây Bồ đề trụ định vô cấu không thể nghĩ bàn, thu phục ma ác. Các pháp hiện hữu, có thể biết, có thể thấy, có thể rõ, vào lúc gần sáng, khi sao mai mọc, dùng nhất niệm tương ưng với tuệ hành, "diệt khổ đạo" chứng đắc "Đề hồ", con cũng như vậy, tất cả chúng sanh học theo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như Như Lai Vô Lượng Quang Minh, Như Lai Thắng Quang Minh, Như Lai Thanh Tịnh Quang Minh, Như Lai Công đức Quang Minh, Như lai Sư Tử, Như Lai Bách Quang, Như Lai Cao Minh, Như lai Võng Quang, Như Lai Châu Quang, Như lai Hỏa Quang, Như Lai Quang Vương, Như Lai Trang Nghiêm, Như Lai Bảo Tràng, Như Lai Pháp Tràng, Như Lai Thắng Thân. v. v… Ứng Cúng Chánh Biến Tri và như chư Phật Thế Tôn khác đã đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đã chuyển Pháp luân, vì lợi ích cho nhiều chúng sanh, vì làm an ổn cho các chúng sanh, vì thương xót thế gian, cho đến dùng nghĩa lý làm lợi ích cho tất cả trời, người, con cũng như thế, vì tất cả chúng sanh mà đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng , sẽ chuyển Pháp luân, vì lợi ích cho nhiều chúng sanh, vì an ổn cho chúng sanh, vì thương xót thế gian, cho đến dùng nghĩa lý làm lợi ích tất cả người, trời.

Này Xá Lợi Phất! Đây gọi là công đức hồi hướng. Công đức này hơn công đức bố thí trước cả trăm phần, ngàn vạn ức phần, cho đến tính đếm, thí

dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Kinh này, giảng nói cho mọi người, thì công đức đạt được vô số vô lượng.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có người có thể khiến cho đủ loại chúng sanh ở ba ngàn đại thiên thế giới, trong khoảng một niệm đều được thân người, rồi lại có thể khiến cho đắc Bồ đề Duyên-giác, thường dùng bốn sự cúng dường, cúng dường cho mỗi Duyên-giác bảy báu như núi Tu Di, cứ như thế hằng ngày cho đến lúc vị ấy nhập Niết bàn, nhập Niết bàn rồi, dựng tháp bảy báu, dùng hoa hương cờ, lọng để cúng dường, thì này Xá Lợi Phất, theo ý ông thì sao? Thiện nam, thiện nữ ấy, đã đạt được công đức có nhiều chăng?

Xá Lợi Phất đáp:

- Bạch thế Tôn! Nhiều lắm! Bạch Thiện Thệ! Nhiều lắm!

- Này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Kinh này thì công đức đạt được lại càng nhiều hơn công đức trên. Đem công đức này hồi hướng về Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì công đức này hơn công đức trước trăm phần, ngàn vạn ức phần, cho đến tính đếm, thí dụ cũng không thể kịp. Vì sao? Này Xá Lợi Phất! Vì thiện nam, thiện nữ tin Kinh này, khuyến thỉnh chư Phật khắp mười phương chuyển Pháp luân, như ta đã nói là

pháp thí hơn tài thí.

Bấy giờ, bốn Chúng gồm một vạn người đều đứng dậy, sửa lại áo vai phải, gối phải sát đất, chấp tay hướng Phật, thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ thọ trì Kinh này, giảng nói, cho mọi người họ sẽ tin theo. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì chúng con muốn đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Chúng con sẽ thành tựu căn lành như thế, pháp lành như thế.

Khi ấy, Thiên Vương Đế Thích dùng hoa trời rải cúng dường Thế Tôn và kinh pháp này, rồi bạch:

- Bạch Thế Tôn! Kinh này có công đức lớn vì làm tăng trưởng căn lành của các Bồ tát, vì diệt trừ nghiệp chướng.

Đức Phật bảo Đế Thích:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Kiều Thi Ca! Vì sao? Này Thiên Vương! Ta nhớ về vô số kiếp quá khứ, khi ấy có Đức Đại Quang Tụ Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri xuất hiện ở đời. Này Thiên Vương! Đại Quang Tụ Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thọ sáu mươi tám ức tuổi, lần đầu tiên thuyết pháp có trăm ngàn vạn ức đệ tử. Tất cả họ đều là A-la-hán đã diệt tận các lậu. Thuyết pháp lần thứ hai, có chín mươi chín ngàn ức đệ tử, cũng đều diệt tận các lậu, đắc A-la-hán. Thuyết pháp lần thứ ba, có chín mươi tám ức trăm ngàn đệ tử, đoạn tận các

lậu, đắc A-la-hán.

Này Thiên Vương! Đức Đại Quang Minh Tụ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì tất cả thế gian, chư thiên, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn nên trụ thế trải qua sáu mươi tám ức tuổi. Khi ấy, Thiên vương Đế Thích và bốn Chúng theo Như lai Quang Minh Tụ thọ trì Kinh này vì tạo nhiều lợi ích cho tất cả thế gian, vì thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Lại có một thiên nữ tên là Kiệt-già-đà thọ trì Kinh này, phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, lìa bỏ thân nữ được thân nam, thường sanh trong cõi người, trời, không trải qua đường ác, tám vạn bốn ngàn đời làm Chuyển luân vương.

Này Kiều Thi Ca! Theo ý ông thì sao? Đến nay người nữ Kiệt- già-đà kia đâu phải người nào khác mà đó chính là thân Ta. Thuở xưa, Ta ở trong ức trăm ngàn thế giới gặp vô số Phật đồng một hiệu là Như lai Quang Minh Tụ. Ở chỗ của những Phật ấy, Ta đều nghe Kinh này.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe danh hiệu đức Như lai này chắc chắn sẽ đắc Đại Bát Niết bàn. Nếu có người nữ nghe danh hiệu đức Như lai Quang Minh Tụ này thì sẽ chuyển thân nữ, khi tuổi thọ hết thì không có nghi ngờ, tán loạn, chẳng còn trở lại thọ thân nữ nữa.

Này Kiều Thi Ca! Đại công đức của Kinh này

có thể thâu tóm căn lành của các Đại Bồ tát , có khả năng diệt trừ các nghiệp chướng ngại.

Bấy giờ, Đế Thích bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Kinh này tên gì? Và thọ trì thế nào? Đức Phật bảo Đế Thích:

Này Kiều Thi Ca! Kinh này tên là "Diệt nghiệp chướng ngại", ông nên thọ trì; cũng gọi là "Bồ tát tạng", ông nên thọ trì; cũng gọi là "Đoạn nhất thiết nghi", như vậy mà thọ trì.

Đức Phật giảng thuyết kinh này rồi, Thiên Vương Đế Thích và Trưởng lão Xá Lợi Phất, chúng Tỳ-kheo và các Bồ tát, trời, người, A- tu-la, Càn-thát-bà, tất cả thế gian nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 1492
KINH XÁ LỢI PHẤT HỐI QUÁ

Hán dịch: Đời Hậu hán Tam Tạng
An Thế Cao, người nước An Tức.

Khi Đức Phật ở tại núi Kỳ Xà Quật, thuộc thành La Duyệt Kỳ, cùng ngồi với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ kheo và một ngàn vị Bồ tát, vị đệ tử bậc nhất là Xá Lợi Phất đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ý muốn cầu Phật đạo, nhưng nếu đời trước làm ác thì sẽ sám hối như thế nào?

Đức Phật dạy:

- Lành thay! Lành thay! Xá Lợi Phất lo nghĩ đến sự tốt đẹp cho chư thiên và loài người nên mới hỏi như vậy.

Đức Phật dạy tiếp:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ muốn cầu đạo A-la-hán, muốn cầu đạo Phật Bích Chi, muốn cầu Phật đạo, muốn biết việc quá khứ, vị lai thì nên thường nhập định vào lúc sáng sớm, giữa trưa và tối, vào lúc nửa đêm gà gáy, tắm rửa, chỉnh đốn y phục, chấp tay lễ lạy mười phương, hướng về một

phương bất kì, nói lời sám hối: "Những tội ác mà chúng con đã phạm từ vô số kiếp về trước đến nay, cho đến đời này đã phạm dâm dục, đã phạm sân hận, đã phạm ngu si, chẳng biết thời có Phật, chẳng biết thời có Pháp, chẳng biết thời có Tỳ kheo Tăng, chẳng biết thời thiện ác, hoặc thân có phạm tội, hoặc miệng có phạm tội, hoặc tâm có phạm tội, hoặc ý có phạm tội, hoặc ý muốn hại Phật, ghét chê Kinh, Đạo, hoặc đánh Tỳ-kheo Tăng, hoặc giết A-la-hán, hoặc giết cha mẹ mình, hoặc phạm ba tội về thân, bốn tội về miệng, ba tội về ý, tự mình sát sanh, bảo người sát sanh, thấy người khác sát sanh mà mình vui theo; tự mình trộm cắp, bảo người khác trộm cắp, thấy người trộm cắp vui theo; tự mình dối trá người, bảo người dối trá người, thấy người khác dối trá người mà vui theo; tự mình nói lời ly gián, bảo người khác nói lời ly gián, thấy người khác nói lời ly gián mà vui theo; tự mình mắng nhiếc, bảo người mắng nhiếc, thấy người mắng nhiếc mà vui theo; tự mình nói dối, bảo người khác nói dối, thấy người nói dối mà vui theo; tự mình ganh ghét, bảo người khác ganh ghét, thấy người ganh ghét mà vui theo; tự mình tham lam, bảo người tham lam, thấy người tham lam mà vui theo; tự mình không tin, bảo người không tin, thấy người không tin mà vui theo; tự thân không tin "làm thiện được thiện", làm ác bị ác, " thấy người làm ác mà vui theo; tự mình trộm cắp vật thờ cúng

trong chùa Phật, hoặc tài vật của Tỳ-kheo Tăng, bảo người trộm cắp, thấy người trộm cắp mà vui theo; tự mình dùng cân nhẹ, đấu nhỏ, thước ngắn lừa dối người, dùng cân nặng, đấu lớn, thước dài gian lận của người, thấy người khác gian lận người mà vui theo; tự mình cướp đoạt, bảo người cướp đoạt, thấy người cướp đoạt mà vui theo; tự mình ác nghịch, bảo người ác nghịch, thấy người ác nghịch mà vui theo. . . , những việc làm đó, đến nay, đã sanh vào năm đường: khi thì ở trong địa ngục, lúc lại ở trong cầm thú, khi ở trong ngạ quỉ, lúc lại ở trong loài người, thân ở trong năm đường này, lúc sống đã phạm tội lỗi, bất hiếu với cha mẹ, bất hiếu với sư trưởng, chẳng kính bạn lành, chẳng kính Sa-môn, bậc tu Đạo chân chính, chẳng kính trưởng lão, khinh dễ cha mẹ, coi thường sư trưởng, khinh chê người cầu đạo A-la-hán, khinh chê người cầu Phật Bích Chi, hoặc phỉ báng ganh ghét họ; thấy Phật đạo nói là quấy, thấy ác đạo nói là phải, thấy chánh nói bất chánh, thấy bất chánh nói chánh, những tội lỗi mà chúng con đã làm, nguyện hướng đến mười phương chư Phật khẩn cầu sám hối, khiến cho chúng con đời nay không phạm những tội lỗi đó nữa, khiến cho chúng con đời sau cũng không bị những tội lỗi ấy. " Vậy thì hướng về mười phương Chư Phật cầu xin sám hối như thế nào? Phật có khả năng thấy rõ, thông suốt nên ở trước Ngài, chẳng dám dối trá. Chúng con có tội

lỗi chẳng dám che giấu, từ nay về sau đều không dám che giấu.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, không muốn bị đọa vào địa ngục, cầm thú, ngạ quỉ thì những tội lỗi đã làm đều nên sám hối, chẳng nên che giấu, sau khi thọ Giới, chẳng nên làm ác; chẳng muốn sanh chốn biên địa, chỗ không có Phật, chỗ không có Kinh, chỗ không có Tỳ-kheo Tăng, chỗ không có nghĩa lý, chỗ thiện ác thì đều phải sám hối, không nên che giấu; nếu không muốn bị ngu si, điếc, đui, câm ngọng, không muốn bị sanh vào nhà giết súc vật, chài lưới, săn bắn, cai ngục, nghèo khổ thì đều nên sám hối, chẳng nên che giấu; người nữ muốn cầu con trai thì nên sám hối; muốn đắc đạo Tu-đà-hoàn, chẳng vào lại địa ngục, ngạ quỉ thì đều nên sám hối; muốn đắc đạo Tư-đà-hàm, sanh lên trời, sanh làm người, muốn đắc đạo A-na-hàm sanh lên cõi trời thứ hai mươi bốn, muốn đắc Niết bàn tịch diệt của A-la-hán, muốn đắc A-la- hán ở thế gian, muốn đắc đạo Phật Bích Chi, muốn biết việc sanh tử thì đều nên sám hối tội lỗi, không nên che giấu.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ mỗi ngày ba lần đảnh lễ Chư Phật hiện tại trong mười phương, thì chư Phật ở mười phương đều đem sự trung chánh

dạy lại cho người trong thiên hạ. Mặt trời, mặt trăng chiếu sáng khiến dân chúng làm việc tốt, Phật dùng Kinh, Đạo, mưa khắp thiên hạ, ví như trời mưa làm cho trăm loại lúa, cỏ cây đều tươi tốt, Đức Phật dùng Kinh, Đạo rưới mưa xuống thiên hạ cho nên sanh ra hầu, vương, Tứ Thiên Vương, trên đến cõi trời Ba mươi ba, giàu sang sung sướng, Phật lại làm sanh ra Tu Đà hoàn, Tư Đà hàm, A-na-hàm, A-la- hán. Xin Chư Phật ở mười phương nghe chúng con thệ nguyện; "Dân chúng trong thiên hạ, các loài bò, bay, máy, động, làm các việc tốt, xấu, hoặc người bố thí, hoặc người nỗ lực giữ đạo, không hủy Kinh, Giới, hoặc người thương yêu nghĩ đến mọi người, hoặc người làm vô lượng việc thiện, hoặc người cúng dường Bồ tát và các Tỳ-kheo Tăng, hoặc người bố thí cho phàm phu và kẻ bần cùng, cho đến người thương yêu loài cầm thú, chúng con đều khuyên họ làm điều thiện, giúp họ hoan hỷ. Người mà chư Phật quá khứ đã có thể độ cho họ đắc Niết bàn, chúng con đều giúp họ hoan hỷ. Người mà chư Phật vị lai dạy họ làm điều thiện, xa lìa năm đường ác sanh tử, cho đến làm cho đắc đạo A-la-hán, Phật Bích Chi, chúng con đều giúp họ, chúng con vui vẻ khuyến khích , khiến họ làm thiện giống như Phật. Người mà chư Phật ở mười phương hiện tại đang hóa độ, dạy họ bố thí, không phạm Kinh, Giới, thương yêu mọi người, loài bò, bay, máy, động, đều khiến thoát địa ngục, cầm thú,

ngạ quỷ ngu si, bần cùng; cho đến khiến đắc đạo Tu-đà-hoàn, Tư- đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích Chi, Niết bàn, chúng con đều vui vẻ khuyến khích khiến họ làm thiện, giúp họ hoan hỷ. Các Bồ tát quá khứ chưa thành Phật đã làm thiện là thực hành sáu Ba-la-mật: thực hành Đàn Ba-la-mật là bố thí, thực hành Thí Ba-la-mật là không phạm giới cấm, thực hành Sằn đề Ba-la-mật là Nhẫn nhục, thực hành Tinh tấn Ba-la-mật là Tinh tấn, hành Thiền Ba-la-mật là nhất tâm, thực Hành Bát nhã Ba-la-mật là trí tuệ, chư Bồ tát quá khứ ấy, hoặc thành tựu sáu Ba-la-mật, hoặc phụng hành sáu Ba-la-mật, chúng con đều vui vẻ khuyến khích, giúp họ hoan hỷ. Chư Bồ tát vị lai sẽ phụng hành sáu Ba-la-mật, chúng con vui vẻ khuyến khích, giúp họ hoan hỷ. Bồ tát hiện tại đang phụng hành sáu Ba-la-mật, chúng con vui vẻ khuyến khích, giúp họ hoan hỷ. Các phước chúng con đạt được đều ban bố cho mọi người, cha mẹ, loài bò, bay, máy, động, loài hai chân, loài bốn chân, loài nhiều chân trong mười phương, đều khiến được phước đức của Phật, đắc quả Bích Chi, làm như vậy, nếu so sánh với việc đem, vàng bạc vật báu đầy trong bốn thành lớn dùng để bố thí, thì trăm lần hơn, ngàn lần hơn, vạn lần hơn, ức lần hơn.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ mỗi ngày ba thời mỗi đêm ba thời cúi đầu lễ bái chư Phật ở mười

phương cầu; xin các ngài nghe lời thỉnh cầu của chúng con: "Chư Phật ở mười phương đã đắc quả Phật nhưng chưa thuyết giảng Kinh. Nay chúng con khuyến thỉnh các Ngài vì chư thiên, loài người, loài bò, bay, máy, động mà thuyết kinh, khiến họ tho- át khỏi địa ngục, cầm thú, ngạ quỉ, ngu si, bần cùng, cho đến khiến họ đắc đạo Nê-hoàn. Chư Phật ở mười phương muốn vào Nê-hoàn, chúng con nguyện theo cầu xin quý Ngài đừng nhập Nê-hoàn, sẽ khiến cho chư thiên, loài người, loài bò, bay, máy, động được hưởng phước, khiến họ đều thoát khỏi địa ngục, ngạ quỉ.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Vào đời trước, khi Ta còn làm Bồ tát, vui vẻ khuyến thỉnh chư Phật thuyết Kinh, không nhập Nê hoàn, do đó nên Ta thành Phật. Lần thứ nhất Tứ thiên vương, Lần thứ hai Thiên Vương Đế Thích đi xuống, chấp tay đảnh lễ cầu xin ta vì chư thiên, loài người mà thuyết giảng Kinh, vô số chư thiên khuyên ta đừng nhập Nê hoàn.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Như vậy, mọi người đều tùy theo sự gieo trồng của mình mà gặt quả, làm thiện thì được phước, làm ác thì mang họa.

Xá Lợi Phất bạch Phật:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ muốn cầu Phật đạo thì do nguyện gì mà được?

Đức Phật dạy:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ mỗi ngày ba thời mỗi đêm ba thời cúi đầu đảnh lễ chư Phật mười phương thì cầu: "Xin chư Phật ở mười phương nghe chúng con, từ vô số kiếp về trước đến nay, có được bao nhiêu phước, hoặc do bố thí, hoặc thọ trì Kinh, Đạo, hoặc giữ tâm ý hiền thiện, vì Phật mà làm thiện, vì Kinh mà làm thiện, vì Tỳ-kheo Tăng mà làm thiện, vì phàm phu mà làm thiện, hoặc vì cầm thú mà làm thiện, vì làm ác thì gặt lấy tai họa, làm thiện thì được phước; làm ác thì tự hối hận, thọ trì Kinh, Giới không hủy phạm. Nếu thọ Giới thì không tư thông với người nữ. Nếu muốn khuyến thỉnh chư Phật, Bồ tát, để mọi người được làm thiện, hoặc khuyến thỉnh chư Phật đừng nhập Nê-hoàn thì chúng con đem các phước đức có được do học Đạo từ trước đến nay, đều hợp lại, với lòng tốt ban cho chúng sanh mười phương, như mọi người, cha mẹ, loài bò, bay, máy, động, điều khiến được phước, còn phần nhỏ cho chúng con được hưởng, khiến chúng con tu hành Phật đạo, làm theo kinh Phật kinh. Những người chưa độ, chúng con sẽ hóa độ họ. Những người chưa giải thoát, chúng con sẽ giải thoát cho họ. Những người chưa đắc Nê hoàn, chúng con làm cho họ đắc Nê-hoàn.

Đức Phật nói với Xá Lợi Phất:

- Giả sử người nam, người nữ trong thiên hạ đều được đắc A-la- hán, Phật Bích Chi và nếu có

người cúng dường các A-la-hán, Phật Bích Chi trong thiên hạ ấy trong hàng nghìn năm thì phước ấy nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:

- Chỉ cúng dường một A-la-hán, một Phật Bích Chi một ngày thôi thì phước ấy cũng đã vô lượng, huống là cúng dường các A-la-hán, Phật Bích Chi khắp cả thiên hạ trong một ngàn năm!

Đức Phật dạy:

- Người cúng dường các A-la-hán, Phật Bích Chi trong khắp cả thiên hạ trong một ngàn năm không bằng thọ trì Kinh "Sám hối tội lỗi" ba thời một ngày và ba thời một đêm. Tụng đọc một ngày, thì phước đạt được hơn phước đức cúng dường các A-la-hán, Phật Bích Chi trong thiên hạ gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần.

-oOo-

SỐ 1493

KINH ĐẠI THỪA TAM TỤ SÁM HỐI

Hán dịch: Đời Tùy, Đại sư Xà Na Quật Đa và Cấp Đa.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, đức Thế tôn ở tại rừng Đại Quang Minh thuộc Tỳ Xá Lê cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn người, lại có vô lượng Bồ tát v. v…

Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn các chúng đang vây quanh.

Khi ấy, Trưởng lão Xá Lợi Phất ngồi tại pháp hội, nương theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng Phật, bạch:

- Hôm nay, con có điều muốn thưa hỏi. Xin Phật cho phép và giải thích cho con.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Này Trưởng lão Xá Lợi Phất! Thầy cứ tùy ý hỏi. Ta sẽ giải thích cho Thầy hài lòng.

Khi ấy, Trưởng lão Xá Lợi Phất được Phật nhận lời giải thích câu hỏi, vô cùng vui mừng, với sự hoan hỷ ấy, Trưởng lão Bạch Phật:

- Đại đức Thế Tôn! Nếu có những thiện nam,

thiện nữ muốn trụ thừa Thanh-văn, thừa Phật Bích Chi, và trụ Đại thừa mà những chúng sanh có các nghiệp chướng họ phải làm như thế nào. Họ phải sám hối như thế nào? Phát lồ như thế nào? Nghĩa là với các phiền não chướng, các chúng sanh chướng, pháp chướng, chuyển hậu thế chướng, sám hối thế nào và phát lồ thế nào?

Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Lành thay! Lành thay! Xá Lợi Phất! Thầy nay muốn vì sự an lạc, vì nhiều lợi ích cho trời, người nên hỏi Như lai những việc như thế. Này Xá Lợi Phất! Thầy phải lắng nghe cho thật kỹ, suy nghĩ chín chắn, ta sẽ nói cho.

Xá Lợi Phất bạch Phật:

- Hay thay, Thế Tôn! Xin Ngài chỉ dạy. Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Nếu thiện nam, thiên nữ muốn phát tâm trụ thừa Thanh-văn, thừa Phật Bích Chi, hoặc trụ Đại thừa, thì chúng sanh ấy ngày ba thời, đêm ba thời, rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, và nói:" Chư Phật Thế Tôn hiện tại ở các thế giới trong khắp mười phương thế giới thường trú ở đời, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, chư Thế Tôn ấy, xin nhớ nghĩ đến con, xin chứng biết cho con, làm con mắt cho con, làm trí tuệ cho con, làm cho con đạt đến sự thù thắng, làm cho con đạt đến chỗ vô cùng. Con ở trước các Ngài, xin

phát lồ sám hối: Hoặc những nghiệp chướng con đã gây ra từ luân hồi vô thủy đến nay, hoặc ngay đời này, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy người làm mà tùy hỷ, và các phiền não chướng, chúng sanh chướng, pháp chướng, chuyển hậu thế chướng, hoặc vừa mới tự làm, hoặc vừa mới bảo người làm, hoặc thấy người vừa mới làm mà vui theo; hoặc tự mình đang làm, hoặc đang bảo người làm, hoặc thấy người đang làm mà vui theo; hoặc tự mình làm xong, hoặc bảo người làm xong, hoặc thấy người làm xong mà vui theo; khi chưa biết Phật, khi chưa biết Pháp, khi chưa biết Tăng, khi chưa biết thiện, khi chưa biết bất thiện; hoặc chạy theo tâm dục sân, si, tán loạn. v. v… mà làm các điều ác; hoặc bị ngủ nghỉ ngăn che hoặc đùa giỡn, hoặc si mê, hoặc dua nịnh quanh co, hoặc không hổ không thẹn, hoặc ngã mạn tự cao tự đại, hoặc khởi oán hiềm, hoặc say sưa, buông lung, hoặc khởi tâm ác làm thân Phật chảy máu, hoặc hủy báng Chánh pháp, phá hòa hiệp Tăng, giết A-la-hán, hoặc giết cha mẹ. Các nghiệp như thế, hoặc tự mình vừa mới làm, hoặc đang làm, hoặc đã làm, hoặc bảo người làm, hoặc thấy làm mà vui theo. Ba nghiệp về thân, bốn nghiệp về miệng, ba nghiệp về ý, đối với chúng sanh khởi các ý ác, hoặc bức ngặt, nhục mạ, trách mắng chúng sanh ba Thừa, nói tội lỗi của họ, rồi giận ghét phỉ báng, hoặc tà dâm, hoặc tà kiến, hoặc vừa mới làm,

hoặc đang làm, hoặc đã làm, tự mình làm, bảo người làm, thấy làm vui theo, hoặc theo lời nói làm trái Giới Luật, hoặc trộm cắp vật trong tháp, hoặc khởi tà kiến, hoặc vừa mới khởi ý, hoặc đang làm, và đã làm, những tội lỗi như thế hoặc tự mình làm, bảo người làm, thấy làm vui theo; hoặc chống trái cha mẹ, hoặc ngăn người xuất gia, hoặc khi có người muốn thọ Giới cụ túc, làm chướng ngại việc may y phục, hoặc làm chướng ngại khi nhập thiền định, hoặc khi chánh niệm, hoặc làm chướng ngại đối với việc lợi dưỡng, danh tiếng, căn lành; các việc như thế, hoặc mới làm, đang làm và đã làm xong, tự làm, bảo người làm, thấy làm vui theo, tất cả các điều ác đã làm ấy, nay ở trước chư Phật Thế Tôn, con xin phát lồ sám hối. Xin Ngài chứng minh cho con, soi sáng cho con, cho con được sáng suốt, cho con sự tốt đẹp, cho con sự cao cả. Nay ở trước chư Phật Thế tôn, con hết lòng phát lồ sám hối, chẳng dám che giấu, vào đời vị lai, không dám làm nữa. Nay tất cả chư Phật Thế Tôn đã thấy, biết xin gia hộ, chứng minh cho con. Những ác nghiệp hiện có mà con đã gây ra khi luân hồi qua lại trong các phiền não sanh tử từ vô thủy, hoặc tự làm, bảo người làm, thấy làm vui theo, những nghiệp như thế phải chịu quả báo xấu, hoặc đang chịu, hoặc sẽ chịu. Những nghiệp như thế, xin chư Phật Thế Tôn chứng tri cho con, như ở trước mắt, cho con được tốt đẹp, cho con sự cao cả. Ở trước chư Phật, chí

tâm sám hối, chẳng dám che giấu, vào đời vị lai, không dám làm nữa. Giống như các đức Như lai Chánh Biến Tri trong quá khứ, khi các Ngài thực hành hạnh Bồ tát đã sám hối nghiệp chướng, phiền não chướng, chúng sanh chướng, pháp chướng, chuyển hậu lai thế chướng như thế nào, thì con cũng sám hối như thế ấy, không dám che giấu, trong đời vị lai không dám làm nữa. Giống như các đức Như lai Chánh Biến Tri ở đời vị lai, khi các ngài thực hành hạnh Bồ tát sám hối nghiệp chướng, phiền não chướng, chúng sanh chướng, pháp chướng, chuyển hậu thế chướng như thế nào thì con cũng xin sám hối các chướng như thế ấy, phát lồ sám hối không dám che giấu; sám hối rồi, sau không dám làm nữa. Như các đức Như lai Chánh Biến Tri hiện đang ở đời trong tất cả các thế giới ở mười phương đang trụ thế, như khi thuở xưa khi các Ngài thực hành hạnh Bồ tát sám hối nghiệp chướng, phiền não chướng, chúng sanh chướng, pháp chướng, chuyển hậu lai thế chướng như thế nào thì hôm nay con cũng xin sám hối nghiệp chướng, phiền não chướng, chúng sanh chướng, chuyển hậu lai thế chướng như thế ấy, không dám che giấu, sau không dám làm nữa. Chư Phật Như lai Chánh Biến Tri ở quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc đã biết, đang biết hoặc sẽ biết như thế . Nay con bị nghiệp chướng ngăn che, phải bị đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, hoặc thế giới Diêm Vương, xa

lìa chỗ có Phật, Pháp, Tăng, đọa vào chốn bức ngặt, khổ não. Những chướng ngại như thế , nay ở trước tất cả chư Phật Thế Tôn, phát lồ sám hối. Xin Phật Thế Tôn chứng tri cho con, cho con tốt đẹp, cho con sự cao cả. Ở trước các Ngài, con chí tâm phát lồ sám hối, không dám che giấu; trong đời vị lai, không dám làm nữa. Bây giờ ở đây, con chí tâm sám hối. Con và chúng sanh nguyện các điều nghiệp chướng đều thanh tịnh. Tất cả các pháp trợ Bồ đề đều thanh tịnh nguyện đều đầy đủ, phát nguyện ba lần như thế. Như chư Phật Như lai Chánh Biến Tri trong quá khứ, các đức Thế Tôn ấy, thuở xưa, khi thực hành sám hối như thế; sám hối như thế rồi, được thanh tịnh vô ngại đối với tất cả các pháp. Hoặc chư Phật Như lai Chánh Biến Tri ở đời vị lai, chư Thế Tôn ấy, cũng sẽ sám hối như thế . sám hối nghiệp chướng với chư Phật trong tất cả các thế giới hiện tại ở mười phương, rồi, đạt được tất cả các pháp thanh tịnh vô ngại. Như lai Chánh Biến Tri hiện đang trụ ở đời, chư Phật Thế Tôn ấy, thuở xưa, khi tu hành cũng đều sám hối nghiệp chướng như thế, đạt được tất cả các pháp thanh tịnh vô ngại.

Này Xá Lợi Phất! Vì vậy cho nên, nếu thiện nam và thiện nữ muốn phát tâm trụ thừa Thanh-văn, thừa Phật Bích Chi, hoặc trụ Đại thừa mà muốn thanh tịnh nghiệp chướng thì phải phát lồ sám hối như thế, không nên che giấu, trong đời vị

lai không được làm nữa.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ muốn xa lìa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nghèo cùng, thấp hèn thì cũng nên phát lồ sám hối như thế, chẳng nên che giấu.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn sanh vào dòng họ lớn như Sát lợi, Bà-la-môn, đại gia Cư sĩ hưởng quả phúc lạc, hoặc muốn sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ Ma, trời Đâu suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thân, trời Phạm phụ, trời Phạm thị, trời Đại phạm, trời Tịnh cư, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Đại thân, trời Tiểu thân, trời Vô lượng thân, trời Quảng quả, trời Vô tưởng, trời Quang âm, trời Vô não, trời Thiện kiến, trời A-ca-ni-tra, trời không Vô biên xứ, trời thức Vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu muốn sanh lên các cõi trời ấy và được hưởng phước quả báo thì cần phải sám hối nghiệp chướng như thế; phát lồ như thế, chẳng nên che giấu, về sau chẳng làm nữa. Vì vậy, này Xá Lợi Phất! Muốn đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Phật Bích Chi đạo, cũng phải phát lồ sám hối như thế, làm trong sạch nghiệp chướng, sau không làm nữa.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn thành tựu Bồ đề Vô Thượng với trí Nhất thiết

chủng trí, là trí không thể xưng kể, vi diệu, thù thắng bậc nhất trong tất cả ba cõi cũng phải phát lồ sám hối như thế , sau không làm nữa; nên biết như thế. Như Lai đã nói là tất cả các pháp do nhân duyên mà có, hoặc có sanh diệt; quá khứ đã chấm dứt, vị lai chưa đến, hiện tại không có thật thể, không có nghiệp chướng, không có nơi chốn của nghiệp chướng; các hành đang diễn biến cũng không có nghiệp chướng. Vì sao? Như Lai thường nói tất cả các pháp là không, không có ngã sở, không có chúng sanh, không có thọ mạng, không có Phước-già-la (chủ thể luân hồi), không có nhân, không có ma na bà (ngã), bản tánh rỗng lặng Vì ý nghĩa như thế nên tất cả các pháp không có nghiệp chướng.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ có khả năng thể nhập các cảnh giới như thế thì đó gọi là cảnh giới thật tế vô ngã, không có cảnh giới ràng buộc, là cảnh giới vô lậu, như vậy là có khả năng làm thanh tịnh các pháp chướng ngại, đắc tịch tĩnh.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá Lợi Phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đó là trụ Đại thừa phát tâm Bồ tát. Các Thiện nam, thiện nữ phải tùy hỷ căn lành của tất cả chúng sanh như thế nào?

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Thiện nam, thiện nữ trụ thừa Bồ tát ấy cần phải, mỗi ngày ba thời mỗi đêm ba thời, rời khỏi

chỗ ngồi, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, nói thế này:" Chúng sanh trong tất cả thế giới, gồm thâu lại, họ có bao nhiêu phước đức, hoặc mới bắt đầu tạo, hoặc đang tạo, hoặc đã tạo rồi, hoặc tự tạo, hoặc bảo người tạo, thấy tạo mà vui theo, hoặc ở bên Phật, hoặc đối với Pháp, hoặc đối với Tăng, hoặc đối với chúng sanh, hoặc làm việc phước bố thí, việc phước trì Giới, hoặc làm các việc phước khác, với các việc làm ấy, hôm nay, con đều tùy hỷ tất cả, vô cùng tùy hỷ. Đó là việc làm tối đại, tối diệu, tối cực, tối tịnh, vô đẳng, vô đẳng đẳng, Vô thượng, Vô thượng thượng, được chư Phật chấp thuận. Nay con xin tùy hỷ như thế. Chư Phật Như Lai Chánh Biến Tri trong quá khứ, từ khi mới phát tâm cho đến lúc nhập Niết bàn Vô dư, trong khoảng thời gian ấy, có bao nhiêu phước, con nay đều xin tùy hỷ. Chư Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ có trong các thế giới ở mười phương vào đời vị lai, từ khi mới phát tâm tu hành sáu Ba-la-mật có bao nhiêu phước, với tất cả phước đó, nay con đều xin tùy hỷ như thế, cho đến tùy hỷ như chư Phật tùy hỷ. Lại nữa chư Như Lai Ứng Chánh Biến Tri hiện tại ở trong tất cả các thế giới mười phương từ khi mới phát tâm tới khi đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, cho đến lúc nhập Niết bàn Vô dư, trong khoảng thời gian ấy, có bao nhiêu phước, nay con đều tùy hỷ như thế, vô cùng tùy hỷ. Cho đến như chư Phật tùy hỷ, con

cũng tùy hỷ như thế.

Này Xá Lợi Phất! Theo ý Thầy thì sao? Phước của sự tùy hỷ như thế được bao nhiêu công đức, có lợi ích lớn chăng? Này Xá Lợi Phất! Như chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh hiện tại đang ở trong ba ngàn đại thiên thế giới này, tất cả đều thành A-la-hán, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cung kính cúng dường phụng sự họ, cung cấp y phục, thực phẩm, thuốc thang, giường tòa. v. v… cho đến khi qua đời thì người ấy được phước có nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Đức Phật dạy:

- Này Xá Lợi Phất! Hơn nữa, ngoài các chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới lại có các chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh trong các thế giới nhiều như cát sông hằng ở phương đông đều đắc thành A-la-hán, nếu có thiện nam, thiện nữ trọn đời cúng dường cung cấp đủ các thứ như thế cho đến thuốc thang, này Xá Lợi Phất, theo ý Thầy thì sao? Người kia được phước có nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều!

Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Như thế, các chúng sanh và quyến thuộc chúng sanh trong thế giới nhiều như cát sông hằng

ở phương nam, phương tây, phương bắc, bốn phía, trên dưới đều thành A-la-hán, nếu có thiện nam, thiện nữ trọn đời cúng dường, phụng sự, cung cấp các thứ cho đến y phục, thuốc thang. v. v…, thì họ được phước nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Không thể nghĩ bàn, không biết được giới hạn.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Nếu các thiện nam, thiện nữ trụ nơi Đại thừa, phát tâm Bồ tát, có chánh tín, không dua nịnh, quanh co, phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, lại luôn tùy hỷ việc tùy hỷ như thế, này Xá Lợi Phất, phước đức của người cúng dường trước so với phước của người này không bằng một phần trăm, một phần ngàn, phần trăm ngàn, phần ức, phần trăm ức cho đến tính toán thí dụ cũng không biết được dù chỉ một phần nhỏ.

Này Xá Lợi Phất! Các Bồ tát vì luôn tùy hỷ đầy đủ như thế nên có thể mau thành Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam, thiện nữ trụ Đại thừa lại luôn tùy hỷ sự tùy hỷ như thế thì sẽ được vô lượng vô biên phước đức lớn như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có người nữ chán ghét thân nữ muốn cầu thân nam, và muốn thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì cũng nên

tùy hỷ sự tùy hỷ như thế .

Bấy giờ, Xá Lợi Phất lại bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn giảng nói rõ cho con về phước đức đạt được của việc hòa hợp khuyến thỉnh, làm lợi ích an lạc cho chư thiên và loài người, cũng hộ trì các căn lành lớn cho chư Bồ tát ở đời hiện tại và vị lai.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Lành thay! Lành thay! Này Xá Lợi Phất! Thầy vì muốn có nhiều lợi ích an lạc cho trời người nên mới hỏi Như Lai về ý nghĩa này Này Xá Lợi Phất! Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ vì Thầy mà nói.

Xá Lợi Phất thưa:

- Lành thay, Thế Tôn! Con rất mong muốn được nghe. Xin ngài giảng nói.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ trụ Đại thừa thì ban ngày ba thời và ban đêm ba thời phải rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, nói: "Chư Phật Thế Tôn xin nhớ nghĩ đến con. Chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hiện đang ở trong tất cả các thế giới ở mười phương đã chứng Bồ đề, muốn chuyển Pháp luân, nay con đều khuyến thỉnh chư Phật Thế Tôn ấy, xin các ngài đều chuyển Pháp luân Vô thượng, vì thương xót muốn an lạc lợi ích cho chư thiên và

loài người. " Nói như vậy ba lần. Rồi lại nói: "Nay con khuyến thỉnh chư Phật Thế Tôn, xin các ngài vì con mà chuyển Pháp luân Vô thượng. Cúi xin chư Phật Thế Tôn ban cho pháp thí. Xin Phật Thế Tôn thiết lập pháp hội. Xin chư Phật Thế Tôn tuôn mưa pháp lớn. Xin chư Phật Thế Tôn thắp đuốc pháp lớn. Xin chư Phật Thế Tôn đánh trống pháp lớn. Xin chư Phật Thế Tôn khởi âm nhạc pháp. Xin chư Phật Thế Tôn thổi pháp loa lớn. Xin chư Phật Thế Tôn dựng cờ pháp. Xin chư Phật Thế Tôn dùng pháp làm cho tất cả chúng sanh được đầy đủ, khiến các chúng sanh dùng pháp tự làm nhiều điều lợi ích an lạc cho thế gian, thương nghĩ đến tất cả chư thiên, loài người.

Lại nữa, này Xá Lợi Phất! Nếu Thiện nam, thiện nữ muốn thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng thì ban ngày ba thời, ban đêm ba thời, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, nghĩ: "Tất cả chư Phật Thế Tôn hiện đang ở trong tất cả thế giới ở mười phương, hiện còn tại thế , hoặc đứng, hoặc đi, con luôn nhớ nghĩ kính lễ", và nói: "Chư Phật Thế Tôn hiện tại đang ở các thế giới khắp mười phương muốn xả tuổi thọ, nhập Niết bàn thì con đều khuyến thỉnh chư Phật Thế Tôn ấy đừng nhập Niết bàn, sống lâu ở đời với số kiếp không thể nghĩ bàn, chẳng thể nói, không có hạn lượng, không thể nói số kiếp, vì nhiều lợi ích an lạc cho chư thiên và loài người, có thể chịu đựng trụ

lâu không khiến cho thân tâm có sự mệt mỏi. Ba lần thưa thỉnh chư Phật Thế Tôn trụ lâu ở đời như vậy, trải qua vô lượng kiếp làm lợi ích an lạc tất cả chư thiên, loài người ở thế gian mà có thể chịu đựng trụ lâu không để cho thân tâm có sự mệt mỏi. Như vậy, ba lần thưa thỉnh chư Phật Thế Tôn trụ thế lâu dài trong vô lượng kiếp làm lợi ích an lạc cho tất cả trời người trong thế gian, có thể chịu đựng trụ lâu dài, đừng để cho thân tâm có sự mệt mỏi. Căn lành do sự khuyến thỉnh ấy, nên hồi hướng về quả vị giác ngộ cao tột.

Này Xá Lợi Phất! Thầy nên quán sát việc khuyến thỉnh hồi hướng được bao nhiêu phước? Này xá Lợi Phất! Theo ý Thầy thì sao? Nếu ba ngàn đại thiên trong thế giới đem bảy báu đầy, cúng dường Chư Như Lai, thì được phước có nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Chẳng phải do suy lường mà có thể biết được.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Ngoài số bảy báu đầy cả trong ba ngàn đại thiên thế giới này ra, số bảy báu đầy trong các thế giới ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía, trên dưới, đều đem cúng dường chư Phật Như Lai thì phước đạt được có nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, chẳng thể suy lường mà có thể đạt được giới hạn.

- Này Xá Lợi Phất! Thầy nên quán xét , nếu thiện nam, thiện nữ chánh tín, không dua nịnh thì có thể phát tâm Bồ đề Vô thượng và như vậy có thể khuyến thỉnh chư Phật chuyển Pháp luân.

Này Xá Lợi Phất! Phước đức trước so với phước đức này không bằng một phần trăm, phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể kịp.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ phát tâm Bồ đề có thể khuyến thỉnh hồi hướng như thế, hòa hợp với căn lành đầy đủ thì sẽ mau thành tựu Bồ đề Vô thượng.

Này Xá Lợi Phất! Xưa kia, khi ta tu hành hạnh Bồ tát cũng thường khuyến thỉnh chư Phật chuyển Pháp luân và trụ ở đời lâu dài như thế. Vì ta khuyến thỉnh chư Phật chuyển Pháp luân như thế , do năng lực nhân duyên căn lành ấy nên hôm nay thiên vương Đế Thích, chư Pha- m Vương. v. v… cung kính chấp tay khuyến thỉnh ta chuyển Pháp luân, : "Cúi xin Thế Tôn xót thương, làm lợi ích an lạc cho tất cả chư thiên, loài người trong thế gian mà chuyển Pháp luân".

Này Xá Lợi Phất! Thuở xưa, khi tu hành hạnh Bồ tát, ta khuyến thỉnh chư Phật trụ thế lâu dài để chuyển Pháp luân. Nay Ta đắc thân lực, tứ Vô úy,

tứ Vô ngại biện, đại từ, đại bi, mười tám pháp Bất cộng. Sau khi ta nhập Niết bàn Chánh pháp sẽ tồn tại năm trăm năm, tượng pháp cũng tồn tại năm trăm năm.

Bấy giờ, Xá Lợi Phất bạch Phật:

Bạch Đại đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ trụ đại thừa ấy đối với quả vị giác ngộ cao tột hồi hướng như thế nào?

Đức Phật bảo Trưởng lão Xá Lợi Phất:

Này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ trụ Đại thừa ấy ban ngày ba thời và ban đêm ba thời, rời chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, chân phải quỳ sát đất, chấp tay, nói: "Từ vô thỉ luân hồi trong sanh tử đến ngày, con có bao nhiêu phước, hoặc tự tạo, bảo người tạo, thấy tạo vui theo, hoặc đối với Tam bảo con đã tu được bao nhiêu phước đức, hoặc tu bố thí, hoặc trì Giới, các việc phước đức, hoặc cùng làm các việc phước đức, hoặc suy nghĩ về việc làm việc phước đức cho đến việc sám hối, tùy hỷ, khuyến thỉnh. v. v… Ngày nay, tất cả đều hợp lại để hồi hướng, ban cho tất cả các chúng sanh, như chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri quá khứ, thuở xưa, khi tu hành hạnh Bồ tát dùng các căn lành hồi hướng Nhất thiết trí, con nay cũng hồi hướng như vậy, dùng các căn lành hồi hướng Bồ đề Vô thượng. Các đức Như Lai Đẳng Chánh Biến Tri ở đời vị lai, giống như khi các Ngài

đang tu hành hạnh Bồ tát sẽ dùng các căn lành sẽ hồi hướng Nhất thiết trí, con nay cũng hồi hướng như thế. Dùng các căn lành này đều hồi hướng Bồ đề Vô thượng. Chư Phật Như Lai Chánh Biến Tri hiện tại trong các thế giới ở mười phương, hiện còn ở đời, tu hành tự tại. Như thuở xưa, khi các Ngài tu hành hạnh Bồ tát, dùng các căn lành, hồi hướng Bồ đề Vô thượng, con nay cũng như vậy, dùng các căn lành hồi hướng Bồ đề Vô thượng. Như đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ngồi nơi đạo tràng dưới cây Bồ đề dùng trí ấn chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể suy lường rộng lớn thanh tịnh như thế trụ trong Tam muội Phật, nhất niệm luôn hòa hợp tương ưng với trí tuệ, hàng phục ma quân, Ba tuần thối lui. Sau đêm đó, khi minh tướng xuất hiện, ứng hợp với sở tri kiến, liền thành Chánh giác; sau khi đắc Chánh giác, đến vườn Lộc Giả xứ Ba la nại chuyển Pháp luân bốn đế Vô thượng, hoặc vì Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm và người thế gian, không thể suy lường được, Ngài đốt đuốc pháp, đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng cờ pháp, tuôn mưa pháp, dùng pháp làm thấm nhuận hết tất cả chúng sanh, thương yêu làm lợi ích an lạc cho chư thiên và loài người.

Cũng như các Như Lai A Súc, Phật A Di Đà, Phật Sư Tử, Phật Bách Diệm, Phật Phóng Diệm, Phật Xí Thạnh Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật

Mông Ân Quang, Phật Đăng Vương, Phật Tối Thượng, Phật Liên Hoa Thượng, Phật Khai Phu, Đức Phật bảo Nguyệt, Đức Phật bảo Diệm, Phật Vô Ngại Quang, Phật Di Lưu Tràng, Phật Thật Tướng, Phật Đại Diệm Tụ, Đức Phật bảo Tràng, Phật Nhơn Đà La Tràng, Đức Phật bảo Trục, Phật Chiên Đàn Hương, Phật Quyết Định Diệm Ba Đầu Ma Liên Hoa Xí Thạnh Thân, Phật Vô Lượng Danh Xưng Công Đức Quang Minh, như đức Di Lưu Cô Tri Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chứng Phật Bồ đề Vô thượng như thế rồi, Chuyển Pháp luân Vô thượng bậc nhất, con cũng như vậy, nguyện sẽ chuyển Pháp luân Vô thượng, nguyện dùng pháp để bố thí cho tất cả chúng sanh được đầy đủ thoải mái, vì muốn lợi ích, an lạc cho chư thiên, loài người trong thế gian nên mới làm lợi ích.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có người được nghe Đạo bậc nhất đã thuyết giảng này và khi nghe xong, tin nhận, theo lời dạy mà thực hành thì người ấy sẽ được vô lượng phước.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe ba tụ pháp căn bản như thế, thọ trì, đọc tụng, hiểu rõ nghĩa lý, giảng nói cho mọi người thì người ấy sẽ được nhiều phước đức chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể suy lường.

Này Xá Lợi Phất! Thầy nên quán sát phước đức thần thông vô lượng như vậy. Này Xá Lợi Phất!

Theo ý Thầy thì sao? Ở ba ngàn đại thiên thế giới này có chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh, đều khiến họ được thân người, được thân người rồi, thành Phật Bích Chi. Nếu thiện nam, thiện nữ trọn đời cúng dường thức ăn, y phục, giường nằm, thuốc thang. . . cho những vị ấy và sau khi các vị ấy nhập Niết bàn, dựng tháp Xá Lợi cao mười do tuần, ngang dọc bằng nhau đủ bảy do tuần, trang nghiêm, đẹp đẽ khang trang, vừa ý, dùng các vật báu như vàng bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, mã não, hỗ phách để xây dựng. Lại cúng dường các tháp ấy bằng âm nhạc trời, rải các tràng hoa, đốt hương, xoa hương, dựng cờ, phướn, lộng bằng lụa để cúng dường, thì phước mà họ đạt được có nhiều không?

Xá Lợi Phất thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Chẳng thể do nghĩ bàn mà biết được.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Ngoài các chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới ra, lại còn có các chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng ở phương Đông, các chúng sanh và quyến thuộc của chúng sanh ở phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới và bốn hướng trong các thế giới như thế đều làm cho họ được thân người; được thân người rồi, chứng

Phật Bích Chi, nếu thiện nam, thiện nữ trọn đời cúng dường phụng sự y phục, thực phẩm, thuốc thang, giường nằm, cung cấp cúng dường đủ các loại, thì phước mà họ được có nhiều chăng?

Xá Lợi Phất thưa:- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Chẳng thể do nghĩ bàn mà biết được.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:- Nếu thiện nam, thiện nữ có đầy đủ chánh tín, không dua nịnh quanh co, phát tâm Bồ đề Vô thượng, có thể theo sự hồi hướng này mà hồi hướng, thì này Xá Lợi Phất, phước đức trước so với phước đức này, không bằng một phần trăm, phần ngàn, trăm ngàn, cho đến tính đếm, thí dụ cũng không thể biết được.

Bấy giờ, trong chúng có mười ngàn người, rời khỏi chỗ ngồi, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, bạch Phật:

- Bạch Đại đức Thế Tôn! Chúng con cũng muốn thành Bồ đề Vô thượng như chư Phật. Vì sao? Bạch Đại đức Thế Tôn! Vì chúng con nghe Kinh pháp như thế nên khởi tâm ưa mến sâu xa. Bạch Đại đức Thế Tôn! Chúng con chí tâm dốc cầu Bồ đề Vô thượng.

Khi ấy, Thiên vương Đế Thích và sáu vạn tám ngàn các chúng trời quyến thuộc vây quanh, dùng các hoa Mạn-đà-la, bột hương Chiên- đàn, diêm phù kim túc, hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-mâu- đầu, hoa Phân-đà-lợi cúng dường Phật

và rải trên chỗ đã nói ba pháp căn bản này. Rải ba lần rồi bạch Phật:

- Hy hữu thay, Thế Tôn! Đến đây, ba pháp căn bản này rất nhiều lợi ích, vì các hàng đại Bồ tát sẽ làm thanh tịnh tất cả các nghiệp chướng, sẽ khiến cho họ trực ngộ tất cả các pháp lành, thành tựu đầy đủ.

Đức Phật bảo Đế Thích:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này Kiều Thi Ca! Ta nay nói ba pháp căn bản này là vì các đại Bồ tát mà làm nhiều việc lợi ích, vì đối với tất cả các pháp thanh tịnh, không có chướng ngại nên được thành tựu; vì sẽ được trực ngộ tất cả pháp lành nên đều được thành tựu. Này Kiều Thi Ca! Ta nhớ vô số kiếp thuở xưa, và lâu hơn số ấy, chẳng thể suy lường, khi ấy có vị Phật xuất hiện ở đời, hiệu là Đại Diệm Tụ Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Này Kiều Thi Ca! Như Lai Đại Diệm Tụ ấy sống lâu sáu vạn tám ngàn ức tuổi, chúng hội đầu tiên có một trăm ngàn chúng Thanh-văn; hội thứ hai có chín mươi chín ức chúng Thanh-văn, hội thứ ba có chín mươi tám ức chúng Thanh-văn. Này Kiều Thi Ca! Như Lai Đại Diệm Tụ vì chư thiên

, loài người làm việc lợi ích lớn. Bấy giờ, trong

chúng có một người nữ tên là Tôn Thân đang ngồi trong hội, theo Như Lai Đại Diệm Tụ nghe ba pháp căn bản này, tin thọ đọc tụng, giảng nói cho mọi người, theo như lời dạy mà tu hành, phát tâm Bồ đề Vô thượng. Cô ta nghe pháp này liền chuyển thân nữ thành thân nam, thường được sanh trong cõi trời, cõi người, lưu chuyển qua lại, được thọ thân Chuyển Luân Vương tám vạn bốn ngàn lần. Hiện nay vị ấy trụ ở phương đông, cách cõi Phật này hơn ức trăm ngàn các cõi Phật, hiện đang thành Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, hiệu là Bảo Diệm Tụ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Này Kiều Thi Ca! Nếu khi có chúng sanh sắp qua đời, nghe danh hiệu của Như Lai Bảo Diệm Tụ và có thể nhớ nghĩ đến Ngài thì kẽ ấy không bị thọ thân nữ nữa. Vì sao? Vì Như Lai Bảo Diệm Tụ, thuở xưa, khi tu hành hạnh Bồ tát đã phát nguyện: "Nếu có người nữ nào khi sắp qua đời, được nghe danh hiệu Ta mà có thể nhớ nghĩ thì sẽ không thọ thân nữ nữa". Này Kiều Thi Ca! Ba pháp căn bản này có công năng làm nhiều lợi ích như vậy, nên Ta vì các đại Bồ tát sẽ làm thanh tịnh tất cả các nghiệp chướng ngại của tất cả các pháp, một cách trọn vẹn, sẽ được trực ngộ tất cả các pháp lành, thành tựu đầy đủ.

Khi Đức Phật giảng nói Kinh này, Đế Thích Thiên Chủ, Trưởng lão Xá Lợi Phất cùng các Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Người, Phi nhân. v.

v… nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 1494

KINH TỊNH NGHIỆP CHƯỚNG

Hán dịch: Mất tên người dịch
(xếp vào mục lục đời Tần)

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại vườn cây Am La thuộc thành Tỳ Xá Ly cùng với chúng Đại Tỳ Kheo năm trăm người, và ba vạn hai ngàn vị Đại Bồ Tát, tên các vị là: Bồ tát Hoại Ma, Bồ tát Thần Thông Du Hý Quang Diệm, Bồ tát Liên Hoa Thân, Bồ tát Phóng Quang Vương, Bồ tát Thường Điều Thân, Bồ tát Mãn Chúng Nguyện, Bồ tát Bảo Trang Nghiêm Kiên Ý, Bồ tát Tạp Hoa Nhãn, Bồ tát Tịnh Âm Thanh Vương, Bồ tát Quang Chiếu Minh, Bồ tát Diệu Chơn Kim, Bồ tát Hàng Phục Nhất Thiết Chư Căn Cảnh Giới, Bồ tát Đại Lôi Âm, Bồ tát Như Ý Quang Tích. Ba vạn hai ngàn Bồ Tát như thế, pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi là bậc đứng đầu.

Bấy giờ, có một Tỳ Kheo tên là Vô Cấu Quang vào thành Tỳ Xá Ly, theo thứ lớp khất thực, vì không biết nên vào nhà dâm nữ. Khi Vô Cấu Quang vào nhà ấy rồi, lúc đó dâm nữ khởi tâm nhiễm ô với Vô Cấu Quang, nghĩ: "Nay ta quyết

hành dục với Tỳ Kheo này. Nếu không theo ta, ta sẽ tự vẫn. " Nghĩ như thế rồi, cô ấy liền đóng cửa, nói với Tỳ Kheo:

- Xin Tôn giả cùng tôi hành dục. Nếu không theo ý tôi, tôi nhất định sẽ chết.

Vô Cấu Quang nói với dâm nữ:

- Xin cô hãy dừng lại! Tôi không thể phạm việc này. Vì sao? Vì giới luật Phật đã chế, tôi phải phụng hành, thà bỏ thân mạng chứ không phá giới này.

Dâm nữ lại nghĩ: "Nay ta phải dùng chú thuật, linh dược làm cho Tỳ Kheo này hành dục với ta ", rồi nói với Tỳ Kheo:

- Nay tôi không thể làm cho Thầy thối chuyển, phạm vào giới cấm, chỉ xin Thầy nhận thức ăn do tôi cúng dường.

Nói rồi, cô ta vào nhà trong, đọc chú vào thức ăn rồi bỏ vào bát của Tỳ-kheo. Do sức chú thuật, nên khiến Tỳ-kheo này mất chánh niệm, khởi tâm dục, càng lúc càng mạnh. Khi ấy, dâm nữ thấy sắc mặt Tỳ-kheo này biến đổi, liền đến nắm tay đi cùng hành dục.

Sau khi Tỳ-kheo và dâm nữ kia cùng nhau hành dục, Tỳ-kheo mang thức ăn khất thực về lại tinh xá. Đến tinh xá, vị ấy lo buồn, hối hận, toàn thân nóng bức ray rức, than: " Chao ôi! Vì sao ta phá đại giới về thân! Nay ta không xứng đáng thọ nhận

của tín thí. Ta đã là người phá giới, sẽ bị đọa vào địa ngục!"

Lúc ấy, Vô Cấu Quang đến chỗ các Tỳ-kheo đồng phạm hạnh, nói:

- Tôi đã phá giới, chẳng phải là Sa môn, chắc chắn bị đọa vào địa ngục!

Các Tỳ-kheo hỏi Vô Cấu Quang:

- Do nhân duyên gì mà phá giới này?

Tỳ-kheo Vô Cấu thuật lại đầy đủ sự việc trên. Các đồng học nói với Vô Cấu:

- Nhơn giả nên biết! Ở đây có Đại Bồ tát tên là Văn Thù Sư Lợi đã đắc Pháp nhẫn vô sanh, có khả năng khéo trừ diệt tội phá giới, cũng khiến cho chúng sanh không còn bị sự ràng buộc, sự ngăn che. Nay tôi cùng thầy hãy đến chỗ Đại Bồ tát Văn Thù để trừ mối lo cho Thầy.

Khi ấy, Vô Cấu Quang vẫn chưa thọ thực, cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi. Đến nơi, thăm hỏi, cung kính cúng dường, và đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Văn Thù Sư Lợi.

Văn Thù Sư Lợi nói với Vô Cấu Quang:

- Bây giờ, Thầy thọ thực đi! Rồi sẽ cùng tôi đến chỗ Như Lai thưa hỏi việc này. Phật dạy thế nào thì sẽ cùng thọ trì.

Tỳ-kheo ấy thọ thực xong, cùng Văn Thù Sư Lợi đi đến chỗ Phật.

Đến nơi, đảnh lễ chân Phật, ngồi lui một bên.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Vô Cấu Quang, lòng luôn sợ sệt chẳng dám hỏi Phật.

Văn Thù Sư Lợi chỉnh đốn y phục, rời chỗ ngồi, sửa áo bày vai phải, gối phải chấm đất, chấp tay hướng về Phật, đem sự việc ấy thưa đầy đủ với Thế Tôn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Vô Cấu Quang:

- Ông có tâm dục muốn phạm giới dâm chăng? Đáp: - Thưa không!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Ông vốn vô tâm thì tại sao lại phạm? Tỳ-kheo đáp: - Sau đó con mới khởi tâm dục.

- Này Tỳ-kheo! Như vậy là tâm phạm dục chăng? Đáp: - Đúng vậy!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Ta chẳng phải đã nói là tâm cấu uế nên chúng sanh cấu uế, tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh chăng?

Đáp: - Đúng vậy!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Theo ý ông thì sao? Khi ông thọ dục ở trong mộng thì tâm biết chăng?

Đáp: - Dạ biết!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Ông vừa phạm dục, chẳng phải do tâm mà biết sao?

Đáp: - Dạ, đúng vậy!

Đức Phật bảo: - Này Tỳ-kheo! Nếu như thế thì lúc tỉnh và khi mộng, phạm dục có gì sai khác?

Tỳ-kheo đáp: - Tỉnh hay mộng thì phạm dục đều không sai khác.

Phật dạy: - Theo ý ông thì sao? Trước đây, chẳng phải Ta đã nói tất cả các pháp đều như mộng chăng?

Đáp: - Dạ, đúng vậy!

Phật dạy: - Theo ý ông thì sao? Trong mộng, các pháp là thật chăng?

Đáp: Dạ, không thật! Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Theo ý ông thì sao? Hai tâm tỉnh và mộng đều chân thật chăng?

- Bạch Thế Tôn: Không!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Nếu chẳng phải chơn thật thì có pháp chăng?

- Bạch Thế Tôn: Không!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Theo ý ông thì sao? Pháp không thật có thì sanh chăng?

- Bạch Thế Tôn: Không!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Nếu là pháp không có sanh thì có diệt, có ràng buộc, có giải thoát chăng?

- Bạch Thế Tôn: Không!

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Theo ý ông thì sao? Pháp không sanh sẽ bị đọa trong địa ngục A tỳ, ngạ quỷ, súc sanh chăng?

Đáp: - Bạch Thế Tôn! Pháp vô sanh còn không thật có, mà lại có sự đọa vào ba đường ác sao?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Tất cả các pháp, bản tánh thanh tịnh. Nhưng các phàm phu ngu si vô trí, đối với pháp Không, không biết như thế, nên vọng tưởng sanh khởi phân biệt. Vì phân biệt nên đọa vào ba đường ác.

Phật lại bảo Tỳ-kheo:

- Các pháp không thật nhưng hiện ra đủ các việc phải làm, vì đắm nhiễm tham dục, sân nhuế, ngu si, vì phàm phu phân biệt các pháp, chẳng biết như thế, nên chẳng phải là chân thật.

Phật lại bảo Tỳ-kheo:

- Các pháp hư vọng giống như dợn nắng, các pháp như mộng, bản tánh tự nhiên, vì vốn thanh tịnh. Các pháp rốt ráo đều như ánh trăng đáy nước, như bong bóng nước, như bọt nước… Các pháp tĩnh lặng không có các lỗi lầm, tai họa sanh già bệnh chết. Các pháp không thể nắm bắt, chẳng phải là sắc pháp, nên chẳng thể thấy. Các pháp không nhóm tụ, giống như hư không. Các pháp không tánh vì vượt các tánh. Các pháp sâu xa vì vượt hư không. Các pháp rộng lớn vì không xứ sở. Pháp không tạo tác vì vắng lặng rốt ráo. Pháp không chỗ nương vì cảnh giới trống không. Pháp không cội gốc vì rốt ráo rỗng không. Pháp lìa ràng buộc, ngăn che vì phiền não kiết sử không thể nắm giữ. Pháp lìa tánh bừng cháy vì không sanh. Pháp không chướng ngại vì bản tánh thanh tịnh. Các pháp

không quả báo vì như hình bóng. Các pháp như huyễn vì không như như. Pháp không chỗ nương vì vọng tưởng phân biệt. Các pháp lưu chuyển mà chúng sanh chấp thủ trước các bên. Các pháp chẳng khởi nên các duyên tánh, tướng trái nhau. Pháp không ái nhiễm vì không lệ thuộc. Pháp không ô uế vì tất cả kiết sử không thể giữ lấy. Các pháp không dơ sạch vì vượt hư không. Pháp không có tướng vi tế vì tướng vắng lặng. Các pháp điều nhu vì tánh không sanh. Các pháp như như, vì đầu, giữa, sau không sai khác. Các pháp giải thoát vì không có phụ thuộc tướng. Các pháp không nghe vì như ngói gạch. Các pháp chẳng phải sắc vì như hư không. Các pháp bình đẳng vì không chứa nhóm. Các pháp chẳng thể nắm bắt vì giống như hư không chẳng thể cầm lấy. Các pháp không thể đạt được, người trí tìm cầu chẳng thể thủ đắc. Pháp không loạn động vì ba đời thanh tịnh. Pháp không ràng buộc vì phá trừ tối tăm. Pháp không gai góc vì lìa ràng buộc. Các pháp an ổn vì như Niết bàn. Pháp không sợ hãi vì vượt trên sợ hãi. Pháp không có bờ kia vì không không có bờ này. Các pháp không số lượng vì vượt trên tính toán. Các pháp không có tướng vì tướng nó là không. Các pháp không tạo tác vì đoạn trừ các nguyện. Các pháp không có hành vì hành hư dối. Pháp không hý luận vì diệt trừ giác quán. Pháp không nhà cửa vì lìa chỗ ở. Pháp không ô trược vì thường thanh tịnh. Pháp

đồng Niết Bàn vì sanh chẳng thể nắm bắt, rỗng lặng không có gì.

Này Tỳ-kheo! Nên biết, Các pháp như thế chẳng thể giảng nói. Vì thế, thuở xưa ta ngồi đạo tràng chứng đắc pháp không chứng đắc, không có một pháp nào có xuất hiện, có mất đi, có ràng buộc, có giải thoát, cũng không có pháp nào có chướng nạn, có trói buộc, có lo âu, có hối hận. Vì sao? Vì các pháp thanh tịnh không nhơ uế.

Bấy giờ, Vô Cấu Quang nghe Phật thuyết pháp như thế, vô cùng phấn khởi, buồn vui lẫn lộn, liền rơi lệ, chấp tay, nhất tâm chiêm ngưỡng Phật, nói kệ:

Vui thay Thế Tôn công đức lớn
Chư thiên loài người đều qui ngưỡng
Biết rõ tất cả hạnh thù thắng
Cúi lạy Đấng đoạn trừ các khổ.
Người không chỗ nương, làm chỗ nương
Không người dẫn đường, làm người dẫn
Trú nơi chơn Đạo thường thanh tịnh
Kính lễ Thế Tôn oai đức lớn.
Vì đời đen tối, làm đèn sáng
Vì người đui mù, làm mắt sáng
Độ thoát người đắm sâu hư vọng
Kính lễ Đấng dũng mãnh, tinh tấn.
Đã lìa ô nhiễm, không sân hận
Đối với ràng buộc, được giải thoát

Mở trói oán thân, bình đẳng hết Kính lễ
Đấng công đức chân thật.
Khô cạn khát ái và ngu si
Phá tan các hữu trừ các khổ
Sanh tử luân hồi, nay đã dứt
Kính lễ Đại Lực Vô Thượng Thừa.
Đối với phân biệt, không chấp thủ
Diệu trí giải thoát, khó nghĩ bàn
Tối thắng ba cõi, lìa các cấu
Kính lễ Đấng vô cấu thanh tịnh.
Con nay quyết cầu đạo như thế
Sẽ thoát khỏi khổ không chỗ nương
Xin khiến cho con được Thừa ấy
Không theo Tiểu Thừa diệt các lậu.
Ức-na-do tha vô lượng kiếp
Thường chịu các khổ không bỏ Đạo
Như trăng tròn hiện rõ các sao
Con quán Như lai cũng như vậy.
Thí như có người vào biển lớn
Ý người thấp kém cầu thủy tinh
Tuy gặp vô lượng khối châu báu
Bỏ hết chỉ nhặt thứ vô dụng.
Như người nghe Phật lực vô lượng
Chẳng khởi ý nghĩ "Ta sẽ đắc"
Việc làm rộng lớn của Đại thừa
Nên bỏ Bồ đề chứng Thanh văn.
Thí như có người thấy nhà vua
Cùng thấy quần thần đang vây quanh

Chẳng cầu ngôi vua, mong làm quan
Nên biết chí ấy chẳng phải tuệ.
Như người nghe Phật công đức lớn
Những việc làm trí tuệ thù thắng
Nhưng lại rất ưa thích Tiểu thừa
Đó là tâm thấp kém, biếng nhác.
Chúng sanh chẳng nên ham Tiểu thừa
Vì như lửa đốm trong đêm tối
Nên mong mặt trời chiếu khắp nơi
Phá tan tất cả màn đen tối.
Phật có vô lượng uy danh lớn
Biết rõ trời người, các đường ác
Hào quang vi diệu là hơn hết
Soi sáng thế gian trừ tối tăm.
Như sư tử ở với dã can
Tâm chỉ ưa thích dã can thôi
Bỏ mất việc sư tử phải làm
Lại theo cách làm của dã can.
Như có Đại nhân ở Thanh văn
Giống sư tử ở với dã can
Ham thích pháp nhỏ cho là đủ
Nên biết họ thực hành Tiểu thừa.
Nếu người muốn cầu đạo Đại thừa
Cần phải thường phát tâm như vầy:
Lợi ích thế gian đoạn các khổ
Chẳng nên đồng hạng với Thanh văn.

Bấy giờ, Chúng hội nghe Vô Cấu Quang nói kệ rồi, bốn vạn hai ngàn thiên tử phát tâm Chánh đẳng

Chánh giác Vô thượng, liền rải hoa Đại-mạn-đà-la, hoa câu-mậu-đà. v. v… cúng dường Thế Tôn, Văn Thù Sư Lợi, khen ngợi Vô Cấu Quang: " Hay thay! Hay thay! Vô Cấu, Tôn giả có thể báo ơn Phật, đối với đạo Bồ đề, có nhiều lợi ích. "

Bấy giờ, Thế Tôn liền mỉm cười. Thường pháp của chư Phật khi Ngài mỉm cười thì có hào quang năm màu từ miệng phóng ra: Đó là màu pha lê, xanh, vàng, đỏ, trắng và hồng, chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, trên đến Phạm Thế che mờ ánh sáng mặt trời, mặt trăng, rồi trở về chỗ Phật vòng quanh ba vòng rồi nhập vào đỉnh đầu. Bấy giờ, A-nan liền rời chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, sửa áo bày vai phải, gối phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà ngài mỉm cười? Chư Phật Thế Tôn không bao giờ mỉm cười mà không có nhân duyên.

Đức Phật bảo A-nan:

- Tỳ kheo Vô Cấu Quang này có trí tuệ sâu rộng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay ta sẽ thọ ký quả vị Bồ Đề Vô Thượng cho ông ấy.

Đức Phật bảo A-nan:

- Tỳ kheo Vô Cấu Quang này vào đời vị lai, ở chỗ Phật Di Lặc đạt Nhẫn vô sanh, cũng sẽ cúng dường một ngàn vị Phật trong Hiền kiếp. Sau thời

gian ấy, lại trải qua mười kiếp cúng dường hai mươi ức chư Phật rồi, đắc thành quả Phật, hiệu là Công Đức Liên Hoa Tối Thắng Diệu Hạnh Sư Tử Lôi Âm Như Lai.

Ngài lại bảo A-nan:

- Công Đức Liên Hoa Tối Thắng Diệu Hạnh Sư Tử Lôi Âm Như Lai Ứng Chánh Biến Tri có cõi Phật tên là Vô Lượng Âm, do bảy báu tạo thành, không có đệ tử Duyên giác, Thanh văn, chỉ toàn các Bồ tát. Phật ở thế giới ấy thường chuyển Pháp luân bình đẳng bất thối.

Này A-nan! Vô Cấu Quang sẽ mau đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng . Vì sao? Vì ở trên một cõi Phật tốt đẹp thanh tịnh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo A-nan:

- Thí như nơi có ánh sáng mặt trời chiếu đến sẽ phá tan các tối tăm. Như vậy, này A nan, nếu ở đâu có chúng sanh được nghe Kinh này thì nên biết, chỗ ấy có ánh sáng chiếu đến, có thể khiến cho chúng sanh đối với tất cả các pháp đạt được sự không chướng ngại.

Bấy giờ, A-nan bước tới trước, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là chúng sanh đối với tất cả pháp được không chướng ngại?

Phật dạy:

- Thôi, thôi! A-nan! Cần gì phải hỏi điều đó. Vì việc đó mà Như lai nói là chướng ngại hay không

chướng ngại thì chư thiên và mọi người đều sẽ sợ hãi, nghi ngờ.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin ngài nói pháp chướng ngại, không chướng ngại. Chư Bồ tát đang chờ nghe, có thể ở đời sau, trong đời ác năm trược, đối với các pháp thế gian, chẳng sanh đắm nhiễm.

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Nói về chướng ngại thì tham dục là chướng ngại, sân hận là chướng ngại, ngu si là chướng ngại, bố thí là chướng ngại, trì giới là chướng ngại, nhẫn nhục là chướng ngại, tinh tấn là chướng ngại, thiền định là chướng ngại, trí tuệ là chướng ngại, tưởng Phật là chướng ngại, tưởng Pháp là chướng ngại, tưởng Tăng là chướng ngại, tưởng Không là chướng ngại, tưởng Vô tướng là chướng ngại, tưởng Vô tác là chướng ngại, tưởng Vô hành là chướng ngại, tưởng Bất sanh là chướng ngại.

Này Văn Thù Sư Lợi! Nói tóm lại, nếu đối với các pháp hễ có ràng buộc, có Bồ tát thì nên biết, như thế đều là chướng ngại.

Bấy giờ, pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tại sao Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là pháp chướng ngại?

Đức Phật bảo Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Tánh của tất cả các pháp là không chướng ngại. Nhưng phàm phu ngu si kém cỏi, vô trí, tự sanh phân biệt, đối với Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ khởi lên chướng ngại. Vì sao? Này Văn Thù Sư Lợi! Vì người phàm ngu khi thực hành bố thí, đối với chúng sanh keo kiệt, không sanh cung kính, vì không cung kính nên sanh tâm sân, vì tâm sân nên đọa vào địa ngục; tự thân trì giới thấy người phạm giới sanh tâm khinh thường, nói tội lỗi người đó cho người khác nghe, không cung kính; vì không cung kính nên đọa vào đường ác; tự tu hạnh nhẫn nhục, vì nhẫn nhục mà sanh tâm tự cao cho là ta nhẫn nhục còn những người khác thì thô ác , vì vậy nhẫn mà lại buông lung, nên biết, đó là gốc của các tội; tự tu hành tinh tấn, đối với người lười biếng, khởi niệm thế này: "Như người ngu ấy chẳng nên nhận đồ cúng dường của tín thí, thậm chí không nên nhận một giọt nước uống!" Đối với bản thân thường khởi cống cao, hạ thấp người khác, nên biết đó là bọn ngu si, kém cỏi, vô trí; tự tu hành thiền định thấy người loạn tưởng, nghĩ: "Ta thường tu định, còn các Tỳ-kheo khác đa số tâm loạn, bàn luận việc tà. Người như thế cách đạo còn xa, huống là có thể đắc quả Phật!" Khi nghĩ như vậy, theo điều đã nghĩ, cứ mỗi niệm, thì mỗi kiếp trở lại thọ sanh tử; thọ sanh tử rồi, sẽ tu đạo Bồ đề, tự cho mình là đa văn, đối với pháp

không có danh tự cho là không có trí chân thật, vọng tưởng phân biệt, thấy có chứng đắc, khởi đại kiêu mạn: " Ta nói họ là những người quá ngu si vô trí ". Họ bị sự hiểu biết che lấp, chẳng phải là đại nhân. Tuy có chí cầu đạo Đại thừa nhưng lại nghĩ: " Ở trên đời, ta sẽ là cao nhất, là hơn hết. " Rồi đối với hàng Thanh văn Tiểu thừa không cung kính, khinh thường chê bai, nói lỗi lầm của họ; do tâm ác đó, nói lời thô ác, nên bị đọa đường ác.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Bồ tát ở trong Phật pháp, không nên nói lỗi của người khác.

Đức Phật dạy:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Này Văn Thù Sư Lợi! Theo ý ông thì sao? Bồ tát đối với các chúng sanh lúc nào mà chẳng thường khởi lòng từ thương yêu nhớ nghĩ, và không bao giờ nhìn họ bằng con mắt ác cảm.

Văn Thù Sư Lợi thưa:

-Bạch Thế Tôn! Đúng vậy!

- Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Theo ý ông thì sao? Bồ tát đới với tất cả chúng sanh chẳng phải là dùng Thanh văn, Duyên Giác và Đại thừa mà độ thoát cho họ hay sao?

- Bạch Thế Tôn! Không phải! Bồ tát chưa từng bỏ một chúng sanh mà không độ thoát cho họ, đối

với tất cả, luôn khởi tâm bình đẳng.

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Thí như thầy thuốc trị lành các bệnh cho quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ và các dân nghèo, thường nghĩ: " Làm thế nào để làm cho chúng sanh khỏi khổ, được xa lìa các bệnh. " Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cũng vậy, đối với chúng sanh thường khởi tâm đại bi, phát ý bình đẳng, "làm thế nào để làm cho tất cả chúng sanh thọ trì và thực hành Phật pháp, khiến không đoạn dứt. Lại như thầy thuốc có phương thuốc qua sách vở, chú thuật không dứt mất, vô cùng vui mừng phấn khởi. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cũng vậy, khi chủng tánh của chư Phật không dứt thì tâm hoan hỷ, cũng như thế.

Này Văn Thù Sư Lợi! Tất cả chúng sanh không cùng tận, như thuốc có thể trị các bệnh mặc dù có bệnh có thể trị, cũng có bịnh khó trị. Này Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát cũng vậy, cũng không cùng tận như Phật, khi khởi tâm Bồ đề để tự trang nghiêm, dù có pháp có thể được, có pháp cũng khó được. Lại như thầy thuốc đối với các phương thuốc bí truyền trong sách thuốc không nên tùy tiện sửa đổi phương thuốc. Này Văn Thù Sư Lợi! Bồ tát cũng vậy, không nên tùy tiện phát tâm Bồ đề như người bệnh ốm. Này Văn Thù Sư Lợi! Trí tự nhiên vô sư, điều đó là khó được; không nhờ người khác để biết, cũng là khó được; tâm vi diệu thù thắng cũng là khó được; tu hành Phật pháp cũng là khó được.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để Bồ tát đối với tất cả pháp tâm không chướng ngại, đạt đến thanh tịnh?

Đức Phật bảo Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Nếu có Bồ tát quán sát tham dục và tất cả các pháp sân hận, ngu si là tất cả các pháp thì như vậy gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát đối với năm dục không ưa thích, cũng chẳng vứt bỏ, quán thật tánh của dục tức là Phật pháp, như vậy gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát dùng năm triền cái để cầu Bồ đề, khi quán như thế chẳng thủ đắc năm triền cái và Bồ đề thì như vậy gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán chín pháp phiền não tức là tâm Từ, khi tư duy quán sát chín phiền não não, chẳng chấp có người khác và thân mình thì gọi là tâm Từ tối thượng. Vì đối với các pháp, không chấp thủ nên Bồ tát quán nhẫn cũng giống như thế, như vậy gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán phạm giới tức là không phạm, quán chẳng phải tỳ-ni tức là tỳ-ni, quán ràng buộc tức là giải

thoát, quán sanh tử tức là cảnh Niết bàn, như thế gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán cõi tham dục là cảnh Niết bàn, sân nhuế, ngu si cũng giống như vậy, thì như vậy gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán tất cả các pháp tức là Phật pháp đó gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán tất cả các pháp không có thể tướng, cũng không có căn bản, như vậy gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán bỏn xẻn và bố thí, không khởi tưởng là hai; trì giới và phá giới, không khởi tưởng phân biệt; sân hận, nhẫn nhục, không khởi tưởng phân biệt; lười biếng và tinh tấn, không khởi hai tưởng khác nhau; loạn động và thiền định, không khởi tưởng; là hai ngu si và trí tuệ, không khởi tưởng , phân biệt như thế gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Lại nữa, này Văn Thù Sư Lợi! Nếu có Bồ tát quán các phiền não tức là Phật thì như thế gọi là làm thanh tịnh các nghiệp chướng.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát quán các phiền não tức là Phật pháp?

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Theo ý ông thì sao? Ông thấy có ai thấy pháp mà trở lại cùng tạo tác ràng buộc với pháp chăng?

Đáp: - Bạch Thế Tôn! Không!

- Này Văn Thù Sư Lợi! Theo ý ông thì sao? Ông có thấy pháp nào hữu vi, các pháp nào tạo tác mà giải thoát chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không!

Này Văn Thù Sư Lợi! Thế nào là Bồ tát đạt Nhẫn vô sanh?

Văn Thù Sư Lợi đáp: - Tất cả phiền não tức là Nhẫn vô sanh. Vì sao? Vì tất cả phiền não đồng với tánh hư không. Vì ý nghĩa này, con quán các pháp không trí, không đoạn, không chứng, không tu. Nhưng các phàm phu bị chướng ngại che lấp, không có Phật pháp nên thấy có đoạn trừ kiết sử, có tu Phật pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn khen Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi:

- Hay thay! Hay thay! Văn Thù Sư Lợi! Ông có khả năng hiểu rõ và giảng nói pháp vô tận. Này Văn Thù Sư Lợi! Ở quá khứ lâu xa, với số kiếp vô lượng, vô biên, vô số chẳng thể nghĩ bàn, bấy giờ có Phật tên là Nhật Vô Cấu Quang gồm đủ mười hiệu Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh

Hạnh Túc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời. Này Văn Thù Sư Lợi! Như lai Vô Cấu Quang thọ chín mươi kiếp, cõi nước nước tên là Chúng Hương. Thế giới của Phật ấy, có nhiều chúng sanh ưa thích pháp Tiểu thừa, chỉ có một số ít có thể tu tập Đại thừa Vô thượng. Đức Phật Thế Tôn ấy, sau khi nhập Niết bàn, pháp tồn tại một nghìn năm, xá lợi phân bố (khắp nơi), như ta sau khi diệt độ không khác. Khi ấy, có Tỳ-kheo tên là Dõng Thí biết hổ thẹn, ưa học, khéo giữ giới thân, đa văn trí tuệ, tướng mạo trang nghiêm, thành tựu sắc thân vi diệu thanh tịnh bậc nhất. Bấy giờ, Dõng Thí mặc y mang bát vào thành Nan Thắng, theo thứ lớp khất thực, đến nhà Trưởng giả. Nhà ấy có người con gái nhan sắc tuyệt đẹp, không vừa lòng chồng mình. Khi ấy, con gái Trưởng giả thấy Dõng Thí liền khởi tâm ái nhiễm, nghĩ thế này: "Nếu ta không lấy Tỳ-kheo Dõng Thí để làm chồng được thì ta sẽ tự vẫn. Lúc đầu, cô chưa nói với ai ý nghĩ đó, tâm dục trở thành nội kết rồi phát bệnh. Bấy giờ, Dõng Thí khất thực xong, trở về tinh xá. Một thời gian sau, cha cô gái qua đời, khi ấy người mẹ hỏi con gái: "Vì nhơn duyên gì mà con bệnh như vậy?" Cô gái im lặng rồi bỏ ăn uống. Bấy giờ, người mẹ kín đáo sai một cô gái khác là người thân thiết cùng khổ vui với con mình trước đây, đến hỏi: " Vì nhân duyên gì mà đến nỗi bệnh

thế này?" Khi ấy, Cô gái đáp: "Trước đây, tôi thấy một Tỳ kheo tướng mạo đẹp đẽ liền khởi tâm dục nên đến nỗi sanh bệnh thế này. Nếu làm theo ý tôi, thì bệnh của tôi sẽ hết. Nếu không được thì tôi sẽ chết. " Người con gái kia nghe việc như vậy rồi, kể lại đầy đủ với mẹ của cô gái. Người mẹ nghe xong, suy nghĩ: " Con gái ta nay bệnh hoạn như thế, nếu không có được Tỳ-kheo Dõng Thí thì sẽ tính sao đây?" Lại nghĩ tiếp: "Nay ta sẽ thỉnh Tỳ-kheo Dõng Thí luôn đến nhà ta, rồi sẽ bảo con gái ta theo thọ Kinh Pháp. " Vào thời gian khác, bấy giờ Dõng Thí vào thành khất thực lại đến nhà kia. Thấy con gái Trưởng giả thân thể gầy ốm nên hỏi: "Cô gái này do duyên gì mà có bệnh này?" Khi ấy bà mẹ đáp: "Con gái tôi ưa nghe Kinh Pháp. Tôi thường cố ngăn cản nó, không thỏa mãn ý nó nên đến nỗi bệnh như vậy. " Bấy giờ, Dõng Thí nói với mẹ cô gái: "Đừng ngăn cản cô ta làm cho không được nghe pháp" Người mẹ thưa: "Thưa Tôn giả! Nếu ngài có thể dạy bảo truyền trao Kinh pháp cho con gái tôi, tôi cũng xin nghe. " Bấy giờ, Dõng Thí liền chấp thuận. Người mẹ nói: "Từ nay về sau, xin Tôn giả thường đến nhà tôi". Đáp: "Được". Khi ấy. Cô gái của Trưởng giả nghe lời hứa ấy, quá đỗi vui mừng, nghĩ: "Nay mình phải tìm đủ mọi cách làm cho Tỳ-kheo này mê đắm mình". Nghĩ xong, cô gái Trưởng giả nói với Dõng Thí: "Cúi xin Tôn Giả thương xót con, thường đến nhà con. " Dõng Thí

im lặng nhận lời. Rồi thọ thực xong, trở về tinh xá. Bấy giờ, người mẹ nói với con gái mình: "Từ nay về sau, hãy trang điểm cho đẹp, dùng các loại hương chiên đàn tốt để xoa thân, lại mặc y phục mới hảo hạng đẹp đẽ. Trang điểm như vậy mới được vừa ý. Sau đó, Dõng Thí thường đến nhà cô ta, lần lần trở nên thân mật. Vì luôn gặp nhau nên Tỳ-kheo mất chánh niệm, phát sanh tâm dục, liền cùng với cô gái ấy hành dâm, tâm sanh mê đắm, qua lại luôn luôn. Bấy giờ, chồng của cô ấy thấy Tỳ-kheo này thường xuyên lui tới nhà mình bèn sanh nghi ngờ, tức giận, liền tìm cách muốn giết Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo Dõng Thí biết được việc đó liền nghĩ: " Nên dùng thuốc độc đưa cô gái để cô ta đầu độc chồng. " Bấy giờ, Dõng Thí liền đưa thuốc độc cho cô gái và nói: " Nếu nàng thật tình nghĩ đến tôi thì nên đem thuốc này để đầu độc chồng nàng. " Khi ấy, cô gái Trưởng giả liền lấy thuốc độc trộn vào thức ăn, rồi sai người giúp việc: "Hãy mang cơm này dọn cho chồng ta. " Người chồng ăn xong, liền qua đời. Bấy giờ, Dõng Thí nghe tin người chồng cô gái chết, lòng rất hối hận, nghĩ: " Nay ta đã làm một việc tội ác tày trời, đã hành dâm lại giết người, còn gì là Tỳ-kheo! Như vậy, ta sẽ đi về đâu? Khi ta qua đời sẽ bị đọa vào đường ác, ai có thể làm cho ta thoát được khổ này. " Tỳ-kheo ấy vô cùng sầu não. Do sự việc ấy nên đâm ra hoảng sợ, chạy từ tinh xá này đến tinh xá

khác, y phục rơi xuống đất, suy nghĩ: " Chao ôi! Kỳ lạ thay! Ta nay chính là chúng sanh nơi địa ngục. " Lúc này, một tinh xá tên là Hê Vô, trong đó có Bồ tát tên là Tỷ Nhu Đa La. Tỳ-kheo Dõng Thí chạy vào phòng Bồ tát ấy, gieo mình xuống đất. Khi đó, Bồ tát hỏi Dõng Thí: "Vì sao tự gieo mình xuống đất?" Đáp: "Thưa Đại đức! Tôi chính là chúng sanh địa ngục. " Lại hỏi: "Ai làm cho Thầy thành người địa ngục?" Dõng Thí đáp: " Tôi gây nên tội lớn là phạm giới dâm lại giết người. " Bồ tát nói với Dõng Thí: " Tỳ-kheo đừng sợ. Ta có thể ban cho Thầy năng lực không sợ. " Bấy giờ, Dõng Thí nghe Bồ tát kia ban cho lời không sợ, tâm rất hoan hỷ, vô cùng vui thích Bồ tát Tỷ Nhu-đa-la liền đưa tay đỡ Dõng Thí đứng dây, nắm tay phải dắt đi đến một nơi khác, ngồi trong rừng cây. Bồ tát Tỷ Nhu Đa la bay lên hư không cao một cây Đa-la, nói với Dõng Thí: " Nay Thầy đã tin tưởng tôi chăng?" Dõng Thí chấp tay đáp: "Tôi gặp nhân giả như gặp Đại sư, cũng như Thế Tôn". Bấy giờ, Bồ tát Tỷ Nhu Đa La liền nhập vào Tam muội Như lai Bảo tức là pháp môn Đại thừa thuộc cảnh giới vi diệu của chư Phật. Nhập Tam muội rồi, ở trên thân hiện ra vô lượng thân Phật, đều màu vàng ròng đủ ba mươi hai tướng tốt, khắp trong rừng cây. Chư Phật đồng thanh nói kệ:

Pháp như ảnh trong gương
Cũng như trăng đáy nước

Phàm phu tâm ngu về
Phân biệt tham, sân, si.
Pháp vô tác, vô xứ
Như hư không thanh tịnh
Cũng không có giác tri
Hư dối chẳng bền chắc.
Trong đó, cầu tham, sân
Chưa từng có được gì
Phàm phu sanh ái nhiễm
Thật không có nhiễm đắm
Giống như ngủ nằm mộng
Vướng chấp vào các sắc
Cũng như đao cắt vật
Nhưng đao không tự biết.
Phàm phu cũng như vậy
Ngu mê, vọng phân biệt
Tham vướng vào các ái
Sân, giận tăng tranh cãi.
Thế gian giống như mộng
Rỗng không, chẳng bền chắc
Như chớp, mây trên không
Si, ái, lặng không tướng.
Các pháp như cỏ cây
Tâm không ở trong, ngoài
Ái chẳng phải mạng sống
Tự tánh không thật có.
Phàm phu thấy các pháp
Tưởng là do duyên sanh

Không tạo, không nắm bắt
Tánh lìa, thường tịch tĩnh.
Các pháp giống như huyễn
Phàm phu sanh chấp giữ
Tánh huyễn không vững chắc
Tham, sân, si cũng vậy.
Các pháp thường vô tướng
Vắng lặng, không gốc rễ
Vô biên, chẳng nắm bắt
Tánh dục cũng như vậy.
Chúng sanh: Ảnh trong gương
Chấp giữ ngã, ngã sở
Lìa "Như", vọng phân biệt
Không bền, không thủ đắc.
Pháp như ảnh, tiếng vọng
Dục, sân không nơi chốn:
Mộng, huyễn, trăng đáy nước
Thật không người sân, hận.
Cảnh giới chẳng chơn thật
Rỗng không, không thể nắm
Phân biệt pháp không chủ
Cội gốc thường vắng lặng
Ví như người biến hóa
Không có tham, sân, si
Các pháp như huyễn, mộng
Không thể biết ranh giới.
Như trăng hiện đáy nước.
Nhưng không ở trong nước

Phàm phu nhiễm si, sân
Si, sân, ái không tánh.
Tham, sân, hận, ngu si
Các duyên thường rỗng lặng
Không chúng sanh, thọ mạng
Rỗng không, thường, vắng lặng.
Không mắt cũng không tai
Mũi, lưỡi cũng như thế
Phàm phu si vô trí
Hư vọng: Tưởng bền chắc.
Như hư không vô biên
Vô tận, không đến, đi
Các pháp cũng như thế
Như tay chạm hư không.
Vô số pháp phân biệt
Thật không người phân biệt
Phàm phu chấp các ấm
Nhưng thật không có sanh.
Ta quán tất cả các pháp
Tánh, tướng, không thật có
Không sanh cũng không diệt
Chưa từng có hợp, tan.
Tánh các pháp giải thoát
Tĩnh lặng, không xứ sở
Không thể mong nắm bắt
Hiểu được gọi là trí.

Bấy giờ, trong rừng, có một vạn hai ngàn thiên tử đến chỗ Bồ tát Tỷ Nhu Đa La để nghe pháp, khi

nghe nói kệ ấy, tất cả liền đều đạt được Pháp nhẫn vô sanh. Tỳ kheo Dõng Thí thấy các hóa Phật biến hiện thần thông, nên ở trong các pháp tư duy lựa chọn, lìa mọi ràng buộc ngăn che, đạt Nhẫn vô sanh.

Này Văn Thù Sư Lợi! Ông không nên nghi ngờ. Bồ tát Tỷ Nhu Đa La thời bấy giờ, đâu phải người nào khác, nay chính là Bồ tát Di Lặc. Còn Tỳ kheo Dõng Thí nay chính là Như Lai Bảo Nguyệt.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ kheo Dõng Thí đã thành Phật rồi chăng? Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Vị ấy đã thành Phật, hiện nay về phương Tây, cách cõi Phật này với các thế giới của chư Phật nhiều như các sông Hằng, có cõi nước tên là Thường Quang. Như lai Bảo Nguyệt thành Phật ở đó.

Này Văn Thù Sư Lợi! Ông quán sát pháp này có thể khiến cho chúng sanh lìa các nghiệp chướng, tuy đã hành dâm, làm chết người mà có thể khiến cho thân hiện tại đạt được Nhẫn vô sanh. Vì sao? Vì có khả năng quán sát ba cõi như bóng, như tiếng vọng. Giống như nhà ảo thuật quán sát người được biến hóa, không có gì chướng ngại.

Này Văn Thù Sư Lợi! Các phàm phu đối với pháp không thật có, vọng tưởng phân biệt, bị đọa nơi các cõi ác, chịu vô lượng trăm ngàn vạn khổ

sở.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ tát được nghe Kinh này, thọ trì đọc tụng, biên chép, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi thì ngay trong đời này được những lợi ích gì?

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Theo ý ông thì sao? Như ánh mặt trời chiếu sáng khắp cõi Diêm phù đề, thì đối với các chúng sanh có bao nhiêu lợi ích?

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Như ánh sáng mặt trời chiếu cõi Diêm phù đề, đối với các chúng sanh có lợi ích vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn.

- Này Văn Thù Sư Lợi! Nên biết Kinh này cũng giống như thế, có khả năng khiến cho Bồ tát phá tan các ràng buộc, phát sanh vô lượng ánh sáng trí tuệ, đối với các pháp cũng đạt sự không chướng ngại, có thể nhanh chóng phát sanh trí tuệ biện tài vô ngại. Khi giảng nói pháp này thì không bị chúng ma và ngoại đạo phá hoại, làm gián đoạn sự thuyết giảng. Này Văn Thù Sư Lợi, giống như lửa lớn thiêu đốt hoàn toàn các cỏ cây, nên biết Kinh này thiêu đốt tất cả các kiết sử, cũng giống như thế.

Này Văn Thù Sư Lợi! Giống như núi chúa Tuyết, các núi đá đen khác không thể ngăn che được, Bồ tát nào được nghe Kinh này, cũng như

thế, các ngoại đạo khác không thể phá hoại được.

Này Văn Thù Sư Lợi! Như vua Chuyển Luân, các vua nước nhỏ không dám chống cự và trái nghịch. Bồ tát được nghe Kinh này, cũng giống như thế, tất cả các tạp luận chương cú hoa mỹ và những người như thế, đều không thể chế ngự được.

Này Văn Thù Sư Lợi! Thí như Tỳ kheo trì Luật nghiêm chỉnh có thể chấm dứt sự nghi ngờ hối hận phá Giới của người khác. Nên biết, Kinh này cũng giống như thế, có thể khiến chúng sanh không còn các lo buồn, ăn năn.

Này Văn Thù Sư Lợi! Như mặt trời chiếu đến chỗ nào đều có thể phá tan bóng tối chỗ đó, Bồ tát nghe được kinh này, cũng giống như thế, có thể phá trừ tất cả bóng tối vô minh, có thể phát sanh tất cả ánh sáng trí tuệ. Vì sao? Vì nhờ Kinh này mà khéo tu trí tuệ.

Bấy giờ, ma ác đến chỗ Phật, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai đại bi thương xót tất cả chúng sanh, thường ban bố sự an lạc. Cúi xin đức Thế Tôn đừng giảng nói Kinh này. Vì sao? Vì nếu nói Kinh này thì cung điện của các ma đều chấn động. Các mũi tên phiền não sẽ bắn vào thân tôi, vì Kinh điển này lưu hành ở cõi Diêm phù đề. Bạch Thế Tôn! Nay tôi sẽ làm cho Kinh điển này không có ai thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, sẽ khiến cho Kinh này giống như tà đạo,

khiến cho các chúng sanh khởi tà kiến, các Tỳ kheo đọc tụng Đại thừa Phương quảng tâm sanh nghi hối, phỉ báng Kinh này.

Lúc ấy, Thích Đề Hoàn Nhơn nương nơi thần lực Phật, đứng trước Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rải hoa Mạn đà la của cõi trời để cúng dường trên Phật, và bạch:

- Bạch Thế Tôn! Ma ác Ba Tuần tìm đủ mọi cách muốn gây trở ngại cho Kinh này. Bạch Thế Tôn! Con sẽ thọ trì, đọc tụng, sao chép, cung kính, cúng dường. Sau khi Như Lai diệt độ, con và Tôn giả A-nan luôn làm cho Kinh này được lưu hành ở cõi Diêm phù đề, phổ biến khắp nơi. Con lại cùng với Tứ thiên vương, các quỷ thần v. v… luôn ủng hộ người giảng nói Kinh này. Nếu có người thọ trì, đọc tụng, sao chép, cúng dường, cung kính Kinh này thì trong những người ủng hộ con sẽ là người đứng đầu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Thầy nên thọ trì, đọc tụng, sao chép, cúng dường, cung kính Kinh này, cũng nên truyền bá, giảng giải cho người khác. Vì sao? Này Tôn giả A-nan! Vì Kinh này chính là tấm gương của các pháp.

A-nan thưa:

- Như lời Thế Tôn dạy, con sẽ thọ trì. Vậy Kinh này tên là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan: - Kinh này tên là "Tịnh

Chư Nghiệp Chướng", cũng gọi là "Nhập Ư Chư Pháp Vô Chướng Ngại Tuệ. "

Khi giảng nói Kinh này xong có sáu mươi Tỳ kheo không thọ nhận các pháp, diệt tận các lậu, lậu hết, ý rõ; tám mươi Bồ tát được Pháp nhẫn vô sanh.

Bấy giờ, Tôn giả A nan, Pháp vương tử Văn Thù Sư Lợi và Chư thiên, loài người, cùng các Càn-thát-bà, A-tu-la, v. v… nghe Phật giảng nói Kinh này thảy đều hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

-oOo-

SỐ 1495

KINH THIỆN CUNG KÍNH

Hán dịch: Đời Tùy Tam Tạng
Xà-na-quật-đa, người Thiên trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Bà-già-bà (Thế tôn) ở tại điện Bảo Trang Nghiêm, nơi Như Lai thường cư trú.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn và các đại Tỳ kheo, các đại Bồ tát cùng vô lượng trăm nghìn vạn ức bốn bộ đại chúng vây quanh ở trong pháp hội.

Khi ấy, Trưởng lão A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Phật, thân tâm cung kính, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai thường nói người đa văn thì có công đức lớn, nếu lại giáo hóa cho người khác được đa văn. Bạch Thế Tôn! Thiện nam ấy được bao nhiêu công đức?

Bạch như vậy rồi, A-nan đứng im lặng Đức Thế Tôn liền bảo Trưởng lão A-nan:

- Này A-nan! Ông đã hỏi ta về ý nghĩa ấy. Ta sẽ nêu thí dụ, và giải thích cho ông. Vì sao? Vì người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu được nghĩa lý. Này A-

nan! Ví như các loại cây cối cỏ thuốc hoặc lớn, hoặc nhỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến các cây chỉ bằng một ngón tay, từ đất mọc lên tất cả các loại cây cối ấy đều có cành, lá, hoa, quả, hột đầy đủ. Này A-nan! Nhưng trong các loại cây cối, loại nhỏ nhất loại chỉ bằng ngón tay cũng đã sanh ra một số hoa quả nhiều như cát một sông Hằng. Giống như số cành lá hoa quả hột. v. v… của loại cây bằng một ngón tay vừa nói, loại cây bằng hai ngón tay cũng lại có ngần ấy hoa, quả, hạt, số lượng nhiều khoảng bằng số cát hai sông Hằng. Như thế, tuần tự cho đến từ đất lại mọc lên loại cây bằng ba ngón tay, lại có ngần ấy số cành lá hoa quả, nhiều bằng khoảng số cát trong ba sông Hằng.

Này A-nan! Theo ý ông thì sao? Có người nào có thể đếm số cây ấy nhiều hay ít chăng?

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Không! Bấy giờ, Phật lại bảo A-nan:

- Số hoa quả hột của loại cây lớn bằng một ngón tay trở lên kia, có người còn có thể biết được nhiều hay ít, nhưng thiện nam, thiện nữ giáo hóa người khác cho đến chỉ một câu kệ, giảng giải rõ ràng cho họ, chẳng cầu phước báo, phát tâm từ bi thương xót, hết lòng giáo hóa khiến họ được chứng quả A-la-hán, lại nghĩ:" Ta dùng phương tiện gì để làm cho nhiều chúng sanh nhờ năng lực của nhơn

duyên pháp thí này mà đắc quả Tu đà hoàn, đắc quả A-la-hán, cho đến khiến phát tâm Bồ đề; " vì thương xót họ nên giáo hóa, dù chỉ một bài kệ bốn câu, giải thích, phân biệt, chỉ bày cho họ. Nếu đem công đức này so sánh với thí dụ trước thì số công đức này nhiều hay ít?

So với công đức này thì (số kia) không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm nghìn, không bằng một phần ức nghìn, không bằng một phần trăm của sợi lông (Ca La), không bằng một phần thí dụ, không bằng một phần Ưu-bà-ni-sa-đà. Phước đức của họ là không thể tính đếm.

- Này A-nan! Thiện nam, thiện nữ ấy được nhiều thiện căn vì khiến người khác được đa văn, lại có thể giảng nói một bài kệ bốn câu cho người khác.

Trưởng lão A-nan lại bạch:

- Hy hữu thay, Thế Tôn! Chỉ có Thế Tôn mới có thể nói như thế! Hy hữu thay, Bà già bà! Chỉ Như Lai mới có thể nói như thế! Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ nhận pháp kia, đối với pháp và pháp sư nên khởi tâm cung kính như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

- Này A-nan! Thầy không nên hỏi Ta điều như thế. Vì sao? Vì hiện nay chúng sanh không có tâm

kính pháp.

A-nan lại bạch Phật:

- Hay thay, Thế Tôn! Con khát ngưỡng pháp. Đối với pháp, con khởi tâm cung kính sâu xa, làm đúng như pháp, học theo pháp. Từ khi con làm thị giả đức Thế Tôn đến nay chưa từng nghe pháp như thế. Bạch Thế Tôn! Từ nay trở đi, con sẽ khởi tâm cung kính như thế .

Như lời Thế Tôn dạy, không làm ngược lại Thánh giáo.

A-nan lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Về sau, vào đời mạt pháp, có các thiện nam, thiện nữ. v. v… đối với giáo pháp, hoặc có tướng tâm khát ngưỡng, kính trọng, nhưng chỉ có lời nói, vì việc áo cơm, vì việc lợi dưỡng, do nghèo khổ mà cạo tóc xuất gia, rồi nói là ta vì pháp. Tuy họ cầu các pháp Phật, nhưng bạch Thế Tôn! Chúng sanh ấy không thực hành pháp, tâm biểu hiện tướng thấp kém, rồi lại khởi tâm thấp kém. Bạch Thế Tôn! Con vì tự thân mình mà nêu ra câu hỏi thế này:" Chúng con nên dừng như thế nào? Nên thực hành như thế nào?"

Bấy giờ, Đức Phật bảo Trưởng lão A-nan:

- Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ ưa pháp, muốn được đọc tụng thì họ đi đến chỗ Hòa Thượng, A Xà Lê; đến nơi, nên hỏi về pháp Phật, tùy theo tâm ưa thích, tùy theo những điều giảng

nói thích hợp, mà xin y chỉ những vị mười hạ lạp hoặc mười hai hạ lạp; vì trọng pháp nên cầu xin y chỉ. Vì sao? Vì trước đây tuy Như Lai có nói đối với Tỳ kheo năm hạ, không cần y chỉ, nhưng những người học, trước phải có tâm cung kính mới có thể vì pháp, và vì ý nghĩa ấy mà cần phải y chỉ. Vì sao? Vì những người ấy muốn học pháp Phật.

Này A-nan! Vị hòa Thượng, A Xà Lê kia vì những người ấy nên nói lời y chỉ thế này: "Đúng như thế phải không? Ta chấp nhận ngươi phải không? Người được lợi ích phải không? Ta dạy ngươi phải không? Ngươi sẽ cẩn trọng làm theo, không buông lung phải chăng? Nên luyện tập thực hành phải chăng? Chấp nhận như thế phải không?" Nếu Tỳ kheo có đầy đủ pháp, thì vị ấy có thể cho người khác y chỉ. Nếu có thể phân biệt pháp cú như thế thì cho người khác y chỉ, gọi là thầy y chỉ.

Nếu có Tỳ kheo tuy đã trăm tuổi hạ nhưng không thể giảng giải thông suốt pháp cú như thế thì vị ấy cũng nên theo vị khác y chỉ. Vì sao? Vì tự mình còn không hiểu huống là muốn làm thầy y chỉ cho người khác. Giả sử Tỳ kheo Trưởng lão một trăm hạ nhưng không thể hiểu việc sâu xa của Sa môn Thích tử thì vị ấy vì pháp nên xin y chỉ. Tuy có Tỳ kheo Thượng tọa một trăm tuổi hạ nhưng không rõ luật pháp thì những vị ấy cũng nên xin y chỉ.

Nếu Tỳ kheo theo vị khác thọ pháp thì Tỳ kheo

ấy phải khởi tâm tôn quí, kính trọng thầy mình. Khi sắp thọ pháp, đang ở trước thầy không được cười giỡn, không được hả miệng, không được tréo chân, không được nhìn chân, không được nhịp chân, không được nhón gót, gót chân để bằng không để cao thấp; ở trước Thầy không nên lên ngồi trên tòa cao. Thầy không hỏi, không được tự ý nói. Thầy sai bảo việc gì, không được trái lời. Không được nhìn thẳng mặt Thầy, đứng cách Thầy ba khuỷu tay, Thầy bảo ngồi mới ngồi, không được trái lời. Ngồi yên rồi, phát khởi lòng thương Thầy. Nếu đệ tử khi muốn thọ pháp, nên quỳ ở trước Thầy, trước hết, tụng đọc sở đắc của mình; tụng đọc xong có nghi thì phải thưa hỏi. Được Thầy cho phép, sau đó mới thưa. Khi người học đã thọ pháp rồi, gối phải quỳ sát đất, hai tay chấp lại, nhất tâm đảnh lễ sát đất ngay chỗ Thầy. Nếu đất bằng phẳng thì phải theo đúng cung cách; nếu đất lởm chởm thì đứng dậy, cho đến khi Thầy qua đến chỗ bằng phẳng thì liền thỉnh pháp. Khi đến chỗ bằng phẳng, đảnh lễ sát chân Thầy rồi, lui lại cách mười khuỷu tay, từ xa lễ Thầy xong, tùy ý trở về. Lại nữa, đệ tử nên nghĩ thế này:" Thầy ở bên ta, xem ta làm phải hay quấy, ta chẳng nên buông lung. Nếu ta tìm đến ngay trước Thầy xin giải đáp điều nghi ngờ thì đó là việc tốt. Còn như không đến được thì phải biết thời giờ, mỗi ngày ba thời phải luôn tinh tấn. Nếu trong ba thời mà ta không tinh tấn tu tập thì Thầy

sẽ trị ta đúng pháp. "

Lại nữa, đệ tử khi vào hầu thăm Thầy, đến chỗ Thầy, nếu không thấy thì cầm một hòn đất, hoặc một que cây, hoặc một cộng cỏ để làm dấu hiệu. Nếu thấy Thầy ở trong thất thì khi ấy đệ tử phải khởi tâm chí thành, nhiễu quanh ba vòng, hướng về Thầy đảnh lễ rồi mới trở về. Nếu không gặp Thầy để thưa hỏi thì các việc đều không được làm, trừ đại tiểu tiện.

Lại nữa, đệ tử ở chỗ Thầy không được nói lời thô ác. Thầy có quở trách, không được cãi lại. Chỗ ngồi nằm của Thầy, phải lau dọn, không còn bụi bặm trùng, kiến. Nếu Thầy ngủ nghỉ hay ngồi thiền cho đến khi dậy, đệ tử đều phải tu tập tụng đọc. Rồi đến khi mặt trời mọc, đệ tử phải đến chỗ Thầy cho đúng lúc, túc trực bên Thầy, thưa hỏi Thầy cần việc gì và mình làm gì, nên thưa với Thầy là có vào xóm làng chăng. Nếu khi Thầy muốn vào xóm làng thì trước phải dâng ca sa cho Thầy; trước khi dâng phải rửa tay. Khi rửa tay xong, nên lau tay rồi đến chỗ Thầy, với thân tâm tĩnh giác, hai tay cầm y, quỳ thẳng trao, đúng như pháp cung kính dâng lên, trong sự an trú. Tiếp theo, dâng nước rửa tay, rửa mặt. Rồi trước hết dâng nội y, loại y mặc bên trong. Sau đó lại dâng loại y phục thường dùng khác. Đối với Thầy phải khởi tâm cung kính như thế.

Lại nữa, đệ tử ở trước Thầy, không được khạc nhổ, không được che đầu. Phải thường quét dọn

chỗ kinh hành của Thầy. Vào mùa nóng, ban ngày, ba thời quạt hầu Thầy, ba lần mang nước đến để Thầy tắm rửa; lại ba thời dâng nước uống. Phải biết khi cần vì Thầy đi khất thực. Thầy cần làm việc gì phải hết sức làm giúp Thầy. Nhận bình bát của Thầy phải rửa sạch sẽ. Nếu Thầy đưa rửa thì rửa bình bát Thầy trước, rồi mới đến bình bát của mình. Nếu Thầy cho rửa thì rửa, còn như không cho thì chẳng nên nài nỉ. Vì sao? Vì có duyên cớ. Này A-nan! Có các Tỳ kheo sẽ nghĩ thế này:" Thuở xưa, bát của Như Lai không có người rửa. Những ai học Phật thì nên tự phục dịch. " Tuy nhiên, Như Lai cũng cho phép làm việc đó. Nếu vào mùa nóng thì phải có đầy đủ nước mát. Còn vào mùa lạnh thì phải chuẩn bị nước nóng. Hễ Thầy cần thứ gì phải chuẩn bị đủ. Ở trước Thầy, không được xỉa răng. Ở chỗ người khác, đừng nói lỗi của Thầy. Nếu từ xa thấy Thầy phải đứng dậy nghinh tiếp.

Này A-nan! Phàm là đệ tử có Thầy thì nên theo bên Thầy để học kệ bốn câu; hoặc nghe, hoặc đọc, hoặc hỏi, hoặc thưa một bài kệ bốn câu với ai, thì vị đó tức là Thầy. Khi ấy, người học ở chỗ Thầy, thường khởi tâm cung kính, tôn trọng. Nếu không như thế thì gọi là người không cung kính, cũng không được gọi là người tu hành hạnh chân chánh. Nếu ai nói lỗi Thầy với người khác thì kẻ ấy không được lấy Ta làm Thầy. Vì sao? Này A-nan! Vì họ không có tâm cung kính, chẳng thương yêu Phật.

Kẻ ấy là người không có hạnh, huống là yêu kính pháp; Kẻ ấy là người không cung kính thì sẽ không yêu kính pháp. Kẻ ấy là người đại ác, cũng chẳng yêu kính Tăng, không vào hàng ngũ của Tăng. Vì sao? Vì kẻ ấy là người ngu si, chẳng thực hành hạnh chân chánh.

Này A-nan! Những lời Phật dạy đều là vì người tu hành.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan nghe Phật nói xong, thương cảm, rơi lệ, dùng tay lau nước mắt, rồi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vào đời vị lai ít có chúng sanh an trụ trong sự tu hành ấy. Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ thực hành hạnh như vậy. Nay con sẽ an trụ trong hạnh đó. Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ Kheo đối với Thầy mình, hoặc đối với Hòa Thượng chẳng có tâm cung kính, nói điều tốt, xấu của Thầy thì đời vị lai sẽ bị quả báo gì?

Đức Phật bảo A-nan!

Nếu đời vị lai có các Tỳ Kheo, hoặc đối với Thầy, hoặc đối với Hòa Thượng; chẳng có tâm cung kính, nói điều tốt, xấu của Thầy thì kẻ ấy chẳng phải là Tu Đà hoàn, cũng chẳng phải là phàm phu. Kẻ ấy là người ngu si, đáng trị tội. Vì sao? Vì nếu Thầy thật sự có lỗi đi nữa còn không được nói, huống là không có!

Này A-nan! Nếu có Tỳ Kheo đối với Thầy mà

không cung kính thì , ta nói, riêng có một tiểu địa ngục tên là Trùy-phác, kẻ ấy sẽ bị đọa vào; đọa vào trong đó rồi, một thân bốn đầu, thân thể đều bừng cháy, giống như một khối lửa, phóng ra sức nóng cực mạnh, bừng cháy không dứt, cháy rồi lại cháy. Ở trong địa ngục ấy lại có các loài trùng, gọi là câu sài. Các loài trùng độc ấy thường cắn lưỡi. Khi ấy, người ngu kia từ nơi đó xả thân rồi sanh vào loài súc sanh, thọ thân thú hoang, hoặc thân dã can, hoặc thọ thân chó sói. Người khác trông thấy la lớn, hoặc nói là chó sói, hoặc nói là dã can.

Này A-nan! Những người ngu si ấy đều do thuở xưa mắng Thầy và Hòa Thượng. Vì vậy, khi thấy họ, không ai ưa, do thuở xưa, thiệt căn gây tội, nên luôn ăn phân, nước tiểu; bỏ thân ấy rồi, tuy sanh vào cõi người nhưng thường sanh chỗ biên địa. Sanh ở chỗ biên địa rồi, bỏ hết tất cả việc công đức, đầy đủ pháp ác, xa lìa các pháp lành. Tuy được thân người nhưng da chẳng giống người, chẳng đầy đủ hình dạng con người, chẳng giống cha mẹ, bị cha mẹ ghét bỏ; được thân người rồi nhưng thường bị khinh chê, lăng nhục, xa lìa Phật Thế Tôn, thường không có trí tuệ. Sau khi chết lại nhanh chóng bị đọa vào địa ngục. Vì sao? Này A-nan! Vì nếu có người nào đối với Thầy giáo thọ, đối với vị Thầy đã ban cho mình sự tự tại, Thầy dạy hạnh pháp, Thầy dạy hạnh chân thật mà sanh bất kính thì chịu tai ương nặng như thế.

Này A-nan! Những người ngu si ấy về sau lại bị vô lượng vô biên nạn khổ.

Này A-nan! Nếu nghe từ người khác một bài kệ bốn câu, hoặc sao, hoặc chép trên trúc, lụa, thì hễ có bao nhiêu chữ là bằng bấy nhiêu kiếp vác Hòa Thượng, A Xà Lê trên vai, hoặc khi cõng trên lưng, hoặc đội trên đầu mà đi, lại đem tất cả những vật dụng vừa ý để cúng dường vị Thầy ấy.

Này A-nan! Làm việc như thế còn tự thấy không thể báo đáp đầy đủ ân Thầy, cũng không gọi là cung kính Thầy, huống là kính pháp? Làm việc cung kính như thế , gọi là kính Thầy.

Này A-nan! Nếu có vô lượng vô biên phẩm vật cúng dường, thì như vậy cũng không thể gọi là cúng dường Thầy!

Này A-nan! Đời vị lai, có nhiều Tỳ Kheo gặp được Kinh này mà đối với Hòa Thượng, sanh tâm bất kính, không có chánh hạnh, thường nói lỗi của Hòa Thượng, này A-nan! Ta nói những người ngu si ấy sẽ bị nhiều khổ cực, ở đời vị lai, chắc chắn đọa đường ác.

Này A-nan! Ta đã nói với ông là Như Lai tại thế ở bên các ông, đã vì các ông mà nói rằng đây là Chánh Đạo, đây chẳng phải Chánh Đạo. Vào đời vị lai, các Tỳ kheo tùy theo mình đã làm việc gì mà trở

lại thọ sanh nơi nào đó và nhận quả báo như thế đó. Vì vậy, này A-nan! Ta khuyên các ông nên thường thực hành cung kính.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ thường sanh tâm cung kính tôn trọng thì sẽ đắc pháp thù thắng, tối thượng này, đó là yêu kính Chư Phật Thế Tôn, kính trọng kinh pháp, yêu kính Tăng, nên theo thứ bậc như thế.

Đức Phật giảng nói Kinh này xong, Trưởng lão A-nan và các đại chúng nghe Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 1496

KINH PHẬT THUYẾT CHÁNH CUNG KÍNH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam Tạng Phật Đà Phiến Đa, người Thiên Trúc.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với hai trăm năm mươi Tỳ-kheo Thanh-văn, năm trăm vị Bồ Tát, đều là dòng giống của Như lai, theo phương tiện vào sáu đường, giúp Phật giáo hóa, biết căn cơ của chúng sanh, oai đức tự tại, làm sáng tỏ phương tiện mật giáo của Như lai, tên của các vị ấy là: Bồ tát Sanh Nghi, Bồ tát Bảo Đức, Bồ tát Quang Minh Vương, Bồ tát Tuệ Đăng, Bồ tát Đức Trăn, Bồ tát Tất Đạt, Bồ tát Vô Úy, Bồ tát Giác Thủ, Bồ tát Tài Thủ, Bồ tát Bảo Thủ, Bồ tát Đức Thủ, Bồ tát Mục Thủ, Bồ tát Tấn Thủ, Bồ tát Pháp Thủ, Bồ tát Trí Thủ, Bồ tát Hiền Thủ, . v. v…đại thể có năm trăm đại Bồ tát như thế.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ưa pháp phải cung kính pháp và cung kính thầy như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

-Thôi, thôi! A-nan! Hiện nay chúng sanh không thể cung kính và không có pháp cung kính.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nay con ưa pháp và kính pháp, đã cung kính và sẽ cung kính Bạch Thế Tôn! Từ khi con gần gũi Như lai đến nay chưa từng được nghe pháp môn như thế. Vì không nghe cho nên đối với việc cung kính Như lai chắc chắn sẽ bị mất phép tắc. Nay nếu được nghe thì con sẽ như pháp tu hành.

Bạch Thế Tôn! Lại có thiện nam, thiện nữ ưa pháp nghe pháp môn này liền được tu hành.

Bạch Thế Tôn! Lại có Tỳ-kheo xuất gia trong giáo pháp của Như lai do bần cùng thấp kém chỉ cầu cơm ăn, áo mặc, chẳng thích cầu pháp và kính pháp sư, tuy gần gũi Phật pháp nhưng làm việc thấp hèn chẳng thể che giấu, chắc chắn sẽ lộ bày.

Bạch Thế Tôn! Vì vậy, hiện tại con đang tự làm và vị lai, tất cả các Tỳ-kheo sẽ thưa hỏi Như lai pháp cung kính như thế.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nên tu chánh hạnh như thế nào? Cúi xin Như lai nói cho con.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Thiện nam, thiện nữ ưa kính pháp nếu muốn đọc tụng, thưa hỏi kinh pháp thì nên đến chỗ Hòa thượng, A-xà-lê; đến rồi, nên thưa hỏi Hòa thượng,

A-xà-lê về pháp mà Hòa thượng, A-xà-lê đã thông đạt, vì chánh pháp của Như lai là pháp tùy tâm ưa thích. Trước phải xin phép các vị ấy có cho hỏi hay không. Nếu Thầy cho thì sau đó mới được hỏi. Tuy mình đã được mười hoặc mười hai tuổi hạ, nhưng vì ưa pháp nên cần phải đến thưa hỏi và xin y chỉ. Vì sao? Vì trong giáo pháp Như lai, tuy cho phép Tỳ-kheo năm hạ được phép lìa y chỉ, nhưng vị ấy lúc đầu kính pháp, vì pháp, thích cầu pháp, vì vị ấy muốn thành tựu đức hạnh của mình, thì này A-nan! Vị A-xà-lê ấy nên vì thế mà cho y chỉ, hoặc nói "Được", hoặc nói " Đúng vậy", hoặc nói "Vâng", hoặc nói "Tốt", hoặc nói "Nên học hỏi", hoặc nói "Luôn cẩn thận hành trì, đừng buông lung. " Nếu theo đúng như pháp tu hành nghiêm chỉnh thì cho y chỉ. Tỳ-kheo thành tựu các pháp như thế mới có thể cho y chỉ. Vị ấy được gọi là thành tựu y chỉ. Giả sử Tỳ-kheo trăm tuổi hạ mà chẳng thể thông đạt các vấn đề như thế thì vị ấy còn nên xin y chỉ, huống là có thể làm thầy y chỉ cho người khác. Nếu như Tỳ-kheo không có tuổi hạ mà thành tựu các pháp như vậy, thì Sa-môn nói nhỏ với vị ấy liền được gọi là đã thọ y chỉ. Giả sử người trăm tuổi hạ mà không thông đạt các Luật pháp như thế thì vị ấy phải xin y chỉ. Trong khi đó thì Tỳ-kheo tụng Kinh ở chỗ vắng vẻ nên khởi tâm kính trọng và cung kính đúng mức với người đọc tụng thọ trì Kinh kia. Ở trước A-xà-lê không được để lộ răng,

không được nhìn dưới chân, không được nhịp chân, không được tréo chân, không được nhón chân, không được rung chân, không được ngồi trên tòa cao. Thầy không hỏi đến thì không được nói, không được trái lời thầy, không được nhìn chăm chăm vào mặt thầy , ở trước thầy, đứng cách ba khuỷu tay. Thầy cho ngồi mới ngồi; ngồi rồi, khởi lòng thương mến Thầy. Kinh nào Thầy tụng, thì trước mình phải đọc thuộc; tụng thuộc rồi thì theo thầy thọ trì Kinh nhiều ít tùy ý. Theo các pháp môn, trong đó có gì thắc mắc thì trước hết phải thưa thỉnh Thầy cho hỏi hay không. Nếu Thầy cho thì sau đó mới thưa hỏi. Thầy thọ trì Kinh xong, mình phải quỳ gối phải xuống đất, hai tay đảnh lễ sát chân Thầy. Nếu chỗ đất dơ mà có lối đi khác thì lui lại mà đi đến chỗ đất bằng phẳng. Nếu chỗ đất bằng phẳng thì trước hết phải đảnh lễ sát chân thầy, sau đó mới đi; đi được mười khuỷu tay, lại đảnh lễ, sau đó theo đường mà đi. Nên nghĩ thế này: "Bậc A-xà-lê thường ở bên ta. Ta chẳng thể xa lìa A-xà-lê. " Đệ tử nên biết thời, mỗi ngày ba thời đến chỗ A-xà-lê; nếu không đến thì sẽ bị trị như pháp. Nếu đến mà không thấy A-xà-lê thì phải dùng cỏ hoặc cây, hoặc gậy, hoặc đất cục, hoặc đá để làm dấu cho biết. Nếu A-xà-lê đang ngồi thiền trong phòng thì nên đi nhiễu quanh để kính lễ, xong mới đi. Nếu muốn làm việc gì mà chưa hỏi thầy thì không được làm, trừ đại tiểu tiện; không được nói lời thô tục,

hung ác với Thầy, không được nhái lại lời thầy. Những chỗ ngồi của thầy, như là võng, giường, đều không được ngồi. Những vật ấy nếu hư hỏng thì phải sửa ngay. Mỗi buổi sáng sớm, đến chỗ thầy phải đúng lúc, không được đến phi thời. Đến nơi phải thưa hỏi A-xà-lê cần vật gì và mình làm gì, có vào xóm làng chăng. Nếu Thầy nói vào thì phải chuẩn bị y cho Thầy; phải rửa tay và lau tay, rồi hai tay cầm y thầy để chỗ sạch sẽ. Xong, trước mang nước sạch cho thầy rửa tay, sau đó mới trao y cho thầy, kế đến là trao y An-đà-hội, phất trần, hoặc y choàng thân, hoặc y đi mưa, hoặc y và các đồ dùng khác. Phải cung kính như thế. Trước A-xà-lê, không được khạc nhổ; hoặc trong chùa, hoặc phía đông, phía tây, không được vắt y hai vai, không được quấn trên đầu. Tùy theo chỗ Thầy ở, có chỗ Kinh hành thì phải quét dọn sạch sẽ, một ngày lau quét ba lần, ba lần xách nước tắm rửa, ba lần thăm hỏi; vì thầy khất thực. Nếu thầy có việc thì phải làm hết sức mình. Khi ăn xong, phải xin thầy để được phép mang bát đi rửa. Nếu thầy cho rửa thì phải rửa bát thầy trước, sau đó mới rửa bát mình. Nếu thầy không cho thì không được van nài. Vì sao? Này A-nan! Vì vị lai có Tỳ-kheo làm như thế, sẽ nghĩ thế này:" Bát của Như Lai Đẳng Chánh Giác không có người rửa". Vì học theo ta, họ sẽ tự rửa bát. Nhưng Như Lai cũng cho họ làm như vậy. Mùa hạ thì lấy nước mát, mùa đông thì lấy nước

nóng, tùy theo nhu cầu của Thầy mà đáp ứng. Ở trước thầy, không được xỉa răng; không được nói thầy là tốt hoặc xấu. Trông thấy thầy từ xa, phải đứng dậy nghinh tiếp. Này A-nan! Nếu theo vị nào đọc tụng, thưa hỏi một bài kệ bốn câu thì vị đó là Thầy A-xà-lê của mình. Vì vậy phải cung kính A-xà-lê.

Này A-nan! Nếu không cung kính A-xà-lê như thế là người làm điều không chân chánh. Người nói lỗi lầm của thầy thì đừng gọi ta là Thế Tôn. Vì sao? Này A-nan! Vì người ấy chẳng tôn trọng Phật, chẳng Kính Pháp, chẳng ở trong đoàn thể Tăng. Vì sao? Này A-nan! Vì người ngu si như thế chẳng được gọi là an trụ trong hạnh chân chánh. Này A-nan! Người an trụ trong hạnh chân chánh thì Ta giảng nói Phật pháp cho người ấy.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan cảm động rơi lệ, thưa:

-Bạch Thế Tôn! Trong đời vị lai, nếu có chúng sanh, có thể an trú, có thể thực hành các hạnh như thế thì thật là hiếm có! Bạch Thế Tôn! Con có thể thực hành những hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo không cung kính Hòa thượng, A-xà-lê và nói lỗi của những vị ấy thì Tỳ-kheo này bị những tội báo gì?

Đức Phật bảo A-nan:

- Nếu có Tỳ-kheo không cung kính Hòa thượng, A-xà-lê và nói lỗi của những vị ấy, thì Ta

nói, những người này là phàm phu ngu si. Vì sao? Này A-nan! Vì nếu thật sự A-xà-lê có lỗi còn không được nói, huống là nói điều không có! Như vậy, này A-nan! Nếu người không cung kính Hòa thượng, A-xà-lê thì có địa ngục Bích chi còn gọi là Diệt, khi người ấy qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục ấy. Bị đọa vào đó rồi, liền có bốn đầu, trên thân lửa bốc cháy như hòn sắt nóng; ở trong đó có các trùng tên là thiết cẩu (chó sắt), thường căn ăn lưỡi của tội nhân. Ở nơi ấy, khi qua đời lại sanh vào loài súc sanh làm hổ, sói, dã can; mọi người thấy đều nói đó là loài hổ, sói, dã can; ai thấy cũng đều không ưa, vì trong quá khứ, miệng thường ăn phân dơ; chịu tội báo xong rồi, lại sanh vào loài người, nhưng thường ở chỗ biên địa, nơi không có Phật pháp. Tuy sanh trong loài người nhưng đầy đủ các điều xấu ác, xa lìa công đức; hình dạng, sức lực chẳng giống con người, thọ thân hình chẳng giống cha mẹ, chẳng được cha mẹ thương yêu, thường bị chê bai, xa lìa chư Phật, đời đời ngu si, mê muội vô trí, mau chóng bị đọa địa ngục. Vì sao? Vì không cung kính thầy dạy pháp, vị cứu độ hoạn nạn cho mình. Này A-nan! Những người như thế luôn bị khổ sở. Này A-nan!

Giả sử đọc tụng thọ trì một bài kệ bốn câu và sao chép Kinh điển cúng dường thì mỗi chữ có công đức bằng công đức cung kính đội, hoặc vác, hoặc cõng Thầy trên lưng và dùng tất cả những vật

dụng vừa ý để cúng dường Thầy trong một kiếp. Này A-nan! Cúng dường như thế rồi còn không thể báo ân A-xà-lê.

Đức Phật bảo A-nan:

- Trong đời vị lai, có những Tỳ-kheo ác, có được Kinh này nhưng không cung kính A-xà-lê, Hòa thượng. Vì không có hạnh nên nói lỗi của A-xà-lê, Hòa thượng. Ta chắc chắn rằng những Tỳ-kheo như vậy là những người ngu si, sẽ bị đọa vào các địa ngục chịu khổ sở lớn.

Này A-nan! Nay ta nói với Thầy, đồng thời tuyên bố rằng, Như lai vì chúng sanh mà nói các việc làm thiện hay ác, tùy theo việc làm thiện hay ác của họ thế nào mà có quả báo như thế ấy. Vì vậy, này A- nan! Nay các thầy cần phải khéo cung kính, cần phải suy nghĩ kỹ. Này A-nan! Thiện nam, thiện nữ nào khéo cung kính thì đạt được pháp môn này, khen ngợi pháp giải thoát, chê bỏ các dục bất tịnh, diệt tận các trần cấu, đạt pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, A-nan sửa lại y phục, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Pháp cốt yếu này gọi là Kinh gì? Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phải thọ trì, tu hành như thế nào để tiếp nối dòng dõi Tam bảo vào đời vị lai, không để gián đoạn và mất hẳn?

Đức Phật bảo A-nan:

- Kinh này tên là "Chánh Cung Kính, " hãy như

thế mà thọ trì. Đó gọi là yêu kính Phật, yêu kính Pháp và yêu kính Tăng.

Đức Phật thuyết giảng Kinh này xong, Tôn giả A-nan, các Tỳ-kheo cùng chư Bồ tát nghe Phật nói rồi đều vô cùng vui mừng cung kính làm theo.

-oOo-

SỐ 1497

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA GIỚI

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá Vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Bí sô:

- Người nào phá hoại tuổi thọ của giới hạnh, người nào đoạn diệt căn lành, thì xuất gia khó phát tâm tinh tấn giữ gìn vững chắc. Nếu các Bí sô ở trong Phật pháp mong cầu giải thoát thì được xa lìa tất cả các khổ não xấu ác. Như đức Phật đã dạy, thà bỏ thân mạng chịu sự vô thường, chứ không được để tâm buông lung phạm giới. Nếu người bỏ mạng thì chỉ hoại một đời, còn nếu phá giới thì làm cho trăm vạn đời trầm luân trong đường ác đạo. Nếu người trì giới sẽ được thấy Phật. Giới là trang sức tối thượng; giới là hương thơm vi diệu bậc nhất; Giới là nhân tốt của sự hoan hỷ. Giới thể thanh tịnh như nước trong mát, có khả năng trừ nóng bức. Giới pháp là vĩ đại nhất, sự độc hại của chú thuật thế gian và của rồng rắn không thể xâm phạm. Trì giới được danh tiếng tốt, trì giới được an lạc. Và

như vậy khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

- Này Bí sô! Nếu phạm Luật nghi thì giống như người mù chẳng thấy các sắc, cũng như người cụt chân không thể đi được, xa lìa Niết bàn, chẳng đạt đến bờ bên kia. Nếu người trì giới thì thành tựu tất cả các vật báu chánh pháp bảo. Giống như bình lành, tròn đầy, bền chắc thì có thể chứa tất cả châu báu, cũng thế, bình vỡ thì châu báu mất; nếu phạm Luật nghi thì bỏ tất cả các pháp lành. Trước đã từng phạm giới nhưng sau lại muốn cầu Niết bàn như hủy bỏ mắt mà dùng gương soi mặt, thì làm sao có thể được!

Đức Phật dạy:

- Này Bí sô! Người nữ không có lòng tin thì không nên gần gũi. Ân sủng nhà vua khó từ chối được thì không nên ỷ lại. Bọt nước không thật nên không thể nắm bắt. Sự giàu sang vô thường, không thể tồn tại lâu dài. Sắc tướng như hoa, đổi khác trong khoảnh khắc. Tuổi thọ như trái cây chín không thể để lâu, như thuyền qua dòng nước chảy nhanh, như căn nhà mục sắp ngã sập. Thà uống thuốc độc chứ không được uống rượu. Thà nhảy vào lửa lớn chư không được ham thích dục lạc.

Đức Phật giảng nói Kinh này xong, các Bí sô và chư Bồ tát đều vô cùng hoan hỷ, tin nhận và phụng hành.

-oOo-

SỐ 1498

KINH BÁT CHỦNG TRƯỞNG DƯỠNG CÔNG ĐỨC

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Pháp Hộ

"Quy mạng tất cả chư Phật, cúi xin chư Phật, chư Bồ tát gia hộ cho con. " Rồi nói kệ:

Con xin quy mạng Đấng Giác Ngộ
Phật Pháp tối thượng, Tăng thanh tịnh
Con phát tâm Bồ đề rộng lớn
Lợi mình, lợi người đều thành tựu
Sám hối tất cả nghiệp bất thiện
Vô cùng tùy hỷ các việc phước
Trước hết, không ăn trong một ngày
Sau tu tập tám pháp trưởng dưỡng.

Nên biết, tám pháp trưởng dưỡng chính là tám giới. Đệ tử nên ở trước A-xà-lê nói lại kệ ấy hai, ba lần, kế đến xưng tên của mình: Con tên là… cúi xin A-xà-lê chứng minh cho con. Từ nay, con phát khởi lòng tin thanh tịnh cho đến khi ngồi nơi đạo tràng Bồ đề, thành Đẳng Chánh Giác, nguyện qui y Phật, Đấng Lưỡng Túc vô cùng tôn quí, nguyện qui y Pháp, pháp ly dục vô cùng tôn quí, thề qui y Tăng, bậc điều phục vô cùng tôn quí. Tam bảo

chính là nơi hướng về. Con tên… là Ưu-bà-tắc có lòng tin thanh tịnh. Cúi mong A-xà-lê đoái thương hộ niệm cho con. Ngay bây giờ, ngày hôm nay, con phát khởi tâm thanh tịnh cho qua hết đêm nay, cho đến khi mặt trời vừa mọc, trong khoảng thời gian đó, con xin phụng trì tám giới. Đó là:

Một, Không sát sanh,

Hai: Không trộm cắp,

Ba: Không dâm dục,

Bốn: Không nói dối,

Năm: Không uống rượu,

Sáu: Không ăn phi thời,

Bảy: Không dùng vòng hoa trang điểm thân thể và không vui chơi ca múa,

Tám: Không ngồi nằm giường cao rộng lớn.

Nay con lìa bỏ các việc như thế, thề nguyện không bỏ tám thứ công đức của giới cấm thanh tịnh.

Lặp lại hai, ba lần như thế.

Lại nói: Con trì giới hạnh trang nghiêm, khiến tâm con hoan hỷ, hành tất cả các hạnh thù thắng tương ưng, cầu thành quả Phật, hoàn toàn viên mãn.

Rồi nói kệ:

Con phát tâm vô thượng không hai
Vì chúng sanh, không vì thân thiện
Tu hạnh lành Bồ đề thù thắng

Thành Phật, lợi ích khắp thế gian.
Con nguyện nương theo nghiệp thiện ấy
Đời này, mau chóng thành Chánh Giác
Thuyết pháp lợi ích cho thế gian
Giải thoát khổ chúng sanh ba cõi

-oOo-

SỐ 1499

VĂN YẾT-MA GIỚI BỒ TÁT

(BỒ TÁT DI LẶC NÓI)

Hán dịch: Đời Đường Tam Tạng
Pháp sư Huyền Tráng

I. YẾT MA THỌ GIỚI

Nếu các Bồ tát muốn học ba tụ Giới thanh tịnh của Bồ tát, hoặc tại gia, hoặc xuất gia, thì trước hết đối với Bồ đề Vô thượng, nên phát nguyện rộng lớn, phải thưa hỏi kỹ lưỡng để thỉnh cầu Bồ tát đồng pháp, là người đã phát nguyện lớn, có trí tuệ, có năng lực, đối với lời nói biểu thị nghĩa lý, có thể truyền dạy, có thể khai mở. Đối với vị Bồ tát đầy đủ công đức hơn mình như thế, trước hết, nên đảnh lễ nơi hai chân vị ấy, sửa áo bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, cung kính thưa:

"Xin Đại đức đoái thương, con tên là… đến chỗ Đại Đức xin thọ tất cả các giới thanh tịnh của Bồ tát. Cúi xin Đại Đức , trong giây lát, không từ mệt nhọc, thương trao truyền cho con" Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy: Nói lên lời thỉnh cầu rõ ràng như vậy xong, sửa áo bày vai phải, cung kính lễ lạy, cúng dường chư Phật Thế Tôn mười phương

ba đời, đã đạt quả vị lớn, đắc trí tuệ lớn, chứng thần thông lớn. Các chúng Bồ tát hiện tiền chuyên niệm về các công đức ấy, khởi tâm thanh tịnh sâu xa.

Nếu các Bồ tát khi muốn truyền giới Bồ tát cho Bồ tát thì trước hết phải vì họ nói pháp tạng Ma-đát-lý-ca, tướng các giới của Bồ tát và những trường hợp phạm giới để họ nghe nhận, dùng trí tuệ quán sát sự ưa thích của chính họ, có thể suy tư chọn lựa khi thọ giới Bồ tát, chẳng phải do người khác khuyên, chẳng phải vì hơn người khác. Nên biết đó là Bồ tát kiên cố, có thể thọ giới và luật nghi thanh tịnh của Bồ tát, vì người thọ giới pháp mà trao truyền đúng đắn và thích hợp. Người thọ giới Bồ tát, nếu có trí, có năng lực thì ở chỗ Bồ tát hơn mình, phải khiêm hạ, cung kính, quỳ gối sát đất; ở trước tượng Phật chấp tay cầu thỉnh: "Cúi mong Đại đức xót thương, trao cho con giới thanh tịnh của Bồ tát ". Thỉnh như thế rồi, chuyên tâm chánh niệm, nuôi dưỡng tâm thanh tịnh: "Chẳng bao lâu nữa, con sẽ đắc kho tàng công đức to lớn, Vô thượng, vô lượng, vô tận. " Rồi im lặng an trú trong ý nghĩa tư duy như thế.

Bấy giờ, Bồ tát có trí lực, đối với Bồ tát thực hành chánh hạnh kia, với tâm không loạn động, hoặc ngồi hoặc đứng, nói như thế này: "Ngươi đúng là thiện nam. Có phải ngươi là Bồ tát chăng?" Vị ấy đáp: "Dạ, Đúng vậy!" hỏi: "Phát nguyện Bồ đề chưa?" Đáp: "Dạ, Phát rồi". Từ nay về sau nên

nói thế này: "Ngươi đúng là thiện nam. Nay cho ngươi ở chỗ ta, thọ tất cả học xứ của các Bồ tát, thọ tất cả giới thanh tịnh của các Bồ tát, đó là giới luật nghi, giới bao gồm các pháp lành và giới làm lợi ích cho hữu tình. Học xứ như thế, giới thanh tịnh như thế, tất cả Bồ tát quá khứ đã đầy đủ, tất cả Bồ tát vị lai sẽ đầy đủ, tất cả Bồ tát hiện tại trong mười phương đang đầy đủ. Học xứ ấy, tịnh giới ấy, tất cả Bồ tát quá khứ đã học, tất cả Bồ tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ tát hiện tại đang học. Ngươi có thể thọ chăng?" Đáp: "Dạ, Có thể thọ".

Bồ tát truyền giới lần thứ hai, lần thứ ba, cũng hỏi như vậy. Bồ tát thọ giới, lần thứ hai, lần thứ ba, cũng đáp như vậy. Thọ giới như thế rồi, Bồ tát thọ giới chẳng rời chỗ ngồi; Bồ tát truyền giới ở trước tượng Phật, và chư Phật, chư Bồ tát hiện tại trong khắp mười phương, cung kính cúng dường, đảnh lễ hai chân, nói thế này:" Ngưỡng bạch chư Phật, chư Bồ tát trong các thế giới khắp mười phương vô biên, vô tế, nay ở nơi đây, hiện có Bồ tát tên là… ở chỗ con là Bồ tát tên là…, đã ba lần xin thọ giới Bồ tát. Con đã làm chứng cho vị ấy. Cúi xin chư Phật, Bồ tát trong các thế giới khắp mười phương vô biên, vô tế, là những bậc Thánh chân chánh bậc nhất, hoặc hiện, hoặc không hiện trong tất cả mọi lúc, mọi nơi, nhưng vì tất cả hữu tình đều hiện là bậc giác ngộ, hiện nay kính xin quý vị cũng vì Bồ tát thọ giới mà chứng minh cho. Lần thứ hai, lần

thứ ba cũng bạch như vậy. Như vậy là yết-ma thọ giới đã hoàn tất. Từ đó, liên tục, trước chư Phật hiện trú trong các thế giới vô biên vô tế ở mười phương và trước các Bồ tát đã chứng các địa, tướng "pháp nhĩ" hiện ra, do đó rõ ràng. Như vậy là Bồ tát đã thọ giới thanh tịnh mà Bồ tát phải thọ.

Bấy giờ, Chư Phật, Bồ tát ở mười phương đều thấy tướng pháp nhĩ của Bồ tát nên đều sanh khởi sự ghi nhớ. Do ghi nhớ nên chuyển vận trí tuệ và tri kiến chân chánh; do chuyển vận trí tuệ và tri kiến chân chánh nên giác tri như thật, ở trong thế giới đó, có Bồ tát tên. . . đó ở chỗ Bồ tát đó mà thọ giới thanh tịnh. Tất cả đối với Bồ tát thọ giới này, quý vị nhớ nghĩ thương yêu như con, như em, bà con thân quyến. Do Phật, Bồ tát thương yêu nhớ nghĩ nên khiến cho sự mong cầu pháp lành của Bồ tát ấy càng thêm tăng trưởng, không bị thối chuyển. Như vậy mới gọi là thỉnh cầu vị chứng minh thọ giới Bồ tát. Nếu các Bồ tát an trú trong giới luật nghi thì có bốn pháp Tha thắng xứ. Những gì là bốn? Nếu các Bồ tát vì tham dục mà cầu lợi dưỡng, cung kính, khen mình chê người thì đó là pháp Tha thắng xứ thứ nhất. Nếu các Bồ tát hiện có của cải, nhưng vì tánh keo kiệt nơi của cải nên vẫn bị khổ, bị nghèo, không nơi nương tựa, không ai cây nhờ. Khi có người đến trước mặt xin của cải, chẳng khởi lòng thương xót bố thí cho họ. Khi có người đến trước mặt cầu pháp, vì tiếc pháp nên tuy

là hiện có pháp nhưng không ban cho; đó gọi là pháp Tha thắng xứ thứ hai. Nếu các Bồ tát nuôi lớn các loại nóng giận ràng buộc vì nhân duyên ấy không chỉ nói lời thô ác mà còn than thở. Do nóng giận ngăn che nên lại dùng tay, chân, đất, đá, đao, gậy, đánh, đập làm thương tổn, não hại chúng sanh. Trong lòng luôn luôn giận dữ mạnh mẽ nên có người xúc phạm đến xin lỗi thì không chấp nhận, không bỏ oán kết; đó là pháp Tha thắng xứ thứ ba. Nếu các Bồ tát hủy báng tạng Bồ tát mà ưa thích giảng nói, khai mở kiến lập chánh pháp tương tợ, rồi đối với pháp tương tợ này hoặc tự tin hiểu, hoặc truyền cho người khác; đó là pháp Tha thắng xứ thứ tư. Như vậy gọi là bốn pháp Tha thắng xứ của Bồ tát. Bồ tát đối với bốn pháp Tha thắng xứ mà phạm một hay tất cả thì không thể ở trong pháp hiện tại, tăng trưởng và giữ gìn tư lương Bồ đề to lớn của Bồ tát; lại chẳng thể ở trong pháp hiện tại ưa thích thanh tịnh. Đó gọi là tương tợ Bồ tát, chẳng phải Bồ tát chơn thật. Nếu Bồ tát do triền cái bậc trung vi tế phạm bốn pháp Tha thắng xứ, thì không bỏ giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát; do triền cái bậc thượng mà hủy phạm thì gọi là xả giới. Nếu các Bồ tát luôn luôn biểu hiện sự hủy phạm bốn pháp Tha thắng xứ, hoàn toàn không biết hổ thẹn ưa thích sâu đậm, mắc vào tình trạng ấy, thì nên biết, đó là phạm vào triền cái bậc thượng, chẳng phải là Bồ tát. Chỉ một thoáng biểu hiện

pháp Tha thắng xứ, liền bỏ giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát. Như các Bí sô phạm pháp Tha thắng tức là xả giới biệt giải thoát. Nếu các Bồ tát do phạm các pháp này là xả giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát thì ở trong pháp hiện tại có thể thọ lại, chẳng phải là không thể. Còn như Bí sô an trú giới biệt giải thoát mà phạm pháp Tha thắng thì trong pháp hiện tại không thể thọ lại.

Như vậy, giới thanh tịnh mà Bồ tát đã thọ đối với tất cả các giới khác đã thọ là tối thắng, Vô thượng, vô lượng, vô biên, là chỗ nương theo của kho tàng công đức lớn, là nơi phát khởi sự ưa thích tâm thiện tối thượng bậc nhất, có khả năng diệt trừ hết tất cả các hạnh ác của chúng sanh. Tất cả luật nghi Biệt giải thoát đối với luật nghi giới này của Bồ tát không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần kể, phần đếm, phần tính, phần dụ, cho đến một phần cực vi cũng không bằng, vì nó tóm thâu tất cả công đức lớn.

Như vậy là đã làm các việc yết-ma thọ giới Bồ tát, Bồ tát trao, Bồ tát thọ đều đứng dậy cúng dường, cung kính đảnh lễ sát đất chư Phật, Bồ tát trong các thế giới vô biên, không cùng tận trong khắp mười phương, rồi lui ra.

Lại các Bồ tát nào không theo tất cả các Bồ tát thông tuệ cầu thọ giới thanh tịnh phải thọ của Bồ tát thì đó là hạng không có lòng tin thanh tịnh không nên cho thọ, nghĩa là đối với Giới thanh tịnh

phải thọ như vậy, ban đầu không tin hiểu thì không thể vào được. Đối với người không tư duy kỹ có sự tham lam, keo kiệt, người bị tham lam, keo kiệt che lấp, người có dục lớn, người không biết đủ, thì không nên cho thọ; đối với người hủy giới thanh tịnh, người đối với các học xứ không cung kính, người đối với giới luật nghi bê trễ, thì không nên cho thọ; đối với người có sân hận, đối với người phần nhiều không nhẫn, đối với người bị người khác xúc phạm không thể chịu đựng, thì không nên cho thọ; đối với người lười nhác, người biếng trễ, phần nhiều ham mê ngủ ngày ngủ đêm, ưa nương tựa, ưa nằm, ưa giao du với bạn bè, ưa đùa giỡn, thì chẳng nên cho thọ; người tâm thần tán loạn cho đến người không thể trụ tâm tu tập việc thiện trong khoảng thời gian ngắn nhất thì không nên cho thọ; người u mê, người ngu si, người có tâm thấp kém, người phỉ báng Tạng Kinh và Tạng Luận của Bồ tát thì không nên cho thọ.

Lại nữa, các Bồ tát đối với pháp tắc thọ giới luật nghi của Bồ tát tuy đã đầy đủ, thọ trì rốt ráo nhưng đối với người hủy báng tạng Bồ tát, là hữu tình không lòng tin, thì đừng bao giờ chỉ bày khai ngộ. Vì sao? Vì do nghe rồi, không thể tin hiểu, họ bị chướng vô tri to lớn che lấp, liền sanh phỉ báng; giống như Bồ tát trụ giới luật nghi thanh tịnh, thành tựu Tạng công đức lớn vô lượng, người hủy báng ấy, do sự hủy báng nên cũng cuốn theo tạng nghiệp

lực to lớn vô lượng, cho đến tất cả lời nói ác, tri kiến ác, tư duy ác chưa vĩnh viễn dứt bỏ thì không bao giờ thoát khỏi.

Nếu các Bồ tát muốn thọ giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát mà không gặp người đầy đủ công đức thì khi ấy nên ở trước tượng Như lai tự thọ giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát. Nên thọ thế này, sửa áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, nói:" Con tên là… ngưỡng bạch tất cả các đức Như lai, các chúng Bồ tát đã nhập Đại địa trong mười phương, hôm nay, con muốn ở chỗ tất cả Như lai, Bồ tát trong mười phương thề thọ tất cả học xứ của Bồ tát, thề thọ tất cả giới thanh tịnh của Bồ tát, đó là Luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới. Học xứ như thế, giới thanh tịnh như thế, tất cả Bồ tát quá khứ đã đủ, tất cả Bồ tát vị lai sẽ đủ và tất cả Bồ tát hiện tại trong mười phương có đủ. Đối với học xứ ấy, đối với giới thanh tịnh ấy, tất cả Bồ tát quá khứ đã học, tất cả Bồ tát vị lai sẽ học, và tất cả Bồ tát hiện tại trong khắp mười phương thế giới đang học. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế. Nói rồi đứng dậy. Còn lại, nên biết, tất cả đều như trước.

II. YẾT MA SÁM HỐI

Nếu các Bồ tát theo những vị khác chính thức thọ giới luật nghi rồi, do ý muốn cầu học thanh tịnh, ý muốn giác ngộ, ý muốn làm lợi ích tất cả

hữu tình, nên khởi sự tôn trọng cung kính cùng cực, ngay từ đầu chuyên tinh, không nên vi phạm; nếu có vi phạm thì nên cấp tốc như pháp sám hối trừ diệt, khiến trở lại thanh tịnh. Như thế, tất cả vi phạm của Bồ tát, nên biết, đều thuộc về Ác tác, nên hướng đến người tu Tiểu thừa, Đại thừa đối với nghĩa lý có thể hiểu biết, có thể trao truyền mà phát lồ sám hối diệt trừ. Nếu các Bồ tát vì triền cái (Các thứ buộc che) bậc thượng mà vi phạm pháp Tha thắng xứ như trên thì mất giới luật nghi, phải thọ lại. Nếu vì triền cái bậc trung mà phạm pháp Tha thắng xứ như trên đối với ba người, hay hơn số đó, phải như pháp phát lồ trừ Ác tác; trước hết phải nói lên tên của việc đã phạm, nói thế này:" Thưa Trưởng lão, (hay) Thưa Đại đức! Tôi tên là… đã vi phạm pháp luật của Bồ tát, đúng như sự việc đã trình bày, phạm tội Ác tác, giống như các Bí sô khác đã phát lồ sám hối diệt trừ pháp tội Ác tác. " Nên nói như thế. Vì triền cái bậc hạ mà vi phạm pháp Tha thắng xứ như trên và các vi phạm khác thì phải đối với một người mà phát lồ sám hối như trước, nên biết. Nếu không có người tùy thuận để có thể đối diện phát lồ sám hối trừ diệt điều đã phạm thì khi ấy Bồ tát đem ý mong muốn trong sạch khởi tâm tự thệ: "Con nhất quyết phòng hộ, trong vị lai không bao giờ tái phạm. Như vậy, đối với việc vi phạm, trở lại thanh tịnh.

III. BỎ ĐƯỢC SAI BIỆT

Nói lược, do hai nhơn duyên xả bỏ các giới luật nghi thanh tịnh của Bồ tát. Một là, xả bỏ đại nguyện Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Hai là, hiện hành thượng phẩm triền (trói buộc), phạm pháp Tha thắng xứ.

Nếu các Bồ tát tuy chuyển thân ở khắp mười phương thế giới, tại chỗ sanh ra, không xả bỏ giới thanh tịnh luật nghi của Bồ tát, do đó Bồ tát không bỏ đại nguyện Bồ đề Vô thượng thì cũng không hiện hành triền cái bậc thượng, phạm pháp Tha thắng xứ.

Nếu các Bồ tát chuyển thọ các đời khác, quên mất bổn niệm, do gặp gỡ bạn lành vì muốn nhắc nhở nhớ lại giới Bồ tát, thì tuy là thọ, nhưng chẳng phải là mới thọ, cũng chẳng phải là mới đắc.

-oOo-

SỐ 1500

KINH GIỚI BỔN BỒ TÁT

(BỒ TÁT DI LẶC THUYẾT)

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm, người Thiên Trúc đời Bắc Lương

Đảnh lễ đức Thế Tôn

Phật Kim Cang mười phương Quỳ lạy trước Luận chủ

Nên biết đấng Từ Thị. Nay thuyết ba tụ giới Bồ Tát đều lắng nghe Giới như đèn tuệ sáng Trừ diệt đêm tối tăm.

Giới như gương báu sáng Soi tỏ tất cả pháp

Giới như ngọc ma ni Cứu giúp kẻ bần cùng. Lìa thế gian thành Phật Chỉ pháp này trên hết Vì thế các Bồ Tát

Nên siêng năng hộ trì.

Này các Bồ-tát! Bốn pháp Ba-la-di này, là rút ra từ tạng luận Bồ- tát hòa hợp thuyết.

Bồ-tát nào, vì lợi dưỡng, cố ý tự khen phước đức của mình hủy báng người khác. Đấy là nội dung pháp Ba-la-di thứ nhất của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, có tài vật, tâm tánh lại bỏn xẻn, thấy chúng sanh nghèo khổ đến cầu xin, mà không khởi

lòng từ bi cứu giúp, ban cho những vật họ cần cầu. Họ muốn nghe pháp, Bồ-tát cũng lại ích kỷ không thuyết. Đấy là nội dung pháp Ba-la-di thứ hai của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, vì sân giận, nói ra lời xấu ác, ý giận vẫn không nguôi, nên lại dùng tay hoặc gậy, đá, đánh, đập khủng bố gây thương tổn, nên sân hận càng tăng thêm; dù người phạm tội đã cầu xin sám hối mà vẫn không chịu tha, vẫn ôm hận, không xả bỏ. Đấy là nội dung pháp Ba-la- di thứ ba của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, chê bai bằng cách, nói pháp tương tợ tạng Bồ-tát, hăng hái kiến lập pháp tương tợ, tự mình giảng giải hay thọ lãnh từ người khác. Đấy là nội dung pháp Ba-la-di thứ tư của Bồ-tát.

Này Bồ-tát! Ta đã thuyết bốn pháp Ba-la-di, Bồ-tát nào phiền não tăng trưởng, phạm mỗi một pháp, thì đánh mất giới Bồ-tát, nên phải thọ lại. Nay xin hỏi các Bồ-tát ở đây có thanh tịnh không? (ba lần)

Các Bồ-tát ở đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Này các Bồ-tát! Những pháp Đột-cát-la của Bồ-tát này, đều được rút từ tạng luận Bồ-tát hòa hợp thuyết.

Bồ-tát nào, trú giới, luật, nghi trong một ngày một đêm, hoặc Phật còn tại thế, hoặc ở trong tháp

Phật, hoặc pháp, hoặc quyển kinh, hoặc Tạng Kinh Bồ-tát, Tạng luận Bồ-tát, hoặc Tỳ-kheo Tăng, hoặc đại chúng Bồ-tát ở mười phương thế giới mà chẳng cúng dường nhiều ít cho đến một lạy, cho đến một bài kệ, để tán thán công đức Tam bảo, và cho đến một niệm của niệm thanh tịnh cũng không có thì đó gọi là phạm chúng đa phạm. Hoặc vì không cung kính, hoặc vì lười biếng mà phạm, thì phạm này khởi nhiễm ô. Hoặc vì quên hay vì sai lầm mà phạm, thì phạm này chẳng khởi nhiễm ô. Trường hợp người không phạm, thì với tâm thanh tịnh nhập vào địa Bồ-tát, không hủy hoại Tỳ-kheo thanh tịnh, thường thực hành pháp cúng dường ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng.

Bồ-tát nào, nhiều tham muốn, không biết đủ, lệ thuộc tài vật gọi là phạm chúng đa phạm; phạm này khởi nhiễm ô. Trường hợp không phạm, là đoạn trừ được tham chấp, ham muốn, khởi phương tiện nhiếp thọ để đối trị những tánh phiền não nhạy bén đã phát sanh.

Bồ-tát nào, nếu thấy Thượng tọa, hay người ngang hàng có phước đức, đúng ra nên cung kính, mà lại kiêu ngạo, sân giận, không phát tâm cung kính, không khiêm nhường, có thưa hỏi pháp, cũng không trả lời, thì gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Hoặc lười biếng, hoặc tâm vô ký, hoặc quên, sơ xuất mà phạm, phạm này nhưng không khởi nhiễm ô. Trường hợp không

phạm: Nếu bị bệnh nặng, hoặc

tâm cuồng loạn, ảo tưởng trong giấc ngủ, có người hỏi đều không trả lời; thì không phạm. Khi Thượng tọa thuyết pháp và bàn luận quyết định, hoặc khi tự mình thuyết pháp, hoặc nghe pháp, hoặc khi tự mình bàn luận quyết định, hoặc thuyết pháp trong chúng, hoặc bàn luận quyết định trong chúng; nếu không lễ lạy, thì không phạm. Hoặc vì muốn ủng hộ tâm người thuyết pháp, hoặc đang dùng phương tiện làm cho người kia điều phục, xả bỏ việc ác, tu tập điều lành, hoặc đang chấp hành qui chế của tăng, hoặc đang ủng hộ ý kiến của nhiều người, nên không đáp trả, thì đều không phạm.

Bồ-tát nào khi có thí chủ, đến thỉnh hoặc đến tận nhà mình, hoặc đến trong chùa hay ở nhà khác để cúng dường các thứ y phục, thức ăn và vật cần dùng, mà Bồ-tát vì tâm sân giận, ngạo mạn, không đến không nhận, thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là hoặc bị bệnh, hoặc không đủ sức khỏe, hoặc cuồng loạn, hoặc nơi quá xa, hay trên đường đi sợ có nạn, hoặc biết mà không thọ để điều phục người thí chủ, xả bỏ tâm xấu ác an trú pháp lành, hoặc trước đã thọ thỉnh, hoặc đang tu pháp thiện không muốn gián đoạn hoặc đang mong được nghe ý nghĩa lợi ích của pháp "Chưa từng có" và bàn luận

quyết định, hoặc biết người thỉnh mời sẽ làm não hại, hoặc để bảo vệ tâm giận trách của nhiều người, hoặc nhằm bảo vệ qui chế của Tăng chúng.

Bồ-tát nào, được thí chủ cúng dường những vật báo như vàng, bạc, ngọc, ma ni, lưu ly nhưng vì tâm sân giận, ngạo mạn mà trả lại không nhận, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm, do từ bỏ chúng sanh. Nếu biếng nhác thì phạm này không khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm: hoặc vì điên cuồng, hoặc biết thọ nhận rồi, chắc chắn sanh tham đắm, hoặc biết thọ nhận rồi, thí chủ sanh nuối tiếc, hoặc biết thọ nhận rồi thì thí chủ sanh nghi ngờ, hoặc biết thọ nhận rồi thì thí chủ sẽ nghèo khổ, hoặc biết vật đó dự định để cúng Tam bảo; hoặc biết vật đó là từ trộm cướp mà có, hoặc biết thọ nhận rồi, sẽ bị nhiều khổ não, bị quở trách là cướp đoạt của cải, phải chịu hình phạt trói buộc.

Bồ-tát nào, khi có chúng sanh muốn đến nghe pháp, mà vì tâm lý sân hận, ganh tị, không chịu nói pháp cho họ, gọi là phạm chúng đa phạm; phạm có khởi ô nhiễm. Nếu biếng nhác thì phạm này không khởi ô nhiễm. Những trường hợp không phạm: Hoặc vì ngoại đạo muốn vạch tìm lỗi, hoặc bị bệnh nặng, hoặc bị cuồng loạn, hoặc biết không nói pháp thì sẽ điều phục được họ, hoặc biết họ tu pháp chưa hoàn hảo; hoặc biết người hỏi pháp, không thể cung kính làm theo đúng oai nghi, hoặc người đó căn cơ thấp kém, nghe pháp vi diệu sâu xa, sẽ sanh

tâm lo sợ, hoặc biết người đó nghe pháp rồi, tăng thêm tà kiến; hoặc biết người đó, nghe pháp rồi, sẽ hủy báng, thối lui, hoặc người đó nghe rồi hướng người xấu ác mà nói.

Bồ-tát nào, đối với chúng sanh phạm giới hung ác, mà dùng tâm sân hận, hoặc tự mình từ bỏ họ, hoặc bảo người khác từ bỏ, nên không giáo hóa họ, gọi là phạm chúng đa phạm; phạm này khởi ô nhiễm. Nếu vì biếng nhác, hoặc quên mà che chở; thì phạm này không khởi ô nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát, nên khởi tâm Từ Bi rộng lớn, đối với kẻ ác, cũng như người hiền. Trường hợp không phạm: hoặc bị cuồng loạn, hoặc biết mà không thuyết để điều phục họ, như trước đã nói, hoặc bảo vệ tâm người khác, hoặc vì bảo vệ quỉ chế của Tăng chúng.

Bồ-tát nào, ở trong giới Ba-la-đề-mộc-xoa của Như lai, xây dựng giới luật, ngăn ngừa tội lỗi, bảo hộ cho chúng sanh. Họ không tin, làm cho tin, tin rồi làm cho tăng trưởng rộng ra đồng với hàng Thanh văn học. Vì sao? Vì hàng Thanh văn cho đến việc tự độ, cho đến việc không từ bỏ độ người, luôn khiến cho người không tin phải tin, tin rồi làm cho học giới tăng trưởng, huống gì là Bồ-tát, cứu độ là đứng đầu. Lại hàng Thanh văn chỉ ngăn ngừa tội lỗi, nên ít trụ, ít lợi, ít làm, ít dùng phương tiện. Cho nên, Thế tôn kiến lập học giới Bồ-tát khác với Thanh văn. Vì sao? Vì Thanh văn tự độ xả bỏ

người, nên an trú vào ít lợi, ít làm, ít dùng phương tiện, chẳng phải như Bồ-tát độ mình và độ người, mà vẫn an trú ở ít lợi, ít làm, ít dùng phương tiện. Bồ-tát vì chúng sanh nên chẳng kể là bà con, Bà-la-môn, cư sĩ đối với sự mong cầu, thì trăm ngàn y phục cũng đều tùy ý ban cho còn phải biết thí chủ kham hay không kham tùy theo sự dâng cúng mà lãnh thọ. Như y bát cũng vậy. Như tự mình mong cầu y bát, chỉ sợi, khiến người thợ chẳng bà con dệt thành vải. Vì chúng sanh, nên Bồ-tát cất chứa trăm ngàn tọa, ngọa cụ tốt đẹp, cả đến trăm ngàn vàng, bạc cũng đều thọ nhận. Như vậy, trú ở ít lợi, ít làm, ít phương tiện với hàng Thanh văn là để ngăn ngừa tội lỗi còn Bồ-tát trú trong học giới thì không giống. Giới luật nghi của Bồ-tát là vì chúng sanh. Nếu Bồ-tát với tâm thù hận, mà an trú ở chỗ ít lợi, ít làm, ít phương tiện, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu vì biếng nhác mà an trú ở nơi ít lợi, ít làm, ít phương tiện thì phạm nhưng chẳng khởi ô nhiễm. Nếu Bồ-tát thân miệng quanh co, hoặc hiện tướng, hoặc chê bai, hoặc vì lợi mà cầu lợi, sống trong pháp tà mạn không biết hổ thẹn, không có khả năng xả ly, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm, Vì đoạn trừ chúng, nên muốn khởi phương tiện, phiền não tăng trưởng lại khởi vô số. . .

Bồ-tát nào, tâm loạn động, không an tịnh lớn

tiếng đùa giỡn, khiến người khác ưa thích, tạo thành nhân duyên, thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu quên mà sơ xuất phạm, thì phạm này không khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là vì đoạn trừ chúng mà muốn khởi phương tiện, như trước đã nói. Hoặc vì người khác giận hờn, muốn họ dứt hết, hoặc vì người khác lo buồn, muốn họ dứt hết, hoặc tính người khác ưa thích đùa giỡn, vì họ mà thu nhiếp, hoặc muốn đoạn trừ chúng, nên ủng hộ, hoặc người khác nghi ngờ Bồ-tát có tâm chống trái, giận hờn, thì Bồ-tát tỏ ra vui vẻ, tâm vẫn thanh tịnh.

Bồ-tát nào, thấy, nói như vầy, Bồ-tát không nên thích Niết bàn, không nên nhập Niết bàn, không nên sợ phiền não, không nên vì nhàm chán mà xa lìa. Vì sao? Vì Bồ-tát đã ở trong ba a tăng kỳ kiếp, thọ nhận sanh tử đã lâu, mong cầu quả vị đại Bồ đề. Nếu nói như thế, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Vì sao? Vì hàng Thanh văn rất ưa thích Niết bàn lo sợ nhàm chán phiền não, trăm ngàn vạn ức lần không bằng Bồ-tát ưa thích Niết bàn, lo sợ, nhàm chán phiền não. Nghĩa là hàng Thanh văn chỉ vì lợi mình, Bồ-tát thì không như thế, luôn vì chúng sanh. Bồ-tát tu tập không có tâm nhiễm ô, hơn hẳn A la hán, diệt sạch Hữu lậu xa lìa phiền não.

Bồ-tát nào không hộ trì, không có lòng tin, không ủng hộ quở trách hủy báng, cũng không trừ

diệt, nếu thật sự người có nhiều tội lỗi, mà không đoạn trừ, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này có khởi tâm nhiễm ô. Người thật sự không có tội lỗi, mà không trừ diệt, thì phạm chẳng này khởi tâm nhiễm ô. Trường hợp không phạm, nếu ngoại đạo chê bai báng, hoặc người ác khác. Nếu người xuất gia khất thực, tu tập, nhân lành, sanh tâm hủy nhục người. Nếu ở trước người giận dữ, cuồng loạn mà sanh tâm chê trách. Bồ-tát thấy chúng sanh nên thuyết giảng về khổ đau để được lợi ích. Bồ-tát vì lo sợ khổ não mà không làm, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là Bồ-tát quán thấy chúng sanh, hiện tại, ít được lợi ích, khởi nhiều đau khổ.

Bồ-tát nào dùng lời mạ nhục trả thù người mạ nhục, dùng sân giận trả thù người sân giận, dùng sự đánh đáp đập trả lại người đánh đập, dùng sự hủy nhục trả thù người hủy nhục mình, đây gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm.

Bồ-tát nào xâm phạm người khác, hoặc không phạm mà khiến cho người khác nghi ngờ, thì phải xin lỗi. Nếu giận hờn trách móc, ngạo mạn không xin lỗi như pháp thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu phạm vì biếng nhác, thì phạm này chẳng khởi nhiễm ô. Trường hợp không phạm hoặc dùng phương tiện để điều phục người kia, hoặc người kia muốn làm hạnh bất tịnh, nhưng sau đó, người thọ nhận không sám hối, thì

không tội; hoặc biết người kia tánh ưa tranh tụng, nếu xin lỗi sẽ làm tăng sự nổi giận; hoặc biết người kia hòa nhẫn, tâm không hiềm khích, thù hận, vì sợ người ấy xấu hổ, không sám cũng không tội.

Bồ-tát nào, khi người phạm giới kia đến sám hối như pháp, mà vì tâm hiềm hận, muốn làm cho họ phiền não, nếu không nhận lời sám hối, thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu tâm không giận trách, không thọ nhận sám hối, thì phạm này không khởi tâm nhiễm ô. Trường hợp không phạm: hoặc dùng phương tiện để điều phục người kia, như trước đã nói. Hoặc người kia không như pháp mà sám hối, tâm người đó không được bình thường, nếu không nhận sự sám hối đó, cũng không có tội.

Bồ-tát nào, khởi tâm hiềm trách người khác, chấp chặt không xả bỏ. Đây gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm, vì đoạn trừ nó, nên muốn khởi phương tiện, như trình bày ở trên.

Bồ-tát nào, vì tham lam việc phụng sự, mà cất chứa để nuôi dưỡng bà con, thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm; Bồ-tát không có tâm tham cầu cất chứa. Nếu Bồ-tát lười biếng ưa thích ngủ nghỉ, không đúng thời chẳng biết đủ thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm. Hoặc bị bệnh, sức khỏe kém, đi

xa mỏi mệt, hoặc để đoạn trừ chúng nên muốn khởi phương tiện, như trước đã trình bày.

Bồ-tát nào, vì tâm ý ô nhiễm bỏ phí thời giờ để bàn chuyện thế tục, thì gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu quên hay sơ xuất phí mất thời gian, thì phạm mà không khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm: Gặp người khác hỏi, mà Bồ-tát muốn giữ gìn tâm ý của họ, nên nghe trong chốc lát, hoặc trả lời những câu hỏi của người khác chưa từng nghe.

Bồ-tát nào, muốn cầu tâm định, mà thù ghét, cao mạn, không lãnh thọ sự dạy dỗ của thầy gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Do biếng nhác, thì phạm nhưng chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm, hoặc bị bệnh, hoặc vì sức khỏe kém, hoặc biết người đó nói đảo lộn, hoặc mình có đủ năng lực nghe biết nhiều, hoặc trước đã lãnh thọ pháp rồi.

Bồ-tát nào, khởi năm cái (sự ngăn che), mà tâm không khai thông (hiểu biết), gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này có khởi tâm nhiễm ô. Trường hợp không phạm. Để đoạn trừ chúng, nên muốn khởi phương tiện, như đã trình bày ở trước.

Bồ-tát nào, , thích giữ gìn thiền định dùng để làm công đức, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là vì đoạn trừ chúng, nên muốn khởi phương tiện, như

đã trình bày ở trên.

Bồ-tát nào, thấy và cho: Bồ-tát không nên nghe kinh pháp của Thanh văn, không nên lãnh thọ không nên học. Bồ-tát nào, thực hành pháp Thanh văn, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát còn nghe luận thuyết của ngoại đạo, huống gì là lời đức Phật dạy. Trường hợp không phạm là thường học tạng Bồ-tát, nhưng chưa thể thông suốt.

Bồ-tát nào, đối với tạng Bồ-tát không tạo phương tiện, xả bỏ, không học, chỉ tu tập kinh pháp của Thanh văn, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này chẳng khởi ô nhiễm.

Bồ-tát nào, đối với lời dạy của đức Phật, từ bỏ không học, trái lại học tập tà luận ngoại đạo và kinh điển thế tục, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm; hoặc là người thông minh nhất, tiếp thu nhanh chóng, hoặc học lâu không quên mất, hoặc tư duy biết nghĩa lý. Hoặc ở trong pháp của Phật, soi xét tất cả, chứng được trí bất động hoặc mỗi ngày, thường dành hai phần (thời gian học tập kinh điển của Phật, một phần đọc sách ngoại đạo), đây gọi là không phạm. Như thế, Bồ-tát đối với tất cả sách thế tục, luận thuyết của ngoại đạo tà kiến, mà ưa thích không từ bỏ, không nghĩ tưởng đó là độc hại, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm.

Bồ-tát nào, nghe nghĩa chân thật, sâu xa về tạng pháp của Bồ-tát, vô lượng oai lực thần thông của chư Phật, Bồ-tát, mà chê bai không chịu lãnh thọ, lại cho chẳng lợi ích, chẳng phải lời nói của Như lai, không thể đem lại an lạc cho chúng sanh, gọi đó là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Hoặc vì tâm mình tư duy không chân chánh, nên mới chê bai, hoặc thuận theo người khác mà chê bai. Bồ-tát này, nghe nghĩa sâu xa đệ nhất, mà không sanh tâm hiểu biết, thì Bồ-tát này phải khởi lòng tin, không có tâm quanh co, làm vậy chính là học. Ta vốn không phải mù, dù không có mắt trí tuệ như tuệ nhãn của Như lai, nhưng vẫn tùy thuận thuyết giảng lời dạy của Ngài thì sao lại phát khởi sự chê bai?

Bồ-tát này tự ở nơi xứ vô tri! Như thế là Như lai hiện pháp thấy biết chơn chánh, quán chơn chánh và hướng đến đúng đắn thì không phạm, chẳng phải không hiểu mà chê bai!

Bồ-tát nào, vì tâm tham lam, giận dữ, tự khen công đức mình, chê người, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là: hoặc xem thường ngoại đạo, hoặc tán thán pháp Phật, hoặc dùng phương tiện khiến họ được điều phục, như trình bày ở trên, hoặc người không tin khiến cho tin, người tin rồi làm cho tăng trưởng.

Bồ-tát nào, biết (nghe) ở đâu có giảng thuyết giới pháp hoặc bàn luận quyết định, mà vì tâm kiêu

mạn, sân giận không đến nghe pháp gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Do biếng nhác mà phạm, thì phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là: Vì không hiểu hoặc bị bệnh, hoặc sức khỏe kém, hoặc họ thuyết pháp bị đảo lộn, hoặc bảo vệ tâm của người thuyết pháp, hoặc đã nghe nhiều đã thọ trì và hiểu biết nghĩa lý, hoặc đã nghe nhiều hiểu rộng, hoặc nghe thực hành, hoặc đang đúng như pháp thực hành, hoặc tu thiền định không muốn ngừng nghĩ, hoặc căn cơ thấp kém, khó hiểu biết, khó lãnh thọ, khó hành trì. Nếu các trường hợp này, Bồ-tát không đến nghe, điều không phạm.

Bồ-tát nào, xem thường người thuyết pháp; không sanh tâm cung kính, cười mỉa, chê bai, chỉ chấp câu chữ, không nương vào nghĩa chân thật, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu Bồ-tát an trú vào luật nghi giới thấy chúng sanh làm việc, nhưng vì tâm giận dữ, không cùng làm, như là suy nghĩ, tính toán các việc, việc đi cùng đường, hoặc như pháp phát triển lợi ích, việc làm ruộng, chăn trâu, hoặc tranh cãi, việc của chúng hội an lành, việc làm phước, mà không cùng làm với họ, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này khởi ô nhiễm. Nếu do biếng nhác mà phạm, thì phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là: Do bị bệnh, không có sức khỏe, hoặc tự họ có khả năng làm, hoặc họ có nhiều bạn bè, hoặc

việc làm của họ chẳng có phương pháp chẳng có ý nghĩa, hoặc dùng phương tiện khiến cho họ được điều phục, như trước đã trình bày, hoặc trước đã hứa với người khác, hoặc họ có oán hận, hoặc đang tu tập việc lành không muốn tạm dừng, hoặc căn tánh mê mờ, hoặc để giữ gìn tâm ý của nhiều người, hoặc để bảo vệ quy chế của tăng chúng thì Bồ-tát không cùng làm, đều không phạm tội.

Bồ-tát nào, thấy người bệnh gầy yếu mà do tâm giận hờn không đến chăm sóc gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này có khởi tâm nhiễm ô. Nếu do biếng nhác thì phạm nhưng phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là: Vì mình bị bệnh, không có sức khỏe, hoặc đã nhờ người khỏe mạnh chăm sóc người bệnh, hoặc biết tự người đó có (bà con) thân thuộc, hoặc biết người đó có năng lực tự chữa trị, hoặc đang có nhiều bệnh phát sanh, bệnh lâu ngày, hoặc tu tập nghiệp tốt lành không muốn ngừng nghỉ, hoặc căn cơ mờ tối, khó hiểu biết, khó tiếp nhận, khó hành trì khó an trú trong nhân duyên hoặc trước đã nhận khám bệnh cho người khác cũng nghèo khổ bệnh như vậy.

Bồ-tát nào, thấy chúng sanh gây tạo nghiệp ác đời này và đời sau, mà do tâm giận hờn không thuyết pháp chân chánh cho họ, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này có khởi tâm nhiễm ô. Trường hợp không phạm là. Hoặc do mình không đủ trí tuệ, không có sức khỏe, hoặc đã nhờ người khỏe

mạnh thuyết pháp, hoặc biết tự họ có năng lực, có thiện tri thức, hoặc đó là phương tiện để họ được điều phục, như đã trình bày, hoặc biết thuyết pháp chân chánh thì họ lại oán giận Ta, nói lời xấu ác, hoặc sợ họ tiếp thu điên đảo, hoặc không ưa thích cung kính, hoặc tại tánh người đó chống đối ngang bạo.

Bồ-tát nào, thọ nhận ân cúng dường của người, mà do tâm giận hờn, xem thường, không có lời cảm ơn, hoặc tâm muốn thêm sự báo thù họ, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Nếu do tâm biếng nhác mà phạm thì phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm. Hoặc tạo phương tiện mà không có sức lực. Hoặc dùng đó là phương tiện khiến họ được điều phục, như đã trình bày, hoặc muốn báo ân mà họ không chịu nhận.

Bồ-tát nào, thấy chúng sanh có thân thuộc bị nạn khó khăn về của cải mà vì tâm thù giận không làm cho họ thoát khỏi lo buồn não hại, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Nếu do biếng nhác phạm, thì phạm này chẳng khởi ô nhiễm, không giống những việc như trước đã trình bày.

Bồ-tát nào, có người đến tìm cầu thức ăn, y phục, nhưng vì tâm giận hờn mà không ban cho, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Nếu do tâm biếng nhác mà phạm, thì phạm

này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm: là mình không có, hoặc vật cần chẳng phải pháp, hoặc vật không đem lợi ích cho họ, hoặc dùng phương tiện làm cho họ điều phục, như đã trình bày, hoặc họ phạm vương pháp của Vua, nên phải bảo vệ pháp của Vua, hoặc bảo vệ quy chế của tăng chúng.

Bồ-tát nào, thu nhận giáo hóa đệ tử (đồ chúng), do tâm sân giận mà truyền trao không đúng như pháp, không thể tùy thời như Bà-la- môn, cư sĩ mong cầu ăn mặc, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà để tùy lúc mà cung cấp cho họ, gọi là phạm chúng đa phạm, phạm này có khởi tâm nhiễm ô. Nếu do biếng nhác, buông lung mà phạm thì phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm, là dùng việc đó làm phương tiện khiến cho họ được điều phục, như đã trình bày; hoặc để bảo vệ quy chế của tăng chúng, hoặc vị bệnh, hoặc không năng lực, hoặc đã bảo người có năng lực thuyết giảng, hoặc biết người đó có khả năng nhận thức nhiều, công đức lớn, tự tìm cầu các thứ, hoặc biết họ đã từng lãnh thọ giáo pháp, tự họ đã biết pháp, hoặc ngoại đạo trộm pháp mà không thể khuất phục.

Bồ-tát nào, do tâm ý giận hờn không thuận theo người khác, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Nếu vì biếng nhác thì phạm, nhưng phạm này không khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là người đó muốn làm việc không đúng pháp,

hoặc bị bệnh, hoặc sức khỏe kém, hoặc bảo vệ quy chế của tăng chúng, hoặc người đó, tuy đúng như pháp nhưng lại khiến cho nhiều người làm việc không đúng pháp, hoặc muốn đoạn trừ ngoại đạo, hoặc dùng phương tiện đó để khiến họ được điều phục.

Bồ-tát nào, biết chúng sanh khác có công đức chân thật mà do tâm ý giận hờn, không hướng đến người đó để thuyết giảng cũng không khen ngợi, hoặc có ca ngợi, nhưng không xướng là "Lành thay" gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Nếu do lười biếng, buông lung mà phạm, thì phạm này chẳng khởi tâm nhiễm ô. Trường hợp không phạm, biết người đó ít ham muốn, để bảo vệ tâm ý của họ, hoặc bị bệnh, hoặc không có năng lực hoặc dùng phương tiện đó để điều phục họ, hoặc để giữ gìn quy chế của tăng chúng, hoặc khiến người đó khởi lên phiền não, khởi tràn đầy, ưa thích, kiêu mạn, phi nghĩa, vì để trừ diệt những tai họa này, hoặc đúng là công đức nhưng tợ như chẳng phải công đức, hoặc thật đã khéo nói hoàn toàn, tợ như chẳng phải nói hoàn toàn hoặc vì bẻ gãy tà kiến ngoại đạo, hoặc thuyết giảng đã hoàn thành.

Bồ-tát nào, thấy có chúng sanh cần phải trách mắng, cần phải trừ bỏ, cần phải dùng hình phạt bỏ hẳn người đó, mà do tâm nhiễm ô, không quở trách, không trừ bỏ, hoặc trừ bỏ không đúng hình

phạt trục xuất, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này khởi ô nhiễm. Nếu do tâm lười biếng buông lung mà phạm thì phạm này chẳng khởi ô nhiễm. Trường hợp không phạm là người đó không thể trị được, không thể cùng nói chuyện khó có thể dạy bảo, khởi nhiều tâm thù hận, hoặc vừa lúc thấy thì sợ, vì người đó khởi tâm đánh đấu, chống lại, hoặc tranh nhau để nói, hoặc tranh cãi với tăng chúng, hoặc phá hoại tăng, hoặc người đó không quanh co, có tâm hổ thẹn, biết tự sửa đổi dần.

Bồ-tát nào, thành tựu đầy đủ năng lực thần thông, người đáng lo sợ, thì nên lo sợ họ; người đáng dẫn dắt thì nên dẫn dắt họ; vì muốn cho chúng sanh tiêu hết vật dụng của tín thí, chớ không vì năng lục thần thông lo sợ, dẫn dắt họ, gọi là phạm chúng đa phạm. Phạm này chẳng khởi tâm nhiễm ô. Trường hợp không phạm, là nếu chúng sanh đó khởi tâm tham đắm, là ngoại đạo phỉ báng Thánh nhân thành tựu tà kiến, tất cả đều không phạm, hoặc người đó bị cuồng loạn, hoặc khổ đau tăng trưởng.

Này các Bồ-tát! Ta đã nói những pháp Đột-cát-la, Bồ-tát nào, phạm mỗi một pháp, phải thực hành pháp sám hối Đột-cát-la, nếu không sám hối, là làm chướng ngại giới Bồ-tát. Nay xin hỏi các Bồ-tát ở trong đây, thanh tịnh không? (ba lần).

Các Bồ-tát ở đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy, Tôi xin ghi nhận như vậy.

Này các Bồ-tát! Tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di của Bồ-tát, chúng là những pháp Đột-cát-la. Đây là tạng Luận của Bồ-tát, được Thế tôn Di Lặc hòa hợp (thanh tịnh) thuyết, nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiếp chúng sanh giới. Các giới pháp này, có thể phát sanh hạnh của Bồ-tát, thành tựu đạo Bồ-tát. Này các Bồ-tát! Muốn phát tâm cầu đạo Bồ Đề vô thượng, thì nên giữ gìn đầy đủ, nếu người giữ gìn, mà không khởi tưởng về pháp sẽ diệt hết ở đời tượng pháp, thì có thể làm cho nghĩa chân thật của pháp càng sáng tỏ, có thể làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài, không bị tiêu diệt, tâm an trú chân chánh tự thành tựu pháp Phật, giáo hóa chúng sanh không biết mệt mỏi, thành tựu nghiệp lành, mau chóng chứng thành Phật đạo.

-oOo-

SỐ 1501

BỒ-TÁT GIỚI BỔN (2)

(BỒ TÁT DI LẶC THUYẾT)

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư

Huyền Tráng đời Đường.

Bồ-tát nào, đã lãnh thọ giới thanh tịnh của Bồ-tát, nên tự mình thường suy nghĩ đúng đắn. Đây là việc làm chân chánh mà Bồ-tát cần phải làm. Đây chẳng phải việc chân chánh để Bồ-tát làm. Suy nghĩ trước, rồi sau đó mới thực hành. Việc làm đúng đắn cần phải siêng năng tu học. Lại nên chuyên tâm lắng nghe tạng Tố-đát-lãm (Kinh), cho đến Ma-đát-lý-ca (Luận), tùy theo những điều được nghe mà siêng năng tu học.

Bồ-tát nào, an trú vào giới luật nghi thì có bốn pháp xứ tha thắng.

Bốn pháp là:

Bồ-tát nào, vì ham cầu lợi dưỡng và cung kính, tự khen mình chê người, đấy là pháp xứ tha thắng thứ nhất của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, có của cải tài sản nhưng lại có tánh keo kiệt có người nghèo khổ bần khổ, không nơi nương tựa, cô quạnh, đến cầu xin, mà không khởi lòng thương xót, tu tập hạnh thí xả. Nếu có người

đến cầu pháp chân chánh, tuy biết pháp, nhưng vì tánh bỏn xẻn nên không ban bố pháp. Đấy là pháp xứ tha thắng thứ hai của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, cứ nuôi dưỡng làm tăng thêm sự giận dữ trói buộc, do nhân duyên này, không chỉ phát ra những lời nói thô ác, mà lại còn do giận dữ che lấp, nên đánh đập làm đau đớn, thương tổn họ bằng tay, chân, ngói, đá, dao, gậy, bên trong lại ưa thích ôm lông thù hận, giận hờn tàn ác, nếu có người vi phạm, đến xin sám hối mà vẫn không chấp nhận, không vừa lòng, không từ bỏ oán kết. Đấy là pháp xứ tha thắng thứ ba của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, ưa thích việc chê bai tạng Bồ-tát bằng cách tuyên truyền, chỉ bày lập ra thuyết tương tự chánh pháp. Đối với pháp tương tự đó, hoặc tự mình tin hiểu, hoặc theo người khác mà truyền bá. Đây là pháp xứ tha thắng thứ tư của Bồ-tát.

Bồ-tát đối với bốn pháp xứ tha thắng này, không được phạm một giới nào, huống nữa phạm cả bốn giới. Ai phạm, thì người đó trong pháp hiện tại, không tăng trưởng được sự giáo hóa, để làm tư lương cho tâm Bồ đề của Bồ-tát. Ai phạm, thì người đó trong pháp hiện tại, sẽ không ưa thích thanh tịnh. Cả hai gọi là tương tự Bồ-tát chứ chẳng phải Bồ-tát chân chánh.

Bồ-tát nào, phạm hạ, trung phẩm triền thì cũng như hủy phạm bốn pháp xứ tha thắng, mà không

xả bỏ giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, thì phạm thượng phẩm triền (trói buộc) tức gọi là mất giới (xả). Nếu Bồ-tát nào, thường hủy phạm bốn pháp xứ tha thắng, mà không biết hổ thẹn, còn sanh ưa thích, cho đó là công đức, đấy gọi là phạm thượng phẩm triền, thì chẳng phải là Bồ-tát. Khi vừa phạm một lần pháp xứ tha thắng, thì giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát liền bị mất. Cũng như các Tỳ-kheo khi phạm vào pháp tha thắng, thì giới biệt giải thoát liền mất. Nếu Bồ-tát phạm những pháp này, tức bị mất giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát. Ở trong pháp hiện tại có thể kham nhận nhưng phải thọ giới lại. Cũng như Tỳ-kheo, trụ trong giới biệt giải thoát, mà phạm pháp tha thắng, thì trong pháp hiện tại, không thể thọ giới lại. Như vậy, Bồ-tát trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, cần phải biết rõ, có vi phạm hay không vi phạm, là nhiễm ô hay không nhiễm ô, ở trong các phẩm thượng, trung, hạ.

Bồ-tát nào, thường trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát; từng ngày, từng ngày đối với Như lai, vì Ngài mà xây dựng nhiều chùa tháp; đối với chánh pháp, vì chánh pháp mà in chép nhiều quyển Kinh, là gồm các tạng Kinh; Luận của Bồ-tát; đối với Tăng già, là những Bồ-tát ở khắp mười phương, đã thể nhập vào địa tối cao. Nếu không vì những vị đó, đem những vật thực hoặc ít, hoặc nhiều hay đủ tất cả, để cúng dường, cho đến dùng

thân lễ bái và dùng bài kệ bốn câu để tán thán công đức chơn thật của Phật, Pháp Tăng thậm chí chỉ dùng lòng tin thanh tịnh, nhớ nghĩ về công đức chơn thật của Tam bảo, qua một ngày đêm mà cũng trống không, thì đó gọi là có phạm, có chỗ trái vượt. Hoặc không cung kính, biếng nhác để bị vi phạm, thì gọi là phạm Khinh tội có nhiễm ô. Hoặc lầm lẫn, quên mất không nhớ để bị phạm, thì vi phạm này không có nhiễm ô chống trái. Trường hợp không vi phạm, là người do tâm cuồng loạn, hoặc đã chứng thể nhập vào địa Tịnh ý lạc (tâm thanh tịnh an lạc) thì thường không vi phạm. Bồ-tát được tâm thanh tịnh an lạc, ví như Tỳ-kheo khi đã đắc được kinh pháp thanh tịnh vậy. Đối với Phật, Pháp, Tăng thường thực hành các việc và cúng dường đầy đủ vật dụng.

Bồ-tát nào, trụ vào giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, vị ấy còn có nhiều ham muốn mà không biết đủ, đối với các lợi dưỡng và sự cung kính, sanh tham chấp không bỏ, đấy gọi là phạm khinh tội. Vi phạm này nhiễm ô chống trái. Trường hợp không vi phạm, là để đoạn trừ sự ham muốn sanh khởi của họ, nên siêng năng tinh tấn sửa trị cho họ, ta siêng năng ngăn trừ tội lỗi nhưng đừng vì tánh lanh lợi của họ thường khởi mê hoặc ngăn che.

Bồ-tát nào, trụ vào giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà thấy các vị lớn tuổi, có phước đức đáng kính, đồng giới đến, lại sanh kiêu mạn, ôm

lòng thù hận, giận dữ, không khởi tâm cung kính, chẳng nhường chỗ ngồi; Hoặc có người khác đến bàn luận khi ra về, thưa hỏi an ủi, chào mừng thì lại khởi kiêu mạn ôm lòng giận dữ thù hận; không khen ngợi lý chân chánh, mà chỉ nói ra những lời thù dối. Đấy gọi là phạm Khinh tội, vi phạm này là ô nhiễm chống trái; Chẳng phải kiêu mạn, ngăn cản, cũng không phải tâm thù hận, giận hờn, mà chỉ do, biếng nhác, quên mất với tâm vô ký, thì đấy vẫn gọi là phạm Khinh tội. Vi phạm này, không ô nhiễm chống trái. Trường hợp không vi phạm là gặp phải bệnh nặng, hoặc tâm bị cuồng loạn, hoặc mình đang ngủ say; người đó sanh tưởng cảm giác, mà đến gần kề, để nói chuyện, bàn luận an ủi, chào, thưa hỏi, hoặc mình vì người mà tuyên thuyết các pháp, bàn luận dứt sự nghi ngờ, hoặc lại cùng thưa hỏi luận thuyết khác, hoặc người khác đang bàn luận về ý nghĩa dứt sự nghi ngờ mà phải nghe; hoặc người thuyết pháp, có chỗ trái phạm, vì với tâm muốn ủng hộ người thuyết pháp, hoặc muốn dùng phương tiện để điều phục người kia, thoát khỏi chốn xấu ác, trụ nơi yên lành hoặc để giữ gìn qui chế của Tăng chúng; hoặc vì tâm muốn ủng hộ các chúng sanh mà không trả lời tất cả đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, khi có thí chủ đến cung thỉnh đến nhà cư sĩ, hoặc đến chùa khác, để được dâng cúng thức

ăn, y phục và các vật dụng khác, nhưng vì tâm ý ngạo mạn chế ngự nên sanh tâm đố kỵ, giận hờn, bực tức, do đó không đến và không nhận lời thỉnh mời. Đấy gọi là phạm khinh tội, vi phạm này ô nhiễm chống trái. Nếu do biếng nhác quên mất với tâm vô ký mà phạm thì phạm này chẳng nhiễm ô chống trái. Trường hợp không phạm là hoặc bị bịnh, hoặc sức khỏe yếu, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc đến đó quá cao, quá xa, trên đường đi có nạn khủng bố, hoặc muốn dùng làm phương tiện để điều phục người kia thoát khỏi chốn xấu ác, mà trụ nơi an lành, hoặc trước đã nhận lời thỉnh khác, hoặc vì không có thời gian tu tập pháp lành, muốn ủng hộ phẩm thiện, khiến không tạm phế bỏ; hoặc vì muốn thu nhiếp nghĩa chưa từng có, hoặc vì nghĩa của pháp được nghe không thối lui như vì nghĩa của pháp được nghe không thối lui giúp giải quyết mọi sự nghi ngờ, nên biết như vậy, hoặc vì người kia (thí chủ) có tâm tổn hại, buồn bực lừa dối đến mờ thỉnh, hoặc vì ủng hộ tâm quá hiềm hận của người khác, hoặc muốn giữ gìn qui chế của Tăng chúng mà không đến, không nhận lời thỉnh mời tất cả điều đó đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát mà khi có thí chủ cầm giữ các vật có khả năng sanh ra trạng thái tham đắm như ma ni, ngọc quí, thủy tinh và các vật báu, lại cầm giữ nhiều tài sản vô giá, thiết tha dâng cúng đầy đủ, mà

Bồ-tát vì tâm lý hiềm hận hoặc sân si, bực tức, chống đối, không thọ nhận. Đấy gọi là phạm khinh tội, phạm này ô nhiễm chống trái, vì xả bỏ chúng sanh. Nếu vì tâm lười biếng, hay sơ xuất, quên mất hay tâm vô ký mà trái phạm, không thọ nhận. Đấy gọi là phạm khinh tội, phạm này không nhiễm ô chống trái. Trường hợp không phạm hoặc tâm bị cuồng loạn, hoặc biết, khi thọ nhận rồi sẽ sanh đắm nhiễm, hoặc biết người thí chủ sau đó chắc chắn sẽ hối hận, hoặc biết thí chủ đang mê loạn mà bố thí; hoặc biết thí chủ tùy theo sự bố thí để theo đó mà được thọ nhận, do đó chắc chắn bị bần cùng thiếu thốn, hoặc biết vật đó là vật của Tăng chúng hay vật của chùa tháp, hoặc biết vật đó do người kia trộm cướp mà được, hoặc biết vật đó là nguyên nhân sanh ra nhiều lỗi lầm hoạn nạn, như có thể bị giết, trói, phạt, cách chức, ganh ghét quở trách… Nếu chống trái không thọ nhận đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, khi có người đến cần cầu pháp, mà Bồ-tát vì tâm ý hiềm hận, sân giận, bực tức, ganh tỵ, làm thay đổi nên không thí pháp cho người. Đấy gọi là phạm khinh tội, phạm này ô nhiễm chống trái. Nếu vì biếng nhác, sơ xuất, quên mất, hay tâm vô ký mà không bố thí pháp cho người, thì gọi là phạm khinh tội, nhưng phạm này không ô nhiễm chống trái. Trường hợp không phạm: Hoặc ngoại đạo muốn tìm cầu chỗ yếu kém mà hỏi, hoặc bị

bệnh, hoặc tâm cuồng loạn, hoặc muốn dùng phương tiện này, để điều phục người kia ra khỏi chốn xấu ác, trụ nơi yên lành, hoặc đang ở trong pháp vị an lành lợi lạc, hoặc thấy người kia không phát tâm cung kính, không có tâm hổ thẹn, với cung cách xấu ác, mà đến nghe pháp, hoặc biết người đó căn tánh thấp kém, mà đối với giáo pháp rộng lớn, nếu chứng đắc hoàn hảo, họ sẽ sanh tâm lo sợ, phát khởi kiến chấp sai lầm, làm tăng thêm tà kiến, sẽ bị tổn hại, hoặc biết rằng khi người kia thọ nhận pháp, sẽ truyền bá lại cho hàng phi nhân, nên không bố thí pháp, tất cả điều đó đều không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát mà phạm vào giới tàn bạo ác độc với chúng sanh, do tâm ý hiềm hận, giận hờn, bực tức. Người đã phạm giới tàn bạo độc ác như vậy sẽ tìm mọi cách xả bỏ, không làm lợi ích cho chúng sanh. Đấy gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do biếng nhác mà xả bỏ, hay do sơ xuất quên mất không làm lợi ích cho chúng sanh thì gọi là phạm khinh tội, nhưng phạm này chẳng nhiễm trái. Vì sao? Vì Bồ-tát ở trong giới hành trì thanh tịnh, thân, miệng ý nghiệp đều vắng lặng, mà đối với chúng sanh không khởi tâm thương xót, làm lợi ích, thì cũng như phạm giới tàn bạo độc ác với chúng sanh, sẽ ở trong nhân khổ chịu sự chuyển biến. Trường hợp không phạm: Hoặc là tâm cuồng

loạn, hoặc dùng phương tiện để điều phục người kia, như đã nói ở trên, hoặc vì muốn ủng hộ các chúng sanh, hoặc giữ gìn qui chế của Tăng chúng. Vì những việc như vậy, mà xả bỏ, không làm lợi ích chúng sanh, thì đều không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, như đối với biệt giải thoát mà Như lai đã giảng thuyết trong tạng Luật, vì muốn ủng hộ người kia, nên chế ra giới, để ngăn ngừa tội lỗi của hàng Thanh văn, khiến họ không làm. Nhưng đối với chúng sanh, người chưa có lòng tin đúng đắn, thì làm cho họ sanh lòng tin đúng đắn, người đã có lòng tin rồi thì làm cho lớn lên. Đối với điều này, thì Bồ-tát và các Thanh văn đều bình đẳng tu học, không có gì sai khác. Vì sao? Vì hàng Thanh văn coi tự lợi là trên hết, không dám xả bỏ thì làm sao để cứu giúp người khác, khiến cho chúng sanh chưa tin làm cho có đức tin, người có đức tin rồi, làm cho lớn lên thành sự học, đối tượng học xứ, huống chi là Bồ-tát, việc lợi tha là trên hết.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, như đối với biệt giải thoát mà Như Lai đã giảng thuyết trong tạng Luật, vì khiến cho hàng Thanh văn được trụ nơi ít việc, ít tạo tác, ít hy vọng mà chế ra giới, để ngăn ngừa tội lỗi cho hàng Thanh văn, khiến họ không làm.

Đối với điều này thì Bồ-tát và Thanh văn, sự học không giống nhau. Vì sao? Vì hàng Thanh văn

xem tự lợi là trên hết, không để tâm đến lợi ích của người khác. Nhưng ở trong lợi ích của người khác, mà trú nơi ít việc, ít nghiệp, ít hy vọng, thì có thể gọi là tuyệt diệu. Chẳng phải Bồ-tát vì lấy lợi ích của người khác là hơn hết, mà không đoái hoài đến lợi mình. Nên ở trong lợi ích của người khác, mà trụ nơi ở ít việc, ít nghiệp, ít hy vọng thì được gọi là tuyệt diệu. Như vậy, Bồ-tát vì lợi ích của người khác chứ chẳng phải từ những người bà con, Trưởng giả, cư sĩ, Bà-la- môn và các nhà thí chủ cho nên muốn cầu trăm ngàn loại y phục, thì xem xét người kia, có khả năng hay không có khả năng tùy chỗ bố thí của họ mà thọ nhận. Nói về sự mong cầu y, bát cũng vậy. Mong cầu y bát là cầu cho mình. Các loại tơ tằm, sợi đay nên bảo người thợ không phải bà con may y vì lợi ích của người khác mà nhận, cất chứa các loại y lán đẹp hay các vật dụng khác như tọa cụ, ngọa cụ, từ mỗi việc cho đến trăm việc phát sanh cảnh tưởng có thể bị nhiễm trăm ngàn ức, dù có quá nhiều vật cũng nên nhận để cất chứa. Trong các việc như vậy trụ ở ít việc, ít nghiệp, ít mong muốn, Như Lai chế các giới luật để đình chỉ ngăn ngừa những tội lỗi của Bồ-tát, không giống các học xứ của Thanh văn. Trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, đối với việc làm lợi ích cho người mà Bồ-tát lại sanh tâm hiềm hận, sân giận bực tức, trụ ở nơi ít làm, ít nghiệp, ít mong muốn thì gọi là phạm khinh tội, phạm này

nhiễm trái. Nếu do biếng nhác, hay tâm vô ký, mà trú ở nơi ít việc, ít nghiệp, ít mong muốn thì gọi là phạm khinh tội, nhưng phạm này không nhiễm trái.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, dùng phương tiện quyền xảo, để làm lợi ích cho người, mà hiện ra các việc làm, mắc phải chút ít tội tánh, nhưng vì nhân duyên (lợi người) mà trong giới Bồ-tát không bị vi phạm, lại sanh nhiều công đức. Như là, Bồ-tát thấy kẻ ác trộm cướp, vì tham tiền tài, nên cố ý giết hại nhiều chúng sanh, hoặc muốn hại các vị Đại đức, Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, hoặc muốn tạo nhiều nghiệp vô gián. Bồ-tát khi thấy những việc như vậy, thì sanh tâm suy nghĩ: Ta nên đoạn mạng sống của kẻ ác kia, dù có bị đọa vào địa ngục (Na lạc ca). Nếu không đoạn mạng sống của họ, thì họ sẽ gây tạo nghiệp vô gián, sẽ phải chịu khổ nạn lớn. Do đó, ta thà giết kẻ đó phải chịu đọa ở địa ngục Na Lạc Ca, chớ quyết không để kẻ đó, nhận chịu khổ của địa ngục vô gián. Bồ-tát lòng an vui nghĩ như vậy, nên đối với kẻ đó hoặc dùng lòng lành hoặc vô ký, khi rõ việc này rồi vì tương lai nên sanh tâm hổ thẹn, vì lòng thương yêu mà giết mạng sống người đó. Vì nguyên nhân này mà trong giới Bồ-tát không trái phạm, lại sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy kẻ có thế lực mạnh như phẩm vị quan Tể tướng mà bạo ác, đối với chúng sanh không có chút lòng thương mến lại chiếm

đoạt, bức bách. Bồ-tát thấy như vậy, liền sanh lòng yêu thương gần gũi, trong lòng an vui, muốn làm lợi ích cho người, mà tùy khả năng có thể phế bỏ hoặc cách chức các phẩm vị của những kẻ bạo ác đó. Vì nguyên nhân này, mà trong giới Bồ-tát không bị trái phạm, lại sanh nhiều công đức.

Lại như, Bồ-tát thấy kẻ trộm, cướp đoạt mất tài sản của người khác, hoặc vật của Tăng chúng, tháp, cướp đoạt nhiều tài vật, cất chứa rồi tiêu xài thỏa thích cho mình. Bồ-tát thấy vậy, sanh lòng yêu thương gần gũi, đối với kẻ kia, trong lòng an vui muốn làm lợi ích cho họ, rồi tùy khả năng có thể bức bách để đoạt lại tài vật, đừng để họ tiêu xài vật đó. Vì rằng do vật đó mà kẻ kia phải chịu sống vô nghĩa, không lợi ích lâu dài. Vì nguyên nhân này, nên Bồ-tát lấy lại tài sản quí báu. Nếu là của Tăng chúng thì gởi trả lại cho Tăng chúng, vật của tháp, thì trả lại cho tháp, hoặc vật của chúng sanh, thì trả lại cho chúng sanh. Hoặc thấy chúng sanh, hoặc chủ của vườn cảnh, lấy vật của Tăng chúng vật của tháp mà nói: "Ta mặc sức tiêu xài" Bồ-tát biết như vậy, suy nghĩ, tìm cách thương yêu kẻ ác kia, nói cho họ biết chớ vì nhân này, mà họ phải lãnh chịu nghiệp xử dụng sai trái, phải lãnh thọ sự vô nghĩa không lợi ích lâu dài. Do đó tùy theo khả năng, để phế bỏ người kia. Như vậy, Bồ- tát tuy không cùng lấy, mà không trái phạm lại sanh nhiều công đức.

Lại như, Bồ-tát ở trong nhà cư sĩ thấy người nữ,

hiện không có người kế thừa, muốn cầu Bồ-tát làm pháp phi phạm hạnh để có người nối dõi. Bồ-tát biết như vậy rồi, liền nghĩ: Chớ làm cho người sân giận mà sanh nhiều tội lỗi. Nếu tùy thuận lòng mong muốn của người nữ liền được tự tại, nên tìm cách tạo nơi an ổn, làm cho các căn an lành và người kia cũng xả bỏ nghiệp bất thiện, mà an trụ tâm từ mẫn, thực hành pháp phi phạm hạnh. Tuy làm pháp nhiễm ô như vậy, nhưng không bị vi phạm, lại sanh nhiều công đức. Với Bồ-tát xuất gia, vì giữ gìn giáo giới của Thánh Thanh văn, không được hoại diệt tất cả, do đó, không nên thực hành phi phạm hạnh.

Lại như Bồ-tát, vì cứu các chúng sanh khởi tai nạn về thân mạng, như bị nhốt trong tù, chặt chân tay, hớt mũi xẻo tai, moi mắt… Bồ-tát tuy vì tai nạn của thân mình, cũng không được nói vọng ngữ. Nhưng vì cứu giúp chúng sanh kia thoát khỏi tai nạn, nên biết mà vẫn tìm cách cố ý nói vọng ngữ. Nói tóm lại, Bồ-tát chỉ nhìn cái nghĩa lợi ích các hữu tình chứ chẳng phải cái lợi ích không nghĩa, Bồ-tát tâm vẫn tự tại, không đắm nhiễm chỉ vì làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, nên tưởng như che mất sự hiểu biết đúng đắn, để phải dùng lời nói khác lạ. Những lời nói khi đó đối với giới, Bồ-tát không vi phạm, còn lại sanh nhiều công đức.

Lại Bồ-tát thấy các chúng sanh bị lôi cuốn bởi bạn ác, thương mến không bỏ. Bồ-tát thấy vậy,

khởi tâm lân mẫn, sanh tâm vui vẽ, thích làm lợi ích cho người, rồi tùy theo khả năng mà giảng nói bằng ngôn ngữ ly gián làm cho họ xa lìa bạn ác, xả bỏ sự thân mến, chớ để cho chúng sanh, do thân gần bạn xấu ác, mà phải chịu quả vô nghĩa, không lợi ích lâu dài. Bồ-tát nói lời ly gián như vậy, chỉ vì làm lợi ích cho chúng sanh, khiến người kia lìa bỏ sự yêu thương ấy thì không phạm, lại sanh nhiều phước đức.

Lại Bồ-tát thấy các chúng sanh có những hành động vượt ra ngoài lề lối, chẳng hợp lý, nên Bồ-tát phát ra lời nói thô ác quở trách, bác bỏ dùng cách này để khiến cho người kia, thoát ra khỏi chốn xấu ác, trụ nơi an lành. Bồ-tát như vậy cũng vì lợi ích chúng sanh, đối với chúng sanh, nói lời thô ác mà không vi phạm, lại sanh nhiều phước đức.

Lại Bồ-tát thấy các chúng sanh ưa thích âm nhạc, đàn ca xướng hát, hò vè, hoặc ưa thích bàn luận vô nghĩa về dâm đãng, ăn uống, giặc cướp, vua quan trên phố phường. Trong trường hợp này Bồ-tát phải dùng phương tiện thiện xảo, đối với những kẻ đó, nên khởi tâm lân mẫn, sanh tâm ưa thích làm lợi ích cho họ, tùy trường hợp mà dùng lời nói thêu dệt, tương ưng với các loại hát ca, hò vè, ngâm vịnh, bàn tán các chuyện vua quan, giặc cướp, thức ăn, dâm đảng ở đường phố để khiến cho chúng sanh kia cũng vui vẻ rồi dẫn dắt thâu nhận họ tự tại tùy ý, dùng phương tiện khen ngợi, mà

đưa họ ra khỏi chốn xấu ác, trụ nơi yên lành. Bồ-tát thị hiện lời nói thêu dệt như vậy, mà không phạm tội, lại sanh nhiều phước đức.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà sanh khởi tướng dối trá, dùng phương tiện nghiên cứu mong cầu lợi giả dối để được lợi bằng pháp vị tà mạng, không có liêm sỉ, cố chấp không bỏ thì gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Trường hợp không trái phạm, nếu còn sót lại niềm vui sanh khởi, muốn siêng năng tinh tấn, mà phiền não cứ bùng cháy, làm che mất tâm người đó, luôn luôn hiện khởi.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà làm rộn ràng, tâm bị loạn động, không vắng lặng, không thích vắng lặng, lớn tiếng đùa cợt náo động, rối rít, om sòm, nhảy nhót với hy vọng làm trò đùa cho thiên hạ. Những nguyên nhân như vậy gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái, nếu vì quên mất thì phạm khinh tội, nhưng phạm này không nhiễm trái. Trường hợp không phạm hoặc vì trừ bỏ những cái sót lại mà sanh khởi ưa thích, nói rộng như trên. Hoặc muốn dùng phương tiện giải bày chỗ phát sanh hiềm hận của người kia để được chấm dứt. Hoặc muốn trừ bỏ những cái sót lại mà phát sanh sầu muộn khổ não cho người kia. Hoặc tính người đó ưa thích các việc như trên, dùng phương tiện để thâu nhận, người đó sẽ tùy thuận kính trọng mà chuyển đổi.

Hoặc người kia nghi ngờ Bồ-tát làm trở ngại, trong lòng thù hiềm, ác tâm, âm mưu chống đối, mà ngoài mặt tỏ vẻ vui tươi để giả bộ bên trong trong sạch. Tất cả những việc như vậy, đều không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà khởi lên ý niệm, có tà kiến rồi nói như vầy: "Bồ-tát không ưa thích Niết bàn, nên đối với Niết bàn, sanh tâm chán ghét chống đối, do đó đối với các phiền não và tùy phiền não, không lo sợ, chẳng cầu đoạn trừ, không dốc lòng xa lìa nhàm chán". Các Bồ-tát trong vô số kiếp, lưu chuyển trong sanh tử cầu đạo Bồ đề, mà nếu nói như vậy, thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Vì sao? Vì chư Thanh văn đối với Niết bàn, rất mong muốn ưa thích thân cận, đối với những phiền não và tùy phiền não, tâm luôn nhàm chán xa lìa. Như vậy, Bồ-tát đối với đại Niết bàn phải ưa thích gần gũi, đối với những phiền não và tùy phiền não tận sâu xa trong tâm, phải nhàm chán xa lìa; phải nhiều gấp bội phần, trăm ngàn ức người kia; do Thanh văn chỉ vì thân mình, mà chứng được nghĩa, lợi còn siêng năng tu tập chân chánh huống nữa hàng Bồ-tát, vì lợi ích tất cả chúng sanh, chứng đắc nghĩa lợi càng cần phải siêng tu chân chánh. Thế nên, Bồ-tát phải siêng năng tu tập, không còn tạp nhiễm trong tâm, đối với các việc hữu lậu nên tùy thuận mà thực hành, để thành tựu hơn hẳn các bậc A-la-hán không còn pháp tạp nhiễm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, nếu tự mình không có lòng tin sâu xa, nghĩa là đối với tiếng ác, danh xưng xấu, hành vi không tốt, không ủng hộ, không diệt sạch, những sự việc đó nếu đúng thật, mà không tránh xa, để hộ trì thì gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu những sự việc đó không thật, mà không làm cho trong sạch, thì gọi là phạm, nhưng phạm này chẳng nhiễm trái. Trường hợp không phạm; hoặc người kia ngoại đạo, hoặc người kia ganh ghét, hoặc tự mình xuất gia nhân đó hành pháp khất thực, nhân đó thực hành pháp lành mà tiếng chê bai tràn khắp. Hoặc người nhẫn chịu sự che lấp, hoặc người tâm bị cuồng, tiếng chê bai đồn vang, thì đều không phạm. Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi Thanh tịnh của Bồ-tát, thấy có chúng sanh dùng đủ các thứ, để gia hành sự khổ sở và gia hành lợi lớn mà đã được nghĩa lợi thì giữ gìn lo phiền, thấy mà không làm gì, thì gọi là phạm khinh tội, phạm này chẳng nhiễm trái. Trường hợp không phạm do thấy nhân duyên này trong pháp hiện tại được ít nghĩa lợi, mà sanh

nhiều phiền muộn.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà dùng lời nhục mạ trả thù lời nhục mạ của người, dùng sân giận báo thù lại sự sân giận của người, dùng đánh đập trả thù sự đánh đập của người, dùng sự đùa cợt trả thù sự đùa cợt của

người, thì gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà xâm phạm đến chúng sanh khác hoặc mình không phạm mà người khác nghi ngờ có phạm, nhưng vì tâm lý giận trách hay ngạo mạn, không đúng như pháp sám hối, lại sanh tâm khinh thường không xả thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do biếng nhác, lười trễ không sám hối để xả bỏ khinh tội thì phạm khinh tội nhưng không nhiễm trái. Trường hợp không phạm nếu dùng phương tiện để điều phục người kia ra khỏi chốn xấu ác trụ nơi yên lành. Hoặc là ngoại đạo; hoặc người kia mong muốn, nhân cốt yếu chẳng phải là pháp hiện hành có tội mới thọ nhận sự tạ tội; hoặc người kia tánh ưa tranh đấu, nhưng nhân khi sám hối lại tăng thêm phẫn hận gấp bội; hoặc biết người kia vì kham nhẫn, chớ thể không hiềm hận, hoặc biết chắc rằng người kia, nhân lúc sám tội phạm, thì phát sanh hổ thẹn, mà không cho ta tạ tội tất cả những điều đó đều không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, khi người phạm lỗi trở lại đúng như pháp xin tạ tội mà Bồ-tát, vì tâm lý giận trách, muốn gây xúc não người đó nên không nhận sự sám hối thì gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Tuy đối với người kia, tâm không giận trách, không muốn làm tổn não nhưng do bẩm tánh

không thể kham nhẫn nên không nhận sự sám hối thì cũng phạm khinh tội nhưng phạm này không nhiễm trái. Trường hợp không phạm, hoặc dùng phương tiện để điều phục người kia, như đã nói rộng ở trên nên biết rõ; Hoặc không đúng như pháp sám hối, nên không nhận sám hối, cũng không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà đối với người khác, luôn ôm chặt lòng giận dữ không nguôi thì vi phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Trường hợp không vi phạm vì để đoạn trừ sanh khởi dục lạc của người kia, nói rộng như trên.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, vì tham của bố thí dùng quyền lực để ái nhiễm quản lý đồ chúng, thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Trường hợp không phạm là không tham sự cúng dường, sự thờ phụng hầu hạ, không ái nhiễm quản lý đồ chúng.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát mà biếng nhác, ưa thích ngủ nghỉ, nằm, dựa chẳng phải thời lượng thì vi phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Trường hợp không phạm; hoặc bị bệnh tật, hoặc sức khỏe kém, đi lại mệt mỏi; hoặc để đoạn trừ sanh khởi ưa thích của người kia, như rộng nói ở trên.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh

của Bồ-tát, mà ưa thích nói chuyện thế tục uổng phí thì giờ thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do quên mất, mà bỏ phí thời gian, thì cũng phạm khinh tội, nhưng vi phạm này không nhiễm trái. Trường hợp không phạm, khi thấy người khác nói , để ủng hộ ý của người đó, nên yên tâm chánh niệm trong chốc lát để nghe; hoặc có việc đặc biệt, hoặc tạm hỏi người khác, hoặc đáp cho người khác hỏi thì không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, muốn để tâm trụ nên khởi định vì tâm nhưng tâm ý còn hiềm hận, ngạo mạn, chấp chặt, không chịu đến thỉnh cầu thầy dạy; thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Nếu quên mất, không thỉnh mời; thì phạm mà vi phạm này không nhiễm trái. Trường hợp không phạm, hoặc bị bệnh, hoặc sức khỏe kém, hoặc biết thầy dạy kia điên đảo; hoặc tự mình nghe nhiều biết rộng, có thể tự tâm an định, hoặc trước đã được thầy dạy rồi nên không mời thỉnh nữa, tất cả đều không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà bị lòng tham muốn che mất, không xả bỏ nỗi, thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Trường hợp không phạm, hoặc vì muốn đoạn trừ tâm ưa thích sanh khởi của người kia. Phát khởi sự siêng năng tinh tấn, đè nén những bực tức cuồn cuộn trong tâm luôn hiện hành, như tham muốn ngăn che, những thứ như che lấp sân giận mê muội,

ngủ nghĩ, trạo cử, tạo các việc xấu ác và nghi, cũng nên biết như vậy.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát mà tham chấp pháp vị thiền định, đối với pháp vị thiền định cho đó là công đức; thì gọi là phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Trường hợp không phạm; nếu vì đoạn trừ tâm ưa thích khởi lên của người kia, nói rộng như ở trên.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, khởi kiến chấp, mà nói: "Bồ-tát không nên thọ trì học tập theo giáo pháp của Thanh văn. Bồ-tát cần gì phải dùng giáo pháp như Thanh văn, cũng như cần gì mà lắng nghe, thọ trì, siêng năng tu tập" Nói như vậy, thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Vì sao? Vì Bồ-tát, thậm chí đối với những luận-ký-văn-thơ của ngoại đạo, cũng siêng năng nghiên cứu, huống nữa là lời nói của Phật. Trường hợp không phạm Vì đối với người dốc lòng huân tập pháp nhỏ, mà mình thì muốn họ bỏ kiến chấp đó; nên nói như vậy.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, chưa từng chuyên tâm nghiên cứu tạng Bồ-tát; trừ bỏ tất cả tạng Bồ-tát, lại chuyên tâm học tập tạng Thanh văn, thì phạm khinh tội, chẳng phạm nhiễm trái.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, chưa siêng năng nghiên cứu Phật giáo;

tuy hiện có đầy đủ giáo lý Phật đà, nhưng lại chuyên cần học tập các luận thuyết ngoại đạo và các đạo khác; thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Trường hợp không phạm: Hoặc thông minh nhạy bén tuyệt hảo; hoặc có thể thọ nhận nhanh nhẹn; hoặc không thể quên, dù đã thật lâu; hoặc có thể tư duy thấu đạt nghĩa của giáo lý; hoặc đối với giáo lý của Phật, quán sát đúng như lý, thành tựu đầy đủ công hạnh, không nhờ giúp đỡ của vị giác ngộ khác, cứ mỗi ngày, dùng hai phần thời gian tu học nội điển, còn lại một phần học thêm ngoại điển; thì không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà muốn vượt qua pháp Bồ-tát bằng cách nghiên cứu dị luận, ngoại đạo mong cầu sự thiện xảo, tâm ý thật đam mê, như thuốc cay nồng mà muốn tập cho quen để uống; thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, được nghe nghĩa lý chân thật, sâu xa, tuyệt diệu, hơn hết của tạng Bồ-tát và năng lực thần thông khó nghĩ bàn của chư Phật và Bồ-tát, mà không sanh lòng tin hiểu, còn chê bai, không thể nêu được nghĩa, không thể hiểu được pháp, chẳng như lời Như lai dạy, không thể làm lợi ích an vui cho chúng sanh; thì phạm khinh tội, vi phạm này nhiễm trái. Hủy báng như vậy là do tự trong tâm chẳng như lý tác ý, hoặc vì tùy thuận người khác

mà nói như vậy.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà đối với pháp sâu xa, vi diệu, không tin-hiểu được, khi đó, Bồ-tát phải hết lòng tin thọ, không được dua nịnh quanh co, phải thọ học như vầy: Ta chẳng phải là kẻ mù, dù không có mắt trí tuệ (như Ngài) nhưng đối với pháp, được giảng thuyết bằng mắt trí tuệ của Như lai thì nên thuận theo. Các Như Lai có dùng ngôn từ tâm ý ẩn mật thuyết giảng, chớ sanh tâm chê bai. Bồ-tát như vậy, là biết tôn kính Như Lai, đối với pháp của Phật, hiện biết được tất cả, tùy theo sự quán xét. Nếu thực hành đúng như vậy thì không có sự trái phạm, tuy không tin hiểu, nhưng không có sự chê bai.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát mà đối với người khác có tâm ý ái nhiễm, sân giận tự khen mình chê người thì gọi là phạm khinh tội, phạm này có nhiễm trái. Trường hợp không phạm: Nếu vì hàng phục ngoại đạo xấu ác, hoặc vì trụ hành trì Thánh giáo của Như lai, hoặc vì phương tiện để điều phục người kia nói rộng như trên, hoặc muốn khiến cho người chưa có lòng tin thanh tịnh, phát sanh lòng tin thanh tịnh, người đã phát lòng tin rồi, thì làm cho tăng trưởng gấp bội.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà không chịu đến nghe giảng thuyết về nghĩa lý dứt trừ sự nghi ngờ chánh pháp, chỉ vì

bị tánh ngạo mạn chế phục, tâm giận trách, sân hận bực tức thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu vì biếng nhác cản trở, không đến nghe, thì phạm nhưng phạm này không nhiễm trái. Trường hợp không phạm: nếu không biết, hoặc bị bệnh, hoặc sức khỏe kém, hoặc biết giảng thuyết lộn xộn, hoặc vì để hộ tâm cho người thuyết pháp kia; hoặc biết rõ ràng nghĩa lý của pháp, người kia sẽ giảng, tức là đã nhiều lần được nghe, được hiểu và đã thọ trì, hoặc không muốn bị gián đoạn tâm đang trụ ở đối tượng, hoặc đang chuyên tâm hướng đến Định tối thắng của Bồ-tát, hoặc tự mình biết chỉ hiểu được đến phẩm trên, vì căn tánh chậm lụt, người trí tuệ thấp kém này, khi nghe pháp khó lãnh thọ và khó hành trì, rất khó thu nhiếp tâm ý với đối tượng duyên để được định, nếu họ không đến nghe pháp cũng không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà có tâm ý khinh thường, chê bai, không hết lòng cung kính, chỉ cười khích, đùa cợt, đối với pháp sư, chỉ biết dựa vào văn từ, chứ không nương theo nghĩa lý thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, đối với các việc cần làm cho chúng sanh, lại vì tâm ý giận trách, sân giận, bực tức, nên không giúp đỡ cho họ, tức là luôn tìm cách biện bạch với mọi trường hợp xẩy ra, hoặc trên đường

đi, hoặc đến hoặc đi, hoặc nói về phương tiện nghiệp chân chánh, hoặc ủng hộ về tài sản quí giá, hoặc cùng hòa hợp vui vẻ không tranh cãi, hoặc trong hội an vui, hay những việc làm phước đức mà không hề giúp đỡ, thì gọi là phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu vì biếng nhác làm trở ngại, mà không thể giúp đỡ được, thì vẫn phạm, nhưng phạm này chẳng nhiễm trái. Trường hợp không phạm hoặc có bệnh, hoặc sức khỏe kém, hoặc biết rõ người kia có thể biện tài được, hoặc biết người mong cầu, có nơi nương tựa nhờ cậy, hoặc biết việc làm đó có thể dẫn đến phi nghĩa và trái pháp, hoặc muốn dùng phương tiện để điều phục người kia, như đã nói rộng ở trên, hoặc trước đã hứa giúp đỡ bạn khác rồi, hoặc nhờ người khác có năng lực giúp đỡ, hoặc đối với pháp thiện, đang chuyên cần tu tập, không muốn tạm bỏ, hoặc tánh mê muội, khi nghe pháp khó tin nhận hành trì, như trước đã nói, hoặc vì muốn ủng hộ tâm ý của chúng sanh, hoặc muốn giữ gìn qui chế mà không giúp đỡ tất cả đều không phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, khi thấy chúng sanh mắc bệnh nặng, nhưng vì tâm ý hiềm khích, phiền não, bực tức, nên không đến giúp đỡ, chăm sóc, thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu vì biếng nhác làm cản trở không đến chăm sóc, giúp đỡ, thì vẫn phạm, nhưng phạm này chẳng nhiễm trái. Trường hợp

không phạm, hoặc mình có bệnh, hoặc sức khỏe yếu, hoặc đã nhờ người khác có năng lực tùy thuận đến chăm sóc giúp đỡ, hoặc biết chắc người bệnh có nơi nương tựa giúp đỡ, hoặc biết người bệnh tự có thế lực, nên tự có người phục vụ được, hoặc biết rõ người kia bệnh nặng nhưng có thể nhẫn chịu, tự lo được, hoặc vì siêng năng tu tập phẩm thắng thiện vô thượng vĩ đại, hoặc muốn hộ trì phẩm tu thiện khiến không bị thiếu khuyết, hoặc tự biết rõ mình quá mê muội, căn tánh chậm lụt, đối với pháp được nghe, khó tin nhận, hành trì, khó nhiếp tâm vào đối tượng duyên để định, hoặc trước đã hứa giúp đỡ cho người khác. Đối với người bệnh, người có khổ nạn muốn giúp đỡ để trừ các khổ cho họ, cũng cần biết như vậy.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà khi thấy người muốn cầu pháp hiện tại, lại nói về pháp quá khứ, giảng thuyết phi lý, chỉ vì tâm hiềm trách, sân giận, bực tức, nên không theo sự thỉnh cầu mà thuyết giảng lý chân chánh, thì phạm khinh tội, pha- m này nhiễm trái. Nếu vì biếng nhác làm cho trở ngại, không tùy hỷ thuyết pháp, thì vẫn phạm, mà không nhiễm trái. Trường hợp không phạm, hoặc chính mình không biết, hoặc sức khỏe kém, chuyển nhờ người khác có năng lực thuyết giảng, hoặc biết người kia tự có năng lực trí tuệ, hoặc người kia đã có bạn tốt khác chỉ bảo rồi, hoặc muốn dùng làm phương tiện để

điều phục người kia, nói rộng như trên, hoặc biết nếu giảng thuyết đúng như lý chơn thật, thì sẽ khởi tâm giận trách, nói lời ác, phải lãnh chịu điên đảo, không tôn kính, hoặc lại biết rằng, người kia tánh tình thô bạo, ngang ngược, nên không tùy thuận lời cầu xin mà thuyết pháp tất cả đều không phạm tội.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà trước kia đã nhận ân của người khác, nhưng lại không biết tri ân, cũng không báo ân, chỉ vì tâm ý hận trách, nên bây giờ không muốn đáp ân thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu vì biếng nhác, cản trở sự đền đáp hiện tại, thì phạm nhưng phạm này chẳng nhiễm trái. Trường hợp không phạm: ra sức đền đáp, nhưng không đủ năng lực không thể báo đáp được, hoặc muốn dùng điều đó làm phương tiện để điều phục người kia, nói rộng như trên, hoặc muốn báo ân mà người kia không nhận đều không trái phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà khi thấy chúng sanh bị rơi vào thảm cảnh tan thân, mất của, ngôi vị, bỗng lộc đều mất, nhiều phiền não, lo buồn, thế mà Bồ-tát vì tâm ý hiềm khích, không đến giải bày cứu giúp, thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu vì biếng nhác, bị ngăn cản, mà không đến giải cứu, thì phạm, nhưng phạm này chẳng nhiễm trái. Trường hợp không phạm, cần biết như trước đã nói. Đối với sự nghiệp của người khác, không vì thế mà giúp đỡ.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, có đủ các loại thực phẩm, đủ các tài vật riêng tự cần cho sự sống, thế mà, thấy người đến xin thức ăn, tiền tài… lại hận trách, bực tức, không cho, thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do biếng nhác, phóng túng, không cung cấp cho họ, thì phạm nhưng chẳng phạm nhiễm trái. Trường hợp không phạm: nếu hiện tại không có tài vật bố thí, hoặc người kia mong cầu vật không như pháp, vật không thích hợp, hoặc muốn dùng điều đó làm phương tiện để điều phục người kia, nói rộng như trên, hoặc người mong cầu đến chỗ vua, tuy không thích hợp nhưng muốn ủng hộ ý vua, hoặc để giữ gìn qui chế Tăng chúng mà không thí cho, tất cả đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà thâu nhận chúng tăng chỉ vì tâm ý giận trách nên không tùy thuận thời gian, không đến để giáo thọ, giáo giới, biết chúng thiếu thốn, lại không vì họ, từ người có lòng tin thanh tịnh lớn, đến hàng cư sĩ, Bà-la-môn… đúng như pháp cầu xin y phục, thực phẩm các đồ nằm ngồi và các thứ thuốc men các vật cần dùng tùy thời cho thân, thì phạm khinh tội, phạm này có nhiễm trái. Nếu do, biếng nhác, phóng túng, không đến dạy dỗ, không đến giáo giới, không tìm cầu các vật đúng như pháp, thì phạm nhưng chẳng nhiễm trái. Trường hợp không phạm: nếu muốn dùng nó làm phương

tiện, để điều phục người kia, nói rộng như trên, hoặc vì để giữ gìn qui chế của Tăng chúng, hoặc có bệnh tật, hoặc sức khỏe kém không đảm nhận mọi việc, hoặc đã chuyển thỉnh người khác có thế lực, để cầu xin y phục, các vật dùng cho thân, hoặc tùy chỗ đã dạy dỗ, giáo giới nên đã không trở lại dạy dỗ, giáo giới; hoặc biết trong chúng có ngoại đạo muốn trộm pháp nên lén vào trong chúng, do đó không thể đảm nhận không thể điều phục, tất cả những điều đó đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà vì tâm ý hiềm trách, nên đối với chúng sanh khác, không tùy tâm chuyển đổi, thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do biếng nhác, phóng túng, mà không tùy chuyển cho họ; thì phạm mà không phải nhiễm trái. Trường hợp không phạm; hoặc chỗ ưa thích của người đó chẳng thích nghi với người đó, hoặc có bệnh, hoặc sức khỏe kém không thể đảm nhiệm, hoặc vì giữ gìn qui chế Tăng chúng; hoặc chỗ ưa thích của người kia, tuy người kia thích nghi, nhưng đối với nhiều người, thì chẳng thích chẳng ưa; hoặc muốn hàng phục các điều ác của ngoại đạo, hoặc muốn dùng nó làm phương tiện để điều phục người kia, nói rộng như trên, mà không tùy thuận chuyển đổi tâm, hết thảy như vậy đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mà vì tâm ý giận trách không muốn tán

dương người thật sự có đạo đức; người thật sự có danh dự, nhưng không muốn khen ngợi đều tốt của họ, người giảng nói thật sự tài giỏi, nhưng không tán dương tốt; thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do biếng nhác, buông lung không tuyên dương khen ngợi các việc trên; thì phạm mà chẳng phải khởi nhiễm trái. Trường hợp không phạm: nếu biết người kia tánh ít tốt, muốn để ủng hộ ý của người đó, hoặc có bệnh; hoặc sức khỏe kém, hoặc muốn dùng nó làm phương tiện để điều phục người kia, nói rộng như trên; hoặc để giữ gìn qui chế của Tăng chúng, hoặc biết rằng do duyên khen ngợi này, sẽ làm cho người kia phát khởi tâm kiêu ngạo tạp nhiễm, vô nghĩa; vì để ngăn ngừa lỗi lầm; vì biết công đức của người kia chỉ tương tợ công đức, chứ chẳng thật là đạo đức, hoặc biết có tán dương người kia, cũng chỉ tương tợ tán dương chứ chẳng phải thật tán dương hoàn hảo, hoặc biết người kia thuyết giảng, chỉ tương tự giảng thuyết nhiệm màu, nhưng thật chẳng hay ho, hoặc vì để hàng phục các ác của ngoại đạo, hoặc vì muốn giữ gìn lời bàn luận rốt ráo của người khác mà không khen ngợi; tất cả những điều đó đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, thấy chúng sanh phải nên quở trách, nên trị phạt, nên đuổi đi; nhưng vì tâm ý ô nhiễm, mà không quở trách, hoặc có quở trách mà không tự phạt, như pháp mà dạy bảo; hoặc tuy trị phạt như

pháp dạy bảo mà không đuổi đi; thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Nếu do biếng nhác, buông thả mà không quở trách, cho đến đuổi đi; thì phạm nhưng chẳng phải phạm nhiễm trái. Trường hợp không phạm; hoặc biết rõ không thể trị được, không thể dùng lời nói an vui hay phát ra lời nói thô ác, vì rất dễ sanh ra giận trách mà lẽ ra nên xả bỏ; hoặc đợi thời gian, hoặc biết rằng do nhân này mà đấu tranh kiện tụng, hoặc biết rằng do nhân này, mà làm tăng thêm sự phức tạp ồn ào, gây sự phá hoại tăng chúng, biết kẻ kia không có tâm dua nịnh quanh co, lại biết làm tăng trưởng tánh hổ thẹn để có lợi ích, nên sẽ nhanh chóng trở lại tốt đẹp mà không cần quở trách, cho đến đuổi đi; những điều như vậy điều không vi phạm.

Bồ-tát nào, trụ trong giới-luật-nghi thanh tịnh của Bồ-tát, thành tựu đầy đủ các loại năng lực biến hóa thần thông, đối với chúng sanh bị người khủng bố, thì có thể khủng bố lại với người đó; bị người khác dẫn dụ, thì dẫn dụ người đó; thế mà trốn tránh việc bố thí niềm tin, không hiện thần thông khủng bố và thâu dẫn, thì phạm khinh tội, phạm này nhiễm trái. Trường hợp không phạm, là biết trong các chúng sanh này, có nhiều người chấp trước, kỳ quặc, hoặc là ngoại đạo muốn phỉ báng bậc Hiền Thánh để thành tà kiến nên Bồ-tát không thể hiện thần thông khủng bố, dẫn nhiếp, thì không phạm.

Lại nữa, đối với tất cả giới, đều không vi phạm,

nghĩa là, nếu tâm người kia cuồng loạn tăng lên tột độ, hoặc bị áp bức thọ nhận nỗi khổ nặng, hoặc chưa từng thọ nhận giới-luật-nghi thanh tịnh, nên biết, tất cả đều không vi phạm.

Bồ-tát nào, đã thọ nhận giới-luật-nghi thanh tịnh, từ người khác, rồi nhờ vào thanh tịnh mà mong cầu sự học được vừa ý, được vui thích, trong đạo Bồ đề, được vui vẻ làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, phát khởi lòng tôn trọng cung kính không cùng, từ khi bắt đầu, đã chuyên cần tinh tấn, không nên vi phạm, nếu có vi phạm, liền như pháp mà nhanh chóng sám hối trừ diệt, để trở lại được thanh tịnh.

Như vậy, tất cả vi phạm đó Bồ-tát phải biết đều là nơi thu tóm của những cái ác; nên phải có năng lực để hướng đến nó rồi dùng ngôn ngữ diễn đạt nghĩa để có thể hiểu, có thể nhận thọ là Tiểu thừa, Đại thừa hay Bổ-đặc-già-la đều phải phát lồ sám hối, để tiêu trừ. Nếu Bồ- tát nào, phạm thượng phẩm triền của khinh tội như phạm pháp thượng tha thắng, thì mất giới-luật-nghi, phải thọ lại. Nếu Bồ-tát nào, phạm trung phẩm triền của khinh tội tức phạm pháp thượng tha thắng, cần đối trước ba người hoặc hơn ba người, mà phát lồ đúng như pháp, để trừ bỏ pháp ác tác. Trước tiên kể tên sự việc vi phạm; nên thưa như vầy. Bạch Trưởng lão hay" Bạch Đại đức… con tên là…vi phạm khinh tội giới-luật-nghi của Bồ-tát" cứ như vậy kể ra

những việc phạm tội làm ác. Còn Tỳ-kheo phát lồ sám hối, để diệt trừ tội do làm ác, cũng nên thưa như vậy. Hoặc phạm hạ phẩm triền của khinh tội tức phạm pháp thượng tha thắng và các khinh tội khác, thì nên đối trước một người, như pháp mà phát lồ sám hối. Nếu người không tùy thuận, có thể đối trước người khác, trừ người phạm tội để phát lồ sám hối. Khi đó, Bồ-tát dùng tâm an vui thanh tịnh, tự phát thề nguyện: "Con quyết đề phòng và bảo vệ đến tận vị lai, trọn không phạm trọng tội". Như vậy là đã thoát khỏi các pháp phạm, trở lại được thanh tịnh.

Như vậy, đó là những việc sai phạm giới luật của học xứ Bồ-tát. Đức Phật với mỗi sự sai quấy của mỗi người, đều tùy theo căn cơ mà nói ra, tức là dựa vào luật-nghi-giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiêu ích hữu tình giới. Hôm nay, giới pháp Bồ-tát này, trong tạng Luận, đã được tổng hợp mà thuyết ra. Các Bồ-tát nên phát khởi lòng tôn trọng, cung kính, siêng năng học tập.

-oOo-

SỐ 1502
KINH BỒ-TÁT THỌ TRAI

Hán dịch: Cư sĩ Nhiếp Đạo Chơn
đời Tây Tấn.

Pháp Bồ-tát thọ trai có dạy: Tỳ-kheo tự quay về nương tựa Phật, tự quay về nương tựa Pháp, tự quay về nương tựa Tỳ-kheo Tăng; người đó, nếu thân đã làm ác, miệng đã nói lời thô ác, ý đã nghĩ điều xấu ác, thì hôm nay đã diệt trừ. Người ấy, đã bao nhiêu ngày đêm, thọ trì giới Bồ-tát tự mình quay về với Bồ-tát, như sáu vạn Bồ-tát trước đều giữ gìn đúng giới luật: Ta là Bồ-tát, trước tiên là thực hành như Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Hoàn Na Cưu Lâu, A Vu Đà Đàm, Vô Ca Di Lặc. A Duy Lâu Thi Lợi, Sa Môn Đà Lâu Đàn Na La Thủ Lăng và Bồ-tát Đà Túc Mạng đều đã giữ gìn giới luật trước kia. Ta là Bồ-tát, giữ gìn trai pháp của Bồ-tát, nếu Ta phân đàn bố thí sẽ được Bố thí Ba-la-mật. Ta thọ trì biệt giải thoát, thì sẽ được Tinh tấn Ba-la-mật. Nhất tâm ngồi thiền thì sẽ được Thiền định Ba-la-mật. Nếu ta thuyết giải kinh thì sẽ đạt được Bát nhã Ba-la-mật, gọi là Âu hòa Câu xá la tức phương tiện thắng trí, từ đó, mà đạt được Đại Bát nhã Ba-la-mật. Nhờ đó, khi nhớ nghĩ đến

người ở trong địa ngục, người ở trong ngạ quỉ hay người ở trong súc sanh đều khiến cho chúng được thoát khỏi, được sanh làm người. Từ phân đàn bố thí, sẽ được đến cõi Cực-lạc của đức Phật A-di-đà, chứng được tam muội. Đây là pháp thọ trì giới luật (thọ trai) của Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề: Bồ-tát có mười điều nhớ nghĩ, phải nên giữ gìn. Mười điều là: Phải nhớ nghĩ đến chư Phật đời quá khứ, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ đến chư Phật ở đời đương lai, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ đến chư Phật hiện tại ở khắp mười phương, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ về Giới Ba-la-mật để hành trì giới, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ Thiền Ba-la-mật, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ về Âu hòa Câu xá la đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ đến Bát nhã Ba-la-mật, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ tới Tam muội Thiền định có sáu vạn vị Bồ-tát ở chỗ đức Phật A-di-đà, đây là pháp của Bồ-tát. Phải nhớ nghĩ đến các vị Hòa thượng, A-xà-lê ở quá, hiện, vị lai, đây là pháp của Bồ-tát. Nếu ai phát tâm mong cầu đạo Bồ-tát, thì hằng ngày thiền định, nên tư duy về mười điều này, không nghĩ đến những việc xấu ác. Bồ-tát thường gìn giữ mười giới. Thứ nhất: Bồ-tát trì giới hằng ngày không được xoa ướp hương, hoa, phấn, son lên mình. Thứ hai: Bồ-tát trì giới, hằng ngày không được ca múa, đàn hát để làm vui đùa.

Thứ ba: Bồ-tát trì giới hằng ngày không được nằm giường cao. Thứ tư: Bồ-tát trì giới hằng ngày không được ăn trước và sau giờ ngọ. Thứ năm: Bồ-tát trì giới hằng ngày không được cất giữ dao, tiền, vàng bạc các vật quí giá. Thứ sáu: Bồ-tát trì giới hằng ngày không được cỡi xe ngựa, xe bò. Thứ bảy: Bồ-tát trì giới hằng ngày không được đánh đập trẻ con nô bộc, tỳ thiếp hay súc sanh. Thứ tám: Bồ-tát đều giữ gìn những giới này, từ phân đàn bố thí mà được phước đức. Ta là Bồ-tát, như ta nhớ nghĩ đến người trong địa ngục, và trong ngạ quỷ hay trong loài súc sanh, khiến cho họ được giải thoát, sanh làm người; từ phân đàn bố thí sẽ đến cõi Cực-lạc của đức Phật A-di-đà, chứng được tam muội. Đây là Bồ-tát hiểu rõ trai pháp. Bồ-tát từ chỗ sáng đến tối, chấp tay trước Phật thưa: Hôm nay, tất cả mười phương, mọi người đều giữ gìn trai giới Bồ-tát, sẽ giúp thêm cho con vô lượng an lạc. Hôm nay, có mọi người trì giới, nên giúp thêm cho con vô lượng an lạc. Hôm nay, có người trì nhẫn nhục, nhớ nghĩ đến mọi người trong thiên hạ nên làm cho con tăng thêm an lạc. Hôm nay, có người trì tinh tấn làm cho con tăng thêm an lạc. Hôm nay, có người trí tuệ thuyết giảng kinh pháp, làm cho con được tăng thêm an lạc. Trì giới là khuyến khích bố thí, tăng thêm sự vui vẻ phước đức, ban cho người và chẳng phải người khắp mười phương. Bồ-tát đến nơi khổ đau, nguy hiểm để làm cho họ được

phước đức, giải thoát hết sầu khổ, được sanh làm người, an ổn, sung sướng, giàu có vô cùng. Bồ-tát trì giới hằng ngày không được gặp cảnh mà từ bỏ. Thứ chín: Bồ-tát hằng ngày trì giới, thì không được ăn hết thức ăn trong bình bát. Thứ mười: Bồ-tát hằng ngày trì giới, thì không được xúc chạm, nói cười, cùng ở chỗ vắng với người nữ. Người nữ cũng vậy.

Đây là mười giới không được phạm, không dạy người khác phạm cũng không được khuyến khích người khác phạm. Bồ-tát hiểu rõ trai pháp, nên xướng: Nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tỳ-kheo Tăng, con giữ gìn giới Bồ-tát bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, đều từ phân đàn Bố thí để được Bố thí Ba-la-mật, con trì giới để được Trì giới Ba-la-mật. Con nhớ nghĩ mọi người khắp mười phương, khiến họ được an ổn để được Nhẫn nhục Ba-la-mật. Con thọ biệt giải thoát để được Tinh tấn Ba-la-mật. Con ngồi thiền để được Thiền định Ba-la-mật; đây là phương tiện thắng trí; như Đại Bát nhã Ba-la-mật, như trai pháp của chư Bồ-tát, sáu vạn Bồ-tát. Mỗi ngày đêm, chia ba thời: Ngồi thiền, tụng kinh, nằm nghỉ. Đây là pháp trai thường ngày của Bồ-tát. Nếu lãnh thọ vào ngày mười bốn tháng giêng, thì giải giới vào ngày mười bảy (cùng tháng). Nếu lãnh thọ ngày mồng tám tháng tư, thì giải giới ngày mười lăm. Nếu lãnh thọ ngày mồng một tháng bảy, thì giải giới vào ngày mười sáu.

Nếu lãnh thọ vào ngày mười bốn tháng chín, thì giải giới vào ngày mười sáu. Đó là số ngày trai giới của Bồ-tát.

Đảnh lễ đức Phật A-di-đà Chánh Biến Tri ở phương Tây, Bồ-tát Độ Lâu Hoàn Ma Ha Na Bát, đã diệt trừ ba độc, được vãng sanh đến cõi Phật.

Cõi Thế tôn thanh tịnh An ổn ở Phương Tây Con muốn được đảnh lễ Phụng sự đấng Vô thượng. Thánh trí đạt thần thông Thấy rõ tâm tình con.

Con quay về chư vị

Trăm kiếp không điên đảo.

-oOo-

SỐ 1503

KINH ƯU BÀ TẮC NGŨ GIỚI OAI NGHI

Hán dịch: Tam tạng Cầu-na-bạt-ma,
người nước Kế Tân đời Lưu Tống.

Phật: Chí tôn Thánh chúng
Thần thông và tự tại
Tùy loài, nơi, hiện thân
Âm thanh cũng như vậy.
Thấy, nghe, được an ổn
Một lòng tin hướng về
Cho nên con quy y
Nguyện đều như Thế Tôn.
Giới Bồ-tát sâu xa
Công đức khó nghĩ bàn
Người thọ được an ổn
Ngày đêm sanh phước tuệ.
Chư Phật thường hộ niệm
Vạn hạnh dần tràn đầy.
Sáu độ, bốn lượng tâm.
Cứu độ khắp chúng mê.
Tay chân chớ có phạm
Lời nói thuận việc làm.
Thường vui tâm ý định

Là Tỳ-kheo chân chánh.
Ngay thẳng, lìa quanh co
Thường cùng bậc Hiền Thánh.
Thương, cứu giúp chúng sanh.
Là Bồ-tát chân chánh.

Này các Đại đức! Hãy chú tâm lắng nghe, suy nghĩ kỹ. Hôm nay, Ta sẽ thuyết giảng về giới của chư Phật Bồ-tát ba đời, đã thành tựu những công đức lợi ích cho tất cả chúng sanh. Như vậy, trụ Giới Bồ-tát, có bốn pháp Ba-la-di. Đó là:

Bồ-tát nào, vì lợi dưỡng, mà khen mình chê người. Đấy gọi là pháp Ba-la-di của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, có nhiều tài sản, thấy người nghèo khổ tới xin, mà Bồ- tát vì tâm keo kiệt không có lòng từ bi, đến nỗi vật đáng giá bằng một đồng tiền, cũng không cho; có ai đến cầu xin pháp Phật, cũng không nói cho họ một bài kệ. Đấy gọi là pháp Ba-la-di của Bồ-tát.

Bồ-tát nào, vì sân giận, đối với trước người nhục mạ bằng tiếng độc dữ, còn đánh đập bằng tay chân và roi gậy, ngói đá, lòng vẫn không nguôi, người ta cầu xin sám hối, xin được tha thứ bằng lời nói khả ái, Bồ-tát cũng vẫn giận dữ không thôi. Đấy gọi là pháp Ba-la-di của Bồ- tát.

Bồ-tát nào, tự mình chê bai tạng pháp của Bồ-tát, hoặc thấy người khác chê bai, khéo cho là đáng nói, đã tự mình, không phát sanh lòng tin, trái lại

giúp thêm người khác chê bai, hoặc tự tâm mình biết, hoặc tiếp thu từ người khác. Đấy gọi là pháp Ba-la-di của Bồ-tát.

Đó là bốn pháp Ba-la-di của Bồ-tát, trong đó, Bồ-tát nhất nhất không được phạm một pháp nào, huống gì là phạm cả bốn pháp Ba-la- di. Nếu ai phạm, thì không gọi là Bồ-tát, thân hiện tại không thể phát tâm Bồ đề để trang nghiêm, cũng không thể làm cho tâm vắng lặng. Người ấy tương tợ Bồ-tát, mà kỳ thật chẳng phải Bồ-tát. Phạm pháp có ba loại: Thượng, Trung và Hạ. Nếu tâm phạm pháp Trung, Hạ thì gọi là không mất. Nếu tâm phạm pháp tăng lên mãi thì gọi là mất. Phạm pháp bậc thượng là gì? Là phạm vào bốn pháp trên, ham thích nhiều thứ, tâm không biết hổ thẹn, không hối cải, gọi là phạm pháp thượng. Bồ-tát tuy phạm bốn pháp thượng, nhưng không vĩnh viễn mất, như Tỳ-kheo nếu phạm bốn giới này, tức là hoàn toàn mất hẳn. Bồ-tát thì không như vậy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo đã phạm bốn giới, thì không còn được thọ giới lại. Bồ-tát tuy phạm, xả giới, rồi có thể thọ giới lại, vì thế không như nhau. Tóm lại, có hai việc làm mất giới Bồ-tát, một là từ bỏ nguyện phát tâm Bồ đề, hai là tâm xấu ác tăng trưởng. Ngoài hai việc ấy, nếu có bỏ thân này, thì giới hoàn toàn cũng không mất. Từ nay về sau, đời đời sanh ra ở đâu, vẫn thường có giới, nếu không nhớ được, mà lại gặp bạn tốt và lãnh thọ, lại thì không gọi là mới đắc

giới. Như vậy, Bồ-tát cần phải nhận biết rõ việc nào phạm, không phạm tướng nào khinh nào trọng, va những sự khác biệt Thượng, Trung, Hạ.

Như thế, người trụ trong giới của Bồ-tát, thường nên cúng dường chư Phật, hoặc tháp miếu, hoặc hình tượng, cho đến cúng dường pháp, hoặc cúng dường cho người thực hành pháp, tạng Bồ-tát, kinh điển đại thừa, cúng dường chúng tăng và chư Bồ-tát trụ trong đại địa của các cõi mười phương. Ngày đêm thường cúng dường Tam Bảo, tùy theo năng lực của mình, cho đến một niệm, một lễ bái, một bài tụng bốn câu. Khởi lòng tin cúng dường, chớ có từ bỏ. Nếu tâm không cung kính, kiêu mạn, lười biếng, thì phạm tội trọng cấu. Nếu vì quên mất, sai lầm, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm là bị bệnh, hoặc bị cuồng loạn, hoặc kịp chứng địa Bồ-tát tâm luôn thanh tịnh, như quả Tu-đà-hoàn không làm hủy diệt tâm thanh tịnh, thường không ngừng cúng dường Tam bảo, Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát không biết chán đủ, tham lam lợi dưỡng, không chế ngự được tâm, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm là tuy tham lợi dưỡng, nhưng thường sanh tâm hối cải, là ta cần phải tinh tấn, để đoạn trừ tâm này, cố gắng tự mình kìm chế tâm tham không cho nó khởi, nếu giữ lợi nhỏ để trợ giúp đoạn trừ tham lớn, gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, thấy bậc Trưởng lão, Thượng tọa

đồng Thầy, đồng học có đủ phước đời trước mà sanh tâm kiêu mạn, sân giận, hung ác, không sanh tâm cung kính, nhường chỗ ngồi, giả sử có nói lời gì khác cũng không nghe, nếu có ai hỏi cũng không thật trả lời thì phạm tội Trọng cấu. Nếu tâm không kiêu mạn, sân giận, si mê, chỉ mà vì tâm lười biếng tán loạn, vô ký, thì phạm tội khinh cấu. Trường hợp không phạm là, hoặc bị bệnh, hoặc bị cuồng loạn, hoặc khi ngủ say, hoặc đang nghe pháp, thuyết giảng pháp, hoặc cùng với người khác nói chuyện trước, hoặc để chế ngự diệt trừ điều ác, làm tăng trưởng điều lành, hoặc do quy định của Tăng chúng để giữ gìn tâm ý của nhiều người. Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, có đàn na thí chủ tới thỉnh đến nhà mình, hoặc tới một chùa Tăng nào đó, để nhận những vật dụng cần thiết, nhưng vì kiêu mạn, sân hận, có ý xem thường, không đến thọ nhận, thì phạm tội Trọng cấu. Còn nếu vì sự biếng nhác không đến thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Nếu bị bịnh, bị cuồng loạn, nếu quá xa, đường đi có nhiều hiểm nạn, nếu vì sự điều phục để diệt cái ác, tăng

điều lành; hoặc đã mất sự thỉnh thọ; hoặc đang tu hạnh lành, đang nghe pháp chưa từng nghe, hoặc biết chắc thí chủ đến thỉnh chỉ nhằm tạo phiền não cho nhau; hoặc để bảo vệ ý của nhiều người. . .

những điều đó thì không phạm.

Bồ-tát nào, có được những vật báu như vàng, bạc, lưu ly của người khác đã dùng và những vật chứa lấp trong đất, không có chủ, đều phải luôn nhớ nghĩ: Nên bố thí cho người, nếu có tâm xấu xa, sân giận, không nghĩ thế, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu làm mà tâm cho là ta không cùng với người tạo thành nhân duyên, hoặc do tâm lười biếng, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm là: Vì tâm bị cuồng, hoặc vì điều phục diệt trừ ác, tăng trưởng việc lành, hoặc biết thọ rồi sanh tâm tham đắm, hoặc biết bố thí rồi sanh tâm hối tiếc, hoặc biết thí chủ bố thí rồi sẽ phát sanh cuồng loạn, hoặc nghĩ thí chủ bố thí rồi sẽ cùng khổ não, hoặc biết thí chủ bố thí vật của Tam bảo; hoặc biết vật bố thí là của trộm, hoặc biết lãnh thọ rồi, sanh nhiều khổ não nghĩa là vì trộm cướp giết người bị vua bắt giam, tiếng xấu đồn khắp, đuổi ra khỏi nước, Đấy gọi là không phạm giới.

Bồ-tát nào, có người đến cầu xin pháp, vì tâm sân giận, xấu ác, thêm sự ganh ghét người đó; nên không thuyết pháp cho họ, thì phạm tội Trọng cấu; Nếu do tâm biếng nhác, không thuyết giảng cho người, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm; là nếu ngoại đạo đến cầu nghe pháp, để rồi trở lại chế nhạo, hoặc bị bệnh, bị cuồng loạn, hoặc vì điều phục, để diệt trừ điều ác, tăng thêm điều lành, hoặc biết trước người đó; không hiểu được

nghĩa này, biết trước người đó không có tâm cung kính, làm việc không đúng như pháp, biết trước người đó căn tánh thấp kém, không hiểu rõ pháp sâu xa, sợ sẽ sanh tà kiến, hoặc biết họ nghe rồi sẽ mất bổn tâm, hủy hoại pháp chân chánh, hoặc biết họ nghe rồi, chắc chắn chẳng dùng để tuyên thuyết lại những việc này. Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, thấy chúng sanh xấu ác, hủy phạm giới cấm, tạo các tội thì Bồ-tát, phải tự biết giáo hóa họ làm lành, nếu vì tâm lý xấu xa, sân giận, mà từ bỏ, không giáo hóa, thì phạm tội Trọng cấu. Vì sao? Vì Bồ-tát đã không sanh lòng Từ bi, đối với người không giữ gìn thân_ miệng ý thanh tịnh, hoặc thấy người ác, hủy phạm giới cấm, gây tạo các tội thì càng sanh tâm Từ bi. Bồ-tát không hành như vậy cho nên phạm giới. Trường hợp không phạm là nếu vì cuồng loạn, hoặc để điều phục diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều hành, hoặc do quy định của Tăng chúng, để bảo vệ tâm ý của nhiều người. Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, đúng như giới (Ba-la-đề-mộc-xoa) mà đức Phật đã chế và kết tập thành luật (Tỳ-ni) để xử dụng đối với người chưa tin, muốn làm cho tin, tin rồi, thì làm cho tăng trưởng. Điều này thì giới của Thanh văn và Bồ-tát, đều giống nhau không khác. Vì sao? Vì hàng Thanh văn thường chỉ vì mình, mà còn muốn tu học, để làm cho người không tin được tin, tin rồi làm cho tăng trưởng;

Huống nữa là sự tu học của Bồ-tát, thường là vì mọi người sao lại chẳng làm như vậy. Đấy gọi là đồng không phạm.

Đúng như giới Phật đã chế, hàng Thanh văn, ít muốn, ít tạo tác, ít nhân duyên. Còn Bồ-tát thì không như thế. Vì sao? Vì hàng Thanh văn thường vì lợi mình, không vì lợi mọi người, nếu Bồ-tát làm như vậy, không gọi là Bồ-tát. Vì người khác cho nên từ sự thọ nhận y, cho đến sự mong cầu năng lực của trăm ngàn cư sĩ, Bà-la-môn không thân thuộc. Như y, bát cũng vậy. Vì người khác cho nên phải xin chỉ sợi, bảo thợ dệt làm cho cái y tốt, thọ nhận cả trăm ngàn vàng bạc, những điều như vậy, cùng với Thanh văn đều khác. Nếu Bồ-tát bổn nguyện vì chúng sanh, do tâm xấu, sân giận, mà ít làm, ít tạo nhân duyên, từ bỏ chúng sanh, chỉ sống một mình. thì phạm Trọng cấu; Nếu vì tâm biếng nhác, ít muốn, ít làm chỉ sống một mình, thì phạm tội Khinh cấu. Bồ-tát có năm điều phi pháp, gồm: Dua nịnh, hình tướng lộng lẫy, dùng lợi để mưu cầu lợi, tà mạng; năm việc này do không biết hổ thẹn, không biết kìm chế, không dừng nghỉ, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm: Nhận biết đó là phi pháp, thường mong muốn chế ngự.

Bồ-tát nào, tán loạn, lớn tiếng, nói giỡn, cười đùa làm mất oai nghi, khiến cho người khác cười, bị chúng xem thường, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu

do tập khí đời trước sơ xuất nên sai lầm, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Biết rõ đó là phi pháp thường muốn chế ngự, hoặc vì người ngoại đạo sân giận, muốn điều phục họ, hoặc với người bị khổ não, làm cho họ diệt trừ, hoặc muốn thu hút sự vui cười, hoặc có người đang tranh cãi, làm cho họ hoà hợp.

Bồ-tát nào, thấy và nói như vầy: "Bồ-tát không nên thích Niết bàn, phải quay lưng với Niết bàn, không nên sợ phiền não, không nên diệt phiền não. Vì sao? Vì Bồ-tát lui, tới trong sanh tử, trải qua ba A tăng kỳ kiếp. " Người nào nói như vậy, thì phạm tội Trọng cấu. Vì sao? Vì Bồ-tát thích ở Niết bàn, sợ phiền não, so với hàng Thanh văn, gấp ngàn vạn lần, không thể ví dụ. Vì sao? Vì hàng Thanh văn thường chỉ vì lợi mình, còn Bồ-tát luôn vì tất cả chúng sanh nên Bồ-tát dù ở nơi phiền não là để diệt trừ phiền não, được tự tại, đứng đầu bậc A-la-hán vô lậu. Nếu Bồ-tát phát sanh nghiệp ở thân miệng, thì phải tự giữ gìn, chớ làm cho người khác gây tạo tội lỗi; Nếu không giữ gìn mà khiến người khác tạo tội, thì phạm tội Trọng cấu. Còn nếu không tạo được ý để tự giữ gìn, vô tình tạo tội cho người khác, thì phạm tội khinh cấu. Trường hợp không phạm là đối với ngoại đạo, hoặc tùy theo xuất gia đúng như pháp mà làm, hoặc gặp người xấu ác nhiều giận hờn. Những điều như vậy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, thấy chúng sanh trước chịu sự đánh đập bằng roi làm đau đớn, để sau đó được lợi ích, mà mình còn bảo vệ, không trị tội họ, thì phạm tội Khinh cấu; Trường hợp không phạm là lợi ít khổ nhiều.

Bồ-tát nào, dùng nhục sự mạ đáp trả lại sự nhục mạ, dùng sự sân giận trả lại sự sân giận, dùng sự đánh đập đáp trả lại sự đánh đập, vì sự báo thù qua lại, như vậy thì phạm tội Trọng cấu.

Bồ-tát nào, cùng tranh cãi, cùng hiềm trách người khác với tâm xấu ác, giận dữ, tâm kiêu mạn, không như pháp hối cải, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm biếng nhác, buông lung, nhất thời không mong cầu hối cải thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm là vì sự điều phục để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều lành, hoặc ngoại đạo đó, cần làm việc phi pháp, hoặc người đó thích tranh đấu, khiến oán thù càng tăng thêm, hoặc biết người đó hoàn toàn không chịu sám hối, hoặc hướng người đó khởi tâm sám hối, thì người ấy càng khởi tâm kiêu mạn thêm, Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, cùng với người khác thù hận nhau, người ấy đã như pháp cầu xin sám hối, mà Bồ-tát, vì tâm ý xấu ác, không chịu tha thứ làm đau khổ người khác, nên phạm tội Trọng cấu. Nếu tâm không sân giận nhưng chẳng chịu nhận sự sám hối của người, khác thì phạm tội Khinh cấu. Trường

hợp không phạm, là do điều phục để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều lành, hoặc vì đó là phi pháp.

Bồ-tát nào, vì giận hờn, người khác, phải lãnh nhận sự sân giận ấy, không hề dừng nghĩ thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm là thường biết tự kiềm chế tâm sân giận đừng cho sanh khởi.

Bồ-tát nào, nhận giữ đồ của chúng tăng, nhưng đó chỉ là những vật cần cung cấp như thức ăn, áo, mặc, Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, khởi tâm biếng nhác, thích ăn phi thời, ưa thích ngủ nghỉ, hoặc ngồi hay nằm, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm là bị bệnh, hoặc bị cuồng loạn, không có thiện xảo, hoặc đi đường xa, hoặc biết chế ngự chúng.

Bồ-tát nào, dùng tâm tham chấp, bàn nói những thú vui ở thế gian, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu vì quên, lầm lẫn mà nói, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm là nếu có người hỏi với tâm chân chánh, thì nói ít, hoặc có bàn bạc thì nên nghe khác, hoặc bàn luận việc pháp. Bồ-tát nào, ưa thích ngồi thiền, biết có người thông suốt các pháp,

mà vì tâm sân giận, kiêu mạn, không chịu cầu xin, lãnh thọ pháp ở người đó, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu vì tâm biếng nhác không cầu lãnh thọ thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Vì bị bệnh, hoặc không phương đã có thiện xảo, đã hoặc biết người đó không thuận theo giáo pháp,

hoặc tự họ có thiện xảo, nghe nhiều thâu nhiếp vào tâm họ.

Bồ-tát nào, khởi tâm ham muốn ở cõi dục, không quán tưởng để đối trị mau chóng diệt trừ chúng thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm: Là luôn siêng năng diệt trừ tâm dục còn sanh khởi. Như ham muốn, diệt trừ cái thứ ngăn che khác, cũng như thế. Nếu Bồ-tát, ưa thích mùi vị thiền định, chấp giữ công đức thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm: Quyết trừ bỏ tâm chấp trước còn sanh khởi.

Bồ-tát nào, nghe và nói như vầy: "Bồ-tát không nên nghe, lãnh thọ, tụng đọc, học hỏi tạng pháp của Thanh văn". Hàng Bồ-tát sử dụng việc học mà nói như thế; thì phạm tội Trọng cấu. Vì sao? Vì Bồ-tát, đối với sách vở ngoại đạo, còn nên phải học, huống gì là lời đức Phật dạy. Trường hợp không phạm: Vì muốn điều phục hàng Thanh văn nhập vào đại thừa, nên gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, đối với tạng pháp, một mực quyết định bỏ đi, lại ham học, đọc, tụng kinh Thanh văn; thì phạm tội Trọng cấu.

Bồ-tát nào, đối với tạng Kinh của Phật, không siêng năng học tập, mà lại cần mẫn học sách thế tục ngoại đạo, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm: Nếu vì căn tánh lanh lợi, chỉ một lần nghe là có khả năng nhớ đúng như lời đức Phật

dạy, giữ lấy để trợ giúp cho sự giáo hóa, dùng ngôn từ khéo léo, làm sáng tỏ thêm pháp của Phật, cũng như nghĩa kinh của Phật, không bị lầm lẫn, thì gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, muốn học Kinh điển của ngoại đạo, cần phải học như trên, nếu ở trong đó mà sanh tâm ưa thích, chẳng phải chỉ uống thuốc khổ, mà còn phạm tội Trọng cấu. Bồ-tát nào, nếu nghe nghĩa chân thật sâu xa, bí mật, thứ nhất của tạng pháp Bồ-tát không thể nghĩ bàn, đó là cảnh giới của chư Phật, Bồ-tát, mà đối với nghĩa này, lại sanh tâm chê bai nói: "Nghĩa này không có lợi ích, chẳng phải lời Phật dạy, không thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. " Chê bai như vậy, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm là biết suy nghĩ về nghĩa thiền định, hoặc phương tiện thuyết giảng.

Bồ-tát nào, khi nghe nghĩa sâu xa, không sanh lòng tin, nhưng do tâm không dua nịnh, lại phát sanh lòng tin, thì cần phải suy nghĩ: Ta không nên như vậy; ta như người mù không có mắt trí tuệ, đã từ miệng Phật thuyết ra, tại sao ta lại huỷ báng, như vậy là Bồ-tát đã thực sự sân giận, si mê. Đấy, đúng là cảnh giới của Phật, chẳng phải là chỗ của ta, và nếu có khả năng như thế, ta đã như thế thực hành đúng như vậy, nếu ý không hiểu, thì không phỉ báng. Đấy gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, vì việc ăn uống, mà phải dùng tâm xấu ác, sân giận, khen mình chê người, thì phạm

tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm. Hoặc để chế ngự tâm kiêu mạn, làm tăng trưởng pháp Phật, hoặc vì người không tin phải làm cho tin, đã tin làm cho tăng trưởng.

Bồ-tát nào, biết có nơi thuyết giảng Tỳ-ni biết có pháp hội lớn, mà do tâm sân giận kiêu mạn, không đến nghe, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu vì tâm lười biếng mà không đến nghe, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Mình không nghe, hoặc không có người thuyết giảng, hoặc bị bệnh, hoặc không có lanh lợi khéo léo, hoặc biết người đó thuyết pháp không thuận theo nghĩa lý, hoặc biết người đó thuyết pháp đã bị nạn, hoặc biết người đó thuyết pháp nghe không có gì mới, hoặc được pháp tổng trì, tự có đa văn, hoặc siêng năng tu tập căn lành.

Bồ-tát nào, có người đến nhờ, vì sự duyên, cùng nhau nên làm kinh doanh, nghĩa là cùng nhau đi, lại doanh nghiệp để giúp đỡ các việc. Có được xí nghiệp rồi, phải giữ gìn tài sản, giả sử có sự tranh cãi về những việc gì đó, như là ăn uống, thì cần phải chú ý tu tập phước đức, một trong hai việc đó mà không làm, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm biếng nhác không làm, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Là bị bệnh, hoặc không có phương tiện khéo léo, hoặc tự mình có công việc, hoặc tự người đó cũng có khả năng làm, hoặc không nhờ giúp nữa, hoặc việc không có lợi ích,

hoặc để điều phục, diệt trừ điều xấu ác, tăng trưởng việc lành, hoặc người khác không nhờ, hoặc đã chỉ cho người khác làm siêng năng, tu tập căn lành, hoặc mình mê mờ, thấp kém nên sợ làm mất nghề nghiệp sau này; hoặc do quy định của Tăng chúng để bảo vệ tâm của nhiều người.

Bồ-tát nào, thấy chúng sanh bị bệnh mà vì tâm ý xấu ác, sân giận, không chịu chăm sóc nuôi dưỡng, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm lười biếng, không nuôi dưỡng, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Hoặc mình bị bệnh, hoặc không lanh lẹ khéo léo; hoặc đã nhờ người khác chăm sóc, hoặc biết chắc người bệnh đó có bà con thân thuộc, hoặc biết chắc người bệnh đó có khả năng tự làm được; hoặc bịnh đã quá lâu ngày; hoặc người có thể tự đứng, đi; hoặc muốn để họ siêng năng tu tập tăng trưởng căn lành, hoặc mình thật mờ tối, sợ có sai lầm với bạn bè, hoặc lầm lẫn bệnh. Như bệnh, thì khó khăn khổ não, cũng lại như thế. Tất cả điều đó gọi là không phạm.

Bồ-tát nào, thấy trước chúng sanh đó sẽ có điều thuận lợi thích hợp, tuy không có phương tiện, mà có thể phát sanh; nhưng Bồ-tát với tâm xấc ác, sân giận lại không chỉ bày cho họ, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu vì tâm biếng nhác không chỉ bày thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Là vì không có phương tiện, hoặc đã bảo người khác làm, hoặc kẻ đó đã bạn lành chỉ bày, hoặc vì điều

phục để diệt cái ác, tăng điều lành, hoặc có dùng phương tiện dạy bảo, họ càng sân giận chống lại, không có tâm cung kính, không chịu vâng theo mình.

Bồ-tát nào, thấy chúng sanh cúng dường vật dụng nếu nhận thì cần phải nhớ nghĩ đến ân của họ. Nếu vì tâm xấu ác, sân giận, mà không nhớ ân, nhớ trả ân thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm lười biếng không trả ân, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Vì mình không có năng lực, hoặc không có phương tiện, hoặc vì chế ngự để diệt ác làm lành, hoặc nhớ và báo ân thí chủ, nhưng họ không lãnh thọ.

Bồ-tát nào, thấy người thân quen qua đời, hoặc mất hết tài sản, có nhiều lo buồn sầu khổ; mà Bồ-tát vì tâm xấu ác, giận hờn, không đến an ủi họ, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm: Như trước trong phần thỉnh Bồ-tát đã nói.

Bồ-tát nào, có người đến cầu xin thức ăn, mà không cung cấp cho họ, thì phạm tội Trọng cấu. Trường hợp không phạm: Mình không có tài vật, hoặc mong cầu vật bất tịnh, hoặc để chế ngự diệt điều ác, tăng trưởng điều lành, hoặc vật bị vua ngăn cấm, hoặc để giữ gìn quy chế của Tăng chúng.

Bồ-tát nào, giáo hóa đệ tử phải đúng thời, nếu đệ tử bị thiếu thốn, thì phải dốc lòng tin tưởng người đó, khuyến khích cung cấp cho họ. Nếu Bồ-

tát vì tâm ý xấu xa, sân giận, không dạy bảo, không cung cấp, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu vì tâm lười biếng, không giáo hóa, cung cấp, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Vì để điều phục diệt trừ điều ác, tăng các điều lành hoặc để bảo vệ qui định của tăng chúng, hoặc bị bệnh, hoặc không có lanh lẹ khéo léo, hoặc đã nhờ người giáo hóa, hoặc đệ tử có phước đức, có thể tự nhận được sự cúng dường, hoặc đệ tử vốn là ngoại đạo, không có tâm tốt.

Bồ-tát nào, vì tâm ý xấu ác, sân giận, không bảo vệ tâm ý người khác, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm lười biếng, buông lung không giữ gìn được tâm ý người, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: vì việc đó phi pháp, hoặc bị bệnh, hoặc do quy định của Tăng chúng để bảo vệ tâm ý nhiều người, hoặc thuộc ngoại đạo, hoặc vì điều phục để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều lành.

Bồ-tát nào, thấy đức hạnh của người khác, mà không khen ngợi, do có tâm ý xấu ác, sân giận, che kín không thấy sự tốt đẹp của người; thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm lười biếng, buông lung mà không khen ngợi người, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Biết người đó không thích tiếng khen, hoặc bị bệnh, hoặc không có phương tiện thiện xảo, hoặc vì điều phục để diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều lành, hoặc để giữ gìn quy luật của Tăng chúng, hoặc biết người đó nghe

khen ngợi thì sẽ sanh tâm kiêu mạn, hoặc biết người đó không có phước đức chân thật, hoặc có nói nghĩa tương tự tốt đẹp, nhưng thật ra không tốt, hoặc là ngoại đạo, hoặc chưa có dịp để khen ngợi.

Bồ-tát nào, được nhiều người đảnh lễ, mà thấy việc làm của các thân thuộc, không đúng như pháp, thì phải quở trách, phải loại bỏ. Nếu Bồ-tát vì tâm xấu ác, giận dữ, mà không trừ bỏ, quở trách, để trị họ, thì phạm tội Trọng cấu. Nếu do tâm ý biếng nhác, buông lung, nên không dạy bảo quở trách, thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Biết người đó có tánh xấu, giận dữ mạnh mẻ, không chịu nghe theo lời dạy, quở trách; hoặc phải đợi đúng thời để giáo hóa quở trách, hoặc sợ có sự phá hoại tăng, hoặc biết người đó chân thật, vốn tu tập ít, sai phạm nhiều nhưng chịu sám hối. Bồ-tát nào, có thần thông biến hóa, thì phải vì chúng sanh, tùy thời mà thị hiện, hoặc dùng làm phương tiện để họ lo sợ, phát sanh lòng tin, họ đã sợ, nên tin sự bố thí; mà Bồ-tát không thị hiện biến hóa; thì phạm tội Khinh cấu. Trường hợp không phạm: Biết người đó rất thích pháp ác, tà kiến; hoặc là ngoại đạo, hoặc chê bai Hiền Thánh, hoặc chấp tà kiến; hoặc bị cuồng loạn, hoặc bị bệnh.

Bồ-tát nào, thành tựu đầy đủ giới tụ, vô lượng quả nhiệm mầu; do năng lực nhân duyên của giới tụ, nên đầy đủ Giới Ba-la-mật, người lãnh thọ, dù chưa đắc quả Bồ-đề Vô thượng nhưng được thành

tựu năm điều công đức:

Một là thường được chư Phật, Bồ-tát nhớ nghĩ và hộ trì. Hai là, việc thọ trì luôn được an lạc, thanh tịnh.

Ba là, lúc qua đời không có ân hận.

Bốn là, khi bỏ thân này, thì được sanh về thế giới của chư Phật.

Năm là, trang nghiêm quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Bồ-tát thọ trì giới Bồ-tát, thì không vì thân mình, chỉ vì lợi người và để trang nghiêm quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Giới Bồ-tát này, đều là sự thành tựu của chư Phật và Bồ-tát, nhiều như số cát sông Hằng, trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến mười phương chư Phật, Bồ-tát cũng lại như thế. Nhờ lòng Từ bi rộng lớn của Bồ-tát, mà những khổ não của chúng sanh, trong sáu nẻo, ba đường, tám nạn đều được lợi ích.

Công đức không thể kể
Phước Tuệ như hư không.
Tóm lược pháp căn bản
Vui đảnh lễ phụng hành.
Đều phát tâm Bồ đề.
Thành tựu phước, tuệ, mạng.
Nam, nữ, Từ bi lớn.
Hỷ, Xả sanh tiếp theo.
Tất cả thành Phật đạo.
Diệt sạch các Hữu, Vô

Mười phương cùng sở nguyện.
Tôn kính bậc vô thượng.

Người muốn làm Bồ-tát Ưu-bà-tắc, mà năm giới oai nghi buông lung, thì cần thọ giới lại. Nếu không có Thầy, nên tìm đến Thầy để thọ. Không có Thầy, thì người thọ, nên hướng đến trước tượng Phật, tự phát nguyện thọ. Bồ-tát Ưu-bà-tắc có oai nghi, cần phải làm lễ như sau: Mặc áo, bày vai phải, quỳ xuống, chấp tay và bạch: "Kính bạch chư Phật mười phương và vô số Bồ-tát hiện trú các đại địa; hôm nay, con tên là… hiện ở trước Phật, muốn lãnh thọ tất cả giới, học tất cả giới Bồ-tát, Ưu- bà-tắc năm giới oai nghi, thọ trì tất cả pháp lành giới Bồ-tát; vì giới làm lợi ích cho chúng sanh, là giới các Bồ-tát ở quá khứ đã học, các Bồ-tát vị lai sẽ học, chư Bồ-tát hiện tại đang học, con cũng sẽ học như vậy. Bạch đến lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy. Như thế là đã thọ giới xong, còn các việc khác, cũng phải tác bạch, như đã nói ở trước.

Ưu-bà-tắc muốn xa lìa tham dục, thì thực hành năm giới đầy đủ. Xa lìa bốn điều ác nơi thân, đó là sát sanh, trộm cắp, dâm dục, uống rượu; Lìa xa năm việc ác của miệng, đó là: nói dối, nói thô ác, nói hai lưỡi, nói nhảm nhí (vô ích), nói thêu diệt. Từ bỏ năm tà mạng, đó là mua bán thịt, mua bán rượu, mua bán chất độc, mua bán chúng sanh, mua bán binh khí. Xa lìa năm thứ trang điểm, đó la hương thơm, hoa đẹp, chuỗi ngọc, xoa ướp hương

dầu vào thân, tẩm ướp hương thơm vào y áo. Trừ bỏ năm việc buông lung, đó là ca hát, múa, sáng tác nhạc, trang sức bằng nhạc khí, không được đi xem nghe. Năm giới này, tùy theo năng lực mà gắng nhận. Nếu có khả năng, trọn đời giữ gìn đầy đủ năm giới làm đầu, nếu không có khả năng thì tùy theo sự giữ gìn nhiều, ít, năm hay tháng, ngày, đêm, cho đến một giây lát, cũng phải thọ trì cho được dù thời gian ngắn. Không chỉ giữ gìn như thế, mà còn phải nhớ nghĩ đầy đủ lời Đức Phật dạy cho bốn vị Đại Thanh văn và sáu vị Ứng Chơn (A La Hán), khi Ngài sắp nhập Niết Bàn là trong pháp chân thật, nếu hai chúng xuất gia, giữ gìn giới thanh tịnh; thì hai chúng tại gia, tùy theo năng lực nhiều ít mà sanh lòng gần gũi với bậc đã giữ gìn những giới ở trước. Hoặc xây dựng phòng nhà, giường nằm, y phục, ăn uống, đầy đủ những vật dụng cần trong đời sống; cúng dường chư Hiền Thánh và Tăng bốn phương; các ông đều cần thọ thỉnh, nếu không thỉnh mời thì phạm tội, nhờ sự quán xét này, nên Hiền Thánh không xa lìa chúng sanh, vì có cảm tức có ứng; hoặc muốn tạo công đức, trước nên ra sức thọ trì những giới trên, sau đó phải thành tâm thỉnh mời chư Hiền Thánh và Tăng chúng bốn phương, nếu không có khả năng cúng dường trọn đời, thì chỉ một ngày, một buổi cũng đều tốt cả. Hoặc giả không có khả năng, như vừa thiết lễ cúng dường liền phải dừng lại, chư

Hiền Thánh đều đã đến thọ nhận, thì phải đã bị phạm tức đúng như pháp mà sám hối. Tất cả Bồ-tát phạm tội Đột-cát-la, thì nên hướng đến các vị đại thừa, tiểu thừa có khả năng làm cho giải thoát, có khả năng thọ nhận sự sám hối, và đúng như pháp mà sám hối.

Bồ-tát nào, làm tăng trưởng phiền não, tức là phạm pháp xứ Ba-la-di, mất hết giới-luật-nghi phải thọ giới lại. Nếu phạm phiền não bậc trung, tức là phạm pháp xứ Ba-la-di, thì nên hướng đến ba người, hoặc hơn ba người quì gối, chấp tay thực hành sám hối Đột-cát-la về những tội đã phạm. Phải tác bạch: "Xin Đại đức thương tưởng, con tên… Xả bỏ giới luật Bồ-tát, xin nói lên việc làm đã phạm tội Đột-cát-la, như Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la xin được nói pháp sám hối. Nếu phạm phiền não bậc hạ tức là phạm pháp xứ Ba-la-di và phạm các tội khác; thì chỉ hướng đến một người, lạy ba lạy thưa: "Nguyện xin Thế tánh trong lục đạo khắp mười phương pháp giới, tội chướng của ba nghiệp cấu bẩn, mê hoặc chúng sanh, mau làm sụp đổ núi điên đảo, vượt qua bốn dòng khát ái, chứng đắc đạo bình đẳng, nhập vào cõi Vô vi, cung kính đảnh lễ bảy xứ, tám pháp hội của Phật Lô Xá Na, cùng các bậc Diệu Giác tận khắp cõi mười phương.

Nguyện xin Thế tánh trong sáu đường, khắp mười phương pháp giới, các cõi trầm luân, chúng sanh chìm mãi; mau phá tan rừng mê hoặc, diệt trừ

tà kiến; cung kính đảnh lễ bảy xứ, tám pháp hội của Phật Hoa Nghiêm Tạng, cùng cả biển Kinh Pháp tận khắp mười phương cõi.

Nguyện xin Thế tánh trong sáu đường khắp mười phương, những tiểu tâm, ương bướng, điên đảo, của chúng sanh, nhanh chóng đoạn tuyệt sự thiên lệch soi tỏ, để chứng trụ tưởng, vĩnh viễn nương tựa đại thừa cho đến tận đời vị lai; cung kính đảnh lễ bảy xứ, tám pháp hội của các chúng Phổ Hiền cùng chư Hiền Thánh Tăng tận khắp mười phương cõi.

Nếu khi muốn phát tâm xả bỏ, thì phải lập năm lời nguyện: Một là nguyện cho con sớm xả bỏ thân này. Thứ hai là nguyện cầu sư Tăng phụ mẫu không sầu não, để cho thân con nhánh chóng đến quả Bồ đề. Thứ ba nguyện cho con được đến hành đạo ở nơi thanh vắng; nếu có gặp hổ sói ác độc, thú dữ muốn đến ăn thịt con, thì con không còn sợ hãi, như vị Tỳ-kheo được an vui trong thiền thứ ba. Thứ tư, nếu con đến nơi thanh vắng, bị trời mưa gió nổi lên, hoặc gặp quỉ rồng ác độc, muốn đến hại con; nguyện cho tâm con luôn được an ổn, không bị lo sợ, như người vượt qua biển lớn, khi đến giữa dòng bị gió lớn thổi mạnh, nổi sóng dữ dội, làm cho người qua biển lo sợ. Gió lớn, nhưng khi qua đến bờ bên kia, tâm sẽ an vui lớn, nguyện cho con cũng được như vậy. Nhanh chóng chứng đạt quả Bồ đề Vô thượng ở bờ kia. Thứ năm, nguyện cho con khi

được đến nơi thanh vắng, nếu gặp phải bệnh, nguyện được Chư thiên đến chỗ con, dạy bảo chỉ đường khiến cho con tâm không hối hận. Con lại nghĩ thế này: "Trong thân của con, có bốn con rắn độc đang trú ẩn như bốn con rắn độc cùng trú trong một hang. Khi rắn muốn ra, mỗi con đều nói: "Tôi đi trước", nên cắn lộn lẫn nhau không ra được mà chết ngay trong hang. Như do sân giận tranh đua nên cả bốn đều bị chết. Hôm nay, trong thân con, có bốn loại rắn độc, nó sân giận tranh chấp ngay trong trong thân con, nên con tự nghĩ rằng: Khi bị bệnh, tức đã diệt trừ được, nên tâm Bồ đề phát khởi, khiến tâm an ổn, sáu thức không loạn động, tâm an lạc, thì bốn hạnh đầy đủ thanh tịnh, do đó an tâm thiền định, chế phục sáu tình. Đây là nguyện thứ năm. Phát năm nguyện này rồi, lễ lạy chư Phật bốn phương, đến mười lạy, suy nghĩ rồi thầm niệm: "Chư Phật Thế tôn! Thương tưởng, che chở cho chúng con, làm cho chúng con chứng đắc đạo Vô thượng, nhanh chóng đạt đến quả Bồ đề. Hôm nay, con tên là… xin sám hối và quay về nương tựa, Phật nương tựa Pháp và nương tựa Tăng, chư vị Thánh Hiền, Bích Chi, La Hán, Bồ-tát trong mười địa. Con từ vô số kiếp đến nay, lưu chuyển trong sanh tử, đã từng sanh ra trong trăm, ngàn, ức vô lượng kiếp, hoặc đọa trong sáu cõi, thọ sanh dị báo đã nhiều, hoặc đã làm ngạ quỉ súc sanh, chịu nhiều khổ sở, thường không được an vui. Là

tự ta tìm cầu tư duy tội lỗi để tự trói buộc mình, do đó không thấy được đạo Thánh, làm chướng ngại cảnh Niết bàn, đóng cửa giải thoát, bít lấp đường lành, không nghe chánh pháp, chìm sâu trong biển lớn, chịu tội khổ như vậy. Hôm nay, cúi đầu đảnh lễ cầu xin sám hối. " Đảnh lễ như vậy bảy lần. Khi cúi đầu sát đất, nên phát nguyện như vầy: "Cầu nguyện vứt bỏ vô lượng độc hại trong thân con, nhổ bỏ vô lượng độc hại, tà kiến, ngu muội, nhổ bỏ vô lượng trần cấu, mê hoặc, tà kiến, ngu si, tâm ý sẽ thanh tịnh, thành tựu được sáu niệm, làm cho con đến được nơi vắng lặng, tâm không còn lo sợ, nhanh chóng đạt đến Bồ đề, mở cửa Niết bàn, mở bình cam lồ, đóng bít cửa địa ngục, khép ba đường ác, nhổ sạch ba độc căn bản, ra khỏi ba vòng lưới mê, được ba niềm vui, chứng đắc ba quả chân thật, vượt thoát khổ nạn sanh tử, đạt được trí tuệ, lìa bỏ thân cuối cùng, nhanh chóng chứng đạt Bồ đề. " Phát nguyện như vậy rồi, đứng dậy, đảnh lễ chư Phật mười phương xong, chấp tay đứng thẳng tâm an vui nghĩ: Tội lỗi của ta vĩnh viễn trừ diệt, thọ nhận bốn loại pháp "Thằng sàng" (giường dây). Một là thỉnh Phật; hai là thỉnh Pháp sư; ba là cởi giày dép trịch áo vai phải sạch sẽ, quì gối chấp tay trước Phật, thỉnh Pháp sư và thưa như vầy: "Chư Phật mười phương và Tôn giả đại Ca Diếp, con nay trước chư Phật, xin thọ pháp A-lan-nhã (vắng lặng), Phật làm chứng minh, Sư làm chứng tri. Nếu

trong bốn mươi lăm ngày, con thực hành khổ hạnh, tâm chí không thoái lui. Nếu để sanh tâm lui sụt, tức con nói dối, lừa dối với chư thiên thì không đến bờ bên kia. " Đại đức đang chứng minh, thỉnh pháp Sư thì thưa: :Ngưỡng bạch, Trưởng lão nhất tâm niệm, hôm nay, trước Phật con đã phát thề nguyện "Thỉnh Đại đức làm chứng minh, các ngươi nếu tâm lui sụt là dối gạt người khác, thì tự mình đọa vào địa ngục, luôn luôn chịu khổ. Các ngươi đang hết lòng thực hành khổ hạnh A-lan-nhã, thì sẽ được trí Lan-nhã, nên thọ trì như vậy. " Nói như vậy ba lần.

Thọ pháp Tích trượng là: Quì gối trước Đại đức, bạch như vầy, ba lần: "Ngưỡng bạch Đại đức nhất tâm niệm: Hôm nay, con thỉnh Đại đức làm pháp sư. " Vị Đại đức dạy: Này các trưởng lão, một lòng lắng nghe: Hôm nay, các ngươi đã phát tâm Vô thượng, thọ trì pháp như dùng của pháp nên tay dơ không được cầm nắm. Vào phòng Tăng chúng, phải xả bỏ sự chiếm đoạt lầu nhà; không được gần gũi bãi đất, nếu vào nhà cư sĩ, nên tìm một nơi trước, sau hay ở giữa. Cần đến nhà cư sĩ hoặc trong khi ăn, nếu cần những điều gì, thì nên gọi ba lần, nếu gọi ba lần, mà người không đến, thì nên gọi đến năm lần, cho đến bảy lần, nếu bảy lần mà người không đến, thì đến nhà người khác, cho đến nhà thứ bảy; không được quá bảy nhà. Đối với điều này, lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa bạch như vậy.

Xả giới pháp. Xin Trưởng lão một lòng lắng nghe. Con là Tỳ-kheo, tên. . . người thọ Ưu-bà-tắc năm giới oai nghi. Do đâu mà sanh đầy ngày mà sau không chết, không bị đọa địa ngục trung gian. Ngưỡng bạch chư Phật mười phương và Tôn giả đại Ca Diếp, xin lắng nghe: Con tên là…chơn chánh phát nguyện như vầy. Bạch ba lần như vậy xong, giữ tâm ý nghiêm chỉnh, lại tác bạch: Ngưỡng bạch chư Phật khắp mười phương và chư Đại đức đạo hạnh thanh tịnh ở bốn phương, tất cả làm chứng biết cho con, con không lừa dối trong cõi Chư thiên, không đến bờ kia, hôm nay dâng pháp sàng (chỗ nằm), cũng như pháp Trượng (gậy) đều đầy đủ dùng để kết tòa. Tất cả hành nơi vắng lặng. Tỳ-kheo cũng đều kết làm tòa (chỗ ngồi). Tác bạch như vậy ba lần và lạy sáu lạy, nhất tâm, chấp tay, nghĩ tưởng: Tưởng nhớ đến Chư Phật khắp mười phương và Tôn giả đại Ca Diếp. Tỳ-kheo tên là…, Ưu-bà-tắc tên là…các niệm đều thành tựu. Hôm nay giải tòa, hướng đến nơi khác để kết lại tòa. Nếu khi muốn giữ Thằng sàng (giường dây), phải nên nghĩ về bốn việc: Một là, nghĩ về thân mình đều là vô thường, nên phải chịu khổ. Hai là thân khổ, thì nên tu tập để tự đạt đến trí không. Do đó, phải nên tu tập, trí ấy. Ba là, phải khởi tâm nhẫn, chớ sanh sân giận nóng nảy. Bốn là, phát sanh tâm hoan hỷ, nếu được vậy thì nhanh chóng đạt đến quả Bồ đề. Nghĩ như vậy rồi, hướng đến

phóng xả trâu bò, hổ, sói, xả bỏ những tiếng lớn nhỏ, tiếng mê hoặc, tiếng bức não, tất cả phải xa lìa, khi đã xả bỏ những tiếng này rồi, thì tâm bình an, suy nghĩ chơn chánh. Khi muốn xả bỏ các bụi trần, thì phải nghĩ về hai điều: Thứ nhất, làm cho thân ta được an ổn định tĩnh, không phát sanh mệt mỏi, thật nhanh chóng đạt đến quả Bồ- đề Vô thượng. Thứ hai, sẽ được vắng lặng định tĩnh, tâm ý không thác loạn, sáu thức an ổn, đạt đến định Diệt tận, ung dung xả chỗ nằm, đứng dậy lễ Phật mười lạy, chấp tay tưởng niệm về ba việc: Niệm Phật, niệm giới, niệm thiền định. Tưởng niệm như vậy rồi, liền hướng về giường dây, khoan thai an tọa, lại nghĩ về sáu việc: Một là, nhớ nghĩ chư Phật gia hộ, nhớ nghĩ về mình và nhớ nghĩ sự thành tựu. Thứ hai là nhớ tưởng đến giới thân thanh tịnh của mình. Giới là Ba-la-đề-mộc-xoa. Niệm gọi là không phạm. Từ phần tựa, đến phần kệ, suy nghĩ về bốn việc, để đạt đến mười ba điều, nhớ nghĩ đến mười ba sự thành tựu này và hai pháp Bất Định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, chín mươi bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, bảy pháp Diệt tránh. Từ đầu đến cuối, đều nên nhớ nghĩ đúng đắn. Thứ ba, là tưởng nhớ để báo ân đức của Thầy tổ, cha mẹ. Thứ tư là luôn nhớ, năm dục đều là vô thường, nó là rễ gốc của hoạn nạn, là đầu mối của mọi lưới mê lầm. Thứ năm, là nhớ nghĩ đến những khổ não ở địa ngục, nên siêng năng tu tập việc lành, để xa lìa khổ

nạn này. Ta đã xuất gia, cần nên thận trọng, vứt bỏ điều ác, để tu tập điều lành. Thứ sáu là nghĩ nhớ đến trí tuệ. Nếu ta có trí tuệ , thì phải nên giữ gìn, có trí tuệ đầy đủ, thì không việc gì không rõ, sẽ chứng được đạo Vô thượng. Khi sáu niệm đầy đủ, thì tâm yên ổn mà ngồi, nương vào pháp thiền quán. Này Ưu-bà-tắc, nếu muốn bỏ đi, phải nên nghĩ tưởng về ba việc. Thứ nhất, là nghĩ về khi ta đi, trên đất có nhiều sâu bọ, côn trùng, nếu khi vô tình ta giết, thì tội sao! Cầu nguyện chúng chết, sẽ sanh lên trời. Thứ hai, là luôn nhớ nghĩ chánh phải như pháp. Như pháp là tay cầm tích trượng, giữ trong thân, oai nghi nghiêm chỉnh bước đi khoan thai. Thứ ba là đi không quay lại nhìn phía sau, cũng không lắc đầu, vẩy tay. Như vậy gọi là thành tựu ba niệm, Ưu-bà-tắc đi lại như pháp. Khi ăn uống, cần nghiêm chỉnh hết lòng, nên thọ thực thanh tịnh, thọ thực xong, ngồi kiết già lại nghĩ về bốn điều. Thứ nhất là, nghĩ rằng trong thân ta có tám vạn loại sinh trùng, được chúng ăn tức là đều an ổn. Thứ hai, là nghĩ rằng, ta được ăn thì nên ăn ít, nếu ăn ít thì thân ta sẽ nhẹ nhàng. Do thân nhẹ nhàng mà các dục cũng ít đi, vì người ít ham muốn nên nhanh chóng đạt đến Bồ đề. Thứ ba là, Ta không vì cái đẹp mà ăn, chỉ do mạng sống để thành tựu những hạnh lành. Thành tựu là đạt đến trí Vô thượng. Khi ta ăn là vì bốn điều đó, ngạ quỉ khắp mười phương đều no đủ, đều phụng hành.

-oOo-

SỐ 1504
KINH BỒ-TÁT NGŨ PHÁP SÁM HỐI

Hán dịch: Mất tên người dịch,
phụ vào dịch phẩm đời Lương.

Chư Phật ở ba đời, khắp mười phương, năm mắt chiếu soi thế gian, biết rất rõ Ba điều lớn (Thể, Tướng, Dụng), thấu rõ tướng của tội phước. Đệ tử chúng con, tên… Từ vô số kiếp đến nay, không gặp thiện tri thức, tạo ra các tội lỗi, phá giới, phạm bốn giới trọng, sáu giới trọng và tám giới trọng, hủy báng Phật pháp, đoạn mất thiện căn, tạo đủ tội Nhất Xiển Đề. Hôm nay, may mắn được gặp Như Lai, Kinh Pháp và chúng Hiền Thánh, có thể làm tiêu trừ các tội lỗi. Đệ tử xin đầu thành đảnh lễ, nguyện cho các tội ác tiêu sạch, làm cho trí tuệ Vô thượng phát sanh. Sám hối Và xin đảnh lễ.

Chư Phật ở mười phương, lúc mới thành đạo, ngồi nơi cội cây quán niệm kinh hành, chưa chuyển pháp luân; đã vì chúng sanh, do vô minh già chết, suy yếu đáng thương cảm, mà các Ngài đã đem thuốc pháp, chữa trị các bệnh khổ, làm mưa pháp thấm nhuần, để cứu giúp chúng sanh khô gầy, được thấy đạo rõ ràng. Chư Phật hiện tại, ở mười phương, cũng đã có duyên cứu độ, nhưng vì chúng

sanh có nhiều lười biếng, nên đã dùng phương tiện hiện Niết bàn! Đệ tử thành tâm, cung thỉnh chư Phật trụ lâu ở thế gian. Tất cả Bồ-tát đã phát tâm Vô thượng, nguyện siêng năng tinh tấn ở vô số cõi chư Phật, xin thị hiện thành Chánh Biến Giác, lòng từ thương yêu cứu khắp chúng sanh, không ai bằng Phật. Vì thế, con chí tâm thỉnh cầu Phật, và cúi đầu đảnh lễ.

Trải qua bao đời, ôm lòng ganh ghét, ngã mạn, sân giận, si mê, khi thấy ngươi được lợi lộc, thì như tên bắn vào tim, nghe người được an lạc, như đinh chích vào mắt, ngồi trên các tội chướng, nên đọa vào ba đường ác, không gặp được chư Phật. Hôm nay, một lòng tỏ ngộ, phát tâm tùy hủy lớn. Chư Phật ba đời ở mười phương và các đệ tử của Ngài có vô lượng vô số, từ khởi phát một niệm cho đến thành đạo, quyết thực hành bốn việc lớn, Trì giới thanh tịnh, Thiền định, Trí tuệ và Giải thoát. Với vô lượng sự hiểu biết, đệ tử đều tùy hỷ, để tâm tuệ được sáng soi, diệt trừ mê mờ tối tăm, chướng ngại, mỗi niệm đều dốc lòng phát tâm tùy hỷ, làm cho công đức đầy khắp mười phương, trí tuệ như chư Phật. Phát tâm tùy hỷ rồi, con đem năm thể xin đảnh lễ.

Lưu chuyển trong sanh tử, từ sanh đến chết, từ giàu sang trở thành kẻ nghèo cùng, chưa đạt được Niết bàn, Pháp thân thanh tịnh, Trí tuệ, giải thoát, nhiệm mầu. Nên hôm nay, xin cầu lợi ích này, để

có thể có được phước nghiệp, tất cả hòa hợp, đem hồi hướng và bố thí cho chúng sanh để đều cùng thành đạo vô thượng, rộng lớn như hư không, vô tướng như trí chơn thật, rốt ráo tận pháp giới. Trí tuệ Kim cang không thường hiện trước mặt, thần thông vô ngại có cầu nguyện thì chắc có đáp ứng. Xin hồi hướng, và cúi đầu đảnh lễ.

Thành tâm phát nguyện lớn, thực hành đạo như lời nguyện, tâm tuệ như gió mạnh, định lực như kim cang, từ đây hồi hướng đến đời sau, trong mỗi niệm chuyển thành tâm Từ bi, xả bỏ tưởng ái nhiễm, vui vẻ cứu độ tất cả. Khi bỏ thân này, được Phật phóng hào quang, diệt trừ các chướng nạn, được hóa sanh ở cõi trời Đâu suất, diện kiến đức Phật Di Lặc, được đầy đủ các tướng, sáu căn hoàn hảo, nghe Phật thuyết pháp vi diệu, liền giác ngộ pháp Nhẫn vô sanh, trụ ở quả vị Bất thối chuyển, nương nhờ thần lực lớn, dạo khắp cõi nước mười phương, cúng dường hết thảy chư Phật, dùng vô lượng âm thanh vi diệu, tán thán công đức của Phật, lúc nào cũng hiện thân trong hai mươi lăm cõi, như mặt trời soi chiếu thế giới, ánh sáng rọi khắp mười phương, các nơi tối tăm đều được sáng lên. Tuy Phật đã thành đạo, đã chuyển pháp luân, thị hiện Niết bàn, nhưng với con, chúng sanh chưa thành Phật, thì quyết không xả bỏ lời nguyện như Bồ-tát Phổ Hiền và Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi. Phát nguyện rồi, con xin rửa sạch tâm mà đảnh lễ.

-oOo-